TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

20



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 20

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Chủ tịch
ĐINH GIA KHÁNH

Phó chủ tịch
NGUYỄN ĐỨC DIỆU - VŨ TÚ NAM

Ủy viên
NGUYỄN TÀI CẨN - NGUYỄN VĂN HOÀN

Thư ký
NGUYỄN CỪ

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

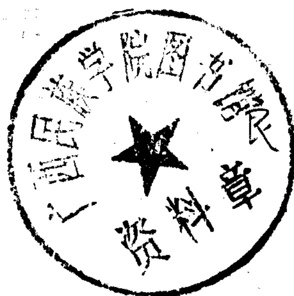
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

I333.11
5/20 CN

TẬP 20

Phần I - Chủ biên: LÊ TƯ LÀNH
Phần II - Chủ biên: NGUYỄN TRÁC



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

PHẦN I – TẬP 20

Chủ biên: **LÊ TƯ LÀNH**

Sưu tầm, biên soạn:

LÊ TƯ LÀNH – NGUYỄN VINH PHÚC

Với sự cộng tác của **ĐỖ KIM HỒI**

KHẢI LUẬN

Gần nửa thế kỷ trước đây, trong lời "Cung chiêu anh hồn Tản Đà" về trên dàn thơ mới, Hoài Thanh đã viết những dòng thiết tha và trân trọng:

"Trên hội Tao Đàn, chỉ tiên sinh là người của hai thế kỷ. Tiên sinh sẽ đại biểu cho một lớp người để chứng giám công việc lớp người kế tiếp (...) Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa..."[1]

Mấy câu văn đẹp như để khắc vào bia đá ấy thực xứng với Tản Đà. Song ngẫm cho kỹ, thì làm công việc dạo khúc mở đầu cho "một cuộc hòa nhạc tân kỳ" của cả một nền thi ca mới không phải và không thể chỉ riêng có một Tản Đà; đó phải là vinh quang chung của những thế hệ vất vả tìm cách khai lối mở đường, mà trong đó, Tản Đà chỉ là một trong những tên tuổi ngời sáng nhất.

Vì thế, cần thiết phải có sự nhìn nhận sâu xa hơn nữa về phía cội nguồn. Để có thể tìm hiểu, với không phải quá ít niềm thích thú, xem nền thơ ca quốc ngữ ngót năm sáu mươi năm trở lại đây đã được phôi thai dần dần như thế nào.

Nói cho đúng, thì trong vài ba thập kỷ nay, cũng đã có những công trình tìm kiếm, thu thập những thi phẩm dẫu chưa xa cách chúng ta bao lâu, nhưng không phải không có nguy cơ thất tán. Nhưng có lẽ phải chờ đến lần tập hợp trong bộ Tổng tập này, khi lần đầu tiên có sự hội ngộ tương đối đông đủ hơn những gương mặt đã làm nên thi ca của một thời mà cánh cửa thời gian khép mở hai thế kỷ, ta mới có ít nhiều cơ sở để thực tin rằng di sản thơ ca quốc ngữ ở giai đoạn trứng nước của nó vậy mà không đến nỗi quá mỏng manh. Không kể Tản Đà và Á Nam Trần Tuấn Khải gần đây mới lại trở về cùng đông đảo bạn đọc qua hai tuyển tập riêng dày dặn [2], việc tuyển thêm được vào bộ sách này trên nửa nghìn bài thơ quốc ngữ dài ngắn khác của hơn trăm tác giả khắp Bắc, Trung, Nam biết đâu chẳng có thể khiến cho không ít người phải ngỡ ngàng. Ấy là chưa nói rằng với việc tiếp tục phát hiện thêm nhiều

---

1. Hoài Thanh, Hoài Chân – *Thi nhân Việt Nam*. Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Huế, 1942.

2. *Tuyển tập Tản Đà*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1986. *Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1984.

di cảo mới như của Sương Nguyệt Anh, Sầm Phố... tại các gia đình, chúng ta còn có lý do để nghĩ rằng trong giai đoạn này có khả năng còn ẩn giấu những giá trị thi ca mà chúng ta chưa có điều kiện khai thác hết.

Vậy thì đây cũng mới chỉ là cố gắng thu lượm đầu tiên về những thập kỷ đầu của một nền thơ ca quốc ngữ; và nhân dịp này, trong những dòng viết dưới thử nêu lên những ghi nhận cũng là đầu tiên về chặng đường thơ khá phức tạp này.

*

Ta đều biết, thơ ca quốc ngữ ra đời trước tiên ở Nam Bộ. Ngay từ khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống để ngăn cấm con gái mình học chữ quốc ngữ và mươi mười lăm năm trước khi danh sĩ Bắc Hà Trần Tế Xương xót xa nói tới chuyện "quẳng bút lông đi" và cay độc giễu "Ă, ớ, u, ơ, ngọn bút chì" thì trên báo và trên sách của Sài Gòn – gọi là sách nhưng nhiều khi chỉ 8, 9 trang – đã xuất hiện những bài phú, tập thơ được in dưới một dạng chữ mới lạ hẳn so với chữ Hán và chữ Nôm: *Thơ dạy làm dâu* (1882); *Thơ mẹ dạy con* (1882), *Thanh suy bỉ thái phú* (1883), *Ngư tiều trường diệu* (1885), *Phú bần truyện diễn ca* (1885)... và một số thơ đăng tải trên tờ báo quốc ngữ đầu tiên: *Gia Định báo*.

Tuy nhiên, nếu so với bản thân chữ quốc ngữ, vốn vẫn được coi là đã căn bản định hình từ giữa thế kỷ XVII (nếu tính theo mốc ra đời của cuốn *Từ điển An Nam – Bồ và Latinh* của Alêcxăng Đơ Rốt, năm 1651) thì những thành tựu đầu tiên của thơ ca quốc ngữ phải xuất hiện sau tới ngót hai trăm rưỡi năm; và so với văn xuôi quốc ngữ (dĩ nhiên còn chịu ảnh hưởng nặng nề của văn chương biền ngẫu) thì thơ ca cũng chậm bước đến một, hai thập kỷ.

Điều đó xét ra là có nguyên nhân. Vì những người sử dụng chữ quốc ngữ đầu tiên, trước hết, đều là những người có làm việc với Pháp. Và đối với những người như thế, dùng chữ quốc ngữ để biên khảo hay dịch thuật dẫu thế nào thì cũng còn tương đối dễ dàng hơn. Chứ đến được với thi ca thì không mấy dịp. Thi ca đích thực đòi hỏi những phút trong sạch của tâm hồn, để nó có thể say sưa hướng về cái đẹp. Cho nên, có lẽ phải đợi một phần tư thế kỷ, khi sự mệt mỏi ê chề của chế độ thuộc địa đè nặng mãi trái tim đã đủ sức làm thức dậy nhất điểm thanh tâm, đủ làm le lói lên một thứ ánh sáng trong trẻo của khát vọng được sống dù trong chốc lát với một thế giới cao khiết, thanh sạch hơn cái thế giới trước mắt – phải đợi đến khi đó, đến 1885, một điệu hát ngư tiều, một giấc mộng ngư tiều mới có thể cồn lên trong tâm tưởng Trương Vĩnh Ký, người đã bước vào cuộc đời phục vụ chính quyền thực dân Pháp từ 1860.

Đời sao vắng chân nhân; đời sao không xử sĩ...
Ai đã thôi tể tướng, ai đã cất tiên sanh?
Chia tục lụa khăn ba triệu,
Ngăn trần miễn áo hai manh.

Sớm đãi hạc, tối doi le, thú ngư ông mặc thích,
Rày đường chim, mai dấu thỏ, nghiệp tiều lão ai tranh?
Ghi khoán thiết, chép thơ son, chớ nói ngàn năm sự nghiệp,
Chực cửa vàng, chầu bệ ngọc, nực cười hai chữ công danh.
Nơi thành thị có vinh âu có nhục,
Chốn lâm tuyền càng tục lại càng thanh.
Đất cấp của tự nhiên, xã xươi cá tươi gỏi tót,
Trời ban kho vô tận, ê hề gió mát trăng thanh.

Ngư tiều trường điệu.

Có thể thấy ngay khúc trường điệu kia sao nghe như phảng phất chút hồn phách tự thuở nào của *Tịch cư ninh thể phú*, mặc dù lịch lãm, học thức và hành trạng của Trương Vĩnh Ký sau mấy trăm năm đã khác đi nhiều lắm so với Nguyễn Hàng... Nghĩa là trong bước chập chững đầu tiên của nền thơ quốc ngữ, trong khi hình thức văn tự đã mới hẳn, thì tình điệu vẫn chưa thay đổi được bao nhiêu. Dứt nổi mình ra khỏi một dạng văn tự cũ còn lâu mới phải là dứt nổi mình ra khỏi một truyền thống thẩm mỹ tồn tại đã ngàn đời. Cho hay, chuyển biến tình cảm vẫn chậm chạp khó khăn hơn rất nhiều so với những chuyển biến thuộc về lý trí. Thế cho nên mới có hiện tượng một người như tác giả *Ngư tiều trường điệu*, bàn chân đã từng đặt lên nhiều mảnh đất châu Âu, đầu óc đã từng thông thạo tới 26 sinh ngữ, tử ngữ, trí tuệ đã từng được coi là người thông thái thứ 17 trên thế giới lúc bấy giờ [1]... vậy mà đến lúc bước vào thi ca, vào địa hạt mà con người phải phơi bày cái phần sâu kín và bền vững nhất trong mỹ cảm của mình, thì trang phục tâm hồn dường vẫn y nguyên như một nhà Nho nào của những trăm năm về trước.

Đấy là lý do làm cho những thành tựu thơ ca quốc ngữ cuối thế kỷ trước mới chỉ loáng thoáng như đôi ba chồi búp e ấp mọc trong tiết trời còn giá lạnh của thời gian chưa thật đến dương xuân.

Sang những năm đầu của thế kỷ XX, khi Nguyễn Khuyến (1835-1909), Chu Mạnh Trinh (1862-1905), Tú Xương (1870-1907)... còn ngự trị ở đàn thơ, khi sự học hành, thi cử chữ Nho, dẫu rằng đã có nhiều sự nhạt nhẽo, vẫn là con đường chủ yếu để đào tạo nên trí thức, thì người ta không dễ gì thoát khỏi quan niệm văn chương thơ phú là thứ chỉ thích hợp nhiều với chữ Hán và chữ Nôm. Làm thơ chữ Hán và chữ Nôm là việc không chỉ quen tay hơn, mà hình như còn được coi là sang hơn, và do đó, những đẽo gọt tinh xảo của nghề thơ còn ít được dành cho thi ca quốc ngữ, là thứ thơ, vào thời điểm bấy giờ, dễ không mấy ai đã chịu liệt vào hàng hảo diệu.

Có lẽ bởi thế chăng, mà phần nhiều thơ quốc ngữ được xuất bản trong những năm này thường hiện ra như một thứ văn chương bình dân,

---

1. Theo Trần Văn Giáp... *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập II, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 77.

với cốt cách nôm na, quê kiểng. Chẳng hạn như các tập *Nhàn trung tạp vịnh* (1907) của Thiên Đào, hay *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* (1909) của Nguyễn Liêng Phong. Con mắt người đọc thơ ngày nay chắc hẳn sẽ không khó khăn gì trong việc lấy ra ở đây những câu vụng về, non nớt, kiểu như:

... Đến Mùi, chánh bắc một khi,
Tuy là thổi nặng, cũng chưa hề gì.
Giờ Thân, đông bắc thậm nguy,
Ai ơi, mất vía vậy thì kinh hoai...

Cơn bão năm Giáp Thìn – Nhàn trung tạp vịnh.

hay là:

Tập quen rồi đến đời nay,
Huân, Lân khởi nghĩa, người say tấm lòng.
Cả thảy nghe theo rùng rùng,
Dẫu ra khổ não khốn cùng cũng ưng.
Bất hàng cam đoạn tướng quân,
Ông Huân thủ bút khi vưng chịu hình.

Mỹ Tho – Nam Kỳ phong tục
nhơn vật diễn ca.

Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây lại không ở chỗ nhận xét rằng, về mặt nghệ thuật, những vần thơ quốc ngữ đầu tiên đã không hơn gì – nếu không phải là còn thua kém – *Hà thành chính khí ca* hoặc *Vè thất thủ Kinh đô*, rằng nó đã không vượt qua được cái vụng dại của một thuở ban đầu mà nó không thể tránh. Mà ngược lại, những chứng tích của cái thời vụng dại ấy, chính nó lại khiến cho con người trưởng thành ngày nay có thể mỉm cười, cái mỉm cười mà người ta vẫn có khi nhìn lại tuổi thơ ngây. Kể không có dịp đọc lại những Thiên Đào, Nguyễn Liêng Phong, Đỗ Thanh Phong... thì cũng mất đi cái thích thú được biết nền thơ quốc ngữ đã lẫm chẫm những bước đầu tiên như thế nào trên con đường dài dẫn tới sự trưởng thành khôn lớn.

Nhưng đó chưa phải là tất cả giá trị của những tác phẩm thơ có dáng bề ngoài thô mộc nọ. Còn phải thấy rằng, trong khi nhường sự tinh tế, hào hoa cho thơ chữ Nôm, chữ Hán, thì *Nhàn trung tạp vịnh* chẳng hạn, lại khẳng định một bước tiến trong việc quan tâm diễn tả những sinh hoạt, những sự biến và những buồn lo của đời thường, với giọng kể chất phác, thật thà, với những chi tiết thật chân xác và tỉ mỉ mà những dòng thơ trau chuốt và ước lệ của thơ chữ Hán, chữ Nôm rất dễ bỏ qua đi. Ví như, không có Thiên Đào, làm sao ta có thể biết được tai họa của một trận bão vốn rất hiếm khi xảy ra ở Nam Bộ, hay hình dung ra một nạn châu chấu tiếp theo đó, qua một sự mô tả cặn kẽ đến thế này:

Cào cào ít kẻ biết đâu,
Bắc Chiêm bay xuống quá đông dầy đầy.
Bề dài sáu ngàn thước tây,
Bề ngan (ngang) chậm thẩm (thăm thẳm) ước dư ba ngàn.
Đương nắng nó lại bay ngan (ngang),
Dày ba mươi lớp chứa chang (chan) mịt trời.
Khi bay mười hai giờ trưa,
Đến năm giờ tối mà chưa hết bầy...
... Ai ơi, thời cũng thảm sầu,
Nó xuống Rạch Lá ở hầu nữa (nửa) trăng.
Đêm ngày ở đó nó ăn,
Lúa đà sạch bách chẳng còn một bông...

Và cũng không thể không cảm động khi nghĩ đến Nguyễn Liêng Phong, giữa khi đốm lửa của khởi nghĩa Yên Thế chưa tàn và tiếng súng bình định của thực dân còn chưa tắt hẳn, ông đã dám đưa ra giữa đám sách xuất bản công khai những khúc truyền kỳ ngợi ca tấm gương của nhiều anh hùng chống quân cướp nước:

Tiếng xưa Đám – Lá – Tối – Trời,
Có ông Trương Định trải phơi gan vàng...

Như thế, là một tâm sự yêu nước, một tiếng nói cất lên từ hơi thở của nhận dân và một cách biểu hiện không tự câu thúc nhiều lắm vào những ước lệ và điển phạm... tất cả những cái đó ít nhiều đã manh nha cùng với sự manh nha của một nền thơ quốc ngữ.

*

Song, một bước chuyển mạnh hơn của nền thơ quốc ngữ buổi ban đầu ấy phải tới khoảng thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX mới thực sự diễn ra. Có thể nói bước chuyển này đã được thôi thúc bởi hợp lực đồng phương của hai ý đồ trái ngược. Một phía là bọn thực dân, mà mưu đồ dùng chữ quốc ngữ như một công cụ xâm lược tinh thần – văn hóa cứ lớn mãi lên theo những kế hoạch khai thác và cai trị. Cuối thế kỷ trước, những bài thi quốc ngữ, gồm cả những bước oran (vấn đáp) đầy lạ lẫm, còn được đưa vào để mai phục trong các kỳ thi chữ Hán (bắt đầu từ khoa Đinh Dậu 1897), giờ đây đã nhanh chóng thanh toán rất gọn gàng một đường lối thi cử phong kiến tồn tại đã gần trọn ngàn năm. Năm 1918, khoa thi chữ Nho cuối cùng ở Trung Kỳ bị bãi bỏ [1], và đến lúc ấy, việc học chữ quốc ngữ, chữ Tây sẽ không còn bị coi là quái gở như dưới con mắt của Tú Xương thuở sinh thời. Để rồi, chỉ qua một thời gian ngắn nữa, đến đầu những năm 30, như bài thơ nổi tiếng của Vũ Đình Liên cho thấy, hình ảnh những ông đồ trong lòng người chỉ còn là một quá vãng, một niềm

1. Sự bãi bỏ chế độ khoa cử cũ ở các miền khác diễn ra sớm hơn: năm 1861 ở Nam Kỳ, và 1915 ở Bắc Kỳ.

nhớ tiếc rất xa xăm. Thay vào đó, sách vở và báo chương quốc ngữ chào đời ngày một nhiều hơn, ngày càng có uy vọng lớn hơn. Những *Lục tỉnh tân văn* (ra đời năm 1909) ở trong Nam, *Đông Dương tạp chí* (ra đời năm 1913), và nhất là *Nam phong tạp chí* (ra đời năm 1917) ở ngoài Bắc thực sự đã mở ra những miền đất hứa khá hấp dẫn cho những ai muốn được đua tài trên trường văn trận bút [1]. Người ta cũng bắt đầu quen với việc sáng tác được in ấn, phát hành; văn chương được coi như hàng hóa, và viết văn quốc ngữ cũng có thể là một phương kế mưu sinh. Trong lời đề *Khối tình con thứ nhất* ra đời giữa khoảng thời gian này (1916), Tản Đà lần thứ nhất công nhiên nói tới việc hẹn bán thơ ca nơi phường phố:

Còn non, còn nước, còn trăng gió,
Còn có thơ ca bán phố phường.

Đề Khối tình con I.

Nhưng sức sống tốt tươi của chữ quốc ngữ nói chung, của thi ca quốc ngữ nói riêng không chỉ được và cơ bản là không phải được vun đắp bởi ý đồ của những kẻ ngoại xâm. Nếu thực dân có đặt vấn đề phổ biến chữ quốc ngữ thì mục đích mà chúng muốn hướng tới cũng không phải để làm văn hóa, hay văn học. Không hề coi chữ quốc ngữ là một thứ chữ văn hóa, đó là lập trường chung của những kẻ vẫn được coi là thông thái trong hàng ngũ thực dân lúc bấy giờ – Ruam, Lăngđơ, Đighê chẳng hạn. Với thơ thì lại càng đúng như thế. Chẳng phải tình cờ mà những lời lẽ xấc xược nhất đối với thi ca và thi sĩ thời ấy lại được nói ra từ miệng những người mà ai cũng biết là trung thành nhất với thực dân, như Nguyễn Bá Trác, Phạm Quỳnh. Đến độ, ngay từ khi hai "nhà thông thái" này đều còn sống, Mọc Khuê đã từng không nén nổi bất bình mà phải nghiêm khắc hạ một lời trách cứ: "Cụ Nguyễn và ông Phạm *thật đắc tội* mà võ đoán thơ ca, miệt thị thi sĩ" [2].

Thế cho nên phải tìm kiếm lời giải thích về lẽ phát triển của chữ quốc ngữ và thơ quốc ngữ chủ yếu từ phía chúng ta. Thứ văn hóa mới ấy – chúng tôi muốn nói đến văn hóa quốc ngữ – có thể sống và lớn lên chủ yếu là bởi vì nó đã được những con người mới của thời đại bấy giờ chấp nhận. Đấy là những bậc chí sĩ, những nhà trí thức mà các tầng lớp tư sản, tiểu tư sản vốn đã được hình thành dần vào những năm giao thừa của hai thế kỷ XIX–XX phải nhờ vào họ để "chầm chậm tới mình", để dần nhận ra ý thức về mình và tư tưởng văn hóa của mình. Kế thừa trọn vẹn tình cảm yêu nước cháy bỏng của thế hệ cha anh, những con người ấy cũng nhức nhối thường xuyên một mối hờn vong quốc: "Hòn máu nóng chất quanh đầy ruột". Song, yêu nước, với họ đã thôi không còn là sự kiên quyết thu khép mình trước mọi cái bên ngoài.

1. Những báo chí đăng tải nhiều thơ quốc ngữ trong những năm này còn phải kể: *Đăng cổ tùng báo* (ra đời năm 1907) và *Trung Bắc tân văn* (ra đời năm 1915).

2. Mọc Khuê – *Ba mươi năm văn học*. Nhà xuất bản Tân Việt, Hà Nội, 1942, tr. 25–26. Ba chữ in nghiêng do chúng tôi nhấn mạnh.

Tầm nhìn mới xuất phát từ một ý thức giai cấp mới cho phép họ nhìn ra "dọc ngang trời đất rực vẻ văn minh" để mà biết "tức tối nước nhà cam đường hủ bại". Hiểu rằng hiền thánh cũ đã không còn chỗ nữa rồi trong vận hội của đất nước hôm nay, họ khát khao vươn đến những chân trời "muôn trùng sóng bạc", thiết tha đổi mới, "duy tân" và trong quá trình vất vả tìm lối dẫn đến văn minh, dẫn đến chấn hưng, dẫn đến tự cường, họ sáng suốt nhận ra từ chữ quốc ngữ, thứ chữ bội phần dễ học so với chữ Hán và chữ Nôm, một phương tiện hữu ích vô cùng để mở mang dân trí. Và thế là, học chữ quốc ngữ để dùng chữ quốc ngữ đã trở thành đường đầu tiên trong "sáu đường" của một cương lĩnh văn hóa duy tân: "Nay đã ngưởng đầu trông lên, cúi đầu nhìn xuống, trầm ngâm suy nghĩ cho cùng, để tìm kế mở mang dân trí giữa nghìn muôn khó khăn, thấy chỉ có sáu đường: dùng văn tự nước nhà, hiệu chính sách vở, sửa đổi phép thi, cổ võ nhân tài, chấn hưng công nghệ, mở tòa báo". (*Văn minh tân học sách* – Đông Kinh nghĩa thục).

Rồi sự cổ súy cho chữ quốc ngữ – từ nay đã nghiễm nhiên trở thành "văn tự nước nhà" – sẽ còn vang lên trong phong trào Minh tân ở miền Nam, Duy tân ở miền Trung, và còn réo rắt hơn nữa từ giữa lòng Hà Nội, trong thơ Đông Kinh nghĩa thục:

Trước hết phải học ngay quốc ngữ,
Khỏi đôi đường tiếng, chữ khác nhau.
Chữ ta ta đã thuộc làu,
Nói ra lên tiếng, viết câu nên bài...

Chính là nhờ những con người mà trí óc sáng suốt mới mẻ vẫn hoàn toàn hòa hợp với tinh thần dân tộc và trái tim yêu nước sắt son, mà chữ quốc ngữ đã thực sự trở thành "hồn trong nước" và do đó "việc bãi bỏ chữ Nho và... thay thế dần dần bằng chữ quốc ngữ" đã không trở thành "một phương thức rất chính trị, rất thực tế và rất hữu hiệu để lập nên... một nước Pháp nhỏ ở Viễn Đông" như "ngài" cổ đạo thực dân Puyginiê hằng mong đợi.

Và cũng vì thế, nên chúng ta sẽ không lạ gì khi thấy lứa thi sĩ của những năm 1910 sẽ vượt qua cái điểm mà các tiền nhân cuối thế kỷ trước đây dừng lại. Cuộc chuyển tiếp thú vị ấy giữa hai thế hệ cha – con có thể quan sát thấy qua thơ quốc ngữ của người sương phụ Nguyệt Anh, con gái của ngôi sao thơ sáng nhất xứ Đồng Nai: Đồ Chiểu.

Rất dễ nhận ra trong những câu thơ của người con như:

Tấc đất ngọn rau tràn dưới mắt,
Đai cơm bầu rượu chật ven đàng,

Nhân vua Thành Thái vào Nam.

hay:

Phong cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung.

Quê người tạm gởi nhành dương liễu,
Đường hoạn xin tròn phận kiếm cung.
Tiễn ông Trần Khải Sơ đi Sa Đéc.

Có tiếng đồng vọng của những lời văn tế, lời thơ của người cha thời trước. Nhưng năm tháng đã qua đi, nơi chân trời đã lóe rạng buổi lê minh của một thời đại mới, và vì thế, Sương Nguyệt Anh và thế hệ của bà không thể giữ phận làm người nép mãi vào cái bóng của đấng sinh thành, cho dù đó là cái bóng của một người cha vĩ đại. Sương Nguyệt Anh đã không chỉ dám làm thơ bằng một thứ chữ mà Nguyễn Đình Chiểu xưa kia ghét bỏ. Bà còn dám đứng ra làm chủ bút của một tờ báo quốc ngữ hẳn hoi, tờ *Nữ giới chung*, và đã có ý kiến cho rằng, nếu truy nguyên cho kỹ, thì những bài có tính cách thơ mới đầu tiên đã ra mắt – trong dáng vẻ đang còn e lệ – chính trên tờ *Nữ giới chung* này [1].

Nhưng điều quan trọng là ngay cả với Sương Nguyệt Anh, thứ văn tự mới ấy cũng không phải được đem dùng để nói về những nội dung hoàn toàn giống cũ. Người con gái chắc chắn là hiếu hạnh ấy – ở nhà, bà vẫn được gọi là cô Năm Hạnh – thực tế đã đụng chạm, rụt rè và có thể nói còn trong khuôn khổ của sự lễ phép, nhưng vẫn là đụng chạm tới những gì cụ Đồ Chiểu vẫn tôn thờ. Ví như thoáng xa xót mà mỉa mai kín đáo này của nữ sĩ, khi bà đặt một sự đối lập giữa "thánh đế" với "thần dân":

Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa,
Xót dạ thần dân, chốn lửa than.
Nước mắt cơ cùng trời đất biết,
Biển dâu một cuộc thấy mà thương.
Nhân vua Thành Thái vào Nam.

Có lẽ, với một người từng đinh ninh trong dạ: "tấc đất ngọn rau ân chúa", "sống thờ vua, thác cũng thờ vua" như Nguyễn Đình Chiểu thì những câu trên có vẻ đã là của một "nghịch nữ" mất rồi.

Ngọc Lầu, một nữ thi sĩ đồng thời với Sương Nguyệt Anh lại có sự "phá phách" trên một phương diện khác. Có nhớ rằng truyền thống thẩm mỹ phong kiến vốn rất ngại nói đến cái "tôi", và mới đây thôi, trong cuốn truyện thơ nổi tiếng nhất miền Nam Bộ này, nàng Nguyệt Nga còn bị ngăn không cho ra đứng trước người con trai cứu mình để tạ ơn, vì "nam nữ thụ thụ bất thân", ta mới đánh giá hết sự dám sống, dám bất chấp của một người con gái, không sợ phải làm thơ để nói mình đang héo hắt đi trong khi một mình đứng đợi người yêu đến tận đêm khuya bên cầu vắng:

Người biết thì rằng ta thảm thiết,
Kẻ không lại nói đứa bơ thờ.

1. Theo: Trần Văn Giàu – Trần Bạch Đằng – Nguyễn Công Bình... *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Tập II, 1988, tr. 244.

Ngư Khê, Phụng Lãm hay chăng nhẽ?
Cầu sắt, Ngọc Lầu đứng ngẩn ngơ.

Nỗi lòng.

Lối xưng tên thế này, trong ngót ngàn năm thơ ca cổ điển, chỉ mới thấy có một lần trong *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương. Dĩ nhiên không thể đặt vấn đề so sánh văn tài giữa Ngọc Lầu và bậc kỳ nữ họ Hồ ấy, nhưng về sự bạo dạn, sự dám là mình, thì người con gái thời sau có lẽ đã không chịu kém thua người trước, nếu không phải có phần hơn.

Đấy là còn chưa nói đến nhân vật Cúc Hương trong truyện thơ *U tình lục* của Hồ Văn Trung (người sau này sẽ quen biết với độc giả hơn dưới tên Hồ Biểu Chánh). So với những Nguyệt Nga và Thúy Kiều, Ngọc Hoa và Cúc Hoa trong các truyện thơ thời trước, Cúc Hương vượt lên trên tất cả những người chị ấy ở thái độ táo bạo trước lễ giáo phong kiến hà khắc, nghiêm cẩn; và chính là căn cứ vào đó mà có người đã coi *U tình lục* là tác phẩm đánh dấu cái giai đoạn quá độ, cái khúc đường mà văn học Việt Nam đã đặt chân qua để đi từ các truyện Nôm cổ sang các tiểu thuyết có dáng dấp hiện đại ngày nay.

Song còn một điều có ý nghĩa hơn khi nghĩ về *U tình lục*. Đó là cái hoài bão của Hồ Văn Trung muốn xây dựng một tác phẩm để chứng tỏ văn chương Việt Nam không thua sút so với văn chương Trung Quốc: "Việt Nam hiếm kẻ chi nhường Trung Hoa". Và hoài bão ấy đã được ông quyết định thực hiện trong một văn phẩm không phải bằng chữ Hán, hay chữ Nôm, mà bằng quốc ngữ, và theo thể loại thơ – Hồ Văn Trung coi *U tình lục* là một bài thơ (poème), một bài thơ trường thiên chứ không phải truyện. Dù cho sáng tác đầu tay ấy chứng tỏ phần đặt lời thơ của Hồ Văn Trung ngay từ đầu đã không theo kịp tài dựng cốt truyện của một Hồ Biểu Chánh tương lai, song so với *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* được viết ra không mấy sớm hơn, vẫn có thể nhận ra ở đây một bàn tay nghệ thuật đã không còn ở mức nghiệp dư xoàng xĩnh. Và trên hết, bản thân cái tham vọng mà Hồ Văn Trung thấy đã tới lúc được nói ra đã chứng tỏ hùng hồn rằng thơ quốc ngữ tự biết mình đang sức lớn, đang dư sức sống, dư sức trưởng thành. Nó sinh sau, nhưng không muốn chịu phận đàn em bên dưới các chiếu thơ chữ Nôm, chữ Hán.

Biểu hiện hết sức quan trọng của sự trưởng thành ấy là sự xuất hiện thơ ca quốc ngữ trên đất Bắc, nơi mà ngay các học giả miền Nam cũng cho rằng có một "sinh thổ", một địa tầng văn hóa dày hơn. Hẳn là vì vậy mà thơ quốc ngữ, khi vừa bén duyên văn tự Bắc Hà thì đã lập tức hiện lên trong dáng vẻ trau chuốt, thanh tao, với những vần thơ ngay từ đầu đã sớm lộ anh hoa của một Tản Đà hay một Trần Tuấn Khải. Nhưng chúng ta sẽ chưa vội nói về hai đài kỷ niệm đầu tiên này của nền thơ quốc ngữ. Hãy nhận xét rằng, trong cái thuở ban đầu dễ vụng gượng dại khờ ấy, không chỉ riêng có Tản Đà với Á Nam mới viết nổi những dòng thơ chảy trôi, mềm mại, nhẹ nhàng. Xin thử nghe âm điệu trữ tình trong bài thơ thuộc loại được đăng sớm nhất trên *Đông*

Dương tạp chí:

Tai mắt cũng vui đình đám hội
Mày râu riêng thẹn nước non nhà.
Ai ơi, giấc ngủ sao mê quá!
Mưa gió năm châu rộn tiếng gà.

Tình Si tử – Hủ nho tự trào.

Rồi chỉ qua vài năm sau, đến gần kề ngưỡng cửa bước vào thập kỷ hai mươi, nhiều bài thơ quốc ngữ của Vũ Đình Khôi, Châu Nguyên và nhất là Vũ Tích Cống, đã tới trình độ nghệ thuật đủ điêu luyện, để nhiều người sau này lầm tưởng là tác phẩm của Tú Xương. Với những bài như *Dạ hoài* của Vũ Tích Cống được dẫn dưới đây, có thể nói thế hệ những người làm thơ quốc ngữ thuộc lớp chưa thật tiếng tăm của thời này ít nhiều bắt kịp sự nhuần nhị, thanh thoát vẫn là ưu thế của nhiều bài thơ Nôm danh tiếng:

Kìa cái đêm qua mới gọi đêm,
Mắt giương trong bóng ngủ không thèm.
Tình này ai tỏ cho ta nhỉ
Tâm sự năm canh một bóng đèn.

Nhưng cũng có thể dễ dàng nhận thấy ngay từ *Hủ nho tự trào*, thơ quốc ngữ Bắc Hà, tự thuở mới thoát thai, đã không chịu giam mình trong khuôn khổ cũ của thơ Nôm, đã không chịu chỉ đóng vai trò phụ họa, phiên sao tình điệu thơ Nôm sang một dạng văn tự mới. Ở đây, rõ ràng đã có sự trăn trở để đổi khác, để vươn lên. Nhớ lại, mới dăm bảy năm trước đấy, những Yên Đổ, Vị Xuyên của thơ Nôm còn chưa hết ngậm ngùi than cho một đạo học đang chạng vạng trong cảnh chợ chiều, qua những câu thơ cố giấu rất nhiều thở dài và tiếc nuối. Bây giờ cũng là cảnh đó, nhưng Tình Si tử – nếu "kẻ si tình" này đúng là Phan Kế Bính (1875 – 1921), thì ông cử đó chỉ kém ông tú Vị Xuyên 5 tuổi – lại nhìn bằng con mắt của người đã quyết vui vẻ giã từ quá khứ, để đến với một nền văn học và thi ca không còn liên quan đến ngọn bút lông. Thế là, buổi hoàng hôn của Nho học và chữ Nho đang từ "bi kịch" đã rất nhanh trở thành "hài kịch". Cái đáng chế giễu bây giờ không phải là "á, ớ, u, ơ" nữa, mà lại chuyển sang "giả, dã, chi, hồ":

Ngâm câu giả, dã dùi rung rẩy
Ngó chữ a, b, mắt quáng lòa...
... Múa mép rõ ra văn chú chiệc,
Dài lưng quen những thói con nhà...

Về nội dung trữ tình cũng thế. Sau này, tác giả *Giọt lệ thu*, khi nhìn lại những sáng tác của mình viết trước thập kỷ hai mươi, có cho rằng nó "thực quá" và "cổ quá". Nhưng hãy đọc lại những bài thơ tình yêu trong *Mưa gió sông Tương*. Những bài thơ "thực quá", điều ấy thì rõ ràng rồi, vì đó chính là đời riêng tác giả. Nhưng cũng chính vì vậy, mà đặt trong bối cảnh thi ca bấy giờ, liệu chúng có đến nỗi "cổ quá" không? Kể cứ tuân theo truyền thống thẩm

mỹ "phi ngã", kiêng nói đến cái tôi của thi ca phong kiến, thì khó có chuyện cô gái hai mươi tuổi ấy dám làm tới hàng chục bài thơ để diễn tả mối tình của cá nhân mình, từ nỗi nhớ mênh mông, niềm ước ao được "hóa kiếp chim" để bay tìm anh nơi "trời Tây muôn dặm" cho chí một chút ghen hờn vô cớ với vầng trăng mà anh vẫn hằng yêu... Và từ đó, không ít câu thơ đã như được cắt ra từ chính tấm lòng đang run lên trong mong nhớ, hầu như không pha ước lệ:

Xuân lạnh, anh ơi, em nhớ anh,
Đường xa bao nả, bấy nhiêu tình...

Xuân lạnh.

Một cách diễn đạt đã bắt đầu có nét khác với truyền thống như thế, vào những năm này, ta có thể bắt gặp không chỉ riêng trong thơ của một Đỗ Thị Đàm. Bài *Đêm xuân nghe mưa* của Châu Nguyên chẳng hạn, có khổ thơ mà giá cứ bỏ năm sáng tác đi, không khéo sẽ có người lầm cho là thơ của chục năm sau nữa:

Góc bể chân trời, mỗi một nơi,
Ấy ai nhớ khách, khách mong ai?
Hoa ơi, khách mượn hoa đôi cánh,
Chắp cánh mà bay đến cạnh người.

Song vào những năm này mà đã có tác phẩm từng được công nhận là "tuyệt tác" thì ngoài Tản Đà và Trần Tuấn Khải, có lẽ chỉ còn Hải Nam Đoàn Như Khuê, với bài *Bể thảm* (in trong *Một tấm lòng*, 1917). "Lời buồn, ý man mác, thơ mà gợi lòng sầu thảm, thì bài *Bể thảm* đáng kể là một bài tuyệt tác" [1]. Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã viết như vậy, vào đúng một phần tư thế kỷ sau (1942), khi xếp họ Đoàn vào hàng những người "đi tiên phong" của nền văn chương quốc ngữ.

Kể ra thì cũng không có gì thật mới khi hình dung đời là bể thảm, khi nhắc đến điều dâu bể tang thương hay khi coi tiếng khóc lọt lòng như sự báo hiệu cho nỗi đau thân phận của kiếp người. Vì thế, rất đang phân vân trước những nhận định cho bài thơ "có nhiều tư tưởng sâu sắc lắm", rằng "so với cái tư tưởng yếm thế của Tản Đà, cái tư tưởng yếm thế trong bài thơ Hải Nam thật cao hơn". Sự thực, đọc *Bể thảm*, người ta rất dễ liên tưởng đến khúc ngâm *Cung oán* của Nguyễn Gia Thiều, và khi so sánh thế thì cái hay của bài thơ có khi lại là ở chỗ sự buồn thảm, ở đây hình như không chỉ có một điệu nặng nề, chán ngán, kiêu xa, nỗi đau ở đây thỉnh thoảng lại được điểm vào một chút khắc khoải của một trái tim còn ham sống, và một cảm giác tội nghiệp, chênh vênh của "một tấm lòng" chợt cảm thấy mình nhỏ bé, đơn côi quá trước rợn ngợp cuộc đời:

---

1. Vũ Ngọc Phan – *Nhà văn hiện đại*, quyển hai, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942, tr.233.

... Kiếp người nghĩ cũng lênh đênh quá,
Quá cánh bèo trôi mặt nước trôi...
... Trải mấy lần dâu hóa bể khơi,
Một, hai, ba tuổi, chín, mười mươi
Xiết bao mừng rỡ, bao thương xót,
Khóc mấy mươi phen, mấy trận cười!...

Chính nỗi cô đơn và những thoáng rung phấp phỏng mơ hồ đó còn làm nên những câu thơ vào loại hay trong một bài thơ khác:

Đỉnh núi bơ vơ đàn nhạn lạc,
Tường đông lốp đốp hạt mưa mau.
Năm canh một ngọn đèn xanh ngắt,
Thềm giật mình cho trận gió lau.

Trời thu nhớ nhà.

Với những bài thơ và câu thơ như thế, nên cho dù *Một tấm lòng* quả có tới ba phần tư số thơ là tầm thường đi nữa, thì Hải Nam Đoàn Như Khuê vẫn có thể trợ lực cho Á Nam Trần Tuấn Khải và thi sĩ lớn Tản Đà cắm những cái mốc đánh dấu sự lớn lên của thi ca quốc ngữ, tương ứng với sự lớn lên của một niềm khát khao đau đớn của con người – khát khao được sống, trong hoàn cảnh cá nhân ý thức rằng mình còn chưa được sống. Đó là một ý thức thẩm mỹ đã khác nhiều phần, nếu đem so với những tác phẩm có đề tài tương tự trong những giai đoạn trước đấy.

Tuy nhiên, thật không vô cớ khi nhiều công trình gần đây lại cho rằng 1920 mới thực là thời điểm quan trọng trên chặng đường phát triển của văn chương quốc ngữ và thi ca quốc ngữ. Theo Nguyễn Đăng Mạnh, để xác định năm sinh của văn chương hiện đại, thì thời điểm 1900 là quá sớm, còn 1930 thì có thể đã muộn rồi. Thích hợp hơn cả chỉ còn mốc 1920 [1]. Một cuốn sách khác cũng gọi chục năm thứ ba của thế kỷ này là "Những năm 1920 sôi sục" và những năm sục sôi ấy "báo hiệu của sự phát triển về sau của văn học" [2].

Sang đến thập kỷ mới này, thơ quốc ngữ quả có nhiều thay đổi lớn. Số tác giả và tác phẩm thơ tăng lên gấp bội. Có lẽ phải tới lúc này khi Hán học đã vạc đi như ánh than trong lò tắt, thì mới có thể nói được rằng thơ quốc ngữ thật sự đã đặt chân lên xứ sở miền Trung, nơi vẫn tồn tại kinh đô của một triều đình phong kiến bù nhìn. Ở Nam Bộ, sau một dạo có phần thưa thớt hẳn, đến cuối những năm này, phong trào thơ quốc ngữ lại chợt như bừng thức, để ríu ran trở về trên các báo như *Tân thế kỷ*, và nhất là *Phụ nữ tân văn*. Còn nói gì đến xứ Bắc, xưa nay vẫn là đất của thi ca, thơ quốc ngữ xuất hiện trong những năm này đông đảo, với một mật độ trước đó chưa hề có.

---

1. Xem: *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập V (1920–1945), Q.I, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1987.

2. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930*. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1988.

Nhưng đông đảo mà không hỗn độn. Trái lại, theo đà phát triển, những cách biệt của thơ quốc ngữ giữa các miền – cho đến trước 1920 còn trông thấy rõ – cứ ngày một thu hẹp lại, ngày một biến dần đi, để đến thập kỷ này, hiện rõ dần một nền thơ thống nhất. Chẳng hạn nói về thơ Nam Bộ, bạn đọc hẳn vẫn chưa quên các sáng tác của Thiên Đào, Nguyễn Liêng Phong, và sau đó một chút là Đỗ Thanh Phong. Đến tận 1919, bài *Dốc lòng đến chiếm bảng vàng...* đăng trên *Lục tỉnh tân văn* vẫn còn chưa hết trúc trắc, vụng thô, dù mức độ lưu loát đã tăng đáng kể. Nhưng rõ ràng, dung mạo thơ Nam Bộ đã khác hẳn từ mười bài *Khuê phụ thán* của Thượng Tân Thị, thi nhân quê Nam, nhưng đăng thơ trên báo Bắc. Không khó khăn lắm trong việc tìm ra ở đây những dòng thơ có thể gọi được là điêu luyện, như:

Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương...

hay:

Mộng điệp khéo vì ai lẽo đẽo,
Hồn quên luống để thiếp thon von.
Ngày qua tháng lại trông đăm đắm,
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.

Và kịp đến khi Đông Hồ xuất hiện, thì với ý thức làm thơ bằng ngôn ngữ chung của cả nước, cho bạn đọc trong cả nước, thơ Nam Bộ đã hòa hẳn vào trong mạch thơ chung. Vừa như một kết quả, vừa như một nguyên nhân góp phần làm nên gương mặt thơ chung ấy là sự xuôi ngược lại qua thân thiết trước đấy chưa hề có giữa thi ca của các miền. Số lượng cây bút có tính cách chuyên nghiệp gửi in thơ khắp trong Nam ngoài Bắc, đến lúc này, đã không chỉ có dăm ba.

Rẽ bước vào cánh đồng thơ đã lên xanh trong thập kỷ 20, điều khiến ta cảm động nhất là những lá mầm yêu nước, dưới sự đè nén khắc nghiệt của chế độ thực dân, vẫn cứ gan góc nẩy chồi. Những bài thơ mà nội dung ái quốc không có gì khó nhận ra vẫn xuất hiện, và xuất hiện không ít, ngay trên báo chí của chính thực dân, chẳng hạn như trên tạp chí *Nam phong*, để không ngừng nhắc nhở rằng dòng máu yêu nước trong huyết quản dân tộc Việt Nam sẽ không bao giờ thôi chảy. Nhắc tới hiện tượng này, chúng tôi không định nêu ra một hoài nghi về tư cách của *Nam phong*. Tờ báo được khai sinh bởi tên mật thám Mácti cùng một số tay sai trung thành nhất dĩ nhiên sẽ không có tôn chỉ nào hơn là trở thành một phương tiện tuyên truyền và lừa mị đắc lực của thực dân. Nhưng chính vì thế mà cái điều dường như nghịch lí nọ – báo chí của bọn cướp nước và bán nước vẫn đăng nhiều thơ có nội dung yêu nước – lại chứa đựng chính bản thân chân lý. Nó mạnh mẽ và sâu xa chứng tỏ: Trong lòng người Việt, ái quốc là một giá trị thiêng liêng đến mức chính tờ báo có mục đích phản quốc kia cũng không thể không thừa nhận, không dám không thừa nhận, cho dù sự thừa nhận ấy chỉ cốt để cho cái tên "gió nam" khỏi trở nên trơ trẽn quá trước quốc dân.

Vì thế, không việc gì phải tránh né sự thực là *Nam phong*, cũng như các sách vở báo chương khác lúc bấy giờ đã dành nhiều chỗ cho những lời thơ mang nặng tâm tư yêu nước, kể cả thơ của những người chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành chiến sĩ cách mạng, hoặc theo xu hướng dân chủ tư sản như Phạm Tuấn Tài, hoặc theo xu hướng cộng sản như Trần Huy Liệu, Bùi Hữu Diên, Nguyễn Văn Năng... Trái lại, nên lấy làm mừng rằng, đến tận những lúc như thế, và đến tận những nơi như thế mà những đợt sóng yêu nước bất diệt trong con tim những người dân Việt vẫn có thể không ngừng đập dội vào thơ.

Có thể nói, chưa bao giờ như lúc này, thơ quốc ngữ lại bày tỏ nhiều đến vậy và công khai đến vậy, niềm hoài vọng thiết tha về quá khứ oai hùng của dân tộc. Trước đây, mới đang còn thưa thớt một tập *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* và *Điếu cổ hạ kim* của Nguyễn Liêng Phong, một số thơ và từ khúc của Doãn Kế Thiện, của Vũ Thanh Đàm, của Ái Hoa; bấy giờ, thơ vịnh sử dào dạt tuôn ra như thác chảy. Bùi Kỷ, Nghiêm Xuân Lãm, Đạm Phương, Vũ Khắc Tiệp, Tao Đàn, Trần Ngọc Hoàn, Nguyễn Văn Áng, Nguyễn Hi Chu, Nguyễn Trung Khuyến, Vị Bắc, Giang Hồ Du Tử, Trần Phụng Lãm, Hồ Mã, Dương Bá Trạc, Đông Bình, Phạm Văn Cung, Lệ Hoa, Giả Ẩn... đấy chỉ là một danh sách còn xa mới có thể coi là tạm đủ những tác giả hồi bấy giờ đã đi tìm cảm hứng thơ theo phương hướng mà sau này, nhà thơ Sóng Hồng sẽ còn hào hùng khích lệ:

Tìm ý thơ trên ngọn sóng Bạch Đằng,
Để tâm hồn dào dạt với Chi Lăng.
Làm bất tử trận Đống Đa oanh liệt.
Là thi sĩ.

Vịnh sử thậm chí đã trở thành nội dung duy nhất của một tập thơ của tác giả Bùi Trình Khiêm. Và cũng lại tạp chí *Nam phong* đã phải dành tới năm số tiếp nhau để đăng một tập thơ vịnh sử khác của một ông Khiêm khác: Tập *Việt Nam di ái sử ca* của Nguyễn Thúc Khiêm.

Song khai thác đề tài lịch sử mà thực sự đạt đến mức độ độc đáo cả về hình thức thể hiện lẫn nội dung cảm xúc thì chắc phải là Nguyễn Phan Lãng với bài thơ dài *Mơ Tổ mắng*. Càng đọc, càng thấy bài thơ trường thiên này thật lạ. Không bày giãi những hoài niệm man mác, ngẩn ngơ để nhằm giấu vào trong lòng những dòng thơ một nỗi xót xa kín đáo, cũng không chỉ là sự thuật lại những chiến công xưa, rồi tạo ra những khoảng lặng thinh cho người đời nay ngẫm nghĩ, Nguyễn Phan Lãng đã lựa chọn cho mình một con đường đi khác nhiều so với những bài thơ vịnh sử cổ truyền. Viết về một *giấc mơ*, những bài thơ này lại muốn quát vang một lời cảnh tỉnh. Cũng nói tới Hùng Vương, nhưng ở đây *tổ tiên* không phải là được gợi nhớ ra mà chủ động hiện về, tay cầm *quốc*, tay cầm *bầu nước*, để *quở mắng* lũ cháu con:

Quốc còn quốc mất hay không hày!
Nước còn nước hết bay trôi thây!

Giang sơn cơ nghiệp ta ở đấy,
Thôi thôi ta chắc cậy gì bay?

Lời thơ rắn đanh, nghiêm khắc đến tàn nhẫn, chứ không hề êm ái, du dương hay bi thiết nghẹn ngào. "Yêu cho vọt" là thế này đây. Tác giả rõ ràng đã cần đến cái roi vọt của một cách nói không thương xót để thống thiết kêu lên tất cả nỗi xót đau trong một trái tim đang ứa máu trước hiện tình của nước nhà:

Nước ta bây giờ của hết kiệt,
Danh giáo cương thường lại bại liệt!
Bay còn ngơ ngẩn đợi gì ai?

Chính bầu nhiệt huyết ấy đã khiến cho *Mơ Tổ mắng* trở thành bài thơ đáng trân trọng, dẫu cho những hiểu biết sai lệch về cách mạng vô sản của tác giả đã làm cho giá trị của tác phẩm bị hạn chế khá nhiều.

Nhân nói đến những bài thơ mang giọng mắng, lại có thể nhớ đến những *Hỏi họa mi* của Trần Văn Sĩ, *Con cá vàng* của Nguyễn Bá Giềm, hay *Mắng tên bán nước* của Hiêu Hiêu Du Tử. Bài đầu tiên còn phảng phất chút gì của *Mơ Tổ mắng*, mặc dầu tầm vóc thì thua kém. Đến ba bài kể sau thì đối tượng hứng chịu sự lên án đã chuyển sang bè lũ tay sai. Dĩ nhiên, những "vũ khí phê phán" như thế này còn xa cách lắm với "sự phê phán bằng vũ khí"; nhưng không phải không có ý nghĩa quan trọng một khi sự kiểm duyệt hà khắc của thực dân vẫn phải ngậm bồ hòn làm ngọt để cho qua những câu thơ vỗ mặt thế này:

Mầy sao múc nước bán cho ai?...
... Cùng ngày được mấy đồng tiền kẽm,
Trọn kiếp riêng mang tiếng bạc đời.
Bán mãi một mai sông biển hết,
Vì mày chết khát biết bao người.

Mắng tên bán nước.

Song về mặt đả kích bọn tay sai thì được truyền tụng nhiều hơn lại là bài *Chơi vườn Bách Thú*, bên dưới ký tên một phụ nữ: Bà Băng Tâm. *Chơi vườn Bách Thú* được truyền tụng nhiều đến nỗi chưa đầy ba chục năm sau nó đã được nhắc đến với ba dị bản. Đã lâu lắm kể từ ngày có bài thơ tương truyền là của Nguyễn Văn Giai, với cái nhìn đầy khinh miệt dành cho lũ tay sai đắc thế:

Khoang, vện, nhuôm, vằn, vô số chó,
Ra tuồng đắc ý chạy nhôn nhao.

ta mới gặp lại một bài thơ nữa, cũng dám coi bọn quyền thế vua quan không hơn những con vật mua vui, mà lần này thì được nói hẳn hoi ra trên giấy trắng mực đen, ở báo chí giữa Sài Gòn. Và so với bậc danh sĩ Bắc Hà thời trước thì áng thơ mang tên bậc nữ lưu của thời sau có thể chưa bằng về thái

độ khinh thế ngạo vật, nhưng con mắt nhìn tỉ mỉ, tinh quái, đáo để thì không kém, nếu không phải có khi lại có phần hơn:

Lũ khỉ được ăn bầy lắm lối,
Đàn chim lên giọng hót ra tuồng.
Lại vài chị sói, dăm anh gấu,
Hì hục tranh nhau một miếng xương.

Nói thế để thấy rằng, ngay trong chục năm được coi là tương đối ổn định hơn cả của chế độ thực dân thì thơ ca quốc ngữ chân chính vẫn là nhịp đập của trái tim người dân Việt. Dưới sự đe dọa gắt gao, thơ chân chính vẫn níu giữ đến cùng sự trinh tiết của bản chất thơ, vẫn thổn thức không nguôi nỗi niềm cố quốc.

Thập kỷ trước đã để lại một bài *Gánh nước đêm*. Đến những năm 20 này thì thơ nói về sự lo toan việc nước trong đêm đã không chỉ có một bài. *Gánh nước đêm* đã được nhân ra thành *Đánh thức chồng tát nước* của Lương Vị Thủy ở miền Bắc; *Lời người thiếu nữ tát nước đêm* của Minh Thủy ở miền Trung, rồi lại *Tát nước đêm* của Trịnh Đình Rư in trong Nam.

Nói cho đúng thì những người lặn lội gánh nước, tát nước, tìm nước trong đêm không khỏi nhiều phen cảm thấy mình cô đơn, mệt mỏi. Nhất là vào khoảng xế nửa thập kỷ này, khi linh cảm về sự đổ vỡ của một con đường cứu nước đã hiện rõ trong thơ và văn tế của chính Phan Bội Châu, mà đường lối mới lại chưa kịp bén rễ vào hiện thực. Nỗi ngơ ngác, bơ vơ không cùng đó tưởng không được thể hiện ở đâu thấm thía hơn là mấy câu từ khúc của Võ Liêm Sơn trong *Cô lâu mộng*:

Thôi thánh hiền,
Thôi tiên phật,
Thôi anh hùng.
Ngàn năm sự việc nước về đông,
Trời biết cho không?
Đất biết cho không?
Năm canh giọt lệ ố khăn hồng.

Song chán nản, buồn đau chưa bao giờ là tất cả tình cảm của những người yêu nước. Quả là Phạm Tuấn Tài chẳng hạn, đã từng có những câu thơ đau thiết về nỗi niềm lữ thứ lúc đêm đông:

Trông về quê quán sương che khắp,
Ngảnh lại non sông tuyết phủ mờ...
Niềm tây biết ngỏ cùng ai tá?
Chỉ thấy trăng suông bóng lập lờ...

Đông dạ lữ hoài.

Quả là Trần Huy Liệu, con người từ khi mới mười bảy tuổi đầu, đã biết tự lãnh nhận cho mình cả một món "nợ nần chồng chất dân cùng nước", thế mà cũng đã không sao tránh khỏi những cơn sóng sầu thảm mênh mông cứ hết năm nọ đến năm kia va đập mãi giữa cõi lòng:

Nước non mù mịt cơn mưa gió,
Ngồi lạnh mênh mông giữa nước bèo.

Cảnh mưa dầm – 1921.

Mông mênh bể thẳm vơi rồi ngập,
Nghiêng ngửa hộc sầu lắc lại đong.
Xót bạn dở dang cùng cảnh ngộ,
Thương mình lăn lóc với non sông.

Họa thơ tống biệt của một bạn miền Nam – 1924.

Và quả là Nguyễn Văn Năng đã viết cả một bài thơ *Chán*, với bảy chữ "chán" chồng mãi lên nhau, chất ngất, trong tám câu thơ. Nhưng nỗi buồn chán ấy chân thành; và sẽ là kỳ lạ nếu trong một cuộc đời như thế mà con người thỉnh thoảng lại không gặp nó. Chỉ có điều không phải nỗi buồn chán nào cũng tất yếu dẫn đến thái độ xuôi tay. Gần giống như mối cảm hoài đã từng được Đặng Dung ghi lại từ rất xưa trong bài thơ mà hẳn không mấy người không biết, nỗi buồn chán ở đây sinh ra từ sự bất mãn thiêng liêng – chữ của Gorki – khi con người thấy mình đã quá nửa kiếp trầm luân mà vẫn chưa làm được gì cho cái lý tưởng mình hằng ôm ấp. Vì thế, sự chán buồn, u uất ấy có khả năng nhen lửa cho hành động. Không như thế thì sẽ không giải thích được tại sao Trần Huy Liệu, sau những câu phẫn chí:

Vô nhan tráng sĩ ai nhìn tới,
Mạt lộ anh hùng khó kiếm nơi.

vẫn có thể viết ngay một ý thơ đầy nghị lực:

Trầm luân lọ quản nước đầy vơi.

Cảm tác.

Và vẫn quyết không từ bỏ kiếp sống cay đắng, gian truân, nào "bôn tẩu khắp tây đông", nào "lưu lạc kể chi dòng bẩn sạch" để đổi lấy sự vô tư, vui thích – dù có thể rất đáng thèm muốn – của tuổi thơ ngây. Là bởi nỗi sầu đau kia chỉ làm cho con người sớm mang tráng chí ấy càng không thể quên đi lời nguyền với dân với nước:

Thân này mang nặng hiếu cùng trung.

Vịnh thằng bé con.

Và không như thế thì cũng không thể giải thích được tại sao vẫn Nguyễn Văn Năng chỉ hai tháng sau *Chán*, lại cho in một bài nói lên quyết chí dấn thân:

Sao cho đáng mặt trời chung đúc,
Mà khỏi hoài công đất dưỡng nuôi.
Nếu muốn thi gan cùng tạo vật,
Phải liều dạn mặt với trần ai.

Ở đời.

Tưởng cũng là hợp lẽ khi xin phép nhắc thêm rằng, tác giả những

dòng trên, sau này sẽ còn được nhớ đến với bài thơ có nhan đề đầy ý nghĩa: *Tôi không chết, tôi còn sống mãi.*

Trở lại với mạch thơ yêu nước, ta thấy nó không những không ngừng chảy trên chính ngay sách báo công khai mà về nội dung, nó còn được nâng cao lên một bước. Lúc này khi người ta đã biết nhìn ra thế giới, khi người ta như Lê Đức Mậu, trong lúc buồn nghe một tiếng cuốc kêu, đã mở cảm nghĩ của mình ra đến tận: "mưa Âu gió Á, người bay nhảy", thì tâm sự yêu nước sẽ không còn dừng lại ở trình độ cuối thế kỷ trước nữa. Thơ ca lúc này, hết làm lời người mẹ, hết nhân danh tình yêu của người vợ, lại mượn giọng người chị hoặc người em, để không ngớt khuyên nhau "bỏ thói cổ" hướng về ngọn "đuốc văn minh". Đến thập kỷ này sự tiếp nhận cái mới đã chín chắn hơn, sâu hơn, thực chất hơn nhiều. Người ta đã có thể từ chối sự đổi mới được xem như thời thượng. Một thanh niên thuộc vào hàng tân tiến nhất lúc ấy là Phạm Tuấn Tài đã có thể không ngại nhận mình là hủ, là gàn, nếu thói đời còn cứ lầm cho sự hưởng lạc, đua đòi là mới. Sự phân biệt mới cũ không còn mang ý nghĩa tự thân, và do đó, cái bao trùm hơn lại là nhận ra lợi – hại. Cho nên:

Bao nhiêu cái hại chưa cho hết,
Rằng hủ, rằng gàn, mặc tiếng chê.

Chán.

Như thế, trong thơ ca quốc ngữ những năm 20 có thể nói đã thấp thoáng một số dáng nét đầu tiên, dù chưa hết mơ hồ, dù chưa thật là rõ rệt, của một nội dung yêu nước mới rồi sẽ hiện hình rõ hơn vào hàng chục năm sau.

Nhưng thơ quốc ngữ trong thập kỷ 20 này còn chuẩn bị cho phong trào thơ mới về một phương diện khác. Chưa nhiều, nhưng thơ những năm này đã bắt đầu vén lên bức màn mà ý thức thẩm mỹ phong kiến vẫn dùng để che phủ thế giới của cái tôi. Nó đánh dấu cái thời điểm mà con người bình thường muốn vùng vẫy ra khỏi vòng cương tỏa của lễ giáo cũ, đã kêu lên về sự tồn tại của bản thân mình, để thấy được rằng cuộc sống của cá nhân mình cũng đã là một cái gì đáng được bày giãi, đáng được chia sẻ, đáng được nói lên. Đã có thời người ta kiêng dè lắm khi phải đụng chạm đến cái tôi, cái cá nhân này, vì nghĩ rằng nó cùng nghĩa với hẹp hòi, ích kỷ. Nhưng hãy xin đọc lại những lời của Phơbách, được V.I.Lênin coi là "phôi thai của chủ nghĩa duy vật lịch sử": "Trong lịch sử, một thời đại mới bắt đầu từ đâu? Ở đâu cũng vậy, nó chỉ bắt đầu từ chỗ nào mà quần chúng hay một số đông người bị áp bức đưa ra tính ích kỷ *hoàn toàn chính đáng của mình*" [1].

---

1. V.I. Lênin. *Toàn tập*, tập 29, bản tiếng Việt. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, 1981, tr. 68. Những chữ nghiêng do chúng tôi nhấn mạnh.

Như thế, sự ra đời của ý thức về cái tôi, dù thế nào, cũng đánh dấu một bước tiến trên con đường giải phóng. Nó cho thấy con người, mà ở đây là con người tư sản và tiểu tư sản đã không còn muốn chịu giam mình trong bốn bức tường đầy rêu xám của ý thức hệ phong kiến đã cũ kỹ, lỗi thời. Ý niệm về bản ngã, về cái tôi, do đó, ra đời như một sự nổi dậy về mặt tinh thần, một sự không cam chịu.

Thế cho nên, không có gì lạ khi động lực kìm hãm việc biểu hiện cái tôi trong văn học lại được phát ra từ phía bọn tay sai của thực dân. Không phải là ai khác, mà là chính Phạm Quỳnh đã, với rất nhiều dè biểu, mỉa mai, so sánh người viết văn bộc lộ đời sống nội tâm của riêng mình như những người "trần truồng mà đi ngoài phố" [1]. Dĩ nhiên thôi, vì kìm hãm nhu cầu tự thức nhận, kìm hãm sự bộc lộ cái tôi, dầu mới là cái tôi tiểu tư sản và tiêu cực, suy cho cùng, cũng là một cách kìm hãm sự giải phóng con người, một mục tiêu mà bọn thực dân, tay sai luôn luôn muốn đạt được.

Sự có mặt của cái tôi trong văn học nước ta đúng là đã có thể nhìn thấy rõ từ những năm 20 của thế kỷ này. Nhưng chưa chắc có thể cho rằng cái tôi ấy "đầu thai trước hết vào văn xuôi lãng mạn", còn thơ thì phải đợi đến 1932, lúc "thơ mới" ra đời [2]. Khi nhận định như thế, nhà nghiên cứu có thể đã bỏ qua các bài thơ của Tương Phố xuất hiện khá tập trung quãng nửa đầu thập kỷ, những bài thơ hoàn toàn đồng thời và đồng điệu với *Giọt lệ thu* mà tác giả đã đưa ra như một ví dụ vào loại tiêu biểu nhất cho sự xuất hiện của một dung mạo mới của văn chương. Đấy là còn chưa nói rằng ngay cả trong *Giọt lệ thu* cũng khó có được ý thơ đột xuất, mãnh liệt đến thế này về cái khát vọng khôn cùng, tuyệt đối của một tình yêu nồng cháy:

Yêu có phút lặng nhìn chẳng chớp,
Trông nhau cùng muốn nuốt nhau đi!

Tự tình.

Những câu như thế chỉ có thể là chính tiếng dội thẳng thốt của trái tim, sách vở đâu dễ gì dạy được. Cố nhiên những câu như thế không phải quá sẵn trong thơ Tương Phố. Lẽ nào nhà thơ có thể một chốc thoát ngay ra khỏi những ngôn từ, thể cách đã tồn tại bền vững tự bao đời. Nhưng đọc *Mưa gió sông Tương* và *Giọt lệ thu*, không thể không nhận rằng, thiếu phụ này mới chính là người đầu tiên đã dám nâng tình yêu và nỗi đớn đau của riêng mình lên thành vũ trụ – vũ trụ sống và vũ trụ thơ. Người ta vẫn thường nhắc đến một nhận định rất hay về nữ sĩ: "Cái ngày mà thơ Tương Phố ra đời trong tạp chí *Nam phong*, tức là ngày "ngọn gió thu" bắt đầu thổi: rồi thu ấy qua, thu khác lại, ngọn gió thu vẫn không làm khô được nước mắt của người sầu thu, vì không còn bài thơ nào của bà mà không nhắc đến cái mùa cây khô lá

1. Theo Lời giới thiệu in trong *Tuyển tập Tản Đà*. Sdd, tr.15.
2. Xem: *Hợp tuyển văn học Việt Nam*... Sdd, tr. 13.

vàng..." [1]. Thật ra nói như thế còn chưa đầy đủ. Như phần trên đã thấy, Tương Phố đến với thơ và đến với tình yêu cùng một lúc, và vì thế, những bài hay, câu hay của nhà thơ không phải thảy đều là những giọt lệ sầu. Và những thơ khóc chồng cũng không phải thảy đều là những "ngọn gió thu":

Trời đông lạnh lẽo muôn vàn,
Lòng em so tiết đông hàn, giá hơn!
Sương giá lòng em.

Nhưng quả thơ Tương Phố là và chỉ là sự trở đi trở lại của tiếng lòng một con người trước một con người. Tiếng lòng ấy không phải lúc nào cũng tìm được ngôn ngữ của mình, nhưng vì nó đã dám là mình, nên cũng đã lắm khi cất lên những ý thơ, những câu thơ xuất sáo. Như những lời kể cũng táo bạo của con người vì chỉ thờ phụng có tình yêu mà dám đay nghiến cả trời xanh và cái chết trong khúc *Tự tình*. Như nỗi đau tái giá, cái cảm giác đầy lãng mạn về sự trơ trọi lẻ loi ngay trong duyên ân ái ghi trong *Tái siếu sầu ngâm*. Hay như cái cảm nghĩ vừa truyền thống vừa mới mẻ này trong ngày đoạn tang chồng:

Hôm nay đoạn trở, anh ơi!
Mà lòng em vẫn suốt đời trở anh.
Đoạn trở.

Và trước *Lỡ bước sang ngang* mười lăm năm, bạn đọc đã nghe thấy trong thơ của người lấy tên một bến sông nước mắt làm bút danh [2] nỗi đau giận, sợ hãi, hoang mang của một kiếp duyên lỡ dở, bây giờ đành nhắm mắt đưa chân:

Con thuyền bắt lái sang ngang,
Trông vời sông nước mà ngang ngửa lòng!
Bước chân ra.

Cũng chính vì mải để cho tình cảm thật của riêng mình tràn ra thành câu chữ, mà tác giả nhiều khi dường như bất chấp cả sự rành rẽ về thể loại. Khi kể lể, khi khóc than, văn không vần xen lẫn với văn vần. Về mặt này, bài *Giọt lệ thu* nổi tiếng là một ví dụ rõ ràng nhất, dù không phải là duy nhất [3]. Nhiều công trình gần đây đã xếp hẳn *Giọt lệ thu* về phía văn xuôi, và phải nhận là các tác giả có lý do để làm như thế. Những câu lục bát chỉ chiếm một khối lượng nhỏ trong toàn khúc bi thương. Song cũng lại rất có cơ sở để xem *Giọt lệ thu* là một tác phẩm thi ca. Trước hết bởi chính những câu lục bát kia mới ghi vào ký ức người ta lâu bền nhất:

---

1. Vũ Ngọc Phan – *Nhà văn hiện đại*, quyển nhất – Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942, tr. 183-184.

2. Tương Phố nghĩa là bến sông Tương, nơi xưa kia các bà Nga Hoàng và Nữ Anh khóc chồng là vua Thuấn, nước mắt in cả vào loài trúc ven sông, gọi là Trúc Tương phi.

3. Ít nhất cũng còn bài *Bước chân ra*, có cùng lối viết với *Giọt lệ thu*.

Thu về đẹp lứa duyên Ngâu,
Năm năm ô thước bắc cầu Ngân Giang.
Đôi ta ân ái nhỡ nhàng,
Giữa đường sinh tử đoạn tràng chia hai.
Anh vui non nước tuyền dài,
Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh lùng.

Còn những câu gọi là văn xuôi thì, như Vũ Ngọc Phan trước đây nhận xét, chúng "giống như thơ", khác hẳn văn xuôi trong *Linh Phương lệ ký* của Đông Hồ. Đúng hơn, theo chúng tôi, cách làm văn của *Giọt lệ thu* gần gũi với thể *phú lưu thủy*, tựa như trong *Văn tế chị* của Nguyễn Hữu Chỉnh hay *Văn tế Trương Quỳnh Như* của Phạm Thái xưa kia. Mà từ phú vốn vẫn bà con với thi ca. Vì thế, xin hãy để *Giọt lệ thu* cũng như *Bước chân ra* lại cho thơ, để Tương Phố ở lại cái chỗ duy nhất thích hợp với bà là trong hàng ngũ những nhà thơ, và có thể đỡ áy náy nếu có trót quên của bà mấy bài văn xuôi không mấy sâu sắc và đặc sắc.

Lỡ làng trên đường đời, nhưng Tương Phố may không đến nỗi đơn độc lắm ở đường thơ. Trên ngả rẽ tới thơ mình, ít nhất bà cũng có Đông Hồ làm bạn, dù nhà thơ này xuất hiện có muộn hơn, và có phần lo giữ thơ mình trong khuôn phép nhiều hơn. Khá nhiều bài thơ Đông Hồ cứ làm cho người đọc phải nghĩ đến dấu vết của một bài thơ xưa nào đó, đến mức có người có lúc gọi ông là một "thợ thơ". Ấy thế nhưng khi tình cảm riêng của ông đối với người vợ vừa quá cố tha thiết trào dâng thì thơ Đông Hồ xuất sắc hẳn lên, khiến ngay cả nhà phê bình nghiêm khắc kia cũng không muốn dè xẻn lời khen ngợi:

Chăn gối cùng nhau những ấm êm,
Bỗng làm ngọc nát, bỗng châu chìm.
Đầm đìa giọt thắm khăn hồng thấm,
Lạnh lẽo đêm xuân giấc mộng tìm...

Khóc Linh Phượng.

Có thể quan sát thấy trong đó nỗ lực cá thể hóa tâm trạng, nỗ lực biểu hiện một đau đớn riêng tư đang muốn làm rạn vỡ những câu thơ hàn lâm, quy phạm.

Trước đây, đã hơn một lần người ta so Tương Phố với Lamactin và *Giọt lệ thu* với bài thơ tuyệt diệu *Cái hồ*. Có thể đó là một sự quá lời trong những phút giây quá hứng. Nhưng ít nhất điều đó cũng chứng tỏ thơ quốc ngữ lúc này hình như không chậm chạp hơn văn xuôi trong sự đổi mới nội dung tình cảm, và với Tản Đà, Trần Tuấn Khải, Tương Phố, Đông Hồ... thực sự đã có những vần thơ mà mức độ trữ tình, lãng mạn không nhường *Linh Phượng lệ ký*, hoặc *Tố Tâm*.

Dĩ nhiên, tình cảm cần biểu hiện đã thay đổi thì cách biểu hiện tình cảm rồi cũng sẽ đến lúc phải đổi thay. Có điều so với nội dung, hình thức thường chín muộn. Một sự sổ lồng tung cánh về mặt hình thức phải đến thập kỷ sau nữa mới diễn ra. Nhưng nhu cầu về sự sổ lồng đó thì đã có, và đã bức xúc lắm từ những năm này. Trong khi chờ đợi một sự "phá cách, vứt điệu luật" thực sự, người ta tìm đến những thể điệu "dễ thở" hơn. Thơ cổ phong và thơ trường thiên, phú và từ khúc, lục bát và song thất lục bát, hát nói và hát ru, trống quân và xẩm chợ... đua nhau xuất hiện, như để thách thức địa vị của luật thi. Hoàn toàn có thể giải thích được vì sao một nhà thơ như Tương Phố làm thơ đường luật lại kém hay hơn lục bát. Và cũng có cơ sở để một nhà giáo như Đông Hồ nhiều khi cũng không muốn trung thành mãi với phép "nhị tứ lục phân minh", để có những câu trong bài Chơi trăng Bình San:

Cảnh đêm thần tiên, thú phong nhã...
Yêu trăng, có em, anh yêu hơn...

và

Ta cùng lên chơi trăng Bình San...

Như thế, những câu thơ toàn thanh bằng, vào lúc này, đâu chỉ xuất hiện có một lần trong bài *Thăm mả cũ* của Tản Đà. Đây là còn chưa kịp kể tới những bài có khúc điệu phóng túng sáng tạo hơn như *Bài hát nghỉ hè* cũng của Đông Hồ, và *Mẹ chài ru con* khá dân dã của một tác giả không hiểu sao lại xưng là Cuồng Hán:

Bồng bống bông ru bống ru bồng,
Ta là con cháu Lạc Hồng,
Mẹ con ta ở về vùng biển khơi.
Hời hỡi hơi ru hỡi ru hời,
Mong cho thuận gió êm giời,
Giương buồm ta lại chèo bơi vẫy vùng.
Bồng bống bông ru ru bồng,
Lưới này ta thả mấy trùng,
Câu này ta thả mênh mông khắp vời...

Báo Tiếng dân, số 79, ngày 16-5-1928.

Song càng gần thời điểm 1930, thì mối bất mãn với những thể điệu cũ càng lớn mãi lên. Một người từng lăn lộn với thơ cũ như Trịnh Đình Rư cũng đã phải kêu lên, bức bối: "Cái nghề thơ Đường luật... khó cho đến nỗi kẻ muốn làm thơ mỗi khi có nhiều tư tưởng mới lạ muốn phát ra lời, song vì khó tìm chữ đối, khó tìm vần gieo, nên ý tưởng dù hay cũng đành phải bỏ bớt [1]. Từ sự bức bối đó, những ý tưởng phá phách hình thức thơ

---

1. Trịnh Đình Rư, *Văn chương với nữ giới*, trong *Phụ nữ tân văn*, ngày 24-10-1929.

đầu tiên xuất hiện và như quy luật thường thấy, chúng chưa đạt ngay tới thành công. Đó là điều đã xảy tới với Lê Khánh Đồng, qua thất bại trong thử nghiệm "thơ buông". Nhưng dù có thế, thì với nhiều người trong lớp trẻ, thơ cũ đã vĩnh viễn tắt đi vòng hào quang hấp dẫn. Chẳng thế mà không ít thanh niên vốn thông thạo luật thi, như Bích Khê, hay như Hàn Mặc Tử, người đã từng viết cả một bài *thuận nghịch độc* mà Chế Lan Viên cho là có thể đọc theo tới sáu cách khác nhau (?) [1], vẫn lần lượt giã biệt Đường luật, để trở thành những người canh tân trong Thơ mới.

*

Tuy nhiên, những thành tựu của cả chục năm đầu tiên của nền thơ quốc ngữ sẽ được kết tinh nhiều nhất trong tác phẩm của hai tên tuổi lớn, hai thi sĩ mãi mãi "đứng thế tấn trong thời gian", "hai thi sĩ là cái gạch nối quý báu từ thơ của Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương sang thơ thật là mới của các nhà "thơ mới" 1932-1945" [2]. Đó là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu và Á Nam Trần Tuấn Khải.

Người ta thường nhắc đến Á Nam như nhà thơ của một nguồn cảm hứng. Giống nòi, đất nước vẫn được coi là chủ đề duy nhất mà ông ôm ấp, trăn trở trong suốt một đời sáng tác dài tới sáu chục năm trường: "*Hai vai thân thế, một gánh giang san, cuộc văn chương dẫu đến khi tàn, mà* ngọn bút quan hoài biết bao giờ cho ráo mực..." (*Hồn luy*). Về mặt này, có người đã đặt tên ông bên cạnh tên nhà thơ chí sĩ họ Phan : "Sào Nam và Á Nam là hai tâm hồn rất nặng lòng với quê hương đất nước" [3].

Trên chủ đề này, Trần Tuấn Khải dường như đã làm tất cả những gì mà những người chung nguồn cảm hứng với ông đã từng làm. Ông là tác giả của không chỉ mươi lăm bài vịnh sử, trong đó, nhiều bài có thể xếp vào hàng hay nhất của loại thơ này. Như *Chơi thành Cổ Loa*, bài thơ đã khiến thầy giáo trẻ, tương lai sẽ là tác giả *Tố Tâm*, phải "tự bảo mình rằng: lúc thơ phú tàn canh, mà còn có thơ này, lời lẽ thanh thoát, ý tứ dồi dào, cảm

---

1. Cửa sổ đêm khuya:

Hoa cười nguyệt rọi cửa lồng gương,
Lạ cảnh buồn thêm nỗi vấn vương.
Tha thiết liễu in hồ gợn bóng,
Hững hờ mai thoảng gió đưa hương.
Xa người nhớ cảnh tình lai láng
Vắng bạn ngâm thơ rượu bẽ bàng.
Qua lại yến ngàn đâu ủ lá,
Hòa đàn sẵn có dế bên tường.

Đọc 6 cách: xuôi, ngược, bỏ 2 chữ sau đọc xuôi, đọc ngược, bỏ 2 chữ trước đọc xuôi, đọc ngược. (Chú thích của Chế Lan Viên).

2. Xuân Diệu, Lời giới thiệu cuốn *Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải*. Sđd, tr.56.

3. Mộc Khuê, *Ba mươi năm văn học*. Sđd, tr.29.

hoài những việc vẩn vơ, mà cao thượng". Hoặc như *Trường thán thi* với những lời thơ bi tráng về Trưng Trắc đã làm cho tác giả Trần Tuấn Khải bị giặc bắt giam:

Trông anh em đó như điên dại,
Còn ruột gan nào hưởng đỉnh chung?
Xẻ yếm may cờ dù thỏa chí,
Kiếp này khỏi phụ với cha ông.

Còn như bài *Hai chữ nước nhà*, làm lời Nguyễn Phi Khanh dặn dò Nguyễn Trãi, thì vừa hào hùng vừa bi thiết, nhiều câu xứng đáng là "hạt máu nóng thấm quanh hồn nước" và như được xé ra tự tâm can:

... Khói Nùng Linh như xây khối uất,
Sóng Hồng Giang nhường vật cơn sầu
Con ơi! Càng nói càng đau...
... Lời cha dặn khắc xương để dạ,
Mấy gian lao con chớ sai nguyền.
Tuốt gươm thề với thương thiên,
Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu.

Nhiều người thời bấy giờ nhớ lại, những câu như thế đã góp phần gìn giữ ngọn lửa thiêng của tấm tình yêu nước trong lòng không ít thanh niên.

Người ta cũng nhắc đến bài thơ Trần Tuấn Khải làm để ngầm nhiếc mắng Hoàng Cao Khải, bài *Con hoàng oanh*, với nhạc điệu thật lạ, thật thích của mấy câu đầu:

Này hỡi con hoàng oanh kia ơi
Mi ăn, mi hót, mi nhảy, mi nhót, mi thánh thót ở trong cái lồng
Vui thì vui thực, sướng thì sướng thực! nhưng cá chậu chim lồng cũng chẳng ra chi...

Nhưng dù thế nào thì cũng không thể nói rằng Á Nam đã không bao giờ bước ra khỏi giới hạn của đề tài yêu nước. Nhà thơ là con người của thời đại, sống đắm mình trong môi trường thi ca của thời đại, và vì thế, điệu tâm hồn lãng mạn trữ tình của thời đại đã biết bao lần cảm nhiễm được vào hồn mạch của thơ ông. Cho nên, ta mới có dịp cảm nhận một Á Nam không kém đa tình trong bài *Nhớ cô hàng quạt* hay trong câu thơ nảy ra thật bất ngờ giữa bài vịnh *Con ve*:

Ngậm ngùi gió ấp với trăng hôn

hay cái rung động man mác, sâu xa, có pha chút khắc khoải khi nghĩ về đôi vợ chồng Ngâu ngàn đời cứ phải giam mình và giam nhau trong một mối tình vơ vẩn:

Vì không một bước qua cầu Thước,
Chi để ngàn thu ngấm lệ Ngâu,

Ngọn nước hững hờ đành rẽ lứa,
Mối tình vơ vẩn vẫn giam nhau.

Ngâu.

Câu cuối cùng quả khó có thể được sinh ra trong một thời đại mà người ta còn phải co mình trong nghi thức và không dám sống cho mình.

Song tất cả những bài thơ vừa kể vẫn chưa làm nên hiện tượng Trần Tuấn Khải. Nếu ngày sau người ta thừa nhận Trần Tuấn Khải như một chân dung thơ độc đáo ở những năm này, thì đó phải là nhờ những bài như *Gánh nước đêm* và những khúc hát về Anh Khóa. Đến tạp chí *Nam phong* cũng phải nhận rằng, chỉ một bài như *Gánh nước đêm* cũng đã đủ để cho một tập thơ thành đáng khen, bất kể các bài thơ khác thế nào. Còn về mấy bài *Anh Khóa* – những bài được mọi người, từ các đào nương ở chốn bình khang đến các anh xẩm ở khắp bến xe bến tàu, hát suốt một thời – thì thật rất khó kể ra một thi phẩm nào lúc bấy giờ lại có một sức lan truyền kỳ lạ thế.

Vậy thì sự hấp dẫn lạ thường của các bài thơ, khúc hát đó ở đâu? Xin nhớ lại cái tuyên ngôn thơ, được diễn đạt một cách cũng rất thơ của Trần Tuấn Khải:

Đời không duyên nợ thà không sống,
Văn có non sông mới có hồn.

Thi sĩ đã gắn non sông vào duyên nợ. Và nghĩ ra, cái hay của những bài hay nhất của Trần Tuấn Khải có lẽ là ở chỗ cái tình với non sông đã được diễn tả như là một mối nợ duyên, cái chất trữ tình công dân vốn dĩ cao cả nghiêm trang bỗng dưng đằm thấm hẳn trong tiếng nói nhân bản, thiết tha của một người phụ nữ bình thường đang yêu dấu.

Trên kia, vừa nói đến một Á Nam rất thương nòi yêu nước và một Á Nam rất lãng mạn, phong tình. Nhưng phải đến khi hai Á Nam đó hòa nhập hẳn vào nhau thì những thi khúc hay nhất mới sinh ra; ở đó hồn ái quốc cao vời bỗng chuyển hóa thành tiếng lòng gần gũi, dịu dàng, duyên dáng nữa, của một con tim yêu thương thấm thiết:

Cái bước đêm khuya thân gái ngại ngùng,
Nước non gánh nặng,
Cái đức ông chồng hay hỡi có hay?
Em trở vai này...

Gánh nước đêm.

Anh Khóa ơi! Cái máy phân ly xình xịch sắp chia duyên,
Thôi anh ngồi lại để em bước lên trên mạn bờ.

Gió hiu hiu ngọn nước chảy lờ đờ,
Dưới sông con tàu chạy, trên bờ em với trông.

Tiễn chân anh Khóa xuống tàu

Chính nhờ những câu thơ như thế mà *Tiễn chân anh Khóa xuống tàu* chẳng hạn đã có thể khác rất nhiều so với các bài "xuất dương lưu biệt" khác.

Còn có thể thấy rằng, trong những bài thơ đặc sắc nhất của mình, Trần Tuấn Khải không diễn tả lòng yêu nước của những bậc hào kiệt như Phan Bội Châu, hay những đấng tài hoa như Tản Đà đã làm. Thi sĩ đi một con đường khác: gởi trọn tâm sự yêu nước vào tiếng nói của vợ anh Khóa, của một người đàn bà gánh nước đêm, những người phụ nữ bình dị nhất. Chắc đó là điều quyết định làm cho các bài hát của ông nhanh chóng trở thành của mọi người. Và ông cũng đã sớm tìm được cho tình cảm của mình một tiếng thơ tương ứng, tràn đầy chất dân ca, thấm đậm hồn dân tộc. Có thể nói, trong thời đại bấy giờ, Trần Tuấn Khải là người đi xa nhất trên con đường đưa nghệ thuật về gần với người bình dân, và nâng tiếng nói của nhân dân lên hàng nghệ thuật.

Hẳn là vì thế mà ông đã thành một tài năng khó ai vượt nổi trong địa hạt sáng tác phong dao. Nhiều bài phong dao của ông đã thực sự trở thành ca dao, nghĩa là vượt khỏi vòng tay người sáng tạo, để trở thành tài sản, tâm hồn dân tộc. Những phong dao của Trần Tuấn Khải cũng phản ánh thời đại của ông. Trong những bài hát thân quen như "Rủ nhau xuống bể mò cua..." vẫn có thể nhận ra hình bóng của cuộc đời lúc bấy giờ gian truân, đắng cay dữ dội, và ở đó những con người bị quăng quật chỉ có thể thắng nổi cái bất trắc của cuộc thế bằng sự gắn kết bền chặt của tình yêu. Bài "Anh đi anh nhớ quê nhà..." cũng thế. Liệu có lầm lẫn không, khi nhà trường trung học xếp bài này vào loại "ca dao về tình cảm gia đình và tình yêu đôi lứa", và có hoài công không, khi ai đó cố chứng minh cho được rằng người phụ nữ trong bài này nhất định là người vợ chứ không phải người yêu. Thật ra, bài ca dao này là một khúc tình quê, là hồn nước, hồn quê đang vẳng hát lên trong lòng những anh Khóa xa quê, xa nước. Bởi vì, phải đi xa lắm khỏi cái xứ sở có "canh rau muống", có "cà dầm tương" và có "Ai tát nước bên đường hôm nao", thì những hình ảnh kia mới có đủ khoảng không để hiện lên thành niềm thương nỗi nhớ. Cái lạ, cái chất Á Nam của bài phong thi chính là nỗi quan hoài thật xa xăm ấy của một mối tình cố quốc tha hương.

Cho nên không thể nói đến thơ những năm đầu thế kỷ mà lại quên đi Trần Tuấn Khải. Song sẽ càng không thể hình dung bầu trời thơ quốc ngữ ở cái buổi lê minh ấy mà *lại thiếu vắng đi vì sao lớn Tản Đà.*

Con người này dường như được sinh ra chỉ để thành thi sĩ. Dù ông có làm bao nhiêu nghề – từ nghề chủ báo đến nghề xem lý số – thì hậu thế cũng chỉ nhắc đến ông nhiều nhất ở nghề thơ. Dù ông có viết bao nhiêu thể loại: tiểu thuyết, ký, kịch bản, nghị luận, hài đàm – thì cái thể loại đã thực sự làm cho

ông bất tử cũng vẫn là thơ. Đành rằng văn xuôi của Tản Đà không phải không sánh được với văn xuôi của các tác giả khác đương thời, nhưng dầu sao nó vẫn không sánh được với thơ của chính ông.

Thi sĩ hơn cả trong số những thi sĩ đương thời, Tản Đà xuất hiện trên đời với một gánh tình nặng trĩu:

Nặng lắm, ai ơi, một gánh tình.

Chơi Hòa Bình.

Nhà thơ muốn được sống với đời như một tình nhân. Con người có tiếng là cao ngạo ấy, xét ra lại không có khát vọng nào lớn hơn là khát vọng được hòa mình với đời, được hòa mình với người, tri kỷ được với tình nhân, để cho mình giao cảm, hờn trách, nhớ thương. Nên nghĩ đến Tản Đà trước hết như một con người của cõi trần này, lo toan "quang gánh với đời" và thèm muốn được vấn vít trong sợi tơ vương buộc mình cùng nhân thế:

Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ,
Để ai luống những nhớ ai hoài.

Thư lại trách người tình nhân không quen biết.

Trào lên trong những câu thơ như thế là nỗi ước ao rất con người: ước ao được có người ấy trong mình và mình được tan ra trong người ấy.

Tư thái tình nhân đó có thể nói vẫn trọn vẹn trong Tản Đà khi ông cảm hoài về non nước. Ta sẽ không bàn ở đây những sắc thái phức tạp, mâu thuẫn trong thái độ yêu nước của Tản Đà. Hãy chỉ biết rằng chẳng khó gì việc nhận ra nó trong thơ ông, qua những bài như *Vịnh bức địa đồ rách*; hay trong nỗi buồn giận, tiếc thương, lặng đắng:

Ôi, Lý Trần Lê đâu mất cả,
Mà thấy hươu nai đủng đỉnh chơi.

Nhưng, như trên vừa nói, Tản Đà hình như chỉ đúng là ông nhất khi ông gửi được mối tình non nước thiết tha kia vào những "lời phong nguyệt" – chữ của chính Tản Đà [1], vào trong bức thi họa tuyệt vời vẽ hình vóc của một trái núi tương tư:

Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã dầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi pha.

Thề non nước.

---

1. *Ngày nay*, số 43 (1938). Trong báo này, Tản Đà kể lại: "khi đã viết xong bài thơ *Thề non nước*, tác giả riêng bụng nghĩ thực có coi hơn mọi bài khác... cho nên vì bài lục bát viết thành một thiên tiểu thuyết ngắn, mượn câu chuyện giai nhân tài tử... để chép lời phong nguyệt mà gửi lời nước non".

Nhớ lại trước đây, Chu Mạnh Trinh thi sĩ thuộc thế hệ trước Tản Đà, khi cảm thấy mình đồng điệu với Thúy Kiều – hình tượng giai nhân của ngót trăm năm trước nữa – đã viết một lời tương đắc: "Ta cũng nòi tình". Hiện lên trên thi đàn trong tư cách một người cũng thuộc vào "tình chủng", Tản Đà vừa đảm nhiệm công việc khơi chảy tiếp mạch thơ truyền thống, vừa làm đầy thêm nguồn trữ tình mà thơ quốc ngữ những chục năm đầu tiên đang còn lưng lẻo, vừa góp phần chuẩn bị cho bước nhảy vọt của "thơ mới" sau 1930.

Dĩ nhiên, cái chất trữ tình trong thơ Tản Đà còn chưa phải là chất trữ tình trong "Thơ mới". Nhưng nó cũng đã không chỉ như một "bông hạnh vượt ngoài tường" – cái xuân sắc do quá ứ đầy nên liều nở, nhưng vẫn không thể quên rằng cái thân của mình còn đang bị phong bế, giam cầm trong cổng kín tường cao. Tản Đà đã hơn cha anh nhiều lắm trong sự thực thà phơi hé lòng mình, trong cái "can đảm làm thi sĩ... một cách đường hoàng, bạo dạn, dám giữ một bản ngã, dám giữ một cái tôi", như Xuân Diệu đã nhận xét từ trọn nửa thế kỷ trước trên báo *Ngày nay* (17-6-1939).

Cần phải bình tâm mà nhận rằng, dám giữ một cái tôi trong thơ lúc này cũng không chỉ có Tản Đà. Trong bức tranh toàn cảnh về xã hội thơ hồi ấy không nên miêu tả Tản Đà hoàn toàn như một cây đại thụ cô đơn. Ta không thể vì rất quý trọng ông mà vội quên Tương Phố, nhất là khi đã có một chút lý do để gắn liền nỗi nhớ hai người: em gái Tương Phố chính là nàng Đỗ Tang nữ đã từng gửi rau sắng chùa Hương tới Tản Đà. Ta cũng không thể vì tài năng quán thế của Tản Đà mà vội như ai rẻ rúng những thơ ca được gọi một cách miệt thị là "đám văn vần tẻ ngắt khô xác của trường thơ *Nam phong*", cho rằng chúng chỉ rặt một mầu "dùng tiếng lớn để nói những chuyện con, diễn những ý sáo bằng những lời sáo hơn thế bội phần". Tản Đà không đến nỗi phải thành thi nhân "giữa lúc trống rỗng và buồn tênh" của một nền văn học. Thi tài của ông đã được ươm gieo trên một mảnh đất ít nhất cũng đã sinh ra Đoàn Như Khuê, Trần Tuấn Khải, Tương Phố, Đông Hồ...

Đặt Tản Đà cạnh những tên tuổi ấy, có thể thấy ngay ông không phải là người duy nhất "dám cho trái tim và linh hồn có quyền sống cái đời riêng của chúng" [1]. Nhưng cũng lại phải nhận rằng trong số các tên tuổi ấy, có lẽ chỉ duy nhất có Tản Đà là người đủ khả năng làm xao động cả đàn thơ bởi vẻ hấp dẫn lạ thường của "cái tôi nội cảm" (chữ của Hêghen). Phải là Tản Đà mới có thể bắt đầu mở ra những giới hạn mới, lạ lùng và quyến rũ của nội tâm, của lòng người. Với Tản Đà, người ta bắt đầu dần hiểu: rất con người có khi lại là những rung động vi tế của tâm hồn, những xúc cảm khó gọi tên, lãng đãng, vẩn vơ mà ý vị. Tản Đà hơn người ở chỗ ông nghe

1. Xuân Diệu – bài báo đã dẫn.

được và phô diễn được cả cái nhịp đập xốn xang, mơ hồ đâu đó bên dưới phần hữu thức:

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.
Vàng bay mấy lá năm già nửa,
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng.

Gió thu.

Những câu thơ như thế rất khó viết ra bởi một thẩm mĩ thơ hoàn toàn cổ điển.

Con người sống tha thiết và dễ rung cảm đến thế trước cuộc đời tất nhiên sẽ đến lúc phải thấm thía hơn ai hết nỗi sầu vạn kỷ trước một hiện thực không đáng để mình trao gửi trọn tình yêu. Vì thế, cái người nguyện "dan díu mãi" với đời, đã rất sớm kêu lên từ tập thơ đầu: *Khối tình con I*:

Trần giới em nay chán nửa rồi
Muốn làm thằng Cuội.

Dĩ nhiên, với một người như Tản Đà, nguyện vọng dan díu cùng cuộc sống không dễ mất đi, không bao giờ tuyệt đối mất đi. Nhưng cái cảm giác "đời đáng chán", khi đã có lý do để nẩy sinh ra thì cũng không thể một đi không trở lại. Chỉ có điều Tản Đà nếu có chán đời thì cũng chưa hề chán sống, nếu có lúc thất vọng về cuộc đời thì cũng không bao giờ hết tình yêu cái Đẹp. Không biết làm gì để lay chuyển cuộc đời dưới ách thực dân, thi nhân đành nâng niu cái Đẹp trong tưởng tượng. Và thế là những Giấc mộng Tản Đà ra đời, như là hệ quả tất yếu của những Khối tình Tản Đà chưa thỏa mãn: "Nghĩ đời lắm lúc không bằng mộng" (Nhớ mộng).

Trong những thập kỷ này, Tản Đà là nhà thơ quốc ngữ đã bộc lộ nhiều nhất "nguyện vọng mãnh liệt muốn thoát ra khỏi thực tại" vốn là cơ sở của chủ nghĩa lãng mạn, như Phaghê từng khẳng định. Chẳng thế mà các nhà thơ lãng mạn vẫn sẵn sàng trân trọng dành cho ông một vị trí danh dự của dòng thơ – vị trí một người lính mở đường. Và họ sẵn sàng lênh đênh tiếp trên những suối mơ ông đã khơi nguồn. Thế Lữ và Văn Cao là như thế. Người thi sĩ nọ và người nhạc sĩ kia chắc không phải đã không từng nuôi cảm hứng Thiên Thai của mình bằng những lời tuyệt vời của bài *Tống biệt*:

Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai,
Suối tiễn oanh đưa luống ngậm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một phút trần ai...

Tuồng Thiên Thai.

Một thực tế nữa là nhiều người thường nhắc tới cái văn phong ngông ngạo của Tản Đà. Cố nhiên cốt cách ngông ngạo này không chỉ tồn

tại riêng với người thơ của quê hương sông Đà núi Tản. Trước ông, đã có ít nhất một Cao Bá Quát, và sau ông, ít nhất cũng còn một người bạn vong niên: cây tùy bút Nguyễn Tuân.

Tuy nhiên, thói ngất ngưởng ngông nghênh của một Tản Đà thi sĩ vẫn đậm in cái dấu ấn riêng biệt của thời đại của ông. Đành rằng thói cao ngạo xưa nay vẫn là một kiểu phản ứng bảo vệ của những bản ngã tài tình muốn tự phân biệt mình với cuộc thế đầy rẫy sự nhàm chán, tầm thường, dung tục. Nhưng cách đây từ lâu lắm, đã có người sớm nhìn thấy trong cái ngông riêng của Tản Đà, hình ảnh của "một kẻ chiến bại tự trọng" – cái cảm giác chiến bại mà trong thi phú của các bậc cao nhân trước ông chưa thấy rõ, còn khí phách ngang tàng tự trọng thì – như Hoài Thanh từng thú nhận – đến thế hệ hậu sinh của ông "cơ hồ đã mất hết" rồi [1].

Nghĩa là cái phong tư khinh thế ngạo vật của Tản Đà, cũng như cái tôi trữ tình lãng mạn của ông – tóm lại tất cả hồn phách thơ ông – chính là sản vật đẹp đẽ tinh túy nhất của thơ ta trong một buổi giao thời. Tính cách quá độ ấy của thơ Tản Đà cũng phản ánh ngay trong hình thức. Khá nhạy cảm với làn gió mới đã bắt đầu xao xác, người thơ ấy sớm thấy rằng ít nhiều cũng cần nắn lại điệu đàn thơ:

Đờn là đờn
Thơ là thơ,
Thơ thời có chữ, đờn có tơ,
Nếu không phá cách vứt điệu luật
Khó cho thiên hạ đến bao giờ?

Và thi sĩ, từ thời viết Khối tình con đã trình chánh những bài thơ mà sau này ông tự đánh giá rằng "không theo niêm luật ở đâu hết, duy tôi không gọi nó là "thơ mới" mà thôi [2]."

Theo Tản Đà, Cảm thu, tiễn thu là một bài như thế. Nhưng điều có ý nghĩa là, làng "thơ mới" lại giễu cợt chính ngay Cảm thu, tiễn thu rồi tiến lên "tàn phá thanh danh của Tản Đà" [3]. Chỉ đến khi nhà thi sĩ lớn ấy đã mất đi trong cô đơn và nghèo khó, và "thơ mới" đã thắng thế rồi, lớp người sau mới kính cẩn và thiết tha nói những lời chiêu tuyết: "Tiên sinh gần chúng tôi lắm... Tiên sinh đã cùng chúng tôi chia sẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát ly ra ngoài cái tù túng, cái giả dối, cái khô khan của khuôn sáo... Có tiên sinh, người ta sẽ thấy rõ chúng tôi không

---

1. Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Sđd.

2. Tản Đà, *Phong trào thơ mới, muốn cùng ai trong bạn làng thơ*, Tiểu thuyết thứ bảy số 20-11-1934.

3, 4. Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Sđd.

phải là... những đứa thất cước, không có liên lạc gì với quá khứ của giống nòi" [1].

Như thế, dù còn lưu đày ở trần gian cho tới 1939, Tản Đà vẫn là tinh hoa của nền thơ quốc ngữ trước 1930. Hơn ai hết, Tản Đà xứng đáng làm người khép lại "cái thuở ban đầu" của một quá trình phát triển thi ca, cái thuở:

Văn vận nước nhà đang buổi mới.

Khác nào như:

Một mảnh trăng non chiếu cõi đời.
Còn chơi.

Trong quãng "trăng non" ấy của đời mình, thơ quốc ngữ đã trải qua một chặng đường mà thơ chữ Hán, chữ Nôm buổi sơ khai chắc phải đi hàng thế kỷ. Từ những bài thơ rất thật thà nhưng cũng rất nhiều vụng dại ban đầu đến khi Tản Đà tự thấy mình đã đủ điệu nghệ để có thể tung hứng những vần thơ theo một khúc lộng hoàn tuyệt diệu [2], thời gian chỉ ngoại chục năm. Chừng ấy tháng năm cho sự trưởng thành của một nền thơ với những tác giả và tác phẩm không nhỏ bé bên những đỉnh cao của các giai đoạn trước, một gia tốc phát triển như thế phải cho là lớn, không thể nào đánh giá khác đi. Sự thật đó bác bỏ mọi cách nhìn nhận bi quan về cảnh rạng đông của thơ quốc ngữ.

Tất nhiên, thơ quốc ngữ có thuận lợi là được ra đời khi thơ chữ Hán và chữ Nôm đã vượt qua giai đoạn mãn khai. Nó có điều kiện để lớn nhanh nhờ hấp thụ thành quả của các nền thơ trước. Song so với chữ Hán và chữ Nôm, chữ quốc ngữ là một dạng văn tự mới, mà vận mệnh gắn liền với sự rời bỏ một thời kỳ lịch sử. Vì thế, nền thơ viết bằng dạng văn tự mới ấy cũng sẽ nhanh chóng để lại phía sau mình nhiều rơi rớt cũ, để có thể làm bà đỡ cho một thi cảm yêu nước và trữ tình mới mẻ hơn.

Rồi thi cảm ấy cứ lớn mãi lên, mới hẳn lên, để sang đầu thập kỷ sau, bỗng tưng bừng tấu lên một "cuộc hòa nhạc tân kỳ" cả trong thơ lãng mạn và thơ cách mạng. Choáng ngợp trong không khí hội hè yến tiệc ấy của thi ca, người ta dễ nhìn thơ những chục năm trước đó với ít nhiều thương hại. Thơ quốc ngữ những năm đầu có vẻ như dễ bị hình

---

2. Bài *Còn chơi* trong tập văn xuôi và thơ cùng tên của Tản Đà.

dung trong hình ảnh một người chị, tần tảo nhưng nghèo trong chiếc áo tứ thân xoàng xĩnh. Cũng không sao. Trong nửa thế kỷ đầu tiên, thơ quốc ngữ đã làm tròn phận sự của nó – phận sự chuẩn bị, đã làm tròn sứ mệnh của nó – sứ mệnh khải đoan. Nó chưa là "thơ mới". Nhưng không phải vì chưa là "thơ mới" mà nó không có chút duyên riêng. Nó chưa thật sự là thơ hiện đại. Nhưng hành trình của thơ hiện đại xét về mặt phát triển nghệ thuật, quả đã bắt đầu từ trong lòng nó. Nó xa cách chúng ta bao nhiêu biến thiên của cách mạng và lửa khói của chiến tranh. Nhưng đâu phải vì thế mà đối với nó, chúng ta có thể:

Dám xa xôi mặt mà thưa thớt lòng...

ĐỖ KIM HỒI – NGUYỄN VINH PHÚC

PHẦN THỨ NHẤT

TRƯƠNG VĨNH KÝ
(1837 - 1898)

Trương Vĩnh Ký vốn tên là Trương Sĩ Tải. Ký là tên tự của ông. Lúc đầu tên tự ấy là Jean Baptiste Petrus (Giăng Báptixt Pêtruytx) Trương Chánh Ký sau đổi là Trương Vĩnh Ký hay Petrus Ký, sinh năm 1837, mất năm 1898, thọ 61 tuổi. Ông là người thôn Cái Mơn, xã Vĩnh Thành, huyện Tân Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ông là con một viên lãnh binh triều Nguyễn, lúc nhỏ học chữ Hán, chữ quốc ngữ, và được một linh mục đưa đến Cái Nhum học tiếng La tinh rồi chuyển qua một trường đạo, được phần thưởng về một luận văn bằng tiếng La tinh, đồng thời cũng thạo các tiếng Pháp, Hy Lạp, Anh, Ấn Độ, Nhật. Năm 1865, hai mươi tám tuổi, làm phiên dịch cho phái đoàn Phan Thanh Giản sang điều đình với Chính phủ Pháp. Năm 31 tuổi, ông làm chủ bút *Gia Định báo* và tờ *An Nam chính trị và xã hội*. Khi Paul Bert sang nhận chức Tổng Công Sứ, ông trở thành người cộng tác thân tín của viên Tổng Công Sứ và được cử vào Viện Cơ Mật của Nam triều, làm Giám quan cố vấn cho Đồng Khánh. Khi Paul Bert mất, ông bị nhóm thực dân không cùng cánh bỏ rơi, bạc đãi. Ông về làm nhà ở Chợ Quán, đọc sách, viết sách trong cảnh túng thiếu, và trong tâm trạng bi quan, tuyệt vọng.

Trương Vĩnh Ký là người sử dụng tốt 15 sinh ngữ, tử ngữ phương Tây, và biết vững vàng 11 thứ ngôn ngữ phương Đông. Đương thời, ông được giới học thuật tư sản Pháp liệt vào 18 nhà học giả uyên bác trên thế giới. Lúc đương thời ông là người ham hiểu biết, đi đâu, đọc gì, thấy gì cũng hay ghi chép để làm tư liệu.

NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TRƯƠNG VĨNH KÝ

Trương đã để lại 118 tác phẩm lớn nhỏ, cả tiếng Việt lẫn tiếng Pháp, không kể những công trình còn dở dang. Ngoài những sách dạy người Pháp học tiếng Việt, dạy người Việt học tiếng Pháp, được soạn rất nhiều, các tác phẩm của Trương có thể chia làm 6 loại:

1. Công trình nghiên cứu về lịch sử, địa lý:

– *Sử ký An Nam*

- *Sử ký Trung Quốc*
- *Giáo trình về địa lý Nam Kỳ (1875)*

2. Công trình nghiên cứu về các bộ môn khác trong khoa học xã hội:

- *Nghiên cứu so sánh tiếng nói, chữ viết, tín ngưỡng và tôn giáo của các dân tộc Đông Dương*
- *Tổng luận về các lối chữ tượng ý, tượng hình theo ngữ âm và theo vần a, b, c*
- *Nghiên cứu so sánh tiếng nói và chữ viết của ba ngành ngôn ngữ (1894)*
- *Phép lịch sự An Nam*
- *Hát lý hò An Nam*

3. Công trình biên soạn từ điển:

- *Từ điển Pháp - Việt*
- *Từ điển Pháp - Hán - Việt*
- *Từ điển địa lý An Nam*
- *Từ điển danh nhân An Nam*

4. Công trình dịch sách chữ Hán:

- *Tứ thư*
- *Sơ học vấn tâm*
- *Tam tự kinh*
- *Tam thiên tự*
- *Minh tâm bảo giám*

5. Công trình sưu tầm, phiên âm truyện Nôm và tác phẩm cổ Việt Nam:

- *Truyện Kiều (1878)*
- *Lục Vân Tiên (1889)*
- *Phan Trần (1889)*
- *Đại Nam quốc sử diễn ca (1875)*
- *Lục súc tranh công (1887)*
- *Nữ tắc*
- *Gia huấn ca (1888)*
- *Hịch Quản Định (1882)*
- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (1887)*
- *Trung nghĩa ca (1888)*
- *Gia Định phong cảnh vịnh (1882)*
- *Gia Định thất thủ vịnh (1882)*

hoặc những sáng tác dân gian:

- *Hịch con quạ (1883)*
- *Chuyện đời xưa nhón lấy những chuyện hay và có ích (1886)*
- *Chuyện khôi hài (1882)*
- *Ước lược truyện tích nước Nam (1887)*

6. Sáng tác thơ văn:

- *Ghi về vương quốc Khơ Me (1863).* Bút ký.
- *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876).* Bút ký.
- *Trương Lưu hầu phú (1882).* Phú.
- *Ngư tiều trường điệu (1883).* Phú.
- *Phú bần truyện diễn ca (1885).* Diễn ca.
- *Cờ bạc nha phiến diễn ca (1885).* Diễn ca.
- *Thơ tuyệt mệnh (1898).* Thơ.

Những sách biên soạn, nghiên cứu và cả những lời dẫn giải trong các tác phẩm sưu tầm, phiên âm của Trương Vĩnh Ký đã có nhiều đóng góp cho một số ngành khoa học đương thời, nhất là với khoa ngôn ngữ học và khoa học lịch sử.

Về truyện ký, chúng tôi giới thiệu ở đây:

Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)

Chuyện khôi hài (1882)

Chuyện đời xưa nhón lấy những chuyện hay và có ích (1886)

Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi là một tập bút ký hiếm hoi viết bằng chữ quốc ngữ thế kỷ XIX.

Vì là một chuyến đi gần suốt đất nước từ Nam chí Bắc mà tác giả lại thích ghi chép, nên tác phẩm giúp ích được nhiều cho việc hiểu biết đất nước: Chi tiết tỉ mỉ, hiểu biết sâu về sử của một người học rộng biết nhiều. Tấm lòng của tác giả đối với cảnh vật, với phong tục tập quán là một giá trị không nhỏ của nội dung. Và so với con mắt của người nặng tư tưởng phong kiến đương thời, cái nhìn của tác giả là cái nhìn tiến bộ. Ví như khi Trương bình phẩm chê trách mụ lái đò, thấy nước chảy xiết, đốt vàng hương khấn vái mong tai qua nạn khỏi.

Bài văn tuy viết cách đây một thế kỷ, lại không hoàn toàn dùng tiếng quốc ngữ chung của cả nước, vẫn không khó hiểu.

Nó cho thấy khả năng của văn xuôi tiếng Việt. Chúng tôi lấy gần hết tác phẩm.

CHUYẾN ĐI BẮC KỲ NĂM ẤT HỢI (1876)

(Bút ký)

Năm Ất Hợi (1876) bãi trường tham biện vừa xong, vùng tính đi ra Bắc chơi một chuyến cho biết. Trong bụng muốn cũng đã lâu; bèn cáo với quan trên, nhơn dịp chiếc tàu Duchaffaud đi mà đi. Về sắm hòm rương áo quần. Rủ thầy ba Hớn với ông sáu Thìn, nguyên một người ở tỉnh Bắc Ninh, một người ở Sơn Tây mà vào trong Nam Kỳ đã lâu, đi theo, trước là cho có bạn, sau nữa là cho họ về thăm quê quán.

Qua ngày 18 tháng chạp đề huề xuống tàu. Sớm mai giờ thứ 9 mới nhổ neo. Vợ con đi đưa, ngồi xe đi rảo trên bờ cho đến tàu quay trở rồi riu ríu xuống đồn Cá Trê, mới về. Xế giờ thứ hai ra cửa Cần Giờ, chỉ mũi chạy ra Mũi Né.

TỚI CỬA HÀN

Ngày 21 vô vũng Hàn vừa giờ thứ 5 chiều. Vô đó mà đưa ông Nguyễn Hữu Độ, là quan triều sai vô, lên mà về Kinh. Đậu ngủ đó một đêm.

Chạy hai ngày rưỡi nữa, vô thân trong Cát Bà đậu lại đó (ngày 25 hồi giờ thứ 10). Đến giờ thứ nhứt rưỡi qua tàu Aspic mà lên Hải Phòng (đồn Ninh Hải).

TỚI HẢI PHÒNG

Lên bờ đi thăm quan lãnh sự (M. Turc) rồi qua bên kia sông tới trọ nhà chú Khách Wan Sing. Sáng bữa sau lại qua ăn cơm nơi quan lãnh sự, rồi đi thăm các thầy làm việc ở đó cho luôn.

LÊN HẢI DƯƠNG

Tối lại, đi theo thuyền ông thương biện Lương quen khi đi sứ bên Tây năm 1863 mà lên tỉnh Hải Dương. 27 tới tỉnh. Vào thành ra mắt

quan lớn là ông Phạm Phú Thứ làm Thương chánh đại thần kiêm Tổng đốc tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Yên, có quen thuở đi sứ bên Tây. Ngài mừng rỡ lắm. Nội ngày cũng tới viếng ông Tuần phủ Nguyễn Doãn, nguyên trước có quen khi người vô giao hòa lần sau tại Gia Định.

ĐI LÊN HÀ NỘI

Các quan cầm ở lại đó chơi, ăn tết rồi hãy lên Hà Nội. Khi ấy là mùa đông, trời rét lạnh nên ăn ngon cơm lắm. Mấy bữa ấy, hội các quan lớn nhỏ cả tỉnh đủ mặt; khi ăn khi uống chuyện vãn cả đêm cả ngày. Quan đại lại bày làm rạp hát cho ba bữa luôn, coi hát bội cho no, rồi lại hát nhà trò. Vui vầy với nhau thế ấy cho tới mồng 6 tết, chiều giờ thứ nhứt mới lên võng lên cáng mà đi đường bộ lên thành Hà Nội. Trước hết nghỉ chơn tại cái chùa kia. Qua cung sau, nghỉ Ngạt Kéo, mặt trời chen lặn tới huyện Cẩm Giàng. Ông huyện tên là Dương Xuân ra mời vô nhà nghỉ đó. Sáng cơm nước rồi giờ thứ 8 từ giã ra đi.

TỚI HÀ NỘI

Từ Cẩm Giàng lên cho tới Hà Nội nghỉ 4 chặng:

1. Quán Cầu Đất (giờ thứ 10)
2. Tại Đồng Súng (giờ thứ 12 trưa)
3. Ngã Tư Dầu (giờ thứ nhứt rưỡi)
4. Chợ Bún (giờ thứ 3 rưỡi)

Giờ thứ tư rưỡi chiều ra tới bờ đê, đi trên đường quai xuống mé sông Bồ Đề, mướn đò đưa qua cửa Phố Mới.

Giờ thứ 8 tối tới nhà Hương Công là khách thương Gia Định ra mua hoa chi nha phiến đó.

Ở LẠI THÀNH HÀ NỘI

(Ngày mồng Tám Tết 1876)

Đi thăm lãnh sự

Sáng ngày ra đi thăm ông De Kergaradec làm Lãnh sự Lang Sa [1] tại Hà Nội, còn ở đỡ [2] trong trường thi của An Nam. Ra gặp ông điều lộ [3] Lang Sa tên là Jardon cầm ở lại ăn cơm sớm mai đó. Rồi ra khỏi đó, thầy ba Hớn đem vô nhà bá hộ Kim ở hàng xà cừ chơi, đi coi hàng xà cừ một dãy đó là người có đạo cả. Luôn đường lại rủ nhau đi coi chùa ông Nguyễn Đăng Giai.

Coi chùa Nguyễn Đăng Giai

Chùa ông Nguyễn Đăng Giai lập ở bên mép hồ Hoàn Gươm.

Nguyên thuở ông Nguyễn Đăng Giai ngồi tổng đốc tại Hà Nội, người bày ra cho đi quyên tiền quan dân mà lập nên kiểng chùa thờ Phật. Làm cũng đã công phu lắm, tốn tiền gạo hết nhiều, nên mới có bài thơ học trò Bắc chê ông ấy rằng:

Phước đức chi mầy bố đĩ Giai?
Làm cho tốn Bắc lại hao Đoài
Kìa gương Võ Đế còn treo đó,
Ngạ tử Đài thành Phật cứu ai?

Cảnh chùa ấy thật đã nên là tốt: vô cửa hai bên có tháp cao. Vào trong có hồ đi quanh co vòng theo chùa, lại ăn lọt dưới chùa nữa, hai bên mép xây gạch xây đá cả. Cầu bắc tứ phía qua chùa đều cùng xây đá gạch hết hẳn hoi. Xung quanh bốn phía có nhà hành lang chạy dài ra sau giáp nhau.

Trong chùa đàng trước để tượng Phật đứng bàn cả đám, hình lớn to, quang thếp cả [4]. Hai bên sau có làm động và tháp điện, đều bong hình nổi ra hết. Đàng sau có đền, có tạc hình ông Nguyễn Đăng Giai.

Phải chi nhà nước lo tu bổ giữ gìn thì ra một cái kiểng rất xinh rất đẹp. Mà nay thầy chùa thầy sãi ở đó dỡ ngói, cạy gạch bán lần đi mà ăn, nên hư tệ đi uổng quá.

---

1. *Lãnh sự Lang sa*: Lãnh sự Pháp. Lang Sa là phiên âm chữ France.
2. *Ở đỡ*: ở tạm trong một thời gian.
3. *Ông điều lộ*: ông phụ trách, trông coi công việc đường sá.
4. *Quang thếp*: quang dầu và thếp vàng.

Hồ Hoàn Gươm

Ngoài cửa có cái hồ Hoàn Gươm rộng lớn; giữa hồ lại có cái cù lao nhỏ nhỏ có cất cái miếu Ngọc Sơn, cây cối im rợp huyền vũ [1] coi tươi tốt. Nhà thiên hạ phố xá ở bao lấy miệng hồ.

Hồ này ở tại ngoài cửa đông nam tỉnh thành. Người ta truyền rằng: vua Lê Thái Tổ ngự thuyền dạo chơi trong hồ, có con quy lớn nổi lên, vua lấy gươm chỉ nó, nó ngậm gươm nó lặn đi. Có kẻ lại rằng: vua Lê Thái Tổ thuở xưa được gươm thần, ấn thần bèn khỉ binh [2], lấy để truyền làm báu đời. Đến đời vua Lê Thánh Tông mất thì gươm ấn ấy đều mất đi. Sau người ta thấy đầu gươm nổi dưới hồ, thò tay lấy, nó lại thụt mất đi, nên gọi là hồ Hoàn Gươm.

Đời sau lấy chỗ ấy làm chỗ tập binh thủy, nên cũng có kêu tên là *Thủy Quân* nữa. Lúc năm Vĩnh Hựu có lập Thoại Cung (Khánh Thoại) đắp gò Đào Tư, gò Ngọc Bội mà tập việc võ công. Sau lập ra hai sở, sở bên bắc kêu là *tả vọng hồ,* sở bên nam kêu là *hữu vọng hồ.*

Có truyện ngoài lại nói ông Lê Lợi, sau là vua Lê Thái Tổ thuở hàn vi đi chài dưới hồ ấy mà được cán gươm vàng. Tích đó là làm vầy: thuở ấy mà Trần suy đi, bị Hồ Quý Ly chiếm ngôi; lại bị nhà Minh bên Tàu qua đánh lấy nước nói để lập con cháu nhà Trần lại, mà không có làm. Có ông Nguyễn Thuần có chí khí hay cần vương tá quốc [3], mới đi lên non lên núi mà tìm con cháu dòng Tiền Lê, lo lấy nước lại. Đi bơ vơ tối chun xà vô cái miếu ở dựa mép đường đi mà ngủ. Khuya lại nghe tiếng kêu: ở anh? Sao chưa sắm sửa đi chầu? thì nghe tiếng đáp lại rằng: Thôi anh có đi, thì xin kiếu giùm cho tôi chút, nay tôi có khách; bãi chầu rồi về có sự gì nói cho tôi hay với. Nguyễn ngủ lại, sáng ra lại nghe tiếng ứng kêu mà nói trên Thiên đình đã định cho Lê Lợi đang cuốc đất làm rẫy, Nguyễn vùng kêu là anh, chào mầng nói là bà con anh em con chú con bác. Ở đó hẩm hút với nhau, Nguyễn ở nhà vỡ đất trồng trặc gặp được cái lưỡi gươm, còn Lê Lợi đi chài dưới hồ Hườn Gươm [4] lại được cái cán, đem về. Nói chuyện với nhau, đem ra rửa lắp lại vừa khít, mà lại là vàng cả. Nguyễn nói điềm làm vua chắc. Lo rèn khí giái [5], lập

1. *Huyền vũ*: có vẻ âm u bí mật và rộng lớn.
2. *Khỉ binh*: khởi binh. Nổi dậy bằng quân sự.
3. *Cần vương tá quốc*: hết lòng phục vụ nhà vua và giúp nước.
4. *Hồ Hườn Gươm*: tức hồ Hoàn Gươm, hồ Hoàn Kiếm.
5. *Rèn khí giái*: rèn khí giới.

bình. Động lại dắt nhau chạy. Tới nơi kia cũng cứ làm rẫy nuôi nhau: Lê Lợi ra đi bụi cắc cớ ngồi trên hai gò mối. Sông rồi thấy dơ, mới lấy chơn đạp gò mối mà lấp đi, chẳng ngờ được một cục gì nặng vuông vuông, cầm đem về cho Nguyễn. Nguyễn rửa ra coi thì là cái ấn ngọc. Nguyễn mới đắc ý thì trời đã tối, mới giục Lê Lợi ra khỉ nghĩa mà đánh Minh.

Tối mắc quan lãnh sự mời ăn cơm, nên liền đường đi chơi, rồi về lãnh sự ăn cơm. Cuối canh hai mới về nhà trọ mà ngủ.

Đức thầy Phước (Mgr Puginier) [1] thật đã có lòng; cầm ông sáu Thìn với thầy ba Hớn lại ở đó nói chuyện mà chờ khuya lơ khuya lắc. Té ra qua sáng bữa sau mới đi thăm đức thầy được. Người mầng rỡ hỏi thăm hỏi lom đủ. Rồi cầm ở lại dùng cơm với người, có cố Mĩ (P.Landais) là thầy chính sở Hà Nội và cố Phước (P.Bonfils là ký lục người đồng bàn trò chuyện vui vẻ lắm. Xế qua mới từ tạ các đấng mà về nhà Công ty cũng ở một dãy đó. Mới bàn với nhau kêu thợ may mền lót bông, áo quần dồi bông kẻo trời đông thiên lạnh lẽo lắm.

Bữa sau mồng 10 tháng giêng, còn lẩn quẩn coi những đồ đặt làm ngày chưa ra, và mua đồ vặt lụa hàng, đũi mẫu tư (Hưng Yên).

Hiệu Huỳnh lục ký là chủ hàng Quảng Đông giầu gởi thiếp mời đi uống rượu với ông Hương Công. Tối về lại hầu đức thầy. Sáng ra, chúa nhựt xem lễ tại nhà đức thầy. Rồi về nhà trọ nghỉ. Đức thầy mới cho cố Mĩ tới thăm thay vì người, vì không phép người đi tới nhà chệc khách mà đi thăm lại.

Giờ thứ nhứt chiều đang nghỉ trưa, vùng có người vào báo rằng: quan Tổng đốc Hà Nội Trần Đình Túc ở trong thành ra, đi tiền hô hậu ủng (củng) tới tại nhà Công ty tìm mà thăm.

Bịt khăn, mặc áo tiêm tất ra rước người vô. Ngồi nói chuyện với người cho tới giờ thứ 3 người mới về thành. Ông tổng đốc nầy là người trong Quảng, con nhà trâm anh, làm quan đã nhiều đời, đâu cũng bảy tám đời. Người đã lớn tuổi ngoài 70, mà còn sỏi lắm [2]. Tối lại đi lại hầu đức thầy.

---

1. *Mgr*: Monseigneur (môngxenhơ): điện hạ, các hạ, đức ông. Dùng để tôn xưng các vị giáo chủ, các vị vương hầu.

2. *Còn sỏi lắm*: còn sành sỏi, nhanh nhẹn, khéo léo.

Rạng mặt 13 con ông sáu thìn đi mua đồ vặt: rương chữ thọ [1] mà đựng đồ: sách vở, giấy mực, đồ cần... Chiều lại giờ thứ 3 rưỡi, mới đi vô thành mà trả lễ cho quan thượng. Có gặp quan bố tới hầu đó nữa. Tối về, Công ty đãi tiệc rượu có nhà trò một bữa. Khi ấy thấy ba Hớn đã xin tách ra đi về tỉnh Bắc (Bắc Ninh) thăm bà con đi rồi, còn lại có một ông lão Sáu.

Mấy bữa 14, 15, 16, quan thượng mời vô thành ăn cơm với người rồi cho một ông đội hầu đem đi dạo coi các nơi chơi.

Đền Kính Thiên

Trước hết vô hoàng thành cũ. Lọt khỏi ngũ môn lâu lên đền Kính Thiên. Đền ấy nền cao lắm, có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống. Cột đền lớn trót ôm [2], tinh những là gỗ liêm cả [3]. Ngó ra đàng sau còn thấy một hai cung điện cũ chỗ vua Lê ở thuở xưa, bây giờ hư tệ còn tích lại đó mà thôi.

Cột cờ

Ra ngoài cửa ngũ môn lâu, thẳng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ốc trong ruột nó mà lên cho tới trên chót vót. Leo lên thôi đà mỏi chân mỏi cẳng. Ra tại chuồng cu đứng ngó mông, thấy núi non xa gần, nhắm nhìn chót núi Tản Viên. Không dám ngó xuống vì ngợp lắm. Một bận đi xuống cũng hết hơi.

Đền Công

Đi lại cửa tây ra ngoài thành đi coi đền Công. Chỗ ấy huyền vũ có cây cao lớn sum sê rễ nó xỏ xà leo với nhau như rế, mát mẻ, im rợp quá.

Ông Thánh đồng đen Tây. Tượng

Ra cửa ô Bưởi đi coi chùa Trấn Võ Quan, tục kêu là ông thánh đồng đen, ở một bên mép hồ Tây, tượng ấy là tượng ngồi cao lên tới nóc chùa, đúc bằng đồng đen cả. Tóc quăn như đầu Phật, mặt cũng tựa tựa, còn từ cổ sấp xuống thì ra như hình ông thánh Phao Lồ, một tay chống lên cán cây gươm chỉ mũi lên trên mu con rùa, một tay thì ngay ngón trỏ mà chỉ lên trời, chơn thì đi dép. Có chữ đề mà đã mòn đã lu đi coi không ra.

---

1. *Rương chữ thọ*: cái hòm vuông bằng gỗ, bốn mặt có chạm 4 chữ thọ to.
2. *Trót ôm*: chu vi cây cột bằng vòng tay ôm của một người.
3. *Gỗ liêm*: gỗ lim.

Chùa Một Cột

Coi rồi mới ra đi đến xem chùa Một Cột, là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trồng giữa ao hồ.

Nguyên tích ai thiết lập ra thì người ta nói mờ ớ, không biết lấy đâu làm chắc cho mấy. Cứ sách *Sử kí* và *Đại Nam nhứt thống chí*, thì chùa ông thánh đồng đen kêu là Trấn Võ Quan tự, ở về huyện Vĩnh Thuận, phường Đoan Chương đời nhà Lê, năm Vĩnh Trị năm Chánh Hòa, vua Hi Tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đen cao 8 thước 2 tấc, nặng 6.600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắn vấn quanh theo vỏ gươm. Trong sử nói đời Thục vua An Dương Vương bị tinh gà ác và phục quỉ núi Thất Diệu, mà nhờ có thần hiện trên núi Xuân Lôi thuộc về tỉnh Bắc Ninh trừ ma phá quỷ hết đi thì vua dạy lập miễu phía bên bắc thành vua mà thờ là thần, đặt hiệu là Trấn Thiên Trấn Võ Đế Quân.

Thuở Minh Mạng năm thứ 2 vua ngự ra Bắc có ban 50 lượng bạc, lại một cái áo võ tư vàng [1].

Năm Thiệu Trị thứ 2, vua ngự có ban tiền vàng 1 đồng, áo vàng 1 cái, 1 bài thơ và 1 đôi liễn nữa.

Còn chùa Một Cột, thì cũng ở hạt huyện Vĩnh Thuận, làng Thanh Bửu, ở giữa cái hồ vuông, có trụ đá cao trót trượng, yêu viên [2] chừng 9 thước, trên đầu có cái miễu ngói chồng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngóc lên. Sử chép rằng: Thuở xưa vua Lý Thái Tông nằm chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi tòa sen dắt vua lên đài. Tỉnh dậy học lại với quần thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chăng. Thì thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thể ấy đặng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên thọ cho vua [3], thì vua cho và dạy lập ra.

Qua đời vua Lý Nhân Tông sửa lại, bồi bổ, lập tháp, đào ao, xây thành, làm cầu, tế tự, hễ tháng tư mồng 8 vua ngự ra đó kì yên. Lại đúc chuông, mà đúc rồi, chuông đánh không được kêu nên bỏ ra ngoài Qui Điền. Đời vua Lê Thái Tổ đánh giặc với quân nhà Minh, vây trong thành Đông Quan binh khí hết đi, nên quân Minh lấy mà đúc súng, đúc đạn đi.

---

1. *Áo võ tư*: tư là quan đầu hay thứ ở một bộ nào của nhà nước phong kiến. Áo võ tư là áo ban cho một ông quan võ.

2. *Yêu viên*: vòng tròn quanh lưng. Đây là chu vi phần giữa trụ đá.

3. *Cầu diên thọ*: diên là kéo dài ra. Cầu diên thọ là cầu chúc cho tuổi thọ kéo dài.

Hồ Tây

Cái hồ Tây ở tại huyện Vĩnh Thuận, phía đông bắc thành Hà Nội, kể chu vi nó được 20 dặm, nước sâu từ một thước cho đến một trượng; thuở xưa tên nó kêu là Lãng Bạc. Nước nó trong veo trông vào như mặt kính vậy. Thường người ta phiếu hàng lụa [1] thì đều dùng nước hồ ấy mà làm. Tục ngoài ấy hay nói: *Làm người phải cho có ý, người nào mang bị là người Tây Hồ*: mang bị là mang hàng lụa đi đến đó mà giặt mà xả.

Đời xưa các vua có làm cung điện mà chơi đó. Như đời vua Lý Nhân Tông ngự thuyền nhỏ đi chơi, mà bị Lê Văn Thạnh làm thuật hóa cọp mà nhát, nhờ Mục Thận vãi chài chụp được. Vua Trần Dụ Tông khi còn nhỏ đi dạo thuyền té dưới hồ Tây, nhờ có thầy Trân Canh cứu được cho khỏi chết. Vân vân.

Người ta truyền miệng rằng có con Kim Ngưu [2] ở núi Lảng Kha chạy nhủi [3] dưới hồ ấy. Rốt đời Cảnh Hưng, nước hồ nó đổi sắc đi, lại nói phía đông hồ thường đêm có thấy một con trâu ăn cỏ đó, mà hễ người ta lại gần thì nó hụp xuống hồ mất đi. Cách ít lâu sau, mưa dông sấm chớp luôn cả một đêm, sáng ra thấy dấu trâu ở trong hồ ra mà sang qua sông Nhĩ Hà. Sau tiệt đi không thấy nữa. Xung quanh mép hồ nhà dân sự ở đông. Đã nên là một kiểng sơn thủy quá vui quá đẹp, phải mà sửa soạn bồi bổ cho hẳn hoi, thì lại càng ra xinh ra đẹp hơn nữa bội phần.

Văn Thánh miếu

Đó rồi đi coi Văn Thánh miếu ở tại phía tây nam tỉnh thành, tại huyện Thọ Xương, làng Minh Giám, là chỗ thuở đời nhà Lý, vua Thánh Tông đi tế tượng thánh Khổng Tử và bốn vị á thánh, lại 72 sĩ hiền. Sau miếu, hai bên tả hữu có bia tấn sĩ tạc đá xanh, dựng lưng qui sắp hàng từ đời kia qua đời nọ nhiều lắm. Đời nhà Trần, nhà Lê cũng nhân đó mà làm luôn. Đời Gia Long có lập thêm cái Khuê Văn Các trong cửa Nghi Môn.

Coi rồi lại lộn về cửa nam, vô coi tàu voi, rồi trở về nhà trọ nghỉ. Tối lại hầu đức thầy.

---

1. *Phiếu hàng lụa*: phiếu là giặt, là vã vào nước cho vải, lụa trắng ra.
2. *Kim ngưu*: trâu vàng.
3. *Nhủi dưới hồ*: trốn dưới hồ.

Rằm quan thượng trong tỉnh cho mời vô thì cơm [1] với người. Người cho đi bắn cò chim về uống rượu, lại hối bà lớn và các cô làm mắm rươi hai ba thứ cho mà ăn thử với thịt kèo chưa biết.

Người ham hỏi chuyện và nói chuyện lắm, cả ngày coi sách coi vở luôn luôn. Người ăn học lịch lãm đã nên là có công. Hầu quan lớn một buổi, từ giã người ra về Phố Mới. Mua đồ sửa soạn, sắp đặt cho sẵn; trả tiền trả bạc đồ mua đồ đặt cho xong đi. Tối cũng lại hầu chuyện đức thầy Phước.

Kế lấy được thơ thầy ba Hớn ở Bắc Ninh mời qua một bữa chơi cho biết xứ. Thì đã lo võng đá đặng sáng bửng tưng ra có đi. Ai ngờ mới mờ mờ đất, trong thành quan thượng cho ra mời vô, vì có ông đại thần dưới Hải Dương lên, nên đi không đặng, phải cho ông sáu Thìn thế hành [2] lên cáng tuốt qua Bắc Ninh với thầy ba kẻo trông.

Vừa đâu thấy quân gia kéo đỏ đường vô thành, ấy là quan đại nhập thành. Ở trong thành thăm các quan cho đến trưa mới về được. Xế lại đi xuống trường thi thăm các quan Lang Sa; về nai nịt đồ đạc tính có lo lộn xuống Hải Dương về Hải Phòng mà về Gia Định.

Bữa sau 17 tháng giêng trưa ông sáu Thìn với thầy ba Hớn ở tỉnh Bắc Ninh mới về. Bàn với nhau sự về bữa 19. Vậy nhứt diện kiểm điểm đồ lề, nhứt diện đi thăm viếng từ tạ các quan tây nam cả. Về nhà Công ty đãi đưa chơn một bữa. Chiều lại vô quan thượng từ tạ mà về, người có cho một ông đội và sáu tên lính đi theo đưa xuống tỉnh Đông.

Rạng mặt 19 đi từ giã đức thầy, các cố, các cụ. Giờ thứ 8 xuống thuyền qua sông Bồ Đề, vô ngả sông Giâu, xuống Lục Đầu Giang, sông Thiên Đức. Giờ thứ 4 rưỡi chiều ngày 20 tới tỉnh Hải Dương. Đi ngả ấy có qua cái thác. Tức cười cái mụ đò. Ai nấy lên bờ đi bộ bớt cho nhẹ thuyền; mình với thầy ba Hớn ở lại để coi nó xuống thác thể nào cho biết. Thấy nước chảy thật nên gớm. Thuyền gần tới thác, mụ đò thắp nhang, đốt giấy vàng bạc, vái lớn tiếng cách nghiêm trang tề chỉnh. Rồi hai mẹ con ôm chèo kềm lái cho vững để nước tống chiếc thuyền chạy trượt xuống một cái gọn gàng.

Thuyền tới tỉnh đậu lại tại bến Hồ. Sáng ra mới lên thành vào quan đại từ giã các quan, xin lui về Hải Phòng. Ở đó cả ngày 21, tối

---

1. *Thì cơm*: xơi cơm, ăn cơm (thời cơm).

2. *Cho ông sáu Thìn thế hành*: cho ông sáu Thìn đi thay.

các quan cầm ngủ trong thành, tiễn nhà trò một bữa vui lắm tại nhà học có đủ mặt các quan.

Đây rồi ta xuống Hải Phòng. Mà ta để đình việc đi một lát, mà nói về tỉnh Hà Nội và Hải Dương, là những tỉnh ta đã đi qua cho biết hành tích địa thế nó ra làm sao mà nghe mà chơi đã, rồi sẽ nói về chuyện đi đứng các chỗ khác.

TỈNH HÀ NỘI

Tỉnh Hà Nội từ Đ (đông) qua T (tây) 25 dặm, từ N (nam) qua B (bắc) 129 dặm.

Giáp giới

Đ chạy tới mép sông Nhĩ Hà, bên kia về tỉnh Bắc Ninh

T giáp giới tỉnh Sơn Tây

N chạy tới sông Thanh Khuyết ngang tỉnh Ninh Bình

B chạy tới bờ sông Nhĩ Hà, ngang địa phận tỉnh Bắc Ninh

Từ tỉnh thành lấy vô tới Kinh đô (Huế) kể được 1.104 dặm.

Danh tích

Tỉnh này nguyên thuở đầu Hùng Vương là bộ Giao Chỉ.

Đời Tần là nước vua An Dương Vương.

Đời nhà Hán, nhà Tùy là bộ Giao Chỉ

Đời nhà Đường là An Nam đô hộ phủ, đời ấy mới xây Đại La thành

Đời nhà Đinh phân làm đạo

Đời nhà Tiền Lê phân làm lộ

Đời nhà Lý lập đô thành tại đó kêu là Nam Kinh, là vì vua Lý Thái Tổ thấy rồng đoanh thuyền ngự [1], nên đặt tên là Thăng Long thành

Đời nhà Trần đổi tên là Trung Kinh

Đời nhà Minh chiếm lấy mà trị thì kêu là Đông Quan thành.

Đời nhà hậu Lê kêu là Đông Kinh, rồi kêu Trung Đô, sau từ Lê Thuận Tông lại kêu là Đông Đô đối với Tây Đô là Thanh Hóa

---

1. *Đoanh thuyền ngự*: vây quanh lấy thuyền nhà vua.

Đời Tây Sơn kêu là Bắc Thành

Đời Gia Long làm ra trấn, phân đất bắc ra làm năm trấn trong là Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương; còn Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên, sáu trấn kêu là sáu trấn ngoài vì có Nùng ở xen

Đời Minh Mạng năm thứ 12 cải làm ra tỉnh, năm thứ 15 cải kêu 13 tỉnh đất bắc là Bắc Kì

Đời Tự Đức năm thứ 5 mới phân tỉnh ra.

TỈNH HÀ NỘI

Có 4 phủ, 15 huyện

1. Hoài Đức phủ, ĐT 19 dặm, NB 40 dặm

Đời Lê thì kêu là Phụng Thiên phủ

Đời Hán thì kêu là Long Biên huyện

Đời Tống thì kêu là Tống Bình huyện

Sau gọi là Tống Bình quận

Lúc thuộc Minh thì gọi là Đông Quan huyện. Lê sau kêu là Vĩnh Xương. Đời Minh Mạng năm thứ 2 lãnh 8 tổng, 115 thôn, phường.

Phủ này chia ra làm 2 huyện

1. Vĩnh Thuận huyện, 5 tổng, 40 thôn, phường, trại

2. Từ Liêm huyện, 13 tổng, 82 xã, trang, thôn, sở.

2. Thường Tín phủ, ĐT 20 dặm, NB 54 dặm. Thành đất, châu vi 203 trượng, 2 thước, cao 7 thước 2 tấc, hào rộng 3 trượng, cửa 3 cái

Đời Hán về Giao Chỉ quận, đời Trần sấp về trước thì là châu Thượng Phước. Minh thì là châu Phước An, hậu Lê kêu là Thường Tín, Minh Mạng năm thứ 12 cho lãnh 3 huyện:

1. Thượng Phước huyện, 12 tổng, 82 xã, thôn

2. Thanh Trì huyện, 12 tổng, 100 xã, thôn, phường, châu

3. Phú Xuân huyện, 11 tổng, 84 xã, thôn.

3. Ứng Hòa phủ, ĐT 74 dặm, NB 83 dặm. Thành đất, châu vi 271 trượng 2 thước, cao 7 thước 2 tấc, hào rộng 2 trượng, 2 thước 3 cửa. Đời Hán thuộc Giao Chỉ, đời nhà Lý làm ra Ứng Thiên phủ, Minh cải là Ứng Bình, Tự Đức năm thứ 5 cho lãnh 4 huyện:

1. Sơn Minh huyện, 8 tổng, 75 xã, thôn

2. Hoài An huyện, 4 tổng, 50 xã, thôn, phường, sở

3. Chương Đức huyện, 9 tổng, 60 xã, thôn, trại, sở

4. Thanh Oai huyện, 12 tổng, 93 xã, thôn.

4. Lý Nhơn phủ, ĐT cư 56 dặm, NB 77 dặm. Thành đất rộng 329 trượng, cao 7 thước 2 tấc, hào rộng 5 trượng có 3 cửa.

Đời Hán thuộc về quận Giao Chỉ, đời nhà Trần sấp về trước là châu Lợi Nhơn, Minh là phủ Giao Châu, Tự Đức năm thứ 5 cho lãnh 5 huyện:

1. Kim Bảng huyện, 6 tổng, 57 xã, thôn, trang, sở

2. Duy Tiên huyện, 6 tổng, 60 xã, thôn, trang

3. Thanh Liêm huyện, 9 tổng, 80 xã, thôn, trang

4. Nam Xang huyện, 9 tổng, 80 xã, thôn

5. Bình Lục huyện, 4 tổng, 37 xã, thôn.

(THỔ SẢN PHỦ LÝ NHÂN CA)

Nam Xang nước lụt lắm ốc nhồi (lồi)
Kim Bảng lươn bung mới dạo sôi,
Thanh Liêm bỏm bẻm nhai trầu quạch [1]
Bình Lục phì phào hút thuốc hôi
Duy Tiên thịt thúi ba chiều chợ.

Hình thế

Hình thế tỉnh Hà Nội tốt lắm. Nó ở chính giữa các tỉnh Bắc Kỳ phía tây phía nam có núi non che án, đất bằng đai rộng, bên tả có sông Nhĩ Hà quanh, bên hữu có sông Hạc Giang chảy. Tỉnh ấy đã hơn 800 năm là đất cựu đế đô.

Khí hậu

Tháng giêng mùa xuân phát pháy gió đông thổi, trời rét (lạnh). Tháng hai tháng ba dịu bớt, tháng tư tháng năm thường nắng. Từ

1. *Nhai trầu quạch*: quạch là thứ rễ, vỏ ăn với trầu.

tiểu mãn [1] sấp về sau, sông Nhì Hà nổi nước, ban đầu mưa nhiều to đám, sau nước đẫy lên hoài làm nên lụt, lúc ấy lo giữ đê bờ quai, nhặt lắm.

Thượng tuần tháng 7, mồng 3, mồng 7, mồng 8, mỗi bữa thường có mưa lớn, tục kêu là mưa *ngâu* (vì sao *Chức Nữ* qua sông Ngân Hà về với sao *Khiên Ngưu*). Tháng 9 mồng 9 có mưa thì được mùa, không mưa thì mất mùa. Có lời ngạn ngữ rằng: Mồng 9 tháng 9 có mưa, thì con đi sớm về trưa mặc lòng. Mồng 9 tháng 9 không mưa thì con bán cả cày bừa con ăn.

Mùa đông rét lạnh, lại có thứ sương tục kêu là *sương muối*, hay hại cỏ cây lắm, rét buốt da tay chơn như kim châm. Câu ví gió đông rằng: gió đông non chui vào đụn rạ, sống là họa, chết đã cầm tay. Nói về thằng đểu hoang, không còn có chi mà che thân mà cự rét vì: quay đất nó đã quấy anh, quần áo cố hết một manh chả còn.

Đại để nó là mùa xuân mùa đông thì lạnh nhiều, mà mùa hè mùa thu thì mưa già. Ruộng sâu thì đông cấy hè gặt. Từ tháng giêng cho tới tháng 8, để tằm được.

Phong tục

Trong tứ dân [2] đều có chuyên nghề cả, mà nông nghiệp thì bội hơn. Chốn thiềng thị thì công thương tụ, có lộn Ngô khách [3]. Đàn ông con trai hay ngồi quán, ngồi lầu trà rượu ăn chơi, và việc cày cấy thì nhờ đàn bà con gái làm.

Đàn ông ăn mặc cũng thường, điều áo vắn tới đầu gối, đầu hay đội nón ngựa, bít khăn đen.

Đàn bà mặc áo có thắt lưng làm bìu (bọc), yếm đỏ, không gài nút nịt, nút vai thả không ra mà thôi, đầu đội nón giâu (ba tầm) lớn gần bằng cái nia, hai bên có hai quai tụi [4] vấn tòng teng, đầu vấn ngang, lấy lượt nhiễu vấn tóc mà khoanh vần theo đầu. (Có một làng Kẻ Lỏi có đàn bà bới tóc), dưới mặc váy, chơn đi dép sơn, nước da mịn màng trắng trẻo, má hồng, da ửng, gót son phốp pháp người, răng nhuộm đen cánh gián.

---

1. *Tiểu mãn*: khoảng thời tiết vào tháng tư, sau lập hạ.
2. *Tứ dân*: theo quan điểm của người xưa thì tứ dân là sĩ, nông, công, thương.
3. *Ngô khách*: tức Hoa kiều, buôn bán tại các đô thị.
4. *Hai quai tụi*: tụi là tụm giây quấn quanh và rủ xuống ở hai đầu quai nón dùng làm trang sức.

Thói trật áo thắt lưng là nhơn bởi trời đông thiên rét lạnh, đờn bà có con, cho bú một lần phải mở nhiều áo khó lòng nên để luôn như vậy. Còn thắt lưng thì cũng là vì lạnh, con gái thấy vậy cũng bắt chước làm theo, mùa nào mùa nấy cũng để luôn như vậy mà thành tục.

Ngày tư ngày tết hay đơm thần quải tổ [1], mở tiệc ăn chơi hát xướng, phụ tiên kì thần [2], việc tang tế hay làm trọng thể xa xỉ quá. Nên Tàu có lời rằng: Sanh ư Quảng Đông, tử tại Hà Nội, gia quan ư Triều tiểu.

Nhà trò

Khi đám tiệc, hội hữu [3] hôn tế, kì yên, chạp miễu [4] thường hay dụng nhà trò. Nhà trò là con gái đương xuân sắc, chuyên tập nghề ca xướng, tục kêu là *cô đào*. Có đám tiệc thì người ta rước tới hát, thường hát theo ca trù giặm Túy kiều, câu hát thơ phú hoặc kể truyện. Hát cũng khi ngồi khi đứng tay nhịp sanh, miệng hát nhiều cung bậc giọng thấp giọng cao ngân nga hay và êm tai lắm; có chú kép ngồi một bên gảy (khảy) cái đờn đáy, lại có người đánh trống nhỏ cầm chầu. Có khi lại đứng bắt bộ và múa và hát. Có khách thì chủ đám lại bắt phải quình tương rượu. Tay bâng chén rượu, miệng hát câu chi hoặc tình ái hoặc nhân ngãi để mời cho khách uống đi. (Câu hát là giọng *quình* chén rượu là chén *quình tương*) tích chén nước Vân Anh đưa cho Bùi Hàn uống. Giọng nhà trò thường là những giọng sau này: mẫu dựng, thiệt nhạc, ngâm vọng, tì bà, tất phản, hát nói, gởi thơ, huình, hãm, cung bắc, cửa quyền, non mai, nường hạnh, chữ khí, thơ, thổng, vân vân...

Tục hay nói: *gái tháng hai, giai (trai) tháng 8*, nghĩa là thường tháng hai làng tổng có làm đám hội thì gái tranh sắc, tháng 8 làm cỗ nhấm thì trai tranh tài.

Hội

Làm hội là làng kì yên, rước đưa thần bụt. Viên quan chức sắc thì lưng đai bố tử [5] đầu đội mũ tú tài, chơn đi hia, có một ông chánh

---

1. *Đơm thần quải tổ:* đơm cỗ cúng thần và quảy cỗ đến cúng tổ tiên.

2. *Phụ tiên kì thần*: *phụ tiên* là khấn khứa mời tiên hiện đến, *kì thần* là cầu khấn thần.

3. *Hội hữu*: cuộc tập hợp những người cùng một hội, một tổ chức.

4. *Chạp miễu*: *Chạp* là bữa ăn cúng cuối năm, *miễu* là cỗ cúng thần linh.

5. *Bố tử*: vải màu tím tía.

đám, chánh tế thì đội mũ trái bí, cổ đeo choàng vai xuống nách thứ toàng mạng (là chuỗi hột hương thơm), đi có cờ xí, cờ tướng [1] cờ đuôi nheo, cờ linh tiển, kiệu song loan, đồ lộ bộ [2], tàn lọng, đi có hàng lớp thứ tự, ai ai cũng có cầm quạt che mặt còn quân đái đệ thì đội mão cứt heo, đóng khố nỉ thêu, mình ở trần, tay cầm khăn đỏ. Trai tơ gái lứa chưng đồ tử tế, đổ nhứt ra nhõng nhẽo đi coi.

Hát đúm

Hội, giụm 3 giụm 7 từ chòm từ khóm hát đúm, là hát hoa tình ghẹo chọc đối nhau.

Thường mùa hội, ngoài quán trong lều hay đánh quay đất (bong) thò lò (bong vụ) xóc đĩa (chẳn lẻ) dồi mò (dồi sấp ngửa).

Đám lớn lại có đứng tướng, là làm chỗ đài cao trống, chọn một người hoặc con gái, hoặc đờn bà có bóng sắc ngồi đó có năm ba con thể nữ hầu. Khi hội rình rang đi thì người ta tin có thần có ma bắt cái người cầm cờ tự nhiên ríu ríu lại chỗ đó vẫy cờ xung quanh, chỉ là trong cũng có người thinh sắc [3] thần yêu thần vì lấy làm kiết tướng chi triệu (điềm lành, tốt).

Cỗ nhắm

Tiết tháng 8 tục có làm cỗ nhắm tại đình, cúng tế thần kì yên. Đua nhau dọn cỗ, một cỗ tế rồi ngồi ăn cùng nhau, còn một cỗ mâm án thư chồng đơm lên nhiều từng, lấy nứa róc vấn giấy đỏ làm đồ kê mà chưng có từng, trên có làm con phượng con long, con lân con qui đứng đầu mâm để tối chia nhau, bíu xén nhau. Dịp ấy thường coi hát nhà trò, đánh gậy (đánh quờn, nghề võ) vật, múa rối cạn (hát hình) múa rối nước, leo dây, bài điếm, cờ người, nấu cơm thi, dệt cửi thi, bắt chạch, tạc tượng (đục (giục) tượng), thảy đều có ăn cuộc ăn dải cả.

Nấu cơm thi là phải nấu thi coi thử ai chín trước, và khéo khỏi cháy, khỏi khê, khỏi khét. Người ta đưa cho ít cái đóm với bã mía hay là rơm, thắp cầm hơ đít nồi mà nấu.

Còn dệt cửi thì làm sàn ra ngoài ao vừa để cái khung cửi ả chức ra đó lên ngồi dệt, đâm thoi, bắt thoi cho bền cho lẹ, nếu trật thoi văng rớt xuống ao thì thua.

Bắt chạch là một trai một gái tay choàng cổ ôm nhau, tay kia

---

1. *Cờ tướng*: cờ có chữ *tướng* ở giữa.

2. *Đồ lộ bộ*: bộ nhạc khí dùng trong một đám rước (đàn nhị, sáo, kèn, v.v...)

3. *Người thinh sắc* tức người thanh sắc: người có giọng tốt hát hay, và có vẻ mặt đáng yêu.

thò vô chum sâu có thả con chạch, ai bắt được thì ăn dải.

Tạc tượng là bắt một cô đào nhan sắc có duyên đẹp đẽ mặc áo lượt thưa rểu, quần lãnh bưởi có người ngồi ra tại giữa giàn làm trên ao hồ. Trai lãnh chàng đục, đóng khố giấy ra đó, làm bộ đẽo chạm, hễ giữ không được thì tâm hỏa động, dương vật dậy rách khố mất ăn, khi ấy đâm đầu xuống ao lặn đi đỡ xấu, ấy ít lời về phong tục sơ lược cho biết qua vậy.

Thành trì

Thành Hà Nội châu vi 432 trượng, cao 1 trượng, 1 thước 2 tấc, hào rộng 9 trượng, có 5 cửa, ở tại Thọ Xương, Vĩnh Thuận hai huyện. Từ Lê sấp về trước các vua đóng đô tại đó, cũng có kêu là Phụng Thiên thành, ở trong thành Đại La, mà lâu đời đã lui đi. Kế lấy quân Tây Sơn tới choán lấy mới cứ nền cũ, mới bắt từ cửa Đông Hoa tới cửa Đại Hùng mà xây thành lên.

Đời Gia Long nhơn vì của là của quân Tây Sơn làm ra, nên không ưng bèn cải tu; Gia Long năm thứ tư xây thành lại.

Trong nội có hành cung chánh điện, 2 tòa có tả vu hữu vu. Sau điện có Tịnh Bắc lầu, bốn bề có xây thành gạch, trước chánh điện (là Kỉnh Thiên điện), sân xây đá Thanh, có cấp đá rồng lộn 9 cấp mà lên điện. Ra ngoài có ngũ môn lâu, đề chữ *Đoan môn* đời nhà Lý để tích lại. Ngoài nữa ngay cửa nam có cột cờ xây đá gạch, trong ruột xây khu ốc lên thẳng tới trên chót vót.

Minh Mạng năm thứ 16, thấy thành cao quá bớt xuống 1 thước 8 tấc.

Thuở xưa còn đô thành thì có 36 cửa ô phường phố, đời nay ra tỉnh thành, phía ĐN có 21 đường phố tinh nhà ngói cả:

1. Hàng Buồm, Ngô khách bán sách vở, đồ tàu, thuốc bắc
2. Quảng Đông Minh Hương khách hộ ở
3. Hàng Mã bán minh y minh khí [1]
4. Hàng Mâm
5. Báo Thiên phố, bán vải đen, vải xanh
6. Phố Nam hay là Hàng Bè, gần đó có chợ Hôm, hai bên dân làm thùng cây, thùng tre
7. Phố Hàng Bồ

1. *Minh y minh khí*: áo và đồ dùng bằng giấy đốt cho người chết dùng.

8. Hàng Bạc

9. Hàng Giày, hia

10. Hàng Mây choại [1]

11. Đồng Lạc phố

12. Thái Cực phố (phố Hàng Đào)

13. Đông Nhà phố (Hàng Bát)

14. Phước Kiến phố bán đồ đồng, đồ thiếc

15. Phố Hàng Muối

16. Đồng Xuân phố

17. Thanh Hà phố

18. Hàng Gai

19. Hà Bao phố

20. Hàng Trà

21. Quảng Minh đình phố.

Chợ

Chợ búa nội cả tỉnh cũng nhiều lắm. Mà chợ lớn có tiếng và đủ đồ hơn hết tại Bắc Kỳ thì là những chợ kể trong câu ví này: *Xứ Nam là chợ Bằng Vồi, xứ Bắc Giâu, Khám, Xứ Đoài Xuân Canh*; nghĩa là tỉnh Hà Nội, Hưng Yên, Ninh Bình, Nam Định là phía nam thì có chợ Bằng, chợ Vồi có tiếng hơn hết. Còn Bắc là Bắc Ninh thì có chợ Giâu, chợ Khám, xứ đoài là trên Sơn Tây thì là chợ Thâm Xuân Canh.

Cầu

Cầu đất bắc hay làm cầu đá, cầu gạch cầu gỗ, lại hay làm cầu lợp ngói, chùa đình cũng nhiều lắm lắm. Mà muốn biết đâu hơn đâu thì lấy trong câu này: *Cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài*, nghĩa là cầu tốt hơn thì là tại trong các tỉnh Nam, còn chùa chiền lớn cột cao nóc, khéo tốt thì lại xứ Bắc Ninh; đình làng, đình chợ mà làm kĩ tốt thì trên miệt xứ Đoài.

Về đồ ăn có tiếng ngon hơn, như trong Nam Kỳ kêu *chiếu Cà Mau, thuốc Gò Vấp, rượu Gò Cát* vân vân, thì ngoài Bắc Kỳ có cái ca như vầy: *Dưa La, cà Láng, nem Báng, gỏi Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét* (chỉ tên xứ: kẻ La, kẻ Bảng, kẻ Bần, Vạn Vân, kẻ

---

1. *Hàng mây choại*: choại là một thứ giây leo có thể dùng như dùng mây.

Đầm Sét).

Cơm Văn Giáp, táp (thịt tái) Cầu Giền, chè quán Tiên, tiền Thanh Nghệ.

Cơm quán dọn tử tế thì là tại quán làng Văn Giáp trên đường lên tỉnh Hà Nội, vào cửa ô Đồng Lầm; còn thịt tái thịt thâu ngon có tiếng thì là tại quán Cầu Giền, chè cháo nấu ngon thì là tại quán Tiên cũng tại đường lên Hà Nội, tiền xe gánh ra nhiều thì là phường buôn ở trong Thanh trong Nghệ đem ra.

Thổ sản đất Hà Nội

Lúa: lúa dê (duy), lúa thông, lúa dự, lúa lem bông, lúa trĩ, lúa hương, lúa thầy đường, lúa bạch canh.

Nếp: nếp bông vàng, nếp răng ngựa, nếp ruồng, nếp cau, nếp trái vải, nếp đuôi chồn, nếp ngọc thục...

Tơ: bông cán, hàng đoạn bông (phường Thọ Xương, Kiên Liên dệt) trừu bông (Từ Liêm), hàng lượt, lãnh bông, lượt bùng, the rây, lụa bông, lụa trắng, thao [1], vải trắng, the lân, xuyến [2], láng gốc...

Giấy hội (giấy viết sắc), các thứ giấy bắc, quạt trúc, nón nan; ngói gạch, nồi đất (đồ gốm), trà, muối diêm, mật ui, đường hạ, vôi đá, bánh phục linh, trôi nước, xôi bông đường, bánh mì khoai, rượu trắng; khoai lang mộng, khoai sáp, khoai mài, khoai tím, khoai ngọt; củ sắn, củ đậu, củ nần, củ hành tinh, xoài, mít, nhãn, hồng thơm, hồng đỏ...

Gỗ mít, gỗ thị, gỗ thông, gỗ bàng, gỗ liễu. Tre, tre gai, tre lớn, tre ve, v.v...

Hộ khẩu

Đời Minh Mạng số dân tính được 52335 tên; nay (Tự Đức) 60257 tên.

Điền phú

Ruộng 393066 mẫu; lấy thuế, lúa 245650 đấu, tiền 20775 quan, bạc 1276 lương [3].

Bản in Nhà hàng Ghiăng và Máctinhông
(Guyan et Martignon), Sài Gòn, 1881

---

1. *Thao*: giây, giải bằng lụa.
2. *Xuyến*: lụa mỏng, trong.
3. Sau tỉnh Hà Nội, bài ký nói đến các tỉnh Hải Dương, Nam Định, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hưng Yên.

CHUYỆN KHÔI HÀI

Tác phẩm có 38 Chuyện cười. Nụ cười ở đây không mấy khi thật thâm thúy, nhưng cũng ít khi tục tần, những nụ cười nhẹ nhàng, lành mạnh. Chúng tôi chọn 10 chuyện (các chuyện số 6, 7, 8, 9, 10, 15, 22, 25, 30, 34, trong cuốn sách).

6. Chữ thiên trồi đầu.

Lão kia hay chữ, mà cà xốc [1], thấy con kia đề đạm [2] nhủm nha [3] có duyên có sắc thì hát chọc rằng: "Thấy em cũng muốn làm quen, lại sợ em có chữ thiên trồi đầu". Con kia đáp lại: "Anh ơi chớ nói thêm sầu, chữ thiên trồi đầu lại có phết vai" [4].

7. Thơ hòa thượng

Thằng cha học trò khó kia lý láu [5] nghe chùa hòa thượng làm đám, lết dép mò tới kiếm ăn. Mà thầy ấy không ngỡ ngàng gì tới, mới giận mà viết ba chữ dán cửa nhà chùa rằng:

Thằng trọc nào, thằng trọc này?
Trốn xâu lậu thuế tới ở đây?
Bao nhiêu xôi chuối đều ních hết
Đã ra chó má chẳng phải thầy.

Hòa thượng thấy vậy liền biểu dọn cơm nước xôi chuối bưng ra một mâm vun chùn mà đãi anh ta. Ăn no nê rồi, anh ấy mới làm thơ khác sửa lại mà tạ, dán cửa thế này:

Hòa thượng nào hòa thượng này?
Tu nhơn tích đức tới ở đây?
Bao nhiêu xôi chuối đều phân phát
Đã ra tiên bụt chẳng phải thầy.

Lưỡi không xương nhiều điều lắt léo, nói xuôi cũng được nói ngược cũng xong.

---

1. *Cà xốc*: hay đùa bỡn, cợt nhả.
2. *Đề đạm*: có vẻ ung dung, đứng đắn.
3. *Nhủm nha*: tạo một dáng dấp yểu điệu, dễ thương.
4. Chữ thiên trồi đầu là chữ *phu* (chồng), chữ phu có phết vai là chữ *thất* (đứa bờm xơm, không đứng đắn).
5. *Lý láu*: chuyện trò ầm ĩ.

8. Đối thần lằn với khí gió.

Từ nước Nam giao hòa lần đầu và lần sau đây với nước Phú lảng sa, các anh văn thân ngạnh [1] với vua, ghét đình thần sao có hòa với Tây. Ông Ngụy Khắc Đản làm bồi sứ đi Tây về, ra ngồi Bố chánh tỉnh Nghệ An, văn thân cắc cớ [2] làm câu đối dán vách thành nhạo chơi rằng:

Bố đại thần, con đại thần, đại thần gì? Thần lằn.

Quân thấy lột đem vô, ông Bố mới viết một câu mà đối lại như vầy:

Nay sĩ khí, mai sĩ khí, sĩ khí gì? Khí gió.

9. Đối được vợ

Anh học trò khá lịch sự bảnh bao người đi khuyên giáo [3] tới nhằm cái nhà kia giàu có trong nhà thợ đang còn làm ầm ầm ạc ạc, cũng có thầy lang (thầy thuốc) với thầy pháp tới đó nữa.

Con gái nhà ấy đã đúng tuổi chưa có chồng, thấy vậy thì thương, mà ra mà nói rằng: thôi đừng có đi khuyên giáo làm chi mà xấu hổ đạo học trò, để tôi ra cho một câu đối, ai mà đối được trúng ý tôi thì tôi sẽ lấy người ấy làm chồng. Ai nấy nghe ham chợp rợp [4] xin cô ra câu đối đi. Cô ấy ra rằng:

Đế Nghiêu, đế Thuấn, đế Võ, Võ, Nghiêu, Thuấn, tam đế truyền hiền.

Chú thợ mộc hốp [5] đối lại rằng: *Bào rà, bào tách, bào xoi, xoi, bào, tách, ba bào phạt mộc.*

Thầy pháp cũng nóng đối rằng: *Lôi thiên, lôi tướng, lôi bồng, bồng, thiên, tướng, tam thiền trư quỷ.*

Thầy chùa xen vào đối rằng: *Bồ đề, Bồ tát, Bồ lương, Lương, Đề, Tát, tam Bồ cứu khổ.*

Thầy lang lại đối rằng: *Huỳnh cầm, huỳnh bá, huỳnh liên, liên, cầm, bá, tam huỳnh giải nhiệt.*

Anh học trò lịch ịch ở sau đối rằng: *Vương Văn, Vương Khải,*

---

1. *Ngạnh*: trong nguyên bản viết *ngh* nghạnh.
2. *Cắc cớ*: mỉa mai, trêu chọc.
3. *Đi khuyên giáo*: lấy danh nghĩa một đạo giáo mà xin của bố thí.
4. *Chợp rợp*: khát khao được một cái gì.
5. *Hốp*: vội vã, hấp tấp.

Vương Thang, Thang, Văn, Khải, tam vương kế thánh.

Đối trúng ý, trúng đề, cô ấy chấm được. May cha chả là may. Sẵn nhà, sẵn cửa, sẵn cơm sẵn gạo, nhảy phóc vô đó một cái, sướng đã nên sướng.

10. Câu đối có chí khí.

Ông huyện kia đi dọc đường gặp một thằng con nít đi học về. Thấy bộ mặt nó sáng láng, bảnh lảnh [1], mới kêu mà ra câu hỏi rằng: Tự là chữ, cất đằng đầu, chữ tử là con, con nhà ai đó? Đứa học trò chí khí đối lại liền: Vu là chưng, cất ngang lưng, chữ đinh là đứa, đứa hỏi ta chi?

Ông huyện nghe biết đứa có chí lớn, bèn nói sau nó sẽ làm nên mà chớ. Mà thiệt như làm vậy chẳng sai.

15. Nửa trự cơm, nửa trự canh.

Người kia ở trong này ra Hà Nội, tới quán trọng lưng rờ coi đà ráo túi, may còn lại có một đồng tiền bể đôi. Anh ta làm điếm nói với mụ quán: Mụ bạn cho tôi nựa trự cơm vợi nựa trự canh [2]. Mụ quán xúc cho anh ta đổ canh vô hết và mà ăn, nhăn mặt lại: cha chá! mặn quạ, mụ làm phược thêm cho một thị cơm [3]. Trộn mà ăn, cũng chắt lưỡi: Chừ thì lạt quạ, ăn chạ vô mô [4], mụ làm phược cho thêm chụt canh. Ăn lua ba miếng chắc bụng, vạch hầu bao lấy hai miếng tiền sứt đưa ra: Tịnh cho phân biệt nọ: đây là nựa trự cơm, còn đây là nựa trự canh [5]. Rồi bỏ ra đi liền.

22. Thầy kiện

Thằng kia dốt, nghèo không có chi, nghe ông nhà giàu kia kén rể hay chữ, ai đối cho hay nhằm ý ổng thì ổng gả con cho. Đã nhiều nơi tới mà không xong. Anh ta nghe ham cũng lướt dép mà tới. Ông ấy hỏi nó đi đâu. Nó thưa nó tới chịu kén. Ổng vừa thấy con cua ở trong thùng kiểng bò ra, ổng chỉ mà nói rằng: *Con cua đó*, đối làm sao thì

---

1. *Bảnh lảnh*: nhanh nhẹn, hoạt bát.

2. *Mụ bạn cho tôi nựa trự cơm, vợi nựa trự canh*: mụ bán cho tôi nửa đồng tiền cơm với nửa đồng tiền canh.

3. *Mặn quạ, mụ làm phược thêm cho một thị cơm*: Mặn quá, mụ làm phúc thêm cho một tí cơm.

4. *Chừ thì lạt quạ, ăn chạ vô mô:* giờ thì nhạt quá, ăn chả vào đâu.

5. *Tịnh cho phân biệt nọ: đây là nựa trự cơm còn đây là nựa trự canh*: tính cho phân biệt, đây là nửa đồng cơm, đây là nửa đồng canh.

đối đi. Nó không biết cái khỉ mốc chi cả, sựng đi đó. Mà phép làm thinh đi sao. Nó mới giơ cây dù nó cầm ra mà nói rằng: *Cây dù đây*. Ông nhà giàu mắng cù bơ cù bất đuổi đi: Đồ bá láp, dốt đặc, vậy cũng lết tới làm phách.

Tức mình về đi tới thầy kiện lo. Thầy kiện hỏi đầu đuôi gốc ngọn rồi nói: "Được, không hề chi, về chạy năm chục đem đây mai đi với tao thì xong". Sáng ngày ra, thầy trò dắt nhau tới. Ông chủ thấy liền nói: Ông đem cái thằng bá lếu đi đâu? Nó không biết chữ nhứt là một, lựa là giống gì?

Thầy kiện: vậy chớ nó giỏi lắm đó ông à. Nó đối lại cây dù cao lắm đó. Cao làm sao mà cây dù đối với con cua ấy, mà gọi là cao? Ấy ông nói vậy mới lầm, không mấy thuở gặp đứa cao trí thế ấy đâu. Ông chẳng ra nôm rằng: *Con cua đó*, thì nó phải đối nôm rằng: *Cây dù đây*. Con cua là *hoành hành hải ngoại*, nó đối cây dù là *độc lập thiên trung* [1], còn đối làm sao hay hơn nữa! Ông chủ nghe thấm thấm, sau chịu đi mà gả con cho nó.

25. Tú Suất đóng cũi giải nạp về tỉnh thành.

Tú Suất văn vật chữ nghĩa lanh nên quan lớn tổng đốc có cho vời về ở dạy con cháu người trong nhà. Bữa kia nhơn gần tới ngày lễ ăn mồng 5 tháng 5 Tú Suất mới xin phép về nhà quê viếng mẹ già. Quan tổng đốc trao cho ba nén bạc, ít cây lụa, ít cây vải đem về làm quà (cho chác) bà con. Đi dọc đường thấy chúng đánh xóc đĩa, ngứa tay vô đánh chẳng những thua hết bao nén bạc, lại thua tới lụa tới vải đi nữa.

Vừa hay lúc ấy có ông lãnh binh mới, tỉnh sai đi bắt Chiêu Lẩn là tướng giặc. Anh ta mới thiết kế, bắt ông lãnh binh mà gỡ nợ chơi. Vậy thấy lính kéo đi tầm nã tướng giặc liền đâm đầu chạy chun vô bụi [2]. Lính áp lại vây bắt, anh ta ra mặt nói rằng: Thôi trời đã chẳng cho ta làm nên thì phải chịu, xin các cậu bắt thì bắt đừng có đâm chém làm chi, ta là Chiêu Lẩn đây. Đóng cũi bỏ vô, ông lãnh binh mầng điệu về tỉnh thành. Bữa hội hàm [3] khiêng cũi ra giữa sân, lính đóng hàng chầu hai bên rột [4] lắm. Quan tổng đốc dạy mở

---

1. *Hoành hành hải ngoại*: đi ngang ngoài biển. *Độc lập thiên trung*: đứng một mình giữa trời.

2. *Chạy chun vô bụi*: chạy chui vào bụi.

3. *Bữa hội hàm*: lúc mọi người có mặt đông đủ.

4. *Rột*: nhanh nhẹn, khẩn trương.

đồ cho ra coi thử mặt Chiêu Lẩn ra thể nào. Đò ra thấy Tú Suất, chưng hửng: cơ khổ nó nhè thằng cha Tú Suất nó bắt nó đem nó nộp. Trong ấy anh ta thút thít và khóc và bẩm: Trăm lạy quan lớn, con lĩnh ba nén bạc, lụa vải quan lớn ban con về dọc đàng bị quân ông chánh lãnh lấy hết bạc, lụa, vải đi cả. Ức con quá. Trăm lạy nhờ phước dư quan lớn. Quan tổng đốc dạy mở Tú Suất ra mà đem mi [1] lãnh binh lại, bắt chạy bạc, lụa, vải mà thường [2] lại cho Tú Suất.

30. Làm xầy. [3]

Lão kia đi đường tới quán cơm ăn uống no nê, nghỉ chơn nghỉ cẳng xong rồi, coi chừng coi đỗi bắt quách con ngỗng của mụ quán muốn ôm ra đi ngoay ngoảy. Mụ quán hồi ban đầu có hỏi tên nó rồi, nó nói tên nó là *Ba rưỡi*. Mụ quán nóng ruột chéo véo chạy ra ngoắc kêu: Ớ chú *Ba rưỡi*... Nó lăm lủi đi mà nói lại rằng: Chín rưỡi chưa được nữa là ba rưỡi. Theo van mãi nó cứ vậy nó nói. Hai bên hàng xóm người ta tưởng nó là người ôm ngỗng đi bán, còn mụ quán là người đi theo trả mà mua, ai dè nó là người đổ xầy thế ấy.

34. Ông huyện với ông đồ.

Có anh học trò thi đậu ông đồ đâu tới xứ chỗ ông huyện nhậm, ở dạy học mà hay làm cách thể ông đồ lắm đờn địch chơi bời phong lưu. Ông huyện không ưa mới làm một bài thơ biếm chơi rằng:

Tú tài thi đỗ những khoa mô?
Làm tích [4] trong nhà mặt tỉnh khô.
Con trẻ ngất ngơ kêu cậu cống
Mụ già nhóc nhách gọi cha đồ,
Ngày dài đờn phím nghe inh ỏi
Buổi vắng thơ ngâm tiếng ầm ồ
Ai khiến tới đây làm bậy bạ?
Khen cho phổi lớn quá hơn bồ.

Ông đồ nghe được thì bộ (họa) lại như vầy:

Biển rộng mênh mông dễ cạn mô?

---

1. *Mi*: bắt giam để trừng phạt.
2. *Thường*: đền bù.
3. *Làm xầy*: xầy là gạo giã còn dối, cù xầy là bẩn thỉu. Làm xầy là có hành động lừa đảo bậy bạ.
4. *Làm tích*: tích là hành động rạng rỡ đáng khen. Làm tích làm ra vẻ quan trọng, ra vẻ ta đây.

Đố bay một gáo múc cho khô. .
Tuy chửa vẻ vang quyền cậu cống
Song đà tỏ rõ mặt ông đồ.
Nhờ chút ơn Nghiêu nhuần phới phới
Sá chi muông Chích [1] sủa ồ ồ
Căm hờn thạc thử [2] lòng tham chạ
Đố khoét chi tao lúa hết bồ.

Ghiăng và Máctinhông (Guyan et Martignon),
Sài Gòn, 1882.

---

1. *Chích*: một tên ăn trộm nổi tiếng thời cổ. Về sau tên ấy được dùng để gọi kẻ trộm nói chung.

2. *Thạc thử*: chuột lớn, chuột to.

CHUYỆN ĐỜI XƯA

(Lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích)

Tập sách có 74 chuyện, viết với mục đích "để cho người ta thấy khen mà bắt chước, thấy chê mà xa lánh... Cách nói là chính cách nói tiếng Annam ròng" (*Lời nói đầu* của sách).

Chúng tôi chọn 13 chuyện, các chuyện số 3, 9, 10, 21, 30, 48, 49, 50, 61, 62, 71, 72, 74.

3. Con cóc tía vuối con cọp và con khỉ [1].

Con cọp bữa nọ, đi ngang qua góc rừng chỗ hang con cóc tía ở. Con cóc thấy cọp đi làm vậy thì sợ e cọp làm nhăng bắt mình mà ăn đi chăng. Nên mới lo mưu trừ, làm cho cọp đừng có léo đến, tới lui đó nữa [2], mới lên tiếng hỏi rằng: *ai đi đó. Đừng có đi qua đây nữa mà chết*. Chú cọp nghe hỏi liền ứng tiếng hỏi lại: *ai hỏi vậy?*

Anh cóc mới nói: *tao đây, tao là cóc tía, mày không biết danh tao sao?* Cọp giận: *Chà! Mày hình vóc bằng cổ tay mày lại có mày tao mi tớ vuối tao nữa! Mày lại giỏi qua tao à? Tài nghệ gì mày mà mày xấc?* Ấy mày bất quá tài nhảy mà thôi, mà tao coi thì nhỏ mà tài gì tài gì cũng đủ miếng.

Cọp mới thách ra nhảy thi coi thử ai nhảy xa cho biết. Cóc chịu [3]. Ra tới mương cái, gạch mức đứng ngang nhau mà nhảy. Cóc khôn mới làm tài hay nói vuối cọp: *thôi tao không thèm đứng ngang mày nữa, tao lui lại sau, tao chấp mày đó*. Cọp khi nhảy thì đập đuôi vài cái rồi mới nhảy. Cóc quỷ há miệng mới ngậm lấy đuôi cọp. Nhảy qua bên kia, quất đuôi mạnh, cóc văng ra đàng trước xa, mới lên tiếng: *tôi đây*. Anh cọp thấy mình thua, bèn xuống vai dưới chịu đầu: *thật anh có tài. Tôi là tài mà anh lại tài quá hơn tôi nữa.*

Anh cóc thừa thắng mới nói rằng: *tôi đã nói ấy. Tài gì tôi cũng chẳng thua ai. Tôi bắt sống cọp tôi ăn, này coi đây thì biết*. Há miệng ra thấy đầy những lông cọp. Cọp thấy thất kinh cong đuôi chạy mất. Vùi đầu vùi óc bất kể là giống gì cứ chạy mãi. Con khỉ ở trên cây

---

1. ... *vuối con cọp*...: với con cọp...
2. *Léo đến*: léo là đến gần, năng lui tới.
3. *Cóc chịu*: cóc nhận sự thách thức.

thấy con cọp chạy hào hển, kêu giựt lại hỏi: *việc chi mà chạy dữ vậy?* Cọp mới nói: *thôi, thôi, đừng hỏi để cho tôi chạy kẻo nó theo kịp chết đi giờ.* Mà giống gì nói cho tôi hay với. Cọp sợ đã sảng hồn, nói *cái con chi, quên tên đi, nho nhỏ mà da nó nhám... Ờ biết rồi, con cóc phải không? Ừ phải đó. Sao anh dở vậy? Anh sợ nó mà chạy cho nó dể ngươi nữa. Bẻ cổ nó đi như chơi chớ.*

Anh đã đánh phách. Ấy, không tin đem tôi tới, tôi vật nó như vật nhái cho mà coi. Ý đừng, đừng chứ! Gạt tôi rồi báo hại tôi giờ. Không đâu, nói thiệt đó. Có sợ tôi gạt thì để bứt dây tôi buộc đâu cật tôi lại với lưng anh. Anh đem tôi đến đó tôi hủy nó đi cho anh coi. Ừ có vậy, đi thì đi.

Khỉ rút dây cột xong xả, cỡi cọp tới nơi con cóc ở. Con cóc khôn mới hỏi: *ai vậy, anh khỉ đó phải không?* Khỉ ừ. Cóc mới nói: *Anh mắc mưu cọp rồi đó. Nợ mười hùm chưa đủ, một thấm chi. Nó thế mạng đó*. Cọp nghe làm vậy càng sợ đâm đầu chạy miết dài, chạy đà không kể cây cối, gai góc, bờ bụi gì hết.

Khỉ phần thì va đầu vào cây, phần lại cụng xương sống giập đầu nằm nhăn răng. Cọp mệt quá đứng ngừng lại nghỉ cẳng, ngó trực lại thấy khỉ nằm chinh chòng [1] nhăn răng ra. Thì giận mà nhiếc rằng: hết đánh phách chưa? Đã báo người ta cho đến sức, lại còn cười nữa chớ.

9. Nói láo mắc nói láo. [2]

Có một thằng đi xứ xa về nói chuyện: Tôi ngó thấy một chiếc tàu lớn và dài quá chừng. Cha tôi thuở hai mươi tuổi mà bắt trước mũi mà đi ra sau lái, đi mới tới cột buồm giữa đã già bạc râu bạc tóc, chết giữa chừng, không đi tới lái.

Thằng kia nghe nó nói láo làm vậy thì mới nói: Vậy chưa mấy! Cho bằng tao, tao đi rừng cao, tao thấy một cái cây cao lớn quá chừng quá đỗi, từ gốc chí ngọn, chim bay mười năm chưa tới. Mày đã lại nói láo quá cha tao đi nữa, có lẽ nào mà có? Thì thằng kia lại nói: Ấy như không có thì lấy cây ở đâu mà làm cột buồm, mà đóng chiếc tàu mày nói với tao đó, cho được?

10. Láo dinh, láo quê.

Hai đứa kia có một tài đi nói láo mà ăn mà thôi, một đứa láo

---

1. *Nằm chinh chòng*: (hay chênh chòng) nằm ngửa người, nằm tênh hênh.
2. *Mắc nói láo*: bị người ta nói láo nhạo báng lại.

dinh, một đứa láo quê. Hai đứa đi đàng gặp, nói chuyện vãn với nhau, đâu vừa đến cái sông, mới rủ nhau mà tắm cho mát kẻo trời nóng nực lắm. Thằng điếm quê muốn nói láo mà gạt thằng kia chơi, thì buộc năm tiền vào lưng, không cho thầy kia thấy, mới lặn xuống dưới nước một hồi, rồi trồi lên tay xách năm tiền mà nói rằng: Anh này, tôi xuống dưới, tôi gặp hai ông tiên ngồi đánh cờ tướng với nhau, tôi ngồi ghé lại tôi coi. Thì hai ổng cho tôi năm tiền, biểu tôi thì đi đi đừng có coi nữa. Tôi mầng xách tiền trồi lên.

Thằng kia biết nó nói láo thì tính bề lật độ nó chơi, nên mới nói: Để tôi lặn xuống tôi coi thử, có khi các ổng sẽ cho tôi chăng. Nó mới lặn xuống, quào dưới bùn lấy miểng sành rạch mặt cho trầy ra, rồi trồi lên kêu thằng kia: Anh ơi! Tôi xuống gặp hai ông tiên đó, mà họ giận họ nói: Tao đã cho thằng trước năm tiền, biểu về mà chia nhau, sao mày còn xuống đây làm chi nữa. Thì họ lấy bàn cờ mà quăng lả mặt tôi đi đây.

Té ra điếm mắc điếm, thằng kia phải chia cho nó hai tiền rưỡi, ăn trọn một mình không đặng.

21. Thằng cha nhảy cà tứng.

Thằng cha kia sợ vợ. Bữa nọ con mể [1] đi chợ, ở nhà anh ta lấy khoai đem lùi bốn năm củ, con mể đâu lơn tơn về, thằng chả [2] ngó thấy bóng lật đật lấy khoai bỏ vô trong quần túm lại chạy ra. Mà mắc nó nóng quá nên đứng nhảy lên nhảy xuống hoài. Con mể thấy tức cười hỏi: Làm gì mà điên vậy? Đứng nhảy cà tứng đó? Nó mới nói: Tao mầng mày đi chợ về.

30. Ông Cống Quỳnh.

Truyện ông Cống Quỳnh đậu trạng, có nhiều điều pha lửng [3] trớ trêu tức cười.

Bữa kia có một người ở xa tìm tới Kinh vào chầu vua, đem dâng cho người một mâm trái trường thọ. Mới đem vô, nói chưa xong, ông Cống Quỳnh lại lấy lột ăn phứt đi. Vua thấy ổng làm điều vô phép, sỉ hổ cho vua, thì vua dạy đem mà chém đi.

Ông ấy quỳ xuống tâu rằng: Tâu bệ hạ, muôn muôn tuổi, nay tôi hỗn láo vô lễ mà Bệ hạ đòi chém, thì là đáng lắm. Muôn tâu Bệ hạ

---

1. *Con mể:* cách nói rút gọn đặc sắc của người Nam Bộ, tức con mẹ ấy.
2. *Thằng chả:* thằng cha ấy.
3. *Pha lửng*: có tính cách đùa cợt, có tính hề kịch.

cho tôi nói một ít lời cho cặn kẽ rồi tôi sẽ ra chỗ pháp trường: Trái này gọi là trái trường thọ, mà sao tôi ăn vô chưa khỏi cổ đã thấy chết? Vậy thì nó là trái đoản thọ mới phải. Vua nghe được tha ổng đi.

Bữa khác vua ngự đi chơi, quân gia binh lính chầu chực, hầu hạ thiên trùng vạn điệp. Ông Cống Quỳnh đi tắm ngó thấy lật đật chạy đút đầu vô bụi giơ đít ra. Vua ngự ngang qua thấy mới hỏi ai. Cống Quỳnh quỳ xuống tâu: Tôi nghe ngài ngự tôi núp không kịp nên phải làm làm vậy, tục nói: *hễ giấu đầu thì ra đuôi.*

Trong nội, vua có nuôi một con mèo, có cột cái xích bằng vàng.

Cống Quỳnh vô ra ôm quách về nhà, lấy xích vàng ra cột dây nuôi ở nhà. Mà thường ông biểu đem hai dĩa, một dĩa thịt thà chả gỏi, còn một dĩa thì cơm nguội trộn với đầu tôm xương cá, hễ nó lại nó ăn dĩa đồ ngon thì đánh nên nó quen đi cứ dĩa đồ hèn mới ăn mà thôi. Vua tiếc con mèo, sai đi kiếm táo tác kiếm không ra.

Người ta nói có ngó thấy Cống Quỳnh nuôi con mèo giống in con mèo của vua, có khi nó đó. Vậy vua cho đòi ông trạng tới, hỏi con mèo. Ông nói một hai không phải. Vậy ông bắt con mèo đem tới, biểu quân đem hai dĩa cơm, một dĩa đồ ngon, một dĩa đồ quấy quá: Mèo của vua thì thường ăn đồ mĩ vị ngon lành mà của tôi đâu đồ ngon mà cho ăn, ăn những cơm nguội cơm ngặm, mắm muối quấy quá vậy thôi, nếu nó ăn dĩa đồ ngon, thì thật là của ngài, mà như nó ăn đồ hèn thì nó là của tôi chắc.

Đem ra thì con mèo tập đã quen, cứ lại dĩa cơm nguội mà ăn, thì Cống Quỳnh vỗ tay cười: Ấy của dân sự, nghèo nàn thì nó như vậy! Ôm mèo về mất.

Bên Tàu qua đi sứ, đem dâng vua một cái ve thủy tinh liền không có miệng, mà trong có nước, xin hỏi làm sao mà lấy nước cho được. Vua cùng đình thần bối rối không biết giải làm sao. Vậy đòi Cống Quỳnh tới hỏi tính làm sao. Cống Quỳnh mới nói: Tưởng là giống gì khó lắm, việc này liệu được mà. Vua mới giao cho anh ta đem về, sáng ngày lọt xọt vô. Vua ra lập trào rước sứ Tàu cho đây giải việc hỏi. Ông Cống Quỳnh tay xách dùi đục, tay cầm cái ve của sứ đem qua. Vua phán hỏi. Cống Quỳnh quỳ xuống: Muôn tâu lịnh thiên tử, Tàu hỏi làm thế nào lấy nước ra cho được. Vậy hễ muốn lấy cho được nước thì phải đánh mới được. Và nói và đập bể cái ve đi.

Năm sau sứ đem một con trâu có tài báng lộn [1], ăn hết các trâu bên Tàu. Đem qua hỏi coi thử Annam có trâu nào giỏi hơn chăng. Vua đòi Cống Quỳnh tới hỏi coi thử tính làm sao.

Cống Quỳnh vào chầu. Vua phán: Đó bây giờ Tàu người ta đem con trâu báng giỏi nhất có tài, coi thử mình có đem ra cự, trạng tính làm sao.

Muôn tâu Bệ hạ có khó chi, để tôi về tôi tính, xin sứ để ba bữa. Ông Trạng về biểu bắt con nghé nhỏ còn bú, nhốt riêng nó ra, đừng cho bú ba bữa.

Tới ngày sứ đem trâu tiếng Tàu ra, ông Cống Quỳnh dắt con nghé ra. Vua ngự ra, sứ bộ cùng triều đình tựu tới coi. Thì trâu lớn của Tàu ra, nó hăng đứng nghinh đó. Cống Quỳnh thả trâu nghé ra. Nó nhịn bú đã ba ngày, khát sữa, thấy trâu lớn tưởng là trâu mẹ lăng căng chạy lại xúc xúc dưới bụng nơi sau háng, trâu Tàu nhột [2] chịu không đặng, chạy mà tránh cho khỏi kẻo nó rúc nhột. Càng chạy nó chạy theo xúc, cong lưng chạy miết dài. Cống Quỳnh đứng vỗ tay la: trâu Tàu thua rồi, trâu Annam ăn rồi. Thèm đem trâu lớn đâu, sức con nghé con, ốm tong ốm teo mà trâu kia còn phải thua nữa là.

Bước qua năm sau, Tàu giận thấy mình thua lũ người Annam mới sai sứ đem một cây gòn đẽo bào bằng gốc bằng ngọn, lại kéo sơn đôi ba nước, mất da mất thịt cây đi hết, ở giữa có đề hai chữ: *Túc tử*. Đem qua đố Annam biết là tên cây gì, lấy chữ đó mà bàn cho ra tên. Lại đố biết đầu nào gốc đầu nào ngọn.

Các quan hiệp nghị mời Cống Quỳnh tới hỏi sao, ông tính nói cái ấy đặng hay là không. Cống Quỳnh chịu [3] lãnh về tính. Sáng ngày ra Vua ngự lập ban cho sứ vào chầu. Cống Quỳnh vào quỳ xuống tâu: chữ *túc* là lúa, chữ *tử* là con, là hễ "còn lúa con ăn con mập, hết lúa con mòn con gầy" thì là *cây gòn*. Còn việc nói đầu nào gốc đầu nào ngọn, thì xin xuống mé sông tôi sẽ coi.

Vua quan cùng các quan sứ thấy đều xuống theo mà nghe nói. Dạy khiêng cây xuống. Cống Quỳnh mới thả day ngang qua sông thì nó phải day trôi theo giọt nước, đầu nào day trước ấy là đầu gốc.

---

1. *Có tài báng lộn*: *báng* là húc bằng sừng, *báng lộn* là húc lộn nhau bằng sừng.
2. *Nhột*: có cảm giác nôn như bị cù vào hông vào nách.
3. *Chịu lãnh về tính*: chịu nhận giải quyết vấn đề, xin cho về suy nghĩ.

Đến sau vua sai ông Cống Quỳnh đi sứ bên Tàu, nhằm khi có các anh tấn sĩ mới đậu. Thấy sẵn lại nghe tiếng Cống Quỳnh giỏi văn chương chữ nghĩa lắm vua mới mời Cống Quỳnh thử chơi ít bài, mấy tấn sĩ có tài làm thơ làm phú lẹ hễ nhảy lên ngựa, cầm viết lia, nhảy xuống thì đã rồi.

Cống Quỳnh cũng không sợ, chịu ra thi. Dàn ngựa voi ra nghiêm trang tử tế, phát viết, mực giấy má xong rồi nghe hiệu trống đánh một cái thùng, thì nhảy lên ngựa. Cống Quỳnh nhảy lên lấy viết huây huây ba cái lăn quăn líu quíu rồi nhảy xuống hô: rồi. Người ta chưa ai rồi hết, đem vở lại nộp.

Quan giám khảo coi không ra, hỏi Cống Quỳnh viết giống gì lăn quăn coi không được. Cống Quỳnh nói: chữ bên tôi thảo làm vậy ó, như ngài coi không đặng, để tôi viết lại chữ thảo hay là chơn tự cho ngài coi. Vậy mới viết thơ cũ thuộc lòng cho họ coi. Họ lấy cho được thứ nhứt.

Bữa kia, quan thừa tướng Tàu, dọn tiệc mời Cống Quỳnh tới uống rượu chơi một bữa. Đàng sá đâu đó có đào hầm để gạt cho Cống Quỳnh sụp mà chết kẻo để Tàu chịu thua Annam xấu hổ, chiếu bông nệm gấm trải liệt địa cùng đàng.

Ông thừa tướng tới nhà mời và rước Cống Quỳnh. Ra tới đàng có trải nệm bước xuống mời Cống Quỳnh xuống đi bộ cho mát, biểu Cống Quỳnh một hai đi trước: Cống Quỳnh không chịu. Nhường cho quan thừa tướng rằng: *Tiên vi chủ, hậu vi khách*. Quan thừa tướng mời gãy lưỡi cũng không được, túng phải ra đi trước. Cống Quỳnh khôn, cứ bước theo dấu chơn thừa tướng thẳng tới nhà khỏi sụp vào đâu hết.

Ngày kia Cống Quỳnh vui, muốn khuấy chơi các quan triều một bữa. Chừng mới viết thiệp cho mời các quan, tối tựu tại nhà uống rượu chơi.

Mặt trời chen lặn, võng dá các quan lải rải tới. Cống Quỳnh mua rượu nhiều, ve chén bày ra bộn bàng, còn biểu quân ở đàng sau nhà bếp bằm thớt hoài. Nghe bằm lộp cộp lạc cạc hoài. Các quan tưởng có khi Cống Quỳnh dọn trọng thể lắm. Chẳng ngờ cũng không thấy dọn chi.

Cống Quỳnh ngồi cầm khách, cứ rót rượu mời các quan, một chặp lại hối: trẻ coi dọn thoảng đi bay. Nó dạ rân. Cứ thỉnh thoảng rót rượu mời uống khan hoài, các quan đã xoàn xoàn đi hết thì càng vui

càng nói chuyện inh sình. Cống Quỳnh lại càng rót rượu đưa cho ông này ông kia, dập thêm hoài.

Ngồi uống khan làm vậy cho hết nửa canh hai. Ông nào ông nấy thôi say mèm nằm thài lai ra đó hết. Quân hầu đi theo thì đã cho về hồi chiều hết rồi.

Vậy ông Cống Quỳnh biểu quân trong nhà ra đưa các quan về, lại dạy nó tráo dinh hết, tới đâu thì biểu mở cửa đem thẳng vào giường kẻo ngài say đã mê mết rồi. Quân dạ dàn võng dá ra. Võng các ổng đem lộn dinh hết.

Đến sáng ngày ra, ai nấy thức dậy ngó sao mùng mền khác lạ không phải nhà mình xển lển ra ai về dinh nấy, biết bị Cống Quỳnh khuấy chơi rồi, căm căm trong bụng giận ông Cống Quỳnh.

Mà ông Cống Quỳnh ngoan lắm chạy đón các quan đang đi vô chầu, nói: cơ khổ. Tệ quá! Hôm qua cầu vui uống rượu cầm chừng chờ trẻ nó dọn ăn, mà mắc bụng đói say sớm làm không ai ăn hết, thấy các ông say tôi hối quân võng các ông về kẻo để khuya nhiễm mù sương có khi khốn. Té ra các ông báo tôi, thôi hôm nay thịt cá ê hề ăn không hết.

Cách năm mười bữa, Cống Quỳnh xin cấm chợ ba bữa để cho ổng phơi sách. Thiên hạ đồn Cống Quỳnh phơi sách đâu đó rủ nhau đến coi. Đến bữa ấy ổng biểu quân đem chiếu trải giữa chợ, cổi quần cổi áo ra nằm giữa đó. Người ta hỏi: ủa! Nghe nói ngài phơi sách, mà sao ngài làm cái gì vậy? Ổng mới chỉ cái bụng ổng nói: sách ở trong bụng chớ sách ở đâu?

Ông Cống Quỳnh thường hay đi đò, mà ổng không có trả tiền, tháng kia qua tháng nọ ổng cũng không có trả. Quân đưa đò mới hỏi ổng, ổng nói: thôi để mai mốt tao trả cho. Ông về mua tre mua lá, chở ra giữa dòng sông, cất lên một cái chòi, viết ba chữ dán vào đó: *"Chửi cha đứa nào coi về học lại"*.

Thiên hạ nghe ông Cống Quỳnh làm gì lạ không biết, thì đua nhau tới đó mướn đò ra coi. Coi rồi vô, kẻ khác hỏi chớ giống gì vậy? Ai nấy đều nói: nói không được, hãy ra đó mà coi lấy. Đò đưa đà không lập, lấy tiền cũng đã mê.

Dở chòi rồi, quân chèo đò, nó còn đòi tiền ông Cống Quỳnh nữa. Ổng mới nói: bay mắc tao bây giờ thì có chớ, mà bay lại theo đòi tao nữa? Vậy chớ ai làm cho bay đặng mối mấy bữa đó? Bay có biết không ?

Chuyện Cống Quỳnh còn nhiều đều dễ tức cười, mà như nói tinh những truyện ấy, thì nó mất vui mất hay đi. Để xen chuyện này chuyện kia nhiều thứ thì vui hơn.

48. Hà tiện đến chết vẫn còn hà tiện.

Ông kia cả đời những hà tiện rít róng, tiện tặn không dám ăn dám mặc bo bo giữ của hoài. Xán bịnh xuống, tình thế cầm không đậu, mới kêu ba đứa con vào, trối trăng mọi sự. Hỏi người con thứ tư: Cha chết rồi, con tính chôn cất làm sao cho khỏi tốn kém? Thì nó nói: mua một chiếc đệm rách bó xác vác đi, đào lỗ dập lại thì khỏi tốn cơm tốn tiền.

Mới hỏi đến người con thứ ba, thì con thứ ba nói: Cha một mai có nhắm mắt lại rồi thì rình mà chuồi xuống sông thì xong. Cha cũng chưa ưng bụng, vậy cũng chưa hay mấy, vì phải mất công mà vô ích.

Mới kêu con trưởng nam đầu lòng ra hỏi: Trẻ em nó tính làm vậy đó, mà như con con tính làm sao? Vậy con thứ hai mới thưa với cha rằng: Cha mạng một đi rồi, thì con chất lửa thui cái xác đi lấy trô làm phân trồng hành bán có lợi. Cha nghe nói ưng ý mới chịu mà lại khen: con thiệt giống ý cha. Tính vậy là phải lắm.

Hà tiện làm sao đến đỗi đã gần chết hòng lìa bỏ mọi sự mà hãy còn so hơn tính thiệt, tính lợi tính hại?

49. Ba anh dốt làm thơ.

Có ba anh học trò dốt ngồi nói chuyện với nhau. Mới nói: mình tiếng con nhà học trò mà không có làm thơ, làm phú với người ta thì té ra mình dở lắm. Mấy người kia mới nói phải. Hè nhau làm ít câu chơi. Mới làm câu mở như vầy:

Con cóc trong hang con cóc nhảy ra

Người thứ hai tiếp lấy:

Con cóc nhảy ra con cóc ngồi đó

Người thứ ba:

Con cóc ngồi đó con cóc nhảy đi.

Lấy làm hay lắm. Rồi nghĩ lại giật mình, vì trong sách nói: hễ học hành giỏi thì sao cũng phải chết. Cho nên tin như vậy mới biểu thằng tiểu đồng ra đi mua ba cái hàng đất để dành cho sẵn đó.

Tiểu đồng lăng căng đi mua, ra ghé quán uống nước, ngồi xớ rớ đó. Có anh kia hỏi nó đi đâu? Mua giống gì? Thì nó nói: Ba thầy tôi

thông minh trí tuệ làm thơ hay lắm, sợ lời sách quở, có khi không sống nên sai tôi đi mua ba cái hòm. Mầy có nghe họ đọc thơ ấy không? Có. Mà có nhớ nói lại nghe chơi coi thử sức nó hay làm sao! Thằng tiểu đồng mới nói: tôi nghe đọc một người một câu như vầy:

Con cóc trong hang con cóc nhảy ra
Con cóc nhảy ra con cóc ngồi đó
Con cóc ngồi đó con cóc nhảy đi.

Anh kia nghe tức cười nôn ruột, mới nói với tiểu đồng: Mầy chịu khó mua giùm cho tao một cái hòm cho luôn trót thể. Tiểu đồng hỏi: Mua làm chi? Lão nọ mới nói: Tao mua hờ để đó vì tao sợ tao cười lắm có khi cũng chết theo ba thầy làm thơ mầy đó nữa.

50. Học phép hà tiện.

Anh kia đi tìm thầy dạy học phép hà tiện, tới nhà thầy hỏi thầy phải mua chi mà làm lễ cúng tổ: Thầy mới biểu đi mua một cái bánh tráng mà thôi, đừng có mua gì nữa mà tốn tiền.

Nó mới đi chợ mua một cái bánh tráng, lại có mua một con gà ôm về. Thầy nó thấy gà thì la: Cái thằng dại, ai biểu mua gà làm chi cho uổng của? Học trò mới thưa với thầy: Tôi tính làm vậy nên mới mua gà: là khi bẻ bánh tráng mà ăn thì làm sao cho khỏi rớt vụn vằn xuống cũng uổng, nên mua con gà để phòng khi nó có rớt mảnh mún thì nó lượm nó ăn, lớn lên thì bán được lời.

Thầy nghe nói lý ấy thì nói: Thôi mầy hà tiện quá cha tao đi rồi, còn đi học gì nữa.

61. Ông huyện thanh liêm cả đời, vì một lời nói mất đức thanh liêm.

Ông huyện kia đắc chỉ ra ngồi huyện nơi kia. Mà ông ấy là người thanh liêm lắm, cho nên không hay dùng lễ mễ của ai lấy một đồng, đem cửa trước cũng không xong, đem cửa sau cũng không lọt. Bà huyện thấy tính chồng không có ưa, thì cũng không dám lãnh lấy của ai vật gì.

Có cái làng kia nhờ ông huyện lắm, mà đền ơn nghĩa không được. Hễ đem tới giống gì bất kỳ, vàng bạc tiền của gì ổng cũng không thèm gì hết, tức mình mới lo đem đút cho bà huyện. Mà bà cũng rằng rằng quyết một hai không dám lãnh: Ngài tôi thanh liêm tính không có chịu. Tôi mà có lấy nữa sau rầy tôi. Làng càng nài xin bà cất, nhậm lấy lễ, biểu trẻ thâu cho. Bà thấy làng năn nỉ, cầm lòng

không đậu, thì bầy rằng ông huyện tôi ngài tuổi tí, vậy làng có bụng làm vậy thì thôi, làng có muốn, thì về đúc một con chuột bằng bạc đem tới đây, để tôi chịu khó tôi nói giùm cho, họa may có được chăng.

Vậy làng nghe lời về đúc một con chuột cống đặc ruột bằng bạc ròng [1] đem vô. Bà huyện lãnh lấy đem cất đi, không dám nói với chồng hay.

Đến sau khi ông huyện thôi làm quan, về hưu trí, thì nghèo nhiều khi túng ngặt thiếu trước thiếu sau. Mà bà huyện thì lấy con chuột chặt lần ra mà bán lấy tiền sắm ăn sắm mặc.

Bữa kia ông huyện nói với mủ [2] rằng: Bây giờ ta túng xây túng xái hơn thuở trước khi ta còn làm quan lắm, mà mụ lấy đâu mua ăn mua mặc làm vậy? Thì bà huyện mới học lại chuyện làng đem của đền ơn mà không lấy, thuở ông ngồi huyện làng kia mắc ơn ông, mà tới năn nỉ đem lễ vật mà tôi không chịu, họ nài quá tôi mới bày cho họ về đúc con chuột bạc đem đến vì ông là tuổi tí. Bây giờ nhờ con chuột ấy tôi chặt một khi một ít, bán đi mà tiêu dụng. Thì ông huyện mới tiếc mới nói rằng: Vậy sao bà không có nói là tuổi sửu cho họ đúc con trâu? Phải nói vậy, bây giờ chẳng khá khiển đi à?

62. Mưu trí hơn là sức mạnh.

Trong thú vật thì con cọp làm lớn có oai quờn, hễ nó đi tới đâu thì con nào cũng đều sợ nó. Có một con chồn cáo hay phản nghịch, kiêu ngạo lại dễ ngươi, gặp cọp thì nhún trề [3] trở đít cho nó rồi chạy tách đi mất. Cọp giận sao nó có khinh dị mình làm vậy.

Bữa nọ chồn cáo nằm ngủ, cọp đi tới gặp chụp bắt lấy, muốn ăn thịt đi mới mắng chồn ba điều rồi có trị tội nó: mày ỷ mày có tài chạy hay, nên chi mày khinh dễ tao ghe phen. Bây giờ tới số mày rồi, tao nhai xương mày tao chẳng tha.

Con chồn mới nói với cọp rằng: mày đừng làm điều phi ngãi mà tao biểu các muông thú hại mày mà khốn giờ. Cọp mới nói: mày ấy là giống gì mà làm điều ấy được, mày nói tao nghe coi thử? Chồn mới nói lại như vầy: tao có phép mà sai khiến đặng, vì Ngọc hoàng có phong cho tao làm vua quản trị hết thảy, mày cũng phải kính sợ

1. *Bằng bạc ròng*: bằng bạc nguyên chất không bị pha tạp những kim loại khác như chì, thiếc...

2. *Mủ*: mụ ấy.

3. *Nhún trề*: bĩu môi trề lưỡi để chế giễu.

tao nữa. Cọp nói: tao không tin ngay: có lẽ nào mày là hèn hạ làm vậy mà ai đi cho mày chức quờn [1] sang trọng thể ấy, mày nói láo mà thôi. Chồn cáo lại gắng điều này nữa: như mày không tin thì mày để tao leo trên lưng mày tao cỡi mà đi dạo các nẻo đường rừng mà coi thì mày biết, chớ tao nói tay đôi với mày cũng không cùng. Cọp chịu: ừ, mày đã quả quyết làm vậy, thì mày leo lên tao đem mày đi, nếu không có thiệt như lời, thì ta sẽ nhai xương mày cho đáng tội.

Khi ấy chồn lên cỡi cọp, đi tới đâu tới đó thì con chi cũng đều thất kinh chạy hết, mà con cọp dại tưởng chúng nó sợ con chồn, chớ không dè chúng nó sợ mình, cho nên trở lại xin lỗi với con chồn cáo. Vưng phục [2] đầu lụy con chồn. Cọp bái tạ đi, thì chồn dặn biểu cọp: từ nay về sau, mày đừng dễ ngươi tao nữa, mới một lần thì tao tha đi cho, mà sau có làm vậy thì tao không dung nữa đó, chẳng chơi đâu.

Chuyện nói xâm kẻ tiểu nhơn hèn hạ bất tài mà hay nương thế kẻ oai quờn mà húng hiếp người bình dân. Lại nói biếm người có quờn thế lớn hùng hào mà lại *hữu dũng vô mưu* để cho kẻ dưới mình gạt được.

71. Con kia kén chồng gạt thầy sãi, xã trưởng với ông huyện.

Người con gái kia trinh tiết lại có nhan sắc lắm, mà có ý kén cho được một người chồng cho tử tế. Vậy mới biệt cung ra cất cái nhà lầu ở đầu đường vắng vẻ, ở cách phong lưu lắm. Nào làng xã, nào thầy chùa thầy sãi, nào quan quyền gì đều tè vè [3] muốn, tới lui, chơi bời năng lắm.

Mà thấy có anh thầy sãi có tình ý hay tới lui, lại anh xã làng cũng năng vãng lai chuyện trò. Muốn báo họ một chuyến chơi cho bõ ghét, biết nó là quân bậy.

Quan huyện sở tại nghe đồn tiếng cũng hay ghé làm quen chơi. Chị ta bữa kia nói với thầy sãi: tối tới chơi. Lại biểu anh xã tối chừng canh hai tới nhà chơi. Cũng bữa ấy nhắn ông huyện khuya canh ba tới chơi.

Thầy sãi tới trước vô nhà, nước nôi vừa rồi, nghe kêu cửa: "Ai trong nhà mở cửa vô với". Thì anh thầy sợ, không biết tính làm sao,

---

1. *Chức quờn*: chức và quyền.
2. *Vưng phục*: vâng phục, chịu khuất phục.
3. *Tè vè*: ham muốn cực độ.

nghe tiếng anh xã thì sợ làng nước hay mình phận đi tu, thì phải kinh kệ nhang đèn sao có phế kì phận sự mà đi dạo nhà con gái đờn bà đêm hôm khó lòng. Tính làm sao, cô? Cô biểu vô xó tối núp đó.

Mở cửa anh xã vô: cô biểu tôi tới có việc gì gấp sao? Ừ, cũng có một chút việc, trầu thuốc nước nôi rồi, cổ [1] mới hỏi: cô thân độc mộc phận đờn bà con gái, mọn mạy [2] không biết phép xin hỏi anh xã, chớ như thầy sãi mà đi đêm ve vãn chúng thì làng xử làm sao? Chú xã mau miệng mới nói: thứ thầy sãi là quân trốn xâu lậu thuế, nó có làm vậy thì đem chém quách nó đi cho rồi, để làm chi.

Nói vừa dứt tiếng, đâu ở ngoài nghe vỗ cửa. Ai trong? Mở cửa cho quan huyện ngài vô. Chú xã nghe nói quan huyện chun núp xó vách. Ông huyện vô mứt chầm nước nôi rồi, ngồi hỏi thăm chuyện kia chuyện nọ. Rồi mới hỏi: chớ cô nhắn tôi tới có chuyện chi? Cô đứng dậy: bẩm ông tôi là đờn bà, luật phép không từng, xin ông phân thử cho tôi nghe cái việc này: thầy sãi bỏ chùa đi ve gái ban đêm thì phép trị tội làm sao? Ông huyện ngẫm nghĩ một chốc rồi nói rằng: có như vậy thì bắt đánh 50 roi, rồi đem mà cấp xâu nó như người ta dân sự vậy thôi.

Anh thầy trước nghe anh xã đòi chém đi ngấm ngầm giận lăng căng chạy ra lạy ông huyện: Bẩm ngài xử cái minh lắm, mà anh xã kia cà [3], ảnh đòi chém tôi đi. Thật ngài phân xử công bình minh bạch lắm.

72. Thầy dạy ăn trộm thử học trò.

Có ông thầy kia làm thầy dạy phép đi ăn trộm. Học trò cũng được năm bảy đứa. Có một đứa mới vô sau, thầy muốn thử coi cho biết nó dạn dĩ lanh lợi hay không, thì thầy dắt nó đi ăn trộm với thầy.

Thầy đem rình cái nhà có đứa con gái hay làm hàng lụa. Biết có cây lụa dệt rồi, nó gói nó để trên đầu giường kê đầu mà ngủ. Thầy mở cửa biểu nó vô lấy cây lụa đem ra. Thầy thì đứng giữa nơi cửa, nó vào thắp đèn ló lên, rọi thấy rồi, thụt đèn đi, thò tay lấy cây lụa. Mà chưa từng đứng dựa cái giường sợ run rẩy, động con ấy thức dậy, nắm đầu chú bợm, nó thất kinh kêu: "Nó nắm đầu tôi rồi thầy ôi!" Thầy nó mới nói mưu: Tưởng nắm đâu chớ nắm đầu không hề gì, nắm mũi kia mới sợ.

---

1. *Cổ*: cô ấy.
2. *Mọn mạy*: bé nhỏ, hèn mọn.
3. *Cà:* gây chuyện, gây gổ.

Con kia nghe tưởng nắm mũi chắc, bỏ đầu nắm lấy mũi nó giựt nó chạy ra được. Mõ ống làng xóm chạy tới rượt theo nó sợ quá nhè bụi tre gai chun phóc vào trỏng [1]. Gai đâm trầy trụa nát cả vá mình mà khi ấy không biết đau, nhức nhối rát rao lắm. Còn ông thầy chạy thẳng về nhà chổng cẳng ngủ.

Sáng ngày ra, thầy nói với vợ nó phải lo mà đi kiếm nó về. Chỉ phải đi kiếm đằng nào. Vợ nó ra đi kiếm, nó ở trong bụi tre gai thấy cỏn [2] đi ngang qua, mới kêu vô: Mày về nói với thầy cứu tao với. Tao hồi hôm sợ quá chun vô đây. Họ rượt thét lấy, chui đại vào không biết đau, bây giờ chun ra không được, mình mẩy nát hết.

Vợ nó về thưa lại với thầy. Thầy xách gậy ra, nó lạy lục xin cứu.

Thầy nó mới vùng la làng lên: Bớ làng xóm thằng ăn trộm đây.

Nó sợ đã sẵn, thất kinh quên đau, vụt chạy tuốt ra được. Về nhà thuốc men hai ba tháng mới lành.

Còn có thằng học trò khác dạn lắm, thầy nó muốn thử coi có khôn ngoan biết lắm mưu mà thoát thân khi túng nước hay không, thì đem anh ta đến nhà giàu lắm. Thầy đánh ngạch vô được dở rương xe ra, biểu nó vô khuân đồ.

Nó chun vô. Ở ngoài thầy khóa quách lại, bỏ đó ra về ngủ. Nó ở trong không biết làm sao ra cho được. Mới tính dùng mưu. Vậy nó mới quơ hết các áo quần tốt mặc vào sùm sùm sề sề. Lại lấy cái bung[3] đội trên đầu, khuất mặt khuất mày đi hết. Ở trong rương mới kêu lên: Ớ chủ nhà, ta là thần, bấy lâu nay ta ở với, cho mà làm giàu, nay mở rương cho ta ra đi dạo chơi ít bữa. Mở rương ra đờn bà ô uế phải đi đi cho xa. Còn đờn ông thì nhang đèn mà đứng nơi ra xa, đừng có lại gần không nên.

Trong nhà ngờ là thần thật, vật heo vật bò, để tạ thần. Lại có mời tổng xã tới thị đó nữa. Dọn dẹp xong tiêm tất, mở rương chống nắp lên, dẹp lại hai bên đứng ra xa xa chờ ông thần ra.

Đâu ở trổng thấy mặc đồ sùm sề đầu đội cái bung đen đen đi ra, rồi đi luôn đi, thần dạy ai có muốn vô cúng vật chi thì đi theo sau xa xa.

1. *Vào trỏng*: vào trong ấy.

2. *Cỏn*: con ấy.

3. *Cái bung*: cái nồi to.

Tới chùa thần mới vô ngự cho mà lạy. Thiên hạ ai nấy nghe đồn, rủ nhau đô hội đi theo coi.

Tới cái chùa kia ông thần vô chùa, leo lên trên bàn thờ ngồi cất cái bung đi. Thiên hạ vô thì đứng xa ngoài sân không dám vô. Bữa ấy anh học trò nhất mà bị chúng rượt chun bụi tre gai, có đi theo coi. Biết là bạn học mình, thì thưa với quới chức [1] xin cho va vô coi cho gần. Mà mắc có lời thần đã phán hễ ai lại gần thì thần phạt sặc máu ra mà chết.

Làng tổng mới nói với nó: Mặc ý muốn chết thì vô. Nó bươn [2] nó vô leo lên đằng sau dòm mặt, biết. Anh kia mới nói: Anh đừng có nói ra, để nữa về tôi chia đồ cho. Nó không tin nói: Rồi về anh chối đi, anh không chia. Anh kia nói: Không thì thề. Thằng nọ hỏi: Thề làm sao? Nó nói: Anh le lưỡi tôi liếm, rồi tôi le lưỡi anh liếm, thì là thề đó. Vậy thằng kia le lưỡi ra, anh nọ cắn ngang đứt đi, máu chảy ra dầm dề, leng teng chạy ra mà nói không được, lấy tay chỉ biểu làng vô bắt.

Ai nấy thấy máu mủ vậy thì ngờ là nó bị thần phạt sặc máu, liền sợ thất kinh bỏ chạy ráo. Thần ta mới mang đồ về nhà thầy, chia cho thầy mà đền ơn. Thầy khen nói: Mày học phép ăn trộm được rồi đó. Có muốn ra riêng thì thầy cho ra được.

74. Làm ơn mắc oán.

Ngày kia con beo buồn bắt khỉ võng đi dạo sơn thủy chơi. Thình lình nghe tiếng chó sói đi săn. Khỉ, cái nghiệp nó nghe giớn giác, nghe động rừng thất kinh, quăng võng leo lên cây ngồi hết. Còn con beo cong lưng chạy miết dài. Chó sói cứ rượt mãi.

Con beo túng nước sợ có khi nó bắt được, may đâu gặp một ông già, theo lạy lục xin ông già cứu. Ông già không biết làm sao, mới mở cái đãy, ông biểu nó chun vô, rồi thắt lại vắt trên vai mà đi. Chó sói chạy tới thấy đâu mất đi, mới hỏi thăm ông già. Ông già nói không có thấy. Chó sói bỏ về.

Ông già đi được một đỗi xa xa, rồi mở miệng đãy thả con beo ra. Con beo phần thì mệt, phần thì đói bụng quá chừng, nó đòi ăn thịt ông già đi. Ông già nói: Tao làm ơn cứu mày cho khỏi miệng chó sói mà mày đòi ăn thịt tao? Con beo nói: Cứu gì ông, ông bỏ tôi vô đãy ngột, thiếu một chút

1. *Quới chức*: quý chức, những ai có chức vị trong chính quyền ở đấy.
2. *Bươn*: chen lấn một cách vội vàng để tiến tới.

nữa chết còn gì? Bây giờ đói bụng quá, phải ăn mới xong, ông già nói: Thôi thì đi hỏi chứng cớ cho hẳn hoi rồi sẽ ăn.

Vậy tới chòm cây cao lớn dắt nhau lại hỏi thì cây nói: Người ta là giống bất nhơn ăn nó đi để làm chi? Mấy tôi [1] hằng giúp nó làm nên lương đống [2] cửa nhà mà nó còn lấy búa lấy rìu nó chặt, chém chúng tôi hoài. Ơn ngãi gì mà để. Ăn nó đi. Con beo nói: Đó còn từ chối gì nữa? Nó đòi ăn.

Ông già lại nói: Cây cối biết gì? Nói vậy chưa đủ tin. Dắt nhau đi tới nữa, gặp một bầy trâu già. Con beo lại hỏi có nên ăn đi hay không thì trâu nói: Chúng tôi làm đầy tớ nó già đời, cày bừa làm ruộng cho có lúa gạo cho nó ăn cho no, đến khi chúng tôi chết rồi, nó còn phân thây xẻ thịt, cái xương thì làm vạch, da thì bịt trống, đóng giày, đóng dép, cứt thì làm phân, không có biết công ơn chúng tôi chút nào, huống gì là anh? Ăn nó đi là đáng lắm.

Con beo lại đòi ăn. Ông già nói: Lục súc vô đồ, cũng chưa có chắc. Lời tục ngữ nói rằng: Sự bất quá tam. Xin mày để đi hỏi một lần nữa, rồi mày hãy ăn tao cho đáng số tao.

Dắt nhau đi nữa, một đỗi đàng khá xa, mới gặp một người con trai đi đường, đứng dừng lại hỏi. Thì người biểu nói gốc tích lại ban đầu cho nó nghe. Nghe biết rồi mới nói: Nào con beo hồi đầu mày thâu mình lại, mà chun vô đãy ông già làm sao thì làm lại coi thử, rồi hãy ăn thịt ông già.

Con beo chun vô rồi, thì nó thắt miệng đãy lại, vô bẻ cây đập con beo chết đi và đánh và dặn: Mày vô ơn bạc ngãi với kẻ làm ơn cứu mày, thì tội mày đập chết đi thì đáng lắm.

Lấy đó mà xét, ở đời biết là mấy người bạc tình, đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nơm? Chẳng những là bội ơn mà thôi, mà lại dĩ ân báo oán nữa. Mấy người làm vậy bụng dạ vạy vò, chẳng người thì trời cũng hại nó đi có thuở. Hễ làm lành thì gặp lành, mà làm dữ thì gặp dữ, chẳng chày thì kíp, chạy đàng trời không khỏi. Làm ơn mắc oán là sự thường. Nhưng vậy ơn cũng chẳng mất đi đâu, làm sao cũng sẽ trả, chẳng người này thì người khác, chẳng thể này thì thể khác. Nên ai nấy cứ làm lành thì sẽ gặp lành mà chớ.

---

1. *Mấy tôi*: mấy đứa chúng tôi.

2. *Lương đống*: cây gỗ cái trên nóc giữa hai mái, chỗ dựa chính của tất cả rui, mè của hai mái.

NGƯ TIỀU TRƯỜNG ĐIỆU

Xuất bản lần đầu tiên năm 1885 – Nhà in Mission, Sài Gòn. Chúng tôi chưa tìm được bản in đầu tiên này, bản in sau đây theo *Văn đàn bảo giám*, quyển III của Trần Trung Viên. Khoảng thời gian làm bài này, có lẽ Trương cảm thấy mình sắp bị bỏ rơi nên đã bắt đầu nói đến chuyện ẩn dật.

Non vời vợi, nước mênh mênh!
Non nước dầu ta dưỡng tánh (tính) tình.
Sướng mắt trăm trùng biếc biếc,
Trái tai một đới [1] xanh xanh.
Chẳng có tiên cũng có rồng, khi thiêng đất cấu[2]
Đã không quê lại không vức, chốn lạ trời dành [3]
Hi Di [4] lánh dầu xuôi chiếc lá
Gia Cát [5] nằm dễ luống lều tranh.
Đây cũng là động,
Đó cũng là nguyên [6]
Đời sao vắng chân nhân,
Đời sao không xử sĩ?
Kìa thời ấy non,
Nọ thời ấy nước,
Ai đã thôi tể tướng,
Ai đã cất tiên sanh?
Chia tục lựa khăn ba triệu,
Ngăn trần miễn áo hai manh [7]
Sớm bãi hạc, tối doi [8] le, thú ngư ông mặc thích,

---

1. *Đới*: giải.

2. *Cấu*: tạo nên.

3. *Vức*: cõi đất, cũng có nghĩa là quê. Tục ngữ: Xa quê cách vức.

4. *Hi Di*: tên thật là Trần Đoàn, người đời Tống (Trung Quốc) ở ẩn tại Hoa Sơn, tu theo đạo thần tiên. Tống Thái tông nhiều lần mời ông ra làm quan, ông đều từ chối, chỉ vui cảnh ẩn dật.

5. *Gia Cát*: tức Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh, người đời Tam Quốc, ở ẩn tại Ngọa Long Cương. Lưu Bị ba lần đến mời, Gia Cát phải ra giúp, Lưu Bị lập được nghiệp lớn.

6. *Nguyên*: nguồn nước.

7. Làm cho khác thế tục lọ là phải chít khăn ba vòng còn che thân thì áo hai manh cũng được rồi.

8. *Doi*: chỗ đất nổi lên giữa sông hoặc chìa ra dọc sông.

Rày đường chim, mai dấu thỏ, nghiệp tiều lão ai tranh?
Gió nặng, buồm bay phơi phới,
Trăng đầy, thuyền nhẹ thinh thinh (thênh thênh)
Hễ đâu tối là nhà, phải mượn ai hỏi bến?
Hễ đâu nhàn ấy thú, lọ chi chỗ tìm gành [1]
Ướm hỏi ngâm câu thoát lý [2]
Vỗ tay ca chữ trạc anh [3]
Gạo Bành Trạch dễ bao lăm, có chăng chúa bẻ lưng
Đào lịnh (lệnh) [4]
Ngôi gián nghị đã mấy lớn, họa là trời cải chí
Nghiêm Khanh [5]

Nét niềm thà cũng rừng cỏ,
Xốn xang không chọi sỏi sành
Cuộc Hán Sở biếc con ngươi, chi đến nỗi rìu ta cán mục [6]
Chuyện Tấn Tần nhăn cái lưỡi [7]*, đâu cho thuyền tớ*
chèo quanh?

---

1. *Gành*: ghềnh, tức là chỗ có đất đá nổi trong dòng sông làm cho thế nước ở đấy chảy mạnh.

2. *Thoát lý*: cởi giầy. Xích Tùng Tử làm một vị tiên giả vờ đánh rơi chiếc giầy và bảo Trương Lương nhặt xỏ vào chân cho mình để thử chí họ Trương.

Trương chịu nhặt và được Xích Tùng Tử cho theo lên cõi tiên.

3. *Trạc anh*: giặt giải mũ. Mạnh Tử: "Thương Lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngã anh; Thương Lang chi thủy trọc hề, khả dĩ trạc ngã túc" (Nước sông Thương Lang trong xanh chừ, có thể giặt giải mũ ta; nước sông Thương Lang đục chừ, có thể rửa chân ta!). Trạc anh ở đây chỉ khúc hát đó của người vui trong mọi cảnh ngộ.

4. *Bành Trạch*: Đào Tiềm người đời Tấn làm Huyện lệnh ở Bành Trạch. Một hôm có phái viên trên quận về, nha lại khuyên Đào Tiềm chỉnh đốn khăn áo để đón tiếp. Đào trả lời: "Ta không thể vì năm đấu gạo mà khom lưng khúm núm trước kẻ kia" (Năm đấu gạo chỉ lương huyện lệnh). Ông lập tức từ quan bỏ về và làm bài *Quy khứ lai* từ để tỏ chí.

5. *Nghiêm Khanh*: tức Nghiêm Quang, tự là Tử Lăng, bạn học ngày nhỏ của vua Quang Vũ nhà Hán. Khi Quang Vũ lên ngôi, ông đi ở ẩn. Quang Vũ tìm được, mời ra làm quan, ông từ chối mấy lần. Có lần Quang Vũ khẩn khoản mãi ông mới chịu ra, gặp đêm rằm nằm cùng giường và gác lên bụng Quang Vũ y như hồi nhỏ song vẫn dứt khoát về ở ẩn, không chịu nhận chức gì cả.

6. Cuộc tranh hùng giữa Hán và Sở (Lưu Bang tức Hán Cao Tổ và Hạng Võ tức Sở Bá Vương) chỉ diễn ra trong nháy mắt đến nỗi như người tiều phu đời xưa chống rìu xem tiên đánh cờ phút chốc quay lại thì cán rìu đã mục nát rồi.

7. Nhà Tần đem họ Lã đổi làm họ Đinh, nhà Tấn đem họ Mã đổi làm họ Ngưu khiến ai nghe chuyện cũng phải tặc lưỡi than thở.

Vẽ chân rắn[1] *khéo nhưng mà vụng,*
Vin tuổi hùm dữ ắt chẳng lành
Ghi khoán thiết, chép thơ (thư) son[2]*, chớ nói ngàn năm sự nghiệp;*
Chực cửa vàng, chầu bệ ngọc, nực cười hai chữ công danh.
Nơi thành thị có vinh âu có nhục,
Chốn lâm tuyền càng tục lại càng thanh.
Đất cấp của tự nhiên, xã xượi cá tươi gỏi tốt;
Trời ban kho vô tận, ê hề gió mát trăng thanh
Thưởng cảnh tả thơ tựa gấm[3]
Đánh sầu điểm rượu làm binh[4]
Say lại tỉnh, tỉnh lại say, một ngày cũng thần tiên vô sự[5]
Uống nhẫn[6] *ăn, ăn nhẫn uống, muôn năm ơn thiên tử thái bình.*
Đâu chẳng dân trời đất chúa, dễ dám phân rằng khách giang hồ,
Rằng sĩ nham huyệt[7]
Rằng kẻ thị thành,
Tạm chép một ca,
Ngõ tường đôi thú[8].

Trần Trung Viên – Văn đàn bảo giám,
quyển III, Nam Ký xuất bản, Hà Nội – 1930

---

1. Vẽ rắn thêm chân.
2. *Khoán thiết, thơ son*: tức là đan thư thiết khoán, bản giao ước bằng sắt ghi chữ son mà nhà vua ban cho các công thần để làm của tin. Hán Cao Tổ ban cho các công thần đan thư thiết khoán ghi rõ lời hứa mãi mãi ưu đãi công thần, ai ngờ sau đó lại giết khá nhiều.
3. Ngắm cảnh làm thơ tả cảnh, lời đẹp như hoa gấm.
4. Uống rượu tiêu sầu, xem rượu như đám quân binh giúp mình phá vỡ thành sầu.
5. Một ngày vô sự cũng như thần tiên rồi.
6. *Nhẫn*: đến.
7. *Nham huyệt*: hang núi. *Sĩ nham huyệt*: người ở sâu trong rừng núi.
8. *Ngõ tường đôi thú:* để biết rõ hai cái thú ấy (làm ngư ông và tiều phu).

THƠ TUYỆT MỆNH [1]

Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai,
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời.
Học thức gửi tên con sách nát,
Công danh rút cục cái quan tài.
Dạo hòn lũ kiến men chơn bước,
Bò xối con trùng chắc lưỡi hoài,
Cuốn sổ bình sinh công với tội,
Tìm nơi thẩm phán để thừa khai.

1898

Do Lê Thanh trích trong sách
Trương Vĩnh Ký, Tân dân xuất bản,
Hà Nội, 1943.

1. Đầu đề do chúng tôi dặt (N.V.P)

THIÊN ĐÀO

Chưa rõ năm sinh năm mất và quê quán, chỉ có thể đoán tác giả này người Nam Bộ sống khoảng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Vì tác giả chứng kiến cơn bão đổ bộ vào miền này năm 1904.

Về tác phẩm, cho đến nay cũng chỉ biết có một tập thơ nhan đề là *Nhàn trung tạp vịnh*. Đây thực ra là một ký sự bằng thơ lục bát ghi chép những sự việc xảy ra khoảng đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ. Sách này do Lê Đạo Ngạn xuất bản năm 1907 tại Sài Gòn. Phần chủ yếu của tập thơ này là bài thuật lại cơn bão năm Giáp Thìn (1904) đã gây ra nhiều thiệt hại về của và người. Tiếp sau trận bão lại là nạn châu chấu phá hoại mùa màng, cho nên đời sống dân chúng gặp nhiều khó khăn.

Dưới đây chúng tôi trích một số đoạn, đầu đề do chúng tôi đặt. Có những từ viết theo âm địa phương ngày ấy, chúng tôi giữ nguyên cách viết cũ đó, tuy nhiên có một số từ, để bạn đọc dễ hiểu, chúng tôi chua từ phổ thông ngày nay ở bên cạnh.

*

CƠN BÃO NĂM GIÁP THÌN (1904)

Giáp thìn vừa thuở tháng ba,
Trong ngày mười sáu khởi ra rõ ràng.
Giờ thình (thìn) từ hướng âm cang [1] (can)
Gió mưa lát đát (lác đác) mơ màng chưa hay;
Bước qua giờ tỵ [2] bằng nay,
Hướng Tây mới thổi mưa bay hằng hà [3]

---

1. *Âm cang*: tức âm can nghĩa là nóng âm, nóng mà không có gió.
2. *Giờ tỵ*: từ 9 giờ đến hết 11 giờ sáng.
3. *Hằng hà*: bởi chữ Hằng hà sa số: số cát ở sông Hằng, tức sông Gange ở Ấn Độ, ý nói nhiều không kể xiết.

Ngọ [1] thời Tây bắc thổi ra,
Đùng đùng trời đất mưa sa ly bì;
Đến mùi [2] chánh Bắc [3] một khi,
Tuy là thổi nặng cũng chưa hề gì;
Giờ thân [4] Đông bắc thậm nguy,
Ai ơi mất vía vậy thì kinh hoai (oai, uy)
Đông phang (phương) ngọn gió vừa day
Đùng đùng cây ngã nhà bay khắp trời;
Bốn phang thiên hạ mọi nơi,
Cửa nhà sập hết kêu trời khóc vang;
Giờ dậu [5] lại thổi Đông nam,
Phố lầu tào khậu [6] mấy hàng cũng bay,
Ghe bầu [7], ghe cửa [8], ghe chài, [9]
Gặp cơn sóng gió dễ ai cho còn;
Kẻ thời lạc vợ lạc con,
Mất cha mất mẹ héo don tấm lòng;
Bao bồn [10] một nỗi chưa xong,
Lại thêm nước lục (lụt) chảy băng khắp ngàn;
Trôi nhà trôi cửa tang hoan (tan hoang)
Đờn bà con nít thát hoan (thác oan) thẩm sầu.

Nhàn trung tạp vịnh, Lê Đạo Ngạn
xuất bản, Sài Gòn, 1907.

*

---

1. *Ngọ thời*: giờ ngọ, từ 11 giờ đến 13 giờ.
2. *Mùi*: giờ mùi, từ 13 đến 15 giờ.
3. *Chánh Bắc*: gió chính Bắc.
4. *Giờ thân*: từ 15 đến 17 giờ.
5. *Giờ dậu*: từ 17 giờ đến 19 giờ.
6. *Phố lầu tào khậu*: *phố lầu*: những nhà gác. *Tào khậu*: tiếng Nam Bộ chỉ những thương nhân Hoa kiều, nhất là trong ngành ngũ cốc.
7. *Ghe bầu*: những thuyền ở miền Nam Trung Bộ, thành bằng gỗ, đáy bằng nan tre trát son, thường có 3 buồm to, chở mắm muối vào Nam Bộ đổi chác hàng hóa.
8. *Ghe cửa:* thuyền gỗ, chuyên dùng đi ngoài bể hay trong vùng các cửa sông lớn.
9. *Ghe chài*: thuyền gỗ, trọng tải lớn, thường có tàu thủy kéo, dùng để chở lúa hay các loại ngũ cốc.
10. *Bao bồn*: chưa rõ nghĩa. Nhưng theo nghĩa cả câu thì "bao bồn" có thể hiểu là che đậy, dùng phương tiện để chống mưa bão.

NẠN CHÂU CHẤU

Cào cào [1] *ít kẻ biết đâu,*
Bắc Chiêm [2] *bay xuống quá đông dầy dầy;*
Bề dài sáu ngàn thước tây,
Bề ngan (ngang) thâm thẳm (thăm thẳm) ước dư ba ngàn;
Đương nắng nó lại bay ngan,
Dày ba mươi lớp chứa chang (chan) mịt trời;
Khi bay mười hai giờ trưa,
Đến năm giờ tối mà chưa hết bầy;
Ngó xa cuồng cuộng tợ (cuồn cuộn tựa) mây
Cũng như sương gián (giáng) mưa bay trắng trời;
Thiệt nó bốn sắc mà thôi,
Đen, vàng, xanh, đỏ miệng thời bốn răng;
Lại thêm có hai cái râu,
Hình nó nhắm lại khác đâu hình người;
Thiệt trong tháng tám hai mươi (tức 29-7-1904)
Bắc Chiêm bay xuống ở nơi giữa rày;
Bay đến An Lộc bằng nay,
Ăn phá thiên hạ khốn thay kêu trời;
Bay lên đáp xuống mọi nơi,
Đến tại Lò mía [3] *vậy thời hâm lăm (hai mươi nhăm)*
Người ta đập đuổi ầm ầm,
Kêu trời vang (van) đất ngồi nằm đặng đâu;
Ăn chơi cũng chẳng bao lâu,
Bay đi sạch bách [4] *mía hầu còn cây;*
Người ta đồn khắp đông tây,
Ai ai nghe lạ đến đây coi rày;
Tới nơi thấu nó vừa bay,

---

1. *Châu chấu*: miền Nam gọi châu chấu là cào cào. Thực ra đây là nạn châu chấu chứ không phải cào cào. Châu chấu mình to đầu tròn, hay ăn nõn lúa, búp tre và các lá non; còn cào cào mình thon đầu nhọn, ăn lá cỏ non.

2. *Bắc chiêm:* tên một địa phương ở Campuchia, gần biên giới Nam Bộ.

3. *Lò mía*: những lò làm đường đỏ bằng mật mía, thường thấy nhiều ở Hiệp Hòa (Long An), Tây Ninh, Sông Bé.

4. *Sạch bách*: sạch trơn, hết nhẵn, không còn gì.

Hăm sáu (hai mươi sáu) mới đến bằng nay Sài Gòn
Vốn nó không mẹ không con [1]
Thiệt có một lứa hình tròn ngón tay;
Xuống bờ ăn cỏ đỏ gay,
Đui (đuôi) trong Chợ Lớn đầu nay Sài Gòn
Đậu cây ngã hốc chẳng còn
Đậu tre tre nổ bon bon tợ đồng [2]
Cất bay qua sở Nhà Rồng
Xuống nơi Tân Thuận đầy đồng minh mông;
Người ta đập đuổi la râng (rên)
Trống chiên (chiêng) dậy đất nó không sợ rày;
Ba phúc (phút) đồng hồ mới bay,
Lúa đà hết lá còn rày cộng (cọng, cuộng) không;
Nghe thôi khắp hết tây đông,
Trống hồi mõ đánh vang râng (rân) dậy trời
Nhơn dân đâu đặng thảnh thơi,
Cào cào này cũng điềm trời khiến ra;
Hương thôn lớn bé trẻ già,
Ai ai thời cũng cầm chà (cành) chạy ra.
Bấc (bất) kỳ con nít lên ba,
Cào cào bay tới chạy ra đùng đùng
Vang tai mõ đánh trống rung,
Lao sao thiên hạ khôn cùng nỗi thương;
Ai ai thời cũng tư lương [3]
Đề nó ăn hết ắc (ắt) vương lấy nghèo;
Lúa vừa mới trổ chưa đều,
Nó bè bay tới dập dều (dập dìu) quá đông;
Đầu bè cắng (cắn) lấy ngan (ngang) bông
Lúa kia đổ xuống tràng (tràn) đồng sạch không
Mõ trống dậy trời vang râng (rân)
Người ta la đuỗi (đuổi) rầng rầng (rầm rầm) một khi
Bầy này đuỗi (đuổi) mới bay đi,
Bầy khác bay đến vậy thì quá đông;
Rầng rầng (rầm rầm) đáp xuống đầy đồng,
Bốn giờ chiều đuỗi (đuổi) nó không ti rày;

---

1. Cả câu ý nói những con cào cào này đều cùng một lứa, không có lứa mẹ và lứa con.
2. Cả câu ý nói cào cào đậu vào tre thì tre nổ đùng đùng như súng (đồng).
3. *Tư lương*: lo lắng.

Ở đó nó nghỉ bằng nay,
Từ gốc chí ngọn biết rày mấy linh;
Hai bên dừa nước rộng thinh (thênh)
Đậu dư trăm lớp gẫm tình ghê thay;
Lá dừa sỗ (sổ) đất bằng nay,
Xóm làng chạy báo trống rày hồi lên,
Hương thôn nhà ở hai bên,
Trẻ già chạy đến quan trên dạy truyền;
Bao bố (vải) kiếm đem ra liền,
Dầu hôi (dầu hỏa) đỗ (đổ) ướt, lửa liền đốt lên,
Cào cào đổ xuống bốn bên,
Hốt vào ba bố thiệt nên quá nhiều;
Lớp thời bắc (bắt) bỏ vào bao,
Hơn ba bốn chục đam (đem) vào nạp quan;
Khen cho nó cũng có gan,
Đánh chết dễ biết muôn ngày nào đâu;
Giận bèn bắc (bắt) nó bức (bứt) đầu,
Buông ra bay mất vậy hầu quá xa;
Đập nó chết đã hằng hà,
Một hồi sống lại bay mà tợ (tựa) dông
Quả nó có phép thần thông,
Tánh linh trời phú thiệt khôn muôn phần,
Bay đi đáo (đảo, trở) lại ba lần,
Bay ba ngàn thước còn quần rước nhau,
Bốn phương tám hướng trước sau,
Đâu đâu cũng có cào cào phủ vây;
Bang (ban) đầu tưởng có một bầy
Tháng mười nghe khắp đông tây thiếu gì
Biết mấy chục vầy một khi,
Đêm ngày trống mõ đánh thì vang râng (rân)
Mõ trống hồi một bất phân,
Trẻ già trai gái đầy đồng tiếng vang;
Bốn phương mõ trống nát tang
Dường như trận giặc Tây Sơn khác nào [1]

---

1. Tác giả ví tình hình hoảng loạn trong nhân dân lúc bấy giờ với việc quân Tây Sơn kép và đánh quan chúa Nguyễn trên đất Nam Kỳ trong những năm 1782, 1783.

Nhà Nguyễn coi nhà Tây Sơn là "giặc", nên tác giả mới gọi là "giặc Tây Sơn".

Đường như hồi thuở Tống trào[1]
Nhạt (Nhạc) Phi[2] *phá khổ khác nào chi đâu;*
Ai ai thời cũng thẩm sầu,
Nó xuống Rạch Lá ở hầu nữa (nửa) trăng[3]
Đêm ngày ở đó nó ăn,
Lúa đà sạch bách (trắng) chẳng còn một bông;
Người ta la khóc vang râng (rân)
Nghèo đi làm ruộng tay không mà về;
Nghĩ thôi thăm (thảm) thiết nhiều bề
Tưởng đi làm ruộng đem về nuôi con;
Phen này áo rách quần mòn,
Lấy chi nuôi dưỡng vợ con ngày rầy.
Ăn hết rồi nó lại bay,
Qua nơi Thối Hiệp ở rày ăn chơi;
Ai ai la khóc vang trời,
Trống chiên (chiêng) đập đuổi khắp nơi vang dầy (dậy)
Từ hồi Bàn Cổ[4] *đến đây,*
Cũng không ngó thấy sự này làm sao;
Bây giờ lại có cào cào,
Muôn vàng (vàn) triệu ức lao xao khắp trời
Điều ra hung đảo mọi nơi,
Thiên hạ điên đảo thanh thơi được nào
Cũng về (vì) một sự cào cào,
Ăn phá thiên hạ tỗn (tổn) hao muôn ngàn.

Nhàn trung tạp vịnh, Lê Đạo Ngạn
xuất bản, Sài Gòn, 1907.

---

1. *Tống trào*: triều Tống (960 - 1276) ở Trung Quốc.
2. *Nhạc Phi:* một danh tướng đời Tống đánh thắng giặc Kim.
3. *Nửa trăng:* nửa tháng âm lịch, vì lịch ta tính theo tuần trăng, mỗi tháng một kỳ trăng tròn vào ngày rằm.
4. *Bàn Cổ:* tên nhân vật trong thần thoại Trung Hoa, là người đầu tiên sinh ra sông núi và muôn loài. Cả câu ý nói từ khi có loài người đến nay.

NGUYỄN LIÊNG PHONG

Chưa rõ quê quán, năm sinh năm mất, chỉ biết ông là bạn kém tuổi của nhà thơ trào phúng Học Lạc (1842-1915) và đã từng gặp Nguyễn Đình Chiểu (mất năm 1888) ở Ba Tri. Ông thuộc lớp người sáng tác thơ ca bằng chữ quốc ngữ đầu tiên ở Nam Bộ.

Tác phẩm: *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* (Nhà in Phát Toàn, Sài Gòn, 1909). *Điếu cổ hạ kim thi tập* (Nhà in Phát Toàn, Sài Gòn, 1915).

NAM KỲ PHONG TỤC NHƠN VẬT DIỄN CA

(Trích)

Đây là một tập ghi lại những đặc sản, cách thức sinh hoạt và những nhân vật nổi tiếng của Nam Bộ theo từng tỉnh. Văn chương không đặc sắc, song đáng chú ý là những đoạn ghi lại sự nghiệp của những người chống Pháp, cung cấp cho ta một số tư liệu bổ ích, vì tác giả sống gần đồng thời với những nhân vật đó. Dưới đây chúng tôi trích một số đoạn theo hướng nội dung đó:

MỸ THO

... Chỗ là mũi giặc vô ra,
Thói dân địch khái [1]*, trẻ già thẳng ngay.*
Tập quan rõi đến đời nay,
Huân, Lân [2] *khởi nghĩa người say tấm lòng.*
Cả thầy nghe theo rùng rùng,
Dẫu ra khổ não khốn cùng cũng ưng.

---

1. *Địch khái*: tinh thần chống lại kẻ địch.

2. *Huân, Lân*: tên hai vị thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa chống Pháp xâm lược: Nguyễn Hữu Huân và Âu Dương Lân.

Bất hàng [1] *cam đoạn tướng quân,*
Ông Huân thủ bút khi vưng (vâng) chịu hình [2].
Cho hay quý tiện nhục vinh,
Đều chôn xuống đất mà danh khác nhiều.
Bại thành cũng tiếng tạc biêu [3],
Bấy lâu nghe đã quạnh hiu can tràng ...

GÒ CÔNG

...Tiếng xưa Đám Lá Tối Trời
Có ông Trương Định trải phơi gan vàng.
Một phương cờ nghĩa nổi vang,
Xưng làm đại tướng giúp an triều đình.
Ai dè cô chưởng nan minh [4],
Lưỡi gươm đâm bụng liều mình như chơi.
Nên không [5] *số hệ bởi trời,*
Há đem thành bại luận người hùng anh.
Làm trai cho có thân danh,
Dấu bia tạc với non xanh chẳng già ...

*

CẦN THƠ

... Chợ Bình Thủy ông Thủ khoa,
Tên Bùi Hữu Nghĩa gốc nhà Nho lâm.
Công phu đèn sách mười năm,
Lúc ra ứng cử [6] *đậu nhằm giải nguyên* [7].

---

1. *Bất hàng:* không chịu đầu hàng địch.

2. Kế đó tác giả ghi lại bài thơ *Hàn mã giao quan báo quốc cừu* của Thủ khoa Huân và một bài của thân sĩ đương thời họa lại bài ấy. Ở đây, chúng tôi xin phép lược đi.

3. *Tạc biêu*: chính là tạc biểu, tức ghi công.

4. *Cô chưởng nan minh*: một bàn tay không thể vỗ nên tiếng được. Ở đây chỉ Trương Định và dân chúng Nam Bộ quyết tâm đánh Pháp, nhưng không được triều đình nhà Nguyễn ủng hộ.

5. *Nên không*: thành công hay thất bại.

6. *Ứng cử:* đi thi.

7. *Giải nguyên*: đỗ đầu khoa thi hương.

Bình sinh chỉ đạo thánh hiền,
Thiên tư chánh (chính) trực, tâm điền [1] hào hoa.
Thường khi sắp đặt nôm na,
Bổn tuồng Kim Thạch [2] diễn ca khéo lời.
Với Huỳnh Mẫn Đạt [3] đồng thời,
Hai ông thơ phú làm chơi bộn bàn.
Rủi ro gặp lúc binh hoan [4],
Chỉ cam ẩn dật, phận an thanh bần.
Mình không xu phụ thế thần,
Vẹn toàn danh giá xa gần ngợi phong.
Tác thành môn đệ cũng đông
Nay còn con cháu sĩ nông thủ thường.

*

HÀ TIÊN

... Hồn Phú Quốc chỗ kheo khư [5],
Xứ không trộm cướp, dân cư thái bình.
Nhớ xưa đương cuộc chiến chinh,
Ông Nguyễn Trung Trực tung hoành đã lâu.
Trước nơi Nhựt (Nhật) Tảo đốt tàu [6],
Sau nơi Rạch Giá đánh nhầu [7] hoảng kinh
Thương thay mấy lúc tan tành,
Rồi ra Phú Quốc ẩn danh tiềm tàng.

---

1. *Tâm điền*: cũng như tâm địa. Cái cơ bản của lòng mình.

2. *Kim Thạch*: tức Kim Thạch kỳ duyên, một vở tuồng của Bùi Hữu Nghĩa.

3. *Huỳnh Mẫn Đạt* (1807-1883): người tỉnh Gia Định đậu Cử nhân, làm Tuần phủ, sau không chịu làm việc với Pháp xâm lược, về ở ẩn. Có thơ vạch mặt Tôn Thọ Tường và khen Nguyễn Trung Trực.

4. *Binh hoạn*: chính là binh hoạn, tức chiến tranh.

5. *Kheo khư:* gầy còm, trơ xương. Ở đây dùng theo nghĩa rộng, chỉ nơi có núi đá lởm chởm.

6. *Nguyễn Trung Trực* (1838-1868): người tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Mộ nghĩa quân đánh Pháp ngay khi chúng mới bắt đầu xâm lược Nam Kỳ. Ông đã đốt cháy chiếc tàu chiến Espérance của Pháp trên sông Vàm Cỏ (tại làng Nhật Tảo, năm 1861). Năm 1868, ông sa vào tay giặc và bị hành hình ở Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang).

7. *Đánh nhầu:* đánh lộn.

Lâm cơ, túng thế phải hàng,
Phép công xử tại Kiên Giang bấy chầy.
Bại thành nào kể dở hay,
Đã liều một chết rủi may cho rồi.
Cửa dương sóng bổ dập dồi,
Cám người nghĩa khí gặp hồi diêu linh

Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca,
Nhà in Phát Toàn, Sài Gòn, 1909.

ĐIẾU CỔ HẠ KIM THI TẬP

(Trích)

Đây là một tập thơ viếng những người thời trước (điếu cổ) và mừng những người đương thời (hạ kim). Văn chương cũng không đặc sắc, song cung cấp cho bạn đọc chân dung những người danh tiếng đương thời.

Dưới đây chúng tôi trích hai bài:

VIẾNG ĐỒ CHIỂU

Tiếng ông Đồ Chiểu chợ Ba Tri [1]*,*
Còn hãy nhớ lời nói những khi.
Danh lợi biếng chen vai Cống Võ,
Lâm tuyền khỏe nhắm mắt Hy Di [2]*.*
Vân Tiên dấu để văn tao nhã,
Quốc ngữ in ra chúng chuộng vì [3]*.*
Khỏe giấc sớm về ba thước đất [4]*,*
Giàu mà chi đó khó mà chi.

NHỚ HỌC LẠC

Thầy Học tính vui vẻ,
Hình dung xem nhỏ nhẹ.
Tiếng nói rảng [5] *như chuông,*
Giọng ngâm ngang quá ghẹ,
Đầu thang [6] *thuốc có danh,*
Bói Dịch, nghề hay quẻ.
Thi phú giọng hơi cao

---

1. *Ba Tri:* thuộc tỉnh Bến Tre (Nam Bộ), nơi Đồ Chiểu lui về ở ẩn.

2. *Hy Di:* hiệu của Trần Đoàn, ở ẩn tại Hoa Sơn Trung Quốc - Tống Thái Tông nhiều lần mời ra làm quan đều từ chối. Tương truyền Trần Đoàn tu tiên có thể không ăn ngũ cốc và ngủ hàng trăm ngày liền. Đồ Chiểu cũng có câu thơ: "Mỏi mắt Hy Di đời Ngũ Quý ..."

3. *Chúng chuộng vì*: quần chúng ưa chuộng, yêu thích.

4. *Ba thước đất:* chỉ nấm mồ.

5. *Rảng:* sang sảng, kêu to.

6. *Đầu thang:* bốc thuốc Đông y.

Kìm tranh phi ngón lẹ
Văn minh đã đổi đời,
Tập tục ngày khác lẽ.
Sống dai mệt xác phàm,
Thác trước còn mà khỏe.
Cố nhân mất đã lâu,
Linh sàng hay chăng nhẽ?
Còn tôi với Nhiêu Phang,
Bạn tác [2] xưa mấy kẻ!

Điếu cổ hạ kim thi tập,
Nhà in Phát Toàn, Sài Gòn, 1909.

---

1. *Nghĩa cả câu:* chơi đàn kìm (đàn nguyệt) và đàn tranh rất giỏi.
2. *Bạn tác*: bạn cùng lứa tuổi (tuổi tác).

SƯƠNG NGUYỆT ANH
(1863-1921)

Nguyễn Xuân Khuê, hay Nguyễn Thị Khuê, hay Nguyễn Thị Ngọc Khuê, biệt hiệu Nguyệt Anh, sinh ngày 2 tháng 1 năm 1863 tại Ba Tri (Bến Tre), là con thứ tư của Nguyễn Đình Chiểu, tục danh là cô Năm Hạnh. [1]

Lúc nhỏ, cô Khuê cùng chị là Kim Xuyến học chữ Hán đã nổi danh tài sắc, người đời gọi là *Nhị Kiều.*

Năm 24 tuổi, cô Khuê lấy Nguyễn Công Tính. Vài ba năm sau, sinh một gái tên là *Nguyễn Thị Vịnh.* Khi con lên hai, thì chồng mất, bà thêm chữ Sương ở trên tên hiệu, thành *Sương Nguyệt Anh.* Lúc đó, bà độ 30 tuổi.

Đang độ tài sắc gặp cảnh góa bụa, bà quyết ở vậy, nuôi con nhỏ. Có nhiều người giàu có, quyền quý đến hỏi, bà đều từ chối. Ngay cả những khách thơ ngỏ ý cầu thân, cũng đều bị bà khước từ.

Bà phải dạy học để nuôi con. Bấy giờ gặp phong trào Đông Du (hồi đầu thế kỷ XX), bà hưởng ứng, đã bán phần ruộng đất của mình cho học sinh đi du học.

Khi cô Vịnh khôn lớn, bà gả cho Mai Văn Ngọc, một trí thức có phẩm danh cao ở Mỹ Tho. Vịnh sinh được một gái là Mai Huỳnh Hoa. Ít lâu sau cô Vịnh mất, bà đưa cháu ngoại về nuôi.

Khi Sương Nguyệt Anh đang ở quê, một bạn làng văn là ông Lê Đức mời bà lên Sài Gòn làm Chủ bút tờ báo *Nữ giới chung* (tiếng chuông nữ giới). Bà nhận lời, báo ra số đầu vào ngày 1 tháng 2 năm 1918. Được nửa năm, báo đình bản, bà cùng cháu về ở nhà người em ruột là Nguyễn Đình Chiêm ở Mỹ Thạnh Hòa. Ngày 4 tháng 1 năm 1921 bà từ trần, thọ 57 tuổi, mộ ở cạnh chợ Ba Mỹ, trên đường đi Bến Tre, gần mộ cha là Nguyễn Đình Chiểu.

Sương Nguyệt Anh biết chữ Pháp, làm thơ bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ. Phần này, chưa in thành sách, chỉ rải rác in ở các báo. Năm 1957, ông Mai Xuân Thọ sưu tầm, tập hợp in thành một tập nhan đề là *Sương Nguyệt Anh.* (Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn).

Ngoài ra, bà Mai Huỳnh Hoa cũng có một sưu tập riêng. Chúng tôi tham khảo cả hai nguồn trên để tuyển chọn.

---

1. Phong tục Nam Bộ không dùng chữ "Cả" để chỉ con trưởng mà dùng chữ "Hai", cho nên con thứ tư thì gọi là Năm. (Chữ Cả chỉ dùng chỉ người giữ chức Hương Cả tương đương với Lý trưởng ở ngoài Bắc).

THƯỞNG BẠCH MAI NƠI NÚI ĐIỆN BÀ

Non linh đất phước [1] trổ hoa thần,
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,
Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngân.
Mây lành gió lạnh nương hơi chánh,
Vóc ngọc mình băng bặt khói trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến,
Non linh đất phước trổ hoa thần.

Theo sưu tập của bà Mai Huỳnh Hoa.

*

NHÂN VUA THÀNH THÁI VÀO NAM

Nghìn thu nay gặp hội minh lương [2]
Thiên hạ ngày nay trí mở mang.
Tấc đất ngọn rau tràn dưới mắt [3],
Đai cơm bầu rượu chật ven đàng [4].
Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa [5],
Xót dạ thần dân chốn lửa than [6].
Nước mắt cơ cùng [7] trời đất biết,
Biển dâu [8] một cuộc thấy mà thương.

Theo sưu tập của bà Mai Huỳnh Hoa.

---

1. *Non linh đất phước:* núi thiêng, đất có phúc. Nói chung chỉ nơi đất tốt.
2. *Hội minh lương*: bởi chữ Hán *minh quân, lương thần* (vua sáng suốt, bề tôi giỏi) nói rút lại, chỉ đời thịnh trị. Tác giả muốn nói thần dân đang mong mỏi gặp vua.
3. Chỉ quang cảnh vua đi qua.
4. Chỉ dân chúng đem cơm nắm, nước bầu đứng bên đường để đón vua.
5. Ý nói vua ngồi trên xe ngựa thấy nhân dân đi đón đông đảo thì lấy làm vui lòng.
6. Ý nói vua thấy thần dân đang sống trong cảnh khốn khổ (lửa than) thì lấy làm khổ tâm.
7. *Cơ cùng:* (*cơ*: đói; *cùng*: nghèo) cả câu ý nói nhân dân khóc ngầm vì đói khổ, thì chỉ có trời đất biết.
8. *Biển dâu:* thành ngữ *Thương hải biến vi tang điền,* bể xanh biến thành ruộng dâu. Ý nói sự thay đổi nhanh chóng. Cả câu này, tác giả muốn nói đến nỗi đau lòng thấy đất Nam Kỳ đã thay đổi chủ, bị Pháp cướp làm thuộc địa.

KHUYÊN CON RỂ TỤC HUYỀN

Tiểu dẫn: Con rể bà Nguyệt Anh là ông Mai Văn Ngọc ở góa đã được tám năm, bà làm bài thơ này khuyên nên tục huyền. Còn chính bà thì không chịu tái giá.

Có lúc tùng quyền, có lúc kinh [1],
Phận trai nào ắt khỏi tiền trình.
Bơ thờ nắng giọi hoa nghiêng nhụy,
Lây lất mưa qua bướm giấu hình.
Ngửa mặt đành cam con bất hiếu [2],
Ngơ tai chịu tiếng quỷ vô tình.
Dưới đời ai dứt đường sinh hóa,
Trướng chấn [3] *riêng người quạnh một mình.*

Theo sưu tập của bà Mai Huỳnh Hoa.

VỊNH NI CÔ [4]

Dắn dỏi xa gần tiếng pháp chung [5],
Tình đời ấm lạnh đã nguôi lòng.
Âm thanh thăm thẳm trần ai lặng [6],
Các tịnh [7] *làu làu ngọc giá trong.*
Cánh cửa từ bi [8] *nương phận bạc,*

---

1. *Kinh:* đạo thường phải theo, tức nguyên tắc.

Quyền: sự tạm thời thay đổi nguyên tắc để cho phù hợp với tình hình mới, tức linh động. Cả câu ý nói người ta ở trên đời phải theo phương châm xử thế có lúc theo nguyên tắc nhất định, có lúc cần thay đổi cách xử thế cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Cụ thể trong trường hợp này, ở góa là *kinh* tục huyền là *quyền.*

2. Theo luân lý phong kiến, đối với người con trai, trong ba điều bất hiếu, thì việc không có con trai (để nối dõi tông đường) là điều bất hiếu lớn nhất (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại). Cả câu ý nói: nếu không lấy vợ thì sẽ không có con trai để nối dõi tông đường, tức là phạm điều bất hiếu.

3. *Trướng chấn*: nỗi buồn ở trong màn.

4. *Ni cô:* sư nữ.

5. *Dắn dỏi:* tức dóng dả; *pháp chung*: chuông thờ Phật. Cả câu ý nói tiếng chuông chùa vang ra xa như có ý kêu gọi mọi người giác ngộ.

6. *Trần ai lặng:* (*trần ai*: bụi) bụi đã lắng xuống.

7. *Các tịnh:* cái gác (tức gác chuông) vắng vẻ. Cả câu ý nói ni cô đã gửi thân vào nơi tu hành, vẫn giữ được phẩm giá trong sạch.

8. *Cánh cửa từ bi:* (*từ bi*: hiền lành, thương xót) chỉ nhà chùa là nơi đạo Phật cứu chúng sinh.

Ở đây ý nói ni cô không nghĩ gì đến cuộc sống đầy bụi, ô uế ở trên đời này nữa.

Mảnh gương tế độ [1] *nhuốm màu hồng.*
Trời Tây [2] *biển khổ thêm ngao ngán,*
Tỉnh giấc hoàng lương nguyệt nửa vòng. [3]

Mai Xuân Thọ - *Sương Nguyệt Anh,*
Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1957.

*

TIỄN ÔNG TRẦN KHẢI SƠ ĐI SA ĐÉC

Tiểu dẫn: Ông Trần Khải Sơ làm kinh lịch, tục gọi là ông Kinh Hối, đổi từ Bến Tre đi Sa Đéc, bà Sương Nguyệt Anh làm bài thơ này để tiễn ông, có ý nhắc nhở phận làm trai trong khi nước nhà đang bị thực dân Pháp thống trị.

Nghìn xưa dễ mấy hội tao phùng
Sa Đéc nay thầy tách [4] *cõi dông*
Phong cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung.
Quê người tạm gởi nhành dương liễu,
Đường hoạn [5] *xin tròn phận kiếm cung* [6]
Cái phận râu mày thì phải vậy,
Nặng bằng con Thái, nhẹ bằng lông [7].

Mai Xuân Thọ - *Sương Nguyệt Anh,*
Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1957.

*

---

1. *Mảnh gương tế độ*: (*tế độ*: lấy phật pháp mà cứu chúng sinh ra khỏi bể khổ), việc cứu người của Phật được coi là một tấm gương tốt.

2. *Trời Tây*: bởi chữ Hán *Tây thiên.* Thuật ngữ Phật học gọi Tây thiên là thế giới cực lạc.

3. *Hoàng lương:* kê vàng, tức giấc mộng kê vàng.

Xem chú thích ở bài *Cảm thu tiễn thu* của Tản Đà.

Nguyệt nửa vòng: mặt trăng đã chuyển được nửa bầu trời. Cả câu ý nói cuộc đời như giấc mộng, rất ngắn ngủi.

4. *Tách cũng như tếch,* nghĩa là đi xa.

5. *Đường hoạn*: bởi chữ Hán *hoạn lộ,* chỉ con đường làm quan.

6. *Phận kiếm cung:* bổn phận của người con trai, ngày xưa thường lấy cái kiếm và cái cung làm biểu tượng cho ý chí tung hoành trong thiên hạ. Ở đây tác giả muốn nhắc nhở người bạn trai chớ quên phận sự làm trai lúc đất nước bị xâm chiếm.

7. Câu này lấy ý một điển cố Trung Quốc. Tư Mã Thiên, tác giả bộ *Sử ký*, có nói rằng: "Người ta chỉ có một lần chết, có cái chết coi nặng như núi Thái Sơn, có cái chết coi nhẹ như lông chim hồng".

NHỮNG BÀI THƠ HỌA

Tiểu dẫn: Sau khi bà Nguyệt Anh góa chồng, nhiều người đưa thơ tỏ tình đặt vấn đề kết nghĩa trăm năm nhưng trước sau bà đều cự tuyệt bằng cách họa lại thơ, nói lên ý chí thủ tiết của bà.

Dưới đây chúng tôi trích một số bài theo sưu tập của bà Mai Huỳnh Hoa.

1. HỌA BÀI CỦA ÔNG BẢY NGUYỆN

Ông Bảy Nguyện ở Mỏ Cày gửi cho bà một bài tứ tuyệt để tỏ ý cầu hôn, bà họa lại hai bài như sau:

Chẳng phải tiên cô cũng đạo cô [1],
Cuộc đời dâu bể biết là mô.
Lọng sờn dầu rách còn kêu lọng [2],
Ô bịt vàng ròng cũng tiếng ô [3].
Phải thời cô quả, chịu thời cô [4]
Chẳng biết tuồng đời tính thế mô.
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa,
Ngọc lành chi để thẹn danh ô.

BÀI NGUYÊN TÁC CỦA ÔNG BẢY NGUYỆN

Ai về nhắn với Nguyệt Anh cô,
Chẳng biết lòng ô tính thế mô?
Không phải vãi chùa, toan đóng cửa,
Đây lòng gấm ghé bắc cầu ô [5].

Theo sưu tập của bà Mai Huỳnh Hoa.

---

1. *Đạo cô:* tức nữ đạo sĩ là người nữ đi tu đạo Lão, ta thường gọi là đi tu tiên.
2. *Lọng:* giống như cái ô lớn để che cho các quan khi đi ra ngoài gồm một cái cán dài, trên đầu cán lắp một bộ gọng có nhiều nan tỏa ra, rồi bồi giấy lên trên để che mưa nắng. Khi lọng đã cũ, giấy bồi bị rách để trơ những cái nan trông như bộ xương sườn.
Cả câu này ý nói cái lọng dù có rách cũng vẫn gọi là lọng.
3. *Vàng ròng:* là vàng nguyên chất.
Trong câu này, tác giả chơi chữ dùng hai chữ ô mỗi chữ với một nghĩa khác nhau: chữ *ô* ở đầu câu chỉ cái ô dùng để che mưa nắng, chữ *ô* ở cuối câu là từ Hán - Việt có nghĩa là dơ bẩn, đen tối.
4. *Cô:* một mình, ý nói ở góa, chỉ có một mình.
5. *Cầu ô:* tức cầu Ô Thước, theo thần thoại Trung Quốc, chim quạ (ô) và chim khách (thước) ngậm đá lấp sông Ngân Hà tạo thành cầu Ô Thước để cho Chức Nữ sang sông gặp Ngưu Lang vào đêm mồng bảy tháng bảy âm lịch. *Bắc cầu ô* trong câu này chỉ việc tác giả muốn cầu thân với bà Nguyệt Anh.

2. HỌA BÀI CỦA ÔNG BÁI LIỄU

Ông Bái Liễu là một nhà thâm Nho ở Mỹ Tho, nặng tình với bà Nguyệt Anh hơn cả. Ông gửi bà bài thơ để tỏ niềm tâm sự. Bà họa lại, vẫn với giọng kiên trinh.

Tài không sắc, sắc không tài,
Lá úa nhành khô cũng tiếng mai.
Ngọc ánh chi nài son phấn đượm,
Vàng ròng há sợ mất màu phai.
Ba giềng [1] *trót đã xe tơ vắn,*
Bốn đức [2] *nay tua* [3] *nối tiếng dài.*
Dẫu khiến duyên này ra đến thế,
Trăng thu đầu xế, rạng non đoài [4].

BÀI NGUYÊN TÁC CỦA ÔNG BÁI LIỄU

Tài sắc ghen chi sự sắc tài,
Vườn xuân vội úa bẩy phần mai.
Gương loan sảng sốt càng ngơ ngáo,
Phấn vẽ đồi mài lại kém phai.
Lặng lẽ duyên hồng tơ tóc vắn,
Vấn vương phận liễu tháng ngày dài
Bông đào bao thuở thay đôi lứa,
Nỡ để trăng thu bóng xế đoài.

Theo sưu tập của bà Mai Huỳnh Hoa.

---

1. *Ba giềng:* tức tam cương: quân thần, phụ tử, phu phụ. Ý cả câu nói trong ba giềng lớn thì bà Nguyệt Anh đã thực hiện giềng thứ ba, tức là lấy chồng.

2. *Bốn đức:* tức tứ đức: công, dung, ngôn, hạnh.

3. *Tua:* tiếng miền Nam có nghĩa là cố gắng phải theo.

4. *Non đoài:* núi ở phía tây, cả câu ý nói: trăng mùa thu rất sáng, dù có về quá nửa đêm, cũng vẫn còn soi rõ cả dãy núi ở phía tây, nơi mà mặt trăng sẽ lặn. Tác giả tự ví mình với mặt trăng mùa thu, dù có về già, cũng vẫn rạng tiết kiên trinh.

NGUYỄN PHAN LÃNG
(1870-1951)

Hiệu Đàm Xuyên, quê làng Tây Tựu, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

Ông tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907, có làm nhiều bài ca yêu nước. Nhưng sau khi phong trào này bị đàn áp ông chuyển sang hoạt động văn hóa: Năm 1925, ông viết *Tiếng cuốc kêu* và *Mơ Tổ mắng* để tiếp tục nói lên nỗi lòng của mình.

Tiếng cuốc kêu (Nhà xuất bản Chân phương, Hà Nội, 1926) là một tập thơ gồm hai bài: *Tiếng cuốc kêu,* viết theo thể song thất lục bát và *Mơ Tổ mắng,* viết theo lối thất ngôn tràng thiên. Trong bà thứ nhất, tác giả mượn tiếng con chim cuốc kêu mà cổ vũ đồng bào đấu tranh đòi chính quyền thực dân để ta tự trị. Trong bài thứ hai, tác giả bày ra câu chuyện nằm mơ thấy tổ Hùng Vương hiện về nhắc lại công lao dựng nước, giữ nước và khiển trách thái độ bàng quan của một số người thời đó. Do nhãn quan chính trị của tác giả (chủ nghĩa cải lương), nên trong hai bài trên có những hạn chế nhất định.

Dưới đây chúng tôi trích hai đoạn trong bài *Tiếng cuốc kêu* và trích gần hết bài *Mơ Tổ mắng.*

*

TIẾNG CUỐC KÊU

NẠN THAM QUAN Ô LẠI [1]

Ô! Nhà nước đặt quan cai trị,
Há dong đâu những kẻ tham tàn?
Mà sao thấy lắm phường gian,
Lừa dân dối nước những toan héo mình.
Coi pháp luật tựa hình trò trẻ,
Đủ thiên phương bách kế chở che!
Thay đen đổi trắng giở nghề,
Tiền vào là được, không thì chịu oan.
Công hối lộ tự quan chí lại
Những làm cho khốc hại vì tiền
Thương thay một lũ dân đen,
Trời cao ngắn cổ kêu lên được nào!
Kìa như bọn kỳ hào tổng lý,
Quen thói ngu cậy thế cậy thần,
Gà què quấy bẩn trong dân,
Xoay quanh tìm chốn kiếm ăn tầm thường.
Nhà nước đã cải lương hương ước,
Sửa thói hèn kiếm chác hương thôn.
Mà phường lấy dối làm khôn,
Thông đồng làm mọt ăn càn thêm ra.
Hoặc kiện cáo xảy mà bại lộ,
Lại đem tiền làm cỗ cúng quan,
Thương thay cái thói gian ngoan.
Có ai xót tới dân gian cho mà!

*

---

1. Đầu đề do chúng tôi đặt (N.V.P).

YÊU CẦU TỰ TRỊ [1]

Ta có nước chẳng lo lấy nước,
Ta có dân mà nhác bỏ dân,
Đồng bào chẳng biết tương lân [2],
Chắc chi kẻ Việt người Tần [3] thương nhau.
Nay sóng gió năm châu càng rộn,
Có nhẽ mình chịu khốn mãi nao?
Trói chân còn nhảy được nào,
Nhốt lồng còn ngõi bay cao được mà!
Ta phải liệu gỡ ra cho khỏi
Thoát khỏi vòng dàm trói cũi then
Cùng nhau hết sức kêu lên.
Thỉnh cầu chính phủ [4] trao quyền cho ta.
Để ta được đứng ra tự lý [5]
Sửa sang đường quốc kế bình mưu,
Đua ganh theo bước hoàn cầu.
Họa mong có lúc mạnh giàu khôn ngoan
Kẻo ấp vú vẫn hoàn ấp vú [6]
Chỉ ngày ngày theo bú mẹ nuôi [7]
E khi nòng nọc đứt đuôi,
Ngẩn ngơ còn biết cậy ai bây giờ?

Tiếng cuốc kêu, Nhà xuất bản Chân Phương,
Hà Nội, 1926.

---

1. Đầu đề do chúng tôi đặt (N.V.P).

2. *Tương lân:* thương nhau.

3. *Kẻ Việt người Tần:* Việt và Tần là hai nước thời Xuân Thu (Trung Quốc cổ đại), ở cách xa nhau hàng vạn dặm (nước Tần ở Tây bắc, nước Việt ở Đông nam Trung Quốc ngày nay). Trong văn học, người ta thường dùng hai chữ *Việt, Tần* để chỉ hai nơi xa cách nhau, không có liên hệ gì với nhau. Ở đây chữ *Việt* chỉ người Việt Nam, chữ Tần chỉ thực dân Pháp.

4. *Chính phủ:* tức chính phủ Bảo hộ do Pháp lập ra để cai trị Đông Dương.

5. *Tự lý:* tự quản trị lấy, tự lo liệu lấy công việc.

6. *Ấp vú:* nói việc hài nhi bú mẹ, chưa tự ăn tự uống được, phải nhờ vào sữa mẹ mà sống.

7. *Mẹ nuôi:* chỉ Pháp, vì bọn thực dân tự xưng là "mẫu quốc" tức nước mẹ.

MƠ TỔ MẮNG

(Trích)

Đêm xưa giấc mộng đang mơ màng,
Bỗng chiêm bao thấy cụ Hồng Bàng.
Tay cầm bầu nước, xách lễ mễ.
Vai vác cái cuốc đi vội vàng.

Người cụ cao lớn, mặt đỏ gấc,
Mắt sáng như sao, râu quá ngực.
Miệng rộng như bể, trán như non,
Hầm hầm đương có ý căm tức.

Quát lên một tiếng tày sấm vang,
Người đương mơ ngủ đầy kinh hoàng.
Mắt nhắm mắt mở, chưa kịp dậy,
Cụ đã sừng sực tới đầu giường.

Tay cầm cái cuốc gõ vào sọ,
Tay cầm bầu nước rọi vào cổ
Mắng rằng: "Bay đã tỉnh hay chưa?
Gà gáy tứ tung, bay vẫn ngủ.

Cái cuốc bỏ đó, nhà đi đâu?
Bầu nước rốc ráo còn chi nào?
Bay không thức nhắp để giữ lấy.
Cuốc ơi! Nước ôi! Đi đằng nào?

Người ta lấy cuốc đi khai mỏ?
Người ta lấy nước nuốt vào cổ.
Cuốc [1] cùn lấy gì vỡ ruộng nương,
Nước cạn lấy gì tưới cây cỏ.

Cuốc còn cuốc mất bay không hay!
Nước còn nước hết bay trối thây!
Giang sơn cơ nghiệp ta ở đấy.

---

1. *Cuốc* là một công cụ lao động đồng âm với *quốc* có nghĩa là đất nước. Tác giả mượn chữ này để gợi chữ kia.

Thôi thôi ta chắc cậy gì bay?
Bay chẳng nghĩ công ta khó nhọc
Mở núi khai sông những săn sóc
Nhành Hồng cõi Lạc [1] mấy nghìn năm,
Truyền tử nhược tôn riêng một gốc.

Trăm trai một bọc đều vuông tròn [2],
Nửa thời về bể, nửa về non.
Rồng con Tiên cháu ngày đông đúc,
Lúa rừng cá bể mưu sinh tồn.

Khôn ngoan một ngày một bước tiến,
Dần dần thành một cõi văn hiến,
Người chuộng lễ nghĩa thói thuần lương,
Văn hóa ngàn năm không chút biến.

Cùng nhau gìn giữ nghiệp tổ tông,
Suốt vùng Ngũ Lĩnh [3] sông Cửu Long,
Mở mang cõi đất ngày ngày rộng,
Làm cho thêm rạng vẻ non sông.

Đàn bà dễ mấy tay Trưng Triệu?
Mình cưỡi đầu voi cờ nổi hiệu.
Quân Ngô quân Hán đã kinh hồn,
Trông giải yếm đào tìm nẻo xéo!

Tài trai giỏi nhất lớp Trần Lê,
Ra sức anh hùng cũng gớm ghê.
Mấy trận Chi Lăng cùng Vạn Kiếp,
Quân Tầu trông gió cút ngay về [4].

---

1. *Hồng, Lạc:* tức con Hồng, cháu Lạc. Theo truyền thuyết, tất cả người Việt Nam chúng ta đều là con cháu Lạc Long Quân, họ Hồng Bàng, truyền hết đời con (truyền từ đời con đến đời cháu (nhược tôn) cho tới ngày nay.

2. Câu này và câu sau vận dụng sự tích cũ trong truyền thuyết Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra trăm con trai, mỗi người đem một nửa số con xuống miền bể và lên vùng núi ở, từ đó đến nay, con cháu ngày càng đông đúc.

3. *Ngũ Lĩnh:* tên một dãy núi ở miền nam Trung Quốc, ranh giới đất Hán và đất Việt. Ở đây chỉ địa giới phía Bắc nước ta.

4. *Trông gió:* bởi chữ Hán *vọng phong* là hai chữ đầu của câu *Vọng phong* chấn lật (mới trông thấy gió đã sợ sấm rồi). Ý nói quân địch mới thoáng trông thấy khí thế hùng dũng của quân ta đã sợ rồi

Như thế mới thất con cháu cụ,
Làm trai không thẹn, gái không hổ.
Bay sao chẳng ngắm cái gương xưa,
Luống chịu cúi đầu dàm buộc cổ?

Vẫy đuôi ngẩng mặt theo sau người [1],
Chực chờ nước dãi, trông ngóng hơi.
Nhà mình mà hóa đi ở đậu,
Cơm mình mà phải đi nhặt rơi.

Giết con cho mắm, nhắm nước mắt,
Chém cho chia canh chẳng buốt ruột.
Vỡ nhà nát nước giả mần ngơ [2],
Xảy nghe tan đàn, không biết xót.

Gái đi rước xác, trai đi hầu,
Cậy thế cậy thần lòe lẫn nhau.
Nhái lớn chực những nuốt nhái bé.
Gầy dóc xương thịt béo ép dầu.

Xưa kia quan lại có thế đâu!
Bây giờ quan lại làm nên giàu,
Thi nhau bòn máu và hút mủ,
Đua mưu rộng ruộng cùng cao lầu [3],

Phá sạch hết cả nền lễ nghĩa,
Quên hết tất cả tính liêm xỉ.
Đưa theo vết sói với lòng beo,
Học những thói ma cùng tính quỷ.

Làm cho lây hại lũ thanh niên,
Dần dà tập nhiễm thành thói quen.

---

1. *Vẫy đuôi ngẩng mặt:* thái độ của con chó khi chầu ăn, ở đây tác giả dùng để miêu tả thái độ nịnh hót hèn hạ của những kẻ ăn xin, tôi đòi.

2. *Mần:* làm

3. Câu này ý nói: chỉ đua nhau làm sao (mưu) cho tậu được nhiều ruộng và nhà cao cửa rộng

Mặt Tiên mũi Rồng vẻ tuấn tú [1].
Vai trâu cổ ngựa đành ngu hèn [2].

Bay tự đào hang và phá tổ.
Trách nào diều tha cùng quạ mổ
Mưa Âu gió Mỹ nhiễm lâu vào [3],
Tam Đảo, Tản Viên có ngày đổ [4].

Vậy mà bay khoe đời văn minh,
Văn minh đâu dùng sự chiến tranh [5].
Vậy mà bay cậy có nhân đạo,
Nhân đạo đâu cướp cháo chúng sinh? [6].

Dù không kiếm cách để tự lập,
Yếu hèn quyết có ngày chết dấp.
Bay ơi! Đem con gửi quạ già [7],
Chắc đâu quạ già khỏi ăn cắp?

Ta chẳng mong bay chắc cậy người,
Ta chẳng mong bay cầu cứu ai,
Ta chẳng mong bay thương nước Tổ,
Ngọt cùng chịu ngọt, cay cùng cay.

...
Ta rất mong bay giữ hòa bình,
Lấy cách văn minh để cạnh tranh.
Tích cực chẳng xong đừng tiêu cực,
Cố sao khôi phục quốc quyền mình.

1, 2. Hai câu này nói đám thanh niên do chịu ảnh hưởng của những cái xấu mà biến dạng từ đẹp tốt (tiên, rồng, tuấn tú) sang xấu hèn (trâu ngựa, ngu hèn).

3, 4. Hai câu này nói thanh niên nếu cứ học đòi cái xấu của Âu, Mỹ thì cơ nghiệp của tổ tiên to tát bền vững như những núi Tam Đảo, Tản Viên cũng phải sụp đổ.

5. Tác giả muốn nhắc tới những cuộc chiến tranh giữa những nước đế quốc gây ra trong thế kỷ XIX, và đầu thế kỷ XX.

6. *Chúng sinh:* nhiều người. Tiếng nhà Phật, chỉ những gì có sinh mạng, có ý thức. Ngoài ra chúng sinh còn chỉ những âm hồn không người cúng giỗ, không nơi nương tựa.

7. *Quạ già:* ở đây chỉ thực dân Pháp.

Ta rất mong bay trọng quốc túy,
Khuyên nhau gìn giữ lấy luân lý.
Khiến cho người khỏi hóa ra ma,
Mất tiếng nghìn năm nước Lễ Nghĩa.

Ta rất mong bay thương lẫn nhau,
Chị ngã em nâng trước bảo sau.
Nồi da nấu thịt lòng sao nỡ,
Cẳng đâu đun đậu, dạ càng đau.

Nước ta bây giờ của đã kiệt
Danh giáo cương thường lại bại liệt!
Bay còn ngơ ngẩn đợi gì ai?
Cá chậu chim lồng lo chẳng chết.

Bay coi Nhật Bản cùng Xiêm La,
Xưa kia danh tiếng sao bằng ta?
Mà nay đứng giữa vùng Đông Á,
Dân giàu nước mạnh bao vinh hoa?

Nay ta trông thấy lũ con cháu,
Mắt muội mày tro càng ngốt máu
Liệu mà tỉnh! Tỉnh! Đứng ngay lên,
Cuốc đây, nước đây, nhận lấy cậu!

Mở bừng mắt dậy hóa chiêm bao,
Trông theo nào thấy cụ đâu nào.
Vội vàng cầm bút chép nhời cụ,
Đồng bào, đồng bào, ta tính sao?

Tiếng cuốc kêu,
Nhà xuất bản Chân Phương, Hà Nội, 1926.

TẢN ĐÀ
(1889–1939)

Tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, còn có tên khác là Cứu, sinh ngày 20 tháng tư, năm Kỷ Sửu (25-5-1889), chứ không phải là ngày 29, tháng tư, năm Mậu Tí (8--5–1888) như nhiều sách đã chép lầm. Cậu ấm Hiếu (hay ấm Cứu) chào đời tại làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây, nay là xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, Hà Tây, một làng có cảnh trí nên thơ nằm bên bờ sông *Đà* và gần chân núi *Tản*. Chính đây là cơ sở làm nảy sinh bút danh Tản Đà, cái tên sẽ mãi mãi ghi khắc trong tấm lòng yêu mến của các thế hệ bạn đọc Việt Nam.

Thân phụ của Tản Đà là ông Nguyễn Danh Kế (1837–1891), vốn là học trò nghèo, thi đỗ làm quan, từ Tri huyện Nam Sang, Tri phủ Lý Nhân, Xuân Trường, thăng đến Án sát Ninh Bình thì mất. Mẹ của Tản Đà, bà Nhữ Thị Nghiêm, vốn là một đào nương nổi danh tài sắc một thời, được ông Phủ Xuân Trường Danh Kế mê say cưới về làm vợ ba. Khi ông Kế mất, bà Nghiêm lại cùng người chị gái của Tản Đà trở về chốn bình khang, tiếp tục đời kỹ nữ. Khi ấy, Tản Đà mới ba tuổi.

Bố mất, mẹ bỏ nhà đi, việc nuôi dạy Tản Đà – cậu con trai út trong một gia đình đông tới 11 con trai – vào tay người anh cùng cha khác mẹ là ông Phó bảng Nguyễn Tái Tích, lúc đó đang giữ chân Giáo thụ. Ở với anh, Tản Đà được học văn chương cử nghiệp, và ngay từ 14 tuổi đã sớm thành thạo các loại thi phú, từ chương. Năm 1907, Tản Đà theo anh ra Hà Nội, học trường Quy thức, ở phố Gia Ngư; và trong khoảng thời gian này, người Nho sinh đa tài mà cũng đa tình ấy đã nuôi mối tình đầu với một cô gái đẹp phố Hàng Bồ họ Đỗ.

Nhưng rồi, người học trò ấy thi hỏng liền hai khóa Kỷ Dậu (1909) và Nhâm Tí (1912). Trở về, lại phải chứng kiến cảnh người yêu cũ lấy chồng. Cử nghiệp không thành, tình yêu lỡ dở, Tản Đà bỏ về Hòa Bình, rồi vào dãy Hương Sơn, làm văn tế nàng Chiêu Quân ở non Tiên, sau đó còn sống "tịch cốc" (nhịn ăn) tại ấp Cổ Đằng (Sơn Tây) ba tháng... Anh rể Tản Đà là nhà thơ trào phúng Nguyễn Thiện Kế đón ông về ở nhà Bạch Thái Bưởi, và tại đấy, ông đã được tiếp xúc với *Tân thư*, tức những sách có xu hướng tiến bộ của phương Tây (được người Trung Hoa dịch ra chữ Hán).

Ít lâu sau, Tản Đà về lại quê nhà, lấy vợ (1915) và bắt đầu gửi đăng thơ văn trên *Đông Dương tạp chí*. Năm 1916 người anh mất, Tản Đà quyết định dùng ngòi bút làm phương kế sinh nhai. Ông viết báo, in sách, viết tuồng. Năm 1921, ông nhận làm chủ bút tạp chí *Hữu Thanh*. Một năm sau (1922), ông lập "Tản Đà thư điếm", rồi "Tản Đà thư cục". Trong khoảng 1926–1927, Tản Đà cho ra mắt 10 số *An Nam tạp chí*. Sau khi tạp chí này đình bản, Tản Đà đã đi du lịch nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người: gặp Phan Bội Châu ở Huế, Nguyễn Thái Học ở Hà Nội, thăm mộ Nguyễn Huệ ở Bình Định và hai lần vào Sài Gòn cộng tác với nhà báo Diệp Văn Kỳ. Vào những năm đầu thập kỷ 30, Tản Đà mấy lần tìm cách làm sống lại *An Nam tạp chí*. Sau lần đình bản thứ ba, ông chán nản bỏ về quê, cho đến 1937 thì ra Hà Đông rồi một lần nữa lại chuyển về Hà Nội. Những năm cuối đời, văn chương ế ẩm, sinh kế khó khăn, Tản Đà phải xoay xở đủ cách kiếm sống, từ dạy làm văn cho đến xem lý số mà vẫn không sao thoát khỏi đói nghèo. Cho đến ngày 20, tháng Tư năm Kỷ Mão (7–6–1939), Tản Đà thở hơi thở cuối cùng, tại căn nhà nghèo nàn số 71 đường Cầu Mới, gần Ngã Tư Sở (nay là nhà số 47 đường Nguyễn Trãi, Hà Nội), kết thúc trọn nửa thế kỷ của một kiếp trích tiên. Thi hài của ông được an táng tại nghĩa trang Quảng Thiện.

*

Trong văn học Việt Nam, Tản Đà là nhà văn lớn đầu tiên thực sự sinh sống bằng chính nghề văn. Như người ta vẫn nói, phải tới Tản Đà, văn chương nước ta mới trở thành một trong bách nghệ. Tính cách chuyên nghiệp đã giúp cho sáng tác của ông phong phú hơn về số lượng, đa dạng hơn về thể cách và đạt tới nhiều đỉnh cao mới về chất lượng.

Tản Đà viết rất nhiều. Ông đã có những đóng góp xứng đáng cho sự phát triển của văn báo chí, của kịch bản sân khấu và của nhiều thể loại văn xuôi. Thơ trong quan niệm của Tản Đà, chỉ là thứ "văn chơi". Thế nhưng, vị trí vinh quang nhất của Tản Đà trong văn học – nói theo cách của Nguyễn Tuân - lại chính là vị trí chủ súy của thi đàn nước ta thời ấy. Tản Đà *"là người thi sĩ đầu tiên trong thơ Việt Nam hiện đại"* – đấy là sự thừa nhận của nhà thơ mới Xuân Diệu từ nửa thế kỷ trước đây.

Thơ Tản Đà là tâm sự của một người nặng tình với đời, với nước. Song ông không chịu thể hiện những tình cảm ấy trong những điệu thơ cũ kỹ, sáo mòn. Tản Đà là người đưa lại cho thơ một nội dung trữ tình mới mẻ. Với ông, lần đầu tiên, cái tôi nội cảm công nhiên cất lên tiếng nói say đắm lòng người giữa thi ca. *"Tản Đà là người thứ nhất có can đảm làm thi sĩ, đã làm thi sĩ một cách đường hoàng, bạo dạn, dám giữ một bản ngã, dám giữ một cái tôi"* (Xuân Diệu).

Song Tản Đà không chỉ ký thác cho thi ca những *khối tình* Tản Đà, mà còn là những *Giấc mộng* – thơ. Mang một nỗi buồn không vơi trước "cuộc đời đáng chán", và một "nguyện vọng mãnh liệt muốn thoát ra ngoài thực tại",

thơ Tản Đà thực sự đã mở đường cho dòng thơ lãng mạn sẽ rất nhanh chóng thịnh đạt trong những thập niên sau.

Để khẳng định và bảo vệ cái bản ngã tài tình trước sự xâm lấn của cuộc đời và đầy phàm tục, Tản Đà đã tìm đến một cốt cách và một văn phong ngông ngạo. Không thể nói đến Tản Đà và thơ Tản Đà mà lại quên đi cái "ngông thi sĩ" rất đặc trưng cho cá tính sáng tạo của ông.

Về mặt kỹ thuật làm thơ, không mấy ai có thể sánh với Tản Đà. Chỉ cần qua một bài thơ như *Còn chơi* cũng có thể ông làm chủ các ngón thơ điêu luyện đến thế nào. Có thể nói thơ Tản Đà thành công trên mọi thể loại: lục bát và luật thi, từ khúc và hát nói, phong dao và các bài dịch thơ Đường... Những đổi thay về nội dung còn đưa Tản Đà đến những thử nghiệm cách tân về hình thức. Dĩ nhiên, thơ Tản Đà chưa là "thơ mới". Nhưng những sự đổi mới của "Thơ mới" không phải hoàn toàn không có nguồn gốc tự thơ ông. Như thế là Tản Đà đã đi xa hơn những người làm thơ cùng lứa với ông cả về hai hướng dân tộc và hiện đại (cố nhiên là hiện đại so với thế hệ ông).

Tóm lại, Tản Đà xứng đáng là đại biểu lớn nhất của nền thơ nước ta trong giai đoạn giao thời. Ông sẽ lưu danh trong lịch sử văn học Việt Nam như thi sĩ lớn đầu tiên của nền thơ quốc ngữ.

TÁC PHẨM CỦA TẢN ĐÀ

Khối tình con, quyển I (thơ)	1916
Giấc mộng con (truyện)	1917
Khối tình, bản chính (luận thuyết)	1918
Khối tình, bản phụ (luận thuyết)	1918
Khối tình con, quyển II (thơ)	1918
Đàn bà Tàu (dịch)	1919
Đài gương (luận thuyết)	1919
Lên sáu (giáo khoa – văn vần)	1919
Thần tiền (truyện)	1919
Lên tám (giáo khoa – văn vần)	1920
Còn chơi (thơ và luận thuyết)	1921
Tản Đà tùng văn (thơ và luận thuyết)	1922
Đại học (dịch)	1922
Truyện thế gian, quyển I (cùng nhiều tác giả truyện)	1923
Truyện thế gian, quyển II (truyện)	1923
Trần ai tri kỷ (truyện)	1924
Quốc sử huấn mông (giáo khoa)	1924
Kinh Thi (dịch)	1924
Thơ Tản Đà	1925
Nhàn tưởng (luận thuyết)	1928
Tam Tự kinh An Nam (giáo khoa)	1928
Giấc mộng lớn (tự truyện)	1929
Giấc mộng con, quyển II (truyện)	1932
Thề non nước (truyện và thơ)	1932
Tản Đà văn tập	1932
Khối tình con, quyển III (thơ)	1932
Tản Đà xuân sắc (luận thuyết)	1934
Liêu Trai chí dị (dịch)	1937

* Sách in sau khi Tản Đà qua đời:

Vương Thúy Kiều chú giải	1940
Tản Đà vận văn	1941

* Tản Đà còn viết trong thời gian 1913–1917 bốn vở ca kịch (chưa in): *Thiên Thai, Tây Thi, Người Cá, Dương Quý Phi.* Và trong thời gian 1938–1939, ông có dịch nhiều bài thơ Đường in trên báo *Ngày nay.*

CHÚ:

Những tác phẩm kể trên đây phần lớn đều đã đăng báo rồi mới in thành sách. Các báo in nhiều thơ Tản Đà là *Hữu Thanh, An Nam tạp chí, Đông Pháp thời báo, Văn học tạp chí...*

Riêng về các tập thơ của Tản Đà, có hiện tượng là có những bài đã in ở tập này rồi lại đem in lại ở những tập khác. Có thể nêu một ví dụ: Bài thơ *Thề non nước,* lần đầu ra mắt độc giả trong truyện *Thề non nước* in trong tập *Tản Đà tùng văn* năm 1922. Năm 1925 tác giả lại in riêng bài thơ này trong tập *Thơ Tản Đà.* Đến năm 1932, lại in lại trong tập truyện *Thề non nước.* Năm 1938 lại in trên báo *Ngày nay.*

Hoặc năm 1932, khi in *Khối tình con,* quyển III, Tản Đà nói công khai: "Tập *Khối tình con* trong quyển thứ III này là gồm có các thơ ca trong các quyển *Còn chơi, Tản Đà tùng văn...* cùng là trong các khi tôi tùng sự ở *Hữu Thanh, Tản Đà thư điếm, Đông Pháp thời báo* và *An Nam tạp chí,* ba thời kỳ Hàng Lọng, Bờ Hồ, Nam Định".

ĐỀ "KHỐI TÌNH CON" THỨ NHẤT

Chữ nghĩa Tây Tầu chót dở dang,
Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng.
Nửa ngòi bút ngỗng ba sinh lụy,
Một mối tơ tằm mấy đoạn vương.
Có kẹo có câu là sách vở,
Chẳng lề chẳng lối cũng văn chương.
Còn non còn nước còn trăng gió,
Còn có thơ ca bán phố phường.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

ĐỀ "KHỐI TÌNH CON" THỨ NHẤT

(Cuối sách)

Ngồi rồi ăn không, nói gẫu chơi,
Ai nghe, nghe gẫu một đôi nhời.
Hai mươi năm lẻ hoài cơm áo,
Mà đến bây giờ có thế thôi.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, *1916.*

GIÓ THU

I

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá rơi hàng xóm lá bay sang.
Vàng bay mấy lá năm già nửa,
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng.

II

Trận gió thu phong rụng lá hồng,
Lá bay tường bắc lá sang đông.
Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
Thơ thẩn kìa ai vẫn đứng không.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

TỰ TRÀO

(Sau khi hỏng thi ở trường thi Hương Nam Định, 1912)

Vùng đất Sơn Tây nẩy một ông,
Tuổi chửa bao nhiêu, văn rất hùng.
Sông Đà núi Tản ai hun đúc?
Bút thánh câu thần sớm vãi vung.
Chữ chữ nôm nôm nào kém cạnh,
Khuyên khuyên điểm điểm có hay không?
Bởi ông hay quá, ông không đỗ,
Không đỗ, ông càng tốt bộ ngông.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

MUỐN LÀM THẰNG CUỘI

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhua trông xuống thế gian cười.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

*
* *

THĂM THẰNG BỒ NHÌN

Lơ láo nhìn ai đứng cạnh bờ,
Trần ai tri kỷ đã ai chưa?
Ba thu mưa gió người trơ mộc [1]*,*
Bốn mặt giang sơn áo phất cờ.
Được việc thế thôi, cầy chẳng biết,
Khinh đời ra dáng, gọi không thưa.
Lâu nay thiên hạ văn minh cả,
Bác mấy ngàn năm vẫn thế ư?

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

---

1. Trơ cái thân làm bằng khúc gỗ.

TÂY HỒ VỌNG NGUYỆT

Hiu hắt hồ Tây chiếc lá rơi,
Đêm thu vằng vặc bóng theo người.
Mảnh tình sẻ nửa ngây vì nước.
Tri kỷ trông lên đứng tận trời.
Những ngán cành đa không quấn quít,
Mà hay mặt sóng cũng chơi vơi.
Ai lên cung quế nhờ thăm hỏi,
Soi khắp trần gian, có thấy ai[1].

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

THĂM MẢ CŨ BÊN ĐƯỜNG

Chơi lâu, nhớ quê về thăm nhà,
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
Một dãy lau cao làn gió chạy,
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha.

Ngoài xe trơ một đống đất đỏ,
Hang hốc đùn lên đám cỏ gà.
Người nằm dưới mả ai ai đó,
Biết có quê đây hay vùng xa?

Hay là thuở trước kẻ cung đao,
Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao?
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao.

---

1. Bài này làm ra, là vì nghe nói có người thiếu nữ tại Nam Định tên là cô Nguyệt thông biết chữ Nho và yêu mến văn quốc ngữ, có ra bài này để kén mặt tài nhân: sự không biết có không, nhưng thấy bốn chữ đề xinh đẹp hữu tình, nhân lúc cao hứng nghĩ chơi: văn chương quả có khách hồng quần, cách mây nước cũng có phần thanh nhãn.

Trong toàn bài không có chữ nào trùng nhau và chữ trăng không dám dùng đến là một cách trang trọng để đãi khách Hằng Nga.

(Nguyên chú của Tản Đà).

Hay là thuở trước kẻ văn chương,
Chen hội công danh, nhỡ lạc đường.
Tài cao, phận thấp, chí khí uất,
Giang hồ mê chơi quên quê hương.

Hay là thuở trước khách hồng nhan,
Sắc sảo khôn ngoan trời đất ghen.
Phong trần xui gặp bước lưu lạc,
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn?

Hay là thuở trước khách phong lưu,
Vợ con, đàn hạc đề huề theo,
Quan san xa lạ, đường lối khó,
Ma thiêng, nước độc, phong sương nhiều?

Hay là thuở trước bậc tài danh,
Đôi đôi, lứa lứa cũng linh tinh.
Giận duyên, tủi phận, hờn ân ái,
Đất khách nhờ chôn một khối tình?

Suối vàng sâu thẳm biết là ai?
Mả cũ không ai kẻ đoái hoài.
Trải bao ngày tháng trơ trơ đó,
Mưa dầu, nắng dãi, trăng mờ soi!

Ấy thực quê hương con người ta,
Dặn bảo trên đường những khách qua.
Có tiếng khó oe thời có thế,
Trăm năm ai lại biết ai mà!

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

HƠN NHAU MỘT CHÉN RƯỢU MỜI

I

Kiếp sau xin chớ làm người.
Làm đôi chim nhạn tung trời mà bay.
Tuyệt mù bể nước non mây,
Bụi hồng trông thẳm như ngày chưa xa.

Hồi đầu yếm tận nhân gian sự [1],
Vô dực nan tùng đế khuyết du [2].
Kiếp tiền sinh [3] *không vụng đường tu,*
Thời chi để ngàn thu gương bạc mệnh [4].
Thiên mạt gia nhân không hữu ảnh [5],
Hầu môn khách tử đã vô gia [6].
Tiếc thay cho điệu Cao Sơn, khúc Bạch Tuyết, mày dương liễu, mắt thu ba [7].
Nào đã biết chữ tài hoa là thế thế!
Hồng tụ thanh sam quân thị lệ [8].
Trót đa mang dễ đã ngô tình,
Đố ai ngoảnh mặt làm thinh!

---

1. Ngoảnh đầu nhìn trở lại chán hết mọi việc ở trên đời.
2. Không có cánh nên khó mà có thể bay lên cửa Nhà Giời để chơi được.
3. *Kiếp tiền sinh:* kiếp sinh ra trước, tức kiếp trước.
4. *Bạc mệnh:* người có số mệnh mỏng manh.
   Ý nói chết sớm, không được hưởng hạnh phúc.
5. Ở tận phía cuối trời, không thấy có bóng người đẹp. Ý nói bóng người yêu.
6. Người khác ở nơi quyền quí (tức tác giả) cũng không có nhà để ở.
7. *Điệu Cao Sơn:* Khi Bá Nha, người giỏi đàn đời Xuân Thu (T. Q) gẩy đàn mà nghĩ tới núi cao, thì Chung Tử Kỳ, người sành nghe đàn, khen rằng: "Cao vòi vọi như núi Thái Sơn". Về sau, người ta gọi điệu đàn ấy là điệu Cao Sơn.
   Mày dương liễu: lông mày hình lá liễu.
   Mắt thu ba: mắt sáng như ánh nước mùa thu (thu ba: sóng mùa thu).
   Cả câu này nói đến tài sắc người đàn bà.
8. *Hồng tụ:* tay áo màu hồng, chỉ người con gái đẹp.
   Thanh Sam: vạt áo màu xanh, chỉ thư sinh hàn sĩ.
   Cả câu: tay áo người con gái và vạt áo người học trò đều đẫm nước mắt.

II

Thuyền tình một chiếc con con,
Khoan khoan tay lái, ai còn đợi ai!
Yêu nhau, nắm áo lôi mời,
Thương nhau, góc bể trên trời quản xa.

Thế sự nhất phù vân chi cảnh [1],
Những ai mê, mà ai tỉnh đã ai ai?
Khéo vô đoan [2] *khóc hão lại thương hoài!*
Thú trần giới có ăn chơi là bậc nhất.
Trượng phu hà dụng phong hầu ấn [3],
Tài tử nguyên phi nịch thế thân [4].
Ừ! Thế thời khi trăng trong, khi gió mát, lúc hoa xuân,
Chi sự nghiệp để tình quân [5] *ngao ngán dạ.*
Quân bất biến: thiên cổ hầu vương trụy lệ tàn bi an tại dã [6],

Thôi sử kinh yên mã [7] *cũng đều sai!*
Hơn nhau một chén rượu mời...

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

---

1. Việc đời chỉ là áng mây nổi. Ý nói không có việc gì là vĩnh viễn cả.

2. *Vô đoan:* không có duyên cớ.

3. Người trượng phu không cần dùng đến cái ấn của nhà vua (phong cho tước hầu). Ý nói người trượng phu có khí phách, không cần phải nương tựa người khác, để cầu công danh.

4. Người có tài vốn không phải là người làm cho người đời đắm đuối. Ý nói người có tài không đem tài của mình làm hại người đời.

5. *Tình quân:* người tình, cũng gọi là tình lang, tiếng người con gái gọi người yêu của mình.

6. *Anh chẳng thấy:* nghìn xưa những bậc vương hầu đã từng rỏ nước mắt xuống tấm bia tàn, nay còn ai đâu?

Ý nói những bậc vua chúa công hầu mà tên tuổi sự nghiệp được ghi trên bia nay cũng không ai biết đến.

7. *Sử kinh:* sách và sử, chỉ sự nghiệp văn chương.

Yên mã: ngựa đã thắng yên, chỉ sự nghiệp võ biền.

NÓI CHUYỆN VỚI ẢNH

Người đâu cũng giống đa tình,
Ngỡ là ai, lại là mình với ta.
Mình với ta, dẫu hai nhưng một,
Ta với mình, tuy một mà hai?
Năm nay mình mới ra đời,
Mà ta ra trước đã ngoài đôi mươi.
Cuộc nhân thế, câu cười tiếng khóc,
Nghề sinh nhai lối dọc đường ngang.
Đầu xanh ai điểm hơi xương,
Những e cùng thẹn, những thương cùng sầu.
Đôi ta vốn cùng nhau một tướng,
Lạ cho mình sung sướng như tiên.
Phong tư tài mạo thiên nhiên [1]*,*
Không thương, không sợ, không phiền, không lo.
Xuân bất tận, trời cho có mãi,
Mảnh gương trong, đứng lại với tình.
Trăm năm ta lánh cõi trần,
Nghìn năm mình giữ tinh thần chớ phai.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

*

* *

1. *Phong tư:* dáng dấp con người: *tài mạo:* tài hoa và nét mặt; *thiên nhiên:* tự nhiên, khi bẩm sinh ra thế nào thì sau vẫn thế. Cả câu: dáng dấp và nét mặt của người trong ảnh sẽ mãi mãi vẫn như thế, không thay đổi.

VÔ ĐỀ

Suối tuôn róc rách ngang đèo,
Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.
Chung quanh những lá cùng cây,
Biết người tri kỷ đâu đây mà tìm?
Hỏi thăm những cá cùng chim,
Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm!
Bấy giờ vắng mặt tri âm,
Lấy ai là kẻ đồng tâm với mình!
Nước non vắng khách hữu tình,
Non xanh nước biếc cho mình nhớ ai!

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

MẮNG CON CUỐC TIẾC XUÂN

Ai khuyên con cuốc nó đừng kêu,
Xuân đã qua rồi, cứ gọi theo.
Sao cứ lo co trong bụi rậm,
Lại còn eo óc với trời cao!
Cỏ non thước lục, chờ chi mãi,
Liễu yếu đào tơ, chán kẻ yêu.
Đen đủi chẳng nên năn nỉ phận,
Mặc cơn mây sớm hạt mưa chiều.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

MỴ CHÂU TRỌNG THỦY

Một đôi kẻ Việt người Tần[1]*,*
Nửa phần ân ái nửa phần oán thương.
Vuốt rùa chàng đổi máy,
Lông ngỗng thiếp đưa đường.
Thề nguyền phu phụ,
Lòng nhi nữ,
Việc quân vương,
Duyên nọ tình kia dở dở dang.
Nệm gấm vó câu,
Trăm năm giọt lệ.
Ngọc trai nước giếng,
Ngàn thu khói nhang.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

THÚY KIỀU HẦU RƯỢU HỒ TÔN HIẾN

Tiếng sấm ân tình bốn mặt ran,
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn.
Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng,
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan.
Tổng đốc ví thương người bạc phận,
Tiền Đường chưa chắc mả hồng nhan.
Trơ trơ nấm đất bờ sông nọ,
Hồn có nghe chăng mấy giọng đàn?

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

---

1. Mỵ Châu, con gái vua An Dương Vương (người Việt) lấy chồng là Trọng Thủy, con Triệu Đà (người Tần). Mỵ Châu đã vô tình để Trọng Thủy đổi mất lẫy nỏ làm bằng vuốt của thần Rùa Vàng. Khi Trọng Thủy đưa quân Triệu sang xâm lược, vua An Dương Vương đem Mỵ Châu chạy về phương Nam thì nàng Mỵ lại dại dột dứt lông ngỗng ở áo khoác ném xuống dọc đường đi với hy vọng Trọng Thủy dễ nhận ra dấu vết để tìm cứu mình, chẳng dè mắc mưu gian, đó là cách chỉ đường cho quân Triệu truy kích. Khi quân Triệu đuổi gấp, vua An Dương Vương đã chém nàng Mỵ, rồi nhảy xuống bể tự tử. Máu nàng Mỵ ngấm vào loại trai hóa thành ngọc. Ngọc đó rửa bằng nước của cái giếng ở Cổ Loa mà Trọng Thủy ân hận về lỗi lầm đã tự tử ở giếng ấy thì sáng thêm ra.

HOA SEN NỞ TRƯỚC NHẤT ĐẦM

Trong đầm gì lại đẹp hơn sen,
Một đóa kia kìa nở trước tiên.
Mặt nước chân trời thân gái lạ,
Đài xanh cánh trắng nhị vàng chen.
Xôn xao bay rối đàn con bướm,
Đủng đỉnh bơi xa một chiếc thuyền.
Đã chót hở hang khôn khép lại,
Lại còn e nỗi chị em ghen.

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

*
*   *

PHONG DAO

Đêm thu gió đập cành cau,
Chồng ai xa vắng, ai sầu chăng ai?
Đêm thu gió hút ngoài tai,
Gió ơi! Có biết chồng ai nơi nào?
Đêm thu gió lọt song đào,
Chồng ai xa vắng, gió vào chi đây?
Đêm thu gió lạnh đôi mày,
Gió ơi! Có biết nỗi này cho chăng?
Con cò lặn lội bờ ao,
Phất phơ đôi dải yếm đào gió bay.
Em về giục mẹ cùng thầy,
Cắm sào đợi nước biết ngày nào trong.
Con cò lặn lội bờ sông,
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.
Em về giục mẹ cùng cha,
Chợ trưa, dưa héo, nghĩ mà buồn tênh!

*

Ngồi buồn rủ vợ đi chơi,
Vợ rằng: "Chớ thế mà trời mắng cho"
Đàn bà sao khéo xa lo,
Trời không có mắt, trời cho mặc lòng.

*

Mình ơi, có nhớ ta chăng?
Nhớ mình đứng tựa bóng trăng, ta sầu.
Trăng kia soi nửa vòng cầu,
Mà ai tìm cái phong hầu thấy chưa?

*

Đưa nhau một quãng đường trường,
Cát bay dặm trắng, tơ vương liễu vàng.
Ai đi đường ấy cùng chàng,
Chàng đi, đi một bước đường một xa.

*

Đưa nhau một quãng đường xa,
Gió mai quyên giục, trăng tà nhạn kinh.
Ai đi đường ấy cùng mình,
Mình đi, để lại gánh tình ngổn ngang.

*

Đưa nhau một quãng đò ngang,
Nước xanh mây lộn, huê vàng bướm quanh.
Ai đi đường ấy cùng anh...
Anh đi, anh nhớ bóng bình ngẩn ngơ.

*

Đố ai đốt bóng, nung hình,
Cho ruột ai nóng, cho mình lấy ta
Kẻo còn ngày tháng lân la,
Kẻo còn tháng chạy, ngày qua giật mình.

*

Con sông chạy buột về Hà,
Nhớ ai, Hà Nội trông mà ngùi thương.
Nhớ người cố quận tha hương,
Nhớ ai thời nhớ nhưng đường thời xa.

*

Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương,
Hồn thơ còn hãy như nhường trêu ai.
Cho hay mệnh bạc cơ trời
Đồng cân đã nặng bên tài thời thôi.

*

Người ta có vợ có chồng,
Em như con sáo trong lồng kêu mai.
Má đào gìn giữ cho ai?
Răng đen, đen quá cho hoài luống công!

*

Ai làm con cuốc kêu hè,
Kêu đêm nghe chán lại nghe kêu ngày.
Chim hồng chắp cánh cao bay,
Nắng mưa thui thủi thương mày cuốc ơi!
Ai làm cho khói lên trời,
Cho mưa xuống đất, cho người biệt ly.
Ai làm Nam, Bắc phân ly,
Xót xa hàng lệ đầm đìa tấm thương!

Khối tình con, quyển I,
Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1916.

ĐỀ "KHỐI TÌNH CON" THỨ HAI

Một mối tơ tình buộc chết ai?
Bán văn buôn chữ kiếp nào thôi?
Ruột tằm rút mãi chưa thành kén,
Có nhẽ lôi thôi suốt cả đời.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922 [1].

1. Tập thơ này in lần đầu ở Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1918. Song chúng tôi chưa tìm được bản này, đành dùng bản in lần thứ hai.

TỰ THUẬT

Văn chương thời nôm na,
Thú chơi có sơn hà.
Ba Vì ở trước mặt,
Hắc Giang [1] bên cạnh nhà:
Tản Đà!

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

THUẬT BÚT

Mười mấy năm xưa ngọn bút lông,
Xác xơ chẳng bợn chút hơi đồng.
Bây giờ anh đổi lông ra sắt,
Cách kiếm ăn đời có nhọn không!

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

1. *Hắc Giang:* sông Đà.

TỐNG BIỆT

Tiểu dẫn:

Bài này trích trong vở tuồng *Thiên Thai,* được diễn ở rạp Nguyễn Đình Cao (Hải Phòng), rồi Thắng Ý (Hà Nội), năm 1917. Sau tác giả in lại trong *Khối tình con,* quyển II, 1918.

Hai nhân vật chính trong vở là Lưu Thần và Nguyễn Triệu người đời Hán (Trung Quốc). Nhân gặp tiết Đoan dương, hai chàng cùng lên núi Thiên Thai hái thuốc. Tại đây, hai chàng gặp hai nàng tiên, kết duyên với nhau và cùng ở trên cõi tiên. Được ít lâu, hai chàng nhớ nhà, từ giã vợ để về dương thế. Hai nàng tiễn đưa, làm bài "Tống biệt" để gửi lại hai chàng.

Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai,
Suối tiễn, oanh đưa, luống ngậm ngùi!
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai,
Ước cũ duyên thừa có thế thôi!
Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ đây xa cách mãi,
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

SỰ NGHÈO

Người ta hơn tớ cái phong lưu,
Tớ cũng hơn ai cái sự nghèo.
Cảnh có núi sông cùng xóm ngõ,
Nhà không gạch ngói chẳng gianh (tranh) pheo.

Văn chương rẻ ế coi mà chán,
Trăng gió ham mê nghĩ cũng phèo!
Kiếp trước nhớ sinh đời Hạ Vũ,
Mưa vàng ba buổi chán xu tiêu [1].

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

TƯƠNG TƯ

Quái lạ! Làm sao cứ nhớ nhau!
Nhớ nhau đằng đẵng suốt đêm thâu.
Bốn phương mây nước, trời đôi ngả,
Hai chữ tương tư, một gánh sầu.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

TRỜI MẮNG

Tình riêng trăm ngẩn mười ngơ,
Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hỏi Trời.
Xem thơ, Trời cũng bật cười,
Cười cho hạ giới có người oái oăm!

Khách hà nhân giả [2]*?*
Cớ làm sao suồng sã dám đưa thơ?
Chốn Thiên cung ai kén rể bao giờ,

1. Theo truyện cổ Trung Quốc, đời Vũ nhà Hạ có lần trời mưa ra vàng trong ba ngày.
2. Khách là ai thế?

Chỉ những sự vẩn vơ mà giấy má!
Chức nữ tảo tùng giai tế giá,
Hằng Nga bất nại bão phu miên [1].
Mở then mây quăng giả bức hồng tiên,
Mời khách hãy ngồi yên trong cõi tục.
Người đâu kiếp trước Đông Phương Sóc [2].
Ăn trộm đào, quen học thói ngày xưa.
Trần gian đày mãi, không chừa!...

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

CHƯA SAY

Đêm xuân hoa những ngậm cười,
Dưới đèn tươi tỉnh mặt người như hoa.
Khi vui, vui lấy kẻo già,
Cơn men dốc cả giang hà chưa say.

Kim kịch thị hà tịch [3]?
Bóng giăng trong tịch mịch xế ngang mành.
Lúc vui chơi cuộc rượu toan hắt bỏ.
Thánh hiền thân hậu do thiêu cổ [4].
Phong nguyệt thành trung thả nhất tiêu [5].

---

1. Chức Nữ đã sớm gả chồng, cho theo chồng rồi. Hằng Nga không quen ôm chồng mà ngủ.

2. *Đông Phương Sóc:* người thời Hán (Trung Quốc), giỏi khôi hài, làm quan đến chức Thị trung. Ông thường dùng cách nói khôi hài để can vua, nên vua (Vũ Đế) rất thích ông. Truyền thuyết kể rằng, ông đã ba lần ăn trộm đào tiên, nên đã ba lần bị đày xuống hạ giới.

Ở đây Tản Đà tự coi mình như Đông Phương Sóc, cũng đã bị đày xuống trần gian, vì thế mới viết thư xin làm rể chốn Thiên cung.

3. Đêm nay là cái đêm gì?

4. Việc trở nên thánh hiền là việc thuộc về sau khi mình đã chết đi rồi.

5. Trong cái thành đầy giăng gió này, ta hãy chơi một đêm cho thỏa thích đi đã.

Trót yêu hoa xin hãy gượng mà yêu,
Ngồi hết nợ phong lưu rồi sẽ tếch.
Gửi bốn lạy: Lạy bút, lạy nghiên, lạy đèn, lạy sách,
Quá thương ai đàn phách nốt đêm nay.
Nhân sinh ba vạn sáu ngàn ngày,
Coi những tỉnh, lúc say nào có mấy?
Được lúc gần say, say hẳn lấy,
Say thời say, say vậy để mà điên.
Tửu trung tự hữu thánh hiền [1].

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

SAY

Đêm xuân một trận nô cười,
Dưới đèn chẳng biết rằng người hay hoa.
Khi vui quên cả cái già,
Khi say chẳng dốc giang hà cũng say.

Kim tịch thị hà tịch?
Mảnh gương nga đã tếch lối non đoài.
Đó kìa ai ba bốn, bốn năm người,
Người đâu tá còn chơi trong mộng thế?
Nhãn ngoại trần ai không nhất thế [2],
Hung trung khối lũy thuộc tiền sinh [3].
Kiếp say sưa đã chấm sổ thiên đình,
Càng đắm sắc mê thinh [4] *càng mải miết.*
Mê thinh: mê tiếng hát.
Say lắm vẻ: say mệt say mê, say nhừ, say tít,
Trong làng say ai biết nhất ai say?

---

1. Trong khi uống rượu, cũng đã có tư cách là thánh hiền rồi.
2. Cái cõi trần ở ngoài con mắt chỉ là một cuộc đời rỗng tuếch, chẳng ra gì.
3. Những cái chứa chất ở trong bụng đều thuộc về kiếp trước.
4. *Thinh:* tức chữ thanh đọc chệnh ra cho hiệp vần với chữ đình ở câu trên.

Mảnh hình hài quen giả trá xưa nay,
Chúng sinh tướng [1] lúc này coi mới hiện.
Thôi xếp cả nguyệt hoa hòa nguyệt,
Cảnh Bồng Lai [2] trải biết gọi làm duyên.
Tửu trung ưng thị thần tiên [3].

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

LẠI SAY

Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say.
Đất say, đất cũng lăn quay,
Trời say, mặt cũng đỏ gay, ai cười?

Say chẳng biết phen này là mấy,
Nhìn non xanh chẳng thấy, lại là say.
Quái! Say sao, say mãi thế này,
Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh.
Thê ngôn: túy tửu chân vô ích,
Ngã dục tiêu sầu thả tự do [4].
Việc trần ai, ai tỉnh ai lo,
Say túy lúy nhỏ to đều bất kể [5].
Trời đất nhỉ, cái say là sướng thế!
Vợ khuyên chồng, ai dễ đã chừa ngay?
Muốn say, lại cứ mà say.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

---

1. *Chúng sinh tướng:* bộ mặt của chúng sinh, của tất cả các loài có sự sống, trong đó có con người.
2. *Bồng Lai:* núi có tiên ở, tức cõi tiên.
3. Trong lúc uống rượu, nên cho mình là thần tiên.
4. *Vợ nói:* say rượu thật là vô ích. Ta muốn tiêu sầu hẵng cứ tự do.
5. Cả hai câu này, ý nói: việc đời đã có những ai là tỉnh thì những người ấy phải lo, còn những ai say túy lúy thì đều không kể việc đời vào đâu cả, dù nhỏ dù to.

THƯ ĐƯA NGƯỜI TÌNH NHÂN CÓ QUEN BIẾT

Ngồi buồn lấy giấy, viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước thề nguyền xưa đã lỗi,
Ân tình nay có bốn xu thôi [1].

Ngày sương bạc, bay qua tiếng nhạn,
Ngọn đèn xanh, khơi cạn đĩa dầu.
Mình ai chiếc bóng canh thâu,
Nỗi riêng, riêng một mối sầu vì ai?

Tâm sự ấy nói dài sao xiết,
Giấy mực đâu vẽ hết ru mà!
Dở dang cho chữ tài hoa,
Chắp tay vái lạy trăng già chứng cho.
Kể từ độ giang hồ lạc phách [2],
Hội tương phùng [3] *đất khách đôi ta.*
Biết nhau khi mới mười ba,
Tuần trăng chưa mãn, nụ hoa chưa cười.
Càng một thuở ăn chơi nhàn biếng,
Trải mấy thu hơi tiếng vừa quen,
Canh khuya, hai bóng một đèn,
Gió mai, sương sớm, đơn mền có nhau.
Dạ bảo dạ vàng thau gắn bó,
Năm lại năm, mưa gió đê mê.
Một tường lá rủ hoa che,
Bắc Nam mấy độ đi về dưới trăng.
Duyên hồ thắm, bỗng dưng phai nhạt,
Mối tơ vương, dứt nát tan tành!
Tấm riêng, riêng những thẹn mình,
Giữa đường, buông dứt gánh tình như không!
Gặp tờ giấy niêm phong hạt lệ,
Nhờ cánh tem bay đệ cung mây.

---

1. Hồi đầu thế kỷ 20, tem thư gửi giá 4 xu.
2. *Giang hồ lạc phách:* phiêu lưu lang bạt.
3. *Tương phùng:* gặp gỡ.

Ái ân thôi có ngần này,
Thề nguyền non nước đợi ngày tái sinh.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

THƯ ĐƯA NGƯỜI TÌNH NHÂN KHÔNG QUEN BIẾT

Ngồi buồn lấy giết viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước xa khơi tình bỡ ngỡ,
Ai tri âm đó nhận mà coi.

Ngàn mây biếc long lanh đáy nước,
Bóng tà dương ngả gác non đoài.
Tranh kia ai vẽ cho trời?
Ngoài sơn thủy lại một người đứng trơ.
Hồn kiếp trước ngẩn ngơ chưa tỉnh,
Mối tình duyên vơ vẩn càng thêm.
Tuyệt mù tăm cá hơi chim,
Nào người nhớ hỏi, thăm tìm là đâu?
Kể từ độ lọt đầu se tóc [1],
Cũng cùng mang tiếng khóc mà ra.
Cõi sầu ta lại với ta,
Lọ quen biết mới gọi là tương tri [2].
Cơn gió thẩm có khi cùng khóc,
Bóng trăng thanh lắm lúc cũng chơi.
Gượng vui cũng một nét cười,
Nguyệt hoa cùng trải cuộc đời như nhau,

---

1. Ý nói, khi mới lọt lòng mẹ.
2. *Tương tri:* biết nhau. Ở đây dùng với nghĩa sâu hơn: hiểu thấu cõi lòng của nhau.

Bể trần hải[1] *chẳng sầu mà sóng.*
Cầu hành tinh[2] *đã rộng thêm tròn.*
Tài tình một gánh con con,
Đông, tây, nam, bắc, ai còn gặp ai,
Nỗi bèo nước đã thôi thời thế,
Tình cỏ sương khôn dễ mà khuây.
Phòng văn trở lại gót giầy,
Chén tương tư rót cho đầy lại vơi.
Tấc son giãi mấy lời huê bút,
Tờ giấy bay theo ngọn gió đông,
Lòng kia, hỡi có tin lòng,
Nước non khơi cách nghìn trùng chưa xa.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

THƯ TRÁCH NGƯỜI TÌNH NHÂN KHÔNG QUEN BIẾT

Tiểu dẫn của Tản Đà: Cuối quyển *Khối tình con* thứ hai, có *Thư đưa người tình nhân không quen biết,* mà đến nay không thấy giả nhời, vậy nay có thư trách.

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi trách ai.
Non nước bấy lâu lòng tưởng nhớ,
Mà ai tri kỷ vắng tăm hơi!

Đỉnh non Tản, mây mờ man mác,
Giải sông Đà, bọt nước lênh bênh.
Bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình,
Nước kia mây nọ như mình với ta.

---

1. *Trần hải:* bể bụi, tức cõi trần, giống như chữ trần thế, nhưng dùng với ý khổ sở, điêu đứng.
2. *Cầu hành tinh:* tức quả địa cầu, quả đất ta ở.

Người đâu tá? Quê nhà chưa tỏ,
Tuổi bao nhiêu? Tên họ là chi?
Đã sinh cùng nước cùng thì,
Cùng ta không biệt mà ly, hỡi mình?
Kể từ độ thư tình gửi nhắn,
Trải bao năm tin nhạn chờ mong,
Những là ngày hạ đêm đông,
Hồi âm [1] chẳng thấy, như không có mình.
Hỏi cùng núi, mây xanh chẳng biết,
Hỏi cùng sông, nước biếc không hay.
Sông nước chảy, núi mây bay,
Mình ơi! Có biết ta đây nhớ mình.
Cuộc trần thế, công danh chẳng thiết,
Áng phong lưu, huê nguyệt [2] đã thừa.
Nhớ mình ra ngẩn, vào ngơ,
Trông mây, trông nước, nay chờ mai mong.
Mong giáp mặt, mặt không giáp mặt,
Chờ tin thư, thư mất tin thư.
Tháng ngày thấm thoát thoi dưa,
Tuổi ba mươi đã lại dư một vài.
Câu tri kỷ, cùng ai tri kỷ,
Truyện chung tình, ai kẻ chung tình.
Bụi hồng vắng vẻ mắt xanh [3]
Mình ơi! Ta nhớ... mà mình quên ta!
Không quen biết, cũng là quen biết,
Ta nhớ mình, ta viết thư chơi.
Thư tình này bức thứ hai,
Tiếp thư, xin chóng trả nhời cho nhau.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

*

1. *Hồi âm:* thư trả lời.

2. *Huê nguyệt:* hoa và trăng. Nghĩa bóng: chuyện phong tình.

3. *Mắt xanh:* Nguyễn Tịch, người thời Ngụy - Tấn (Trung Quốc), khi tiếp người mình ưa thì con ngươi có màu xanh, còn gặp kẻ không ưa thì con ngươi ngả màu trắng. Do đó mắt xanh ý nói, người tri kỷ.

THƯ LẠI TRÁCH NGƯỜI TÌNH NHÂN KHÔNG QUEN BIẾT

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này lại trách ai.
Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ,
Để ai luống những nhớ ai hoài.

Phố Hà Nội tiếng người chưa động,
Báo "An Nam" [1] *giấc mộng đương dài.*
Hỏa xa còi hét bên tai,
Giật mình chợt tưởng như ai gọi mình.
Cho hay vẫn si tình là thói,
Nào biết đâu ai gọi mà thưa!
Trông ra non nước mịt mờ,
Nghĩ nguồn cơn lại bây giờ nhớ ai.
Giải sông cũ đầy vơi cũ nước,
Đỉnh non xưa tan tác ngàn mây.
Nước này ngày tháng đổi thay,
Non sông ngày cũng một ngày khác xưa.
Tình thư gửi tới chưa, chưa tới?
Nước non này ai hỡi, hỡi ai?
Ngư nhàn [2] *ngày mất tăm hơi,*
Nước mây man mác cho người sầu thương.

Ứa bốn bà hai hàng lụy ngọc,
Gầy ba đông một vóc xương mai.
Ơn nhà nợ nước hai vai,
Nước nhà ai để riêng ai nặng nề.
Trông mây nước bốn bề tạnh ngắt,
Nhìn non sông tám mặt sầu treo.
Đường xa gánh nặng xế chiều,
Cơn giông biển nhớn, mái chèo thuyền nan.

---

1. *Báo An Nam:* tên tờ tạp chí do Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu chủ trương, có lúc báo quán ở phố Hàng Lọng, trước ga Hà Nội.

2. *Ngư nhàn:* tức ngư nhạn (cá và chim nhạn). Chữ *nhạn* là vần *trắc*, ở đây phải đổi ra *nhàn*, vần *bằng*, để cho hợp với thanh điệu của câu thơ.

Nghĩ thân thế, mềm gan lắm lúc,
Nhìn non sông, bạc tóc như chơi.
Trông ai, mỏi mắt phương trời,
Nhớ ai, đi đứng ăn ngồi thẩn thơ.
Thế mà gửi tình thư ba bức,
Chỉ là mong tin tức tám năm [1].
Chắc rằng ai hẳn vô tâm,
Núi sông mây nước những nhầm bấy nay.
Người lạnh yếu hơi may lạnh trán,
Đêm thu trường tựa án thâu canh.
Phố phường rộn rã trần thanh [2],
Ngoài song con sẻ trên cành tiếng kêu.
Chuyện non nước còn nhiều chưa hết,
Sẵn bút nghiên ta chép cho mình.
Thứ ba, này bức thư tình,
Phục thư chẳng thấy thời rành không ai!

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 1-7-1926.

*

KIẾP CON QUAY

Trời sinh ra tớ kiếp con quay,
Quay tít mù xanh nghĩ cũng hay.
Lì mít [3] *giang sơn khi chóng mặt,*
Đùng lăn thiên địa lúc rời tay.
Lăng băng thân thế đi đi đứng,
Nghiêng ngả quan hà tỉnh tỉnh say.
Thân tớ tí to bằng quả đất,
Cũng cho thiên hạ có đêm ngày.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

---

1. *Tám năm:* kể từ khi Tản Đà gửi *"Thư đưa người tình nhân không quen biết"*, đến bức *"Thư trách người tình nhân không quen biết"*, cho đến nay là *"Thư lại trách người tình nhân không quen biết"*, tính ra đã được tám năm.
2. *Trần thanh:* tiếng ở trong cõi trần, tức ở trong cuộc đời bụi bậm này.
3. *Lì mít:* không nhận rõ được vì quay quá nhanh.

CÁNH BÈO

Tiểu dẫn của Tản Đà: Một hôm, tác giả ở chơi nhà một cô đầu ở phố Dinh, Hải Phòng, nhân cảm thân thế của người son phấn ấy, nên đã lấy *bèo* ví với người đó mà làm ra bài hát này.

Bềnh bồng mặt nước chân mây,
Đêm đêm sương tuyết, ngày ngày nắng mưa.
Ấy ai bến đợi sông chờ,
Tình kia sao khéo lững lờ với duyên.

Sinh lai chủng đắc tình căn thiển [1],
Sự trăm năm hò hẹn với ai chi!
Bước giang hồ nay ở lại mai đi,
Những ly hợp, hợp ly mà chán nhỉ!
Vị tất nhân tình giai bạch thủy [2],
Nhẫn tương tâm sự phó hàn uyên [3].
Đầu xanh kia trôi nổi đã bao nhiêu?
Thôi trước lạ sau quen, đừng ái ngại.
Khắp nhân thế là nơi khổ hải [4],
Kiếp phù sinh nghĩ lại cũng như ai.
Ai ơi, vớt lấy kẻo hoài!

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

---

1. Từ lúc sinh ra đã trồng được cái rễ tình nông nổi.
2. Chưa hẳn tình con người ta đều là nước lã cả.
3. Sao nỡ đem tâm sự gửi ở đầm nước lạnh lùng.
4. *Khổ hải:* bể khổ. Đạo Phật cho rằng đời là bể khổ.

CON CÁ VÀNG

(Hát xẩm)

Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng,
Cây ngô cành bích, con chim phượng hoàng nó đậu cao.
Anh tiếc cho em phận gái má đào,
Tham đồng bạc trắng mới gán mình vào các chú Tây đen.
Sợi tơ hồng ai khéo xe duyên,
Treo tranh tố nữ đứng bên anh tượng đồng:
Chị em ơi! Ba bẩy đường chồng... [1].

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.
In lại trong *Thơ Tản Đà,*
Nghiêm Hàm ấn quán, Hà Nội, 1925.

*

PHONG DAO

Đêm qua anh nhớ đến mình,
Nhớ câu ú hự, nhớ tình chơi vơi.
Ra sân bắc ghế kêu giời,
Ở dưới hạ giới có người tương tư.
Giờ cao gọi mãi không thưa,
Để anh ra ngẩn vào ngơ canh chầy.
Bây giờ anh gặp mình đây,
Bên kia thời núi, bên này thời sông.
Sông kia, núi nọ hợp đồng,
Sao cho nên vợ, nên chồng, hỡi em!
Kẻo còn tưởng sớm mơ đêm.

*

1. Bài này thực ra đã in ở *Khối tình con,* quyển I, với nhan đề *Cô Tây đen,* có thêm hai câu kết: "Son tô phấn điểm hương lồng cho nó ngoan - Thà rằng lấy chú xẩm xoan".

Đường đi nho nhỏ,
Bờ cỏ xanh xanh,
Không duyên, không nợ, không tình,
Đồng không quãng vắng sao mình gặp ta?
Bây giờ giời nắng đường xa,
Rủ nhau vào dưới gốc đa ta ngồi.
Yêu nhau chẳng lọ thề bồi,
Kẻ Nam người Bắc, ngậm ngùi nhớ thương.
Tơ tằm ai vấn mà vương.

*

Anh trông lên trời,
Ông sao sa đất;
Anh trông xuống đất,
Con đóm lên giời.
Gặp em đấy anh dặn mấy nhời,
Ba sinh hương lửa muôn đời chớ quên.
Còn tình, còn nghĩa, còn duyên,
Còn sông, còn bến, còn thuyền đôi ta.
Nghìn non vạn thác chưa xa.

Khối tình con, quyển II,
in lần thứ hai, Nhà in Văn Minh,
Hải Phòng, 1922.

*

CÒN CHƠI

(Điệu Lộng hoàn, dùng ba vần: chơi, đời, thôi) [1]

Ai đã hay đâu tớ chán đời,
Đời chưa chán tới, tớ còn chơi.

---

1. *Lộng hoàn* là tung quả cầu. Hai tay tung ba quả cầu, tung lên rơi xuống vẫn có ba quả cầu *(Nguyên chú của Tản Đà).* Dựa vào lối tạp kỹ trên, tác giả dùng ba chữ *chơi, đời, thôi* làm ba vần của những bài tứ tuyệt trong thi phẩm này. Ba chữ vần đó thay đổi vị trí trong các câu, vần luôn luôn hoán dịch trong các bài - giống như ba quả cầu được tung lên rồi rơi xuống, rồi lại tung lên, lại rơi xuống - cứ như thế, chúng di động vị trí luôn luôn mà câu không trùng, ý không lặp trong cả mười lăm bài liên tục. Cái hay của lối thơ này là ở chỗ đó, nhưng cái khó cũng chính là ở chỗ đó. Vượt được cái khó để đạt được cái hay, đó là cái tài của Tản Đà.

Chơi cho thật chán, cho đời chán,
Đời chán nhau rồi tớ sẽ thôi.

Nói thế can gì tớ đã thôi,
Đời đương có tớ, tớ còn chơi.
Người ta chơi đã già đời cả,
Như tớ năm nay mới nửa đời.

Nửa đời chính độ tớ đang chơi,
Chơi muốn như sao thật sướng đời.
Người đời ai có chơi như tớ,
Chơi cứ bằng văn mãi chửa thôi.

Chơi văn sướng đến thế thì thôi,
Một mảnh trăng non chiếu cõi đời [1].
Văn vận nước nhà đương buổi mới,
Như trăng mới mọc, tớ còn chơi.

Làng văn chi thiếu khách đua chơi,
Dan díu, ai như tớ với đời.
Tớ đã với đời dan díu mãi,
Muốn thôi, đời cũng chửa cho thôi.

Đời đương dan díu, chửa cho thôi,
Tớ dám xa xôi để phụ đời.
Vắng tớ bấy lâu, đời nhớ tớ,
Nhớ đời, nên tớ vội ra chơi.

Tớ hãy chơi cho quá nửa đời,
Đời chưa quá nửa, tớ chưa thôi.
Tớ thôi, tớ nghĩ buồn cho tớ,
Buồn cả cho đời vắng bạn chơi.

Nào những ai đâu, bạn của đời?
Sao mà bỏ vắng, ít ra chơi?
Chờ ai chờ mãi, ai đâu tá?
Hay ngán cho đời chẳng muốn chơi?

---

1. *Một mảnh trăng non:* hồi ấy những tác phẩm xuất bản của thi sĩ Tản Đà đều có đóng dấu hình mặt trăng lưỡi liềm với ngụ ý là tài nghệ của thi sĩ chưa được viên mãn, đang còn như trăng thượng tuần ngày càng sáng tỏ hơn lên.

Nếu tớ như ai cũng ngán đời,
Đời thêm vắng bạn, lấy ai chơi?
Cuộc đời tớ nghĩ chưa nên ngán,
Nếu ngán, thời xưa tớ đã thôi.

Tớ nhớ năm xưa nửa ngán đời,
Nghĩ đi, nghĩ lại, lại ra chơi.
Mê chơi cho tớ thành dan díu,
Đời dẫu cho thôi, tớ chửa thôi.

Nghĩ tớ bao nhiêu, lại nghĩ đời,
Nghĩ đời như thế, dám nào thôi.
Còn đời, còn tớ, còn chơi mãi,
Chơi mãi cho đời có bạn chơi.

Tớ muốn chơi cho thật mãn đời,
Đời chưa thật mãn, tớ chưa thôi.
Chẳng hay đời tớ lâu hay chóng?
Dù chóng hay lâu, tớ hãy chơi.

Trăm năm, tớ độ thế mà thôi,
Ức, triệu, nghìn năm chửa hết đời.
Chắc có một phen đời khóc tớ,
Đời chưa khóc tớ, tớ còn chơi.

Trăm năm còn độ bấy nhiêu thôi,
Ngoài cuộc trăm năm tớ dặn đời:
Ức, triệu, nghìn năm đời nhớ tớ,
Tớ thôi, tớ cũng hãy còn chơi.

Bút đã thôi rồi, lại chửa thôi,
Viết thêm câu nữa, hỏi đời chơi:
"Lộng hoàn" này điệu từ đâu trước?
Họa được hay không? Tớ đố đời.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

LO VĂN Ế
(Điệu Ô Thước kiều) [1]

Như tớ xưa nay vốn vẫn nghèo,
Bán văn buôn chữ kiếm tiền tiêu.
Quanh năm luống những lo văn ế,
Thân thế xem thua chú hát chèo!

Hát chèo lắm lúc nghĩ mà ngoan,
Vẽ mặt pha trò với thế gian.
Vợ cưới đêm nay, mai lại cưới,
Đêm đêm cưới vợ, lại làm quan.

Làm quan ví có dễ như chèo,
Tớ đến năm nay đã chẳng nghèo.
Bởi bước công danh trèo cũng khó,
Trèo cao chẳng được phải nằm meo.

Nằm meo cho tớ nghĩ ra văn,
In bán ra đời, cách kiếm ăn.
Vô sự ăn xong, nằm lại nghĩ,
Con tằm rút ruột lá dâu xanh.

Dâu xanh rút giả sợi tơ vàng,
Thân thế con tằm những vấn vương.
Tớ nghĩ thân tằm như tớ nhỉ,
Tơ tằm đòi đoạn mối văn chương.

Văn chương nào dám nói hơn ai,
Nghề nghiệp làm ăn phải thế thôi.
In hết quyển này ra quyển khác,
Có văn có ích, có văn chơi.

---

1. *Ô Thước kiều* là cầu Ô Thước. Hai chữ cuối của đoạn trên bắt xuống hai chữ đầu của đoạn dưới, như nhịp cầu. (Nguyên chú của Tản Đà).

Theo thần thoại Trung Quốc, quạ đen (ô) và chim khách (thước) lấy đá lấp sông Ngân Hà cho Chức Nữ sang với Ngưu Lang vào ngày rằm tháng bảy âm lịch, dịp này ta thường gọi là tiết Ngâu.

Văn chơi in bán để chơi chung,
Dẫu được lời riêng có mấy đồng.
Buôn chữ gặp ngay hồi giấy đắt,
Người mua ai có biết cho không?

Cho không, ai biết đấy là đâu,
"Bán nói" khi đâu dám đặt điều.
Tốn kém vì văn chưa tính đến,
Nhưng tiền giấy mực những bao nhiêu.

Bao nhiêu củi nước mới thành văn,
Được bán văn ra chết mấy lần.
Ông chủ nhà in, in đã đắt,
Lại ông hàng sách mấy mươi phân.

Mươi phân gửi bán lấy tiền sau,
Bán hết thu tiền nghĩ cũng lâu.
Lắm lúc túng tiền mang bán rẻ,
Trừ đầu, trừ cuối, nghĩ càng đau.

Càng đau mà vẫn phải càng theo,
Theo mãi cho nên vẫn cứ nghèo.
Nghèo chỉ có văn, văn lại ế!
Ế văn cho tớ hết tiền tiêu.

Tiền tiêu không có, những băn khoăn,
Vay ngược vay xuôi thực khó khăn.
Công nợ nhà in còn chất đống,
Còn đâu gan ruột nghĩ ra văn.

Ra văn mà bán chẳng ra tiền,
Cái nghiệp văn chương nghĩ thật phiền.
Văn ế bao giờ cho bán hết?
Phen này có nhẽ gánh lên tiên.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

HẦU TRỜI

(Điệu Thu thủy) [1]

Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng hốt, không mơ mòng.
Thật buồn, thật phách, thật thân thể,
Thật được lên tiên sướng lạ lùng!

Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
Vắt chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Nằm buồn, ngồi dậy đun nước uống,
Uống nước ấm xong, nằm ngâm văn.

Chơi văn ngâm chán, lại chơi trăng,
Ra sân cùng bóng đi tung tăng.
Trên trời bỗng thấy hai cô xuống,
Miệng cười mủm mỉm cùng nói rằng:

"Trời nghe hạ giới ai ngâm nga,
Tiếng ngâm vang cả sông Ngân Hà.
Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng,
Có hay, lên đọc Trời nghe qua".

Ước mãi, bây giờ mới gặp tiên!
Người tiên, nghe tiếng lạ như quen.
Văn chương nào có hay cho lắm,
Trời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô tiên lên đường mây,
Vù vù không cánh mà như bay.
Cửa son đỏ chói oai rực rỡ!
Thiên môn đế khuyết [2] *như là đây?*

---

1. *Thu thủy:* là nước mùa thu. Mùa thu nước lũ chảy thật mạnh, gỗ, bương, củi, sậy cùng trôi, không có kỷ luật nào cả (Nguyên chú của Tản Đà).

2. *Thiên môn:* cửa nhà trời; *Đế khuyết:* cửa cung vua. Hai từ này cũng như từ cửa son ở câu trên đều chỉ nơi trời ở.

Vào trông thấy Trời, sụp xuống lạy,
Trời sai tiên nữ giắt lôi dậy.
Ghế bành như tuyết, vân như mây,
Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đây.

Tiên đồng pha nước, uống vừa xong,
Bỗng thấy chư tiên [1] *đến thật đông.*
Chung quanh bày ghế ngồi la liệt,
Tiên bà, tiên cô, cùng tiên ông.

Chư tiên ngồi quanh đã tĩnh túc [2]*,*
Trời sai pha nước để nhấp giọng.
Truyền cho văn sĩ đọc văn nghe,
"Dạ, bẩm lậy Trời, con xin đọc".

Đọc hết văn vần, sang văn xuôi,
Hết văn thuyết lý, lại văn chơi.
Đương cơn đắc ý đọc đã thích,
Chè Trời nhấp giọng càng tốt hơi!

Văn dài, hơi tốt ran cung mây,
Trời nghe Trời cũng lấy làm hay.
Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi,
Hằng Nga, Chức Nữ chau đôi mày.
Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng [3]*,*
Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.
"Bẩm con không dám man của Trời,
"Những các văn con in cả rồi:

---

1. *Chư tiên:* các vị tiên.
2. *Tĩnh túc:* yên lặng và nghiêm chỉnh.
3. *Tâm, Cơ, Hằng Nga, Chức Nữ, Song Thành, Tiểu Ngọc:* đều là tên các vì sao. *Tâm:* một vì sao trong *Nhị thập bát tú,* màu đỏ; *Cơ:* ngôi sao thứ ba trong chòm sao Bắc Đẩu, phát ra ánh sáng đẹp; *Hằng Nga:* nàng tiên ở trên cung trăng. *Chức Nữ:* một vì sao có ánh sáng trắng xanh, theo truyện *Thần Tiên,* Chức Nữ là vợ của Ngưu Lang tức Khiên Ngưu, ta thường gọi là chàng Ngâu). *Tiểu Ngọc, Song Thành:* tra trong các từ điển *Từ Hải, Từ Nguyên* không thấy có sao nào tên như vậy. Song trong *Trường Hận ca* của Bạch Cư Dị có kể: Đường Minh Hoàng trên đường đi tìm vong hồn Dương Quý Phi, tới một ngọn núi tiên, nhờ Tiểu Ngọc và Song Thành báo tin cho Quý Phi.

"Hai quyển "Khối tình", văn thuyết lý;
Hai "Khối tình con" là văn chơi;
"Thần tiền", "Giấc mộng", văn tiểu thuyết;
"Đài gương"; "Lên sáu", văn vị đời;
Quyển "Đàn bà Tàu", lối văn dịch;
Đến quyển "Lên tám" nay là mười.
Nhờ trời văn con mà bán được,
Chửa biết con in ra mấy mươi!"

Văn đã giầu thay, lại lắm lối,
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười.
Chư tiên ao ước, tranh nhau dặn:
"Anh gánh lên đây bán chợ Trời".

Trời lại phê cho "Văn thật tuyệt!
Văn trần được thế chắc có ít?
Nhờ văn chuốt đẹp như sao băng!
Khí văn hùng mạnh như mây chuyển!
Êm như gió thoảng, tinh như sương!
Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết!
Chẳng hay văn sĩ tên họ gì?
Người ở phương nao? Ta chửa biết!"

– "Dạ, bẩm lậy Trời, con xin thưa:
Con tên Khắc Hiếu, họ là Nguyễn.
Quê ở Á Châu về Địa cầu,
Sông Đà, núi Tản, nước Nam Việt".
Nghe xong, Trời ngợ một lúc lâu,
Sai bảo Thiên tào [1] lấy sổ xét.
Thiên tào tra sổ xét vừa xong,
Đệ sổ lên trình Thượng Đế trông:

"Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu,
Đày xuống hạ giới về tội ngông".
Trời rằng: "Không phải là Trời đày,
Trời định sai con một việc này:

1. *Thiên tào:* một chức quan coi việc quản lý cho nhà Trời.

Là việc Thiên lương [1] *của nhân loại,*
Cho con xuống thuật cùng đời hay".

"Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó,
Trần gian thước đất cũng không có.
Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều,
Vốn liếng còn một bụng văn đó.
Giấy người, mực người, thuê người in,
Mướn cửa hàng người bán phường phố.
Văn chương hạ giới rẻ như bèo!
Kiếm được đồng lãi thật rất khó!
Kiếm được thời ít, tiêu thời nhiều,
Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
Lo ăn, lo mặc, suốt ngày tháng.

Học ngày một kém, tuổi ngày cao!
Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
Một cây che chống bốn năm chiều.
Trời lại sai con việc nặng quá,
"Biết làm có nổi mà dám theo?"

Rằng: "Con không nói, Trời đã biết,
Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết.
Cho con cứ về mà làm ăn,
Lòng thông [2] *chớ ngại chi sương tuyết.*
Cố xong công việc của Trời sai,
Trời sẽ cho con về Đế Khuyết".

Vâng nhời Trời dạy, lạy xin ra,
Trời sai Khiên Ngưu đóng xe tiễn.
Xe Trời đã chực ngoài Thiên môn,
Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.

---

1. *Thiên lương:* cái lòng thiện vốn có của con người từ khi bẩm sinh. Cũng giống như *lương tâm.*

2. *Lòng thông:* thông là loài cây chịu được gió to, thời tiết giá lạnh. Cho nên, người xưa lấy cây thông làm biểu tượng cho sự hiên ngang, sự kiên cường chịu đựng.

Hai hàng lụy biệt [1] giọt sương rơi!
Trông xuống trần gian vạn dặm khơi!
Thiên tiên ở lại, trích tiên xuống [2],
Theo đường không khí về trần ai.

Đêm khuya khí thanh sao thưa vắng,
Trăng ta đưa lối về non Đoài,
Non Đoài đã tới quê trần giới,
Trông lên chư tiên không còn ai!

Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy,
Giữa sân còn đứng riêng ngậm ngùi.
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
Sao được đêm đêm lên hầu Trời!

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

*

TIỄN ÔNG CÔNG LÊN TRỜI

Hăm ba tháng Chạp tiễn ông Công,
Thường tục từ xưa có phải không?
Chẳng biết hoàn cầu đâu cũng thế,
Hay chỉ người Nam lễ tục chung?

Cùng trong đất nước xin theo chúng,
Gọi có hương vàng cúng tiễn ông.
Ngựa cá ông lên chầu Thượng Đế,
Trần gian xin nhớ có tôi cùng.

Tôi tên "Khắc Hiếu", họ là "Nguyễn",
Đã có từng phen đến Đế cung.
"Hầu Trời" một chuyến từ năm ấy.
Thấm thoát nay đà mấy chục đông.

---

1. *Lụy biệt:* nước mắt trong khi ly biệt, xa cách nhau.
2. *Trích tiên:* theo *Thần tiên truyện,* khi một vị tiên phạm tội, bị đày xuống hạ giới, thì gọi là trích tiên. Tản Đà tự cho mình là một trích tiên.

Trời có sai tôi một việc nặng,
Đến nay tôi vẫn làm chưa xong.
Cũng vì cảnh riêng thật bối rối,
Ở không yên ổn chạy lung tung.

Khê Thượng, Bất Bạc, về Hà Nội,
Sài Gòn, Vĩnh Yên, ra Hải Phòng.
Bờ hồ Hoàn Kiếm, xuống Nam Định,
Xế chợ Đồng Xuân, sang Hàng Bông.

Phố tỉnh Sơn Tây, lại Khê Thượng,
Một tết Quảng Yên, nay Hà Đông.
Khi làm chủ báo, lúc viết mướn,
Hai chục năm dư, cảnh khốn cùng.

Trần gian thước đất vẫn không có,
Bút sắt chẳng hơn gì bút lông.
Ngày xanh như ngựa, đầu xanh bạc,
Chán cả giang hồ, hết cả ngông.

Qua hết đông này năm chục tuổi,
Xuân sang đã nửa giấc mơ mòng.
Văn chương quẩn mãi cùng thân thế,
Sự nghiệp mong gì với núi sông.

Câu chuyện "hầu Trời" khi tưởng đến,
Gan vàng như nấu lại như nung.
Nếu không một việc làm xong trọn,
Luống để trăm năm mắc thẹn thùng.

Chút lòng ký thác xin ông giúp,
Minh bạch kêu lên đến Cửu trùng.
Hai chữ "Thiên lương" thằng Hiếu nhớ,
Danh xin không phụ Trời trông mong.

Ngày nay, Hà Nội, số 99,
năm 1938.

CON CUỐC VÀ CON CHẪU CHUỘC

Bờ ao trên bụi có con cuốc,
Ở dưới lại có con chẫu chuộc.
Hai con cùng ở, cùng hay kêu,
Một con kêu thảm, con kêu nhuốc.

Chuộc kêu đắc ý gặp tuần mưa,
Cuốc kêu đau lòng thương xuân qua.
Cùng một bờ ao, một bụi rậm,
Phong cảnh không khác, tình khác xa.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

*

QUÊ NHÀ CHƠI MÁT CẢM HỨNG

Con đường vô hạn, khách đông tây,
Ta nhớ ai mà đứng mãi đây?
Nước rợn sông Đà, con cá nhẩy,
Mây trùm non Tản, cái diều bay.
Nặng như quả Đất mà xoay được,
Cao đến ông Trời khó với thay.
Trời, đất, cá, chim đều tự đắc,
Ở đời ai dễ chẳng vụng tay.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

*

NHỚ MỘNG

Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi,
Tỉnh rồi, lại muốn mộng mà chơi.
Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng,
Tiếc mộng bao nhiêu dễ ngán đời.
Những lúc canh gà ba cốc rượu,
Nào khi cánh điệp [1] *bốn phương trời.*
Tìm đâu cho thấy người trong mộng,
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai!

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

*

KHAI BÚT

I. NĂM CANH THÂN (1920)

Năm nay tuổi đã ba mươi hai,
Ta nghĩ mà ta chẳng giống ai.
Khắp bốn phương trời không thước đất,
Địa cầu những muốn ghé bên vai.

II. NĂM TÂN DẬU (1921)

Năm nay tuổi đã ba mươi ba,
Ta nghĩ mà ai chẳng giống ta.
Lo nức, lo nhà, lo thế giới,
Còn thêm lo nợ, nghĩ chưa ra!

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

---

1. *Cánh điệp:* cánh bướm. Lấy ở điển: Xưa Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa thành con bướm bay đi khắp nơi. Nhân đó, văn học lấy con bướm để chỉ giấc mộng.

Cả câu ý nói có khi tác giả nằm mộng thấy mình như con bướm đi khắp bốn phương.

MƯA THU ĐẤT KHÁCH

Mưa mưa mãi ngày đêm rả rích
Giọt mưa thu dạ khách đầy vơi.
Những ai mặt bể chân trời,
Nghe mưa, ai có nhớ lời nước non?

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921. Sau in lại trong
Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1925.

*

VỊNH BỨC ĐỊA ĐỒ RÁCH

Nọ bức dư đồ thử đứng coi, [1]
Sông sông núi núi khéo bia cười.
Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả tơi?
Ấy trước ông cha mua để học,
Mà sau con cháu nghĩ là chơi! [2]
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.

Còn chơi, Đông Kinh ấn quán,
Hà Nội, 1921.

*

1. *Dư đồ:* nghĩa như địa đồ, bản đồ.
2. Năm 1925, được in lại trong *Thơ Tản Đà,* hai câu này được sửa lại:
Ấy trước cha ông mua để lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi.

TIẾP THEO BÀI VỊNH BỨC ĐỊA ĐỒ RÁCH

Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi,
Ta bồi cho chúng chị em coi.
Giận cho con cháu đà hư thế,
Nghĩ đến ông cha dám bỏ hoài.
Còn núi còn sông nhìn vẫn rõ,
Có hồ có giấy dễ mà chơi.
Bởi chưng hồ giấy ta chưa có,
Đành chịu ngồi trông rách tả tơi.

Đông Pháp thời báo, Sài Gòn,
số 635, 1927.

*

ĐỊA ĐỒ RÁCH THỨ BA

Đành chịu ngồi trông rách tả tơi,
Buồn chăng? Hỡi các chị em ơi!
Nghĩ cho lúc trước thương người vẽ,
Ngó lại chung quanh hiếm kẻ bồi.
Hồ giấy bây giờ mua kiếm khó,
Non sông, ai hỡi đợi chờ ai?
Còn sông còn núi còn ta đó,
Có lúc ta bồi chúng bạn coi.

Đông Pháp thời báo, Sài Gòn,
số 638, 1927.

*

ĐỊA ĐỒ RÁCH THƯ TƯ

Có lúc ta bồi chúng bạn coi,
Chị em nay hãy tạm tin lời.
Dẫu cho tài có cao là thánh,
Chưa dễ tay không vá nổi trời.
Hồ giấy muốn mua tiền chẳng sẵn,
Non sông đứng ngắm lệ nhường vơi.
Việc nhà chung cả ai ai đó,
Ai có cùng ta sẽ liệu bồi?

Đông Pháp thời báo, Sài Gòn,
số 638, 1927.

*

THỀ NON NƯỚC

Tiểu dẫn: Theo Nguyễn Khắc Xương trong *Tuyển tập Tản Đà,* Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1986, thì bài thơ *Thề non nước* được viết vào năm 1920. Sau đó, từ bài thơ, Tản Đà viết thành một truyện ngắn cũng lấy tên *Thề non nước* và in trong tập *Tản Đà tùng văn,* Tản Đà thư điếm, Hà Nội, 1922. Năm 1925 Tản Đà lại in riêng bài thơ vào tập *Thơ Tản Đà,* Nghiêm Hàm ấn quán, Hà Nội, 1925. Lần này có đổi năm chữ.

Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
  Nhớ lời "nguyện ước, thề non".
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
  Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn (a) giòng lệ chờ mong tháng ngày.
  Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
  Trời tây chiếu (b) bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi pha.
  Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.

Dẫu rằng (c) sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non xanh (d) đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không (đ) nguôi lời thề.

Tản Đà tùng văn, Tản Đà thư điếm,
Hà Nội, 1922.

Khảo dị:
Trong *Thơ Tản Đà* in năm 1925, có đổi năm chỗ như sau:
(a) *Tuôn* đổi là *khô*
(b) *Chiếu* đổi là *ngả*
(c) *Dẫu rằng* đổi là *dù cho*
(d) *Xanh* đổi là *cao*
(đ) *Không* đổi là *chưa.*

*

VỊNH SEN HỒ HOÀN KIẾM

Hồ Gươm, sen mới ra hoa,
Cả hương, cả sắc, ai là không chơi.
Sen tàn, lá rách tả tơi,
Quanh hồ lai vãng ai người tiếc thương.
Nước hồ sen đứng soi gương,
Còn đâu là sắc là hương với đời.
Tủi thân, sen lại giận trời,
Cho sen hương sắc, cho người trọng khinh.

Trong truyện *Thề non nước,*
in trong *Tản Đà tùng văn,*
Tản Đà thư điếm, Hà Nội, 1922.

ĐỜI ĐÁNG CHÁN

Người đời, thử ngẫm mà hay,
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê!
Còn ai, ai tỉnh hay mê?
Những ai thiên cổ đi về những đâu?

Đời đáng chán, hay không đáng chán?
Cất chén quỳnh, riêng hỏi bạn tri âm.
Giá khuynh thành nhất tiếu thiên câm (kim),
Mắt xanh, trắng đổi nhầm bao khách tục! [1]
Giang hà nhật hạ nhân giai trọc, [2]
Thiên địa lô trung thục hữu tình? [3]
Đón đưa ai gió lá chim cành,
Ấy nhân thế phù sinh là thế thế.
Khách phù thế chưa rứt câu phù thế,
Người phong lưu càng đượm vẻ phong lưu.
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu,
Chuyện kim cổ một vài câu phải trái:
Châu Nam Hải thuyền chìm sông Thúy Ái [4]*,*
Sông Tiền Đường [5]*, cỏ áy bến Ô Giang!* [6]*.*
Ngẫm nghìn xưa, ai tài hoa, ai tiết liệt, ai đài trang,
Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ.
Đời đáng chán, biết thôi là đủ,

---

1. *Mắt xanh trắng:* xem chú thích ở bài *Thơ trách người tình nhân...* ở trên.

2. Nước sông mỗi ngày xuống (thấp) một lần (thủy triều), lúc đó nước đục, cho nên xuống thấp, cho nên con người đều mang chất vẩn đục.

3. Trong lò của trời đất (tạo hóa), ai là người có tình. Ý nói tạo hóa sinh ra muôn loài, tìm ra được một người có tình thì rất hiếm.

4. *Châu Nam Hải:* nơi My Châu bị vua cha giết.

Sông Thúy Ái: khúc sông Hồng chảy qua làng Thúy Ái, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đó là nơi bà Phan Thị Thuấn đã tự tử theo chồng là Ngô Cảnh Hoàn, một tướng nhà Trịnh bị Tây Sơn tiêu diệt.

5. *Sông Tiền Đường:* ở tỉnh Triết Giang (Trung Quốc), nơi người đẹp Tây Thi (đời Xuân Thu ở Trung Quốc) bị dìm chết.

6. *Ô Giang:* nơi Hạng Vũ (thời Hán Sở tranh hùng ở Trung Quốc) vì thua Lưu Bang đã tự sát. Vợ là Ngu mỹ nhân cũng tự sát theo và hóa thành loài cỏ.

Sự chán đời xin nhủ lại tri âm.
Nên chăng nghĩ lại kẻo nhầm.

Trong truyện *Thề non nước,*
in trong *Tản Đà tùng văn,* Tản Đà thư điếm,
Hà Nội, 1922.

*

ĐÊM THU
(Trăng gió không gió trăng)

Đêm thu trăng có một trời,
Một mình ngồi tưởng sự đời nghĩ quanh.
Nghĩ cho muôn vạn hóa sinh,
Ở trong vũ trụ cái hình ra chi.

Trăng kia tròn được mấy khi,
Hoa kia nở được mấy thì hõi hoa?

Gái tơ quá lứa đã già,
Con tằm rút ruột thời là dộng non.

Khúc sông bồi lấp nên cồn,
Dâu xanh bãi bể, đá mòn nước khe.

Đồng không con đóm lập lòe,
Khách trần lối ấy đi về những ai?

Hình kia đúc tự thợ trời,
Tình kia họa mới ra ngoài khuôn xanh [1].

1. *Khuôn xanh:* khuôn trời, chỉ tạo hóa. Ý nói vạn vật đều do cái *khuôn* của trời tạo ra, cho nên phải chịu sự chi phối của tạo hóa.

Vọng Phu còn đá còn trinh [1],
Tiền Đường còn sóng, trung trinh hãy còn [2].
Dầu cho sông cạn đá mòn,
Trung hồ khôn tắt, trinh hồn khôn tan [3].

Cho hay những khách trần hoàn [4],
Nghìn thu ở lại thế gian mấy mà.

Tưởng người lại nghĩ vào ta,
Trăm năm rồi nữa biết là làm sao.

Bây giờ hoa nở trăng cao,
Trăng tàn hoa tạ lúc nào biết đâu.

Một mình tính trước lo sau
Đầu cành động tiếng gió thu bật cười.

Tình kia ai có như ai,
Khuôn xanh ai dễ ra ngoài được chăng?

Đêm thanh đưa ý chị Hằng.
Cung mây, quạt gió, đèn trăng đợi người.

Người còn ham nghĩ sự đời,
Dám xin gửi gió mấy nhời tạ trăng.

Tản Đà tùng văn, Tản Đà thư điếm,
Hà Nội, 1922.

---

1. Câu này nhắc lại một chuyện dân gian: Có một chàng phải đi lính thú. Vợ ở nhà mong mãi, cô ẵm con lên núi, nhìn về phía biên giới, ngóng chồng. Nhưng chồng vẫn chưa về. Sau cô biến thành đá. Người đời gọi là đá "Vọng Phu", ngụ ý đó là sự kết tinh của lòng trinh tiết.

2. Câu này nhắc lại tích Ngũ Tử Tư. Ngũ Tử Tư người nước Sở được vua Ngô Phù Sai trọng dụng. Khi nước Ngô đánh thắng nước Việt, vua nước Việt xin hòa. Tử Tư can không nên hòa nhưng Phù Sai không nghe, sau lại còn bắt Tử Tư tự sát, rồi cho ném thây xuống sông Tiền Đường.

3. Hai câu này chiếu lên hai câu trên, nhắc lại việc Ngũ Tử Tư vì lòng trung mà bị ném xuống sông và người vợ lính vì lòng trinh mà hóa đá.

4. *Trần hoàn:* cõi đời bụi bậm,

NÓI CHUYỆN VỚI BÓNG

Phòng văn nửa khép cánh thu,
Đèn văn một ngọn trông lù dù xanh.
Đứng lên ngồi uống một mình,
Khối tình ai nặn? Lửa tình ai khêu?
Mập mờ khi thấp khi cao,
Trông ra chẳng biết ông nào lại chơi.
Nhận lâu sau mới bật cười,
Té ra "anh bóng" chớ ai đâu mà!
Bóng ơi, mời bóng vào nhà!
Ngọn đèn khêu tỏ đôi ta cùng ngồi.
Ngồi đây ta nói sự đời,
Ta ngồi ta nói, bóng ngồi bóng nghe:
"Cõi đời từ cất tiếng oe,
Đã bên ngọn lửa lập lòe có nhau.
Tương tri thuở ấy về sau,
Đôi ta một bước cùng nhau chẳng rời,
Ta ngồi thời bóng cũng ngồi,
Ta đi ta đứng, bóng thời cũng theo.
Có khi lên núi qua đèo,
Mình ta với bóng leo trèo cùng nhau.
Có khi quãng vắng đêm thâu,
Mình ta với bóng âu sầu nỗi riêng.
Có khi rượu nặng hơi men,
Mình ta với bóng ngả nghiêng canh tàn.
Có khi chè đượm mùi lan,
Mình ta với bóng bàn hoàn thú xuân.
Có khi bút thảo câu thần,
Mình ta với bóng xoay vần nệm hoa.
Đòi khi sấm chớp phong ba,
Cuộc đời nguy biến có ta có mình.
Hằng khi gió mát trăng thanh,
Bầu trời thanh thú riêng mình với ta.
Trăm năm cho đến cõi già,
Còn ta, còn bóng, còn là có nhau.

Trần ai mặc những ai đâu,
Ai thương tử biệt, ai sầu sinh ly.
Còn lạ, bóng nỡ nào đi?
Ta đi, bóng có ở chi cõi trần?
Tin nhau đã vẹn muôn phần
Cũng xin giãi hết xa gần cùng nhau!"
Bóng nghe bóng cũng gật đầu.

Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán, Hà Nội, 1925.
in lại trong *Khối tình con,*
quyển III, Nhà in Châu Tịnh,
Vinh, 1932.

*

HỎI GIÓ

Cát đâu ai bốc tung trời?
Sóng sông ai vỗ? Cây đồi ai rung?
Phải rằng dì gió hay không?
Phong tình đem thói lạ lùng trêu ai?

Khoái tai phong dã! [1]
Giống vô tình gỗ đá cũng mê tơi.
Gặp gió đây, hỏi một đôi nhời,
Ta hỏi gió: quen ai mà phảng phất?
Thử thị Đà giang phi Xích Bích, [2]
Dã vô Gia Cát dữ Chu lang [3].
Ai cầu phong, mà gió tự đâu sang?

---

1. Sướng biết bao, cơn gió thổi!

2. Đây là sông Đà (ở Việt Nam) chứ không phải khúc sông Xích Bích (Trung Quốc) là nơi đã diễn ra trận thủy chiến: Chu Du, Lưu Bị phá quân của Tào Tháo.

3. Cũng chẳng có ông Gia Cát (Lượng) và ông Chu Du nào ở đây.

Tác giả thấy gió thổi trên sông Đà thì liên tưởng đến gió thổi trên sông Trường Giang ở Xích Bích đã khiến cho Chu Du, tướng nhà Ngô thời Tam Quốc, dùng gió làm lợi khí đánh hỏa công, phá tan quân của Tào Tháo tại đó.

Hay mải khách văn chương tìm kết bạn?
Gió hỡi gió, phong trần ta đã chán!
Cánh chim bằng, chín vạn những chờ mong [1].
Nên chăng? Gió cũng chiều lòng!

Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1925.

THU KHUÊ HÀNH

Gió thu lạnh lẽo mây trời quang,
Sân thu đêm khuya rơi lá vàng.
Trăng tà chìm lặn, nhạn kêu sương,
Gối chiếc chăn đơn thiếp nhớ chàng.

Chàng đi xa cách nhớ quê hương.
Quê hương, đất khách người một phương.
Mong chàng chẳng thấy, lòng ngùi thương!
Buồng không, canh vắng, bóng in tường.

Chỉ chỉ, tơ tơ, rối vấn vương,
Nước mắt đầm đìa trôi quanh giường.
Tháng cũ đã qua, tháng mới sang,
Tháng sau tuần nữa lại tư lường [2].

Ngày tháng đi chóng, năm canh trường!
Lác đác sao tàn lấp lánh gương.
Trên giời Chức Nữ cùng Ngưu Lang
Một giải sông Ngân lệ mấy hàng!

Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1925.

---

1. Trong sách *Trang Tử* có nơi con chim bằng rất to phải chờ gió nổi lên từ mặt đất đến chín vạn dặm thì nó mới bay lên cao được.

2. *Tư lường*: nghĩ ngợi.

XẨM CHỢ [1]

I

Chúng anh xưa chẳng biết ở nơi nào,
Ông trời xô đẩy, anh phải sinh vào cái chốn nhân gian.
Thẹn vì tình mà ngơ mắt với giang san,
Công danh chẳng có cũng xẩm xoan cho nó hào [2].
Bấy lâu nay, anh nghe tiếng má đào,
Mà thề có thấy cô nào thì anh cũng đui!
Nói đây cho chúng chị em cười,
Anh đây nào phải cái con người thong manh [3].
Yêu nhau ta chẳng liếc cũng tình.

II

Sự phong lưu xưa kia anh trải mọi mùi,
Bây giờ nhà xiêu, vách nát, vợ đói, con rét, dễ anh ngồi sao yên?
Chết trong lưng không sẵn đồng tiền,
Đôi ba câu hão kiếm ăn miền xẩm xoan!
Kể từ ngày mà trống hát chốn nhân gian,
Mắt xanh chẳng để khách hồng nhan có một ai vào.
Cái cách ăn chơi anh nghĩ thế lại hào,
Gầm trời một chiếu chẳng lúc nào anh không xuân.
Ở đời nhắm mắt đưa chân.

---

1. *Xẩm chợ* là một điệu hát do những người xẩm hát ở các chợ, hay ở những nơi đông đúc có nhiều người qua lại như bến đò, bến xe, ngã tư...

Đám xẩm chợ thường gồm một người đàn ông (hỏng mắt) vừa hát vừa gẩy đàn bầu hay kéo nhị; một người đàn bà hay trẻ em (mắt sáng) gõ trống mảnh và đánh cái cập kè (hai mảnh gỗ để trong lòng bàn tay ập vào nhau).

Điệu hát xẩm chợ khác với điệu xẩm nhà trò. *Xẩm nhà trò* do đào nương ca, tay gõ phách, có người kép đánh đàn đáy họa theo và "quan viên" nghe hát, đánh trống chầu để thưởng thức.

2. *Hào*: tiếng cổ, nay ít dùng, có nghĩa là rộng rãi, được tự do, không bị lệ thuộc vào ai.

3. *Thong manh*: do hai chữ thanh manh, chỉ một bệnh của mắt, có con ngươi mà không trông thấy gì.

III

Ngoảnh trông lên, anh đếch thấy có ra gì!
Ai rằng trăng sáng, anh vẫn chỉ thấy xì xì cái bóng
đen đen.

Hội chùa Thầy [1] *còn đang lúc đua chen,*
Mau chân lên thời tới, hễ ươn hèn thời sa.
Anh tiếc cho đôi con ngươi bên chột lại bên lòa,
Trèo non xuống dốc dễ ai mà giúp nhau.
Cái phận ông trời cho, khi tưởng đến mà đau!
Giờ chưa mở mắt, biết mai sau ra thế nào?
Bây giờ đất thấp trời cao!

Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1925.

CẢM THU TIỄN THU

(Tháng Chín, năm Canh Thân - 1920)

Từ vào thu đến nay,
Gió thu hiu hắt,
Sương thu lạnh,
Trăng thu bạch,
Khói thu xây thành.

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,
Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly.
Nhạn về, én lại bay đi,
Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm.
Lá sen tàn tạ trong đầm,
Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa.
Sắc đâu nhuộm ố quan hà, [2]

1. *Chùa Thầy*: ở núi Sài Sơn, thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây cũ. Vào những ngày hội chùa (tháng ba âm lịch), nhiều đám xẩm đến đây hát, ngồi ở dọc đường vào chùa. Ai đến sớm thì ngồi chỗ tốt, cho nên họ chen nhau chiếm chỗ.

2. *Quan hà:* cửa quan và sông, chỉ giang sơn đất nước.

Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà dương.
Nào người cố lý tha hương [1],
Cảm thu, ai có tư lương, hỡi ai?
Nào những ai,
Bảy thước thân nam tử,
Bốn bể chỉ tang bồng,
Đường mây chưa bổng cánh hồng,
Tiêu ma tuế nguyệt [2], *ngại ngùng tu mi.*
Nào những ai,
Sinh trưởng nơi khuê các,
Khuya sớm phận nữ nhi,
Song the ngày tháng thoi đi,
Vương tơ ngẩm nhện, nhớ thì thương hoa.
Nào những ai,
Tha phương khách thổ [3],
Hải giác thiên nha [4],
Ruột tầm héo, tóc sương pha,
Gốc phần [5] *chạnh tưởng quê nhà đòi cơn.*
Nào những ai,
Cù lao [6] *báo đức,*
Sinh dưỡng đền ơn,
Kinh sương nghĩ nỗi mền đơn [7],
Giàu sang bất nghĩa mà hơn nghèo hèn.
Nào những ai,
Tóc xanh mây cuốn,
Má đỏ huê ghen,
Làng chơi duyên đã hết duyên,
Khúc sông giăng rãi con thuyền chơi vơi.

---

1. *Người cố lý tha hương:* người ở làng cũ nay đi ở nơi khác.
2. *Tiêu ma tuế nguyệt:* tháng ngày mòn mỏi.
3. *Khách thổ:* đất khách.
4. *Hải giác thiên nha (nhai):* góc bể chân trời, chỉ nơi xa xôi.
5. *Gốc phần:* tức gốc cây phần. Cây phần và cây du là hai loại cây hay trồng ở thôn quê. Cho nên, người ta thường dùng hình tượng cây phần, cây du để chỉ nơi quê hương.
6. *Cù lao:* siêng năng nhó nhọc. Ý nói công cha mẹ nuôi con khó nhọc. *Cù lao báo đức*: báo công ơn cha mẹ nuôi con.
7. *Cả câu:* thấy sương lạnh thì nghĩ đến việc cha mẹ có đủ chăn ấm hay không.

Nào những ai,
Dọc ngang trời rộng,
Vùng vẫy bể khơi,
Đội trời đạp đất ở đời,
Sơ cơ thất thế quê người chiếc thân.
Nào những ai,
Kê vàng tỉnh mộng [1]*,*
Tóc bạc thương thần, [2]
Vèo trông lá rụng đầy sân,
Công danh phù thế có ngần ấy thôi.
Thôi nghỉ cho,
Thu tự trời,
Cảm tự người,
Người đời ai cảm ta không biết,
Ta cảm thay ai, viết mấy nhời.
Thôi thời,
Cùng thu tạm biệt,
Thu hãy tạm lui,

Chi kể khách đa tình đa cảm.
Một mình thay cảm những ai ai.

Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1925.
In lại trong *Khối tình con,* quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

---

1. *Truyện cổ Trung Quốc:* Lư Sinh đời Đường (Trung Quốc) gặp một đạo sĩ. Ông này đưa cho Lư chiếc gối, bảo: "Gối lên mà ngủ". Lư ngủ mơ thấy mình lấy vợ đẹp, thi đỗ, làm quan to, sống lâu. Lát sau tỉnh giấc. Người chủ nhà nấu chưa kịp chín nồi kê. Ý nói công danh như giấc mộng.

2. *Thương thần:* tinh thần sút kém.

PHONG DAO

Bờ Hồ những gió cùng giăng,
Những giăng cùng gió lăng nhăng sự đời.
Ai lên ta hỏi ông giời,
Bày chi giăng gió cho người gió giăng!

*

Đêm qua mất cắp như chơi,
Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng.
Ông Tơ nghĩ chẳng thẹn thùng,
Còn đương chắp mối tơ hồng xe ai.

*

Hỡi cô yếm trắng kia là,
Chồng cô, cô bỏ ở nhà, đi chơi.
Thế gian chẳng có ai cười,
Trên trăng có chú Cuội ngồi nhe răng.

Khối tình con, quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

*

Trách ai đánh đá nung vôi,
Trách ai ngả gỗ trên đồi đốt than.
Làm cho vôi bạc, than đen,
Cho lòng đen bạc thế gian lắm người.

Thơ Tản Đà, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1925.

*

RAU SẮNG CHÙA HƯƠNG

Tiểu dẫn:

Trong cuộc đời của thi sĩ Tản Đà, có nhiều giai thoại, nhưng có lẽ giai thoại lý thú nhất là câu chuyện *Rau sắng chùa Hương*.

Nguyên trước hội Chùa Hương năm 1923, Tản Đà có bài thơ *Rau sắng chùa Hương* in trên *Truyện thế gian I* (1923). Tới hội năm đó, ông nhận được một bưu kiện gửi từ Phủ Lý trong có một bó rau sắng và một phong bì trong có bài thơ họa lại bài *Rau sắng chùa Hương*, dưới ký tên là Đỗ Tang Nữ.

Dưới đây in nguyên tác của Tản Đà, bài họa của họ Đỗ và bài cảm tạ của Tản Đà:

RAU SẮNG CHÙA HƯƠNG

Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đò ngại tốn, con đường ngại xa.
Người đi, ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khú, cái cà thời thâm.

Truyện thế gian I, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1923.
In lại trong *Khối tình con*, quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

*

KÍNH DÂNG RAU SẮNG CHÙA HƯƠNG

Lời dẫn của Tản Đà: Khoảng tháng ba năm nay [1], tôi có tiếp được một gói gửi nhà giây thép cho, ngoài bọc giấy, trong là rau sắng.

Không thấy có đề tên người gửi, xem dấu nhà giây thép chỉ biết là từ Phủ Lý gửi lên. Lại cái phong thư cùng tiếp nhận mở xem, chỉ thấy ở mảnh giấy có mấy câu lục bát, tức là lời gửi rau sắng; trên không đề là ở đâu gửi đến, đi vào ngày hôm nào, dưới ký tên như một người đàn bà con gái.

1. Tức năm 1923.

Lạ thay! Không biết ai! Nhưng hẳn là "Một người tình nhân không quen biết" đây. Nay đã không biết trả lời về đâu mà cảm ơn, vậy nhân "Truyện thế gian", kính xin nói mấy lời cảm tạ dưới bức ngọc thư của ai và xin lục y nguyên văn:

NGUYỄN TIÊN SINH NHÃ GIÁM

Kính dâng rau sắng chùa Hương,
Đỡ ai tiền tốn, con đường đỡ xa.
Không đi thời gửi lại nhà,
Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.

Đỗ Tang Nữ bái tặng

MẤY LỜI CẢM TẠ TRI ÂM

Mấy lời cảm tạ tri âm,
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình.
Đường xa, rau vẫn còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào.
Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dẫu rằng suông nhạt càng nhiều chứa chan.
Nước non khuất nẻo ngư nhàn [1]*,*
Tạ lòng xin mượn "Thế gian" đưa tình.

Nguyễn Khắc Hiếu bái phục

Truyện thế gian II, Nghiêm Hàm ấn quán,
Hà Nội, 1923.
In lại trong *Khối tình con*, quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

*

1. *Ngư nhàn:* cá và chim nhạn. Ý nói sự cách biệt.

ẾCH MÀ

Khoảng thu đông, sương xuống, gió lạnh, nước ao cạn, ếch chui vào mà. Rô, riếc, trê, chuối, cua, ốc, tôm, tép, đều có ý chê là vô tình. Ếch ngồi mà tự nghĩ rằng: Như mình hai bàn tay không làm được việc gì, từ khi ra với đời, chỉ ăn cho no lòi tù và, rồi phi nhảy hão vô ích, thời đại ngồi dương mắt ra đấy thôi. Thôi thời đành ngồi mà chịu tiếng vô tình, còn hơn nhảy lắm mà vô ích. Nghĩ vậy, ếch ngồi ngâm một bài để mà gửi đi rằng:

Phượng kêu trái núi bên tê,
Hồng bay bốn bể, Nhạn về nơi nao?
Cánh Bằng đập ngọn phù dao[1],
Đầm xa tiếng Hạc lên cao vọng trời.
Ao thu lạnh lẽo sự đời,
Cành sương ngọn gió bời bời lá tre.
Lắng tai, Ếch những ngồi nghe,
Tiếc xuân, Cuốc đã gọi hè, ai thương?
Chàng Ve khóc đói ăn sương,
Cô Oanh học nói như nhường công tai!
Nỏ mồm chú Khướu hót ai?
Vì ai, bác Cú đêm dài cầm canh?
Canh khuya cậu Vạc mò ăn,

To mồm xơi cắp là anh Quạ đùng.
Diều Hâu rít lưỡi giữa đồng,
Tắc Kè nghiến lợi, Thạch Sùng chép môi.
Gáy đâu! Gà mái nhà ai?
Mèo gào, Chó hú, trên trời Lợn kêu[2].
Ếch nghe cũng đã đủ điều,
Ếch trông cũng đã đủ nhiều trò vui.
Thôi thời Ếch cũng xin lui,
Ẹp mình, rón bước, Ếch chui vào mà.
Ngồi mà ngắm bạn ao ta,
Bèo xưa nước cũ vẫn là có nhau.

---

1. *Phù dao:* cơn gió xoáy tròn bốc từ mặt đất lên tận cao xanh. Cả câu ý nói: chim Bằng bay rất cao.

2. Đây là chim lợn.

Còn bèo, còn nước, còn lâu,
Còn xuân sắp tới, còn thâu chưa tàn. [1]
Còn nhiều ân ái chan chan,
Còn khăng khít nghĩa, còn dan díu tình.
Hang lân thanh vắng một mình,
Mấy nhời ỳ ộp thảo trình tương tri.
Cánh bèo mặt nước đưa đi.

Tản Đà tùng văn, Tản Đà thư điếm,
Hà Nội, 1922.
In lại trong *Khối tình con*, quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

*

SÔNG CÁI, CHIẾC THUYỀN NAN [2]

(Đề *An Nam tạp chí*, số 1, ở Hàng Lọng)

Thả chiếc thuyền nan bé tẻo teo,
Cũng buồm, cũng cột, cũng giây lèo.
Nghìn trùng sóng gió, ba khoang nứa,
Bốn mặt non sông, một mái chèo.
Những hẹn nước mây thu mấy độ,
Thử xem trời biển rộng bao nhiêu?
Con đường vô hạn vui chăng tá?
Mà hỡi, giòng sông tiếng nước reo!

An Nam tạp chí, Hà Nội, số 1,
Tháng 7–1926.
In lại trong *Khối tình con*, quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

---

1. *Thâu:* mùa thu

2. *An Nam tạp chí* mới ra đời, sự nghiệp còn mỏng manh, nên ví như chiếc thuyền nan.

CHIẾC TÀU AN NAM [1]

(*An Nam tạp chí*, hồi ở Nam Định)

Bốn bể năm châu náo cuộc đời.
Con tàu bản quốc, chị em ơi!
Tấm thân dầm nước đà nên sắt,
Tiếng hiệu vang sông mới hét còi.
Vồn vã gió mưa cơn giục khách,
Mênh mông trời bể bước ra khơi.
Hỏi thăm Âu, Mỹ bờ đâu bến?
Mở máy, quay guồng quá độ chơi.

An Nam tạp chí, số 14
Nam Định, năm 1930.

*

CHIM HỌA MI TRONG LỒNG

Tiểu dẫn: Theo nhiều người đương thời, Tản Đà làm bài này có ngụ ý thóa mạ Hoàng Cao Khải, một Việt gian cỡ lớn, quê ở Hà Tĩnh, ra Bắc làm quan, được thưởng tước Quận công, khi về hưu mở ấp Thái Hà, một khu biệt cư lộng lẫy.

Bài này sau khi in ra, được nhiều người thích thú và truyền đi rất nhanh, và cũng do đó bị quần chúng tự ý thay đổi nhiều chữ, thậm chí, có người gán lầm cho một tác giả khác.

Họa mi ai vẽ nên mi [2]*,*
Trông thì mi đẹp, hót thì mi hay.
Ai đưa mi đến chốn này,
Nước trong gạo trắng, mi ngày ăn chơi.

---

1. Sau một thời gian đình bản, được bạn bè giúp đỡ, *An Nam tạp chí* lại tái bản ở Nam Định. Tản Đà lạc quan, ví báo như chiếc tàu thủy.

2. *Họa mi:* loài chim, hót hay, sắc đẹp. Người ta thường nuôi họa mi để đem đi chọi thi. Ở đây, tác giả dùng một lộng ngữ rất khéo. *Họa*: vẽ; *mi*: tiếng Nghệ Tĩnh có nghĩa là mày (chỉ ngôi thứ hai một cách thân mật hay khinh bỉ)...

Lồng son cửa đỏ, mi ơi,
Mi bay, mi nhảy, sướng đời nhà mi.
Nghĩ cho mi cũng gặp thì,
Rừng xanh mi có nhớ gì nữa không?

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 2, tháng 7–1926.

*

TẾT TỰ THUẬT

Năm xưa Tết nhất đã suông suồng,
Tết nhất năm nay lại quá tuồng!
Tiếng pháo nghe nhờ thiên hạ đốt,
Cờ vàng, dấu đỏ đế vương suông [1].

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 8, năm 1927.

CÂU HÁT ĐƯỜNG TRƯỜNG [2]

(Lời người gánh nặng ở sau bìa *An Nam tạp chí*)

Gánh nặng, em ơi đường trường,
Cái thân anh bây giờ gánh nặng, em ơi đường trường,
Lòng anh như sắt mà cái tấm gan vàng em có thương nhau.
Cái mặt trời tây, em ơi, gay gắt ở trên đầu,
Dưới chân anh bóng xế, anh lại sầu cái nỗi cỏ may.
Anh trông chung quanh, em ơi, thời những đá cùng cây,
Non xanh mà nước biếc, suốt một ngày anh chẳng có gặp ai.

---

1. Trước cửa toà soạn *An Nam tạp chí* ở 58 Hàng Lọng, Hà Nội, Tản Đà cho treo một lá cờ vàng làm cờ riêng của tạp chí. Ngoài ra, trong mọi giao dịch giấy tờ, tạp chí đóng dấu mực đỏ vốn xưa kia chỉ dành cho vua. (Quan lại các cấp dùng dấu mực đen).
2. *Đường trường:* là một điệu hát chèo (*Nguyên chú của Tản Đà*).

Anh nhớ tới em, em ơi, giọt lệ anh vắn dài,
Anh thương em tài sắc mà cái thân đời em chẳng có ra chi!
Bởi vì em mà anh phải ra đi,
Trèo non rồi lặn suối, anh chẳng có quản gì cái tấm thân.
Anh nghĩ cho đường xa, em ơi, đi mãi cũng nên gần,
Có công mài sắt thời có lần nó cũng nên kim.
Có thương nhau thời em quảy gánh, em đi tìm.

Đông Pháp thời báo, Sài Gòn,
Số 641, 1927.

*

NHỚ ÔNG TRẦN QUỲ

Tiểu dẫn của Tản Đà: Ông Trần Quỳ cùng gặp tôi trong rạp hát Thắng Ý ở Hàng Quạt (khi đó ông làm việc Sở Lục lộ – Hà Nội), tôi coi việc diễn kịch mà ông trông việc bầy cảnh rất là tương đắc. Sự diễn kịch khi ấy, làm đến trò Tây Thi diễn lần thứ hai có cảnh "Cô Tô tàn phá" là đắc ý hơn hết. Sau đó rồi tôi về quê nhà ở Sơn Tây, mà ông đổi đi Nam Kỳ. Bài thơ nhớ ông đây, tức là trong lúc ở quê nhà Sơn Tây viết ra vậy.

Cô Tô tàn phá lạc Tây Thi,
Tôi trở về quê, bác đổi đi.
Một chén quan hà sân Thắng Ý,
Cách năm mây nước đất Nam Kỳ.
Nghĩ đời lắm lúc chân như giả,
Mà cảnh trong tuồng hợp cũng ly.
(Câu 7 khuyết)
Trăm năm ta nhớ bác Trần Quỳ [1].

Khối tình con, quyển III,
Nhà in Châu Tịnh, Vinh, 1932.

---

1. Bài thơ trên, như Tản Đà viết ở phần *Tiểu dẫn*, ra đời sau khi diễn kịch Tây Thi ở Hà Nội và làm ở Sơn Tây. Như vậy, thời điểm sáng tác là khoảng các năm 1919–1920, vì *Khối tình con II* (năm 1918) chưa có in, và *trong Khối tình con III* (1932), Tản Đà cho biết là bài này sáng tác "trước Hữu thanh" (1921). Thực ra bài này có lần đã được in trên *Đông Pháp thời báo* số 641 (29–10–1927) (ở trang sau):

*

THƯ GỬI CHO BẠN

Cô Tô tàn phá lạc Tây Thi,
Tôi trở về quê bác đổi đi.
Một chén quan hà sân Thắng Ý,
Cách năm mây nước đất Nam Kỳ.
Nghĩ đời như mộng chân hay giả,
Những lúc chơi tuồng hợp cũng ly.
Hoặc có thơ này thiên vạn cổ,
Trăm năm ta nhớ bác Trần Quỳ.

QUA CẦU HÀM RỒNG HỨNG BÚT

Hôm xưa chơi ở Dương Quỳ,
Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh.
Hàm Rồng nay lại qua Thanh,
Dưới cầu nước biếc in hình thi nhân.
Người đâu sương tuyết phong trần,
Non xanh nước biếc bao lần vãng lai.
Dư đồ còn đó chưa phai,
Còn non còn nước còn người nước non.
Ruột tằm dù héo chưa mòn,
Tơ lòng một mối xin còn vấn vương.
Nước non muôn dặm đường trường,
Hỡi ai rau sắng chùa Hương biết cùng !
Trăm năm nặng gánh tang bồng,
Lửa than càng đốt cho lòng càng son.
Cảnh còn biếc nước xanh non,
Đầu ai trắng tóc duyên còn thắm tơ.
Để ai thương nhớ đợi chờ,
Mà ai đi mãi! Bao giờ đến nơi?

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 33, năm 1932.

NHỚ CẢNH CẦU HÀM RỒNG

Ai xui ta nhớ Hàm Rồng,
Muốn trông chẳng thấy cho lòng khuôn khuây.
Từ ta trở lại Sơn Tây,
Con đường Nam, Bắc ít ngày vãng lai.
Sơn cầu còn đó chưa phai?
Non xanh còn đối, sông dài còn sâu?
Còn thuyền đánh cá buông câu?
Còn xe lửa chạy trên cầu như xưa?
Lấy ai viếng cảnh bây giờ,
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau!
Ước sao sông cứ còn sâu,
Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh.
Khung cầu còn cứ như tranh,
Hỏa xa cứ chạy, bộ hành cứ đi.
Xuân sang cỏ cứ xanh rì,
Thuyền ai chài lưới con chì cứ tung.
Sơn Tinh, Hà Bá hay cùng,
Giữ nguyên phong cảnh Hàm Rồng đợi ta!
Có ngày xe lửa đi qua,
Trong xe lại có Tản Đà đứng trông.
Lại vui cùng núi cùng sông,
Người xưa cảnh cũ tương phùng còn lâu.
Nhắn non, nhắn nước, nhắn cầu [1].

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

1. Theo Nguyễn Khắc Xương, trưởng nam của Tản Đà, thì bài này ra đời khoảng 1933–1934.

NGÀY XUÂN TƯƠNG TƯ

Trách cái tằm xuân nhả mối tơ,
Làm cho bối rối mối tương tư.
Sương mù mặt đất, người theo mộng,
Nhạn lảng chân trời kẻ đợi thư.
Nghìn dặm dám quên tình lúc ấy,
Trăm năm còn nhớ chuyện ngày xưa.
Tương tư một mối hai người biết,
Ai đọc thơ này đã biết chưa?

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 30, năm 1932.

*

NGÀY XUÂN TƯƠNG TƯ
(Tự họa bài ra)

Trách quẩn con tằm với sợi tơ,
Nhớ ai? Mà lắm nỗi sầu tư!
Muốn đi tửu quán chừng không bạn!
Ngó lại văn đàn cóc có thơ!
Tóc bạc đã nên ông cụ thế,
Đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa!
Thuyền nan sông cái con tàu bể,
Bờ bến nào đâu đã đến chưa?

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 31, năm 1932.

LẠI TƯƠNG TƯ

Thơ đề ba bức mực chưa phai,
Nay lại tương tư, lại nhớ ai!
Cái giống đa tình ta có một,
Mà người tri kỷ đấy không hai.
Đêm xuân những não tơ tằm rối,
Ngày hạ thêm thương tiếng cuốc dài,
Vắn vủn đời người thương, não, nhớ!
Đầu ai sao trách ruộm hoa mai!

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 40 – năm 1932.

*

ĐÊM TỐI

Ù ù gió thổi bắc, tây, đông?
Đêm tối trông ra tối lạ lùng.
Tạo vật không tay mà hóa có,
Phàm trần có mắt cũng như không.
Mơ màng đâu đó bao dân chúng,
Tô điểm nào ai với núi sông!
Đánh đuốc đố ai tìm khắp nước,
Kiếm đâu cho thấy mặt anh hùng?

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

THƠ RƯỢU

Đời người như giấc chiêm bao,
Nghìn năm đã mấy ai nào trăm năm.
Một đoàn lao lực, lao tâm,
Quý chi chữ "Thọ" mà lăm sống nhiều[1].
Có tiền chưa dễ mà tiêu,
Ham danh lắm kẻ như diều đứt dây.
Thương ai cho bận lòng đây,
Cho vơi hũ rượu, cho đầy túi thơ.
Cảnh đời gió gió, mưa mưa,
Buồn trông, ta phải say sưa đỡ buồn.
Rượu say, thơ lại khơi nguồn,
Nên thơ, rượu cũng thêm ngon giọng tình.
Rượu thơ mình lại với mình,
Khi say quên cả cái hình phù du[2].
Trăm năm thơ túi rượu vò,
Nghìn năm thi sĩ, tửu đồ là ai?[3]

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

XUÂN CẢNH

Xuân kia sáu bẩy mươi lần,
Của trời tham được độ ngần ấy thôi.
Chơi hoang mất nửa đi rồi,
Ngẩn ngơ ngồi nghĩ thân đời mà lo,
Trông gương luống đã thẹn thò,
Một mai tóc bạc vai gù mới dơ.

---

1. *Lăm* : mong muốn.
2. *Phù du*: một loại côn trùng, gọi là con vờ, sống ở bờ sông, đầm lầy, hồ ao, sớm nở tối chết. Người ta thường ví cuộc đời ngắn ngủi với cuộc đời của phù du.
3. *Tửu đồ*: Người hay rượu.

Thương thay! Xuân chẳng đợi chờ,
Tiếc thay! Xưa những hững hờ với xuân.
Trăm nghìn gửi lại Đông quân[1],
Hãy khoan khoan tới, hãy dần dần lui.
Lượng xuân xin chớ hẹp hòi!

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

NGÀY XUÂN THƠ RƯỢU

Trời đất sinh ra rượu với thơ,
Không thơ không rượu, sống như thừa.
Công danh hai chữ mùi men nhạt,
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ.
Mạch nước sông Đà, tim róc rách,
Ngàn mây non Tản, mắt lơ mơ.
Còn thơ còn rượu còn xuân mãi,
Còn mãi xuân còn rượu với thơ.

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

SẦU XUÂN

Chầm chậm ngày xanh bóng nhạt đưa,
Xuân sầu hai độ rối như tơ!
Lao xao nhà vắng, chim tìm tổ,
Ì ộp hồ xa, ếch đợi mưa.

---

1. *Đông quân:* vua ở phương Đông, tức mặt trời. Mặt trời đem lại ánh nắng, sự ấm áp, cho nên Đông quân chỉ vị Thần mùa xuân chủ trì cuộc sống. Ở đây, tác giả dùng Đông quân trong nghĩa Thần mùa xuân.

Rượu hứng thèm vui, không sẵn bạn,
Hoa tàn giục nghĩ, chẳng nên thơ.
Lạnh lùng bốn bể âm thư vắng [1],
Muốn trách tri âm luống hững hờ.

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

NĂM HẾT HỮU CẢM

Đời người lo mãi biết bao thôi?
Mái tóc xanh xanh trắng hết rồi!
Sự nghiệp ngàn thu xa vút mắt,
Tài tình một gánh nặng bên vai.
Hợp, tan, tri kỷ người trong mộng,
Rộng, hẹp, dung thân đất với trời.
Sương phủ cành mai năm giục hết,
Ngày xuân con én lại đưa thoi.

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

KHUYÊN NGƯỜI GIÚP DÂN LỤT

Này những ai, này những ai,
Ai có nghe rằng việc thủy tai:
Tỉnh Bắc, tỉnh Đông, cùng tỉnh Thái [2],
Ruộng ngập, nhà chìm, thây chết trôi.

---

1. *Âm thư*: thư trả lời.

2. Tức nạn lụt năm 1925, làm ngập nhiều tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, trong đó nặng nhất là tỉnh Bắc (Bắc Ninh), tỉnh Đông (Hải Dương) và tỉnh Thái (Thái Bình). Trước thiên tai ghê gớm đó, Tản Đà làm bài này để cổ động mọi người lấy tình "đồng bào" mà cứu giúp lẫn nhau.

Thây chết trôi, thôi thời thôi,
Ai người tìm vớt lúc thiên tai!
Những mạng chết ai đành đã thế,
Người còn sống sót, nghĩ thương ôi!

Nghĩ thương ôi! Ai những người,
Trời làm tai vạ biết kêu ai.
Đói thời chịu đói, rét chịu rét,
Đầy vơi mặt nước, lệ đầy vơi.

Lệ đầy vơi, tình chia phôi,
Bồng bế con thơ bán khắp nơi:
Năm hào một đứa trẻ lên sáu,
Cha còn sống đó, con bồ côi.

Con bồ côi, tình thương ôi!
Trời làm tai vạ phải chia phôi.
Sinh con ai nỡ đang lòng bán,
Thương con nào biết lấy gì nuôi.

Lấy gì nuôi lúc thiên tai,
Chẳng có ngô mà chẳng có khoai.
Miếng ăn chẳng có, con nhìn bố,
Nông nỗi như kia, đáng ngậm ngùi!

Đáng ngậm ngùi, ai hỡi ai!
Thương người khổ hại lúc thiên tai.
Hai chữ "đồng bào" ân nghĩa nặng,
Đùm nhau lành rách, hỡi ai ơi!

Hỡi ai ơi! Là những người,
Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi.
Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
Cứu kẻ bần dân lúc thủy tai.

Lúc thủy tai, này ai ơi!
Quý tiếc yêu thương lấy giống nòi.
Con cháu Rồng, Tiên khi đã bĩ,
Đừng nên rẻ rúng bỏ nhau hoài!

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

GẶP XUÂN

Gặp xuân, ta giữ xuân chơi,
Câu thơ chén rượu là nơi đi về,
Hết xuân, cạn chén, xuân về,
Nghìn thu nét mực thơ đề vẫn xuân!

Xuân ơi, xuân hỡi!
Vắng xuân lâu, ta vẫn đợi, chờ, mong,
Trải bao nhiêu ngày, tháng, hạ, thu, đông.
Ròng rã nỗi nhớ nhung, xuân có biết?
Khứ tuế xuân quy, sầu cửu biệt [1],
Kim niên xuân đáo, khách tương phùng [2].
Gặp ta nay, xuân chớ lạ lùng,
Tóc có khác, trong lòng ta chẳng khác.
Kể từ thuở biết xuân bốn chín năm về trước,
Vẫn rượu thơ non nước thú làm vui.
Đến xuân nay, ta tuổi đã năm mươi,
Tính trăm tuổi, đời người, ta có nửa.
Còn sau nữa, lại bao nhiêu xuân nữa,

Mặc trời cho, ta chửa hỏi làm chi.
Sẵn rượu đào, xuân uống với ta đi,
Chỗ quen biết, kể gì ai chủ, khách.
Thiên cổ vị văn song Lý Bạch [3],
Nhất niên hà đắc lưỡng Đông quân [4].
Dầu trăm năm gặp gỡ đủ trăm lần,
Thơ với rượu cùng xuân ta cứ thế.
Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế,
Xuân nhớ ta, chưa dễ biết đâu tìm!
Cùng nhau nay hãy uống thêm.

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

---

1. Năm ngoái, xuân ra đi, ta buồn về nỗi phải xa cách xuân lâu quá.
2. Năm nay xuân đến, ta vui mừng lại được gặp xuân.
3. Từ ngàn xưa đến nay, ta chưa từng nghe nói có hai ông Lý Bạch (một nhà thơ đời Đường, Trung Quốc, với tiếng hay thơ hay rượu).
4. Một năm làm sao mà lại có được hai mùa xuân?

*

CHƠI TRẠI HÀNG HOA [1]

Cách phố Hà Nội gần không xa,
Thú đâu hơn thú Trại Hàng Hoa?
Có dịp đi chơi buồn giải buồn,
Trưa lên hóng mát ngồi ngâm nga.

Ngồi buồn nhớ lại sự tích cũ,
Đô đóng Thăng Long xưa mấy nhà [2].
Ở đây hoặc có lâu, đài, các,
Hay chỉ ít nhiều cây, cỏ, hoa?

Nhưng hẳn từ ngày có Tây sang,
Mới rào chuồng sắt nuôi bách thú.
Thú lạ, chim đẹp, cây cối rậm,
Đường lối thanh quang, phong cảnh thú.

Trong ba tháng hạ, lắm người chơi,
Lại nhất chiều mát càng đông đủ.
Ông Tây, bà đầm, Nhật Bản, khách,
Phán, ký, làng nho, bồi, bếp, vú [3].

Xe xe, ngựa ngựa, lại người người,
Đứng đứng, đi đi, nói nói, cười.
Bươm bướm cánh bay màu áo phất,
Ngọc lan hương thoảng nước hoa rơi.

Chiều quá, khách chơi về đã vãn,
Gốc cây thơ thẩn một mình ngồi.
Ơ Lý, Trần, Lê đâu mất cả?
Mà thấy hươu nai đủng đỉnh chơi!

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

---

1. *Trại Hàng Hoa*: tức vườn Bách Thú hay Bách Thảo, Hà Nội. Có tên như vậy là vì thành lập trên đất Trại Hàng Hoa thuộc phường Khán Xuân thuở trước.

2. *Mấy nhà*: tức mấy triều đại, cụ thể là nhà Lý (1010–1225), nhà Trần (1225–1400), nhà Lê (1428–1789).

3. *Vú*: những người phụ nữ làm "vú em" trông nom con thiên hạ.

*

ĐÊM ĐÔNG HOÀI CẢM

Trăm năm nghĩ đời người có mấy,
Một đêm đông sao thấy dài thay!
Lạnh lùng gió thổi sương bay,
Chập chờn giấc bướm canh chày lại canh.
Ngó trên án đèn xanh hiu hắt,
Nghe tiếng kim... ký cách giục giờ.
Đêm trường nghĩ vẩn lo vơ,
Cái lo vô tận, bao giờ là xong.
Thân nam tử đứng trong trần thế,
Cuộc trăm năm có dễ ru mà?
Có đời mà đã có ta,
Sao cho thân thế không là cỏ cây.
Đời có kẻ đường mây gặp bước,
Bước công danh sấn bước trèo cao.
Thế gian tỏ mặt anh hào,
Muôn nghìn mắt miệng trông vào ngợi khen.
Cũng có kẻ tài hơn chữ lợi,
Trắng hai tay làm nổi lên giàu.
Chẳng khanh tướng, chẳng công hầu,
Cũng bao vạn kẻ cúi đầu vào ra.
Ấy những hạng vinh hoa phú quý,
Làm tài trai đắc chí hơn người.
Trăm năm nghĩ cũng nên đời,
Trăm năm rồi nữa... biết thời ra sao?
Lại những kẻ chí cao tài thấp,
Bước đường đời lấp vấp quanh co,
Phong lưu, rồi đủ ấm no,
Kém ra, lưu lạc giang hồ cũng thân.
Nghĩ qua thử, khách trần bao kẻ,
Giật mình cho thân thế trăm năm,
Mối đâu bối rối tơ tằm,
Lấy ai là kẻ đồng tâm gỡ cùng.
Bước lận đận thẹn thùng sông núi,

Mớ văn chương tháng lụn năm tàn.
Lụy trần ngày tháng lan man[1],
Nỗi lòng riêng nghĩ muôn vàn càng thêm.
Đèn hiu hắt, tiếng kim ký cách,
Mõ sang canh giục khách đòi cơn,
Mạch sầu canh vắng như tuôn,
Nhớ ai nước nước, non non bạn tình.

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

*

VỀ QUÊ NHÀ CẢM TÁC

Lạnh lẽo hơi thu chiếc lá bay,
Gió đưa người cũ lại về đây.
Ba Vì Tây Lĩnh non thêm trẻ,
Một dải Thu Giang nước vẫn đầy,
Nam Bắc đã nên người lịch duyệt,
Giang hồ đáng chán vị chua cay.
Mười ba năm đó bao dâu bể,
Góp lại canh trường một cuộc say.

Tản Đà vận văn, Hương Sơn xuất bản,
Hà Nội, 1941.

1. *Lụy trần:* cái nợ ở đời.

THẦN TIỀN

(Truyện – Trích)

Tác phẩm này được viết khoảng 1917 – 1919. Nội dung là cuộc đối thoại giữa hai đồng tiền được nhân hóa, qua suốt năm canh của một đêm. Người đời hám tiền vì có tiền muốn gì cũng có, làm gì cũng được. Người ta giẫm lên đạo đức mà chạy theo tiền, nhất là bọn quan lại. Ở thành thị, tiền tác quái nhiều hơn ở nông thôn. Tuy vậy tiền vẫn cần thiết để trao đổi trong sinh hoạt hàng ngày.

Phần trích sau đây là cuộc đối thoại vào canh hai:

...

Nghĩ lắm lúc tức mình quá.

– Bảo đi ngủ, không ngủ, lại còn tấm tức!

– Chị cứ đi ngủ trước đi.

– Mày tấm tức ở bên cạnh tao không ngủ được.

– Chính chị làm tôi không ngủ được.

– Tao làm gì mày?

– Chị làm cho tôi tức, thế là tôi không ngú được.

– Tức về cái nỗi gì? Thôi im đi! Đừng nói lắm mà thế gian người ta nhổ vào mặt đấy!

– Người ta nhổ vào mặt tôi thời khác gì nhổ vào mặt chị!

– Thế mới im đi.

– Thế chị bảo người ta nhổ về cái nhẽ gì?

– Về cái nhẽ ở bạc với người ta chứ về cái nhẽ gì?

– Nào mình đã ở bạc với người ta những gì?

– Mình ở bạc với người ta nhiều lắm, tao không muốn nói, nghĩa là càng nói ra bao nhiêu thời càng giở mãi cái tội ác của mình ra bấy nhiêu.

– Chẳng việc gì mà tội ác, chị cứ nói đi.

– Mày chắc rằng mày không có tội ác gì với ai ở thế gian này, phải không?

– Em không biết thế nào mà chắc, nhưng chị hẵng cứ nói đi.

– Ừ thế tao hẵng nói một cái tội mày làm khổ người cho mày nghe.

– Ừ, thế nào?

– Mày có từng phải theo người dân nào đưa lên hầu quan bao giờ không?

– Có. Cái ấy thời thường lắm. Phần nhiều là theo những các ông kỳ mục hay ông lý ở trong làng.

– Thế sự đi ra làm sao?

– Theo các ông ấy lên hàng cơm ở phố. Các ông ấy ăn cơm xong rồi thời đưa mình vào quan.

– Vào quan thời thế nào?

– Khi đã vào trong cửa quan, trên thời quan nha [1], dưới thời lính tráng dân sự mà các ông ấy để mình nằm trần truồng ra trước thềm công đường. Lúc ấy thẹn phải chết!

– Thế rồi thế nào nữa?

– Rồi thấy một cậu lính, nhắc lên hầu quan, thời xem các ông như có ý thèm mình lắm.

– Thế hầu quan thời thế nào?

– Lúc lên gần bàn giấy, trông thấy ông quan, em sợ quá. Sau rồi quan cho ngồi với quan.

– Ngồi đấy rồi thế nào?

– Ngồi đấy rồi thấy quan cũng có quát mắng luôn, nhưng về các dân sự chứ không phải là quát mắng mình mà thỉnh thoảng thấy quan nhìn đến mình, thời như có ý thương yêu lắm. Ấy một lần thứ nhất như thế cho nên từ lần thứ hai giở đi, lúc ra trước công đường cũng có thẹn, nhưng lên gần bàn giấy trông thấy quan, em không sợ nữa.

– Ừ, thôi sự ấy không nói nữa. Tao lại hỏi mày có từng phải theo người dân nào đưa lên hầu quan mà vào đêm bao giờ không?

---

1. *Quan nha:* quan và nha lại, tức những người dưới quyền của quan.

– Có, cũng thường lắm. Nhưng các bận vào đêm thời phải đi đông với cả các chị em, ít ra thường cũng mười lăm hai mươi kẻ trở lên.

– Thế sự ấy ra làm sao?

– Ấy cũng theo các người dân, ban ngày lên ở phố, rồi đến đêm người ta mới đưa vào hầu quan.

– Lúc vào ấy thời tình cảnh ra làm sao?

– Những lúc vào đêm thời không phải ra trước công đường nữa, thấy người dân đưa mình đi theo một người nhà của quan, dẫn vào mãi đến một chỗ như là buồng riêng của ông quan.

– Vào đến đấy rồi làm sao?

– Thấy cái người dẫn vào lùi đi ra chỗ khác; rồi người dân mới đưa cả các chị em cùng cho ra hầu quan thời những nhời kêu khấn có bề khó chịu quá!

– Thế rồi sau thế nào nữa?

– Rồi sau lúc người dân đã lui ra, còn một mình quan thời quan cho các chị em cùng ở cả vào một chỗ rất kín đáo cùng trong một buồng của quan, thấy các chị em vào trước cùng ở cả đấy đông lắm.

– Cái tình cảnh đi thời đại khái như thế, thế mày có biết cái ý nghĩa những sự đi ấy là thế nào?

– Em nghe rằng những lúc đi vào đêm như thế, một là chị em mình gỡ tội cho người đời mà hai là giúp cho người đời được danh phận.

– Thế còn có ý nghĩa gì nữa không?

– Em không biết.

– Ấy những lúc đi đêm như thế, một là chị em mình gỡ tội cho người đời, hai là giúp nên danh phận cho người đời mà ba là giết người cũng lúc ấy!

– Sao lại có lạ thế?

– Thường lắm! Không lạ một tí nào. Chị em mình giết người thời thật nhiều, nhưng tao hẵng nói cho mày nghe một sự rất nhỏ mọn.

– Ừ, chị nói đi.

– Nay như có một nhà, bố, mẹ chết đi rồi mà hai anh em nó tranh nhau ruộng nương, nhà cửa, đem nhau lên cửa quan, đứa nào cũng cậy chị em mình đi đêm vào hầu quan để giúp nhẽ cho nó. Sau rút lại, đứa thời mất ruộng mất nương, đứa thời mất nhà mất cửa mà sinh ra oán thù nhau suốt đời. Như thế thời chị em mình chẳng làm khổ người ta là sao?

– Cái ấy không phải là lỗi mình.

– Tại sao?

– Nghĩa là chúng nó đem mình đi chứ mình có thích đi làm gì?

– Tao không nói cái sự thích, nhưng mình đi vào đấy thời là mình cũng có lỗi.

– Không, em nói như hai đứa cầm dao để đâm nhau thời là tự anh em chúng nó muốn giết nhau, chứ con dao có tội gì?

– Con dao có tội lắm!

– Thế nào là con dao có tội?

– Con dao, nguyên người ta làm ra để làm một đồ dùng mà bây giờ để chúng nó cầm mà đâm nhau thời con dao cũng có tội.

– Chị nói thế thời oan cho con dao lắm! Chúng nó muốn cầm thời chúng nó cứ cầm, chứ con dao có được để cho chúng nó cầm đâu?

– Con dao vẫn không được để chốc; nhưng có con dao đây thời chúng nó mới cầm mà đâm nhau. Nếu không có con dao thời hoặc anh em nó đánh đấm nhau một lúc rồi nguôi giận đi thời thôi.

– Chị nói thế, nếu không có con dao đấy mà anh em chúng nó muốn giết nhau nó đi tìm dao ra để đâm, thế thời thế nào?

– Con dao cũng có tội.

– Nào như thế thời chị định khép tội cho con dao ra làm sao?

– Nếu không có một con dao nào thời chúng nó muốn tìm đâu cũng không ra; đã có con dao đấy để cho chúng nó tìm lấy mà đâm nhau thời con dao cũng có tội.

– Nếu thật không có một con dao nào mà chúng nó đã cố lòng muốn giết nhau, nó ném nhau bằng đá, đánh nhau bằng gậy cũng đến chết, thế thời chẳng có dao mà chúng nó vẫn giết chết nhau được, có đổ tội gì cho con dao?

– Nếu như thế thời tội ở hòn đá, ở cái gậy. Nhưng nay hiện nó cầm dao mà đâm nhau đến chết thời con dao còn đổ tội cho ai?

– Cũng vẫn oan cho con dao lắm!

– Không oan tý nào cả. Nay tao lại nói chất nghĩa cho mày nghe: Như hai anh em nó tranh nhau là vì nhiều ruộng nương, cửa nhà, nếu không có chị em mình thời chúng nó có tiện mang những ruộng nương cửa nhà ấy lên cửa quan để giúp nhẽ mà hại nhau được không?

– Thời nó lại đem bán đi, chớ sao?

– Bán đi, thế nào?

– Nó đem bán những ruộng nương cửa nhà ấy đi cho người khác để...

– Để... thế nào?

– Nói nó quanh quẩn lắm.

– Quanh quẩn là thế nào? Thôi, có cái rằng chị em mình nói chuyện riêng với nhau như thế thôi, chứ người đời chưa chắc đã ai biết cái tội đó là đâu?

– Thế ngộ có người biết thời người ta có ghét chị em mình không?

– Ngộ có người biết ra thời chắc người ta cũng có ghét, nhưng cũng chỉ ghét phỏng mà thôi.

– Là thế nào?

– Nghĩa là chỉ biết phỏng [1], cho nên ghét phỏng.

– Thế nào là biết phỏng?

– Nghĩa là người ta chỉ đoán phỏng cái tội mình mà biết rằng như thế, chứ có biết thật đâu?

– Thế nào là biết thật?

– Những lúc chị em mình đi đêm như thế, biết thật tội mình thời chỉ có hai người: một là người đưa, hai là người nhận. Người đưa đã nhờ chị em mình đi giúp việc; người nhận, được chị em mình về thời vui mừng lắm. Như thế thời còn thiệt gì mà còn ghét gì?

– Hoặc có người, người ta không biết thật cái lúc chị em mình đi đêm như thế, nhưng người ta biết thật rằng chị em vẫn thường hay đi đêm như thế, thời người ta có ghét không?

1. *Biết phỏng* : biết không do mắt thấy, tai nghe mà do suy luận, phỏng đoán.

– Thế vẫn là biết phỏng, dẫu có ghét cũng vẫn là ghét phỏng.

– Người ta đã biết phỏng như thế mà sao có lúc chị em mình lại về với người ta, thời thế nào?

– Người ta yêu lắm.

– Thế là thế nào?

– Nghĩa là cái tội chị em mình mà đáng ghét, chỉ có những lúc đi đêm làm hại người như thế. Còn lúc khác mà mình về với người ta, hoặc vì sự mua bán, hoặc vì sự công xá thời lúc ấy mình không có tội, người ta cũng yêu lắm, việc gì ghét?

– Ừ, lúc ấy người ta yêu mình cùng cái tội mình vẫn hay đi đêm làm hại người, thời người ta có ghét không?

– Người nghĩ đến thế thời có ít lắm. Như thế thời người ta hoặc cũng ghét nhưng phần yêu vẫn hơn.

– Tại làm sao?

– Nghĩa là cái tội đáng ghét của mình không ở ngay trước mắt mà cái sự đáng yêu lúc nào cũng như thường.

– Thế nếu những người ấy mà người biết thật cái tội mình ngay lúc mình được có tội, thời thế nào?

– Những người ấy không khi nào biết thật được cái lúc mình đương có tội.

– Tại làm sao?

– Nghĩa là người ta đã biết nghĩ như thế thời không khi nào người ta cậy chị em mình lên cửa quan để giúp nhẽ mà hại ai.

– Thế, nếu người ta làm ông quan?

– Nếu những người ấy mà làm quan, trừ một việc lương thuế, chị em mình ít khi được giáp mặt; nữa cho sự vào đêm?!

– Thế mà em vẫn đi đêm vào với quan luôn mãi!

– Bởi mày gặp được nhiều những ông quan yêu mày thế, cho nên mày làm khổ người ta càng nhiều.

– Chị thời quan cũng yêu mà chị cũng vào đêm luôn đấy, chứ gì?

– Ừ, tao thời cũng thế.

– Thế bây giờ chị em mình muốn cho ông quan đừng yêu nữa, thời làm thế nào?

– Chẳng làm thế nào được! Vẫn muốn cho ông ấy đừng yêu, nhưng ông ấy cứ yêu.

– Thế chỉ có một cách xa chỗ cửa quan ra là được.

– Ai cho xa mà xa? Chị em mình với chỗ cửa quan đã như có một cái duyên nghiệp không biết từ bao giờ, cho nên đến bây giờ hơi có một tý công việc gì thời người ta lại đưa mình lên hầu quan.

– Ừ, thế đã không xa được thời cũng phải lên, như giá được đi những việc gỡ tội cho người ta thời hoặc cũng chuộc được cái tội mình làm hại người ít nhiều.

– Ấy chính đi gỡ tội cho người mà thường cũng là làm hại người.

– Chị nói đi gỡ tội cho những kẻ gian ác thời ta làm hại người lương dân, hay sao?

– Nghĩa ấy cũng có, nhưng còn xa. Thường khi đi gỡ tội cho người ấy mà chính mình làm hại người ấy.

– Thế thời lạ lắm nhỉ! Thế là thế nào.

– Như có một người bị cháy nhà, hay một người chết đuối mà quan muốn khép cho nhà nó vào tội, rồi nhà nó phải cậy đến chị em mình lên hầu quan để gỡ tội cho nhà nó. Như thế là mình làm hại nó đấy.

– Là thế nào?

– Nghĩa là quan muốn chị em mình, cho nên mới khép tội cho nhà nó. Chứ nếu không thời cái người bị cháy nhà hay cái nhà có người chết, vị tất nó đã có tội gì. Thế chẳng là vì chị em mình mà ông quan bới móc đến nó ru?

– Dầu có như thế nữa thời mình cũng đã đi gỡ cho nó rồi.

– Ấy chính mình làm hại người ta ở cái chỗ đi gỡ ấy.

– Là thế nào?

– Những người ở nhà quê, mất bao nhiêu bồ hôi, nước mắt, mới có chị em mình về trong nhà, là các việc ăn mặc, giỗ tết, cheo cưới, chay ma cùng các việc sưu thuế góp góp quanh năm, nhất thiết trông nhờ vào mình cả...

– Chị cứ nói đi đã, việc gì mà khóc?

– Thế mà vì tai bay vạ gió, đến nỗi phải lìa chị em mình mà cho lên hầu quan...

– Phải, như thế nghĩ cũng thương cho người ta thật.

– Ấy những người ấy cũng còn khá. Phần nhiều lại những người nghèo khổ hơn nữa thời làm gì có sẵn chị em mình ở trong nhà? Cho nên sẩy sinh có tai vạ thời phải liệu cầm cố, bán chác tìm được chị em mình để đưa lên hầu quan, miễn là gỡ cho khỏi tội cho được yên, còn như sự đói rét của vợ chồng con cái trong một nhà thì lại chưa bụng nào đã tính đến; cho nên vẫn làm ăn khó nhọc suốt quanh năm mà không bao giờ có máu mặt. Ấy thiên hạ lắm người khổ như thế mà xét ra cái căn cớ, chỉ vì chị em mình.

– Như thế thời nghĩ tức lắm nhỉ! Mình thật không có lòng làm hại người mà thành ra mình làm hại người!

– Ấy thế cho nên lắm lúc ngồi mà nghĩ, chị em mình thật nên thương đời là phải, chứ không nên giận đời.

– Những người ấy thời đáng thương thật, nhưng các người kia thật đáng giận. Thật nhiều người nhờ chị em mình mà làm nên danh phận, đến lúc đã nên danh phận rồi mà đem lòng tham tàn làm hại người khác khiến cho chị em mình cũng lại phải có tội vào đấy.

– Mày nói thế thời ra mày chẳng nghĩ gì cả. Cái tội căn của chị em mình, phần nhiều chính ở lúc làm nên danh phận cho người ta ấy. Tao nghe thiên hạ có câu rằng: Sát nhất tử cò cứu thiên vạn nghìn tôm chi tép. Nay mình đã chấp mỏ vào một con cò, đến lúc nó mổ tép, lại còn trách chi! Vả chi những các người đã cầu nhờ chị em mình để làm nên danh phận thời phần thiệt hại cũng đã nhiều, cho nên sau lúc đã làm nên mà tính đường gốc lãi thời chắc có không biết bao nhiêu con tép chết vào đấy.

– Thế như chị em mình mà muốn cho khỏi tội thời làm thế nào!

– Không làm thế nào được. Nghĩa là chị em mình đã sinh ra phận bạc thời gặp sao hay thế, sự hay dở ở tay người ta.

– Bây giờ em muốn được một chỗ rõ tĩnh mịch để đi tu cho chọn đời thời có thể nào được không?

– Cũng không thể nào được. Nghĩa là chị em mình đã sinh ra cái kiếp long đong thời phải lấy thân mà giả nợ cho đời, ai cho đi tu mà đi tu!

– Thế em muốn gặp được một người nào thật tri kỷ mà cùng người ta trăm năm tạc một chữ đồng[1] thời có thể nào được không?

– Mày nói câu ấy thời thật là nghĩ quẩn mà ngu quá.

– Làm sao?

– Nghĩa là chị em mình đã sinh ra cái thân giang hồ thời trong bước giang hồ, ai cũng là tri kỷ, biết cùng ai mà trăm năm?! Vả chi nói đến nghĩa tri kỷ thời tri kỷ với mình nhất là một hạng người buôn bán, những người ấy lại rất là vô tình, có trăm năm với người ta thế nào được? Còn những người mà mình có thể trăm năm được thời lại không phải là tri kỷ.

– Sao thế?

– Nghĩa là lại vào chum.

– Ừ nhỉ.

---

1. *Chữ đồng*: đồng tâm, nhất trí.

THỀ NON NƯỚC
(Truyện)

Có thể coi đây là truyện hay hơn cả của Tản Đà.

Tình cảm và thái độ của người khách thương trong truyện đối với người đào nương có học có thể là tình cảm và cách xử sự cao thượng của bản thân nhà thơ.

Vân Anh là một người có tài có sắc, vì sinh kế mà làm cảnh đào nương. Ở chốn bụi trần, người đẹp vẫn còn giữ được tấm lòng thanh cao. Khách làng chơi cũng phong nhã hào hoa khác người thường. Hai người đối với nhau tỏ ra lịch sự, tình đằm thắm mà kín đáo.

Chuyện trăng hoa lại được lồng vào một bài thơ do hai người đồng tác giả, gợi tình đối với đất nước non sông.

Truyện có ba chương với nhan đề:

Thanh lương.

Náo nhiệt.

Hoài cảm.

Chúng tôi lấy trọn cả ba chương.

I. THANH LƯƠNG [1]

Vân Anh, một mình đứng giữa sân, nhìn lên giăng mà xem, thấy những đám mây bay tán loạn thường che mờ cả mặt giăng. Cái cảm hoài vô hạn, bị cảnh đó khêu động, vụt nghĩ thân thế con người ta, nhiều người bổn lĩnh thật là quang sáng mà phải những cảnh ngộ ác nghiệp làm cho đến u âm sầu thảm khác gì mặt giăng vốn trong sáng mà có khi phải luồn những đám mây vô lại kia, bỗng lại nghĩ thân thế của người ta có khi thật như đám mây bay tán loạn, bầu giời vô hạn biết đâu là chỗ về. Đương nhàn tưởng bồi hồi, chợt nghe

---

1. *Thanh lương*: trong sạch, tốt đẹp. Tiêu đề ngụ ý khen ngợi bản chất của Vân Anh.

đồng hồ nhà bên cạnh đã đánh mười một tiếng; trong nhà, mẹ già gọi vào để bóp trán. Vừa quay mình vào thời thấy một người khách đến chơi, Vân Anh mời vào. Uống nước xong, khách bảo làm cháo ăn và nói không phải gọi ai cả. Vân Anh khi ấy xuống bếp mổ gà với đứa ở. Khách ngồi một mình, trong nhà có hai gian bằng tre, chỗ ngồi uống nước đó kê một đôi trường kỷ tre, một cái án thư, bên trong còn có một tủ chè bằng gỗ tạp; một gian bên thời có hai cái giường kê liền nhau, cũng có hai cái chiếu cạp đỏ đã cũ, bên giường trong có mắc một cái màn trắng cũ và vá. Cách một bức phên chắn, còn một gian nhà nữa thời nghe có tiếng bà cụ già thường ho hắng, như có ý mệt. Khách ngồi buồn, tự nghĩ một mình rằng: vào chơi nhà cô đầu, quang cảnh thế này nghĩ thật buồn, song cũng tiện cho mình được ngủ qua một tối rồi mai đi; lại nghĩ như người ả đầu đó, trông cũng xinh xắn và cũng phong cách, sao không được có đông khách hát mà ăn ở bần tiện đến như thế. Một lúc đã thấy bưng cháo lên thời một con ở ăn mặc cũng rách rưới. Vân Anh lên lấy rượu, ngồi rót mời khách uống. Khách hỏi bên gian buồng trong có tiếng bà cụ già là ai. Vân Anh nói là mẹ đẻ, mấy hôm vẫn nhọc mệt. Khách giục Vân Anh vào xem bà cụ có bảo gì, mặc mình tự uống rượu, không cần phải ngồi tiếp. Vân Anh chạy vào qua rồi lại ra, lên ngồi kề gần khách, múc thìa rượu, vừa cười vừa mời uống. Khách lấy tay gạt đi, rồi cứ cầm chén uống tự nhiên như quên mình là ngồi ở nhà cô đầu vậy. Vân Anh nghĩ cũng lấy làm lạ, ngồi có ý ngắm nhận người khách, ăn mặc thì nhũn nhặn mà vẻ mặt rất lanh lợi, ngồi uống rượu mà vừa như có nghĩ ngợi điều riêng gì. Suốt bữa rượu ấy, ngoài sự ăn uống không có câu chuyện gì cả. Rượu xong khách đi ngủ, đến sáng dậy, chi tiền rồi đi.

Cách chừng một tuần lễ nhà Vân Anh lại có khách uống rượu, tức là người khách uống rượu cách một tuần lễ trước, mà bận này đến lại có mang một cái va ly. Hôm ấy giời hơi mưa, trong lúc uống rượu, khách lại tự uống một mình mà uống tất bằng chén. Vân Anh nghĩ lại lấy làm buồn cười. Một lúc, có người nhà cô đầu khác đến gọi Vân Anh đi mời rượu, Vân Anh xin phép đi. Khách để tự nhiên mặc lòng. Hôm ấy bà cụ đã khỏi mệt, sau lúc Vân Anh đi mời rượu, ra ngồi chơi ở trường kỷ uống nước. Khách nhân hỏi chuyện về Vân Anh. Bà cụ nói: Con bé nhà tôi, tên nó là Vân Anh, vẫn gọi là cái Vân. Từ bé cháu có học chữ Nho, cũng đã biết làm

thơ. Bà cụ ngồi chơi một lát, rồi vào buồng nằm nghỉ. Khách lại tự uống rượu một mình.

Khoảng hơn mười hai giờ, giời mưa to. Vân Anh đã về, đã loáng choáng say rượu. Khách ở nhà, uống cũng đã say. Vân Anh lại ngồi bên, rót rượu mời uống. Khách cười nói rằng:

– Mời rượu thời phải có hãm chứ?

Vân Anh:

– Hãm câu gì?

– Chỉ muốn nghe câu hãm bằng chữ Nho.

– Ai biết chữ Nho mà làm, cũng chẳng thấy ai hãm bằng chữ Nho bao giờ.

– Không ai hãm bao giờ mà bây giờ hãm thế nó mới "mới".

– Khốn nhưng tôi không biết.

– Tôi biết rằng chị biết.

– Ô hay, cứ buộc vào người ta.

– Thôi, hãm đi.

– Thế ông đặt đi cho một câu.

– Ai hãm thời người ấy phải đặt lấy, nhờ người đặt hộ còn có thú gì nữa?

– Tôi đặt lấy thời không biết có nghe được không.

– Hãy cứ hãm đi, nghe được hay không mặc người ta.

Vân Anh vừa mỉm cười, vừa nghĩ. Khách cũng cười mà cất chén uống rượu, để đợi nghe.

Vân Anh nghĩ đã xong, rót chén rượu mời hãm rằng:

Kê minh [1], *phong vũ tiêu tiêu* [2]*?*
Thiên nha du tử [3], *Lam Kiều thần tiên* [4]
Hảo, ác nhân duyên [5]*?*

---

1. *Kê minh*: gà kêu, gà gáy.
2. *Phong vũ tiêu tiêu*: gió mưa liên miên buồn bã, tiêu điều.
3. *Thiên nha du tử*: khách chơi xa nơi chân trời.
4. *Lam Kiều thần tiên*: Lam Kiều thuộc tỉnh Thiểm Tây là nơi có động tiên. Nơi đây Bùi Hàng gặp Vân Anh, kết duyên chồng vợ.
5. *Hảo, ác nhân duyên*: nhân duyên tốt hay xấu?

Khách nghe, thần hồn như phiêu động cạn chén, hỏi Vân Anh rằng:

– Thế trước chị học chữ Nho được bao năm?

– Tôi học từ năm lên sáu, đến năm mười sáu tuổi thời thôi.

– Chị học ra làm sao?

– Cũng học đấy thôi, chẳng biết nó ra làm sao cả.

– Trong lúc học chị có tập làm văn, làm thơ gì không?

– Cũng có làm thơ cùng những câu đề vịnh lẩm nhẩm.

– Các bài của chị làm ra từ khi trước, bây giờ có bài nào còn giữ lại hay còn nhớ không?

– Kể mất đi cũng nhiều, nhưng tôi cũng giữ được một ít, vẫn cuộn để ở trong hòm, những lúc nào buồn quá thời lại giở ra xem chơi một mình.

– Bây giờ chị thử lấy ra đây xem.

Vân Anh đi mở hòm, lấy cuốn văn ra. Ông khách giở xem, thấy cũng có nhiều bài thông lắm. Xem đến bài vịnh lĩnh mai có hai câu rằng:

Hàm tình [1] *bất hướng đông phong tiếu* [2]
Độc bạn [3] *thanh tùng đạp tuyết du* [4].

Nghĩ như hai câu này thời thật có phong điệu cốt cách, mà tự người làm thơ cũng không đáng truy thân [5] vào trong đám bình khang [6]. Khách xem hết các bài văn thơ chữ Nho, lại hỏi về văn quốc âm. Vân Anh đọc một bài "Vịnh sen hồ Hoàn Kiếm" rằng:

Hồ Gươm sen mới ra hoa,
Cả hương, cả sắc, ai là không chơi.
Sen tàn lá rách tả tơi,
Quanh hồ lai vãng ai người tiếc thương.
Nước hồ sen đứng soi gương,
Còn đâu là sắc là hương với đời.

---

1. *Hàm tình*: ngậm lấy tình, không thổ lộ ra.
2. *Bất hướng đông phong tiếu*: không hướng về gió đông mà cười.
3. *Độc bạn:* bạn cô độc, một mình.
4. *Đạp tuyết du:* đạp tuyết mà đi chơi.
5. *Truy thân:* để thân mình rơi vào.
6. *Bình khang:* tên một phường ở kinh thành Trường An đời Đường nơi ở của các kỹ nữ.

Tủi thân sen lại giận giời,
Cho chi hương sắc cho người trọng khinh.

Khách nói:

– Văn cũng hay, nhưng sao đặt đến buồn quá thế?

Vân Anh:

– Bài này tôi mới làm. Trong lúc buồn có làm ra vui thế nào được.

Khách ngậm ngùi một lúc rồi nói rằng:

– Nghĩ như chị, người như thế, tài hoa như thế, mà sao không thấy nổi tiếng? Chắc lại cũng không được đông khách hát, cho nên trong nhà ở cũng có ý cẩu thả.

Vân Anh đến lúc ấy lại buồn lắm, giả nhời khách rằng:

– Ông nghĩ cho như vậy, chớ như tôi thời còn có gì mà nổi tiếng. Cứ về bên chữ Nho bây giờ, đến như ông Nghè, ông Cử cũng còn nhiều ông chẳng có vinh hiển gì, huống hồ là một người cô đầu biết đôi ba câu thơ, còn lấy gì làm có giá được. Từ khi tôi ra hát đến nay, hôm nay mới thấy có ông hỏi đến là một. Những cái sự bây giờ đã không ai coi ra gì, nhà ở lại lụp sụp rơm rác, cũng chẳng có mấy người buồn đến, thỉnh thoảng mới có một vài ông khách đến ăn cháo, còn thời chỉ là đi hát mảnh, lại cũng không khéo chiều quan viên, như thế tài nào mà không phải chịu bần tiện?

Lúc đấy đã đến hơn bốn giờ sáng, khách bảo xếp bỏ rượu để đi ngủ. Vân Anh buông màn cho khách ngủ, rồi vào trong nhà với mẹ.

Ngày mai, giời mưa dầm mãi từ sáng cho đến chiều. Lúc người khách ngủ dậy thời vào khoảng chín, mười giờ. Nguyên ý người khách đến uống rượu bận ấy, hoặc định ngủ một tối rồi sáng hôm sau đi đâu thời không biết; nhân có một đêm nói chuyện, cái cảm tình đối với Vân Anh thực thương tiếc vô hạn. Lại nhân hôm ấy giời mưa dầm, cho nên thành ra lại giữ khách ở lại. Mười giờ hơn, Vân Anh nói cùng khách xin để làm cơm sáng ăn, khách cũng ừ nhưng không có đưa tiền. Trong nhà Vân Anh từ tối hôm trước chỉ còn có một con gà thời đã làm rượu rồi mà cũng phải vay thêm đồ ăn mới đủ dọn; đến lúc ấy không biết làm thế nào, nghĩ người khách đi lại chưa thân, cũng không tiện ra hỏi. Hai mẹ con ra vào, thì thầm bàn cùng nhau, khách cũng hiểu tình ý nhưng cứ tự nhiên như không biết, chỉ nằm xem những bài thơ văn của Vân Anh, rồi lại mở va li

ra, lấy giấy bút để viết. Độ 12 giờ hơn, thấy có cơm bưng lên, cũng lịch sự. Khách bảo Vân Anh mời cả bà cụ ra cùng ăn cơm, nhưng bà cụ xin từ chối. Bữa ấy hai người cùng ngồi uống rượu; ngoài bức mành thưa, giời vừa mưa vừa gió, những người đi ngoài đường thật là lặn lội mà trong chỗ mâm rượu thời một người du tử ngồi đối một mỹ nhân cùng thù tạc, đàm đạo những nhân tình thế cố cùng là sự làm văn thơ. Khách tuy không phải là người say đắm ở nơi bình khang nhưng lúc ấy bất giác cũng cao hứng. Đương trong lúc tửu hứng, Vân Anh nói rằng:

– Tôi có một bức tranh sơn thủy, là của gia bảo, vẫn cuộn để trong hòm, thường muốn đề một bài quốc văn mà nghĩ lại không xứng, nay không mấy khi được gặp cao nhân, xin hạ bút đề cho một bài, thực là quý hóa quá.

Khách nói:

– Sự đề vịnh nguyên đã không dễ, lại đề vào một bức họa trân trọng thời thực không dám nhận, nhưng chị thử lấy cho xem thời hay lắm.

Vân Anh đi mở hòm lấy bức tranh đem ra. Khách giở xem, thực là một bức cổ họa. Trong khoảng trên có đề ba chữ triện, không hiểu là chữ gì, Vân Anh nói đây là chữ Nôm. Khách nhận ra thời là ba chữ "THỀ NON NƯỚC". Vân Anh nói:

– Cứ ba chữ này, nguyên nghĩa thường thời là chỉ non thề nước, đề vào đây thời là làm sao?

Khách nghĩ một lúc, rồi nói:

– Đây hoặc là người ta mượn câu sẵn mà khiến về nghĩa riêng. Ba chữ đề này, phải nhận nghĩa là non với nước, hai cái thề với nhau. Như thế, có nhẽ mới hợp ý bức họa.

Vân: – Dẫu nhận là như thế, nhưng đây chỉ vẽ một dãy núi, còn không thấy sông nước gì cả, lấy gì làm hai cái thề với nhau?

Khách: – Đây dẫu không có vẽ sông nước, nhưng nhận kỹ một ngàn dâu ở chân núi này, ý tức là sông nước khi xưa mà tang thương đã biến đổi.

Vân: – Dẫu nhận cho là như thế nhưng lấy gì mà thề?

Khách: – Nguyên bức họa này, ý chỉ là một bức tang thương, cho nên ở dưới vẽ một ngàn dâu tựa như thể khúc sông; trên núi thời như mây, như tuyết, như mấy cây mai già, như bóng tà dương, đều là để

tả cái tình cảnh thê thảm. Bởi thế cho nên ba chữ đề này, dẫu là lấy câu sẵn mà đề vào, song thực tỏ ra được cái tình thương nhớ của dãy núi tức là vì dãy núi mà cảm nỗi tang thương. Bây giờ tất cứ trong bức họa mà muốn tìm cho ra thế nào là thề, như thế thời nệ vì chữ mà hại đến nguyên ý của bức họa.

Vân: – Vậy thế bây giờ muốn đề một bài thời thế nào là phải?

Khách: – Bây giờ nếu muốn đề một bài phải nên trông vào bức họa, mà lại lấy hai chữ đó làm đầu đề. Chú trọng vào một chữ *non*, lấy một chữ *non* làm chủ, vì rằng non đó thực là chủ trương trong bức họa mà lại có ở trong đề; có chữ *thề* với chữ *nước* thời trong họa không có mà trong đề có cũng phải nhận như có mà chỉ nên nói nhẹ như không, vì là *thề* thời về sự đã qua mà *nước* thời không trông thấy ở đó. Nghĩa như thế, hoặc có phải chăng?

Vân: – Như thế thời khó lắm. Tôi thời không biết thế nào mà đề được.

Khách: – Ý chị muốn đề bằng văn Nôm hay bằng văn chữ Nho?

Vân: – Đề bằng văn Nôm thời hơn, vả nhân ba chữ đề đây cũng bằng Nôm.

Khách: – Vậy thời đề một bài thơ, hay một bài lục bát?

Vân: – Bài lục bát cũng được, hay một bài cổ luật cũng được.

Khi ấy, khách lại ngồi uống rượu mà vừa nghĩ. Bức họa vẫn để đó. Vân Anh thời đứng dậy đi xuống bếp bảo con ở lên bưng mấy bát đồ ăn xuống để hâm lại. Lúc Vân Anh lên cùng ngồi vào uống rượu thời khách đã nghĩ được mấy câu, đọc rằng:

Nước non nặng một nhời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ nhời "nguyện nước thề non",
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.

Vân: – Như thế thời hay lắm! Chữ thề chữ nước, vẫn nói đến mà vẫn là không có; chỉ một chữ non là nói thực. Nhưng còn hơi hiềm vì trùng mất một vần non thời kém hay.

Khách: – Vần non trùng, tưởng cũng không hại lắm; nếu nệ mà đổi đi thời mất hết cái thiên nhiên.

Vân: – Thế bây giờ xuống thế nào nữa?

Khách: – Bây giờ thừa xuống, cứ trông cái non trong bức họa mà tả thực, cho hết những cảnh vật ở non mà cho tỏ được cái tình tương tư của non, thời hay.

Vân đọc:

Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non!

Khách: – Hay lắm! Thử đọc lại cho nghe một lượt nào.

Vân Anh đọc lại. Khách nói: – Như thế thời không trông vào bức họa, cứ nghe đọc cũng thấy như vẽ ra một cái núi tương tự. Không ngờ chị Vân nôm hay mà nhanh được đến như thế.

Vân: – Cũng là tại ông đã bảo rõ cho cái thế làm.

Khách: – Nếu tôi với chị mà cùng ở với nhau thời có nhẽ hai người cùng có ích.

Vân: – Cái ấy thời cũng tùy ở ông.

Khách: – Khốn nhưng tôi thời lông bông lắm nếu chị mà dính vào với tôi thời lại túng khổ hơn ở đây.

Vân: – Chịu được thời thôi chớ sao.

Khách: – Nói đùa đấy, tôi thật là một người không có tình.

Vân: – Không có tình, thế sao văn lại có tình?

Khách: – Ấy chỉ có tình ở văn, thế thôi.

Câu chuyện quá vui, trông ra giời đã chiều. Khách đứng dậy, nói phải lên ga để đón một người quen, vội mặc áo đi ngay, còn cái va li thời gửi lại ở đấy.

Vân Anh, sau lúc khách đi, cùng đứa ở xếp dọn chỗ mâm rượu, cuộn bức tranh cất đi, cả cái va li của khách gửi cũng xách để vào tủ, khóa lại, rồi đi ngủ một lúc. Đến tối dậy, trong nhà chỉ còn một ít gạo: những đồ ăn mua chịu để làm cơm buổi sáng, người ta đến đòi tiền, không có đâu mà giả. Lúc từ đêm hôm trước cho suốt ngày hôm sau, giời mưa mãi, nhà ở ẩm thấp, bà mẹ lại bị cảm, lên

cơn sốt nằm rên. Nghĩ thực nhiều nỗi buồn, có ý mong mãi mà không thấy người khách về; ai gọi đi mời rượu đều kiếu cả. Suốt đêm chỉ đi ra đi vào một mình, ngồi chán rồi lại đứng. Ngày mai, lấy cái áo mền nhiễu đem lên Hà Nội cầm được ba đồng bạc, lấy cho bà mẹ hai chén thuốc cảm, còn thời về trang giả những tiền mua đồ ăn. Thế là chỉ còn một cái áo băng rách cánh tay, để có đi mời rượu đâu thời mặc. Ôi! Giời tháng chín, mưa mưa gió gió, thu sắp hết, đông gần tới, lạnh lùng thay giai nhân! Nghĩ là thân một người con gái có nhan sắc, có tài hoa, có học vấn, vì cửa nhà sa sút mà trụy lạc vào xóm Bình Khang, ừ thôi thân danh duyên phận đã không được như ai, còn như cái mặc cái ăn, tưởng đâu đến nỗi phải đói rét... Vậy mà con tạo hóa đã ghen ai, ghen cho thật quá nhẽ; đã ghét ai, ghét cho thật đủ đường. Nào ai là những kẻ có tài, nghĩ chữ "tài" còn nên có nữa hay thôi? Qua ngày hôm ấy đến tối, không thấy người khách về; đêm cũng không thấy về; suốt ngày hôm sau nữa, đêm hôm sau nữa, mãi mãi không thấy người khách về!

Một tối, Vân Anh ngồi một mình, tưởng lại bài đề họa hôm nọ, tìm tờ giấy biên đem ra xem, nghĩ như thế này mà thôi thời chưa được sung nghĩa mà lại sợ có nhẽ sái. Ngồi nghĩ nối thêm rằng:

Dù như sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.

Mới được hai câu thời thấy có người vào, thời là ông khách ấy, tay cầm một chai rượu văn khôi, cười nói vui vẻ và bảo làm rượu uống. Vân Anh lúc ấy cũng vui mừng mà cũng lại ngại, vì lại không biết lấy gì mà làm rượu. Sai con ở đi mua chịu gà, không được mình chạy sang chị em vay một đồng bạc cũng không được. Sau phải lấy tình thực nói với khách.

Khách nói: – Thế chỗ tiền ấy, đã hết cả rồi à?

Vân: – Tiền nào à?

Khách: – Ấy có tiền ở trong va li ấy. Va li tôi vẫn bỏ ngỏ không khóa, tưởng là đi thời về ngay, cho nên cũng vội không kịp dặn. Thế ở nhà chị không lấy tiêu à?

Vân: – Không tôi có biết đâu.

Vân Anh đi lấy va li ra thời vẫn không khóa thật; mở ra, trong có một gói giấc bạc vào độ hơn ba chục, lấy mấy đồng đi mua

đồ làm rượu, còn thời lại để vào đấy, khách bảo Vân Anh lại cất đi. Đêm hôm ấy, anh chị lại thù tạc, lại nói chuyện về bài đề họa.

Vân Anh nói: – Bài này nếu cứ thế mà thôi thời sợ có nhẽ sái.

Khách: – Làm văn có sợ gì sái, nhưng bài này cứ thế mà thôi thời không được rào ý.

Vân Anh nhân đọc hai câu mới nghĩ nối.

Khách: – Như thế thời hay lắm! Một câu trên tả chân thật hay!

Vân: – Thế đã thôi được chưa?

Khách: – Kể thôi cũng được, nhưng nối thêm được nữa thời có nhẽ mới được là rồi rào.

Lúc ấy, tửu hứng đã cao, khách lại nối rằng:

Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.

Vân Anh nối rằng:

Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi nhời thề.

Khách nói: – Như thế thì thật là hết nghĩa.

Vân Anh đem chép lại tất cả cho thật rõ, rồi đọc suốt lại một lượt. Hai người cùng lấy làm ưng ý. Sẵn bút mực trong va li, tức thời đốt đèn thật sáng, đem bức họa ra để đề. Khách đề trước một bài chữ Nôm, Vân Anh thì viết quốc ngữ. Đề xong, lại cùng ngồi uống rượu làm văn; thường hai người cùng làm chung nhau một bài, mỗi người làm mỗi đoạn. Cuộc rượu chưa tàn, hứng văn thơ cũng chưa tàn, nghe tiếng gà như đã giục sáng. Khách xin biệt để đi, Vân Anh ngẩn người mà giữ lại. Khách nói phải đi kịp chuyến xe lửa nhất, kẻo nhỡ mất việc buôn bán. Vân Anh lại hỏi đến hôm nào giở lại thời khách bảo không biết thế nào mà nói trước, hoặc không giở lại đây nữa cũng nên. Lúc ấy, hai tình quyến luyến, tự người bình khang kia không phải là giả ý mà du tử cũng nặng lòng biệt ly.

Vân Anh nói: – Từ khi tôi đem thân ra đi xướng ca, bao những cái tính tình trong lúc thơ ngây thật không còn có chút nào nữa. Không ngờ rằng đến nay, được gặp có người như ông mà cùng nói một đôi câu chuyện khiến cho những cái tính tình trong lúc thơ

ấu như đã chết mà lại được hồi sinh. Nghĩ rằng còn được thừa tiếp ông về lâu cho nên chưa dám vội hỏi rõ. Nay cái thì giờ trân trọng còn có ít như thế, mà từ nay về sau lại cũng chưa biết làm sao. Sau này nếu tôi có bài văn nào làm ra, hoặc là câu chuyện gì muốn gửi trình ông biết thì viết thư đề ra làm sao? Muốn xin ông bảo cho thời hay lắm, và lúc nào ông có thì giờ rỗi, xin ông cũng viết giấy cho.

Khách: – Thôi! Can gì phải phiền thế. Như chị thời hoa đào nước chảy, chỗ ở rất là vô thường; tôi thời là một người khách buôn, quanh năm giang hồ, càng không biết đâu mà định. Lúc nào ngẫu nhiên gặp nhau thời lại cùng nhau nói chuyện; còn những lúc mỗi người mỗi nơi thời ai có việc của người ấy, cũng không cần phải tưởng nhớ đến nhau làm gì. Tôi cũng có một hai chuyện muốn nói chuyện với chị nhưng thôi hãy để đến khi khác.

Lúc ấy, bà cụ cũng đã tỉnh dậy. Khách bảo Vân Anh lấy hộ cái va li ra, trong va li còn ba mươi đồng bạc, bảo cầm đưa cả vào bà cụ nói trong mấy hôm quấy quả, xin cụ miễn trách cho. Mở cửa ra thời xe cao su đã kề vào tận hè, khách chào để lên xe. Từ đấy mà về sau, những xe kề cửa nhà Vân Anh, vắng hay đông, không biết những ai; một người khách từ biệt trong lúc mờ sáng hôm ấy mà đi thời khó thay có buổi trùng lai vậy!

II. NÁO NHIỆT

Vân Anh từ sau lúc khách đi, cũng mừng rằng được món tiền ba chục bạc ấy mà đi chuộc lấy áo về, lại trang điểm chỗ ăn ngồi cho hơi lịch sự; tuy vậy mà trong lòng thực sinh ra có nhiều mối cảm, một là tiếc rằng không mấy khi được gặp có người khách như thế, mà bèo hợp mây tan, không ra làm sao; hai là, tủi rằng tự mình, đã đem thân vào trong áng yên hoa, thời thế nào cũng là người trong áng yên hoa, cho nên người ta coi mình, dù hoặc có ai thương tiếc chăng, nhưng khinh rẻ thời vẫn là lòng chung của thiên hạ; ba là buồn rằng tự mình nghèo túng quá, mất hết cả những cái phong nhã, khiến cho người ta dẫu có lòng tốt với mình mà cũng đến phải chán; bốn là ngợ rằng lúc người khách cáo biệt, bảo có một hai câu chuyện muốn nói mà còn để đến khi khác thời không hiểu là làm sao. Ruột tằm đòi đoạn vò tơ, hết ngày sang đêm mà ai vẫn ai, nghề vẫn nghề, đàn vẫn đàn, phách vẫn phách.

Một đêm, Vân Anh đi hát ở nhà khách, hát một bài rằng:

Người đời thử ngẫm mà hay.
Trăm năm là ngắn một ngày dài ghê.
Còn ai, ai tỉnh hay mê?
Những ai thiên cổ đi về những đâu?

Đời đáng chán? Hay không đáng chán?
Cất chén quỳnh [1]*, riêng hỏi bạn tri âm,*
Giá khuynh thành [2] *nhất tiếu thiên kim* [3]*.*
Mắt xanh, trắng [4]*, đổi nhầm bao khách tục.*

Giang hà nhật hạ giai nhân chọc [5]*,*
Thiên địa lô trung thực hữu tình [6]*.*

Đón đưa ai gió lá chim cành [7]*?*
Ấy nhân thế phù sinh [8] *là thế thế.*
Khách phù thế chửa rút câu phù thế [9]*.*
Người phong lưu càng đượm vẻ phong lưu
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu.

Chuyện kim cổ một vài câu phải trái,
Châu Nam Hải [10]*, thuyền chìm sông Thúy Ái* [11]*.*

---

1. *Chén quỳnh*: chén ngọc, chén rượu ngon.

2. *Giá khuynh thành*: giá của người đẹp có thể làm cho người ta mê say đến đổ nước nghiêng thành được.

3. *Nhất tiếu thiên kim*: một tiếng cười giá đáng nghìn vàng.

4. *Mắt xanh, trắng:* Nguyễn Tịch, bạn rượu của Lưu Linh, ưa ai thì tiếp bằng mắt xanh, không ưa ai thì tiếp bằng mắt trắng.

5. *Giang hà nhật hạ giai nhân chọc*: sông nước mỗi ngày xuống kém cho nên người ta đều phải đục.

6. *Thiên địa lô trung thực hữu tình*: trong cái lò của trời đất đúc cả, thời ai là có tình?

7. *Gió lá chim cành*: lấy ý ở hai câu thơ cổ: Chi nghinh nam bắc điểu - diệp tống vãng lai phong (cành đón những con chim ở Nam ở Bắc – lá đưa tiễn những cơn gió khi lại khi đi).

8, 9.*Phù sinh, phù thế*: đời người trôi nổi.

10. *Châu Nam Hải*: ngọc trai ở biển Nam. Mỵ Châu quá tin chồng mà làm mất nước, bị vua cha chém, máu trôi xuống biển, trai ăn thành có ngọc.

11. *Thuyền chìm sông Thúy Ái:* chồng Phan Thị Thuấn chết trận ở sông Thúy Ái, nàng tự dìm mình ở khúc sông chết theo chồng.

Sông Tiền Đường [1], *cỏ ái bến Ô Giang* [2]
Ngẫm nghìn xưa, ai tài hoa, ai tiết liệt, ai đài trang.
Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ.
Đời đáng chán, biết thôi là đủ.
Sự chán đời xin nhủ lại tri âm
Nên chăng? Nghĩ lại kẻo nhầm.

Hát xong, quan viên bảo đọc lại một lượt nghe. Vân Anh lại đọc lại. Trong quan viên có một ông lấy bút giấy, chép ra, rồi nói rằng:

– Sao bài này lại làm ra nhời của hai người?

– Bài này chính là hai người làm.

– Ai với ai làm mà chị biết?

– Em không biết rõ là ai với ai. Chỉ biết rằng là của một người khách chơi với một người cô đầu.

– Tại sao mà chị biết rằng như thế?

– Nguyên cứ người chép bài này có nói chuyện cho em nghe rằng: có một người khách đến chơi nhà cô đầu, cùng với người cô đầu cùng làm ra bài này. Từ đầu cho đến câu "Ấy nhân thế phù sinh là thế thế" là của người khách làm; từ câu "Châu Nam Hải..." cho đến câu kết thời là của người cô đầu làm; bốn câu giữa, từ chữ "khách phù thế" cho đến chữ "câu phải trái" thời là hai người cùng thêm vào sau.

– Bài này chị đã biết như thế thời có biết nghĩa làm sao hay không?

– Em cũng biết được gọi là thôi.

– Thử nói đi xem nào.

– Bốn câu mưỡu chỉ là nói tới đời người vơ vẩn không ra làm sao. Một đoạn trên của người khách thời là bảo cho người cô đầu biết rằng: đời là đáng chán, đời người cô đầu càng đáng chán. Một đoạn dưới của người cô đầu thời là giả nhời cho người khách nghe rằng: đời đáng chán, chẳng những gì đời người cô đầu, dẫu những người thế

---

1. *Sông Tiền Đường*: Tây Thi người nước Việt bị vua Việt dùng nhan sắc làm mất nước Ngô. Vua Việt thắng Ngô lại bắt Tây Thi bỏ vào một cái túi vứt xuống sông Tiền Đường.

2. *Cỏ ái bến Ô Giang*: Hạng Vương bại trận, Ngu Cơ tự vẫn, chôn ở bến Ô Giang. Nơi đó mọc một thứ cỏ rất thơm, người ta gọi là cỏ "Ngu mỹ nhân".

kia thế khác xưa kia, mà thân đời nghĩ cũng là đáng chán cả. Đời đáng chán, chỉ nên biết như thế thôi là phải: còn nên chán hay không thời chưa chắc. Bốn câu giữa thời chỉ là nhời chép, để tiếp đoạn trên xuống đoạn dưới đấy thôi.

Trong quan viên có một ông cụ đương nằm tiêm thuốc, đặt rọc tẩu, ngồi dậy nói rằng:

– Chị này thông lắm, tất là người có học. Thế chị có biết những điển tích trong hai câu này không? (Trỏ vào câu "Châu Nam Hải").

– Con cũng có được nghe người ta nói Châu Nam Hải là sự tích My Châu. My Châu bị chém chết ở bờ bể Nam, tương truyền rằng những con trai ở đấy ăn cái máu My Châu mà thành có ngọc. Thuyền chìm sông Thúy Ái là sự tích bà Phan Thị Thuấn. Chồng bà ấy chết trận ở bên Thúy Ái, rồi bà ấy ngồi thuyền sai bơi ra giữa giòng sông chỗ ấy, tự dìm thuyền xuống để chết theo chồng. Ấy là một câu trên, hai điển lấy về sử Tầu. Sông Tiền Đường là sự tích Tây Thi...

– Tiền Đường thời là tích Thúy Kiều, sao lại là Tây Thi?

– Tây Thi cũng bị chết ở sông Tiền Đường. Đây lấy về sự tích Tây Thi mới phải; chớ lấy về tích Thúy Kiều thời lại mất nghĩa của đoạn này.

– Tây Thi đến sau theo Phạm Lãi đi chơi năm hồ, điển tích phân minh, cho nên ở chuyện Hoa Tiên cũng có câu "Buồm mây khói tỏa năm hồ", là nói về Tây Thi. Sao lại là chết ở sông Tiền Đường được?

Một ông quan viên nữa lại nói rằng:

– Phải. Con bé nó nói láo! Nhớ độ đã lâu tôi có xem hát tuồng ở trên Hà Nội, hát vở tuồng Tây Thi, cũng đến cảnh Phạm Lãi đưa Tây Thi đi chơi năm hồ là hết.

Vân: – Tây Thi theo Phạm Lãi đi chơi năm hồ, tự cổ vẫn truyền như thế, nhưng thực thời không phải. Cứ em nghe người ta nói, ở một quyển sách gì có nói rằng: Quân Việt đã đánh được Ngô, Câu Tiễn cùng Phạm Lãi sai bỏ Tây Thi vào một cái túi, quăng xuống một khúc sông Tiền Đường để tế giải oan cho cái trung hồn Ngũ Tử Tư. Vì rằng trước kia Ngũ Tử Tư bởi Tây Thi mà bị bỏ vào túi da ném xuống khúc sông ấy. Còn như đi chơi năm hồ là chỉ có một mình Phạm Lãi. Sau các văn nhân thường thích những câu chuyện phong vân, cho nên đều nhận là Phạm Lãi đem Tây Thi đi chơi năm hồ. Lại đến như vở tuồng Tây Thi hát ở Hà Nội khi trước mà kết rằng Phạm Lãi, Tây

Thi cùng đi chơi năm hồ, đó là trong sự diễn tuồng người ta chỉ cốt soạn lấy vui trò mà lại cho có hậu, chớ không phải là sự thực.

– Con bé nó chỉ nói láo! Chẳng nghe ra làm sao cả.

Ông cụ nói: – Chắc đâu rằng người ta nói láo, ngộ chỗ ấy mình không đọc đến thời sao.

– Chẳng biết nói láo hay không, nhưng bây giờ mà đem những câu chuyện ấy ra để nói, thật là hủ.

– Tôi tưởng đi chơi mà gặp được có người biết nói câu chuyện như thế, kể cũng còn là hơi có thú; chẳng hơn là ngồi với những chị xấu không thể thương được, mời thìa rượu, chán quá mà phải uống, lại phải múc giả lại một thìa thời thật không cái gì khổ bằng.

– Cụ thích nó thời tối mai cụ đến hát cho nó một chầu, tha hồ mà nghe chuyện!

– Tối mai tôi đến hát lắm.

Ông khác nói: – Tối mai tôi với cụ đến đấy chơi. Ta hủ, ta lại chơi về cánh hủ. Thế tên chị gọi là gì? Mà ở chỗ nhà nào?

Vân: – Em tên là Vân, nhà ở trong ngõ này, tối mai mời các quan quá bộ đến xơi nước.

Ông quan viên nữa lại nói: – Hãy để nói hết về bài này đã. Một điển "Sông Tiền Đường" nhận về Thúy Kiều thời sao? Mà phải nói đến Tây Thi?

Ông khác nói: – Đoạn này là nhời người cô đầu cốt dẫn những người sang trọng ở ngoài áng yên hoa mà nhân thế cũng chỉ là một giấc mộng, để giả nhời người khác ở đoạn trên; nếu Thúy Kiều thời cũng là một người trong yên hoa, còn có gì mà dẫn. Chị Vân nói về Tây Thi có nhẽ phải, nhưng không biết điển ấy ở về chỗ sách nào.

Ông khác lại nói: – Thế còn cỏ Ô Giang thế nào?

Vân: – Cỏ ái bến Ô Giang là tích Ngu Cơ. Lúc Hạng Võ bại trận ở Cai Hạ, Ngu Cơ tự vẫn chết, chôn ở gần miếu sông Ô Giang, nhân thế ở chỗ đó sinh ra nhiều cỏ "Ngu mỹ nhân". Cho nên trong bài Ngu mỹ nhân thảo của ông Tăng cũng có câu:

Hương hồn gia trúc kiếm quang phi, thanh huyết hóa vi nguyền thượng thảo. Trong truyện Hoa Tiên cũng có câu "le te bờ cỏ sông Ngô bên đường", đều là nói về tích ấy cả.

Một ông quan viên hay cáu lại nói rằng:

– Thế còn gì nữa không, hay đã hết rồi? Thời để cho bảo bưng rượu?

Từ bận đi hát ấy về sau, nhà Vân Anh đã thường thường có khách hát. Trước còn phần nhiều là quan viên làng nho, đến thưởng văn, thơ, xem đề, họa, sau thời các hạng quan viên cũng đến chơi đông cả. Đã được đông khách hát thời sự ăn mặc, chỗ ăn ở cũng dần dần được sang trọng, đã thế thời khách hàng càng đông. Con người gặp lúc không ra gì thời không ra gì, đến lúc giời đã cho lên thời thấm thoát cũng không mấy. Qua một mùa đông năm ấy sang tháng xuân năm sau mà Vân Anh đã dọn nhà lên Hàng Giấy ở vậy.

Vân Anh từ khi lên Hàng Giấy, thanh giá càng lộng lẫy, như một vừng giăng sáng ở dưới đáy hồ thu. Con người ta đến lúc phong quang thời vẻ người cũng phong quang, cái đẹp không biết từ đâu sinh ra, cái sang không biết từ đâu đưa đến, cái con ma ghen của tạo hóa đến lúc ấy cũng đã bớt khe khắt với người hồng nhan. Trong nhà Vân Anh đã có nuôi vài ba người bạn hát, cô đầu hát, cô đầu rượu có cả. Những người cùng ở với Vân Anh, phi có thanh, thời có sắc, đều có tư cách người con hát, không ai đến nỗi là giả kê. Bởi thế cho nên khách gần khách xa, khách các quan, các nhà tư bản, các thầy đương làm việc, các công tử đương thời cho đến các người không phong lưu lắm ở trong làng nho cũng đều có lòng chiếu cố cả. Khách đồng bang đã lắm mà khách các chú cũng lại nhiều. Khi ấy ngoài cửa nhà Vân Anh dù những tối thứ hai, thứ tư về cuối tháng tây, cũng đều có xe gác, xe cao xu, xe nhà, xe ôtô. Mỗi tối chưa đến bảy giờ tiếng trống đã vang cả các nhà bên cạnh; hoặc cũng có tối không nghe thấy tiếng trống thời ngoài cửa trông vào, cũng đã thấy có những cái chân quần trắng, giầy vàng, đen thò ra ở cạnh giường. Bởi thế, các người trong làng chơi, ai có muốn thưởng cái phong vị ở trong đó thời đi phải hơi sớm. Bởi thế, trong một cái nhà cô đầu đó biệt gây thành một mối cạnh tranh. Bởi thế, các nhà đến gọi đi mời rượu, Vân Anh cũng ít đi. Bởi thế, các người muốn thưởng thức Vân Anh thời càng phải đến đó. Bởi thế, cũng một chầu cháo, ở nhà khác năm, sáu đồng, ở nhà Vân Anh ít cũng phải mười hai đồng; cũng là một chầu rượu, ở nhà khác mười hai đồng, ở nhà Vân Anh ít cũng phải hai mươi đồng. Bởi thế, Vân Anh đi ra ngoài thời xe nhà, ở thường trong nhà cũng đeo ngộn những vàng, như thể hiện thân kim

tướng vậy. Bởi thế, những người muốn nói chuyện trăm năm, lo nhời tri kỷ càng phải nặng đưa tặng, khoản, phi một cái tủ khảm thời cũng đôi xuyến vàng. Bởi thế, những văn nhân tài tử không có xuyến và tủ khảm thời cũng nặng nhời xưng tán, đưa tặng khoản bằng văn thơ. Bởi thế, Vân Anh đối với những tài tử văn nhân, cũng tiếp đãi một cách riêng, không nỡ lấy tiền tài làm mục đích. Bởi thế, những tài tử văn nhân, có người lấy thơ văn của Vân Anh đem đăng báo, có người tự viết bài đăng báo mà ký tên Vân Anh. Bởi thế, Vân Anh không những có thanh giá ở trong xóm Bình Khang mà lại chiếm một phần danh dự trong văn giới. Bởi giầu có thanh danh, cho nên bà con ở gần xa, tổng lý trong xóm mạc cũng có đi lại vay mượn nhiều. Bởi thế, Vân Anh không những có thanh giá danh dự ở phố phường, mà lại có đức vọng ân trạch ở hương quán. Bởi thế, một phần tâm lý của xã hội như đã không nhận Vân Anh là con hát, mà là một người trong thượng lưu. Ôi! Cùng đàn phách, cùng phấn son, có người được đến thế!

Vân Anh ở Hàng Giấy vừa được hai năm là sang đầu xuân năm thứ ba thời trong Bình Khang giới có một đám ma nhớn. Đám ma nhà ai? Chính là đám ma nhà Vân Anh, tức là đám ma mẹ Vân Anh vậy. Một cái đám ma ấy, lúc cử hành, người đi đưa đứng chật hết một phố Hàng Giấy, cả ta lẫn khách, không thể ước số là bao nhiêu người. Trong những người đi đưa, cũng có nhiều hạng; mặn tình thăm viếng nhất là những tay đại du tử muốn lợi dụng một phen thâm thiết để tỏ niềm ân ái mà làm duyên cùng tài sản của Vân Anh; những khách quen, không có ý lợi dụng gì, chỉ vì cảm tình với Vân Anh mà đi cũng có nhiều; lại những bà con quen biết thường có nhờ vả, ở nhà quê ra cũng đông, những chị em trong xóm Bình Khang đi cũng lắm; cũng có người thiên hạ thấy vui mà dự vào cuộc đi theo xem. Người đi đưa đã đông mà câu đối và trướng cũng lại lắm, câu đối đã đi khỏi ga mà người đi đưa còn chưa qua phố Hàng Lọng. Lúc hạ huyệt đọc bài kính thăm cũng có đôi ba kẻ. Kể cũng là một sự phong vận ở Hà thành. Ôi! Vinh dự thay!

Cách một vài hôm sau, Vân Anh viết nhời cảm ơn gửi đăng báo để cảm tạ chư tôn liệt quý đã có dự vào việc tống tang ấy.

III. HOÀI CẢM

Người ta, vui hay buồn, sướng hay khổ, cảnh ngộ với tâm lý thường hay theo nhau. Đương lúc Vân Anh ở Ấp, nhà gianh vách

đất,áo mảnh chăn đơn, một mối cùng sầu chỉ mong sao được cho bằng chị bằng em, còn như cái giầu có thanh danh ở hai năm sau này, thật không mộng tưởng đến. Vậy thời trong hai năm ở cái cảnh ngộ náo nhiệt ấy nghĩ sung sướng biết là nhường bao. Tuy vậy có một người khách thuật nhời của Vân Anh từng nói chuyện rằng:

"Từ khi lên Hàng Giấy, có làm ra nhiều tiền thật, nhưng nghĩ cũng chẳng thấy có sướng gì cho thân. Được nhiều tiền thời phải tiếp khách nhiều. Mỗi đêm thường phải thức cho đến năm sáu giờ sáng, vừa hát, vừa uống rượu, rồi lại tiếp chuyện, khách có về thời mình mới được đi ngủ, khách ở lại mà đã ngủ thời mình cũng mới được đi ngủ, ngủ chưa được liền mắt thời lại đã phải dậy để tiễn khách. Hoặc có khách ở tầu hỏa về mà đến chơi ăn bữa cơm sáng thời cũng lại phải tiếp, tiếp một bữa cơm sáng mà liên miên, nào chuyện, nào thuốc phiện rồi lại cũng đến năm giờ chiều. Đi nằm chưa được mấy chốc, sáu bảy giờ lại đã phải dậy rửa mặt đánh phấn để tiếp khách buổi tối; như thế lại thức cho đến năm giờ sáng. Trong một ngày đêm thực không mấy hôm được có giấc ngủ cho ngon giấc. Đã không ngủ được thời cũng không ăn được, cho nên người chỉ cứ xanh như cái lá rau mà lúc nào cũng khan tiếng. Ấy là bình thường đã như thế, nếu độ nào nhiều những ông khách ba đùa ngỏa thời lại nhọc khổ nhọc sở mang tiếng kiêu ngạo mà mất lòng quan viên. Có giữ gìn mà chịu khổ được như thế thời mới làm ra được nhiều tiền để ra mà làm gì? Chẳng qua cốt là để sung sướng. Như mình thế này thời thật làm ra nhiều tiền mà thật không thấy cái sung sướng. Nếu bảo kiếm lấy một cái vốn để sau lấy chồng, nhưng lại nghĩ lấy chồng là cốt mong được người mà nương tựa, vậy mà người đã nương tựa được thời chắc không vì mình có vốn mà người ta mới lấy, nếu vì mình có cái vốn mà lấy mình, thời người ấy thật lại khó nương tựa được lắm".

Ấy là những câu chuyện mà Vân Anh từng nói với người khách, liệu chỉ là một phần trong cảm tưởng, còn thực như cảm tưởng của Vân Anh, có nhẽ chỉ thế mà thôi ru? Giăng trong gió mát, kể cũng có nhiều khi nhàn hạ mà động niềm xa xôi, rượu tỉnh canh tàn, kể cũng có nhiều lúc thanh tâm mà đòi cơn ngao ngán. Nghĩ từ độ áo đem cầm khó xong, gà mua chịu không dất, ba gian nhà cỏ ai là người hỏi liễu tìm hoa: đến nay thời đón đưa ai gió lá chim cành, mà suốt sáng, mà thâu canh, mà rầu hoa dãi nguyệt. Ba

mươi đồng bạc có là mấy, nay có thể cầm cho một người bà con thăm hỏi, mà trước kia mong tưởng vào ai. Câu thơ bài hát cho đến văn đăng báo, đến nay biết bao nhiêu người cho, mà trước kia biết cùng ai đề vịnh. Ngọn đèn chiếc bóng, cũng lắm lúc đem giở bức tranh sơn thủy mà ngậm ngùi, mà ngơ ngẩn, cảm về nỗi "Nước đi đi mãi không về cùng non". "Hàm tình bất hướng đông phong tiếu, độc bạn thanh tùng đạp tuyết du", đôi phen nhớ đến câu thơ xưa mà như dại, mà như ngây, mà thẹn cùng văn tự. Lại từ sau lúc đám ma mẹ đã cất, khăn buộc áo sô mà môi son mặt phấn, nén hương ngọn sáp mà dịp phách cung cầm. Đau lòng tử biệt sinh ly, mà khi cợt nguyệt, lúc cười hoa, vì ai vui thú? Than ôi! Vân Anh, nếu thật quả là một người không còn có một chút tình... nếu còn có chút tính tình, nỗi hoài cảm biết là nhường bao!

Vân Anh từ sau lúc mẹ chết, khách khứa càng đông lắm: người thời đi lại thăm hỏi, khách đến hát cũng như thường; lại cũng nhiều hạng khách phong lưu, đến ngỏ chuyện trăm năm, muốn hợp sức để gây dựng cuộc buôn to bán nhớn; cũng có người không nói về việc buôn bán thời muốn nhận cái vốn của Vân Anh mà tính đường bay nhẩy, sẽ cùng nên ông nọ bà kia; lại những thư trác nơi xa gửi về chia buồn cũng nhiều. Hơn một tháng giời, thật chỉ ứng tiếp không kịp. Một hôm, giời về chiều, mở một phong thư, thấy nhời viết thật dài, khác mọi giấy chia buồn, giở xem ngay tên ký thời chữ không rõ, không biết là của ai. Cầm bức thư nằm xem thời bức thư viết rằng:

Vân Anh quý nương điếm thư,

"Nay nhân tôi có xem ở một tờ nhật báo, thấy nhời cảm tạ việc tống táng mà dưới ký tên quý nương, mới được biết rằng tôn từ đã thọ chung. Đường xá xa xôi, xin có mấy nhời gửi về kính thăm. Sau này xin được cùng quý nương phân tỏ một đôi câu chuyện.

Nhạn én đổi thay, tháng ngày thấm thoắt, kể từ độ đề tranh sơn thủy tới nay gần đã ba đông."

Vân Anh xem đến câu này, trong bụng cảm động lắm, biết là thư của người khách ngày xưa. Ngậm ngùi nghĩ một lúc, rồi lại xem cho hết bức thư:

"Dầu "nước đi đi mãi chưa về" mà non xanh còn vấn tóc mây thời liệu tưởng được vậy. Lận đận chân mây, bể trần chìm nổi, thân thế dẫu mỗi người mỗi khác mà nghĩ cũng như nhau. Giời tây xế bóng tà dương, tôi thường vẫn nhớ đến quý nương mà cảm tiếc vô hạn,

rằng quý nương là một người tuấn tú trong nữ giới về sự học cũng đã có công phu, nếu không phải cảnh ngộ làm hại người thời như công nghiệp Ban Chiêu, tài danh Tô Huệ, bắc nam dẫu có khác mà xưa nay định cũng không nhường nhau. Vậy mà tạo hóa ghen tài, không cho cành mai kia được riêng nở ở trên núi. Đông phong cánh hạc đào hoa tiếu, bất cộng thanh tùng tuyết lý du. Đương khi tôi được xem hai câu thơ vịnh mai của quý nương, đã muốn vì quí nương phân thuyết [1] chữ đó. Song, nghĩ vì quý nương còn có mẹ già, liệu không thể lấy đâu mà giúp quý nương cho được một cái vốn để quay về buôn bán làm ăn. Cho nên trong khi ấy cũng đành lấy hai chữ số mệnh mà nghĩ cho qua xong sự đời, cho nên giời bảo ai thế nào thời người ấy cứ thế. Sau này quý nương lên Hàng Giấy, tôi nghe nói cảnh ngộ được thư thái, cũng trộm lấy làm mừng. Đó là một lúc quý nương đắc ý, mới thật là một đóa hoa đào trong gió đông, những câu chuyện ngọn tuyết cành mai khi xưa, lại không phải là lúc đem ra nói. Nay thời quý nương đương trong lúc thương cảm, những việc đàn phách liệu cũng không bận đến, vậy xin có mấy nhời, mong được soi xét.

Con người ta ở đời, dù sang hay hèn, đều chỉ là một giấc mộng, quý nương đã nhận rằng như thế. Mộng thời tất có tỉnh. Sau lúc tỉnh mà nghĩ lại trong lúc mộng, thế nào thời khoan khoái, thế nào thời không khoan khoái, tất có khác nhau. Cứ ý tôi nghĩ rằng: Trong lúc mộng mà trong sạch thời sau lúc tỉnh được khoan khoái, trong lúc mộng mà không trong sạch, thời sau lúc tỉnh sẽ không được khoan khoái. Trong lúc mộng, thế nào là trong sạch, thế nào là không trong sạch, tất cũng có khác nhau. Có ý tôi nghĩ: phàm những dơ bẩn không bám vào đến linh đài là trong sạch, trong linh đài để có những sự dơ bẩn là không trong sạch. Bởi thế, người ta đương trong lúc mộng, nên nghĩ sao cho linh đài được trong sạch để sẽ được có phần khoan khoái về sau: chớ sao mộng chỉ là một cảnh mơ hồ mà toàn nhiên không lưu ý trân trọng. Như một giấc mộng trong sự ngủ gặp thế nào thời thế, dẫu ai muốn trân trọng mà không được có quyền: còn như giấc mộng của cả một đời, ai còn ở trong ngày nào thời còn có quyền được giữ cho trong sạch. Những người không cần trong sạch thời không cần giữ, đành đã không kể. Nhiều người muốn trong sạch mà không giữ được, là bị cảnh ngộ làm hại, ấy xưa kia hiền nhân quân tử đã thường, mà nay tôi muốn nói chuyện cùng quý

1. *Phân thuyết*: phân tích để nói cho rõ.

nương tức cũng vì một nhẽ đó vậy. Quý nương tư tình rất trong sạch, nhà nghèo, mẹ già, khó biết lấy gì hiếu dưỡng, cho nên trong mấy năm giời đã qua đó, thôi cũng là một dĩ nhiên. Vả chăng luân thường là một mối trọng nhất của người ta mộng thế, hiếu niệm là một mối trọng nhất của người ta trong luân thường. Quý nương sinh ra làm phận gái, không mày râu, không thưng đấu, mà quạt nồng ấp lạnh, vẹn đạo thần hôn [1]; kính ngọt dâng bùi, trọng tình phản bội. Vậy thời trong giấc mộng thân thế, dẫu có một đôi chút... nhưng trong cũng có thể đối với lương tâm mà xin phần dung thứ, ngoài cũng có thể đối với thiên hạ mà ít nỗi thẹn thùng. Mặc ai tủi lục e hồng, riêng ai ai cũng riêng lòng chuộng ai. Nay thời một đoạn ấy đã qua, quý nương thực có toàn quyền trong giấc mộng. Con tạo hóa đã phó mặc cho cành mai kia được tự do sinh trưởng, có nhẽ không tìm nơi núi cao tuyết trắng, mà tham vui mải thú, theo mãi đời hoa đào trong gió đông hay sao? Tôi viết đến câu này cũng ngại rằng quá bút, song một chút lòng thành hậu khiến cho tôi không cầm bút lại được. Vậy những nhời của tôi đây, may thời là một đôi hạt tuyết, thêm điểm xuyết cho cành hoa mai; chẳng may thời chỉ như cơn gió lốc ở dưới gốc cây đào, tưởng cũng không hại gì đến vẻ cười của đóa hoa kia vậy. Mong quý nương lượng thứ cho là hết.

Về phần tôi ở đây, lưng vốn nhờ người mà buôn bán cũng không ra làm sao, thu xếp lấy một cái vốn để về quê nhà làm ăn, mà không tính sao được, thời không biết có lúc nào lại được tiếp quý nương hay không. Những bài hát cùng làm khi xưa, chẳng qua là trong lúc uống rượu quá vui, xin quý nương đừng đem tuyên bá trong ca trường thời tôi được cảm tạ lắm. Cuối xuân tiết ấm, xa chúc bình an."

Le 15 Avril 1921

Tên ký

Vân Anh trong khi xem bức thư, ngọn trào lòng, như lên xuống, xem đã hết không thấy có đề chủ chỗ ở; tìm lại phong bì thời tự lúc bóc đã xé rách dấu trạm, không biết đâu phát đi. Đặt thư xuống cạnh gối, chùm chăn nằm thật yên, rồi không biết ngủ đi lúc nào mất. Tối đến, một người khách quen đến chơi, lên tận gác, lột chăn ra, đập tay vào đùi, nói rằng: "Ngủ mãi!". Vân Anh chợt tỉnh dậy, đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh! Vội cầm bức thư đút ngay vào túi. Khách

1. *Vẹn đạo thần hôn*: vẹn đạo làm con, sớm tối săn sóc cha mẹ.

cố giằng lấy không được. May hôm ấy là ông khách đến giả tiền, không phải đến hát, Vân Anh dặn người nhà hễ thấy có khách đến, đều nói dối rằng mình về nhà quê vắng. Đêm hôm ấy không ăn không ngủ, ngồi một mình suốt đêm như một cái núi tương tư vậy.

Từ mấy hôm sau giở đi, có khách đến chơi thời chỉ những chị khác ra tiếp mà Vân Anh thời không thấy nữa. Các du tử lấy làm một cái vấn đề lạ, hỏi các chị thời thấy nói rằng: có một hôm Vân Anh gọi các chị em, cho tất cả những đồ đạc, quần áo, vòng xuyến, tiền của, chỉ thấy xếp một cái va li con và mở tủ lấy bức tranh sơn thủy cuộn đem đi, không biết rằng đi đâu.

Tản Đà tùng văn, Hà Nội, 1922.

TRẦN AI TRI KỶ [1]

(Truyện thế gian)

Truyện có hai nhân vật: Thị Hai và bác Cả.

Thị Hai là một gái giang hồ còn giữ được nhân cách. Bác Cả là một khách làng chơi đã gặp Thị Hai nhiều lần. Bác làm thủ quỹ cho một chủ Tây và đánh mất của chủ hai ngàn đồng. Thị Hai nghĩ cách cứu vớt bác. Hai người lấy nhau và nhờ Thị, hai vợ chồng trở nên giàu có. Họ ăn tiêu đàng hoàng cho đến hết nghiệp rồi lại tiêu dao với nhau hết sức tài tử. Hết tiền, bác Cả làm nghề thợ giặt, vẫn chung thủy và lịch sự với người vợ già.

Giăng tà bóng nhạt,
Cầu cao gió đưa,
Ngang cầu điểm điểm hạt mưa,
Tình đà nặng gánh, giời vừa rạng đông.

– Lại đắc cú [2] gì mà ngâm thế?

– À, tôi đương chép cái truyện này.

– Truyện gì, lại Thế gian phải không?

– Phải, chỉ truyện Thế gian là có thú hơn nhất.

– Truyện gì đấy? Hay lại "Cô ba nào"?

– Ai làm gì có lắm truyện cô ba thế. Cái truyện này tôi nghe đã lâu, bây giờ mới đem ra để viết.

– Đã viết được ít nào đấy, thử đưa cho xem nào.

– Tôi hãy nói qua cái gốc truyện để bác nghe đã, rồi hãy xen vào truyện. Nguyên cái truyện này của một người thợ giặt ở Nam Định nói ra, một người bạn tôi nghe thật rõ, lại thuật lại cho tôi nghe và bảo tôi nên chép ra làm truyện. Cứ người bạn tôi thuật lại cho tôi nghe, cũng đã đến mấy năm nay rồi; còn như người thợ giặt ở Nam Định thời bây giờ là ai, tên là gì, còn hay không, không biết rõ.

---

1. *Trần ai tri kỷ*: người biết mình, hiểu mình trên cõi bụi bậm này.

2. *Đắc cú:* đắc ý về một đoạn văn do mình viết ra.

– Cần gì phải biết rõ người ấy?

– Biết rõ được cũng hay, vì người thợ giặt ấy không những là người nói truyện, lại có quan hệ đến trong truyện. Để tôi hãy nói qua truyện về người thợ giặt ấy để bác nghe:

Nguyên ở Nam Định có một người thợ giặt ở về bến đò Trè; hắn dẫu là có hiệu giặt, nhưng ngày vẫn làm cùng các thợ bạn. Trong nhà người thợ giặt ấy có một người đàn bà, đã già mà mù, ngày chỉ ngồi trong giường, những việc như đong đấu gạo, mua bó rau cũng không hề bận đến. Ai không biết, đều nghĩ cho là mẹ người thợ giặt, nhưng chính thực là vợ. Những người đã biết rõ là vợ người thợ giặt thời ai cũng phải lấy làm lạ, vì trông người đàn bà ấy không ra cách người vợ tao khang [1], chỉ là một người đã ăn chơi giang hồ mà nay giở về già; thế mà người thợ giặt kia rất là chiều chuộng, trong nhà không có tiếng bất hòa bao giờ.

– Nghĩ cũng hơi lạ thật. Thế là cái truyện của người thợ giặt ấy nói ra làm sao?

– Cứ người thợ giặt nói thời tôi không được nghe; cứ người bạn tôi thuật lại, cũng đã lôi thôi dài lắm. Nay tôi muốn cứ chép theo nhời người bạn tôi thuật, nhưng cũng linh linh từng đoạn một chưa xếp được thành truyện.

– Thế đã chép ra được đoạn nào chưa?

– Tôi mới thảo ra thôi.

– Đâu? Đoạn thứ nhất đâu?

– Đây, để tôi đọc bác nghe:

"Lúc ấy đã đến một giờ sáng. Thị Hai nằm sắp ngủ, lại thấy có người gọi cửa thời tức là bác Cả. Nghĩ bác Cả vừa ở đây ra về, tại làm sao lại đến? Đến lúc bác Cả vào thời trông mặt như người thất hồn, không hiểu là vì sao. Hai người lại cùng nhau ngồi trong một cái buồng riêng nói chuyện.

Bác Cả nói: Tôi không chắc có sống được nữa không!

Thị Hai: Tại làm sao thế?

– Đánh mất trộm hết cả tiền của ông chủ rồi.

– Mất ra làm sao?

---

1. *Tao khang*: *tao:* bã còn lại, *khang:* cám. *Vợ tao khang:* vợ lấy từ lúc hàn vi, nghèo khổ.

– Lúc tôi ở đây về đến nhà, thấy cửa mở ngỏ, vội chạy ngay vào chỗ tủ để bạc thời tủ cũng đã ngỏ mà tiền mất sạch cả.

– Chết! Chỗ tiền ấy vào bao nhiêu?

– Có đến hơn hai nghìn; còn giấy má lung tung, có mất gì nữa hay không thời tôi chưa kịp xét đến.

– Thế bây giờ anh định nghĩ ra làm sao?

– Tôi không biết nghĩ ra làm sao cả; chỉ vội chạy lại đây nói chuyện, xem mình có cách nào nghĩ cứu tôi được không.

– Anh còn không biết nghĩ thế nào được; huống hồ tôi là một người đàn bà, còn biết làm thế nào mà cứu anh được.

Bác Cả khi ấy ngồi rũ đầu ở dưới ngọn đèn, không có một câu gì nữa. Thị Hai nghĩ một lúc, rồi bảo người tình nhân khốn nạn ấy rằng:

– Từ khi anh có lòng yêu mà đi lại đây với tôi, những tiền anh cho tôi, tôi cũng không sắm sửa gì, vẫn còn để dành cả, để đợi có một ngày ra khỏi đây thời lấy tiền để làm vốn. Số tiền của anh cho mà tôi để dành lại đến nay, tất cả cũng được đến bẩy chục bạc. Bây giờ tôi cho lại anh cái tiền ấy, cùng là cả cái thân của tôi nữa, anh muốn nghĩ làm thế nào cho thoát nạn được thời làm. Thế là tôi ở với anh thật hết tình, không còn có tiếc một tí nào nữa.

Bác Cả nghe nói, như cũng hơi mừng mà rồi lại càng buồn, nghĩ dẫu thế cũng không tính thế nào được; ngồi chỉ thở dài mà điếu thuốc cũng không muốn hút nữa. Ôi! Lầu xanh là chỗ để cho những người trong làng chơi đến giải trí, sao lại có người làng chơi như bác Cả đó, đến đó mà năn nỉ thảm đạm như thể ru? Nửa gian nhà cỏ, một ngọn đèn xanh, hai người gục đầu ngồi đối nhau, trong tình giới đến như thế là u tình? Hay thảm tình?

Thị Hai lại nghĩ một lúc nữa, rồi lại bảo bác Cả rằng:

– Tôi đã cho anh cả người tôi lẫn của, tôi lại nghĩ hộ anh như thế này, nếu anh mà không làm được nữa thời tôi cũng thật chịu.

– Như thế nào?

– Bây giờ đưa nhau đi hẳn một nơi thật xa, anh nhận tôi là một người em gái, số tiền này anh lấy may cho tôi một bộ cánh, rồi tìm một ông chủ nào có thể nương tựa được mà gả tôi cho ông ấy, anh lại ở hầu ông ấy nhân thể. Như thế thời hãy tạm qua được trong lúc này, còn sau này ra làm sao thời đến lúc nào, ta sẽ hay lúc ấy.

– Câu chuyện nói đến đấy, đã gần bốn giờ sáng. Bác Cả cũng đành lấy làm phải, rồi bỏ liều không dám quay về đến nhà nữa. Thị Hai thời vội đi lấy số tiền của mình cất giấu một chỗ, quần lĩnh áo hoa đều để lại giả nhà chủ, chỉ mặc một cái áo vải nâu non ra ngoài cái áo cánh, cùng nhau sấn đêm chốn ra đi, qua cầu Nhị Hà sang Gia Lâm, để đến sáng đi chốn chuyến xe nhất. "Giăng tà bóng nhạt, cầu cao gió đưa, ngang cầu điểm hạt mưa, tình đà nặng gánh, giờ vừa rạng đông".

– Họ đem nhau đi, rồi ra làm sao?

– Còn dài lắm. Để tôi đi tìm rượu uống mấy chén với lạc chơi, rồi ta lại sẽ nói chuyện.

....

"Năm..., ở thành phố Hải Phòng có một nhà, không phải là nhà giàu mà ăn tiêu như một nhà thầu khoán lớn, không phải là nhà quan mà dậm dịch như một dinh ông quan lớn thì xưa, không phải là nhà cho vay lãi mà cũng nhiều kẻ sang người trọng đến quỵ lụy. Trong nhà, đồ dùng cách ăn, tựa theo như của người tây; chủ nhân đi ra ngoài thời xe cao su độc mã [1]. Ai có hỏi nhau rằng ông chủ cái nhà ấy làm nghề nghiệp gì thời nguyên không có nghề nghiệp gì cả; quanh năm vợ chồng chỉ ăn chơi, đàn hát, khách khứa; mùa hè thời nay Đồ Sơn, mai Tam Đảo. Lạ thay! Người ta ở trong đời, thường có hai hạng: phi lao lực thời lao tâm; vậy mà sao có người như ông chủ nhân cái nhà đó, con tạo hóa chiều riêng một cách đến như thế ru? Khách cũng có nhiều người hiếu sự đến khuyên bảo chủ nhân những nhẽ phải: những người khuyên về đường lợi thời có người bảo nên tậu lấy một cái đồn điền, vừa là làm giầu mà cũng là cảnh chơi thú; có người bảo nên mở một hiệu buôn to ở Hải Phòng để cạnh tranh thương quyền với những các khách trú [2]; có người bảo nên mở một xưởng làm đồ để cạnh tranh với ngoại hóa; có người bảo nên mở một cuộc cho vay lãi mà lấy nhẹ lãi, cũng là lợi mà cũng có đức trạch [3]. Có người khuyên về đường danh thời bảo nên mua lấy phẩm hàm. Có người khuyên về công ích thời bảo nên mở một trường học, đón thầy dạy cho những trẻ con ở phố học. Những người có lòng tốt mà đến khuyên bảo như thế, chủ nhân đều lấy làm phải mà đều có nhời từ

---

1. *Độc mã*: một ngựa kéo. Nếu là hai ngựa kéo thì là song mã.
2. *Khách trú*: Hoa kiều tạm trú trên đất Việt Nam.
3. *Đức trạch*: ân đức, biết đạo lý làm người.

tạ, lại đều có khoản đãi mỗi người một món tiền ít nhiều gọi là. Bởi thế cho nên những người đến khuyên cũng mỗi ngày mỗi nhiều. Ấy là những người có bụng tốt mà túng kiết. Lại những người giầu có sang trọng thời có người đến rủ bỏ chung vốn để thầu khoán; có người đến rủ bỏ chung vốn để mở hiệu; có người đến rủ bỏ chung vốn để chung rượu; cũng có người lập hội công ích mà đến rủ vào nhiều cổ phần. Chủ nhân cũng đều lấy làm phải mà đều có nhời từ tạ cả. Lạ thay! Người ta ở trong đời, cảm tình của người đời đối với mình, thường có hai hạng: có người yêu, cũng có người ghét; vậy mà sao có người như ông chủ nhân cái nhà đó, người đời thiện cảm đến như thế ru? Danh thiếp thỉnh thiếp [1] của những người khác gửi lại cho chủ nhân, bỏ đầy chật một cái ngăn tủ mà tự chủ nhân thời không từng có in một tập danh thiếp nào; trong nhà chủ nhân không mấy khi không có khách ăn tiệc uống rượu mà tự chủ nhân không từng có đi ăn tiệc uống rượu của ai mời khi nào. Lạ thay! Người ta ở trong đời phải có thù ứng, nhất vãng nhất lai [2], vậy mà sao có người như ông chủ nhân cái nhà đó, vụng cách giao tiếp đến như thế ru? Nhà người ta thường có khi vợ ghen chồng, chồng giận vợ, quát mắng đầy tớ, chửi đánh om sòm; trong nhà chủ nhân đó thời xuân phong hòa khí suốt quanh năm. Lạ thay! Người ta ở trong đời, sự bất như ý mười phần thường có đến tám chín; vậy mà sao có người như ông chủ nhân cái nhà đó, thật được vạn sự như ý đến thế ru? Cùng là cái hoa mà cái hoa ở trong vườn nhà ấy như tươi hơn; cùng là cái đồng hồ mà cái đồng hồ trong nhà ấy như nhàn hơn. Tự người ngoài mà nghĩ về cái nhà đó, chỉ như con tạo hóa đã bầy ra cái bể khổ thời trong cái bể khổ cũng phải có một cái cù lao cực lạc; nghĩ về hai vợ chồng ông chủ nhân cái nhà đó, chỉ như có đút lót riêng với tạo hóa mà chiếm được nhiều những cái sướng về phần của kẻ khác trong thế gian. Cuộc đời bể dâu, giầu sang mây chó..." [3].

– Đây một đoạn văn này là thế nào?

– Đấy cũng vào cái truyện này đấy.

– Thế cái chủ nhân ở cái nhà này là thế nào?

---

1. *Thỉnh thiếp*: thiếp mời đến nhà mình một cách trân trọng.

2. *Phải có thù ứng, nhất vãng nhất lai*: người ta đến thăm mình thì mình phải đến người ta (để đáp lễ) thì mới phải đạo trong phép giao tế.

3. *Giàu sang mây chó*: giàu sang thay đổi. Đương giàu, có thể thành nghèo, đương sang có thể thành hèn, như hình đám mây biến hóa khi thì có hình con chó, khi thì có hình thú khác.

– Hai vợ chồng chủ nhân cái nhà ấy tức là bác Cả với Thị Hai ấy đấy.

– Tại thế nào mà rồi đến phú quý như thế?

– Ấy cũng còn phải gian truân mất một phen. Khi đem nhau đến Lào Cai, anh chàng nọ lo quá mà rồi thành ra ốm nặng; chị kia còn phải nuôi mãi; sau đến lúc khỏi ốm thời cái tiền bẩy chục bạc đã tiêu mất quá nửa. Rồi sau mãi tìm vào được một ông tây thầu khoán, được y như cái nhời của Thị Hai bàn khi trước, từ đấy mới yên thân. Sau ông chủ ấy về Tây, có cho chị ta nhiều tiền của và một cái tòa nhà ở Hải Phòng. Từ đấy anh chị lấy nhau, chỉ ăn chơi cho thích chí.

– Thế còn cái sự đánh mất tiền của ông chủ trước thời rồi thế nào?

– Anh ta hầu ông chủ sau này, cũng được chủ yêu; lại được có Thị Hai ở đây, cho nên cũng kiếm được khá tiền. Một hôm, anh ta mới thưa rõ cái sự tình ở với ông chủ trước mà đánh mất trộm là sự vô ý, xin nhờ ông chủ sau nói lại cho và xin giả dần lại cái số tiền mất trước, cứ vài tháng nộp lại một bận. Lại được ông chủ trước cũng có lượng, xét ra cái tình thực của hắn, cũng không nỡ bắt đền cả, bảo hắn giả được bao nhiêu thời giả, còn thời cũng thôi! Sau anh ta lại vẫn có đi lại.

– Thế ở Hải Phòng rồi ra làm sao?

– Ở Hải Phòng được gần hai năm, rồi lâm vào công nợ, phải bán cả nhà đất để trang trải, đồ đạc cũng bán đi hết. Giá nợ xong, còn thừa được bốn năm trăm bạc, đem nhau đi chơi các cảnh thắng, như chùa Hương, chùa Thầy, cùng những động ở trong Ninh Bình. Sau còn có hơn một trăm bạc, mới đem nhau về Nam Định mở hiệu giặt.

– Thế tức là anh thợ giặt ấy?

– Phải, chính hắn lại tự nói truyện. Nghe hắn vẫn tự đắc rằng ở đời được một người tri kỷ là vợ, cho nên chị kia dẫu già, mù mà anh ta lại càng quý lắm.

– Như thế kể cũng tri kỷ thật. Không cứ lúc ở Hà Nội trốn đi, lúc nuôi nhau ở Lào Cai; lại như lúc giầu có ở Hải Phòng mà ăn chơi cho hết nghiệp, rồi cùng đi chơi tiêu dao với nhau, chỗ đó mới thật là tri kỷ; chưa thấy có người đàn bà nào coi rẻ sự giầu có đến như thế. Nghe cái truyện anh thợ giặt này, lại nghĩ đến câu: "Tráng bất như nhân, không phụ thử giang hồ chí khí; thế tồn tri kỷ, hoặc lai hồ chi phấn chi hương".

– Ừ, hai câu ấy vào anh thợ giặt này được.

– Thế, truyện này bác định đề là gì?

– Tôi định gọi "Trần ai tri kỷ", lấy hai chữ "tri kỷ" của anh thợ giặt nói ra.

– Độ bao giờ bác soạn xong?

– Cứ kể thời chỉ có bốn hồi: hồi thứ nhất là ở Hà Nội; hồi thứ hai là ở Lào Cai; hồi thứ ba là ở Hải Phòng; hồi thứ tư là ở Nam Định; nhưng soạn cho ra truyện được, cũng thấy khó lắm.

– Dẫu viết thế nào thời cái truyện nó cũng chỉ có thế. Tôi cứ những đoạn văn của bác đã chép đây, cùng là nhời bác nói chuyện, để rồi tôi thử vịnh chơi một bài thơ; bác xem liệu có dùng được thời bao giờ bác soạn xong truyện mà đưa in, in chơi vào sau truyện, làm thơ của thế gian cho vui.

THẾ GIAN THƠ RẰNG

Luân thường đổ nát, phong hóa suy;
Tiết nghĩa rẻ rúng, ân tình ly.
Vợ chồng kết tóc chưa khăng khít,
Nhân tình nhân ngãi còn kể chi.

Trần ai tri kỷ ai với ai,
Chăng là Bác Cả với Thị Hai.
Nào ai khuê tó, ai tài tuấn,
Lầu xanh gặp gỡ người làng chơi.

Nửa gian nhà cỏ ngọn đèn xanh,
Mấy nhịp cầu cao một gánh tình.
Bể khổ đà qua cơn sóng gió,
Giầu sang mây chó kiếp phù sinh.

Cái nợ phong lưu giả đã thừa,
Qua trải hồng nhan mấy nắng mưa.
Hương phai phấn nhạt, duyên càng thắm,
Lòng chàng khi cuối, thiếp khi xưa.

Tri kỷ xưa nay dễ mấy người,
Trần ai nào đã ai với ai.
Nhắn khách giai nhân với tài tử,
Ngồi buồn xem truyện Thế gian chơi.

Đông Kinh ấn quán, Hà Nội, 1922.

GIẤC MỘNG CON (II)

(Du ký - Trích)

Tác phẩm này được xuất bản lần đầu năm 1933.

Phần I viết từ 1916 là một cuộc du lịch bằng tưởng tượng ở hạ giới: sang Pháp, đến Mỹ, qua Bắc Băng Dương, Canađa, Anh, Trung Quốc, Ấn Độ...

Đó là một cuộc thoát ly của một nhà Nho đã từng đọc tân thư Trung Quốc để hưởng cái thú về cảnh vật, phong thổ, những núi tuyết rừng băng, sông dài, hồ rộng, miêu tả trong sách.

Ở phần II viết 16 năm sau, nhà thơ thoát ly lên thượng giới, để thực hiện một chương trình hành động về văn chương và xã hội. Phần này cũng là một lời tự an ủi sau một thời gian lăn lộn mà ít kết quả trong làng báo, làng văn. Tác phẩm đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư tưởng của nhà văn, từ hy vọng sang thất vọng đối với chính quyền thực dân Pháp.

Truyện được xuất bản năm 1933.

Đoạn trích sau đây là nửa đầu của phần II:

Chiều hôm bóng lặn, một mình thơ thẩn đi chơi ở cánh đồng Xa La, trông ra con đường cái Thanh Trì lên Hà Đông thời mấy cái xe ôtô chạy đuổi nhau, cát bay khói trắng; trông ra xa con đường ở Hà Đông lên Hà Nội thời một cái xe điện cũng đương chạy, người đứng chen vai. Đi bách bộ trở lại, đứng mà trông lên thời một con chim diều hâu lượn lờ trên từng cao, không biết là đi đâu, càng trông theo càng thấy nhỏ! Trông theo cho đến hết sức mắt thời chỉ thấy con chim đó càng nhỏ tít mà như đi tít vào mây xanh.

Nghĩ cho con người ta có cái thân ở đời mà nếu không làm nên sự nghiệp gì, thứ nhứt lại sinh làm con trai An Nam đương buổi đời nay, như vẫn có một cái sự nghiệp rất vĩ đại để dành cho, mà nếu chỉ lờ lững ở dưới bóng tà dương, hay chen vai nhau ở trong cái xe điện, thời chẳng thà được như con diều hâu đó, đem cái thân mà làm bạn với trời xanh. Tinh thần đương chú tưởng, thấy một anh chàng dắt con trâu đi qua, hình dung mặt mũi thật là tuấn tú, trông khác hẳn

những người bình dân ở thôn quê, nhân thế mà để mắt nhìn mãi. Anh chàng đó cũng vừa đi vừa ngoảnh cổ lại mình mà nhìn. Một lúc bỗng thấy hắn gọi to lên rằng:

– Nguyễn Khắc Hiếu lại lên đấy ư?

Quái lạ! Không biết anh này là ai, và sao mà biết mình, mà câu hỏi rất là đột ngột. Bụng đương nghi hoặc, miệng chưa kịp trả lời, thời thấy hắn dắt trâu đi trở lại, đến vỗ tay vào vai mình mà nói rằng:

– Anh lên chuyến này hay lắm!

Khi đó mình mới nhận kỹ anh chàng dắt trâu đó thời thật có quen biết, mà nhận kỹ ra nữa thời tức là chàng Khiên Ngưu. Khi đó, mình mới hoảng nhiên tự biết rằng cái thân đã lên đến Thiên giới! Nhưng vì sao bỗng dưng mà lên được thời thật là không hiểu. Ngoảnh mặt trông chung quanh chỉ thấy đồng ruộng mênh mông, ngoài anh chàng Khiên Ngưu với mình duy còn có cỏ xanh vô tận. Bồi hồi cảm tưởng nhân nói chuyện cùng anh Khiên Ngưu rằng:

– Từ khi trước tôi lên hầu Trời mà Trời cho bác đưa tôi về hạ giới, sau đấy nhiều lúc thật nhớ trên này quá mà không sao lên được! Thật lần này cũng không biết tại sao mà tự nhiên lên tới đây. Bây giờ tôi lên đến đây thời nhờ bác giới thiệu cho tôi đến những chỗ chư tiên, ai là có cảm tình với tôi thời tôi ơn bác quá.

– Anh lên trên này thời chư tiên cảm tình nhiều lắm. Nhân lần trước anh lên hầu Trời đọc văn mà chỉ có ở một đêm, các tiên phần nhiều chưa được tiếp, sau rồi họ cứ đến hỏi tôi.

– Những ai?

– Nhiều lắm. Mà phần nhiều là những người ở hạ giới trước sau lên đây thành tiên.

– Như những ai?

– Như các ông Tử Cống, Tử Lộ, Lư Thoa, Hách Tư Lê, lại như Dương Quý Phi, Tây Thi, mà có cả một cô là Chu Kiều Oanh [1] nữa, ai cũng cứ đến hỏi thăm anh mãi.

1. *Chu Kiều Oanh*: Tên một người con gái tưởng tượng xuất hiện ở *Giấc mộng con* tập I. Cô là con Chu Văn Lập, người Sài Gòn sang buôn bán ở Pháp đã hơn 20 năm. Oanh 17 tuổi. Tản Đà lúc tưởng tượng mình ở Pháp đã quen biết cô và hai người có cảm tình đặc biệt với nhau. – Chu Kiều Oanh bây giờ cũng ở trên này ư?

– Có.

Chết thật! Mừng bao nhiêu mà lại tủi bấy nhiêu. Cái thân luân lạc ở hạ giới bao năm nay mà bao nhiêu tri kỷ ở cả chốn thiên đình. Khi ấy mới lại hỏi bác Khiên Ngưu rằng:

– Thế bây giờ bác đánh trâu về chớ?

– Phải, bây giờ tôi đánh trâu qua sông Ngân để về. Anh cùng đi về với tôi.

Theo anh Khiên Ngưu đi đến sông Ngân Hà cùng ngồi lên mình trâu sang qua mặt nước như gương, lòng sông không cát. Sang tới bên kia sông, thấy có một người đàn ông đang đứng tắm. Hỏi ra thời là ông Đông Phương Sóc. Mình nhờ anh Khiên Ngưu đến giới thiệu. Ông Đông Phương Sóc vội vàng thôi tắm, lên mặc quần áo, đi đến cùng chào nhau. Ông nắm tay mà hỏi rằng:

– Ông lên đây bao giờ?

– Thưa ông tôi vừa mới lên.

– Thôi bây giờ ông chào ông Khiên Ngưu rồi cùng đi về với tôi.

Khi đó từ tạ bác Khiên Ngưu rồi cùng đi về với ông Đông Phương Sóc.

Đến chỗ ông Đông ở, thoạt ngồi xong, nước pha chưa kịp uống, thấy hai vị tiên nữ từ ngoài vào, ăn mặc thật là lộng lẫy, trông vào khoảng người hạ giới mình trạc ngoài ba mươi tuổi. Hai vị tiên đó đã ngồi ghế, ông Đông mới trỏ vào mình mà hỏi rằng:

– Chư bà có biết ai đây không?

– Thưa không.

– Nguyễn Khắc Hiếu!

– Đó là ông Nguyễn Khắc Hiếu ở hạ giới mới lên đó ư?

– Phải chính ông ấy...

Lúc ấy mình đứng dậy chắp tay chào. Hai vị tiên cũng chào lại mà nói rằng:

– Mời ông ngồi.

Ông Đông lại hướng vào mình hỏi rằng:

– Ông có biết Chư bà đây là những ai?

– Bẩm không.

– Đây một bà là Dương Quý Phi, bà này là Tây Thi.

Lúc ấy mình thấy trong bụng nó lạ quá!

Tỉnh không ra tỉnh, mộng không ra mộng. Ngồi nhìn người nọ, rồi lại nhìn người kia, nhìn người kia lại nhìn người nọ. Hai vị tiên đó cũng đều để mắt cùng nhìn mình.

Ông Đông Phương Sóc cười mà nói rằng:

– Sự học của nhà Nho hạ giới ta thật là đáng cười! Mình học biết tên người ta, biết thân thế người ta, lại lấy tên của người ta, thân thế của người ta để đem làm văn, làm tuồng hát, đến lúc gặp người ta thời hỏi ra không biết! Như thế mà các ông vẫn tự lấy làm uyên bác lắm!

Khi đó mình cũng hơi xấu hổ, nhưng trong bụng tự thấy khoái hoạt quá, cho nên cũng chẳng đáp lại sao. Rồi Dương Quý Phi nói chuyện với mình rằng:

– Ông có diễn tích tuồng thân thế của tôi, như trong cảnh Bồng lai, khi tôi đối đáp nói chuyện với sứ giả nhà Đường, có câu: "Bồng lai ngày tháng thanh nhàn; cố cung tưởng lại muôn vàn ái ân". Câu đó tôi thiệt chịu là hay, mà sao đúng được tâm sự tôi đến như thế!

Tây Thi cũng lại nói chuyện rằng:

– Trong vở tuồng ông diễn về thân thế tôi, lúc Cô Tô sắp bị tàn phá mà tôi dâng rượu cho Ngô Vương, có câu: "Chén quỳnh pha vị máu tanh, Quân vương ơi, làm cho đổ nước nghiêng thành bởi ai?" Câu đó tôi cũng thiệt chịu là hay. Tâm sự tôi lúc bấy giờ vẫn biết rằng cái thân mình sang Ngô, là tự vua Việt và Phạm Lãi sai sang để cổ hoặc 1, nhưng trông thấy Phù Sai trong lúc ấy thời vô hạn ái ngại, mà nghĩ mình thật là một tội nhân. Quái sao ông không là chúng tôi mà ông tả được cái tâm sự của chúng tôi đúng đến như thế.

Ông Đông Phương Sóc lại nói rằng:

– Như các vở tuồng của ông Hiếu, kể câu hát thời nhiều câu hay, nhưng về cách xếp đặt thời tôi chỉ lấy có một cảnh *Cô Tô tàn phá* làm xứng ý.

Khi đó, mình chỉ cứ ngồi im, nghe chư tiên bình luận. Rồi hai vị tiên khách đứng dậy từ biệt, lúc trở ra, cũng có lời nói rằng:

---

1. *Cổ hoặc:* cổ là một thứ thuốc mê. Vậy cổ hoặc có nghĩa là làm cho bị mê hoặc, đi vào con đường sai lầm.

– Nếu ông còn ở trên này lâu, lúc nào rỗi, qua lại chúng tôi chơi.

– Xin vâng.

Khách đã ra về. Ông Đông Phương Sóc bảo bưng rượu lên uống. Trước khi chưa uống rượu, mình lại hỏi ông Đông rằng:

– Hai vị khách mới rồi đó, bây giờ ở trên này làm việc gì?

– Thanh nhàn thế thôi, không có việc gì cả. Nguyên những người ở hạ giới mà lên đây làm tiên, cũng có chia mấy hạng: thứ nhất là hạng người đạo đức, luân lý, thứ hai là những người nghĩa liệt, thứ ba mới đến những các người tài hoa. Hạng tài hoa ở trong đám chư tiên, kể là kém giá trị hơn hết mà trong một hạng lại có nhiều thứ người, có người có việc, có người không có việc. Như hai người mới rồi đó thì thật thanh nhàn vô sự, thỉnh thoảng họ lại đến chơi tôi.

– Vậy như ông ở trên này thời bây giờ làm gì?

– Tôi cũng là vào hạng tài hoa, nhân tôi có cái tài khôi hài mà trong sự khôi hài của tôi thường có ý phúng dán [1], cho nên lên đây được đức Thượng Đế cho coi về bộ Nhạc.

– Sự nhạc ca ở trên này thế nào?

– Nói về các khúc điệu thời ông không thể biết được. Còn như con hát thời nam linh (kép) một ngàn, nữ linh (đào) một ngàn. Để bây giờ uống rượu, tôi bảo nó đi gọi mươi người đến múa hát cho ông coi.

Khi rượu bưng lên, vừa mới cất chén uống, thời thấy có đến hai mươi người cả nam lẫn nữ, chia hàng sắp lượt cùng ra chào, rồi nhất tề các âm nhạc nổi tiếng, hai bên nam nữ, vừa múa vừa hát, thanh thanh sắc sắc, khách không cốt tục cũng hồn tiên. Xong một cuộc ca võ đó, mình hỏi ông Đông về trong sự diễn kịch như thế nào là hay. Ông trả lời rằng:

– Phàm đã là người văn sĩ mà nếu không biết đến kịch văn thời thật là không đủ tư cách. Tuy vậy, như hiện tình nước An Nam ông ngày nay, các việc cần thiết chính còn nhiều, sự diễn kịch ông cũng nên biết qua mà thôi, không nên lưu tâm lắm là phải.

Nghe câu nói nghiêm chỉnh, mình cũng không dám lại hỏi nữa. Rồi ông Đông lại nói rằng:

---

1. *Phúng dán* (cười cợt để khuyên răn): dùng nghệ thuật trào phúng hài hước để khuyên răn bỏ điều xấu, làm điều tốt.

– Hôm nay ông mới lên chắc mệt. Thôi uống rượu xong ta đi nghỉ, để đến mai tôi sẽ đưa ông đi chơi đến các nơi.

Sáng hôm sau ngủ dậy, cùng đi chơi với ông Đông Phương Sóc. Tới một nơi cung điện, lung linh bóng lộn, xa trông phảng phất như nhà ông Thống trưởng ở nơi "cõi đời mới" thấy trong "Giấc mộng con" khi xưa. Mình bèn hỏi ông Đông rằng:

– Cung điện này là thế nào?

– Cung điện này tức là cung Quảng Hàn chỗ của Hằng Nga ở.

– Có thể vào coi được không?

– Nếu ông muốn ở lâu dưới hạ giới thì vào coi cũng được, nhưng mời ông vào một mình, tôi đây thì không dám.

– Thế là sao?

– Để tôi nói cho ông nghe.

Khi đó cùng đi đến một chỗ gốc đa ngồi, rồi ông Đông thuật chuyện rằng:

– Nguyên xưa ông ở trên này là một vị Khuê tinh, Thượng Đế có lòng yêu lắm. Một khi ông dám làm thơ liệng sang cung Quảng Hàn, bị thằng Cuội bắt đem trình Thượng Đế. Ngài giận mới đầy ông xuống hạ giới. Ông đã bị xuống ở hạ giới mà lại còn làm thơ, làm bài hát nói láo, như vẫn có ý bờm sơm với Hằng Nga, làm cho Thượng Đế càng giận, tăng thêm cái hạn đầy ông hai mươi năm nữa. Nếu bây giờ ông lại vào coi cung Quảng Hàn thì không biết tới bao giờ mới được thoái hạ giới mà trở về cõi tiên?

– Thế như các ông trên này thời thế nào?

– Nguyên trước chỉ có cấm cái chỗ Hằng Nga ở mà thôi; còn như các vườn cảnh chung quanh thời vào coi cũng được, từ khi ông làm bậy như thế, thành ra bây giờ rất nghiêm cấm.

Đương nói chuyện thời có một anh chàng nho nhỏ đi tới. Ông Đông bảo tôi rằng:

– Đây là anh Cuội đây.

Cuội cũng hỏi lại mình, xong rồi cùng ngồi cả ở gốc đa nói chuyện.

Cuội nói:

– Ông bây giờ đã bớt ngông chưa?

– Tôi ngông đã bằng anh nói dối đâu!

– Các anh ở hạ giới chỉ bậy. Các anh có nghe thấy tôi nói một câu nào, mà dám bảo là tôi nói dối. Tôi thời thấy ở dưới ấy anh làm báo nói láo, anh buôn bán thời quảng cáo điêu ngoa, rút lại toàn là nói dối cả. Như thế mà lại dám đem cái tiếng "nói dối" để đổ cho người ta!

Ông Đông nói:

– Thôi đi chơi.

Hôm ấy là phiên chợ trời, nhân từ giã chú Cuội rồi cùng đi ra chợ chơi. Buổi chợ nhóm đương đông, quần tiên mây họp, chen vai nhau mà đi. Nhiều các cô tiên thật xinh, đi chạm vai vào mình thời họ tất cả mỉm cười. Ông Đông Phương Sóc cũng cười mà hỏi tôi rằng:

– Ông có biết tại sao những cô tiên đó hay cười ông? Mà các cô khác không chạm vai ông thời họ không cười?

Mình trong bụng hồ nghi, có lẽ là những cô tiên đó yêu mình chăng? Nhưng có đâu được cái hạnh phúc đến như thế? Nhân cũng cười mà nói rằng:

– Tôi không hiểu.

– Các cô tiên khác không chạm vai vào ông thời họ không biết ông là ai, cũng tưởng như chư tiên ở trên này, còn ai chạm vai ông mà họ cười, là họ thấy ông có *trần cốt*.

Nghe câu đó thẹn quá. Nhưng thôi, được một cái cười của người tiên cũng quí là.

Vào chợ, đi tới chỗ bán hoa, chỗ bán quả, như cái rừng quả, chỗ bán rượu như cái rừng rượu, chỗ bán sách như cái rừng sách. Các sách như *Khối tình con, Giấc mộng con, Đài gương kính, Đài gương truyện, Lên sáu, Lên tám*... có đủ cả. Bụng nghĩ các sách của mình bây giờ lưu hành lên đến đây, không biết vì sao buôn được lên, chớ thật mình cũng chưa từng có gánh lên bao giờ. Sau nghe ông Đông Phương Sóc và chư tiên nói chuyện thời mới hiểu ra rằng:

Chợ trời không phải là chỗ để buôn bán, mà ở nơi tiên giới có dùng chi đến tiền. Vậy thời sao? Nguyên sự thể ở Thiên đình, mỗi người mỗi việc cũng có phần ít người không có việc thời đối với chư tiên có phần kém giá trị mà các vật cần dùng thời chỗ chợ đó là của chung cho khắp cả ai ai. Rượu ai muốn uống, tha hồ uống, hoa ai muốn lấy tha hồ lấy, quả, ai muốn ăn, tha hồ ăn, sách ai muốn coi,

tha hỏi coi. Những các cô tiên mà mình thấy là bán rượu, bán hoa, bán sách, bán quả đó đều là người giữ về các chức việc ấy. Phiên chợ thường hàng ngày thì chỉ có hoa quả, đến phiên chính thời mới có sách với rượu. Cho nên mỗi phiên chợ chính, chư tiên đến thật đông. Chợ rộng không biết là bao nhiêu, mà các vật bày ra đó thời chỉ có ba thứ: Nhiều nhất là hoa quả, thứ hai đến sách, thứ ba là rượu. Ngoài ra chỉ có nước uống mà thôi. Ba thứ đó, chư tiên nhất thiết bình đẳng, cho nên có bày ra ở chợ, để cho ai nấy đều được hưởng tự do. Còn như về sự mặc thời mỗi người có khác: tuy là đồ mặc thường, nhưng ai nên mặc thế nào, ai được mặc thế nào, đều có nhất định không lộn xộn được, cho nên không có bày ra ở chợ mà do một người ban bố riêng. Than ôi! Chợ như thế mới là chợ! Trời như thế mới là Trời! Thật là "Thủ chi bất cấm, dụng chi bất kiệt" [1]. Thật là "chí công vô tư"! Nghĩ cho cái tư tưởng *đại đồng* ở hạ giới mà có ngày được thực hiện như thế chăng, thời thật là hạnh phúc cho nhân loại biết bao!

Đương nói về chuyện sách. Phàm các sách ở hạ giới, trên Thiên đình muốn có thứ nào thời Trời bảo lấy lên, mà sự kéo lên đó, có nhiều người chức trưởng. Như các sách chuyện của An Nam thời giữ việc kén đó là ông Hàn Thuyên, mà coi về sự phát hành thời cô Xuân Hương với bà Thị Điểm. Chợ trời có đủ các thứ, sách của An Nam ta thời lơ thơ ít lắm, chỉ có mươi thứ như *Đài gương, Lên sáu...* đó mà thôi.

Đi chơi chợ hôm ấy suốt ngày, mãi đến chiều hôm mới trở về. Khi đó chợ đã tan, thấy các người quét chợ, ăn mặc tiều tụy, hình mạo quái ác, mà ai nấy đều có đeo một phiến như bằng một thứ xương ở trước ngực. Không hiểu ra làm sao, mình mới hỏi ông Đông Phương Sóc.

Ông nói rằng:

– Đây là những người tù ở Địa ngục dẫn lên. Mỗi người có đeo một cái phiến xương là để yết tên và cái tội vào đó, cho công chúng cùng biết. An Nam ông cũng có nhiều người ở bọn đó, để tôi liệu trỏ cho ông coi.

1. *Thủ chi bất cấm, dụng chi bất kiệt*: tha hồ lấy, không ai cấm, tha hồ dùng không bao giờ hết.

Đi lại gần những người quét chợ, theo ông Đông Phương Sóc trỏ mà nhận ra, thời thấy có những người, đeo cái phiến yết tên là Lương Nhữ Hốt, Nguyễn Văn... gì Nguyễn... gì trông không được rõ lắm, vì chữ khắc nhỏ quá! Trên chữ tên lại đều có hai chữ Nho trông kỹ mãi mới thấy, thời như là hai chữ "bội quốc".

Ông Đông Phương Sóc lại nói chuyện với mình rằng:

– Cứ tôi nghe các ông tòa án ở trên này nói chuyện thời nước An Nam ông lại sẽ có mấy người xung vào số tù đó. Thiên cơ bí mật, không thể tuyên tiết [1] được, cho nên họ không dám nói rõ.

Do ông Đông Phương Sóc giới thiệu mà biết rộng chư tiên, lại do chư tiên giới thiệu mà biết rộng ra dần mãi. Nay hãy nói về trong khi đến thăm cụ Hàn Thuyên.

Thoạt mới đến thấy cụ mừng rỡ mà nói rằng:

– Ông lên trên này chơi, thật là may cho tôi quá. Một mình tôi phải coi một cuốn báo, làm suốt ngày suốt đêm.

– Thưa cụ ở trên này cũng có làm báo?

– Nguyên trước thời không có, tại gần đây các việc hạ giới rất là phân phồn [2], đức Thượng Đế ngài bắt làm báo để chư tiên ở xa đều được rõ. Báo ở trên này gọi là "Thiên triều nhật báo", mỗi ngày ra một kỳ, trong có đủ các chữ và các việc của vạn quốc ở hạ giới. Trên này có ông Nguyễn Sĩ Cố giúp về phần hài đàm [3], cô Chu Kiều Oanh giúp việc dịch báo Pháp, ngoài nữa thời cô Xuân Hương với bà Thị Điểm thỉnh thoảng có lai cảo ít nhiều bài văn uyển mà thôi, còn thời một mình tôi phải viết cả. Bây giờ ông lên đây thời ông ở lâu lại chơi để giúp tôi.

– Thưa cụ, tôi ở dưới ấy cũng còn việc "An Nam tạp chí", có lẽ không ở lâu trên này được.

– Ừ thời ông hãy ở giúp tôi ít lâu.

– Thưa cụ, sự thể làm báo cùng là cách viết văn ở trên này, tôi chưa được hiểu, sợ viết ra không hợp chăng.

– Để tôi bảo lấy một trương cho ông coi.

---

1. *Tuyên tiết*: (tuyên bố để tiết lậu): nói lộ bí mật cho người khác biết.

2. *Phân phồn*: (*phân*: phát ra từ cửa miệng. *Phồn*: nhiều, phong phú). Các việc hạ giới rất là phân phồn: ý nói các việc xảy ra ở hạ giới được nói đến nhiều lắm.

3. *Hài đàm*: (hài hước, đàm luận). Mục hài đàm là mục ở các báo dành để bình luận thời sự, công việc một cách hài hước vui cười.

Cụ bảo rồi, một lát thấy có bốn thằng nhỏ khiêng một tập báo ra, rộng vuông bằng một chiếc chiếu mà bề cao ước đến một thước tây. Bụng nghĩ: Cụ bảo lấy làm gì nhiều thế? Đến lúc tập báo đem tới, thấy cụ giở mãi, thời mới rõ chỗ báo đó tức là một trương gấp lại mà đến như thế. Cụ kiếm khu báo An Nam mãi mới thấy, bảo mấy đứa nhỏ mở ra cho mình coi. Bài xã thuyết in chữ thật to, đứng xa có thể coi được. Mình coi bài xã thuyết trong số báo ấy, viết rằng:

Chiến tranh và hòa bình

Từ khi hạ giới có Âu Châu đại chiến, nhiều người xướng lên cái chủ nghĩa hòa bình. Nghĩ như cái chủ nghĩa hòa bình há chẳng là hạnh phúc cho nhân loại. Song, nếu muốn hòa bình thời phải công bình trước. – Thiên triều từ nay giở về trước, cách khu xử về địa cầu hạ giới thực rất là không công. Nghĩa là sao? Giời đã sinh ra các dân tộc ở địa cầu, cũng đều cho cái hình thể đầu đội trời, chân đạp đất: mà sao lại có dân tộc này thời khôn, dân tộc kia thời dại, dân tộc kia thời sướng, dân tộc kia thời hèn? Nếu cái chỗ lộn xộn ấy mà không sửa lại cho công bình thời chưa nên cho hạ giới hòa bình, cứ còn phải có nhiều phen tranh chiến.

Đức Thượng Đế nghĩ sao?

Các Nam Tào, Bắc Đẩu nghĩ sao?

HÀN THUYÊN

Đọc xong mình thưa rằng:

– Cứ như bài văn của cụ đây, thật là giản kính hùng hồn, các quốc văn ở hạ giới bây giờ chẳng bài nào có thể sánh kịp. Nhưng xin cụ cho phép hỏi: Sao bài xã thuyết mà cụ viết ngắn như thế?

– Đấy, ông xem cứ tờ báo như thế mà mỗi ngày ra một kỳ, mỗi kỳ lại bao nhiêu bài xã thuyết của vạn quốc, nếu mình mà viết dài thời ai có thì giờ coi. Như bài này tôi còn hiềm rằng dài quá, nếu ông có viết thời viết ngắn hơn nữa càng hay.

Xem xong bài xã thuyết, xem xuống cho đến hết. Về mục thời đàm. Cụ cũng có nói đến "An Nam tạp chí", câu cuối, cụ viết rằng:

"Than ôi! An Nam tạp chí mà đến nỗi phải tạm đình bản, thời còn gì là An Nam!".

Ở ít lâu với cụ Hàn Thuyên, cũng viết giúp cụ được nhiều bài báo: xã thuyết, văn uyển, thời sự, tiểu thuyết, mình đều có viết cả. Văn của mình thời không thể sánh với văn cụ được, nhưng cũng nhớ đại ý về mấy bài xã thuyết như sau:

Một bài nói về *nữ công ở Thiên Đình* đại ý rằng:

"Ở trên này bây giờ trong nữ lưu bao nhiêu người ngồi không, như Dương Quý Phi, Tây Thi, mà để một mình Chức Nữ dệt, thời không đủ thức mặc cho chư tiên. Huống chi mỗi ngày ở hạ giới các người thành tiên lên còn nhiều, thời cái vấn đề "mặc" rất là nguy hiểm. Vậy mong đức Thượng Đế lập ra một sở dệt để cho Chức Nữ dạy cho các tiên bà tiên cô...".

Những bài nói về việc thủy hạn và việc hôn giá ở hạ giới, thời đại ý rằng:

"Nên đem Thủy Thần, Hạn Bạt và Nguyệt Lão, đánh trượng mỗi kẻ một trăm, để hả lòng nhân dân ở hạ giới và trừng giới về tương lai...".

Một hôm thấy cụ Hàn Thuyên đi chầu về, có vẻ vui mừng mà nói rằng:

– Trời khen phần báo An Nam tấn tới lắm. Tôi tâu là có ông mới lên chơi viết giúp. Trời truyền mấy hôm nữa nhân có kỳ đại trào thời bảo ông theo tôi cùng vào chầu.

Buổi đại trào ở Thiên đình mình theo ông Hàn Thuyên cùng vào. Chuyến này hầu Trời khác hẳn như chuyến trước. Chốn Thiên đình uy nghiêm lộng lẫy, đức Thượng Đế ngồi ngai giữa, hai bên chư tiên đều có ban thứ: ban đạo đức, ban triết học, ban khoa học, ban văn chương, nhiều lắm, không thể nhận cho hết. Một lát thấy có lịnh truyền đòi Nguyễn Khắc Hiếu lên bệ kiến. Khi ấy mình theo sứ giả lên, quỳ ở trước thiên nhan.

Ngài hỏi rằng:

– Việc "thiên lương" ta sai con làm, đã xong được ít nào chưa?

– Dạ, tâu Thượng Đế, con ở hạ giới thực bận quá, việc "thiên lương" con mới làm được có mấy đoạn, có tạm đăng ở tạp chí "An Nam".

– Vậy sao không thấy Hàn Thuyên tâu? Ta sai con xuống trần giới, chỉ cốt có một việc đó, còn như các việc làm văn khác, chẳng qua là ta cho con có cái sinh kế ở dưới trần. Vậy từ nay con

phải để thì giờ mà làm dần việc "thiên lương" đó đi, thời con sớm được trở về tiên giới [1].

Tôi cúi đầu vâng dạ, rồi Trời truyền cho ra. Lúc quay ra, thoáng trông hai bên thấy cụ Khổng, ông Mạnh, ông Hoa Thịnh Đốn, ông Lư Thoa... đều có cả, ai ngồi ghế nào thì đã có tên đề rõ ở chỗ ấy.

Sau buổi đại trào ở Thiên đình hôm ấy, mà mình mới đi chơi thêm nhiều nơi.

Buổi sáng mai hôm sau đến hầu đức Khổng. Vừa đến cửa, gặp ông Tử Cống cùng đưa vào.

Các ông Nhan Tử, Tử Lộ, Nhiễm Cầu tất cả chừng đến hai mươi ông đã ở đấy trước. Khi đó Ngài đang giảng về nghĩa kinh Dịch. Thấy Ngài giảng rằng:

– Hai chữ "tùy thời" nghĩa là theo thời, nhưng không phải tự lấy mình mà chiều theo thời thế, chính là lựa theo thời thế mà liệu việc của mình. Như ta trong khi Công Sơn Phất Nhiễu, Bật Mật họ tìm, đón, ta thật muốn đi lắm, nhưng xét ra mấy người ấy không đủ cùng làm việc cho nên ta lại thôi. Nếu mấy người ấy mà đủ làm nên công việc để cứu dân thời ta cũng muốn được như ông Thái Công, Y Doãn. Đó là thời nên làm mà cái thế riêng không làm được, cho nên phải chịu thôi. Có cả thời mà có cả thế thời như ông Thái Công gặp vua Võ, ông Y Doãn gặp vua Thang, như thế mà tùy thời để cứu dân, thật là thuận tiện. Chữ *tùy thời* mà nói cho thật đúng nghĩa thời chỉ như hai vua Thang, Võ khi xưa. Các ngài thấy cái đời Kiệt, Trụ, nhân dân lầm than, mà các ngài đành phạm tội phóng thí [2] để cứu dân, là trong bụng các ngài nghĩ rằng: Thời như thế phải làm như thế. Như thế mới thật là "tùy thời". Gần đây ta nghe các học giả phương Nam, nhiều người hiểu lầm hai chữ tùy thời là nghĩa tùy theo thời thế, thời thế nào thời mình phải theo thế. Tiếc không có ai giảng dụ cho chúng, để cái nghĩa tùy thời ở Kinh Dịch thành ra làm hại cho một phần dân tộc ở Á Đông. Ta mỗi khi nghĩ đến thật buồn quá!

Ngài giảng xong các ông đều im cả, không ai có câu gì dám thưa. Nhân trong lúc tĩnh mịch, mình nhờ ông Tử Cống đứng dậy bẩm Ngài rằng:

---

1. *Trở về tiên giới*: làm xong việc truyền bá thuyết "Thiên lương" thì Tản Đà sẽ được trở về tiên giới. Bài luận về thuyết này, nhà thơ đã đăng mấy đoạn đầu ở cuốn *Khối tình con* rồi lại đem in lần nữa ở *An Nam tạp chí*.

2. *Phóng thí*: phóng là bỏ đi, trừ đi, thí là giết kẻ bề trên ở đây là giết vua Kiệt, vua Trụ để cứu dân.

– Có Nguyễn Khắc Hiếu ở An Nam mới lên vào hầu. Ngài cho gọi tới gần Ngài mà nói rằng:

– Nho giáo mỗi ngày càng suy đồi, ở Trung Quốc bây giờ luân lý cũng kém lắm! Có trách gì dân tộc An Nam. Rồi sau đây có lẽ cái thế lực văn minh phương Tây làm cho đến đổ hết, nhưng giữ được ngày nào thì cũng hay ngày ấy. Hoặc giả sau này Thượng Đế có thương hại, thời Nho giáo lại chấn hưng cũng nên. Song hiện nay nếu không có người duy trì, thời còn đợi đâu đến khi đó. Ở nước An Nam ta nghe có anh là chân tâm với Nho học, vậy anh cũng nên nhận lấy cái việc đó làm việc mình.

– Dạ, chúng con cũng mong muốn như thế lắm, nhưng tự liệu tài sắc không đủ.

– Việc gì nghĩ nên làm thì cứ làm, được đến đâu hẵng hay đến đấy, còn nếu như nói về tài sức thời dầu ở Trung Quốc bây giờ nghĩ cũng không có ai.

– Dạ.

Tan buổi học, cùng lui ra. Mình từ biệt các ông, rồi đến thăm hầu cụ Nguyễn Trãi.

Chỗ cụ Nguyễn Trãi ở rất là thâm nghiêm. Mình mới tới cửa, xưng danh, anh gác cửa không cho vào, nói là: Cụ ít khi có tiếp khách. Sau phải bảo anh rằng:

– Tôi là người nước nhà ở hạ giới không mấy khi lên tới đây. Bác cứ vào bẩm giúp, chắc thế nào cụ cũng tiếp tôi.

Anh ta có vẻ bất đắc dĩ mà vào, một lát trở ra, thời quả nhiên là cụ cho gọi.

Theo anh canh cửa vào, thấy đưa thẳng ra vườn hoa phía sau, nói rằng cụ đang ngồi đợi. Mình thấy cụ bắt hai tay ra đằng sau, đương đi bách bộ, vẻ mặt coi thật là buồn rầu, mà như ý trầm tư lắm lắm. Mình đến giáp trước mặt cụ, cúi đầu chắp tay chào.

– Anh Hiếu. Tôi đương buồn, anh đến chơi cũng hay.

Rồi đó cụ sai lấy bàn, ghế và rượu, quả ra uống. Mình từ tạ không dám ngồi. Cụ nói:

– Ở trên này không như dưới hạ giới, ai đã lên tới đây thời coi nhau là tiên cả. Huống chi tôi với anh lại là anh em trong một nhà thời anh đừng nệ.

Cụ bảo mãi, mình không dám từ chối quá, phải bắc lệch cái ghế rồi ngồi.

Cụ cầm ve rượu rót cho mình và nói rằng:

– Cái này tôi cũng không uống được mấy, nhưng buồn quá thời mượn nó để tiêu sầu. Anh có uống được cứ uống.

– Dạ.

Uống một hai chén rượu không thấy cụ nói chuyện gì, sắc mặt cụ thì chỉ thấy cứ như thể buồn rầu nghĩ ngợi.

Mình mới thưa rằng:

– Bẩm như cụ, công nghiệp như thế, mà cái cảnh ngộ về sau không ra sao, người nước ta sau này đọc sử đến chỗ đó, ai cũng phải lấy làm buồn.

– Cái cảm giác của người đọc sử thế nào thời tôi không biết, còn như tôi mà buồn, không phải là buồn về sự dĩ vãng của tôi mà chỉ là buồn về vận hội sau này của nước nhà. Đời không có hào kiệt thời chẳng thà nước đừng có giang sơn. Tôi thường khi ngồi hầu chuyện đức Thái Tổ mà cùng nói đến lúc nào, chỉ tiếc rằng cái thân con người ta không mỗi lúc mà được tái sinh ở trần thế!

Nói đến đây thấy cụ như muốn sa nước mắt. Mình cũng vừa buồn vừa thẹn, không biết dám nói lại ra làm sao.

Lúc ấy cụ uống như đã say, càng hiện vẻ lâm ly cảm khái, mà từ đấy cụ uống lại càng nhiều. Mình nguyên uống được nhiều nhưng ngồi hầu cụ thời dẫu cụ có nhắc, cũng chỉ uống cầm chừng mà thôi: đến lúc ấy bất giác cũng uống những hớp rượu thật to, như không uống thời không qua được cái thời khắc.

Trong khi đã cùng say cùng uống. Cụ nói chuyện với mình nhiều câu có câu như cụ khuyên, có nhiều câu như cụ dạy, có câu như cụ khen, lại có lắm câu như cụ gắt. Mình thời chỉ hoặc dạ, hoặc ngồi im, dẫu có muốn nói một câu rằng *con tự liệu không có tài* thời cũng không dám nói, vì sợ cụ bao nhiêu thương cụ bấy nhiêu. Vườn cây u uất, tiệc rượu trầm sầu, một tia bóng tà dương soi xế ở gốc cây, thoạt nhìn thấy, tưởng như thể một nhà trinh thám. Trong một đời biết bao lúc cùng ai uống rượu, cùng ai uống rượu như cùng ai!

Nhà xuất bản Hương Sơn, Hà Nội, 1941.

ĐOÀN NHƯ KHUÊ
(1883–1957)

Tự là Quý Huyền, hiệu là Hải Nam, người làng Hải Yến, nay là xã Quốc Trị, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, ông có thi Hương, vào đến nhị trường.

Sau khi thi Hương bị bãi bỏ, ông lên Hà Nội, viết văn và dịch sách. Có thời kỳ ông làm Chủ bút tờ *Thương báo*. Trong kháng chiến chống Pháp có thời gian ông tham gia Ban Cổ học của Hội Văn hóa kháng chiến Liên khu III (1947–1949). Vào cuối đời, ông ở Hà Nội, làm công tác dịch thuật và mất tại đây.

Những tác phẩm chính của ông:

Một tấm lòng, Nhà in Mạc Đình Tư, Hà Nội, 1917.

Cảo thơm toàn tập, Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà Nội, 1924.

Luận ngữ cách ngôn, Nhà in Nghiêm Hàm, Hà Nội, 1927.

Qua những tác phẩm trên, ta thấy tác giả có một mối quan tâm đến đất nước (*Một tấm lòng*), quan tâm đến việc bồi dưỡng đạo đức *(Luận ngữ cách ngôn)*, và nêu cao vốn quý văn học dân tộc (*Cảo thơm toàn tập*). Riêng với *Một tấm lòng*, ông đã có công góp phần làm phát triển thơ chữ quốc ngữ trong buổi phôi thai.

*

MỘT TẤM LÒNG

Một tấm lòng của Hải Nam Đoàn Như Khuê in lần thứ nhất năm 1917 [1]. Đây là một trong những tập thơ bằng quốc ngữ ra đời sớm nhất ở Bắc Kỳ. Trong tập thơ này, thơ ca xếp theo thể loại: lục bát, song thất lục bát, cổ phong thất ngôn, tứ lục, thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, hát nói, hát xẩm, tập Kiều, v.v... Thể loại được dùng nhiều nhất là lục bát.

Nội dung thơ có nghiêng về hướng đời thường. Tác giả chú ý đến những cảnh đời thực như: đi cấy, đi chợ, đi cày, phong cảnh, trời đất... hơn là những đề tài ước lệ phong, hoa, tuyết, nguyệt... Lời thơ uyển chuyển, ít chữ Hán, ít điển cố.

---

1. In lần thứ hai năm 1924 ở Nghiêm Hàm ấn quán, Hà Nội. Bản in lần thứ nhất không còn tại Thư viện Quốc gia, chúng tôi dùng bản in lần thứ hai.

Trong khi chữ quốc ngữ còn chưa được thông dụng ở miền Bắc, tập thơ *Một tấm lòng* của Hải Nam Đoàn Như Khuê có một tác dụng nhất định đối với quá trình phát triển thơ quốc ngữ trong nền thơ Việt Nam.

VỊNH HỒ HOÀN KIẾM

Khen ai khéo vẽ địa đồ!
Giữa nơi thành thị có hồ vào trong.
Ngựa xe vắng cách bụi hồng,
Một tòa cổ miếu, một dòng thanh lưu [1].
Trăng soi nước, nước in lầu,
Tiếng chuông kim cổ, dịp cầu tang thương.
Cỏ hoa ánh bóng tà dương,
Nghìn xưa hưng bá đồ vương chốn này. [2]

Một tấm lòng, Nhà in Nghiêm Hàm,
Hà Nội, 1924.

*

VỊNH KHOA THI NĂM ẤT MÃO [3]

Thi cử năm nay đổi những gì [4]*?*
Vẫn ba lối chữ bốn kỳ thi [5].
Mấy lần nộp quyển, hai lần hạch [6],

---

1. *Thanh lưu*: dòng nước trong. Ở đây chỉ hồ Hoàn Kiếm tại Hà Nội.

2. *Hưng bá, đồ vương*: (*hưng bá*: dấy nghiệp bá; *đồ vương*: mưu làm vua) Hà Nội là kinh đô Thăng Long thời Lý, Trần, Lê xưa. Tại đây đã xảy ra những cuộc dựng nghiệp của triều đại này và sự tiêu vong của triều đại khác.

3. *Ất Mão:* tức năm 1915. Đây là khoa thi Hương cuối cùng dưới chế độ phong kiến ở Bắc Kỳ. Ở Trung Kỳ còn thi một khoa nữa vào năm Mậu Ngọ (1918), sau đó mới bỏ hẳn thi Hương.

4. Khoa thi này có sự thay đổi là trong bài thi thứ hai (đệ nhị trường) đầu bài luận quốc ngữ lại viết bằng chữ Pháp, khi làm bài, học trò dùng chữ quốc ngữ để viết. Ngoài ra, kỳ này vẫn phải thực hiện đầy đủ những sự thay đổi đặt ra từ khoa Kỷ Dậu (1909) và khoa Nhâm Tý (1912).

5. *Bốn kỳ thi*: tức bốn đợt làm bài trong kỳ thi Hương, thuật ngữ chữ Hán gọi những kỳ thi đó là trường (đệ nhất trường, đệ nhị trường, đệ tam trường, đệ tứ trường)

6. *Hạch*: nguyên nghĩa chữ Hán là xét nghiệm để tìm thực chất. Ở đây, chỉ kỳ thi cuối cùng (đệ tứ trường) để quyết định ai đỗ hỏng. Khoa thi Ất Mão này, lại có hai bài trong kỳ hạch: một bài luận bằng chữ Hán, một bài luận bằng chữ quốc ngữ. Vì thế tác giả mới nói là *hai lần hạch*.

Mười kẻ vào xem, một kẻ đi [1].
Thịnh điển vẫn còn treo bốn chữ, [2]
Tân quy nghe đã yết đầy vi [3] .
Anh em đừng cậy văn Nghè, Bảng [4],
Già nửa thu công ngọn bút chì [5] .

Một tấm lòng, Nhà in Nghiêm Hàm,
Hà Nội, 1924.

*

PHONG DAO

Cảnh trời ai bán ta mua,
Mua non, non Thúy, mua chùa, chùa Hương.
Mua hoa mới nở giữa vườn
Mua trăng mới mọc trên sườn núi cao.

*

Lênh đênh một lá thuyền tình,
Ngược xuôi xuôi ngược có mình với ta.
Phòng khi gió táp mưa sa,
Mình vào giữ lái, ta ra cuốn buồm.

Một tấm lòng, Nhà in Nghiêm Hàm,
Hà Nội, 1924.

*

---

1. *Cả câu*: trong mười người đi thi, chỉ có một người được đi vào phúc hạch, đợt cuối của kỳ thi. Ý nói kỳ thi này khó.

2. Theo một thể lệ có từ lâu, tại cổng các trường thi Hương, quan trường cho treo cái biển đề bốn chữ Hán *Phụng chỉ cầu hiền* (Vâng lệnh vua, kén người giỏi).

Đó là một nghi thức to lớn (thịnh điển) cho các khoa thi.

3. Những quy chế mới (tân quy) đã niêm yết đầy các vi (các khu vực thi). Ý nói những quy định về các bài làm bằng chữ quốc ngữ được dán tại các vi để sĩ tử căn cứ vào đó mà làm bài.

4. *Văn Nghè, Bảng*: văn đáng đỗ Tiến sĩ (Nghè) hay Phó bảng (Bảng).

Cả câu: anh em thí sinh đừng cậy rằng mình giỏi chữ Hán đáng đỗ Nghè, Bảng, vì khoa này có cả bài làm bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp.

5. Cả câu ý nói: Phần lớn kết quả thi phụ thuộc vào các bài văn chữ quốc ngữ và chữ Pháp (công của ngọn bút chì), chứ không phải vào văn chương chữ Hán.

LO LỤT (1917)

Mười trượng đê cao nước cũng cao,
Cơ mầu lại muốn lụt hay sao? [1]
Dân tuy chưa ngập, gần xiêu cả,
Giời tính ra tai đến nước nào?
Các tỉnh ồn ào tin chỗ vỡ,
Năm canh thấp thỏm trận mưa rào.
Giật mình nhớ lại hai năm trước [2]*,*
Tháng chín đồng ta nước ngập vào.

Một tấm lòng, Nhà in Nghiêm Hàm,
Hà Nội, 1924.

BỂ THẢM

Bể thảm mênh mông sóng lụt trời!
Khách trần chèo một lá thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thảm thôi.

Coi lại cùng trong bể thảm thôi,
Nổi chìm, chìm nổi biết bao người!
Kiếp người nghĩ cũng lênh đênh quá,
Quá cánh bèo trên mặt nước trôi.

Quá cánh bèo trên mặt nước trôi,
Nước trôi bèo nổi ngán cho đời,
Cuộc đời đổi đổi, thay thay mãi,
Trải mấy lần dâu hóa bể khơi.

Trải mấy lần dâu hóa bể khơi,
Một hai ba tuổi, chín mười mươi.

1, 2. Tác giả có ý muốn nhắc lại trận lụt ghê gớm xảy ra năm Ất Mão, cách đó hai năm (1915).

Xiết bao mừng rỡ, bao thương xót!
Khóc mấy mươi phen, mấy trận cười!

Khóc mấy mươi phen, mấy trận cười!
Dẫu cười, chưa hẳn đã là vui.
Trần vui sao lại cho là tục,
Mới lọt lòng ra đã khóc rồi.

Mới lọt lòng ra đã khóc rồi,
Kiếp trần ngán lắm chị em ơi!
Một lần mình khóc, lần người khóc,
Sống thác đôi lần giọt lệ rơi.

Sống thác đôi lần giọt lệ rơi,
Cảnh phù du cũng khéo trêu ngươi.
Bể bao nhiêu nước bao nhiêu thảm!
Lấp chẳng đầy cho, tát chẳng vơi!

Một tấm lòng, Nhà in Nghiêm Hàm,
Hà Nội, 1924.

*

TRỜI THU NHỚ NHÀ

Hoa đã không tươi, lá cũng sầu,
Đố ai vẽ được cảnh mùa thâu (thu)!
Xanh rì cây cỏ, nhà trăm dặm,
Trắng xóa non sông, nước một mầu.
Đỉnh núi bơ vơ đàn nhạn lạc,
Tường đông lốp đốp hạt mưa mau.
Năm canh một ngọn đèn xanh ngắt,
Thèm giật mình cho trận gió lau.

Một tấm lòng, Nhà in Nghiêm Hàm,
Hà Nội, 1924.

*

PHỤC BA [1]

Trèo non vượt bể biết bao công,
Một trận Hồ Tây [2] chút vẫy vùng.
Quắc thước khoe chi mình tóc trắng,
Cân đai đọ với khách quần hồng.
Gièm chê đã chán đầy mâm ngọc [3],
Công cán ra chi mấy cột đồng [4] .
Ai muốn chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó, oán ta chung.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 8, tháng 2–1918.

---

1. *Phục Ba*: là tước phong của Mã Viện, một viên tướng nhà Đông Hán đã đàn áp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng của chúng ta (40–43 sau C.N.)

2. Tương truyền một cuộc chiến lớn giữa hai quân Việt – Hán đã diễn ra ở hồ Lãng Bạc mà nhiều người coi là Hồ Tây ở nội thành Hà Nội (thực ra là Lãng Bạc là vùng Tiên Du, nay thuộc huyện Tiên Sơn – Bắc Ninh).

3. Lúc Mã Viện rút về nước có chở theo nhiều xe châu ngọc, bị bọn quan lại cùng triều gièm chê.

4. Tương truyền để ghi chiến công, Mã Viện có trồng một cột đồng ở nước ta.

ĐẠM PHƯƠNG NỮ SỬ
(1881–1948)

Bà tên thật là Công nữ Đồng Canh, sinh ở làng An Cựu huyện Hương Thủy, nay thuộc thành phố Huế. Bà là thân mẫu nhà lý luận Hải Triều (Nguyễn Khoa Văn).

Đạm Phương viết khá nhiều, gồm thơ và văn luận thuyết đăng trên các báo *Nam phong, Trung Bắc tân văn, Tràng An, Tiếng dân*...

*

NHỚ CẢNH NÚI

I

Phất phới mành tương gió quạt lầu,
Thềm hoa xem đã bóng trăng thâu.
Bâng khuâng chạnh nhớ niềm lân loát,
Vắng mặt Lư Sơn những bấy lâu.

II

Giậu trúc lơ thơ réo hạt mưa,
Tiếng chim dìu dặt gió hương đưa.
Hồ sen nắng hạ đà phai thắm,
Ngành cúc rừng thu tuyết điểm chưa?

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 10, tháng 4–1918.

*

NHỚ BẠN

Mảnh trăng đêm rọi bóng quanh thềm,
Bóng rọi quanh thềm giấc khó êm.
Giấc khó êm vì thương nhớ bạn,
Vì thương nhớ bạn mảnh trăng đêm.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 10, tháng 4–1918.

VỊNH CỜ HOA LAU [1]

Phơi phới đôi ngàn ngọn tuyết sương,
Khiến người lại nhớ chuyện Đinh Hoàng.
Dăng đầy mặt trận phao ngù trắng,
Kéo khắp sườn non rải lá vàng.
Lướt gió xông mưa chi sá ngại,
Khua ong duổi kiến đã nên đường.
Điềm lành ứng thuở chơi đùa trẻ,
Một mối từ đây mới vững vàng [2] .

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 51, tháng 9–1921.

---

1. Ở vùng Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình) vẫn lưu truyền câu chuyện về những ngày thơ ấu của Đinh Tiên Hoàng: Tiên Hoàng lúc nhỏ ông thường cùng các trẻ chăn trâu chơi trò tập trận, được các bạn tôn làm đàn anh, khoanh tay làm kiệu, bẻ hoa lau làm cờ, rước đi như rước vua. Đời sau cho đó là điềm báo trước ông sẽ làm hoàng đế.

2. *Một mối*: chỉ việc Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước, dẹp 12 sứ quân, thu giang sơn về một mối.

TRẦN HUY LIỆU
(1901-1969)

Quê làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, có các bút danh: Đẩu Nam, Côi Vị, Hải Khách, Hải Thu, Nam Kiều, Kiếm Bút, Ẩm Hận... Ông viết báo từ năm 17 tuổi, làm trợ bút cho các báo *Thực nghiệp dân báo, Khai hóa,* v.v... Từ năm 1922 ông đã có những bài chống thực dân pháp, đòi tự do dân chủ. Năm 1928 ông tham gia *Việt Nam Quốc dân đảng*, năm sau bị bắt đày đi Côn Đảo. Đầu năm 1935 ra tù. Tại Côn Đảo, ông đã giác ngộ theo chủ nghĩa cộng sản, nên năm 1936, khi hoạt động ở Hà Nội, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1939, ông lại bị thực dân Pháp bắt đày đi Sơn La, Bá Vân, Nghĩa Lộ. Tháng 3–1945, ông vượt ngục Nghĩa Lộ, trở lại hoạt động phong trào Việt Minh. Tháng 8–1945, ông dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, được cử làm Phó chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng. Từ sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ nhiều nhiệm vụ: Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền, Ủy viên ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, kiêm Viện trưởng Viện Sử học...

Ông là nhà báo, nhà thơ rồi nhà cách mạng và nhà sử học.

Dưới đây chúng tôi tuyển những bài thơ của ông viết trước năm 1925, tức trước khi trực tiếp có những hoạt động chính trị. Những sáng tác của ông từ năm 1925 trở đi đã được tuyển in trong một tập khác (xem sách dẫn).

*

TỰ TRÀO

Nghe nói nhà Nam có một anh,
Tuổi chừng đôi chín độ xuân xanh.
Nợ nần chồng chất dân cùng nước,
Chữ nghĩa ba câu học chửa hành.
Ý hẳn ông cao còn bỡn cợt,
Hóa nên thân hắn vẫn loanh quanh.
Dù ai bình phẩm chi chi nữa,
Hắn vẫn bưng mồm, ngoảnh mặt thinh.

Nam Định, 1918

Thơ Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1977.

CẢNH MƯA DẦM

Cái cảnh mưa dầm cảnh vắng teo,
Vì chưng chật đất hóa ngồi queo.
Nước non mù mịt cơn mưa gió,
Ngồi lạnh mênh mông nỗi nước bèo.
Chẳng biết đợi thời hay lỡ bước,
Mà sao đứng xó lại nằm meo.
Vũ đài tranh cạnh đương huyên náo,
Thấy lũ nằm meo lại chán phèo.

Nam Định, 1921

Thơ Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1977.

*

CẢM TÁC

Con tạo trêu mình mãi chửa thôi!
Bày bày xóa xóa lắm trò chơi.
Vô nhan tráng sĩ [1] *ai nhìn tới,*
Mạt lộ anh hùng [2] *khó kiếm nơi.*
Lưu lạc kể chi dòng bẩn sạch,
Trầm luân lọ quản nước đầy vơi.
Trông mơ vẽ bóng lòng riêng những,
Thêm khách bàng quan khúc khích cười.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 77, tháng 11–1923.

VỊNH THẰNG BÉ CON

Mặc ai bôn tẩu khắp tây đông,
Ông bé con ơi, có sướng không?

---

1. *Vô nhan tráng sĩ:* tráng sĩ giấu mặt, ý chỉ người anh hùng còn đang thất thế.
2. *Mạt lộ anh hùng:* người anh hùng cùng đường.

Thân thể vẫn nguyên hình tạo hóa,
Nói cười vui tít với non sông.
Của đời người thế coi ngơ mắt,
Lối lợi đường danh chẳng bợn lòng.
Muốn bắt chước ông nhưng khó quá,
Thân còn mang nặng hiếu cùng trung.

Nam phong tạp chí,
Hà Nội, số 77, tháng 11–1923.

*

TRÒ ĐỜI

Bối rối lòng tơ luống vấn vương,
Nhân tình thế thái nghĩ thêm thương.
Đĩa hồng rúc rích, ô đàn chuột,
Rừng quế cheo leo, nọ lũ nường.
Thần miếu hương hoa toàn xác gỗ [1]*,*
Thân trâu ngày tháng luống nai xương [2]*.*
Rạp tuồng rạp hát khen ai khéo...
Lễ cách quan dân nhặng phố phường.

1923

Thơ Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1977.

*

HỌA THƠ TỐNG BIỆT CỦA MỘT BẠN TRONG NAM

Nam Bắc đôi phương một tấm lòng,
Cuộc đời muốn tính, tính chưa xong.
Mênh mông bể thảm vơi rồi ngập,
Nghiêng ngửa hộc sầu lắc lại đong.

1, 2. Vua bù nhìn và dân bị bóc lột (chú của Trần Huy Liệu).

Xót bạn dở dang cùng cảnh ngộ,
Thương mình lăn lóc với non sông.
Trời kia há phụ người tâm huyết,
Hậu hội rồi ra sẽ tái phùng.

Nam Kỳ, 1924

Thơ Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1977.

*

BUỒN

Quái lạ làm sao tớ chỉ buồn?
Mà buồn âu yếm tớ luôn luôn.
Buồn trông sư tử lim dim ngủ,
Buồn ngó chim lồng cúi cúi luồn.
Buồn ngắm tòa sen ông tượng gỗ,
Buồn nhìn thành thị lũ con buôn.
Ta buồn ai kẻ buồn chung nhỉ?
Chỉ thấy vui mừng kể mấy muôn.

Nam Kỳ, 1923

Thơ Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1977.

*

KHÓC KIỀU

Bạc mệnh hồng nhan chán vạn người,
Đoạn trường sổ ấy có tên ai.
Phòng loan cung cấm đã bao thuở,
Mày trắng lầu xanh mấy độ rồi.
Bể thẳm mênh mông làn sóng gợn,
Sông Tiền man mác cánh bèo trôi.
Chỉ vì chưa gặp người tri kỷ,
Mà luống long đong suốt cả đời.

1924

Thơ Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1977.

THƯỢNG TÂN THỊ
(1888–1966)

Tên thật là Phan Quốc Quang, nguyên quán ở Thừa Thiên (nay thuộc Thừa Thiên Huế), vào dạy học ở tỉnh Vĩnh Long. Thơ văn của ông đăng trên các báo *Nam phong tạp chí, Phụ nữ tân văn, Đại Việt tạp chí, Thế giới tân văn...*

*

KHUÊ PHỤ THÁN

Tiểu dẫn: Bài thơ thác lời vợ vua Thành Thái, bày tỏ nỗi nhớ thương chồng và con là vua Duy Tân bị Pháp đày sang châu Phi. Bài thơ ra mắt công chúng trên tạp chí *Nam phong*, số 21, tháng 3–1919, nhưng tên tác giả lại ghi: "NGUYỄN THỊ PHI *(Vĩnh Long nữ học sinh Phan Sơn Đại sao lạc)*".

Do đó có nhiều người lầm tưởng bài thơ là của một bà hoàng phi nào đó làm ra. Cho tới tháng 2–1931, bà Phan Sơn Đại (lúc này đã là một nhà giáo) mới công bố trên tạp chí *Nam phong* số 169 rằng, Thượng Tân Thị tức là thân phụ của bà sáng tác bài thơ đó.

Năm 1935 nữ thi sĩ Vân Đài có tới thăm Thượng Tân Thị tại xóm Tam Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và được nghe tác giả giải thích rằng: "Với tôi, mười bài *Khuê phụ thán* ra đời chẳng qua chỉ là một lúc cảm cái thân thế vô duyên của kẻ cùng đồ, nên mượn cảnh mượn tình một hoàng phi thất thế để nói tâm sự mình. Tôi không dè người đời lại để ý đến. Ba chữ *Nguyễn Thị Phi*, tức là một bà phi nhà họ Nguyễn, không có chi khó hiểu" (*Tri tân tạp chí* số 112 – tháng 9–1943). Vân Đài còn cho biết thêm là Thượng Tân Thị có nhờ đính chính giùm chữ *bao dài ở* câu cuối bài thứ V và câu đầu bài thứ VI chính ra là *bao dai* với nghĩa là dài bao nhiêu?

I

Chồng hỡi chồng! Con hỡi con!
Cùng nhau chia cách mấy năm tròn.
Bên trời góc biển nơi chim cá,
Dạn gió, dầy sương tủi nước non.
Mộng điệp [1] khéo vì ai lẽo đẽo,
Hồn quyên [2] luống để thiếp thon von.
Ngày qua tháng lại trông đăm đắm,
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.

II

Đã mòn con mắt một phương Âu,
Có thấy chồng con, đâu ở đâu?
Dầu được non xinh cùng biển tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.
Trách ai dắt nẻo khôn lừa lọc,
Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầu.
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái,
Tấm lòng bứt rứt suốt canh thâu.

III

Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi,
Gan ruột như dầu sục sục sôi.
Nghĩa gá ấp yêu đành lở dở,
Công cho bú mớm chắc thôi rồi!
Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nhôi.
Non biển xiên xiên trời một góc,
Hỡi chồng ơi, với hỡi con ơi!

---

1. *Mộng điệp:* Trang Tử nằm mộng thấy mình hóa bướm. Từ đó *mộng điệp* hay *giấc bướm* có nghĩa là giấc mơ.

2. *Hồn quyên*: hồn chim đỗ quyên, tức chim cuốc. Điển tích cổ kể rằng, vua nước Thục mất nước chết hóa ra chim cuốc. Hồn quyên ý nói lòng nhớ nước cũ.

IV

Con ơi, ruột mẹ nẫu như tương!
Bảy nổi ba chìm rất thảm thương!
Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.
Quê người đành gửi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương.
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Để cho vẹn vẻ với cương thường [1] .

V

Cương thường chất nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai, ai hỡi ai?
Để bụng chỉn e tằm đứt ruột,
Hở môi còn sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chênh chênh một,
Kính bể [2] *soi hình tẻ tẻ hai.*
Nhắn thử từ đây qua tới đó,
Đường đi non nước độ bao dai?

VI

Bao dai non nước chẳng hay cùng?
Xin gửi hồn ta đến ở chung.
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau không thẹn với ba tùng [3] .
Quê nhà có kẻ lo săn sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạnh lùng.
Mộng tỉnh chưa xong vừa chợp mắt,
Trống lầu đâu đã đổ tung tung.

---

1. *Cương thường:* giềng mối; cương lĩnh của đạo Nho gồm có ba giềng là *vua tôi, cha con, chồng vợ*, và năm mối: *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.* Từ đó, cương thường được hiểu theo nghĩa rộng là đạo lý làm người.

2. *Kính bể*: cái gương soi bị bể, tức bị vỡ.

3. *Ba tùng*: dịch chữ *tam tùng* (còn đọc là tòng), nghĩa là người phụ nữ ngày xưa: tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con).

VII

Đã đổ tung tung tiếng trống thành,
Giật mình tỉnh dậy mới tàn canh.
Sương sa lác đác trên tàu lá,
Gió thổi liu riu giữa bức mành.

Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nỡ sao đành.
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn,
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái sinh.

VIII

Kiếp tái sinh may có gặp không?
Kiếp này đành phụ với non sông.
Chiêm bao lận đận theo chân bướm,
Tin tức bơ vơ lạc cánh hồng.
Tính tới tính lui thân cá chậu,
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng.
Đã không chung hưởng thì thôi chớ,
Sao nỡ xa nhau, chồng hỡi chồng!

IX

Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng?
Sóng gió khi không dậy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng lộng,
Cha con riêng một bể dăng dăng.
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa dứt,
Giọt thảm này tuôn bửng [1] khó ngăn.
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng gạo,
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.

---

1. *Bửng*: chưa rõ nghĩa, có bản chép là *bổng* hoặc *bỗng*.

X

Ở dưới cung trăng luống nỉ non,
Đắng cay như ngậm trái bồ hòn.
Khói mây giọng cuốc nghe hơi mỏn, [1]
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn.
Lắng mõ làng xa canh cốc cốc,

Nghe chuông chùa cũ động boong boong.
Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ,
Chồng hỡi chồng, con hỡi con!

NGUYỄN THỊ PHI
(Vĩnh Long nữ học sinh Phan Sơn Đại sao lục)
Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 21, tháng 3–1919.

*
* *

HÒN VỌNG PHU [2]

Ai khéo bày ra cuộc não nề,
Hình ai đứng đó đợi ai về?
Trải bao ngày tháng thân không chuyển,
Biết mấy dòng mưa dạ chẳng hề.
Tâm sự phú cho trời đất thấu,
Nhân duyên đã với nước non thề.
Dầu chi chi nữa dâu hay biển?
Một tấm kiên trinh giữ trọn bề.

Thế giới tân văn, Sài Gòn, năm 1930.

1. *Mỏn*: mỏi.
2. Ở nước ta nhiều tỉnh có núi Vọng phu: Lạng Sơn, Thanh Hóa, Phú Yên, v.v... Chưa rõ ở đây tác giả vịnh ngọn núi nào.

TRẦN TUẤN KHẢI
(1895–1983)

Ông có nhiều bút danh: Á Nam, Đông Minh, Đông A Thị, Tiêu Hoa Nhân, Lâm Tuyền Khách, Lôi Hoàng Cư sĩ, quê làng Quản Xán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Cha ông là Trần Thụy Giáp, đỗ Cử nhân, làm Huấn đạo. Lớn lên, cảm nhận được dư âm của những phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục... Trần Tuấn Khải sớm có những suy nghĩ về thời cuộc. Năm 1919, ông từng toan tính xuất dương, nhưng việc không thành. Từ đó, ông chuyên dùng ngòi bút để bày tỏ tấm lòng đối với nước non. Ông viết cho nhiều báo chí: *Khai hóa, Vệ nông, Đông Tây tuần báo, Phụ nữ thời đàm, Văn học tạp chí, Hữu thanh tạp chí, v.v...* Năm 1954 vào Nam, ông tiếp tục làm báo, dịch thuật, làm viên chức ở Thư viện Sài Gòn, đồng thời có tham gia các phong trào đấu tranh của quần chúng như phong trào chống văn hóa nô dịch, phong trào đấu tranh đòi hòa bình, dân sinh và dân chủ, lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc. Từ 1975 đến khi mất, ông làm cố vấn Hội Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Ông làm thơ từ những năm 1915 – 1920. Năm 1921 ông cho in tập *Duyên nợ phù sinh I*; năm 1923: *Duyên nợ phù sinh II*; 1924: *Bút quan hoài I*; năm 1926: *Hồn tự lập I*; năm 1927: *Bút quan hoài II* và *Hồn tự lập II*; năm 1968: *Á Nam thi tuyển*. Đó là về thơ. Còn về văn xuôi, ông có các tiểu thuyết: *Gương bể dâu I* (1922), *Hồn hoa* (1925) và dịch *Thủy hử* (1925), *Hồng lâu mộng* (1934)... Ông còn có viết một vở kịch: *Mảnh gương đời*, từng công diễn ở Hà Nội, Hải Phòng.

Tuy nhiên, thơ ca mới là phần chính trong sự nghiệp sáng tác của Á Nam. Thơ ông thường nói đến những nền nếp đạo đức truyền thống của dân tộc: nghĩa đồng bào, đồng chủng, lòng thủy chung, nhân ái, tình cha con nghĩa vợ chồng... Điều đặc biệt là qua những tình cảm đạo đức ấy, ông đã cổ động người đọc hướng về quê hương, Tổ quốc. Dù là đề tài lịch sử (Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo...) hay đề tài sinh hoạt (tâm trạng cô gái gánh nước ban đêm, lời một người hát xẩm, tiếng lòng của "cô khóa" khi tiễn "anh khóa" ra đi...) tất cả đều ngụ ý nhắc nhủ về non sông, đất nước. Đó là tấm lòng riêng của Á Nam đối với thời cuộc mà cũng là tình cảm phổ biến của nhiều người lúc bấy giờ: thiết tha với độc lập dân tộc, nhưng chưa tìm được con đường cứu nước và cũng có phần bất lực, đành gửi hoài bão của mình vào

văn chương. Một số tác phẩm của ông như *Gánh nước đêm, Tiễn chân anh Khóa, Mong anh Khóa*... một thời gian dài được truyền tụng rộng rãi, theo chân các bác xẩm đến mọi bến tàu, nhà ga, làng quê. Chính do nội dung khêu gợi lòng yêu nước và ảnh hưởng sâu rộng của các sáng tác ấy mà thực dân Pháp đã từng cấm lưu hành hoặc tịch thu một số (như *Hồn tự lập I, Sách chơi xuân năm Nhâm Thân*) và bản thân tác giả cũng có lần bị bắt giam.

Về nghệ thuật, ngoài một số bài Đường luật, phần lớn thơ Trần Tuấn Khải viết theo các thể thơ dân tộc: lục bát, song thất, hát ví, hát xẩm, hát ca trù... Ở đây, Á Nam đã tỏ ra bình dị, chân chất, ngôn ngữ nghệ thuật mà rất gần với lời ăn, tiếng nói của quần chúng. Và chính bằng vào cảm xúc chân thực, nhịp điệu, tiết tấu gần gũi với ca dao, dân ca như vậy mà sau Tản Đà, Trần Tuấn Khải được liệt vào hàng những cột trụ của dòng văn học công khai khoảng những năm 20–30 của thế kỷ này.

*

DUYÊN NỢ PHÙ SINH

Quyển thứ nhất [1]

Duyên nợ phù sinh, quyển thứ nhất là tập thơ ca đầu tiên của Á Nam Trần Tuấn Khải gồm hơn một trăm bài, xếp theo thể loại thơ tám câu, bốn câu, tràng thiên, lục bát, phong dao, ca trù, hát xẩm, ngâm khúc. Mở đầu tập thơ, tác giả đã viết: "Trời cao, bể rộng, nước thẳm non xa, cuộc trăm năm dâu bể chuyển vần, đường thế lộ dọc ngang thay đổi. Bao nhiêu những cảnh tượng vô tình đã đủ làm cho ai cảm xúc mà mỏi mệt ê chề, suy không tới, nghĩ không ra, tính chẳng xong, thôi chẳng được. Đó là cái hệ lụy vô cùng cho bạn tai mắt ở đời, ai mà tránh khỏi".

Trong bối cảnh xã hội như vậy, vào lúc chữ quốc ngữ mới bước đầu phát triển, tập thơ ca *Duyên nợ phù sinh* của Á Nam được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh, vì nó chẳng những đã nói lên cảm xúc của tác giả mà đồng thời nói lên nỗi lòng của nhiều người cùng tâm trạng.

Về mặt thể điệu văn học, tác phẩm đầu tiên này của Á Nam đã có những cống hiến giá trị, như các bài *Anh Khóa, Gánh nước đêm,* v.v...

Những thể điệu tài tình đó đã làm phong phú cho nền thơ ca của nước nhà đang chuẩn bị chuyển mình sang một giai đoạn mới.

---

1. Có phụ đề chữ Hán là *Kim sinh lụy* (Cái lụy đời nay). In lần thứ nhất năm 1921. Chúng tôi dùng bản in lần thứ năm (1928), do hiệu sách Xương Ký, Hà Nội, xuất bản.

XUÂN NỮ THÁN [1]

Viện [2] cũ xuân về cảnh vắng tanh,
Đầu tường réo rắt giọng hoàng oanh.
Nghe chim thêm động lòng mây nước [3],
Trông cảnh như khâu nỗi bất bình.
Vẩn vơ vơ vẩn một mình,
Ngày xuân man mác bể tình đầy vơi.
Sông hồ lần lữa hôm mai,
Bóng câu [4] như giục cảnh sầu mà đau.
Đà trót sinh ra phận má đào,
Công cha nghĩa mẹ đức cù lao.
Ba xuân nương náu thân bồ liễu [5],
Tấc cỏ [6] dâng lên biết kiếp nào?
Phấn son lần lữa ra vào,
Càng vui vẻ cảnh càng ngao ngán đời.
Bóng thiều [7] đã ngót đôi mươi,
Dậm hồng nào biết ai người tầm phương [8].
Ngồi buồn trông bóng thẹn cùng gương,

---

1. *Xuân nữ thán*: *xuân nữ:* người con gái trẻ có sắc đẹp; người con gái đến tuổi lấy chồng. Trong bài này, xuân nữ được dùng với nghĩa thứ hai. *Xuân nữ thán*: lời than của người con gái đến tuổi lấy chồng mà chưa có chồng.

2. *Viện*: phòng đọc sách. Ở đây chỉ cái phòng riêng của cô gái xuân.

3. *Mây nước*: bởi chữ hán *vân vũ* (mây mưa) rút trong điển thần nữ núi Vũ Sơn, sớm làm *mây* (vân) chiều làm *mưa* (vũ), tức việc *ái ân, yêu đương*. Ở đây *động lòng mây nước* có nghĩa lòng rạo rực tình yêu.

4. *Bóng câu*: bóng con ngựa non, dịch thoát từ *bạch câu* (con ngựa non trắng) trong sách cổ Trung Quốc, ví đời người ta trôi qua rất nhanh như bóng con ngựa chạy lướt qua song cửa sổ.

5. *Thân bồ liễu*: *bồ liễu:* tức cây thủy dương; đến mùa rét cây bồ liễu rụng lá sớm nhất. Trong văn học, bồ liễu được dùng để ví với thể chất yếu ớt của phụ nữ. *Thân bồ liễu*: thân yếu ớt.

6. *Tấc cỏ*: bởi chữ hán *thốn thảo*, rút trong câu thơ của Mạnh Giao (đời Đường): "Ai bảo tấm lòng nhỏ mọn như *tấc cỏ* (thốn thảo) lại có thể báo đáp được ánh sáng tháng ba mùa xuân?". Ở đây, chỉ lòng báo hiếu cha mẹ.

7. *Bóng thiều*: bởi chữ thiều quang (ánh sáng tốt đẹp mùa xuân) ở đây chỉ tuổi.

8. *Tầm phương*: đi tìm mùi thơm. Nghĩa bóng: đi tìm tình nhân. *Người tầm phương*: người tìm đến mình, tức người yêu mình.

Mày liễu khuôn trăng luống bẽ bàng.
Lần lữa sương thu cùng nắng hạ,
Ruột tằm bao xiết nỗi tơ vương.
Bến tình thuyền đậu tuyết sương,
Buồn trông kìa bóng uyên ương đi về.
Nước non chi tiếc lời thề,
Để loan xa phượng [1] *cho mê tâm thần.*

Má phấn vương chi chút nợ trần?
Bóng tùng lẫn khuất cảm bao xuân?
Cung cầm Tư Mã [2] *kìa ai gợi?*
Để khách tri âm luống ngại ngần.
Nhờ ai nhắn khách hồng quân [3]*,*
Mượn tơ cho bọn thoa quần [4] *ta xe.*
Nước non ví gặp Chung Kỳ [5]
Quyết đem tình tính [6] *vui về đỉnh chung* [7]

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

---

1. *Để loan xa phượng:* để cặp tình nhân phải xa nhau.

2. *Cung cầm Tư Mã*: Tư Mã Tương Như người đời Hán, vốn nổi tiếng đàn hay, đến nhà Trác Vương Tôn dự tiệc. Giữa bữa tiệc, Vương Tôn yêu cầu Tương Như đánh đàn. Lúc đó, con gái Vương Tôn là Văn Quân, trẻ đẹp, giỏi văn thơ, mới góa chồng, đứng sau cửa nhìn trộm Tương Như. Tương Như biết ý, đàn khúc nhạc *Phượng cầu hoàng* (chim phượng tìm chim hoàng) để tỏ tình với Văn Quân. Văn Quân hiểu ý, bỏ nhà trốn theo Tương Như. Ở đây, tiếng đàn ai gẩy vọng lại dường như có ý trêu ghẹo.

3. *Hồng quân*: ở đây chỉ tạo hóa, ông trời.

4. *Thoa quần* (*thoa*: cái trâm cài tóc hai chẽ; *quần*: cái quần, cái váy của phụ nữ): hai thứ trong y phục của phụ nữ. Dùng để chỉ phụ nữ nói chung.

5. *Chung kỳ*: tức *Chung Tử Kỳ*, người gẩy đàn hay nổi tiếng (Trung Quốc).

6. *Tình tính*: tiếng đàn.

7. *Đỉnh chung*: (*đỉnh*: cái đỉnh; *chung*: cái chuông): hai đồ vật đúc bằng đồng thời xưa dùng để khắc công trạng. Ý nói những người có công to, tức những người quyền quý. *Đỉnh chung* cũng dùng với nghĩa khác là khi ăn thì đặt *đỉnh*, khi mời khách ăn thì đánh *chuông*. Ý nói những gia đình sang trọng. Ở đây, chỉ người phú quý.

NHỚ AI

Vơ vẩn nằm buồn nghĩ nhớ ai!
Nhớ ai xa cách một phương trời.
Bóng trăng như vẽ tình non nước,
Trận gió chưa phai tiếng nói cười.
Lưng thúng giang san vai gánh lẻ,
Mười năm Nam Bắc dạ sầu đôi.
Ai ơi! Sao chẳng tìm nhau tá?
Mà đỡ cho nhau gánh nợ đời.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội. 1928.

*

TRÁCH ĐỒNG BẠC

Duyên nợ lăng nhăng mãi với đời,
Sao em bạc thế, hỡi em ơi?
Giang hồ biết tiếng chừng bao kẻ,
Thần thế chuyên tay đã mấy người?
Mang tiếng ham mê thân phú quý,
Vẫn còn trêu ghẹo khách ăn chơi.
Chữ đồng em biết cùng ai tạc,
Thôi! Đám phong lưu nhẵn mặt rồi.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

CON VE

Biết ai mà giãi tấm lòng son,
Thương hại thân ve phận cánh chuồn!
Dầu dãi sương pha cùng tuyết nhuộm,
Ngậm ngùi gió dập với trăng hôn.
Nghĩ căm thu để rầu cây cỏ,
Mà gọi xuân về với nước non.
Kêu mãi trời kia may cũng thấu,
Cam công gióng giả mấy thu tròn.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

CHƠI THÀNH CỔ LOA

Tiểu dẫn: Thành Cổ Loa tương truyền được đắp dưới thời An Dương Vương – Thục Phán, hình trôn ốc.

Nay tại xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội còn di tích thành Cổ Loa. Trong thành còn đền thờ vua An Dương Vương và miếu thờ My Châu. Trước cửa đền còn có cái giếng, tương truyền Trọng Thủy, sau hành vi phản bội đã nhảy xuống giếng này tự trầm.

Thành quách còn mang tiếng Cổ Loa,
Trải bao gió táp với mưa sa.
Nỏ thiêng hờ hững giây oan buộc [1],
Giếng ngọc vơi đầy giọt lệ pha [2].
Cây cỏ vẫn cười ai bạc mệnh,
Cung đình chưa sạch bụi phồn hoa.

---

1. Câu này nhắc lại việc Trọng Thủy lừa My Châu lấy cắp lẫy nỏ của Thục An Dương Vương.

2. *Giếng Ngọc:* giếng ở trước đền Cổ Loa, Trọng Thủy ân hận về hành động phản bội của mình đã đâm đầu xuống đó tự tử.

Hưng vong biết chửa, người thiên cổ?
Tiếng cuốc năm canh bóng nguyệt tà.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

LÊN CHỢ TRỜI [1]

Chợ trần đi mãi chán chân rồi,
Ta thử lên xem cảnh chợ trời,
Điếm cổ hàng hoa man mác dẫy,
Dì giăng chị gió nhởn nhơ chơi,
Muốn mua mấy cái không tìm thấy,
Toan hỏi dăm câu nọ [2] trả nhời.
Lò tạo [3] bán buôn hay thật nhỉ!
Mối hàng danh lợi để chờ ai?

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

CÁI QUẠT GIẤY

Thương người nung nấu, mới ra tay,
Phận mỏng gây nên quả phúc dầy [4],
Lưng túi kinh luân [5] khi khép mở,
Muôn dân khát vọng [6] suốt đêm ngày.

---

1. *Chợ trời:* ở trên đỉnh núi Sài Sơn (cũng gọi là núi Thầy) có một khoảng đất bằng phẳng, tục gọi là chợ trời.

2. *Nọ*: tiếng cổ, có nghĩa là *không*.

3. *Lò tạo*: tức *Tạo hóa*. Ở đây chỉ ông Trời.

4. *Quả phúc*: phúc được hưởng, theo thuyết *nhân quả* trong đạo Phật.

5. *Kinh luân* (*kinh*: gỡ những mối tơ ra; *luân*: se những sợi cùng cỡ với nhau) gỡ và se tơ. Ở đây dùng theo nghĩa bóng là sửa sang, xếp đặt việc chính trị.

6. *Khát vọng*: mong mỏi lắm.

Xen nơi duy trướng [1] *bầy mưu rộng,*
Đuổi giống văn manh [2] *khỏi quấy rầy.*
Ngọn gió nhân từ mong khắp thấm,
Ngàn thu phảng phất nước non này.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

NHỚ CÔ HÀNG QUẠT

Hiu hắt phòng thu nhớ cố nhân!
Nhớ cô hàng quạt chợ Đồng Xuân.
Tờ mây phong kín lời san hải,
Tin gió bay tàn lửa ái ân
Hương hỏa ba sinh tình khắc cốt,
Can tràng trăm đoạn lúc rời chân.
Thói đời nóng lạnh coi mà ngán,
Hiu hắt phòng thu nhớ cố nhân.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

NHỚ BẠN

Sông Vị [3] *mênh mông ngọn nước tràn,*
Non Côi [4] *man mác bóng mây tan.*
Càng trông mây nước, càng thương nhớ,
Nhớ bạn tri âm cách dặm ngàn.

---

1. *Duy trướng*: (*duy*: màn vây xung quanh; *trướng*: màn dùng trong nơi doanh trại quân đội). Nơi làm việc của các vị tướng lãnh.

2. *Văn manh*: (*văn*: con muỗi; *manh*: dân, với hàm ý khinh thị) lũ muỗi, đàn muỗi.

3. 3. *Sông Vị, non Côi*: sông Vị chảy qua thành phố Nam Định; núi Côi (nhân dân quen gọi là núi Gôi) cách thành phố Nam Định hơn chục kilômét. Tác giả quê ở Nam Định, lấy sông núi này để chỉ quê hương.

Nhớ bạn tri âm cách dặm ngàn,
Cùng ai khuya sớm truyện tâm can!
Đoái trông con nước còn nguyên cũ,
Ngán nỗi văn chương đến cuộc tàn.

Ngán nỗi văn chương đến cuộc tàn,
Nhân tình thế thái buổi ba lan [1] *.*
Thương cho chim cũ nền Vương Tạ [2]*,*
Xào xạc xa kêu tiếng lạc đàn.

Xào xạc xa kêu tiếng lạc đàn,
Cánh hồng [3] *bay liệng biết đâu an,*
Cành tùng ngọn bách cơn mưa gió,
Mặt biển sườn non giọng thở than.

Mặt biển sườn non giọng thở than,
Lạnh lùng đêm vắng khách cô đan (đơn).
Bốn phương ai kẻ tri âm đó?
Luống để anh hùng lệ chứa chan.

Luống để anh hùng lệ chứa chan,
Thấu chăng? Chăng hỡi, bạn giang san?
Non Côi sông Vị còn mây nước,
Còn nặng ân tình với thế gian.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

1. *Ba lan*: sóng nước. Ở đây dùng theo nghĩa bóng chỉ việc đời biến đổi.

2. Đời Tấn bên Trung Quốc ở Nam Kinh có họ Vương và họ Tạ là hai họ quyền quý lại có nhiều người làm văn làm thơ nổi tiếng, chỗ ở của họ là ngõ Ô Y. Đời Đường, Lưu Vũ Tích có bài thơ Ngõ Ô Y, có hai câu: *Cựu thời Vương Tạ đình tiền yến – Phi nhập tầm thường bách tính gia*: (Chim yến hai nhà Vương Tạ cũ – Liều tranh bách tính lại bay vào).

3. *Hồng*: một loài chim có thể bay rất xa. Ở đây chỉ người bạn đang ở nơi xa.

PHONG DAO

Mưa xuân lác đác vườn đào,
Công anh đắp đất ngăn rào giồng hoa.
Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh đổ, cho hoa anh tàn!

*

Ấy ai chấp mối tơ mành,
Cho thuyền quen bến, cho anh biết nàng.
Tơ tầm đã vấn thời vương,
Đã trót dan díu thì thương nhau cùng.

*

Vành trăng ai sẻ làm đôi
Đường trần ai vẽ ngược xuôi, hỡi chàng?
Đưa nhau một bước lên đàng,
Cỏ xanh hai dẫy mấy hàng lệ sa.

*

Bướm kia sao nỡ lìa hoa,
Chim xanh sao nỡ bay qua vườn hồng,
Ai đi muôn dặm non sông,
Để ai thương nhớ sầu đong một mình.

*

Ai đi đường ấy xa xa,
Để em ôm bóng trăng tà năm canh.
Nước non một gánh chung tình,
Nhớ ai, ai có nhớ mình hay chăng?

*

Chiều chiều em đứng em trông,
Trông non non biếc, trông sông sông dài.
Trông mây mây kéo ngang trời,
Trông trăng trăng khuất, trông người người xa.

*

Giang hồ một lá con con, [1]
Gặp cơn sóng gió chớ non tay chèo.

---

1. Đây nói *lá thuyền*.

Yêu nhau sinh tử cũng liều,
Thương nhau lặn suối qua đèo có nhau.

*

Rủ nhau xuống bể tìm cua,
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng.
Em ơi, chua ngọt đã từng!
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

GÁNH NƯỚC ĐÊM

Em bước chân ra,
Con đường xa tít,
Con sông mù mịt,
Bên vai kĩu kịt,
Nặng gánh em trở ra về.

Ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya...
Vì chưng nước cạn, nặng nề em dám kêu ai!
Nghĩ tiếc công lao cho bà Nữ Oa [1] *đội đá vá trời,*
Con dã tràng [2] *lấp bể biết đời nào xong!*
Cái bước đêm khuya thân gái ngại ngùng,
Nước non gánh nặng, cái đức ông chồng, hay hỡi có hay
Em trở vai này...

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

1. *Bà Nữ Oa*: theo thần thoại: Nữ Oa là em gái vua Phục Hy đời Thượng Cổ ở Trung Quốc. Tương truyền bà lấy đá vá trời.

2. *Con dã tràng*: Con còng còng một sinh vật rất nhỏ ở bờ biển, thường đùn cát lên thành những đống nhỏ. Sóng bể đánh vào bờ, xóa bằng những đống cát đó, dã tràng lại đùn những đống khác. Người ta ví việc của dã tràng làm đó là muốn "lấp bể", nhưng chỉ uổng công vô ích.

TIỄN CHÂN ANH KHÓA XUỐNG TÀU

Anh Khóa [1] *ơi! Em tiễn chân anh xuống tận bến tàu,*
Đôi tay em đỡ lấy cái khăn trầu, em lấy đưa anh.
Tay cầm trầu, giọt lệ chảy quanh,
Anh xơi một miếng cho bõ chút tình em nhớ thương!
Anh Khóa ơi! Cái bước công danh ngoắt ngoéo đủ trăm đường,
Anh đi một bước, tấm gan vàng em xẻ làm hai.
Kìa người ta bè bạn vui cười,
Đôi ta thương nhớ chỉ ngậm ngùi mà đứng trông nhau!
Anh Khóa ơi! Còi tu tu tàu sắp kéo cầu,
Đường trần em sắp sửa gánh sầu từ đây.
Trông anh, em chẳng nỡ rời tay,
Nỗi riêng em dặn câu này, anh chớ có quên.
Anh Khóa ơi! Người ta lắm bạc nhiều tiền,
Anh em ta phận kém duyên hèn mới phải long đong.
Một mình anh nay Bắc lại mai Đông,
Lấy ai trò truyện cho khuây lòng lúc sớm khuya!
Anh Khóa ơi! Chữ tương tư vai gánh nặng nề,
Giang hồ anh sớm liệu trở về kẻo nữa em mong.
Tính toán sao cho phỉ chí tang bồng [2]*,*
Ở nhà em cũng dốc một lòng giữ phận thuyền quyên [3] *.*
Anh Khóa ơi! Cái máy phân ly [4] *sình sịch sắp chia duyên,*
Thôi anh ngồi lại, để em bước lên trên mạn bờ.
Gió hiu hiu, ngọn nước chảy lờ đờ,

---

1. *Anh Khóa*: thực dân Pháp muốn cải cách lối thi cử cũ, đã đặt ra một *Hội đồng cải cách giáo dục*. Hội đồng này họp trong tháng 4 năm 1906 đặt ra kỳ thi khảo khóa. Hàng năm, mỗi tỉnh tổ chức một kỳ thi, chương trình thi giống như thi Hương. Ai thi đỗ kỳ thi *khảo khóa* này thì được gọi là khóa sinh và được miễn thuế thân và tạp dịch một năm.

2. *Tang bồng*: Lệ cổ ở Trung Quốc, mỗi khi sinh con trai thì dùng cung dâu (*tang*) và tên bện bằng cỏ *bồng* bắn ra bốn phương. Chí tang bồng: Chí làm trai.

3. *Thuyền quyên*: nói về người đàn bà đẹp, duyên dáng. Ở đây chỉ đàn bà nết na, đảm đang, đẹp về đức hạnh.

4. *Phân ly*: chia lìa. *Cái máy phân ly*: Ở đây chỉ cái máy của tàu thủy đã khởi động, con tàu sắp chạy, vợ chồng anh Khóa phải xa cách nhau.

Dưới sông con tàu chạy, trên bờ em với trông.
Anh Khóa ơi! Anh ra đi mây nước muôn trùng,
Em trở về vò võ phòng không một mình.
Vời trông theo tàu ngoắt khúc sông quanh,
Sông bao nhiêu nước, giọt lệ tình em bấy nhiêu...

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

ANH ĐỒ

(*Hát xẩm*)

Anh thì đồ... Anh thì đồ...
Thi không may bất nhược [1] *lại anh đồ.*
Dăm câu "dã giả chi hồ" tiêu dao [2]*,*
Thú lâm tuyền khả dĩ làm cao [3]*,*
Bầu thơ túi rượu cũng hào với giang san.
Lũ học trò mươi đứa chi gian,
Nhàn lai vô sự [4] *lại ngâm tràn làm vui.*
Anh nhác trông ra cát bụi tung trời,
Đường đời ngang dọc, mặc người đua tranh.
Ánh phong trần vùi dập khách công danh,
Chợ chiều quân cắp lảng, mây xanh cơn gió tràn.
Cuộc văn chương đã đến khi tàn,
Thôi thì đạo đức với thanh nhàn là hay.
Anh quyết rung đùi dậy dỗ đám sau này,
Mong cho nhân loại một ngày thêm một văn minh.
Túi kinh luân [5] *xếp sẵn để bên mình,*

---

1. *Bất nhược:* thôi thì, chẳng bằng.
2. *"Dã giả chi hồ" tiêu dao:* dã, giả, chi, hồ là bốn chữ hay dùng trong văn chữ Hán; *tiêu dao:* thong thả đi đây đi đó, mang những sách đã học được trong chữ Hán để làm kế sách đã học được trong chữ Hán để làm kế sinh nhai.
3. *Lâm tuyền: (Lâm*: rừng; *tuyền:* suối) nơi ở ẩn, nơi xa cách cuộc đời phồn hoa.
4. *Nhàn lai vô sự:* lúc nhàn rỗi không có việc gì làm
5. *Kinh luân: Kinh:* gỡ mối tơ, *luân:* xe sợi cùng cỡ. Nghĩa bóng là sửa sang, xếp đặt việc chính trị.

Gặp thời, chưa dễ côn, kình ai đã thua ai? [1]
Tha hồ cho chúng chị em cười...

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

BÁC XẨM
(Hát xẩm)

Trên thì đời... Trên thì đời...
Con mắt thông minh, anh trót kém ở trên đời,
Anh toán, anh tính, anh ngồi mà anh lo.
Anh đã toan cắt tóc đi chùa,
Ăn chay niệm Phật mà tu cho nó rồi.
Anh cũng toan cúp tóc đi bồi [2]*,*
Ra luồn vào cúi để cho người nó thương yêu.
Anh cũng toan cất ganh đi chèo,
Đeo râu bôi nhọ mà theo đám hề.
Nghĩ trăm khoanh thôi chẳng có ra gì,
Mà nay toán mai tính làm chi cho nhọc mình.
Chuyện trên đời anh liếc mắt làm thinh,
Dăm ba câu hát xướng cò quanh cho đỡ buồn.
Nước sông sâu, đá núi chưa mòn,
Còn trời còn đất, cũng vẫn còn chúng anh đây.
Lặng mà nghe anh hát câu này...

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

---

1. *Côn, kình:* cá côn và cá kình là hai loại cá to ở bể. Nghĩa bóng để chỉ những người có sự nghiệp to lớn.

2. *Bồi*: bởi chữ Pháp gốc Anh *boy*, có nghĩa là người hầu hạ, người phục vụ trong gia đình hay khách sạn.

BUỒN

Những là ra ngẩn vào ngơ
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
Thế tình thường tận vô tư vị [1],
Càng phong lưu phú quý lại buồn tênh.
Ghê gớm cho tạo vật đa tình,
Bầy đặt mãi cuộc phù sinh sao chửa xóa?
Côi san Vị thủy ninh vô ngã [2],
Đông Á Tây Âu đoạn bất sầu [3].
Bước phong trần nào khi mưa, khi nắng, khi chìm nổi, lúc bể dâu,
Càng trải biết càng quặn đau trong tấc dạ.
Lắm lúc nghĩ: buồn sao buồn chán, buồn chê, buồn ghê, buồn lạ!
Chốn sầu thành hồ dễ phá làm tươi,
Buồn này, buồn lắm em ơi!

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

THƯƠNG XUÂN

Xuân ơi! Xuân ơi!
Xuân chưa mấy chốc đã đi rồi!
Nước biếc non xanh phó mặc trời,
Hoa tàn nhị úa,
Phấn nhạt hương phai,
Tường đông [4] *ong bướm vắng tăm hơi.*
Xuân ơi! Xuân ơi!

---

1. Về những tình cảm ở trên đời này, ta đã từng nếm hết chẳng có vị nào khác.
2. Ở xứ có núi Côi (Gôi) và sông Vị này, chẳng nên có ta.
3. Châu Á ở phương Đông, châu Âu ở phương Tây, dứt chẳng hết sầu.
4. *Tường đông*: bức tường ở phía đông. Trong văn học cổ Trung Quốc, chữ "tường đông" chỉ nhà có con gái đẹp. Ở đây chỉ nơi ở của con gái đẹp.

Mặt nước sông Hoàng ngọn sóng khơi,
Cửa chùa Hương Tích bóng chiều soi.
Cành cây ve gióng,
Ngọn cỏ quyên chơi,
Bể bể dâu dâu ngán nỗi đời.
Xuân ơi! Xuân ơi!
Gốc cây vơ vẩn một mình ai,
Nhớ nhớ thương thương đứng lại ngồi.
Sân xưa rêu phủ,
Lối cũ hồng rơi,
Một bước thương xuân, một ngậm ngùi.
Xuân ơi! Xuân ơi!
Nghĩ nhớ xuân kia lại nhớ người,
Nhớ người lai láng hạt châu rơi.
Một câu ly biệt,
Ngàn dặm xa khơi,
Xuân đi nhắn nhủ một đôi lời...
Xuân ơi!

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

*

LÂM GIANG KHÚC
(Vịnh Bà Bùi Văn Khuê)

Tiểu dẫn: Bùi Văn Khuê là tướng của nhà Mạc, có vợ là Nguyễn Thị Niên. Bà này có em gái lấy Mạc Mậu Hợp là vua nhà Mạc. Bà thường tới thăm em. Mạc Mậu Hợp mê sắc đẹp của bà, định giết Bùi Văn Khuê để cướp bà. Khuê phải lén đưa gia đình vào đầu hàng vua Lê chúa Trịnh bấy giờ đang ở Thanh Hóa, được trọng dụng. Sau đó chúa Trịnh sai Bùi Văn Khuê và Phan Ngạn đem quân ra đóng ở ngã ba Gián (Ninh Bình) để ngăn quân Mạc. Phan Ngạn cũng mê sắc đẹp của bà Niên, liền lập kế giết Khuê để cướp lấy vợ. Bà Niên giả cách đồng ý lấy Ngạn.

Bà trang điểm lộng lẫy, ngồi trong một chiếc thuyền lớn. Trong thuyền có một số thị tỳ biết võ nghệ theo hầu. Bà cho mời Phan Ngạn sang thuyền bà. Trong khi Ngạn đang uống nước, bà làm ám hiệu, các thị tỳ sấn lại giết

Ngạn. Bà chặt đầu Ngạn đem về làm lễ tế chồng. Xong việc, bà sai thuyền chở đến khúc sông Hoàng nơi chồng bị phục kích, nhảy xuống tự trầm.

Nay hãy còn đền thờ và mộ bà ở bờ sông Hoàng Giang gần cố đô Hoa Lư.

Trời thu nước bạc mênh mông,
Sênh ca mấy khúc giữa dòng thuyền ai [1] .
Thương chàng khuất mặt,
Căm kẻ vô loài,
Trông mũi gươm thù, máu chửa phai.
Nước sông man mác chảy,
Lệ thảm đầm đìa rơi.
Trời ơi! Nước hỡi! Chàng ơi!
Trời nước bao la thấu nỗi đời.
Than ôi!
Giây loan đứt,
Chiếc bách trôi.
Nợ trần thiếp trả xong rồi,
Xin đem mệnh bạc theo người cửu nguyên [2] *!*

Duyên nợ phù sinh, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1928.

DUYÊN NỢ PHÙ SINH

Quyển thứ nhì [3]

Duyên nợ phù sinh, quyển thứ nhì (do nhà in *Chân Phương* Hà Nội xuất bản, 1923), cũng giống như quyển thứ nhất, hơn một trăm bài thơ ca gồm tám câu, bốn câu, thường thiên, ngũ ngôn, lục bát, phong dao, song thất lục bát, hát xẩm, hát ả đào, từ khúc, ca lý... Chủ đề chính là lòng yêu nước, lo cho đời, cho dân.

---

1. Bà Niên ngồi trong thuyền, có đội nhã nhạc chờ đón Phan Ngạn đến.
2. *Cửu nguyên:* cũng như *cửu tuyền*: chín suối, chỉ cõi chết.
3. Có phụ đề chữ Hán là *Kim sinh lụy* (cái lụy đời nay).

CON HOÀNG OANH

Này hỡi con hoàng oanh kia ơi!
Mi ăn mi hót, mi nhảy, mi nhót, mi thánh thót ở trong cái lồng,
Vui thì vui thực, sướng thì sướng thực, nhưng cá chậu chim lồng cũng chẳng ra chi!
Mi có khôn, sao không rủ vợ, rủ con mi,
Rủ bầu đàn vây cánh mà bay về ở chốn sơn lâm?
Tìm cây cao làm tổ mi nằm,
Kiếm mồi cho sẵn để lúc mưa dầm mi lấy mi xơi.
Cùng vợ con ríu rít vui cười,
Cơn trời quang mây tạnh, mi lại bay chơi cho nó thích tình.
Can chi mà vui sướng lấy một mình?
Để mẹ mong, cha nhớ, vợ kêu, con khóc cho nó đành thế hỡi mi?
Này mi ơi, cái thân nhờ gửi cũng chẳng ra chi!
Nhỡ rồi dao phay thớt nghiến có khi không trách được nào.
Hoàng oanh mi, nghĩ làm sao?

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

NGÂU

Một giọt mưa thu mấy giọt sầu?
Nước đời tan hợp nghĩ mà đau!
Ví không một bước qua cầu Thước,
Chi để ngàn thu ngấm lệ Ngâu?
Ngọn nước hững hờ đành rẽ lứa,

Mối tình vơ vẩn vẫn giam nhau.
Cái đêm thất tịch [1] đêm gì nhỉ?
Ngoảnh lại Ngân Hà lệ chứa sâu...

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

GỌI ĐÒ ĐÊM

Khoan, khoan, tôi bớ chú lái đò ơi!
Chú ghé thuyền vào bến để cho tôi sang nhờ.
Cái dịp cầu kia ai cắt những bao giờ,
Luống công tôi sông nước đợi chờ đã bấy lâu nay.
Chú lái đò ơi, chú hỡi có hay?
Lạc đường lỡ bước cho đến nỗi này mới thực dở dang.
Trời gần khuya, con đom đóm nó bay ngang,
Một mình tôi vơ vẩn biết gửi can tràng vào đâu?
Chú lái đò ơi, có thương nhau xin chở giúp cho nhau!
Qua cơn sóng gió, nữa mai sau sẽ đền bồi,
Một chuyến đò nên nghĩa, chú ơi!
Con thuyền tế độ [2] chớ để cho người phải chịu trầm luân [3],
Thương nhau bắt lái cho gần.

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

1. *Thất tịch*: đêm mồng 7, tháng 7 âm lịch, tục truyền Ngưu Lang và Chức Nữ nhờ chim thước (chim khách) bắc cầu để qua sông Ngân Hà gặp nhau.
2. *Tế độ*: từ nhà Phật, nói việc dùng Phật pháp để cứu chúng sinh ra khỏi bể khổ.
3. *Trầm luân*: chìm đắm vào bể khổ.

QUA NHÀ GIÁM (HÀ NỘI) [1]

Một vùng cung khuyết [2] giãi phong sương?
Có phải đây là dấu đế vương?
Đất cỏ cây che hồn xã tắc [3],
Bia tàn rêu phủ nét văn chương [4].
Vắng tanh đàn hạnh [5] hai hàng miếu,
Cao ngất ngôi trời một án hương [6].
Bốn mặt ngựa xe tung bụi tía,
Cùng ai than hỏi chuyện tang thương.

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

MƯA MÃI

Gió gió mưa mưa mãi chửa thôi,
Nước non như thế ngán chăng đời!
Thương chồng xao xác con cưu [7] gọi,
Lo nước lừ đừ cái kiến bơi.
Mây tối đã che mờ mắt tục,
Nước trong khôn rửa sạch lòng ai!
Ôm con quyết đợi khi trời tạnh,
Rõ mặt Đông quân dạo bước chơi.

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

---

1. *Nhà Giám* (Hà Nội): tức là Quốc Tử Giám, xây ở sau Văn Miếu. Thời Nguyễn không còn Nhà Giám, nhưng dân vẫn quen gọi cả khu Văn Miếu là Nhà Giám.

2. *Cung khuyết*: (*cung*: nhà lớn để vua ở; *khuyết:* (cũng đọc là quyết) cái chòi gác ở trước cửa cung. Chỉ chung nơi vua ở. Tác giả muốn gợi lại ý Hà Nội là đất đế đô cũ.

3. *Xã tắc*: (*xã*: chỗ tế thần đất; *tắc*: chỗ tế thần lúa): đất nước, lãnh thổ.

4. Ở Văn Miếu, hãy còn 82 tấm bia ghi tên các người đậu Đại khoa (từ Tiến sĩ đến Trạng nguyên) dưới các triều đại phong kiến (trừ triều Nguyễn).

5. *Đàn hạnh*: (*đàn*: nền đất đắp cao bằng phẳng; *hạnh:* cây hạnh) cái nền có giồng nhiều cây hạnh, là nơi Khổng Tử nghỉ ngơi và dạy học. Nghĩa bóng, ở đây chỉ Nhà Giám.

6. Hiện nay ở tòa đại bái còn một án hương, tức bàn thờ khá lớn.

7. *Con cưu*: con tu hú. Tu hú kêu vào đầu mùa hè.

*

ĐỀ ĐỀN VUA HÙNG

Phảng phất xuân đưa ngọn khói trầm,
Miếu lăng ai vẽ cảnh thương tâm!
Thành đô khi trước người rong ruổi,
Nước non bây giờ khách viếng thăm
Cám cảnh cháu con hăm mấy triệu!
Tưởng công tôn tổ bốn nghìn năm.
Chắp tay vái lạy mây trời thẳm
Phù hộ muôn dân buổi cát lầm.

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

MẶT TRỜI

Tiếng trống tan canh đã điểm hồi,
Tung mây ra mặt để đời coi.
Lầu son gác tía cao muôn trượng,
Ấn ngọc đai vàng sáng một trời.
Mấy lũ trăng sao kinh mất vía,
Bốn phương non nước rạng mầu tươi.
Vườn đông nay có người trương chủ,
Lê thứ [1] *trông về một bóng soi.*

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1929.

*

---

1. *Lê thứ:* (*lê*: dân đen; *thứ:* dân chúng) mọi người dân.

VỊNH CẢNH HỒ TÂY

Nước trong trong vắt tán sen che,
Hồ vẫn còn đây nước vẫn kia.
Tiếng trống tân trường khua bọn mới [1],
Hồi chuông Trấn Võ giục hồn quê [2].
Con thuyền sợ sóng quanh bờ cỏ,
Chiếc nhạn kinh người nấp mạn đê.
Muốn hỏi trâu vàng, trâu mất tích [3],
Kìa đàn bọ nước nó xăm xe [4].

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

THĂNG LONG HOÀI CỔ

Kìa sông Nhĩ Thủy [5], *nọ non Nùng* [6],
Thành cũ Thăng Long đó phải không?
Gươm báu [7] *mất tăm, trâu cũng lặn* [8],
Gánh tình ai sẻ với non sông!

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

---

1. Câu này chỉ tiếng trống của trường Bưởi (trường Trung học Bảo hộ thời thuộc Pháp, nay là trường Chu Văn An) được xây dựng ở trên bờ phía nam Hồ Tây từ năm 1907.

2. *Chuông Trấn Võ*: chùa Trấn Võ ở góc phố Quán Thánh và đường Thanh niên, trông ra Hồ Tây.

3. Tác giả nhắc đến truyện cổ *Trâu vàng*. Về truyện này có hai cốt truyện. Thứ nhất: ở núi Tiên Du (thuộc Hà Bắc ngày nay) có con Trâu Vàng. Nhà sư lấy gậy thần yểm vào trán trâu, trâu chạy, chạy đến đâu thành vệt đến đó (vệt này sau thành sông Kim Ngưu), rồi lặn xuống Hồ Tây (Hà Nội ngày nay). Vì thế, Hồ Tây cũng còn có tên là hồ Trâu vàng. Thứ hai: sư Minh Không lấy đồng đen của phương Bắc đưa về nước đúc quả chuông lớn; khi đánh chuông, tiếng vang, trâu vàng ở phương Bắc nghe thấy tiếng chuông ngỡ tiếng mẹ gọi, liền lồng sang ta, quẩn tại một khu, làm đất sụt xuống thành hồ. Hồ đó nay là Hồ Tây.

4. Tác giả ám chỉ bọn nịnh Tây (quan chức Pháp thực dân) mưu cầu lợi danh.

5. *Nhĩ Thủy*: cũng gọi là *Nhĩ Hà*, sau gọi nhầm là *Nhị Hà*, tức sông Hồng.

6. *Non Nùng*: một gò đất ở trong thành Thăng Long cũ, nay không còn nữa.

7. Gươm báu: tức thanh gươm của Lê Lợi được kể trong truyện cổ sự tích hồ Hoàn Kiếm.

8. *Trâu cũng lặn*: xem chú thích ở bài *Vịnh cảnh Hồ Tây* ở trên.

*

ĐỀ TƯỢNG VUA LÊ [1]

Dang tay ba thước kiếm,
Ngang dọc giữa kiền khôn [2].
Liếc mắt coi dân chúng,
Liều mình giữ nước non.
Đế vương in dấu cũ,
Tang hải [3] vững lòng son.
Lồng lộng trời Nam Việt,
Lam Sơn đá chửa mòn.

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

TƯƠNG TƯ

Khổ người một chữ tương tư,
Văn chương ai tả cho thư [4] nỗi lòng?
Vì chàng nên thiếp nhớ mong,
Môi son cũng nhạt, má hồng cũng phai.
Tưởng khi gạt lệ chia phôi,
Kẻ thương người nhớ dễ đời nào quên!
Sâm Thương [5] chia rẽ đôi miền,
Nước non xa cách cho duyên hẫng hờ.
Bể tương tư thực không bờ,
Thương vàng tiếc ngọc bây giờ là ai?

---

1. Tượng này dựng bên bờ phía tây của Hồ Gươm (Hà Nội).
2. *Kiền khôn*: trời, đất.
3. *Tang hải*: dâu, bể. Ý nói sự thay đổi.
4. *Thư*: khoan thai, thong thả. Ở đây có nghĩa là yên, không bận bịu.
5. *Sâm Thương*: tên hai ngôi sao. Sâm và Thương không bao giờ cùng hiện trên bầu trời. Do đó, người ta lấy hiện tượng này để nói về đôi vợ chồng hay cặp tình nhân không gặp nhau được vì cách trở.

Sông Ngân vằng vặc giữa trời,
Lệ tương tư chảy đẫm người tương tư.
Bút nghiên mong giải lòng thơ,
Khối tình này vẫn trơ trơ khôn mòn.
Ruột tằm ngày một héo hon,
Mây sầu ngày một tan hồn thê lương.
Lòng này ai biết, ai thương?

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

PHONG DAO

Ăn chanh mới biết chanh chua,
Có đi đến chùa mới biết chùa vui.
Chơi lâu mới thấu lòng người,
Nếm lâu mới biết mùi đời là cay.

*

Bước chân ra bến đò Quan [1],
Lòng em vơ vẩn như nan [2] không chèo.
Ai làm mưa gió dập dìu.
Để nguồn sôi nổi cho bèo lênh đênh?

*

Rủ nhau thăm cảnh Kiếm Hồ,
Thăm cầu Thê Húc, thăm chùa Ngọc Sơn.
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai tô điểm nên non nước này?

*

Gió thu xô xát ngọn triều,
Đưa anh ra đến giang kiều tiễn anh.

---

1. *Bến đò Quan*: tên một bến đò trên đường từ thị xã Nam Định sang tỉnh Thái Bình.
2. *Nan*: tức thuyền đan bằng nan tre.

Nước bèo tan hợp bao tình?
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra ai!

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

LỜI CHỊ NGUYỆT

Chồn nguyệt điện [1] trời thu hiu hắt,
Ngỏ rèm thưa thông khắp giang san,
Vẳng tai nghe giọng thở than,
Rẽ mây nhắn khách trần gian mấy lời:
Kiếp phù thế ông trời đã định,
Chẳng liệu bề toan tính với nhau.
Sao còn mơ tưởng đâu đâu,
Nay vui trăng gió, mai sầu gió trăng?
Chị ở chốn cung Hằng [2] cao tít,
Chín lần mây [3] vấn vít thềm Nga [4] .
Tấm thân trong ngọc trắng ngà,
Mảnh gương soi để sơn hà nghìn thu.
Trải sương tuyết bể dâu mấy độ,
Mảnh băng thanh [5] muôn thuở chưa phai.
Mây mưa [6] ngán chuyện trên đời,
Gió trăng thêm đặt những nhời nọ kia.
Trách những kẻ ngu si mơ tưởng,
Đem dạ trần trắc lượng [7] lòng tiên.
Vực sâu trời thẳm đôi miền,
Khôn đem mắt ếch mà xem được tường [8] .

1, 2. *Nguyệt điện, cung Hằng*: đều chỉ cung trăng.

3. *Chín lần mây:* bởi chữ cửu trùng: chín tầng, chín lần, tức chỉ bầu trời.

4. *Thềm Nga:* nơi *Hằng Nga* ở, tức cung trăng.

5. *Băng thanh:* chỉ mặt trăng.

6. *Mây mưa:* xem chú thích ở bài *Xuân nữ thán* ở trên.

7. *Trắc lượng:* Ở đây dùng nghĩa rộng là đo lường, thăm dò, so sánh.

8. *Ý cả câu:* con người ở quả đất nhìn lên mặt trăng chẳng khác nào ếch ngồi đáy giếng không thể nhìn rộng khắp được, rõ ràng (tường) được.

Nào những kẻ tha hương lạc phách [1],
Lúc đêm thu viện khách bồi hồi.
Sầu riêng thở đứng than ngồi,
Còn toan gọi nguyệt thử lời non sông.
Nào những kẻ cô phòng vắng vẻ,
Cảnh đìu hiu gối lẻ chăn đơn.
Phận bồ [2] *không sớm lo toan,*
Còn kêu gọi nguyệt mà than thở tình.
Nào những kẻ san minh hải thệ [3],
Đã cùng nhau tính nghĩa đồng tâm.
Giây co chẳng vững tay cầm,
Cũng còn trách lẫn oán thầm trăng thu.
Nào những kẻ giang hồ vô lại [4],
Đem thân dìm bể ái lênh đênh.
Sắc tài pha lẫn hơi tanh,
Cũng còn ai oán tâm tình với trăng.
Cơn chìm nổi bất bằng là thế,
Cuộc vinh hoa [5] *vui vẻ nhường kia.*
Hồn đâu một tỉnh mười mê,
Bừng con mắt dậy mà ghê nỗi đời.
Chị nào phải như ai độc địa,
Bỏ đàn em dâu bể không thương.
Chính vì liên tục khác thường,
Phải đem mặt ngọc làm gương cho đời.
Các em hỡi! Nghe lời chị bảo:
Kiếp phù sinh con tạo xoay vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Liệu mà thu xếp nợ nần cho xong.
Làm trai phải hết lòng vì nước,
Đem hiếu trung phù thực cương thường [6].

---

1. *Lạc phách*: nay đây mai đó, không ở một nơi nào nhất định.
2. *Phận bồ*: thân phận mềm yếu như cây bồ liễu, ý nói người phụ nữ yếu ớt.
3. *San minh*: nguyền với núi; *hải thệ*: thề với bể. Cả hai từ dùng để nói chuyện thề bội.
4. *Vô lại*: không có lợi ích gì. Nghĩa bóng chỉ những kẻ lưu manh.
5. *Cuộc vinh hoa*: (*vinh*: cỏ nở hoa; *hoa*: cây nở hoa) cuộc sống sung sướng giàu sang.
6. *Đem hiếu trung phù thực cương thường*: tác giả khuyên người con trai đem đạo hiếu đạo trung mà bồi đắp cho đạo đức con người ta.

Ra tay kinh tế khuếch trương,
Dắt dìu đồng chủng lên đường văn minh...

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

MONG ANH KHÓA

Bài này nối vần với
bài *Tiễn chân anh Khóa xuống tầu*
in trong *Duyên nợ phù sinh*, quyển I.
(Nguyên chú của tác giả)

Anh Khóa ơi! Lúc đêm thâu ngồi tựa chốn buồng điều,
Một mình em giở quyển Kim Vân Kiều em đọc em ngâm.
Đọc đến câu "Đã nguyền đôi chữ đồng tâm",
Giật mình tưởng khách xa xăm, em lại sầu!
Anh Khóa ơi! Kể từ khi em tiễn chân anh xuống tận bến tầu,
Lời phân ly em chửa cạn, mà con tầu nó đã quay đi.
Một mình em vơ vẩn bước ra về,
Vời trông mây nước trăm bề em những ngổn ngang!
Anh Khóa ơi! Ở trên đời chi hiếm kẻ giàu sang,
Sao anh không luồn cúi, để khuyênh khoang cho nó qua đời?
Can chi mà nay ngược lại mai xuôi,
Để buồng không em than thở, mà bên trời anh cũng lênh đênh?
Anh Khóa ơi! Cái kiếp nam nhi gánh vác đã đành,
Như em là phận gái, dễ xuân xanh được mấy lần.
Mới ngày này đào hạnh vẫn cười xuân,
Mà quyên kêu ve gọi, lần lần cảnh đã sang đông.
Anh Khóa ơi! Bấy lâu nay xa cách vân mòng [1],
Bên đường em trông ngóng, bên sông em đợi chờ.

---

1. *Vân mòng*: tin tức.

Đường vắng tanh, sông nước chảy lờ đờ,
Một thương hai nhớ biết bao giờ cho lại gặp nhau?
Anh Khóa ơi! Trời cao cao, nước biển sâu sâu,
Hỏi rằng: Trời biển thấu nỗi nhau chăng là?
Một mình em thu xếp cửa nhà,
Dạy con, em thay bố, nuôi mẹ già, em lại thay con.
Anh Khóa ơi! Tính đốt tay đã một năm tròn,
Ăn sương nuốt gió kể cũng đã hao mòn cái xác con ve.
Nghĩ nguồn cơn khuya sớm đi về,
Một thân em vò võ biết hề than thở cùng ai!
Anh Khóa ơi! Cuộc phân ly con Tạo khéo trêu ngươi,
Non cao bể rộng, nợ đời em trả biết bao xong?
Nhớ đến câu "xuất giá theo chồng",
Dẫu trăm cay nghìn đắng cũng dốc một lòng với gánh giang san.
Anh Khóa ơi! Kiếp tài tình đã trót đa mang,
Năm chìm bảy nổi, xin anh chàng cũng chớ ăn năn.
Nữa một mai thiên địa xoay vần,
Nụ xanh hoa thắm gặp ngày xuân ta lại tươi cười.
Anh Khóa ơi! Đường bắc nam bao xiết nỗi ai hoài!
Gạt sầu pha lệ viết mấy lời tỏ dạ nhớ mong.
Nước non xa muôn dặm vẫy vùng,
Quê nhà đất cũ xin thấu tấm lòng cho ai.
Này hỡi anh Khóa em ơi!

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

LÂM TUYỀN KHÚC [1]

Trót mảng vui đâu bảy tám niên,
Cơ hồ quên hẳn thú lâm tuyền.
Chạnh lòng sực nhớ câu quy khứ [2],
Xếp gánh quay về chốn cố viên [3] .
Dặm phần quyên gọi [4],
Ngàn liễu chim khuyên [5] .
Phất phơ gió gác trăng hiên,
Đào khoe mận múa là duyên cũ càng.

Ngồi mà ngắm:
Ngàn thông tuyết đọng,
Khóm cúc sương tan.
Chểnh mảng dăm gian nhà cũ,
Lơ thơ mấy bộ sách tàn.
Bầu thơ túi rượu,
Ngọn bút cây đàn.
Liếc mắt kiền khôn rộng,
Rung đùi tâm địa khoan [6] .
Cảnh cũ tranh tô người lịch duyệt,
Chùa xa chuông động tiếng giang san.
Trăng rọi lòng thơ sáng,
Gió dồn mộng tục tan.
Ung dung cửa Hiến bầu Nhan [7],
Sạch không danh lợi vui toàn nước non.

---

1. *Lâm tuyền khúc* (*lâm*: rừng; *tuyền* (toàn): suối) khúc hát của những "người ở ẩn (vì người ở ẩn thường ở nơi rừng núi).

Trong bài, dùng theo nghĩa rộng là nơi ở ẩn nói chung.

2. *Quy khứ*: về đi. Hai chữ này rút ở đầu đề bài *Quy khứ lai từ* của Đào Tiềm đời Tấn (Trung Quốc) làm khi bỏ quan về nhà vui thú điền viên.

3. *Cố viên:* vườn cũ. Ở đây chỉ nhà cũ.

4. *Phần:* tên một cây giống như cây bưởi, thường hay trồng ở thôn quê. *Dặm phần:* nơi quê nhà. *Quyên:* con chim cuốc. Ý cả câu này là: con cuốc kêu như gọi mình về quê nhà.

5. *Ngàn liễu:* rừng liễu. Chỉ nơi xa. Ý cả câu là chim kêu trong rừng liễu nơi xa như khuyên mình nên về quê nhà.

6. *Tâm địa khoan:* cõi lòng thư thái.

7. *Hiến, Nhan:* tên họ hai vị tiên Nho không màng danh lợi.

Kinh luân dăm đứa trẻ,
Trung hiếu một lòng son.
Ngồi rỗi đem gương soi thế sự,
Nằm buồn giở thuốc chữa nông thôn.
Người đời ai biết lòng ta luống,
Vẫn tưởng vui đùa học trẻ con.

Duyên nợ phù sinh, quyển II,
Chân Phương xuất bản, Hà Nội, 1923.

*

BÚT QUAN HOÀI

Quyển thứ nhất

Tiếp theo hai quyển *Duyên nợ phù sinh*, quyển thứ nhất (1921) và quyển thứ hai (1923), nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải lại cho xuất bản *Bút quan hoài*, quyển thứ nhất, tức là *Duyên nợ phù sinh* quyển thứ ba. Theo như lời tác giả ghi ở bìa, tập *Bút quan hoài* này được soạn từ năm Bính Dần (1926), nhưng mãi đến năm 1934 mới cho in ra [1]. Tập này gồm hơn năm mươi bài thơ ca thuộc nhiều thể loại (câu hát vặt, lục bát, song thất lục bát, thơ tám câu, trường thiên, hát ả đào, văn tế, ca lý, phong dao). So với hai tập trước, số lượng bài trong tập này chỉ bằng nửa số lượng bài của mỗi tập trước.

Tuy nhiên phong cách vẫn giữ được vẻ riêng: câu nhịp nhàng, điệu uyển chuyển, ít dùng chữ Hán và điển cố.

Có một điểm mới trong tập này là ở đầu mỗi mục (được xếp những bài cùng một thể loại vào một mục), tác giả viết mấy câu văn xuôi, nêu lên những ý nghĩ, nhận xét, lời khuyên... xoay quanh chủ đề yêu nước, tu thân, xử thế...

---

1. Hiệu sách Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1934.

TIẾNG CUỐC KÊU

Ông Đàm Xuyên Nguyễn Phan Lãng mới in một quyển văn vần nhan đề là "TIẾNG CUỐC KÊU", xem văn có cảm, nhân viết bài này biểu chút cảm tình cùng "TIẾNG CUỐC".

(Tiểu dẫn của tác giả)

"Quốc quốc gia gia" gióng giả chiều,
Ba giăng [1] lòng cuốc nặng bao nhiêu!
Lửa hè nung nấu gan già héo,
Đầu lưỡi khua gào máu đỏ theo [2].
Mến cảnh trời Nam khôn bước lủi,
Mơ hồn vua Thục gắng công chiêu [3].
Hỡi ai thương quốc, ai yêu quốc!
Đứng lại mà nghe "TIẾNG CUỐC KÊU".

Bút quan hoài, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1934.

*

CON MÈO

Tiểu dẫn: Tác giả làm bài này để vạch trần thái độ và tâm địa của bọn xu nịnh.

Quen mui gần chủ cứ chơi leo,
Cơm đánh no tì lại "mẻo meo".
Vênh váo râu ria ra cái cóc,
Lổ loang lông lá rõ đồ beo. [4]

---

1. *Ba Giăng*: tức ba tuần trăng, hay ba tháng. Con cuốc xuất hiện vào mùa hè, nó kêu suốt ba tháng, cho nên nói "*lòng cuốc nặng bao nhiêu!*".

2. Trong dân gian thường nói rằng, con cuốc kêu đến bao giờ chảy máu lưỡi mới thôi.

3. *Chiêu:* vời, tức chiêu hồn. Câu này vận dụng điển cố vua Thục mất nước hóa ra con cuốc, kêu quốc quốc để tỏ lòng nhớ nước. Xem bài *Chơi thành Cổ Loa* ở trên, cùng tác giả.

4. *Beo*: một tên khác của con báo.

Đã mua chó ngựa lòng trung nghĩa [1].
Còn học sói hùm lối ngoắt ngoeo.
Rõ chuột không hay, hay đánh vụng,
Giờ hồn! Không nữa chết cò queo!

Bút quan hoài, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1934.

NHẮN XUÂN

Thấy xuân thêm nhớ đến người,
Tiện xuân xin gửi mấy nhời nhắn ai.
Đường xa, năm cũng xa rồi,
Hỏi lòng còn nhớ những nhời hay quên?

Trông cây cỏ chiều xuân như hớn hở,
Nhìn non sông tấc dạ vẫn âm thầm.
Kìa năm châu chuông trống giục vang ầm,
Mà phong cảnh trời Nam sao lặng lẽ?
Pháo nổ mong khua hồn mộng mị,
Hương thơm còn lẫn vị hôi tanh.
Nào những ai: đường xa vơ vẩn bước, nước cũ vấn vương tình,
Nghĩ nông nỗi sao đành yên tấc dạ?
Bước lầm lỡ từ xưa thôi đã quá [2],
Đường tiến tu [3] *sau đó phải ra công.*
Chớ như ai, mảng vui xa mã [4], *quên chuyện non sông,*
Mà vơ vẩn trong vòng danh với lợi.
Nghe tiếng pháo, ai ơi, mau tỉnh lại!
Kìa chúa xuân chờ đợi những ai kia.
Yêu xuân xin quyết một bề!

Bút quan hoài, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1934.

*

1. Chó và ngựa là hai loài vật rất có nghĩa với chủ, không phản chủ.

2. *Đã quá:* đã qua rồi.

3. *Tiến tu:* (*tiến*: bước lên; *tu*: sửa mình) tự sửa mình để ngày một tốt hơn.

4. *Xa mã*: xe và ngựa dùng làm phương tiện đi lại cho các bậc công khanh thời phong kiến *Vui xa mã*: thích cuộc sống của những người quyền quý giàu sang.

HỠI CÔ BÁN NƯỚC

Tiểu dẫn: Trước đây, trong *Duyên nợ phù sinh*, quyển thứ nhất, Trần Tuấn Khải đã mượn hình ảnh người đàn bà gánh nước đêm mà làm bài ca *Gánh nước đêm* để gợi lên lòng yêu nước của đồng bào. Nay tác giả lại mượn hình ảnh cô bán hàng nước mà làm bài này, ngụ ý khuyên không nên *bán nước* để nhắn nhủ những kẻ đã *bán nước* thực sự.

Hỡi cô bán nước kia ơi!
Dừng chân đứng lại cho tôi nhủ cùng:
Giời hè đương lúc nấu nung,
Nước đâu cô nỡ dứt lòng bán rao!
Bây giờ ai cũng khát khao,
Khô gan ráo cổ kêu gào nước luôn.
Thế mà cô cậy cô khôn,
Thừa cơ đem nước bán buôn kiếm lời!
Nước là của báu cô ơi!
Xưa nay không nước dễ đời còn chi?
Sao cô vụng chẳng hay suy?
Thế gian này có thiếu gì nghề xoay?
Người ta lấy Khách lấy Tây,
Cũng sang trọng chán, cô rầy không theo.
Hỏi cô kiếm được bao nhiêu,
Mà cô đem nước bán liều, hỡi cô?
Nữa mai bể chảy nước khô,
Thân cô chết héo, thì cô bán gì?
Thôi về gánh nước, anh thuê,
Đừng đi bán nước mà dê diếu đời.
Hỡi cô hàng nước kia ơi!

Bút quan hoài, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1934.

*

PHONG DAO

Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầu sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao!

Bút quan hoài, quyển I,
Xương Ký xuất bản, Hà Nội, 1934.

BÚT QUAN HOÀI

Quyển thứ nhì

Những bài trong *Bút quan hoài,* quyển thứ nhì được tác giả viết trong những năm 1926–1927, và xuất bản thành tập năm 1927. Vì tập này có nhiều bài gợi lên tinh thần yêu nước, nên bị chính quyền thực dân cấm lưu hành, tàng trữ.

Mãi tới khi Pháp đã rút khỏi Việt Nam, tác giả mới cho tái bản tập đó tại thành phố Sài Gòn.

Chúng tôi theo bản in lần thứ ba tại Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

HAI CHỮ NƯỚC NHÀ

Tiểu dẫn: Thân phụ Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh, làm quan với nhà Hồ. Năm 1407, quân Minh xâm lược nước ta, bắt một số người có danh vọng đưa về Trung Quốc trong đó có Phi Khanh. Nguyễn Trãi và em đi theo cha đến ải Nam Quan. Tại đây, Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi trở về tìm cách báo thù cho nhà cho nước.

Tác giả làm bài này thác lời của Phi Khanh.

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,
Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu.
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình.
Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lần bước dặm khơi.
Trông con tầm tã châu rơi,
Con ơi! Con nhớ lấy lời cha khuyên!

Giống Hồng Lạc Hoàng Thiên đã định,
Mấy nghìn năm suy thịnh đổi thay.
Trời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!
Than vận nước gặp khi biến đổi,
Để quân Minh thừa hội xâm lăng.
Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông!
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn dân gian bỏ vợ lìa con.
Làm cho xiêu tán hao mòn,
Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu!
Thảm vong quốc kể sao xiết kể!
Trông cơ đồ nhường xé tâm can!
Ngậm ngùi đất khóc trời than,
Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này!
Ngọn Nùng Lĩnh [1] *như xây khói uất,*
Sóng Long Giang [2] *nhường vật cơn sầu!*
Con ơi! Càng nói càng đau!
Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?
Cha xót phận tuổi già sức yếu,
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay.

---

1. *Nùng Lĩnh*: núi Nùng ở Thăng Long (Hà Nội) đã bị thực dân san bằng hồi cuối thế kỷ XIX.
2. *Long Giang*: chưa tra cứu ra được là sông nào hiện nay.

Thân lươn bảo quản vũng lầy,
Giang sơn gánh vác sau này cậy con.
Con nên nhớ tổ tôn khi trước,
Đã từng phen vì nước gian lao.
Bắc Nam bờ cõi phân mao [1],
Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây.
Kìa Trưng nữ ra tay buồm lái,
Phận liễu bồ xoay với cuồng phong.
Giết giặc nước, trả thù chồng,
Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi.
Kìa Hưng Đạo gặp khi quốc biến,
Vì giống nòi huyết chiến bao phen!
Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên,
Gươm reo chính khí, nước rền dư uy.
Coi lịch sử gương kia còn tỏ,
Mở dư đồ đất nọ chửa tan.
Giang san này vẫn giang san,
Mà nay sẻ nghé tan đàn vì ai?
Con nay cũng một người trong nước,
Phải nhắc câu gia quốc đôi đường.
Làm trai hồ thỉ bốn phương,
Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng.
Thời thế có anh hùng là thế,
Chữ vinh hoa sá kể làm chi!
Mấy trang hào kiệt xưa kia,
Hy sinh thân thế cũng vì nước non.
Con đương độ đầu son tuổi trẻ,
Bước cạnh tranh há dễ nhường ai.
Phải nên thương lấy giống nòi,
Đừng tham phú quý mà nguôi tấc lòng.
Kiếp luồn cúi, đỉnh chung cũng nhục [2],

---

1. *Phân mao*: rẽ cỏ. *Bờ cõi phân mao*: tương truyền ở ranh giới Việt – Trung có loài cỏ mọc ngả theo hai hướng nam bắc. Như thế gọi là *bờ cõi phân mao*.

2. *Đỉnh chung*: *đỉnh* là vạc; *chung* là chuông. Xưa kia nhà giàu sang khi ăn thì bày vạc và đánh chuông để gọi khách, do đó *đỉnh chung* dùng để chỉ sự giàu sang.

Thân tự do, chiêu chước mà vinh [1].
Con ơi! Nhớ đức sinh thành:
Sao cho khỏi để ô danh với đời.
Chớ lần nữa theo loài nô lệ,
Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai.
Đem thân đầy đọa tôi đòi,
Nhục nhằn bêu riếu muôn đời hay chi.
Sống như thế sống đê sống mạt,
Sống làm chi thân chật non sông!
Thà rằng chết quách cho xong,
Cái thân cẩu trệ ai mong có mình.
Huống con cũng học hành khôn biết,
Làm giống người phải xét nông sâu.
Tuồng chi gục mặt cúi đầu,
Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành!
Nỗi tâm sự đinh ninh nhường ấy,
Cha khuyên con có bấy nhiêu lời.
Con ơi! Con phải là người,
Thì con theo lấy những lời cha khuyên.
Cha nay đã muôn nghìn bi thảm,
Nói bao nhiêu tâm khảm càng đau.
Chân mây mặt cỏ rầu rầu,
Càng trông cố quốc mạch sầu càng thương.
Lời cha dặn khắc xương để dạ,
Mấy gian lao con chớ sai nguyền.
Tuốt gươm thề với xương thiên [2],
Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu.
Gan tráng sĩ vững sau như trước,
Chí nam nhi lấy nước làm nhà.
Tấm thân sẻ với san hà,
Tượng đồng bia đá họa là cam công.
Nữa mai mốt giết xong thú nghịch [3],

---

1. *Chiêu chước:* rực rỡ.

2. *Xương thiên*: *xương* (cũng đọc là thương): màu xanh da trời; *thiên*: trời. Cả hai chữ nghĩa là trời xanh.

3. *Thú nghịch*: Kẻ chống đối dã man như loài thú. Ở đây, chỉ giặc Minh.

Mũi Long tuyền rửa sạch máu tanh[1].
Làm cho đất động trời kinh,
Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày.
Nghĩa vụ đó, con hay chăng tá?
Tính toan sao vẹn cả đôi đường.
Cha dù đất khách gửi xương,
Trông về cố quốc khỏi thương hồn già.
Con ơi! Hai chữ nước nhà!

Bút quan hoài, quyển II,
Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

ĐỀ ĐỘNG TAM THANH

Nước non ai vẽ, cảnh ai tô?
Động vắng, hang sâu, trọi mái chùa.
Rửa mặt trần ai dòng tĩnh thủy[2],
Gọi hồn kim cổ tiếng nam mô[3].
Hưng vong hoa chán cười anh Mạc[4],
Tang hải xuân buồn khóc chị Tô[5].
Khách đến Tam Thanh ai đó tá,
Trò đời truyện nước biết hay chưa?

Bút quan hoài, quyển II,
Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

*

1. *Long tuyền*: tên một thanh gươm quý đời Tấn (Trung Quốc).
2. *Tĩnh thủy*: dòng nước yên lặng. Ở đây chỉ dòng nước chảy từ động Tam Thanh ra.
3. Ý nói đến ngôi chùa ở trong động Tam Thanh. Thực ra trong động có một số tượng Phật, nhân dân thường đến lễ, quen gọi là chùa.
4. *Anh Mạc*: tức con cháu nhà Mạc bị họ Trịnh đánh đuổi, phải chạy lên Lạng Sơn, có xây thành ở trên núi.
5. *Chị Tô:* tức tảng đá hình người trên núi, nhân dân thường gọi đó là nàng họ Tô mong chồng hóa ra đá (Tô Thị vọng phu).

NHỚ BẠN

(Hành vân)

Chạnh bên lòng! Chạnh bên lòng! Nhớ bạn tình chung!
Đường xa cách, non nước mênh mông, bao công chờ đợi.
Đường mưa gió, trông trời Âu bể Á càng kinh, luống giật
mình mơ màng tâm sự.
Lời san hải [1]*, bao trải tuyết sương? Nam Bắc đôi đường,*
gánh tình riêng nặng, nghĩ càng thương, càng thương!
Niềm ưu ái, chất nặng bên lòng,
Nhắn khách tang bồng, nhớ lời không, lời không?
Nhìn cuộc đời tâm can nhường nung,
Mấy lời tâm huyết, nhắn nhe cùng bạn non sông.

Bút quan hoài, quyển II,
Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

*

PHONG DAO

Cách nhau chỉ một con sông,
Sông sâu nước chảy càng trông càng sầu.
Cũng toan lặn lội tìm nhau,
E khi sóng gió thêm đau đớn lòng.

*

Cách nhau chỉ một con thành,
Thành cao, cao ngất, cho mình nhớ ta,
Nhớ nhau thơ thẩn canh tà,
Cùng trông một bóng Hằng Nga giữa trời.

Bút quan hoài, quyển II,
Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

---

1. *Lời san hải*: Tức lời thề.

*

MẮNG BÙ NHÌN

Người đâu trơ tráo lạ đời,
Ở đâu mà bỗng lạc loài đến đây?
Tả tơi áo phất cờ bay,
Ai cho vùng vẫy đất này, hỡi anh?

Khéo anh rõ hợm đời quá ngán!
Coi chi đây, ai mướn mà coi?
Bờ vờ đâu tạ sự khoe tài,
Cây cỏ ấy, há không người trương chủ?
Mặt nạ tuồng đâu như cú rũ,
Quạ đen ai dám gửi gà con?
Trong năm châu chi hiếm nước non,
Không kiếm cách sinh tồn cho thỏa thích.
Can chi phải gậy vông khua tít,
Bắt nạt đàn sẻ nhít kiếm ăn quanh?
Nữa một mai mưa gió tan tành,
Giống vô ích yên lành sao được mãi?
Đời như thế phỏng khôn hay dại?
Kiếp đời ươi nghĩ lại thử xem sao?
Ăn không, ai có ưa nào!

Bút quan hoài, quyển II,
Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

XEM HỘI TÂY [1]

Nô nức đua nhau hội với hè,
Văn minh Nam Việt tiến mau ghê!
Nhẩy đầm, ăn tiệc, ông Tây sướng,
Liếm chảo [2], leo đu, đứa trẻ mê!!!
Trời nắng lợi riêng phường bán nước,
Bụi lầm khổ chết lũ buôn xe.
Anh mù nọ biết trò chi cả,
Cứ bập bùng bung, cứ cò ke... [3]

Bút quan hoài, quyển II,
Nhà in Công Ích, Sài Gòn, 1957.

*

1. *Hội Tây*: tức ngày kỷ niệm Cách mạng Pháp (14-7-1789).

Nước Pháp lấy ngày này làm ngày quốc khánh. Trước đây hàng năm, vào ngày này thực dân Pháp tổ chức những trò vui, ta gọi ngày đó là *Hội Tây*.

2. *Liếm chảo*: một trò chơi bỉ ổi do thực dân Pháp bày ra để làm trò cười. Chúng lấy một cái chảo, đặt đồng hào vào giữa lòng chảo, ai liếm được (không được dùng tay) thì nhận hào đó. Người liếm vì phải úp mặt vào lòng chảo, bị nhọ chảo rây ra mặt, trông lem luốc, người xem vô ý thức, thấy thế lấy làm thích thú, bật cười.

3. *Cò ke:* ở đây chỉ tiếng nhị của anh xẩm.

TRƯỜNG THÁN THI

(Nghĩ thay lời bà Trưng Trắc nhủ em là bà Trưng Nhị)

Tiểu dẫn: Bài này gồm 10 khúc viết năm 1926, in trong *Sách chơi xuân năm Nhâm Thân* (1932). Ngay sau đó, sách bị tịch thu hết và tác giả bị bắt giam một thời gian. Năm 1968, khi in *Á Nam thi tuyển*, tác giả đưa bài này vào, nhưng chỉ nhớ được có 7 khúc.

Dưới đây trích in khúc 1 và khúc 5:

Em ơi! Ruột chị rối như tơ,
Nước mất, nhà tan cám cảnh chưa?
Đất Tổ làm hang nuôi hổ báo,
Con Tiên lộn kiếp hóa trâu lừa.
Trận mưa chuyên chế bao người chết?
Tiếng gọi công bằng mấy kẻ thưa?
Chị cũng rắp toan liều một kiếp,
Cho thiên hạ biết mặt đào thơ.

Châu rơi lã chã thấm khăn hồng,
Cái nợ tang bồng, phải nợ chung.
Kiếp sống ai không là máu mủ,
Phận bồ chi nỡ phụ non sông?
Trông anh em đó như điên dại,
Còn ruột gan nào hưởng đỉnh cung?
Xá yếm may cờ dù thỏa chí,
Kiếp này khỏi phụ với cha ông.

Á Nam thi tuyển, Nhà xuất bản Cảo Thơm,
Sài Gòn, 1968.

TƯƠNG PHỐ
(1896-1973)

Tương Phố là bút danh của Đỗ Thị Đàm, sinh năm 1896 tại Đồn Đầm (tỉnh Bắc Giang cũ), vì thế gia đình đặt tên là Đầm khi đi học mới đổi là Đàm, nguyên quán làng Bái Kết, huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên. Bà có cô em là Đỗ Thị Khê, hiệu Song Khê và Đỗ Tang Nữ, là người đã tặng Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu rau sắng chùa Hương với bài thơ nổi tiếng.

Phụ thân bà làm công chức ở Thất Khê (Lạng Sơn), một vùng người Tày, giáp biên giới Việt – Trung, nên bà nói được tiếng Tày, biết chữ Hán, chữ Pháp. Khi mới học xong lớp sơ đẳng, Đỗ Thị Đàm được cấp học bổng về Hà Nội học tiếp bậc tiểu học tại trường Nữ học Hàng Cót. Học xong tiểu học lại về Thất Khê.

Năm 1915, Thái Văn Du, Y sĩ Đông Dương thực tập tại Thất Khê, gặp Đỗ, yêu và lấy nhau. Lễ cưới được tổ chức tại Thất Khê. Thực ra Du đã có vợ và con đang ở Huế. Nhưng ông vẫn đưa bà về lễ từ đường ở Huế.

Cũng năm ấy, Thái Văn Du được bổ về bệnh viện Phan Thiết, bà đi theo chồng. Năm sau (1916), Du sang Pháp làm thầy thuốc điều trị cho binh sĩ người Việt bị đưa sang đó, đồng thời chuẩn bị thi bác sĩ y khoa. Lúc này bà vừa sinh con trai.

Năm 1917, bà vào học trường Nữ sư phạm Hà Nội. Năm 1919, Du bị bệnh phổi, phải đưa từ Pháp về Huế để điều trị, tới hè năm sau (1920) thì qua đời.

Tính ra họ chỉ mới chung sống với nhau được 10 tháng thì đã phải xa nhau, rồi vĩnh viễn xa nhau. Nỗi đau khổ ấy đã khiến cho Tương Phố viết nhiều thơ.

Sau vì hoàn cảnh cha già, con côi, Tương Phố phải đi bước nữa, làm kế thất một ông quan hơn mình nhiều tuổi. Cuộc "tái tiếu" càng làm cho thi sĩ thêm buồn nhớ cuộc tình duyên đầy thơ mộng khi xưa.

Trong những năm 1946–1973, bà ở Hà Nội, Sài Gòn, rồi Đà Lạt với con trai và qua đời ở đấy.

Bắt đầu làm thơ từ khi lấy chồng (1915), nhưng sáng tác nổi tiếng nhất của bà là bài *Giọt lệ thu*, viết năm 1923, đăng báo năm 1928. Có người đã

dịch bài này ra tiếng Pháp. Sau đó, bà tiếp tục viết thơ và văn xuôi đăng trên các báo, chủ yếu là *Nam phong tạp chí*, như *Một giấc mộng, Mối thương tâm của người bạn gái, Bức thư rơi, Tái tiếu sầu ngâm, Khúc thu hận, v.v...* Những tác phẩm đó sau này được tập hợp lại thành các tập: *Giọt lệ thu*, Nhà xuất bản Ngày mai, Hà Nội, 1952; *Mưa gió sông Tương*, Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960; *Trúc Mai*, Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn, 1970.

Tương Phố đã góp vào văn học đầu thế kỷ 20 một tiếng khóc than ảo não do hạnh phúc tan vỡ. Đáng chú ý là nỗi đau xót của Tương Phố không chỉ là niềm riêng mà còn gói cả một "trời sầu" của thế hệ thanh niên tiểu tư sản Việt Nam những năm 20. Đó cũng là tiếng nói lãng mạn yếu ớt đầu mùa.

Tuy còn sáng tác đến mấy chục năm về sau, nhưng thành tựu của Tương Phố chỉ dừng ở chặng đường những năm 20, sau đó thì không theo kịp thời đại.

Dưới đây, chúng tôi tuyển in một số bài thơ đã được đăng báo ngay từ hồi ấy, rồi tới một số bài sau này mới được sưu tầm và đưa vào trong *Mưa gió sông Tương*.

*

GIỌT LỆ THU

Trời thu ảm đạm một màu
Gió thu hiu hắt thêm sầu lòng em.
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai để duyên em bẽ bàng!

Anh ơi, thu về như gợi mối thương tâm. Mỗi độ thu sang em lại vò lòng than khóc. Nghĩ năm có một lần thu, nhưng thu năm nay đi, năm sau còn trở lại. Hỏi ba sinh hương lửa thời ái ân kia dễ mấy kiếp hẹn hò nhau? Chẳng hay cơ trời dâu bể vì đâu, xui nên chăn gối vừa êm, lửa hương mới bén, sắt cầm dìu dặt ngón đàn, bỗng ai xô lộn bình tan gương vỡ cho người dở duyên!

Than ôi! Minh dương [1] *đôi ngả, gió mây hội ấy, anh đi đi mãi, năm tháng thường về, người không dấu vết. Em muốn tìm anh tìm chẳng thấy, hôm sớm bâng khuâng buồn lại nhớ, thương nhau gầy gõ khóc vì nhau.*

Anh vui non nước bấy lâu, bụi hồng khuất nẻo dứt đường cá chim, trông bốn phương trời mây buồn vơ vẩn, em còn biết đâu

1. *Minh dương*: cõi âm và cõi dương

lối phượng bay mà tìm. Chốn phòng loan[1] *từ thuở vắng anh, lệch làn chăn gối đượm sầu, giường xưa chiếu cũ nghiêng xiêu, thu đông đến chẳng cùng em ân ái nữa. Giấc cô miên trằn trọc suốt canh dài mắt muốn nhắm đi, lòng nào có ngủ, đường kia nỗi nọ, trăm năm tâm sự, khôn đem hồn mộng gửi chiêm bao! Ngày tới đêm lui, hôm mai lần lữa, những ngậm ngùi than thở xót cho thân.*

Than ôi! Lênh đênh sóng nước một con thuyền, phong ba cuộc thế mấy phen dập vùi. Nghĩ như cánh buồm bạt gió, bể hận không bờ, con chèo tuyệt vọng khôn dò bến, em nay còn biết buông theo ngả nào! Trên cầu đoạn trường, sầu dường bể, khắc như năm, võ gầy thảm thiết thương anh, trăm mối tơ lòng không tung mà rối.

Xuân qua hạ lại, cảnh tình đã chẳng khác chi đông; thu sang tâm sự lại dạt dào, thương tâm gió buổi mây chiều, lòng em lai láng biết bao sầu tình!

Anh ơi! Phòng thu vò võ một mình, mỗi khi nhớ anh, em lại ngừng tay kim chỉ, cuốn bức châu liêm xa trông non nước, và hồi tưởng những đường xưa lối trước đi về có nhau, thì muôn nghìn tâm sự bấy giờ lại như xô lùi em về cảnh đời dĩ vãng, mà rồi ngọn trào trong dạ cũng mênh mông con sóng lệ. Em nhiều khi cũng nghĩ thương nước mắt, muốn thôi đi không khóc nữa, nhưng hai hàng châu lệ vẫn cứ chan hòa như mưa!

Nước non ngao ngán tình xưa,
Trăm năm bạn cũ bây giờ xa đâu?
Để riêng ai:
Bức khăn hồng tầm tã giọt châu,
Gối chăn còn ngấn lệ sầu đến nay!

Anh ơi, nước non còn đó mà anh vội đi đâu? Ngày xanh sao chẳng ở cùng nhau, duyên thắm nỡ nào chia rẽ lứa. Ngoài nội uyên kia cùng chắp cánh, trên nương én nọ chẳng lìa đôi, tung mây kết bạn ngang trời, nghĩ chim ríu rít tủi người lẻ loi.

Ôi! Chim có đôi, người sao lẻ bạn, chăn đơn gối chiếc em biết cùng ai than thở chuyện trăm năm. Đành em phận mỏng cánh chuồn, tóc tơ ngắn ngủi, cùng anh không có phúc nối duyên lâu dài. Nhưng gieo chanh rắc ớt, chua cay lòng trẻ, để đến duyên này chếch mác dở dang, cũng bởi tại khuôn xanh kia đã quá tay lừa lọc. Trời ơi! Ba

---

1. *Phòng loan*: phòng ngủ thời xưa có rèm thêu chim loan.

sinh hương lửa, đã cho duyên kiếp ái ân bạn đời, ví dầu chẳng để trăm năm nữa, cũng cho xuân thu đắp đổi độ vài mươi năm, cho cam tấm lòng trẻ thơ khăn túi. Nỡ nào chắt chiu én mới một xuân qua, đã đem sinh ly tử biệt chia phôi bước đường.

Con còn trong cữ chưa se rốn, vợ qua bể cạn chửa hoàn hồn, anh đã vội vàng dứt áo ra đi. Ôi, ra đi nào phải đi gần, dặm đường Âu Mỹ ngàn trùng nước non. Buổi tiễn đưa nhìn anh thôi lại nhìn con, giọt hồng lã chã, chén quan hà [1] *những uống lệ mà say!...*

Anh sang Tây em cũng tính ngày về Bắc, con vừa đầy tháng em đã bước lên đường.

Nghĩ vợ chồng lấy nhau mùa thu, biệt nhau chưa kịp qua thu, đất khách quê người, gánh tình xẻ nửa dặm sầu chia hai, mà nay em ra về, nước non như vẽ cảnh đoạn trường!

Thôi, từ đây cảnh trời Phan Thiết rẽ hai tâm tình! Than ôi, cùng nhau đương hợp mà tan, nghĩ nguồn cơn ấy thì thà rằng đôi lứa như chim, lại không biết có cái thảm những ngày gió mưa chia rẽ.

Gió mưa chim chẳng lìa đôi,
Giữa đường ân ái não người lẻ duyên.
Lai sinh [2] *nguyện chắp cánh uyên,*
Cao bay chẳng để khuôn thiêng lọc lừa.

Anh ơi, một năm hoa mấy thời xuân, bốn mùa trăng dễ mấy rằm trung thu. Trăng đẹp khi tà, hoa thơm khi úa, đời xuân xanh ai trẻ mãi ru mà! Người yêu hoa đem lòng luyến ái, khách say trăng chén rượu vui mời, những than ba vạn sáu ngàn ngày, sinh thú cõi trần ai không hơn gì mộng cảnh, cho nên thương hoa xuân tạ, cảm trăng thu tàn, đã mang tấc dạ yêu say khách chung tình không nỡ vì mình mà trăng sầu hoa tủi. Em nay vì anh đến nỗi chừng xuân tơ liễu còn xanh, mà nửa lần tâm sự đã sang thu rồi! Than ôi! Anh đi chẳng lại đã đành rằng duyên kia dang dở, nhưng ngày xanh quãng vắng em chờ đợi ai!

Ngày xuân luống tiếc xuân dài,
Oanh đưa liễu đón duyên ai đi về.
Vui xuân đôi lứa đề huề,
Sầu xuân say tỉnh tê mê một người.

---

1. *Quan hà*: cửa ải và sông. *Chén quan hà*: chén rượu tiễn người đi xa.

2. *Lai sinh*: kiếp sau.

Xuân xanh duyên đã phai rồi,
Đời xuân thôi cũng là đời bỏ đi.

Anh ơi, hờn xuân em lại giận trời, trời đa đoan, phũ phàng con trẻ, nỗi dở dang này em biết than thở với ai đây? Theo duyên những ước duyên may, em có ngờ đâu giữa đường đứt gánh chung tình, anh đi để lại cho em những ngày mưa sầu gió thảm!

Con anh măng sữa, em còn ngây thơ, cuộc đời trăm đắng nghìn cay, trông vào ai, cậy vào ai? Đường gian nan chân chồn bước ngại, tới lui đã dở, nắng mưa dễ biết lánh vào đâu!

Đường mây vỗ cánh, lựa chiều bóng mát cây cao, chim kia còn hơn em có tổ hôm mai đi về.

Buông con mắt trông bốn phương trời, em chỉ ngậm ngùi rưng rưng nước mắt, mà không còn biết đâu là nơi hy vọng được những tháng ngày ấm no.

Năm theo anh mười bảy ngây thơ, đào tơ sen ngó, ái ân thuở đó, đem ngày xanh hẹn buổi bạc đầu. Em những chắc cùng nhau đôi lứa thiếu niên. Bắc Nam dù cách trở, hương lửa vẫn nồng nàn, thì nay dẫu xa xôi, mai rồi lại gặp gỡ, và nước non còn đó, đâu hết cơ duyên. Nên chi con thơ măng sữa em chăm chút, chẳng phiền cha mẹ, chẳng phiền anh, rắp mong để yên lòng khoa danh gặp hội anh đua bước. Một mai nam nhi toại chí dưới bóng tùng quân em cũng được nở nang mặt mày.

Than ôi! Những cậy mình tuổi trẻ khinh ly biệt, em nào có học đến chữ ngờ, mà biết trước sinh ly tử biệt đoạn trường dồn nhau. Sự duyên càng nói càng đau...

Nghĩ lại Âu du bước ấy có hay gì! Quê người dầu dãi tuyết sương, mấy năm trời lao tâm khổ tứ, thang mây thăng một bực, tuổi thọ giáng bao nhiêu.

Ngót ba thu lần nữa đất Mácxây [1]*, nghỉ luống thương anh yếu đau săn sóc cho người môn Biển Thước* [2] *thêm được bức văn bằng thuộc địa y khoa, lúc trở về đã hai lần phơi nát! Thảm thiết thay! Anh mang trọng bệnh lên đường vinh quy, trước khi bảng vàng ghi chép cái danh hão huyền kia, hẳn cũng không ngờ đâu ba chữ tên mình sắp đến ngày mờ xóa trong sổ nhân loại thế gian!*

---

1. *Mácxây*: ông Thái Văn Du du học ở Mácxây (Marseille).
2. *Biển Thước*: một thầy thuốc giỏi ở Trung Quốc thời cổ. Đây ý nói là học ngành y.

Tin về đưa đến, Bắc Nam đôi ngả xa vời, chén tẩy trần[1] *em những ngậm ngùi, ngoài thiên lý cuộc trùng hoan nào được thấy nhau. Nhưng cũng tướng đầu xanh tuổi trẻ, ái ân còn dài, thì rồi đây xum họp đâu sẽ có ngày cùng nhau hàn huyên kể lể giải sầu chi phôi. Nào hay đâu, ông tạo hóa cơ cầu*[2]*, xui nên vật đổi sao dời trong phút chốc, đương đau xa nhau, bỗng lại khóc mất nhau.*

Ôi, tin đâu xé ruột xé lòng!... Mảnh giấy xanh đưa đến tận nơi: Ngày Hai mươi nhăm, tháng Bảy, năm Canh Thân là ngày anh tạ đất, tạ trời, cướp công cha mẹ, dứt tình vợ con, lìa rẽ anh em, chia đường kim cổ. Một gánh nợ đời trút cả cho người còn ở lại!

Chao ôi! Lưng trời sét đánh, em thật đã chết cả đời người.

Thôi thế là thôi! Một giải khăn ngang, năm thân gấu xổ, trăm năm tâm sự còn nói năng gì!

Con anh nào đã biết mặt cha, thân côi cút trái đào ba tuổi, từ đây em dạy em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố.

Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay xở biết toan sao? Đoạn trường em lại biết bao nhiêu giăng mắc – Con còn trẻ thơ lo ăn lo mặc, lo học lo hành, con khôn lớn lại phải lo sao cho thành danh phận, để chen vai nối gót với đời. Nghĩ như thân em sức vóc liễu bồ, cánh vây không có, hai bàn tay trắng, đức tài cũng không. Một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo liệu thế nào cho tròn phận ấy.

Anh ơi! Anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nhiêu nỗi dở dang ở đời! Dầu em có nghĩ liều: mặc đời cua máy cáy đào, nỗi dở dang âu đành chẳng bận. Nhưng tình nhớ thương khuây khỏa sao đây! Ra vào vắng vẻ tháng ngày, khăn áo cũ còn hình dung bóng dáng. Khoảng trời đất non buồn nước lạnh, người đi bằn bặt, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà mong.

Trên mây kia Ngưu Chức chia phôi cũng đoạn trường, nhưng khóc nhau còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc anh mấy thu nay lệ đã đẫm lòng; người đành không lại, mộng sao chẳng về? Nghĩ đau duyên ấy lại hờn với Ngâu:

---

1. *Tẩy trần*: rửa bụi. *Chén tẩy trần*: chén rượu mừng người đi xa mới về.

2. *Cơ cầu*: sắp xếp.

Thu về đẹp lứa duyên Ngâu,
Năm năm Ô Thước bắc cầu Ngân Giang.
Đôi ta ân ái lỡ làng,
Giữa đường sinh tử đoạn trường chia hai.
Anh vui non nước Tuyền Đài,
Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh lùng.
Nhân gian khuất nẻo non Bồng,
Trăm năm não thiếp tấm lòng bơ vơ.

Anh ơi! Chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu! Nhưng lòng thu ai hẳn có như em, mà mây chiều vấn dạ, gió mai lạnh lòng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thắm, mỗi làn lá rụng là một ảnh tình sầu. Thu càng thảm sầu càng nặng.

Anh ơi! Em nghĩ đến về với anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi hồi nhớ trước tưởng xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngây ngất sầu.

Cũng buổi thu này, trăng trong gió mát, tao khách thi nhân sau tình sau cảnh, cùng nhau cất chén hoàng hoa, ngâm thơ Tống Ngọc, lưng bầu phong nguyệt hẹn hò với thu.

Riêng em trong cảnh phòng không chiếc bóng, luống tủi mình đầu xanh lẻ bạn, giữa đường lạc duyên, cho nên trông trăng những nhớ trăng xưa, thấy thu lại tưởng thu này năm nao, mà rồi châu lệ dạt dào, tấc dạ cùng thê lương, lòng riêng không còn một cảnh vui nào để cho mình ước hẹn với thu. Người buồn lại gặp cảnh thu, sầu riêng trăm mối bao giờ gỡ xong!

Anh ơi! Giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh mà năm năm lai láng. Than ôi! Thu sang, thu não lòng người biết bao!

Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vi lau san sát, hơi may lạnh lùng.
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cảnh bạn cùng thu tâm!

Viết ở Sông Thương, mùa thu
năm Quý Hợi (1923).

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 131, tháng 7–1928.

*

TÁI TIẾU SẦU NGÂM [1]

Đàn xưa, ai dứt dây đàn?
Đứt dây từ đấy, chưa chan mạch sầu!
Ngày xanh chi dở dang nhau,
Tuổi xanh nghĩ buổi bạc đầu mà thương;
Vóc mai gầy gõ tuyết sương,
Mấy thu chiếc bách [2] cánh buồm bơ vơ;
E dè buổi gió chiều mưa,
Con côi, mẹ góa, dễ nhờ nương đâu?
Bước đi âu cũng thương nhau,
Dừng chân đứng lại, cơ mầu dở dang.
Dây loan chắp mối đoạn trường,
Ngâm câu tái tiếu hai hàng lệ sa!

Dễ âu duyên mới du mà,
Còn tình chăng nữa, cũng là lụy thôi.
Trăm năm danh tiết lỡ rồi,
Dẫu thân chung đỉnh cũng đời bỏ đi.
Đào tơ sen ngó từ khi,
Ngây thơ đôi lứa ngờ chi nỗi này.
Uyên ương chia rẽ bấy nay,
Lạc bầy chắp cánh, thẹn ngày giao hoan [3].
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Bến xưa ngoảnh lại muôn vàn thương tâm!
Thuyền ai, nào khách ôm cầm [4],
Dây tơ dìu dặt, âm thầm tiếng tơ.
Khúc thành, lệ ứa như mưa,

1. *Tái tiếu sầu ngâm*: (*Tái*: lại; *tiếu*: lấy chồng lần thứ hai; *sầu*: buồn; *ngâm*: bài ca) bài ca về nỗi buồn đi lấy chồng lần thứ hai. Tương Phố lấy chồng lần thứ nhất là Thái Văn Du. Mấy năm sau chồng chết, bà rất thương chồng, toan không tái giá, nhưng vì hoàn cảnh gia đình (cha già, nhà nghèo, con côi), Tương Phố vâng lời cha phải đi bước nữa. Trước hoàn cảnh éo le đó, Tương Phố làm bài này để tỏ nỗi lòng mình.

2. *Chiếc bách*: chiếc thuyền bằng gỗ bách. Ở đây dùng theo nghĩa rộng, Tương Phố ví mình như một con thuyền bơ vơ.

3. *Giao hoan*: (*giao*: qua lại với nhau; *hoan*: vui) vui cùng nhau. Ý nói cuộc vui tái tiếu.

4. *Ôm cầm*: ôm đàn. *Ôm cầm thuyền ai*: nói phụ nữ đi lấy chồng.

Cảm xoang điệu cũ bao giờ cho thôi.
Thân này, đôi dẫu đủ đôi,
Lòng này, riêng vẫn lẻ loi tấm lòng!
Theo duyên ân ái đèo bòng,
Trăm năm vẫn một khúc lòng bi thương.

*

Trông về lối cũ Bình Hương [1],
Sông quanh chín khúc đoạn trường quặn đau!
Non cao, thẳm ngất non sầu,
Cảnh xưa ai vẽ nên màu thê lương.
Tình xưa càng nghĩ càng thương,
Biết bao khoảng vắng đêm trường khóc nhau.
Gối nghiêng tầm tã tuân châu,
Màn hoa chăn gấm giọt sầu chứa chan.
Cửa hầu [2], *gửi áng xuân tàn,*
Chén vinh hoa, nhấp muôn ngàn đắng cay.
Nỗi lòng chua xót ai hay,
Tấm thân bồ liễu võ gầy riêng thương.
Vì chàng tâm sự dở dang,
Vì con, thôi mấy đoạn trường cũng cam.

*

Nghỉ vui đuốc tuệ hoa đàm,
Cha già, con dại, dễ làm sao đây?
Chàng từ cưỡi hạc chơi mây,
Bụi hồng, nào biết những ngày gió mưa.
Đau lòng thiếp, nỗi sau xưa,
Cửa nhà, non nước như tơ rối bời.
Lòng nào lòng tưởng vui cười,
Cũng thân nghiêng ngửa với trời đa đoan.
Nối đời nếm hết tân toan,
Khôn ngoan chi mấy mà oan trái nhiều!

*

1. *Bình Hương*: tức núi Ngự Bình và sông Hương Giang ở Huế. Ở đây chỉ quê hương chồng trước của tác giả là xứ Huế.

2. *Cửa hầu*: nơi ở của một vị quan to. Ở đây chỉ nhà người chồng thứ hai của Tương Phố là một vị quan.

Nước non duyên nợ nghỉ liều,
Cầm như con trẻ chơi diều đã xong.
Nỗi riêng lệ ứa đôi dòng,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây!

1925.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 147, tháng 2 – 1930.

*

KHÚC THU HẬN

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
Thu năm về, nào thấy chàng về.
Chàng đi, đi chẳng trở về,
Thu về, thiếp những tê mê dạ sầu.

*

Làng mây nước biết đâu nhắn gửi,
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương.
Vì chàng, chín khúc đoạn trường,
Vì chàng, trăm mối sầu vương tháng ngày.
Thu vừa khóc thu này lại khóc,
Năm năm thu, mảng khóc mà già.
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
Non buồn, nước lạnh, cỏ hoa tiêu điều.
Nỗi ly hận mây chiều gió sớm,
Tình tương tư khoang vắng đêm trường.
Gió mưa tâm sự quê hương,
Chỉ kim ai oán, đoạn trường nhau đây!
Sầu ngây ngất những ngày thu lại,
Giọt Ngâu tuôn lệ lại chan hòa...
Ngàn xanh sắc úa vàng pha,
Bông lau lả lướt la đà ngọn may.
Non nước buồn cỏ cây hiu hắt,
Khói mây tuôn, mặt đất chân trời.
Vời trông muôn dặm đường đời,
Bước trăm năm luống ngậm ngùi cho thân.

Kể từ độ phong trần lạc bước,
Mười lăm năm mặt nước cánh bèo.
Gieo lòng theo ngọn thủy triều,
Lênh đênh thôi cũng mặc chiều nước sa!

*

Con măng sữa nay đà mười sáu,
Chốn hầu môn nương náu đức dầy.
Sách đèn cơm áo bấy nay,
Vì con, nuốt hết chua cay nỗi đời!
Phong lưu để ngậm ngùi tấc dạ,
Chén vinh hoa, lã chã giọt hồng!
Khóc than khôn xiết sự lòng,
Bèo xuôi sóng ngược cho lòng xót xa.
Khăn lệ cũ, chan hòa lệ mới,
Mối sầu xưa, chắp nối sầu nay.
Tân sầu cựu hận bao khuây,
Nắng sương, một vóc mai gầy thảm thương.
Thu năm về, thê lương dạ cũ,
Nước dòng thu khôn rũ tâm sầu.
Bi ca một khúc bên lầu,
Trăng thu dãi bóng, gió thu lạnh lùng.

Lầu cao, Bệnh viện Nam Thành
Mùa thu năm 1931

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 164, tháng 7 – 1931.

MƯA GIÓ SÔNG TƯƠNG

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản *Bốn Phương*, Sài Gòn, 1960, là một tuyển tập gồm hơn sáu chục bài thơ mà Tương Phố làm từ năm 1915 đến năm 1945, tức là từ khi bắt đầu yêu đến hồi trở về già. Thơ nhiều thể loại: tứ tuyệt, bát cú, lục bát, song thất lục bát... tập trung nói lên mối tình buổi ban đầu, nỗi đau khổ khi người yêu không còn, tâm trạng bẽ bàng khi tái giá... Ý tứ bình dị mà thấm thiết, lời thơ trong sáng, nhạc điệu du dương.

Dưới đây chúng tôi chỉ trích một số bài làm trong thời gian từ 1915 đến 1930 cho phù hợp với phạm vi của tập này:

TÌNH QUÊ

Tiểu dẫn: Tương Phố sinh trưởng ở miền Bắc, lấy Thái Văn Du, người miền Trung làm việc tại bệnh viện Phan Thiết.

Tương Phố cùng về ở đó. Tại nơi xa lạ, Tương Phố nhớ quê thương, làm bài thơ này.

Vô đây là cõi trời Nam,
Bâng khuâng nhớ Bắc muôn vàn khôn khuây.
Nhớ ngày đông, giá cóng tay,
Nhớ thu sang, ngọn gió may lạnh lùng.
Nhớ xuân, muôn tía ngàn hồng,
Nhớ sen mùa hạ nở tung mặt hồ.

Đồng quê, nghĩ nhớ con cua,
Lũy tre, gió lộng vi vu sáo diều.
Quê nhà đầm ấm bao nhiêu,
Mẹ cha em nhỏ mai chiều yên vui.
Bắc Nam duyên phận xa xôi,
Hương quan nghìn dặm mấy hồi chiêm bao!

Phan Thiết, 1915.

Mưa gió sông Tương,
Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

CHIA PHÔI

Còn đêm nay [1] nữa, sao mà...
Đêm chưa chợp mắt, canh gà đã ran.
Giục người muôn dặm quan san,
Giục người rẽ thúy chia loan não nùng.
Đường xa, xa mấy muôn trùng [2],

---

1. Đêm 25-5-1916 ở tỉnh Phan Thiết là đêm cuối cùng đôi vợ chồng trẻ hội cùng nhau, để rồi bắt đầu xa nhau mãi mãi.

2 . Đường sang Pháp (Nguyên chú của tác giả).

Mẻ đi người ở, tấm lòng ngổn ngang.
Ngậm lời, ngồi ngẩn canh tàn,
Nhìn nhau đôi mặt, bốn hàng lệ sa !

Phan Thiết, 1916.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

*

ĐƯỜNG LẠNG SƠN

Đường Lạng Sơn, bánh xe rong ruổi,
Chuyện tâm tình, nhớ buổi cùng anh.
Vẫn còn suối biếc rừng xanh,
Cây rừng nước suối gợi tình nhớ nhau.
Ngắm cảnh cũ dạ sầu khôn tả,
Nhớ bạn xưa nay đã xa rồi.
Giữa đường, ngơ ngẩn bồi hồi,
Dừng xe mấy độ, quanh rồi lại quanh.
Dùng dằng mãi bên ghềnh bóng ngả,
Sương hôm sa đẫm cả áo khăn.
Ra về, sầu lại bội phần,
Mây Tam Thanh biết mấy lần tương tư!

Đường Lạng Sơn, một buổi chiều tà, 1916.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

ƯỚC CHI

Ước chi em hóa kiếp chim,
Trời Tây muôn dặm bay tìm gặp anh.
Véo von nhẩy, hót bên mình,
Vì anh khuây khỏa mối tình gia hương [1] .

Thất Khê, 1916

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960

*

1. *Mối tình gia hương*: (*gia*: nhà; *hương*: làng) nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương.

XUÂN LẠNH

Xuân lạnh, anh ơi, em nhớ anh,
Đường xa bao nả bấy nhiêu tình.
Tương tư trằn trọc năm canh lệ,
Gối chiếc chăn đơn mộng chẳng thành.

Thất Khê, Xuân 1917.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

*

ĐÔNG BUỒN

Thu qua đông lại sang rồi,
Lạnh lùng gió bấc, mấy hồi mưa bay.
Bên lòng một mối sầu tây,
Nhớ ai muôn dặm nước mây quê người.
Biệt ly chốc mấy năm trời,
Chén tương tư nhấp hồ vơi [1] *lại đầy.*
Ngừng kim buồn tựa hiên tây,
Hiên tây nào biết trời Tây phương nào?

1918.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

*

1. *Hồ vơi*: gần vơi.

TRƯỜNG AN [1]

Trường An nào thấy vân mòng [2],
Hỡi người muôn dặm, tấm lòng ta sao?
Non Bình, mấy độ trăng cao,
Sông Hương, mấy độ con trào nước dâng.
Bắc nam hồn mộng bâng khuâng,
Nước non, non nước mấy tầng xa xa.

Trên bờ sông Nhị, 1919.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

*

NỤ CƯỜI DƯỚI TRĂNG

Nhớ xưa, anh cảm chị Hằng [3],
Đa tình đến nỗi thương trăng lạnh lùng.
Rẽ mây ước tới Thiềm cung [4],
Nguyện đem chăn gối bạn cùng Thường Nga [5] .
Vợ gần, cảm bóng trăng xa,
Ghen trăng, vợ bẩn: "Hằng Nga... Nga gì"
Phá cười, tiếng cụ Hường [6] Chi:
–"Trời ơi, trời hỡi, ghen gì với trăng!"

---

1. *Trường An*: kinh đô của nhà Hán (Trung Quốc). Về sau, người ta dùng theo nghĩa rộng để chỉ kinh đô của những triều đại về sau.

Ở đây, Trường An chỉ Huế, kinh đô của nhà Nguyễn.

2. Hồi này anh ở Pháp đã về Huế rồi, mà bẵng tin. Tương Phố học ở Hà Nội, đôi ngả xa xôi; chưa một lần nào gặp lại nhau, chỉ mòn con mắt phương trời đăm đăm.

(Nguyên chú của tác giả).

3. *Chị Hằng*: tức Hằng Nga, chỉ mặt trăng.

4. *Thiềm cung*: tức mặt trăng, vì chuyện cổ kể là trên mặt trăng có cung điện của thiềm thừ tức con cóc.

5. *Thường Nga:* một tên khác của Hằng Nga.

6. *Hường:* do chữ Hồng đọc chệch ra, tức hàm Hồng lô gọi tắt.

Ngày trước Hồng lô (tự khanh, tự thiếu khanh) là những chức quan; thời Pháp thuộc trở thành hư hàm phong thêm cho các công chức.

Nhân gian lắm nỗi bất bằng,
Thà như cung Quảng [1] *ả Hằng, anh ơi!*
Yêu anh, em ước lên trời,
Trên mây kết bạn muôn đời cùng trăng.
Để mai đây, dưới cung Hằng,
Yêu trăng, anh lại nhìn trăng mỉm cười...

1919.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

*

TỰ TÌNH

Canh khuya, tỉnh giấc hai hàng lệ,
Vừa năm kia, mất mẹ chưa khuây.
Áo khăn tang tóc còn đây,
Chưa xong tang mẹ, lại ngay tang chồng!

Nỗi đau đớn, riêng lòng này biết,
Khóc lên cho thảm thiết vang trời.
Trời làm chi hỡi trời ơi!
Nỡ đem sinh tử não người thế gian.
Chết, âu cũng muôn vàn lẽ chết,
Nỡ lòng nào vội giết tuổi xanh?
Ôi! Trang trẻ đẹp, thông minh,
Chết con người một tấm tình chứa chan!
Chết hỡi chết! Sao tàn nhẫn thế?
Dở dang người vợ trẻ con thơ.
Từ đây biết lại bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này!
Áo xanh [2] *thấm ố đầy ngấn lệ,*
Mối sầu này ai để cho nhau!

---

1. *Cung Quảng*: tức cung Quảng Hàn, chỉ cung trăng, mặt trăng.

2. Áo xanh rêu mầu đại tang, và cũng ngụ ý tấm áo trẻ trung của người đương tuổi thanh xuân rực rỡ.

(Nguyên chú của tác giả).

Già nua kia, bạc mái đầu [1],
Kẻ còn người khuất, cũng đau đớn lòng.
Nữa đôi ta, đương vòng tuổi trẻ,
Ái ân còn mới mẻ say sưa.
Cùng nhau hú hí sớm trưa,
Bữa ăn giấc ngủ cũng chờ đợi nhau.
Lòng chẳng nỡ xa đâu nửa bước,
Đương kiếp này, đã ước kiếp sau.
Chỉ vui, vui chẳng biết sầu,
Quanh mình, hoa cỏ riêng mầu vui tươi.

Em mười tám, anh hai mươi lẻ,
Sóng gương đôi, lứa trẻ như măng!
Có đêm ngồi mát dưới trăng,
Bảo nhau: yêu quá sợ Hằng Nga ghen.
Yêu có phút lặng nhìn chẳng chớp,
Trông nhau cùng muốn nuốt nhau đi!
Ngây thơ một tấm tình si,
Yêu nhau, yêu có nghĩ gì xa xôi.
Vui, có lúc cùng ngồi đánh chắt,
Đùa, có khi bịt mắt bắt dê.
Khi trước cửa, lúc bên hè,
Sánh vai, ngắm khách đi về đông tây.
Lòng sung sướng đùa mây, rỡn gió,
Chuyện bâng quơ chẳng có đầu đuôi.
Câu vui cùng phá lên cười,
Vui tai, hàng xóm cũng cười góp sang.

Nhắc chuyện cũ, lòng càng thêm nhớ...
Ôi! Trăm năm, mấy thuở vui vầy!
Phút rồi kẻ Bắc, người Tây,
Sinh ly những ước lại ngày đoàn viên.
Anh rong ruổi theo miền tên đạn [2],
Em trở về vui bạn bút nghiên [3] .

1. Chỉ phụ thân tác giả.
2. Anh sang Pháp hồi Âu châu đại chiến 1914–1918 (Nguyên chú của tác giả).
3. Tương Phố về Bắc, thi vào học trường Nữ sư phạm, mới bắt đầu khai giảng ở Hà Nội năm 1918.

Lòng son để chớm lửa phiền,
Giọt hồng lã chã để hoen má hồng.
Góc trời Âu, tấm lòng mong mỏi,
Nay tin đi, mai hỏi tin về,
Xa xôi còn bóng trăng thề,
Bao phen dưới bóng trăng khuya ngậm ngùi.
Trông trăng, chạnh nhớ người chung bóng,
Bóng bên đông, nhớ bóng bên tây.
Rượu sầu chẳng nhấp mà say,
Lòng sầu gắng gượng càng ngây ngất sầu!
Ly hận nỗi càng lâu càng khổ,
Tương tư thêm mấy độ tương tư.
Nay mong thư, mai đợi thư,
Ba thu đất khách, bây giờ là đây[1].

Anh lâm bệnh, phương Tây về nước,
Chứng nan y[2] *Biển Thước*[3] *cũng hàng!*
Nghe tin, thương xót muôn vàn,
Lặng ngồi im nghĩ, hai hàng lệ tuôn...
Bệnh hỡi bệnh, sao buồn đến thế!
Bệnh oái oăm, bệnh để giết ai?
Rắp mong, ngày một, ngày hai,
Thuốc tiên bệnh quỷ, có tài cũng qua.
Riêng ngán nỗi, đường xa dặm thẳng,
Ước đoàn viên, nguyện chẳng như nguyền.
Trăm điều ngang ngửa vì duyên,
Bắc nam tuy vẫn nặng nguyền ước xưa.
Êm đềm tay dắt con thơ,
Bước trăm năm, vẫn đợi chờ gặp nhau.

---

1. Ba năm mong đợi tin anh về, đến nay được tin, lại là tin anh bị thổ huyết nặng, không chịu được thời tiết lạnh ở Pháp, nên được về cố hương dưỡng bệnh. (Nguyên chú của tác giả).

2. Bệnh lao phổi – phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y – (Nguyên chú của tác giả).

3. *Biển Thước*: một danh sư thời Chiến Quốc (Trung Quốc).

Tin vụt đến, ngờ đâu sét đánh,
Mảnh giấy xanh là mảnh báo tang! [1]
Tin đâu tin xé can tràng,
Tin đâu tin để hai hàng lệ sa!
Khóc lại khóc chan hòa nước mắt,
Thở than thôi lời thật không lời.
Anh còn trẻ quá, anh ơi!.
Mới ba mươi cũng một đời thông minh [2].
Anh mất, cảnh gia đình thảm thiết,
Cha mẹ già [3] *lòng biết bao khuây!*
Con thơ, vợ dại từ đây,
Kiếp trần mưa gió, não ngày vắng anh.
Ai đền nhau mối tình lỡ dở?
Duyên kiếp này, có dở dang không!
Muối chanh, ôi xót xa lòng
Ngày xanh, chi để má hồng phôi pha.
Con ơi, biết tìm cha đâu nữa!
Khoảnh đất trời con ở, cha đi.
Từ đây thôi nói năng gì,
Non buồn nước lạnh, người đi không về.
Sực nhớ nhau, canh khuya lại khóc,
Nghĩ thương con nay cóc mau tường [4]
Biết bao nhiêu nỗi đoạn trường,
Niêm phong khôn gửi suối vàng cho nhau!
Anh tuổi trẻ, về đâu vội thế?
Cõi trần ai, nỡ để riêng ai!
Dưới trăng, giọt lệ canh dài,
Dở dang tâm sự, ngậm ngùi tuổi xanh.

---

1. Điện tín từ Huế gửi thẳng tới Trường nữ Sư phạm Hà Nội cho Tương Phố báo tin anh mất đã đưa ma rồi.

(Nguyên chú của tác giả).

2. Anh mất vừa đúng 30 tuổi. (Nguyên chú của tác giả).

3. Hai cụ thân sinh ra anh, còn mạnh khỏe cả. (Nguyên chú của tác giả)

4. Phong dao:

Con có cha như nhà có nóc,
Con không cha như cóc mau tường.

(Nguyên chú của tác giả).

Duyên một năm[1] *tơ tình muôn kiếp,*
Ruột gan này nát hết vì nhau!
Đêm khuya trăng dãi bên lầu,
Bóng trăng kia biết dạ sầu đêm nay!

Một đêm về cuối thu ở trường
Nữ sư phạm Hà Thành 1920.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

NGÀY GIỖ NHỚ

Hai nhăm tháng bẩy, nhớ hôm nay[2]*,*
Thảm, khóc, thương đau rấp một ngày.
Hạc đón mây đưa, chàng rẽ lối,
Trời nghiêng đất lở, thiếp chau mày
Hương xông khói tỏa, sầu man mác...
Vàng hóa tro tàn, dạ ngẩn ngây.
Phảng phất còn ngờ trong giấc mộng,
Ra, vào, đi, đứng, tưởng đâu đây! .

1921.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương,
Sài Gòn, 1960.

---

1. Tính từ ngày đôi lứa nên duyên, sum họp cùng nhau vừa tròn 10 tháng thì anh sang Pháp, rồi anh mất.

(Nguyên chú của tác giả).

2. Anh mất ngày 25, tháng 7, năm Canh Thân (1920).

(Nguyên chú của tác giả).

SONG TRĂNG [1]

Anh ơi!
Song trăng đôi lứa đêm nào nhỉ?
Ngồi ngắm trăng thủ thỉ niềm tây.
Gió lùa, trăng khuất ngàn mây,
Rồi trăng ló mặt, bấm tay nhau cười...
Song trăng nay, đâu người năm trước?
Cả sương khuya là nước mắt ai!
Nương song, ngơ ngẩn canh dài...
Áo khăn đẫm lệ, đất trời đẫm sương.

Bên sông An Cựu, đêm 13-7-1921.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

*

ĐOẠN TRỞ

Hôm nay, đoạn trở anh ơi [2]
Nhưng lòng em vẫn suốt đời trở anh!
Thương nhau, thương ở tâm tình,
Sầu kia còn để ngoài vành khăn tang.

1922.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

*

1. Bên song cửa sổ của một gian buồng nho nhỏ xinh xinh trên bờ sông An Cựu ở Huế. Năm mới về cùng anh, bên song, đôi lứa cùng ngồi ngắm trăng.

Mà đêm nay đây, trong gian phòng hiu quạnh này, cũng bên song ấy, cùng vầng trăng kia, người vợ trẻ mất anh, đã ngước mắt trông mây để lã chã áo tang đầy ngấn lệ...

(Nguyên chú của tác giả).

2. Ngày 25 tháng 7 năm Nhâm Tuất mãn tang anh.

(Nguyên chú của tác giả).

SƯƠNG GIÁ LÒNG EM

Sương giá lòng em bao ấm nữa!
Anh ơi, đi để lửa hương tàn!
Trời đông lạnh lẽo muôn vàn,
Lòng em, so tiết đông hàn, giá hơn!

Nghiêm Đông, năm 1923.

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

*

THU VỀ

Ngàn lau hiu hắt thu về,
Lá vàng lác đác, bên hè, rụng bay.
Xa xa, xa tít chân mây,
Trời hôm còn chiếc nhạn bay lững lờ.

Sương khuê, thiếu phụ thờ ơ,
Mặc làn thu lướt bơ phờ tóc mai.
Chỉ kim thêu mối hận dài,
Mất chồng thu ấy, chớm ngoài đôi mươi [1]
Song sa [2] *lặng ngắm chân trời,*
Một trời thu, để một người sầu thu!

Mưa gió sông Tương, Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

*

1. Biết anh năm 18 tuổi. Mất anh năm 21 tuổi. (Nguyên chú của tác giả).

2. *Song sa*: (*song*: cửa sổ; *sa*: lụa mỏng) cửa sổ có che lụa mỏng. Ở đây, dùng theo nghĩa rộng, chỉ cửa sổ nói chung.

BƯỚC CHÂN RA

Tiểu dẫn: Tương Phố làm bài này theo một điệu mới do bà tự đặt ra: những đoạn lục bát, song thất lục bát, tứ tuyệt xen với những đoạn văn xuôi.

Mấy hàng lệ ký gửi bạn ba sinh chốn Dạ đài

Thay khăn đổi áo bước ra,
Hai hàng nước mắt chan hòa như mưa!
Đau lòng duyên mới, tình xưa,
Yêu nhau chi để bây giờ phụ nhau!
Chăn đơn gối chiếc bấy lâu,
Giấc cô miên [1] ấy đã hầu ấm êm.
Tình xưa, xưa vẫn êm đềm,
Duyên xưa, chưa dứt mối duyên những ngày.

Anh ơi! Duyên xưa chưa dứt mối duyên những ngày, mà hôm nay đây, đổi áo thay khăn, gạt nước mắt bước chân ra, em cam đã phụ anh rồi! Phụ cả đứa con thơ dại của đôi ta!

Con không cha từ đây vắng mẹ,
Nghĩ ai tình [2] con trẻ biết bao!
Bước ra những muốn quanh vào,
Trăm phần, nào có phần nào phần khuây.
Thân này, đến dở dang này,
Lòng này, ôi hết chua cay nỗi lòng!

Buồn quá anh ơi! Giữa đường kẻ khuất người còn, em mất anh đã mấy thu qua, nay lại cam lòng rũ tình duyên cũ, ôm cầm thuyền ai, nghĩ đối với nhau còn nữa gì đâu. Đã mất nhau rồi lại mất nhau, duyên kia dù nối, dạ sầu bao khuây!

Tình cảm này, tâm sự này, chốn Dạ dài không gửi lệ châu ai còn biết cho nhau nỗi lòng tan nát ấy!

Trước cảnh nhà thanh bạch, thương con đầu xanh góa sớm, cha mẹ phơ phơ mái tóc, ngày đêm lo buồn, những mong thầm cho con có chốn yên thân.

---

1. *Cô miên*: (*cô*: một mình; *miên*: ngủ) ngủ một mình. Ở đây, người phụ nữ ở góa, tức Tương Phố tự nói mình.

2. *Ai tình*: (*Ai*: thương; *tình*: tình cảm) lòng thương người.

Cha đâu đội đá[1] *ở đời,*
Thân con âu cũng liệu nơi nương nhờ.
Trẻ trung được lúc bây giờ,
Cảnh chiều mưa gió, con nhờ cậy ai?

Như em, trẻ trung nào đã biết lo gì, không ngờ trong khoảng tháng ngày vô tư lự ấy, em đã để bận lòng cha già không biết bao nhiêu. Lo con trẻ dại, sợ con hư, thương con hiu quạnh sớm trưa một mình. Chẳng những thương con, lại còn đứa cháu mồ côi nữa.

Ba đời nuôi cháu ngoại rồi[2]*,*
Chén trà trưa sớm, ông ngồi thở than.
Tóc râu phơ, giọt lệ tràn,
Tình con, cảnh cháu, chẳng an bụng già.

Con góa trẻ, cháu mồ côi, cảnh nhà neo túng biết ai đỡ đần? Cho nên, cha em lựa chọn mối duyên sau này, những ước cho em thành đôi lứa tốt.

Ôi! Cha thương con vẫn là trung hậu, nhưng cha em đâu biết lòng em khổ.

Thương tâm đã lắm, em nay chỉ mong tim gan lành lặn hơn lành áo khăn, mà còn tìm đâu thuốc chữa đoạn trường này đây!

Tim đã nứt, bao giờ lành nữa!
Khóc vô duyên, than thở ích gì!
Người đời đau khổ thiếu chi,
Khô gan, héo ruột, riêng gì một ta.

Biết khóc vô duyên, than thở chẳng ích gì, mà em vẫn tủi thân cứ khóc. Tưởng như muôn vàn cay đắng, họa chăng chỉ còn giọt lệ âm thầm lai láng cảm thương em.

Anh ơi! Vì đâu nên nỗi dở dang này?
Em nên bước đi? Hay nên ở lại?

Ở đã dở, bước đi cùng dở, nỗi lòng kia ai ở trong lòng?
Dầu sao nữa, dừng chân đứng lại, đành lòng em chẳng đành được cả nhà.

---

1. *Đội đá:* ở đây nói tới cảnh cha đã già mà còn phải cưu mang con gái góa chồng cùng cháu ngoại thơ ấu.

2. Ngày hai buổi chè tàu với bộ độc ẩm, mỗi khi nâng chén, nhìn thằng cháu mồ côi chơi thơ thẩn một mình, ông cụ thường hay thở dài, nhắc đi nhắc lại: "Nhà ta đến thằng bé này là ba đời nuôi cháu ngoại rồi, mà đều trong cảnh nghèo cả!".

(Nguyên chú của tác giả).

Nỡ nào để lụy cha già,
Nỡ nào để một cảnh nhà dở dang.
Con thuyền bắt lái sang ngang,
Trông vời sông nước mà ngang ngửa lòng!

Thôi thì, một liều ba bẩy cũng liều. Đành vâng lời cha, em bước chân ra, cho yên bụng cha già. Bước chân ra, cho khỏi lụy gia đình. Nhưng anh ơi! Một vâng lời, chết mấy tầng ruột gan.

Em đã mất anh, còn mong gì gây lại được tương lai êm đềm, và còn tìm đâu hạnh phúc chốn nhân gian này? Đi đâu cho thấy vui? Làm gì cho quên nhau được. Chẳng qua chỉ tại tấm lòng hiu quạnh năm càng quạnh hiu.

Ôi! Tình xưa đâu biết dở dang này, ngày xuân tơ liễu buông mành, con oanh học nói, mà tuổi xanh xanh đã chau mày vì duyên. Anh ơi!

Mất anh để lòng em vắng vẻ,
Năm lại năm, suông tẻ buồn tênh!
Tìm đâu lạc thú gia đình?
Tìm đâu thấy bạn tâm tình buổi xưa?
Mất anh, biết bao giờ khuây được,
Mộng lửa lòng, vẫn ước gặp anh.
Kiếp này đã dở dang tình,
Thương nhau nguyện kiếp lai sinh lại tìm.

Một bước chân ra, mấy lần gạt lệ. Làng mây quán nước, anh thấu chăng tình. Từ đây mà đi, cuộc đời em sắp sửa đổi thay, tâm sự lại phân mang [1] *bao ngả. Mà rồi, chim xa tổ cũ, lá lìa rừng xưa, giang sơn một gánh nhà ai, kiếp trần mưa gió ai người thương em? Anh ơi! Nghĩ nguồn cơn ấy, em luống lại đau lòng tiếc cảnh chăn đơn gối chiếc, tiếc con thuyền gỗ bách lênh đênh.*

Thà rằng, ở lại khóc nhau, còn hơn bước ra đi, để mất nhau thứ nữa.

Đã mất nhau rồi, lại mất nhau,
Ngậm ngùi chi xiết nỗi thương đau!
Áo khăn thay đổi, lòng không đổi,
Ghi sổ ba sinh, hẹn kiếp sau...

Than ôi! Kiếp sau nào biết có hay không, nhưng kiếp sau cầm trước để an ủi lòng.

---

1. *Phân mang*: (*phân*: nhiều, bối rối; *mang*: bận rộn): lòng bối rối, lo nghĩ nhiều bề.

Chẳng hay, những trang quả thiếu phụ ở đời này, có ai cùng chung số phận cũng năm này, cũng tháng này, cũng ngày này, cùng đau đớn cảnh, cùng cảm nỗi buồn tái giá, như lòng này không?

Anh ơi! Ngoảnh mặt về Nam, em xin từ đây bái biệt anh.

Thôi! Em vì cảnh ngộ, vạn bất đắc dĩ phải bước chân ra. Anh có linh thiêng xin biết cho nhau, và phù hộ cho đứa con côi vất vả của chúng ta. Cố giúp cho nên người, anh nhé!

Thắp nén hương này, khóc biệt anh,
Thề duyên ước cũ tủi ba sinh.
Thuyền ai một bước, hai hàng lệ,
Ngoảnh lại con côi, dạ chẳng đành.

Chẳng đành, đành cũng bước chân ra,
Tâm sự phân mang nỗi cửa nhà.
Con dại, cha già, tình cảnh ấy,
Anh ơi, em nỡ, nỡ đâu mà!!!

Nỡ đâu để mãi bận lòng thầy,
Mệt dạ, vì em, tháng lại ngày.
Dang dở chữ tình, tròn chữ hiếu,
Tình kia, hiếu nọ, dễ ai hay!

Ai hay duyên đẹp, lứa đôi ta,
Một buổi thu về để xót xa.
Kẻ khuất người còn, tình lỡ dở,
Áo khăn thay đổi lệ chan hòa.

Chan hòa lệ rỏ, trước ban này,
Hương nến lu mờ, khói tỏa bay.
Bốn lạy giã từ, muôn kiếp hận,
Bước ra, một bước, một chau mày!...

1925

Mưa gió sông Tương,
Nhà xuất bản Bốn Phương, Sài Gòn, 1960.

NGUYỄN CAN MỘNG
(1880-1954)

Hiệu Nông Sơn, người làng Hoàng Nông, phủ Tiên Hưng (nay là huyện Đông Hưng) tỉnh Thái Bình, ông đỗ Phó bảng khoa Bính Thìn (1916), từng làm Huấn đạo huyện Ý Yên (Nam Định), Giáo sư chữ Hán ở trường Trung học Bảo hộ (trường Bưởi), phòng Báo chí phủ Thống sứ Bắc Kỳ...

Ông có làm nhiều thơ chủ yếu in ở nhiều số tạp chí *Nam phong* dưới nhan đề chung là *Nông Sơn thi tập.*

*

HÀ NỘI HÀNH

Nùng Nhĩ từ xưa mở đất cõi,
Nghìn năm vượng khí nơi đô hội.
Nếp đất phồn hoa trải mấy triều,
Phố xá rộng dài ở chật chội.
Nhà ngói mái úp đường bàn cờ,
Đèn điện sao sa máy nước dội.
Người đủ hạng người, trò đủ trò,
Phong lưu thanh lịch cũng có lối.
Trừ ra trai mấy cậu phu xe,
Là không bộ cánh, áo rách rưới.
Trừ ra gái mấy chị hàng than,
Là không son phấn, mặt đen đủi.
Dù đâu mất mùa kém bao nhiêu,
Ở đất ăn chơi chẳng biết đói.
Dù người như đất hiền bao nhiêu,
Ở lâu tập nhiễm rồi cũng sõi.
Người khôn của khó lúc đua chen,
Đủ ngón mau chân âu mới giỏi.
Kìa trông băm sáu phố phường này,

Kẻ đi người lại ai cũng vội.
Các quan sang trọng thường về chơi,
Khi bổ khi thăng lại khi đổi.
Công tư to nhỏ mười mấy trường,
Thày thày trò trò rộn hai buổi,
Người đi làm việc, người làm công,
Mỗi người một nghề chẳng ai rỗi.
Trước ga xe hỏa trên bến tàu,
Hàng hóa lên xuống phu bối rối.
Đồng Xuân chợ họp đông cả ngày,
Hàng Giấy [1] *khách chơi vui về tối.*
Cà phê, chả cá, hiệu cao lâu,
Chớp ảnh, tuồng tàu, tạp hát bội.
Lên cao trông xuống bọn người đi,
Thật là chen chúc trong đám bụi.
Nếu không danh lợi dắt nhau vào,
Ai chịu bôn ba sống mấy nỗi.
Suy ra cho rộng cuộc doanh hoàn,
Đại để cũng như thành Hà Nội.

Nam phong tạp chí, số 49,
Hà Nội, tháng 7–1921.

*

HÀ THÀNH LÃM CỔ

Còn khỏe còn ham thú nước non,
Mắt không sao chán, bước không chồn.
Tượng đền Trấn Vũ đồng không nát,
Bia các Khuê Văn đá chửa mòn.
Váng mặt Hồ Tây trong suốt đáy,
Vẩn lòng sông Nhị đục như son.
Một mình thơ thẩn rong chiều mát,
Bóng ác chênh chênh cuốc gọi hồn.

Nam phong tạp chí, số 49,
Hà Nội, tháng 7–1921.

1. *Hàng Giấy*: thời xưa, phố này có nhiều nhà hát ả đào.

ĐẶNG TRẦN PHẤT
(1902-1929)

Hiệu là Như Hiền, người làng Trung Tựu, nay thuộc xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội. Là con trai Thủ khoa, Tổng đốc Đặng Trần Vỹ. Trần Phất đỗ bằng Tú tài Tây, nổi tiếng một thời là thông minh, hiếu học và khẳng khái. Ông là bạn thân của Á Nam Trần Tuấn Khải, có thơ xướng họa với nhau. Năm 1921, ông cho in cuốn "xã hội tiểu thuyết" *Cành hoa điểm tuyết* (Bùi Xuân Học xuất bản, Hà Nội, 1921) vừa có tính lãng mạn, vừa có yếu tố hiện thực tố cáo. Năm 1923, ông cho in tiếp một cuốn "xã hội tiểu thuyết" nữa, là *Cuộc tang thương* (Bùi Xuân Học xuất bản, Vĩnh Thành công ty in, Hà Nội, 1923). Về thơ, ông có cuốn *Một tấm cảm tình* – Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà Nội, 1922. Tập thơ gồm phần *Tự tình, Phong dao, Hát xẩm, Hát ả đào, v.v...*

*

THƯ GỬI CHO NGƯỜI YÊU KHÔNG ĐƯỢC GẶP

Tỉnh giấc mộng mở bừng đôi mắt,
Ngọn đèn xanh ai tắt đêm qua?
Rõ ràng tỏ mặt đôi ta,
Người đây ta đấy sao mà cách nhau?

Nghĩ cuộc thế cơ cầu đến thế,
Chữ nhân duyên chi để cho buồn.
Tưởng ai vò võ đêm suông,
Ta buồn nào biết là buồn vì đâu?

Mây tan hợp một mầu xanh biếc,
Cuộc phù sinh thương tiếc tiếc thương.
Thương ai cũng khách văn chương,
Một duyên hai nợ đôi đường lênh đênh.

Đã lắm lúc xót mình phận bạc,
Bút tài hoa vẽ tạc tranh vân.
Tranh vân treo cuốn mấy lần,
Giật mình muốn hỏi người gần hay xa.

Kìa chim yến bay xa khuất núi,
Cửa vườn đào lạc lối từ nay.
Sự tình biết kể ai hay?
Yêu nhau thôi nhớ những ngày gặp nhau.

Gặp nhau rồi xa nhau chi tá,
Bút mực kia khó tả nên câu.
Hồn thơ lai láng mạch sầu,
Sầu làm vấn vít rối nhàu ruột gan.

Nhưng thôi thôi thở than chi nữa,
Ván đóng thuyền khó xẻ làm đôi.
Cho hay muôn sự tại trời,
Yêu hoa chi những ngậm ngùi tiếc hoa.

Muốn hỏi lại trăng già mọi nỗi,
Sao trêu người, trêu mãi chưa thôi?
Hoa thơm thơm nức bầu trời,
Mà sao bướm giễu ong cười làm chi?

Ngao ngán nhẽ xuân về đâu tá!
Lòng nhớ xuân tầm tã giọt châu.
Cảnh xuân mấy chốc phai màu,
Nhớ xuân riêng những lụy sầu đầy vơi.

Nay gặp khách còn chơi với khách,
Mai đã cùng xa cách rồi đây.
Nhớ khi họp mặt vui vầy,
Ngày xuân tưởng gặp sau này còn lâu.

Trẻ tạo hóa cơ cầu chi lắm?
Bỗng cạn dòng lá thắm từ đâu?
Bàu xanh hiu hắt nhuộm màu,
Sắc trông thảm đạm để rầu rĩ ai?

Tuổi mình mới hai mươi dở lại,
Bước long vân đợi hội đua tài.
Chữ tài có phụ chi người,
Mà sao thân thế khóc cười vì duyên?

Giấc cô miên triền miên chi mãi?
Ngỏ tấm lòng với dải non xanh.
Non xanh xanh vẫn còn xanh,
Xanh xanh có thấu nỗi mình hay chưa?

Bể ái với không bờ không bến,
Lòng nhớ nhung cạn chén quan hà.
Rồi ra một bước một xa,
Mình thương muốn hỏi trăng già có thương?

Đêm năm canh thầm thương trách bóng,
Chỉ ngày ngày cửa đóng phòng không.
Phòng không hơi giá như đồng,
Sương sa mặt nước nỗi lòng buồn tênh.

Lòng buồn bã võ tình ngơ ngẩn,
Những ngơ ngơ ngẩn ngẩn làm chi.
Làm chi đeo gánh tương tư,
Cùng ai biết có duyên gì mà mong?

Tháng Giêng 1922

Một tấm cảm tình,
Nhà in Ngô Tử hạ,
Hà Nội, 1922.

PHONG DAO

Ở đời chớ cậy giầu sang,
Con quan cháu chúa cũng bằng như không.
Hơn nhau một tiếng anh hùng,
Nào ai giòng giống lạc Hồng thuở nay.

*

Con quan quần áo lượt là,
Ra đường kiêu ngạo, ở nhà ngông nghênh.
Giầu sang chớ cậy chi mình,
Có tài có đức thời mình mới hay.

*

Trò đời nghĩ đến buồn tênh,
Có tiền có bạc có mình có ta.
Chắp tay xin hỏi trời già,
Phong trào đạo đức sao mà tiêu tan?
Tiêu tan vì chút hơi vàng,
Kìa người Sào Phủ [1] *tìm đàng đi đâu?*

*

Đêm đông lạnh lẽo một mình,
Nhớ ai đầy những lệ tình tuôn rơi.
Bây giờ một vực một trời,
Bao giờ gặp mặt vui cười cùng ai?

Một tấm cảm tình,
Nhà in Ngô Tử Hạ,
Hà Nội, 1922.

---

1. *Sào Phủ*: nhân vật Trung Quốc thời cổ, nổi tiếng không ham danh lợi.

PHẠM TUẤN TÀI
(? - 1937)

Hiệu Mộng Tiên, sinh ở thành phố Nam Định, con cụ Phạm Tuấn Phú là bạn thân của Tú Xương. Phạm Tuấn Tài từng làm giáo học ở Bắc Ninh và Tuyên Quang. Năm 1926 ông phụ trách *Nam Đồng thư xã* là một nhà xuất bản ở Hà Nội đã in nhiều sách tiến bộ và tới 1928 tham gia sáng lập Việt Nam Quốc dân Đảng.

Sau khởi nghĩa Yên Bái (đầu năm 1930), ông bị thực dân bắt giam, đầy đi Côn Đảo. Tại đây, khuynh hướng chính trị của ông có thay đổi, ngả sang chủ nghĩa cộng sản. Năm 1937 được tha, nhưng do bị bệnh lao từ ngoài đảo, nên vừa về đến Hà Nội thì phải vào bệnh viện Rôbanh (nay là Bệnh viện Bạch Mai) và qua đời tại đây.

*

ĐÔNG DẠ LỮ HOÀI [1]

Lạnh lẽo canh tàn khách thẩn thơ,
Đường kia nỗi nọ rối vò tơ!
Trông về quê quán sương che khắp,
Ngoảnh lại non sông tuyết phủ mờ.
Nhạn yến đổi thay chừng mấy độ,
Trúc mai xum họp biết bao giờ?
Niềm tây [2] biết ngỏ cùng ai tá?
Chỉ thấy trăng suông bóng lập lờ.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 67, tháng 1–1923.

---

1. *Đông dạ lữ hoài*: mối cảm hoài của khách đi đường đêm đông.
2. *Niềm tây*: nỗi niềm riêng tư.

*

ĐÊM ĐỨNG BỜ AO

Thức lâu mới biết nỗi đêm trường,
Thơ thẩn bờ ao cảnh ngắm suông.
Đáy nước long lanh in bóng nguyệt,
Mặt hoa óng ánh đượm màu sương.
Lạnh lùng tắt giọng thương hồn quốc,
Ê ủ ngồi trơ ngán chẫu chàng.
Phong cảnh như tô màu thủy mặc,
Càng trông càng nghĩ lại càng thương.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 67, tháng 1 – 1923.

*

CẢM ĐỀ

Tài sơ đức bạc phận thư sinh,
Nghĩ nỗi mình thôi lại giật mình.
Hỏi nợ tang bồng trơ mặt trắng,
Soi gương kim cổ thẹn mày xanh.
Nước non cau mặt trò dâu bể,
Thân thế đau lòng nỗi nhục vinh.
Thôi những buồn tênh cùng chán ngắt,
Vòng trần khôn lẽ chạy vòng quanh.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 70, tháng 4–1923.

CHÁN

I

Đâu dám như ai học chán đời,
Sa hoa đài điếm chán mà thôi!
Giẻ cùi đã biết không ai chuộng,
Há cứ xênh xang cái bộ mồi!

II

Đâu dám như ai học chán đời,
Trăng hoa chuyện ấy gác ngoài tai.
Vườn xuân âu mặc đàn ong bướm,
Trót đã râu ria lớn xác rồi!

III

Đâu dám như ai học chán đời,
Hay gì chè rượu tính xin thôi.
Ấy ai chưa tính mau cùng tính,
E cái ma men hại giống nòi.

IV

Đâu dám như ai học chán đời,
Bê tha sòng bạc, chán nghề chơi.
Phù vân [1] của có may mà được,
Bất nghĩa ra chi của bốc rời!

*

TỔNG KẾT

Cũng chẳng khôn ngoan chẳng dại gì,
Một mình mình nghĩ một mình suy.
Bao nhiêu cái hại chừa cho hết,
Rằng hủ rằng gàn mặc tiếng chê!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 79, tháng 1–1924.

---

1. *Phù vân*: đám mây nổi. Nghĩa bóng là mọi thứ phú quý giàu sang giống như đám mây nổi, không bền vững lâu dài.

NỖI MÌNH

Máy tạo xoay vần đã chán chê,
Nỗi mình mình nói một mình nghe.
Tôi con đạo cả chưa tròn vẹn,
Non nước duyên thừa vẫn ủ ê.
Sương tuyết đã qua lần hải giác [1],
Phong trần theo đến cả sơn khê [2].
Nợ nhà nợ nước bao trang trắng,
Khôn lẽ mày râu ép một bề.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 83, tháng 5–1924.

---

1. *Hải giác*: góc biển.
2. *Sơn khê*: núi khe.

NGHIÊM XUÂN LÃM

Chưa rõ tiểu sử. Chỉ biết ông có tên hiệu là Hoài Nam Tử là tác giả tập thơ *Lời non nước* và có dịch tiểu thuyết Trung Quốc cùng ông Nguyễn Đỗ Mục.

Lời non nước, Xương Ký ấn hành, Hà Nội, 1926, là một tập thơ gồm nhiều thể (thất ngôn tứ tuyệt, bát cú, song thất lục bát, từ khúc...) đề tài của tập thơ phần nhiều xoay quanh những nhân vật, sự kiện, di tích lịch sử, những cảnh xã hội thời bấy giờ.

Dưới đây trích một số bài.

*

ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO

Trổ tài thao lược buổi can qua [1],
Chống vững non sông Tổ Việt nhà.
Mấy trận kinh hồn quân Bắc Lỗ [2]
Nghìn năm rạng mặt tướng Đông A [3] .
Gan phơi trung nghĩa, gương còn tỏ
Bia tạc huân lao, đá chẳng nhòa,
Còn nước còn non còn dấu cũ,
Còn nòi Hồng Lạc tiếng còn xa.

Lời non nước, Xương Ký ấn hành,
Hà Nội, 1926.

---

1. *Thao lược*: tức lục thao, tam lược nói tắt: những kế sách về quân sự. *Tài thao lược*: tài điều binh khiển tướng.

Can qua, can: cái mộc để che đỡ, *qua*: cái mác. *Can qua*: chỉ chiến tranh.

2. *Bắc Lỗ*: quân cướp ở phương Bắc. Ở đây, chỉ quân Nguyên

3. *Đông A*: tức chữ Trần viết bằng chữ Hán, gồm hai bộ phận: bên phải là chữ Đông bên trái là chữ A.

KỶ NIỆM HAI BÀ TRƯNG

(Trích)

Công nghiệp Hai Bà [1] *rất lớn lao,*
Hai nghìn năm lẻ chửa xa bao.
Muôn năm thanh sử [2] *còn ghi chép,*
Cảm tưởng xui nên lòng khát khao.
Cơ đồ vĩ đại xưa là thế,
Mà nay biến đổi đi nơi nao?
Muốn đến Mê Linh [3] *thăm cảnh cũ,*
Buồn trông mây khói mấy từng cao!
Khí thế uy hùng xưa là thế,
Mà nay tan hóa đi nơi nào?
Muốn ra hồ Tây thăm dấu cũ,
Chỉ thấy sóng bạc kêu ào ào!
Than ôi! Máy Tạo [4] *khéo xoay chuyển,*
Xưa sao? Nay lại ra như sao?
Luống để đời sau càng tưởng nhớ,
Mấy lời kỷ niệm mấy hàng châu!

Lời non nước, Xương Ký ấn hành
Hà Nội, 1926.

CÁI QUẠT

Mảnh tình khép mở thâu canh,
Ấy ai có thấu tâm tình chăng ai?
Kể từ mười tám đôi mươi,
Nặng lòng về việc cõi đời biết bao!
Thương người bức sốt nôn nao,

---

1. *Hai Bà Trưng*: là bà Trưng Trắc và bà Trưng Nhị, đã phất cờ khởi nghĩa, năm 40 sau C.N, chống lại nhà Hán đô hộ nước ta.

2. *Thanh sử:* sử màu xanh. Ngày xưa, khi chưa biết cách chế ra giấy, người ta chép sử lên trên những mảnh tre, do đó, gọi là thanh sử.

3. *Mê Linh*: quê quán Hai Bà Trưng. Lâu nay cho Mê Linh là làng Hạ Lôi (huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc). Nay có thuyết của nhà địa lý lịch sử học Đinh Văn Nhật cho Mê Linh là làng Hạ Lôi thuộc huyện Thạch Thất, Hà Tây.

4. *Máy Tạo*: tức máy Tạo Hóa. Người xưa cho rằng muôn vật ở trên trái đất này đều do một đấng thiêng liêng tạo ra và làm biến hóa đi, như một bộ máy tinh vi.

Giận loài ruồi muỗi ồn ào khắp nơi.
Vậy nên mở mặt giúp đời,
Giúp cho mát mẻ khắp người trần gian.
Người đời yêu quý muôn vàn,
Suốt trong bốn cõi giang san chuộng mình,
Khi tử các, lúc kim đình[1],
Ai ai cũng tỏ mối tình tương thân.
Nào hay con tạo xoay vần,
Hạ qua thu tới có phần khác xưa.
Cơn táp gió, lúc tuôn mưa,
Người đời đem dạ hững hờ giãi ngay!
Than ôi! Cũng một thân này,
Tấm lòng bác ái dám ngày nào nguôi!
Sao khi lầu các thảnh thơi?
Sao khi xếp xó chẳng người hỏi han?
Gớm thay, cái thói trần gian!
Tấm lòng đơn bạc chan chan đó mà!
Cơn nguy thì vớ đến ta,
Đến cơn mát mặt lại ra lạnh lùng!

Lời non nước, Xương Ký ấn hành,
Hà Nội, 1926.

GÀ CHỌI

Khôn ngoan kia cũng một tông nhà[2],
Đá đáp nhau chi mãi thế mà?
Toạc cổ sưng đầu, gan vẫn đứng,
Rụng lông rách thịt, đuổi chưa ra.
Không dưng sao nỡ mua thù ghét,
Có được nhau chăng cũng xót xa!
Tan cuộc chọi rồi, ngơ ngẩn mãi,
Được thua thôi thế cũng thôi mà!

Lời non nước, Xương Ký ấn hành,
Hà Nội, 1926.

---

1. *Tử các*: Gác màu đỏ tía; *Kim đình*: đình màu vàng hoặc dát vàng, chỉ những nơi ở của những người quyền quý.

2. *Một tông nhà*: cùng một tổ sinh ra, cùng một họ.

CON CUỐC

Năm canh khắc khoải tiếng sao buồn!
Như oán, như sầu, giọng nỉ non.
Kêu mãi, thương thay thân cuốc rạc!
Còn hơn bìm bịp [1] *bắt gà con!*

Lời non nước, Xương Ký ấn hành,
Hà Nội, 1926.

---

1. *Bìm bịp*: một loài chim lông màu nâu, khi kêu, phát ra hai tiếng, nghe như "bìm bịp", do đó có tên gọi ấy.

BÙI KỶ
(1887-1960)

Hiệu là Ưu Thiên, sinh trong một gia đình khoa bảng (cha là Bùi Thức, đậu Tiến sĩ, ông nội là Bùi Quế, đậu Phó bảng; bác là Bùi Dị, đậu Tiến sĩ), quê làng Châu Cầu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (nay thuộc thị xã Phủ Lý), đậu Phó bảng năm 1910. Sau đó ông sang Pháp học trường thuộc địa, khi về nước, không ra làm quan.

Từ năm 1918, dạy Việt văn và Hán văn tại trường Cao đẳng Sư phạm và trường Cao đẳng Pháp chính, Hà Nội. Ngoài ra, ông viết sách, viết báo, nghiên cứu văn học... Trong kháng chiến chống Pháp (1947-1954), ông làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính liên khu III, kiêm Chủ tịch hội Văn hóa Liên khu III, Chủ tịch Hội Liên Việt Liên khu III. Sau khi hòa bình lập lại, ông làm Chủ tịch Hội Việt - Trung hữu nghị và ủy viên Chủ tịch đoàn Mặt trận Tổ quốc Trung ương.

Tác phẩm chính:

- *Truyện Thúy Kiều*: (cùng với Trần Trọng Kim hiệu khảo), 1927.
- *Quốc văn cụ thể*, 1932.
- *Việt Nam văn phạm* (cùng soạn với Trần Trọng Kim), 1941.
- *Truyện Trê Cóc,* (hiệu khảo), 1941.
- *Lục súc tranh công*, (hiệu khảo), 1942.
- *Hoa điểu tranh năng*, (hiệu khảo), 1942.

Ngoài ra, có một số thơ ca đã đăng trên các báo chí, được tập hợp thành *Ưu Thiên thi tập* (chưa in).

BÀI TRUY ĐIỆU CỤ TIÊN ĐIỀN [1]

(Mồng mười tháng Tám)

Kiếp kim cổ tài tình là bận,
Hồn văn chương vơ vẩn non sông.
Xót thay nước đục bụi trong,
Nghìn thu biết ngỏ tấm lòng cùng ai!
Trộm nhớ thuở anh tài giáng thế,
Cõi Tiên Điền rót khí linh kỳ.
Gặp cơn Lê thị suy vi,
Kim thành muốn lở, thang trì muốn vơi [2].
Mắt chí sĩ trông đời ngao ngán,
Muốn ra tay tát cạn bể Đông.
Trách người chi bấy hóa công,
Lỡ thời để khách anh hùng bó tay.
Miền Bắc tái [3] rồng bay mỏi cánh,
Đỉnh Hồng Sơn [4] hạc lánh xa xa.
Rắp toan tìm thú cỏ hoa,
Tang bồng gác mái yên hà cùng cao.
Trời Đông Phố [5] ào ào gió động,
Hội tao phùng đái ủng tân quân.
Giang hồ lang miếu [6] một thân,
Dật dân [7] bỗng hóa hàng thần, lạ thay!
Há chăng lại biết bay xa chạy,
Cái công danh là bẫy trên đời.

---

1. Tiên Điền là một cách gọi kính trọng thi hào Nguyễn Du (1765–1820), vì Nguyễn Du quê làng Tiên Điền, nay thuộc xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, Nghệ Tĩnh.

Bài này tác giả đọc trong buổi lễ kỷ niệm Nguyễn Du tổ chức ngày 10, tháng 8, năm Đinh Mão (1927) tại Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội.

2. *Lê thị*: họ Lê. *Kim thành*: thành vàng. *Thang trì*: ao nước nóng. Cả hai câu ý nói gặp lúc nhà Lê suy vi, non sông nghiêng ngả.

3. *Bắc tái*: ải Bắc – chỉ miền Bắc.

4. *Hồng Sơn*: núi Hồng Lĩnh ở Nghệ Tĩnh.

5. *Đông Phố:* Thành Gia Định, tức thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Nguyễn Ánh nổi lên từ Gia Định.

6. *Giang hồ lang miếu*: khi ở các địa phương, khi ở trong triều đình. Nguyễn Du làm quan khi ở các tỉnh, khi ở trong triều.

7. *Dật dân*: người ở ẩn.

Song le con tạo trêu ngươi,
Buộc nhau chỉ một chữ thời mà đau.
Bắt đày đọa cất đầu không nổi,
Bắt đến điều mỏi gối chồn chân.
"Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao".
Xuất với xử[1]*, bên nào cũng khó,*
Nhục hay vinh, ở đó mà ra.
Cát lầm ngọc trắng cũng là,
Càng kiên trinh lắm, càng ma chiết nhiều.
Song chẳng lẽ cũng liều nhắm mắt,
Cũng dày mày dạn mặt cho xong.
Cầm bằng như kiếp má hồng,
Hơn nhau chỉ một tấm lòng chính chuyên.
Dạ trinh bạch đã nguyền sắt đá,
Giả hình hài tiếu mạ[2] *mà chi?*
Dở dang thay cái tu mi,
Cực trăm nghìn nỗi trong khi tòng quyền
Bước đã lỡ mượn thuyền sao nổi,
Nợ còn nhiều định chối không xong.
Hỏi ai gạn đục khơi trong,
Đục trong trong đục mà lòng trơ trơ.
Đồng ly thử gió mờ bụi tối,
Nỗi hương quan ruột rối như vò.
Lâm ly ngọn bút song hồ,
Văn chương một áng điểm tô tuyệt vời.
Vì mặt trăng thương người mệnh bạc,
Khúc đoạn trường tả bước lưu ly.
Lờ mờ nước chảy mây đi,
Tri âm biết có Chung Kỳ là ai?
Dòng thệ thủy[3] *núi mài sông lỡ,*
Tấm lòng son gột rửa bao phai.
Bận mình chi bấy chữ tài,
Túi cơm giá áo như ai cũng nhàm!

---

1. *Xuất xử*: ra làm quan và ở ẩn.
2. *Tiếu mạ*: cười chê.
3. *Thệ thủy:* nước trôi.

Muốn động đến cưu toàn linh thính,
Hỏi bao giờ tài mệnh không ghen.
Mệnh sao hay bỡn hay ghen?
Tài sao vùng vẫy những toan chọc trời?
Lòng bằng điếu mấy lời giãi tỏ,
Đỉnh trầm bay ngọn gió hiu hiu.
Non sông man mác mọi chiều,
Khí thiêng phảng phất ít nhiều đâu đây.

Tháng 8, năm Đinh Mão (1927)

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 120, tháng 8–1927.

*

CHỮ NHÀN

Đem hãn mặc [1] *mài viên khối lỗi* [2],
Tìm yên hoa [3] *gỡ mối giang san.*
Dù ái ưu [4] *cũng có khi nhàn,*
Thì tiêu khiển trong cuộc rượu cung đàn chơi cũng nhã.
Hãy gác cả vinh nhục [5], *thị phi* [6], *cùng cổ kim nhân ngã* [7],
Đem "hạo nhiên" [8] *mà hể hả với cầm tôn* [9].

---

1. *Hãn mặc* (*hãn*: bút lông; *mặc*: mực) bút và mực nho, đồ dùng của học trò thời xưa. Ở đây, dùng theo nghĩa rộng, chỉ văn chương.

2. *Khối lỗi:* người bằng gỗ, giống như con rối, nghĩa bóng chỉ người ngu dốt, thô lỗ. Cả câu, ý nói đem văn chương làm cho con người thô kệch thành ra tròn trĩnh, dễ coi.

3. *Yên hoa*: chốn ăn chơi. Cả câu tác giả muốn phê phán lời ngụy biện của những kẻ ưa nhàn rằng: việc nước đang rối, muốn tìm cách gỡ thì đến chỗ "yên hoa" để trốn tránh trách nhiệm.

4. *Ái ưu:* (*ái*: yêu; *ưu*: lo) lòng lo lắng, quan tâm đến người khác.

5. *Vinh nhục*: (*vinh*: vẻ vang; *nhục*: xấu hổ) những cái làm ta vẻ vang và xấu hổ.

6. *Thị phi:* (*thị*: điều phải; *phi*: điều trái) sự phải trái, sự đúng sai.

7. *Nhân ngã*: (*nhân*: người ta; *ngã*: ta, mình) người khác và bản thân mình.

8. *Hạo nhiên:* cái khí khái to lớn.

9. *Cầm tôn:* (*cầm*: cái đàn; *tôn* : cái chén) đánh đàn và uống rượu, hai thú vui của nhà nho xưa.

Trộm cái "nhàn" trong túi càn khôn [1],
Dăm bảy cốc con con thôi cũng đủ.
Thử tung ra cho nó chảy cồn cồn như nước, tuôn cuồn cuộn như mây, bay lững thững như trăng, thổi thênh thang như gió,
Rải rắc cả ngoài bát hoang [2] *trong lục vũ* [3] *vẫn còn thừa.*
Cái nhàn đã lạ lùng chưa?

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 123, tháng 8–1927.

*

MỴ CHÂU [4]

To cái nhầm hay một chữ hòa,
Ngờ đây ngọc bạch hóa can qua [5] .
Lạ gì tráo trở tuồng vương bá [6],
Đến nỗi lung tung truyện thất gia [7] .
Chớp mắt gió mưa dâu bể khác,
Nặng lòng vàng đá nước non già.
Tình cừu [8] *để án ai phân xử,*
Giếng cạn chìm châu bóng nguyệt tà.

1927

Ưu Thiên thi tập –
Di cảo do đồng chí Bùi Anh lưu giữ.

*

---

1. *Càn khôn*: (*càn*: quẻ càn, chỉ trời; *khôn*: quẻ khôn, chỉ đất) trời đất nói chung.
2. *Bát hoang*: (*bát*: tám; *hoang*: nơi rậm rạp) nơi xa xôi. Ở đây chỉ tám phương trời.
3. *Lục vũ:* sáu điệu múa thời cổ. Ở đây chỉ chốn cung đình, nơi quyền quý.
4. Xem chú thích ở bài *Mỵ Châu – Trọng Thủy* của Tản Đà.
5. *Ngọc bạch*: Ngọc và lụa, là những tặng phẩm quý giá gửi biếu nhau trong mối giao hiếu thân thiện giữa hai gia đình hay hai nước.

Can qua: (xem chú thích ở bài Đức Trần Hưng Đạo của Nghiêm Xuân Lãm).

6. *Vương bá*: chỉ vua chúa nói chung.
7. *Thất gia*: chỉ nhà cửa nói chung. Ở đây dùng để chỉ gia đình, vợ, chồng.
8. *Tình cừu*: mối thù vì tình ái.

VỊNH ĐỀN PHÙ ĐỔNG [1]

Gió thét mưa gầm ai chẳng kinh,
Qua vàng ngựa sắt đã tung hoành. [2]
Cướp tràn đầy túi phường vô lại,
Đứng dậy vươn vai nỗi bất bình.
Mây khói biết đâu làng bất tử [3]*,*
Rồng Tiên còn mãi giống trường sinh.
Ân xưa đã hết còn Ân khác,
Tự chủ bao giờ cũng tự mình.

1928

Ưu Thiên thi tập –
Di cảo do đồng chí Bùi Anh lưu giữ.

*

VỊNH ĐỀN LAM SƠN [4]

Hai bàn tay trắng một lòng son,
Rửa sạch thù chung cho nước non.
Không phải thần cho người mới giúp [5]*,*
Chỉ vì ta mạnh địch thua dồn.
Trời rung đất chuyển anh hùng dậy,
Vạc nát, chuông tan, sự nghiệp còn [6] *.*
Xâm lược chưa thôi, còn chống mãi,
Quật cường chí khí thuở nào mòn.

1928

Ưu Thiên thi tập –
Di cảo do đồng chí Bùi Anh lưu giữ.

---

1. *Đền Phù Đổng*: đền thờ Phù Đổng Thiên Vương tức Thánh Dóng tại làng Phù Đổng, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

2. *Qua vàng*: có thuyết kể rằng, Thánh Dóng cầm qua bằng vàng, cưỡi ngựa sắt.

3. *Làng bất tử*: những người không chết. Trong tín ngưỡng của nhân dân ta có bốn vị bất tử: là Thánh Tản Viên, Thánh Dóng, Thánh Độc Cước và bà Thánh Liễu Hạnh.

4. *Đền Lam Sơn*: tức đền thờ Lê Lợi dựng ngay tại đất Lam Sơn nay ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, nơi bắt đầu dựng cờ nghĩa chống quân Minh.

5. Trong câu này tác giả bác thuyết cho rằng Lê Lợi được thần cho thanh kiếm, nên mới được người đời giúp. Lê Lợi kháng chiến thành công là vì có chính nghĩa, nên được nhân dân theo.

6. Trong câu này, tác giả muốn nhắc lại việc quân Minh tàn phá nước ta đã cướp đi mất bốn vật lớn hồi bấy giờ (An Nam tứ khí), trong đó có vạc Phổ Minh và chuông Quy Điền.

ĐÔNG HỒ
(1906–1969)

Tên thật là Lâm Tấn Phác tự là Trác Chi, sinh tại làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên (nay là tỉnh Kiên Giang).

Qua bậc sơ học tại Hà Tiên, Tấn Phác lên Cần Thơ học hết bậc tiểu học. Sau đó, ông về tỉnh ly Hà Tiên làm thầy giáo.

Vốn yêu quốc văn từ năm 1926, ông mở *Trí Đức học xá* một trường học dạy chữ quốc ngữ nhằm truyền bá nền văn học tiếng Việt thống nhất vào vùng tây nam Nam Bộ.

Trong thời gian này, ông viết cho tạp chí *Nam phong* hầu như liên tục (1924–1934) và sau đó viết cho nhiều báo chí trong Nam ngoài Bắc như *Đông Pháp thời báo, Phụ nữ tân văn, Việt dân, Tự do, Mai, Văn học tạp chí...*

Năm 1935, ông làm Chủ bút báo *Sống.*

Năm 1950 ông lập ra *Yiểm Yiểm thư trang* và Nhà xuất bản Bốn Phương ở Sài Gòn.

Ngày 25–3–1969, ông mất đột ngột trong khi đang giảng bài trên bục trường Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Tác phẩm chính có:

– *Thơ Đông Hồ*, Nam Ký thư quán, Hà Nội, 1932

– *Lời hoa*, Trí Đức học xá, Hà Tiên, 1934

– *Linh Phượng*, Nam Ký thư quán, Hà Nội, 1934

– *Cô gái Xuân*, Vị Giang văn khố, Nam Định, 1935

– *Hà Tiên thập cảnh*, N.x.b Bốn Phương, Sài Gòn, 1960

– *Trinh trắng*, N.x.b Bốn Phương, Sài Gòn, 1961

– *Song Tinh bất dạ truyện*, N.x.b Bốn Phương, Sài Gòn, 1962

– *Úc viên thi thoại*, Mặc Lân, Sài Gòn, 1969

– *Bội lan hành*, Quỳnh Lâm, Sài Gòn, 1969

– *Làm con nên nhớ* (cùng biên soạn với Nguyễn Hiến Lê) Lá Bối, Sài Gòn, 1970

– *Văn học miền Nam. Văn học Hà Tiên*, Quỳnh Lâm, Sài Gòn, 1970

– *Hương gây mùi nhớ*, Quỳnh Lâm, Sài Gòn, 1971

– *Dòng Cổ nguyệt*, N.x.b Bốn Phương, Sài Gòn, 1973

Như vậy, Đông Hồ viết nhiều loại văn: thơ, ký, khảo cứu... và viết từ những năm 20 cho đến những năm 60 của thế kỷ.

Riêng về thơ, sự nghiệp của Đông Hồ có thể chia làm hai phần. Phần đầu từ khi bắt đầu sáng tác (1924) đến khi xuất bản tập *Thơ Đông Hồ* (1932); phần hai từ 1933 đến 1969.

Ở phần đầu là những thơ ca in trên báo chí, chủ yếu là *Nam phong tạp chí* và tới 1932 in thành sách: *Thơ Đông Hồ*. Trong Tổng tập tập 20 này, chúng tôi chỉ giới thiệu phần đó. Nói chung, đó là những sáng tác nằm trong phạm vi thời "thơ cũ" như tất cả các nhà thơ đương thời... Tứ thơ xoay quanh những cảnh núi sông, mây gió, tình bạn, tình yêu... một đêm mưa, một ánh trăng, một hồ sen, một khóm trúc... nhất là người vợ yêu khi sống (trong mọi tư thế đi đứng, nói cười...) và khi đã qua đời..., tất cả đều là nguồn thơ của tác giả. Đặc biệt, đối với người vợ mất sớm này, ngoài những bài thơ Đường luật than khóc, ông có bài văn xuôi Linh Phượng lệ ký tuy tình điệu cũ, nhưng đã nói lên được cái buồn có tính chất thời đại lúc ấy, nên khiến nhiều người đến với thơ văn ông.

*

ĐÊM MƯA NHỚ BẠN

Đêm nay là cái đêm gì?
Năm canh gió giật, bốn bề mây giăng.
Trông lên đâu mất chị Hằng,
Giọt mau giọt nặng mưa dầm tàu tiêu [1].
Tình riêng nhớ ít thương nhiều [2].

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 106, tháng 6–1926.

1. *Tàu tiêu*: tàu lá chuối (chữ Hán: Ba tiêu là cây chuối).

2. Bài này và ba bài tiếp sau nguyên nằm trong một chùm thơ gồm 19 bài có nhan đề chung là Trác Chi thi văn tập in ở Nam phong tạp chí số 106. Trác Chi là tên tự của Đông Hồ Lâm Tấn Phác.

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

Chiều chiều lại nhớ đến chiều chiều,
Ra ngắm trời chiều cảnh hắt hiu [a].
Nào đám mây bay về cố quận, [1]
Xin [b] *cho ta gửi mộng hồn theo.*

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 106, tháng 6–1926.

Khảo dị: Bài này được in trong *Thơ Đông Hồ* với những sửa chữa sau:

(a). *Hắt hiu* đổi là *quạnh hiu*

(b). *Xin* đổi là *Nhờ*

*

BỎ TÂY PHỤC VỀ QUỐC PHỤC

Đương giấc mơ màng sực tỉnh ra,
Trông gương dày dạn mặt mày ta.
Ấy là cháu Lạc là con Việt,
Mà cũng giầy tây cũng nón da.
Âu phục văn minh mang lốt giả,
Si phong [2] *nền nếp thẹn con nhà,*
Từ đây chễnh chện lên khăn áo,
Cái phết [3] *nhà Nho thật thướt tha!*

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 106, tháng 6–1926.

---

1. *Cố quận* (*cố*: cũ; *quận*: phủ, huyện) quận cũ. Ở đây, chỉ quê hương tác giả.
2. *Sĩ phong*: (*sĩ*: học trò; *phong*: nếp, thói) nền nếp học trò.
3. *Phết*: nết ăn ở, dáng điệu.

NĂM CANH DẠO CẢNH

Dạo bước đêm tàn cảnh vắng tanh,
Non đoài ngậm nguyệt bóng chênh chênh.
Đầu làng eo óc gà kêu sáng,
Cuối xóm lăng xăng chó xủa canh.
Hồn mộng còn mê người giấc điệp [1],
Sãi chiền khua tỉnh tiếng chuông kình [2].
Bà con ta hãy kêu nhau thức,
Thức dậy mà lo cuộc cạnh tranh.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 106, tháng 6–1926.

*

MỸ NHÂN THẬP VỊNH

(*Trích một bài*)

DƯỚI HOA

Chiều xuân tha thướt bóng [a] *hoa mai,*
Dưới bóng hoa tươi nép bóng người.
Sẽ vít cành xuân kề nét ngọc,
Nụ hoa như [b] *vẻ nụ cười ai* [3].

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 123, tháng 11–1927.

Khảo dị:

Bài này in lại trong tập *Thơ Đông Hồ* (1932) với những sửa chữa như sau:

(a) *bóng* đổi là *khóm*

(b) *như* đổi là *thua*

---

1. *Giấc điệp*: giấc ngủ.
2. *Sãi chiền*: sư ở chùa. *Chuông kình:* tức chày đánh chuông hình con cá kình.
3. *Nụ cười ai*: nụ cười của ai, tức là của mỹ nhân đang nép dưới hoa.

ĐÊM ĐÔNG NHỚ BẠN (a)

Trận gió thê lương thổi lọt song
Phòng văn hơi giá lạnh như đồng.
Phương trời [b] *ai đó, người tri kỷ,*
Chăn chiếu đêm nay có lạnh lùng?

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 116, tháng 4–1927.

Khảo dị:

Bài này in lại trong tập *Thơ Đông Hồ* (1932) với những sửa chữa như sau:

(a) *Đêm đông nhớ bạn* đổi là *Nhớ bạn đêm đông.*

(b) *Phương trời* đổi là *Buồng khuê*

*

QUỐC GIA NGHĨ CẢM

Đất Lạc trời Hồng cuộc gió mưa.
Non sông muôn dặm dạng lờ mờ [c]*.*
Nỉ non đêm lạnh thương thân cuốc [d]*,*
Lặn lội sông sâu cảm [e] *phận cò.*
Ngọn nến tắt rồi chưa ráo lệ [1]*,*
Con tằm chết đến hãy còn tơ [f]*.*
Bốn bề bát ngát nhìn xa thẳm [g]*,*
Nước cũ hồn xưa những vẩn vơ.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 129, tháng 5–1928.

Khảo dị:

Bài này in lại trong tập *Thơ Đông Hồ* (1932) đổi đầu đề là *Mưa đêm* với những sửa chữa như sau:

(c) Cả câu đổi là: Cỏ cây xơ xác nước mơ mờ.

(d) Cả câu đổi là: Kêu gào đêm lạnh tiêu hồn quốc

(e) *Cảm* đổi là *não.*

(f) *Hãy còn tơ* đổi là *vẫn vương tơ.*

(g) Cả câu đổi là: Bốn bề mù mịt đêm tăm tối.

---

1. *Chưa ráo lệ*: tác giả ví giọt nến cháy như giọt nước chưa khô.

THƠ ĐÔNG HỒ

Thơ Đông Hồ là tập thơ đầu tiên của Đông Hồ Lâm Tấn Phác, do *Nam Ký thư quán*, Hà Nội, xuất bản năm 1932. Tập này gồm những thơ ca của Đông Hồ làm trong những năm trước 1930 (190 bài). Thơ ca được xếp theo từng thể: ngũ tuyệt, ngũ luật, thất tuyệt, thất ngôn, ngũ cổ, thất cổ, lục bát, song thất lục bát, hát nói, câu đối, bài hát học trò, phú.

CHƠI ĐÔNG HỒ

Mặt nước hòn non nổi,
Đáy hồ mảnh nguyệt trôi.
Chiếc thuyền thong thả dạo.
Tiếng hát động chân trời.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

BỤI TRE SAU MƯA

Cơn mưa vừa ngớt giọt,
Cành trúc ngả bên rào.
Quân tử [1] *nghiêng mình xuống,*
Đi qua, ta cúi đầu.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

---

1. *Quân tử*: người có tài đức, thẳng thắn. Vì cây trúc bao giờ cũng mọc thẳng, hình dáng thanh nhã, cho nên người ta cũng gọi cây trúc bằng *quân tử*. Ở đây chỉ cây tre (cùng thuộc loài trúc) bị mưa làm ngả xuống.

ĐÊM Ở LƯ KHÊ

Gió hắt sương thu lạnh,
Trăng soi cát bãi mờ.
Đất trời đêm tĩnh mạc,
Non nước cảnh tiêu sơ.
Tiếng sóng tồn vong [1] *rộn,*
Chòm mây kim cổ [2] *đưa.*
Đèn ngư [3] *khi đỏ tắt,*
Cảnh cũ chạnh tình xưa.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

CẢNH HỒ XUÂN

Triều lên man mác mặt hồ đầy,
Bãi lục ngàn xanh vẩn khói mây.
Một vũng nước trời xuân bát ngát,
Mộng hồn tung gửi cánh chim bay.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

---

1. *Tồn vong*: sự còn mất.
2. *Kim cổ*: (*kim*: nay; *cổ*: xưa) ngày xưa cũng như ngày nay.
3. *Đèn ngư*: đèn của thuyền chài bắt cá ban đêm.

CẢNH XUÂN

Vẻ gió thướt tha cành liễu biếc,
Màu xuân hớn hở nét mai vàng.
Khéo khôn thử hỏi từ đâu lại?
– Rằng bởi Đông hoàng [1] tay điểm trang.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

HOA HUỆ

Một cành thơm phức cảnh hôn hoàng [2],
Nét lá chiều hoa vẻ dịu dàng.
Thân ngọc gội nhuần sương tiết lạnh,
Lòng vàng soi tỏ nguyệt đêm trường.
Canh thâu [3] tránh khỏi đường ong bướm,
Nắng dãi phòng phai vẻ phấn hương.
Vương giả [4] dẫu rằng chưa sánh được,
Chị em không thẹn bạn quần phương [5].

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

---

1. *Đông hoàng*: (*đông*: phương đông; *hoàng*: vua) cũng như *Đông quân*, chỉ mặt trời và mùa xuân.
2. *Hôn hoàng*: cũng như hoàng hôn (*hôn*: sắc tối; *hoàng*: sắc vàng) lúc sắc vàng sắc tối xen lẫn nhau, tức là lúc nhá nhem tối.
3. *Canh thâu*: canh khuya. Hoa huệ thường hay nở về đêm.
4. *Vương giả*: tức vương giả hương, là tên một loài lan rất thơm.
5. *Quần phương*: (*quần*: bầy, chỉ số nhiều; *phương*: thơm) các loài hoa thơm.

KHÓC LINH PHƯỢNG [1]

Chăn gối cùng nhau những ấm êm,
Bỗng làm ngọc nát bỗng châu chìm,
Đầm đìa giọt thảm khăn hồng thấm,
Lạnh lẽo đêm xuân giấc mộng tìm.
Hình dạng mơ màng khi thức ngủ,
Tiếng hỏi quanh quẩn nếp y xiêm,
Bảy năm vui khổ, nghìn năm biệt,
Sớm gió chiều mưa lắm nỗi niềm!

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

XUÂN CẢM

Nước lạnh non buồn nào biết xuân!
Cùng ai giãi tỏ chuyện ân cần?
Khắp tìm chẳng gặp người trong mộng,
Khôn gượng mà vui chợ giữa trần.
Lan huệ mong tìm hương vị lạ,
Cúc tùng dám phụ cỏ cây gần.
Xuân về hẹn có hoa mai nở,
Mình hẹn ai đây, hỡi cố nhân?

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

TRÊN SÓNG NƯỚC TIỄN BẠN

Bấc tạt [2]*, hồ Đông nổi sóng sầu,*
Rước nhau âu phải tiễn đưa nhau.

---

1. *Linh Phượng*: tên người vợ của tác giả. Tác giả cũng còn bài lệ ký nhan đề là *Linh Phượng* đăng trong *Nam Phong* số 128 tháng 4 năm 1928.
2. *Bấc tạt*: gió bấc thổi.

Đêm chờ luống trách con tầu chậm,
Ngày biệt riêng buồn giọt nước mau [1] *.*
Lạnh lẽo vừa ngồi chung ngọn gió,
Chia phôi đã đứng cách ngàn lau.
Trông theo ngoảnh lại, người xuôi ngược,
Nước biếc trời xanh lẫn một màu.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

CHƠI BẠCH THÁP ĐỘNG [2]

Bạch Vân thăm dấu cũ.
Bạch Tháp nhớ người xưa.
Người Bạch Vân đã vắng,
Động Bạch Tháp còn trơ.
Người Bạch Vân chẳng thấy,
Chòm Bạch Vân phất phơ.
Hỏi đá, đá không nói,
Hỏi mây, mây làm ngơ.
Kim cổ màu rêu phủ,
Tang thương bóng nhật mờ.
Ngàn cây cơn gió thoảng,
Cửa động tiếng chuông đưa.
Nghe kinh lòng tục sạch,
Lắng kệ giấc tiên mơ.
Trần gian hay Cực lạc [3]*,*

---

1. Khi các bạn lại chơi Phương Thành, tác giả mạo sương gió bởi thuyền đón, cũng trên khúc sông ấy, bữa tiễn, theo đưa đến nửa đường mới quay về.

(Nguyên chú của tác giả)

2. Bạch Tháp động thuộc về núi Châu Nham, chỗ tu hành ẩn dật của vị chí sĩ đời ông Mạc Thiên Tích hiệu là Bạch Vân hòa thượng. Bạch Vân hòa thượng là người trong Thập Bát Anh ở Chiêu Anh Các.

(Nguyên chú của tác giả)

3. *Cực lạc*: (tức Cực Lạc thế giới hay Cực Lạc quốc) danh từ nhà Phật chỉ đất nước của Phật A Di Đà. Dùng theo nghĩa rộng: nơi vui vẻ nhất.

Bây giờ là bao giờ?
Người nầy tình cảnh ấy,
Lai láng mảnh hồn thơ.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

TUỔI XUÂN

Kể từ khi quen nhau,
Vừa mười ba tuổi đầu.
Tuổi xuân, tuổi vui sướng,
Nào có biết chi sầu.

Quen nhau thì yêu nhau,
Yêu nhau quấn quít nhau.
Quây quần trong một tổ,
Như đôi chim bồ câu.
Ngày tháng chỉ mong cầu,
Gần nhau được dài lâu.
Sum vầy lòng những ước,
Ly biệt có ngờ đâu,
Muốn thế, vẫn được thế,
Ai khéo nhiều nhau tệ.
Bao những cuộc vui cười,
Cùng nhau cùng chia sẻ:

– Anh ơi! Em muốn học,
Anh hãy dạy em đọc.
Dạy em không? Hở anh?
Không dạy em, em khóc.
– Em đừng làm nũng chứ!
Hãy nói anh nghe thử.
Em muốn học chữ gì?
– Em muốn học Quốc ngữ!

Quốc ngữ, chữ Việt Nam.
Này thơ em, anh xem!
– Anh nghe, em cứ đọc.
– Thơ rằng: "Anh yêu Em!...".

"Em muốn dạy anh thêu,
– Yêu em, anh phải chiều.
– Chỉ kim, anh thử lựa,
Nghe lời em, em yêu.
Này! Anh thêu khéo chán,
Ngàn mây, đôi chiếc nhạn,
Chắp cánh, tung trời bay,
Trăm năm cùng kết bạn.
– Tươi thắm bức lụa là,
Đôi chim nhạn không già.
Đời mình âu cung thế,
Ngày xuân ở với ta..."

"Này anh! Buổi thư nhàn,
Em dạy anh học đàn.
– Học đàn khó! – Đâu khó!
Chỉ đôi tiếng nhặt khoan!..."
Khoan nhặt đôi đường tơ,
Lay động đôi lòng thơ,
Gẩy nên khúc tình ái,
Khúc đứt, lòng ngẩn ngơ...
Buông bắt trên tơ trúc,
Nhìn em năm ngón ngọc.
Năm búp măng nõn nà,
Mải nhìn, đàn chửa thuộc...

"Anh ơi, em muốn chơi!
Non nước chốn này vui..."
Âu yếm, cầm tay dắt.
Cùng nhau dạo cảnh trời.
Ngày lặng, màu hoa cỏ,
Đêm thanh, thú trăng gió.
Cảnh trời với lòng người,

Biết bao lần gặp gỡ.
"Anh, em muốn chơi thuyền!
Một ngày ta làm tiên..."
Buông buồm theo ngọn gió,
Sóng nước những triền miên.
Trời biển cảnh lồng lộng,
Đôi tấm lòng rung động,
Kề vai sẽ tựa nhau,
Chập chờn trong giấc mộng.
Bên rừng, chiếc lá rơi,
Mặt nước, cánh hoa trôi.
Chòm mây bay tản mác.
Đàn nhạn rẽ phương trời.
Trông cảnh, em ngậm ngùi,
Nhìn em, anh thở dài.
Cảm nghĩ chuyện dời đổi,
Giọt lệ bắt đầu rơi!...

Biết đời từ hôm ấy.
Tuổi lớn, ngày dần thấy:
Chuyện buồn đưa đến thường,
Ngày vui không có mấy!
Đôi lứa cũng xa nhau,
Tuổi xuân còn mãi đâu!
Biệt ly nay mới biết,
Chi xiết nỗi thương đau!
Giọt lệ một lần ứa,
Biết bao lần chan chứa,
Một lần khi bắt đầu,
Biết bao lần sau nữa!

Chốc, mười mấy năm trời,
Trăm nghìn cảnh đổi đời.
Nói đến chuyện gặp gỡ,
Sóng ngược lại bèo xuôi!
Cuộc đời những lăn lóc,
Tiếng cười đổi tiếng khóc
Nào đâu bạn trẻ thơ,

Cùng ta kể mái tóc?
Buồn, nhớ cảnh năm xưa,
Lòng riêng những thẫn thờ!
Tóc xanh hồ đã bạc,
Luống tiếc tuổi ngây thơ!

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

CHƠI TRĂNG BÌNH SAN

Năm Đinh Mão [1] *đêm Rằm tháng Hai,*
Trời quang mây tạnh, trăng thanh soi.
Cảnh đêm thần tiên, thú phong nhã,
Khách chẳng chơi trăng âu cũng hoài.

Thơ thẩn xuống lầu ra sân ngoài,
Kìa ai trắng tuyết, ai gầy mai.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên ước,
Cùng nhau trông mặt cùng tươi cười.

– Anh ơi, anh cũng yêu trăng sao?
Yêu trăng, em với anh cùng yêu.
Trăng đẹp, riêng em trăng chẳng đẹp,
Trăng có đôi ta, trăng mĩ miều.

– Như lời hẳn có thế thì nên,
Yêu trăng, có em, anh yêu hơn.
Chơi trăng muốn đủ cảnh non nước,
Ta cùng lên chơi trăng Bình San.

Bình San một dãy mấy từng cao.
Bốn phương man mác, đêm đìu hiu.
Vằng vặc bóng trăng, trời tĩnh mạc,
Một bước càng thêm một thú yêu.
Bóng trăng điểm lá, lá như hoa,
Nét đá làn cây vẻ đậm đà.

---

1. *Năm Đinh Mão*: 1927.

Xào xạc bờ lau gió nhẹ thoảng,
Lạnh lùng lối cỏ sương dầm sa,

Lên cao đứng lại ngảnh trông ra,
Ngắm nước hồ Đông thấp thoáng xa.
Non nước cùng nên duyên tế ngộ, [1]
Đôi người với một bóng Hằng Nga.

Sẽ ngồi lặng ngắm người giai nhân,
Nhẹ nhàng một nét, mười thanh tân.
Cuồn cuộn buông rẽ tóc hai mái,
Tóc đen da trắng càng tĩnh thần.

Bóng trăng bóng lánh khóe thu ba [2]*,*
Thăm thẳm môi đào nửa nụ hoa.
Đẹp nhất đêm nay đôi vẻ đẹp:
Đẹp ai so với đẹp Hằng Nga.

Non Bình xanh mãi nước Hồ trong,
Non kia nước nọ, nghìn thu đông [3] .
Vầng trăng lơ lửng bóng thiên cổ,
Cảnh trời, ai ơi, biết bao cùng.

Trần thế trăm năm giấc mộng trường,
Cuộc đời âu hẳn cuộc tang thương,
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang tấc,
Còn chăng chỉ một khối văn chương.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

1. *Tế ngộ*: (*tế*: họp lại; *ngộ*: gặp) gặp gỡ.

2. *Thu ba*: (sóng nước mùa thu): ánh mắt trong xanh, lấp lánh như sóng mùa thu. Ý nói mắt người đẹp.

3. *Thu Đông*: Mùa thu và mùa đông. Nói theo ý rộng là một năm. *Nghìn thu đông:* nghìn năm, ý nói lâu lắm.

NHỚ RẰM THÁNG HAI

Non Bình San lững lờ bóng nguyệt,
Nước Đông Hồ man mác hơi may.
Cũng Rằm, năm ngoái tháng này [1]*,*
Cũng trăng, cũng nước non này năm xưa.
Này trăng, này núi, này hồ,
Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu?
Chợt nhớ thuở trăng nhô đầu núi,
Dưới bóng trăng lủi thủi bóng ai.
Bóng ai tha thướt cành mai,
Cành mai điểm tuyết, cành mai trăng lồng.
Ta cùng ai thong dong dưới nguyệt,
Sẽ dang tay người ngọc thẩn thơ.
Hồ Đông một vũng nông sờ,
Non Bình một dẫy tờ mờ ngọn cao.
Em mới hỏi: "Trăng sao sáng tỏ?",
Anh đáp rằng: "Trăng có đôi ta".
Bây giờ em đã vắng xa,
Vầng trăng cũng vẫn chưa lòa bóng gương.
Ấy mới biết trăng thường soi tỏ,
Mà lòng ta vẫn có với nhau.
Màu trăng cũng vẫn một màu,
Mà màu mai tuyết thế nào, đổi thay?
Khóm lau lách lung lay trận gió,
Khiến lòng anh nhớ chỗ năm xưa.
Bóng ai trăng giãi thướt tha,
Tiếng ai gió thoảng gần xa đôi hồi.
Nay vẻ tuyết chiều mai [2] *đã vắng,*
Tiếng ai còn văng vẳng bên mình.
Bụi hồng đã mỏi mắt xanh,
"Xa xôi ai có hay tình chăng ai?"
Đi về những lối này năm nọ,

---

1. Tức Rằm tháng Hai năm Đinh Mão (1927). Tối hôm ấy, tác giả và người yêu lên chơi núi Bình San. Bài *Chơi trăng Bình San* đã ghi lại buổi chơi trăng trên núi đó.

Bài *Nhớ Rằm tháng Hai* này gợi lại cuộc chơi tối hôm ấy.

2. *Chiều mai*: hình dáng cây mai. Ở đây chỉ bóng người yêu.

Anh vắng em, anh nhớ xiết bao!
Non Bình này vẫn cao cao,
Nước Hồ kia vẫn một màu xanh xanh.
Ngơ ngẩn mãi với tình non nước,
Nước cùng non đôi bức sầu treo.
Nước non non nước đìu hiu
Người xưa cảnh cũ biết bao nhiêu tình!

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

*

TỤC HUYỀN CẢM TÁC [1]

Lò hương cũ khói trầm cao thấp,
Cung đàn xưa tiếng trúc gần xa.
Đông nam đôi vẻ mặn mà,
Văn chương sực nức một nhà huệ lan.
Gió xuân phẩy vui làn tóc bạc,
Mảng xuân đường dìu dặt sắt cầm [2].
Than ôi! Hiếu trọng tình thâm,
Bên tình bên hiếu khôn cầm cả đôi.
Tục huyền dễ không người đứt ruột,
Nối dây tơ, nối được lòng ru?
Những từ sen ngó đào tơ,
Thề nguyền trăng gió, hẹn hò non sông.
Cành mưa móc, ngô đồng tươi đẹp
Phượng hoàng mong trọn kiếp "song thê" [3].
Sớm mây, chiều gió, đi về,
Xiết bao hoa tựa trăng kề thong dong.
Trời đất nỡ phụ lòng con trẻ,
Khiến uyên ương chia rẽ lứa đôi.

---

1. *Tục huyền*: (*tục*: nối lại; *huyền*: dây đàn) nối lại dây đàn đã đứt. Nghĩa bóng: nói người có vợ trước chết, nay lấy vợ mới.

2. *Sắt cầm*: (*sắt*: đàn sắt; *cầm*: đàn cầm) tên hai thứ đàn thường đánh để hòa với nhau. Nghĩa bóng: nói vợ chồng hòa hợp.

3. *Song thê*: (*song*: đôi; *thê*: đậu) hai con (phượng và hoàng) cùng đậu với nhau. Ý nói hai vợ chồng cùng ở chung.

Còn đâu vàng đá [1] nặng lời?!
Còn đâu non nước thề bồi nữa đây?!
Chim Linh Phượng một bay chẳng lại [2],
Nhà Độc Thê [3] mực vẩy lệ sầu.
Gió mưa hai độ xuân thu (thâu),
Khắp trông non nước toàn màu thê lương.
Tơ tóc đã bẽ bàng duyên nợ,
Hỏi lòng xuân còn có gì đâu?
Ngày xanh lỗi hẹn bạc đầu,
Đành ôm một khối hận sầu nghìn thu.
Não thay cảnh cành dâu bóng xế,
Miếng trân cam [4] ai kẻ hôn mai?!
Con thơ mái tóc chưa cài,
Chỉ kim ai kẻ thay lời từ thân [5]?!
Đành đổi áo thay khăn [6] đã phụ,
Phụ người xưa riêng phụ lòng mình.
Chung tình thôi chẳng chung tình,
Rủi may thôi cũng đã đành thế thôi.
– "May sau hẳn đền bồi rủi trước,
Tình mới âu nối được duyên xưa.
Giao loan [7] chắp mối tơ thừa,
Lửa hương lại ấm, tóc tơ lại bền.

---

1. *Vàng đá*: bởi chữ Hán *Kim thạch* là loài kim và đá. Ngày xưa những sự kiện lịch sử quan trọng, những công đức lớn lao của một người... đều được ghi vào đỉnh hay chuông (đều đúc bằng *kim loại* chứ không phải nhất thiết là vàng) hay bia bằng đá để lưu lại cho đời sau. Nói theo nghĩa rộng, chỉ sự bền vững dài lâu.

2. *Linh Phượng*: tên hiệu người vợ của Đông Hồ. Cả câu ý nói: người vợ trước như chim phượng đã bay đi mất không trở về nữa.

3. *Độc thê:* (*độc*: một mình; *thê*: đậu) nói chim đậu một mình. Ý nói tác giả góa vợ, vẫn sống một mình lẻ loi.

4. *Trân cam*: (*trân*: vật quí; *cam*: đồ ngọt): thức ăn quý và ngon.

5. *Từ thân*: (*từ*: thương yêu, tiếng chỉ người mẹ; *thân*: tiếng chỉ cha hoặc mẹ) người mẹ. Cả câu ý nói từ nay không có ai thay mẹ dạy bảo các con khâu vá thêu thùa.

6. *Đổi áo thay khăn*: theo tang lễ ngày xưa, khi có trọng tang (cha mẹ, vợ chồng chết) thì người con, người chồng hay người vợ để tang bằng cách mặc áo tang, đội khăn tang theo thể chế nhất định. Ở đây, tác giả nói bóng rằng mình đành bỏ những dấu hiệu thương nhớ (áo, khăn tang) người vợ cũ để đi lấy vợ mới.

7. *Giao loan*: tức keo loan, một thứ keo nấu bằng huyết con chim loan. Tương truyền hễ dây cung đứt, lấy keo này nối lại ắt dây liền ngay. Nghĩa bóng nói người góa vợ nay lấy vợ mới (*tục huyền:* nối dây).

Trong phòng động khúc uyên ương dạo,
Ngoài vườn xuân bóng liễu đào tươi,
Vui xuân én hót, oanh cười,
Hồ Đông sao khiến nhạt mùi xuân quang.
Duyên trước đã trăng dang, hoa dở,
Tình nay đang hoa nở, trăng tròn,
Trăm năm giấc mộng nhân hoàn [1],
Chợ trần [2] thôi hãy bán buồn mua vui",
Rượu tiếu [3] đã ngát mùi lan huệ,
Tiệc hoa thêm đậm vẻ văn chương,
Cùng trong thanh khí [4] một phường,
Cùng trong nước biếc mây vàng cảm nhau.
Đã cảm đến trong màu đạm bạc,
Lại cảm vì trên đất đoạn trường.
Lời ai ném ngọc gieo vàng [5],
Tình ai núi trọng, sông trường lắm sao [6].
Ân tri kỷ xiết bao tả nói!
Tấm lòng riêng muôn đội ơn lòng.
Đêm xuân, một hội tao phùng,
Bạn bè nghĩa nặng, vợ chồng tình sâu.

Thơ Đông Hồ, Nam Ký xuất bản,
Hà Nội, 1932.

---

1. *Nhân hoàn*: đời người, cõi đời.

2. *Chợ trần*: thế gian này như một cái chợ có đủ thứ, mỗi người sinh ra là góp mặt với chợ một thời gian rồi về.

3. *Rượu tiếu*: (*tiếu*: việc phụ nữ tái giá) tiệc rượu lấy vợ mới. Ở đây tác giả dùng chữ *tiếu* để chỉ mình (người đàn ông) lấy vợ kế.

4. *Thanh khí*: (*thanh*: tiếng; *khí*: khí) tức câu "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" nói rút lại. Nghĩa rộng: hợp nhau.

5. *Ném ngọc gieo vàng*: Cũng như ném châu gieo vàng (Kiều), lời nói ra quý như ngọc như vàng.

6. *Núi trọng, sông trường*: (*trọng*: nặng; *trường*: dài) tác giả ví mối tình của người vợ sắp lấy đối với mình thì *nặng* như núi, *dài* như sông.

PHẦN THỨ HAI

Ở phần này, về tiểu sử các tác giả, nếu tìm biết, chúng tôi ghi ở chú thích, không tìm biết được thì không ghi. Về tác phẩm, chúng tôi xếp theo thời gian được in ra, trừ một số bài tuy ra đời cách xa nhau nhưng của cùng một tác giả nên xếp liền nhau.

NGUYỄN VINH PHÚC

ÁN ĐỒNG TIỀN ĐỒNG BẠC

(Trích)

ĐỖ THANH PHONG

Tiểu dẫn: Chưa rõ tiểu sử tác giả. Chỉ biết là ở trang bìa chỗ ghi tên tác giả có in như sau: Đỗ Thanh Phong (Giáo Sỏi tự Thanh Phong, tự Bồng Dinh). Như vậy, có thể tên họ thật của tác giả là Đỗ Sỏi và ông làm nghề dạy học.

Trong *Án đồng tiền đồng bạc,* sau một số câu ca tụng vai trò của đồng bạc, tác giả phê phán nó. Có thể liệt bài thơ này vào loại những bài thơ quốc ngữ cổ của buổi ban đầu:

... Xét chàng thiệt đã dày công,
Trách chàng trưa sớm tấm lòng hay thiên.
Làm cho thiên hạ đeo phiền,
Buồn hiu quân tử, điến điên [1] *anh hùng.*
Làm cho tôi ở bất trung,
Cầu vinh mãi quốc muôn trùng xưa nay.
Làm người mất thảo mất ngay,
Ở cùng cha mẹ, lỗi tày non nam.
Giục người lòng quấy dạ tham,
Dầu thân thích mấy cũng làm cho xa.
Làm cho lỗi thửa đạo nhà,
Năm giềng ba mối chẳng hòa vì ai.
Làm cho bạn trước lìa mai,
Quên lời vàng đá lợt phai tiếng thề.
Làm cho người trí phải quê,
Người điên cũng tỉnh, nhiều bề tân hoan [2].
Chọc người lộn ruột lộn gan,
Nơi sang tìm đến, bần hàn lánh xa.
Làm người hại nghĩa ruột rà,
Anh em chẳng đặng thuận hòa cùng nhau.
Làm cho lòng gái lãng xao,
Thờ chồng chẳng trọn trước sau vì chàng.

---

1. *Điến điên:* đảo lộn.
2. *Tân toan:* cay chua.

Làm cho cốt nhục tương tàn,
Chị em chẳng đặng một đoàn vì đâu.
Làm cho son phấn đổi màu,
Khó nghèo nỡ phụ, sang giàu a dua.
Làm cho làng xóm tranh đua,
Làm người hết trí vô chùa đi tu.
Làm cho mấy mặt danh nhu (nho),
Trên đường vắng gã cũng lu anh hùng.
Hại người thục nữ cũng lung,
Đành đem má phấn chôn cùng vì ai.
Làm cho mấy mặt anh tài,
Nổi trôi đất khách lạc loài bốn phương.
Làm cho mấy mặt văn chương,
Không tiền phải chịu nhiều đường lao đao,
Lòng mầy độc địa làm sao,
Quên câu chỉ tính quên lo điệu nhà.
Giục người muốn việc gian tà,
Mê say tiền của vợ nhà cũng quên.
Tháng ngày thấm thoắt đường tên,
Hè qua, thu lại một bên chẳng chầy,
Luận sao cho hết tội mày,
Buồn ngâm ít vận cho khuây tấc lòng.

Nhà in F.H.Schneider xuất bản,
Sài Gòn, tháng 8 năm 1913.

HỦ NHO TỰ TRÀO

TÌNH SI TỬ [1]

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta! [2]
Hủ sau hủ gớm hủ ghê mà!
Thơ suông nước ốc, còn ngâm váng,
Rượu bự non chai, vẫn chén khà
Múa mép rõ ra văn chú chiệc [3]*,*
Dài lưng quen những thói con nhà.
Phen này cái hủ xua đi hết,
Cứ để cười nhau hủ mãi a!

*

Cứ để cười nhau hủ mãi a!
Cười ta, ta cũng biết rằng ta:
Trót quen nho nhã đầu khăn lượt [4]*,*
Hóa kém văn minh cổ áo là [5]*.*
Khó vậy làm em, giàu đã chị,
No thì nên bụt, đói ra ma.
Naý đương buổi học ganh đua mới,
Còn giữ lề xưa mãi thế mà?

Còn giữ lề xưa mãi thế mà?
Trông gương ta lại tức cho ta:
Ngâm câu giả, dã [6]*, đùi rung rẩy,*
Ngó chữ a, b, mắt quáng lòa.
Tai mắt cũng vui đình đám hội,
Mày râu riêng thẹn nước non nhà.

---

1. Có người cho rằng *Tình Si Tử* là một bút danh của Phan Kế Bính (1875–1921) một nhà nho, đỗ cử nhân năm 1906, sành văn quốc ngữ, có nhiều bài nghiên cứu về văn chương đăng ở các báo chí đương thời.

Bài này chủ ý công kích lớp hủ nho, không chịu theo tân học. Tư tưởng chính của bài này là tư tưởng cải lương duy tân.

2. *Hủ nho*: nhà nho mục nát, chưa tiến bộ. *Tự trào:* tự cười mình.

3. *Văn chú chiệc*: với ý khinh bỉ chỉ việc bắt chước văn Trung Quốc.

4. *Đầu khăn lượt*: khăn chít đầu bằng lượt, một loại lụa dệt sợi to. Ngày trước, nam giới, nhất là các nhà nho, đều chít khăn lượt.

5. *Cổ áo là:* cổ áo dài trắng khi đưa thợ giặt được hồ bột rồi là thành cứng bóng.

6. *Giả, dã:* hai hư từ chữ Hán thường được dùng trong Hán văn.

Ai ơi giấc ngủ sao mê quá!
Mưa gió năm châu rộn tiếng gà.

Mưa gió năm châu rộn tiếng gà,
Cái hồn văn tự tỉnh dần ra.
Trống khua giáo dục kêu vang nước,
Đuốc rọi văn minh sáng rực nhà,
Khai hóa đã đành thôi lối cũ,
Cải lương còn phải tính đường xa.
Anh em nghĩ lại sao không cố?
Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta.

Đông Dương tạp chí,
Hà Nội, tháng 6–1914.

*

NÚI VỌNG PHU

HOÀNG NGỌC PHÁCH [1]

Kìa ai, ai đứng, đứng trông ai,
Ai đứng trông ai, đứng giữa trời.
Mưa gió trăm chiều chàng bốn cõi,
Giang sơn một gánh thiếp hai vai.
Năm năm, tháng tháng, ngày ngày những...
Nhớ nhớ, mong mong, tưởng tưởng hoài...
Nghìn dặm xa xôi chàng có thấu?
Tấm lòng vàng đá thiếp không phai [2].

1918

Trong *Thời thế với văn chương,*
Nhà xuất bản Cộng Lực, Hà Nội, 1941.

---

1. Xem tiểu sử trong tập này.
2. Ở Việt Nam nhiều tỉnh có núi Vọng Phu: Lạng Sơn, Thanh Hóa, Phú Yên... Có thể đây là núi Vọng Phu ở Lạng Sơn.

CẢNH HỒ HOÀN KIẾM [1]

HOÀNG NGỌC PHÁCH

Chùa kia ai dựng, cảnh ai bày,
Bút Tháp, cầu Thê có phải đây?
Gió thổi ngang bờ, sen lợp sóng,
Trăng lồng dưới đáy, nước lay mây.
Nào thanh Thần kiếm bao kim cổ?
Mà tượng Lê triều khóc cỏ cây.
Ngắm cảnh càng thêm ngao ngán cảnh,
Mối thù đất nước dạ nào khuây.

1921

Trong *Thời thế với văn chương,*
Nhà xuất bản Cộng lực, Hà Nội, 1941.

*

DỐC LÒNG ĐẾN CHIẾM BẢNG VÀNG NÀO NGỜ THIẾU LUẬT BỊ QUAN ĐUỔI VỀ

L.M.

Bực mình dữ lắm, bớ ai ôi!
Ứng thí phen này thật rủi thôi.
Đút nhét nhiều nơi hao túi bộn, [2]
Cúi lòn lắm kẻ uổng công rồi.
Buồn tình thấy rượu quên bưng chén,
Tức trí xơi cơm muốn đập nồi.
Hai chữ công danh đà trật lất [3],
Còn gì nập nộm thỉnh mâm xôi [4].

Lục tỉnh tân văn, Sài Gòn,
số 589, ngày 9–1–1919.

*

---

1. *Hồ Hoàn Kiếm:* còn gọi là Hồ Gươm, ở trung tâm nội thành Hà Nội.
2. *Hao túi bộn:* tốn nhiều tiền của. Cả câu ý nói đút lót hối lộ nhiều nơi tốn lắm của.
3. *Trật lất*: lỡ làng.
4. *Nập nộm:* lăng xăng.

VỊNH CON CÓC

DOÃN KẾ THIỆN [1]

Cái giá người anh đáng mấy mươi?
Mà toan lên bộ cậu ông trời [2].
Dám xưng "Hiếu nghĩa tiên sinh" hão [3],
Mắc dấu bôi vôi chẳng thẹn đời [4].

Nam phong tạp chí,
Hà Nội, số 21, tháng 3–1919.

*

VỊNH CON CÁO

DOÃN KẾ THIỆN

Luồn lọt ra vào chẳng thiếu đâu,
Nghề anh tôi biết đã từ lâu.
Đêm hôm mò mẫm tha gà vịt,
Vẫn tưởng là hay chực vểnh râu [5].

Nam phong tạp chí, Hà Nội
số 21, tháng 3–1919.

*

---

1. Doãn Kế Thiện (1894–1965) hiệu Sở Bảo, quê làng Phú Mỹ, huyện Quốc Oai, nay thuộc tỉnh Hà Tây. Ông từng viết bài trên nhiều báo: *Thực nghiệp dân báo, Trung Bắc tân văn, Trung Bắc chủ nhật, Nam phong tạp chí*... Ông còn là sáng lập viên báo Thanh nghị. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông tham gia Mặt trận Liên Việt. Những năm cuối đời, ông làm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội.

2. Ca dao có câu: *Con cóc là cậu ông trời – Hễ ai đánh nó thì trời đánh cho* (chú của Doãn Kế Thiện).

3. Con cóc còn có tên riêng là "Tây sương Hiếu nghĩa tiên sinh". *Tây sương* nghĩa là cái nhà phía Tây; *Hiếu nghĩa* là hai chữ nói bóng, nó hay ăn kiến (chú của Doãn Kế Thiện).

4. Tục ngữ có câu: *Lăn lóc như cóc bôi vôi* (chú của Doãn Kế Thiện).

5. Người ta thường nói: *vểnh râu cáo* (chú của Doãn Kế Thiện).

SÔNG NHỊ HÀ

DOÃN KẾ THIỆN

Giải Nhị Hà kia thực lạ lùng,
Năm năm nước chảy mãi không cùng.
Nguồn ao phát những từ non Bắc,
Giòng thẳng xuôi về tận bể Đông.
Vùi lấp ngâm xương quân Thát, Mãn, [1]
Vẻ vang rửa mặt khách anh hùng.
Trường giang muôn dặm từng thay đổi,
Đã mấy phen rồi gặp hội trong.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 33, tháng 3–1920.

*

HỎI THĂM BẠN [2]

VŨ ĐÌNH KHÔI

Cái nhớ hình dung nó thế nào?
Khiến người luống những ngẩn ngơ sao!
Biết nhau cho lắm thêm rầy nhỉ,
Để khách bên trời những ước ao!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 26, tháng 8–1919.

*

---

1. *Thát:* giống người Thát Đát tức quân Nguyên.

Mãn: giống người Mãn Châu, tức quân Thanh.

2. Lâu nay nhiều người vẫn lầm tưởng bài này là của Tú Xương và đặt cho những nhan đề khác nhau. Ví dụ: sách *Văn thơ Trần Tế Xương,* do Hoàng Ngọc Phách, Đỗ Đức Hiểu... biên soạn đặt tên là bài *Nhớ bạn*, sách *Tú Xương, con người và nhà thơ* do Trần Thanh Mại... biên soạn lại đặt tên là bài *Cái nhớ hình dung*..

DẠ HOÀI [1]

VŨ TÍCH CỐNG

Kìa cái đêm qua mới gọi đêm,
Mắt gương trong bóng ngủ không thèm.
Tình này ai tỏ cho ta nhỉ,
Tâm sự năm canh một bóng đèn.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 28, tháng 10–1919.

*

VẤN THỦY VẤN NGUYỆT [2]

VŨ TÍCH CỐNG

Trên trăng dưới nước giữa thì ta,
Thử nhận nhau xem cũng một nhà;
Nước đã mấy con, con nước lớn,
Trăng bao nhiêu tuổi, tuổi trăng già.
Tròn tròn khuyết khuyết sao mà thế?
Xuống xuống lên lên mãi đấy à?
Hỏi mãi cớ sao mà chẳng nói,
Có chăng ta biết một mình ta.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 34, tháng 4–1920.

*

---

1. *Dạ hoài:* nỗi nhớ ban đêm. Lâu nay nhiều người đã lầm cho bài này là của Tú Xương.

2. *Vấn thủy vấn nguyệt:* hỏi nước hỏi trăng.

Lâu nay có nhiều người đã lầm cho bài này là của Tú Xương. Sách *Tú Xương, con người và nhà thơ* do Trần Thanh Mại biên soạn đặt nhan đề cho bài này là *Hỏi trăng hỏi nước.*

ĐÊM XUÂN NGHE MƯA CẢM [1]

CHÂU NGUYÊN

Thánh thót như mưa đập mái nhà,
Gió đông gợi khách nhớ người xa.
Bể lòng lai láng triều lên xuống,
Thôi đối đèn khuya lại ngắm hoa.

Ngắm đóa hoa xuân cũng ghẹo người,
Người sầu hoa cứ một mầu tươi.
Hoa tươi như dáng hoa cười khách,
Cười khách sao mà xuân chẳng vui.

Khách bảo cho hoa được biết tường,
Trượng phu khôn lẽ giống người thường.
Cùng nhau đã nặng nguyền non nước,
Xa bạn đồng tâm dễ cảm thương.

Góc bể chân trời mỗi một nơi,
Ấy ai nhớ khách, khách mong ai?
Hoa ơi, khách mượn hoa đôi cánh,
Chắp cánh mà bay đến cạnh người,

Muốn tới cùng ai giãi tấm lòng,
Sầu riêng đã gỡ, gỡ cho xong.
Xuân đi xuân lại vô cùng tận,
Có lẽ ta đâu mắc mãi vòng.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 32, tháng 2–1920.

*

1. Lâu nay có nhiều người đã lầm tưởng bài này là của Tú Xương và đặt cho những nhan đề khác nhau. Ví dụ: sách *Văn thơ Trần Tế Xương* do Hoàng Ngọc Phách, Đỗ Đức Hiểu... biên soạn đặt đầu đề là *Đêm xuân trời mưa*. Sách *Tú Xương, con người và nhà thơ,* do Trần Thanh Mại biên soạn lại đặt là *Tâm sự cùng hoa!* Và tất cả chỉ chép có bốn đoạn, thiếu một đoạn.

TRẦN QUỐC TOẢN [1]

TAO ĐÀN

Kiếm trỏ hai phen tan giặc mạnh,
Cờ đề sáu chữ giãi lòng trung.
Lão thành trung nghĩa chưa là giỏi,
Ít tuổi mà trung mới lạ lùng.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 38, tháng 8–1920.

*

BÀ TRIỆU ẨU [2]

TAO ĐÀN

Trận tiền phấp phới lá cờ bay,
Ô nhỉ Bà Trưng hãy thấy đây!
Những bác mày râu đành thẹn mặt,
Nên người canh cửi phải ra tay.
Đầu voi xung đột lo lòng nước,
Da ngựa sa trường chí bọc thây.
Son phấn nữ lưu còn ái quốc,
Quân Ngô cũng hãi nước Nam thay!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 38, năm 1921.

---

1. Trần Quốc Toản là một tướng trẻ đời Trần. Tương truyền năm 16 tuổi ông đã lập một đội quân, dựng lá cờ có thêu sáu chữ *Phá cường địch, báo hoàng ân* (Phá giặc dữ, báo ơn vua), theo vua Trần đi đánh quân Nguyên. Ông đã lập công lớn ở trận Tây Kết (tháng 4, năm Ất Dậu – 1285) và trận Chương Dương (tháng 5, năm Ất Dậu – 1285).

2. Bà Triệu Ẩu là một nữ anh hùng quê ở Cửu Chân (nay là tỉnh Thanh Hóa) đã khởi nghĩa chống lại bọn thống trị nhà Ngô (Trung Quốc) vào năm 248. Hiện nay chưa có thể xác định tên thật của bà. Gần đây có tài liệu nói bà là Triệu Thị Trinh hoặc Triệu Trinh Nương, đều là thiếu căn cứ khoa học. Ngày trước sử cũ gọi bà là Triệu Ẩu, nhưng chữ Ẩu chỉ có nghĩa là *bà già,* là *mụ.* Đó là cách gọi của bọn xâm lược nhà Ngô, sử cũ cứ chép lại mà không chú ý đến nghĩa chữ Ẩu.

VIẾNG MỘ LÊ CHẤT [1]

PHAN KHÔI [2]

Bình Tây trấn Bắc sử nghìn thu,
Ấy cỏ mờ rêu đất một u!
Ấy dũng ấy trung là thế thế!
Mà ân mà nghĩa ở mô mô!
Chim gào hờn sót xuân ầm ĩ,
Hàm thét oai lưa [3] gió vụt vù.
Cái chuyện anh hùng ai giở đến,
Hồ Tây còn vẳng tiếng chuông bu [4].

Thực nghiệp dân báo,
Hà Nội, năm 1921.

*

---

1. Lê Chất, người tỉnh Bình Định, là tướng của Gia Long, từng đánh dẹp Tây Sơn làm đến Chưởng hậu quân, Tổng trấn Bắc Thành. Khi chết mộ chôn ở làng Khán Xuân, nay là Vườn Bách Thảo, Hà Nội. Sau ba năm, gia đình Lê bốc mộ về Bình Định, nhưng tại Khán Xuân vẫn còn cho xây một ngôi mộ giả. Mộ này mới bị phá sau năm 1930. Về Lê Chất, do bị Minh Mạng ghét từ khi chưa lên ngôi, nên sau nhân vụ Lê Văn Khôi nổi loạn, Minh Mạng cho phá mộ Lê Chất ở Bình Định và chém tất cả vợ con của Lê.

2. Phan Khôi (1887–1959), hiệu là Chương Dân, quê làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông học chữ Hán, đỗ tú tài, sau học chữ Quốc ngữ, chữ Pháp trở thành nhà báo nổi tiếng một thời về lý luận. Ông còn làm thơ, viết cả tiểu thuyết, nghiên cứu văn học, ngôn ngữ, v.v...

3. *Oai lưa:* oai thừa.

4. Bài này đăng ở *Thực nghiệp dân báo,* Hà Nội, năm 1921. Nhưng chúng tôi chưa tìm được số báo gốc đành trích theo Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại,* quyển II mục Phan Khôi, Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942. Ở đây Vũ Ngọc Phan rất tán thưởng bài thơ này.

TÌNH GIÀ [1]

PHAN KHÔI

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ.
Hai cái đầu xanh kề nhau than thở:

– Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẳn là không đặng.
Để đến nỗi, tình trước phụ sau.
Chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau.

– Hay! Mới bạc làm sao chớ?
Buông nhau làm sao cho nỡ!
Thương được chừng nào hay chừng ấy,
Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy!
Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng.
Mà tính việc thủy chung?

*

Hai mươi bốn năm sau tình cờ đất khách gặp nhau,
Đôi cái đầu đều bạc.
Nếu chẳng quen lung, đố nhìn ra được,
Ôn chuyện cũ mà thôi, liếc đưa nhau đi rồi,
Con mắt còn có đuôi.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, số 122, 10–3–1932.
Báo *Phong hóa,* Hà Nội, số Tết Quý Dậu (24–1–1933) có in lại.

*

1. Trong cuộc tranh luận về "thơ mới" và "thơ cũ" của những năm 1930–1932 nhiều người coi đây là một trong những bài thơ mới đầu tiên. Nhưng cũng có người cho rằng về hình thức thì cũng không khác gì từ khúc mà nội dung thì tình điệu vẫn cũ như thơ ba thập kỷ đầu thế kỷ XX. Do ý kiến còn phân vân như vậy, nên chúng tôi tuyển in ở đây để lưu lại một tư liệu.

ĐỀ ĐỀN HÙNG VƯƠNG

VŨ KHẮC TIỆP

Cuộc đời từng trải mấy tinh sương,
Miếu tổ còn đây ngát khói hương.
Mười tám đời truyền bia Cổ Tích [1],
Hai nghìn năm lẻ dấu Văn Lang [2].
Sóng dồn mặt nước hồng pha biếc,
Hoa nở đầu non trắng lẫn vàng.
Hai chục triệu người chung giống cả [3],
Thờ chung xin nhớ Tổ Nam phương.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 48, tháng 6–1921

*

LÊN ĐỀN HÙNG VƯƠNG

VŨ KHẮC TIỆP

Từng từng dạo bước lên non,
Nhìn xem miếu mạo tôn nghiêm khác thường.
Rằng đây là miếu Hùng Vương,
Ấy là thủy tổ Nam phương nước nhà.
Kể từ gây dựng quan hà,
Đô là Bạch Hạc, hiệu là Văn Lang.
Nối truyền một mối Hồng Bàng,
Sử xanh ghi chép rõ ràng còn đây.
Bốn nghìn năm lẻ tới nay,
Con con cháu cháu mỗi ngày thêm đông.

---

1. *Cổ Tích:* Ở thôn Cổ Tích, xã Hi Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ có núi Nghĩa Cương tức Nghĩa Lĩnh. Trên núi này có đền thờ các vua Hùng Vương.

2. *Văn Lang:* quốc hiệu nước ta đời Hùng Vương.

3. Vào thời gian đầu thế kỷ XX, ước đoán số dân cả nước ta là khoảng hai chục triệu người (hoặc hai mươi lăm triệu người).

Đều là khí huyết Lạc Hồng, [1]
Khắp Trung, Nam, Bắc cùng chung máu đào.
Kìa núi Tản, nọ sông Thao,
Nguồn xưa gốc cũ lẽ nào dám quên.
Nhớ xưa công đức tổ tiên,
Cùng nhau sửa lại miếu đền thờ chung.
Tấm thành tạc với non sông,

Vẻ vang nòi giống Tiên, Rồng từ đây [2].
Ai ơi, xin nhớ lời này!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 48, tháng 6–1921.

*

BÓNG CHIỀU Ở KHANG HẢI (HÒN GAI)

TRỊNH ĐÌNH RƯ [3]

Chim hót lưng trời tiếng ríu ran,
Bóng hoàng hôn đã nhuộm thanh san [4].
Đầu ngàn sương xuống xây mù tít,
Bãi bể trào lên nước ngập tràn.
Chài lưới ngổn ngang thuyền cá lượn,
Gánh gồng lẻ tẻ chợ chiều tan.
Trong vùng than bụi người chen chúc,
Riêng khách làng thơ một thú nhàn.

Hữu Thanh tạp chí, Hà Nội,
số 12, tháng 1–1922.

---

1. *Lạc Hồng:* Lạc Long và Hồng Bàng. Theo cổ sử, họ Hồng Bàng là họ vua đầu tiên ở nước ta gồm Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân và 18 Hùng Vương tiếp sau.

2. *Tiên rồng:* tục truyền Lạc Long Quân là nòi Rồng, lấy nàng Âu Cơ là nòi Tiên, sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành một trăm người con. Tức tổ tiên của người Việt ngày nay.

3. Trịnh Đình Rư (1893–1962) hiệu Ngẫu Trì, quê làng Định Công, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông đậu Cử nhân khoa Ất Mão (1915) học trường Hậu bổ, nhưng không đi làm quan mà chuyên dạy học. Những ngày cuối đời, ông công tác tại Vụ Bảo tồn Bảo tàng, Bộ Văn hóa và tham gia ban biên dịch của Viện Sử học Việt Nam.

4. *Thanh san:* núi xanh.

TÁT NƯỚC ĐÊM

(Lời chị bảo em)

TRỊNH ĐÌNH RƯ

Ruộng ai, nước đã tràn đầy,
Ruộng nhà trông vẫn như ngày hôm qua!
Bây giờ đã hết canh ba,
Em về đi nghỉ, đưa ta đỡ gầu.
Đỡ gầu ta tát nước mau,
Mau cho có nước thì sau ta nhàn.
Kẻo nay nước hãy còn khan,
Lòng lo vì nước gian nan quản gì!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 2, ngày 9–5–1929.

ĂN QUẢ NHỚ KẺ TRỒNG CÂY

PHẠM QUANG SÁN [1]

Ai khéo gây nên quả phúc này,
Được ăn vẫn nhớ kẻ trồng cây.
Vin cành nếm thử vừa ngon miệng,
Vun gốc ơn người đã mát tay.
Lê Lý trải bao chua với ngọt [2],
Hồng Bàng còn tưởng rễ cùng dây [3].
Yêu cây ta phải thêm bồi thực [4],
Kết quả rồi ra lại có ngày.

Hữu Thanh tạp chí, Hà Nội,
số 15, tháng 3 năm 1922.

---

1. Phạm Quang Sán (1864–1932) hiệu Ngạc Đình, quê làng Đông Ngạc nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm ngoại thành Hà Nội, đỗ Cử nhân khoa Canh Tí (1900), làm tới Thương tá tỉnh Phú Thọ, có viết một số sách giáo khoa: *Ấu học phổ thông thuyết ước, Bắc sử tân san...*

2. *Lê Lý*: cây lê cây lý, đồng thời chỉ nhà Lê nhà Lý.

3. *Hồng Bàng:* cây hồng cây bàng, đồng thời chỉ thời đại Hồng Bàng (Hùng Vương).

4. *Bồi thực:* vun đắp.

PHÚ CỜ BẠC

(Hạn vận: cờ bạc là bác thằng bần)

PHẠM QUANG SÁN

Ngán thay cờ bạc;
Lắm kẻ say sưa.
Tam khoanh tứ đốm;
Bảy lọc năm lừa.
Khi vui thì vỗ tay vào, chẳng chơi cũng thiệt;
Thấy của thì tối mắt lại, dẫu chết không chừa.
Được thua cũng là, chẳng quản tiền trăm bạc chục;
Ruộng nương bán hết, vì chưng nay bạc mai cờ.
Trên tay sẵn có đồng tiền, coi như cái rác;
Trong túi không còn một chữ, xác như thân vờ
Kẻ máu mê đã trót nhúng chàm, biết dại vẫn còn cứ dại;
Bệnh truyền nhiễm từ đâu lưu độc, bao giờ mãi đến bây giờ.

Chỉ vì:
Đương độ phong lưu, quen mùi đài các;
Nhân lúc thanh nhàn, bầy ra đánh chác.
Nghề chơi cũng lắm công phu;
Của trời những mong bốc vác.
Ích xì, xóc đĩa, hết ngón nọ giở ngón kia;
Tổ tôm, tài bàn, thua canh này bày canh khác.
Thông tôm lèo chi chi thập xích, khi lên trời, cũng chiều lòng;
Theo khuôn dồn cập lệch ba bảy, được thể cũng dễ nói khoác.
Được ăn, thua chịu, nhất quận công nhì không lều;
Tiền ngắn bạc dài, trong anh em ngoài cờ bạc.
Tham thì thâm, làm thì thiệt, quá vui chơi nên nỗi rạc dài;
Đen thua lận, trắng thua mòn, trót mê đắm thành ra gỡ gạc.
Há phải là ma, quyến rũ người ta;
Suốt từ trên dưới, lan khắp gần xa.
Mấy ông ký phán, trò chuyện lân la, giả nghề kiếm chác, gạ gẫm các bà;
Mấy thầy tổng lý, ký nát, mọt già, nhân khi vào đám, chứa thổ trong nhà.
Mấy anh keo kiệt, túm năm tụm ba;

Mấy anh keo kiệt, túm năm tụm ba;
Nào người đứng cúi, nào kẻ đầu gà.
Khắp miền kẻ chợ nhà quê, đâu đâu cũng vậy;
Quen thói cờ gian bạc lận, ai ai cũng là.

Một cuộc rủi may;
Năm canh xào xạc.
Đỏ đen đen đỏ;
Được thua thua được.

Tiền liền với ruột, anh những toan chụp cả em;
Của trọng hơn người, cháu cũng chẳng tha gì bác.
Chơi cho thỏa chí, quản bao quan ngắn quan dài;
Mở cho sướng tay, phó mặc tiền xương tiền nạc.
Mong những quay thua đáo gỡ, vay trả trả vay;
Chung quy tiền mất tật mang, xác xơ xờ xạc.
Cờ lâm nước bí, sa cơ mất bộ anh hùng rơm;
Bạc gặp canh đen, thất thế dơ tuồng công tử xác.
Vẫn tưởng gậy vông phá nhà gạch, bụng lăm chỉ muốn vơ vào;
Ngờ đâu bợm già mắc cò ke, chơi mãi mãi hóa ra bệ rạc.
Tiền thầy bỏ túi;
Củ tỏi giắt lưng.
Còn ăn hết nhịn;
Hơn chục kém dừng.
Đã mê về sự cờ bạc, biết đâu là lẽ công bằng; [1]
Cạn lưng vay cối vay chằng, lãi bao cũng gật;
Nóng mắt mở liều mở lĩnh, của ai cũng chằng;
Hơn chẳng bõ hao, đến nỗi mất cơ mất nghiệp;
Túng thì phải tính, sinh ra làm bậy làm xằng.
Tham lam chỉ vị hơi đồng, khôn dần ra dại;
Danh giá lâm vào đám bạc, ông cũng như thằng.
Bán vợ đợ con, gương Trọng Quỳ vẫn còn như tạc;
Ba que xỏ lá, đình Cổ Lương đã biết hay chưa?

---

1. Trong bản gốc thiếu 1 vế.

Than ôi!
Đổ thần! Đổ thần[1]
Làm hại quốc dân.
Bỏ hết công việc;
Mất cả làm ăn.
Làm cho khốn khổ;
Làm cho nhục nhằn.
Làm cho cơn đen vận túng;
Làm cho nước yếu dân bần.
Nay nhân:
Lòng người biết hối;
Hồn nước tỉnh dần.
Mày đi nơi khác;
Chớ có lần khân.
Tiễn mày về Tàu, Quảng Đông cũng gần;
Tiễn mày sang Nhật, đáp bến Hoành Tân.
Mày sang nước Mỹ vàng bạc vô ngần;
Mày sang nước Đức, khôn ngoan tuyệt trần.
Vàng hương cúng tiễn;
Gạo muối đưa chân.
Mượn tay giải ách;
Cắt duyên nợ nần.
Lập tức đi ngay, chuông cảnh tỉnh mấy sâu sám hối,
Nếu còn lẩn quất, gươm văn minh một nhát trừ căn.

Theo Dương Quảng Hàm – *Quốc văn trích diễm*,
Nhà in Nghiêm Hàm, Hà Nội, 1925.

1. *Đổ thần:* thần cờ bạc.

DÙNG ĐỒ SỨ AN NAM [1]

DƯƠNG BÂN

Khi tôi ra chơi chợ,
Mua được món đồ sứ.
Trở về đi ngang đường,
Gặp hai ba ông cụ.
Ngắm nghía cầm lấy xem,
Khúc khích cười rằng hớ.
Tôi hỏi: "Hớ làm sao?"
Nói rằng: "Đồ Nam đó.
Thưa không phải đồ Tàu,
Men đục mà đáng rợ.
Mắt cá lẫn hạt châu,
Không tinh thì nhầm nhỡ".

Tôi rằng: "Ta ở đâu?
Ta ở đất Á châu,
Nước tên gọi Nam – Việt.
Sao thuộc phận Đông Âu [2];
Hùng Vương là thượng tổ.
Dòng dõi sinh đã lâu,
Người Nam cùng đất Việt,
Cắt rốn lại chôn rau.
Mong cho nước ta mạnh,
Mong cho nước ta giàu.
Mong giàu và mong mạnh,
Làm người phải nghĩ sâu.
Ấm sốt mẹ con lửa,
Đồ vật tiêu cho nhau.
Chớ có tham thanh lịch,
Xin đừng chuộng lạ Tàu".

---

1. Cho tới trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, danh từ An Nam được dùng phổ biến để chỉ nước Việt Nam và người Việt Nam chúng ta.

2. *Đông Âu:* theo thiên văn học thời cổ thì mỗi khu vực đất đai ứng với mỗi khu vực tinh tú trên bầu trời. Nước ta như vậy là thuộc về khu vực chòm sao Đông Âu.

Ngồi nghĩ sự phải trái!
Buồn tênh cái thế thái.
Của người là khéo khôn,
Của mình là vụng dại.
Coi người như thánh thần,
Nhận mình là con cái.
Mình tự rẻ mình đi,
Người ta khinh mình mãi.

Bao giờ biết nghĩ ra,
Ta cứ dùng đồ ta.
Nhà quê và kẻ chợ,
Người trẻ với người già.
Hễ đến mua đồ sứ,
Mua của nước Nam nhà.
Bấy giờ không để chế, [1]
Của mình cũng không ế.
Tiền ta cùng lưu thông,
Của ta không lưu trệ [2].
Người này muốn hưng công [3],
Người kia muốn chế nghệ [4].
Ai ai cũng lắm tiền,
Điều hay khôn xiết kể!
Suy trong một nghề này,
Muôn nghìn nghề cũng thế.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 58, tháng 4–1922.

*

1. *Để chế:* tẩy chay, chống lại.
2. *Lưu trệ:* ứ đọng.
3. *Hưng công:* dấy dựng công việc.
4. *Chế nghệ:* mở mang công nghệ.

TÌNH ÁI HỮU [1]

BÙI HUY CƯỜNG [2]

Xét kỹ ra thời cũng tự nhiên,
Xưa nay thanh khí vẫn tương triền [3].
Thương yêu cho rõ tình đồng chủng [4],
Giúp đỡ nhau là nghĩa thiếu niên [5].
Bè bạn càng đông càng có thế,
Anh em vì nghĩa há vì tiền.
Cùng chung một bọc hăm lăm triệu.
Cái mối thâm tình phải kết liên [6].

Hữu Thanh tạp chí, Hà Nội,
số 17, tháng 4–1922.

*

HỎI HỌA MY

TRẦN VĂN SĨ

Họa my hỡi! My sao ở đó?
Nỗi niềm này my tỏ ta nghe.
Nước đời có phải khắt khe,
Vội quên thế sự chịu bề cầu an?
My hỡi my! Ta than ta tiếc,
Hỏi mấy lời cho biết căn nguyên.
Tham lam ruộng cả ao liền,

---

1. *Tình ái hữu:* tình cảm thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Nay ta gọi là tình hữu ái.

2. Bùi Huy Cường (1899–1966), bút danh Nam Hương, sinh ở Hà Nội. Ông dạy học và có bài đăng trên các báo *Thực nghiệp dân báo, Trung Bắc tân văn, Hữu Thanh, Khai hóa.* Sáng tác của ông phần lớn là thơ ngụ ngôn. Những ngày cuối đời, ông công tác ở Bộ Giáo dục.

3. *Tương triền:* cùng gắn bó với nhau. Ý nói có mối tương quan khăng khít.

4. *Đồng chủng:* cùng một giống nòi.

5. *Thiếu niên:* tuổi trẻ. Vào thời gian đầu thế kỷ 20, danh từ này dùng để chỉ lớp người trẻ, tức như ngày nay ta dùng danh từ thanh niên.

6. *Thâm tình:* mối tình sâu nặng.

Ham mê lầu gác bạc tiền chăng không?
Bộ cánh tốt mã lông đẹp đẽ,
Sức vóc my còn khỏe còn nhanh.
Vẫy vùng chưa thỏa tuổi xanh,
Sao my dại dột hãm mình lồng ai?
Tiếng kêu hót, my tài my khéo,
Mặt tu my nỡ chịu đắng cay!
Muốn khôn tớ bảo my đây:
My không tự trọng nỗi này khổ chưa?
Hoa đã ngát, quả vừa thơm ngọt,
Núi muôn trùng chót vót từng mây.
Rừng xanh man mác cỏ cây,
Bể sâu thăm thẳm my hay chăng là?
Muông thú nọ chạy la mặt đất,
Giống điểu kia liệng ngất trời cao.
Thảnh thơi rộng bước tiêu dao,
Tự do thế ấy mà sao my khờ?
My hỡi my! Ngẩn ngơ chi thế?
Nỗi niềm sao thử kể căn nguyên.
Phải my ỷ lại đã quen,
Hay là nhân quả tiền duyên nhỡ nhàng?
Thấy my im ta còn tức bực,
Tưởng thân my sống được là may.
Chỉ mong no ấm đêm ngày,
Thời sao thoát khỏi cái tay bợm già.

Thực nghiệp dân báo, Hà Nội,
ngày 6-7-1922.

THẾ LỰC TIỀN

NGUYỄN BẠT

Thế lực nào hơn thế lực tiền!
Mặc lòng đổi trắng với thay đen!
Tiếng đâm toạc giấy, lừng kim cổ
Túi nặng đeo vai lộng thế quyền.
Nết nói đường ăn, ngu hóa thánh,
Lên xe xuống ngựa, cú thành tiên.
Cho hay thiên hạ mê man tưởng,
Thế thái nhân tình dễ đảo điên.

Thực nghiệp dân báo, Hà Nội,
ngày 20–9–1922.

NGÀY XUÂN LỄ ĐỀN HÙNG

NGUYỄN VĂN ĐÀO

Ba nén hương thơm một tấc lòng,
Ngày xuân lên lễ miếu Vua Hùng.
Tổ mười tám vị nay còn mộ [2]*,*
Cháu bốn nghìn năm vẫn nhớ ông.
Gò núi gần xa chầu bốn mặt,
Nước non quanh quất hợp ba sông [3]*.*
Hai mươi lăm triệu con Hồng Lạc,
Ai biết vì sao có hội không?

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 71, tháng 5–1923.

---

1. Ngạn ngữ có câu: nén bạc đâm toạc tờ giấy.

2. Trên núi Nghĩa Lĩnh (xem chú thích ở bài *Đề đền Hùng Vương* ở trên của Vũ Khắc Tiệp, còn có mộ vua Hùng.

3. Đứng trên núi Nghĩa Lĩnh nhìn về phía Nam thấy rõ ba con sông là Sông Đà, Sông Thao, Sông Lô giao lưu ở khoảng Việt Trì.

*

ĐỀ LĂNG VUA ĐINH [1]

NGUYỄN XUÂN ĐÀI

Mây khói lưng trời khéo vấn vương,
Lăng này đã trải mấy tang thương.
Một vùng chính khí trơ mưa nắng,
Ba thước u hồn dãi tuyết sương.
Bọc mảnh bia xanh rêu ảo não,
Rung bông lau trắng gió thê lương.
Nhớ câu Vạn Thắng mong đàm luận [2],
Bảng lảng đầu non bóng tịch dương.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 77, tháng 11–1923.

*

GÁNH NỢ ĐỜI

NGUYỄN TRUNG KHUYẾN

Nặng trĩu đôi vai gánh nợ đời!
Nợ đời nặng lắm khách đời ơi!
Bình thành công ấy ghi gan óc, [3]
Cúc dục ơn kia ví đất trời [4].
Món nợ trần duyên còn lúng túng,
Mà đường danh lợi đã pha phôi.
Còn non còn nước còn cơ hội,
Có lẽ ta đâu chẳng gặp thời.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 77, tháng 11–1923.

---

1. Lăng vua Đinh Bộ Lĩnh ở núi Mã Yên, làng Trường Yên, nay thuộc huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

2. *Vạn Thắng* là vương hiệu tự xưng của Đinh Bộ Lĩnh khi mới phất cờ khởi binh.

3. *Bình thành:* chỉ công đức các vua hiền.

4. *Cúc dục:* chỉ công ơn cha mẹ.

SÁNG DẬY

NGUYỄN TRUNG KHUYẾN

Mở mắt trông ra đã sáng rồi,
Mau mau trở dậy, chị em ơi!
Kìa chuông cảnh tỉnh đương khua tiếng,
Nọ trống tan canh đã điểm hồi.
Giấc điệp mơ màng chi mãi mãi,
Canh gà rộn rã khắp nơi nơi.
Chị em ai đó, ai mơ tỉnh!
Tỉnh dậy ai ơi, kẻo muộn rồi!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 79, tháng 1–1924.

*

ĐỀ MIẾU MỴ CHÂU [1]

NGUYỄN TRUNG KHUYẾN

Một khối oan tình chửa đập tan,
Ngàn thu hiu hắt khói hương tàn!
Bia mòn rêu biếc mây ngàn phủ,
Nỏ đó, rùa đâu nước giếng tràn?
Tần, Tấn [2] bởi tin phường bạch nhãn [3],
Việt Ngô [4] để lụy khách hồng nhan.
Cơ trời dâu bể vì ai đấy?
Riêng nỗi thơ đào [5] mắc tiếng oan.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 145, tháng 12–1929.

---

1. Miếu thờ Mỵ Châu nay vẫn còn, ở cạnh đền thờ An Dương Vương trong khu vực di tích Cổ Loa (thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội). Xem thêm bài *Chơi thành Cổ Loa* của Trần Khải ở trên.

2. *Tần Tấn:* hai nước thời Xuân Thu (Trung Quốc). Huệ Công nước Tấn đem Thái tử Ngữ gửi làm con tin ở nước Tần, được Mục Công nước Tần gả con gái cho. Về sau, hai họ gả con cái cho nhau tới năm đời liền. Từ đó, người ta dùng hai chữ Tần Tấn để chỉ quan hệ thông gia, hay việc cưới gả, lấy vợ lấy chồng.

3. *Bạch nhãn:* mắt trắng, nghĩa bóng chỉ người hiểm ác.

4. *Việt Ngô:* hai nước chư hầu nhà Chu về thời Xuân Thu (Trung Quốc). Hai nước này ở gần nhau (khoảng vùng nam Dương Tử và lưu vực sông Triết Giang). Do đó về sau, hai danh từ Việt Ngô hay Ngô Việt được dùng để nói hai gia đình hay hai nước ở gần nhau.

5. *Thơ đào:* đào non. Ở đây chỉ người con gái trẻ, tức Mỵ Châu.

LÃNG NGÂM

NGUYỄN TRUNG KHUYẾN

Nợ đời nặng lắm, ai ơi!
Ai vay, ai trả, ai đòi, ai cho?
Trời cao ai thước mà đo?
Biển sâu ai tát ai dò ai thăm?
Văn chương một mối tơ tằm,
Nguồn cơn luống những xót thầm thương vay.
Cảnh trời bể nước non mây,
Cuộc đời ai khéo đặt bầy tang thương?
Trăm năm một giấc hoàng lương [1],
Cùng chung một kiếp thì thương nhau cùng.
Rồi đây vùng vẫy, vẫy vùng!

Tiếng dân, Huế,
số 82, ngày 26-5-1928.

*

TỰ THÁN

TRẦN NGỌC HOÀN

Nghĩ đến bao nhiêu lại giật mình,
Mấy mươi năm đó vẫn hư sinh [2].
Hai vai trung hiếu mang không nổi,
Một tấc cơ ngơi [3] *lập chửa thành.*
Món nợ văn chương chưa gỡ đặng,
Cái thân hồ thỉ cũng mần thinh.
Ai về Nhị thủy khơi dòng nước,
Rửa sạch cho nhau cái bất bình.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 78, tháng 12-1923.

*

---

1. *Hoàng lương*: Hạt kê vàng: xem chú thích ở bài *Cảm thu tiễn thu* của Tản Đà.
2. *Hư sinh:* sống giả, sống không ra sống.
3. *Cơ ngơi:* cơ đồ, sự nghiệp.

TIẾC XUÂN

DƯƠNG TỤ QUÁN [1]

Xuân về, xuân để ta thương,
Tiếc cho xuân lại chán chường cho hoa.
Vừng ô đỉnh núi xế tà,
Cành hoa theo gió la đà quét sương.
Cỏ cây mà cũng tang thương,
Non sông biến đổi là thường cổ kim.
Xót thay tía rụng hồng chìm,
Hoa xưa xuân cũ ai tìm cho ta [2] ?

Xuân 1924

Trung Bắc tân văn, Hà Nội,
ngày 2–3–1924.

NHỚ CẢNH THÁI BÌNH

DƯƠNG TỤ QUÁN

Lời dẫn của tác giả: Năm 1921, tôi được bổ đi dạy học tại Thái Bình. Năm sau, tôi đổi về Hà Nội. Ba năm qua tôi vẫn nhớ cảnh, nhớ người...

Người ở Long Biên nhớ Thái Bình,
Nhớ bao xiết kể nỗi tâm tình!

---

1. Dương Tụ Quán (1901–1969) tự là Khái Sinh, hiệu Thất Lang, quê làng Phú Thị, nay thuộc xã Mễ Sở, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng, là em ruột Dương Bá Trạc và Dương Quảng Hàm. Ông học chữ Hán, rồi chữ Pháp, đỗ Thành chung năm 1921, dạy học tại các trường tiểu học ở Thái Bình, Hà Nội. Năm 1929, ông thôi việc, mở nhà in Đông Tây, xuất bản sách, chủ trương mấy tờ báo: *Văn học tạp chí* (1932–1933), *Đông Tây báo* (1934–1935), *Ngày mới* (1939) và là người sáng lập tạp chí *Tri tân* (1942–1945).

Ông đi kháng chiến, chủ yếu ở Thái Nguyên. Từ 1955 ông về Hà Nội làm công tác xã hội một thời gian, rồi nghỉ hưu. Ông có viết ba cuốn tiểu thuyết: *Vì đâu nên nỗi* (Nhà in Kim Khuê, Hà Nội, 1925): *Cũng bạn quần thoa* (Nhà in Long Quang, Hà Nội, 1926), *Giời có mắt* (Nhà in Đông, Tây, Hà Nội, 1929), và một tập nghiên cứu có giá trị: *Đào Duy Từ* – Nhà in Đông Tây, Hà Nội, 1944.

2. Trong di cảo – do bà Dương Thị Lục Hà lưu giữ – tác giả có chữa câu này thành: *Hoa xưa xuân cũ khôn tìm thấy đâu?*

Nhớ bao xiết kể nỗi tâm tình!
Nhớ đường Tân Đệ cây xanh ngắt
Nhớ bến Bồ Giang nước uốn quanh
Nhớ cảnh Vũ Tiên cơn gió mát [3],
Nhớ đền Triệu Đế bóng trăng thanh
Nhớ ai mượn bút cho khuây nhớ,
Nhớ khách giang hồ bước lợi danh.

Khai hóa nhật báo, Hà Nội,
ngày 3–3–1924.

CHÁN

NGUYỄN VĂN NĂNG [5]

Nào phải rằng ta dám chán đời,
Nỗi đời chán lắm, hỡi ai ơi!
Chán nền luân lý ngày thêm đổ,
Chán nỗi non sông chỉ thấy vơi.
Chán truyện tri âm không kẻ nói,
Chán văn cảnh thế ít người chơi.
Chán người hữu hạn, xuân vô hạn.
Mà kiếp trầm luân quá nửa rồi.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 82, tháng 4–1924.

---

1. Khi ấy, muốn tới Thái Bình phải đi xe lửa đến Nam Định và đi xe tay qua phà, rồi thẳng đường Tân Đệ 12km mới đến tỉnh.

Chú của Dương Tụ Quán.

2. Bồ Giang là sông Bo tức sông Trà Lý, chảy qua thị xã Thái Bình.

3. Vũ Tiên có những nhà hát ả đào.

4. Đền này ở làng Đồng Sâm, phủ Kiến Xương.

5. Nguyễn Văn Năng (1902–1968) người xã Đông Phong, huyện Đông Quan (nay là Đông Hưng) tỉnh Thái Bình. Hoạt động cách mạng từ 1926, từng bị đày ra Côn Đảo và bị giam tại Hà Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên... Trước khi mất công tác tại Bộ Lao động.

Ở ĐỜI

NGUYỄN VĂN NĂNG

Đã trót sinh ra đứng ở đời,
Ở đời phải nghĩ, hỡi ai ơi!
Sao cho đáng mặt trời chung đúc,
Mà khỏi hoài công đất dưỡng nuôi.
Nếu muốn thi gan cùng tạo vật,
Phải liều dạn mặt với trần ai.
Rồi ra hạnh phúc dành riêng đó,
Ấy chính trời kia vẫn thử người.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 84, tháng 6–1924.

NÔNG PHU TỰ THÁN

(Mỗi câu có tên một cái vật dùng ở nhà nông)

NGUYỄN VĂN NĂNG

Nghĩ mình vất vả quá thân trâu,
Cuốc gió cày mưa dám quản đâu.
Bừa bãi nợ nần vì thuế má,
Mai mòn khổ não vị lo sầu.
Chiếc thân chịu quắm coi mà nhục,
Cái phận đeo thừng nghĩ lại đau.
Vồ vập nào ai thương thiết đến,
Phải liều hăng hái để nuôi nhau.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 84, tháng 6–1924.

ĐÊM KHÔNG NGỦ

NGUYỄN VĂN NĂNG

Mở mắt trông trời đã rạng đông,
Đêm mù thôi thế thế là xong!
Nhớ người chưa ráo đôi hàng lệ.
Đợi nước thêm đau một tấm lòng.
Sự thế thăng trầm chưa hết nợ,
Cuộc cờ thắng bại chửa thành công.
Phen này tỉnh dậy xem sao đã,
Nam tử sao đành phụ núi sông.

Nam phong tạp chí Hà Nội,
số 91, tháng 1–1925.

CẢNH BUỒN TRÊN SÔNG

BÙI HỮU DIÊN [1]

Chiều hôm thong thả dạo bên sông,
Phong cảnh đìu hiu luống chạnh lòng.
Gió lạnh đưa theo dòng nước biếc,
Mây mờ che khuất bóng trăng trong.
Ngàn mây xào xạc chim tìm tổ,
Nội cỏ le re dế khóc đồng.
Trên dưới gần xa người vắng ngắt,
Trông vời bát ngát lại mênh mông.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 83, tháng 5–1924.

---

1. Bùi Hữu Diên (1903–1935) quê ở thôn Chi Bồ, huyện Thụy Anh, nay là huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Khoảng 1925 ông tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, sau bị thực dân bắt đi đày sang Guyan thuộc Pháp (Nam Mỹ) và mất tại đấy. Xem tiểu sử đầy đủ ở một tập khác (xin tra sách dẫn).

NGUYỄN HUỆ [1]

BÙI HỮU DIÊN

Bốn phương ngang dọc chịu nhường ai!
Thao lược như ông dễ mấy người.
Đất Bắc dẹp tan quân bạo nghịch,
Trời Nam lưu để tiếng cừ khôi.
Thua gì Sở Bá hay nâng vạc, [2]
So với Tề Công chẳng kém tài [3] *.*
Thành, bại việc thường chi xá kể,
Anh hùng sự nghiệp thọ muôn đời.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 109, tháng 9–1926.

BÀ TRƯNG BÀ TRIỆU

BÙI TRÌNH KHIÊM [4]

Triệu, Trưng vốn khách má hồng,
Má thì má thắm mà lòng lòng son.
Khăn điều phủ lấy nước non,
Yếm điều vắt sữa nuôi con cái nhà.
Hai mươi nhăm triệu chúng ta,

---

1. Nguyễn Huệ (1753–1792) tức vua Quang Trung, vị anh hùng đã cùng với anh là Nguyễn Nhạc lật đổ cơ nghiệp chúa Nguyễn trong Nam, rồi đích thân lật đổ cơ nghiệp chúa Trịnh ngoài Bắc, đánh tan 2 vạn quân Xiêm xâm lược trên sông Rạch Gầm (Mỹ Tho) và 20 vạn quân Thanh xâm lược ở Ngọc Hồi – Đống Đa (Hà Nội).

2. *Sở Bá:* tức Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ. Hạng Vũ có sức khỏe hơn người (có thể nâng được vạc).

3. *Tề Công:* tức Tề Hoàn Công, tên là Tiểu Bạch, một vua chư hầu đời Xuân Thu, chín lần họp các chư hầu được tôn là *bá chủ.*

4. Bùi Trình Khiêm (1878–1950) người làng Vân Tập, huyện Vụ Bản nay thuộc tỉnh Nam Định, là một nhà giáo tiến bộ, có nhiều thơ văn in trên các báo chí khoảng từ 1920 trở đi. Bài trên trích trong tập *Vịnh Sử* (bản thảo) soạn năm 1925. Tài liệu này do Bùi Hạnh Cẩn cung cấp.

Hai ngàn năm lẻ ơn bà Triệu, Trưng.
Trâm thoa phấn sáp anh hùng,
Đá mòn mặc đá xin đừng quên ơn.
Đàn bà các nước ai hơn,
Ngàn năm non nước nước non lâu dài.

*

ĐỌC SỬ CẢM VỊNH

GIANG HỒ DU TỬ

Bốn nghìn năm lẻ đắp xây nên,
Dân chẳng ngu si nước chẳng hèn.
Muôn dặm non sông màu gấm vóc,
Một đoàn con cháu giống Rồng Tiên.
Thịnh suy ngắm lại gương tang hải [1]*,*
Thời thế trông vào bạn thiếu niên.
Nhắn nhủ ai ơi, nên gắng sức.
Võ đài này chính buổi đua chen!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 103, tháng 3–1926.

ĐỀN VUA HÙNG

NGUYỄN VĂN ÁNG

Nước thẳm sông Thao, núi Tản xa,
Văn Lang muôn thuở nước non nhà.
Miếu lăng nền cũ hương còn đượm,
Mưa nắng bia xưa nét chửa nhòa.
Hơn bốn nghìn năm công đức Tổ,
Ngoài hai mươi triệu giống nòi ta.
Này nơi nguồn gốc chung mình đó,
Nhớ lấy ai ơi, kẻo nữa mà!!!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 103, tháng 3–1926.

---

1. *Tang hải:* cũng như tang thương, chỉ sự biến đổi.

ĐÁNH THỨC CHỒNG TÁT NƯỚC

LƯƠNG VỊ THỦY

Ơi trời ơi! Kìa, vầng đông đã rạng từ lâu rồi,
Thế mà anh còn chưa dậy, để cho em đứng em ngồi,
em những thở cùng than?
Ngoài đồng kia, một giọt nước cũng khô khan,
Vì ai cám dỗ để cho anh mê man đến nỗi này?
Kìa cái bể đông kia nước vẫn còn đầy,
Mà một mình em ra tát thì biết đến ngày nào cho nó xong?
Em nghĩ: Ông cha mình tốn của hại công,
Biết bao cày cấy vun trồng từ xưa...
Thế mà sao anh cứ ngủ trưa?
Này anh ơi! Xin anh thức dậy để cho em thưa một đôi lời:
Đã có thân ta ra đứng ở cõi đời,
Thì lo sao cho nó khỏi phụ cái tấm lòng người vì ta...
Em nghĩ xót cái thân em là phận đàn bà,
Mà khuyên chồng không được thì chẳng thà em thác cho
nó xong!
Tấm lòng em nguyện với non sông!...

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 103, tháng 3–1926.

ĐI ĐÊM

LƯƠNG VỊ THỦY

Thấp thoáng ngàn dâu bóng nguyệt chênh,
Canh gà dặm khách cảnh buồn tênh
Xóm làng lác đác sương mờ mịt,
Đường sá xa xôi bước gập ghềnh.
Non nước vắng tanh lòng thắc thỏm,
Giang hồ thêm ngán nỗi lênh đênh.
Trông vời lối cũ như mê cả,
Nông nỗi này ai kể với mình?

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 106, tháng 6–1926.

THẦY ĐỒ HIỂU DỤ CÔ ĐỒ

ĐOÀN TỊNH CANH

Bọn sĩ bây giờ hóa bọn "si",
Nông, công, thương, biết đổi nghề gì?
Tiếc về đèn sách mười năm khổ,
Tủi với anh em một chữ "thì"!
Phỏng muốn học Tây, nhà buổi túng,
Mà bon dạy trẻ, chủ ai vì! [1]
Bao dung nhờ lượng cô mày vậy,
Phú quý sau rồi cũng có khi!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 108, tháng 8–1926.

*

GIỌT LỆ ĐÊM TRƯỜNG

TẠ QUANG NINH

Giọt lệ đêm trường những chứa chan,
Thương mình thương cả đến giang san.
Nhân dân mấy triệu người lơ láo,
Đất nước ba kỳ nghĩa cách tan.
Nước bốn nghìn năm còn yếu kém,
Giống chi thiên cổ mãi mê man.
Muốn kêu một tiếng cho to tát,
Gọi tỉnh hồn ai lúc khắc tàn.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 109, tháng 9–1926.

*

---

1. *Bon*: chạy, lăn. Câu này có nghĩa là bỏ đi dạy trẻ em, nhưng chẳng có nhà chủ nào.

THƯ SINH TỰ THÁN

(Thơ chiết hạ)

ĐẶNG XUÂN QUỲNH

Cũng dòng thi lễ cũng con người...
Số phận không may gặp phải thời...
Bảy nổi ba chìm thương cái kiếp...
Năm liều bảy lĩnh chán cho đời...
Gặp thời chắc cũng tìm phương nhảy...
Vận gấp cho nên phải chịu ngồi...
Thôi vậy, vậy đành cho cái phận...
Biển vàng, hốt bạc [1] để nhường ai...

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 109, tháng 9–1926.

*

TẶNG CỤ PHAN BỘI CHÂU

SẦM PHỐ [2]

Bốn bể anh hùng sá ở đâu,
Hai mươi năm lẻ khắp hoàn cầu.
Tấm gan độc lập nung còn nóng,
Giọt máu đồng bào thấm đã sâu.
Muốn xáo đất trời Nam lẫn Bắc,
Toan xây non nước Á liền Âu.
Sức hùm nhờ có hơi nanh vuốt,
Thiên hạ ai là biết Bội Châu? [3]

---

1. *Biển vàng hốt bạc:* thời phong kiến, khi một người đỗ đại khoa thì được ban cho cái *biển thiếp vàng* và lá cờ làm lễ vinh quy; và khi một người làm quan to ở trong triều thì được ban phẩm phục và cái *hốt bằng bạc* để cầm ở tay trong lúc chầu vua.

2. Sầm Phố tên thật là Nguyễn Thị Đào (1885–1975), quê làng Hoành Sơn nay thuộc xã Nam Hoành, huyện Nam Đàn, Nghệ An, xuất thân gia đình nhà nho có tiếng ở xứ Nghệ hồi đó. Bà là thân mẫu nhà trí thức lớn Tạ Quang Bửu và nhà báo Quang Đạm.

3. Phan Bội Châu (1867–1940) là nhà cách mạng lớn đầu thế kỷ 20 – Xem tiểu sử ở tập 19 của *Tổng tập.*

*

Tát biển không nài nước cạn sâu,
Mặc ai sang cả, mặc ai giàu.
Gác tình nhi nữ ngoài muôn dặm,
Nặng gánh giang sơn trắng nửa đầu.
Gió Á, mưa Âu đầy nguyện vọng,
Tâm Hàn, thân Hán cảnh phiêu lưu [1],
Chọc trời, khuấy nước tưng bừng sóng,
Lớp trước im rồi lại lớp sau.

1926 [2]

Trích theo *Hợp tuyển Văn học Việt Nam* (1920–1945),
Tập V, quyển I, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1987.

*

VỊ HOÀNG HOÀI CỔ [3]

TẠ ĐÌNH HẢI

Thấy cảnh càng thêm chạnh tấm lòng,
Vị Hoàng đây trước phải hay không?
Giữa dòng nước chảy nên nhà cửa,
Một khoảng sông trong hóa ruộng đồng.
Thuyền ngự vua xưa đâu mất bến?
Trăng thề nước cũ chẳng còn sông.
Ví sông cũng biết như người nhỉ,
Chắc phải đau lòng với hóa công.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 113, tháng 1–1927.

---

1. *Tâm Hàn, thân Hán:* tác giả so sánh Phan Bội Châu với Trương Lương, một danh nhân đời Tần Hán (Trung Quốc), người nước Hàn nhưng phải bỏ nước đi lưu lạc và sau giúp nhà Hán (Lưu Bang) dựng cơ nghiệp.

2. Niên đại này là do nhà báo Quang Đạm cung cấp.

3. Vị Hoàng là tên một con sông chảy qua Thành phố Nam Định, đổ vào sông Hồng. Đến đầu thời Pháp thuộc, sông cạn rồi được lấp để xây nhà cửa, mở phố phường. Tú Xương cũng có một bài thơ – tức bài *Sông Lấp* – về đề tài này.

VỊNH NGÂU

NGUYỄN HUY ĐẠI

Ngán thay cái kiếp vợ chồng Ngâu,
Một dải sông Ngân kẻ cuối, đầu.
Ly biệt vắn dài rơi hạt ngọc,
Trùng phùng than thở gạt dòng châu.
Trăm năm duyên nợ tình hờ hững,
Một mối tơ vương đắp đổi sầu.
Trẻ Tạo đa đoan bày lắm nỗi,
Nước đời cay nghiệt nghĩ mà đau!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 113, tháng 1–1927.

*

CHÚC THỌ CỤ SÀO NAM [1]

VÕ LIÊM SƠN [2]

Tiểu dẫn: Bài này tác giả làm giúp cho học sinh trường Quốc học Huế mừng thọ Phan Bội Châu nhân dịp Tết Đinh Mão – 1927.

Phan tiên sinh là người hào kiệt,
Mười năm xưa đọc hết thánh hiền.
Gặp cơn đất đổ trời nghiêng,
Lòng mẫn thế ưu thiên [3] chan chứa.

---

1. *Sào Nam:* là hiệu của Phan Bội Châu.

2. Võ Liêm Sơn (1888–1949) hiệu Ngạc Am, quê làng Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ Cử nhân khoa Nhâm Tý (1912), giỏi cả chữ Pháp. Làm tri huyện Duy Xuyên (Quảng Nam), rồi bị huyền chức. Ông dạy học, viết báo, làm văn... Tác phẩm đã in có: *Cô lâu mộng* – hai tập – soạn năm 1928, in năm 1934 (Nhà xuất bản Tân văn nghệ, Huế), *Bức thư của chị Liên Tâm* in chung trong *Văn học và đời sống* (Quan Hải tùng thư, Huế, 1934), *Ngắm non Hồng* (Do Ngô Đức Mậu sưu tập, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1957).

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông là Ủy viên Ủy ban Kháng chiến – Hành chính, kiêm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt Liên khu IV.

3. *Mẫn thế*: thương đời. *Ưu thiên*: lo trời. Sách *Tả truyện* kể có người nước Kỷ lo trời sập, ý nói tai họa chưa tới mà mình đã lo trước. Mẫn thế ưu thiên có nghĩa là lo lắng đến việc đời.

Nào những lúc câu thơ kiến chí,
Bút hào hùng nhã khí phong lôi [1].
Cũng có khi chén rượu mua vui,
Giương mắt trắng trông đời cười ha hả:
"Thà không trời đất, không chi cả,
Còn có giang sơn có lẽ nào!"
Tùy thân một chiếc đoản đao [2],
Đoái Hồng Lĩnh cao cao chín chín ngọn [3].
Biển Thái Bình ào ào sóng cuộn,
Nước non nhà giấc mộng vẫn tê mê.
Hai mươi năm khổ sở lưu ly,
Chí đồ Nam vẫn chờ khi gió tiện [4].
Dù gan sắt ai lay chẳng chuyển,
Nhưng nước đời lắm chuyện trêu ngươi.
Ở trong hoặc cũng có trời,
Thân già lại thảnh thơi nơi cố thổ [5].
Cóc còn được tắm mưa gội gió,
Tấm lòng thành hâm mộ biết bao!
Bằng nay Nam Hải xuân vào,
Vừng hồng nhật gác cao trên thượng uyển.
Cây núi Ngự bàn đào dâng tiến,
Nước sông Hương dốc chén quỳnh tương [6].
Ngàn năm chúc chữ thọ trường [7],
Thong dong nách gậy xem trường cạnh tranh.
Tiên sinh, sinh bất hư sinh [8].

Tân thế kỷ, Sài Gòn,
số 92, ngày 28–2–1927.

*

1. *Phong*: gió; *lôi*: sấm. *Khí phong lôi*: khí hùng mạnh.

2. Dao ngắn lưỡi.

3. *Núi Hồng Lĩnh:* thuộc Hà Tĩnh, giáp Nghệ An, gồm chín mươi chín ngọn. Xưa nay, Hồng Lĩnh cùng Lam Giang là sông núi tượng trưng cho xứ sở Nghệ Tĩnh.

4. Lo tính việc vượt qua bể Nam. Ở đây, ý nói chí vọng của Phan Bội Châu là cao rộng.

5. Đất nước cũ, tức là quê hương, xứ sở.

6. Thứ rượu ngon.

7. Sống lâu.

8. Câu chữ Hán, ý nói Phan sống không phải là vô ích.

CÔ LÂU MỘNG [1]

VÕ LIÊM SƠN

Trời không cùng!
Đất không cùng!
Núi người chồng chất,
Biển người mênh mông.
Ơ! Sao núi toan thành vực?!
Biển toan thành đồng?!
Tấn tuồng tranh cạnh xông mưa gió,
Giọt máu oan cừu đỏ núi sông!
Thôi thánh hiền,
Thôi tiên phật,
Thôi anh hùng,
Ngàn năm sự việc nước về đông.
Trời biết cho không?
Đất biết cho không?
Năm canh giọt lệ ố khăn hồng.
Nghe gà, vén màn kêu trời hỏi,
Vừng ngọt lòn song, lặng không nói. [2]

Ngắm Non Hồng – Nhà xuất bản
Hội Nhà văn, Hà Nội, 1957.

*

1. *Cô lâu mộng* là một cuốn tiểu thuyết viết năm 1928, xuất bản năm 1934. Bài thơ này trích trong cuốn sách đó.

2. *Vừng ngọt:* vừng nguyệt, tức vừng trăng.

NÚI NON NƯỚC [1]

BÙI HỮU YÊN

Nước non trải mấy bể dâu rồi,
Non vẫn trơ mà nước chẳng vơi.
Mát rượi sườn non, non rợp bóng,
Xanh trong đáy nước, nước in trời.
Non kề nước đứng, non thêm đẹp,
Nước vỗ non reo, nước tựa sôi.
Non nước như tô tranh thủy mặc,
Thiên nhiên nét bút đượm màu tươi.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 114, tháng 2–1927.

*

CÁI GHẺ [2]

X...

Khốn nạn mày ơi, tớ lạy mày!
Mày còn lẩn quất mãi chi đây?
Trước còn chui lẩn lần da mỏng,
Sau mới ăn sâu bắp thịt dày.

---

1. Non Nước là tên một hòn núi thuộc thị xã Ninh Bình.

Núi này ở trên bờ sông Vân Sàng, một phần nhô ra lòng sông, trông xa như hình con chim chả đang tắm, bởi thế, núi cũng có tên là Dục Thúy (chim trả tắm).

2. Đây là một lối nói bóng nói gió, dùng con cái ghẻ để chỉ bọn thực dân phong kiến đục khoét nhân dân.

Bài này rất được truyền tụng, do đó cũng có dị bản. Trong quyển *Thơ văn trào phúng Việt Nam,* của Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, in năm 1974 có bài này coi là truyền khẩu, không ghi xuất xứ và chỗ tên tác giả in là K.D (Khuyết danh), có lời chú thích thêm: "Đồn là của Phan Bội Châu. Theo đồng chí Phan Trọng Quảng thì tác giả lại là Cao Huy Khương (người xã Thịnh Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, sinh năm 1904 mất năm 1947, có tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, từng bị bắt năm 1931). Chưa có cách xác minh cụ thể, nên để là khuyết danh". Dưới đây là bản in trong sách đó (tr. 160).

Gần đây, trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam,* tập V (1920–1945), quyển I, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1987, lại coi tác giả bài này là bà Cao Ngọc Anh (1878–1972), và văn bản có ít nhiều thay đổi (tr.225).

Cái trắng đục lâu không kẻ biết,
Nước vàng rỉ mãi có ai hay!
Cái ghẻ mày ơi, tớ hỏi mày?
Cớ sao lẩn quất mãi chi đây?
Trước còn ăn hết tầng da mỏng.
Sau lại dùi thêm tấm thịt dầy.
Sâu trắng đục ngầm không kẻ biết,
Nước vàng chảy mãi có ai hay!
Nhân ngôn, máu chó chưa nhằm mặt,
Quyết tán diêm sinh để trị mày!
Cái ghẻ mày ơi, tớ bảo mày!
Sao mày quanh quẩn mãi chi đây?
Trước còn ăn loét từng da mỏng,
Sau lại dùi vô tấm thịt dầy.
Sâu trắng hại người không kẻ biết,
Nước vàng chảy mãi có ai hay.
Nhân ngôn, máu chó chưa nhằm mặt,
Phải tán diêm sinh để trị mày.

Bao phen thuốc đắng mà không dã
Sớm biết thì đâu đến nỗi này.

Báo *Tân thế kỷ*, Sài Gòn, số 5–1927.

*

SỐNG

NAM KỲ CUỒNG SĨ

Sống dại sanh (sinh) chi sống chật trời?
Sống xem Âu Mỹ hổ không ôi!
Sống làm nô lệ cho người khiến,
Sống chịu ngu si để chúng cười.
Sống tưởng công danh, không tưởng nước,
Sống lo phú quý, chẳng lo đời!
Sống mà trâu ngựa đừng nên sống.
Sống dại sanh (sinh) chi sống chật trời?

Đông Pháp thời báo, Sài Gòn,
số 16–9–1927.

*

LÊN ĐÀI THIÊN VĂN [1]

TRÚC KHÊ [2]

Lao lực quanh năm được một ngày,
Đài Thiên văn mới dạo lên đây.
Non sông bốn mặt mưa hòa gió,
Trời bể muôn trùng nước lẫn mây.
Tổ quốc dễ âu còn khí sắc,
Nam nhi chớ để thẹn râu mày.
Ngọn trào dồn dập bờ Đông Hải,
Như gọi bà con giấc mộng say.

1927

Hồn quê, Nhà in Kim Đức Giang,
Hà Nội, 1928.

*

VỘI VÀNG CHI LẮM

MINH DUỆ THỊ [3]

Vội vàng chi lắm nhạn lưng mây,
Chầm chậm cho mình giữ mối giây.
Về đến Thần Kinh khoan nghỉ đã, [4]
Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay [5].

---

1. Thời Pháp thuộc, ở Phù Liễn, thị xã Kiến An (nay thuộc thành phố Hải Phòng) có một đài khí tượng, lúc đó quen gọi là đài Thiên văn.

2. Tên thật là Ngô Văn Triện (1901–1947), người làng Thị Cấm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội). Khoảng 1928–1929, ông tham gia Việt Nam Quốc dân Đảng, có bị thực dân Pháp bắt giam một thời gian. Sau ông chuyên viết báo, dịch sách, viết truyện... Về thơ, từ năm 1928, ông có một số bài in xen trong các tập truyện và sau tập hợp lại in thành tập *Chợ chiều,* Nhà in Lê Cường, Hà Nội, 1942. (Tư liệu do trưởng nam tác giả ông Ngô Văn Trưng cung cấp).

3. Minh Duệ Thị là biệt hiệu của Nguyễn Trọng Trí (1912–1940), sau nổi tiếng với bút danh Hàn Mặc Tử. Bài trên trích trong *Tuyển tập Hàn Mặc Tử,* Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1987 do Chế Lan Viên tuyển chọn. Theo Chế Lan Viên thì đây là bài tác giả họa lại thơ của anh ruột là Mộng Châu, và khi ấy tác giả mới 15 tuổi, tức năm 1927.

4. *Thần Kinh:* chỉ thành phố Huế, khi đó là Kinh đô nước ta.

5. *Gia Hội:* một khu dân cư ở thành phố Huế.

Suốt năm canh mộng hồn mê mỏi,
Chỉ một lòng son muốn giãi bày.
Này nhạn! Ta còn quên chút nữa,
Con tim non nớt tặng nàng đây!

Tuyển tập Hàn Mặc Tử,
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 1987.

*

CÁI ĐIẾU SỨ

TRẦN DUY VÔN

Da rõ da ngà, ruột rõ que,
Đi đâu cũng guốc, cũng phu xe [1].
Uy rền như sấm kinh muôn dặm,
Miệng mở thành mây liệng bốn bề.
Chẳng nọ tiểu nhân đà choáng hoáng,
Đến như quân tử cũng tê mê.
Mặc dầu vận nước thay cùng đổi,
Lưng vẫn tròn xoay, bụng vẫn phè.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 125, tháng 1 – 1928.

*

CON CÁ VÀNG

NGUYỄN BÁ DIỄM

Thôi thôi tôi đã biết ông rồi,
Chỉ biết là ông bẩn bụng thôi.
Vàng bạc khoe mình ông nghĩ hợm,
Không trông non nước lúc đầy vơi!

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 128, tháng 4–1928.

---

1. *Guốc, xe:* điếu bát – cũng như điếu ống – dùng để hút thuốc lào, có cái *guốc* ở cuối nõ điếu, để tạo nên tiếng ròn rã, và có cái *xe* để hút làm bằng vòi tre, rễ trúc.

*

HỎI ÔNG LÃO ĐÁ Ở NÚI NON BỘ

DIÊN ANH

Ông ơi, lại tớ hỏi ông này,
Tớ hỏi ông ai dắt đến đây?
Bờ cõi nghìn xưa sao quạnh vắng
Cỏ cây ba tấc khéo thày lay?
Cá vờn gợn nước bèo tan hiệp (hợp)
Trăng ngậm đầu non bóng khuyết dày.
Tớ hỏi sao ông ngồi lặng lẽ?
Bể dâu không thấy cuộc vần xây (xoay).

Tiếng Dân, Huế, số 71,
ngày 18–4–1928.

BUỒN NGHE CUỐC KÊU

LÊ ĐỨC MẬU

I

Buồn chết lòng người biết mấy mươi!
Thôi đừng cuốc cuốc nữa, quyên ơi!
Hãy còn cứng cánh bay cao được,
Lên thẳng đường mây bẩm cụ giời.

II

Bẩm cụ dân ta khổ mấy đời,
Rằng sao cụ cứ quấy trêu người?
Mưa Âu gió Á, người bay nhảy,
Mình cứ loanh quanh đứng lại ngồi.

Tiếng dân, Huế, số 72,
ngày 21–4–1928.

VIỆT NAM DI ÁI SỬ CA

NGUYỄN THÚC KHIÊM

Tiểu dẫn: Trên *Nam phong tạp chí,* từ số 129 (tháng 5–1928) đến số 133 (tháng 9–1928) có đăng trọn tập thơ diễn ca lịch sử của Nguyễn Thúc Khiêm, nhan đề là *Việt Nam di ái sử ca.* Trong tập này, tác giả thuật lại sự nghiệp một số nhân vật lịch sử. Dưới đây xin trích hai bài: *Truyện bà Bát Nàn ở chùa Tiên La* và *Nguyễn Huệ phá quân Thanh.*

CHUYỆN BÀ BÁT NÀN Ở CHÙA TIÊN LA [1]

Kìa bà nữ tướng Bát Nàn,
Xông pha mười tám cửa ngàn cầm quân.
Vì chồng gặp khúc gian truân,
Mài gươm thề quyết trả hằn [2] cho xong.
Vầm thây xẻ xác cường hung,
Máu đào thấm bức khăn hồng như chan.
Đêm khuya, sao lặn, trăng tàn,
Lánh mình về mái tam quan ở chùa.
Bỗng đâu cát gió tuyệt mù,
Ầm ầm cửa Đáy, ù ù sông Nông [3].
Nước non mở mặt má hồng
Trâm thoa ruổi với tang bồng gian quan.
Theo Bà Trưng tới thượng ngàn,
Đuổi giặc Tô khỏi Nam Quan về Tàu [4].

---

1. Theo thần tích ở miếu thờ Bát Nàn tại xã Phượng Lâu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, thì Bát Nàn quê ở xã này, tên thật là nàng Thục. Chồng bà bị quân Tô Định bắt giam, rồi giết hại. Bà cũng bị giam cầm. Đang đêm, bà dùng dao giết quân canh và tên quan gian ác, rồi trốn đến trú ngụ tại chùa Tiên La, nay thuộc huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình.

Khi được tin Hai Bà Trưng khởi nghĩa, bà liền tìm đến Hát Môn gia nhập nghĩa quân. Dẹp xong Tô Định, bà được Trưng Vương phong làm Bát Nàn Đại tướng quân.

Lúc Mã Viện kéo quân sang xâm lược, bà chỉ huy kháng chiến ở vùng Nam Định, Thái Bình và đã hi sinh ngay trên đất Tiên La quen thuộc. Nay ở làng này cũng có đền thờ bà.

2. *Hằn:* mối thù.

3. *Sông Nông:* còn có tên là sông Ngọc Cầu, ở về phía Bắc huyện Duyên Hà (nay là huyện Hưng Hà) tỉnh Thái Bình.

4. *Giặc Tô:* Tô Định, Thái thú quận Giao Chỉ.

Bà là nữ tướng đứng đầu,
Co chân đạp đổ thành sầu như chơi[1].
Làm nên lở đất long trời,
Giặc Tô chốc đã tơi bời chạy xiêu.
Sáu mươi thành lũy quân reo,
Như luồng gió thét hạc kêu lẫy lừng.
Nước non gây dựng triều Trưng,
Một bà trải mấy bể rừng xông pha.
Từ khi Hán khiến Phục Ba[2],
Kìa là Lãng Bạc nọ là Cấm Khê[3].
Chập chờn bến nước ngàn huê,
Rừng sâu nghẽn hiểm chống che với Tàu.
Má son sánh mặt công hầu,
Cành trâm chọi với cung dâu cỏ bồng.
Nước non đua sức vẫy vùng,
Cõi Nam chưa dễ cột đồng[4] *dựng nên.*
Mưa cơn gió trận từng phen,
Biết bao giặc Mã xác chen máu lòe.
Ra vào dày dạn sơn khê,
Dặm nghìn da ngựa[5] *cũng ghê má hồng.*

*

---

1. *Thành sầu:* tục ngữ có câu: "Thành sầu bể khổ".

2. *Phục Ba:* tên hiệu của Mã Viện, một viên tướng được vua Hán cử làm chỉ huy đạo quân xâm lược nước ta chống Hai Bà Trưng vào năm 43 sau C.N.

3. *Lãng Bạc:* tên một dải đất nay ở vùng huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh, là nơi diễn ra trận chiến đấu quyết liệt giữa Hai Bà Trưng và Mã Viện. Lâu nay có nhiều người lầm tưởng Lãng Bạc là Hồ Tây ở Hà Nội.

Cấm Khê: nơi diễn ra trận chiến đấu cuối cùng của Hai Bà Trưng chống Mã Viện. Hai Bà đã hi sinh trong trận này. Về vị trí Cấm Khê, hiện nay ý kiến chưa thống nhất. Có thuyết cho Cấm Khê tức là Cẩm Khê, nay là xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh úc (*Địa chí tỉnh Vĩnh Phú* – Ty Văn hóa Vĩnh Phú – 1974). Có thuyết lại cho Cấm Khê chính là xóm Trại Vàng thuộc xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây (*Danh nhân quê hương* – Ty Văn hóa Hà Tây – 1974). Có thuyết lại cho Cấm Khê, tức là Kim Khê, tức Suối Vàng, thuộc vùng chân núi Ba Vì, huyện Ba Vì, Hà Tây. (*Đinh Văn Nhật*).

4. *Cột đồng:* tương truyền là sau khi đặt xong ách đô hộ trên nước ta, tên tướng Mã Viện có dựng một cột đồng để ghi công, và đồng thời làm địa giới.

5. *Dặm nghìn da ngựa:* Mã Viện là viên tướng đã từng đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa của các dân tộc bị lệ thuộc nhà Hán, từng nói: "Người con trai nên chết ở nơi biên cương, lấy da ngựa bọc thây". Câu nói đó, thực chất là kích động thanh niên Hán đương thời đi xâm lược những xứ sở xung quanh đất Hán.

NGUYỄN HUỆ PHÁ QUÂN THANH

Vua Lê Chiêu Thống xa vời,
Vì nghe Cống Chỉnh sang mời nhà Thanh.
Gà nhà cõng rắn cắn quanh,
Thanh Tôn Sĩ Nghị đề binh tiến vào.
Phú Xuân nghe chạnh lòng đào,
Lá cờ thẳng trỏ, thanh đao liếc mài.
Quang Trung chính vị con trời [1],
Ba quân muôn dặm thành dài ruổi sao [2].
Một làn bể rộng non cao,
Xa xa cõi Bắc ào ào gió đông.
Quanh co mấy khúc sông Hồng,
Quân Thanh mười vạn ngăn dòng trương thây.
Lẫy lừng cuốn gió tuôn mây,
Bụi mù khét đất cỏ cây rộn trời [3].
Bắc quan xa mấy dặm dài,
Bóng người không thấy tăm hơi một nhà [4].
Lá tờ ruổi tới Trung Hoa [5],
Dạm nàng công chúa mày nga [6] *xem tình* [7].
Trở về chứa thóc rèn binh,
Rắp đòi Lưỡng Quảng hai thành ngày xưa.
Chúa tàu lo sợ vẩn vơ,
Cạo ngôi gióc tóc đánh lừa vua Chiêu [8].

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
từ số 129, tháng 5–1928 đến số 133, tháng 9–1928.

---

1. *Con trời:* do chữ "Thiên tử" chỉ ngôi vua. Cả câu: Nguyễn Huệ lên làm vua, hiệu là Quang Trung.

2. *Ruổi sao:* do chữ "tinh trì", ý nói đi nhanh như sao băng.

3. Chú thích của tác giả: "Hai câu này tả quân đi nhanh và rộn rịp".

4. Chú thích của tác giả: "Câu này tả dân Tàu trốn chạy".

5. *Lá tờ:* thư từ qua lại giữa hai nước.

6. Vua Quang Trung có phái sứ bộ Vũ Văn Dũng sang nhà Thanh cầu hôn và xin đất Lưỡng Quảng làm của hồi môn.

Mày nga là dịch chữ *nga mi,* nghĩa là lông mày (đẹp) như lông mày con ngài. Do đó *mày nga, mày ngài, nga mi* được dùng để chỉ người con gái đẹp.

7. *Xem tình:* xem xét tình hình: có nghĩa việc cầu hôn "dạm nàng công chúa" con gái vua Thanh Càn Long chỉ là dịp để Quang Trung phái Vũ Văn Dũng sang quan sát thực địa và nắm cụ thể tình hình nhà Thanh.

8. Ý này chỉ việc: để lấy lòng vua Quang Trung, vua Càn Long đã bắt Lê Chiêu Thống và những người đi theo y phải cạo đầu dóc tóc theo kiểu Mãn Thanh.

VIẾNG MẢ BẠN

TRẦN HỌC HẢI

Nấm đất xanh xanh cỏ mọc đầy,
Dầu sương dãi nắng khéo nằm đây.
Suối vàng hỏi bác cười hay khóc?
Trần thế thương người ngủ lại say!
Non nước ngả nghiêng làn sóng bổ,
Gió mây thay đổi quả cầu xoay.
Nhìn quanh phong cảnh đôi hàng lệ,
Bốn biển đồng tâm ấy những ai?

Tiếng dân, Huế,
số 79, ngày 16–5–1928.

*

ĐÁNH THỨC NGƯỜI NGỦ TRƯA

ĐẶNG ĐÌNH ĐIỂN

Tỉnh dậy mau đi ngủ mãi à?
Vầng đông đã thấy rạng dần ra.
Tiếng chuông khua sớm lừng trong nước,
Hồi trống tan canh giục mọi nhà.
Người đã ganh đua trăm thức việc,
Giấc sao mê mẩn một mình ta.
Nào ai muốn được to quyền lợi,
Mở mắt trông ra kẻo nữa mà...

Tiếng dân, Huế,
số 80, ngày 19–5–1928.

*

ĐỌC BÁO

(Tặng báo Tiếng dân)

NGUYỄN DỤC TỘ

Hai mươi lăm triệu, chúng ta ơi!
Này, Tiếng dân ta đã có rồi.
Tiếng gọi nhân quyền vang bốn phía,
Tiếng kêu bình đẳng khắp ba nơi.
Tiếng kinh cầu nguyện chiêu hồn nước,
Tiếng khóc than van khổ sự đời.
Nước đã có dân, dân có tiếng,
Đồng thanh kêu động chín phương trời.

Tiếng dân, Huế,
số 81, ngày 23–5–1928.

*

QUA SÔNG BẠCH ĐẰNG CẢM TÁC

TRẦN PHỤNG LÃM

I

Bát ngát chiều thu xẩy nhớ chừng,
Một chèo non nước nhẹ lưng lưng (lâng lâng).
Bốn ngàn năm cũ trời Nam Việt,
Một giải sông sâu đất Bạch Đằng.
Thấp thoáng quân reo làn nước chảy,
Ầm ỳ trống giục ngọn triều dưng (dâng).
Giữa dòng ngỏ lái nào ai tá?
Dấu cột Trần vương sóng dập dừng.

II

Dấu cột Trần vương sóng dập dừng,
Tăm Hồ bóng Thát [1] *phẳng phăng phăng!*
Trăng lồng ba thước gươm như ý,
Sấm tạnh nghìn thu giận bất bằng.
Công nghiệp văn chương đền Vạn Kiếp,
Sơn hà xã tắc cuộc trùng hưng.
Anh hùng đâu đấy, giang sơn đó!
Hỏi khách qua đò ai biết chăng?

III

Hỏi khách qua đò ai biết chăng?
Bể trần xảy gặp lúc lăng băng.
Cỏ cây nước cũ hồn chưa tỉnh,
Sấm gió oai xưa sống có lần.
Cột đá trăm năm thề với nước,
Lòng son một mảnh rọi cùng giăng.
Giang sơn còn đó anh hùng vắng!
Bát ngát chiều thu luống nhớ chừng.

Tiếng dân, Huế,
số 81, ngày 23–5–1928.

*

---

1. *Tăm Hồ bóng Thát:* chỉ bọn xâm lược Nguyên – Mông. Cả câu: nói giặc Nguyên – Mông đã bị đánh tan trên sông Bạch Đằng.

ĐI CHƠI NON NƯỚC (NGŨ HÀNH SƠN) [1]

CHÂU DÂN

I

ĐI THUYỀN TỪ SÔNG HÀN VÀO NON NƯỚC

Một chèo phong nguyệt chiếc thuyền con,
Mượn cảnh Hành Sơn tả chút buồn.
Mây trắng phất phơ in đáy nước,
Bóng vàng bảng lảng rọi sườn non.
Thanh gươm Khâm mạng hồn vơ vẩn,
Khúc hát Đình Hoa giọng véo von!
Chớp mắt đào nguyên đà đến bến,
Hoa cười chim hót tiếng chuông bon (boong).

II

VỌNG HẢI ĐÀI [2]

Lâu đài Vọng Hải ngó xinh xinh,
Dưới nước trên non giữa một mình.
Đất bắc xa xui (xôi) thương chiếc nhạn,
Bể đông rộn rịp dậy trăm kình.
Đông tây bóng nguyệt soi bia cổ,
Qua lại chùm mây phủ đá xanh.
Tiếng cuốc kêu sầu thêm xót ruột,
Nước non còn vướng nợ ba sinh.

---

1. Núi Non Nước hay núi Ngũ Hành ở xã Hóa Khuê đông, thuộc tỉnh Quảng Nam. Có sáu ngọn núi đá nổi lên ở giữa vùng cát trắng, phía Tây có sông chảy qua, phía Đông Bắc là bể. Nhân vị trí đó của núi, người ta gọi là "hòn Non Nước".

Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), có sắc ban tên cho sáu ngọn núi đó là: Thủy Sơn (tức núi Tam Thai cũ), Mộc Sơn, Dương Hỏa Sơn và Âm Hỏa Sơn (ở phía Tây Nam), Thổ Sơn và Kim Sơn (ở phía Tây). Vì Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là Ngũ Hành, nên núi gọi là Ngũ Hành sơn.

2. *Vọng Hải đài*: tên một đài ở phía đông núi Ngũ Hành (có nghĩa đài trông ra biển).

III
ĐỘNG TÀNG CHƠN (CHÂN) [1]

Quanh co đường đá bước thang mây,
Này động Tàng Chơn có phải đây?
Nước đổ non mòn thần trọn mắt,
Người chìm bể khổ phật khoanh tay.
Mõ chiều lốc cốc sư cầu nguyện,
Chuông sớm loong boong vãi cúng chay.
Ướm hỏi tiên ông đâu vắng tá?
Bàn cờ thế trụ với ai vầy?

IV
ĐỘNG HUYỀN KHÔNG [2]

Đến động Huyền Không hỏi chủ nhơn (nhân),
Chủ nhơn đâu vắng? Đá chon von!
Mang gươm, tượng đó linh không nhỉ?
Nét bút, thi kia chữ đá mòn.
Mấy cuộc hưng vong trời đất nhỏ,
Ngàn thu mưa gió nước non còn.
Vá giời sẵn đá ai nung nhỉ?
Thôi mượn ba chung giập khối hòn!

V
ĐI VỀ

Ôm lòng tạm biệt chốn thiên thai,
Cảnh đấy người đây vấn vít hoài.
Bảy thước ngang tàng giời đất hẹp,
Nghìn thu tâm sự nước non dài.
Chuyện đời dâu bể đà ra thế,
Cửa phật từ bi khéo đợi ai!

---

1. *Động Tàng Chân:* tên một động trong núi Tam Thai (tức Thủy Sơn).
2. *Động Huyền Không:* tên một động ở trong núi Tam Thai.

Hỏi khách đào nguyên đâu chẳng thấy?
Ôm lòng tạm biệt chốn thiên thai.

Tiếng dân, Huế, số 83,
ngày 30–5–1928.

*

NGHE CUỐC KÊU

PHẠM THẤU

Một mình ngồi dưới bóng trăng mờ,
Tiếng cuốc xa nghe dạ ngẩn ngơ.
Ấy kiếp Đỗ quyên [1] đà mấy thuở,
Mà hồn Thục đế [2] tự bao giờ.
Kêu sương giọng đã nên ròng rã,
Nhớ nước lòng còn vẫn tưởng mơ.
Nghĩ đến sự đời thêm đứt ruột,
Tình riêng riêng hỏi khách giang hồ.

Nam phong tạp chí, Hà Nội
số 130, tháng 6–1928.

QUA VĂN MIẾU HÀ NỘI CẢM HOÀI

PHẠM THẤU

Nghìn năm văn vật đất Thăng Long,
Miếu cũ qua đây luống chạnh lòng.
Mưa gió đã trơ nền đạo nghĩa,
Bể dâu thêm dạn vẻ non sông.
Cái thềm phong hóa xanh rêu biếc,
Mà nóc cương thường đỏ bụi hồng.

1, 2. *Đỗ quyên, Thục đế:* xem chú thích bài *Khuê phụ thán* của Thượng Tân Thị.

Cây cỏ dãi dầu cùng tuế nguyệt,
Khiến người xe ngựa ngẩn ngơ trông.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 130, tháng 6–1928.

*

ĐỌC SỬ CẢM HOÀI

L.T.L.

Bốn ngàn năm lẻ nước non chung,
Một giống thần minh đất Á đông.
Gió sấm đuổi xa quân Bắc khấu, [1]
Cõi bờ mở rộng đất Nam Trung [2].
Lưỡi gươm Hưng Đạo sông Đằng trắng,
Ngọn giáo Quang Trung nước Nhĩ hồng.
Đọc sử kìa ai xin tạc dạ,
Ngàn thu rực rỡ tiếng cha ông.

Tiếng dân, Huế, số 84,
ngày 2–6–1928.

MẸ KHUYÊN CON

THỌ TÂM TRƯỜNG

Sung sướng bấy con đông của lắm,
Vui vẻ thay mặc ấm, ăn no.
Bạc đầy tủ, lúa đầy kho,
Ruộng nương bề bộn, trâu bò ngổn ngang.
Từng mấy độ dầm sương dãi nắng,
Trải bao phen ngậm đắng nuốt cay.

---

1. *Bắc khấu:* giặc phương Bắc.
2. *Nam Trung:* đất Trung Bộ và Nam Bộ.

Nhớ xưa chí cả, công dày,
Giang san gây dựng thế này cho con.
Ngỡ con lớn, con khôn, con mạnh,
Giữ lấy mà tranh cạnh với đời.
Nhưng bay chỉ có hình người,
Xác thời to đẹp, hồn thời u mê.
Bay có đứa say mê cờ bạc,
Tạo khế tờ cắt đất bán lần.
Đói văn vụng, túng làm càn,
Sanh (sinh) ra trộm cướp xóm làng chẳng yên.
Bay có đứa lại nghiền (nghiện) nha phiến,
Ngày như đêm quyến luyến điếu đèn.
Trong nhà cha ốm, mẹ rên,
Ngoài trời núi ngả non nghiêng biết gì!
Bay có đứa say mê đĩ thõa,
Mang bệnh về khổ vợ, khổ con.
Sanh con chết bệnh chết non,
Giống nòi ngày một hao mòn không lo.
Bay có đứa đắm trò dâu Bộc [1]*,*
Thấy sắc thời sục sục sóng tình.
Dỗ vợ bạn, hiếp gái lành,
Thương luân bại lý, ô danh râu mày.
Bay có đứa suốt ngày chơi diện,
Học nửa chừng làm biếng bỏ ngang.
Chơi cho thích, diện cho sang,
Khói ngu trong óc phá tan được nào!
Bay có đứa tiêu phào uổng bạc,
Bắt chước mua máy hát ỏm tai.
Nhựt (nhật) trình [2]*, tạp chí mặc ai,*
Không nghe, không đọc cho hay việc đời.
Bay có đứa tham mồi phú quý,
Sự nghiệp to là kế vinh thân.
Mần thời đục, bở thời ăn,
Dầu mà mọt nước, sâu dân kể gì.

---

1. *Dâu Bộc:* bởi chữ Hán *tang trung Bộc thượng* (trong bãi dâu trên bờ sông Bộc). Xưa nước Vệ (Trung Quốc), con trai con gái rủ nhau vào trong bãi dâu trên sông Bộc để tự tình, làm chuyện dâm ô. Ở đây, dùng theo nghĩa: mê gái.

2. *Nhật trình:* tiếng cũ chỉ nhật báo, tức tờ báo hàng ngày.

Bay có đứa hay nghề nịnh hót,
Ai có quyền nay chuốt, mai tô.
Hiếp người sức yếu, thế cô,
Làm chi ruột thịt giày vò lẫn nhau.
Bay có đứa rình sau, chịu trước,
Giả hô hào thọc nước xoi hang.
Rừng người lưới bủa dây dăng,
Làm chi nòi giống xỉa hang té hầm.
Bay có đứa dở câm dở điếc,
Đánh mặt lì, sống chất thây ai.
Khoanh tay ỷ lại người ngoài,
Làm chi tượng gỗ cứ ngồi trơ trơ.
Sống như thế sống nhơ sống nhuốc,
Sống làm chi phí uổng cái đời.
Sống càng thêm hại cho người,
Sống càng bêu xấu đến đời mai sau.
Nghĩ tâm sự dòng châu lã chã,
Trông gia đình tấc dạ băn khoăn.
Đau lòng nên phải hé răng,
Khuyên con nghĩ lại tu thân kẻo mà.
Giang san ấy cửa nhà ta đó,
Có ngày xưa mới có ngày nay.
Đắp bồi tô điểm sao đây,
Cho cam công trước, cho dày phước sau.

Tiếng dân, Huế, số 87–88,
ngày 14–16, tháng 6–1928.

HỎI TRĂNG

V.Đ.

I

Trăng ơi, trăng có biết hay chăng?
Non nước cùng ai sẽ nói năng?
Hồn quế [1] chi riêng thân chú Cuội?
Lòng gương sao lẻ bóng cô Hằng?
Bao giờ chung cả kho vô tận?
Mấy lúc soi thâu bể bất bằng?
Hóa khuyết nên tròn e cũng dễ,
Cớ chi trăng cũ, cũ hoài trăng?

II

Trăng ơi, trăng hỡi biểu (bảo) cho hay!
Vò võ canh khuya nông nỗi này.
Nếu đã gương trong không dính bụi,
Lẽ nào đông lại mọc về tây?
Lòng Hằng há nhẽ riêng vì thỏ! [2]
Sức Cuội bao giờ đánh đổ mây!
Những ước tròn thời tròn chẳng khuyết,
Khuôn vàng lò sắt cậy ai đây?

Tiếng dân, Huế, số 89,
ngày 20–6–1928.

1. *Hồn quế:* theo một điển tích cũ, trên cung trăng có cây quế, do đó, *cung quế* chỉ cung trăng và *hồn quế* chỉ tâm hồn mơ tưởng cung trăng.

2. *Thỏ:* theo một điển tích, trên cung trăng có con thỏ đang giã thuốc tiên. Do đó, thỏ được dùng để chỉ mặt trăng.

CHIM LỒNG CÁ CHẬU

LIÊM TUYỀN

Bài này ghi là "Liêm Tuyền sao lục", không rõ sao lục của tác giả nào, ở văn bản nào, hay chỉ là một cách che đậy để tránh liên lụy cho chính mình là người làm ra.

Chim thời quen núi, cá quen sông,
Lúng túng vì chưng chậu với lồng.
Không cánh không vi (vây) trong nước đứng,
Khó bay khó nhảy giữa trời không.
Trông chừng bể (biển) Bắc dương vi (vây) ngọc,
Đợi thuở trời Nam chớp cánh hồng.
Lồng chậu một mai dầu thoát khỏi,
Chim thì nên phụng (phượng) cá nên rồng.

Tiếng dân, Huế, số 90,
ngày 23–6–1928.

*

NƯỚC NON HỎI TRỜI XANH

HOÀNG TÂN DÂN

Ông xanh sao khéo đa đoan,
Bày chi những thói nhố nhăng trêu đời?
Nước kia ai tát mà vơi?
Non kia ai bới ai dời đi đâu?
Ông xanh sao khéo cơ cầu,
Nước non gấm vóc nhuộm màu tang thương!
Rầu rầu hoa Ngự, trăng Hương [1],
Dạn dày bóng nguyệt, chán chường mặt hoa.
Ông xanh sao khéo phôi pha,
Nước non còn có đâu là nước non?
Vì ai bể vực dâu cồn,
Trăm năm sự nghiệp héo hon can tràng?

---

1. *Hoa Ngự, trăng Hương:* hoa mọc trên núi Ngự, ánh trăng trên sông Hương, là hai cảnh đẹp ở Huế.

Ông xanh sao khéo bất lương,
Vô tình chi mấy, phụ (phũ) phàng là bao!
Cảnh trời nước thẳm non cao,
Ngày nào rực rỡ, ngày nào tả tơi?
Ông xanh sao khéo trêu ngươi,
Thói đời sâu sắc, dạ người bạc đen!
Nước non thất đảo bát điên,
Nào người một hội một thuyền biết chăng?
Ông xanh sao khéo bất bằng,
Hỏi ông sao chẳng nói năng sự gì?
Biết cho tâm sự phô bày,
Nước non tính được bao ngày thảnh thơi?
Ông xanh thật khéo bất tài!

Tiếng dân, Huế, số 92,
ngày 30–6–1928.

*

VỊNH ỨC TRAI [1]

NGUYỄN HI CHU

Công thần khai quốc nhất triều Lê,
Huân nghiệp văn chương mấy kẻ bì!
Một dạ những thương dân Việt khổ,
Mười năm đuổi được giặc Minh về.
Trả xong quân phụ thù to tát [2]*,*
Chi quản giang sơn gánh nặng nề.
Cúi đọc bài Bình Ngô đại cáo,
Ngàn năm tâm sự sáng sao Khuê [3]*.*

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 131, tháng 7–1928.

*

---

1. Ức Trai là hiệu của Nguyễn Trãi (1380–1442), vị anh hùng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

2. *Quân phụ thù:* mối thù của vua và của cha; vì quân Minh đã cướp nước, lại bắt giam Nguyễn Phi Khanh là cha của Nguyễn Trãi, cho nên Nguyễn Trãi coi như có mối thù nước (ngày trước coi vua là đại diện của nước) và thù nhà đối với quân Minh.

3. Lê Thánh Tông (1442–1497) trong bài thơ *Minh lương* (Vua sáng tôi hiền) có nhắc tới Nguyễn Trãi:

Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo nghĩa là: Ức Trai lòng rạng rỡ như ánh sáng sao Khuê.

ĐI CHƠI NÚI NGŨ HÀNH SƠN

(Bốn bài)

TRÚC ĐÌNH

LÚC ĐI

Nuốt mật nằm chông trải thế gian,
Tiêu sầu mượn thú Ngũ Hành san (sơn),
Đá xanh chưa vá tròn trời Việt,
Sóng bạc còn kêu vỡ bể Hàn [1].
Đón khách nghìn cây xa mở mặt,
Chờ ai quả núi đứng bền gan.
Hỏi thăm trương chủ đâu đâu tá, [2]
Năm ngọn cao cao đá một làn.

LÊN NÚI

I

Một làn đá nấm lẫn cây hoa,
Thắng cảnh khen ai khéo giục ta.
Tượng đứng chùa ngồi trên mặt nước,
Voi quỳ hổ phục dưới chân ta.
Tấm bia Vọng Hải trơ mưa nắng,
Cửa động Huyền Không lữa trẻ già.
Một mối nhàn tình khôn xiết tả!
Bầu trời thăm thẳm, nước bao la!

II

Bao la bể nước, lớn giời mây!
Hăm mấy năm trời mới đến đây.
Đá chọi tuyết sương gan đã cứng,
Tượng luồn mưa nắng mặt thêm ngây.

---

1. *Cửa Hàn:* cửa bể Đà Nẵng.
2. *Trương:* chủ quản, chủ trương.

Muốn gào kim cổ e trời động,
Toan hỏi tang thương sợ đất dày.
Thơ thẩn một mình non với nước,
Bóng chiều bảng lảng đã chìm tây.

ĐI VỀ GẶP MƯA

Từ biệt non thiêng trở gót hài,
Có ta, có bạn, có ai ai?
Mảng vui cạn rót bầu phong nguyệt,
Đối cảnh thương thay chữ sắc tài.
Hồn kiếm tam trung reo bốn mặt,
Gánh hờn thiên cổ nặng hai vai.
Trong thuyền chưa hết câu tâm sự,
Gió gió mưa mưa rộn mái ngoài.

Tiếng dân, Huế, số 93,
ngày 4–7–1928.

*

CẢM HOÀI

HỒ MÃ

Những là rầy gió với mai mưa,
Trải mấy thu đông đến mãi giờ.
Non nước chau mày đau dạ quốc,
Cỏ hoa ủ mặt động lòng tơ.
Bước đường cố quận chân cao thấp,
Cuộc mộng thanh niên giấc tỉnh mơ.
Ngòi bút hỏi ai tay điểm xuyết,
Cùng nhau xóa bỏ nét tiêu sơ [1].

Tiếng dân, Huế, số 94,
ngày 7–7–1928.

---

1. *Tiêu sơ:* sơ sài.

GIANG HỒ

LÊ PHÚC TRÌNH

Bốn phương hồ thỉ tang bồng,
Chiếc thân hồ hải vẫy vùng năm châu.
Đường đường một đấng mày râu,
Dọc ngang trời bể trên đầu là ai?
Khí thiêng un đúc anh tài,
Non sông một gánh, hai vai nặng nề.
Mùi đời mặt xám lưỡi tê,
Tấm lòng son sắt nguyện thề cỏ cây!
Giang hồ quẩy gánh từ đây,
Cảnh trời bể nước non mây với mình!
Nước non non nước chung tình,
Nước non hờ hững hổ sinh làm người!
Ngán thay cho tấn trò đời,
Tâm xà khẩu phật [1] *giết người bao phen.*
Tự do ngày tháng là tiên,
Sá chi danh lợi đua chen bận lòng.
Ấy ai nhô nhốc trong vòng,
Chiếc thân cương tỏa [2] *đau lòng hay chăng?*
Cùng nhau gỡ mối bất bằng.

Tiếng dân, Huế, số 94,
ngày 7–7–1928.

*

ĐI THUYỀN CỬU LONG GẶP BÃO

VƯƠNG TRỌNG BÌNH

Cửu giang một chiếc thuyền bồng,
Rắp ranh những muốn vẫy vùng Nam dương.
Nào hay ngộ biến bất thường,
Cuồng phong nổi dậy một phương bên trời.

---

1. *Tâm xà khẩu phật:* lòng thì hiểm độc như rắn, miệng thì nói từ bi như Phật.
2. *Cương tỏa:* riềng lưới và khóa. Ý nói trói buộc, không được tự do.

Sông sâu sóng cả mù khơi,
Đỉnh chung chưa dễ ăn ngồi cho an.
Ngâm câu "thế lộ vô nan", [1]
"Tự kiên" đâu dám lỏng buông tay chèo. [2]
Cho hay bon ngựa lưng đèo,
Bẩy thuyền ngược nước cũng nhiều gian nguy.
Gặp cơn non nước lưu ly,
Ba đào thôi có xá gì mảy may.
Rẽ mây cưỡi sóng thuyền bay,
Sông kia có khúc, người nay có thời.
Hết bĩ cực đến thái lai, [3]
Trời thảm đạm đã nên trời thanh quang.
Chữ rằng "tùng bách tuế hàn" [4].

Tiếng dân, Huế, số 96,
ngày 18–7–1928.

*

CON NỘM GIẤY

BẦN SĨ

Ai khéo bày chi cái giống người,
Cũng mày cũng mặt cũng xinh tươi.
Mình bằng cốt gỗ, hình bằng giấy,
Nói chẳng ra lời, mắt chẳng ngươi.
Đây đó người lôi không cãi lẫy,
Thiệt hơn chủ bảo chẳng thưa cười,
Cúng rồi thầy đút cho mồi lửa,
Thôi thế là xong một kiếp người.

Tiếng dân, Huế, số 97
ngày 21–7–1928.

*

---

1. *Thế lộ vô nan:* trên đường đời, không phải là không có khó khăn.
2. *Tự kiên:* tự mình giữ bền ý chí.
3. *Hết bĩ cực đến thái lai:* khi thời kỳ bế tắc đã đến cùng cực thì sẽ đến thời kỳ hanh thông. Ý nói cuộc đời biến chuyển luôn luôn.
4. *Tùng bách tuế hàn:* cây tùng cây bách gặp năm giá lạnh vẫn giữ được vẻ xanh tươi. Ý nói giữ vững được ý chí, cương nghị không ngã lòng.

TRÔNG NON NƯỚC

CHÁNH TÂM

Trông ra non nước mấy nghìn trùng,
Ngắm lại mày râu luống thẹn thùng!
Bùn chứa lòng sông sâu mấy lớp?
Mây che mặt núi ước bao từng?
Cỏ cây thưa thớt nhan rầu rĩ,
Bờ cõi quanh co lối lạnh lùng.
Trời đất ấy mà non nước ấy!
Bốn phương lừng lẫy giống Tiên Long.

Tiếng dân, Huế, số 98,
ngày 25–7–1928.

*

MẮNG TÊN BÁN NƯỚC

HIÊU HIÊU DU TỬ

Mày sao múc nước bán cho ai?
Trời đã không mưa cứ múc hoài.
Khô cổ người chưa van khát ráo [1]*,*
Kề môi mày đã vội khuyên mời.
Cùng ngày được mấy đồng tiền kẽm,
Trọn kiếp riêng mang tiếng bạc đời.
Bán mãi một mai sông biển hết,
Vì mày chết khát biết bao người.

Tiếng dân, Huế, số 98,
ngày 25–7–1928.

*

1. *Van:* kêu.

KHÔNG ĐỀ

HIÊU HIÊU DU TỬ

Phong cảnh lên cao ngó hữu tình!
Bao la nước biếc lẫn non xanh.
Mênh mông mặt bể làn mây trắng,
Thấp thoáng sườn non ngọn gió thanh.
Dòng nước quanh co xa ngút ngút,
Cánh đồng bát ngát rộng thênh thênh.
Non sông gấm vóc trời muôn dặm,
Nước cổ, người đâu khéo vắng tanh?

Tiếng dân, Huế, số 98,
ngày 25–7–1928.

*

LỜI NGƯỜI THIẾU NỮ TÁT NƯỚC ĐÊM

MINH THỦY

Ai ơi! Ta nhủ đôi lời,
Nước non ai tát, kiếp đời ai hay?
Biết chăng mong ước thân này,
Ruộng khô, mạ héo biết ngày nào không?
Đêm khuya thân gái quãng đồng,
Canh tàn giục giã tấm lòng nao nao!
Thôi thôi đứng dậy xem nào!
Giương gầu ta tát nước vào ruộng ta.
Chị Hằng khuất nẻo xa xa,
Cung thiềm xin nhắn ai là tri âm.
Bâng khuâng nghe dậy tiếng cầm,
Tiếng cầm vong quốc âm thầm lệ rơi!
Than ôi! Cũng kiếp con người,
Đào tơ liễu yếu thẹn lời non sông.
Những mong gặp được anh hùng,

Bõ công mơ tưởng bóng tùng mấy lâu.
Bõ công nắng giãi mưa rầu,
Bõ công nuốt tủi ngậm sầu vì ai.
Lạnh lùng gầu nước đầy vơi,
Nước rơi thánh thót nhớ người năm xưa.
Xót ai vun cõi, mở bờ,
Cày sâu cuốc bẫm bây giờ là ai?
Riêng ai ở chốn tuyên đài,
Thấy ai bỏ giống, bán nòi thêm đau!
Để chi sông tủi, non sầu!
Làm chi giọt lệ canh thâu ngắn dài!
Thương ai thui thủi phương trời,
Gập ghềnh mang lấy nợ đời khăng khăng.
Vừng đông gà đã gáy xăng,
Nước lên đầy ruộng, lúa giăng xanh đồng.
Tốt tươi mầm Lạc, chồi Hồng.

Tiếng dân, Huế, số 148,
ngày 19–1–1929.

*

NGƯỜI GIEO GIỐNG

HÀ HÁN TỬ

Thương người nên phải nhọc chân tay,
Nước mắt mồ hôi trộn tháng ngày.
Hạt ngọc gieo ra, nào có dễ,
Giống vàng giữ đặng, ấy là hay.
Lúa mong tốt mãi trời mong thuận,
Cỏ phải bừa đi, đất phải cày.
Cơm trắng ngồi xơi ai có biết,
Công lao trăm đắng lại ngàn cay?

Tiếng dân, Huế, số 149,
ngày 23–1–1929.

MỜI XUÂN

T.Q.V.

Máy tạo hóa xoay vần mãi mãi,
Hầu hết đông lại đổi sang xuân,
Đâu đâu nao nức xa gần,
Nêu cao nghinh phúc, pháo rân trừ tà.
Mừng năm mới, nước nhà cũng mới,
Sắp đến kỳ phong hội mở mang.
Rõ ràng thay vẻ thiều quang,
Gốc Hồng mầm nở, cội Bàng chồi sinh.
Gặp thời tiết đua tranh phơi phới,
Ngày ngày thêm tấn tới ùn ùn.
Vẻ vang mở mặt nước non,
Kia thành thị, nọ hương thôn đều đều.
Khắp bờ cõi trăm chiều chỉnh đốn,
Rầm trời xuân chốn chốn xôn xao.
Cỏ hoa muôn thức đẹp sao!
Cảnh thời xui khiến cơ mầu muốn như...
Thấy xuân sắc càng ưa càng ngắm,
Hỏi mùi đời còn thắm hay phai.
Thưởng xuân đắc ý là ai?
Thơ ngâm thích chí rượu xơi hứng tình.
Cờ đánh cuộc rành rành được nước,
Đàn dạo cung xướng trước họa sau.
Tưng bừng rộn rịp rủ nhau,
Lanh lanh (nhanh nhanh) kẻo muộn, mau mau kẻo già.
Kìa xuân sẽ cho ta nhịp (dịp) tốt,
Ta phải nên trau chuốt xuân chơi.
Xuân hời, xuân hỡi, xuân ơi!
Biết xuân đã dễ mấy người mắt xanh?
Duyên hội ngộ đã đành đành vậy,
Vận thái lai rày phải phải chăng?
Mùa xuân ai nấy siêng năng,

Thời lai sẵn có gió Đằng thuận đưa [1].
Rằng xuân thế, biết chưa chưa biết?
Hội xuân này, xuân thiệt xuân sao?
Thời Nam lừng lẫy biết bao!
Sấm vang vang trận, mưa ào ào phen.
Lúc cuốn sạch mây đen mù tối,
Khi sáng quang sao chói trăng lồng.
Chim trên núi, cá dưới sông,
Một đoàn bay liệng vẫy vùng sướng chưa?
Cảnh vật khéo nhởn nhơ đẹp đẽ,
Chiều xuân sao mát mẻ ấm êm.
Xuân càng ngày một xuân thêm,
Người sao lần lữa im im thế ờ!
Chớ trông mong đợi chờ xuân tá,
Mà thất thời xuân quá muộn xuân.
Thử xem trời đất xoay vần,
Phong trào sao đó, vận tuần sao đây.
Luống ngơ ngáo mê say mãi mãi,
Không tiếc xuân còn đợi chi chi?
Ấy ai thẩm thế thức thì, [2]
Xuân thời chung cả riêng gì với ai.
Sao chẳng biết nay mai xuân đó?
Xuân đó mà ta có xuân không?
Rồi đây thế giới đại đồng,
Xôn xao muôn tía nghìn hồng đua tươi.
Xuân trời thế, xuân người là thế,
Vui xuân rày nỡ để quên ru?
Ngang tàng là đấng trượng phu,
Giang hồ rộng bước xuân du ai là?
Quyết thêu dệt sơn hà gấm vóc,
Rưới màu xuân mưa móc đượm nhuần.
Ra tay quét sạch bụi trần,
Cảnh xuân tô điểm muôn phần hơn xưa.
Nay gần đã gặp vừa xuân nhỉ,

---

1. Câu này dịch thoát ý câu thơ của Tô Đông Pha (Trung Quốc) "Thời lai phong tống Đằng vương các" (Gặp thời thì mới gặp gió đưa đến gác Đằng vương). Ý nói gặp dịp may mắn.

2. *Thẩm thế thức thì:* xét đời, biết thời cuộc,

Biết lòng người có ý xuân chăng?
Gần xuân xin ướm hỏi rằng:
Xuân về ai dễ cấm ngăn đường trời!
Ngày xuân há phải ngày chơi???

Tiếng dân, Huế, số 150,
ngày 26–1–1929.

*

BÁC ĐỒ NGHÈO

T.Q.V

Buồn cho thân thế phải ma bần,
Vốn liếng duy còn một bụng văn.
Bán chữ gặp ngay hàng chữ ế,
Buôn văn lại phải cuộc văn tàn!
Chạy nhăng hồ hải đùm thư kiếm, [1]
Xoay tít kiền khôn túi sách đàn.
Cũng muốn lâm toàn [2] *vui thú vị,*
Hai vai còn nặng gánh giang san!

Tiếng dân, Huế, số 150,
ngày 26–1–1929.

*

---

1. *Thư kiếm:* sách và gươm. Con trai cần phải biết cả văn lẫn võ, nên phải đọc sách (thư) và học đánh gươm (kiếm).

2. *Lâm toàn:* rừng suối, ý nói đi ở ẩn.

HỎI ANH TRỜI

(Ở thuyền gặp mưa gió)

TH.H.

Thằng tôi không nước không nhà,
Xưa nay cặp bác trời già làm anh.
Anh sao trêu trớ cho đành,
Chiếc thuyền tôi ở, anh rình cướp luôn.
Đôi phen gió giục, mưa dồn,
Buồm giây cuốn mở chèo chồn tới lui.
Giông đòi trận, tố đòi hồi,
Thuyền lên anh đón, thuyền lui anh giằng.
Hay là anh dở say chăng?
Xung lên đổ cái bất bằng mới tha.
Anh sao chẳng thấy cho xa?
Không em thời lúc anh già ai nâng?
Nghiêng thời ai ghép cho bằng?
Khuyết thời ai vá mấy tầng cối cao?
Người cùng kẻ cực biết bao!
Người hờn mưa nắng, kẻ đau than lầm.
Đêm ngày giận trộm tức thầm,
Cõi xanh xanh ngắt anh nằm sao yên?
Tôi mong đỡ oán chia phiền,
Liều thân chịu sặt sẽ đền ơn che.
Hỏi anh, anh giả không nghe,
Làm thinh thời cũng ra bề người dưng.
Vậy tôi có khúc ca rằng:
Đất ruộng núi sông cơ nghiệp Tổ,
Mà hóa ra ở đợ mới vui chơ!
Một chiếc thuyền lơ lửng lửng lơ,
Che mưa gió hãy sớm trưa theo lẽo đẽo.
Khuây mắt trò ranh, bày chuyện láo,
Ngứa tai bợm hót, thả nghề bom.
Một ông kềnh và một nốc con con,
Chở ngần ấy nước non e chửa nặng.
Tha hồ tố, ıha hồ giông, tha hồ mưa lẫn nắng,

Vững gan già thủng thẳng nhẽ trời thua.
Mặc dầu bể Sở, sông Ngô,
Mây ùn dưới cát sóng ùa bên tai.
Có chăng tôi hỏi anh trời?

Tiếng dân, Huế, số 173,
ngày 27–4–1929.

*

CHƠI THUYỀN SÔNG BẠCH ĐẰNG [1]

VỊ BẮC

Anh em cố vững một tay chèo,
Sông Bạch Đằng nay cảnh vắng teo!
Đáy nước trăng lồng kình ngạc lánh [2],
Đầu non gió thổi bách tùng reo [3].
Tan hồn mấy trận quân Nguyên khấu [4],
Nức tiếng bao phen tướng Việt triều [5].
Ngẫm cuộc tang thương lòng cảm khái,
Anh em cố vững một tay chèo.

Nam phong tạp chí, Hà Nội
số 138, tháng 5–1929.

*

1. Bạch Đằng là con sông chảy qua địa phận Hải Phòng ngày nay. Tại đây quân dân ta đã ba lần ghi chiến công oanh liệt chống ngoại xâm. Lần đầu, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán (938). Lần thứ hai, Lê Hoàn đánh thắng quân Tống (981). Lần thứ ba, Trần Quốc Tuấn đánh thắng quân Nguyên (1288). Sông Bạch Đằng từ lâu đã trở thành tượng trưng cho niềm tự hào của dân tộc ta trong sự nghiệp chống ngoại xâm.

2. *Kình ngạc:* cá voi và cá sấu, nghĩa bóng chỉ quân giặc.

3. *Bách tùng:* cây bách và cây tùng, đều thuộc họ cây thông.

4. *Nguyên khấu:* giặc Nguyên.

5. *Việt triều:* triều đình nước Việt.

MONG CHÚC CHO PHỤ NỮ

CAO CHÁNH

Nước văn hiến bốn ngàn năm lẻ,
Mà nữ lưu buồn tẻ đường nao!
Đời nay kịch liệt phong trào,
Chị em ơi hỡi, lo sao kịp người!
Đàn anh đã đua đòi tấn hộ,
Chị em mình há nỡ ngồi nhìn?
Chẳng dầu chẳng nại tử sinh,
Thiếp nên cũng quyết trọn tình sắt son!
Trai với gái đều con của nước,
Gái như trai đều được phần lo.
Xin ai chớ nói "liễu bồ",
Phấn son chẳng quản nước nhà thịnh suy!
Kìa! Thanh sử còn ghi lắm việc,
Hiếm chi là nữ kiệt nữ anh [1].
Giữ cho xứng đáng thân danh,
Cháu con Trưng, Triệu mới đành lòng nhau...
Ước sao như ý sở cầu [2].

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 1, ngày 2–5–1929.

*

---

1. *Nữ kiệt, nữ anh: anh* là đẹp tốt hơn người; *kiệt* là tài trí hơn người. *Nữ kiệt nữ anh* là người nữ anh hùng.

2. *Như ý sở cầu: như ý* là vừa ý, thỏa nguyện; *sở cầu* là cái mình mong muốn. *Như ý sở cầu* là mong muốn cái gì thì đều được vừa lòng vừa ý cả.

ĐÊM TRĂNG NHỚ NHÀ

QUỐC HOA NỮ SĨ

Vằng vặc bóng gương nga,
Càng nhìn càng xót xa.
Buồn trông trời đất khách,
Nhớ lại nước non nhà.
Ruột rối tơ vò khúc,
Sầu tuôn lệ nhỏ sa!
Hỏi lòng nầy ai tỏ?
Than thở với trăng già.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 2, ngày 9–5–1929.

*

CHỊ EM ƠI!

QUỐC HOA NỮ SĨ

Đã sinh ra kiếp má đào,
Cũng tai cũng mắt lẽ nào thua ai.
Người tài ta há chẳng tài?
Người khôn ta cũng được vài phần khôn.
Để lòng ghi với nước non!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 3, ngày 16–5–1929.

*

ĐÁNH THỨC BẠN

QUỐC HOA NỮ SĨ

Hỡi người nhiệt huyết, chị em ơi!
Nam Bắc chia nhau mấy triệu người.
Rải rác giống giòng ba cõi đất,
Cùng chung non nước một phương trời.
Ơn nhà lo liệu sao cho trọn,
Nợ nước toan bề tính chớ sai.
Hẹn với giang san thân thế ấy,
Hỡi người nhiệt huyết, chị em ơi!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 3, ngày 16–5–1929.

*

KHUYÊN NỮ QUỐC DÂN

TRUNG TOÀN

Hơn bốn ngàn năm, giấc mộng dài,
Chuông trời rạng rảng giữa trần ai.
Bừng con mắt dậy, Non cùng Nước,
Mở miệng ra kêu, Gái với Trai.
Son phấn há cam vùi gió bụi?
Liễu bồ chi hiếm kẻ anh tài.
Đã thân đứng giữa vòng thiên địa,
Nghĩa vụ chia vai, gánh với người!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 4, ngày 23–5–1929.

THƯƠNG AI

MẬU LINH

Một gánh giang sơn mấy dặm trường,
Thấy người nhiệt huyết nghĩ mà thương.
Trèo non lặn suối bao lần đã,
Dãi gió dầm mưa mấy độ thường.
Dâu bể nặng nguyền lòng với nước,
Tang bồng mỏi cánh tóc pha sương.
Hai mươi lăm triệu bà con đấy,
Mấy kẻ chung lo tới bước đường.

Tiếng dân, Huế, số 179,
ngày 19–5–1929.

*

ĐỐ BIẾT

LO ĐỜI

Đố biết vì sao nước lại ngu?
Dở dang mới cũ chẳng ra trò.
Tiếng Âu đầu lưỡi vừa quen gió,
Chữ Hán lò than đã hóa tro.
Úp mặt vào tường, phường lũ trẻ,
Khoanh tay chịu đói, bạn nhà Nho.
Mênh mông biển học đêm dài dằng,
Ngọn đuốc văn minh chiếu ở mô?

Tiếng dân, Huế, số 179,
ngày 19–5–1929.

*

CHƠI CỬA HÀN

HOÀI NAM KHÁCH

Nghe nói cửa Hàn phong cảnh đẹp,
Thuở nay du khách chưa ai chép.
Qua chơi ở lại vài ngày xem,
Hỏi chút bình sinh tai mắt hẹp.

Hải Vân đột ngột cao ngất trời,
Trà Sơn xanh xanh giăng ngoài khơi.
Ngũ hành trơ trơ giữa gò cát,
Trông như cọp đứng và voi ngồi.

Núi xanh chồng chất khí ngút ngút,
Biển rộng mênh mông sóng vù vụt.
Không những địa linh [1] *bia miệng người,*
Kể đường thiên hiểm [2] *cũng là một,*

Nhớ xưa trên ải có xây đồn,
Đệ nhất Hùng quan bia chưa mòn.
Cửa biển cũng có quân phòng giữ,
Hải sở pháo đài nay vẫn còn.

Bế quan tỏa cảng [3] *cho là chắc,*
Trong nhà khò khò gáy thẳng giấc.
Việc nước đã có người lo cho,
Đất ngả trời nghiêng cũng trối mặc.

Tàu đâu ống khói bay đen sì,
Vũng Thùng súng nổ tiếng ầm ì.
Bà con trong nhà ngủ còn mơ,
Hoảng hốt không biết gì là gì.

---

1. *Địa linh:* đất thiêng.
2. *Thiên hiểm:* cái hình thế hiểm trở do trời tạo ra, tức là thế sông núi hiểm trở.
3. *Bế quan tỏa cảng:* đóng cửa quan, khóa cửa bể. Ý nói không giao thiệp buôn bán với nước ngoài.

Từ đó núi biển cửa không khóa,
Sóng gió một mặt cứ tràn lõa.
Gò cát xơ rơ mấy làng chài.
Trở nên thành phố chứa ngoại hóa.

Lầu đài trăm thức vẻ nguy nga,
Dưới có tàu thủy trên hỏa xa.
Người Chệt người Chà [1] *rủ nhau tới,*
Chủ quyền về tay, người Lang Sa [2].

Văn minh tuồng mới đâu xiết kể!
Ngàn năm đất tổ cồn ra bể.
Địa linh nhân kiệt [3] *đâu là đâu?*
Khiến khách qua đường, trông trước sau,
Một bầu máu nóng mấy hàng lệ.

Tiếng dân, Huế, số 189,
ngày 19–6–1929.

*

---

1. *Người Chệt*: chỉ người Hoa kiều.

Người Chà: tức Chà Và, chỉ người Mã Lai.

2. *Lang Sa:* người Pháp. Hồi trước ta gọi người Pháp là Pháp–lang–sa (do dịch âm chữ Français, đọc là Phơ–răng–xe).

3. *Nhân kiệt:* người giỏi.

CHƠI VƯỜN BÁCH THÚ [1]

BÀ BĂNG TÂM

---

1. Bài thơ này rất được truyền tụng, vì tác giả đã khéo mượn việc tả vườn Bách Thú mà bóng gió châm biếm vua quan bù nhìn tranh nhau nịnh hót bọn thực dân để kiếm miếng, trong khi đó dân chúng đói khổ nháo nhác. Do được truyền tụng rộng rãi nên có nhiều bản chép khác nhau như:

– Bản do Văn Tân chép lại trong *Văn học trào phúng Việt Nam*, quyển hạ, in tháng 3–1958.

– Bản do Trần Huy Liệu chép lại trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 1 tháng 3–1959.

– Bản do Doãn Kế Thiện chép lại trong *Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*, in tháng 8–1959.

Cả ba bản đều là chép theo trí nhớ và xuất xứ không rõ rệt: Bản Văn Tân chú thích: "Bài này anh Xuân Thủy đọc cho tôi nghe và theo anh thì do một người ở làng Thị Cấm, huyện Hoài Đức (Hà Đông) làm ra năm 1932".

Bản Trần Huy Liệu không ghi xuất xứ.

Bản Doãn Kế Thiện ghi: "Cách đấy bốn năm mươi năm, một tác giả vô danh đã làm một bài thơ cảm tác về vườn này như sau...".

Do chép theo trí nhớ một cách đại khái như vậy, nên cả ba bản đó có nhiều chỗ sai biệt so với nguyên văn. Xin chép ra dưới đây để bạn đọc tham khảo thêm:

Bản Văn Tân: (không có đầu đề)

Dưới rặng cây xanh mấy dãy chuồng,
Mỗi chuồng riêng một giống chim muông.
Khù khì vua cọp no nằm ngủ,
Nháo nhác dân hươu đói chạy cuồng.
Lũ khỉ được ăn bày lắm chuyện,
Đàn chim nỏ mỏ hót ra tuồng.
Lại thêm cầy cáo dăm ba chú,
Hì hục tranh nhau một nắm xương!

Bản Trần Huy Liệu: (không có đầu đề)

Dưới đám cây xanh một dãy chuồng,
Mỗi chuồng nuôi một giống chim muông.
Khù khì vua cọp no nằm ngủ,
Nháo nhác dân hươu đói chạy cuồng.
Lũ khỉ tranh ăn bày lắm chuyện,
Đàn chim nỏ mỏ hót ra tuồng.
Lại còn một bọn: vài anh gấu,
Hống hách tranh nhau một nắm xương!

Bản Doãn Kế thiện: (không có đầu đề)

Dưới đám cây xanh một dãy chuồng,
Mỗi chuồng nuôi một thứ chim muông.
Khù khì vua cọp no nằm ngủ,
Nhớn nhác dân hươu đói chạy cuồng.
Lũ khỉ được ăn bầy lắm chuyện,
Đàn chim chực miếng hót ra tuồng.
Lại còn gấu dại vài ba chú,
Hì hục tranh nhau một cục xương.

Về vườn Bách Thú thì thời đó ở nước ta có hai nơi, một ở Hà Nội, một ở Sài Gòn. Nơi nào cũng có chim muông, cọp, báo, hươu, nai... Vậy chưa biết đây là vịnh vườn Bách Thú nào. Có điều là ở Sài Gòn thì nhân dân hay gọi là Sở Thú, chứ ít gọi là vườn Bách Thú. Và báo Phụ nữ tân văn tuy trụ sở ở Sài Gòn, nhưng vẫn thường đăng thời văn của các người viết ở khắp cả ba kỳ Bắc, Trung, Nam thời đó.

Dưới bóng cây xanh đủ mọi chuồng,
Mỗi chuồng nhốt một giống chim muông.
Kìa trông vua hổ no nằm ngủ,
Nọ ngắm đoàn hươu đói chạy cuồng.

Lũ khỉ được ăn, bầy lắm lối,
Đàn chim lên giọng, hót ra tuồng.
Lại vài chị sói, dăm anh gấu,
Hì hục tranh nhau một miếng xương!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 9, ngày 27-6-1929.

*

VỊNH TRƯNG VƯƠNG [1]

PHẠM DƯƠNG TOÀN

Thù nhà nợ nước tính sao đây!
Quận huyện lầm than nỗi nước này...
Thẹn mặt râu mày cam cúi cổ,
Đau lòng, son phấn phải ra tay.
Lĩnh Nam sáu chục thành đem lại [2],
Mê quận ba năm nước có ngày [3].
Mẹ đẻ tự do hồn giống Việt,
Cờ lau tung gió cuốn mây bay.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 9, ngày 27-6-1929.

*

1. Xem chú thích ở bài *Hai Bà Trưng* ở trên.
2. *Lĩnh Nam:* Phía Nam núi Ngũ Lĩnh, tức nước ta thời xưa.
3. *Mê quận* quận Mê Linh, tương truyền là nơi đóng đô của Trưng Vương.

NHỦ BẠN

MINH PHƯƠNG

Trung, Nam, Bắc, chị cùng em,
Mau mau trở dậy mà xem cuộc đời!
Bao người đã đứng dậy rồi,
Còn ta há cứ rốn ngồi mãi sao?
Ỏi tai thiên hạ ồn ào,
Bưng tai giả điếc ta nào có nên.
Vừng hồng chói lọi từng trên,
Xắn tay vén áo mà chen với đời...

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 10, ngày 4–7–1929.

*

VỊNH NON NƯỚC

KHỔ HẠNH

Nước nước non non cảnh với tình,
Nước non non nước thiệt là xinh!
Non lồng bóng nước khoe màu biếc,
Nước bủa gành non tiếp lá xanh.
Nước đợi chờ ai nhăn nhó mặt?
Non trông tưởng bạn ngẩn ngơ hình.
Nước yêu non, hỏi non yêu nước?
Nước nước non non cảnh với tình.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 10, ngày 4–7–1929.

*

QUA SÔNG BẠCH ĐẰNG

GIẢ ẨN

Bể Lục Hải [1] ầm ầm sóng rộn,
Giải Đằng giang cuồn cuộn dòng xuôi.
Trông phong cảnh lại nhớ người,
Cảnh còn như cũ, người thời khác xưa.
Ào ngọn gió như khua như gợi:
Hô quan quân thẳng tới chiến trường.
Kìa núi dọc, nọ đèo ngang,
Chập chồng như thể xương tàn Nguyên binh [2].
Kìa lá cây trên cành lay lắt,
Như phất cờ điều bát ba quân!
Lờ lờ dòng nước uốn quanh,
Hình như máu đỏ tặc binh pha vào.
Giữa dòng thẳm, nhao nhao cá lộn,
Tưởng chừng như chiến hạm đổ xô.
Anh hùng cứu quốc khi xưa,
Mà ai có nhớ, bây giờ hỡi ai?
Qua sông luống những ngậm ngùi!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 12, ngày 18-7-1929.

*

ĐÁNH THỨC ANH COI VƯỜN

PHỤC LỄ

Nọ chốn vườn hoa cảnh xác xơ,
Mầu tươi vẻ đẹp khác hôm xưa.
Tiếc công, ai đã từng vun xới,
Mải giấc, anh nay để hững hờ!

---

1. *Lục Hải:* ngày trước gọi khu vực biển giáp với các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng là Lục Hải.

2. *Nguyên binh:* quân Nguyên. Năm 1288 chiến thuyền quân Nguyên đã bị quân dân ta phá tan ở sông Bạch Đằng.

Dậy, dậy, bắt sâu rồi tỉa lá,
Mau, mau, lượm rác kẻo thành nhơ.
Hay anh nhắm mắt làm thinh nhỉ!
Vườn thế, mà anh ngủ mãi ư?

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 12, ngày 18–7–1929.

*

BƯỚC ĐẦU

THANH NHÀN

Bước đầu khó lắm, chị em ôi!
Phải ráng mà đi mới đến nơi...
Đàng thế thiếu gì than lửa đỏ,
Tấm lòng sẵn có máu dầu sôi.
Qua xuôi mặc kẻ đi về ngược,
Lướt tới đừng nên đứng lại ngồi.
Muôn dặm đàng xa đi phải tới,
Gắng công bền sức dễ như chơi.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 13, ngày 25–7–1929.

BÊN NƯỚC BÊN NHÀ

L.KH.

Nỗi niềm bứt rứt có ai hay,
Ruột nóng gan sôi đã bấy chầy!
Nợ cũ những toan rồi chút sẽ,
Ơn xưa chưa biết nói sao đây.
Dừng chân đứng lại, hai vai nặng,
Nhớm gót ra đi một gánh đầy.
Bên nước, bên nhà chia tấc dạ,
Nỗi niềm bứt rứt có ai hay?

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 14, ngày 1–8–1929.

*

THĂM VƯỜN SAU TRẬN BÃO

TỊNH TRAI

Trận bão đêm qua rõ thiệt là...
Chẳng kiêng cổ thụ, chẳng vì hoa.
Nhành Hồng gió lật, tung thân rễ,
Chồi Lạc mưa đào, nát nụ hoa.
Những tiếc từ xưa công bón tưới,
Mà nay trước mắt cảnh phơi pha!
Yêu hoa ướm hỏi ai là khách?
Nỡ để hoa tàn chẳng thiết tha?...

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 16, ngày 15-8-1929.

*

GỌI BẠN

NGUYỄN THỊ THANH LIÊN

Đã thác sinh làm gái Việt Nam,
Liễu bồ tô điểm vẻ giang san.
Sao cho rạng rỡ nhà Hồng Lạc,
Để tiếng muôn năm với địa hoàn [1].

Cũng tai cũng mắt, bọn thoa quần
Phải nhủ nhau cùng nghĩa vụ dân.
Phần nửa giang san ta gánh vác,
Việc nhà chi phải gái trai phân [2].

Tiếng oanh gọi bạn đầu cành,
Nhà tranh gác tía cũng tình chị em.
Họp đàn chi kể sang hèn,
Cùng nhau gây dựng mới nên cơ đồ.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 16, ngày 15-8-1929.

*

---

1. *Địa hoàn:* cũng như địa cầu, tức quả đất.
2. *Gái trai phân:* phân biệt trai và gái.

DẠ QUY CHU [1]

S.S.

Một chiếc thuyền con với một mình,
Một chèo nước ngược buổi đêm thanh.
Đưa chân núi múa khăn vuông lục,
Vui mắt trời treo bức vẽ xanh.
Trăng ngẩn ngơ tình theo lẽo đẽo,
Gió chờn chợn mặt chạy loanh quanh.
Canh khuya một tiếng hô người dậy,
Sấm dậy tư bề sóng bể rênh.

Tiếng dân, Huế, số 206,
ngày 17–8–1929.

*

CHƠI NÚI

SƠN NỮ

Một sắc non xanh lẫn sắc mây,
Càng nhìn phong cảnh lại càng ngây.
Dưới chân xe ngựa như đàn kiến,
Chen chúc trong vùng cát bụi bay!

Ai người vượt biển, khách ra khơi?
Lẩn khuất riêng ai một góc trời!
Lên núi mỗi khi nhìn mặt đất,
Bờ gai bụi rậm khắp đôi nơi!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 17, ngày 22–8–1929.

*

1. Đêm đi thuyền trở về.

EM KHUYÊN CHỊ

HOÀNG THỊ YẾN SƠN

Chị ơi chị! Chị ngồi lại,
Cho em bàn giải đôi lời.
Sinh ra kiếp làm người,
Phận liễu bồ khôn xiết!

Sinh ra gái Nam Việt,
Chịu thua kém trăm bề.
Chỉ điểm phấn trau huê,
Làm đồ chơi cho họ,
Làm đồ dùng cho họ.

Lại nhiều điều cực khổ,
Việc rửa đọi quét nhà.
Việc nấu nướng củi trà,
Đem thân ta đầy đọa,
Thân chị em đầy đọa.

Việc họ hàng làng xã,
Việc tổng mạc nước non,
Việc xã hội nghị bàn,
Sao mà ta không biết?
Chịu trăm đường thua thiệt,
Bởi tại trước vì ai,
Chỉ trọng lấy con trai,
Mà khinh đường con gái.

Nghề vá may bông vải,
Họ bày đặt cho mình,
Đường chữ nghĩa học hành,
Nào có ai giáo dục.

Nên sách không biết đọc,
Cầm lấy báo không hay,

Chỉ mờ mịt đêm ngày.
Ta phải tính sao đây,
Lẽ nào thân thế mãi?

Chị sao không nghĩ lại?
Thân gái cũng như trai,
Cũng chín tháng mười ngày,
Đủ tai mắt chân tay,
Nào có kém chi ai,
Để đàn ông đè nén,
Bọn râu mày đè nén?

Nay xem qua bốn biển,
Gái các nước văn minh,
Ra bồng súng dàn quân,
Cũng đủ nghề thao lược.
Cũng nghị bàn việc nước,
Máy móc chế đủ tài,
Có thua kém chi trai,
Chị em đó mà coi,
Nỡ ngồi yên sao được!

Nước Nam từ ngày trước,
Cũng có bạn má hồng:
Chị Ẩu với bà Trưng,
Ra chống giữ non sông,
Đánh quân Ngô mất vía,
Đuổi quân Tàu mất vía!

Sử xanh còn chép để,
Nên lấy đó làm gương.
Chị ơi, phải lo lường!
Phải chăm bể học thức.

Nền công đức tư đức,
Ta xây đắp cho dày,
Ai đói rét thương vay,
Việc gian lao giúp đỡ.

Việc gia đình mọi sự,
Việc xã hội cử bàu,
Chị em ta khuyên nhau,
Chia một phần gánh vác.

Dẫu việc gì nặng nhọc,
Mà công đức vẹn toàn,
Trai không thể lo toan,
Gái ra tay giúp họ,
Chị em mình giúp họ.

Bỏ dã man thói cổ,
Lời ăn nói dông dài,
Việc đôi mách đôi lai,
Việc hằn thù giận dỗi,
Việc mắng la chửi bới,
Việc son phấn tô giồi,
Phen này quyết xin thôi,
Để lo toan việc khác,
Để nghĩ bàn việc khác.

Đường trâm thoa hãy gác,
Nền học vấn âu lo,
Nào sách vở báo đồ,
Phải chăm coi mới được.

Sự lỗi lầm về trước,
Chịu thua thiệt đã đành,
Nay thời đại văn minh,
Quyết phân trong nữ giới,
Quyết thi tài nữ giới.
Vang lừng khắp hoàn hải, [1]
Cờ nữ kiệt đâu đâu,
Khách tài tử không râu,
Bạn anh hùng có ướm (yếm).

---

1. *Hoàn hải:* bể ở xung quanh. Người xưa cho rằng đất vuông, bốn bề là bể cả. Do đó, *hoàn hải* có nghĩa là trong nước.

Chợ người ta tới sớm,
Nào xe ngựa chơi bời.
Chợ mình đã trưa rồi,
Lẽ nào ta ngơ ngáo?

Mấy lời em đàm đạo,
Bạn gái tỉnh mau mau,
Làm cho bọn mày râu,
Không dám khinh ta nữa.

Tiếng dân, Huế, số 200,
ngày 28–8–1929.

TÌNH NON NƯỚC

THIỆN TRƯỜNG

Cao cao một quả non kia,
Xanh xanh một giải nước kề gần non.
Đôi bên tạc một lòng son,
Nghìn năm nước nước, non non chẳng rời.
Ai làm nước chảy bể khơi?
Lòng non thương nước góc trời ngẩn ngơ.
Sự đời bày xóa cuộc cờ,
Nước non biến đổi một giờ, than ôi!
Non còn nhớ nước ngậm ngùi.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 142, tháng 9–1929.

LỜI TRẺ CON KÊU VỚI ÔNG MƯA

HẠC MINH

Càng trông tạnh mà càng mưa mãi,
Lũ trẻ con van vái cầu thưa.
Rằng ông Mưa, hỡi ông Mưa!
Thôi ông báo hại vừa vừa thế ông!
Ông chẳng thấy mênh mông những nước,
Ông còn mưa lấy được nỗi gì?
Sông con, sông cái bằng lì,
Đồng con đồng cạn thời chi còn bờ.
Đâu cồn nọ phất phơ ngọn cỏ.
Chân núi kia lấp ló bông lau.
Thế mà ông đã thôi đâu,
Ông Giông, ông Gió rủ nhau quấy hoài.
Kìa bờ bạn ngô khoai mất cả,
Nọ ruộng đồng lúa má chết queo.
Trông ra ai cũng buồn teo,
Mồ hôi nước mắt đã theo nước ròng.
Này nghe nói đường trong đương hạn,
Mấy tháng trời ruộng cạn lúa khô.
Sao không cưỡi gió lần vô?
Kéo mây rưới nước, mưa cho ra trò?
Kìa mấy xứ đồng khô cỏ cháy,
Trông ông hoài chẳng thấy mặt ông.
Hạn sao tám chín tháng ròng,
Kêu van đã hết thổ công, thành hoàng!
Càng đảo vũ [1] *mà càng thấy nắng,*
Bấy giờ ông đi vắng nơi nao?
Chứ nay đã lụt dường nào,
Mà ông còn đổ mưa rào nữa ông?
Ông không lẽ, ông trông chẳng thấy?
Khổ nhà nông gấp mấy thuở xưa.
Quanh năm dãi nắng dầm mưa,
Mà con ma đói cứ chờ sau lưng.
Bao xiết nỗi mấy từng cay đắng!

---

1. *Đảo vũ:* làm lễ cầu mưa.

Biết tính toan lo lắng sao đây?
Thấy chăng trời thẳm đất dày!
Ông ơi, biết nỗi nước này cho chưa?
Mà ông cứ, ông mưa hoài hủy,
Thỏa lòng ông cho phí sức ông.
Ghét chi con Lạc cháu Hồng,
Mà toan nhận xuống làm sông làm hồ?
Ông nghĩ lại tự do nên bớt,
Nỗi bất bình phải ngớt cơn đi.
Chẳng dành nước để phòng khi,
Nếu sau đại hạn lấy gì mà mưa?
Dân còn chút hơi thừa ngấp ngoải,
Xin ông về tâu lại Trời hay.
Rày đừng vạ gió tai bay,
Các ông càng liệu bớt tay mới vừa.
Sau ông cứ ông mưa điều độ,
Cả mấy ông nắng gió thuận hòa.
Họa chăng lũ trẻ vàng da [1]
Vun trồng cho được cành hoa sắc vàng.

Tiếng dân, Huế, số 212,
ngày 7-9-1929.

*

NGHE GÀ GÁY CẢM HOÀI

N.T.T.

Tiếng gà xao xác giục bên tường,
Trên gối xui người dạ ngổn ngang.
Ngày tháng mài mòn đôi má trắng,
Nước non đeo nặng tấm gan vàng.
Tánh chim mỏi cánh mong về tổ,
Kiếp ngựa tù chân lại nhớ đàng.
Thôi cái cuộc đời còn thế thế,
Làm trai chi giữ gốc tre làng.

Báo *Thần chung*, Sài Gòn,
ngày 26-9-1929.

---

1. *Lũ trẻ vàng da:* tức người Việt Nam chúng ta thuộc giống da vàng.

BUỔI CHIỀU QUA SÔNG

N.T.T.

Bảng lảng trời sông ác xế tây,
Đò chiều, chiều khách vội buông dây.
Vương chèo bầy cá quanh thuyền nhảy,
Bạt gió con cò lướt sóng bay.
Thẩm thẩm bóng mây đùn đáy nước,
Mù mù hơi khói lấp ngàn cây.
Đường xa ngày tối, người thưa vắng,
Trước mạn trông trời dạ biếng khuây.

Báo *Thần chung,* Sài Gòn,
ngày 26–9–1929.

*

XỨ BẮC BỊ LỤT

CÔ TRẦN BẠCH LIÊN

Trời làm chi cực quá đi thôi!
Bão gió năm nay mấy trận rồi.
Nhà cửa tan hoang, tình bát ngát,
Cỏ cây hiu hắt, dạ bồi hồi.
Bắt đền ai được bao nhiêu của?
Giúp đỡ nhau quanh cũng một nòi.
Non biển đất này riêng vận hạn,
Kêu ai cho thấu, lại kêu trời!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 23, ngày 3–10–1929.

NGHĨA ĐỒNG BÀO

NGUYỄN VĂN NGỌC

Thế nào là nghĩa đồng bào?
Cùng cha, cùng mẹ, máu đào cùng chung.
Lại còn cùng tổ, cùng tông,
Cùng nòi, cùng giống, cùng dòng cõi kia,
Đồng bào nên chớ xa lìa,
Yếu đau phải đỡ, nặng nề phải mang.
Phúc cùng hưởng, họa cùng đương,
Mình giàu giúp khó, mình sang giúp hèn.
Mình đỏ vận, giúp người đen,
Khỏe nên dắt yếu, khôn nên dạy đần.
Ở cho có nghĩa, có nhân,
Chớ thâm, chớ độc, chớ hằn, chớ ghen.
Tiếc chi công, sức, của, tiền,
Bớt thời giờ để giúp nên việc người.
Đồng bào, hỡi bạn ta ơi!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 24 ngày 10–10–1929.

*

KHUYÊN THANH NIÊN

DOANH SƠN

Ân nhà nợ nước gái dường trai,
Gánh nặng cùng nhau phải ghé vai.
Đất vẫn tuổi tên cùng thế giới,
Trời không thí bỏ một anh tài!
Soi gương tiền thế đà như vậy,
Tính cuộc mai sau cậy tới ai?
Bốn biển vang lừng chuông tiến bộ,
Lẽ mình đành chịu đứng nghe hoài?

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 25, ngày 17–10–1929.

*

TỈNH MỘNG HỒNG LÂU

(Điệu Tân đoạn trường)

NGUYỄN NÙNG SƠN

Vẳng vẳng cung đàn ríu rít,
Chập chờn dịp phách buồn tênh.
Nào thấy người thanh,
Dễ tìm vẻ quý,
Chẳng qua một lũ vô tình!
Hơi đồng đỏ mắt,
Đem duyên vờ nghĩa hão trêu mình!
Khéo khéo say sưa mặt trắng,
Miệt mài cuộc rượu tàn canh.
Chí hồ thỉ,
Tang bồng đâu cả?
Khi thác há lưu danh.

Nam phong tạp chí, Hà Nội
số 143, tháng 10–1929.

LỜI CHA KHUYÊN CON

TRÀ SƠN

I

Lại đây cha bảo, hỡi con ta!
Nông nỗi dường này hạt lệ sa!
Mấy chục năm qua nòi giống ngủ,
Bốn ngàn năm lẻ tuyết sương pha.
Muôn trùng đất nước khôn đường bước,
Tứ phía mây mù chẳng lối ra.
Con có hay thời còn phải tính,
Bể trầm sâu rộng xiết bao la!

II

Con ơi con, phải tỉnh dần ra!
Hãy lóng tai nghe mấy tiếng gà!
Vỗ cánh tung giời vang thế giới,
Giương mồng thức chúng[1] *dậy gần xa.*
Tính ra công việc còn bề bộn,
Nỡ để non sông mãi liệt là!
Hỡi dậy lên nào, đừng ngáp nữa,
Này này! Kíp tỉnh giấc Nam Kha[2].

III

Từ đây con phải tỉnh hồn ma,
Nề nếp cha ông vẫn tốt mà!
Tu tính, tu tâm như thuở trước,
Mở mày mở mặt với người ta.
Đừng như du đãng phường vơ vẩn,
Săn cả anh em một ruột rà.
Con có thương cha thời nghĩ lại,
Tang bồng gánh nặng lại đường xa.

Tiếng dân, Huế, số 232,
ngày 16–11–1929.

VỢ KHUYÊN CHỒNG

HÀ VĂN XỨNG

Chàng ơi, chàng ngồi lại!
Thiếp khuyên giải đôi lời.
Đã sinh kiếp ở đời,
Nghĩ làm sao cho phải,
Nghĩ thế nào cho phải?

Sao chàng không nghĩ lại,
Cứ hờ hững hững hờ.

---

1. *Giương mồng thức chúng:* con gà giương cái mào (mồng) lên gáy để đánh *thức* quần *chúng* dậy.

2. *Giấc Nam Kha:* còn gọi là *giấc hòe.* Điển cũ: một người ngủ ở dưới gốc cây hòe, nằm mơ thấy mình làm Quận thú đất Nam Kha. Ở đây, chỉ giấc mộng nói chung.

Lòng thiếp rối như tơ,
Chàng vui sao cho được,
Chàng mừng sao cho được?

Nỗi việc nhà việc nước,
Trăm mối thật như vò.
Một mình thiếp âu lo,
Chàng không hay một tí.

Chỉ ăn no ngủ kỹ,
Rồi cờ bạc rượu chè,
Việc ích lợi không nghe,
Điều dở hay không biết.

Nào những tuồng hoa nguyệt,
Nào trò bội phường chèo.
Nghe những tiếng vui reo,
Thì ra hình hớn hở?

Học ăn càn nói dở,
Theo những thói quàng xiên.
Cũng tưởng thế là nên,
Lại đua nhau chòm chợ,
Cũng đua người chòm chợ.

Còn báo chương sách vở,
Chữ nghĩa với học hành,
Ai nói cũng làm thinh,
Cứ như người câm điếc,
Cứ như mù như điếc.

Trong gia đình mọi việc,
Ngoài xã hội trăm đường.
Để mặc ai lo lường,
Chàng xem không biết đến.

Sao chàng không biết thẹn,
Mà nghĩ lấy trong mình.
Cũng mẹ đẻ cha sinh,

Cũng mười ngày chín tháng.
Cũng đủ đầy phủ tạng,
Cũng tai mắt tốt lành.
Sao nỡ để người khinh,
Nỡ để cho người bỉ!
(Kiểm duyệt hồi Pháp thuộc bỏ một đoạn)

Người ta nay lắm kẻ,
Ra kinh tế cạnh tranh.
Vì chủng tộc mưu sinh,
Lo đồng bào hạnh phúc.

Nào lo đường giáo dục,
Lo kỹ nghệ công thương.
Nào du học xuất dương,
Lo tiền đồ hậu vận.

Vẫn một lòng cầu khẩn,
Mong cho được dân quyền.
Nào cổ động thanh niên,
Nào hô hào nữ giới.
Theo văn minh lối mới,
Theo học thuyết cải lương.
Các khoa học Tây phương,
Quyết tìm tòi xem xét.
Thiếp xin chàng phải biết,
Luyện tập lấy tinh thần.
Phải tự trọng lấy thân,
Phải xa đường vật dục.

Bỏ dã man hủ tục,
Bỏ mê tín dị đoan,
Quyết để chí lo toan,
Mà lên đường tiến hóa.

Thiếp xin chàng một dạ,
Lo đua đuổi kịp người.
Để bốn bể chen vai,
Cùng năm châu thích cánh.

Mấy lời thiếp bàn mảnh,
Chàng nghĩ lại, chàng đi!
Kẻo người ta chê cười.
Đồ túi cơm, giá áo.

Tiếng dân, Huế, số 233,
ngày 20–11–1929.

NHẮN NHỦ CHỊ EM

GÁI VƯỜN HỒNG

Mấy lời nhắn nhủ chị em nhà:
Thời thế bây giờ khác trước xa!
Vẫn biết gia đình là phận sự,
Há cho nòi giống chẳng quần thoa.
Non sông gánh vác riêng gì họ?
Cây cỏ vun trồng phải có ta!
Ai bảo nữ nhi không trách nhiệm?
Đem thân bồ liễu gắng xông pha!

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 29, ngày 21–11–1929.

*

BÀ BÙI THỊ XUÂN [1]

LÊ HOA

Vận nước đương xoay chuyển,
Quần thoa cũng vẫy vùng.
Liều thân lo cứu chúa,
Xông trận quyết thay chồng.

---

1. *Bùi Thị Xuân* (? – 1802) người phủ Quy Nhơn (tức tỉnh Bình Định thời Nguyễn). Chồng bà là Trần Quang Diệu, một tướng tài của Quang Trung. Bà cũng là một vị tướng xuất sắc, từng cầm quân cùng chồng đánh giặc. Năm 1802 bà bị quân Nguyễn Ánh bắt và bị giết.

Khẳng khái khi lâm nạn,
Kiên trinh lúc khốn cùng.
Ngàn thu danh nữ kiệt,
Gương sáng hãy soi chung.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 30, ngày 28-11-1929.

*

THĂM MỘ NGƯỜI CHÍ SĨ

LÊ HOA

Chiều thu qua viếng mộ Phan công [1],
Cảm kích lòng ta lại hỏi lòng?
Đất đỏ tuy chôn người chí sĩ,
Bia xanh bền tạc dấu anh hùng.
Hồi chuông cảnh tỉnh càng vang động,
Tiếng trống dân quyền vẫn gióng rung.
Này hỡi ai ơi! Qua viếng mộ!
Thương người nên nghĩ đến non sông.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 30, ngày 28-11-1929.

*

1. *Phan công:* Phan Chu Trinh (1872-1926) người làng Tây Lộc, nay thuộc huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đỗ Phó bảng năm 1901. Ban đầu, ông làm Thừa biện ở Bộ Lễ, sau từ chức, đi hoạt động cứu nước. Ông là một nhà Nho đầu tiên có xu hướng dân chủ và chống đối triều đình phong kiến khá mạnh mẽ. Năm 1908, ông bị đày ra Côn Đảo. Năm 1910 được tha, ông sang Pháp để tìm cách tiếp tục vận động cải cách chính trị cho Việt Nam, nhưng không có kết quả. Năm 1925, ông về nước, ở tại Sài Gòn, dự định vận động cuộc đấu tranh mới. Ngày 24-3-1926, ông mất vì bệnh.

QUA NƠI NHÀ NÁT

VŨ XUÂN LAI

Nhà ai vách đổ lại tường xiêu,
Khiến khách qua non dạ chán phèo.
Nghĩ trước biết bao công xếp đặt,
Giờ sao nỡ để cảnh đìu hiu?
Sân rêu, mái rách, chim đi lại,
Nhà hổng, rào thưa, gió gội reo.
Nhắn hỏi chủ nhân ai đó tá?
Chốn xưa sao để cỏ cây leo?

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 31, ngày 5–12–1929.

*

BÊN SÔNG

CÔ ĐAN HƯƠNG

Trời hẩy gió, sóng cồn gợn khúc,
Bóng tà dương lẩn khuất từng mây.
Bên bãi cát, trước chòm cây,
Khối sầu vương vấn, chỗ này riêng ai?
Ngồi thơ thẩn cùng vài tấm đá,
Gió hiu hiu, mà hóa lạnh lùng.
Mịt mù non nước xa trông,
Đường danh luống những rày mong mai chờ.
Cái số kiếp không ngờ nên thế!
Tài sức này hồ dễ thua ai?
Suy di đâu biết cơ trời,
Khi không gieo vạ cho người hợp tan.
Tấm nghiên bút trót mang lấy nợ,

Cũng dạn dày mong gỡ cho xong.
Phũ phàng chi mấy hóa công?
Phong trần mấy độ, bình bồng bao phen.
Ví sớm biết cái ghen danh lợi,
Thời thôi đành, lướt tới làm chi?
Trần ai nào có thiếu nghề,
Thân tằm vương lấy tơ kia làm gì!
Song lại nghĩ, cũng thì tai mắt,
Cũng thông minh trời đất ban cho.
Há thua ai chịu tối mò,
Ngồi trơ mắt ếch, xem trò đổi thay.
Cũng phải ráng ra tay xô đẩy,
Kẻo rồi mang thẹn mấy non sông.
Ai hay trời chẳng chiều lòng,
Lại giam, lại buộc cánh hồng vực sâu.
Càng cựa quậy, càng đau, càng tức,
Chẳng hiểu sao bắt ức nhau thay!
Hay là số phận còn chầy,
Kiên gan ắt cũng có ngày thành công.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 34, ngày 26–12–1929.

*

LỜI KỸ NỮ

ƯNG BÌNH [1]

Lênh đênh chiếc bách giữa ghềnh khơi,
Than thở đôi câu dám ngại lời.
Vì cuộc bể dâu nên thiếp phải,
Thương thân bồ liễu với chàng ơi!

---

1. *Ưng Bình:* biệt hiệu Thúc Giạ Thị (1877–1961) người hoàng tộc ở thành phố Huế, đỗ Cử nhân năm 1909. Ông có làm nhiều thơ, in thành tập như *Tình Thúc Giạ* (in năm 1942 ở Huế), *Đời Thúc Giạ* (in năm 1960 ở Sài Gòn).

Đã không chắp cánh chim bay bổng,
Chi để quanh vàng bướm lượn chơi.
Thử lấy cây tình giăng mặt nước,
Tình dài dằng dặc, nước vơi vơi.

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 146, tháng 1–1930.

*

TẾT TÂY [1]

T.H.

Chán Tết ta rồi, lại Tết Tây,
Khen ai khéo vẽ lắm trò hay!
Pháo xì ngũ sắc tung trời bắn, [2]
Nêu phất tam tài rợp đất bay [3].
Bôi mặt nát nhau phường hát bội,
Chen vai lĩnh chẩn lũ ăn mày [4].
Hỏi ai, ai có vui chăng tá?
Vui nhất là ai, tỉnh lại say.

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 12, tháng 7–1930.

*

BẠN BÈ ĐỜI NAY

TRẦN TẤN KHÁCH

Thế thái nhân tình đã chán chưa?
Bạn bè càng nghĩ lại càng dơ!
Khi vui đắc chí ran tay vỗ,
Lúc nạn đang tâm giở ngón lờ.

---

1. *Tết Tây:* Tết Dương lịch, tức ngày mồng 1 dương lịch.
2. *Ngũ sắc:* năm màu.
3. *Tam tài:* ba màu, chỉ lá quốc kỳ của Pháp có ba màu xanh, trắng, đỏ.
4. *Chẩn*: cứu giúp; ngày trước vào các ngày hội hè hoặc gặp năm đói kém, chính quyền (hoặc tư nhân) thường tổ chức phát gạo phát tiền cho dân nghèo, gọi là *phát chẩn. Lĩnh chẩn* nghĩa là lĩnh những đồ phát chẩn trong ngày Tết.

Thân thiết chẳng qua thân thiết giả,
Nghĩa nhân âu cũng nghĩa nhân vờ!
Hay đâu người thế mà như thế,
Mới biết đời nay buổi lọc lừa.

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn,
số 71 ngày 26–9–1930.

*

BÊN SÔNG NHỚ BẠN

Á NGỌC

Kẻ dưới người trên một dải sông,
Nhớ ai, thơ thẩn đứng ta trông.
Bốn phương mây nước đôi hàng lệ,
Muôn dặm quan san một tấm lòng.
Mặt sóng vẩn vơ con én liệng,
Chân trời phấp phới cánh buồm giong.
Nào người tri kỷ đâu đâu tá?
Có biết rằng ta vẫn mỏi mong?

Nam phong tạp chí, Hà Nội,
số 131, tháng 12–1930.

THAN MÌNH

TRẦN NGỌC LẦU [1]

Nằm đêm nghĩ lại rất than thầm,
Tài bộ như vầy đáng mấy trăm.
Khôn khéo dễ thua người vịnh tuyết [2],
Thông minh chẳng kém mặt thân cầm [3].
Văn chương Tống Tín coi nhiều bợm [4],
Từ điệu Như Hoành ngó vắng tăm [5].
Chí dốc noi gương theo họ Mạnh [6],
Kén lừa cho gặp khách tri âm [7].

Trích theo Mai Xuân Thọ – *Sương Nguyệt Anh,*
Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1957.

*

---

1. Theo lời ghi chú của Mai Xuân Thọ, trong sách *Sương Nguyệt Anh,* Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1957, thì Trần Ngọc Lầu, còn có tên là Ngọc Dung và thường được gọi là cô ba Lào, đồng thời với Sương Nguyệt Anh. Bà quê ở thị xã Vĩnh Long sau rời sang thị xã Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Trong sách *Chương Dân thi thoại* của Phan Khôi, Nhà in Đắc Lập, Huế, 1936, ở mục *Nam âm thi thoại* (viết từ năm 1929) có ghi: "Nhớ ông Trần Thiện Quý, Chủ bút báo *Trung Lập* hiện giờ (tức năm 1929 – N.V.P) có nói chuyện cùng tôi: bà Trần Ngọc Lầu, người Vĩnh Long, nay (tức năm 1929 – N.V.P) ngoài 60 tuổi là một tay làm thơ có tiếng".

Do chưa rõ thời điểm sáng tác của bài thơ này (và cả hai bài in ở sau), nên chúng tôi đành xếp ở cuối tập. Nếu đoán định thì cả ba bài phải ra đời khi tác giả còn trẻ, khoảng hai ba chục tuổi là cùng.

2. Tức Tạ Đạo Uẩn đời Tấn (Trung Quốc), ở đây, tác giả nhắc đến tài mẫn tiệp của Đạo Uẩn. Một hôm cả gia đình ngồi trong nhà, ngoài trời tuyết rơi. Người chú ruột là An chỉ tuyết hỏi: "Hà sở tự giã?" (tuyết giống cái gì?). Người anh con nhà bác là Lãng đọc "Tán diêm không trung sai khả nghĩ" (có thể ví như muối bay tán loạn trên không). Tạ Đạo Uẩn liền đọc: "Vị nhược liễu nhứ nhân phong khởi" (chưa bằng sợi liễu gặp gió mà bay lên).

3. Tức Thái Văn Cơ, rất giỏi về nghề đàn.

4, 5. *Tống Tín, Như Hoành:* hai nhân vật trong truyện *Bình sơn lãnh yến* của Trung Quốc.

6. *Mạnh:* tức Mạnh Quang một cô gái ở Bình Lăng, đời Đông Hán (Trung Quốc), ba mươi tuổi mới lấy chồng, rất quý trọng chồng.

7. *Lừa:* tức chữ *lựa* chuyển thanh để cho hợp với luật thơ.

NỖI LÒNG

TRẦN NGỌC LẦU

Kèn thổi lập binh [1] *đúng chín giờ,*
Bâng khuâng nhớ bạn ruột dường tơ.
Đói cơm khát nước lòng chi sá [2]
Ngóng nguyệt trông mây dạ ngẩn ngơ.
Người biết thì rằng ta thảm thiết,
Kẻ không lại nói đứa bơ thờ.
Ngư Khê Phụng Lãm [3] *hay chăng nhẽ,*
Cầu sắt Ngọc Lầu đứng ngẩn ngơ.

Trích theo Mai Xuân Thọ - *Sương Nguyệt Anh*
Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1957.

*

DỞ DANG

TRẦN NGỌC LẦU

Trần Ngọc Lầu và Nguyễn Hữu Đức yêu nhau, nhưng cuối cùng lại không lấy được nhau. Hữu Đức sau lấy một người khác. Trước tình cảnh đó, Ngọc Lầu đau khổ viết bài thơ này:

Lỡ khóc nên chi cũng lỡ cười,
Xốn xang đinh đóng giữa con ngươi.
Ngón đàn tri kỷ sao [4] *từ đấy,*
Chén rượu chung tình nhắn những ai.

---

1. *Lập binh:* thời thuộc Pháp, các trại lính đến chín giờ tối, nổi hiệu kèn tập hợp binh lính đứng xếp hàng (lập binh) ở ngoài sân để cấp chỉ huy kiểm điểm quân số.

2. Đại ý câu này nói Ngọc Lầu mong gặp người yêu đến mức quên cả đói khát, không nghĩ đến chuyện ăn uống.

3. *Ngư Khê Phụng Lãm:* Ngư Khê là nơi ở, Phụng Lãm là tên tự của Nguyễn Hữu Đức, người yêu của Ngọc Lầu.

4. *Sao:* tức sao lãng, ý nói: vì buồn nên không gảy đàn nữa.

Muôn kiếp dù không ân ái nữa,
Một ngày cũng đã tiếng tăm rồi.
Thôi thì phải vậy thôi thì vậy,
Gác tía lầu hồng đã có nơi.

Trích theo Mai Xuân Thọ – *Sương Nguyệt Anh*,
Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn 1957.

*

HỒN MỴ CHÂU MẮNG TRỌNG THỦY

ĐOÀN TƯ THUẬT [1]

Vì ai để trời long đất lở?
Non sông động.
Vì ai để nhà tan nước phá?
Xương thành đống.
Vì ai để phụ vương oan hồn đắm bể Đông?
Vì ai để nhân duyên một giấc thành ra mộng?
Trời biết cho không?
Đất biết cho không?
Đã nỏ thần mắc lừa quân bất nghĩa,
Lại nga mao dẫn lối kẻ phụ lòng.
Bây giờ quyết:
Oan kia thù nọ tội không dong!
Bây giờ quyết:

Phụ bố tàn dân không quản sống!
Tử tế, ôi chồng!
Sung sướng, ôi chồng!
Gươm này mặt ấy,
Cám cảnh non sông!

Trích *Tuyết hận mộng*.
Di cảo do ông Đoàn Phiên lưu giữ.

---

1. *Đoàn Tư Thuật* (1886–1928), hiệu Mai Nhạc, quê thôn Hữu Châu, làng Hữu Thanh Oai nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông tham gia Đông kinh nghĩa thục (1907), có bị thực dân Pháp bắt giam một thời gian. Ông nổi tiếng về các bản dịch bài *Tựa Truyện Kiều* của Chu Mạnh Trinh, *Tuyết Hồng lệ sử* của Từ Trẩm Á (Trung Quốc). Ông có viết một số thơ, có tập *Tuyết hận mộng* từng in ở ba số tạp chí *Nam phong* khoảng 1925, ký là Mai Liên, song chúng tôi chưa tìm được những số tạp chí đó, đành chép theo di cảo của tác giả do trưởng nam là ông Đoàn Phiên lưu giữ và đặt ở cuối tập vậy.

VĂN TẾ CHỒNG

(Tập Kiều)

LÊ TƯ KIẾN [1]

Tiểu dẫn: Nguyễn Văn Mã, tục gọi là Đồ Mã, người thôn Mạc Xá, xã Lam Cầu, huyện Duy Tiên, Hà Nam, khi quân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai, ông toan tính gia nhập nghĩa quân của Nguyễn Cao. Nhưng không may trên đường đi lên Thái Nguyên, ông bị hổ bắt, năm đó mới 27 tuổi.

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Nhiếp, lúc ấy mới 19 tuổi ở góa thờ chồng. Nhiều người trong vùng tới hỏi bà, nhưng bà đều từ chối.

Năm 1918, bà được ban thưởng *Tiết hạnh khả phong*. Nhân dịp này bà làm lễ tế chồng và nhờ tác giả là người làng làm hộ bài văn tế. Vì bà thuộc Truyện Kiều, nên tác giả làm bài văn tế bằng cách tập Kiều.

Tới năm 1932, em của tác giả là Lê Gia Cử gửi đăng trên *An Nam tạp chí* số 30-1-1932. Chúng tôi theo năm này mà đặt ở cuối tập, nhằm giới thiệu với bạn đọc một cách "chơi thơ" của người xưa.

Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
Cửa giời rộng mở đường mây,
Lòng nào còn tưởng có rầy nữa chăng?

Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương.
Chút riêng chọn đá thử vàng,
Chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn.

Bóng tà như giục cơn buồn,
Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Lại mang những việc tầy giời đến sau.

1. *Lê Tư Kiến*, tự Hội Chi (1878–1944), người xã Lam Cầu, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đậu Cử nhân khoa Kỷ Dậu (1909).

Những điều trông thấy mà đau,
Mưu sâu đành giả nghĩa sâu cho vừa.

Hùm thiêng khi đã sa cơ,
Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.

Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen.
Ruộng thương cỏ nội hoa hèn,
Dạ đài còn biết sẽ đền lai sinh.
Khóc than khôn xiết sự tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ quyên.

Mái ngoài kia đã giục liền,
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.
Chót lời nặng với lang quân,
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn?
Dù khi gió kép mưa đơn,
Làm cho lỡ nhịp cho đờn ngang cung.
Đã sinh ra số long đong,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi?
Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
Thân này thôi có ra gì mà mong.
Trăm năm tạc một chữ đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời.

Tấm lòng đã thấu đến giời,
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành.
Dạy rằng: hương lửa ba sinh,
Đạo tòng phu lấy chữ Trinh làm đầu.
Bình thành công đức bấy lâu,
Mấy nhời hạ tứ ném châu gieo vàng.
Vâng trình hội chủ xem tường,

Đường kia nỗi nọ ngổn ngang bời bời.
Rằng trong tác hợp cơ giời,
Dẫu thay mái tóc dám rời lòng tơ.
Nỗi niềm tâm sự bây giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
– Nhời vàng vâng lĩnh ý cao,
Mừng mừng tủi tủi xiết bao nhiêu tình!
Văn chương nết đất thông minh,
Ngỡ là phu quý phụ vinh ai ngờ...
Trăng thề còn đó trơ trơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai!
Khối tình mang xuống tuyền đài,
Một trời thu để riêng ai một người.
Trên đầu có bóng mặt giời,
Dám xin gửi lại một lời cho minh.

An Nam tạp chí, Hà Nội,
số 30–1–1932.

PHẦN II – TẬP 20

Chủ biên: **NGUYỄN TRÁC**

Sưu tầm, biên soạn:

NGUYỄN TRÁC – ĐOÀN BÍNH

KHẢI LUẬN

Truyện Việt Nam có từ lâu.

Từ đời Lý, cuối thế kỷ XI, đã có *Lĩnh Nam dật sử,* một bộ tiểu thuyết văn xuôi viết bằng chữ Hán rất qui mô, nội dung tốt, nghệ thuật cao. *Việt điện u linh* (đời Trần), *Lĩnh Nam chích quái, Truyền kỳ mạn lục* (đời Lê) là những tập truyện ngắn văn xuôi viết bằng chữ Hán tiếp theo.

Truyện Nôm bằng thơ nhiều hơn và gồm hai thể chính: thất ngôn và lục bát. Những truyện như *Vương Tường, Lâm tuyền kỳ ngộ* là viết bằng thể thất ngôn.

Đến thế kỷ XVIII, XIX, truyện bằng thơ lục bát chiếm ưu thế trong văn học và là bộ phận có giá trị, cả về nội dung nhân đạo lẫn nghệ thuật trau chuốt... Những *Phan Trần, Hoa tiên, Nhị độ mai, Bích Câu kỳ ngộ, Lục Vân Tiên...* đặc biệt *Truyện Kiều* đã trở thành những tác phẩm cổ điển của văn học Việt Nam. Những truyện Nôm có tính dân gian bằng lục bát hoặc lục bát biến thể: *Lý Công, Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Hoàng Trừu, Trê cóc, Trinh thử, Lục súc tranh công...* là những tác phẩm được truyền tụng rộng rãi.

Giai nhân kỳ ngộ của Phan Chu Trinh viết ở Pháp năm 1913 – 1915, bằng một lối thơ hỗn hợp, kết thúc một thời kỳ lịch sử của truyện thơ.

Truyện văn xuôi quốc ngữ là một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn trưởng thành của một nền văn học trên con đường hiện đại hóa.

Chữ quốc ngữ, thứ văn tự mới của nền văn học hiện đại có từ thế kỷ XVII. Đầu thế kỷ này đã có *Từ điển An Nam–Latinh*. Giữa thế kỷ thì có sách *Phép giảng tám ngày.*

Buổi sơ khai, hình thức chữ chưa ổn định. Phải một thời gian. Lại phải một thời gian lâu nữa, nó mới được phổ biến rộng. Nó thắng lợi ở Nam Bộ trước tiên. Ở đây, năm 1876, Trương Sĩ Tải đã có bài viết dài hàng vạn chữ.

Ở Trung Bộ và Bắc Bộ, chữ quốc ngữ phát triển chậm hơn. Chữ Hán vẫn còn là văn tự chính thức dùng trong thi cử và trong công việc hành chính hàng ngày. Quốc ngữ phải đấu tranh gay go với nó. Mãi đến năm 1897, trong quy chế thi hương mới bớt thơ chữ Hán thay bằng một bài luận quốc ngữ. Tú Xương, hàng chục năm sau, còn chua chát mỉa mai cái việc phải "vứt bút lông đi, dắt bút chì".

Cuối thập niên đầu thế kỷ, Đông Kinh nghĩa thục, một tổ chức yêu nước, khuyến khích học chữ quốc ngữ. Sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất, quốc ngữ mới thật sự đánh bạt được chữ Hán, chữ Nôm, tiến nhanh lên địa vị độc tôn, duy nhất.

Nền văn học quốc ngữ ở miền Bắc tuy muộn màng hơn đã đuổi kịp miền Nam, và trong cả nước, địa vị thứ chữ mới thể hiện trước hết ở những hoạt động văn hóa, mở đầu là hoạt động báo chí. Song song với những hoạt động dịch thuật, khảo cứu, là hoạt động sáng tác.

Truyện quốc ngữ ngày một phong phú, đa dạng.

*

* *

Ở bước đầu công cuộc phá đá mở núi, dọn đường cho chữ quốc ngữ phát triển và cho tiền đồ của nền văn học mới, phải kể đến sự đóng góp của một nhân vật Nam Bộ: Trương Sĩ Tải, tự là Vĩnh Ký. Nhà Tây học, Nho học, nhà làm từ điển và biên soạn sách giáo khoa, nhà khảo cứu, phiên dịch này, lại cũng có viết truyện và ký.

Kể ra, ở một giai đoạn lịch sử khói lửa mà hành động cướp nước của chủ nghĩa thực dân buộc dân tộc phải đem sự phẫn nộ đặt lên đầu lưỡi mác hoặc ngọn tầm vông, mà một Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp bị lên án là bán nước, mà cả Triều đình vốn dĩ là thần tượng, bị vạch mặt hèn nhát, thì chỉ riêng việc mang cái tên lai căng như Jean Baptiste Petrus (Giăng Bắptixt Pêtruytx) Trương Vĩnh Ký, cái tên biểu hiện một thiên hướng tình cảm không thuận chiều với dân tộc, riêng việc ấy cũng đã đáng trách lắm rồi. Tuy nhiên, trong giới nghiên cứu văn học, không ai hạ Trương xuống cùng hàng với những Tôn Thọ Tường cùng thời, những Hoàng Cao Khải, sau đó.

Hoạt động tích cực của họ Trương, trong lĩnh vực truyền bá một thứ văn tự mà gần ba mươi năm sau Đông Kinh Nghĩa Thục ra sức cổ vũ, là xuất phát từ một động cơ tiến bộ. Có thể coi ông là nhịp cầu cho văn học Hán, Nôm cũ kỹ chuyển sang văn học quốc ngữ mới tươi, một gạch nối cho hai nền văn hóa Pháp – Nam. Tên các sách ông viết đều là những tên ghi bằng Pháp, Hán, Nôm, Việt.

Tiếp theo công việc của Trương, một nhân vật khác, cùng xuất thân như Trương, Paulus (Pôluytx) Huỳnh Tịnh Của, viết *Chuyện giải buồn,* cũng nhằm mục đích "giúp trong các trường học, cùng giúp cho các người học tiếng An Nam". Tập sách có 120 chuyện, đề tài đa dạng. Có những chuyện đã là những điển tích thường dùng trong văn học (Ông tơ bà nguyệt). Có chuyện về danh nhân (Lạn Tương Như, Di Tử Hà). Nhiều chuyện có tính ngụ ngôn lấy cầm thú thay người. Có những chuyện đã được ghi chép trong *Truyền kỳ mạn*

lục. Có những chuyện là những vụ án lạ lấy trong hồ sơ Tư pháp Nam Bộ (Án tấu về vụ ăn cướp, Án lai lịch bất minh).

Lời văn cũng mộc mạc như văn Trương Vĩnh Ký.

Truyện của hai ông thuộc loại truyện kể. Khi bắt đầu có văn học trên báo chí, truyện kể lấy đề tài ở những chuyện lạ lưu hành trong dân gian, được sử dụng như một gia vị để kích thích lòng say mê của người đọc. Nó chiếm ưu thế trong một thời gian dài. Tờ *Nông cổ mín đàm,* tờ báo tư nhân đầu tiên, lưu hành đầu thế kỷ XX, đã đăng truyện kể trong hàng chục năm liền.

Hình thức truyện kể sở dĩ kéo dài lê thê hàng nửa thế kỷ mà chưa chuyển lên được một hình thức cao, là do trình độ văn quốc ngữ còn quá thấp.

Thứ văn tự mới, tuy tiện lợi, lại mang một "nhược điểm" khá cơ bản: mẫu tự của nó là mẫu tự trong chữ viết của "bọn xâm lăng!" Mà người dân Việt Nam có tinh thần bài Pháp kiểu Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ đếm trên đầu ngón tay. Cho nên, nếu chủ nghĩa đế quốc Pháp phải tốn hàng ba bốn chục năm mới tạm ổn được nền thống trị trên một xã hội đã rệu rã về hệ ý thức phong kiến chính thống, thì về văn học, cho đến giữa thời "hoàng kim" của tám mươi năm Pháp thuộc, một tờ ngôn luận như *Đông Dương tạp chí* còn phải mở mục dạy làm luận quốc ngữ với những đề như "Đặt ra một truyện nói về sự kính trọng người già cả" (*Đông Dương tạp chí,* số 42, tháng 3–1914).

Trong tình trạng ấy, một cố gắng chuyển mình của thể loại truyện chưa thể thành công. *Lương hoa truyện* là một ví dụ. Đây là một truyện được "giải thưởng văn chương" trong một cuộc thi của tờ *Nông cổ mín đàm.* Cuộc thi được quảng cáo kiên trì mà số người dự chỉ có ba, đến khi "nộp bài" còn có một. Ấy thế mà truyện *Lương hoa* vẫn không được giải cao nhất. Truyện của Pierre Eugène (Pie Ơgien) Nguyễn Khánh Nhương này mới là một cái bóng mù sương của hình thức truyện tiểu thuyết. Nội dung là một giáo lý cũ kỹ (hiếu, nghĩa) công thức, tẻ nhạt. Giá trị nghệ thuật mỏng manh, câu văn non nớt.

Dù sao nó cũng báo hiệu một lý tưởng thẩm mỹ, một nhu cầu nghệ thuật cao hơn.

Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, mà lá cờ tam tài có thể phấp phới ngạo nghễ hơn trên các thuộc địa Lang Sa, thì văn quốc ngữ công khai hợp pháp cũng tiến thêm được một bước về hình thức nghệ thuật. Về báo chí, tờ *Nam phong* già dặn hơn tờ *Đông Dương.* Về truyện, truyện kể bước lên hình thái truyện tiểu thuyết.

Truyện tiểu thuyết là một bước phát triển mới nữa của văn học quốc ngữ.

Lúc đầu có truyện ngắn (đoản thiên tiểu thuyết), sau dần có truyện vừa (trung thiên tiểu thuyết) và truyện dài (tràng thiên tiểu thuyết).

Truyện ngắn chỉ mới biết khai thác đề tài ở một số biến cố gia đình thường xảy ra nơi thành thị. *Có mới nới cũ* (Thọ Sơn, Đoàn Như Nam) là chuyện một anh chồng phụ bạc người vợ tao khang chạy theo một cô gái nhan

sắc. *Thần Thiên lương* (Mân Châu) được ghi là "bi tình tiểu thuyết" cũng miêu tả một tình huống tương tự. Có điều ở đây, con người bạc nghĩa đã nghe được tiếng gọi của thần thiên lương, tức lương tâm, mà biết hối lỗi, để "nhìn lên mặt trời, thò tay vào túi, rút con dao", tự đâm cổ, mình xử lấy mình. Lấy nhau thì phụ nhau, mà không lấy được nhau thì chết. *Truyện một người du học* sinh An Nam (Vũ Đình Chí) là chuyện một đôi thanh niên nam nữ yêu nhau, bị gia đình ngăn trở, tuyệt vọng đến chết cả hai.

Có hai cây bút truyện ngắn được chú ý, cả về đề tài lẫn nghệ thuật hư cấu: Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học.

Phạm Duy Tốn nổi tiếng một thời về truyện *Sống chết mặc bay*.

Nhà văn tân học này biết lấy đề tài ở một vấn đề xã hội. Ông lại nhìn được đúng vào bản chất của một hạng người thuộc lớp thống trị là bọn quan lại. Có con mắt tinh đời và cả dũng khí nữa. Quan lại, những năm hai mươi, đang còn được đế quốc nâng đỡ, và cũng còn thừa hưởng chút uy tín thừa của lớp người vốn được coi là "cha mẹ dân".

Có người cho rằng nhân vật quan phụ mẫu trong truyện không thực, hành động bị cường điệu quá đáng. Làm gì có thứ quan lì lợm đến độ chờ ăn một quân bài mà không thèm nghe tiếng kêu cứu đê "vang dậy trời đất". Một ván bài, dù ù to mấy mươi, cũng khó làm mờ ý thức trách nhiệm trên đầu viên quan địa phương khi để xảy ra, ngay dưới chân mình, cái đại họa đứng đầu bốn tai nạn khủng khiếp: thủy, hỏa, đạo, tặc.

Có thể hành động của viên quan không phải là hành động bắt gặp thường ngày, nhưng không phải không thể xảy ra. Bọn tay sai đắc lực của chủ nghĩa thực dân, trên đà sa đọa, còn có những việc làm tệ hại hơn nữa. Chúng là cái đích ngon cho mũi tên trào phúng đả kích đương thời và sau này nữa.

Tình cảm của Phạm Duy Tốn trong truyện dứt khoát, yêu ghét phân minh. Kỹ thuật thể hiện chủ đề khá tinh tế. Cảnh được miêu tả đối chọi, làm nổi tương phản giữa những người nông dân lầm than khốn khổ cấp cứu con đê sắp vỡ và viên "quan bố mẹ" khệnh khạng, hách dịch, ung dung hưởng lạc. Động tác linh hoạt, khi dồn dập, khi khoan thai. Đối thoại nhanh, gọn, sắc. Lời văn hóm hỉnh, mỉa mai. Kết thúc khéo, như cái lờ đột ngột thắt lại, như kết thúc của một vở kịch ngắn hay.

Giá bỏ đi được mấy tiếng thở dài bình luận không cần thiết xen vào, bớt đi cái hơi hướng biền ngẫu vấn vương, thì truyện hiện đại hơn, nhẹ nhõm hơn.

Dù sao, *Sống chết mặc bay* cũng đã làm nổi cơ đồ của Phạm Duy Tốn và đáng được coi là mốc đầu của đoản thiên tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ.

Những truyện ngắn khác của Phạm Duy Tốn đều ít nhiều có tính chất xã hội và giá trị tố cáo, tuy nghệ thuật không bằng *Sống chết mặc bay*. Ở *Con người Sở Khanh* tên tuổi nhân vật (thầy Ất, cô Giáp, thầy Bính...) cùng cách

sắp xếp tình tiết đều lộ rõ tính giả tạo. Nhưng hành động của nhân vật Sở Khanh trong truyện có tính phổ biến trong thời đại kim tiền.

Chuyện một ông Phán đầu tòa, hành hạ vợ, đoạt của của vợ đem cho đĩ điếm, khiến vợ đau buồn, uất ức đến chết, cũng là chuyện thường xảy ra *(Nước đời lắm nỗi).*

Truyện *Bực mình* tỏ nỗi xót thương của người viết với một ông già nông dân. Con giai ông chết đuối trong một nạn lụt, để lại một đàn con thơ mọn. Ông già ngoài sáu mươi, nặng gánh, phải lên Hà Nội kéo xe. Có lần đuối sức, ông lê chân không nổi. "Chồng chất hai bồ nghe chừng đã nặng, lại còn một mụ vắt vẻo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nổi, mà mụ thì mỉa mai, nặng lời xỉ vả".

Khác với Phạm Duy Tốn biết đứng về phía người nghèo khổ mà nhìn xã hội, Nguyễn Bá Học thường lấy đạo đức phong kiến để xét đoán hành động con người. Ông chủ trương người đàn ông không được cờ bạc rượu chè, người đàn bà không được xa hoa đàng điếm, người thanh niên phải biết gìn giữ tiết tháo để bảo vệ gia phong.

Nhân vật trong truyện của ông phần lớn là những người trong giai cấp ông, giai cấp phong kiến đang suy tàn. Ông thương xót họ khi họ gặp bước phong trần. Nhờ tình thương đó mà ông thấy rõ hơn, và phản ánh được ít nhiều hiện trạng xấu xa trong xã hội.

Câu chuyện một tối của người tân hôn là chuyện một phụ nữ con nhà quan, gia đình sa sút, phải xin vào làm trong một nhà máy. Làm quần quật suốt ngày đêm "từ bốn giờ sáng còi nhà máy gọi lần thứ nhất... đến mười hai giờ đi ngủ" mà công chỉ có mười bốn xu. Chị còn bị bọn Hoa kiều, đốc công nhà máy "hay cợt nhợt, thấy con gái sạch sẽ hay thương hay yêu, khi ra bẹo má, khi vào nắm tay". Chị bị tai nạn lao động, bị thải hồi, không được đền bồi một xu, một chữ.

Tác giả không biết để sự việc tự nói ý nghĩa của truyện, cứ cùng nhân vật thở vắn than dài. Cách miêu tả tâm lý vụng về, lời văn dềnh dàng, xen quá nhiều từ Hán Việt. Những "tự thủ, thích lý, tử hộ, thể nghi..." lủng củng như những hạt sạn trong một bát cơm.

Tuy vậy, truyện gợi được nhiều suy nghĩ về cái lỗi thời trong nền nếp sinh hoạt ở một gia đình nhà quan, nhất là về kiếp sống của thợ thuyền khi xã hội Việt Nam bắt đầu có nhà máy.

Truyện *Cô chiêu Nhì* cũng là chuyện một cô gái con nhà gia thế "cha anh đều phát đạt sớm, có danh vọng thế lực một thời". Cha anh mất sớm, cô chỉ còn có mẹ. Mẹ lại nuông chiều, cô sinh hư. Mười bốn, mười lăm tuổi đã vuốt ve làm dáng. Mẹ chết "cô càng không cố kỵ gì nữa". Cô ăn chơi, hút sách, bị ông tộc trưởng đuổi đi, cuối cùng đến phải dắt con đi ăn mày. Truyện có dụng ý giáo dục, được tác giả gọi là "cảnh giới tiểu thuyết".

Dư sinh lịch hiểm ký không phải là một bài ký mà là một "xã hội tiểu thuyết" như tác giả khẳng định. Câu chuyện bắt đầu đột ngột. "Cha tôi đuổi tôi khỏi nhà". Vì anh thanh niên này, Hán học dở dang, theo Tây học thì hỏng thi vào Trung học. Anh ta đi lang thang, gặp một ông thầy học cũ, được ông khuyên nên có óc thực dụng giữa lúc "quốc dân mới văn minh, xã hội mới tiến hóa". Anh ta bỏ vào Nam [illegible] được một kế hoạch làm ăn lớn. Anh sẽ lập một hội gọi là "Nam Kỳ nông [illegible]ng thương tương tế hội", hội có nhiều cổ, mỗi cổ là mười đồng.

Người viết nhiều tiểu thuyết trường thiên lúc bấy giờ là Hồ Biểu Chánh.

Hồ Biểu Chánh nổi tiếng ở miền Nam trong một thời gian dài. Ông có hơn năm mươi năm làm văn, viết đến hơn sáu chục cuốn tiểu thuyết. Tác phẩm đầu tiên là *U tình lục* viết năm 1909, và trước khi qua đời (1958) còn hàng chục cuốn chưa in.

Tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh cũng đã phản ánh được ít nhiều sinh hoạt của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Nó cũng cho thấy rõ lý tưởng đạo đức, lý tưởng chính trị của nhà văn, một lý tưởng tuy có vẻ đẹp nhưng là một ảo tưởng hơn là một khả năng. Người ta thường nói đến ba dụng ý trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh: dụng ý phản ánh hiện thực xã hội, dụng ý giáo dục đạo đức, dụng ý đề nghị cứu vớt kẻ khốn cùng.

Hiện thực được phản ánh là hiện thực Nam Bộ. Nam Bộ ở đây là những vùng lân cận Sài Gòn trong vùng lưu vực sông Cửu Long: Mỹ Tho, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ...

Nam Bộ trước kia là một thuộc địa. Nó bị chinh phục trước và có một chế độ chính trị khác với Bắc Bộ và Trung Bộ, tương tự như một quận của Pháp. Nam Bộ đất rộng, người thưa, thiên nhiên ưu đãi, làm ăn dễ dàng. Ở đây có nhiều địa chủ lớn với hàng trăm, ngàn mẫu ruộng, hoa lợi mỗi năm đến nghìn, vạn giạ lúa. Chí Thành hơn ba mươi tuổi đời, có hơn nghìn mẫu ruộng *(Tân phong nữ sĩ)*. Cai Từa hưởng hai vạn giạ lúa một năm *(Tỉnh mộng)*. Phán Thầm tính sơ sơ với Ba Có: "Hiện bây giờ ruộng đất của tôi mỗi năm có huê lợi tới một vạn giạ lúa. Tôi hưu trí, mỗi lần ba tháng tôi lĩnh được bốn trăm tám mươi đồng...!" *(Nợ đời)*.

Những gia đình giàu có này thường có con cái học Trung học, Đại học bên Pháp. Những Lữ Trọng Quý đỗ bác vật *(Vì nghĩa vì tình)*, Thái Duy Càng, luật khoa Tiến sĩ *(Ông cử)*, những Vĩnh Xuân *(Tân phong nữ sĩ)* đều được đào tạo tại nước Pháp. Có người vào làng Tây, nhập Pháp tịch. Về nước, họ làm ăn riêng lẻ, chọn một nghề tự do, như đứng chủ một bệnh viện, mở một phòng luật sư. Tên tuổi họ gắn với chức vụ, địa vị bằng cấp, ít nhất thì cũng gắn với ngôi thứ trong gia đình. Họ là Hội đồng Quỳnh, Cai tổng Tâm, là Tấn sĩ Càng, Tú tài Hùng, là Hai Nghĩa, Ba Thời, Tư Lựu, Năm Đào...

Những người có của ăn tiêu không tính toán, ném tiền qua cửa sổ. Nếu họ có con gái thì gia sản của họ là nỗi thèm thuồng của những chàng trai.

Phùng Xuân lấy vợ là để đào mỏ *(Kẻ làm người chịu)*. Lê Vĩnh Thái tìm đến Thu Hà không phải vì yêu đương mà vì bố Thu Hà có năm trăm mẫu ruộng *(Khóc thầm)*.

Họ giàu nhưng cũng dễ sa sút, gia sản bị chủ nợ tịch biên. Do ăn chơi, cờ bạc. Cũng có người do ít kinh nghiệm trong kinh doanh, làm ăn thua lỗ.

Do thế giới quan bị hạn chế, Hồ Biểu Chánh ít thấy mâu thuẫn lớn trong xã hội, không thấy mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc và đế quốc, mà mâu thuẫn giai cấp cũng không được nhận thức rõ ràng.

Tuy nhiên, vì có được tư tưởng cấp tiến, tư tưởng chung ở những trí thức sớm biết đến nền dân chủ tư sản phương Tây, lại vì viết truyện không thể không dùng chất liệu cuộc sống mà tác giả đã ghi nhận được những hành động thuộc bản chất của nhân vật.

Bọn giàu có, bọn có quyền, có địa vị không thiếu những hành động tàn bạo, dâm ô. Vĩnh Thái thực hiện chương trình "chấn hưng kinh tế" bằng cách ép hàng trăm tá điền vay thóc vay tiền của hắn với lãi suất cao, bắt họ nộp thêm tiền đất, tiền chôn cất người chết và hắn đã cướp hàng trăm mẫu ruộng do nông dân khẩn hoang *(Khóc thầm)*. Bá Vạn mới định ra tranh cử chức Hội đồng quản hạt mà đã tuyên bố với chị cái cách "gỡ lại mười muôn" để bù cho phí tổn tranh cử "tốn chừng một muôn". "Chị đợi tôi làm được Hội đồng rồi chị coi tôi có làm lớn hơn nữa hay không... Chị không hiểu chớ, đời bây giờ làm nghề nào lợi cho bằng làm Hội đồng" *(Tiền bạc, bạc tiền)*. Còn Hai Nghĩa thì phá trinh bao nhiêu con gái mà không ai dám nói ra (*Con nhà nghèo*).

Ở người nghèo khổ, Hồ Biểu Chánh cũng có khi ghi được nỗi uất ức tự phát biến thành hành động phản kháng. Thị Tỏ muốn lấy tên mẹ Hai Nghĩa đặt tên cho thằng bé con mình để "kêu mà chửi tối ngày". Ba Cam đi xa hơn. Anh đón đường chỉ vào mặt tên điếm: "Tao phải trừng trị mày một lần đặng mày chừa cái thói phá hư danh giá của con người nghèo". Và anh "rút dao trong lưng ra, rồi hất rớt cái nón lông và chém trên mặt cậu Hai Nghĩa hai dao, đá thêm một đá, cậu ta nhào xuống ruộng".

Nhà văn ghi những hiện tượng ấy, nhưng không quan niệm được tính tất yếu, tính qui luật, không thấy bản chất sau hiện tượng, dùng hiện tượng như những tình tiết giúp vào kết cấu của truyện. Nói chung tính cách tốt xấu của nhân vật không do vị trí giai cấp, môi trường sinh hoạt, hoặc quan hệ xã hội quyết định mà thường được phác họa một cách ngẫu nhiên. Có những nhân vật trong cùng hoàn cảnh mà tính cách lại đối lập nhau tùy tiện. Vĩnh Thái bóc lột tàn tệ, nhưng bố vợ y, nhà đại địa chủ đã để lại gia tài cho y lại là người rất nhân đạo. Ông đã bất bình với sự bóc lột của con rể, chửi rủa những chính sách tàn ngược của y. Con gái ông, Thu Hà, cũng là người tốt. Chồng cô thúc nợ tá điền, thì cô cho họ tiền. Chồng cô hành hạ người nghèo thì cô mở trường dạy con cái họ, phát không sách vở cho chúng.

Trong hạng nghèo khổ cũng thế, tốt xấu lẫn lộn. Mậu một đằng cướp giật vì nghèo túng, nhưng mặt khác lại đem một phần tiền cướp được giúp bạn túng nghèo. Tá điền Trần Văn Sửu là người biết thương vợ thương con, nhưng vợ y lại đỏng đảnh, lăng nhăng, có ngoại tình, chửi chồng thậm tệ.

Nỗi đau khổ trong xã hội không phải chỉ riêng hạng nghèo phải chịu. Người giàu, hôm qua còn lên xe xuống ngựa, hôm nay có thể gặp biến cố mà rớt xuống vực cùng đinh. Cô Phùng Xuân, bố trước kia hoa lợi ba bốn chục ngàn giạ lúa mà nay cô phải may thuê vá mướn *(Thiệt giả giả thiệt)*. Cai tổng Lê Thái Bình, nợ bốn chục ngàn bạc không giả được, gia sản bị phát mại. Thế là Túy Nga, con gái ông bị chồng kiếm chuyện mà bỏ rơi.

Nguyên nhân nỗi đau khổ không nên tìm trong chế độ chính trị, trong quan hệ sản xuất, mà phải tìm ở bản thân của mỗi con người. Hồ Biểu Chánh có ý phân biệt hai loại người tốt xấu, trắng đen rõ ràng. Cái tốt là chính nghĩa, cái xấu là phi nghĩa. Chính nghĩa phải được biểu dương, phi nghĩa phải bị lên án. Đó là nội dung đạo đức trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh.

Khi Hồ Văn Trung lấy bút danh là Biểu Chánh, tất muốn xác định mục tiêu cho hoạt động văn học của mình là sáng tác để biểu dương chính nghĩa. Tên ông đặt cho tác phẩm mang ý nghĩa ấy: *Vì nghĩa vì tình, Gánh cang thường, Cha con nghĩa nặng*... Tên nhân vật cũng vậy, mỗi tên là hiện thân của một tính nết: Chánh Tâm (ngay thẳng), Như Thạch (kiên quyết), Tự Cường (không chịu lụy ai), Thanh Nguyên (trong sạch), Trung Hậu, Hiếu Liêm... người xấu thì mang tên Bá Vạn (ham giàu), Trường Xuân (ăn chơi), Háo Sắc...

Nội dung đạo đức đặt tiểu thuyết của ông vào mạch dân tộc. Dân tộc ta vốn trọng đạo đức làm người. Lịch sử đặc biệt của dân tộc buộc chúng ta phải biết sống. Có thế mới giữ được nước cho đến ngày nay. Nguyên tắc "văn dĩ tải đạo" xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó.

Chính nghĩa Hồ Biểu Chánh biểu dương là đạo đức phong kiến. Đạo đức này ở ông, đã được ngọn gió mát lành của tư tưởng nhân dân thổi lộng vào, làm dịu đi nhiều tính khắc khổ, làm lỏng lẻo đi tính nguyên tắc cứng đờ.

Trong quan hệ gia đình, đạo đức ấy là nghĩa cha con, tình anh em, nghĩa vợ chồng, tình ông cháu.

Một người cha trốn tránh pháp luật, đêm tối lần mò về thăm con. Một bé Tý dù bị đánh đập vẫn dũng cảm tố cáo tên hương hào Hội, kẻ đã làm tan nát gia đình em. Tý biết thương yêu đùm bọc em gái, đi ăn đi ở với người mà dám đảm nhận việc phụng dưỡng ông ngoại. Ông ngoại không chỉ quý thương cháu mà còn rộng tình cả với đứa con rể đã làm chết con mình. Đó là nghĩa *(Cha con nghĩa nặng)*. Ở truyện *Ông cử* một người cha khuyên con: "Chồng của con là một người đứng đắn, tuy trí thức theo tân học, nhưng mà tâm tính còn giữ theo phong hóa nước nhà. Người như vậy không phải là dễ kiếm, con

có chồng như vậy thời là phước lắm. Vậy con phải hết lòng thờ chồng, đừng có lo cho phận cha". (Vợ thờ chồng). Còn con gái con rể thì đã đem hàng trăm mẫu ruộng của riêng làm lại gia sản cho cha, khiến cha cảm động không rứt bỏ nổi cái mộng thí phát quy y. Trong gia đình, vợ chồng thực sự yêu nhau thì có hạnh phúc. Đó là chủ đề trong *Thiệt giả giả thiệt* khi nhà văn ghép cho một ông Phán già lấy một người vợ trẻ mà hai người biết tôn trọng và chiều chuộng nhau.

Trong quan hệ xã hội, nghĩa theo ông, là tấm lòng đối với đất nước, lòng thương mến cưu mang đồng bào, lòng thủy chung son sắt trong quan hệ nam nữ.

Ông có một số nhân vật biết băn khoăn đến tiền đồ của đất nước. Một gia đình có con đi Tây du học. Cả nhà mong muốn anh học thành tài để về "giúp nước" *(Khóc thầm).* Ông đề cao những người có lòng hào hiệp biết quên mình làm việc nghĩa, từ cái hào hiệp của Mậu là ăn cướp giật mà biết giúp bạn nghèo, đến cái hào hiệp lạ đời của một Lý Kỳ Tâm biết khinh tiền tài danh vọng, trọng lời hứa, biết dùng tài ba giúp người ra khỏi những tình huống khó xử *(Tỉnh mộng).*

Đặc biệt Hồ Biểu Chánh đã phần nào thấy được giá trị truyền thống hết sức đáng ca ngợi của người phụ nữ Việt Nam. Nhân vật phụ nữ trong truyện ông phần lớn là người tốt. Trong gia đình, họ là mẹ hiền, vợ đảm, thương con chiều chồng, biết hy sinh. Ngoài xã hội họ là những người có từ tâm, khoan dung, độ lượng. Tiếp xúc với phong trào Âu hóa, họ không mất gốc, vẫn giữ được vẻ đẹp cổ truyền khiến cho cái mới tiếp thu không thành lố lăng đáng ghét. Một nhân vật như Thu Hà chẳng hạn được trình bày song song đối lập với người chồng. Chồng lừa đảo, cô tin người, chồng bất nhân, cô phúc đức, chồng ngoại tình, cô chung thủy. Chồng chết, cô xin cha du học "Cái mục đích về sự sống của con là giúp ích cho đời... Con xin ba cho con du học ít năm con mở rộng kiến thức, con luyện tập tài nghề... Con sẽ làm đàn ông mà lo việc khai hóa".

Lo việc khai hóa. Lý tưởng của Thu Hà cũng là lý tưởng của Hồ Biểu Chánh. Phải khai hóa, tức phải làm cho xã hội văn minh, tốt đẹp hơn. Vì xã hội còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Đó là nội dung cải cách, nội dung thứ ba tác giả đưa vào truyện.

Có ba vấn đề nổi rõ: vấn đề giải phóng phụ nữ, vấn đề giải phóng người nghèo, vấn đề giải thoát nỗi khổ.

Vấn đề giải phóng phụ nữ được giải quyết tương đối dễ dàng.

Ở Nam Bộ nói chung – được coi như một quận của nước Pháp – và ở các đô thị nói riêng, sinh hoạt ở môi trường trí thức và ở các gia đình giàu có, phần nào phỏng theo sinh hoạt phương Tây. Một số tệ tục của xã hội phong kiến nhất là tục lệ cho phép "trai làm nên lấy năm lấy bảy" đã gần như bị loại trừ. Không còn tiếng than cay đắng, nguyền rủa cái cảnh "kẻ đắp chăn

bông, kẻ lạnh lùng". Nhưng mặt khác, Nam Bộ vẫn là phần đất của một nước có chế độ phong kiến ngưng đọng hàng nghìn năm. Hồ Biểu Chánh tán thành phong trào Âu hóa, một phong trào xuất hiện từ thập niên hai mươi của thế kỷ. Trong truyện của ông có những tiệc sâm banh ồn ào, những cuộc khiêu vũ nhộn nhịp giữa trai thanh gái lịch. Người phụ nữ có học tham gia công tác xã hội. Một nữ sĩ như Tân Phong được vẽ lên một cách trìu mến. Trong quan hệ nam nữ, ông tán thành tự do yêu đương, quyền cơ bản để bảo đảm hạnh phúc gia đình. Ông công nhận quyền được bước đi bước nữa của những phụ nữ giữa đường đứt gánh. Ông ủng hộ những cuộc tình duyên giữa trai tơ với gái nạ dòng. Trong *Kẻ làm người chịu*, một kỹ sư trẻ không nề hà Tố Nga đã có một đời chồng, thiết tha xin được cùng cô sum họp.

Vấn đề quan trọng hơn có tầm xã hội cao hơn và cũng được ông quan tâm là số phận những kẻ khốn cùng.

Trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, những kẻ đó là những trẻ em bơ vơ phải đi ở đợ như thằng Tý mười hai tuổi, con Quyên sáu tuổi *(Cha con nghĩa nặng)*, những Hiệp mười bốn tuổi bán báo rong *(Lạc đường)*, những Mau bị đánh đập, những kẻ ăn xin bị Vĩnh Thái xua đuổi, những tá điền bị tô cao thuế nặng *(Khóc thầm)*, là những Hai Cư cu li khuân vác bị tai nạn lao động, nằm ở nhà thương Chợ Rẫy, mất lương, những Lý Trường Mậu làm công trong một hãng vận tải cùng quẫn phải ăn cướp *(Lạc đường)*, là những cô Phục quá tin người mà cuộc đời bị vấy bẩn rồi bị dắt sâu mãi vào con đường truy lạc..., nói chung là những nạn nhân của một xã hội mà kẻ có tiền có quyền được coi là những người khôn và "đứa khôn lột da đứa dại" *(Nợ đời)*.

Xã hội có nạn nhân, lại song song có người tốt bụng, có thiện chí muốn cứu vớt họ. Tý khổ có bà Hương quản Tồn thương, Mau bị hành hạ thì Thu Hà cho tiền và miễn nợ cho bố.

Trong xã hội cũng không thiếu gì những trí thức có tấm lòng, có nhiệt tình, muốn cống hiến tài năng của cải cho công cuộc cải tạo xã hội. Cô Hai Tân là một cô gái có nhan sắc, con nhà giàu, nhiều người đeo đuổi mà cô nhất quyết ở độc thân để suốt đời phục vụ cho phụ nữ. Cô ra báo bênh vực quyền lợi cho giới mình. Cô cổ động lập nhà bảo sanh để nhận đàn bà nghèo đến sinh nở. Nam giới thì có những con người như Hạo Nhiên, đỗ Tú tài hạng ưu, cũng nguyện đem hết sức mình phụng sự lý tưởng của cô Hai *(Tân phong nữ sĩ)*.

Hoạt động của những người tốt bụng trong xã hội sẽ làm nhẹ đi nỗi khổ đau của những kẻ nói trên kia.

Có thể coi *Ngọn cỏ gió đùa* là tiểu thuyết tiêu biểu cho tư tưởng giải phóng kẻ khốn cùng. Cần nói ngay là nó được phỏng theo cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn nhân đạo chủ nghĩa Pháp thế kỷ XIX: cuốn *Những người khốn khổ*. Cũng những nhân vật với tính cách giống nhau đặt trong những tình huống, những mối quan hệ xã hội y hệt như nhau, được Việt hóa cho hợp

với khẩu vị của người đọc Việt Nam. Nhân vật chính Lê Văn Đó cũng vì thương mấy cháu nhỏ mà cướp giật thức ăn, rồi bị tù rồi vượt ngục không thành mà án khổ sai chồng chất lên mấy chục năm. Ra tù, Đó được hành động nhân ái cao quý của một vị tôn giáo cảm hóa mà đổi hẳn tâm tình. Đó làm ăn giỏi trở nên giàu lớn đồng thời cũng thành một bậc từ thiện lừng danh. Lê Văn Đó là Jean Van Jan. Ánh Nguyệt là Fantine. Thu Vân là Cosette. Vợ chồng Đỗ Cẩm là ông mụ Thénardier. Phạm Kỳ là Javert. Thể Phụng là Marius. Cảnh kết thúc không khác gì trong kiệt tác của Victor Hugo. Tác phẩm tiêu biểu cho những giá trị cũng như những hạn chế lớn của nhà văn: giá trị nhân đạo, tính cải lương không tưởng của giải pháp.

Vấn đề phụ nữ được giải quyết bằng cách để họ theo Âu hóa. Muốn cứu vớt những kẻ mồ côi, những người mẹ xa con, những ông già bệnh tật không nơi nương tựa... thì nhờ tấm lòng của những Lê Văn Đó.

Tuy nhiên trong xã hội không chỉ có những con người ấy là đáng thương. Cuộc đời nói chung là đau khổ, là đầy nước mắt. Xã hội không làm khổ họ thì chính họ, chính cái "tham, sân, si", cái hỉ, nộ, ái, ố, sầu, bi, cái dục vọng làm cho họ lao đao khốn đốn. Ghê gớm hơn là số phận là định mệnh mà con người không tài gì cưỡng nổi. Con đường giải thoát hiệu nghiệm hơn cả, con đường mà một phân số loài người đã đi từ hàng nghìn năm, đó là con đường tu hành, con đường Thích Ca, con đường Phật giáo. Lê Hữu Độ là con nhà giàu, mười tám tuổi đỗ Tú tài, hai mươi mốt tuổi đỗ Cử nhân, làm Tri huyện, tăng Án sát, được vua ban một bộ ấm trà với một bình tích bằng ngọc lựu mà rồi đã cắt tóc đi tu, trở thành một vị Hòa thượng chân chính *(Ngọn cỏ gió đùa)*. Cai tổng Tâm được hưởng ba trăm mẫu ruộng gia tài, có con gái đẹp, con rể đỗ Tiến sĩ luật khoa, mà ngẫm nghĩ về đời đã thốt lên: "Cái kiếp của con người là cái kiếp khổ, trong mấy chục năm chúng ta sống mà làm người đây, là sống đặng chịu cái khổ, hoặc khổ vì ly biệt, hoặc khổ vì cơ hàn, hoặc khổ vì gia đình, hoặc khổ vì xã hội, hoặc khổ vì vật chất, hoặc khổ vì tinh thần, hoặc khổ vì lợi danh, hoặc khổ vì bịnh hoạn. Tuy tạo hóa chia loài người làm nhiều hạng, nhưng mà từ sang chí hèn, từ giàu chí nghèo, hạng nào cũng phải chịu những cái khổ mới nói đó hết thảy, hạng nào cũng phải dãi dầu vì luồng gió bụi, hạng nào cũng phải loi nhoi trong biển trầm luân..." *(Ông cử)*. Muốn ra khỏi biển, chỉ có cách lên núi tu hành. Cai tổng Tâm đã quyết làm như thế. Ở Nam Bộ nhiều người làm như thế. Chùa chiền đặc biệt nhiều ở đây. Giải pháp trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh phản ánh một tâm trạng xã hội.

Về nghệ thuật, cống hiến của Hồ Biểu Chánh là ở cách viết truyện dài theo nghệ thuật mới phương Tây. Nhân vật không phải chỉ có hành động mà có nội tâm diễn tả nhiều khi tinh tế. Văn miêu tả xen kẽ rộng rãi với văn tự sự. Có những chi tiết hiện thực được đưa nguyên vẹn vào: một tờ quảng cáo, một bài diễn văn. Chuyện kể không nhất thiết theo trình tự thời gian, có

khi bắt đầu bằng khúc giữa hoặc đoạn chót. Có khi chuyện đi một hơi, có khi chia thành chương hồi với những tiêu đề có ý nghĩa khái quát tư tưởng của toàn chương.

Lời văn giản dị mang đậm đà sắc thái của ngôn ngữ nơi cửa miệng nhân dân.

Trong dòng văn học công khai ở một nước thuộc địa, với những hạn chế do hoàn cảnh chính trị, xã hội, do thế giới quan nhà văn và do trình độ phát triển của văn học, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh đáng được đặc biệt quan tâm.

Nếu ở trong Nam tiểu thuyết xã hội của Hồ Biểu Chánh được sáng tác liên tục trong mấy chục năm dài, thì ở ngoài Bắc, cuốn tiểu thuyết tâm lý *Tố Tâm* cũng làm cho tác giả Song An được luôn luôn nhắc đến.

Đề tài *Tố Tâm* không có gì đặc biệt. Không đặc biệt ở Việt Nam. Tình yêu dang dở, chuyện đau khổ của đôi thanh niên nam nữ yêu nhau không lấy được nhau là chuyện đã từng gặp nhiều ở truyện Nôm. Lại càng không đặc biệt trong văn học thế giới. Những Roméo và Juliette, Héloïse mới, Paul và Virginie, *Tuyết hồng lệ sử* là những câu chuyện quá quen thuộc đối với người đọc Việt Nam.

Cái đặc biệt là ở cuốn tiểu thuyết tâm lý văn xuôi đầu tiên bằng quốc ngữ này, người đọc được gặp một nhân vật có tâm hồn, có máu thịt. Người ta không chỉ thấy có sự việc mà thấy có con người. Nhân vật có cá tính, có nội tâm, được đặt trong nhiều mối quan hệ xã hội, có phát triển tâm lý một cách biện chứng. Những nỗi nhớ thương, đau buồn, băn khoăn, khắc khoải đều thật, nên rung động lòng người.

Tố Tâm được thanh niên tiểu tư sản thành thị say mê. Nó không có tác dụng như tác giả mong muốn. Không biết có thanh niên nào theo lời khuyên của Song An mà tránh con đường tình ái không? Điều chắc chắn là cuốn truyện đã góp phần tích cực làm thêm âm u ảm đạm bầu không khí đương thời, không khí tạo nên do một lớp người khá đông đảo "không ốm mà rên", một thời mà Hồ Gươm cùng Hồ Tây là mồ đẫm xác của bao kiếp hồng nhan vì tình duyên mà cuộc đời đứt đoạn. *Tố Tâm* như một bàn tay xoa xoa nhè nhẹ lên một ung nhọt đang tấy mủ trên da thịt. Nó gây cảm giác đau đớn mà êm đềm.

Ngôn ngữ, lời văn, còn nhiều dáng dấp cũ, đôi câu quá gọt dũa, nhiều câu còn hơi hướng văn biền ngẫu. Có những chữ dùng ngày nay phải sửa lại ("thiếu niên" dùng theo nghĩa thanh niên; "ký giả" dùng thay ngôi thứ nhất). Nhưng có dụng công dùng những thủ pháp nghệ thuật hiện đại: những so sánh theo thuyết tương giao (quang cảnh nhà trường lúc đó có vẻ ủ ê mệt nhọc như người lao động...); chi tiết tỉ mỉ về ngoại hình (tóc đen tỏa trên cái gáy trắng); nội tâm ý thác vào cảnh thiên nhiên, v.v...

Ngày nay đọc lại tác phẩm vẫn thấy xúc động. Nhân vật Tố Tâm có những nét đẹp riêng của người phụ nữ Việt Nam cao thượng, biết hy sinh,

biết nghĩ đến nhà đến nước. Càng thương Tố Tâm, người thanh niên mới càng hiểu thêm hạnh phúc của mình. Và khi đã hiếm có những *Tố Tâm* mới thì tiểu thuyết Tố Tâm vẫn còn là một bài học kinh nghiệm không nên đùa với ái tình.

Với Hoàng Ngọc Phách, Tố Tâm chưa hẳn là sáng tạo nghệ thuật ưu tú nhất, ít nhất về mặt câu văn. Ông có một số truyện ngắn tốt như truyện *Gò cô Mít* và một số truyện ký về săn bắn, lời văn mới hơn, sinh động nhẹ nhàng, dí dỏm, nó báo trước lối văn "vui vẻ trẻ trung" của *Tự lực văn đoàn* những năm sau. Những tác phẩm này không gây ồn ào, vì chúng không có khả năng làm rớm máu tâm hồn như Tố Tâm. Đối với người đọc đương thời Song An trước sau vẫn chỉ được coi là nhà văn của một cuốn tiểu thuyết.

Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Tử Siêu được viết dồn dập trong một thời gian ngắn, vào mấy năm cuối thập niên hai mươi của thế kỷ.

Lịch sử nước nào tự thân nó cũng hấp dẫn. Lịch sử Việt Nam với những tên tuổi rạng rỡ của đông đảo anh hùng hào kiệt chống ngoại xâm "đời nào cũng có" lại càng hấp dẫn. Lịch sử được tiểu thuyết hóa đi, là một món ăn tinh thần có sức quyến rũ khác thường mà từ lâu văn học đã biết khai thác, và đã sản sinh ra những cây bút chuyên nghiệp viết không mệt mỏi hàng trăm pho truyện, kiểu truyện của hai cha con Alexandre Dumas.

Ở Việt Nam, trong giai đoạn có hàng nghìn tiếng nói đòi ân xá một Phan Bội Châu, có hàng vạn người theo sau linh cữu một Phan Châu Trinh, thì những nhà xuất bản vốn thính về kinh doanh, thấy ngay tiểu thuyết lịch sử là một loại hình có thể đầu tư được. Hướng làm ăn đó, trong công tác xuất bản đương thời, đã là một trong những nguyên nhân khiến Nguyễn Tử Siêu viết nhiều, viết nhanh. Tác phẩm của ông ra đời liên tiếp. Cuốn này sắp đăng trọn bộ thì đã có quảng cáo cho một cuốn tiếp theo, cùng lúc với quảng cáo về những tác phẩm trước đã bán hết, đang tái bản lần thứ ba, thứ tư. Sách in thành từng tập mỏng mười sáu trang cho dễ tiêu thụ, có khi chỉ bán một xu!

Nguyễn Tử Siêu đã lấy sử Việt Nam làm nguồn nguyên liệu hầu như vô tận. Thành công của ông là đã biết làm sống dậy những nhân vật anh hùng suốt thời Bắc thuộc và thời tự chủ: Trưng Trắc cùng Trưng Nhị với các nữ tỳ như Lê Chân, Ái Nương, đánh đuổi tên Thái thú Tô Định; Bà Triệu cùng anh là Triệu Quốc Đạt chiến thắng tên Lục Dận dương dương với bốn vạn quân mã bộ của hắn; hai anh em Phùng Hưng, Phùng Hải diệt Cao Chánh Bình dù hắn có tới năm vạn hùng binh với hai chục kiện tướng; Dương Thái hậu lấy việc nước làm trọng, trao áo long bào, tức là trao luôn cả ngôi báu của con giai mình cho Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, v.v...

Những hình tượng nhân vật được tái tạo xứng với tầm cỡ cha ông. Mỗi nhân vật không chỉ có chiến công quân sự hiển hách mà được miêu tả về nhiều mặt: từ diện mạo rạng rỡ, ngôn ngữ cử chỉ đường hoàng, tâm hồn

phong phú, tính tình cao khiết đến những mối quan hệ gia đình xã hội, đằm thắm với người thân, độ lượng với tướng sĩ, thân ái với nhân dân.

Ông kính phục anh hùng bao nhiêu thì căm giận bấy nhiêu cái hỗn xược hống hách của những tên côn đồ sứ giả "Thiên triều", những Ngột Lương Hợp Thai, Sài Thung, Thiết Mộc Nhĩ, Tôn Sĩ Nghị; cái tàn ngược của bọn thống trị ngoại bang Tô Định, Cao Chánh Bình; cái đê hèn của những tên phản phúc cõng rắn cắn gà nhà, những Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống...

Ông xót xa về nỗi khổ nhục của tổ tiên phải cống bọn huyện lệnh, châu úy, vàng bạc, châu báu, mật rắn, ngà voi.

Nguyễn Tử Siêu có thái độ khen chê dứt khoát, minh bạch, thường phát biểu trực tiếp bằng những đoạn bình luận ngoại đề. "Ôi, Hà Bổng là một người sinh trưởng trên chốn chân rừng khe núi, những quen mùi nước vác cơm lam, nào có được tiêm nhiễm chút gì là văn hóa? Vậy mà sao trung, hiếu, tín, thành, biết theo cha để hiến thân thờ nước? Người như thế, tâm địa như thế, chả đáng phục lắm ru?" (*Trần Nguyên chiến kỷ*). "Ta viết đến đây mà không đừng được ái ngại cho Hầu Tú Kiều, ta ái ngại cho Hầu Tú Kiều bao nhiêu, ta lại giận Hầu Nhân Bảo, giận vua Tống bấy nhiêu" (*Lê Đại Hành*).

Ông cũng không quên lấy chuyện xưa nói chuyện nay. Sau nhân vật lịch sử thấy rõ nhà văn: "Chúng nó toàn là phường cõng rắn cắn gà nhà cả đấy. Vì chúng nó có cái bụng chó má như thế, nên thằng Đình trưởng nó mới tin dùng mà cho làm tuần phiên làm chó săn cho nó. Xưa nay những đám bị bọn quan Đường nó bắt bớ giết hại, đều là bởi lũ chúng nó phát giác ra cả đấy. Nếu không có chúng nó vẽ đường cho hươu chạy thời bọn quan Đường nó ngôn ngữ bất đồng, biết thế nào được những chỗ bí mật của mình? Kể cái tội của nó đối với quốc dân, thời dẫu đào mả nhà chúng nó lên cũng mới đáng, huống chi là chỉ giết mà thôi ư?" (Vua Bố Cái). Đó là lời Phá Lặc giải thích cho em, cũng là lời Nguyễn Tử Siêu trực tiếp nguyền rủa bọn chó săn đương thời, vì bơ sữa của thực dân Pháp mà giết hại đồng bang. Ý đã rõ mà nhà văn còn cẩn thận khẳng định thêm ở cuối trang bằng một lời chú thích. Hoặc khi viết về bọn quân canh Việt, tay sai của viên Huyện lệnh Tàu Hà Năng, được Chùm Hinh lót tay một lạng bạc: "sướng híp mắt lại mà rằng: tôi cũng nể các bác cùng chỗ người cùng nòi cùng giống mà thôi không khám", thì nhà văn đã ngậm ngùi liên hệ "Vì có một lạng bạc mới nhớ đến người cùng nòi cùng giống, nhân tâm bại hoại đến thế là cùng. Ta là người đời bây giờ, cách hồi vua Bố Cái khởi binh đã đến hơn một nghìn năm, nghĩ đến nhân tâm hồi ấy mà đau lòng, song hồi tưởng lại đến nhân tâm ngay đời bây giờ lại càng thêm khó nói".

Trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Tử Siêu truyện nào cũng có bọn mất gốc, vì danh lợi mà bán rẻ lương tâm, bọn đê hèn, khiếp nhược vì sợ giặc mà quên nghĩa vụ. Nhưng bên cạnh chúng bao giờ cũng lại có người mang dòng máu Việt Nam chính thống, nói tiếng nói của lương tâm, của nỗi niềm

tác giả mà giáo dục chúng, lên án chúng. Những người này số đông là dân thường, không phải xuất thân từ những gia đình trâm anh thế phiệt. Bếp Hàn thấy chủ, vì sợ, định hàng quân Tống, đã "xin quan lớn cứ cắt lưỡi, chém đầu tôi ngay, nhưng xin quan lớn đừng có đi hàng giặc mà xấu hổ chết mất" *(Lê Đại Hành)*. Nguyễn Tùng, đầy tớ thân tín của Trần Ích Tắc, khi chủ sai về nước do thám tình hình để báo cho giặc, đã bừng bừng khí giận nói thẳng vào mặt tên phản quốc: "Quan lớn nghĩ như thế thật là sai lắm. Từ khi con thấy quan lớn đi theo mấy người Tàu, con đã lấy làm một điều trái ngược không gì bằng. Nhưng con vẫn sợ quan lớn quở mắng, nên con vẫn cứ ân hận ở trong lòng mà không dám nói ra. Nay quan lớn lại vì nước Tàu mà về do thám nước nhà, thế chẳng hóa ra quan lớn là người bán nước hay sao?... Con nói ra bây giờ quan lớn có giết ngay con cũng cam lòng, thực ra thời cái tâm địa của quan lớn như thế, con rất lấy làm không phục, con không thể nào vâng mệnh mà làm theo được" *(Trần Nguyên chiến kỷ)*.

Nhà văn cũng đặc biệt chú ý đến vai trò của người phụ nữ. Không truyện nào không có nhân vật khăn yếm. Họ thể hiện rất dũng cảm khẩu lệnh của nhân dân: "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Trong nhiều truyện họ là lực lượng quyết định được phần thắng bại như trong những truyện về các vị nữ anh hùng Trưng, Triệu. Ở đây có những cảnh hết sức hào hùng, như cảnh Lê Chân dạy võ thuật cho bốn thị tỳ, Lê Chân ra tay đối với những tên quan gian ác; cảnh Ái Nương tuy đã có chồng vẫn tìm thầy học võ, cảnh bà đánh cướp; cảnh Lê Chân, Ái Nương thao diễn, múa kiếm, ném lao.

Những Bích Hà trong *Lê Đại Hành*, Nguyên công chúa trong *Trần Nguyên chiến kỷ*, *Lê Nguyệt Kiều (Việt Thanh chiến sử)* đều là những bậc anh thư, võ nghệ cao cường, tung hoành ngang dọc, bạt vía quân thù. Nguyên công chúa lại có một mối tình đẹp với vị thiếu niên anh hùng Phạm Ngũ Lão. Ngoài ra không thiếu những phụ nữ không có cái đẹp của vị anh thư thì lại có cái đẹp biết coi khinh cái chết, biết trọng danh dự làm người: những cô nữ tỳ hy sinh tính mạng báo thù cho chủ như Lăng Hoa, những bà vợ vì hổ thẹn về hành động hèn nhát của chồng mà thắt cổ quyên sinh, như vợ Trần Di Ái.

Nguyễn Tử Siêu, dựa vào lịch sử, vào truyền thuyết, biết tước bỏ những chi tiết thần bí, hoang đường thường gắn với truyện danh nhân. Những "vú dài ba thước", những hồn quyện với thanh gươm báu bay về trời khi người anh hùng chết, không có trong truyện của ông. Những câu sấm dưới hình thức đồng dao có căn cứ ở sự việc cụ thể. Ví như khi dư luận xôn xao về một hòn đá biết nói lên một bài thơ sáu câu:

Mau khởi nghĩa binh,
Mà cứu nạn nước.
Ai người biết trước,
Sẽ được làm đầu.
Hết hạ sang thâu,
Dựng xong nghiệp lớn.

thì sau đó không lâu Triệu Thị Trinh khám phá ra ngay cái mưu mô của "Bình Ngô thống tướng" Lý Mão.

Gặp những chuyện lạ thuộc dã sử, ông đều giải thích, bình luận.

Về nghệ thuật viết tiểu thuyết lịch sử, Nguyễn Tử Siêu cũng có một số ưu điểm.

Ông biết kết hợp việc sử dụng cứ liệu chính xác với quyền hư cấu của người viết. Nhờ vậy nhân vật lịch sử của ông là những nhân vật sống, có quá trình, có nội tâm và được đặt trong một không khí thích hợp. Có những trang tỉ mỉ về sinh hoạt, về bối cảnh hoạt động của nhân vật.

Nguyễn Tử Siêu đã đọc, đã dịch nhiều loại truyện Trung Quốc, những *Hán Sở tranh hùng, Gươm cứu khổ* (Minh sử diễn nghĩa), *Ngũ hoa kiếm* (kiếm hiệp tiểu thuyết), *Bể tình nổi sóng*... Khi viết truyện ông điều hòa lối văn mới thiên về miêu tả, về bố cục đột ngột, với lối văn trần thuật theo chương hồi, có tiêu đề gợi ý, gợi cảm (Cửa ải đùn mây tối – Trong triều đổi áo vàng – Liều mình thăm miệng hổ – Bán nước dậy lòng lang).

Hạn chế dễ thấy là ông hay xuất đầu lộ diện nói to lên những ý nghĩ riêng tư, những lời bình phẩm cảm thán, thay vì để cho hình tượng nghệ thuật tự nói là cách nói có sức đọng lắng trong tâm hồn người đọc. Có khi ông quá cẩn thận nhắc lại trong đối thoại những sự việc đã được kể rồi.

Ông cũng không tránh được cái tật chung của những nhà văn đắt khách. Có những đoạn văn viết vội. Sự vội vàng này cộng với sự cẩu thả của nhà xuất bản để sót trong tác phẩm những lỗi chính tả, ngữ pháp làm khó chịu người đọc.

Có khi hư cấu nghèo nàn. Giọng văn đôi chỗ còn cũ, phảng phất lối văn hồi đầu thế kỷ trong phong trào duy tân: "Đức Thánh Trần! Nói đến ba tiếng Đức Thánh Trần, hầu khắp quốc dân ta, vô luận là già, là trẻ, là trai, là gái, không ai là không biết tiếng... Đức Thánh Trần, hầu khắp quốc dân ta, vô luận là già, là trẻ, là trai, là gái, không ai là không sùng bái, tưởng mộ" (Trần Nguyên chiến kỷ). Cách dùng từ, nhất là từ nhân xưng có lúc không tiến hơn văn *Nam phong* là bao: "Ký giả viết đến đây mà luống những giật mình... Ta viết đến đây mà không đừng được ái ngại..."

Dù sao, vẫn có thể lấy tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Tử Siêu để khép lại, một cách vẻ vang, một giai đoạn phát triển của tiểu thuyết quốc ngữ, cả về nội dung lẫn nghệ thuật.

*

* *

Trên đây là phần giới thiệu những nhà văn tiêu biểu cho sự phát triển của truyện và ký quốc ngữ buổi ban đầu đáng lưu luyến ấy.

Phần phong trào, sẽ giới thiệu một số truyện sáng tác do người viết có sự thôi thúc nội tâm và được lôi cuốn vì sự hấp dẫn của thứ chữ mới.

Chúng tôi giới thiệu một số truyện ngắn và mấy đoạn trích ở truyện dài, cụ thể là: một truyện ngắn của nữ sĩ Tương Phố, mấy đoạn trích ở *Mồ cô Phượng* (Lê Đức), *Mảnh trăng thu* (Bửu Đình), *Quả dưa đỏ* (Nguyễn Trọng Thuật) và kết thúc với hai tác phẩm của Từ Ngọc.

Nữ sĩ Tương Phố (Đỗ Thị Đàm) được độc giả mến thương vì tiếng khóc chồng chân thành da diết kéo dài qua mấy độ thu sang, có đăng mấy truyện ngắn ở *Nam phong*. Truyện của bà ít chuyện mà nhiều suy nghĩ. *Một giấc mộng,* dưới hình thức một lá thư gửi cho bạn gái, thuật lại một giấc chiêm bao. Một số ít tình tiết chỉ là những cái đinh để móc vào những suy nghĩ miên man của người viết, những trang nghị luận về nam nữ bình quyền, về thời thế, về sự huyền vi của đạo Phật. Lý tưởng gia đình của người nữ sĩ xấu số này là cảnh "hai vợ chồng cùng là người có học thức. Chồng nói vợ nghe, chồng lo toan việc ngoài, vợ thu xếp việc trong". *Mối thương tâm của người bạn gái* cũng ít chuyện nhiều suy nghĩ, những suy nghĩ không sáng sủa gì về kiếp sống con người, nhất là của giới phụ nữ. Câu văn lâm ly, tiêu biểu cho lối văn sầu muộn của thời đại cũng như lối văn riêng của Tương Phố "Trước ta kể đã bao người khóc! Sau ta đã hẳn những ai cười? Ôi trời còn lâu, đất còn dài, bể dâu dâu bể cuộc đời còn thay. Riêng đời người kia nước chảy mây bay, lệ đâu mà khóc chua cay nỗi đời? Nên chi lòng riêng ta có ngậm ngùi, cũng chỉ ngậm ngùi mối sầu muôn kiếp không tan được, mà đành góp với nghìn thu tiếng thở dài". *Tặng bạn chán đời* có thể coi là truyện ngắn tốt hơn cả của Tương Phố. Nó không chỉ phản ánh đúng một hiện trạng: nạn tự tử tràn lan trong nam nữ thanh niên thành thị, mà còn chan chứa tinh thần lạc quan, lòng yêu cuộc sống thốt ra từ miệng một cô gái bình thường, những tư tưởng khả dĩ làm nhẹ được phần nào cái không khí chán chường, bớt đi cái yếu ớt trong gân cốt tinh thần của lớp người trẻ tuổi... "thiết tưởng đời người con gái trong vòng mười tám đôi mươi là thời kỳ vui sướng nhất, hoa thời phong nhị, trăng đương tròn vành, lòng thơ chan chứa bao hy vọng, làm sao không biết yêu quý cái đời thanh xuân ấy... Công việc đời người chẳng qua một cuộc đánh cờ, được thua thua được là thường, thua ván này xóa bày ván khác, nước trước thấp, nước sau chịu nghĩ hẳn là cao, chẳng việc gì phải ngã lòng... Chẳng cứ đàn ông đàn bà, trời đất đã sinh ta, hẳn không phải là vô ý, trong có gia đình, ngoài là xã hội, phận sự không phải là nhỏ, trách nhiệm không phải là thường...". Cùng một hướng bi tình với truyện trên là truyện dài *Mồ cô Phượng*.

Mồ cô Phượng là một chuyện tình ít hư cấu. Tác giả thuật lại một câu chuyện thời sự. Khác với *Tố Tâm, Mồ cô Phượng* ít chú ý đến nội tâm nhân vật, chú ý nhiều tới sự việc. Mà sự việc thì bề bộn, vì đời cô Phượng đầy sóng gió. Bề bộn mà đơn điệu, vì toàn những sự việc cùng loại. Một người đàn bà

nhan sắc, bị lừa rồi sa ngã qua hết tay người này đến tay người khác, lại bị bùa, bị ngải, cuối cùng chết ở một bệnh viện làm phúc, vô thừa nhận.

Đời cô Phượng có dáng dấp đời một cô Kiều. Nhưng tác giả thiếu tấm lòng của Nguyễn Du, không có mối thông cảm đồng điệu, không có niềm xót xa thực sự cho sắc tài bị vùi dập, nên chuyện thì thương tâm mà ít gây xúc động, trừ một đoạn thuật lại việc cô Phượng vĩnh biệt ba con nhỏ để trốn theo Hoàng Hồ.

Đọc *Mồ cô Phượng* bây giờ có thể thấy ít xót thương người bạc mệnh, vì thấy cô ít nghị lực, chẳng có một hành động chống đối hoàn cảnh nào đáng kể, mà buông xuôi dễ dàng theo đà truỵ lạc.

Mồ cô Phượng có tiếng vang. Người ta đã dựa vào truyện viết thành kịch, để thỏa mãn rộng rãi hơn một công chúng thích ngậm ngùi ai oán.

Mảnh trăng thu, Cậu Tám Lọ là bộ truyện nhiều tập đầu tiên bằng quốc ngữ, một bộ tiểu thuyết nửa nghĩa hiệp nửa trinh thám.

Dụng ý có tính sáng tạo ở Bửu Đình là giữ cái hấp dẫn, tránh cái ly kỳ thường có trong loại tiểu thuyết này.

Cái nghĩa hiệp trong *Mảnh trăng thu* không phải thứ nghĩa hiệp trong truyện Tàu – được dịch nhiều đương thời – cái nghĩa hiệp của những vị hảo hán, đồ đệ của các đạo sĩ phi kiếm, luyện đàn. Những vị hảo hán ấy, một khi đã tinh thông võ thuật và được truyền thêm ít phù phép bí truyền thì xuống núi chu du thiên hạ, phi thân vun vút trong không gian, rượt theo những bóng đen đáng ngờ, diệt ác trừ gian, cứu nhân độ thế.

Bửu Đình cũng không cần đến cái rắc rối ở những quá trình hoạt động của nhân vật bất lương giết người đoạt của, một quá trình mà sự việc ghê gớm rùng rợn kết thành một mớ bòng bong tưởng chừng không gỡ.

Cái hấp dẫn ở *Mảnh trăng thu* lại chính là ở cốt truyện không phức tạp không gây sửng sốt, ở tính cách của nhân vật không có gì phi thường, ở cái hiện thực sinh động về cuộc sống trên mảnh đất sớm Âu hóa, và nhất là ở tính tình cương trực, thẳng thắn, ở mối quan hệ hào hiệp khảng khái giữa những người dân của Lục tỉnh, xứ sở đã sản sinh những Nguyễn Đình Chiểu, Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực... trong lịch sử; những Lục Vân Tiên, Vương Tử Trực, Hớn Minh... trong văn học.

Quả dưa đỏ là một bộ phiêu lưu tiểu thuyết được giải thưởng Khai trí tiến đức, năm 1925. Nó được giải thưởng vì nhân vật chính được sáng tạo theo mô hình nhân vật lý tưởng của giai cấp tư sản buổi bình minh. An Tiêm trong truyện Nguyễn Trọng Thuật là một thứ Robinson Việt Nam ở giai đoạn Việt Nam đã có "nhất Đạt, nhì Phương, tam Xường, tứ Bưởi" nghĩa là đã có các nhà cự phú Lê Phát Đạt, Đỗ Hữu Phương, Bá Hộ Xường, Bạch Thái Bưởi.

An Tiêm có nhiều đức tính của con người lý tưởng thời đại, một thứ lý tưởng hỗn hợp vừa tư sản vừa phong kiến.

An Tiêm, đứa bé mồ côi, lưu lạc, nghèo hèn trước kia, lớn lên và nhất là qua sóng gió dữ dội của một tai biến, đã thành một con người tháo vát, thông minh, có nghị lực, có lòng tin, luôn luôn lạc quan, biết tổ chức, biết thương người dưới. Chàng có tinh thần khoa học, hiểu nhiều, biết rộng, thông thạo về sinh vật học, sử ký, địa dư. Chàng biết yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước. Tài năng đức độ của chàng là của một nhà kinh doanh, một nhà thám hiểm, một vị khai sáng, một vị quan tốt, một bậc tôi trung, một nhà khoa học, một nhà thơ. Chàng đã chiến thắng tất cả các thử thách, gợi sự kính phục của một bậc tai mắt phương Bắc, khuấy động lòng hối hận của một vị vua.

Sánh vai với chàng là một phụ nữ đảm đang, sắt son, chung thủy, một nhân tố tích cực góp phần rất quan trọng vào thành công của người chồng anh hùng.

Truyện lại là một bài học tốt về tình nghĩa vợ chồng, về cách tổ chức cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, đồng thời là một cuốn sách giáo khoa sinh động về một số môn khoa học xã hội cũng như khoa học tự nhiên.

Nhưng truyện cũng có khá nhiều nhược điểm.

Tư tưởng triết học của truyện xa lạ với tư tưởng của cốt truyện gốc dân gian. Nhân dân ca ngợi An Tiêm là ca ngợi một con người lao động bình thường. Nhờ nghị lực và lao động của chàng mà đất nước có được một sản phẩm quý. Ở Nguyễn Trọng Thuật, người anh hùng lao động đó mang quá nặng tư tưởng Thượng đế tiêu cực. Mọi hành vi, mọi sự việc lớn nhỏ trong đời An Tiêm đều do Thượng đế. Thượng đế có mặt từ đầu đến cuối cuốn truyện. Giời mưa là do Thượng đế, tìm được mạch nước ngọt là nhờ Thượng đế, không chịu đẻ thêm một đứa con nữa là có tội với Thượng đế. Người anh hùng lao động cao quý trở thành con rối trong tay một lực lượng siêu hình.

Hạn chế cơ bản về nghệ thuật là truyện nhiều khi không trọng màu sắc lịch sử. An Tiêm suy nghĩ như một nhà Nho vì chàng quyết sống theo đạo người quân tử. Tiên Dung, nhắc đến trong truyện thấy Chử Đồng Tử, mà nghĩ như người cung nữ của Nguyễn Gia Thiều: "Mình, chí đã rắp ra ngoài đào chú, mà lộn vòng phu phụ cho cam, ai ngờ trời chẳng cho làm". Và ở thời Hùng Vương nhân vật đã ăn nói như thế này: "Chúng ta có vật ngã được cái tai nạn kia xuống đất mà cưỡi lên trên thì chúng ta mới sống".

Tác phẩm của Từ Ngọc là hiện thân, trên giấy trắng, mực đen, về sự tiến bộ trong văn học của những người tha thiết với văn chương mà cùng văn chương lớn lên nhanh chóng.

Ở tác phẩm đầu tay *Cậu bé nhà quê*, tấm lòng của cụ nghè Nhân có tác dụng củng cố tính nhân đạo của người trí thức nghèo. Và trong cuộc sống lúc bấy giờ còn nặng ý thức phong kiến, những em bé quá ngoan ngoãn như Vện, như Ngọc có thể có. Nhưng người đọc, nhất là người đọc ngày nay vẫn thấy tác phẩm ít giá trị thẩm mỹ. Những tình cảm cao quý ở bọn trẻ được gán ghép để đưa chúng làm gương cho kẻ khác và cho cả người lớn nữa: quay mặt

không nhìn hai anh đô vật vì họ cởi trần, chỉ đóng khố, trách hai con gà chọi nhau vì "cùng loài với nhau mà không biết thương nhau". Người ta thừa hiểu là tác giả ám chỉ bọn tay sai của thống trị Pháp làm hại đồng bào. Nhưng cũng dễ thấy dụng ý xếp đặt của người viết.

Đến truyện ngắn *Ai khốn nạn*? Sáng tác mấy năm sau thì người đọc khó tính cũng sung sướng được chứng kiến một cảnh rất thực, những nhân vật có máu thịt, mà hành động là thể hiện phần sâu kín của tâm hồn. Nhà văn sử dụng tốt nghệ thuật đối lập để làm nổi cái tương phản giữa một ông ấm sĩ diện với đứa cháu thực tế. Người đáng lẽ cao quý trở thành khốn nạn; còn kẻ tưởng như khốn nạn lại là cao quý. Hoàn cảnh và nhân vật có ít nhiều giá trị điển hình. Đấy là một truyện ngắn có giá trị văn học.

*

*   *

Kể từ những truyện đơn giản năm bảy dòng dựa vào truyện dân gian viết lại của những bút danh nửa Việt nửa Pháp, đến những truyện dài quy mô như *Ngọn cỏ gió đùa, Hai Bà đánh giặc*, truyện quốc ngữ đã trải qua ba thời kỳ mà mốc cắm không xa mốc lịch sử là bao.

Từ cuối thế kỷ XIX đến sau Đại chiến Thế giới thứ I là thời kỳ manh nha. Truyện còn dưới hình thái tự nhiên chưa đạt tới hình thái quan niệm. Nó dùng thứ văn tự mới để định hình một số truyện truyền khẩu trong nhân dân.

Từ khoảng 1918 đến 1925 là thời kỳ có những truyện ngắn gần đúng tính chất của tiểu thuyết. Truyện ngắn ngày một nhiều trên báo chí.

Năm 1925, *Quả dưa đỏ* và *Tố Tâm* thực sự đánh dấu thời kỳ của tiểu thuyết, để có những cây bút chuyên về truyện dài, trong Nam cũng như ngoài Bắc.

Trong giai đoạn từ chủ nghĩa tư bản Pháp bắt đầu bám lấy Việt Nam cho đến buổi hoàng hôn của nó, giai đoạn khổ nhục mà anh hùng của đất nước, cái thể loại đắc dụng hơn cả của văn học mỹ thuật là tiểu thuyết, tuy không giúp được nhiều vào nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn trung tâm, vẫn có công đáng kể:

1. Văn học có thể coi là bộ phận quan trọng vào bậc nhất của một nền văn hóa.

Văn học Việt Nam có những yếu tố bền vững chuyển đi rộng rãi trong không gian và lâu dài trong thời gian làm thành những truyền thống quý báu của cả dân tộc, giúp dân tộc tồn tại và phát triển.

Những yếu tố bền vững giữ trong văn học là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân đạo, đặc biệt dồi dào trong văn học dân gian truyền miệng.

Người dân lao động sống trong xã hội với lối tư duy thực tiễn về môi trường sống gồm thiên nhiên, xã hội và con người không thể không hiện thực và nhân đạo.

Chế độ phong kiến tồn tại quá lâu ở Việt Nam kìm hãm sự phát triển của con người và ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn học của cả dân tộc. Cùng với tác động của chế độ phong kiến trong nước là tác động của ý thức phong kiến từ một nước lớn phương Bắc luôn luôn coi Việt Nam là một nước phụ thuộc, một nước chư hầu của "thiên triều". Đến khi lịch sử dẫn dắt một nước phương Tây có nền sản xuất cao hơn, có nền văn hóa khác biệt với văn hóa dân tộc, thì văn học phải thay đổi. Những người cầm bút chân chính buổi đầu bị tiếp xúc với nền văn hóa mới đã dùng hình thức cũ để phát biểu một nội dung tất yếu, nội dung thiết yếu nhất của truyền thống, nội dung yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm. Chủ thể sáng tạo không muốn chấp nhận hiện thực mới, xúc động sâu sắc thấy đồng bào bị ô nhục lầm than. Họ mỉa mai, bêu diếu, đánh đập tơi bời cái hiện thực ấy. Nhưng rồi hiện thực cũng cho thấy phải tạm thời chấp nhận một thực tế mà những cố gắng dù bền bỉ cũng chưa thay đổi được.

Cái công của văn học quốc ngữ buổi đầu là làm giàu cho truyền thống bằng những cái mới phải có trong chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân văn. Trong hoàn cảnh có sự tiếp xúc Đông Tây, văn học quốc ngữ không bướng bỉnh cứ nhất định Đông là Đông, Tây là Tây mà thấy phương Đông đã tỉnh nên hòa với phương Tây. Trong khi ý thức cũ tan rã dần và có sự quên dần với ý thức mới, tác phẩm của nhà văn tạo một cảm hứng thẩm mỹ có nhiều cái khác xưa. Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của là niềm tự hào với những đền đài miếu mạo, những công trình mới mọc, là niềm vui với tinh thần của một dân tộc có nhiều chuyện hay, dí dỏm, đáng ghi nhớ. Với Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học với phong trào truyện ngắn là những mâu thuẫn mới trong xã hội, mâu thuẫn giữa quan lại tay chân thực dân, giữa chủ nghĩa tư bản vừa hình thành với người lao động. Ở những truyện dài là những gợi ý thoát ly cái không khí khó thở, là cái đẹp đáng trân trọng của những người nghèo, cái anh hùng chiến thắng của người xưa...

2. Văn tự là cái rất cơ bản của một nền văn học. Có thể rất xa xưa, người Việt đã có thứ chữ của mình, nhưng không còn là lúc ngồi tiếc thương than khóc. Rồi hàng mấy nghìn năm, chữ Hán, một văn tự không phải của ta. Phải mấy thập niên đăng hỏa, phải thực sự là trí thức mới sử dụng được nó. Bên cạnh chữ Hán có chữ Nôm, một thứ chữ muốn dùng được cũng đòi hỏi rất nhiều công. Nhưng rồi do lịch sử, dân tộc có một thứ văn tự vô cùng thuận lợi, rất dễ phổ cập, chỉ cần vài tháng là sử dụng được ngay. Chắc chắn đó là thứ văn tự vĩnh viễn của Việt Nam. Và nếu không có gì hoàn toàn, thì việc sửa chữa cho hoàn hảo dần không còn là việc đáng kể... Nhưng ở buổi ban đầu, phổ biến thứ chữ mới là cần thiết. Nếu được phổ biến bằng truyện thì là dùng một mũi tên cho hai đích, vừa phổ biến, vừa làm văn học.

Thực hiện được cả hai nhiệm vụ cùng một lúc là công lớn của người cầm bút ở buổi ban đầu. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Người Việt Nam không bao giờ quên những đứa con mở đường cho cả một nền văn học chứa chan sức sống, tràn đầy hy vọng. Cùng với công tác văn học là nhiều công tác khác nằm

ngay trong công tác tổng hợp này: công tác viết địa lý, lịch sử giúp hiểu đất nước rõ hơn, công tác tâm lý giúp hiểu thấu đáo hơn con người. Trong một thời gian ngắn, chúng ta hiểu được nhiều về con người ở buổi giao tiếp và cũng hiểu thêm được nhân dân. Cái bước đầu này sẽ được tiếp tục.

3. Về mặt thể loại, người viết biết khai thác đề tài, biết quan tâm đến yêu cầu có sự cố có vấn đề để vừa giải trí vừa buộc suy nghĩ. Nhân vật không chỉ có tên, có hành động mà có nội tâm đôi khi phong phú tế nhị. Họ không phải là nhân vật tưởng tượng mà là những người thật trong cuộc đời.

Có công ấy, truyện văn xuôi quốc ngữ ở buổi đầu là bước tiến rất đáng phấn khởi so với truyện Nôm bằng thơ. Người đương thời vui vẻ, chân thành ca ngợi nó. Ví như Vũ Ngọc Phan một nhà nghiên cứu, phê bình có uy tín khen tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh đã gây cho người đọc những cảm tưởng "kỳ thú", khen cảnh hai vợ chồng Trần Văn Sửu cãi nhau là "tuyệt khéo". Một nhân vật được coi là học giả khen truyện ngắn của Nguyễn Bá Học "lập ý đã hay, lời văn lại nhã".

Dù vậy, cũng nên nghĩ rằng trên thế giới đã có những cây bút tiểu thuyết cỡ Balzac, Hugo, Tolstoi và ít lâu sau những nhà tiểu thuyết thuộc phương pháp sáng tác cao hơn, với những tầm cỡ Roland, Gorki. Trong thực tế người đọc biết tiếng Pháp (số này ngày mỗi nhiều) không chỉ đến với những văn hào trên mà còn có dưới mắt những tiểu thuyết viết bằng tiếng Pháp với một trình độ phản ánh và nghệ thuật cao hơn truyện quốc ngữ. Nhất là số người được may mắn bay trong khoái cảm do đọc truyện ký Nguyễn Ái Quốc, thì không khỏi đột ngột hẫng chân lúc rơi xuống những truyện bằng quốc ngữ cùng thời đại.

Về câu, chữ, truyện quốc ngữ cũng còn nặng ảnh hưởng của văn Hán, Nôm. Từ Hán Việt đôi khi quá nhiều, câu văn, điệu văn ít xuôi mà hay lên bổng xuống trầm, réo rắt giả tạo với sự xen lẫn tùy tiện của biền ngẫu, đối chọi, của những câu lục bát.

Dù thế nào, cho đến những năm 1930 [1], truyện quốc ngữ vẫn là những viên gạch đầu góp vào nền tảng để xây dựng lâu đài của nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam. Tự lực văn đoàn và nhất là những nhà văn thuộc khuynh hướng hiện thực, những Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Bùi Hiển, Tô Hoài... sẽ tiếp tục phát triển nó để chuyển lên nữa, qua Cách mạng mà tiến tới trình độ vẻ vang ngày nay. Cố nhiên, nhịp độ là theo quy luật tăng tốc. Sau Nghị quyết VI của Đảng, văn học Việt Nam thực sự khởi sắc, tạo niềm tin lớn vào tương lai văn học, mà khởi đầu của văn quốc ngữ từ những Trương Vĩnh Ký, Tản Đà, Hoàng Ngọc Phách, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Tử Siêu...

Chủ biên:
NGUYỄN TRÁC

---

1. Một số tác giả, trong tập sách (từ Tản Đà trở đi) có truyện sau 1930 và còn viết mãi cho đến lúc chết (Hoàng Ngọc Phách chẳng hạn mất 42 năm sau 1930). Ở giai đoạn này, chúng tôi có lấy một ít truyện tiêu biểu cho một mặt trong phong cách của nhà văn, nhưng cũng chỉ chọn truyện viết ít năm sau 1930 thôi.

PHẦN THỨ NHẤT

HUỲNH TỊNH CỦA
(1834 - 1907)

Ông còn có tên là Huỳnh Tịnh Trai Paulus (Pôluytx) Của, là người tỉnh Bà Rịa, nay là tỉnh Đồng Nai, sinh năm 1834, mất năm 1907, thọ 73 tuổi.

Thuở bé, ông học trường Đạo. Năm 1861 (27 tuổi) làm Đốc Phủ sứ, sau thay Trương Vĩnh Ký làm Chủ bút *Gia Định báo*, tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam.

Trước tác của Huỳnh Tịnh Của gồm hai loại lớn:

1. Loại phiên âm sang tiếng Việt những tác phẩm Nôm xưa, thất truyền nhiều, chỉ còn lại một ít:

– *Quốc âm diễn ca*, in 1903

– *Trần Sanh diễn ca*, in 1905

– *Bạch Viên Tôn Các*, in 1906

– *Thoại Khanh Châu Tuấn*, in 1906

– *Thơ mẹ dạy con*, in 1913

2. Loại sưu tầm biên khảo phong tục:

– *Chuyện giải buồn*, 2 tập, in 1880 – 1885

– *Gia lễ*, in 1886

– *Sách quan chế*, in 1888

– *Đại Nam quấc âm tự vị* 2 tập, in 1895 – 1896

– *Tục ngữ, cổ ngữ, cách ngôn*, in 1896 – 1897.

Bộ *Đại Nam quấc âm tự vị* là một bộ sách đồ sộ. Mới đầu sách mang tên là *Dictionnaire An Namite* soạn trong 5 năm, từ năm 1889 đến năm 1893. Đây là bộ từ điển giải thích ngôn ngữ dân tộc đầu tiên trong lịch sử. Ông đã góp nhặt từ vựng tiếng Việt từ nguồn thơ văn tiếng Việt cổ điển và nguồn tiếng nói thông tục trong đời sống. Nhờ đó ông đã tổng hợp được một kho từ vựng phong phú trên địa bàn cả nước. Bộ sách là một tài liệu quan trọng cho người nghiên cứu ngữ âm lịch sử và ngữ văn học các đời sau.

Tư tưởng bao trùm phần lớn công việc trước thuật của Huỳnh Tịnh Của là tư tưởng giáo dục luân lý. Ông coi luân lý cổ truyền là đẹp và muốn dùng

văn chương tiếng Việt để truyền bá sâu rộng nó trong đông đảo lớp người ít học tập.

Chuyện giải buồn của ông được viết theo tinh thần trên. Nó gồm hai quyển. Quyển I có 68 truyện, quyển II có 52 truyện. Trong số 120 truyện, có:

– Một số truyện vui truyền miệng trong dân gian, đặc biệt phổ biến ở Nam Bộ;

– Một số giai thoại và truyện lạ đã chép trong *Truyền kỳ mạn lục* hoặc trong các ngoại sử.

– Một số vụ án lấy trong hồ sơ tư pháp Nam Bộ.

Nhiều truyện trong sách rút ở sách cổ Trung Quốc, đó là điểm khác với *Truyện đời xưa* của Trương Vĩnh Ký. Cách hành văn cũng khác. Trương gắng "viết như lời nói thường"; Huỳnh giữ vẻ trang trọng của câu văn chữ Hán.

Chúng tôi chọn 9 truyện, bốn ở quyển I, năm ở quyển II.

Cùng với Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của là người có công đầu trong việc đặt nền móng cho văn học quốc ngữ, cũng là người có công đầu trong việc xây dựng thể loại truyện, ký thành những thể loại chủ chốt của văn học.

CHUYỆN GIẢI BUỒN

QUYỂN I

11. Anh em ruột giành gia tài

Hai anh em thằng Mít chia gia tài giành lộn với nhau, đi mời xã trưởng phân xử. Chú xã cũng biết một hai câu chữ, tới tại nhà hỏi hai anh em bất bình với nhau làm sao? Người anh nói em tham, chia nhiều mà còn chê ít, người em nói anh muốn giành lấy một mình. Chú xã nói cả hai anh em không biết đều, trong sách có nói: chẳng lẽ coi tiền của hơn anh em, sao không biết xét mà đi giành xé với nhau cho mất sự thuận hòa trong gia đạo, lại làm cho mất thói lịch sự trong xóm làng. Vả lại tục ngữ có nói: *đống trấu nhà chẳng để cho gà người bươi*. Hai anh em phải tính cho êm với nhau thì hơn. Hai anh em nghe nói bèn an lòng chia chác với nhau xong xuôi.

Cách ít ngày tới việc chú xã, người em chú xã cũng lấy sự chú xã tham muốn giành phần nhiều mà đi kiện tới tổng. Hai anh em chú xã lại so đo hơn thiệt ngầy ngà với nhau quá hơn anh em thằng Mít. Hai anh em thằng Mít hay đặng mới đi hỏi chú xã: chớ sao ngày trước nhằm việc vuối tôi thì cậu trưng sách vở mà giải hòa, nay tới việc cậu, coi ý cậu so đo ngầy ngà quá vuối tôi, vậy thì tình cốt nhục cùng phép lịch sự cậu ở đâu? Tên xã nói: ngày trước là việc các chú, gia tài cũng là việc của các chú, các chú hơn thua với nhau chẳng động gì đến tôi, cho nên tôi nói phải, chớ việc bây giờ là việc anh em tôi, gia tài cũng của anh em tôi, tôi không nói thì đau lòng, tức mình tôi phải nói, huống chi xử việc có kinh có quyền ngày trước việc các chú là chánh kinh, ngày nay việc vuối tôi là tùng quyền, có khi dùng sách có khi bỏ sách [1].

---

1. *Kinh quyền:* kinh là cách xử sự lúc bình thường, quyền là cách xử sự trong trường hợp đặc biệt.

16. Cọp có nghĩa

Đất Triệu Thành có bà già hơn bảy mươi tuổi, mà có một đứa con trai mà thôi. Ngày kia con vào rừng bị cọp ăn, bà già kêu van thương tiếc, tức tối không biết làm sao, bèn đi kiện với ông huyện. Ông huyện tức cười mà rằng: phép quan xử kiện người ta, không xử kiện cọp. Bà già lại kêu khóc hơn nữa, ông huyện quở cũng không sợ. Ông huyện thấy bà ấy già cả không nỡ làm oai, bèn chịu đòi cọp mà xử. Bà già cứ việc cúi đầu la lết đợi cho có trát mới chịu về. Quan huyện tức mình hỏi trong nha lệ có tên nào dám đi đòi cọp, xẩy có tên Lý đương say xoàng xoàng ra giữa nha vỗ bụng chịu đi. Quan huyện liền dạy viết trát, bà già thấy vậy mới chịu dậy mà về. Tên lệ tỉnh rượu hoảng kinh, mà hãy còn tưởng ông huyện làm chuyện gạt bà già, bèn đem trát vào mà trả. Quan huyện nổi giận quở rằng: mầy xứng tài hay, sao mầy còn trả trát? Tên lệ túng thế bẩm xin trát bắt quân vì cọp, ông huyện cho, tên lệ đặng trát về quy những người làm nghề ví cọp [1] đêm ngày núp dọc rừng núi, trông bắt cho đặng một con kẻo quan huyện qui cách. Hơn một tháng bắt không đặng cọp, tên lệ phải đòn dư trăm, lấy làm oan khúc chịu không đặng, bèn đi tới miễu ở triềng núi [2] mà vái, kêu khóc lạt giọng [3]. Giây lâu có một con cọp ở đâu đi xốc vào, tên lệ thất kinh sợ không khỏi. Cọp lầm lũi đi tới giữa cửa miễu ngồi thịch xuống, con mắt không dáo giát. Tên lệ thấy vậy bèn nói rằng: như phải mi hại con bà già, thì phải cúi đầu chịu tao trói. Vái rồi liền lấy dây cột cổ cọp, cọp trập tai [4] chịu cột một bề. Tên lệ mới dắt cọp về nha. Ông huyện hỏi: có phải mi ăn con bà già chăng? Cọp gặc đầu. Ông huyện lại rằng: xưa nay có luật hễ ai giết người thì phải chết, vả bà già ấy có một con, mà mi giết đi, thì còn ai nuôi bà ấy, nếu mi thế công việc nuôi dưỡng bà ấy như con bà ấy vậy thì tao tha mi. Cọp gặc đầu, ông huyện bèn dạy mở trói, biểu cọp đi. Bà già đương giận ông huyện không giết cọp mà thường mạng cho con [5]. Sáng ngày mở cửa thấy một con hươu bỏ trước nhà

---

1. *Ví cọp:* ví là vây, bao vây để bắt.

2. *Triềng núi* (triền núi): sườn dốc của núi.

3. *Lạt giọng* (lạc giọng): kêu khóc nhiều quá đến lạc cả giọng người nghe không nhận được ra giọng mình nữa.

4. *Trập tai*: cụp tai lại tỏ ý chịu khuất phục.

5. *Thường mạng:* đền mạng.

bèn kêu hàng xóm, bán thịt bán da lấy tiền mua cơm gạo. Từ ấy cọp cứ đem thịt tới hoài, có khi nó tha vàng bạc giẻ lụa tới mà bỏ giữa nhà, làm cho bà già no đủ. Việc nuôi dưỡng lại hơn con ruột, bà già mới đem lòng thương cọp. Mỗi khi cọp tới thì nằm dưới thềm cả ngày chẳng động tới người tới vật, ai nấy bình yên chẳng còn nghi sợ. Cách ít năm bà già chết, cọp tới kêu hộc[1] giữa nhà, nhờ có của bà già dành để trong họ việc tống táng phũ phê [2]. Cất đặt vừa rồi, cọp chạy tới, ai nấy thất kinh, vở chạy. Cọp tới trước mồ gầm kêu động địa, hồi lâu mới đi. Người xứ ấy có lập một cái miễu nghĩa hổ, cho tới bây giờ hãy còn.

36. Chuyện một vị tướng quân

Ông Tra Y Huỳnh là người Tích Giang, tiết thanh minh đi dạo chơi ngoài đồng, vào một cái chùa, thấy trước tiền đường có để một cái chuông xưa lớn hơn ghè mái [3] trên dưới có dấu đất dấu tay mới ràng ràng. Họ Tra nghi dòm phía dưới, thì thấy có một *cái thúng lớn*, không *biết đựng giống gì, biểu nhiều người nắm* quai chuông mà *dở lên*, thì *không nhúc nhích*. Họ Tra lấy làm lạ *ngồi rót rượu uống, đợi coi có ai về mà dở chuông ấy ra*. Một hồi có một người ăn mày vào, ôm những đồ đi ăn xin, để một bên chuông, rồi một tay dở chuông, một tay bỏ đồ ăn vào trong thúng, dở lên để xuống hai ba bận, dồn hết đồ ăn vào thúng rồi bỏ đi ra. Giây lâu lại trở về dở hé lấy đồ ăn, nhẹ nhàng cũng như mở tủ. Ai nấy lấy làm kì, họ Tra hỏi: Chú mạnh mẽ dường ấy, sao còn đi ăn xin? Tên ăn mày nói mình ăn nhiều quá cho nên không ai dám mướn. Họ Tra khuyên biểu đi ở lính, tên ăn mày nói sợ không ai dùng. Họ Tra đem tên ăn mày về nhà, cho ăn uống thì nó ăn bằng năm sáu người, cho quần áo lại với 50 đồng tiền mà đưa đi.

Cách hơn mười năm, cháu họ Tra ngồi tri huyện tại đất Mân, xảy có một vị tướng quân tới viếng. Hai đàng đàm đạo, vị tướng quân hỏi ông huyện có biết ông Y Huỳnh chăng? Ông huyện nói là chú họ, lại hỏi: nhơn sao tướng quân biết ông Y Huỳnh. Vị tướng quân nói: ông ấy là thầy, xa nhau hơn mười năm, lòng hằng tưởng nhớ, xin gởi lời cùng thầy qua chơi một chuyến. Ông huyện

---

1. *Kêu hộc:* hộc là la, rống lên.
2. *Phũ phê:* dồi dào, thừa thãi.
3. *Lớn hơn ghè mái:* ghè là cái chĩnh, mái là cái chum.

nghĩ chú mình là người văn thơ, sao lại có học trò võ, cũng ừ gọi là. Sau có ông Y Huỳnh tới, ông huyện học lại, ông Y Huỳnh quên lửng, không biết là ai, mà bởi vì tướng quân trao lời cặn kẽ, liền dạy bắt ngựa đi tới cửa ông tướng quân thấy giấy thiệp đưa vào vội vã chạy ra hầu rước ngoài cửa ngõ. Ông Y Huỳnh nhìn coi lạ đặc ngờ là ông tướng quân lầm, mà ông tướng quân lại càng khiêm nhượng rước khách vào ba bốn vọng canh. Ông Y Huỳnh thấy các con hầu lăng xăng biết là nhà trong, dừng chơn không dám bước, ông tướng quân lại cúc cung xin vào, đứa cuốn rèm, người dọn ghế đều là con hầu. ông Y Huỳnh ngồi xuống xấm rấm hỏi thăm, liền thấy có đứa đem đồ triều phục cho tướng quân bận vào, xóc sửa ngay thẳng, lại dạy ít đứa hầu sửa soạn cho ông Y Huỳnh ngồi lên ghế trên chính đính rồi ông tướng quân mới xuống múa lạy như thể chầu vua. Y Huỳnh sửng sốt không biết chuyện gì. Ông tướng quân bái lễ tất, thay áo thường ngồi đãi, cười mà nói rằng: Thầy không nhớ tên ăn mày dở chuông sao? Họ Tra mới sực nhớ chuyện hơn mười năm. Ông tướng quân dọn yến tiệc thết đãi ân cần, lo cho tới giấc ngủ. Họ Tra thấy tướng quân trọng hậu, ăn ngồi không yên, xin trở về, tướng quân không cho, cứ việc kiểm điểm gia tài, của cải, tôi mọi, lừa ngựa dạy biến ra cả thảy. Một bữa ông tướng quân nói với họ Tra rằng: Tôi làm nên hiệt nhờ thầy, nay gia tài của cải thảy thảy mọi món, tôi chia ra làm hai, một nửa để dành cho thầy, ấy là của thầy, tôi không dám hưởng, dùng một mình. Họ Tra không chịu, ông tướng quân không nghe, dạy tớ trai mọi gái phân nhau sắp dọn, bắt ngựa lừa chuyên chở của cải rầm rầm một lũ đưa họ Tra về. Sau họ Tra can án về việc tu sử mất chức, cũng nhờ sức quan tướng quân mà đặng khỏi.

66. Chuyện thầy thuốc

Họ Trương vẫn là dân nghèo ở đất Nghi, đi đàng gặp một ông Đạo sĩ biết coi tài tướng đoán rằng: nhà ngươi sau sẽ nhờ một nghề mà làm giàu. Họ Trương hỏi nghề gì? Thầy Đạo sĩ nói là nghề làm thuốc. Họ Trương nói mình làm thuốc làm sao đặng. Đạo sĩ cười nói nhiều thầy làm thuốc có danh có phải là tại hay chữ đâu. Họ Trương về nhà túng lắm mới đi lượm đồ ngoài bãi biển đem về dọn bán giữa chợ, chưng ra những là xương cá sò hến, ổ vò vò, trau chuốc lời nói cho được, kiếm cơm mà đáp đỗi, mà cũng chưa lấy làm đắt. May đâu có quan thái thú đất Thanh Châu mắc bệnh ho, sức ra

cho các huyện đòi thầy thuốc. Đất Nghi ở dọc núi không có mấy thầy giỏi, mà quan huyện sở tại thì sợ quan thái thú nói không hết lòng, mới sức ra cho các làng dạy ai biết làm thuốc phải tới mà khai. Khi ấy ai nấy đều báo tên họ Trương làm thuốc giỏi, quan huyện bèn cho đòi. Họ Trương mang lấy bệnh đàm suyễn, chữa bịnh mình cũng không xong, nghe trát đòi sợ hãi không chịu đi, quan huyện không nghe bắt trạm đưa đi. Họ Trương đi qua truông ải, khát nước chừng nào càng nổi ho suyễn lên chừng ấy, ghé vào xóm xin nước mà uống; chẳng dè giữa truông khô khan nước quí giá, xin ai cũng không cho. Xảy thấy một người đờn bà rửa rau, rau nhiều nước ít trong chậu nước đục ngàu ngàu, họ Trương khát khao chịu không đặng, bèn xin nước dơ ấy mà uống, uống vào đỡ khát, ho suyễn cũng hết, nghĩ trong bụng ấy là một phương hay.

Đến khi tới quận, thì thấy các thầy thuốc danh tiếng ở các huyện tới đó bày tủ hốt những thuốc tốt mà bịnh ông thái thú không giảm chút nào. Họ Trương vào xin một chỗ khuất tịch giả đò chế thuốc, lại truyền cho đâu đó cho người đi ra nhà quê tìm các thứ rau cỏ đem về, anh ta lấy nước dội rửa làm như con mẹ rửa rau, rồi lấy nước rửa ấy đem cho ông thái thú uống vào một chén, bịnh liền đỡ. Ông thái thú mầng lắm thưởng vàng bạc nhiều, lại cho một tấm biễng để treo trước nhà. Bởi đó họ Trương nổi danh, người ta tới hốt thuốc chật nhà, làm đâu chịu đó, không bịnh nào không lành. Thuở ấy có người đau bịnh thương hàn, cho người tới hốt thuốc, họ Trương say hốt nhầm than thuốc lạ, tánh rượu biết mình lầm mà không dám nói, ai ngờ cách ba bữa có người đem lễ vật tới nhà mà tạ; hỏi ra thì là người đau bịnh thương hàn nói uống thuốc vào trên mửa dưới tả mà khá. Cũng còn có nhiều chuyện mặc may như vậy. Từ ấy họ Trương giàu có làm thinh giá, có rước bằng kiệu, đem nhiều tiền mới chịu đi cho.

QUYỂN II

3. Ông tơ bà nguyệt

Đời nhà Đường có tên Vi Cố đi kén vợ phương xa, tới đất Tống Thành, gặp chủ quán tử tế, đem mối chỉ con gái họ Phan ở đàng sau chùa Long Hưng, lại biểu tối phải đi tới chùa.

Vi Cố nghe lời đi tới chùa, xảy thấy một người già cả ngồi dưới thềm chùa, bên mình có một cái túi, mở sách đưa lên trăng mà coi. Vi Cố hỏi là sách gì. Người già ấy nói là sách hôn thơ trong thiên hạ. Vi Cố hỏi túi ấy là túi gì. Người già nói là túi *xích thằng* [1], để mà cột chân các kẻ làm vợ chồng, dây ấy cột rồi dầu người thù nghịch, hoặc ở phương xa cũng phải phối hiệp, không chạy chối được. Vi Cố nói có người chỉ con họ Phan, con ấy có được chăng? Người già nói chưa được; lại rằng vợ cậu mới có ba tuổi, mười bảy tuổi mới về nhà cậu. Vi Cố nóng hỏi con ấy ở đâu? Người già mới nói là con mụ bán rau, họ Trần ở đàng sau xóm quán. Người già chỉ đàng đi rồi biến mất.

Sáng ngày Vi Cố bươn bức [2] đi tìm, tới xóm rau thấy một mụ già bồng một đứa con gái nhỏ chừng ba tuổi, mặt mũi xấu xa, lem hem như con ăn mày. Vi Cố tức mình trở về nhà quán, trao gươm biểu tên đầy tớ đi giết con nhỏ ấy cho được thì cho một trăm quan tiền. Tên đầy tớ lãnh mạng đi, đâm một gươm phạm nhằm chang mày [3] con nhỏ, mụ già bồng con chạy khỏi. Cách mười bốn năm con nhỏ lưu lạc qua đất Tương Châu, bà thứ sử đất ấy thấy con nhỏ dung nhan đẹp đẽ, trên chang mày thường dán một miếng giấy bằng đồng tiền, tục kêu là dán hạnh, đòi hỏi lắm, nó bèn nói thiệt rằng nó là cháu ông quận thú, cha nó chết thuở nó còn bé, nhờ vú bán rau mà nuôi. Một bữa vú bồng nó đi chơi ngoài đàng, xảy có quân hoang đâm nhằm chang mày, vú bồng nó mà chạy mới khỏi chết. Bà thứ sử bèn làm mai gả cho Vi Cố. Ấy là *Thiên duyên*.

34. Lạn Tương Như

Tần Thỉ Hoàng đánh nước Triệu, lấy hết năm thành, sau nghe Triệu có ngọc bích, quốc thơ qua Triệu biểu đem dâng ngọc bích thì trả năm thành. Tướng nước Triệu là Lạn Tương Như phụng sứ đem ngọc sang đổi. Tần Thỉ Hoàng thấy ngọc bích lấy làm châu báu, ngọc muốn lấy mà thành không muốn trả. Lạn Tương Như lập thế lấy ngọc bích lại, cho người giả ăn mày lọt ra khỏi thành đem về cho Triệu. Bữa sau Tần Thỉ Hoàng đòi Lạn Tương Như vào hỏi

1. *Túi xích thằng:* xích thằng là cái dây đỏ, túi xích thằng là túi đựng những sợi tơ đỏ, những dây tơ hồng để buộc chân những người có duyên số lấy nhau.

2. *Bươn bức:* vội vã.

3. *Chang mày:* chỗ đầu hàng lông mày phía thái dương.

ngọc. Lạn Tương Như khẳng khái nói: Vua muốn ngọc thì trước phải giao năm thành cho có chữ làm tin. Tần Thỉ Hoàng thạnh nộ hỏi: Nhà ngươi có biết thiên tữ chi nộ chăng? Lạn Tương Như tâu: dám hỏi. Tần Thỉ Hoàng nói: Thiên tữ chi nộ thì là lưu huyết bách bộ, bộc thi thiên lý [1]. Lạn Tương Như hỏi: Vậy thiên tữ có biết thất phu chi nộ ra làm sao chăng? Tần Thỉ Hoàng làm thinh. Lạn Tương Như trợn con mắt lên nói: Thất phu chi nộ thì là lưu huyết ngũ bộ, bộc thi nhị nhơn [2]. Tần Thỉ Hoàng thấy người khí khái cũng kiêng mà cho về.

Ấy Lạn Tương Như phụng hườn Triệu bích [3] cho nên bây giờ có mượn có lấy vật gì mà hẹn trả, thì người ta hay viết chữ *phụng bích* hay là *bích hườn.*

34. Hà chánh mãnh ư hổ.

(Nghĩa là làm quan độc ác thì là dữ hơn cọp).

Đức phu tữ dạo chơi bên núi Thới sơn, có thầy Tữ Lộ, Tữ Cống, Nhan Hồi theo hầu, đi vừa đến chỗ mồ mả, nghe tiếng một người đờn bà ngồi bên mồ mà khóc than gớm ghê, bèn sai thầy Tữ Lộ đi hỏi người đờn bà có sao mà tiếng khóc thảm thiết dường ấy.

Người đờn bà nói: Cọp ở đất này dữ quá, tháng trước nó bắt chồng tôi, mới đây nó lại ăn con tôi, tức tôi quá, tôi chịu không đặng. Đức phu tữ dạy hỏi người đờn bà sao không dời đi xứ khác mà ở cho khỏi hoạn họa. Người đờn bà thưa rằng: Ở đây quan sở tại có nhơn, không có hà chánh nghĩa là không có khắc bạc [4]. Đức phu tữ bèn nói với ba môn đệ rằng: Các con phải cho nhớ, làm quan hà khắc bất nhơn thì dữ hơn cọp.

46. Di Tữ Hà.

Di Tữ Hà là hãnh thần nước Vệ. Vệ Linh Công yêu dùng anh ta, ngôn thính kế tùng, nghĩa là nói sự chi, bày chước gì, Linh Công đều nghe theo.

---

1. *Lưu huyết bách bộ, bộc thi thiên lý:* máu chảy dài hàng trăm bước, thây phơi hàng nghìn dặm.

2. *Ngũ bộ:* năm bước, *nhị nhơn*: hai người.

3. *Phụng hườn* (phụng hoàn): vâng lệnh trên đem được ngọc về.

4. *Khắc bạc*: khắc là làm hại gây khó khăn, bạc là vô ơn bội bạc.

Phép nước Vệ, hễ ai ăn trộm xe vua mà đi, thì phải tội chặt chơn. Mẹ Di Tữ Hà mắc bệnh nặng, nhắn tin cho con hay, mà trời đã tối. Di Tữ Hà bức tức, phần thì đàng xa không biết làm sao mà đi cho kịp, anh ta lén lấy xe vua mà đi; vua hay đặng khen Di Tữ Hà ở có hiếu, nghe mẹ đau nặng, liều mình chịu tội chặt chơn cho được về viếng mẹ.

Ngày kia vua ngự vườn đào, Di Tữ Hà hái đặng một trái đào chín bỏ vào miệng, nghe ra ngon ngọt dị thường. Anh ta ăn hết nửa còn nửa thì đem cho vua ăn; vua khen Di Tữ Hà thương trẫm quá, nó nhịn miệng mà cho trẫm ăn miếng ngon. Đến khi Di Tữ Hà mắc tội, Linh Công giận mà nói rằng: Thằng Hà khinh trẫm thái quá, nó dám lấy xe trẫm mà đi, là một tội, đào nó ăn dư nó lại đem cho trẫm ăn, là hai tội, chẳng còn lẽ thứ dung.

48. Án lai lịch bất minh

Tri phủ Hoằng Trị, kiêm lý ấn vụ huyện Bảo Hựu, Bảo An... thẩm nghĩ:

Năm ngoái, tháng mười một, ngày 28, có thôn trưởng, hương hào làng An Bình Đông thuộc tổng Bảo An, giải xưng đêm 27 tháng ấy, chúng nó đi tuần trong làng, có bắt đặng một trai đi đêm không đèn, sau mới biết là Nguyễn Văn Thơ, hỏi ra không biết tông tích là người gì, không dám tha, cho nên phải đem nó tới mà nạp. Ngày ấy lại có thôn trưởng, hương thân làng An Ngãi Trung, cũng thuộc về một tổng, giải xưng ngày 26 tháng ấy, có thấy một trai lạ mặt, sau biết là Nguyễn Văn Bá, tới trong làng xưng là lính tuyển phong, vâng sai đi thám bắt đứa gian cùng kẻ trộm. Làng chúng nó nghi, hỏi tên ấy không có văn bằng, bèn bắt mà nạp, các lời.

Đem hai tên ấy ra mà hỏi.

Một đứa xưng là Nguyễn Văn Thơ niên canh Kỷ Mão 38 tuổi không có anh em vợ con, nguyên nó là dân làng Tân Thành Trung về phần tổng Bảo Lộc, nghèo lắm, nó đi lưu lạc. Năm ngoái, tháng 11, ngày 27, nó tìm tới chợ làng An Bình Đông, kiếm việc làm mướn mà ăn, đêm tối lỡ đàng, xảy bị làng đi tuần bắt. Hỏi đến nó phải khai ngay, nó không hề có bụng đi làm quấy hay là ăn trộm, các lời.

Một đứa xưng là Nguyễn Văn Bá, niên canh Mậu Tuất 26 tuổi, nguyên là dân làng Lương Mĩ về phần tổng Bảo Thành, nó

không có anh em vợ con. Năm ngoái, tháng 11, ngày 26, nó nhơn nghèo khổ, không biết dựa vào đâu, bèn đi xứ khác, kiếm việc làm công mà ăn. Vừa tới làng An Ngãi Trung, đói lắm, nó mới mạo xưng là lính tuyển phong, vâng phép sai đi bộ đạo, họa may làng có đãi cơm rồi sẽ đi chỗ khác, chẳng dè làng ấy biết việc giả mạo, liền bắt mà nạp. Hỏi đến nó phải khai ngay, vốn nó không có làm điều hung dữ, các lời.

Hỏi thôn trưởng làng Tân Thạnh Trung là Nguyễn Văn Điền, khai rằng làng nó có tên dân bộ, là Nguyễn Văn Thơ nghèo khổ, không có nhà cửa tại làng, lưu lạc, không ở một chỗ. Về sự Văn Thơ đi tới làng An Bình Đông bao giờ làng nó không rõ.

Hỏi thôn trưởng làng Lương Mĩ là Nguyễn Văn Lợi khai chịu làng nó có tên Nguyễn Văn Bá, nghèo, không có anh em nhà cửa tại làng. Tên ấy không ở một chỗ. Còn sự tên Bá đi tới làng An Ngãi Trung, giả là lính thế nào, làng nó không hiểu biết.

Tra hỏi các lẽ rồi.

Xét Nguyễn Văn Thơ, Nguyễn Văn Bá đều là dân nghèo nàn, đi tới chỗ khác, kiếm việc làm thuê mướn cho có hột cơm mà ăn, té ra không yên bổn phận; tên Nguyễn Văn Thơ đêm khuya đi không đèn, tuy chưa tỏ tình gian, mà không khỏi lẽ gian; Nguyễn Văn Bá lại mạo xưng là binh tỉnh sai đi bắt hung phạm, giả trá thinh thế cho được kiếm ăn, không có ý giả mạo tờ trát. Cả hai đều là đứa du đãng, không lo việc làm ăn rõ ràng.

Nếu lấy một sự trong luật lệ không có điều rõ ràng, mà tha bổng nó đi, thì e lỗi trong sự rộng quá; vậy việc tên Nguyễn Văn Thơ, Nguyễn Văn Bá, phải chiếu theo mặt luật bất ưng vi trọng, xử quyết mỗi đứa 80 trượng để làm gương răn dạy, lại giao cho làng quán nó, làm giấy lãnh đem về quản thúc.

Về sự thôn trưởng làng Tân Thạnh Trung là Nguyễn Văn Điền, thôn trưởng làng Lương Mĩ là Nguyễn Văn Lợi, xét ra Văn Thơ, Văn Bá đi chỗ khác làm việc chăng phải, chúng nó vốn không hiểu biết, đều cho miễn nghị.

Tự Đức năm thứ 6, tháng Giêng, ngày 12,
Án huyện Bảo An.

Hiệu sách và Nhà in Phát Toán, Sài Gòn, 1911.

PHẠM DUY TỐN
(1883-1924)

Nếu Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của là những người đặt nền móng cho văn quốc ngữ ở cuối thế kỷ XIX thì Phạm Duy Tốn là người mở ra lối viết truyện ngắn hiện đại đầu tiên ở đầu thế kỷ XX.

Phạm Duy Tốn sinh ở Hà Nội năm 1883, mất năm 1924, thọ 41 tuổi. Ông sinh sau họ Trương gần nửa thế kỷ (46 năm), quê làng Phượng Vũ, huyện Thường Tín, Hà Đông, nay là Hà Tây.

Sau khi tốt nghiệp trường Thông ngôn, năm 1901 (18 tuổi), ông làm phiên dịch tại tòa Thống sứ Bắc Kỳ một thời gian rồi xin thôi để viết báo. Ông đã viết các báo: *Đại Việt tân báo; Nông cổ mín đàm; Đông Dương tạp chí; Lục tỉnh tân văn; Nam phong tạp chí; Trung Bắc tân văn; Đăng cổ tùng báo* dưới các bút hiệu: Ưu Thời Mẫn, Đông Phương Sóc, Phạm Duy Tốn. Ông là tác giả các truyện ngắn: *Bực mình*, 1914; *Sống chết mặc bay*, 1918; *Con người Sở Khanh*, 1919; *Nước đời lắm nỗi.*

Ngoài ra, ông còn soạn *Tiếu lâm quảng ký* ba tập với bút hiệu Thọ An. Trong những năm 20, sách này được in lại nhiều lần, phổ biến rộng rãi trong cả nước.

Chúng tôi lấy hai truyện ngắn: *Sống chết mặc bay* và *Con người Sở Khanh.*

Phạm Duy Tốn ít chịu ảnh hưởng của xu hướng đạo đức, những truyện ngắn của ông nghiêng về phản ánh xã hội hơn là nêu gương giáo huấn. Ông tố cáo một số cảnh bất nhân độc ác dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến.

Ở nông thôn cuộc sống của người nông dân khốn khó bấp bênh vì lụt lội đói kém, vì bọn quan lại tàn nhẫn, coi khinh tính mạng của họ. Đó là dụng ý của tác giả trong *Sống chết mặc bay.* Ở thành thị, chủ nghĩa cá nhân tư sản và đồng tiền phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ra lối sống lường gạt. Đó là nội dung truyện ngắn *Con người Sở Khanh.*

SỐNG CHẾT MẶC BAY

(Truyện ngắn)

Gần một giờ đêm, trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá; khúc đê làng thuộc phủ, xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thẩm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ [1], nhưng xem chừng ai cũng mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thì nước cứ cuồn cuộn bốc lên. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời. Thế đê không sao cự lại được với thế nước. Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất...

Ấy lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà chống với mưa to nước lớn, để bảo thủ lấy tính mạng gia tài, thế thời quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng: đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dẫu nước to thế nữa cũng không việc gì.

Trong đình đèn thắp sáng trưng, nha lệ, lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập mới kê ở gian giữa, có một mình quan phụ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quỳ ở dưới đất mà gãi. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông chốc chốc lại phe phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay chực hầu điếu đóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút; tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng cau

---

1. *Sang hộ*: thay thế, giúp đỡ lẫn nhau.

đậu, rễ tía [1], hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào chuôi dao ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, vỉ thuốc, quản bút, tăm bông [2], trông mà thích mắt. Chung quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu gian, thì có thầy đề, rồi lần lượt đến thầy đội nhất, thầy thông nhì, sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng sở tại cũng ngồi hầu bài.

Ngoài kia tuy mưa gió ầm ầm, dân phu rối rít, nhưng trong này xem chừng tịch mịch nghiêm trang lắm: trừ quan phụ mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. So với cảnh trăm họ đang lấm láp, gội gió tắm mưa như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ nguy nga: nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhà lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ tôn nghiêm, như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: "Điếu mày", tiếng tên lính hầu thưa: "Dạ", tiếng thầy đề hỏi: "Bẩm bốc", tiếng quan lớn truyền: "ù". Kẻ này: "Bát sách... ăn". Người kia: "Thất văn... phỗng" [3], lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói, vui vẻ, dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh [4].

Ấy đó, quan phụ mẫu cùng với nha lại, đương vui cuộc tổ tôm ở trong đình ấy, ngài mà còn dở ván bài hoặc chưa hết thì dầu trời long đất lở, đê vỡ, dân trôi, ngài cũng thây kệ.

Ôi! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma lực gì dun dủi cho quan mê được như thế?... Này, này đê vỡ mặc đê, nước sông dù nguy, không bằng nước bài cao thấp. Đứng trên đê mà đốc kẻ cắm cừ, người đổ đất lắm nỗi lầm than, sao bằng ngồi trong đình đã sẵn kẻ bốc nọc, người chia bài, nhiều đường thú vị.

Than ôi! Cứ như cách quan ngồi ung dung như vậy, mà hai bên tả hữu, nha lại nghiêm trang, lính hầu rầm rập thì đố ai bảo rằng: gần đó có sự nguy hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn

---

1. *Cau đậu, rễ tía:* cau đậu là cau khô hạt còn dính, chưa rời ra. Rễ tía là một thứ rễ ăn với cau trầu.

2. *Tăm bông:* tăm xỉa răng đầu chẻ xơ cho dễ chải lên mặt răng.

3. *Bốc, hạ, chờ, ăn, phỗng:* bốc là rút quân bài từ đĩa nọc ra và lật lên. Hạ là đặt toàn bộ bài cầm trên tay xuống chiếu để ù. Chờ là chờ con bài cuối cùng để hoàn chỉnh bài trên tay mà ù. Ăn là được quyền ghép một quân bài do người khác đánh hoặc bốc ở nọc vào bài của mình. Phỗng là được ghép một quân bài đánh hoặc bốc vào một đôi có sẵn của mình.

4. *Phúc tinh:* ngôi sao, con người đem hạnh phúc đến cho mình.

thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến mà chẳng động tâm, thương xót đồng bào huyết mạch!...

Mặc! Dân chẳng dân thời chớ! Con bài ngon há nỡ bỏ hoài ru! Quan lớn ngài ăn ngài đánh, người hầu kẻ dạ kẻ vâng. Sướng bao nhiêu, thích bao nhiêu. Lúc quan hạ bài ù; ai là người chẳng ngợi khen tấm tắc. Một nước bài cao bằng mấy mươi đê lở ruộng ngập! Vậy mà không hiểu thật là trời phàm.

Quan lớn ù thông, người đầu cánh, kẻ cuối tay, tranh nhau phô bài để quan lớn rõ ràng: "Mình có đôi mà không dám phỗng qua mặt" [1]. Hèn chi mà quan chẳng ù luôn. Quan ù ấy là hạnh phúc!...

Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu rung đùi, mắt đang mải trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa tiếng kêu vang dậy trời đất. Mọi người đều giật nẩy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chờ người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khẽ nói:

– Bẩm dễ có khi đê vỡ?

Ngài cau mặt gắt rằng:

– Mặc kệ!

Rồi ngồi xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình bảo thầy đề lại:

– Có ăn không thì bốc chứ?

Thầy đề vội vàng:

– Dạ, bẩm bốc.

Vừa lúc đó thì tiếng người kêu rầm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ồn ào như thác chảy xiết, rồi lại có tiếng gà, chó, trâu bò kêu vang tứ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình đều nôn nao, sợ hãi. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đẫm, tất tả chạy xông vào, thở không ra hơi:

– Bẩm... Quan lớn... đê vỡ mất rồi!

– Đê vỡ rồi!...Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày. Có biết không?... Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn có phép tắc gì nữa à?

---

1. *Phỗng qua mặt:* phỗng vượt người ở cánh trên làm người ấy mất ăn quân bài.

– Dạ, bẩm...

– Đuổi cổ nó ra!

Ngoảnh mặt vào lại hỏi thầy đề:

– Thầy bốc quân gì thế?

– Dạ, bẩm con chưa bốc.

– Thì bốc đi, chứ!

Thầy đề tay run cầm cập, thò vào đĩa nọc [1], rút một con bài lật ngửa xướng rằng:

– Chi chi!

Quan lớn vỗ tay xuống sập, kêu to:

– Đây rồi!... Thế chứ lại!

Rồi ngài vội vàng xòe bài, miệng vừa cười vừa nói:

– Ù! Thông tôm chi chi nảy [2].

– Điếu mày!...

Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết, kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảm thảm sầu kể sao cho xiết.

Tạp chí Nam phong, số 8, tháng 12–1918.

---

1. *Đĩa nọc:* đĩa có phần bài để bốc dần.

2. *Thông tôm chi chi nảy:* bài có tam vạn tam sách thất văn mà ù là ù tôm, ù như thế liên tiếp hai ba lần là thông tôm (ù tôm to gấp rưỡi ù thường). Chờ con chi chi mà bốc được con chi chi thì ù to lắm gọi là chi chi nảy.

CON NGƯỜI SỞ KHANH

(Truyện ngắn)

Thầy thông Ất, làm việc ở sở X... tỉnh X..., mới kết duyên với cô Giáp là lệnh ái ông Bá họ Đinh. Hai bên lấy nhau cũng là xứng đôi phải lứa. Thiên hạ chẳng ai chê cười gì.

Thầy Ất đẹp trai, mặt mày nhẵn nhụi. Chàng vừa trạc tuổi thanh xuân, hình dung chải chuốt, áo quần bảnh bao.

Cô Giáp người mũm mĩm, trông cũng xinh xinh. Nàng đương xuân chí nhi đào, rượu nồng dê béo ai nào chẳng ưa.

Nhà ông Bá, bà Bá cũng có, cho nên đám cưới to. Đồ nữ trang sắm đủ: vòng, xuyến, hột, hoa, mớ ba mớ bảy, chẳng thiếu thứ gì. Giá người không kể, chỉ những đồ vàng cô dâu đeo ở trong mình, cũng đã ngót nghìn đồng bạc. Lại còn tiền hồi môn, kẻ đồn một nghìn, người nói năm trăm, nhưng sự thật thì chỉ có bốn gói mà thôi, mỗi gói là năm mươi nguyên chẵn [1].

Quý hóa lắm thay! Thầy Ất được cả người lẫn của. Thật là chuột sa chĩnh gạo...

Cưới xong hai vợ chồng mới dọn nhà ở riêng. Trừ lúc nào thầy thông đi làm việc thì thôi, còn thì ở nhà, hai người cứ bám chặt lấy nhau, không chịu rời ra một phút. Ngày đầu đóng kín cửa lại, vợ chồng hú hí với nhau, loan ôm phượng, phượng bồng loan. Miệt mài trong cuộc truy hoan, trai tơ gái nõn, xuân đang mặn mà. Tha hồ vui chữ "nghi gia" [2].

Cách ít lâu, một hôm chồng bảo vợ rằng:

– Mình ơi, mình với tôi, ta lên Hà Nội chơi một phen cho phỉ chí. Tôi sẽ đưa mình đi xem hát tuồng, đi ăn cao lâu, đi xem đền Quan Thánh, trại hàng hoa, xuống chơi Bôn Be [3] hồ Hoàn Kiếm. Thuê xe cao su dạo khắp mọi nơi cho thỏa thích. Mình có ưng không?

Vợ hớn hở vui mừng hỏi:

---

1. *Năm mươi nguyên:* năm mươi đồng. Trên giấy bạc một đồng có chữ Nhất nguyên bằng chữ Hán.

2. *Nghi gia:* người con gái về nhà chồng.

3. *Bôn Be:* Tên một viên Toàn quyền Đông Pháp. Phố Bôn Be (Paul Bert) ngày trước là phố Tây, phố sang nhất Hà Nội, nay là phố Tràng Tiền.

– Thế thì hôm nào đi?

– Để yên xem... Hôm nay thứ mấy?... Thứ tư có phải không? Vậy thì mai tôi xin phép, đến thứ bảy ta đi.

– Thật chứ?

– Thật.

– Ừ, thế thì nhất định thứ bảy đi, nhé?

– Nhất định.

Tối thứ sáu vợ bảo chồng rằng:

– À này mình ạ. Hai trăm bạc tôi đem gửi thầy đẻ nhé? Mang đi làm gì cho phiền nhỉ?

Chồng đáp:

– Ừ đem cả đi làm gì... Ơ; thế nhưng mà ngộ mình muốn mua bán sắm sửa cái gì nữa chăng. Bất nhược cứ đem quách cả đi cho tiện.

– Ừ mà phải. Mấy khi lên Hà Nội, tội gì chẳng sắm. Để mai đổi cả lấy giấy [1] mang đi cho khỏi nặng.

Chiều hôm sau, lúc sắp ra tàu, bố vợ dặn rằng:

– Trong mình mang nhiều tiền bạc, đi đường phải cẩn thận lắm mới được. Tôi chỉ lo vợ chồng trẻ, mê ăn mê ngủ, mà ở tàu thủy thì kẻ cắp như rươi.

Chàng rể thưa:

– Xin thầy đừng ngại. Con ở Sở lắm khi chủ giao cho bạc nghìn, giắt ở trong lưng, một mình con còn chẳng hề chi, huống hồ nay lại có cả nhà con nữa, thì thầy còn lo sợ gì!

Bà Bá bảo rằng:

– Ấy ở nhà không sao, chứ đi tàu thì phải giữ. Tiền đã bỏ ra cả trong ví, mà để vào va lít [2] cẩn thận rồi, có phải không?... Thế thì những hoa, hột, vòng, xuyến, nhẫn của chị thông, cũng nên tháo hết ra mà cất vào trong va lít ấy. Người ngồi đâu thì để liền ngay bên cạnh, hễ nằm thì gối đầu lên trên nhớ!

– Vâng, vâng.

Vội vàng miệng nói tay làm, bao nhiêu bộ cánh thu cả vào va lít, chỉ để lại đôi hoa đeo tai mà thôi.

Tàu xúp lê [3], kéo neo, xình xịch chạy. Hai giờ đêm đến bến Hà Thành. Đèn điện sáng chưng, cô thông nom cũng choáng mắt.

---

1. *Đổi cả lấy giấy:* ngày trước một số đơn vị tiền tệ lưu hành vừa bằng giấy, vừa bằng bạc (một đồng, hai hào, một hào). Đổi bạc đồng ra bạc giấy mang đi cho nhẹ.

2. *Va lít:* va li.

3. *Xúp lê (siffler):* kéo còi báo hiệu sắp chạy.

Chồng bảo vợ rằng:

– Ta thuê xe cao su vào ô ten [1] cho tiện.

Vợ ưng:

– Ừ đi đâu cũng được. Nhưng mà có xa không?

Chồng nói:

– Không. Chỉ năm xu xe, chạy thoáng một cái đến nơi ngay.

Rồi gọi:

– Cao su! Hai cái!

Vợ lên một xe chồng lên một xe. Xe vợ chạy trước, xe chồng chạy sau.

Xe kéo rập rình qua hết phố này sang phố khác. Đêm khuya đường xa vắng ngắt, thiên hạ ngủ im. Đến Hàng Đào, phu xe hỏi:

– Đi cà phê [2] nào đây, cô?

– Tôi cũng chẳng biết nữa, anh thử hỏi xe sau xem!

Phu xe ngảnh lại chẳng thấy bóng cao su nào. Cô thông thòi đầu ra, bảo quay xe lại, nhìn mãi cũng không thấy gì. Hai bên hàng phố cửa đóng kín mít, bốn bề im lặng như tờ. Dãy đèn điện sáng choang, thăm thẳm một dải đường dài trắng xóa.

Cô thông giật mình:

– Ô hay, xe kia đi vào đường nào?... Đây là phố gì hử bác?

– Phố Hàng Đào.

– Bác có biết xe sau chạy ngả nào không?

– Không biết!

– Chết chửa! Coi khéo không lại lạc nhé...

Cậu cu li giở dọng ngay:

– Ơ hay. Có lẽ bây giờ cứ đứng ở giữa đường này ư? Cô bảo tôi kéo đi đâu chứ?

– Hãy khoan đã, bác. Thử đợi tí nữa xem sao. Ngộ xe nhà tôi đi chậm chăng, vì còn mắc cái va lít chăng?

Cu li bèn nạc mỡ rằng:

– Thôi mất cậu rồi. Đừng mong người với va lít nữa. Hụt món này ta bày món khác vậy.

Cô ta nghe nói, lạnh gấy cả người, những lo ngay ngáy, bụng bảo dạ rằng: "Chết nỗi! Bây giờ làm thế nào đây? Bơ vơ phận gái, đêm khuya một mình ở nơi đất khách, biết nương vào đâu?... Mà chồng thì đi đường nào? Sao lại có lạc được! Lẽ đâu vô lý thế!"

---

1. *Ô ten (hôtel):* khách sạn.

2. *Đi cà phê:* đi hiệu có bán cà phê. Đi uống, đi ăn.

Còn đang lúng túng thì có phu lít [1] đi qua, hỏi "Cái gì?"

Cô kia vừa buồn vừa hãi, thấp cao kể rõ sự tình. Phu lít bảo "Đi lên bóp".

Ấy mới rầy rà! Ấy mới thật chết! Làm thế nào được bây giờ, Trời ơi!...

May sao giữa lúc ấy, có một thầy ra dáng làm việc Tây, cũng đi qua đó, thấy lôi thôi, đứng lại gần xem.

Thốt nhiên, thầy ta giương mắt trừng trừng, nhìn vào tận mặt người đàn bà mà hỏi:

– Có phải cô Giáp đấy không?

Cô Giáp đổi lo ra mừng:

– Phải tôi đây... Kìa thầy Bính! [2]

– Chết nỗi cô lên đây bao giờ? Lên làm gì trên này? Đi với ai? Đêm khuya khoắt sao chỉ có một mình thôi?

– Tôi mới ở tàu thủy lên với nhà tôi.

– Vậy thầy đâu?

– Xe tôi đi trước, xe nhà tôi đi sau. Bây giờ trông lại, không thấy đâu nữa. Dễ thường lạc rồi thầy ạ.

– Hứ... Lạ thật, sao lại lạc được?

Thầy Bính nghĩ một lát, rồi lại đoán rằng:

– Hay là gặp anh em, còn đứng lại nói chuyện chăng? Nhưng cũng không có lẽ... Ai lại bỏ vợ bỡ ngỡ, đi một mình trong thành phố đêm khuya như vậy... Thôi để tôi nói với thầy Đội. Xin mời cô hãy về tạm đàng nhà, nghỉ ngơi với mẹ cháu cho tiện. Rồi sáng mai ta sẽ liệu.

Mai cũng chẳng thấy gì, kia cũng chẳng thấy gì. Trong hai ba ngày tịnh vô âm tín [3].

Cô Giáp sốt gan sốt ruột. Hai vợ chồng thầy Bính trong lòng cũng áy náy phân vân: "Ô hay, tìm hết nơi này, hỏi hết chỗ kia, sao mà không thấy tăm hơi đâu cả là nghĩa làm sao? Kỳ thật!"

Đến ngày thứ tư, nhân ngồi nói chuyện việc cưới mình, cô Giáp mới thuật lại cả đầu đuôi: "Chồng nghe đâu như người ở tỉnh X. Cha mẹ mất sớm, mồ côi một mình, trước sau chẳng có ai cả, thân lập lấy thân. Thầy đẻ thương tình mà gả, chứ nào có phải là tham của tham

---

1. *Phu lít (police):* cảnh sát giữ trật tự trị an ở đường phố.

2. *Thầy Bính*: những tên Giáp, Ất, Bính, Đinh, cũng như X., Y., là những tên phiếm định để chỉ một người nào đó.

3. *Âm tín*: (âm là giọng nói, tiếng nói, tín là tin) tin tức.

cải gì đâu. Vả chăng chồng vốn thanh bạch. Thôi thì nhờ trời, nhờ quan trên, có lẽ nay mai cũng lo được bổ vào làm việc nhà nước. Nay hai vợ chồng đem nhau lên Hà Nội chơi. Có mang cả mấy trăm bạc đi nữa..."

Thầy Bính bèn hỏi rằng:

– Thế thì bạc ấy đâu?

– Ấy nhà tôi giữ. Bỏ trong va lít... Va lít nhà tôi mang... Lại bao nhiêu đồ vàng của tôi, cũng để cả trong va lít ấy.

Thầy Bính lắc đầu thở dài, nhìn cô Giáp mà nói rằng:

– Thôi cô mắc lừa rồi cô ạ.

Cô Giáp không hiểu:

– Mắc lừa ai?... Thầy bảo tôi mắc lừa ai?...

– Mắc lừa thằng bợm, chứ mắc lừa ai! Nó cuỗm cả vàng lẫn bạc, nó tếch lên ngàn rồi... Sao lại cả tin cái đứa vu vơ, trên không chằng, dưới không rễ thế!

– Nhà... nhà... tôi ấy, cơ?

– Chứ lại gì!

Cô Giáp chết điếng người. Ngồi lặng im một lát, rồi bưng mặt khóc òa lên:

– Trời đất ơi! Ngờ đâu con người thế mà xỏ lá ba que!

– Cô ơi, đời bây giờ, thiếu gì những giống tốt mã dài đuôi làm nghề các cậu Sở... Thôi đà mắc lận thì thôi, đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh!

Cách hai ba tháng sau, dò la mãi, quả nhiên biết rõ tin rằng: cậu Sở ấy đồng mưu với một ả giang hồ để lập cái kế tàn nhẫn này mà lấy của và hại một đời người đàn bà đầu xanh tuổi trẻ. Xong rồi hai đứa đem nhau đi trốn sang đâu Xiêm Lào, để cùng vui hưởng cái của bất nhân bất nghĩa.

Tạp chí Nam phong, số 20, tháng 2–1919.

NGUYỄN BÁ HỌC
(1857 - 1921)

Nguyễn Bá Học cùng Phạm Duy Tốn có vai trò trong văn học đầu thế kỷ XX tương tự như Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của cuối thế kỷ XIX.

Nguyễn Bá Học mất trước Phạm Duy Tốn 3 năm, nhưng lại sinh trước một phần tư thế kỷ (26 năm), sinh trước nhưng được biết đến trong văn học muộn hơn Phạm Duy Tốn một chút.

Nguyễn Bá Học sinh năm 1857, mất năm 1921, thọ 64 tuổi, quê làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay là xã Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình nhà Nho, sau khi thi hai khoa Hán học không đỗ, ông chuyển sang tân học, rồi đi dạy học liên tục suốt 31 năm ở Sơn Tây, Hà Nội, và Nam Định. Sau khi về hưu, 1918 (61 tuổi), ông chuyên viết báo, truyện ngắn đăng trên *Tạp chí Nam phong*.

Ông có 7 truyện ngắn là:

– *Câu chuyện gia đình,* 1918

– *Chuyện ông lý Chăm,* 1918

– *Có gan làm giầu,* 1919

– *Câu chuyện nhà sư,* 1919

– *Dư sinh lịch hiểm ký,* 1920

– *Chuyện cô chiêu Nhì,* 1921

– *Câu chuyện một tối của người tân hôn,* 1921 và 21 bài báo (viết hoặc dịch):

– *Lời khuyên học trò*

– *Bàn về nghĩa tự do kết hôn*

– *Gia đình giáo dục ký*

– *Chuyện việc làng*

– *Văn minh Á, Âu khác nhau thế nào?...*

Quan điểm văn học của ông được phát biểu trong bài *Lời khuyên học trò,* quan điểm đồng hướng với Phạm Duy Tốn. Ông phê phán thơ phú xưa là "không suy ra sự thực", là "tô điểm sai cả cảnh thực". Ông đòi hỏi văn học phải "có chân tình chân cảnh", phải "khiến cho người ta nghe câu văn như

mắt trông thấy cảnh, tai nghe thấy người mà sinh ra cái lòng quan cảm". Như vậy mặc dù vẫn chủ trương cầm bút để "treo gương luân lý" bảo vệ truyền thống đạo đức, Nguyễn Bá Học đã bước đầu rời bỏ quan niệm văn học của nhà Nho, ý thức được sự cần thiết phải đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ, tình cảm đã khác trước của công chúng. Ông đề cao các thể loại văn học mới, đặc biệt là ký sự, tiểu thuyết, truyện ngắn...

Truyện ngắn của ông thể hiện sinh động quan điểm văn học của ông. *Câu chuyện một tối của người tân hôn* được xây dựng từ những điều thấy và nghe của ông trong cuộc sống thực. Ông đã đưa cuộc sống bình thường của xã hội vào văn học. Đóng góp lớn của ông cho văn học là ở đó. Nhưng ông còn chịu ảnh hưởng nhiều cách viết văn của nhà Nho. Kết cấu mang dáng dấp cũ (mở đầu theo lối khai, phá, thừa), kể chuyện dài dòng chen vào những thuyết lý đạo đức, truyện phát triển theo mạch thẳng, ít điểm nút, nhiều câu văn réo rắt, đối thanh, đối ý... Hạn chế lớn của ông về nghệ thuật là ở đó.

CÂU CHUYỆN MỘT TỐI CỦA NGƯỜI TÂN HÔN

(Truyện ngắn)

Người bạn tôi ở góa đã sáu bảy năm, tuổi ngót bốn mươi mới tục lấy một người con gái. Hôm sau lấy tình thân mật, tôi cười mà hỏi: "Đêm qua, cái quang cảnh tân hôn thế nào?" – Bạn tôi nét mặt tần ngần, có ý cảm thương, tôi coi lấy làm lạ.

Hồi lâu bạn tôi thở dài mà nói: "Tôi không muốn giấu bác chuyện này. Người tân nhân tôi [1] cũng là con em một nhà tai mắt, vì sau sa sút mới phải đi làm thuê trong nhà máy sợi gọi là "con gái nhà máy" với nhà tôi từ xưa vốn là nhà thế nghị [2]. Xa cách nhau đã hơn mười năm lại được sum họp một nhà, bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa, tưởng cái ý vị đoàn viên hôm ấy càng đằm thắm lắm là phải. Sao mà lúc đứng ngồi lui tới tân nhân cứ thời thời[3] giấu một tay tả, như có sự gì bí mật không có thể để cho ai biết mà tiết lộ ra ngoài. Tôi lấy làm nghi cầm lấy tay mà hỏi. Tân nhân càng hoảng hốt thất thố [4] cứ dựa mình vào vách. Thừa lúc vô ý, tôi kéo tay ra mà xem, thì thấy bàn tay chỉ còn có ba ngón. Tân nhân tinh thần thê thảm, nói thật là vì máy kẹp phải tay, nhân kể nguyên ủy thậm tường [5] vừa cho đến sáng. Thương ôi người tân nhân tôi khổ thật, mà thiên hạ trầm luân trong khổ cảnh ấy biết là bao nhiêu!

Tôi nghe chuyện càng cảm càng thương dù có là chuyện không may riêng của một người, mà cũng là cái dấu thương tâm chung cho cả đồng loại. Nhân thuật lời tân nhân nói như sau này:

"Than ôi cái khổ cảnh của thiếp sao nỡ để cho chàng nghe; song thiếp cũng không dám giấu chàng mà không nói. Trong mấy năm

---

1. *Tân nhân:* người mới, người vợ mới cưới.
2. *Thế nghị:* quen biết lâu đời, có tình bằng hữu đã lâu năm.
3. *Thời thời:* luôn luôn.
4. *Thất thố:* mất bình tĩnh, mất thăng bằng, sai lầm.
5. *Kể nguyên ủy thậm tường:* kể rất rõ nguyên nhân tại sao xảy ra sự việc.

nay, trên thờ mẹ già, dưới nuôi cháu mồ côi, một thân thiếp vừa làm con gái vừa làm con dâu, ngày ngày phải đi làm thuê làm mướn để hồ khẩu [1] một ngày, ngày không được ngồi, đêm không được ngủ, dù người sắt cũng phải đau lòng. Hồi tưởng những ngày cha anh tôi còn, đang như cây ngọc đầy sân hạt châu trên án, nào ngờ bao lâu ngọc đổi sao dời, nay đã thành ra cảnh mộng.

Sau khi cha tôi đã mất, liền bị mấy lần tàn phá, mẹ tôi đem chúng tôi về làng Cổ sự, là nơi mẫu quán. Anh tôi đi dạy học làng xa, cũng mất ở đó. Chị dâu tôi ở nhà, nhân sản nạn [2] mà chết, để lại cho mẹ tôi một chút con thơ; sự bất hạnh trong gia đình tôi đến thế là cực.

Bấy giờ tôi mới có mười bảy tuổi, mẹ tôi đã ngoại năm mươi tuổi, bình thời tinh thần linh mẫn, như người ba bốn mươi. Mới hai năm, khóc con khóc dâu mà tóc đã bạc hồ hết, mắt càng lòa, tay càng run như người bảy tám mươi tuổi. Thiếp đã lo gia biến, lại thương mẹ già cũng muốn chia cay sẻ đắng, lấy chữ cần che chữ chuyết [3] để mẹ con nương náu qua thời. Tiếc thay, từ xưa, cha tôi làm quan không tập cho chúng tôi theo đường thực nghiệp, chỉ tưởng những nỗi một người đội ân vua, cả nhà ăn lộc nước; lấy phấn sức làm thanh cao, cho doanh sinh là trục mạt [4] để cho con em tập thói kiêu xa, đem thân chỉ xu hướng về sự phù hoa, không có thể suy ra thực dụng. Đến bây giờ trí vụng tài kém, cơ hàn thiết thân, còn giữ sao cho được phong thể [5].

Sau tôi đến nhà một bà láng giềng, kể cảnh ngộ cho bà nghe, và xin bà bày tỏ cho tôi một lối đi làm mướn. Bà nói: Đã lâu nay trong vùng này, có còn nghề gì là làm ăn được. Từ khi có máy sợi, máy dệt thì bao nhiêu khung cửi guồng sợi đều gác lên xà nhà; từ khi có máy rượu máy xay, thời khó nhọc nhất là nghề đâm xay nuôi lợn, cũng không làm cho đủ mà ăn được. May thuê vá mướn là nghề của con gái nhà nghèo, mà từ khi có máy khâu, thời còn ai hỏi đến đường kim mũi chỉ nữa. Tội nghiệp thay làm thân con gái mà gặp buổi nghèo nàn như các con ngày nay, trừ một cách bán cái sỉ nhục đi mà kiếm ăn thời không còn phương kế gì là tự cứu được.

---

1. *Hồ khẩu:* kiếm cái đưa vào mồm, kiếm ăn.
2. *Sản nạn:* tai nạn trong khi sinh đẻ.
3. *Lấy chữ cần che chữ chuyết:* lấy sự cần cù che đi sự vụng về dốt nát.
4. *Cho doanh sinh là trục mạt:* cho chuyện làm ăn kinh doanh để sinh sống là con đường cùng, con đường hèn hạ.
5. *Phong thể:* cung cách sinh hoạt cũ và thể diện.

Nay có một lối là vào làm công trong nhà máy, suốt ngày dùng hết sức, hai tay hai mắt cũng chỉ đủ cung một cái dạ dày. Còn đến điều nguy biến xảy ra nguy hiểm trong việc làm, thực chưa có pháp luật nào bảo hộ bênh vực cho kẻ khổ công cả.

Tôi nghe nói lại càng ngao ngán, trong thích lý[1] không có cha chú nào tí hộ [2] ngoài xóm làng lại cũng gặp buổi gian nan. Thôi đã làm một đời dân vô cốc [3] còn tránh sao cho khỏi kiếp lầm than, thà chịu một thân mình nắng dãi mưa dầu, còn hơn ngồi mà trông thấy một nhà đói rét. Tôi xin bà dẫn lối cho tôi vào nhà máy sợi.

Bà đưa ngay tôi đến một người con gái. Người cai cũng nói cho nghe về các chương trình về công việc làm trong nhà máy. Công nhất mỗi ngày là 25 xu, công nhì 20 xu, công ba 17 xu còn con gái mới vào làm việc chưa quen, công ăn mỗi ngày 14 xu, lâu lâu sẽ lên hạng nhì hạng nhất. Chỉ giờ làm việc có điều hơi ngặt, mỗi ngày phải làm từ 15 giờ, từ 6 giờ sáng cho đến 9 giờ tối, trừ cho có nửa giờ ăn. Ai đến làm trễ giờ thì phải phạt.

Nghĩ mà ngán thay! Thân giá [4] một người khổ công hèn hạ đến thế là cực: cả ngày lao động, tổn phí bao nhiêu là tinh lực, mà một giờ không được một xu. Cũng là việc có ít, người thời nhiều, cho nên người ta thất buộc người mình, bói rẻ còn hơn là ngồi rồi. Tưởng những thuở cha anh mình đang đắc ý cứ tập thói xa xỉ, huy hoắc [5] tiền như đất bùn, nghĩ đâu nông nỗi con em phải đi làm thuê làm mướn cho người ta, cực khổ không bằng thân trâu ngựa. Hôm sau tôi dậy từ lúc bốn giờ sáng, thổi cơm cho mẹ và cháu ăn rồi, năm giờ tôi tự làng ra đi, vừa đến sáu giờ thì vào làm nhà máy. Việc làm ở máy con (xe cúi thành sợi) cũng giản dị, chỉ phải đứng, không được ngồi.

Các chú đốc công trong nhà máy lại là những người Hoa kiều, các chú ngôn ngữ bất đồng, chỉ nghe những tiếng si sô, tiếng roi vọt đánh mắng người ta mà mình đã khiếp. Tính các chú sạch sẽ, thấy người ta ăn mặc rách rưới cũng ghét; tính các chú mạnh mẽ,

---

1. *Thích lý:* xóm làng có bà con thân thích mình ở.
2. *Tí hộ:* giúp đỡ che chở.
3. *Vô cốc:* không biết kêu với ai.
4. *Thân giá:* giá trị của thân mình.
5. *Huy hoắc:* vung vẩy tiền của.

thấy người ta yếu đuối cũng ghét; hễ một lời không hiểu là chửi mắng theo ngay; hễ một bước sai lầm là roi vọt theo liền. Tội nghiệp thay! Cũng là một loài người, sao nỡ coi nhau như thù nghịch? Cũng vì nhà mình nghèo, nên thân mình yếu, vì thân mình yếu cho nên người mình hèn. Ôi các chú ăn của ta, ở đất ta, sao nỡ ngược đãi người ta. Đối với nhân đạo thời các chú có phụ với lương tâm, song cứ lẽ tự nhiên, thời thực là mình có điều tự thủ [1].

Cơ cực nữa là cái lúc ăn. Người đem cơm cho con gái cứ phải đứng chực ngoài hàng rào, chờ các chú gọi từng tên như điểm số tù, cho ra nhận lấy cơm, vào ngồi bên chỗ làm ăn. Còn hàng quà, hàng nước đi lại qua đều phải phạt.

Từ khi tôi vào làm trong nhà máy, không còn được trông thấy mặt trời. Từ bốn giờ sáng còi nhà máy gọi lần thứ nhất, tôi trở dậy mà nấu ăn, đến năm giờ còi gọi lần thứ hai, tôi bắt đầu ra đi, đến sáu giờ đến nơi vào làm, lại cho đến chín giờ tối ra về, mười giờ đến nhà, dọn dẹp cho đến mười hai giờ thì đi ngủ.

Nghe nói các nước văn minh trên thế giới, đều có hạn chế giờ làm giờ nghỉ cho những kẻ khổ công, có đâu ép uổng người ta làm quá sức mình, mất cả đạo dưỡng sinh [2] đến như thế.

Tính các chú lại hay cợt nhợt, thấy con gái sạch sẽ hay thương yêu, khi ra bẹo má khi vào nắm tay, con gái nhà máy là cái quà của các chú. Chị nào vô ý chống cự lại thì các chú nói với ông chủ phải đuổi, mất việc làm ngay. Bấy giờ tôi mới hiểu lời bà láng giềng nói "bán cái sỉ nhục đi mà kiếm ăn" là vì thế.

Một hôm trước ngày phát tiền công, theo lệ, tôi đang lau cái máy chỗ mình làm cho sạch sẽ, thấy một chú nhăn nhở đi lại, tôi đã sợ đứng nép vào một bên. Bỗng chốc thấy có tay ai mó vào mình tôi, giật mình tôi ngã xô ngay vào cái máy đang chạy. Nghe một tiếng "soẹt" thấy máu ở tay tóe ra, đau buốt lên tận óc, tôi kêu lên một tiếng thời liền ngã ra, không còn biết gì nữa.

Đang bàng hoàng sợ hãi, thân hình tiều tụy, cứ đi vơ vẩn bên đường, không biết đâu là làng, không biết đâu là nhà. Chợt thấy những lũ đông người, kẻ thời đang chen chen chúc chúc trong

---

1. *Tự thủ:* tự mình gây ra cho mình.
2. *Đạo dưỡng sinh:* đạo bồi dưỡng sức khỏe sinh mạng của mình.

đám chèo hát, kẻ thời đang cười cười nói nói trong cuộc tỉnh say, tôi lại gần mà trông thời là những người có quen biết với cha anh tôi khi trước cả, là những người trong họ ngoài làng với chúng tôi cả. Tôi cứ kêu cứ gọi mà không có một người nào ngoảnh lại nhìn tôi. Cũng có người đứng lại mà hỏi, thấy con nhà khốn khó cũng ra ý ngậm ngùi, rồi có bọn khác lại kéo lại lôi, thời lại xô tôi ngã xuống một bên đường mà đi mất.

Nhớ ngày nào cha tôi còn sống, với những người này vốn là đồng chí, hay luận bàn những việc tiến hóa cho quốc dân: nào là khai trương thương điếm, nào là lập công xưởng, nào là chấn hưng thổ hóa [1] nào là bảo thủ lợi quyền, rút cục đến bây giờ vẫn để con em mình chết mòn sống tủi dưới những tay chuyên lợi, tay cường quyền; thậm chí điên nguy không ai cứu ai, thân cô không ai nhìn ai, những bọn này chẳng qua là mượn hai chữ đồng bào để làm cái mặt nạ xu thời phụ thế. Tôi càng kêu càng khóc, họ càng làm thinh, thành ra một lũ vừa câm vừa điếc.

Tôi đương thiêm thiếp, nghe thấy mấy tiếng gọi văng vẳng bên tai, bừng mở mắt, thấy mẹ tôi đang đứng một bên, năn nỉ mà nói: "Mẹ đây con có biết không con? Mẹ nghe tin con phải máy kẹp mất tay, người ta đưa con vào nhà thương từ trưa đến nay, mẹ lật đật đến đây, con có biết không con?" Tôi mới bàng hoàng tỉnh lại thấy mình đã mất hẳn hai ngón tay. Mẹ ôi, mười mấy đồng xu, con đã bán rẻ cái mệnh con, may mà con còn trông thấy mẹ đây, biết bao giờ trả cái nhục này cho được.

Tôi phải ở lại nhà thương hai tuần lễ nữa, bình phục rồi lại về nhà, không còn đi làm con gái máy sợi nữa.

Ngày chàng cho băng nhân lại hỏi chính là ngày mẹ tôi đang phải chứng đau tức kịch lắm. Mẹ tôi cứ bối rối mà nhận lời. Tôi nghe nói thất kinh rụng rời, vì mẹ đang đau, cháu còn dại, chưa biết ỷ thác vào đâu. Nghĩ mình thiếp đã vô đức vô tài, lại mang lấy tiếng tàn tật vào thân, dù trượng phu có đức bao dung song tự mình cũng lấy làm hổ thẹn lắm. Mẹ tôi gạt nước mắt mà nói: "Mẹ nay đã già, con cũng đã lớn, trước sau sao cũng phải về nhà người; dữ kỳ mẹ con tạm lẩn quẩn với nhau mà cùng khốn, sao bằng gửi thân vào nơi

1. *Thổ hóa:* sản vật địa phương.

có đức để phòng khi hoãn cấp mà dựa nương. Vả mẹ nay bệnh ngày một nặng, biết có nay nào biết có mai, mong cho con được yên vợ yên chồng thì mẹ có nhắm mắt dưới cửu toàn cho đành dạ". Tôi nghe bấy nhiêu điều, không còn muốn cưỡng lời mẹ tôi nữa. Than ôi! Sự mình càng nói càng đau, dẫu người đá cũng sa châu nghìn hàng. Trời đã rạng đông, xin chàng đi nghỉ...".

Tạp chí Nam phong, số 46, tháng 4–1921.

HỒ VĂN TRUNG
(1885 - 1958)

Với Tản Đà, văn học Việt Nam đã bắt đầu có những truyện dài hơi bằng quốc ngữ.

Thể loại tiểu thuyết thực sự bắt đầu với hàng loạt tác phẩm của Hồ Văn Trung tức Hồ Biểu Chánh ở trong Nam và với *Tố Tâm* nổi tiếng của Hoàng Ngọc Phách ở ngoài Bắc.

Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, hiệu Thứ Tiên, sau lấy tự làm bút danh chính thức, sinh tại làng Bình Thành, huyện Kiên Hòa, tỉnh Định Tường, nay là tỉnh Long An, trong một gia đình làm ruộng.

Chín tuổi học chữ Hán, năm sau học quốc ngữ, rồi vào trường trung học ở Mỹ Tho và Sài Gòn. Sau khi đậu Thành chung (1905, 20 tuổi) thi vào ngạch ký lục của Soái phủ Nam Kỳ và trải nhiều thuyên chuyển, cuối cùng thăng Đốc Phủ sứ (1936, 51 tuổi). Tháng Tám 1941 làm Nghị viên Hội đồng liên bang Đông Dương và Phó Đốc lý thành phố Sài Gòn, đồng thời làm Giám đốc *Nam Kỳ tuần báo* và *Đại Việt tạp chí*. Năm 1946 ông được mời làm Cố vấn cho Chính phủ "Nam kỳ quốc". Sau mấy tháng Chính phủ này thất bại, ông lui về ở ẩn ở quê quán. 12 năm sau ông mất ở Phú Nhuận, thọ 73 tuổi.

Hồ Biểu Chánh bắt đầu viết văn từ sớm. Năm 1909 (24 tuổi) viết truyện thơ dài *U tình lục,* ngừng viết gần 10 năm, và một vài thể nghiệm, chuyển sang viết tiểu thuyết từ 1922 (ông 39 tuổi) cho đến lúc chết. Trong gần 40 năm ấy, ông đã để lại một khối lượng sáng tác không nhỏ; có năm viết đến 9 cuốn như năm 1957, cuối đời.

Sự nghiệp văn học của ông gồm:

– 64 tiểu thuyết

– 12 tập truyện ngắn và truyện kể

– 12 vở hài kịch và ca kịch

– 5 tập thơ và truyện thơ

– 8 tập ký

– 28 tập khảo cứu và phê bình.

Ngoài ra, còn các bài diễn thuyết, và hai tác phẩm dịch (*Tình sử* và *Kim cổ kỳ quan).*

Truyện của ông rất được ưa thích ở Nam Bộ. Nhiều cuốn được in đi in lại đến bảy, tám lần.

Những cuốn sau đây được người đương thời chú ý:

- *Vậy mới phải* (1918)
- *Ai làm được,* 1912 – 1922
- *Chúa Tàu kim quy* (phỏng theo *Bá tước Monte Cristo* của A.Dumas bố), 1922
- *Cay đắng mùi đời* (phỏng theo *Không gia đình* của H.Malot), 1923
- *Tỉnh mộng*, 1923
- *Một chữ tình*, 1923
- *Nhân tình ấm lạnh,* 1925
- *Tiền bạc, bạc tiền*, 1925
- *Thầy thông ngôn*, 1926
- *Ngọn cỏ gió đùa,* (phỏng theo *Những người khốn khổ* của V. Hugo), 1926
- *Chút phận linh đinh,* 1928
- *Kẻ làm người chịu,* 1928
- *Vì nghĩa vì tình,* 1929
- *Cha con nghĩa nặng,* 1929
- *Khóc thầm,* 1929
- *Nặng gánh cang thường,* 1930
- *Con nhà nghèo*, 1930
- *Con nhà giàu,* 1931
- *Cười gượng*, 1935
- *Thiệt giả giả thiệt*, 1935
- *Nợ đời*, 1936
- *Đóa hoa tàn*, 1936...

Đề tài gần như bao quát phần lớn tác phẩm của Hồ Biểu Chánh là cuộc sống Nam Bộ từ nông thôn đến thành thị những năm đầu thế kỷ XX cho đến sau Đại chiến I, với những xáo trộn do chủ nghĩa thực dân mang lại. Nhân vật của ông không mang màu sắc ước lệ mà là những con người có thực của xã hội thực dân. Đó là những Hội đồng, điền chủ, Nghị viên, Chủ quận, Tri phủ, Cai tổng, chủ nhà máy, chủ tàu, Ký lục, Kỹ sư, Bác vật, gái đĩ, me Tây... ông cố gắng vạch đúng tính cách bọn giàu sang thất đức, chạy theo tiền bạc, danh lợi... Ông cũng phần nào nhìn đúng diện mạo ở lớp người nghèo, thật thà chất phác, có tấm lòng nhân ái đôi khi cũng biết phản kháng cho dù tự phát và liều lĩnh.

Dĩ nhiên, bản thân Hồ Biểu Chánh không ý thức rõ được những đóng góp kể trên, cho nên nhân vật vẫn được phân loại theo hai tuyến có nghĩa có nhân và bất nhân bất nghĩa. Xung đột thiện ác vẫn là xung đột cơ bản.

Về nghệ thuật tiếp thu truyền thống câu văn như lời nói thường có từ thời Trương Vĩnh Ký, tiểu thuyết của ông nôm na bình dị, đưa được vào văn xuôi phong cách tả thực. Tuy nhiên những cố gắng của ông cũng chỉ mới dừng ở đấy. Câu văn thiếu quá trình tu sức thẩm mỹ. Nhân vật được xây dựng theo cùng một kiểu, nhiều hành động mà ít biểu hiện tâm lý.

NGỌN CỎ GIÓ ĐÙA

(Tiểu thuyết – Trích)

Ngọn cỏ gió đùa được viết năm 1926 và đã được tái bản đến lần thứ bảy (tính đến năm 1977).

Câu chuyện xảy ra vào đầu thế kỷ trước. Nhân vật chính là Lê Văn Đó. Đó nhà nghèo, đi ở từ năm lên 12. Hai mươi tuổi về nuôi mẹ, giúp đỡ chị dâu đông con. Một lần thương đàn cháu đói, Đó lấy một trã cháo heo ở bếp một tên Bá hộ. Đó bị kết án năm năm tù. Mãn hạn, trên đường về quê, Đó ghé qua một ngôi chùa. Vị Hòa thượng ở đó trước kia đã đỗ đạt, làm quan đến Án sát, vì chán triều đình mà đi tu. Hòa thượng tiếp Đó hết sức chu đáo lại giới thiệu Đó cho một người thân. Vì tâm phục, Đó lấy tên Hòa thượng Chánh Tâm, thay đổi tính nết và ra sức làm ăn. Đó có sức khỏe hơn người, chẳng bao lâu trong công cuộc khẩn hoang, Đó trở thành một điền chủ lớn. Đó dùng hết tài sản vào việc cứu người, giúp đời. Trong hàng trăm ngàn việc phúc đức, có việc chuộc cô bé Thu Vân khỏi tay Đỗ Cẩm, nuôi dạy cô, vun đắp cho mối tình của cô với Thể Phụng.

Truyện có 6 quyển, chúng tôi trích 2 :

– Quyển 4: *Đường ngay nẻo vạy*

Lê Văn Đó cứu Thu Vân và nhận tội để cứu Tư Hoành.

– Quyển 6: *Ân tình vẹn vẻ*

Lê Văn Đó cứu Thể Phụng, tha Phạm Kỳ, và thở hơi cuối cùng trên hạnh phúc của Thu Vân.

(Như trong phần *Khải luận* chúng tôi đã giới thiệu, *Ngọn cỏ gió đùa* được phỏng theo cuốn *Những kẻ khốn cùng* của nhà văn Pháp: Victor Hugo).

Quyển thứ tư

ĐƯỜNG NGAY NẺO VẠY

Trong lúc Lê Tả quân ngồi chức Nam thành Tổng trấn, ngài có lập tại xứ Cần Đước một cái đồn gần mé sông Bao Ngược, và có cắt một vị suất đội với năm tên lính ở thú đồn. Mấy năm giặc Khôi nổi lên, thì đồn ấy bỏ trống không có quân lính ở thú nữa.

Khi giặc Khôi dẹp yên rồi, triều đình mới chia đất Nam ra làm 6 tỉnh và mỗi tỉnh đặt quan cai trị. Qua năm Mậu Tuất (1838) quan Tổng đốc tỉnh Gia Định sắp đặt việc chánh trị lại, ngài muốn ngăn ngừa đạo tặc trong miền Bao Ngược nên ngài sai một vị suất đội tên là Phạm Kỳ với 10 tên lính xuống thú đồn Cần Đước.

Phạm Kỳ này ngày trước làm lính coi tội nhơn tại khám đường Gia Định. Khi giặc Khôi nổi lên, quân lính đều theo Khôi hết thảy, duy có một mình Phạm Kỳ không chịu theo lập thế thoát thân ra khỏi thành rồi tìm đường bộ tuốt ra kinh đô mà báo tin cho triều đình hay. Vua sai tướng đề binh dẹp loạn, thì Phạm Kỳ dắc đường cho binh triều vào Gia Định. Chừng dẹp loạn xong rồi, quan xét công cho Phạm Kỳ, dưng sớ về triều, nên vua mới phong cho Phạm Kỳ làm chức suất đội.

Phạm Kỳ được lịnh sai xuống trú đồn Cần Đước, khi sửa soạn ra đi thì quan Án sát có kêu mà dặn rằng: "Trong xứ Cần Đước có ông Thiên Hộ Trần Chánh Tâm là người cự phú mà lại hiền đức, nhơn dân hết thảy đều kính phục. Đã vậy mà người lại có công lớn với triều đình, bởi vậy ngươi xuống đó mỗi việc đều phải do nơi người, đừng có làm trái ý người mà mang lỗi".

Phạm Kỳ ghi mấy lời dặn ấy vào trí, nên xuống tới đồn Cần Đước rồi, thì liền đến nhà ông Thiên Hộ mà xin ra mắt người. Ngày ấy nhằm ngày rằm tháng giêng, ông Thiên Hộ mắc bị lên chùa Phật mà niệm hương. Phạm Kỳ phải ở đó mà chờ; anh ta đi dạo chơi từ trường học, nhà dưỡng lão, qua cho đến mấy lẩm lúa, ngó thấy công việc của ông Thiên Hộ làm thì anh ta lấy làm kính phục vô cùng.

Đến trưa Phạm Kỳ thấy có một chiếc ghe lường ghé dưới bến, rồi dưới ghe có một người bước lên. Người ấy độ chừng 50 tuổi, cao lớn, vạm vỡ, râu le the, mà cặp mắt sáng ngời, mặc áo dài, quần rộng bằng vải đen, trên đầu cũng quấn khăn vải đen. Phạm Kỳ đương đứng tại cửa mà ngó người ấy, thình lình Bạch Thị ở nhà dưỡng lão bước ra nói rằng: "Ông Thiên Hộ về" Phạm Kỳ lấy làm mừng, bèn đứng nẹp lại một bên mà chờ. Chừng ông Thiên Hộ bước vô cửa, Phạm Kỳ chào ông và nói rằng: "Tôi làm suất đội quan trên sai tôi xuống thú đồn Cần Đước. Tôi dẫn lính xuống tới hôm qua, nên bữa nay tôi lại đây viếng ông".

Ông Thiên Hộ đáp lễ, liếc ngó Phạm Kỳ một cái rồi ông châu mày day mặt chỗ khác, dường như ông có việc lo ra. Tuy ông

day chỗ khác, song ông day rồi thì liền day trở lại mà mời Phạm Kỳ vô nhà. Ông mời ngồi xong rồi, ông mới hỏi Phạm Kỳ rằng:

– Ông Đội quê quán ở tỉnh nào?

– Tổ quán tôi ở Diên Khánh.

– Chẳng hay ông Đội quý danh là chi?

– Tôi họ Phạm tên Kỳ.

Hai người ngồi ngang nhau mà lén liếc ngó nhau hoài. Mà chừng ông Thiên Hộ nghe ông Đội xưng tên là Phạm Kỳ thì ông lại nháy mắt lia lịa, rồi ngửa bàn tay mà chống cái trán, coi bộ ông suy nghĩ lắm.

Ông Phạm Kỳ thừa dịp ông Thiên Hộ không ngó mình mới lén nhìn ông không nháy mắt.

Bạch Thị biểu người nhà bưng nước trà đem ra. Ông Thiên Hộ mời khách uống nước. Phạm Kỳ uống một chén nước rồi cười mà nói rằng: "Lúc tôi còn ở trên tỉnh thì tôi đã có nghe danh ông là người giàu có, mà lại nhơn đức lắm. Nay tôi xuống đến đây thấy công cuộc của ông làm thiệt tôi thất kinh. Ông làm giàu mà thiên hạ được nhờ hết thảy chứ không phải như họ giàu rồi lại ỷ thần ỷ thế khắc bạc hún hiếp kẻ nghèo. Chẳng hay ông là người gốc gát ở xứ này, hay là ở đâu đến đây mở ruộng?".

Ông Thiên Hộ day mặt ra cửa mà đáp rằng: "Tôi gốc ở Rạch Kiến".

– Té ra ông không phải là người ở đây. Vậy chớ ông đến đây mà ở đã bao lâu rồi, mà ông làm giàu lớn dữ vậy?

– Ít năm nay.

Ông Thiên Hộ trả lời cục ngủn như vậy rồi kêu Bạch Thị mà hỏi thăm ông già đau nặng hôm qua đó, bữa nay bịnh ổng có bớt được chút nào hay không, tỏ ý rằng không muốn nói chuyện nhiều với ông Đội. Phạm Kỳ muốn dua bợ, mà thấy ông Thiên Hộ không vui nghe lời khen của mình thì buồn nên đứng dậy từ giã mà về đồn.

Ông Thiên Hộ không lưu khách, ông đợi Phạm Kỳ bước ra khỏi cửa thì ông liền thay áo rồi đi xuống nhà dưỡng lão mà thăm ông già bịnh.

Phạm Kỳ về dọc đường trong trí nghi nghi ngại ngại hoài, chẳng hiểu tại sao mà ông Thiên Hộ Chánh Tâm hình dạng, mặt mày, tiếng nói đều giống Lê Văn Đó là một tên tội nhơn ở tại khám

đường Gia Định hồi trước quá. Hay là Lê Văn Đó ra khám rồi cải danh diệt tánh xuống đây mở ruộng mà làm giàu. Không lẽ. Lê Văn Đó hồi trước ngu lắm, nó có tài trí gì mà làm giàu được, rồi lại thi ân bố đức và được phong tới chức Thiên Hộ. Chắc là người giống người, không phải Lê Vặn Đó đâu. Lê Văn Đó bị chồng án đến 20 năm. Khi mãn tù nghe nói nó ăn trộm đồ đạc của chùa nào đó, rồi nó lại giựt một nồi cơm của tụi ăn mày nào đó nữa, quan có tập nả bắt nó mà xử trảm. Có lẽ nó đã bị chết chém đã lâu rồi, chớ còn đâu mà làm giàu và làm Thiên Hộ.

Phạm Kỳ suy nghĩ như vậy rồi dẹp việc Lê Văn Đó không nghi ngại nữa. Còn ông Thiên Hộ, chẳng hiểu tại ông biết Phạm Kỳ rồi ông sợ Phạm Kỳ nhìn ông hay sao, mà ông ít muốn gặp mặt Phạm Kỳ. Khi nào rủi phải gặp, thì ông lại không chịu nói chuyện dài. Vì có lời của quan Án dặn trước, nên Phạm Kỳ đã có ý kiến ông Thiên Hộ, mà đến nơi thấy công việc của ông kinh dinh, thì anh ta lại càng kính nhường hơn nữa, bởi vậy dầu ông Thiên Hộ gặp mặt anh ta, ông tỏ ý không vui, song anh ta cũng không dám phiền trách.

Đến tháng tư trời sa mưa, những người ở trong điền ông Thiên Hộ ai cũng lo cày bừa. Một buổi chiều, trời mưa nhỏ nhỏ mà giông gió ồ ào, dân làm ruộng lạnh quiếu nên ai nấy đều vác cày lùa trâu đi về hết thảy.

Sông Bao Ngược vì có giông lớn, nên sóng nổi lên như gò, rồi đập vô mé nghe ầm ầm.

Ông sáu Thới chèo ghe đi xuống dưới phía rừng sát đốn củi chở về đổi gạo mà ăn; khi đi ngang vàm rạch Mát ông bị sóng nhận chìm ghe. Ông đeo cái bánh lái ghe mà ụp lặn theo lượng sóng. Hồi ghe chìm thì ông ở gần mé, mà vì gió ngược sóng đùa, ông lội vô không được, nên lần lần ông trôi ra xa.

Còn người ngó thấy như vậy thì la làng chói lói đặng cho xóm giềng chạy tới mà cứu ông. Dân ở trong điền ông Thiên Hộ xúm nhau đứng dài theo mé sông kể hơn một trăm người. Phạm Kỳ cũng dắc lính chạy tới đó. Ông sáu Thới đem tấm bánh lái: hễ lượng sóng chụp tới thì ông hụp mất, cách một hồi lâu ông mới nổi lên được, mà hễ thấy ông nổi lên thì lại thấy ông dan ra xa. Ai nấy đứng dọc theo mé sông, đều than trời trách đất, ai cũng đưa tay mà chỉ, nhướng mắt mà dòm ông sáu Thới, song không có người nào dám liều mình hoặc biết cách chi mà cứu ông.

Ông Thiên Hộ thấy người ta náo nức dựa mé sông, ông cũng lật đật chạy ra đó. Chừng ông thấy ông sáu Thới bị hiểm nguy như vậy, ông nóng lòng chịu không được nên ông hô lớn lên rằng: "Người ta bị sóng như vậy, bây giờ xúm nhau đứng đây mà coi người ta chết chìm hay sao? Nội đây không ai dám chèo ghe ra cứu sao?".

Ai nấy đều nín khe, không dám trả lời. Phạm Kỳ bước lại gần ông Thiên Hộ mà nói rằng: "Sóng to quá, ai mà dám ra. Hễ ghe ra đấy ắt bị sóng nhận nữa".

Ông Thiên Hộ không thèm nói chuyện với Phạm Kỳ, ông lại hô lớn lên nữa rằng: "Ai cứu người ấy được, tôi thưởng 10 nén bạc".

Ai nấy đều nín khe.

Ông Thiên Hộ: "Hai chục nén... Năm chục nén".

Không có một người nào có gan dám liều lĩnh.

Ông Thiên Hộ thấy vậy thì nhăn mặt châu mày. Ông tuốt áo quăng mé bờ, ông nhảy xuống chiếc xuồng nan của ai buộc gần đó, ông cầm cây giầm bơi riết, coi bộ mạnh dạn vô cùng. Hơn một trăm người đứng trên bờ ai thấy cũng đều chất lưỡi xanh mặt.

Chiếc xuồng nan cưỡi sóng ra giữa vời, khi hụp xuống, khi trồi lên, coi cũng như cái vỏ trứng vịt, nhiều khi hụp xuống lâu, ai cũng tưởng đã chìm rồi, nên giậm đất kêu trời, chẳng dè một lát thấy nổi lên thì lại mừng mà rồi sợ nữa. Cách một hồi lâu, chiếc xuồng ra tới chỗ ông sáu Thới trôi. Ông Thiên Hộ gác cây giầm, rồi hai tay chụp ông sáu Thới mà kéo lên xuồng. Vì chiếc xuồng thì nhỏ, mà ông sáu Thới thì nặng, bởi vậy ông sáu Thới vừa lên được thì chiếc xuồng lật úp.

Phần thì xa, phần vì mưa gió, phần thì trời đã tối rồi nên những người đứng trên bờ không còn thấy xuồng ông Thiên Hộ nữa. Ông Thiên Hộ thấy xuồng úp ông liều đưa tay trái cho ông sáu Thới níu, còn tay mặt thì ông níu chiếc xuồng. Ông tỉnh táo như thường, không sợ sệt chi hết. Ông nương theo lằn sóng mà lật chiếc xuồng lại, lắc nước ra cho nhẹ, đỡ ông sáu Thới lên trước rồi ông leo lên sau, chừng ngồi yên rồi, ông lừa lượng sóng mà bơi trở vô bờ, tuy hiểm nguy nhiều, song ông cứu ông sáu Thới được.

Những người đứng ngóng trông trên bờ ngó thấy xuồng của ông Thiên Hộ chở ông sáu Thới vô tới, thì áp chạy lại hỏi thăm lăng xăng. Ông sáu Thới mệt thở dốc, nói không ra tiếng. Ông Thiên Hộ

biểu dân dắt ông sáu Thới về nghỉ một lát sẽ dọn cháo cho ông ăn, chớ đừng cho ăn gấp.

Ông Thiên Hộ bận áo vô rồi cũng đi về nhà, ông đi trước, tá điền kéo theo sau, chẳng ai mà chẳng trầm trồ khen ngợi.

Phạm Kỳ dắt lính trở về đồn, hễ nhớ tới sự Thiên Hộ với ông sáu Thới thì hết sức kinh sợ. Đêm ấy anh ta sực nhớ lại năm trước trong khám đường có tên Lê Văn Đó lội lặn cũng hay lắm. Lính dắt tội nhơn xuống Cần Giờ đốn củi bị chìm ghe, tội nhơn với lính đều chết hết, duy có một mình Lê Văn Đó lội vô mé được mà trở về. Ông Thiên Hộ này hình dạng đã giống Lê Văn Đó, mà lội giỏi cũng như Lê Văn Đó nữa, thế thì chắc ông này là Lê Văn Đó chớ ai. Vả Lê Văn Đó bị quan tập nã về tội ăn cắp và giựt đồ. Nếu chắc ông này là Lê Văn Đó thì mình phải bắt mà giải lên tỉnh. Cha chả, mà ổng giàu có, lại thêm thân thiết với quan trên quá nếu bắt mà phải thì tốt, còn như không phải thì mình chết. Phạm Kỳ dụ dự nửa muốn bắt tra, nửa sợ lầm nên không dám, bởi vậy lo lắng trong trí ăn ngủ không yên.

Còn ông sáu Thới nhờ ăn cháo rồi nghỉ một đêm, nên sáng ra trong mình khỏe khoắn như thường. Ông lên nhà lạy Thiên Hộ mà tạ ơn cứu tử rồi từ giã đi về. Ông Thiên Hộ cười và nói rằng: “Tôi không giỏi gì hơn họ. Nhưng vì hôm qua tôi thấy ai nấy đều nhát quá, tôi tức giận nên phải liều mạng mà cứu ông. Làm người hễ gặp nguy hiểm thì phải cứu nhau, có ơn chi đâu mà ông phải cảm tạ”.

Ông sáu Thới quê mùa, không biết lựa lời khôn khéo nên nghe ông Thiên Hộ nói như vậy thì ổng cúi lạy và nói cụt ngủn rằng: “Nhờ có ông nên tôi mới còn sống đây chớ. Sao mà không có ơn”.

Ông Thiên Hộ hỏi rằng:

– Ông năm nay được mấy mươi tuổi?

– Tôi trên bảy mươi.

– Già quá! Vậy thì ông mang ơn tôi cũng không mấy ngày.

– Tôi sống được ngày nào thì tôi nhớ ngày nấy. Mà hễ tôi nhớ thì tôi phải lo đền ơn cho ông.

– Xin ông đừng lo mà nhọc lòng. Ông phải lo làm nghĩa với người khác, chớ đừng có lo đền ơn cho tôi. Tôi giàu sang, có thiếu vật chi đâu?

– Biết chừng đâu!

Ông sáu Thới tạ từ rồi lui ra về. Khi ông đi ngang qua nhà dưỡng lão, ông gặp dân đương lụi hụi khiêng một cái linh cữu mà đi chôn. Ông hỏi thăm thì họ nói ông Đinh Hòa đã chết rồi. Ông nghe nói thì chưng hửng. Ông lật đật đi riết về nhà đặng thuật chuyện mình chìm ghe và việc ông Đinh Hòa chết lại cho Ánh Nguyệt nghe.

Lý Ánh Nguyệt từ ngày bị Hồng Thị vu oan, làm cho Bạch Thị đuổi ra khỏi nhà nuôi mồ côi của ông Thiên Hộ thì nàng hổ thẹn mà lại tức tủi vô cùng. Nàng trở về nhà ông sáu Thới rồi khóc tỏ thiệt tâm sự của nàng lại cho ông nghe. Ban đầu nàng muốn trở lên nhà Đỗ Cẩm mà dọa, thân nàng thế nào nàng cũng cam chịu, nghĩ vì danh dự của tổ tiên còn để cho nhơ nhuốc, chút thân bèo bọt này còn kể nữa làm chi. May nhờ có ông sáu Thới khuyên giải cắt nghĩa chỗ lợi hại cho nàng nghe, mà nhứt là nhờ mấy lời than thảm thiết của cậu là Đinh Hòa, nên nàng còn dụ dự, không nỡ vì con mà xa cậu.

Nàng chưa quyết định coi phải ở hay là phải đi, rủi thay! Thình lình nàng lại vướng lấy chứng bệnh rất hiểm nghèo là bịnh ban cua lưỡi trắng. Người ta giàu, có tiền sẵn, có thầy hay, dầu người ta mang bịnh nặng, người ta cũng có thể thoát khỏi. Phận nàng nghèo hèn, không có tiền bạc, không có thuốc men, ông sáu Thới thương thì kiếm cỏ kiếm cây cho uống đỡ mà thôi, chớ ổng cũng nghèo, có tiền đâu mà chạy thuốc bởi vậy tuy nàng khỏi chết, nhưng mà bịnh dây dưa, trở đi trở lại hoài, làm cho nàng phải nằm tại nhà ông sáu Thới hơn một năm, không đi tìm con được mà cũng không làm việc gì có tiền để dành mà chuộc con được.

Trong lúc nàng ngọa bịnh, nàng buồn rầu thương nhớ con chịu không được, nên nàng có cậy ông sáu Thới lên nhà Đỗ Cẩm mà thuật việc khốn khổ của nàng cho vợ chồng Đỗ Cẩm nghe rồi xin rước con Thu Vân đem về cho mẹ con gần nhau đặng nàng vui lòng mau mạnh được. Ông sáu Thới đi về nói rằng Đỗ Cẩm liệu thế không đòi nhiều tiền được nữa, nên coi ý muốn cho rước con Thu Vân. Ngặt vì Thị Phi kháng cự không chịu thả con Thu Vân, bởi vậy Đỗ Cẩm đổi ý mới buộc nếu không có tiền trả đủ, thì cũng phải trả năm ba quan, anh ta mới cho rước. Ông sáu Thới lại to nhỏ mà tỏ cho Ánh Nguyệt hay rằng: "Ông lên đó, ông thấy con Thu Vân thiệt ông đứt ruột. Con nhỏ có bao lớn mà ở truồng ở trần, không có áo quần. Con mẹ Phi nó lại ác nghiệt lắm! Tay cú miệng chưởi, nó giọt lên đầu con nhỏ côm cốp tối ngày... Bộ nó bỏ đói con nhỏ hay sao mà con nhỏ ốm quá, da bọc xương, chớ không thịt".

Ánh Nguyệt nghe nói thân con khổ cực dường ấy, thì nàng đau đớn trong lòng không biết chừng nào, nàng muốn liều cái thân của nàng mà cứu chữa sự cực khổ của con, ngặt vì bịnh trầm trệ phải nằm đây hoài, phần thì trong mình không có một đồng một chữ, biết làm sao mà giãi con cho thoát tay Đỗ Cẩm được.

Nàng nghĩ nàng trách riêng tại nàng vụng tính, chớ chi hồi đi về đây nàng bồng con đi theo, thì đâu có nỗi thương nhớ con như vầy. Nàng muốn giữ cho tròn danh giá, nàng bỏ con ở lại, vậy mà rồi nàng có giữ trọn được đâu! Nàng suy đi xét lại, suy xét đủ mọi điều rồi, thì chỉ có một cái nghèo nó làm cho thân nàng đê tiện cực khổ, chớ chẳng phải tại điều chi khác. Vì cái nghèo nên cha chết dọc đường dọc sá, vì cái nghèo nên thân mình phải ở đợ cố công; vì cái nghèo nên phải chịu lấy chồng mà không kịp trình cho cô bác; vì cái nghèo nên Hải Yến mới bội bạc; vì cái nghèo nên mẹ con phải xa nhau; vì cái nghèo nên không dưỡng nuôi cậu được; vì cái nghèo nên phải thọ ơn của người nhục mạ; vì cái nghèo nên chứng bịnh lâu lành. Y hi! Cái nghèo nó báo hại vô cùng! Vì nó mà người phải trở ra quấy, người nên trở ra hư, người ngay trở ra vạy [1]!

Nàng xét tới đó rồi nàng phiền ông trời sao nỡ khiến nghèo hèn cho nàng làm chi, thà là nghèo hèn thì nghèo hèn hết thảy, hoặc giàu sang thì cũng giàu sang hết thảy, dường ấy thì ai cũng như ai, không ai hiếp ai, không ai chê ai, không ai bạc ai, chớ đặt chi cho kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, rồi người giàu sang họ hiếp kẻ nghèo hèn như vầy, thiệt là ức quá!

Mà ông trời định có kẻ giàu người nghèo, có kẻ sang có người hèn, nhưng mà nào ông có biểu ai hún hiếp ai, nào ông có biểu ai khinh khi ai? Ấy là tại lòng người nham hiểm độc ác, nên mới có việc ức uất. Nàng nghĩ như vậy rồi nàng không phiền ông trời nữa, nàng trở lại nàng oán loài người, nàng oán Đỗ Cẩm hồi trước bó buộc rồi còn gạt gẫm nàng; nàng oán Hải Yến bội nghĩa bạc tình, được sang quên hèn; nàng oán ông Thiên Hộ làm mặt nhơn từ, mà đã không cứu nàng, lại còn làm nhục cho nàng nữa.

Nàng nằm một chỗ mà oán hết mọi người, mà oán người thì oán chớ cũng không quên nhớ con, cũng không quên thương cậu. Đến tháng tư năm Mậu Tuất (1838) nàng mới ngoắt ngoải đi ra đi vô

1. *Người ngay trở ra vạy:* người ngay thẳng thành cong queo.

được, nhưng mà bữa nào trời mưa thì nàng cũng còn ớn lạnh, nên nàng biết bịnh nàng chưa dứt.

Ông sáu Thới chèo ghe đi đốn củi đã mấy bữa rồi chưa về, bỏ một mình Ánh Nguyệt ở nhà. Một buổi sớm mai nàng đương thời dựa cửa ngó ra sân mà trông con, thình lình nàng thấy ông sáu Thới quần vo lên trên bắp vế, băng ngang đám ruộng mà về. Nàng lấy làm lạ, không hiểu ông bỏ ghe ở đâu, sao lại lội ruộng mà về như vậy. Ông sáu Thới thấy dạng nàng thì ông lội riết. Chừng ông bước lên tới sân ông mới kêu nàng mà nói rằng: "Cháu ơi! Cậu của cháu đã chết rồi".

Ánh Nguyệt chưng hửng nên vụt hỏi rằng:

– Chết hồi nào? Sao ông hay?

– Ông mới gặp họ khiêng đi chôn hồi nãy đây, nên lật đật lội về nói cho cháu hay.

Ánh Nguuyệt khóc rống lên và kể ra rít, nghe rất thảm thiết.

Ông sáu Thới cảm động, không muốn đi vô nhà; ông bước trái lại cái hào gần đó mà rửa chơn, song ông đứng kì mài hoài, cho đến chừng Ánh Nguyệt bớt khóc ông mới chịu vô nhà. Ông muốn khuyên giải Ánh Nguyệt song không biết dùng lời chi, chỉ nói rằng: "Ảnh cũng đã già rồi, chết cũng phải cái mồ. Mà ảnh nghèo khổ tật nguyền, chết phứt cho mát tấm thân, sống càng thêm cực khổ, chớ sống làm gì".

Ánh Nguyệt lau nước mắt rồi hỏi thăm họ chôn cậu chỗ nào, ông đi đâu đó mà gặp. Ông sáu Thới mới ngồi mà thuật việc ổng bị giông chìm ghe, ông Thiên Hộ vớt lên, cho ăn cơm ăn cháo và cho ngủ đậu một đêm, nên sáng ra ổng mới gặp dân đi chôn ông Đinh Hòa. Ông thuật hết rồi ông lại than rằng: "Gia tài có một chiếc ghe; bây giờ chìm mất rồi, thôi co tay, biết lấy chi mà đi làm ăn". Ánh Nguyệt nghe lời than như vậy thì nàng thở dài.

Tối lại Ánh Nguyệt khóc òa nói với ông sáu Thới rằng: "cháu nương náo tại xứ này, ấy là vì cháu thương cậu của cháu, nên cháu không đành bỏ mà đi xa. Chẳng dè ở gần mà cậu của cháu chết, cháu cũng không thấy mặt. Đã vậy mà hơn một năm nay cháu báo cho ông cực khổ với cháu nhiều lắm. Bây giờ cháu đã lành mạnh rồi, không lẽ cháu dám ở đây mà báo ông nữa. Vậy xin ông để cháu đi, cháu đi lên Vủng Gù mà tìm con Thu Vân, đặng mẹ con gần nhau. Cháu đã nguyền với Trời Phật thà là cháu bán cái thân của cháu mà nuôi con, chớ cháu không nỡ để cho con cực khổ nữa".

Nàng nói tới đó thì nàng khóc mướt một hồi rồi nói tiếp rằng: "Ơn của ông bảo bọc nuôi dưỡng cháu hơn một năm nay thật là nặng nề. Thân cháu khốn khổ như vậy biết làm sao mà đền đáp cho được. Cháu xin thưa thiệt với ông, nếu kiếp này cháu không có thể mà trả ơn cho ông, thì cháu nguyền kiếp sau cháu sẽ đầu thai lên làm trâu ngựa mà đáp nghĩa cho ông, cháu chẳng hề dám quên".

Ông sáu Thới thở dài mà đáp rằng: "Cháu đừng có nói chuyện ơn nghĩa. Ở đời phải vần công với nhau [1]. Vậy chớ ông Thiên Hộ mới cứu ông khỏi chết hôm qua, ông lại đền ơn cho ổng vật gì đâu? Còn cháu tính cháu đi tìm con, cháu nói liều mạng vậy sao được. Vợ chồng Đỗ Cẩm nó thá tiền, nó đã báo hại làm nhơ danh tiết của cháu một lần rồi cháu chưa tỡn [2] hay sao? Cháu lên trễn đây nó sanh chuyện rồi làm nhục cho cháu nữa đa. Cháu ở đây với ông. Cháu rán dưỡng bịnh ít ngày cho thiệt mạnh rồi ông cháu lo làm ăn lần lần kiếm được năm bảy quan, ông đem lên ông chuộc con nhỏ về cho, chớ cháu lên đó sợ e cháu về không được. Từ ngày ông lên thăm con nhỏ ông nghe Đỗ Cẩm bằng lòng cho chuộc năm ba quan, thì ông đã có tính rồi, ông quyết làm để dành tiền đặng ông đi chuộc. Xưa rày ông chắt lót để dành đã được một quan rồi, ông chôn dưới chưn giường, đợi chừng nào được ba quan rồi ông đi nói thử coi nó chịu hay không. Như nó không chịu thì ông về làm kiếm thêm được. Cháu đừng có lo, bề nào ông kiếm tiền cũng được mà".

Ánh Nguyệt nghe những lời báo nghĩa như vậy thì nàng càng thêm cảm xúc, bởi vậy nàng ngồi bẹp dưới đất lạy ông sáu Thới mà khóc chớ không biết lấy lời chi mà tạ ơn cho vừa. Ông sáu Thới thấy vậy cũng cảm động, nên ông cũng khóc theo.

Từ ấy Ánh Nguyệt quyết làm thuê làm mướn mà kiếm tiền, không tính đi Vủng Gù nữa. Ông sáu Thới không có ghe, thì ông mướn ghe của họ đi đốn củi chở về đổi gạo mà ăn. Ánh Nguyệt chưa thiệt mạnh, không dám xuống nước, không dám dầm mưa, nên cứ ở nhà chờ có ai mướn may áo may quần thì nàng may, chớ không dám đi xúc tôm, hoặc đi cấy mướn.

Ngày qua đêm lại thấm thoắt đã đến tiết Trung Thu. Có một cậu trai, vốn con nhà giàu ở xứ Cần Đước, tên là Cao Trinh Tường, tính

1. *Phải vần công với nhau:* phải giúp đỡ, chia xẻ khó nhọc với nhau.

2. *Chưa tỡn:* chưa sợ, chưa biết rút kinh nghiệm.

dọn ghe và mời bằng bối [1] ít người rồi thả ra sông lớn uống rượu thưởng nguyệt chơi. Từ xưa cậu ta đã biết danh Ánh Nguyệt đờn hay, mà nay lại nghe Ánh Nguyệt tá túc [2] với ông sáu Thới. Chàng muốn rước Ánh Nguyệt xuống ghe đặng đờn giúp vui cho bầu bạn, nên trưa bữa rằm tháng 8 chàng ghé nhà thằng Hiển, là cháu của ông sáu Thới, mà cậy nó rước giùm, chàng hứa rằng nếu Ánh Nguyệt chịu đờn giúp vui một đêm, thì chàng sẽ hườn công cho một nén bạc.

Thằng Hiển thấy Ánh Nguyệt nghèo khổ, muốn giúp cho nàng có tiền, nên nghe như vậy thì vội vã qua nhà ông sáu Thới mà tỏ sự ấy lại cho ông sáu Thới với Ánh Nguyệt nghe. Ông sáu Thới nạt rằng: "Khéo nói chuyện bá láp! Nghèo thì chịu, chớ ham một nén bạc rồi đem thân đi làm đĩ hay sao?".

Thằng Hiển cãi rằng:

– Sao kêu là làm đĩ? Người ta mướn mình đờn cho người ta nghe thì mình đờn mà lấy tiền, có cái gì xấu ở đâu?

– Mình đi đờn như vậy, thì mình cũng như bọn ca xướng, vậy tốt lắm sao?

– Ối! miễn là được nhiều tiền thì thôi, tốt xấu mà hại gì! Mà nghề đờn cũng là nghề. Nếu mình biết nghề ấy mà không dùng, thì học mà làm gì?

Ánh Nguyệt nghe hai ông cháu cãi với nhau như vậy thì nàng cười mà nói rằng: "Ông rầy chú hai Hiển thì phải lắm. Học đờn để dưỡng chí, chớ không phải để kiếm tiền. Mà thây nghèo khổ của cháu đây, còn tâm trí gì nữa mà dưỡng! Xin ông vui lòng để cho cháu đi đờn cho họ nghe một đêm đặng lấy tiền mà chuộc con của cháu. Thuở nay cháu ở phải mà cũng thành ra quấy. Bây giờ đã đến nước này, còn gì nữa mà lựa tốt xấu".

Ông sáu Thới thở ra mà đáp rằng:

– Tự ý cháu. Chớ ham tiền mà làm như vậy thiệt kỳ lắm.

– Không hại gì. Cháu biết giữ mình cháu. Miễn là cháu biết cháu trong sạch thì thôi, ai không rõ họ cười chê mặc ý họ.

Thằng Hiển thấy Ánh Nguyệt chịu, liền chạy vào báo tin cho cậu Trinh Tường hay.

---

1. *Bằng bối:* bằng được.

2. *Tá túc:* qua đêm.

Tối lại, trăng thu vừa ló mọc, thì có một chiếc ghe lường chèo lại đậu trước nhà ông sáu Thới mà rước Ánh Nguyệt. Nàng gỡ đầu, gài nút áo, rồi từ ông sáu Thới mà đi, tuy trong lòng hổ thẹn không biết chừng nào, nhưng vì muốn có tiền mà chuộc con, nên phải rán chúm chím cười, song cười mà chảy nước mắt.

Ghe ra tới vàm [1], Ánh Nguyệt thấy có một chiếc ghe lớn đậu chực tại đó, trong ghe đốt đèn sáng trưng, lại có bốn năm người con trai đương uống rượu cười giỡn om sòm. Hướng đông bóng trăng tỏ rạng, tứ bề mặt nước lao xao, trăng dọi nước vàng vàng, gió đưa mây cuộn cuộn.

Ghe lường vừa cập một bên chiếc ghe lớn, thì cậu Trinh Tường ngồi trong mui ló đầu ra mà mời Ánh Nguyệt bước qua, còn mấy cậu kia chong mắt ngó chừng, chớ không nói gì hết. Ánh Nguyệt lấy làm thẹn thùa hết sức, song nàng phải gượng gạo mà vưng lời. Nàng bước qua ghe lớn rồi ngồi phía ngoài, thấy trong mui rượu thịt dọn đầy mâm, đờn địch để đủ hết.

Trinh Tường mời nàng bước vô trong mui. Nàng cáo từ xin cho ngồi ngoài. Trinh Tường mời hai ba lần không được, chàng giận nên với nắm tay nàng mà kéo vô. Nàng lật đật giựt tay và ngó Trinh Tường rất nghiêm nghị mà nói rằng: “Thưa cậu, để cho em ngồi ngoài này, em không lẽ dám đồng tọa với mấy cậu”.

Ánh Nguyệt tuy mặc quần áo lam lũ, tuy rầu buồn rồi lại bịnh hoạn nên vóc ốm mình gầy, nhưng mà gương mặt nàng còn sáng rỡ như trăng thu, hình dung nàng xem càng thêm yểu điệu. Mấy cậu ngồi trong mui thấy nàng rồi ngó nhau miệng chúm chím cười hoài. Trinh Tường mời vô không đặng bèn hối bạn nhổ sào mà thả ghe trôi dọc theo mé sông Bao Ngược, rồi lấy cây đờn tỳ bà trao cho Ánh Nguyệt đờn.

Ánh Nguyệt đã lâu rồi không dám rờ tới cây đờn, nhưng mà hôm nay nàng ôm tỳ bà mới lên dây, thì tiếng to như khóc, tiếng nhỏ như than, rồi đến chừng nàng gài vô bản, thì khúc mau như nước đổ, như mưa tuôn, khúc chậm như gió đàn, như chim hát. Trăng thanh, gió mát, nước dợn, đờn tươi, cảnh tình dường ấy người phong lưu ai cũng phải cảm hứng. Mấy cậu ngồi trong tiệc ai ai cũng đều ngơ

---

1. *Vàm:* cửa sông.

ngẩn. Mà cậu Trinh Tường lại ngơ ngẩn nhiều hơn người ta hết thảy, bởi vậy khi Ánh Nguyệt đờn dứt bài rồi, cảm xúc dằn lòng không được, nên với tay nắm áo kéo Ánh Nguyệt, mà biểu ngồi xê lại gần. Ánh Nguyệt thưa rằng: "Phận em là đờn bà, con gái xin cậu thương giùm danh tiết của em, đừng có làm như vậy tội nghiệp em lắm".

Nàng vừa nói vừa giựt vạt áo, còn cặp mắt thì giọt lụy rưng rưng chảy. Trinh Tường cười mơn, đã không huôn vạt áo, mà lại còn thò tay mặt choàn ngang qua cổ Ánh Nguyệt mà ôm. Ánh Nguyệt la lớn lên rằng: "Cậu không được phép vô lễ như vậy. Cậu phải buông tôi ra". Nàng vừa la vừa gỡ tay Trinh Tường. Mấy cậu kia ngồi cười ngất tuy không xúi, song cũng không cản Trinh Tường.

Trinh Tường nói rằng: "Nội đây là anh em hết thảy, có ai đâu mà mắc cỡ". Chàng vừa nói vừa kề mặt vào mặt Ánh Nguyệt mà hun. Ánh Nguyệt thấy Trinh Tường vô lễ thái thậm, nàng giận quá, không thể dằn được nữa, bởi vậy nàng chụp cây tỳ bà mà đập trên đầu Trinh Tường một cái bốp, cây đờn bể nát.

Trinh Tường bị nhục trước mặt chúng bạn thì chàng nổi giận, nên vùng đứng dậy đạp Ánh Nguyệt hai đạp rồi xô tuốt nàng xuống sông. Ánh Nguyệt la làng inh ỏi. Trinh Tường đứng trước mui ghe hối bạn gay chèo mà chèo thẳng lại đồn. Chàng to nhỏ nói với ông đội thế nào không biết, mà ông đội không rầy chàng, lại sai lính đi kiếm bắt Ánh Nguyệt.

May ghe thả dựa mé sông, lại cũng nhờ Ánh Nguyệt biết lội, bởi vậy nàng lần vô mé rồi leo lên ruộng ngồi mà la làng. Những người ở gần không rõ chuyện chi nên áp chạy tới hỏi thăm. Cách chẳng bao lâu có một tên lính chạy tới nắm đầu Ánh Nguyệt mà dắc đi.

Ánh Nguyệt thấy lính bắt thì thất kinh, nên nàng run lập cập và khóc và nói rằng: "Bẩm cậu, người ta hiếp tôi quá; thân tôi là đờn bà, mà họ làm ngang ôm tôi; tôi không chịu tôi cự, họ lại đánh tôi rồi xô tôi xuống sông. Tôi bịnh hoạn, xin, xin cậu thương giùm tôi, tội nghiệp...". Tên lính trợn mắt, nắm đầu nàng mà kéo xễn đi, rồi nói rằng: "É! Thứ đồ đĩ khéo nhiều chuyện! Về đồn đây rồi mi coi". Ánh Nguyệt đã bị đánh, rồi bây giờ nàng lại còn bị bắt và bị nhiếc nữa, nàng nghĩ thân nàng thiệt là tức tửi, bởi vậy nàng than khóc nghe rất thảm thiết.

Tên lính dắc Ánh Nguyệt đi chưa được mấy bước, thình lình ông Thiên Hộ đứng cản đường và hỏi rằng: "Việc gì mà người ta là đờn

bà con gái, mi lại nắm đầu người ta mà dắc đi. Dầu có tội gì thì mi biểu người ta đi với mi không được hay sao nên phải nắm đầu. Buông ra coi nào". Tên lính lật đật buông Ánh Nguyệt ra rồi xá ông Thiên Hộ và thưa rằng: "Thưa ông Thiên Hộ, con này nó làm đĩ, nên ông Phạm Kỳ sai tôi đi bắt nó mà đem về đồn".

Ông Thiên Hộ dòm mặt Ánh Nguyệt và nói rằng: "Khốn nạn dữ hôn! Sao không lo làm ăn, để đi làm cái nghề nhục nhã như vậy?".

Ánh Nguyệt bị ướt áo ướt quần, rồi lại bị gió thổi, nên nàng lạnh run lập cập. Nàng đương lạnh, đương sợ, mà lại đương tức, thình lình nghe tên lính kêu người đứng trước mặt mình đó là ông Thiên Hộ, rồi lại nghe mấy lời người ấy trách mình đó nữa, bởi vậy nàng giận quá, nên xốc lại xỉ trong mặt ông Thiên Hộ mà mắng rằng: "Ờ! Mi là Thiên Hộ hả? Sao mi dám trách ta không lo làm ăn? Ta lo sao nữa, hử? Ta nghèo khổ vô ở đợ với mi, ta làm việc gì quấy đâu mà mi nhục mạ ta rồi đuổi ta ra. Mi là đồ giả nhơn nghĩa! Tại mi độc ác, nên ngày nay thân thể ta mới ra thúi tha như vầy, danh tiết ta mới ra nhơ nhuốc như vầy, sao mi còn dám trách ta".

Tên lính nghe Ánh Nguyệt mắng nhiếc ông Thiên Hộ thì nổi giận. Nên chụp nắm đầu nàng nữa mà kéo đi, chuyến này đi riết về đồn, miệng lại chửi láp dáp.

Ông Thiên Hộ muốn cứu Ánh Nguyệt mà lại bị nàng mắng, bởi vậy ông chưng hửng, không hiểu tại sao mà nàng mắng nhiếc mình. Ông đứng châu mày suy nghĩ một hồi, rồi ông cũng phăng phăng đi lại đồn.

*

* *

Phạm Kỳ ngồi tại đồn mà trông tên lính sai đi bắt Ánh Nguyệt, sắc mặt hầm hừ, coi bộ giận lắm. Cách một hồi thấy tên lính nắm đầu Ánh Nguyệt mà dắc vô, thì anh ta la hét vang rân, và dạy đem Ánh Nguyệt mà đóng gông lại. Tên lính chưa kịp dắc Ánh Nguyệt đi, thì kế Thiên Hộ bước vô đồn. Phạm Kỳ chào hỏi rồi mời ngồi.

Tên lính thấy ông Thiên Hộ, liền thưa với Phạm Kỳ rằng: "Bẩm ông, con này dữ thiệt! Hồi nãy nó mắng nhiếc tới ông Thiên Hộ nữa".

Ông Đội day lại nạt rằng: "Thì tao biểu mi đem nó ra sau mà đóng gông nó cho tao mà!"

Ông Thiên Hộ đưa tay ra cản và nói rằng: "Khoan! Nó tội gì mà ông đóng gông nó? Ông phải tra hỏi coi nó có phạm tội hay không đã chớ".

Phạm Kỳ trề môi đáp rằng:

– Nó làm đĩ, thì nó phạm luật triều đình rồi, còn hỏi chi nữa.

– Sao ông biết nó làm đĩ?

– Người ta đến thưa với tôi đây.

– Người ta thưa nó như vậy, thì ông phải hỏi nó coi người ta thưa ngay hay là thưa gian rồi ông sẽ định tội, chớ ông nghe người ta thưa rồi ông bỏ tù nó liền, không hỏi đi hỏi lại, thì sao cho công bình được.

– Người ta giàu có, lời người ta nói không chắc hay sao? Còn con này là đồ khốn nạn, cần gì phải hỏi nó.

– Ông nói như vậy té ra nhà giàu thì phải, còn nhà nghèo thì quấy hết thảy ra sao? Tôi đây cũng là nhà giàu, nhưng mà tôi nói cho ông biết, có nhiều nhà giàu họ gian giảo đê tiện hơn nhà nghèo lắm, ông đừng có tưởng nhà giàu là phải hết thảy. Ông phải hỏi con này tại sao mà phải đem thân đi làm đĩ, rồi tại sao làm đĩ mà đến nỗi người ta thưa kiện.

Ông đội Phạm Kỳ nghe ông Thiên Hộ nói hơi binh con đĩ và kích bác nhà giàu thì ông lấy làm bất bình, nhưng vì ông sợ mích lòng kẻ có thế lực, nên cực chẳng đã ông phải ép trí kêu Ánh Nguyệt ra đứng trước mặt ông mà tra hỏi.

Ánh Nguyệt sợ run bây bẩy, nên ngồi bẹp xuống đất vừa lạy vừa khóc và tỏ rằng: "Bẩm ông, xin ông thẩm xét cho con nhờ. Phận con nghèo đói, con xiêu lạc phương xa khi mới về đây con vô ở đợ với ông Thiên Hộ đặng coi sấp nhỏ mồ côi. Ông Thiên Hộ không biết thương con nhà nghèo, con ở mới có 6 tháng, ổng kiếm chuyện nói con lấy trai mà đuổi con ra đặng khỏi trả tiền công. Con ra khỏi rồi con ở đậu trong nhà người quen, coi bị đau hơn một năm trời, không làm ăn chi được hết. Vả con có một đứa con nhỏ, con mượn người ta nuôi ở trên Vủng Gù. Con thương nhớ nó, con cậy người lên rước giùm đem về đặng mẹ con gần nhau. Họ không cho rước, lại buộc con phải đem năm bảy quan tiền lên họ mới cho chuộc. Con nghèo nàn không có tiền, nên con chưa hết đau, mà vì thương con nên phải ráng

làm thuê làm mướn đặng kiếm tiền mà chuộc con. Cậu Trinh Tường nghe nói con biết đờn, hôm qua cậu sai người biểu con đi đờn cho cậu nghe một đêm rồi cậu cho con một nén bạc. Con cũng biết vưng lời cậu thì thân con đê tiện lắm. Ngặt vì phần thì đói rách, phần thì muốn kiếm tiền mà chuộc con, nên con phải đánh liều đặng cho có một nén bạc. Cậu Trinh Tường là bực giàu sang, con tưởng cậu biết lể, chẳng dè con xuống ghe mà đờn cho cậu nghe, cậu cứ theo nắm tay nắm áo con. Con khóc mà năn nỉ hết lời, xin cậu đừng có làm nhơ danh tiết của con. Cậu đã chẳng nghe, mà cậu lại còn làm ngang quá nữa, cậu ôm con mà hun. Con hổ thẹn tức giận cùn trí, nên con chụp cây đờn mà đánh cậu. Cậu nổi giận cậu đánh đập con rồi xô con xuống sông cái, may con biết lội, nên con lần lần thả trôi vô mé được, bằng không thì con đã chết rồi. Việc thiệt như vậy đó, xin ông làm ơn thẩm xét cho con nhờ".

Ông Thiên Hộ ngồi chăm chỉ nghe Ánh Nguyệt cung khai, ông nhớ lại chuyện của ông năm xưa, cũng vì nhà giàu bất nhơn, mà ông phải chịu 20 năm tù, bởi vậy ông cảm động, nên rưng rưng nước mắt.

Còn ông đội Phạm Kỳ, vì ông quen tánh giữ luật pháp, và quen tánh binh nhà giàu, chớ ông không biết thương ai hết, bởi vậy trong lúc Ánh Nguyệt thuật chuyện nghe rất thảm thiết, mà ông ngồi trơ trơ, không cảm động chút nào hết; mà chừng Ánh Nguyệt nói dứt rồi ông lại nạt rằng: "É! Thứ đồ làm đĩ, còn nói nhiều chuyện. Mi già hàm lắm! Ta biểu lính nó vã mi bể mồm bây giờ! Người ta mướn mi đờn cho người ta nghe, hễ người ta biểu sao mi phải vưng theo vậy. Sao mi vô phép, mi không chịu đờn, người ta rầy, rồi mi lại vác đờn mà đập người ta? Mi không biết luật triều đình cấm nhặt sự làm đĩ hay sao? Để ta giải mi lên tỉnh rồi mi coi. Có thằng lính nào đó? Dắc con này ra sau rồi đóng gông nó lại đó cho tao".

Ông Thiên Hộ vùng đứng dậy nói rằng:

– Ông Đội, ông xử hiếp nhà nghèo quá!

– Sao mà hiếp? Hiếp chỗ nào?

– Đã biết luật triều đình cấm đờn bà con gái làm đĩ, nhưng mà con này nó làm đĩ hồi nào mà ông bắt nó? Vậy chớ ông không nghe mấy lời nó khai đó hay sao? Thân nó nghèo hèn đói rách không có cơm ăn, không có áo mặc, lại nó cần dùng tiền đặng chuộc con nó, nên cực chẳng đã nó phải liều thân đi đờn mướn cho người ta nghe đặng lấy một nén bạc mà đi chuộc con nó về; nó làm như vậy là bất

đắc dĩ nó phải làm, chớ nào phải nó muốn làm nhơ nhuốc danh tiết nó hay sao? Ông làm quan, ông phải biết tâm lý của dân, chớ ông bó buộc quá như vậy thì chết hết con nhà nghèo còn gì! Nếu ông xử con này làm đĩ, thì tôi không nghe cho ông.

– Tôi không hiểu tại sao mà ông binh thứ đồ khốn nạn như vầy làm chi.

– Tại nó khốn nạn nên tôi mới binh.

– Tôi nghe nói hồi nãy nó mắng tới ông, mà ông còn binh nó nỗi gì?

– Không biết chừng nó mắng đó nhầm lý, chớ không phải mắng bậy.

– Hứ! Ông nói nghe lạ đời quá!

– *Tôi nói là nói theo chánh lý.*

– Chánh lý nỗi gì? *Nó đi làm đĩ, mà còn nhục mạ người ta, đến* nỗi người ta thưa với tôi đây. Tôi bắt nó, ông không cho, sao ông gọi rằng chánh lý.

– Tôi đã nói không phải nó làm đĩ! Vì nó nghèo nên phải đi đờn mướn cho người ta nghe đặng lấy tiền.

– Nó nghèo mặc kệ nó, ai biểu nó đi làm bậy làm chi.

– Ông nói lời bất nhơn quá! Nó có muốn nghèo làm chi đâu; nó muốn làm quan như ông vậy lắm chớ, ngặt vì trời khiến mạng nó nghèo hèn, nó phải rán mà chịu, sao ông không thương giùm nó, nỡ buông lời bất nhơn chi vậy!

– Tôi làm quan tôi cứ luật pháp tôi giữ; tôi không vị ai, mà tôi cũng không thương ai hết.

– Vậy thì ông là một ông quan bất nhơn.

– Sao ông cứ mắng tôi bất nhơn hoài? Nó làm đĩ, tôi bắt nó, có cái gì mà nói tôi bất nhơn.

– Nó đờn mướn, chớ không phải làm đĩ. Ông xử như vậy thì hiếp nó. Huống cho Trinh Tường ỷ giàu, ỷ sang, ỷ thần, ỷ thế, làm nhục nó, nó cự, lại đánh đập nó rồi xô nó xuống sông. Trinh Tường đã vô lễ, bất nhơn, lại tàn bạo, lẽ thì ông phải bắt Trinh Tường mà trị tội, sao ông tư vị nhà giàu ông không nói tới, lại theo bắt mà làm hại một người đờn bà nghèo hèn bị tai nạn như vậy. Tôi nói cho ông biết nếu ông bắt con này thì tôi phải lên tỉnh mà cáo ông, vì tôi không đành để cho ông làm hại một người nghèo hèn vô tội.

Ông đội Phạm Kỳ giận hết sức, mặt mày tái xanh, tay chơn run rẩy, ông muốn bắt luôn ông Thiên Hộ mà giải lên tịnh một lượt với con Ánh Nguyệt, đặng cho quan trên tra xét lại coi ông Thiên Hộ Chánh Tâm này có phải là Lê Văn Đó hay không, và nàng Ánh Nguyệt làm như vậy có phải là làm đĩ hay là không, nhưng vì ông nhớ lại Thiên Hộ là bực giàu sang, lại thân thiết với các quan trên tỉnh, sợ chén đá khó hơn chén kiểu được, bởi vậy anh ta phải dằn lòng ép trí mà nhịn thua. Anh ta day lại nói cùng quẳng với tên lính rằng: "Thôi, mi thả con đĩ đó cho nó đi đâu nó đi, vậy cho vừa lòng ông Thiên Hộ".

Trong lúc ông Thiên Hộ cãi lẽ với Phạm Kỳ thì Ánh Nguyệt ngồi chồm hổm dựa gốc cột. Nàng nghe nói đóng gông thì sợ, lại bị quần áo ướt nên lạnh, bởi vậy nàng ngồi đó mà miệng đánh bò cạp, còn tay chơn run như thằn lằn đứt đuôi. Nàng oán hận ông Thiên Hộ, nên mới mắng nhiếc ổng đó, mà vô đến đây sao ông lại binh vực nàng bởi vậy nàng lấy làm lạ, chẳng hiểu tại sao ông đã không giận mà lại còn muốn cứu nàng. Nàng nghe ông đội kêu lính biểu thả nàng thì nàng mừng quýnh, nên lật đật cúi lạy ông đội rồi bước ra cửa mà đi. Ông Thiên Hộ đi theo sau lưng nàng. Phạm Kỳ đứng ngó cặp mắt lườm lườm.

Ánh Nguyệt với Thiên Hộ đi rồi thì Phạm Kỳ tức giận nằm ngồi không yên. Anh ta cứ đi qua đi lại trong đồn hoài, mình hỏi riêng lấy mình, Thiên Hộ chắc là Lê Văn Đó, vậy chớ có nên bắt mà giải hay không. Theo lương tâm thì phải bắt, còn theo thế cuộc thì không nên bắt, vậy phải theo bên nào? Anh ta suy đi tính lại, cân lợi đong hại, rồi nhứt định không bắt Thiên Hộ mà cũng không tha, quyết đợi có dịp sẽ xin đổi đi thú đồn khác cho khuất con mắt. Anh ta tự liệu như vậy rồi mới chịu đi ngủ.

Còn ông Thiên Hộ ra khỏi đồn rồi ông mới kêu Ánh Nguyệt mà nói rằng: "Cháu coi bộ bịnh lắm. Vậy đi thẳng lại nhà ông rồi ông biểu thầy thuốc coi mạch hốt thuốc cho cháu uống". Ánh Nguyệt chẳng hiểu vì cớ nào ngày trước mình chẳng có làm việc chi quấy, mà ông Thiên Hộ ghét mình, dạy Bạch Thị đuổi mình ra khỏi nhà, bây giờ mình đã làm việc tồi tệ, ông nghe thấy rõ ràng, mà ổng lại thương mình, đã cứu mình khỏi tay ông Đội, rồi còn biểu mình về nhà ổng nữa. Nhưng vì lúc ấy nàng chẳng khác nào chim bàng gãy cánh, như chim én lạc đường, nên nàng không còn biết chi là phải

quấy, nghe ông biểu về nhà ông thì cũng như lội giữa vời gặp được cái bụp dừa, bởi vậy nàng vưng lời liền, không dám từ chối.

Ông Thiên Hộ dắc Ánh Nguyệt về tới nhà, liền kêu Bạch Thị mà dạy lấy quần áo khô đem cho Ánh Nguyệt thay và dẫn nàng đem xuống nhà dưỡng bịnh đặng cho nàng nghỉ rồi sáng sẽ biểu ông lương y Sanh chẩn mạch hốt thuốc cho nàng uống.

Đêm ấy ngủ không được, cứ chong đèn ngồi chống tay trên trán mà suy nghĩ hoài. Ông chẳng hiểu vì cớ nào Ánh Nguyệt lại có mấy lời phiền trách hồi hôm đó. Nàng này là ai, sao ông không biết? Ở với ông hồi nào? làm việc chi quấy mà ông đuổi? Ông đuổi bao lâu nay? Thiệt có như lời nàng nói đó hay không? Nếu thiệt tại ông đuổi nàng, nên nàng không phải bị khốn khó, đến nỗi phải đem thân bồ liễu mà làm đồ chơi cho thiên hạ, thì cái khổ của nàng đây quả tại ông mà ra, tội ấy ông không thể nào chối được. Ông nghĩ như vậy rồi ông nhớ lại thân ông ngày trước, vì nhà nghèo, mẹ và sấp cháu đói quá, cùng thế phải đi giựt một trả cháo heo, tính đem về cho mẹ với cháu ăn cho khỏi chết. Mà quân nhà giàu ác nghiệt không thương nên bắt buộc, rồi quan bất nhơn nó không xét nên bỏ tù làm cho gia quyến ở nhà không ai nuôi, mẹ đói chết trước, một bày cháu cũng đói nên lần lần chết theo sau, còn chị dâu khốn khổ quá nên mang bịnh rồi sau rốt cũng phải chết luôn nữa. Thân Ánh Nguyệt ngày nay vì thương con quá, không nỡ lìa con, nên mới toan đem danh tiết mà đặng lấy tiền chuộc con. Nếu không gặp ông thì thân người mẹ đây còn gì, mà thân đứa con sau cũng phải mang khổ nữa! Mà trong trần nầy còn biết bao nhiêu Lê Văn Đó khác, còn biết bao nhiêu Ánh Nguyệt khác, chớ phải một Lê Văn Đó và một Ánh Nguyệt nầy mà thôi đâu!

Ông Thiên Hộ nghĩ đến đó thì ông khóc rấm rút. Ông khóc một hồi lâu rồi ông đứng dậy mở cửa đi ra ngoài sân. Mảnh trăng tỏ treo giữa trời vặc vặc, ngọn gió vàng phất mặt cỏ hiêu hiêu. Ông Thiên Hộ lần bước đi vòng chung quanh nhà. Khi đi ngang qua nhà dưỡng bịnh, ông nghe tiếng rên nho nhỏ. Ông đứng lại lóng tai mà nghe rồi ông bước vô. Trong nhà dưỡng bịnh có một cái đèn leo lét. Ông thấy Ánh Nguyệt nằm trên chõng, đập tay xuống chiếu mà rên. Ông với tay lấy thếp đèn rồi bưng đi riết lại bên nàng, Ánh Nguyệt nằm nhắm mắt, mà mặt mày đỏ au, thở hơi nóng hực. Ông kêu nàng mà hỏi rằng: “ Cháu nóng phải hôn?”. Ánh Nguyệt nhướng mắt ngó ông rồi lắc đầu, chớ không trả lời.

Ông Thiên Hộ thấy nàng bịnh nhiều nên lật đật đem đèn để lại chỗ cũ rồi kêu Hồng Thị biểu đi kêu lương y Sanh cho mau. Ông đứng tại cửa mà chờ. Cách chẳng bao lâu lương y Sanh chạy lại, ông biểu chẩn mạch coi bịnh Ánh Nguyệt ra thế nào.

Lương y chẩn mạch rồi nói rằng: Ánh Nguyệt bị đau ban mà không uống thuốc nên lâu ngày ban nó lặn vô trong. Tuy mấy tháng nay hết bịnh, nhưng mà gốc ban cũng còn ở trong hoài. Hôm nay nàng té xuống sông bị nước, rồi lại bị gió nữa, bởi vậy bịnh trở lại nặng bằng hai hồi trước, coi thế khó cứu được.

Ông Thiên Hộ nghe nói như vậy thì ông đổ mồ hôi trán. Ông châu mày suy nghĩ một hồi rồi nói với lương y Sanh rằng: "Phải rán mà cứu nàng. Nếu nàng chết thì tôi cũng có lỗi với nàng nhiều ít chớ chẳng không". Lương y Sanh hứa rằng ổng sẽ rán hết sức mà cứu nàng, nếu sáng mai mà nàng hết nóng thì chắc ông sẽ cứu được. Ông Thiên Hộ căn dặn rồi ông mới trở lên nhà.

Trời vừa mới mờ mờ, thì ông Thiên Hộ đã xuống nhà dưỡng bịnh mà hỏi thăm bịnh Ánh Nguyệt. Ông lương y Sanh đương xẩn bẩn một bên Ánh Nguyệt mà cho nàng uống thuốc, ông thấy ông Thiên Hộ thì lắc đầu nói rằng: "Còn nóng lung quá, tôi làm hết sức một đêm nay mà nàng chưa mát".

Ông Thiên Hộ ngồi ghé trên cái chõng để một bên đó, coi bộ ông buồn dàu dàu. Đến chừng mặt trời mọc được một lát, Ánh Nguyệt mát mát được một chút. Nàng mở mắt ra rồi xin nước mà uống. Hồng Thị lật đật rót một chén nước trà nóng mà bưng lại cho nàng. Nàng gượn ngồi dậy uống hết chén nước trà rồi nằm xuống liền. Cách một hồi, nàng day qua ngó thấy ông Thiên Hộ, nàng lấy tay ngoắt ông và nàng chảy nước mắt mà nói rằng: "Ông không đuổi tôi nữa phải hôn?... Tội nghiệp tôi lắm ông ơi! Ông làm ơn cho tôi tiền đặng tôi chuộc con tôi. Tôi nhớ nó quá; nó ở tại nhà Đỗ Cẩm trên Vủng Gù... Vợ chồng Đỗ Cẩm đánh khảo nó, bỏ nó đói khác tội nghiệp lắm. Ông làm ơn cho tôi tiền, nghe hôn ông. Ông cho tôi 7 quan thì đủ tôi chuộc. Hồi trước tôi ở với ông 6 tháng mà ông không có cho tiền. Bây giờ ông cho tôi, nghe hôn ông".

Ông Thiên Hộ thấy tình Ánh Nguyệt thương con như vậy, thì ông cảm động hết sức, nên ông liền đáp rằng: "Cháu rán uống thuốc cho mạnh đi. Cháu mạnh rồi muốn xin tiền bao nhiêu ông cho hết thảy".

Ánh Nguyệt nói rằng: "Không. Ông làm ơn cho liền bây giờ. Ông

cho tôi 7 quan đặng tôi cậy ông sáu Thới đi chuộc con tôi. Ông sáu Thới biết chỗ Đỗ Cẩm ở".

Ông Thiên Hộ gật đầu đáp rằng: "Ừ, thôi để rồi ông biểu ông sáu Thới đi chuộc".

Ánh Nguyệt nghe ông Thiên Hộ nói như vậy thì mừng trong lòng nên nàng cười và nói rằng: "Hễ tôi thấy mặt con tôi thì tôi mạnh liền. Ông chưa biết nó. Con nhỏ ngộ lắm. Tôi đặt tên nó là Thu Vân. Năm nay nó đã 8 tuổi rồi. Cha nó tên là Từ Hải Yến. Cha nó bạc lắm. Gạt tôi, ăn ở với tôi cho có nghén rồi chừng thi đậu, cha nó tuốt về trên An Giang cưới vợ khác, bỏ mẹ con tôi bơ vơ từ hồi đó tới bây giờ. Người vô tình bạc nghĩa quá như vậy mà sao thi lại đậu không biết? Ôi! Mà tôi có kể gì thứ đồ bạc. Tôi lo nuôi con tôi. Tôi gởi nó cho vợ chồng Đỗ Cẩm là vì tôi sợ đem nó về đây thiên hạ chê cười. Bây giờ tôi không cần gì nữa, ai cười mặc ai, miễn là tôi được gần con tôi thì thôi. Tôi lạy xin ông làm ơn trao 7 quan tiền cho ông sáu Thới rồi biểu ổng nội ngày nay ông đi rước liền con tôi giùm chút, nghe hôn ông".

Ông Thiên Hộ thấy Ánh Nguyệt tỉnh trí, nói rõ việc riêng của mình được như vậy thì ông mừng, nên ông đáp rằng: "Cháu đừng lo, để ông biểu rước con nhỏ về đây cho. Mà cháu phải rán uống thuốc và ăn cơm ăn cháo cho mạnh đi rồi ông sẽ cho cháu gặp con, chớ nếu cháu còn đau thì ông không dám cho cháu gần con cháu."

Ánh Nguyệt chẳn miệng mà cười và nói rằng:

– Tôi mạnh rồi. Tôi có đau bịnh gì nữa đâu. Ông muốn tôi đôi bây giờ, tôi đứng dậy tôi đi cho ông coi.

– Thôi, thôi cháu nghỉ đi. Để ông lo việc rước con nhỏ cho. Cháu hãy yên tâm.

– Ông ở như vậy mới thiệt là người nhơn đức.

Ông Thiên Hộ chúm chím cười rồi xây lưng trở lên nhà.

*

* *

Ông Thiên Hộ ngồi ăn cơm sớm mơi, mà trí ông suy nghĩ việc của Ánh Nguyệt. Ông tính để rồi ông sai người đi kêu ông sáu Thới

đặng cậy ổng đem tiền lên Vũng Gù tìm nhà Đỗ Cẩm mà chuộc con Thu Vân. Ông lại tự nguyện rằng dầu chẳng may Ánh Nguyệt có chết đi nữa thì ông sẽ hết lòng nuôi dưỡng bảo bọc giùm con nhỏ, bởi vì theo lời Ánh Nguyệt nói đó, thì nàng đau đây là tại ông đuổi, nàng nghèo khổ buồn rầu nên mới sanh bịnh, nếu ông không hết lòng mà chuộc cái lỗi ấy, thì ông là người bất nhơn.

Ông vừa suy nghĩ tới đó, bỗng thấy Bạch Thị bưng đồ ăn bước lên nhà. Ông liền kêu mà hỏi rằng:

– Con Ánh Nguyệt vô ở phụ giúp trong nhà tôi thì phải rồi, sao thiếm lại đuổi nó mà thiếm không cho tôi hay?

– Bẩm ông, chuyện nhỏ mọn, tôi liệu định cũng được, chẳng cần phải làm nhọc lòng ông.

– Chuyện nhỏ mọn mà bây giờ thành ra chuyện lớn, thiếm thấy chưa? Tại thiếm đuổi nó, làm cho nó không có nơi nương tựa, bởi vậy nó đói quá mới sanh bịnh, rồi lại phải liều thân đi làm đĩ nữa. Thiếm không suy đi xét lại cho kỹ, bây giờ cái lỗi ấy về tôi chịu. Mà con Ánh Nguyệt làm lỗi việc chi mà thiếm đuổi nó?

– Bẩm ông, Hồng Thị thấy nó viết thơ ra, tiếp thơ vô, coi nết nó không tốt, nên tôi đuổi nó.

– Nó viết thơ mà thăm con nó chớ.

– Bẩm ông, hồi mới vô ở nó nói nó chưa có chồng con.

– Việc ấy chẳng quan hệ gì. Mình làm phước, hễ thấy khổ là mình cứu, cần gì phải gạn đục lóng trong. Dầu con Ánh Nguyệt nó có hư đi nữa, ấy là vì sự nghèo khổ buộc nó phải hư cũng như có nhiều người vì nghèo đói mà phải đi ăn cướp, ăn trộm vậy...

Ông Thiên Hộ vừa nói tới đó, thình lình ông đội Phạm Kỳ ở ngoài bước vô. Ông chào rồi mời ngồi, mà bộ coi lợt lạt lắm.

Từ khi Phạm Kỳ mới giáp mặt với ông Thiên Hộ lần đầu, nghi ông là Lê Văn Đó, thì trong lòng đã có mối khinh khi. Mà hôm qua ông Thiên Hộ lại binh vực một con đĩ, nói nhiều tiếng xúc phạm đến Phạm Kỳ, bởi vậy Phạm Kỳ giận ông, giận đến nỗi toan bắt ông mà giải nạp. Tuy ông Thiên Hộ làm lơ, song ông đã thấy ý tứ của Phạm Kỳ. Mà bữa nay Phạm Kỳ tới nhà ông, bộ coi sục sè khép nép chẳng phải như mấy lần trước, bởi vậy ông Thiên Hộ lấy làm lạ, nên có ý đợi nghe coi Phạm Kỳ muốn nói việc chi.

Phạm Kỳ ngồi rồi nói rằng: "Tôi đến trình cho ông hay, tôi phải đi lên tỉnh vài bữa, vì có tờ của quan Án đòi tôi lên làm chứng vụ Lê Văn Đó." Phạm Kỳ nói tới đó rồi ngừng lại mà ngó ông Thiên Hộ. Ông Thiên Hộ ngồi tỉnh táo như thường, ông cũng ngó ngay Phạm Kỳ mà hỏi rằng:

– Chuyện Lê Văn Đó là chuyện gì?

– Hồi trước có tên Lê Văn Đó ăn trộm bị đày 20 năm. Khi ở tù ra ngoài, nó không chịu bỏ thói gian, nó còn ăn trộm đồ trong chùa nào đó không biết, và giựt cơm gạo gì của người ăn mày nữa. Mấy năm nay quan tập nã bắt nó không được. Nghe nói lính mới bắt được nó hôm đầu tháng, mà nó chối hoài, nó nói không phải là Lê Văn Đó. Mấy tên tù biết nó, quan đem ra nhìn mặt nó thì đứa nào cũng quả quyết nó là Lê Văn Đó hết thảy, mà nó cũng còn chối hoài. Quan Án muốn lên án, cho nó hết kêu oan kêu ức được, nên ngài đòi thêm tôi về mà nhìn mặt nó nữa.

– Ông biết mặt nó hay sao mà nhìn?

– Tôi biết nó lắm. Lúc nó ở tù, thì tôi làm lính coi khám, tôi dắc nó đi đốn củi hoặc đấp bờ mỗi ngày.

– Nó mãn tù đã mấy năm nay?

– Tám chín năm.

– Dữ hôn! Ông không thấy mặt nó đã lâu rồi, làm sao ông nhớ nó được mà biểu ông nhìn.

– Giống gì mà tôi quên lộn.

– Như ông nhìn quả nó rồi, thì quan kêu án nó bao nhiêu năm?

– Phàm ăn trộm bị đày đến 20 năm, mà còn tái phạm thì luật xử tử giam hậu, nghĩa là đày chung thân. Tôi chắc tên Đó ăn trộm ăn cướp chi đây, nên người ta mới bắt được nữa. Mà dầu nó không có ăn trộm nữa, nội vụ nó ăn trộm đồ trong chùa và giựt cơm của ăn mày đó, thì cũng đủ cho nó bị xử tử giam hậu rồi.

– Tội gì mà xử nặng nề dữ vậy?

– Tại luật như vậy đó.

– Nếu vậy thì ông đi làm chứng ông phải xem xét cho kỹ lưỡng, chẳng nên nói bướn mà tội nghiệp cho người ta. Việc ấy tội phước lắm nếu ông làm chứng mà ông nhận lầm thì oan cho người ta lắm.

– Phải chớ! Tôi có oán thù chi nó đâu. Hễ tôi nhìn phải thì tôi

nói phải, còn như không phải thì thôi. Mà mấy người tù quen với nó đã nhìn phải nó rồi, có lý nào nó chối được. Để tôi lên đó coi.

– Chừng nào ông đi.

– Tối nay.

– Không biết chừng mai mốt, bữa nào rảnh tôi cũng lên tỉnh thăm quan Án.

– Vậy sao?

– Ừ.

Phạm Kỳ nghe ông Thiên Hộ nói sẽ lên tỉnh mà thăm quan Án thì trong trí lo riêng, nên cúi mặt xuống rồi nói nhỏ nhẹ rằng:

"Chuyện con Ánh Nguyệt hôm qua, tại tôi nghe nói nó làm đĩ tôi giận quá, nên tôi mới biểu bắt nó. May có ông kêu nài nên tôi mới tha nó. Hôm qua đương cơn giận tôi có cãi lẽ với ông. Vậy nếu tôi có nói tiếng chi nặng nề mích lòng ông, xin ông đừng chấp".

Ông Thiên Hộ cười mà đáp rằng: "Ông đừng ngại chuyện đó. Ông sợ tôi lên tỉnh tôi cáo ông hay sao? Chuyện qua rồi thì thôi, ai nói đi nói lại mà làm gì". Ông Thiên Hộ ngừng một hồi rồi ông châu mày nói tiếp rằng: "Tôi nói như vậy, chớ không chắc tôi đi lên tỉnh được hay không. Con Ánh Nguyệt nó đau nhiều lắm. Tôi dắc nó về từ hồi hôm cho đến bây giờ nó nóng lạnh nằm mê man, măng giường măng chiếu, nói xam nói mã hoài. Tôi sợ nó phải chết. Nó có gốc đau ban. Trinh Tường xô nó xuống sông, nó bị nước nên trúng lại nặng lắm. Quân nhà giàu ỷ tiền nó làm ngang quá!".

Phạm Kỳ hồi hôm mượn luật pháp mà binh vực Trinh Tường, bây giờ nghe ông Thiên Hộ nói như vậy thì hổ thầm, nên ngồi lặng thinh một hồi rồi đứng dậy từ ông Thiên Hộ mà về.

Phạm Kỳ ra khỏi cửa rồi thì ông Thiên Hộ châu mày xụ mặt, coi sắc ông buồn mà lại lo nữa. Ông chậm rãi đứng dậy, cúi mặt ngó xuống đất một hồi rồi thủng thẳng đi vô trong buồng. Ông đóng cửa buồng lại rồi leo lên giường nằm gác tay qua trán mà thở ra.

Mây dăn trên trời đen kịt, gió thổi mái nhà lào xào. Cách chẳng bao lâu mưa ào tới, giọt nước tuôn trước hiên rôn rổn, mà ông Thiên Hộ nằm trong buồng mồ hôi chảy ướt đầm. Ông nằm im lìm như ngủ, mà trí ông lo tính không yên. Ông suy nghĩ hoài chẳng hiểu người mà Phạm Kỳ nói đó, hình dạng ra thể nào, mà đến nỗi người ta

nhận quyết là Lê Văn Đó. Đã biết người hay giống người, mà giống thì giống, chớ cũng có chỗ khác nhau, có lý nào giống đến mặt mày, giống đến tướng đi, giống đến tiếng nói nữa hay sao, mà đến nỗi người ta nhìn lầm được. Theo lời Phạm Kỳ nói, thì mấy tên tội nhơn quen biết với mình hồi trước đã nhận quyết người này là mình rồi. Mấy tên tội nhơn tự nhiên biết mình nhiều, nên họ đã nhận là mình rồi thì chắc người ấy phải giống tạc mình. Phạm Kỳ lên đó chắc cũng phải nhìn lầm nữa. Vậy mình có nên nín khe, để cho người ấy chịu khổ hình thế cho mình hay không?

Ông Thiên Hộ hỏi riêng ông như vậy rồi ông cũng trả lời riêng với ông rằng: Không nên. Một người thường phạm tội ăn cắp hễ bắt được thì quan trên kêu án chừng năm ba năm. Nếu người ta nhận người nầy là mình thì người ta xử tử giam hậu, vì mình đã có án 20 năm tù rồi bây giờ tái phạm nên hình phạt nặng nề. Chớ chi mình không hay không biết, thì ai xử thế nào mặc ai, ai bị đày bao lâu chẳng can chi, ngặt bây giờ mình đã hay quan người ta nhận lầm, mình đã biết người bị bắt đó là oan ức, có lý nào mình đành làm lơ, để cho người vô tội mà phải thọ khổ hình thế cho mình. Mấy năm nay mình tu nhơn tích đức, mình tự nguyện cứu khổ phò nguy, nếu mình để cho người bị án, thì mình làm một điều đại bất nhơn, dầu mình tu mãn đời cũng không thể chuộc cái tội ác đó được. Tội mình làm thì mình phải chịu, lòng ngay hay là gian, phú cho Trời Phật xét soi cho mình. Mà trong việc này có ai nói gian cho mình đâu. Ăn trộm đồ của chùa, có, giựt nồi cơm của ăn mày, cũng có, tội đã đáng tội, có oan ức chỗ nào. Vậy mình phải ra mà chịu tội, chẳng nên để cho người khác thế cho mình.

Ông Thiên Hộ quyết định rồi ông vùng ngồi dậy bước đi ra ngoài. Mưa đã tạnh rồi, mặt trời đã ló ra dọi nắng coi tứ hướng đều vui vẻ. Ông dựa cửa mà ngó mong ra ruộng. Một cánh đồng rộng minh mông dăn trước mắt ông, lúa cấy hôm tháng trước, nay đã bén lá coi xanh mướt. Bên này có mấy xóm, ấy là chỗ tá điền của ông ở, đông đảo thạnh mậu vô cùng. Trong kia có một cái kinh, ấy là mương của ông phóng cho dân đào, đặng tiện đường cho dân chở lúa.

Ông ngó xa ngó gần chung quanh nhà ông. Đây là nhà để dạy trẻ nhỏ học văn học lễ, đây là nhà để nuôi trẻ nhỏ không mẹ không cha, đây là nhà để cứu những người bịnh hoạn tật huyền, đây là nhà để nuôi những người già cả lụm cụm. Mười lẫm lúa cất trước kia, lẫm

nào lúa cũng còn đầy thóc, ấy là lúa để sẵn cho thiên hạ ăn, chớ trong thân tộc của ông bây giờ chỉ còn có một mình ông làm sao mà ăn cho hết.

Những ruộng kia, những nhà nọ, ấy là sự nghiệp của ông. Công phu của ông trọn 10 năm trời mới gây dựng được ra đó. Bây giờ ông ra chịu tội mà lãnh án tử giam hậu đặng thọ khổ hình chung thân, thì sự nghiệp này phải tan như tro tàn, phải rã như bọt nước. Những tài sản của ông thì ông không sá gì, kiếp sống nầy là giấc chiêm bao, sanh tay không chừng chết cũng tay không, dầu làm quan to, dầu làm giàu lớn, cũng không ai đem tước quyền hay là vàng bạc theo được. Ngặt vì hễ ông ra chịu khổ hình, thì cả ngàn dân làm ruộng, mấy mươi người già cả bịnh hoạn, mấy mươi con nít nhỏ mồ côi, còn biết lấy ai mà cậy nhờ!

Ông đã định làm nghĩa, ra thọ tội đặng cứu người oan ức, mà chừng ông nhớ đến công việc phước thiện của ông lập ra đặng cứu giúp kẻ cơ hàn bịnh hoạn, thì ông dụ dự bàng hoàng. Ông cứ đi ra đi vô hoài không biết liệu lẽ nào. Ra chịu tội thì khỏi hổ với lương tâm, song hết thế cứu giúp cả ngàn người nghèo khổ nữa. Còn như nín luôn, thì cả ngàn người được nhờ, song mình đối với Phật Trời, chắc cả đời phải năn nang hổ thẹn. Ông bứt rứt trong lòng, nên buổi chiều ông không ăn cơm, cứ nằm dàu dàu trong buồng hoài.

Đêm ấy ông chong đèn ngồi mà lo tính, lúc thì muốn ra chịu tội đặng cứu một người bị án oan, lúc thì ông tính làm lơ nín luôn đặng giúp cả ngàn người nghèo khổ. Ôi tính đi rồi tính lại, ông lo tới rồi lo lui, ông tính cho tới gần sáng rồi mới nhứt định thà ông hại một người bị án oan, chớ ông không đành bỏ cả ngàn người nhờ ông mà khỏi nghèo khổ. Ông quyết làm lơ, không thèm nhớ tới chuyện đó nữa, để trí thong thả mà lo cứu khổn phò nguy, vì dầu người chịu án oan đó có chết đi nữa cũng chẳng hại bao nhiêu, chớ nếu ông bỏ sự nghiệp của ông đây thì mấy mươi ông già phải chết đói, mấy mươi con nít phải oan đàng, cả ngàn dân tá điền phải thất sở.

Ông nhứt định rồi ông mở cửa buồng bước ra, thì mặt trời đã ló mọc. Bạch Thị dòm thấy tóc của ông, bữa trước còn đen mướt, mà bữa nay lại điểm bạc hoa râm, thì lấy làm kỳ, nên hỏi ông. Ông lắc đầu rồi bỏ đi xuống nhà dưỡng bịnh, không thèm trả lời với Bạch Thị.

Ông đi thẳng lại chỗ Ánh Nguyệt nằm mà hỏi thăm. Ánh Nguyệt thấy ông thì nàng mừng rỡ hết sức, tuy nàng ngồi dậy không nổi,

song nàng ráng ngóc đầu chào ông và hỏi rằng: "Ông có biểu đi chuộc giùm con tôi rồi hay chưa? Tôi gần mạnh rồi hễ tôi thấy mặt con tôi thì tôi hết đau liền".

Vì ông mắc lo việc của ông nên ông quên lửng việc của nàng. Chừng ông nghe nàng hỏi, ông nhớ lại thì ông lấy làm bối rối, song ông muốn cho nàng yên lòng mà dưỡng bịnh, nên ông nói dối rằng: "Rồi. Ông có cậy ông sáu Thới đi rồi. Cháu cứ lo uống thuốc cho mạnh đi. Trong vài ba bữa nữa sẽ có con nhỏ về tới đây. Mà cháu phải uống thuốc cho mạnh, thì ông mới cho gặp con, chớ nếu cháu mê sảng nói xam hoài, thì ông không dám cho con nhỏ gần cháu đâu".

Ánh Nguyệt liền đáp rằng: "Tôi mạnh rồi. Tôi có mê sảng chi đâu. Chừng mấy bữa nữa ông sáu Thới về mới tới? Cha chả! Mà không biết vợ chồng Đỗ Cẩm nó có cho ổng rước hay không đây. Tôi được gần con tôi thì tôi vui biết chừng nào! Ông cho mẹ con tôi ở đây với ông. Tôi không đòi tiền công ông đâu miễn là ông cho mẹ con tôi đủ cơm ăn cho no, đủ áo quần mặc cho ấm thì thôi".

Ông Thiên Hộ gật đầu lia lịa rồi bước lại hỏi nhỏ lương y Sanh coi bịnh Ánh Nguyệt bữa nay thêm hay là có giảm được chút nào. Lương y Sanh đáp rằng bịnh tuy không thêm, song cũng chưa thấy giảm, chẳng nên thấy nàng nói tía lia như vậy mà mừng, bởi vì tại trong tim nàng nóng nên nàng nói, chớ không phải nàng hết bịnh.

Ông Thiên Hộ nghe nói như vậy thì buồn. Ông cúi mặt xuống đất suy nghĩ một hồi rồi thủng thẳng trở lên nhà. Ông kêu Bạch Thị mà biểu sai người lập tức đi kêu ông sáu Thới xuống cho ông nói chuyện.

Đến trưa, ông sáu Thới xuống tới. Ông Thiên Hộ tỏ việc Ánh Nguyệt bị Trinh Tường hiếp đáp lại cho ổng nghe. Ông Thiên Hộ nói là ổng đã cứu Ánh Nguyệt đem về nuôi tại nhà dưỡng bịnh. Ánh Nguyệt bây giờ đau nặng lắm, mà cứ theo đòi con hoài, vậy ông sáu Thới phải làm ơn đem tiền lên Vủng Gù mà chuộc giùm con nhỏ dắc về, hoặc may Ánh Nguyệt mừng con mà mạnh được.

Từ bữa Trinh Tường cho ghe rước Ánh Nguyệt đi cho đến bữa nay, ông sáu Thới không thấy Ánh Nguyệt về, thì ổng có ý lo sợ. Ổng biểu thằng Hiển đi hỏi thăm thì họ nói Ánh Nguyệt vô lễ với Trinh Tường sao đó không biết, Trinh Tường giận đến thưa với ông Đội, nên ông Đội đã bắt Ánh Nguyệt rồi. Bây giờ ông Thiên Hộ thuật rõ công việc của Ánh Nguyệt như vậy ông mới hay. Ông liền

xin ông Thiên Hộ cho phép ổng xuống nhà dưỡng bịnh mà thăm Ánh Nguyệt một chút. Ông Thiên Hộ can rằng:

– Không nên. Vì tôi đã nói dối với nó rằng tôi đã mượn ông đi rước con nhỏ rồi. Nếu ông xuống đó, nó thấy ông nó hỏi con nó, thì ông trả lời làm sao cho xuôi được. Chi bằng ông đi luôn thì hay hơn; để chừng ông rước con nhỏ về đây rồi ông sẽ thăm nó. Nghe nói ông có lên Vủng Gù mà xin rước con nhỏ một lần rồi. Vậy chớ vợ chồng Đỗ Cẩm nó đòi tiền công nuôi là bao nhiêu?

– Thưa, nó biểu phải trả năm bảy quan thì nó mới cho rước.

– Ông coi thiệt nó muốn cho chuộc con nhỏ hay không?

– Thưa, nó cho, song phải có tiền mới được.

Ông Thiên Hộ liền kêu Bạch Thị biểu lấy một chục quan tiền đem ra, rồi ông nói với ông sáu Thới rằng: "Tôi nghe nói ông nghèo mà ông sẵn lòng thương con Ánh Nguyệt, nên ông nuôi dưỡng nó hơn một năm nay. Hễ làm ơn thì phải làm cho trót. Vậy ông chịu phiền lấy một chục quan tiền này rồi mướn ghe đi lên Vủng Gù nói chuộc giùm con nhỏ đem về đây cho nó. Ông đi cho mau mau, vì nó trông lắm".

Ông sáu Thới bái ông Thiên Hộ rồi kề vai vác 10 quan tiền mà đi về.

Ông Thiên Hộ đứng tại cửa ngó theo, miệng chúm chím cười, vì ông mới làm thêm được một việc phải, nên trong lòng thơ thới.

*

* *

Ông Thiên Hộ không tính ra thọ tội nữa, ông sai ông sáu Thới đi chuộc con Thu Vân rồi, thì ông cứ xẩn bẩn dưới nhà dưỡng bịnh mà nhắc chừng lương y Sanh cho Ánh Nguyệt uống thuốc. Buổi chiều ông qua nhà mồ côi mà thăm sấp nhỏ, ông hỏi chuyện đứa này, ông vuốt ve đứa nọ. Ông lại đi thẳng qua trường học mà hỏi thăm thầy giáo coi học trò học có tấn phát hay không.

Ông thăm con nít rồi ông đi thăm tới mấy ông già, gặp người nào ông cũng lấy lời nhơn từ mà an ủi.

Ông lại đi luôn ra xóm tá điền, đi tới đâu ông cũng dạy cách làm ăn, hoặc ông khuyên đừng tham lam.

Ông đi cho đến tối mò ông mới chịu trở về nhà. Ông ăn cơm rồi ông còn xuống thăm Ánh Nguyệt một lần nữa.

Ông đi đứng lăng xăng, ông khuyên dạy lộn xộn, thì ông quên hết việc riêng của ông. Mà đến tối ông vô buồng nằm một mình, thì trí ông bắt nhớ người vì ông phải chịu án oan đó hoài, bởi vậy ông nhắm mắt mà ngủ không được. Đã biết ông đã nhứt định để hại một người mà cứu cả ngàn người, bởi vậy ông không còn ăn năn nữa. Nhưng mà chẳng hiểu vì cớ nào trong trí ông cứ ái ngại hoài, dường như ông làm việc quấy nên lương tâm trách ông vậy. Ông nghĩ chắc là tại ông không thấy mặt người chịu án thế cho ông đó, nên ông không yên lòng. Ông mới tính ông đi lên tỉnh hỏi thăm coi quan kết án người ấy thế nào, và nếu có thể gặp mặt được thì ông sẽ coi người ấy hình dạng ra làm sao mà đến nỗi người ta nhận là ông. Ông lại tính nếu quan lầm mà kêu án người ấy, thì ông sẽ hỏi thăm cha mẹ hoặc vợ con ở đâu, rồi ông rước hết về ông nuôi, đặng đền bồi cái ơn thọ khổ hình thế cho ông đó.

Mới tảng sáng ông kêu Bạch Thị mà phó thác các việc nhà. Ông lại kêu lương y Sanh căn dặn phải cần cho Ánh Nguyệt uống thuốc. Ông nói rằng ông lên tỉnh thăm quan Án chừng một bữa thì ông về, như có trễ lắm là 2 bữa, chớ ông không ở lâu hơn nữa. Ông cho kêu hai đứa tá điền mạnh dạn, một đứa tên là hai Hí, còn một đứa tên là sáu Tâm, đặng chèo ghe cho ông đi. Ông nghĩ Phạm Kỳ đã đi trước ông hai đêm một ngày rồi, nếu ông trì hưởn sợ e không kịp coi quan xử vụ Lê Văn Đó. Ông bèn dạy hai Hí với sáu Tâm kiếm một chiếc ghe lường nhỏ, mà nhẹ chèo, đặng đưa ông đi cho mau. Hai người kiếm ghe thì mấy chiếc ghe tốt đều lớn hết thảy, duy có một chiếc ghe nhỏ nhẹ chèo, ngặt chiếc ghe ấy cũ quá, nên có nước. Ông Thiên Hộ muốn đi cho mau, nên biểu lấy chiếc ghe nhỏ mà đi.

Ghe đi được vài khúc sông thì nước vô lung quá, chèo không nổi. Ông Thiên Hộ phải cởi áo mà tát nước, đặng để cho hai Hí và sáu Tâm chèo cho mau. Ông tát một hồi cái gàu rách tét, không thể tát được nữa. Ông không biết liệu làm sao, vì ghe đi đã khỏi chợ Thủ Bộ rồi, nếu trở về đổi ghe khác thì xa quá. Ông nóng nảy trong lòng như lửa đốt, ông quyết thế nào chiều bữa ấy ông cũng phải lên cho tới tỉnh. Ông mới quay ghe lại xóm dựa mé sông đặng kiếm ghe khác ông mướn. Hai người chèo vưng lời, ghé vô xóm ở dựa mé sông. Ông liền mướn một chiếc xuồng rồi biểu sáu Tâm bơi cho ông đi, còn hai Hí thì ở lại đó kiếm giẻ xăm mấy lổ rồi chờ ông trở về mà rước ông.

Ông Thiên Hộ đi thiệt là mau; trời mới xế qua một lát thì ông đã lên tới tỉnh. Ông bận áo chít khăn, rồi dặn sáu Tâm ở dưới xuồng mà chờ ông. Ông vô thành, hỏi thăm lần lần, đi lại trước dinh quan Án. Ông dòm thấy trong dinh náo nức, kẻ vô người ra không ngớt. Ông đón một người đi ra mà hỏi thăm, thì họ mới nói quan Án đương xử vụ Lê Văn Đó.

Ông nghe nói như vậy thì biến sắc, chơn thối lui hai ba bước, đứng lại châu mày mà ngó sững vô dinh. Ông ngó một hồi rồi hâm hở đi thẳng vô. Ông đứng nép dựa cánh cửa mà dòm. Ông thấy quan Án ngồi tại bộ ván giữa, một tay chống một cái gối dựa, còn một tay thì cầm vòi bình điếu mà hút thuốc. Trước mặt ngài thì có người cao lớn, cổ mang gông, tay bị trói, đứng day lưng ra ngoài cửa, nên ông không thấy mặt được. Bên tay mặt thì Phạm Kỳ với 10 tên lính đứng khoanh tay mà hầu. Bên tay trái thì có 3 tội nhơn, ông biết mặt biết tên hết thảy, vì ba người ấy bị án đày chung thân, ngày trước ở chung một khám với ông, một người tên Tánh, một người tên Lảnh, còn một người tên Thà. Phía trong có hơn 10 người, ngồi hai bộ ván hai bên, hết thảy đều mặc áo dài khăn đen, song ông không biết người nào hết.

Quan Án hút thuốc một hồi rồi hỏi người mang gông đứng giữa đó rằng: "Bữa nay ta có đòi đủ chứng lên đây đặng nhìn mặt mi. Mi còn dám chối rằng mi không phải là Lê Văn Đó nữa thôi?".

Người ấy đứng lặng thinh. Quan Án nạt rằng: "Mi câm rồi hay sao? Ta hỏi sao không thưa? Mi chờ ta khảo rồi mi mới chịu nói há?".

Người ấy ngó qua ngó lại rồi nói rằng: "Dạ, bẩm quan lớn, tôi là Tư Hoành, tôi họ Nguyễn chớ".

Quan Án cười gằn rồi nói rằng: "Mi còn chối nữa há? Để ta hỏi chứng rồi mi sẽ hay. Đội Kỳ đâu? Ra nhìn thử coi thằng này có quả là Lê Văn Đó hay không".

Phạm Kỳ bước ra chỉ mặt người mang gông mà nói rằng: "Lê Văn Đó là mi chớ ai? Còn chối gì nữa?". Phạm Kỳ vừa nói mấy lời, bỗng thấy ông Thiên Hộ ló mặt vô cửa mà dòm. Anh đã sợ ông Thiên Hộ lên tỉnh mà cáo về vụ anh ta bắt Ánh Nguyệt, bởi vậy thấy mặt ông Thiên Hộ thì anh ta biến sắc, lật đật cúi đầu mà chào, rồi bước vô bẩm nhỏ nhỏ việc chi với quan Án, không rõ được.

Quan Án ngồi thẳng mà nói rằng: "Có ông Thiên Hộ lên đó hay sao? Mời ông vào, đi mời ông vào uống nước chớ".

Ông Thiên Hộ thụt đầu ra đứng núp cánh cửa. Phạm Kỳ bước ra thưa rằng quan Án cho mời ông, vừa nói vừa nắm tay ông mà kéo vô. Ông Thiên Hộ lấy làm bối rối, song cùng thế ông không chối từ được, nên bất đắc dĩ ông phải theo Phạm Kỳ mà bước vô.

Quan Án đứng dậy chào hỏi, bộ coi niềm nở lắm. Quan Án cứ mời ông Thiên Hộ lên bộ ván giữa ngồi chung với ngài mà uống nước. Ông Thiên Hộ khiêm nhường không dám ngồi, xin cho ngồi nơi bộ ván bên tả đó mà thôi. Quan Án ép không được, cùn thế phải vừa theo ý ông song ngài hối lính hầu bưng bình nước với bộ chén đem qua mà mời ông giải khát.

Quan Án hỏi ông Thiên Hộ rằng:

– Ông lên tỉnh có việc chi?

– Bẩm quan lớn, tôi đi mua đồ vặt chút đỉnh, nhơn dịp ghé thăm quan lớn.

– À, ruộng ông năm nay lúa tốt hay không?

– Bẩm, tốt.

– Trúng mùa hoài, lúa ông biết làm việc gì cho hết.

– Bẩm, không hết.

– Nếu dùng không hết, để mục còn gì?

– Bẩm, không mục.

– Nếu không mục cũng ẩm chớ?

– Bẩm, không ẩm.

Quan lớn thì muốn nói chuyện, mà ông Thiên Hộ mắc ngó châm bẫm người mang gông đứng trước đó, bởi vậy ông trả lời cụt ngủn, làm cho quan Án buồn trí hết muốn hỏi nữa.

Ông Thiên Hộ nhìn phạm nhơn hình dạng mặt mày giống hệt mình ngày trước, ông lấy làm cảm xúc, nên trong lòng bâng khuâng ngoài mặt bợ ngợ, hết biết chuyện gì mà nói với quan Án nữa.

Quan Án hút thêm vài hơi thuốc rồi nói với ông Thiên Hộ rằng: "Tôi làm quan thuở nay mới xử một vụ nầy kỳ hơn hết. Phạm nhơn tên là Lê Văn Đó, mà nó cứ chối hoài". Ông Thiên Hộ đáp rằng:

– Không biết chừng người ta bắt lầm nó, chớ nó không phải tên đó.

– Không lầm được. Ông ngồi đó nghe chơi. Để tôi đối chứng cho ông coi.

Quan Án liền quay lại hỏi phạm nhơn rằng: "Mi khai tên mi là Tư Hoành, họ Nguyễn, phải hôn? Mi khai gian, tội mi còn nặng hơn nữa. Ta không thèm cãi với mi, ta để cho mấy người biết mi họ nhìn coi mi là Hoành hay là Đó rồi sẽ biết". Quan Án nói dứt lời rồi liếc ngó Phạm Kỳ.

Phạm Kỳ thấy ông Thiên Hộ không nhắc tới việc Ánh Nguyệt, thì hết lo sợ nữa, nên xốc ra rất mạnh mẽ mà nói với phạm nhơn rằng: "Để ta nói gốc tích của mi cho mi nghe. Mi tên là Lê Văn Đó, gốc ở huyện Tân Hòa. Hồi nhỏ mi ăn trộm một trả cháo heo, bị án 5 năm tù. Ta dẫn mi lên rừng đốn củi, mi trốn nên bị chồng án thêm 5 năm, cộng là 10 năm. Sau mi trốn một lần nữa, bị bắt và chồng án thêm 10 năm nữa, cộng là 20 năm. Khi mi mãn tù rồi, quan thả cho mi về xứ, mi vào một cảnh chùa nào đó, ta không nhớ, mi ăn cắp đồ của chùa, rồi mi lại giựt một nồi cơm của hai vợ chồng tên ăn mày nào đó nữa. Quan có tập nả bắt mi, mà tìm không gặp, rồi kế có giặc nên không ai lo kiếm mi nữa. Sự tích của mi ta biết rõ hết, mi chối không được đâu".

Trong lúc Phạm Kỳ nói thì phạm nhơn đứng bơ bơ, nhướng mắt há miệng mà nghe, rồi lại chúm chím cười, không cãi lẽ chi hết.

Phạm Kỳ nói tiếp rằng: "Hồi mi ở trong khám, ta dẫn mi đi làm công việc mỗi ngày, lẽ nào ta quên mi được hay sao mà mi chối. Mi phải lạy quan lớn mà thú thiệt đi, hoặc may quan lớn dung chế cho chút đỉnh mà nhờ".

Phạm nhơn cười ngỏn ngoẻn, ngó Phạm Kỳ rồi ngó quan Án, song không nói tiếng chi hết.

Phạm Kỳ nổi giận đưa tay muốn đánh. Quan Án nói rằng: "Mặc kệ nó, đánh nó làm gì. Để đối chứng xong rồi, mà nó còn chối nữa, thì sẽ hành hình nó". Phạm Kỳ nghe nói như vậy thì không đánh, song thì tay nắm cánh tay phạm nhơn mà dật hai ba cái rồi nạt rằng: "Mi chịu mi là Lê Văn Đó chưa, hử? Còn chối nữa hay thôi?"

Phạm nhơn không buồn, mà cũng không sợ chi hết, đứng ngó giáo giác rồi nói rằng: "Lê Văn Đó gì đâu?... Ai biết... Ta nói ta tên là Hoành mà".

Quan Án cười ngất rồi nói rằng: "Thằng tê khôn quá! Nó làm bộ điên khùng đặng khỏi tội. Mi điên chớ ta có điên bao giờ đâu. Mấy tên tội nhơn đâu, bây ra từng đứa mà nhìn thử coi".

Ba tên tội nhơn đứng bên phía tay mặt ứng tiếng lên dạ một lượt. Tên Thà bước ra trước thưa rằng: "Bẩm quan lớn, thằng này là thằng Đó chớ gì, nó ngủ chung một sập với tôi năm sáu năm trường tôi quên nó sao được".

Tên Tánh bước ra nữa mà thưa rằng: "Bẩm quan lớn, nó là thằng Đó. Nẩy giờ tôi nhìn kỹ rồi, nó làm bộ khật khùng đặng chối cho dễ, mà nó làm bộ với ai kia, chớ mấy anh em tôi ở chung một khám với nó, nó làm bộ lạ sao cho được".

Tên Lãnh bước tiếp ra nữa, rồi lại gần nắm tay phạm nhơn mà nói rằng: "Đó, mày thú thiệt đi còn chối chi nữa, mầy. Mầy chối bây giờ mầy khỏi hay sao? Chịu đi".

Phạm nhơn đứng ngó 3 người ấy trân trân một hồi rồi nói rằng: "Chịu giống gì?... Ai biết Đó gì đâu?... Ta nói ta là Tư Hoành mà... Ta ở Rạch Kiến biết hôn, Rạch Kiến chỗ cô ta ở đó: hôm trước ta đi phát về, đi ngang qua vườn người đó, ta thấy trái mãn cầu chín ta leo vô hái ăn chơi. Họ bắt họ đánh ta dữ. Nhà đó là nhà tên Đó hay sao?"

Phạm Kỳ trợn mắt nạt rằng: "Đừng nói bậy! Tên Đó là mầy đây nè!"

Phạm nhơn cứ cười ngỏn ngoẻn, mà cũng không chối cãi.

Quan Án tằng hắng rồi phán rằng: "Thôi, đủ bằng cớ rồi, nó chối mặc kệ nó. Ta cứ chiếu luật triều đình mà lên án. Lê Văn Đó, ta nói cho mi biết, vì mi phạm tội ăn trộm đã bị án 20 năm, khi mãn tù mi tái phạm, ăn cắp của chùa, giựt của ăn mày thì tội mi phải đày chung thân. Nay mi còn ăn trộm một trái mãn cầu của người ta mà ăn nữa, vậy ta xử tội mi phải bị án trảm giam hậu. Lính đâu, bây dẫn nó xuống khám đi, đợi triều đình phê án rồi sẽ giải nó vô Hà Tiên".

Hơn mười tên lính dạ rân rồi áp ra dẫn phạm nhơn đi.

Ông Thiên Hộ đi lên tỉnh, trong trí tính lên dọ coi quan kêu án người thế tội cho mình đó thế nào, chớ không phải quyết lên coi xử; chẳng dè lên tỉnh lại gặp quan đương xử, muốn bỏ đi ra, lại đi không đành, muốn lẹn mà coi, lại bị quan Án mời vô. Ông ngồi coi xử, ông

thấy phạm nhơn khùng khiệu lòng thì ngay, mà trí thì tối, nên không biết lời lẽ mà đối đáp với người ta, thì ông lấy làm cảm xúc bồi hồi. Khi ở nhà ông đã quyết liều một người đặng cứu ngàn người, mà đến đây ông thấy mặt kẻ chịu oan thì ông thương tâm, nên ngồi coi mà mặt mày tái mét, cứ hỏi trong trí rằng: có nên để cho người khùng này chịu án oan, đặng mình an hưởng phú quý hay không? Đến chừng ông nghe quan Án định án trảm giam hậu người khùng ấy, rồi lính áp lại dẫn đi, thì ông cảm động quá, dằn trí không được nữa, nên ông đứng dậy đưa tay mà nói lớn lên rằng: "Khoan! Lính khoan dẫn người đó. Oan cho người ta lắm. Thiệt Lê Văn Đó là tôi đây, chớ không phải người ấy đâu". Ông lại day vô mà bẩm với quan Án rằng: "Bẩm quan lớn, Phạm Kỳ với mấy tội nhơn đều nhìn lầm hết thảy. Xin quan lớn làm án lại mà tha người ấy, chớ xử như vậy thì oan ức người ta, tội nghiệp lắm".

Quan Án, Phạm Kỳ cùng quân lính ai nấy đều chưng hửng, cứ nhìn nhau trân trân. Còn ông Thiên Hộ nói dứt lời rồi, ông liền xá quan Án mà đi ra. Ông ra khỏi dinh quan Án, thì mặt trời đã lặn mất rồi. Ông xâm xâm đi riết xuống mé sông, xăn áo nhảy xuống xuồng rồi hối sáu Tâm bơi đi về cho mau.

Khi ông Thiên Hộ đi rồi, quan Án mới tỉnh ngộ. Ngài dạy Phạm Kỳ phải giữ phạm nhơn là Tư Hoành tại đó, để ngài qua báo sự này cho quan Tổng đốc hay coi quan Tổng đốc định đạt lẽ nào. Ngài đi một hồi lâu rồi ngài trở về, day quan Kinh lịch làm án Tư Hoành một năm tù. Người lại viết tờ sai lính đi đòi Tri huyện Bình Dương là Từ Hải Yến đến hầu lập tức.

Từ Hải Yến thọ đậu cử nhơn hồi năm Tân Mão, mà đến năm Đinh Dậu mới được bổ đi ngồi Tri huyện Bình Dương. Khi được tờ của quan Án đòi thì Hải Yến tức tốc đến hầu liền. Quan Án dạy Tri huyện Từ Hải Yến với suất đội Phạm Kỳ phải hiệp nhau đi xuống Cần Đước bắt cho được Lê Văn Đó mà giải nạp.

*

* *

Trời mưa rỉ rả, gió thổi lao rao. Ông Thiên Hộ ngồi trong xuồng cho sáu Tâm bơi về, trong trí ông mắc lo tính nên quên che dù, bởi vậy đầu cổ áo quần bị mưa ướt loi ngoi lót ngót.

Gần hết canh một, xuồng về tới xóm ghé hồi trưa. Sáu Tâm vừa muốn bơi vô đặng trả xuồng cho người ta rồi sang qua ghe mình mà về, ông Thiên Hộ cản không cho ghé, biểu bơi riết đưa ông về tới nhà rồi sẽ trở lên trả xuồng và đổi ghe.

Mưa đã dứt hột, trăng đã ló mọc nhưng vì bị mây áng nên không tỏ. Ông Thiên Hộ ngồi cứ ngó ngay trước mũi xuồng không nói chuyện vãn chi hết, chỉ lâu lâu ông thôi thúc sáu Tâm bơi cho mau mà thôi.

Vừa bước qua đầu canh ba, thì xuồng ông đã về tới bến. Trong mấy tòa nhà của ông, đâu đó đều im lìm ngủ hết. Ông bước lên bờ rồi lầm lủi đi vô nhà. Khi ông bước tới cửa, Bạch Thị nghe động đất thì lên tiếng hỏi coi ai đó. Ông đánh tiếng lên. Bạch Thị biết tiếng ông, nên lật đật bước ra mở cửa. Bạch Thị thấy quần áo ông ướt loi ngoi, thì lấy làm kỳ, nên trở vô lấy một bộ áo quần khô cho ông thay.

Ông không kể áo quần, lại hỏi Bạch Thị rằng:

– Ngày nay con Ánh Nguyệt ở nhà bịnh nó có bớt được chút đỉnh gì hay không?

– Thưa, coi bộ nó không bớt. Từ hồi trưa cho đến tối, nó mê sảng nói xàm hoài. Nó cứ theo hỏi ông đi đâu, rồi một lát nó năn nỉ xin đi rước giùm con nó, tôi với ông thầy thuốc không biết làm sao mà trả lời, nên phải nói dối rằng ông đã đi rước con nó rồi, mai mốt ông mới về. Nó nghe như vậy thì bộ nó mừng lắm, nó theo căn dặn hễ ông rước con nó về tới thì dắc liền con nó xuống nhà nuôi bịnh đặng nó thấy mặt con nó cho mau. Nó nói hễ nó thấy mặt con nó thì nó mạnh liền.

– Vậy chớ ông sáu Thới chưa về hay sao?

– Thưa, chưa.

– Ông đi từ hồi trưa hôm qua...

Ông Thiên Hộ nói có nửa câu, rồi ông châu mày ủ mặt, ông đứng suy nghĩ một giây lâu rồi mới nói tiếp rằng: “Thôi, thiếm đi nghỉ đi. Để cửa đó cho tôi”.

Bạch Thị vưng lời vào buồng riêng ngủ.

Ông Thiên Hộ chong đèn, ngồi trên ván ngó ra cửa, không nói chi hết, mà nước mắt chảy ròng ròng. Công phu mười năm nay gây nên sự nghiệp này, té ra không ích chi hết! Thân mình trở vô

chốn lao tù, dầu cực khổ chẳng sá chi, ngặt vì bầy con nít mồ côi đây, từ rày còn ai mà dưỡng nuôi dạy dỗ chúng nó? Những người già cả bịnh hoạn có chỗ đâu nữa mà nương nhờ? Sấp tá điền thiệt thà còn ở đây được nữa mà cày cấy nuôi cha mẹ vợ con, hay là phải bị đuổi đi tứ tán rồi chịu nghèo nàn đói rách? Còn thân con Ánh Nguyệt biết làm sao đây? Mình đã quyết cứu nó đặng chuộc tội, vì mình mà nó phải nhơ danh xủ tiết, vậy mà biết có cứu nó được hay không? Mình đã hứa chuộc con nó đem về trả cho nó, mà bây giờ ông sáu Thới chưa về tới, còn quan trên chắc họ đã sai người xuống bắt mình, ví như một chút nữa đây họ tới họ bắt thì mình làm sao?

Ông ngồi lo tới tính lui, suy đi xét lại, song ông chẳng hề ăn năn sự ông ra chịu thiệt đặng cứu Tư Hoành bao giờ. Ông lo tính một hồi rồi ông đứng dậy cầm đèn đi vô buồng. Ông để cái đèn trên ghế, dựa bên bình trà với bộ chén. Ông vừa thấy vật ấy thì ông sực nhớ tới Hòa thượng Chánh Tâm, mà chừng nhớ tới Hòa thượng Chánh Tâm thì ông lại nhớ tới những lời từ bi của ngài giảng dạy. Các vật ở dương thế này đều là tro bụi, kiếp sống mấy mươi năm đây ví như giấc chiêm bao. Mấy năm nay Trời Phật khiến mình phải cứu giúp chúng sanh, nên mình làm. Ngày hôm nay Trời Phật muốn cho mình phải lao khổ đặng trả cho tròn nợ cũ, thì mình chịu, có chi đâu mà mình lo buồn. Nếu mình còn buồn, té ra mình chưa thoát khỏi Tam chướng, vậy thì Hòa thượng giảng dạy mình ngày trước có bổ ích chi đâu. Thôi, còn cũng vậy, mà mất cũng vậy, sướng cũng vậy, mà cực cũng vậy, còn cứu giúp thiên hạ được nữa cũng nhờ Phật Trời mà không cứu giúp thiên hạ được nữa cũng tại Phật Trời, kiếp trần ai này dầu thế nào cũng được, miễn là mình toàn vẹn phần làm người thì thôi.

Ông suy nghĩ như vậy rồi ông hết buồn hết lo, mặt mày coi thơ thới, chứ không ủ dột như hồi nãy nữa. Ông lần bước đi ra đứng tại cửa mà ngó ra sân. Mây dăng đen kịt hồi hôm, bây giờ đã tan rã hết, nên bầu trời trắng trong, trăng lu lu lờ lờ hồi hôm, bây giờ đã tỏ rạng, nên dọi cây cỏ sáng trưng.

Ông đứng nhắm cảnh vật một hồi, chẳng hiểu ông suy nghĩ thế nào, mà ông lại xâm xâm đi ra nhà sau, kiếm lấy một cái cuốc rồi xách đem đi vô buồng. Ông rinh cái giường ông ngủ đem ra xa tấm vách chỗ đầu nằm, rồi ông mới lấy cuốc mà cuốc đất. Ông cuốc năm bảy cái, thì thấy lói lên hai cái ché. Ông bỏ cuốc, lấy tay hốt đất

và moi riết rồi bưng hai cái ché đem lên. Ông dở nắp ché, thì thấy hai cái đều đựng bạc nén, cái nào cũng gần đầy. Ông bước lại ghế lấy bộ chén chung bỏ thêm vô một ché, và lấy cái bình tích bỏ vô cái ché kia nữa, rồi đậy nắp lấy dây ràng lại cứng ngắt.

Trống ngoài đồn đã trở canh năm. Ông để hai ché bạc tại đó, ông đi xuống bến mà thăm chừng. Chiếc xuồng ông về hồi nãy đã đi đâu mất rồi, chắc là sáu Tâm bơi đi trả đặng lấy ghe đem về. Gần đó may có một chiếc ghe lường, đã có sẵn chèo sẵn sào, lại không có đứa nào ngủ mà giữ. Ông thấy vậy lấy làm mừng, ông liền trở vô nhà. Ông khỏa đất lấp cái lỗ ông mới đào hồi nãy đó lại, ông lấy gót chơn mà nện dẻ dặc, rồi ông nhấc cái giường để lại y như cũ. Các việc xong rồi, ông mới kê vai vác từng ché bạc mà đem xuống ghe. Ông vác hai lần thì rồi, mà không ai thấy hết.

Tuy ông nhỗ sào gay chèo êm ái, không ai hay, nhưng mà trước khi xô ghe ra, ông đứng ngó quanh quất, ông lóng tai nghe tứ hướng, thấy đâu đó đều im lìm, rồi ông mới cất mái chèo mà chèo. Ghe ra tới sông lớn, ông cạy mà đi xuống phía dưới rừng sát. Ông chèo cho tới sáng bét, gặp một cái vàm rạch nhỏ, mà hai bên vàm có hai cây đước lớn, ông bèn quày ghe vô vàm. Rạch thì quanh co khó đi, mà hai bên mé lại vẹt, cóc, bần mọc xen lộn với nhau, nhánh giai du, lá rạp rợp, bởi vậy ghe chèo trong rạch mà cũng như chun trong hang.

Ông chèo không được nữa, nên phải buông chèo lấy sào mà chống. Ông chống quanh qua, quẹo lại, đếm đủ 5 khúc rồi, ông mới chúi mũi vô cái doi bên tay mặt. Ông cắm sào, nhảy lên rừng, vẹt ô rô cóc kèn mà đi. Ông vừa đi vừa đếm đủ 50 bước, rồi ông đứng mà ngó tứ hướng. Phía nào vẹt, cóc cũng mọc dày, cây nào cũng coi sum sê.

Ông nhắm nhía một hồi rồi trở xuống ghe vác một ché bạc và xách cái cuốc đem lên chỗ đó. Ông lấy cuốc đào một lỗ rất sâu, bưng ché bạc mà để xuống đó, rồi mới lấp đất khỏa mặt bằng phẳng. Ông nhắm ngay trước mặt đi mười bước nữa, rồi đào một cái lỗ khác cũng như cái lỗ hồi nãy. Lỗ đào xong rồi, ông liền trở xuống ghe vác ché bạc thứ nhì đem lên mà chôn nữa.

Ông đứng nhắm tứ hướng, coi bộ như ông nhìn mấy cây chung quanh đó, rồi ông mới vác cuốc trở xuống ghe. Ông chống trở ra vàm mà về. Ông về tới nhà thì mặt trời cao đã quá nửa buổi.

*

* *

Ông Thiên Hộ đi giấu bạc trở về, vừa bước vô nhà thì kêu Bạch Thị mà hỏi rằng:

– Ở nhà có ai đến hỏi thăm tôi hay không?

– Thưa, không.

– Từ sớm mơi cho tới bây giờ, coi bộ con Ánh Nguyệt có bớt chút nào hay không?

– Thưa nó cũng vậy. Nó mới hỏi ông về chưa. Tôi nói dối chưa về.

– Ông sáu Thới về hay chưa?

– Thưa, chưa thấy.

– Đi sao mà lâu quá!

Ông Thiên Hộ châu mày nhăn mặt, rồi xây lưng đi riết xuống nhà dưỡng bịnh. Bữa ấy trong nhà dưỡng bịnh duy có một mình Ánh Nguyệt mà thôi; lương y Sanh mắc đi coi mạch cho một người tá điền ở trong ngọn, còn Hồng Thị thì mắc săn sóc cho sắp nhỏ mồ côi. Ông bước vô, thấy Ánh Nguyệt nằm quay mặt ra cửa, hình vóc ốm leo nhách, mặt mày nóng đỏ au, môi miệng khô queo. Ông đi nhẹ nhẹ lại gần, ông lấy tay rờ trán nàng. Ánh Nguyệt nhướng mắt ngó thấy ông, vùng ngồi dậy hỏi rằng: Ông mới về phải hôn? Đâu? Con nhỏ tôi đâu?

Ông Thiên Hộ lấy làm bối rối, không biết lời chi mà đáp. Ánh Nguyệt thấy ông làm lơ, nàng bèn chấp tay xá ông và khóc và nói rằng: "Tội nghiệp cháu lắm ông ôi! Xin ông làm phước cho cháu thấy mặt con cháu một chút, rồi chết cũng mát ruột".

Ông Thiên Hộ ứa nước mắt mà đáp rằng:

– Con nhỏ còn đi sau, nó chưa về tới.

– Nó đi với ai? Sao ông không cho nó đi với ông một lượt?

– Nó đi ghe khác với ông sáu Thới.

– Té ra ông đi với ông sáu Thới mà rước nó hay sao?

– Ừ.

– Ghe của ông sáu Thới chừng nào về mới tới?

– Cháu nằm xuống mà nghỉ đi, trưa hoặc chiều ghe mới tới.

– Lâu quá!

Ánh Nguyệt khóc, nước mắt nước mũi chàm ngoàm. Nàng ráng chống tay nằm xuống rồi nói rằng: "Hễ con nhỏ của cháu về tới, ông làm phước dắc nó vô đây cho cháu thấy mặt nó liền, nghe hôn ông". Ông Thiên Hộ gật đầu. Bạch Thị ở ngoài bước vô nói nhỏ với ông Thiên Hộ ít tiếng, không biết nói chuyện chi. Ông Thiên Hộ quày quả trở ra, rồi đi thẳng lên nhà. Ông vô cửa thấy ông sáu Thới đứng chờ lại ở đó, ông liền hỏi rằng:

– Con nhỏ đâu?

– Thưa, rước không được.

– Húy! Sao vậy?

– Vợ chồng thằng Đỗ Cẩm khốn nạn lắm. Năm ngoái tôi lên nói chuyện con Ánh Nguyệt nghèo khổ, tôi xin vợ chồng nó làm phước cho tôi rước, chừng nào con Ánh Nguyệt làm ăn khá thì sẽ đem tiền lên mà hườn công nuôi dưỡng cho nó. Vợ chồng nó không chịu buộc phải đem ít nửa là năm bảy quan mà chuộc. Bây giờ tôi đem 7 quan, nó thấy có tiền nó lại làm khó: nó nói có lời giao nuôi con nhỏ mỗi tháng một quan. Nó nuôi 27 tháng, tính tiền cơm là 27 quan. Còn con nhỏ đau mấy trận, chạy thuốc hết 10 quan, và may áo quần cho con nhỏ hết 10 quan nữa, cộng hết các hạng là 47 quan. Phải đủ 47 quan nó mới cho rước con nhỏ. Túng thế tôi trao hết 10 quan tiền mà năn nỉ với nó. Nó lấy 10 quan tiền rồi mà cũng không cho bắt phải đem thêm 37 quan nữa mới được. Quân ác nghiệt mà lại trận thương quá! Tôi năn nỉ hết sức mà cũng không được. Tôi sợ ông trông, nên lật đật trở về cho ông hay.

– Nó thêm 37 quan thì đem đủ mà trả cho nó, chớ hại gì. Ngặt con Ánh Nguyệt bịnh nặng nó theo đòi con nó hoài biết làm sao mà nói với nó bây giờ? Tôi sợ nó chết gấp, không thấy mặt con nó được.

Ông sáu Thới nghe nói như vậy thì chảy nước mắt. Ông Thiên Hộ kêu Bạch Thị biểu lấy 37 quan tiền mà trao cho ông sáu Thới. Ông nói rồi thì ông đứng suy nghĩ giây lâu rồi nói tiếp với ông sáu Thới rằng:

– Ông đem đủ số tiền mà chuộc con nhỏ. Chừng ông rước nó về tới đây, như ông nghe mẹ nó còn sống thì ông cho mẹ con nó gặp nhau, song ông cũng bao bọc giùm cho mẹ con nó. Còn như ông trở về đây mà rủi con Ánh Nguyệt có chết rồi, thì ông đem con nhỏ về nhà

ông nuôi dưỡng giùm cho tôi. Hồi trước tôi cứu ông khỏi chết chìm, ông nói ông không biết làm sao mà đền ơn cho tôi. Ông bao bọc giùm con nhỏ đó, là ông đền ơn cho tôi. Vậy xin ông phải gắng công giùm.

– Thưa ông, bao bọc mẹ con con Ánh Nguyệt thì tôi phải lo tự nhiên, làm như vậy có can hệ gì đến ông mà ông nói rằng tôi trả ơn cho ông. Mà việc đó để tôi về tới đây rồi sẽ tính, cần gì ông phải dặn trước.

– Tôi sợ chừng ông về tới đây, ông không gặp tôi nữa.

– Sao lại không gặp? Ông tính đi đâu hay sao?

– Ừ.

– Ông có đi thì trong ít bữa rồi ông cũng về chớ.

– Không biết chừng tôi lâu về lắm. Trong lúc không có tôi, ông phải lo bao bọc giùm mẹ con con Ánh Nguyệt cho tôi.

– Dạ, tôi vưng. Mà bây giờ ông cho phép tôi thăm con Ánh Nguyệt một chút, được hay không?

– Húy! Không được.

– Sao vậy?

– Hồi nảy tôi có nói dối với nó rằng trưa chiều gì đây ông sẽ rước con Thu Vân về tới. Nếu nó thấy ông, mà không có con nó, tôi sợ nó buồn rầu rồi làm xung, thuốc đâu mà cứu nó cho kịp.

– Hổm nay nó đau mà tôi không thấy mặt nó, tôi buồn quá. Xin ông cho tôi thăm nó một chút mà thôi. Không có sao đâu mà ông sợ. Việc thiệt cứ nói thiệt với nó, thà là làm cho nó để ý trông thêm đôi ba ngày nữa, đặng lương y thừa dịp ấy mà điều trị cho nó, chớ nói trưa chiều sẽ có con nó, mà nó không thấy rồi nó rầu, sợ e nó chết gấp còn gì.

– Ông nói nghe cũng có lý. Vậy thôi, như ông muốn nói thiệt với nó thì ông đi theo tôi.

Hai người dắc nhau đi xuống nhà nuôi bịnh. Khi bước ra khỏi cửa, ông Thiên Hộ thấy Bạch Thị đương đếm 37 quan tiền đặng có giao cho ông sáu Thới, thì ông đứng lại châu mày rồi nói rằng: "Thiếm vô lấy thêm cho đủ một trăm quan cho ổng. Thiếm chồng cho sẵn tại đây, rồi một lát nữa ổng trở lên ổng vác". Ông Thiên Hộ lại đay lại mà nói với ông sáu Thới rằng:

– Ông lấy một trăm quan tiền này đem về nhà mà cất. Ông đem 37 quan mà chuộc con Thu Vân, còn lại bao nhiêu thì ông để dành mà nuôi mẹ con nó.

– Thưa ông, nội 37 quan thì đủ. Như ông muốn cho mẹ con nó bao nhiêu thì chừng con Ánh Nguyệt mạnh rồi ông sẽ cho nó, chớ ông đưa cho tôi làm chi.

– Ông cứ việc cất đi, đừng ngại chi hết. Ông thăm nó một chút rồi trở lên vác tiền xuống ghe mà đi liền đi. Nếu ông về mau, thì có lẽ ông còn gặp tôi.

Hai người nói với nhau có bao nhiêu đó thì đã vô tới cửa nhà nuôi bịnh. Ánh Nguyệt dòm thấy ông sáu Thới thì nàng chống tay ngồi dậy và cười và nói rằng: "Con tôi về tới rồi, may lắm. Con ôi! Má đây con; Má trông con quá". Nàng nói tia lia mà cặp mắt lại liếc dòm ngoài sân, vì nàng tưởng ông sáu Thới đi vô trước, còn con Thu Vân còn đứng ngoài. Ông Thiên Hộ lấy làm đau đớn trong lòng, nên ông xây mặt chỗ khác, không dám ngó Ánh Nguyệt.

Ông sáu Thới thấy Ánh Nguyệt ốm teo, thì ông khóc ròng và bậu bạo nói rằng: "Cháu ôi! Vợ chồng thằng Đỗ Cẩm khốn nạn lắm. Hồi trước nó đòi 7 quan, ông đem tới 10 quan lên ông chuộc con Thu Vân; nó lấy tiền rồi, nó làm trận làm thượng đòi thêm 37 quan nữa nó mới cho rước con Thu Vân. Ông phải trở về đây mà cho ông Thiên Hộ hay. Ông Thiên Hộ mới đưa tiền cho ông rồi, một lát đây ông đem lên đủ số mà chồng cho nó. Vậy cháu phải rán mà uống thuốc. Ông hứa chắc chiều mai ông sẽ đem con Thu Vân về tới đây cho cháu".

Ánh Nguyệt ngồi ngó sững ông sáu Thới mà nước mắt chảy ròng ròng. Nàng lắc đầu nói rằng: "Ông cũng nói gạt cháu nữa! Ai cũng nói gạt cháu hết thảy! Tội nghiệp cháu lắm mà! Hồi nãy cháu nằm chiêm bao thấy con Thu Vân về tới rồi, nó chơi với sấp nhỏ ngoài sân, mà cháu kêu nó không chịu vô. Ông nói gạt cháu chi vậy ông? Ông làm phước ra kêu nó vô cho cháu thấy mặt nó một chút mà".

Ông sáu Thới lắc đầu đáp rằng: "Ông nói gạt cháu làm chi. Nếu ông rước được nó về tới, thì ông dắc nó vô cho mẹ con gặp nhau, chớ sao lại bắt nó ở ngoài sân. Cháu phải nghe lời ông, cháu nằm xuống mà nghỉ. Bây giờ ông có đủ số tiền rồi, để ông trở lên Vủng Gù trả cho Đỗ Cẩm rồi rước nó mới được".

Lúc ấy sấp nhỏ mồ côi đương chơi ngoài sân cười giỡn om sòm. Ánh Nguyệt ngồi im lìm, lóng tai mà nghe, rồi quay qua bên

ông Thiên Hộ và nói rằng: "Thưa ông, tội nghiệp cháu lắm mà! Cháu nghe tiếng con Thu Vân cười ngoài sân kia, ông giấu cháu chi vậy? Ông làm phước kêu giùm nó vô cho cháu thấy mặt một chút mà. Hễ cháu gặp mặt được con cháu thì cháu mạnh liền...".

Ông Thiên Hộ vừa bước lại gần Ánh Nguyệt mà khuyên dỗ, thì thấy có bóng hai người bước vô cửa. Ông lật đật quay lại thì thấy có một người trai, y phục đoan trang, vô trước, còn Suất đội Phạm Kỳ nối gót theo sau. Ông biến sắc, đứng khựng dựa bên giường Ánh Nguyệt và trợn mắt hỏi rằng: "Đi đâu?".

Người trai ấy xốc tới nói rằng: "Ta là quan Tri huyện Bình Dương, vưng lịnh quan Án đến bắt mi. Mi phải đưa tay chịu trói cho mau". Ông Thiên Hộ nạt rằng: "Đi ra ngoài, chờ một chút nữa không được hay sao!".

Ánh Nguyệt ngó sững Từ Hải Yến rồi vùng bước một chơn xuống đất, chờn vờn hai tay, và la lớn rằng: "Hải Yến! Mi tới đây làm gì? Mi làm Tri huyện rồi há! Mi là quân vô tình vô nghĩa, làm cho nhơ danh xủ tiết ta, làm cho mẹ con ta cực khổ trôi nổi mấy năm nay, mi làm Tri huyện mặc kệ mi, ta chết mặc kệ ta, mi còn thấy mặt ta chi nữa? Mi là đồ khốn kiếp".

Từ Hải Yến nhìn biết Ánh Nguyệt thì biến sắc, nên vội vã bước lui lại một bước, rồi hô lớn rằng: "Ông Đội, bắt Lê Văn Đó dẫn về đồn đi".

Phạm Kỳ xốc tới mà nắm cổ ông Thiên Hộ mà kéo. Ông sáu Thới không hiểu chuyện gì, thấy Ánh Nguyệt dám mắng Tri huyện rồi lại thấy ông Đội dám nắm cổ ông Thiên Hộ, bởi vậy ông kinh hãi, lật đật rút vô một góc đứng run lập cập. Ánh Nguyệt đương giận Hải Yến, mà Hải Yến xui Phạm Kỳ bắt ông Thiên Hộ nữa, thì nàng càng thêm giận, nàng mở miệng mà mắng, song nghẹn cổ nói không ra tiếng, nàng đưa tay mà cản, song tay run dở không nổi, bởi vậy nàng ú ớ chờn vờn, rồi té ngửa, đít ngồi dưới đất, đầu ngẻo trên giường, cặp mắt lộn thinh, miệng sôi bọt mồm bọt miếng.

Lúc Phạm Kỳ nắm cổ ông Thiên Hộ mà kéo thì ông Thiên Hộ đứng chỏi lại, song ông không dùng tay mà cản. Đến chừng ông thấy Ánh Nguyệt té xỉu, ông dửng râu, xững tóc chuyển tay mặt mà gạt ngang một cái mạnh quá, Phạm Kỳ văng ra xa lắc. Ông trợn mắt ngó Hải Yến với Phạm Kỳ lườm lườm và nạt rằng: "Quân bây là quân khốn nạn! Bây giết con Ánh Nguyệt đó, thấy chưa? Đi ra ngoài".

Phạm Kỳ bị ông Thiên Hộ gạt trúng cánh tay đau quá, nên nổi giận, nhảy xốc tới muốn bắt nữa. Ông Thiên Hộ tràng qua, thấy có một cái chỏng trống gần đó, ông giựt súc một cái chỏng rồi cầm trong tay chỉ Phạm Kỳ mà nói rằng: "Thằng nào lại gần tao đánh nát đầu. Bây giết người ta rồi bây không thấy hay sao?".

Hải Yến thấy ông Thiên Hộ muốn làm dữ thì sợ, nên lật đật thối lui ra đứng tại cửa ngó. Phạm Kỳ vẫn biết sức Lê Văn Đó mạnh mẽ bằng hai ba người thường, nên cũng kiêng nể, và thối lui ra ngoài rồi kêu lớn rằng: "Lính đâu áp vô đây".

Ông Thiên Hộ cầm cây đứng ngó lườm lườm, thấy lối 10 tên lính áp lại, song cũng đứng sau lưng Phạm Kỳ với Hải Yến, chớ không dám vô cửa. Ông bèn đi lại chỗ Ánh Nguyệt té ngồi đó, ông để khúc cây dưới đất, ông thò hai tay ẵm Ánh Nguyệt mà để nằm trên giường. Ánh Nguyệt trợn mắt lộn thinh, mặt mũi nước mắt chảy ước mem, tay chơn oặc hòa oặc oại, mà đã tắt hơi rồi. Ông Thiên Hộ chống hai tay trên thanh giường, cúi mặt ngay mặt Ánh Nguyệt, nước mắt chảy nhiều xuống mặt nàng. Ông nói lầm thầm một hồi lâu, không ai rõ ông nói chuyện gì. Ông vừa nói vừa khóc một hồi rồi ông đứng dậy, lấy tay trái mà vuốt mặt lên rồi ông mới ngó lên nóc nhà. Ánh Nguyệt nhắm mắt coi nằm như người ngủ.

Từ Hải Yến đứng ngó trân trân, mà mặt mày xanh như chàm.

Ông Thiên Hộ ngó quanh quất, thấy ông sáu Thới đứng trong góc, tay chơn run bẩy bẩy, thì chỉ mà nói rằng: "Mấy lời tôi dặn ông đó, xin ông đừng quên. Ông phải thế cho tôi mà nuôi giùm con nhỏ. Ánh Nguyệt chết rồi, vậy ông lên rước con nhỏ về thì để ở trên nhà ông đừng đem nó xuống đây". Ông nói dứt lời, ông cúi xuống ngó Ánh Nguyệt một lần chót, rồi xâm xâm đi lại cửa và nói với Hải Yến và Phạm Kỳ rằng: "Việc đã xong rồi. Bây giờ bắt buộc gì thì bắt đi".

Phạm Kỳ nắm tay ông Thiên Hộ rồi hai tên lính lấy dây trói lại mà dẫn đi. Hải Yến ở lại đó với 5 tên lính và dạy lính phải coi chừng chung quanh nhà, đừng cho ai vô ra và đừng cho ai chuyển vận vật gì.

Quan Án sát đã làm án Lê Văn Đó trảm giam hậu, còn sự sản hết thảy đều nhập kho. Khi Phạm Kỳ giải Lê Văn Đó lên tới tỉnh thì quan Án liền hạ ngục, chờ triều đình phê án rồi mới đày vô Hà Tiên.

Cách vài năm sau, ông đội Phạm Kỳ đi lên tỉnh về, ông nói lại với các nhà thân hào trong xứ Cần Đước rằng có tờ của quan Tổng đốc An Hòa chạy lên nói Lê Văn Đó bị đày ở Hà Tiên, hôm

tháng trước có một chiếc ghe bị sóng to gió lớn, nên chìm ở ngoài khơi, anh ta ngồi ghe nhẹ ra mà cứu vớt. Ghe của anh ta bị sóng nhận chìm luôn, nên anh ta cũng chết.

Ai nghe tin ấy cũng đều thương tiếc.

Quyển thứ sáu

ÂN TÌNH VẸN VẺ

Từ khi Lê Văn Đó nặng lời ước nguyện với Ánh Nguyệt trong lúc nàng gần tắt hơi, nên ông lập thế chuộc Thu Vân về mà nuôi, tuy ông đã nghe thấy tánh tình bạc bẽo của Từ Hải Yến, nhưng mà ông nghĩ nghĩa cha con là đạo trọng, nếu ông dứt cái nghĩa ấy chẳng những là tội nghiệp cho phận Thu Vân mà lại còn trái đạo trời, bởi vậy ông lần lựa nuôi Thu Vân lớn khôn, kiếm chỗ dạy Thu Vân ăn học, thầm tính sẽ liều thân mà làm cho phụ tử tương phùng, rồi ông kiếm nơi yên tịnh mà ẩn mình, đặng có vùi lấp cái kiếp phong trần cho rảnh.

Nay ông rõ Hải Yến quyền cao chức lớn, mặt mũi cũng như người, mà lòng dạ không giống người, trước đã phụ rảy vợ hiền, sau lại không biết thương con thảo, thì ông ngao ngán thói đời, ông dửng dưng phong tục. Bởi vậy lúc còn đứng trước mặt Hải Yến thì ông vừa mới phiền muộn mà thôi, mà đến chừng phải bỏ mà dắc Thu Vân ra đi thì trong lòng ông sụt sùi, ông càng nghĩ ông càng oán hận Hải Yến. Không phải tại ông nhớ ngày nọ Hải Yến bắt ông, hay là ông tức vì Ánh Nguyệt thấy Hải Yến nên nàng mới chết, mà bây giờ ông động lòng nên sanh oán hận. Ông oán đây là vì ông nghĩ Hải Yến là người học giỏi, học đã có khoa mục, lên ngồi cái địa vị cha mẹ dân, người dường ấy có lý nào lại không hiểu nghĩa can thường luân lý. Nếu Hải Yến mà bạc vợ phụ con, ấy là tại cái tâm tánh của anh ta là tâm tánh tiểu nhơn. Mà người tâm tánh như vậy, sao lại cho làm quan lớn cai trị đến một tỉnh. Vợ con chẳng biết thương thì làm sao mà biết thương chúng dân. Người nầy đã không nên cho sống lâu, mà cũng không nên cho làm quan. Sống thêm một ngày thì hại cho dân thêm một ngày, còn làm quan bao lớn thì hại cho dân cũng bao lớn.

Tuy lúc gần xuống ghe mà đi, ông Lê Văn Đó có hứa với Thu Vân

rằng ông đi qua miệt Vủng Gù, và tuy ông cũng biết Thu Vân trìu mến Thễ Phụng nên nàng muốn cho ông đi kiếm chàng, nhưng mà xuống ghe rồi ông thầm nghĩ rất đỗi là cha ruột kia còn không ra gì huống chi là chồng, trong đời ông biết chắc ông thương Thu Vân mà thôi, chớ ông không dám tin còn ai thương nàng nữa, bởi vậy ông đổi ý, ông không qua Vủng Gù, ông lại biểu ghe đưa ông trở về chùa Bình Ân Tự.

Cũng ở trong chùa này, mà lần trước Lê Văn Đó vì cái chữ nghĩa cao thượng còn Thu Vân thì vì tánh tình non nớt, nên ông cháu vui vẻ an phận trót mươi năm. Cũng trở về chùa này, mà hôm nay Lê Văn Đó ôm lòng oán hận, còn Thu Vân thì luốn bận tình riêng, bởi vậy ông cháu dầu dầu, ai thấy cũng biết thất tình thất chí. Từ sớm cho tới tối Lê Văn Đó cứ ở ngoài vườn kiếm việc mà làm hoài, ông không muốn chuyện với ai hết. Còn Thu Vân nấu nước cúng Phật rồi thì nàng xẩn bẩn trong bếp, khi ngồi khoanh tay trên ván ngó tấm vách lá tả tơi, khi đứng dựa vai vô cửa ngó mấy lùm cây rậm rợm.

Ông cháu đều buồn, mà có lẽ tại hiểu ý nhau, nên ông lánh mặt không muốn gặp cháu, mà cháu cũng xây lưng không dám ngó ông. Ông cháu ở trong chùa được vài tháng. Một buổi trưa kia Lê Văn Đó dẫy cỏ đã mệt rồi nên ngồi bẹp dưới gốc một cây đa lớn mà nghỉ mát. Thình lình ông thấy Thu Vân ở trong nhà bếp đi ra vườn, nàng đi chậm rãi, cúi mặt xuống đất chơn bước từng bước. Ông lén ngó châm bẫm mới thấy nàng hình dạng khô héo, mặt mày ưu sầu, cặp mắt sâu, gò má thõn, bộ như người đau mới mạnh vậy. Ông châu mày suy nghĩ một hồi rồi đứng dậy kêu nàng.

Thu Vân giựt mình, ngó lại thấy ông đứng dựa gốc cây đa thì nàng biến sắc. Ông đưa tay mà ngoắt nàng, bởi vậy nàng phải đi lại. Khi nàng đi gần tới, ông bèn ngồi xuống rồi thở ra mà hỏi rằng: "Tại sao mà cháu buồn dữ vậy?"

Nàng ứa nước mắt, song nàng vừa cười vừa đáp rằng:

– Cháu có buồn việc chi đâu.

– Trong đời này, chẳng còn ai thương cháu cho bằng ông được. Cháu có việc chi ức uất buồn rầu, sao cháu không nói cho ông biết? Cháu phải nói cho ông hiểu đặng ông lo liệu, chớ nếu cháu giấu ông, cháu để ôm ấp cái buồn trong lòng hoài, rồi cháu sinh bịnh ông biết làm sao?

Thu Vân ngồi xuống, rồi lượm một lá đa khô mà xé nhỏ nhỏ,

nàng lặng thinh không trả lời mà cái mặt nàng coi sầu thảm lắm. Lê Văn Đó cũng ngồi im lìm một hồi rồi ông mới hỏi nữa rằng:

– Cháu buồn về sự cha cháu phụ rảy cháu phải hôn?

– Không... Cháu có buồn về việc đó đâu. Chớ chi cha cháu nghèo hèn mà cháu không tìm cha cháu được thì cháu buồn, cái nầy cha cháu giàu sang mà cha cháu không thèm nhìn cháu, thì cháu vui lắm chớ buồn sao.

– Hay là tại ông thuật chuyện mẹ cháu gian nan hồi trước cho cháu hiểu, rồi cháu cảm thương thân phận của mẹ cháu mà cháu buồn?

– Thưa, hễ cháu nhớ tới chuyện của mẹ cháu, thì cháu thương mẹ cháu thiệt. Nhưng mà ngày nay mẹ cháu đã trả xong nợ trần ai rồi, dầu cháu có thương thì cháu kính trọng trong lòng vậy thôi, chớ phải buồn rồi mẹ cháu sống lại được cho cháu nuôi dưỡng hay sao mà buồn.

– Vậy chớ cháu buồn việc gì?

– Thưa, không có buồn việc chi hết.

– Hay là cháu không muốn ở trong chùa nữa? Cháu muốn đi phải hôn?

– Đi đâu bây giờ!

Ông hỏi nàng thì nàng nói xuôi, mà chừng nàng hỏi ông lại thì ông không biết sao mà trả lời. Ông ngồi ngẫm nghĩ giây lâu rồi đáp rằng:

– Như cháu muốn qua Vủng Gù thì ông dắc đi.

– Tự ý ông.

Nàng nói ba tiếng "tự ý ông", mà nàng châu mày ủ mặt, giọng nói nghe thảm thiết, hột lụy thấy rưng rưng. Ông nghe thấy vậy thì ông đã hiểu rõ ý nàng buồn là vì phân cách Thế Phụng, chớ không phải buồn việc chi khác.

Tự ý ông! Nếu thiệt nàng để tự ý ông liệu định, thì thà là ông giết nàng chết rồi ông tự vẫn mà chết luôn, chớ ông không đành gả nàng cho ai hết. Một máu một thịt là cha với con mà cha còn chẳng biết thương con, huống chi là khác giống khác dòng là vợ với chồng, chồng thương vợ nỗi gì mà ông gây cuộc vợ chồng cho nàng. Cũng vì cuộc vợ chồng mà mẹ nàng ngày trước phải dày gió dạn sương, phải trêu cay nuốt đắng. Bức tranh thê thảm còn treo trước

mắt sờ sờ, cái đường chông gai lẽ nào ông nỡ xui nàng xông pha vào đó. Nếu để tự ý ông liệu định, thì chắc là ông khuyên nàng lánh xa trần tục, khinh bỉ loài người, chớ tục bất lương lân cận càng nhuốc nhơ, người phi nghĩa chung chạ càng phiền não.

Ngặt vì miệng nói tự ý ông, mà lòng muốn theo ý nàng: lại lòng vì thương nàng nên ông không nỡ cãi, bởi vậy ông phải nhứt định dắc nàng qua Vủng Gù mà dò tin tức Thễ Phụng.

Lê Văn Đó gởi hết tài vật cho ông Hòa thượng rồi dắc Thu Vân ra đi. Nàng đã hết buồn mà ông biểu đi, coi bộ nàng lại phấn chấn lắm.

Ghe đi ngang qua chợ Bến Tranh nhằm lúc ban đêm, trời có trăng mà bị mây áng nên tứ phía coi lờ mờ. Vừa qua khỏi chợ, bỗng thấy dựa mé sông bên tay mặt đèn đuốc sáng lòa, người ta đương lao nhao lố nhố. Có hai tên lính, kêu ghe ghé lại rồi bắt hết những người dưới ghe mà dắc lên một cái nhà lớn dựa mé sông.

Lê Văn Đó dắc Thu Vân vô nhà, thấy có một người, tuổi chừng 50, đương ngồi tại bộ ván giữa, còn hai bên thì người ta đứng đông nức. Người ấy hỏi ông rằng:

– Ghe đi đâu mà đi đêm hôm vậy hữ?

– Tôi đi qua Vủng Gù.

– Chi vậy?

– Tôi dắc cháu qua bển thăm bà con.

– Không được, phải ở lại đây.

– Thưa cậu, tôi có việc gấp xin cậu làm phước thả cho tôi đi. Tôi có tội lỗi gì đâu mà cậu bắt tôi.

– Ê! Quan trên dạy ta hễ ai đi ngang qua đây thì bắt hết thảy. Cho mi đi sao đặng. Quan trên mộ lính mà dẹp giặc, dạy ta sáng mai nầy phải nạp cho đủ một trăm. Mi phải ở đây đặng ta dẫn đi nạp.

– Thưa cậu, mộ lính thì mộ người trai tráng chớ tôi già cả, cậu bắt tôi vậy thì tội nghiệp cho tôi lắm cậu.

– Ôi! Già trẻ cũng bắt hết thảy. Nếu kén trai tráng thì làm sao cho đủ số.

– Cậu bắt tôi đi lính, rồi con cháu tôi đây nó bơ vơ tội nghiệp nó lắm cậu.

– Nếu nó bơ vơ thì nó ở đây. Chừng nào yên giặc rồi mi trở lại đây mà rước nó.

– Tội nghiệp tôi lắm cậu.

– Thôi đừng có nói nhầy. Ở đó đặng khuya ta đi cấp.

Lê Văn Đó với Thu Vân ngó nhau mà khóc. Ông hỏi thăm người ta thì mới hay người bắt ông đây là Lý trưởng. Vì Đoàn Hùng dấy loạn trong phía rừng Bình Cách, quan Bố chánh Định Tường vưng lịnh quan Tổng đốc đem binh qua dẹp loạn. Mới giáp chiến một trận đầu, quan Bố chánh thua, binh hao gần phân nửa, nên ngài truyền lịnh cho các xã thôn phải chiêu binh mà cấp thêm cho ngài. Lê Văn Đó hỏi rồi mới hiểu người ta bắt ông đây là bắt làm binh lính đặng đi dẹp loạn Đoàn Hùng.

Ông liệu thế năn nỉ cũng không khỏi mà chống cự cũng không được, cùn đường ông phải chịu phép xin tạm gởi cháu ở lại nhà Lý trưởng, đặng rảnh chơn cho ông đi, Lý trưởng chịu cho, và kêu vợ biểu đem Thu Vân vô trong cho nàng nghỉ.

Đến khuya Lý trưởng điểm lính mà rồi dắc đi cấp cho quan Bố. Lê Văn Đó căn dặn Thu Vân phải ở đây mà chờ ông. Nàng lo sợ nên khóc dầm.

Lê Văn Đó vào ở trong đại trại 3 ngày mà không được thấy mặt quan Bố chánh Hải Yến. Qua bữa thứ tư, lối tảng sáng ông thấy binh lính lao nhao lố nhố trước trại một hồi, rồi một tốp đông chừng lối bốn năm trăm người, kéo nhau mà đi. Tốp đó đi rồi, người ta lại điểm những binh lính còn ở lại. Người ta lựa lính trai tráng mạnh mẽ mà gom trước cửa trại. Còn Lê Văn Đó với một tốp chừng lối năm sáu chục người toàn là lính già cả yếu đuối, thì người ta bỏ lại giữ trại. Cách một lát, Lê Văn Đó ngó thấy quan bố Từ Hải Yến, đầu bịt khăn đen, mình mặc áo rộng xanh, ở trong trại bước ra rồi leo lên kiệu mà ngồi, có một tên lính che một cây lọng đứng một bên cái kiệu.

Trống gióng 3 hồi rồi tốp lính trai tráng ấy, kẻ xách roi trường, người vác mát thong, kéo nhau mà đi trước, kiệu của quan Bố đi theo sau. Lê Văn Đó đứng trong trại mà ngó, miệng chúm chím cười, song không ai hiểu ông cười việc chi.

Mặt trời vừa xế bóng, Lê Văn Đó với mấy tên lính ở trong trại đương bàn luận với nhau về sự chinh chiến, bỗng nghe trong rừng phía bên tay mặt có trống dóng vang vầy, rồi lại nghe có tiếng hỏi. Cách chẳng bao lâu, rải rác có mấy tên quân hào hễn chạy về trại và la rằng: "Binh của mình đổ rồi. Thế giặc mạnh lắm! Chạy, chạy!"

Mấy mươi lính giữ trại đều biến sắc phân nửa bỏ mà chạy còn phân nửa lao xao trước cửa trại, song không chịu đào ty [1]. Lê Văn Đó tỉnh táo như thường, ai lộn xộn mặc ai, ông cứ đứng dựa cửa trại mà ngó. Thình lình ông thấy quan Bố chánh Hải Yến ở trong rừng chạy ra, đầu rớt mất khăn, tay ôm áo rộng, và nhắm hướng trại mà chạy về. Phía sau lưng ngài thì có một tốp người ở trần đưa lưng trụi tay cầm côn cầm mác rượt theo ngài và la hét om sòm.

Lê Văn Đó thấy rõ ràng quan Bố ra khỏi rừng chưa bao xa, kế bọn ấy rượt theo kịp, chém ngài một mác té sấp, rồi hai ba người cắt cổ lấy đầu mà bêu lên. Tuy ông oán hận Hải Yến, nhưng mà ông thấy anh ta chết một cách rất là ghê gớm như vậy ông cũng động lòng, nên ông hét lên rằng: "Bọn ta phải ra tiếp quan lớn chớ". Trong trại im lìm, ông ngó lại thì quân lính đã chạy hết, duy còn có một mình ông đó mà thôi.

Quân giặc tràn vô trại bắt trói ông, rồi phân ra một tốp ở chiếm trại, còn một tốp dắc Lê Văn Đó và đem đầu quân Bố về nạp cho Nguyên soái. Khi đi gần tới cửa trại của Đoàn Hùng, Lê Văn Đó dòm thấy có hơn một trăm binh bị trói để ngồi sấp hàng tại đó mà chờ lịnh.

Nguyên soái Đoàn Hùng ngó thấy đầu của quan bố Hải Yến thì mừng rỡ, liền hối quân đem bêu trước cửa đại trại mà thị oai. Người mới được đại thắng, trong lòng còn khoái hợt, không nỡ tàn hại sanh linh, bởi vậy ngài sai bộ hạ bước ra hỏi những quân nghịch bị bắt coi như ai chịu đầu hàng thì tha, còn ai không chịu thì xử trảm. Những quân lính bị bắt, kể số hơn trăm, vừa nghe lịnh thì đứng lên xin hàng đầu hết thảy, duy có hai người là Lê Văn Đó với một người nữa, ngồi chơ chơ không chịu quy hàng.

Đoàn *Hùng dạy dẫn hai người* ấy vô trại, nộ nạt om sòm, rồi truyền lịnh dẫn đem giao cho quan Tham tá trị tội. Lúc quân dẫn đi, Lê Văn Đó dòm coi mới hay người không chịu đầu hàng với mình đó là Đội trưởng Phạm Kỳ.

Vương Thế Phụng đương ngồi trong trại, bỗng có quân vào báo rằng quan Nguyên soái xuất trận được toàn thắng, lại có bắt 2 người già, một người có tóc cụt mà bạc trắng, còn một người râu

1. *Đào ty:* chạy trốn tránh.

tóc còn đen thui, hai người ấy cứng cỏi không chịu đầu hàng, nên quan Nguyên soái dạy dẫn giao cho chàng định đoạt.

Thễ Phụng châu mày và dạy dắt người già tóc bạc mà cụt đó vào trại cho chàng xem trước. Quân dẫn Lê Văn Đó vô và biểu quỳ trước án. Thễ Phụng vừa ngó thấy ông thì chàng biến sắc lật đật chạy lại mở trói và mời ông ngồi. Lê Văn Đó chưng hững, không hiểu vì cớ nào Thễ Phụng mới cách ông hai tháng nay, mà bây giờ trở nên một tướng giặc. Hai người đều bợ ngợ và cũng hỏi nhau tại làm sao mà ra đến nỗi này. Thễ Phụng tỏ trước rằng chàng về Vủng Gù thưa việc hôn nhơn cho ngoại nghe, ông ngoại đã không bằng lòng mà còn nhục mạ Thu Vân nữa. Chàng tức giận bỏ trở qua Định Tường thì ông với Thu Vân đã trốn chàng mà đi mất. Chàng nói tới đó, coi bộ chàng buồn lắm, chàng ngẫm nghĩ một lát rồi nói nữa rằng: "Người đời không có tình nghĩa chi hết, ở chung chạ với họ nữa mà làm gì. Tôi làm giặc đây, là tính giết cho sạch những kẻ vô tâm vô đạo phi nghĩa bạc ân đặng lập một đời mới cho nhơn dân hưởng mùi đạo nghĩa".

Lê Văn Đó hiểu Thễ Phụng trách ông với Thu Vân. Ông ngồi lặng thinh, cứ ngó chàng mà ứa nước mắt. Ông suy nghĩ giây lâu rồi mới nói rằng: "Cậu không rõ công việc, nên cậu hờn tôi cũng phải. Song tôi bỏ Định Tường mà đi, nào có phải tôi trốn cậu đâu. Nếu tôi trốn cậu thì làm sao mà ngày nay tôi gặp cậu đây". Ông ngần ngại một hồi nữa rồi mới chịu tỏ thiệt sự Hải Yến là cha ruột Thu Vân, mới thuật chuyện Hải Yến phụ rãy con đã không chịu nhìn con, mà còn đuổi đi ra cho khỏi tỉnh nữa. Trở về chùa Bình An Tự, Thu Vân thương nhớ chàng, nên gầy mòn khô héo, túng thế ông phải dắc qua Vủng Gù mà tìm chàng, chẳng dè đi đến Bến Tranh bị Lý trưởng bắt ông mà điền lính.

Thễ Phụng nghe rõ đầu đuôi rồi mới hết giận nên hỏi ông rằng:

– Vậy chớ nàng Thu Vân bây giờ ở đâu?

– Tôi gởi nó ở nhà Lý trưởng.

Thễ Phụng ngồi suy nghĩ một hồi nữa rồi mới nói một mình rằng "Bây giờ đi rước nàng đem về đây cũng bất tiện. Thôi để nàng ở đó ít bữa rồi sẽ tính. Cha chả! Mà quan Bố văn học cao lắm, sao cách cư xử của ngài lại đê tiện quá như vậy kia".

Lê Văn Đó cười và nói rằng:

– Có phải hễ học giỏi thì biết nhơn nghĩa đâu. Người như vậy hèn chi bị giết, đáng lắm.

– Ai giết?

– Cầm binh đánh giặc nên bị giặc giết chớ ai.

– Giết hồi nào?

– Hồi trưa nầy. Quân cắt đầu về nạp bây giờ còn đương bêu trước cửa trại.

Thể Phụng nghe nói biến sắc. Chàng vùng đứng dậy rồi chàng lại ngồi xuống mà nói rằng: "Thôi, ông ở đây với tôi, rồi thủng thẳng tôi sẽ tính. Còn người nào bị bắt với ông mà không chịu đầu đó? Ông biết hôn?".

Lê Văn Đó gật đầu đáp rằng:

– Biết. Người đó là Đội trưởng Phạm Kỳ.

– Vậy sao! Tôi nghe tên, mà không biết mặt anh ta. Bây giờ giết nó thì tội nghiệp, mà thả nó thì hiểm nghèo, vì nó cũng là người lợi hại lắm. Dụ nó đầu được hôn?

– Chắc là không được.

– Nếu vậy thì phải giết. Bây giờ tôi phải đi liền ra đại trại, mà xin cái đầu của quan Bố đặng chôn cất cho tử tế, vì tuy người ở quấy với vợ con, song người là cha của Thu Vân, nên không lẽ tôi để vậy được. Vậy tôi giao cây gươm này cho ông, ông biểu quân dẫn Phạm Kỳ ra mé rừng mà chém nó đi.

Thể Phụng dạy 5 tên quân dắc Phạm Kỳ đi và đưa một cây gươm cho Lê Văn Đó mà hối đi theo. Chàng sắp đặt an bài rồi chàng mới đi ra đại trại.

Quân dẫn Phạm Kỳ đi ra mé rừng, Lê Văn Đó cầm gươm đi theo, ông liếc mắt coi thì thấy anh ta không có chút chi sợ sệt hết. Khi đi tới chỗ rồi, Lê Văn Đó bước lại hỏi Phạm Kỳ rằng:

– Mi biết đem mi đi đâu đây hôn?

– Đem đi giết ta, chớ đem đi đâu.

– Mi không sợ chết sao?

– Chết vì bổn phận mà sợ gì.

– Mi biết ta hôn? Mi nhìn cho kỹ đi, rồi có chết.

Phạm Kỳ trợn mắt ngó ngay Lê Văn Đó rồi mặt biến sắc, chơn thối lui hai ba bước và nói rằng: "Lê Văn Đó!".

Lê Văn Đó gật đầu vừa cười vừa đáp rằng: "Phải. Ta đây. Mi tưởng ta chết rồi há? Té ra ta không chết, mà bây giờ mi phải chết. Mi coi đó thì biết trời phật hại kẻ làm quấy, chớ chẳng hề khi nào giết người làm phải bao giờ".

Phạm Kỳ cúi mặt xuống đất, không nói chi hết. Lê Văn Đó bước lại mở trói cho anh ta rồi nói rằng: "Tuy ta là quân trộm cướp, song ta có nhơn, chớ không phải độc ác như các quan của mi vậy đâu. Ta tha mi ra, mi muốn đi đâu thì đi đi".

Phạm Kỳ ríu ríu bước vào rừng. Lê Văn Đó dắt 5 tên quân trở về trại, ông vừa đi vừa cười chúm chím.

*

* *

Vương Thế Phụng biết rõ được tình của Thu Vân và hay Thu Vân đi tìm chàng, thì chàng lấy làm bối rối lắm. Nếu bỏ Đoàn Hùng mà đi theo Thu Vân thì thành ra mình là người phản bạn, khinh nghĩa trọng tình; còn nếu đem Thu Vân vào trại thì chẳng những là bất tiện cho nàng, mà sợ e có xảy điều chi nguy hiểm nàng phải liên lụy nữa. Chàng suy tới tính lui hoài, không biết liệu lẽ nào. Cùng thế rồi chàng mới khuyên Lê Văn Đó trở ra Bến Tranh dắc Thu Vân đi kiếm chỗ nương ngụ, đợi ít ngày coi thế cuộc may rủi lẽ nào rồi chàng sẽ liệu định.

Lê Văn Đó đi ít ngày rồi trở về trại mà nói rằng Thu Vân ở yên nơi nhà Lý trưởng ngoài Bến Tranh. Nàng muốn ở đó cho gần đặng nghe tin tức của chàng, chớ không chịu đi đâu hết. Nàng khuyên chàng phải lo làm cho rõ ràng cái phận sự nam nhi, còn phận nàng thì dầu nguy hiểm thế nào, nàng cũng giữ chặt một lòng một dạ.

Lê Văn Đó lại cho Thế Phụng hay rằng quan Tổng Đốc quyết báo thù cho Bố chánh Hải Yến, nên sắp kéo đại binh đến Bình Cách, Thế Phụng gật đầu mà cười, coi bộ chàng không lo sợ chi hết.

Cuộc dẹp loạn Bình Cách chẳng cần phải nói dài, vì ai cũng biết số ít thì phải thua số nhiều, thế yếu phải thua thế mạnh. Ấy là lẽ tự nhiên, chớ không phải tài hay dở. Binh của Đoàn Hùng kể chừng hơn

một ngàn, còn binh của quan Tổng đốc kể gần tới 5 ngàn. Đã biết binh của Đoàn Hùng thảy đều là người cảm tử, nhưng mà một người phải cự đến 5 người dầu hay dầu giỏi thế nào cũng không thắng nổi.

Hai bên giáp chiến với nhau, bữa đầu Đoàn Hùng tuy yếu thế, song ráng sức chống cự, bởi vậy quan Tổng đốc không đoạt trại được. Qua bữa sau binh Đoàn Hùng bị hao nhiều nên đã mỏng rồi. Tuy vậy mà Đoàn Hùng cũng nỗ lực chống cự từ sớm mai cho đến mặt trời lặn. Quan Tổng Đốc biết giặc thế đã yếu rồi bởi vậy trời gần tối mà ngài không chịu thâu binh cứ dóng trống thúc binh hãm trại.

Đến đỏ đèn Đoàn Hùng còn đứng giữa giòng binh mà đốc chiến. Thình lình quân báo rằng đại trại đã bị cướp rồi. Đoàn Hùng cất tiếng than rằng: "Nếu vậy thì mạng ta đã hết rồi". Anh ta nói có mấy lời rồi rút gươm ra đâm họng mà chết tại mặt trận. Binh tướng thấy Nguyên soái đã tự vẫn thì vỡ tan, mạnh ai nấy kiếm đường mà thoát thân.

Thễ Phụng với Lê Văn Đó ở trại sau mà coi lương thực. Hai người nghe nói đại trại bị cướp, liền dắc binh đến tiếp cứu. Đi được nửa đường, xảy gặp binh giặc, hai bên hỗn chiến với nhau. Lê Văn Đó cứ đi một bên Thễ Phụng mà tiếp chàng. Trời tối mà lại đường rừng, bởi vậy hai bên đánh nhau, mà không thấy nhau cho rõ?

Thễ Phụng thấy binh của chàng muốn thối [1], chàng bèn xốc tới mà đốc chiến. Thình lình có một người cao lớn cầm một cây mác thong nhảy đâm chàng. Tuy trời tối mà nhờ lưỡi mác sáng sáng nên chàng ngó thấy, bởi vậy chàng ách mình mà tránh.

Chàng thiệt là lẹ, nhưng mà tránh cũng không khỏi. Lưỡi mác trật cái ngực rồi nó lại đâm ngay vào cái vai tay mặt của chàng làm cho chàng té sấp. Lê Văn Đó vội vàng muốn đỡ mà ông đỡ không kịp. Tuy vậy mà ông cũng lẹ trí, ông đập người cao lớn ấy một cây ngay trên đầu, người ấy lúc lắc rồi buông cây mác nhào ngửa nằm ngay đó.

Lê Văn Đó bước lại coi thì lưỡi mác còn mắc trong vai Thễ Phụng. Ông lật đật rút ra, máu tuôn theo như xối. Thễ Phụng thở è è, không nói chi được hết. Ông liền kề vai cõng chàng rồi băng vào

1. *Thối:* thoái lui.

rừng, kiếm đường mà chạy ra Bến Tranh. Cõng nặng trời tối, đường khó đi, bởi vậy ông lẫn quẫn trong rừng, chờ tới sáng, ông thấy mặt trời mới nhắm hướng mà đi được.

Đến trưa, ông ra gần tới Bến Tranh, ông bèn kiếm chỗ khô ráo sầm uất mà để chàng nằm xuống. Ông coi kỹ lại thì thấy chàng có một mũi mác tại vai mà thôi. Tuy vậy mà vì bị máu ra nhiều quá, nên mặt chàng xanh dờn, lại chàng bất tỉnh, cứ nằm thở è è hoài không nói chi được hết.

Ông nhấm nhía một hồi rồi ông để chàng nằm tại đó, ông chạy riết lại nhà Lý trưởng lén thông tin cho Thu Vân hay, Thu Vân nghe nói thì khóc dầm. Nàng trốn vợ chồng Lý trưởng mà đi với ông, đặng có lo mưu cứu Thễ Phụng. Khi đến nơi nàng thấy chàng như vậy thì nàng càng lo sợ, bởi vậy nàng xin ông phải lập thế cứu chàng chớ nếu để chàng ở trong rừng không có thuốc men chi hết; thì chắc chàng phải chết.

Ông suy nghĩ một hồi rồi ông biểu nàng ở đó để ông đi mướn một chiếc ghe lường mà đem chàng về Vũng Gù.

Trời chạng vạng tối, Lê Văn Đó trở lại nói rằng ông đã mướn ghe xong rồi, đợi tối một lát rồi ông sẽ đem chàng xuống ghe mà đi. Ông coi lại thì thấy Thu Vân đã xé hết nửa vạt áo mà nịt cái vít của Thễ Phụng.

Lê Văn Đó đợi nhà họ tắt đèn ngủ hết rồi ông lén cõng Thễ Phụng mà đem xuống ghe, ông cõng đi trước, Thu Vân đi theo sau. Đem xuống ghe rồi, ông để Thễ Phụng nằm trong khoang giữa, ông biểu Thu Vân ngồi một bên mà coi chừng, rồi ông lấy một cây dầm ra ngồi phía trước mũi mà bơi phụ đặng ghe đi cho mau.

Đi chưa được bao lâu, xẩy gặp một chiếc ghe lớn cũng ngang sông, có tiếng người bên chiếc ghe ấy nói rằng: “Ghe lường đi đâu đấy? Cặp vô đặng cho ta xét coi nào”.

Lê Văn Đó muốn bơi lách mà đi. Ngặt vì chủ ghe chèo lái sợ quá, nên rà mái chèo mà cập một bên chiếc ghe lớn ấy, trong ghe vùng nổi hai cây đuốc lên sáng lòa. Lê Văn Đó dòm thấy Phạm Kỳ đứng dựa mui ghe thì ông biến sắc.

Phạm Kỳ hỏi rằng: “Ghe đi đâu mà đông dữ vậy?” Lê Văn Đó vừa muốn trả lời, thì Phạm Kỳ ngó thấy ông, nên anh ta nói tiếp rằng: “Ủa! Lê Văn Đó đây mà! Mi gặp ta rồi! Rủi cho mi quá!”

Lê Văn Đó đứng dậy đáp rằng:

– Phải. Lê Văn Đó là ta đây. Trời khiến hôm trước ta thương mi, ta không nỡ giết mi, nên ngày nay ta bị mi hại lại, thì ta cam chịu, ta không cãi chối gì.

– Nếu mi biết như vậy thì leo qua đây cho lính nó trói cho mau.

– Mi muốn ta nạp mình cho mi thì ta nạp. Song ta xin mi một điều này. Cháu của ta bị bịnh nặng nên ta phải đưa nó về nhà. Vậy xin mi cho ta kỳ 3 ngày rồi ta sẽ nạp mình. Trong 3 ngày nữa mi ở chỗ nào mi nói cho ta biết trước, rồi đúng kỳ ta sẽ đến đó mà thọ tội.

Phạm Kỳ đứng trầm ngâm, chẳng hiểu anh ta tính việc gì mà cách một hồi anh ta lại nói rằng: "Hôm trước mi tha ta không lẽ bữa nay ta lại bắt mi. Vậy ta cũng tha mi mà trừ cái nghĩa nọ. Song ta nói cho mi biết rằng làm quan cũng có kẻ quấy người phải, cũng có người biết ơn biết nghĩa chớ không phải mi có nhơn, còn ta đây không biết nhơn nghĩa đâu. Thôi, mi đi đi. Ta không bắt mi đâu. Ta khuyên mi một điều này, là phải lánh thân, đừng có gặp ta lần nữa, thì ta vì phận sự ta không thể nào dung mi được nữa".

Lê Văn Đó xô ghe ra mà đi, ông không tạ ơn, mà cũng không từ giã.

Tảng sáng ghe qua tới sông Vủng Gù. Lê Văn Đó hỏi thăm lần lần mới tìm được bến ông Đàm Tự Chấn. Ông để Thu Vân ở dưới ghe với Thễ Phụng còn ông leo bờ mà đi thẳng vào nhà.

Ông Đàm Tự Chấn đương đứng trước cửa, bỗng thấy Lê Văn Đó bước vô sân, chó sủa om sòm. Ông la chó, rồi đứng chờ coi người lạ ấy đến có việc gì.

Lê Văn Đó vô tới trước mặt ông rồi hỏi rằng:

– Ông phải là Tự Chấn hôn?

– Phải. Ông ở đâu?

– Phải Thễ Phụng là cháu ngoại của ông hôn?

– Phải. Hỏi chi vậy?

– Thễ Phụng bị bịnh nặng lắm. Tôi làm ơn chở giùm chàng về cho ông đây. Chàng ở dưới ghe. Xin ông cho phép đem chàng lên.

Tự Chấn nghe nói Thễ Phụng bịnh nặng thì ông kinh lật đật chạy ra mé sông, không thèm hỏi điều chi hết. Ông thấy Thễ Phụng nằm dưới ghe, ông nhảy đại xuống ôm chàng mà khóc, ông tối

tăm mày mặt đến nỗi không thấy Thu Vân ngồi một bên đó. Kim Huê và bạn bè trong nhà nghe tin cũng chạy túa ra. Tự Chấn muốn ôm Thễ Phụng mà đem lên nhà, Lê Văn Đó cản ông, biểu ông lên trước, đặng cho nhẹ ghe rồi sẽ lập thế đem Thễ Phụng lên sau.

Tự Chấn với Thu Vân leo lên bờ. Lê Văn Đó đỡ Thễ Phụng ngồi dậy rồi kề vai cõng chàng đem lên. Ông cõng đi thẳng vào nhà để nằm ngay trên ván. Tự Chấn, Kim Huê với Thu Vân xúm lại đứng chung quanh, kẻ kêu người khóc om sòm mà Thễ Phụng nằm im lìm, không nói chi hết, mắt nhắm hí hí, mũi thở hoi hóp mà thôi.

Kim Huê hối bạn đi rước thầy thuốc. Lê Văn Đó xin một chén nước nóng rồi biểu Thu Vân vạch miệng đổ từng giọt cho chàng uống. Kim Huê lại nhúng nước khăn đem lau mặt cho chàng. Chẳng hiểu là nhờ nước nhiễu thấm dong hay là nhờ khăn lau mát mặt, mà cách một lát Thễ Phụng mở mắt ngó thấy Thu Vân ngồi bên tay trái, Kim Huê ngồi bên tay mặt thì chàng cười. Thu Vân với Kim Huê mừng quýnh nên kẻ kêu ông người kêu cha lại mà coi.

Thễ Phụng nói nhỏ nhỏ rằng: "Khát nước lắm. Cho tôi xin một chén nước uống". Kim Huê lật đật đi rót nước. Tự Chấn với Lê Văn Đó thấy Thễ Phụng đã tỉnh lại rồi, thì hai ông mừng, nên ngó nhau mà cười. Thễ Phụng uống nửa chén nước chàng đổ mồ hôi rồi mới thiệt tỉnh. Chàng ngó ông ngoại, rồi ngó Lê Văn Đó mà hỏi rằng: "Ông đưa tôi về nhà ông ngoại tôi đây phải hôn?". Lê Văn Đó gật đầu. Thễ Phụng quay qua ngó ông ngoại mà nói nữa rằng: "Nếu không có ông đây cứu tôi thì tôi có thấy mặt ông ngoại với dì đâu".

Ông Tự Chấn thương cháu quá nên ông chảy nước mắt mà nói rằng: "Hồi nãy ông sợ cháu chết, nên ông khóc dữ. Thôi, cháu nằm nghỉ, đừng có nói nhiều mà mệt. Để một lát ông thầy thuốc đến ổng coi mạch rồi hốt thuốc cho cháu uống".

Thễ Phụng gật đầu rồi nhắm mắt nằm nghỉ. Lê Văn Đó nói với ông Tự Chấn rằng trọn hai đêm một ngày Thễ Phụng không có ăn cơm cháo chi hết. Tự Chấn nghe như vậy bèn hối Kim Huê đi nấu cháo cho thiệt lỏng đặng cho Thễ Phụng ăn.

Kim Huê đi nấu cháo. Thu Vân thấy Thễ Phụng nghỉ rồi nên nàng cũng đi theo Kim Huê xuống bếp. Tự Chấn với Lê Văn Đó muốn để cho Thễ Phụng nằm im cho khỏe, nên hai ông dắt nhau ra phía trước mà uống nước.

Tự Chấn hỏi Lê Văn Đó rằng:

– Cháu tôi nó đau sao vậy ông? Sao tôi thấy chỗ vai nó máu đóng khô queo vậy? Ông gặp nó ở đâu mà ông cứu nó đó?

– Để cậu tỉnh lại rồi cậu nói cho ông nghe. Tôi không hiểu chi hết.

– Có lẽ nào ông không hiểu. Ông nói sơ cho tôi nghe một chút coi mà.

– Thiệt tôi không hiểu. Nếu tôi hiểu thì tôi nói, chớ giấu ông làm chi.

Ông Tự Chấn ngồi ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi nữa rằng:

– Con nhỏ nhỏ đó phải là vợ nó không?

– Không phải.

– Vậy chớ nó là ai? Sao nó lại theo thằng nọ?

– Con đó là cháu của tôi. Nó đi với tôi chớ.

– Nó tên gì?

– Tên Thu Vân.

– Thu Vân... Té ra con này là Thu Vân. Phải rồi.

Ông Tự Chấn mới nói tới đó, kế ông thầy thuốc bước vô. Ông lật đật tiếp chào rồi dắc vô coi mạch cho Thể Phụng liền. Ông thầy thuốc vừa nắm tay thì Thể Phụng giựt mình mở mắt. Ông chẩn mạch và coi luôn cái vít đâm nơi vai rồi ngó Đàm Tự Chấn mà nói rằng: "Tâm can phế phủ chẳng có chi hết. Tại cái vít đó làm cho máu ra nhiều quá nên cậu Tú mất sức. Để tôi hốt ít thang thuốc cho cậu uống mà lấy sức lại và tôi cho thuốc dán cái vít đó cho mau lành. Trong một tháng thì cậu mạnh như xưa, không hại gì đâu mà ông sợ".

Tự Chấn với Lê Văn Đó nghe nói như vậy thì mừng hết sức, nên mời ông thầy thuốc lại ván giữa ngồi ăn trầu. Làm thầy thuốc phải lo cứu bịnh, chớ không nên ham nói chuyện nhiều, bởi vậy ông thầy thuốc ăn một miếng trầu rồi từ mà về và xin cho một đứa đưa ông đặng lấy thuốc luôn thể.

Kim Huê với Thu Vân nấu cháo rồi bèn múc bưng lên cho Thể Phụng ăn, một người ngồi bên mà ép mời. Thể Phụng ngồi dậy không nổi, còn nằm ngửa thì khó ăn. Lê Văn Đó thấy vậy bèn đỡ chàng nằm nghiêng qua phía tay trái là mé Thu Vân ngồi. Thu Vân mới múc cháo đút cho chàng ăn. Kim Huê với Tự Chấn ngó nàng

trân trân rồi lại ngó nhau mà cười chúm chím.

Thễ Phụng ăn cháo rồi nằm nghỉ. Ông Tự Chấn mời Lê Văn Đó với Thu Vân đi ăn cơm. Ông ngồi ăn mà ông nói chuyện vui vẻ lắm, ông cứ tạ ơn Lê Văn Đó hoài. Còn Kim Huê thì theo nói chuyện với Thu Vân, hỏi tuổi, hỏi mẹ cha, hỏi cửa nhà, hỏi quê quán. Hỏi tuổi thì nàng nói thiệt, còn mấy điều kia thì nàng dối rằng nàng ở vàm Kỳ Hôn, mẹ cha khuất sớm, từ nhỏ chí lớn nàng nhờ ông chú, là Lê Văn Đó, nuôi nàng.

Đến xế, Lê Văn Đó thấy Thễ Phụng đã khỏe rồi, ông bèn nói với Tự Chấn và Thễ Phụng đặng ông đi. Thễ Phụng hỏi ông rằng:

– Ông đi đâu?

– Tôi về bên.

– Bên nào?

– Về bên Kỳ Hôn, hoặc là về bên Định Tường cũng được, bây giờ còn ai ngăn cấm nữa mà sợ.

Thễ Phụng nằm suy nghĩ một chút rồi chàng xin ông ngoại bước lại gần mà nói rằng.

– Cháu muốn xin với ông một điều, không biết được hôn?

– Được, được. Cháu muốn xin một chục điều ông cũng cho, chẳng luận là một điều. Miễn là cháu mạnh thì thôi, cháu muốn việc chi cũng được hết. Cháu làm ông sợ quá. Cháu muốn xin ông đứng cưới Thu Vân cho cháu phải hôn?

– Thưa, không.

– Ủa! Vậy chớ xin việc gì? Cháu muốn cưới thì ông cưới cho, bây giờ ông không cãi nữa đâu.

– Thưa, không. Việc ấy là việc trọng, để thủng thẳng chờ cháu mạnh rồi sẽ tính. Bây giờ cháu xin ông một điều này: cháu còn sống được mà thấy mặt ông, ấy là nhờ có ông đây cứu cháu, đã cứu cháu khỏi chết, mà lại còn chở mà đưa cháu về đây nữa. Cháu không biết lấy chi mà đền ơn, vậy xin ông cầm ân nhơn của cháu ở lại đây cho tới ngày cháu lành mạnh rồi cháu sẽ liệu.

Tự Chấn day qua ngó Lê Văn Đó và nói rằng: "Cháu tôi nó muốn như vậy đó, xin ông làm ơn ở lại đây đặng cho nó vui lòng mà uống thuốc. Hôm trước tôi không biết ông với con cháu kia, nên thằng cháu tôi nó về nó nói, tôi tưởng nó khờ dại bị người ta dụ dỗ, bởi vậy

tôi có nói một hai tiếng không phải. Tôi xin ông đừng có phiền. Vì tôi thương cháu nên tôi lo cho nó, chớ không phải tôi hờn giận chi ông. Nay tôi biết được ông với con cháu rồi, ông lại có ơn cứu cháu tôi, cũng như ông đẻ nó một lần nữa, vậy tôi muốn ông gả cháu ông cho cháu tôi phứt cho rồi, đặng hai anh em mình gần gũi với nhau mà chuyện vãn cho vui".

Kim Huê nghe nói chuyện hôn nhơn mà như nói chuyện pha lững, không đợi mai mối chi hết, thì nàng che miệng mà cười. Còn Thu Vân thì nàng thẹn thùa, nên bước trái ra ngoài cửa mà đứng.

Lê Văn Đó ngó ngay Tự Chấn mà nói rằng: "Vì cậu Thễ Phụng có bịnh nhiều, nếu không chiều lòng cậu, sợ e cậu buồn rồi sanh bịnh thêm nữa. Vả ngày trước cậu cũng có cứu tôi rồi cậu cũng săn sóc tôi. Vậy thì bây giờ tôi sẵn lòng ở lại đây trước cho cậu vui, sau tôi đền ơn cho cậu. Còn việc hôn nhơn, thì tôi xin ông bươn hưởn, ông chẳng nên tính vội, bởi vì ông mới gặp tôi từ hồi sớm mai tới bây giờ, ông chưa biết tôi cho lắm, mà ông cũng chưa biết tánh nết của cháu tôi, nếu ông vội quá, sợ e ngày sau ông không vui".

Tự Chấn nắm tay kéo Lê Văn Đó lại ván mà ngồi và nói lia lịa rằng: "Không, không. Hễ cháu tôi nó vui, thì tôi vui. Bây giờ nó đành ai thì tôi cưới nấy cho nó. Ông đừng có ngại chi hết".

Lê Văn Đó kêu người chèo ghe lên rồi trả tiền cho người ấy về.

*

*   *

Tuy Thễ Phụng bị thương nặng mà chàng trai tráng, bẩm mạnh mẽ, nên máu ra nhiều mà chàng chịu nổi, rồi lấy sức lại cũng mau. Đã vậy mà chàng lại mừng hiệp với Thu Vân một nhà, vui thấy ông ngoại thuận ý, bởi vậy chàng uống có 5 thang thuốc thì ngồi dậy được, còn cái vít thì dán thuốc lần lần cũng gần lành.

Ông Tự Chấn theo hỏi tại duyên cớ làm sao mà chàng bị thít thương. Mỗi lần ông hỏi thì chàng châu mày, lắc đầu, không chịu nói, lần chót chàng đáp rằng: "Tại ông nên cháu mới có cái họa ấy. Bây giờ đã được sum hiệp thuận hòa rồi ông còn nhắc chuyện buồn làm chi nữa". Ông nghe như vậy ông mới bỏ biệt không hỏi tới việc ấy nữa.

Thu Vân thấy Thễ Phụng gần mạnh rồi thì nàng không gần gũi với chàng nữa, tối ngày nàng cứ lúc thúc dưới bếp mà giúp Kim

Huê hoặc nấu cơm chế nước hoặc may áo vá quần. Kim Huê dòm thấy dung nhan nàng đã tuấn tú, mà tánh nết lại hiền hòa, văn nó có lễ nghĩa, lòng dạ giữ ngay thẳng thì khen Thễ Phụng biết lựa người, mừng cháu trăm năm được hạnh phước. Mới ở chung có ít bữa mà Kim Huê đem lòng thương Thu Vân cũng như gần nhau đã mấy năm. Ông Tự Chấn cũng vậy, tuy ông không nói ra song hễ ông thấy mặt Thu Vân thì ông ngó rồi vuốt râu mà cười, coi bộ ông vừa lòng đẹp ý lắm.

Cả nhà ai cũng vui hết, duy có một mình ông Lê Văn Đó tối ngày ông cứ đi thơ thẩn hoặc sau vườn, hoặc dựa mé sông, ông cố ý tránh không muốn giáp mặt Tự Chấn với Thễ Phụng. Bữa nào trẻ ở trong nhà đi kiếm mà mời ông về ăn cơm, thì cũng thấy ông khi chắp tay sau đít, cúi mặt xuống đất, chậm rãi bước từng bước, khi khoanh tay ngồi dựa bực sông, ngó rác trôi nước chảy. Tại sao ông buồn? Ông tính việc gì?

Ai làm Lê Văn Đó mà gặp cái cảnh như vầy cũng phải buồn, phải tính. Từ nhỏ chí lớn ông không có vợ con. Ông vì cái nghĩa mà cực khổ lo lắng nuôi Thu Vân trót 10 năm; cái tình thương của ông bao nhiêu ông chăm chú cho nàng Thu Vân hết thảy. Thuở nay ông thương nàng, mà vì sự thương ấy nên ông lo hoặc làm cho nàng được hiệp với cha, hoặc kiếm nơi xứng đáng mà gả nàng, đặng khi ông chết rồi nàng có nơi nương dựa, sự hiệp với cha, tại Hải Yến làm cha vô đạo, nên đã chẳng thành rồi. Còn sự gả lấy chồng, may gặp Thễ Phụng làm chồng xứng đáng, ông an lòng phỉ dạ lắm. Tuy vậy mà công dưỡng nuôi dạy dổ, tình gần gũi thương yêu hơn 10 năm, ngày nay nàng lấy chồng, tự nhiên nàng phải phân cách ông, nghĩ tới việc đó làm sao mà không buồn cho được.

Còn ông tính là tính coi hễ gả Thu Vân lấy chồng rồi ông làm gì. Ngày nọ ông có hứa với Ánh Nguyệt rằng ông sẽ hết lòng lo bao bọc Thu Vân. Nay Thu Vân đã khôn lớn, đã lấy chồng, thì cái trách nhiệm của ông cũng đã hoàn toàn rồi. Ông là người não nề phong tục, ngao ngán cuộc đời, bấy lâu nay ông nhờ lãnh cái trách nhiệm nuôi Thu Vân, nên ông mới vui lòng mà lăn lộn với trần tục. Hôm nay cái trách nhiệm ấy đã hết rồi, thì có cái gì làm chủ hướng nữa mà vui được. Ban đầu ông tính ở chung với vợ chồng Thu Vân, mà rồi ông nghĩ thuở nay ông quen thấy Thu Vân thương yêu có một mình ông, nếu nàng có chồng rồi mà ông còn ở chung nữa, thì ông sẽ thấy cái tình thương của nàng nó sẻ chia bớt cho một người khác, dường ấy chắc là ông phải đau

đớn lắm, bởi vậy thà là ông xa lánh trước thì hay hơn. Ông muốn trở về chùa Bình Anh Tự mà tu mà ông lại nghĩ ở đó xa Thu Vân quá, đến lúc nhớ nàng không biết làm sao mà thăm được. Vì vậy nên mấy bữa rày ông lo tính hoài, mà ông chưa nhứt định.

Thễ Phụng nằm đúng 20 ngày cái vít mới thiệt lành. Tự Chấn thấy chàng ra vô trong nhà được thì ông mừng rỡ, nên biểu Kim Huê làm một con vịt nấu cháo cho ông cúng các đấng.

Đến chiều Thễ Phụng thấy ông ngoại đương ngồi nói chuyện với Lê Văn Đó, chàng bèn bước lại nói rằng:

– Thưa ông, bữa nay cháu đã mạnh rồi, vậy xin ông cho phép cháu tỏ việc của cháu một chút.

– Ừ, cháu muốn nói việc gì thì nói. Nói việc cưới vợ phải hôn?

– Thưa, phải.

– Việc đó thì ông chịu rồi. Bây giờ cháu có nói thì nói với ông chú đây. Hễ ông bằng lòng cho cưới ngày nào thì ông cưới ngày nấy.

– Thưa ông, về phần ông chú ngày sau cháu sẽ nói. Bây giờ cháu xin thưa với ông rằng ngày trước cháu xin cưới nàng Thu Vân thì ông rầy la, nói cháu ngu dại bị người ta dụ dỗ. Ngày nay ông đã thấy mặt, ông đã biết tánh nàng rồi, nếu cháu xin cưới nàng chẳng biết ông có vừa lòng hay không?

– Ông đã nói hễ cháu muốn chỗ nào thì ông cưới chỗ nấy, ông không ngăn cản nữa mà.

– Đã biết ông không ngăn cản, mà cháu cưới nàng Thu Vân ông có vui lòng hay không chớ?

– Ông còn kén chọn ai mà hơn nữa? Hôm trước ông không biết nàng nên ông rầy rà, bây giờ ông biết rồi nếu cháu được vợ như vậy thì cháu có phước lắm, sao mà ông không vui lòng.

Ông Tự Chấn liền quay qua nói với ông Lê Văn Đó rằng: "Bữa nay cháu tôi nó mạnh rồi. Vậy xin anh định coi ngày nào làm lễ cho hai trẻ thành hôn với nhau. Tôi xin anh thương cháu tôi, anh cho phép tôi làm đơn sơ vậy thôi, chớ đừng có mai dong lục lễ kình rình quá. Chẳng biết anh có chịu vậy hay không".

Ông Lê Văn Đó ứa nước mắt mà đáp rằng: "Anh với cậu Thễ Phụng sẵn lòng thương cháu tôi, muốn thế cho tôi mà bao bọc nó, thiệt tôi cảm ơn lắm. Tuy vậy mà tôi còn ngại một điều".

Ông Tự Chấn liền hỏi:

– Anh ngại việc chi?

– Con cháu tôi côi cút. Vì mẹ nó khuất sớm, nên từ nhỏ chí lớn không có ai dạy nữ công nữ hạnh. Tôi nuôi nó thì nuôi cho nó nên vai nên vóc vậy thôi, chớ tôi làm sao mà dạy con gái cho được. Ngày nay nó lấy chồng tôi sợ e nó thưa thớt trong đạo làm dâu lắm. Đã vậy mà anh là bực giàu có, còn tôi đây là kẻ nghèo hèn, tôi còn ngại nỗi sui gia không xứng với nhau nữa.

– Anh đừng có lo. Như con cháu còn khờ dại, thì thủng thẳng con gái tôi dạy dỗ nó. Còn việc giàu nghèo, cái đó tại trời có lẽ nào tôi thấy anh nghèo hơn tôi mà tôi khinh anh hay sao. Anh có công cứu mạng thằng cháu tôi, cái ơn ấy dầu tiền muôn bạc giạ cũng khó sánh kịp. Xin anh đừng có ngại chi hết.

Thễ Phụng lại tiếp nói rằng: “Thưa ông, tôi với ông đã biết bụng nhau nhiều rồi. Tôi xin ông đừng có lấy cái thói thường của thiên hạ mà tưởng tôi cũng như họ. Ông cũng biết tôi chuộng nàng Thu Vân, tôi kính trọng ông, ấy là tôi vì cái nghĩa chớ không phải tôi vì đâu chi khác. Mà tôi tưởng bấy lâu nay ông thương tôi, nàng Thu Vân không chê tôi ấy cũng là vì cái chi khác chớ không phải vì đồng tiền. Vậy tôi xin ông sớm liệu cho hai cháu kết tóc trăm năm với nhau, chớ đừng có kiêng dè ái ngại chi nữa”.

Ông Lê Văn Đó ngồi lặng thinh, cứ ngó ngay ra ngoài sân, mà hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Ông tính với Tự Chấn và Thễ Phụng để ông cất một cái nhà nho nhỏ ở gần rồi sẽ định ngày làm lễ cưới.

Ông Tự Chấn liền nói rằng ông Nhiêu Khoa chết một năm rồi, ông không có con cháu chi hết, nên cái nhà bỏ oan từ ấy đến nay. Ông lại nói cái nhà ấy còn tốt, nếu lợp sửa chút đỉnh thì ở được.

Sáng bữa sau ông Tự Chấn dắc ông Lê Văn Đó đi coi cái nhà của ông Nhiêu Khoa. Ông Lê Văn Đó coi rồi thì ông vừa ý lắm. Ông Tự Chấn liền hối bạn đốn tre đốn lá mà sấp nóc cập vách làm cửa lại cho chắc chắn.

Cái nhà sửa gần rồi, ông Lê Văn Đó mới xin gởi Thu Vân ở lại, đặng ông mướn ghe đi chở đồ đạc đem qua dọn mà ở. Ông đi không đầy 10 ngày thì ông trở qua, có đồ đạc đủ hết. Ông dọn dẹp xong rồi, mới đem Thu Vân về nhà mới mà ở.

Thễ Phụng đã lành cái vít rồi, trong mình đã mạnh mẽ lại như xưa. Một buổi sớm mai, chàng đi với ông ngoại lại nhà Lê Văn Đó

mà thăm và xin ông định ngày đặng làm lễ cưới. Lê Văn Đó không dục dặc nữa, ông cho cưới mà ông cũng không đòi tiền bạc chi hết.

Gần đến ngày cưới, ông bèn nói với Thu Vân rằng: "Việc gả cháu lấy chồng là phận sự của cha mẹ cháu, chớ không phải phận sự của ông. Rủi thay, cháu không có cha mẹ, nên ông phải thế đỡ. Vậy ông khuyên cháu hễ về nhà chồng rồi thì phải lo thờ chồng, phải cung kính ông cô, phải liệu làm thế nào cho một ngày kia ông chết xuống cửu tuyền, ông gặp mẹ của cháu, ông khỏi hổ ngươi, và ông dám nói chắc với mẹ của cháu rằng: "cái kiếp của cháu thung dung, chớ không khổ não như kiếp của mẹ cháu hồi trước".

Thu Vân nghe nhắc tới mẹ thì nàng động lòng nên ngồi khóc thút thít. Nàng khóc một hồi rồi nàng vùng nói rằng: "Cháu nhớ tới mẹ cháu chừng nào, cháu càng oán cha cháu chừng nấy".

Ông ngó ngay nàng mà đáp rằng:

– Làm con không nên oán cha mẹ. Nếu cha mẹ có quấy thì cha mẹ chịu hình phạt, phận làm con phải kính trọng kẻ sanh thành. Dầu cha cháu có ở bậy cho mấy đi nữa, thì cháu cũng nhờ có người đó nên cháu mới sanh được, sao cháu không biết ơn, lại trở mà oán.

– Cháu có cầu sanh cháu làm chi đâu! Sanh cháu đặng ô danh xũ tiết của mẹ cháu, chớ sanh mà ích gì. Ông muốn lấy chánh đạo ông dạy cháu, nên nói như vậy, chớ theo ý cháu nghĩ thì cha cháu không có ý muốn sanh cháu chút nào hết. Người quyết mua vui mà thôi, không kể việc chi khác nữa. Mua vui rồi để cho một người đờn bà phải nhơ nhuốt, để cho một đứa con nít phải bơ vơ, người bất nhơn đến thế, cháu oán chưa đáng hay sao?

– Bởi bất nhơn lắm nên mới táng mạng.

– Ông nói ai táng mạng?

– Từ Hải Yến chứ ai.

– Úy! Chết hồi nào? Sao ông hay?

– Lảnh dẹp giặc Bình Cách, bị giặc giết...

– Thiệt vậy hay sao? Té ra cha tôi chết rồi?

Thu Vân biến sắc, ngồi ngó Lê Văn Đó trân trân. Cách một hồi lâu nàng hỏi nữa rằng:

– Hồi quân giết cha tôi đó, chồng tôi có hay không?

– Hải Yến bị binh của Đoàn Hùng giết rồi cắt đầu bêu trước trại.

Chừng ông gặp Thễ Phụng ông cho cậu hay cậu lật đật đi xin Đoàn Hùng mà lãnh đầu rồi đem chôn cất.

– Nếu vậy thì chồng tôi không có can thiệp chi đến sự giết cha tôi há? Xin ông nói thiệt giùm việc đó cho tôi rõ.

– Không. Thễ Phụng không hay. Chừng chàng hay thì việc đã lỡ rồi. Ông chắc trời phạt Hải Yến nên mới khiến như vậy, chớ chi mà gặp Thễ Phụng, thì chàng nỡ nào mà giết quan thầy của chàng.

Thu Vân nghe nói như vậy thì an lòng, song nàng ngồi buồn xo, tuy không tỏ dấu thương tiếc cha nhưng mà cũng không nói chuyện oán hận cha nữa.

Đến ngày cưới, giữa đám có đủ mặt hai họ, ông Lê Văn Đó đem ra một trăm chín chục nén bạc mà sấp trên ghế nghi rồi nói với Thễ Phụng và Thu Vân rằng: "Ngày mẹ của Thu Vân chết, nó cậy ông nuôi giùm con Thu Vân, nó lại giao cho ông 200 nén bạc. Trong mười năm nay ông lo nuôi dưỡng con Thu Vân nên hao mòn hết mười nén, còn có 190 nén mà thôi. Ngày nay hai cháu đã thành hôn rồi. Vậy ông giao số bạc của mẹ cháu gởi hồi trước lại cho hai cháu, chớ ông không phép giữ nữa".

Ông Đàm Tự Chấn chưng hửng, vì ông tưởng Thu Vân bần cùng không dè có của nhiều như vậy. Những người đến dự đám cưới ai thấy nàng có bạc nhiều cũng trầm trồ.

Thu Vân vẫn biết mẹ mình hồi trước nghèo khổ, đến nỗi gởi mình cho Đỗ Cẩm nuôi, rồi không có tiền mà chuộc, có lý nào bạc nhiều như vậy mà gởi cho ông, bởi vậy nàng nghe ông nói mấy lời thì biết ông nói dối, nên nàng thưa rằng: "Thưa ông cháu biết mẹ cháu đâu có tiền mà gởi cho ông nhiều dữ vậy. Cháu chắc ông thương vợ chồng cháu, ông muốn cho song ông sợ vợ chồng cháu không lãnh, nên ông nói như vậy chớ".

Lê Văn Đó ứa nước mắt, ông chưa kịp trả lời thì Thễ Phụng tiếp nói rằng: "Thưa ông, bạc này cháu không dám lãnh. Xin ông cất để mà dùng. Ví dầu bạc này thiệt của nhạc mẫu cháu để lại đi nữa, thì cái công ông nuôi dưỡng vợ cháu cho đến khôn lớn đây há không hơn của ấy hay sao. Ông già yếu rồi, vậy xin ông giữ số bạc đó mà dùng. Vợ chồng cháu còn trẻ, để cho vợ chồng cháu lo làm ăn, không nên giúp bạc tiền nhiều quá như vầy".

Lê Văn Đó cứ chối cãi, nói rằng bạc ấy thiệt là bạc của Ánh Nguyệt để lại. Ông ép vợ chồng Thẽ Phụng phải lãnh, nếu không chịu thì ông đi biệt, không cho gặp mặt ông nữa. Vợ chồng Thẽ Phụng sợ trái ý ông rồi ông phiền, nên cực chẳng đã phải lấy bạc mà cất.

Thu Vân có chồng thì theo chồng. Lê Văn Đó ở một mình quạnh hiu, Thẽ Phụng thấy vậy mới mướn một đứa con trai 15 tuổi, tên thằng Quít, để ở nấu cơm nấu nước cho ông.

Mỗi buổi sớm mai hễ ăn cơm rồi, thì Lê Văn Đó lại nhà ông Tự Chấn mà thăm ông một lát. Mỗi buổi chiều, Thẽ Phụng cũng qua nhà ông mà nói chuyện chơi cho ông giải buồn. Vì ông qua lại hoài, nên năm bảy bữa Thu Vân mới về thăm nhà ông một lần mà lần nào về cũng thấy ông vui vẻ như thường.

Thiệt Lê Văn Đó làm hoàn toàn trách nhiệm, thì trong lòng ông vui vẻ lắm. Nhưng mà chẳng hiểu vì cớ nào, từ ngày ông gả Thu Vân lấy chồng rồi, lần lần thân thể ông ốm o gầy mòn. Vợ chồng Thẽ Phụng thấy vậy sợ ông có bịnh, nên tính rước thầy hốt thuốc cho ông uống. Ông kháng cự không chịu uống thuốc, cứ nói ông không có bịnh chi hết.

Cách vài tháng ông không đi thăm vợ chồng Thẽ Phụng được nữa, ráng lắm thì ra vô trong nhà mà thôi. Vợ chồng Thẽ Phụng lo sợ nên xin phép ông Tự Chấn rồi về ở chung mà nuôi dưỡng ông.

Lê Văn Đó không có bịnh, song thân thể càng ngày càng khô lần lần, khô riết rồi ngồi không nổi, cứ nằm ngửa trên giường hoài. Tuy vậy mà ông tỉnh táo, chớ không mê mụi chút nào hết.

Một đêm nọ Thẽ Phụng với Thu Vân ngồi bên ông mà đút cháo cho ông ăn. Ông biểu Thu Vân lấy bộ chén với bình trà của Hòa thượng Chánh Tâm hồi trước mà để bên mình ông. Ông day mặt ngó mấy vật ấy một hồi rồi nói rằng: “Ông nhờ vật này nên mới trở ra người phải. Vậy ông lại giao cho hai cháu giữ lấy. Ông biết nay đã tới ngày ông quy thiên rồi. Vậy ông khuyên hai cháu ở lại dương trần phải thương yêu nhau”.

Ông nói tới đó rồi ông ngừng lại, cấp hai tay trên ngực, mắt ngó sững trên mái nhà. Thu Vân cảm động trong lòng nên nước mắt tuôn dầm dề. Đêm khuya thanh tịnh tứ bề vắng tanh. Vợ chồng Thẽ Phụng cứ ngồi nhìn mặt ông mà khóc, chớ không nói chi được

hết. Ông ngó trên mái nhà một hồi rồi ông ngó Thu Vân, coi bộ ông muốn nói chuyện chi nữa, mà ông nói không được.

Cách một hồi lâu ông ráng mà nói mấy tiếng: "Thôi, ông đi" rồi ông nhắm mắt. Thễ Phụng với Thu Vân rờ mình ông thì tay chân ông đều lạnh ngắt, kê tay vào lỗ mũi thì hơi thở của ông cũng đã dứt rồi. Vợ chồng vùng khóc rống lên mà kêu ông om sòm.

Lê Văn Đó mở mắt ngó Thu Vân với Thễ Phụng, miệng chúm chím cười rồi nhắm mắt lại mới chịu tắt hơi luôn.

Thôi rồi một đời người hảo tâm mà chịu khốn khổ!

Thễ Phụng với Thu Vân vì cái tình trìu mến nên thương tiếc mà khóc chớ không dè Lê Văn Đó là người gì [1].

Saigon, Octobre – 1926
Cànglong, Août – 1928

Nhà in Nguyễn Khắc, Sài Gòn – 1929.

1. Không những tình tiết giống với Les Misérables mà nhiều nhân vật gợi nhớ tới những tên người ở các tác phẩm của V.Hugo như Lê Văn Đó là Jean Valjean, Phạm Kỳ là Javert, Ánh Nguyệt là Fantine, Thu Vân là Cosette, Thễ Phụng là Marius, Đỗ Cẩm là Thénardier, v.v...

CHA CON NGHĨA NẶNG

(Tiểu thuyết – Trích)

Truyện được viết năm 1929 và gồm 10 chương.

Trần Văn Sửu có vợ và hai con: Tý và Quyên. Vợ đỏng đảnh, hỗn hào, lại có ngoại tình. Trong một cuộc xô xát, chẳng may vợ ngã vỡ đầu. Sửu phải trốn biệt. Sự kiện này là đầu mối tạo những quan hệ tốt đẹp sau này. Tý, Quyên đến ở với ông ngoại. Ông thương cháu. Anh em thương nhau. Tý xin đi ở đợ với bà Hương quan Tồn lấy tiền giúp đỡ ông. Nó lao động giỏi. Bà Hương quan thương mến nó, giúp nó tự lập. Bà coi Quyên như con đẻ, cưới cho con giai bà. Sửu nhớ thương con về thăm được con giai, con gái, con rể vồn vã ân cần và ông bố vợ cũng tha thứ cho anh về cái chết của con gái ông.

Chúng tôi lấy 4 chương: V, VI, VII, IX.

V
ANH EM THƯƠNG NHAU

Hương thị Tào tẩm liệm chôn cất thị Lựu rồi, bèn đóng cửa trước, cửa sau nhà của con rể lại chặt chịa và đem sấp cháu về bên nhà. Ông ta còn phải lo mướn xe trâu chở lúa của Trần Văn Sửu về sân mà đạp. Vì mấy bữa lộn xộn, không ai gìn giữ, ăn trộm gánh lúa bó hết một mớ, nên ruộng của Trần Văn Sửu làm tuy trúng, song đạp rồi lường thử [1] thì lúa hột có 150 giạ mà thôi. Trả lúa mướn xe mướn đạp rồi thì còn có 110 giạ, mà trong số ấy phải đóng cho chủ điền 90 giạ thì còn dư được 20 giạ.

Hương thị Tào xuống nhà bà Hương quan Tồn, là chủ ruộng, mà xin bà cho người lên lấy lúa ruộng. Bà Hương quan Tồn vừa ngó thấy Hương thị Tào bước vô cửa thì hỏi rằng:

– Nghe nói thằng rể chú nó đánh con gái chú chết, sao đó vậy chú Hương?

– Thưa, con gái tôi bị họ đánh chết, mà sấp nhỏ nó nói mơ ớ nên không dám chắc ai đánh.

---

1. *Lường thử:* đong thử xem được bao nhiêu.

– Người ta nói thằng rể chú nó gây lộn với vợ nó rồi nó đánh cổn[1] chết mà. Sao mà chú nói không chắc?

– Thưa bà, họ nói như vậy đó, mà tôi không thấy nên tôi không dám nói chắc?

– Nó chớ ai. Thằng coi bộ núc ních mà nó hung dữ há? Chú đừng có nghe lời người ta mà nghi cho thằng Hương hào Hội như vậy tội nghiệp nó. Hương hào Hội có thù oán gì với con gái chú mà nó giết con nọ.

– Thưa bà, thằng cháu tôi nó khai sao với quan với làng mà họ bắt Hương hào Hội đó, tôi có biết đâu.

– Nghe nói thằng rể chú nó nhào xuống sông cái mà tự vẫn rồi phải hôn?

– Dạ, thưa phải. Họ vớt thây nó trên vàm Vũng Liêm, quan có đòi tôi lên mà nhìn, mà cái mặt nó cá ăn sứt hết, tôi có biết sao mà nhìn, tôi nói bướng đặng cho làng chôn nó cho rồi.

– Đáng kiếp lắm! Hung dữ thì phải chết chứ sống làm sao được. Còn nó làm mấy chục công ruộng của tôi bây giờ tính sao đây?

– Thưa bà, tôi xe lúa về đạp xong rồi hết, xin bà cho người lên lấy.

– Chú đong lúa ruộng rồi còn dư được chút đỉnh gì hôn?

– Thưa, dư được vài chục giạ.

– Ủa! Nghe nói ruộng nó làm đó năm nay trúng lắm mà.

– Dạ, trúng. Mà mắc mấy bữa lộn xộn họ gánh trộm lúa bô hết bộn.

– Ờ, thằng rể chú nó có con hay không?

– Thưa có, vợ chồng nó để lại ba đứa, hôm nay tôi đem về tôi nuôi.

– Có đứa nào lớn hôn?

– Thưa, thằng lớn được 12 tuổi.

– Chú nghèo mà chú nuôi tới ba đứa cháu ngoại sao cho nổi.

– Thưa, tôi phải rán, chớ bỏ cho ai bây giờ.

– Thôi, ta đợ[2] thằng lớn đặng lấy tiền nuôi 2 đứa nhỏ.

1. *Cổn:* con ấy.

2. *Đợ:* cho đi ở với người ta.

– Vợ chồng nó mới chết, mà đợ con nó như vậy nghĩ cũng tội nghiệp.

– Nghèo thì phải vậy, chớ tội nghiệp giống gì.

– Thưa, để thủng thẳng coi.

– Như chú tính cho ở, thì tôi mướn giùm cho. Tôi cũng cần dùng mướn thêm một đứa nhỏ coi trâu.

Hương thị Tào nín thinh không trả lời. Uống nước ăn trầu rồi, ông ta từ mà về. Bà Hương quan nói để sáng bữa sau sẽ cho người lên lấy và căn dặn như có tính cho cháu ở coi trâu thì bữa nào dắc nó xuống cũng được.

Đong lúa ruộng rồi còn dư được 20 giạ, Hương thị Tào ví để dành mà nuôi sấp cháu [1].

Cái nhà của Trần Văn Sửu bỏ hoang, con nít lối xóm lén tới phá, làm đứt vách hư cửa hết, Hương thị Tào giận, mới kêu Trùm Sốc mà bán lại 15 đồng bạc. Ông ta lấy số tiền ấy làm vốn mua đồ thêm mà bán, trong trí thầm tính làm như vậy đặng té lời chút đỉnh mà sắm ăn sắm mặc cho mấy đứa cháu.

Năm nay Hương thị Tào đã được 50 tuổi rồi, tóc đã bạc hoa râm, răng đã rụng hết vài cái. Ông ta lăn lóc làm nuôi sấp cháu ngoại, khi bồng thằng Sung đút cơm, khi dắc con Quyên đi tắm, ai thấy như vậy cũng động lòng thương. Hồi trước ông ta cũng có hay thị Lựu tư tình với Hương hào Hội, ông ta thường cũng có dứt bẩn [2] con, mà hễ nói ra thì con nó mắng tướt, bởi vậy ông ta ghét không thèm nói nữa. Đến chừng ông ta thấy thây con chết nằm trơ trơ, mà lại nghe con chết là vì cái thói gian dâm ấy, thì ông ta đã không thương tiếc nổi con, mà cũng không phiền trách thằng rể. Có đêm sấp cháu nằm ngủ, ông ta chong đèn ngồi một mình, ông ta dòm thấy chúng nó thì động lòng nên rưng rưng nước mắt. Ông ta khóc đó là tại ông ta buồn tủi đạo nhà, chớ không phải thương nhớ con hư.

Thằng Tý lớn hơn hết, ông ngoại nó mắc mua bán, tự nhiên nó phải săn sóc hai đứa em nhỏ. Tuy là em cũng đồng em, song ý nó lại thương con Quyên nhiều hơn, nên nó tắm rửa, giặt áo giặt quần cho con Quyên thường hơn. Bổn tánh nó trầm tịnh ít hay nói, ít hay

1. *Sấp cháu:* lũ cháu, bọn cháu.

2. *Dứt bẩn:* rầy la, mắng mỏ.

cười, mà từ ngày mẹ nó chết, cha nó mất rồi, thì nó càng chim bỉm, không chịu chơi bời với con nít lối xóm. Phận nó đã như vậy, mà nó thấy con Quyên đi chơi nó cũng không cho, nó thường nói với em nó rằng: "Em là con gái, đi chơi làm gì. Đờn bà con gái mà hư, là tại đi chơi đó đa, nói cho em biết". Tội nghiệp cho thân Hương thị Tào, không rượu trà, không cờ bạc, cứ lo mua bán hằng ngày, nhưng vì cái vận không có, nên mua không gặp chiều, bán không gặp giá, lẩn quẩn làm ít tháng thì cụt vốn. Trong nhà tiền bạc eo hẹp, sấp cháu quần áo lang thang. Lại rủi thêm thằng Sung đau ban, thầy cho uống thuốc lầm, nên ban nhập cốt, thằng nhỏ chết. Tuy Hương thị Tào biết thằng Sung là dấu tích nhơ nhuốc của thị Lựu, nhưng vì ông ta nghĩ nó là con nít không có tội lỗi chi, ông ta cũng thương nó như hai đứa lớn, nên nó chết ông ta cũng thương tiếc lắm.

Nhà càng ngày càng thêm nghèo, thằng Tý tuy còn nhỏ, song nó thấy gia đạo của ông ngoại nó bẩn chật nó cũng buồn. Một buổi chiều, ăn cơm rồi, nó nói với Hương thị Tào rằng: "Không biết ai họ chịu mướn đặng tôi ở với họ". Hương thị Tào nghe cháu khi không mà nói như vậy thì lấy làm lạ, nên ngó nó trân trân và hỏi rằng:

– Tại sao mà cháu nói như vậy?

– Có tại sao đâu. Tôi muốn đi ở đợ cho họ đặng ông ngoại lấy tiền mua quần áo cho con Quyên nó bận.

– Ông nghèo thì ông chịu, chớ ông đem cháu mà đợ cho người ta như vậy sao đành.

– Mình ở làm công việc cho người ta thì mình ăn tiền, có sao đâu mà không đành.

– Ở đợ cực lắm, cháu tưởng sướng hay sao? Ăn đồng tiền của họ, họ bắt làm lã da, mà họ còn đánh chưởi nữa, có dễ gì đâu.

– Tôi không sợ. Mình ở cho người ta thì phải lo làm công chuyện, ai biểu làm biếng mà chi cho họ đánh chưởi. Tôi lớn rồi, mà ở nhà không có làm việc chi hết, nên tôi muốn đi ở với họ đặng khỏi tốn cơm ông ngoại, mà ông ngoại còn được lấy tiền nữa.

Hương thị Tào ứa nước mắt, bỏ đi ra đàng sau, không nói chuyện nữa. Thằng Tý châu mày ngồi ngó theo, mặt buồn thiu.

Trong mấy ngày sau, thằng Tý cứ theo năn nỉ với ông ngoại nó đi kiếm chỗ cho nó ở. Hương thị Tào thiệt không nỡ đợ đặng lấy tiền mà ăn, nhưng vì trong nhà túng rối quá, mà cháu cứ theo thôi

thúc hoài, nên cực chẳng đã ông ta mới nói rằng: "Hôm tháng hai, bà Hương quan Tồn có hỏi ông mà mướn, cháu ở coi trâu. Thôi để trưa ông xuống ông hỏi coi bả [1] còn muốn mướn nữa hay không?"

Hương thị Tào đi xuống Phú Tiên, đến chiều ông ta về nói rằng: "Bà Hương quan chịu mướn cháu ở đặng coi trâu, mà bả cho một năm có 12 đồng. Ông nằn nì xin thêm bả mới chịu tăng lên 15 đồng. Cha chả, mà coi trâu tuy là không cực, song dan nắng dầm mưa tối ngày ngoài đồng. Cháu chịu nổi hôn?"

– Sao lại chịu không nổi. Ở ngoài đồng chơi vui chớ. Mà dầu có buồn cũng không hại gì, cháu buồn mà ông ngoại mỗi năm lấy được 15 đồng bạc.

– Cháu tưởng ăn 15 đồng bạc của người ta dễ lắm hay sao? Cực chẳng đã, chớ ông có muốn chi vậy đâu.

Hương thị Tào nói mà ứa nước mắt. Thằng Tý đứng suy nghĩ một hồi rồi hỏi rằng:

– Bà Hương quan đó già hay là còn trẻ vậy, ông ngoại?

– Sồn sồn.

– Bà có dặn bữa nào xuống ở hay không?

– Bà biểu ngày mai đem cháu xuống.

– Rồi chừng nào ông ngoại lấy được bạc?

– Bà có nói hễ làm giấy ở xong rồi, thì bà cho lãnh bạc trước.

– Ờ được a. Ông lấy tiền rồi mua vải may cho con Quyên một cái áo, một cái quần đặng nó bận, còn bao nhiêu thì ông để mua đồ mà bán, nghe hôn ông ngoại.

Mấy lời nói ấy chẳng phải cao xa chi đó, nhưng mà ý trung chứa nhiều tình nghĩa, làm cho Hương thị Tào nghe thì cảm xúc vô cùng. Ông ta bỏ đi ra đằng sau, không thể nói chuyện với cháu được nữa.

Nãy giờ con Quyên đứng bên ông ngoại nó nói chuyện với anh nó, tuy nó không hiểu cho hết, song nó cũng biết ông ngoại nó tính đem anh nó đi ở với người ta mà giữ trâu như sấp chăn trâu lối xóm nó ở đây, nên chừng Hương thị Tào đi ra đằng sau, thì nó nắm tay thằng Tý mà hỏi rằng:

– Anh đi đâu vậy anh hai?

1. *Bả:* bà ấy.

– Ở với bà Hương quan.

– Bà Hương quan ở gần hay xa?

– Không xa gì. Ở dưới xóm Phú Tiên, ra khỏi đây dòm theo bờ lộ thấy xóm ở phía dưới đó.

– Anh đi rồi chừng nào anh về?

– Một năm lận.

– Một năm là bao lâu?

– Một năm là mười hai tháng.

– Mười hai tháng hả?

– Ừ.

– Tôi đi theo tôi ở với anh được hôn?

– Sao được. Qua [1] mắc giữ trâu làm sao qua coi chừng em.

Con Quyên đứng suy nghĩ, bộ mặt coi buồn thiu, thằng Tý thấy vậy bèn nói rằng:

– Em ở nhà với ông ngoại, để qua đi ở với người ta đặng lấy tiền mua bánh cho em ăn, may quần áo cho em bận, nghe hôn?

– Tôi ở nhà chơi với ai?

– Có ông ngoại đó chi? Em nhớ hễ qua đi rồi, em ở nhà đừng có chơi với đứa nào hết, nếu em không nghe lời qua, thì qua giận lắm đa.

– Tôi chơi với thằng Ngô được hôn?

– Đừng. Không được. Nó là con trai mà chơi với nó làm gì?

– Ở nhà buồn quá, tôi muốn đi với anh.

– Không được đâu, em ở nhà, hễ ít bữa qua về qua thăm, qua kiếm ổi, mận, qua cho em ăn.

– Anh giữ trâu hả?

– Ừ.

– Anh cỡi trâu được hay sao?

– Được chớ, qua cỡi thử trâu của thằng Cộ hoài, em không thấy hay sao?

Hai đứa nhỏ nói chuyện tới đó, kế Hương thị Tào kêu thằng Tý mà sai đi mua tương đặng ăn cơm.

---

1. *Qua:* ta, tao, tôi, ngôi thứ nhất số ít.

Đêm ấy thằng Tý nằm trằn trọc hoài, ngủ không được. Một lát nó vuốt ve mặt con Quyên. Trong trí lộn xộn, đã lo về nỗi không biết ở đợ với người ta ra thể nào, mà lại buồn về nỗi để em ở nhà bơ vơ nữa.

Qua ngày sau, ăn cơm buổi mai rồi, Hương thị Tào gởi con Quyên cho thím Dậu ở một bên đó, rồi đóng cửa lại mà dắt thằng Tý xuống Phú Tiên. Lúc ra đi thằng Tý hun em nó hai cái và nói rằng: "Thôi, em ở nhà cho qua đi, nghe hôn em. Ít bữa rồi qua về qua thăm". Nó vừa nói vừa cười, mà nước mắt chảy rưng rưng, con Quyên đứng ngó anh nó, tuy nó không khóc, song mặt nó buồn nghiến.

Trong làng Trung Nghĩa, từ Giồng Kê xuống Phú Tiên, có một mình bà Hương quan Tồn giàu lớn hơn hết. Năm nay bà mới 48 tuổi, mà bà góa chồng đã được 10 năm rồi. Hồi chồng bà chết thì để cho bà 150 mẫu ruộng, mà bây giờ ruộng của bà và của chồng bà đứng bộ cộng hết thảy trên 200 mẫu, bà để làm 300 công, còn bao nhiêu bà cho mướn, mỗi năm bà góp lúa thường thường từ 5 ngàn rưỡi tới 6 ngàn giạ.

Bà đã dỡ cái nhà cũ, cột cây, ván vách, mà cất lại làm nhà dưới, và bà cất cái nhà trên 3 căn, nền đúc vách gạch, giá đáng năm sáu ngàn đồng. Nhà bà trở cửa ra lộ Vĩnh Long đi Trà Vinh, trước nhà có một cái sân lớn, bên tay mặt có một cái nhà vựa 5 căn đủ đựng 6 ngàn giạ lúa, bên tay trái có một cái chuồng trâu 3 căn đủ nhốt 6 con trâu lớn, với 2 con nghé. Tuy cái sân bà bỏ trống chớ không có trồng cây chi hết, nhưng mà phía ngoài, dựa theo lộ, bà có trồng một hàng keo cắt ngọn bằng thẳng để làm rào, phía sau, kế nhà dưới, bà có trồng mấy liếp cau, mấy hàng chuối, mấy cây ổi, mấy nọc trầu, còn hai bên chái nhà thì một bên bà trồng ba cây mận trái sai oằn, một bên bà trồng 2 gốc xoài, năm nào cũng trổ bông mà không đậu.

Bà Hương quan Tồn giàu có mà không khổ khắc, tuy bà không tín ngưỡng đạo nào, song bà biết thương kẻ nghèo hèn, bà hay giúp người hoạn nạn. Tánh tình bà như vậy mà chẳng hiểu vì cớ nào bà có 2 người con, người lớn là cô hai Phiêu, bà gả cho thầy thông Cam, làm sở Bách phân bên Mỹ Tho, cô xuất giá đã 7 năm rồi mà không có thai nghén lần nào hết, còn người nhỏ là cậu ba Giai, năm nay 17 tuổi, bà cho lên Sài Gòn học, cậu cứ bỏ trường đi chơi hoài, bà giận bắt cậu về, cậu lại ăn cắp ba ngàn đồng bạc rồi đi mất gần một năm rồi, không thèm gởi về nhà một bức thơ nào hết.

Hương thị Tào dắc cháu xuống cho ở đợ với bà Hương quan. Khi bước vô tới sân, thằng Tý thấy cảnh vật lạ hoắc, nhà lớn cửa cao, thì trong ngực nó hồi hộp, cặp mắt ngó giáo dác, nên chưn vấp nhằm cục đất, may nó níu tay ông ngoại nó kịp, không thì phải té nhủi. Hương thị Tào không dám vô cửa trước, bắt đi dọc theo hè, chỗ mấy cây mận đó mà vô nhà sau.

Bà Hương quan được nằm trên võng, ngó thấy ông cháu Hương thị Tào bước vô thì bà ngồi dậy mà chào hỏi rằng: "Chú Hương nó xuống đây. Thằng nhỏ này phải hôn?".

Hương thị Tào cóm róm xá bà và đáp rằng:

– Thưa, phải. Hôm qua bà biểu bữa nay đem nó xuống ở, nên tôi dắc nó xuống.

– Còn nhỏ dữ há? Năm nay nó mấy tuổi?

– Thưa, 12 tuổi.

Bà bước lại ván ngồi têm trầu mà ăn, rồi bà ngó thằng Tý mà hỏi rằng:

– Thằng nhỏ này, mầy tên gì vậy mậy?

– Thưa, tên Tý.

– Ở với tao thì phải ở cho tử tế, đừng có gian tham, đừng có liến xáo, tao đánh chết đa, nghe hôn?

– Dạ.

– Tao có 6 con trâu, mà một mình thằng Học nó coi không xiết. Từ rày sấp lên, mầy chia với nó, mỗi đứa 3 con, mà coi. Bữa nay trâu mắc đi trục đất cày, để chiều thằng Học nó lùa về rồi mầy coi. Thửa nay mầy có ở giữ trâu cho ai hôn?

– Thưa, không.

– Trâu tao dễ lắm; phải cần cho ăn cho mập, hễ bỏ ốm thì phải đòn đa.

Bà Hương quan kêu con Ngói, là đứa ở nấu ăn, mà biểu nó chạy lại đàng xóm mượn biện Thi qua làm giấy giùm cho Hương thị. Giấy làm rồi, Hương thị Tào điểm chỉ cũng xong rồi, bà Hương quan mới lên nhà trên mở tủ sắt cất giấy và lấy 15 đồng bạc mà đưa cho Hương thị Tào.

Hương thị Tào ngồi chơi một lát rồi từ mà về. Ông ta thấy thằng Tý đứng xớ rớ dựa cửa, mặt mày buồn xo, thì thưa với bà Hương quan rằng:

– Thưa bà, nó còn có 2 anh em, mà nó thương nhau lắm. Nó xuống với bà đây, chắc là con em nó nhớ nó. Vậy lâu lâu có rảnh xin bà làm phước cho phép nó về thăm em nó.

– Ờ được. Em nó bao lớn?

– Thưa, 6 tuổi.

– Không hại gì. Bữa nào có rảnh, nó muốn về giây lát mà thăm em nó, thì tôi cho phép nó đi.

Hương thị Tào xá bà rồi bước ra cửa, mà nói với thằng Tý giọng bệu bạo rằng: "Thôi, cháu ở đó, nghe. Ông về đa".

Thằng Tý ngó theo ông ngoại nó, muốn gởi lời về dặn em nó đừng có đi chơi, mà nó nghẹn trong cổ, nói không được.

Bà Hương quan bước lên nhà trên, rồi kêu con Ngói lên nhổ tóc ngứa cho bà. Thằng Tý ở dưới nhà sau có một mình, nó buồn nên đi ra sau vườn rồi đi vòng ra ngoài sân mà chơi. Nó ngó thấy cái chuồng trâu là chỗ từ rày sấp lên nó phải lân la hằng ngày, nó phải lo dọn dẹp hốt quét cho sạch sẽ, thì trong lòng nó không vui, nhưng mà nhớ tới ông ngoại nó mới lấy của người ta hết 15 đồng bạc, thì nó nói thầm trong trí rằng: "Mình nghèo phải cực chớ! Mình cực, em mình mới có quần áo mà bận, ông ngoại mình mới có tiền mua gạo nấu cơm cho nó ăn. Nếu mình muốn sướng, ở nhà thã đi chơi như bầy trẻ, thì lấy chi mà nuôi em mình. Cha mẹ mình chết hết rồi, ông ngoại mình thì già yếu, mình là lớn, phải làm mà nuôi em".

Thằng Tý đương ngồi dựa cửa chuồng trâu mà suy nghĩ như vậy, thình lình con Ngói cất tiếng kêu nó om sòm ở phía sau. Nó lật đật chạy vô. Con Ngói nói rằng: "Tao tưởng mầy trốn rồi chớ. Bà biểu mầy lên quét trên nhà trên kia kìa, lấy cây chổi dưới sáng kia, lên mà quét đi". Thằng Tý riu ríu lấy chổi đi quét nhà.

Mặt trời gần lặn, hai người bạn lớn ở ngoài ruộng đi về quần áo ướt loi ngoi. Cách một lát, thằng Học, lối 13, 14 tuổi lùa bầy trâu về nữa. Nó vừa thấy thằng Tý, thì hỏi rằng: "Mầy ở coi trâu với tao, phải hôn mầy? Được a, để tao chia ba con trâu đi trước đó cho mầy, nghe hôn. Ba con đó hiền lắm". Nó vừa nói vừa cười, chần cái miệng, lòi hai hàm răng trắng xát.

Thằng Học bổn tánh vui vẻ, nên thằng Tý mới gần nó có một lát mà đã ưa nó rồi. Sáng bữa sau, hai đứa nó thả trâu đi ăn thằng Học phụ đỡ thằng Tý cỡi con đực Pháo, còn nó cỡi con cái Chim. Trâu

ăn dọc theo bờ ruộng, thằng Học ngồi trên lưng trâu hò hát nghêu ngao, còn thằng Tý thì ngó mông lên phía Giồng Ké, trí nó tưởng tới em nó hoài.

VI
ANH EM MỘT NHÀ

Bà Hương quan Tồn lòng dạ hiền từ, còn thằng Tý thì tánh nết siêng năng, bởi vậy thằng Tý ở được ít ngày nó quen rồi nó hết buồn, mà bà Hương quan thấy nó thiệt thà nhậm lẹ, bà cũng đem lòng thương nó.

Hễ chừng một tháng, hoặc một tháng rưỡi, thằng Tý nhớ em, nó xin phép về thăm, thì bà Hương quan cho đi liền. Tuy bà dễ như vậy, mà nó không dám để ngươi, hễ tối nó về thì khuya nó xuống, chẳng có khi nào nó dám ở trễ.

Hương thị Tào nhờ có 15 đồng bạc đợ thằng Tý đó, nên mua đồ bán quán lại. Thời lai vận đạt, năm nay mua may bán đắt, đã khỏi cụt vốn, mà mỗi bữa lại có lời đôi ba cắc [1], đủ cho hai ông cháu mua gạo mà ăn với nhau.

Thấy nhà đã hết nguy rồi, lại nghĩ thân cháu ở đợ mà thương, nên chừng thằng Tý ở với bà Hương quan mãn một năm rồi, ông ta mới xuống nói mà đem về. Bà Hương quan chịu tánh nết của thằng Tý, nên bà biểu Hương thị Tào để nó ở luôn với bà, như muốn lấy bạc mấy chục bà cũng sẵn lòng đưa cho. Hương thị Tào hỏi lại cháu, thì thằng Tý nó ưa bà Hương quan, mà nó lại thương thằng Học nữa, nên nó không muốn về, tính ở thêm một năm, trước là giúp bà Hương quan, sau nữa giúp thêm 15 đồng bạc cho ông ngoại nó. Hương thị Tào thấy vậy, không nỡ làm khó, nên phải để cho thằng Tý ở nữa.

Ngày qua tháng lại thấm thoát, thằng Tý ở với bà Hương quan Tồn mới đó mà đã gần hai năm rồi. Con Quyên năm nay đã được 8 tuổi, nó biết làm công việc lặt vặt trong nhà như là vo gạo, chụm lửa, rửa chén [2], quét nhà; ai đến mua đồ một mình nó bán cũng

1. *Cắc:* hào, 1/10 đồng (tiền ngày xưa).

2. *Rửa chén:* rửa bát.

được, ai thiếu tiền chút đỉnh sai nó đi đòi cũng xong. Mỗi lần thằng Tý về thăm nhà, nó thấy em nó lớn lên một chút, thì trong bụng nó mừng thầm, tuy nó không nói ra, song nó cũng có nghĩ riêng rằng nuôi em nó được lớn lần lần đó, cũng có công của nó chút ít.

Tiết tháng tư tháng năm, trời mưa dầm dề, mà thằng Học lại đau, nên bà Hương quan cho nó về nhà cha mẹ nó. Phần thì mắc coi trâu một mình, phần thì chiều trời mưa hoài, nên hơn hai tháng rồi, thằng Tý không về thăm ông ngoại với em nó được. Một bữa nọ, con Quyên nhớ anh nó quá, nên lối xế qua, nó xin với ông ngoại nó đặng đi xuống Phú Tiên mà thăm anh nó. Hương thị Tào châu mày nói rằng:

– Cháu đi sao được. Cháu biết nó ở đâu mà đi?

– Ảnh có chỉ xóm cho tôi. Ra khỏi đây, dòm xóm dưới đó là Phú Tiên chớ đâu. Tôi đi được mà. Xuống đó tôi hỏi thăm nhà bà Hương quan tôi vô thì gặp ảnh chớ gì.

– Cháu đi bậy một mình, họ bắt chớ.

– Giống gì mà bắt, ông ngoại khéo nói hôn! Họ bắt tôi la làng họ ở tù chớ.

– Thôi, để bữa nào rồi ông dắc cháu đi với ông.

– Tôi muốn đi bây giờ. Không biết anh Hai ảnh đau hay sao, mà hổm nay lâu quá rồi không thấy ảnh về. Để tôi xuống thăm một chút rồi tôi về liền.

Hương thị Tào giục giặc không muốn cho đi. May đâu có bà hai Én, ở giồng trên, che dù đi ngang. Hương thị hỏi bà đi đâu, bà nói bà đi Càng Long. Hương thị mới tính gởi con Quyên đi với bà. Bà chịu lãnh. Con Quyên mừng quýnh, lật đật vô buồng thay đồ, nó mặc một cái áo vải đen và một cái quần vải đen mới, rồi đội một cái khăn vải trắng mà đi với bà hai Én. Hương thị Tào dặn bà hai Én xuống Phú Tiên chỉ giùm nhà bà Hương quan cho con Quyên về, rồi chừng bà về bà làm ơn ghé đó rước giùm cho nó về với bà.

Con Quyên ra đi thì lòng mừng khấp khởi, miệng chúm chím cười. Tuy nó mặc đồ vải bô, song mặt nó trắng tươi, môi nó đỏ lòm, gò má nó tròn vìn, chơn mày nhỏ nhỏ mứt, bàn tay nó dịu nhiểu, tướng nó đi khoan thai, bởi vậy đi dọc đường, ai gặp nó cũng ngoái đầu lại mà ngó rồi hỏi thầm rằng: "Con nhà ai ở đâu, coi bộ thì nghèo mà ngộ nghĩnh quá vậy kia".

Xuống tới cửa bà Hương quan Tồn, bà hai Én nói với con Quyên rằng: “Đây nè, nhà bà Hương quan là nhà này đây. Cháu vô đó, để bà đi xuống Càng Long rồi chiều bà về bà ghé bà rước nghe hôn”.

Con Quyên bước vô cửa ngỏ, thì trong bụng hồi hộp, nên nó đứng lại mà ngó chừng bà hai Én. Bà hai Én đi được ít bước rồi, bà day lại thấy con nhỏ dụ dự, bà mới nói rằng: “Phải mà. Vô đi”.

Con Quyên nghe đốc nó bớt sợ, nên bước tới, mà cặp mắt ngó láo liên, có ý kiếm coi anh nó có đứng đâu đó hay không. Nó vô tới giữa sân mà cũng không thấy ai hết, duy có một con gà cồ đương bươi dựa đống rơm và kêu túc túc, rồi một con gà mái dắc một bầy gà con áp lại lăng xăng. Nó không biết ai mà hỏi thăm anh nó, nên nó giục giặc, ngóng vỗ dòm vô nhà. Có một con chó vàng nằm úp đâu trong cửa không biết, thình lình chạy ào ra, rồi xốc tới sủa vang rân. Con Quyên sợ chó cắn, nên la tiếng bài hải.

Con Ngói ở nhà sau, nghe chó sủa lật đật chạy lên. Nó bước ra cửa, ngó thấy con Quyên nó không biết là con nhà ai, nó la chó nín rồi nó hỏi rằng:

– Vô chi đây? Đi bậy chó cắn thì chịu lấy đa.

– Không biết có anh hai tôi ở nhà hôn chị?

– Anh hai mầy là ai?

– Anh Tý ở với bà đây.

– À ạ, thằng Tý! Mầy là em nó phải hôn?

– Phải.

– Hỏi nó làm gì?

– Tôi kiếm đặng thăm ảnh.

– Không có nó ở nhà. Nó thả trâu ăn ngoài ruộng, tối nó mới về.

Con Quyên nghe nói như vậy thì ngẩn ngơ, không biết liệu lẽ nào. Nó vừa muốn trở ra lộ ngồi mà chờ anh nó, thì kế bà Hương quan bước ra hỏi rằng: “Giống gì vậy?”. Con Ngói day lại thưa với bà rằng có em thằng Tý đến kiếm nó. Bà Hương quan ngó ra ngoài sân, bà thấy con Quyên thì bà cười và nói rằng: “Đâu vô đây coi nào. Trong thế hỗm nay thằng Tý lâu về nên nó xuống thăm chớ gì. Vô biểu đây”.

Con Quyên nghe bà kêu thì nó ríu ríu bước lên thềm. Con chó vàng chạy theo ngừ ngừ, làm cho con Ngói sợ cắn con nhỏ, nên

bước xuống đạp trên lưng con chó một cái, nó la cẳng cẳng, rồi xụ đuôi chạy tuốt ra chuồng trâu.

Bà Hương vô nhà ngồi têm trầu mà ăn. Con Quyên đứng xớ rớ ngoài hàng ba, không dám vô. Bà sai con Ngói ra dẫn nó vô cửa rồi bà hỏi nó rằng:

– Mầy kiếm thằng Tý chi vậy;

Ông ngoại mầy biểu mầy đi phải hôn?

– Thưa, không. Tôi xin với ông ngoại tôi đặng tôi đi.

– Mầy nhớ thằng Tý lắm hay sao, nên xuống thăm nó?

– Dạ, thưa nhớ.

– Nó thương mầy hay không mà mầy nhớ nó?

– Thưa, thương chớ.

– Mầy mấy tuổi?

– Thưa, 8 tuổi.

Bà Hương quan ngồi nhắm con nhỏ một hồi bà thấy gương mặt nó ngộ nghĩnh, nghe cách ăn nói nó dạn dĩ, bà thương nên bà hỏi nữa rằng: “ Mầy muốn ở đây với anh mầy hôn? Như chịu ở, thì tao nói với ông ngoại mầy đặng tao mướn luôn mầy nữa. Sao? Chịu hôn?”.

Con Quyên đã lột cái khăn xuống mà cầm trong tay, chừng nó nghe bà Hương quan hỏi như vậy thì nó đưa một cái chéo khăn vô miệng mà cắn, day mặt ngó ra ngoài sân, không biết trả lời thế nào. Bà Hương quan cứ theo hỏi nó chịu ở hay không hoài túng thế nó phải nói rằng:

– Tôi ở rồi bỏ ông ngoại tôi ở nhà có một mình hay sao?

– Vậy chớ mầy ở nhà lại có ích gì?

Con Quyên cười mà nó không chịu nói nữa. Bà Hương quan ngó nó một hồi nữa, rồi bà kéo gối nằm trên ván và nói với nó rằng: “ Mầy ở với tao, thì tao may áo tốt quần tốt cho mà bận, tao cho ăn bánh ăn trái. Mầy sung sướng tấm thân, mà lại được gần anh mầy, khỏi nhớ nó nữa. Mầy ở lâu rồi không biết chừng tao mua bông tai, tao mua vòng đồng, tao mua kiềng, mua cà rá cho đeo. Chịu ở hôn?”.

Con nhỏ cứ chúm chím cười hoài, không chịu mà cũng không từ. Bà Hương quan chắc nó chịu rồi, nên bà kêu con Ngói mà biểu

rằng: "Dắc nó ra đằng sau nó chơi, đặng chiều thằng Tỷ về, anh em nó thăm nhau".

Con Ngói thấy con Quyên dễ thương, nó muốn cho con nọ ở đặng đỡ tay đỡ chơn cho nó, nên nó cho ăn ổi, ăn mận, nó theo o bế dụ dỗ cho con nhỏ chịu ở.

Đến chiều, con Quyên đương ngồi trong bếp mà coi con Ngói nấu cơm. Bà hai Én đi Càng Long về, bà ghé kiếm đặng dắc nó về. Bà Hương quan không cho nó về. Bà lại nói với bà hai Én rằng: "Thím về ghé nói giùm với Hương thị Tào mai xuống tôi biểu. Còn con nhỏ này nó xuống thăm anh nó, mà nó chưa gặp thì nó về sao đặng. Thôi, thím về đi, để nó ở đây, nhớ ghé nói giùm với Hương thị Tào một chút nghe".

Bà hai Én ra về chừng một lát, thì con Quyên nghe ngoài lộ có tiếng hát om sòm. Nó biết tiếng hát đó là tiếng của anh nó, nên lật đật chạy ra đứng chỗ mấy cây mận mà dòm. Bà Hương quan thấy vậy tức cười, nên bà bước lên nhà trên có ý rình coi anh em nó gặp nhau, cách mừng thể nào.

Thằng Tý ngồi trên lưng trâu, đả quẹo vô cửa ngỏ rồi mà cũng còn hát. Con Quyên vừa ngó thấy anh nó thì nó đâm đầu chạy ra kêu rằng: "Anh Hai! Anh Hai!". Thằng Tý nghe kêu, liền ngó vô. Nó thấy em nó thì nó nín hát và hỏi rằng: "Ủa em! Em xuống hồi nào đó? Đi với ai?".

Con Quyên ra tới sân, mà nó sợ trâu, nên đứng xa đáp rằng:

– Tôi xuống từ hồi xế tới giờ.

– Xuống chi vậy?

– Xuống thăm anh chớ chi.

– Em đi với ông ngoại phải hôn?

– Không. Tôi đi với bà Hai.

– Bà Hai nào?

– Bà Hai ở trên giồng trên.

– Em vô nhà chơi, để qua lùa trâu vô chuồng rồi qua vô.

Thằng Tý nhảy xuống lùa trâu vô chuồng. Con Quyên đứng ngó, coi bộ nó vui vẻ lắm. Thằng Tý nhốt trâu xong rồi mới chạy lại nắm tay em nó mà dắc vô nhà sau, anh em nói chuyện lăng liu vui cười. Bà Hương quan dòm thấy biết anh em nó thương yêu nhau lắm.

Thằng Tý hỏi lại mới hay bà Hương quan muốn mướn luôn con Quyên, nên không cho nó về, mà lại nhắn ông ngoại nó xuống đặng cho bà nói chuyện.

Tối lại bà Hương quan lên nhà trên mà ngủ. Có một mình con Ngói ở trển với bà mà thôi, còn bạn bè khác đều ngủ ở nhà sau. Thằng Tý dắc con Quyên lại bộ ván nhỏ dựa vách mà nằm.

Trời chuyển mưa từ hồi mới tối mà mưa không được, đến bây giờ thình lình ngoài hè hột mưa đổ ào ào, ngọn gió thổi vụt vụt. Con Quyên lạ nhà, lại nghe giông mưa nó sợ, nên nằm khít một bên anh nó rồi hỏi nhỏ anh nó rằng:

– Bà biểu tôi ở dưới này, ở được hôn anh?

– Sao lại không được, bà tử tế lắm.

– Mình ở hết rồi ông ngoại làm sao?

– Ờ, nếu ở hết dưới này, thì ông ngoại có một mình. Để mai ông ngoại xuống coi ông ngoại tính làm sao. Nếu ông ngoại chịu cho em ở, thì em ở, có qua đây, không sao đâu mà sợ. Xưa rày em ở nhà, em có đi chơi đi vời gì hay không?

– Không.

– Ờ, đừng có đi chơi, nghe hôn em. Má hồi trước cũng tại đi chơi nên mới chết đó, nói cho em biết.

Hai đứa nói chuyện tới đó, kế con Ngói bước xuống kêu con Quyên mà nói rằng: “Bà biểu mầy lên nhà trên mà ngủ với tao. Đi cho mau”.

Con Quyên dụ dự, muốn ở nhà dưới mà ngủ với anh nó. Thằng Tý sợ trái ý bà Hương quan rầy, nên thối thúc em nó đi, cực chẳng đã con Quyên phải lên nhà trên.

Sáng bữa sau, thằng Tý lùa trâu đi ăn. Bà Hương quan bắt con Quyên ở trên nhà trên với bà hoài. Bà sai nó đi lấy trầu, đi múc nước, lấy chổi quét ván, hốt bỏ xát cau. Nó làm coi nhậm lẹ gọn gàng, bà thấy như vậy thì bà vừa ý lắm.

Đến trưa, Hương thị Tào xuống, con nhỏ thấy ông ngoại nó, thì chạy ra mừng. Bà Hương quan chào hỏi, rồi biểu lấy trầu ăn, rồi bà nói rằng: “Tôi thấy con nhỏ này, sao tôi thương nó quá. Hôm qua tôi không cho nó về. Tôi nhắn chú xuống đặng tôi nói với chú để nó ở luôn với tôi, được hôn? Nó ở có anh có em vậy nó vui. Chớ để nó ở nhà thì nó đi chơi, chớ có ích gì”.

Hương thị Tào ngồi lặng thinh, không biết sao mà trả lời. Bà Hương quan bèn nói tiếp rằng: "Chú Hương cũng biết gia đạo của tôi hết, nên tôi chẳng giấu làm chi. Tôi có hai đứa con, mà đứa lớn thì có chồng xa, cả năm nó mới về thăm một lần, còn thằng nhỏ nó hoang đàng, tôi giận tôi đuổi nó đi mất mấy năm nay. Tôi ở nhà nó một mình, buồn quá, nên tôi muốn có một đứa con gái nhỏ ở hủ hỉ, coi têm trầu pha nước cho tôi vậy mà. Tôi coi bộ con nhỏ này được nên tôi muốn nó ở với tôi. Không phải tôi mướn nó ở, tôi muốn nuôi nó như con cháu trong nhà. Vậy để tôi cho chú ít chục đồng bạc làm vốn mà buôn bán. Chú để nó ở với tôi, tôi may áo quần cho nó bận, tôi sắm vòng sắm vàng cho nó đeo, ở gần bên đây, chú có nhớ thì chú chạy xuống thăm nó, hoặc tôi cho nó về thăm chú, xa xác gì đó mà sợ".

Hương thị Tào đứng dậy chấp tay thưa rằng: "Thưa bà, bà thương cháu tôi, bà muốn như vậy thì tôi đội ơn bà lắm. Cháu tôi nó ở dưới này thì sung sướng tấm thân nó. Nó ở với tôi thì nó chơi, chớ mới bây lớn mà biết làm việc gì. Ngặt vì tôi làm như vậy, thì sợ e miệng thế gian họ nói con rể tôi chết, để hai đứa con lại cho tôi, tôi đợ một đứa, còn một đứa tôi bán mà ăn, nghe cũng kỳ quá".

Bà Hương quan cười và đáp rằng:

– Chú sợ như vậy cũng phải. Mà họ nói sao họ nói, thây kệ họ, miễn là chú không có bụng như vậy thì thôi, sợ làm sao? Tại tôi muốn, chớ phải chú đem đi bán nó hay sao mà chú ngại?

– Thưa bà, như bà muốn con Quyên ở với bà, thì tôi để nó ở, song tôi không nỡ lấy đồng tiền nào hết. Nếu bà thương nó bà cho quần áo đặng nó mặc cho lành lẽ thì cũng đủ rồi.

– Tự ý chú. Như chú ngại, không chịu lấy tiền, để tôi sắm đồ cho con nhỏ cũng được. Bữa nay sẵn có chú xuống đây, thôi để tôi nói chuyện thằng Tý với chú luôn thể. Nó ở còn vài tháng nữa thì đủ. Tôi muốn nói với chú để nó ở luôn với tôi, chừng nào nó khôn lớn rồi chú sẽ đem nó về lo vợ cho nó đặng nó làm ăn, chớ bây giờ nó còn nhỏ quá, chú bắt nó về làm gì. Chú để ở với tôi, bắt đầu năm tới tôi cho chú 24 đồng, thủng thẳng nó lớn thì tôi thêm tiền lần lần. Tôi biết xét công cho bạn bè trong nhà lắm chớ không phải hẹp hòi như người ta đâu. Tôi thấy tánh ý nó tôi thương, nên tôi không muốn nó thôi. Chú hỏi thử nó coi ở với tôi có cực khổ gì không thì biết.

– Thưa bà, thuở nay nó về nó thường nói nó mến cái đức của bà lắm, chớ nó có phiền bà chi đâu.

– Chú để nó ở luôn với tôi, chừng 19, 20 tuổi nó cưới vợ rồi, tôi để đất cho nó làm kiếm cơm ăn.

– Bà thương con nhà nghèo côi cút, nên bà tính như vậy, thiệt tôi cảm ơn bà không biết chừng nào. Đã biết hễ nó ở với bà thì tôi có tiền tôi ăn, mà đều làm như vậy thì tội nghiệp thân nó quá.

– Để chiều nó về, chú hỏi coi nó chịu ở nữa hay không thì biết.

– Tôi biết ý cháu tôi. Hễ hỏi thì nó chịu ở liền. Nó thấy tôi nghèo nó muốn giúp đỡ tôi. Năm trước nó nói quá nên tôi mới đem mà cho ở với bà đó, chớ có phải tại tôi muốn đợ nó đâu. Bây giờ thêm có con em nó ở đây, sợ tôi bắt nó về nó cũng không thèm về nữa chớ.

– Thôi, để nó ở với tôi. Chú có cần dùng tiền bạc đặng mua lúa gạo mà ăn, hoặc mua đồ đạc mà bán, thì nói cho tôi biết, tôi đưa trước cho. Muốn mấy chục cũng được, đừng có ngại chi hết.

– Thưa bà, lúc này tôi chưa túng.

– Ờ, như có tiền thì thôi, chừng nào có túng thì xuống đây tôi đưa cho.

Bà Hương quan kêu con Quyên mà nói rằng: "Ông ngoại mầy chịu để mầy ở dưới này với bà rồi đá. Để sáng mai bà dắc đi chợ Vũng Liêm bà mua đồ về may áo quần cho mà bận. Bữa nào có nhớ ông ngoại, thì bà biểu thằng Tý nó dắc đi về thăm, không sao đâu mà sợ".

Con Quyên ngó ông ngoại trân trân, nửa muốn ở đây cho gần anh, mà nửa sợ bỏ ông ngoại ở nhà một mình quạnh hiu nên nó lặng thinh, không biết sao mà nói. Hương thị Tào thấy như vậy mới nói rằng: "Bà thương cháu, bà muốn như vậy, thôi cháu ở đây với bà. Ông cũng để thằng Tý nó ở luôn với cháu. Có nó đó, không sao đâu mà cháu sợ. Lâu lâu ông xuống ông thăm, hay là cháu có nhớ thì xin phép với bà về trển chơi. Cháu chịu hôn?"

Con Quyên gật đầu, mà nó ứa nước mắt.

Bà Hương quan cầm Hương thị Tào ở chơi, đến chiều thằng Tý về, bà kêu mà hỏi nó cũng chịu ở nữa. Nó nói rằng: "Tôi ở với bà hoài, ở tới lớn rồi sẽ về". Bà Hương quan gắn bó quá, mà hai đứa cháu cũng thuận theo bà, Hương thị Tào không biết nói sao cho được, nên phải để cho hai đứa nhỏ ở.

Từ đây con Quyên được bà Hương quan yêu mến, nên phận nó sung sướng vô cùng, còn thằng Tý, tuy là ở đợ, song nó được ở chung với em nó một nhà, nên nó chẳng còn việc chi làm buồn rầu nó nữa, duy nó thương ông ngoại nó già cả vào ra hiu quạnh, sớm tối một mình đó mà thôi.

Bà Hương quan Tồn thiệt là tử tế. Con Quyên mới chịu ở với bà bữa trước, thì qua bữa sau bà mua cho nó một đôi bông tai nhỏ, một cái lược cài, một cái khăn lụa màu bông hường. Bà biểu thợ bạc đo tay mà làm cho nó một chiếc vòng trơn với một chiếc đồng bánh ú. Bà lại mua một cây lãnh, một xấp lụa đem về, lãnh thì bà cắt may quần, còn lụa thì bà may áo dài, áo vắn đủ thứ cho nó bận.

Bà không cho nó làm việc gì khác trong nhà, bà dặn nó ngày như đêm phải ở xẫn bẩn một bên bà, đặng bà sai nó têm trầu, rót nước, thay ống nhổ, cạo bình vôi cho bà mà thôi. Tối thì nó nói chuyện thỏ thẻ cho bà nghe, trưa thì nó nhổ tóc ngứa cho bà ngủ.

Tuy con Quyên chưa đủ trí khôn, song nó thấy bà Hương quan thương yêu nó, cho nó mặc quần lãnh áo lụa, cho nó đeo bông đeo vang, cho nó bánh nó ăn, cho nó mền nó ngủ, thì nó cảm ân nghĩa của bà, nó quyết ráng sức làm cho vừa lòng bà, bà dặn việc gì thì nó làm y lời, chẳng hề dám để sai sót.

Có một đêm, bà buồn không biết chuyện gì mà nói, bà bèn hỏi thăm con Quyên về việc cha mẹ nó. Chẳng hiểu thằng Tý có dặn trước nó hay không, mà nó nói mẹ nó ngủ ban đêm bị ăn trộm lén vô nhà đánh chết, còn cha nó đi sông lớn bị chìm ghe chết trôi. Nó giấu biệt, không chịu nói tới Hương hào Hội, mà cũng không chịu nói cha nó đạp mẹ nó té bể đầu. Mà nó nói chuyện cha mẹ nó, thì sắc mặt nó coi sầu não lắm, dường như đau đớn mà nhắc tới mẹ cha. Bà Hương quan thấy vậy bà động lòng, nên từ đó về sau, bà không hỏi tới chuyện ấy nữa.

Bà Hương quan ít con, không có cháu, nên bà thấy con Quyên ngộ nghĩnh bà thương, nghĩ chẳng là gì. Mà bà thương nó, khác hơn mấy đứa ở trong nhà, bà nuôi nó mới được năm bảy tháng, thì bà cho nó ăn một mâm, ngủ một mùng với bà, đi đâu bà cũng dắc nó theo, ở nhà thì bà không rời nó một giây phút. Người lạ họ không biết gốc tích con nhỏ, ai thấy cách bà đối đãi với nó như vậy, thì cũng tưởng nó là con ruột hay cháu ruột của bà.

Cô hai Phiên, là con gái của bà, về thăm ngó thấy bà nuôi con Quyên, cô cũng vui lòng, cô không ngăn cản chi hết.

VII
ANH VÔ TÌNH, EM CÓ NGHĨA

Thằng Tý với con Quyên được ở chung một nhà rồi, mà lại ở nhằm nhà nhơn đức, thì chẳng có việc chi lạ mà phải tả cho dài.

Bữa nào bà Hương quan cho con Quyên hoặc bánh hoặc trái cây, thì nó ăn phân nửa mà thôi, còn phân nửa nó ca củm giấu để dành tối nó lén cho anh nó ăn.

Trong một vài tháng Hương thị Tào xuống thăm hai cháu một lần, mà hễ lâu xuống thì sấp nhỏ xin phép bà Hương quan rồi dắc nhau về mà thăm ông.

Tuy hồi mới để cho con Quyên ở, Hương thị Tào không chịu lấy tiền, song cách ít tháng sau bà Hương quan đưa 50 đồng bạc, bà nài nỉ ép quá, nên Hương thị Tào phải lấy.

Thằng Tý ở mỗi năm bà Hương quan trả thêm tiền công cho nó năm ba đồng hoài, mà trả bao nhiêu nó cũng giao hết cho ông ngoại nó, chớ nó không chịu lấy mà xài đồng nào.

Nó ở cho tới nó được 20 tuổi, ông ngoại nó già yếu nên đau hoài. Nó thấy vậy mới xin với bà Hương quan cho nó thôi, đặng về nhà mà nuôi dưỡng ông ngoại nó. Bà Hương quan mướn nó ở trong nhà trọn 8 năm bà biết tánh nó thiệt thà siêng năng, không chơi bời, không gian giảo, nên bà cho nó thôi mà bà còn cho nó mướn 50 công đất và bà giúp cho nó mượn 50 đồng để làm vốn mà làm ruộng ấy.

Hương thị Tào nhờ cháu ở đợ mấy năm, ông lấy tiền nên ông khỏi túng rối, mà chừng thằng Tý trở về, ông lại có dư trong nhà được ba bốn chục đồng bạc. Ông đưa hết số bạc ấy cho cháu. Thằng Tý không lấy, ông không chịu, túng thế nó phải lấy mà nhập với 50 đồng bạc của bà Hương quan cho mượn đó để mướn công phát công cấy.

Thằng Tý ở trong nhà làm ruộng được 8 năm, nó thông thạo nghề ấy lắm. Năm đầu nhờ trúng mùa, nhờ chủ ruộng cho mướn rẻ, mà lại nhờ có lúa phát giá nữa, nên nó có dư được vài trăm đồng bạc. Nó đem trả lại 50 đồng bạc cho bà Hương quan. Bà muốn cho nó mượn nữa; mà vì nó nói nó có vốn đủ rồi, nó không chịu lấy, nên bà phải thâu mà cất.

Nó làm ruộng mới vài mùa, mà đã dư tiền, mua được một đôi trâu. Nó thấy ông ngoại nó đã già yếu, lại buôn bán nhỏ nhỏ không được bao nhiêu, nên nó dẹp quán, rồi hỏi đất của bà Hương quan ở đầu dưới xóm Giồng Ké, dỡ nhà về đó cất lại rộng hơn mà ở, đặng có chỗ cầm trâu, đạp lúa.

Người ở trong làng trong xóm thấy thằng Tý nhỏ tuổi mà biết lo làm ăn, lại có bà Hương quan đỡ đầu, chắc trong ít năm nay nó sẽ làm giàu được, nên ai cũng muốn gả con, hoặc gả em cho nó. Chẳng hiểu vì cớ nào hễ nó nghe ai nói tới chuyện cưới vợ, thì nó xụ mặt châu mày rồi bỏ đi chỗ khác.

Có một bữa nó xuống thăm bà Hương quan với con Quyên, bà Hương quan thình lình hỏi nó rằng:

– Tý, nghe họ nói mầy kén vợ lắm, con ai mầy cũng chê hết thẩy, thiệt có như vậy hay không?

– Thưa bà, tôi có dám chê ai đâu.

– Không chê, mà sao đã 23, 24 tuổi rồi lại chưa chịu cưới vợ?

– Thưa, tại tôi không muốn vợ, để ở như vầy đặng nuôi ông ngoại tôi.

– Vậy chớ có vợ rồi mầy nuôi ông ngoại mầy không được hay sao?

– Thưa, cũng được. Mà đàn bà con gái đời này kì cục lắm, cưới họ về mà mang khốn, chớ có ích gì.

– Sao vậy?

– Tôi thấy vợ của họ ăn no xách đít đi chơi hoài, rồi còn sanh sứa lấy trai nữa, hễ họ nói nó chưởi tướp trên đầu, tôi ghê quá, nên tôi nhất định không thèm cưới vợ.

– Thằng này nó nói kì quá! Đàn bà con gái có đứa nên đứa hư, chớ hư hết hay sao. Mầy lựa đứa thiệt thà mà cưới, ai biểu cưới đồ bậy làm chi.

– Thưa, biết ai tử tế mà lựa.

– Thiếu gì. Để thủng thẳng tao kiếm cho.

– Thôi, đừng có kiếm, bà.

– Sao vậy?

– Tôi không muốn có vợ, khó lòng lắm.

– Mầy tu hay sao?

– Thưa, không phải tu, tôi sợ vợ rồi lộn xộn lắm, nên tôi không dám.

– É, nói bậy nà. Lộn xộn cái gì? Để tao kiếm chỗ tử tế rồi tao nói giùm cho. Đừng có cãi. Phải cưới vợ đặng nó lo cơm nước cho mà ăn chớ.

Thằng Tý nghe bà Hương quan rầy, nó không dám cãi nữa, nhưng mà bộ nó coi không vui.

Đó, trong khoảng mấy năm đã qua rồi, chuyện thằng Tý chỉ có bấy nhiêu đó mà thôi.

Bây giờ phải thuật tới chuyện con Quyên.

Con Quyên ở với bà Hương quan trong ba năm đầu chẳng có việc chi lạ, bà cứ thương yêu nó, nó lo phục sự bà. Chừng nó được 11 tuổi, có một thầy giáo, gốc ở Gò Ân, xuống Phú Tiên xin ở đậu nhà Hương thân Lái, rồi mở trường tư mà dạy con nít trong xóm học. Bà Hương quan Tồn vốn là người ham cho con đi học, ngày trước bà ép cậu ba Giai không được, bà lấy làm tức giận vô cùng. Hôm nay bà nghe có thầy giáo khai trường mà dạy một bên nhà, thì bà mừng, nên bà cho con Quyên đến đó mà học, mà bà lại dặn thầy giáo dạy cho cần, muốn ăn tiền thêm bà trả cho.

Con Quyên mới học một năm thì chữ quốc ngữ nó viết mau, mà nó đọc cũng lẹ. Bà Hương quan đắc ý lắm, bà đi Vĩnh Long mua các thứ, thơ với truyện mà để trong nhà, rồi tối tối bà biểu con Quyên đọc cho bà nghe. Bà nghĩ con Quyên học, bà không thất công tốn của bao nhiêu, mà bây giờ nó giúp vui cho bà được, bởi vậy bà muốn cho nó học thêm nữa, học hoài chừng nào hết chữ của thầy giáo mới thôi. Tiếc thay! Thầy giáo dạy mới được có một năm rưỡi, rồi thầy mích lòng sao với thầy giáo trường làng Giồng Ké đó không biết, thầy sợ người ta kẻ thầy dạy lậu, thầy bị tội, nên thầy thôi dạy, từ giã cha mẹ học trò mà trở về xứ sở.

Bà Hương quan tức giận, ngày trước đứa đi học được lại không chịu học, bây giờ đứa ham học lại không có thầy, bà nhắm nhía muốn đem con Quyên mà gởi ở nhà quen trên Vũng Liêm cho nó học. Bà muốn như vậy, mà rồi bà nghĩ nếu cho con Quyên đi học xa, thì còn ai hôm sớm hủ hỉ với bà, bởi vậy bà muốn mà bà không làm được.

Mà bà Hương quan không cho con Quyên học chữ nữa được, chớ bà bắt nó ở nhà bà cũng không chịu để nó ở không. Bà tính dạy cho

nó có đủ nữ công nữ hạnh. Bà mới chịu khó chỉ cho nó tập may áo quần, dạy cho nó biết làm bánh bò bánh nem. Thường thường bà hay sửa bộ đi bộ đứng, cách nói cách cười cho nó. Bà tỏ vẻ chỗ tốt chỗ xấu bà cắt nghĩa chỗ hư chỗ nên cho nó hiểu. Nhờ bà dày công dạy dỗ tập rèn, nên chừng con Quyên được 16, 17 tuổi, thì công dung ngôn hạnh mọi bề đều vẹn vẻ. Đã vậy mà nó càng lớn thì nhan sắc càng thêm xinh đẹp, nước da trắng nõn, gò má ửng hồng, môi đỏ như thoa son, răng đều như hột bắp. Ở trong làng những người giàu có mà có con trai, ai thấy nó cũng gấm ghé trầm trồ, hềm vì nó không phải tôi tớ, mà cũng không phải con nuôi của bà Hương quan, nên ai nấy đều dụ dự, chưa ai chịu bước tới.

Một bữa nọ, nhằm tiết tháng 7 trời mưa lu ầm lu ỳ. Ngoài đồng nông phu làm lăng xăng, người thì lo phát cỏ, kẻ thì lo trục đất. Mấy đám mạ, gió thổi dợn sóng vàng vàng; trong hào ấu, trái già cuốn lá đỏ đỏ.

Hai vợ chồng cô hai Phiên về thăm bà Hương quan. Lối nửa chiều, bà Hương quan nằm ngửa trên ván và xổ đầu cho con Quyên nhổ tóc ngứa. Thầy thông Cam với cô hai Phiên đương ngồi bên bộ ghế trường kỷ mà ăn ổi. Thình lình cô hai Phiên nói với mẹ rằng:

– Thằng ba bây giờ nó ở trên Sài Gòn, má à.

– Thằng ba nào?

– Thằng Giai.

– Nó ở đâu thây kệ nó, nói với tao làm chi.

Cô hai Phiên liếc mắt ngó thầy thông Cam rồi hai vợ chồng chúm chím cười. Cô nín thinh một lát rồi cô nói nữa rằng:

– Bây giờ nó có vợ rồi, coi bộ nó chí thú làm ăn quá.

– Cha chả! Có vợ nữa há!

– Nó kiếm con ai đó không biết, bộ cũng dễ coi.

– Đồ đĩ đâu đó, chớ người tử tế, ai mà thèm nó.

– Tôi không hiểu. Hôm trước nó có xuống nhà tôi...

– Xuống làm gì? Tao đã có dặn hễ nó tới thì lấy chổi cùn chổi quét mà quơ nó ra, đừng cho nó vô nhà, mầy có đuổi nó hôn?

– Má giận nó, chớ vợ chồng tôi có cái gì giận nó đâu mà đuổi nó cho được.

– Mầy cho nó lân la tới nhà rồi đây nó lấy đồ mầy hết đa, nói cho mà biết.

– Má nói quá! Bây giờ nó lớn rồi, nó biết phải biết quấy, chớ phải như hồi nhỏ hay sao.

– Ừ! Thứ đồ du côn ăn cướp, nhắc tới nó tao ghét quá.

– Bây giờ coi bộ nó biết lỗi rồi. Bữa hôm nó xuống, nó khóc, năn nỉ với vợ chồng tôi quá. Nó nói hồi nhỏ nó khờ dại ham chơi, không chịu học, cứ ăn cắp tiền của má mà xài bậy xài bạ, làm cho má nhọc lòng. Bây giờ nó khôn lớn rồi, nó biết nó làm như vậy thì là lỗi với má lắm. Nó mượn vợ chồng tôi về thưa với má cho phép nó về nó lạy má mà xin lỗi, rồi vợ chồng nó ở với má.

– Ối! Thôi! Thôi! Tao với nó không còn tình mẹ con gì nữa. Nó đừng có về đây mà chọc giận tao. Tao đã nhứt định tao từ nó rồi. Tao nói cho vợ chồng bây biết, ngày nào tao chết, bây cũng đừng cho thằng quỉ đó hay, nếu bây cãi lời tao bây cho nó về đây, nè, tao bứt néo đa. Tao nghĩ lại cha của bây thiệt là vô phước. Đầu đuôi có một thằng con trai, mà nó hoang đàng, làm xấu hổ cho tông môn không biết chừng nào.

– Nó ham chơi, chớ nó giống gì đâu mà xấu hổ?

– Cho học không chịu học, ở nhà lại ăn cắp tiền của cha mẹ, làm như vậy là xấu hổ, chớ mầy còn muốn nó làm sao nữa hử?

– Phải, hồi nhỏ nó dại, nó làm quấy như vậy, mấy năm nay má giận má bỏ nó cực khổ, thì phạt nó đã vừa rồi, bây giờ nó ăn năn, nó xin má tha lỗi cho nó, thôi má hỉ xả [1] đặng nó về ở hũ hĩ với má thì tốt hơn.

– Tao không cần. Vợ chồng bây ở xa, tao có con Quyên nó lo bữa cơm bữa nước cho tao thì đủ rồi. Vậy chớ gần 10 năm nay không có nó, tao lại chết mấy thây?

– Má làm như vậy họ nói chớ.

– Nói giống gì? Nói làm sao.

– Họ nói con má đẻ mà má không thương, má bỏ bù lăn, bù lóc, không cơm đủ mà ăn, không có áo lành mà bận.

– Họ nói thây kệ họ. Thuở nay tánh tao như vậy đó đa. Tao có

---

1. *Hỉ xả:* vui vẻ mà tha lỗi.

của, thà là tao để cho người dưng ăn, chớ thứ con ngổ nghịch, cho ăn uổng lắm.

Cô hai Phiên nghe mẹ nói như vậy thì sắc mặt cô buồn xo, cô đứng dậy bỏ đi ra nhà sau. Thầy thông Cam đốt một điếu thuốc mà hút và nói rằng:

– Xin má xét lại, chớ má nói như vậy thì tội nghiệp cho thân thằng ba.

– Nó làm quá bụng tao rồi, không còn gì nữa mà tội nghiệp.

– Thằng ba nó là con trai, mà má không cho nó về đây, thì vợ chồng con về làm sao được.

– Sao bây về không được?

Thầy thông Cam nín khe, không trả lời. Thầy đi lại đứng dựa cửa mà ngó mông ra sân. Nãy giờ con Quyên ngồi tần mần nhổ tóc ngứa cho bà Hương quan, nó nghe đủ mọi điều song nó không chen vô mà nói một tiếng chi hết.

Vợ chồng cô hai Phiên ở chơi vài bữa rồi dắc nhau về Mỹ Tho. Chẳng hiểu có nói lại với cậu ba Giai làm sao, mà cô về chừng một tuần lễ, thì cậu ba Giai gởi cho bà Hương quan một cái thơ. Bà Hương quan biểu con Quyên mở thơ ra đọc cho bà nghe. Trong thơ cậu ba Giai chỉ năn nỉ xin lỗi với mẹ mà thôi, chớ cậu chẳng dám phiền trách mẹ chút nào hết.

Song khúc sau chót, cậu có viết mấy câu này:

"Phận con làm con bất hiếu, nên má giận má từ. Con cam chịu, chớ con không dám phiền trách má. Con tức một đều này, là cha mẹ giàu có mà con ruột không được nhờ, còn người dưng đặc sệt, ở đâu không biết, họ lại chen vô họ hưởng. Thuở nay, người ta thường nói: tay cắt tay bao nỡ, ruột cắt ruột sao đành. Đã biết con làm quấy, tự nhiên má giận, mà mẹ giận con bất quá giận một đôi năm rồi thôi, chớ không lẽ bỏ đứt được. Hôm nay má nhứt định đoạn tình mẫu tử, mà cấm biệt không cho con về nhà, dầu đến ngày má nhắm mắt mà theo ông bà, con cũng không được léo tới mà cư tang báo hiếu nữa. Má là một bà mẹ hiền đức, có lý nào con má đẻ mà má nỡ oán thù đến thế. Con biết rồi: Ấy là tại có người thân cận với má, nhơn má thương yêu họ, họ kẽ ra kẽ vô, họ vì mối lợi mà họ làm cho mẹ con ta lìa nhau, nên mới ra cớ sự như vầy. Thôi cái tuổi của con không được gần má, không được phụng sự má, không được hưởng nhờ

của phụ ấm, thì con cam chịu, con đâu dám buồn. Con rất vui lòng mà nhượng phần ăn của con cho người dưng họ hưởng, theo như ý má muốn. Má đẻ con ra rồi má nuôi con cho nên vai nên vóc, công ơn ấy đã nặng nhiều rồi, con đâu dám đèo bòng việc chi nữa. Tấm thân con trôi sông lạc chợ, ăn quán ngủ đình, con chẳng sá gì. Con buồn là buồn phận má già yếu rồi, mà con không được gần đặng hầu tô nước chén cơm đó thôi, chớ gia tài sự nghiệp dầu má để cho con ăn, hay là má định cho người dưng hưởng, con cũng vui lòng luôn luôn, sự ấy con chẳng hề để ý đến".

Bà Hương quan nghe đọc mấy câu, tuy bề ngoài đủ lễ nghĩa, song bề trong có ý gay gắt như vậy, thì bà giận câm gan, còn con Quyên đọc tới đó thì nó ứa nước mắt. Con nọ đọc dứt rồi bà bèn óng tiếng nói om sòm rằng: "Nó nói gay nói gắt để tao làm cho nó biết chừng. Thuở nay tao nuôi con Quyên tao thương thiệt, mà con nhỏ ở với tao, nó lo miếng ăn miếng uống cho tao, nó hầu hạ tao, nó có kẻ vạch, nói ra nói vô tiếng gì đâu, sao nó ghét con nhỏ, rồi kiếm lời nói cay nói đắng như vậy. Nó có lỗi mà nó không ăn năn, lại trở oán người khác, nó muốn như vậy để tao lên Tòa, tao làm tờ từ nó, rồi tao nhìn con Quyên là con của tao, tao chia gia tài cho con Quyên, thử coi nó làm sao tao cho biết mà".

Con Quyên nghe bà nói như vậy, thì nó khóc mướt. Bà hỏi tại sao nó khóc, thì nó thưa rằng:

– Bẩm bà, cậu ba nói đó phải lắm, xin bà chớ nên giận cậu.

– Phải cái gì? Sao mà mầy nói phải? Tao banh da xẻ thịt mà đẻ ra nó. Chừng nó trộng rồi, tao biểu nó đi học, đặng ngày sau nó hay chữ, khỏi bị người ta lường gạt hiếp đáp, chớ phải tao bắt nó làm việc gì ích lợi cho tao hay sao. Nó không chịu học, cứ lo xài tiền hoài. Tao giận, tao bắt nó về. Tao tính nó không chịu học, thôi để nó ở nhà lo vợ cho nó, rồi tập nó làm ruộng. Nếu nó muốn nên như người ta, thì nó lo làm ăn, làm cho có tiền có lúa cho nhiều, rồi sau nó làm làng làm tổng cũng tốt. Té ra về nhà nó không chịu coi sóc việc gì hết, rồi lại còn ăn cắp mấy ngàn đồng bạc mà trốn nữa. Nó làm như vậy đó là phải lắm há?

– Bẩm bà, hồi nhỏ cậu chưa đủ trí khôn, nên cậu mới làm như vậy. Bây giờ cậu biết ăn năn, nếu bà không tha lỗi cho cậu, thì tội nghiệp cho thân của cậu, mà phận con đây, con cũng mang tiếng nữa.

– Mang tiếng nỗi gì mà mầy sợ?

– Bẩm bà, bà thương con, bà biểu con ở với bà gần mười năm nay, bà dạy dỗ con, bà cho con ăn mặc tử tế. Cái ơn ấy dầu ngàn năm, con cũng chẳng dám quên. Xin bà nhớ lại đó mà coi, mỗi lần bà nói việc nhà, thì con lặng thinh mà nghe, bà nói sao con hay vậy, chớ con có dám nói tiếng chi đâu. Ngày nay cậu ba nghi tại con mà bà không thương cậu, tuy là cậu nghi lầm, song con nghĩ cậu nghi cũng có lý lắm. Theo thế thường, ai mà được bà yêu như con đây, thì tự nhiên họ còn ỷ làm cho bà ghét cô hai cậu ba hết thảy, đặng bây giờ có nhờ nhỏi rồi ngày sau không biết chừng bà cho bạc vàng ruộng đất mà hưởng trọn đời. Con không có làm quấy, con không có bụng tham thì con biết, chớ người ngoài ai biết được cho con, bởi vậy nếu bà không tha lỗi cho cậu ba, thì con xốn xang trong lòng, mà còn bà đi từ cậu ba nữa, thì chắc con chịu tiếng dị nghị của thiên hạ không nổi.

– Hứ! Con của tao, đứa nào phải tao nhìn, đứa nào quấy tao từ, ruộng đất của tao, tao muốn cho ai ăn tao cho, mắc mớ gì thiên hạ mà họ dị nghị. Vì dầu họ có nói tiếng gì đi nữa, bất quá là họ ganh ghét, họ nói bậy, chết ai mà sợ.

– Bẩm bà, không phải họ nói mà chết ai được, nhưng vì tánh con không muốn mang tiếng chi hết, nên xốn xang chịu không được đó mà thôi chớ.

– Tao giận thằng quỉ đó lắm, nếu để cho nó về đây nó ở tao chịu sao cho được.

– Cậu ham chơi nên phá tiền, chớ có làm điều chi quấy lắm đâu mà bà giận dữ vậy. Xin bà xét lại, bà có một mình cậu là con trai, nếu bà bỏ biệt cậu thì cũng tủi bụng cho ông ở dưới cửu tuyền [1] lắm chớ.

Bà Hương quan nghe con Quyên nhắc tới ông, thì bà ngồi suy nghĩ. Bà rót nước mà uống rồi bà thở dài mà nói rằng:

– Cha nó với tao thiệt là vô phước. Đầu đuôi sanh có một thằng con trai, mà mắc đồ ác nghiệp quá, nếu tao dùng thẳng, tao không từ nó, thì ngày sau tao phải chia ruộng đất cho nó. Mà chia ruộng đất cho nó có ích gì, chia sớm mơi thì chiều nó bán liền, chớ nó ăn uống gì được mà chia cho uổng.

1. *Cửu tuyền:* chín suối, suối vàng, nơi âm phủ.

– Theo thơ cậu nói đó thì cậu là người biết điều lắm. Không biết chừng cậu bỏ nhà mà đi mấy năm nay, cậu thấy nhơn tình thế thái, cậu đã đổi tánh nết rồi. Bây giờ cậu lớn tuổi, cậu hiểu biết cha mẹ làm đổ mồ hôi xót con mắt mới có đồng tiền, có lẽ nào cậu nỡ lãng phí như hồi nhỏ nữa.

– Thiệt tao muốn từ nó lắm, ngặt vì làm như vậy thì tội nghiệp cho tông môn của cha nó, nên tao không nỡ.

Bà Hương quan nói tới đó rồi bà chảy nước mắt, nói không được nữa.

Con Quyền thấy bà đã xiêu lòng, tính để thủng thẳng rồi sẽ nói nữa, chớ không nên vội lắm, bởi vậy nó bỏ đi xuống nhà dưới mà coi con Ngói nấu ăn.

Ngày ấy bà Hương quan nằm dàu dàu hoài, không nói tới ai hết. Đến tối con Quyên thấy bà có sắc vui chút đỉnh, nó mới nói với bà rằng: "Bẩm bà, để con viết thơ cho cô hai đặng cậy cô nhắn cậu ba về, nghe hôn bà?"

Bà Hương quan chau mày suy nghĩ một hồi rồi bà nói rằng:

– Thôi, viết thơ viết từ mà làm gì. Để bữa nào rảnh tao lên trên con hai, tao nói chuyện với vợ chồng nó, tao hỏi coi tánh nết thằng đó bây giờ thế nào rồi sẽ hay". Con Quyên cười, rồi đi lấy truyện ngồi đọc cho bà nghe.

IX
CON THẢO TRÍU CHA LÀNH

Mặt trời chen lặn, ếch uệch oạc kêu vang dựa mé hào, trâu na nần đi lần về xóm. Lúa cấy đã giáp đồng hết rồi, đám nào chưa bén thì coi vàng khè, đám nào đã nở thì coi xanh mướt.

Hương thị Tào với thằng Tý, xuống dưới nhà bà Hương quan Tồn từ hồi trưa, thấy trời gần tối bèn từ giã bà mà về, đặng có đem trâu vô chuồng và đốt đèn gài cửa. Ông đi trước, cháu đi sau, vừa bước ra cửa ngõ, thì gặp một người mặc quần đen áo đen, ở phía dưới Càng Long, do theo bờ lộ đá mà lên. Ông cháu ngó thoáng qua, thì thấy người ấy da mặt sần sượng nám đen, đầu tóc cụt cụt xấp xải, áo đơm nút khít, quần vấn nửa ống cẳng, tay mang một cái nón lá, cổ vấn một cái khăn rằn. Người ấy thấy ông cháu Hương thị Tào thì lật đật

đội cái nón lên đầu, rồi đi theo sau lưng, đi mà gục mặt xuống đất, dường như sợ người ta thấy mặt mình. Ông cháu Hương thị Tào tưởng là một người Thổ đi đường, nên không thèm để ý đến, cứ lầm lủi đi về Giồng Ké.

Qua khỏi vuông nhà của bà Hương quan rồi, Hương thị Tào kêu thằng Tý mà biểu đi ngang lên, rồi nói rằng:

– Bây giờ tao mới biết bà Hương quan thiệt là thương hai anh em bây. Hồi xế bà nói bà tính gả con Quyên cho cậu ba Giai, bà hỏi tao bằng lòng hay không, thiệt tao chưng hửng không biết nói sao được.

– Tôi cũng vậy, tôi không dè chút nào hết.

– Từ thuở tới giờ, tao thấy bà yêu nó, tao tưởng là bà nuôi nó rồi bà kiếm chỗ tử tế mà gã nó lấy chồng, hoặc là sắm vòng vàng cho nó, hoặc là cho nó năm ba trăm đồng bạc đặng vợ chồng nó làm vốn vậy thôi, chớ ai mà dè bà cưới nó cho con bà. Bà này thiệt là kỳ. Không biết tại sao mà bà thương con Quyên quá như vậy.

– Mà bà nói nghe phải chớ, phải hôn ông ngoại?

– Ờ, bà tính nghe hay lắm chớ. Bà giàu có lớn, bà cần kiếm con gái nhà giàu mà làm gì? Bà lựa đứa có nết na đức hạnh mà cưới nó đặng giúp trong nhà bà, và cầm chưn con bà. Bà nuôi con Quyên thuở nay, bà tập tánh ý nó được rồi bây giờ bà cưới nó cho cậu ba Giai thì bà chắc ý, khỏi sợ lầm lạc chi hết.

– Con Quyên thiệt là có phước. Chừng bà Hương quan trăm tuổi già rồi, vợ chồng nó hưởng gia tài, thôi sung sướng biết chừng nào.

– Bà tính phận nó đã xong, còn phận mầy bà tính như vậy cũng là hay lắm. Hương giáo Cân có mười mấy mẫu đất, mà có một đứa con gái mà thôi. Bà muốn đứng làm mai nói cưới cho mầy, tao không hiểu tại sao mà mầy còn dục dặc không chịu phứt đi cho rồi. Mầy cưới con Hương giáo, ngày sau mầy nhờ lắm chớ. Sao mầy chê?

Thằng Tý nín khe, không trả lời. Hương thị Tào nhả trầu quăng bên mé lộ rồi hỏi nữa rằng:

– Hay là mầy chê con đó xấu?

– Không phải đâu, ông ngoại à.

– Vậy chớ tại sao mà mầy không chịu?

– Tôi ghét đàn bà con gái lắm, nên tôi nhứt định không thèm cưới vợ.

– Sao mà ghét?

– Cưới vợ rồi sau nó lấy trai càng khổ cho mình chớ ích gì.

Hương thị Tào nghe cháu nói câu đó, thì ông nhớ chuyện con gái ông hồi trước, ông đã hổ mà lại buồn, nên ông lặng thinh, không nói nữa. Thằng Tý cũng nín khe mà đi. Người hình dạng như Thổ, cũng còn đi đằng sau, tuy đi xa xa, song có lẽ cũng nghe chút đỉnh những lời của hai ông cháu Hương thị Tào mới nói với nhau đó.

Trời chạng vạng tối, Hương thị Tào với thằng Tý mới về tới Giồng Ké. Khi quẹo vô sân, Hương thị Tào ngó ngoái ra lộ, thì thấy người Thổ đó đương đi ngang, mà con mắt liếc ngó vô nhà. Ông lấy làm kỳ, nên đứng lại mà ngó, thì người ấy bươn bả đi tuốt.

Thằng Tý mở dây đôi trâu buộc giữa sân mà dắc vô chuồng. Hương thị Tào vô nhà đốt đèn lên, rồi leo lên võng nằm đưa trèo trẹo. Thằng Tý nhốt trâu xong rồi, nó mới vô nhà. Hai ông cháu nói chuyện với nhau, mà chẳng nói chi khác hơn là chuyện cậu ba Giai sửa soạn cưới con Quyên.

Gần hết canh một, mặt trăng mọc lên, chói bầu trời sáng hoắc; bầy chó trong xóm đua sủa tiếng vang vầy. Thằng Tý nằm trên ván mà nói chuyện một hồi rồi nó ngủ khò. Hương thị Tào mừng về sự may mắn mới xảy ra cho hai cháu, ngủ không được, nên nằm trên võng mà đưa cọt kẹt hoài.

Cách một hồi Hương thị Tào nghe bầy vịt ngủ trước sân rộ lên, ông nghi có người vô sân, nên ông mở cửa bước ra mà hỏi. Trăng tỏ rạng như ban ngày, ông thấy người Thổ hồi chiều đó đương xâm xâm đi vô cửa. Ông liền hỏi: “Ai đó?”. Người ấy đáp rằng “Tôi” mà cũng cứ đi tới, song lột nón xuống mà cầm nơi tay. Ông đứng chờ người đó lại gần, ông dòm tạt trong mặt rồi ông thối lui một bước và nói lớn rằng: “Ủa, Sửu!”.

Người ấy đáp nhỏ nhỏ rằng:

– Thưa tía, phải. Con là Sửu đây.

– Mầy chưa chết hay sao?

– Thưa, chưa. Con muốn chết lắm, mà vì con thương sấp nhỏ quá, nên con chết không được.

– Mầy sống mà báo hại con mầy, chớ sống mà làm gì.

Người hình dạng như Thổ đây, thiệt quả là Trần Văn Sửu

chớ không phải ai đâu lạ. Anh ta nghe cha vợ nói như vậy, thì cúi mặt xuống đất, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Anh ta thở dài mà hỏi rằng:

– Phải thằng Tý đi với tía hồi chiều đó hôn?

– Phải.

– Còn con Quyên với thằng Sung còn ở đây hôn? Hồi chiều con nghe tía nói chuyện con Quyên sao đó?

– Thôi, đừng có hỏi nhiều chuyện. Mấy năm nay tao tưởng mầy đã chết rồi. Sống làm chi, rồi quan làng họ bắt đây sanh chuyện ra nữa. Mầy thiệt là khốn nạn lắm. Đi liền bây giờ đi. Vô Rạch Giá Cà Mau mà trốn cho biệt tích, đừng có léo về đây nữa.

– Thưa tía, đi thì con đi, chớ con đâu dám cãi. Song tía làm phước cho con thăm sấp nhỏ một chút rồi con sẽ đi. Mười mấy năm, con thương nhớ chúng nó quá, tía ôi!

Trần Văn Sửu nói tới đó rồi khóc rấm rứt. Hương thị Tào thấy vậy cũng động lòng, nên ông đứng ngơ ngẩn một hồi rồi ông nắm cánh tay Trần Văn Sửu mà kéo đi ra cho xa cửa. Ra gần mút cái sân, ông mới biểu ngồi xuống, rồi ông cũng ngồi chồm hổm một bên mà nói rằng: "Con Lựu nó hư, nên mầy giết nó, bởi vậy tao không có phiền mầy. Chớ chi tao phiền, thì nãy giờ tao la làng cho họ bắt họ còng mầy rồi".

Trần Văn Sửu nói bệu bạo rằng:

– Con thương vợ con lắm. Tại nó làm quá, con giận con xô nó té nó chết, chớ không phải con cố ý giết nó. Xin tía thương thân con.

– Thôi, chuyện cũ bỏ đi. Trong xứ này ai cũng tưởng mầy đã chết rồi. Họ tưởng như vậy thì may cho mầy lắm. Mầy đi xứ khác mần ăn, khỏi ai tìm kiếm nữa, về đây làm gì.

– Con nhớ sấp nhỏ quá. Để cho con thăm chúng nó một chút, con cắt nghĩa sự con làm hồi trước cho chúng nó hiểu rồi con đi liền. Thân con cực khổ lung lắm, không biết sống chết bữa nào. Con sợ con chết thình lình, sấp nhỏ nó không hiểu, nó tưởng con hung bạo, khi không mà giết mẹ nó, rồi nó oán con, thì nỗi niềm cha con lắm.

– Chúng nó biết hết, thằng Tý nó có nói với tao.

– Thiệt như vậy hay sao?

– Ừ. Tuy hai đứa nó không nói ra, song tao biết chúng nó thương

mầy lắm, mà chúng nó tưởng mầy chết rồi, nên mầy thăm mà không ở với chúng nó được, thì làm buồn cho chúng nó, chớ không ích gì. Tao biểu mầy phải đi đi.

Trần Văn Sửu ngồi khóc và than rằng:

– Mười một năm nay cực khổ hết sức, song ráng mà sống, là vì trông mong có ngày thấy được mặt con. Nay đến đây, chưa gặp con mà phải đi, thì đi làm sao được, trời đất ơi!

Hương thị Tào nghe mấy lời thảm thiết ấy thì cảm động quá, chịu không nổi, nên ông cũng khóc. Tuy ông khóc mà ông nói rằng:

– Tao cũng biết tao đuổi mầy đi thì tội nghiệp cho mầy lắm. Ngặt vì mầy gặp con mầy thì lộn xộn, chắc là hư việc lớn, nên tao không muốn cho mầy thấy mặt thằng Tý với con Quyên.

– Con hứa với tía rằng hễ con thấy mặt chúng nó một chút rồi thì con đi liền. Con không nói con là ai cho chúng nó biết đâu mà tía sợ. Cách biệt nhau 11 năm rồi, đã vậy mà chúng nó lại tưởng con đã chết nữa, nên thấy mặt con, chắc là chúng nó cũng không nhìn được. Con giả làm người đi đường ghé nghỉ chưn thì chúng nó có biết đâu.

– Không có được. Để tao nói cho mầy nghe. Bà Hương quan Tồn tưởng mầy chết rồi, nên bà thương con Quyên với thằng Tý lắm. Mới hồi xế này bà cho kêu tao với thằng Tý xuống nhà, bà tính sửa soạn cưới con Quyên cho con bà. Còn phần thằng Tý, thì bà đứng làm mai mà cưới con gái của Hương giáo Tân cho nó.

Trần Văn Sửu vùng đứng dậy nói rằng: “Trời nhiều phước cho con tôi được như vậy lận sao?”.

Hương thị Tào gật đầu đáp rằng:

– Thiệt như vậy, bởi vậy mầy còn dần dà ở đây, rủi làng tổng họ bắt được, rồi tùm lum hư việc của con mầy hết.

– Nếu vậy thì tôi đi. Tía nói phải lắm. Tôi chẳng nên gặp mặt chúng nó. Tôi phải chịu đau đớn cực khổ buồn rầu, con tôi mới nên được. Tôi vui lòng mà lãnh các sự đau đớn cực khổ buồn rầu đó, miễn là con tôi được giàu có sung sướng thì thôi. Thưa tía ở lại mạnh giỏi, con đi. Chuyến này con đi biệt, không về nữa đâu”.

Trần Văn Sửu chấp tay xá cha vợ rồi đội nón lên và bươn bả bước ra lộ. Hương thị Tào vừa xây lưng đặng trở vô nhà, thì

thằng Tý ở trong dở cửa chun ra. Nó thấy có một mình ông ngoại nó đứng giữa sân thì nó hỏi rằng:

– Cha tôi đi đâu rồi ông ngoại?

– Cha nào ở đâu?

– Tôi nghe hết. Nãy giờ tôi đứng tôi rình trong cửa, ông ngoại giấu tôi làm chi? Sao đuổi cha tôi đi?

Hương thị Tào đứng chưng hửng. Thằng Tý bỏ chạy ra lộ, ông ngoại nó muốn níu nó lại mà níu không kịp. Nhờ trời sáng trăng, nên thằng Tý dòm theo lộ xuống Phú Tiên, thì nó thấy có dạng một người đi. Nó đâm đầu chạy riết theo, Trần Văn Sửu ngó ngoái lại, thấy có người chạy theo mình, không biết có phải làng tổng rượt theo bắt hay không nên anh ta sợ, anh ta cũng co giò mà chạy.

Cha chạy trước, con chạy sau, nhưng vì cha sợ chúng bắt phải chạy đặng thoát thân nên chạy mau quá, con theo không kịp. Qua khỏi cánh đồng Phú Tiên rồi, Trần Văn Sửu ngó lại, thì không thấy dạng người ta rượt nữa. Anh ta mừng thầm, song cũng còn chạy, chớ chưa dám đứng lại.

Xuống tới cầu Mê Tức, phần thì mệt, phần thì mỏi cẳng nên Trần Văn Sửu ngồi dựa cầu mà nghỉ. Trên trời trăng thanh vặc vặc, dưới sông dòng bích nao nao. Cảnh im lìm mà lòng lại bồi hồi, con vui sướng, còn cha thì sầu não.

Trần Văn Sửu ngồi khoanh tay ngó dòng nước chảy một hồi, rồi nói trong trí rằng: "Bây giờ mình còn sống nữa làm gì. Bấy lâu nay mình lăn lóc chịu cực chịu khổ mà sống, ấy là vì mình thương con, mình sợ nó không hiểu việc xưa rồi nó trở oán mình, mình sợ nó bơ vơ đói rách mà tội nghiệp thân nó. Bây giờ mình biết nó thương mình, nó còn kính trọng mình, mà nó lại gần được giàu có sung sướng hết thảy nữa. Vậy thì mình nên chết rồi. Chết mới quên hết các việc cũ được, chết đặng hết rầu buồn cực khổ nữa!".

Anh ta nghĩ như vậy rồi nhắm mắt lại. Anh ta thấy thị Lựu nằm ngay đơ trên bộ ván, miệng nhểu mấy giọt máu đỏ lòm, mắt hết thần mà còn mở trao tráo. Anh ta lại thấy buổi chiều anh ta ở ngoài ruộng đi về, con Quyên thằng Tý chạy ra, đứa níu áo đứa nắm tay mà nói dỏ dẻ. Anh ta thấy cái cảnh gia đình ngày trước rõ ràng trước mặt, thì anh ta đau đớn trong lòng quá không chịu được, nên vùng đứng dậy và nói lớn lên rằng: "Mấy con ôi! Cha chết nhé. Mấy con ở lại

mạnh giỏi, để cha theo mẹ con cho rồi". Anh ta vừa nói vừa chun qua lan can cầu, anh ta vừa mới đút đầu, bỗng có người chạy lên cầu và hỏi rằng: "Ai đó? Phải cha đó hay không, cha?".

Trần Văn Sửu giựt mình, tháo đầu trở vô, rồi day lại ngó. Thằng Tý chạy riết nắm cánh tay cha nó, dòm sát trong mặt mà nhìn, rồi ôm cứng trong lòng và nói: "Cha ôi, cha! Cha chạy đi đâu dữ vậy?". Lúc ấy, Trần Văn Sửu mất trí khôn, hết nghị lực, máu trong tim nhảy thịch thịch, nước trong con mắt chảy ra ròng ròng, đứng xui xị xui lơ, không nói được một tiếng chi hết.

Cha con ôm nhau mà khóc một hồi rồi buông ra. Trần Văn Sửu ngồi trên cây đá giọc dựa lan can cầu, rồi nói rằng: "Thôi, con về đi". Thằng Tý lắc đầu đáp rằng:

– Con về không được. Bấy lâu nay con tưởng cha đã chết rồi, té ra cha còn sống. Vậy thì bây giờ cha đi đâu con theo đó.

– Con đừng có cãi cha. Con phải về đặng lo cưới vợ.

– Cưới vợ làm gì? Cưới vợ đặng có báo hại như má báo hại cha hồi trước đó sao?

– Con không nên phiền trách má con. Má con có quấy là quấy với cha, chớ không có quấy với con. Mà cha đã quên cái lỗi của má con rồi, sao con còn nhớ làm chi?

– Quên sao cho được.

– Phải quên đi, đừng có nhớ nữa. Tại mạng số của cha như vậy, chớ không phải tại má con đâu. Mà má con làm quấy, thì sự chết đó đã chuộc cái quấy hết rồi. Bây giờ quấy về phần cha, chớ má con hết quấy nữa.

– Cha nói vậy thì con nghe lời cha. Thôi, cha trở về nhà với con.

– Húy! Về sao được!

– Sao vậy?

– Về rồi làng tổng họ thấy họ bắt còn gì!

Thằng Tý nghe nói như vậy thì nó tỉnh ngộ, nên ngồi lặng thinh mà suy nghĩ. Cách một hồi, nó mới nói rằng:

– Bây giờ làm sao?

– Để cha đi. Cha đi biệt tích, đặng con cưới vợ và con Quyên lấy chồng mới tử tế được.

– Cha đi đâu?

– Đi đâu cũng được.

– Hễ cha đi thì con đi theo.

– Đi theo làm gì?

– Đi theo đặng làm mà nuôi cha, chừng nào cha chết rồi con sẽ về.

– Con đừng có tính bậy. Con phải ở nhà làm mà nuôi ông ngoại.

– Có trâu, có lúa sẵn đó, ông ngoại làm mà ăn, cần gì con nuôi nữa, lại có con Quyên ở nhà đó chi. Cậu ba Giai cưới nó đây, nó giàu có, thiếu gì tiền bạc, nó giúp đỡ ông ngoại được mà. Bây giờ có một mình cha nghèo khổ, vậy con phải làm mà nuôi cha chớ.

Trần Văn Sửu nghe con nói mấy lời hiếu nghĩa ấy thì anh ta cảm xúc quá, nên ngồi khóc nữa. Lúc ấy anh ta lấy làm bối rối, không biết liệu lẽ nào cho xuôi. Thấy con bịn rịn, muốn ở lại đặng cha con sum hiệp, thì sợ tổng làng bắt, nghĩ đến con nên muốn ra đi đặng biệt tích cho rồi, thì đau đớn đi không đành. Hai cha con ngồi khích một bên nhau, cha thì lo, con thì tính, cả hai đều lặng thinh, song một lát thằng Tý đụng cánh tay nó vào cánh tay cha nó một cái, dường như nó thăm chừng coi cha nó còn ngồi đó hay không.

Cha con dan díu bịn rịn cho đến sao mai mọc, Trần Văn Sửu mới nói rằng:

– Cha tính như vầy, để cha nói cho con nghe thử coi được hay không. Cha lấy giấy thuế thân theo dân Thổ, tên cha là Sơn Rùm, bây giờ cha nói tiếng Thổ giỏi lắm. Cha tính thôi để cha xuống Láng Thé hoặc Ba Si, cha vô Sốc kiếm chỗ ở đậu mà làm mướn. Có làm như vậy thì mới khỏi lo ai bắt buộc, mà lâu lâu con đến thăm cha được.

– Theo lời cha tính đó thì cha còn sống mà cũng như cha chết. Phải giấu tên giấu họ hoài, con đến thăm cũng phải núp lén, không dám đến chán chường.

– Phải vậy mới yên được.

– Tính sao cũng được, miễn là con có thể gần cha thì thôi. Mà cha ở với Thổ, thì cực khổ tội nghiệp thân cha lắm.

– Có sao đâu mà tội nghiệp. Hơn mười năm nay, cha đau lòng cực xát không biết chừng nào mà kể cho xiết. Bây giờ cha được vui lòng rồi, dầu cho khổ tấm thân lại nệ gì. Cha tính phải làm như vậy mới xong, con phải nghe lời cha mà trở về đi.

Thằng Tý ngồi ngẫm nghĩ rồi nói rằng:

– Con không đành để cho cha đi một mình. Con muốn theo cha mà kiếm chỗ cho cha ăn ở yên nơi rồi con sẽ về.

– Con đi như vậy, ông ngoại không biết con đi đâu, ông ngoại lo sợ, thêm cực lòng cho ông ngoại nữa.

– Thôi, cha trở về nhà với con một chút đặng con thưa cho ông ngoại hay rồi con đi với cha.

– Trở về rồi con Quyên nó thấy càng khó lòng nữa.

– Nó ở dưới bà Hương quan, chớ có ở nhà đâu mà thấy sao?

– Trời gần sáng rồi, trở về Giồng Ké họ gặp cha rồi làm sao? Không được đâu. Con trở về, để cha đi một mình, trong ít bữa cha kiếm chỗ ăn ở xong rồi cha sẽ lén về mà cho con hay.

– Con không muốn để cha đi một mình. Như cha sợ họ gặp, thôi thì cha lên chòi ruộng của con ở trong đồng Phú Tiên, cha nằm đó mà chờ con. Con chạy về Giồng Ké thưa cho ông ngoại hay một chút xíu rồi con trở xuống liền.

Trần Văn Sửu ban đầu còn dục dặc, mà bị con thối thúc quá, anh ta không thể không làm vừa lòng nó được, nên phải đứng dậy mà đi với nó trở lên Phú Tiên.

Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn, 1938.

NỢ ĐỜI

(Tiểu thuyết – Trích)

Nợ đời có 19 chương và một đoạn kết thúc. Nhiều chương có một giá trị hiện thực tố cáo sâu sắc.

Tác phẩm được xuất bản năm 1936 và đã được tái bản bốn lần.

Phục, mồ côi, được Cai tuần Kim nuôi. Phạm Gia Tăng, một điền chủ lớn, chú ruột Phục đem Phục về để hầu hạ ba đứa con. Võ Phi Hùng, cháu bà Tăng, quyến rũ Phục. Cô có mang, bị bà Tăng đuổi đi. Ba Có lợi dụng tình hình cô, dùng sắc đẹp của cô để báo thù thiên hạ, vì Ba trước kia bị chồng chưa cưới tình phụ, sau lại bị một công chức già lừa dối. Thế là bao con mồi đã vào tròng, khốn đốn, khuynh gia bại sản vì cái tình hờ của Phục: Phán Khải, Tư Cao, Ưng Mái Chín, phán Thần, v.v... Hùng ở Pháp về lại tìm đến Phục. Khi Phục đã vì Hùng tiêu hết gia sản thì chàng thanh niên vốn có máu

Sở Khanh này hờ hững với Phục mà hướng về một đám nhiều tiền hơn. Cuối cùng Phục sống với Hiền, một người bạn cũ, một nhà giáo nghèo mà hiền lành chân thật.

Chúng tôi chọn 5 trên 19 chương:

– Chương II: *Con là máu, cháu là mủ*

Một ông chú ruột đối xử với cháu như con ăn đứa ở vì cháu nghèo.

– Chương VI: *Đổi con*

Một tội ác lớn được tiến hành êm ả.

– Chương IX: *Ưng Mái Chín*

Bộ mặt của một tên tư sản mại bản Hoa kiều

– Chương XVI: *Sức mạnh của kim tiền*

Lòng dạ bạc đen của con người. Tình cảm đẹp của người đẹp.

– Chương XVIII: *Bạn cũ chuyện xưa*

Những kẻ lỗi lầm ăn năn tự tìm cứu khổ.

II
CON LÀ MÁU, CHÁU MÀ MỦ

Tại chợ Cầu Kho đi theo đường Nguyễn Tấn Nghiệm lên trại lính tập Ô Ma, qua khỏi đường Galliéni một khúc xa xa, thấy bên tay trái có một cái nhà lầu ba căn, mỗi căn đều cuốn cửa bán nguyệt, ngoài có hàng rào sắt sơn đỏ lòm, trong có sân rộng lớn trồng nhiều thứ hoa quả, một bên có nhà để xe, một bên có nhà bồi nhà bếp. Vì nhà cũ nên kiểu vở không khéo, nhưng mà nhờ cái sân rộng, nên đứng ngoài lộ ngó vô coi cũng có vẻ nguy nga đẹp đẽ.

Cái nhà ấy là nhà của ông đại điền chủ Phạm Gia Tăng.

Ông Tăng gốc ở Cai Lậy. Hồi nhỏ ông có học đủ hai thứ chữ: "Chữ nho và chữ tây". Tuy thứ chữ nào ông học cũng lem nhem mà thôi chớ không giỏi, song khi ông được hai mươi tuổi, cha mẹ khuất hết rồi, ông không chịu ở với anh là Phạm Gia Luông, ông tuốt lên Sài Gòn quyết chí kiên nhẫn, tấn thủ đặng lập thân, lập nghiệp. Ông lăn lóc nơi kinh thành trong mấy năm, việc gì ông cũng làm, chỗ nào ông cũng ở; nhờ tánh nhỏ nhen, nhứt là lời ông lanh lợi, nên ông thường được no cơm lành áo.

Một bữa nọ, Tăng đi lệu khệu may gặp cô Võ Thị Phuông, người Cái Vồn, kiện để chồng, bị tòa sơ thẩm Cần Thơ bác đơn, cô chống

án lên tòa phúc án, nên cô lên Sài Gòn kiếm trạng sư mướn cãi giúp. Tăng lãnh đem đường chỉ nẻo, mưu tránh dại tìm khôn: trong mấy tháng cô Phuông được án để chồng, mà rồi cô lại đánh ụp với Tăng, mướn phố ở chung, kết tình ân ái. Trong lúc dìu dắt hầu kiện, Tăng đã biết cô Phuông là con gái của một nhà giàu lớn, mẹ mất sớm, còn cha thì già, tuy cô có người anh cả với một người em trai, song bề nào ngày sau cô cũng được hưởng một phần gia tài của cha mẹ, bởi vậy Tăng quyết lấy đạo vợ chồng mà lập đường công danh, nên hẹn non thề biển, làm cho cuộc trăng gió trở nên cuộc đá vàng.

Thiệt quả, cách vài năm sau, ông già của cô Phuông qua đời, anh em cô thuận phân gia tài, cô Phuông lãnh phần ăn được ba chục ngàn đồng bạc mặt với hai trăm mẫu ruộng tốt tại Cái Vồn, mỗi năm cho mướn được bảy ngàn giạ lúa.

Tăng thấy kế lập nghiệp đã thành tựu, đường công danh đã rộng mở, mới òn ĩ bày biểu cho vợ xuất mười ngàn đồng bạc mua cuộc nhà nguy nga mình mới thấy trước đó, còn hai chục ngàn thì để làm vốn cho vay. Cách cho vay của Tăng thiệt là khôn khéo: Nhứt định chẳng chịu giùm cho ai số vốn quá một ngàn, mà ai muốn vay từ năm trăm sấp lên một ngàn thì phải trao ruộng hoặc trao phố cho chắc chắn mới chịu ra bạc. Tăng thường dặn vợ phải làm như vậy mới khỏi mất vốn, bởi vì mấy chủ vay lớn nếu họ không trả thì mình lấy ruộng lấy phố mà trừ, còn mấy chủ vay nhỏ dầu mỗi năm có một hai người trốn đi nữa, thì số tiền lời của những người khác cũng đủ mà đắp số vốn mất, không đến nỗi thiệt hại được.

Vợ chồng chuyên có một nghề cho vay mà số ruộng đất ngày càng tăng hoài, số bạc vốn cũng tăng bằng năm bằng bảy.

Lúc viết truyện này thì vợ chồng ông đại điền chủ Phạm Gia Tăng có ba đứa con:

1 – Con gái Phạm Thị Liên Hoa, mười ba tuổi.

2 – Con trai Phạm Gia Trinh, mười một tuổi.

3 – Con trai Phạm Gia Tường, chín tuổi.

Vợ chồng cưng con không ai bì kịp, mà lại cũng cưng bạc tiền chẳng có chi bằng, bởi vậy cách mười mấy năm trước, Phạm Gia Luông, là anh của ông, nghe em giàu có, lên hỏi mượn hai trăm đồng bạc đặng đem về mua trâu làm ruộng. Thời vận chẳng may nên trâu chết, lại ruộng đất, Luông không trả hai trăm đồng bạc lại

được, vợ chồng ông Tăng mắng nhiếc đủ điều, rồi cấm biệt không cho Luông tới nhà nữa; khi Luông chết, vợ Luông có mướn người lên cho hay, mà vợ chồng ông Tăng cũng không thèm về, chỉ gởi cho năm đồng bạc mà thôi. Hôm nay bà Tăng về Cái Vồn thăm anh em, nhớ cái lộ mới nên đi ngang qua Cai Lậy; ông Tăng nhớ tới thân tộc, ông dặn bà ghé hỏi thăm, nên bà mới ghé và rước con Phục đó.

Lối năm giờ chiều xe hơi của bà chủ Tăng về tới nhà, chạy thẳng vô sân mà đậu.

Con Phục thuở nay chưa lên Sài Gòn, mà cũng chưa tới nhà giàu một lần nào, bởi vậy trên xe leo xuống nó ngó quanh quất, thấy nhà lầu đồ sộ, thấy vườn hoa đẹp đẽ, thì trong lòng hồi hộp, tay ôm gói áo quần đứng trân trân.

Ông Tăng ở trong nhà nghe xe về, ông bước ra mừng vợ con, ông ôm hai đứa con trai nhỏ ông hun [1], rồi ông day lại thấy con Phục thì ông hỏi bả rằng: “Con nhỏ nào đây? Bà mướn ở dưới phải hôn?”.

Bà chủ vừa bước xuống xe vừa đáp rằng:

– Không. Con của anh hai đó đa.

– Anh hai nào?

– Anh hai mình ở dưới Cai Lậy, chớ anh hai nào.

Ông Tăng nghe nói như vậy thì ông chăm chỉ ngó con Phục rồi hỏi bà nữa rằng:

– Con của anh hai mà bà chở nó lên trên này làm giống gì?

– Chỉ [2] chết rồi, nó bơ vơ ở với người ta, tôi thấy vậy nên tôi đem nó về đó.

– Đem về mà làm gì? Chỉ chết hồi nào?

– Chết đã mãn tang rồi.

Con Phục từ nhỏ chí lớn không biết mặt chú. Nay nó gặp thì trong bụng mừng thầm, tưởng chú nghĩ tình cốt nhục, mà niềm nở. Chừng nó nghe mấy lời lạt lẽo ấy thì trong lòng nó lạnh ngắt, nên nó đứng ngẩn ngơ.

Ông Tăng hỏi nó rằng:

– Mầy được mấy anh em?

---

1. *Hun:* hôn.
2. *Chỉ:* chị ấy.

– Cha mẹ cháu sanh có một mình cháu mà thôi.

– Hừ, năm nay mầy mấy tuổi.

– Thưa, cháu được mười sáu tuổi.

– Từ khi má mầy chết tới bây giờ mầy ở với ai?

– Cháu ở với vợ chồng cậu cai tuần Kim.

– Ở một năm bao nhiêu?

– Thưa, vợ chồng cậu cai tuần thấy cháu côi cút bơ vơ thì thương nên đem cháu về nuôi, chớ không phải mướn cháu.

– Nếu vậy thì về trên này mà ở cũng phải, ở giữ hai đứa nhỏ và dắt nó đi học.

Bà tiếp nói rằng: "Tôi cũng tính như vậy, nên tôi đem nó về đó. Nó ở với mình thì có nghĩa hơn là ở với người ta. Để may áo quần cho nó mặc rồi giao hai đứa nhỏ cho nó đưa rước đi học".

Ông Tăng gật đầu rồi dắt ba đứa con vô nhà. Bà Tăng kêu một ông già đương lui cui tưới bông [1] gần đó mà rằng: "Ông Cao, ông dắt con Phục xuống nhà bồi cho nó cất quần áo, rồi một lát tôi sẽ kêu nó lên nhà lầu tôi sai cắt phần việc cho nó làm". Bà dạy rồi bà đi thẳng vô nhà lầu với chồng con, còn con Phục tay ôm gói áo đi theo ông Cao mà xuống nhà bếp.

Con Phục đi coi cùng trong nhà bếp, rồi lần lần nó bước ra đứng núp vách tường nhà lầu mà xem hoa.

Trời chiều mát mẻ, hoa nở đủ màu, tiếng cười inh ỏi trên lầu, xa mã rần rần ngoài lộ. Cảnh tình coi lạ mắt; mà bề ăn ở cũng chưa yên, con Phục bồi hồi trong lòng rồi nhớ cái xóm mình ở xưa nay, nhớ cái nhà của Cai tuần Kim thì rưng rưng nước mắt.

Người nấu ăn bưng đồ ăn lên nhà trên mà dọn cơm, ông Cao thôi tưới bông, ông cũng phụ mà bưng, song hai người không ai nói động tới con Phục. Nó thấy vậy mới lén đi lần ra cửa ngõ mà ngó ngoài đường, thấy xe kéo nghểu nghến mà không hiểu là xe gì, thấy thiên hạ lại qua có nhiều người mặc áo quần không giống người dưới Cai Lậy. Nó đương đứng ngó mông, thình lình ông Cao chạy ra kêu mà nói rằng: "Nè em, bà kêu nãy giờ ở trỏng. Làm giống gì ra đứng ngoài này? Bà biểu vô coi cho cậu Ba, cậu Tư ăn cơm".

---

1. *Tưới bông:* tưới hoa.

Con Phục theo ông Cao mà trở vô. Bước lên nhà lầu, nó thấy vợ chồng ông Tăng với ba đứa con đương ngồi tại bàn mà ăn cơm.

Bà châu mày hỏi rằng: "Mới đó mà mầy đi đâu mất vậy?".

Con Phục cười ngỏn ngoẻn đáp rằng:

– Cháu ra đứng chơi ngoài cửa ngõ.

– Chơi giống gì ở ngoải. Con gái không được phép ra đứng ngoài đường. Lại đứng sau lưng cậu ba cậu tư đây, coi gắp đồ ăn cho cậu ăn.

Con Phục đã quen cái thói hèn hạ, lại thấy bàn ghế tủ giường trong nhà cái nào cũng tốt đẹp, nên nó mắc ngó đồ, không để ý tới mấy lời quở nó.

Ông Tăng nói: "Con nhỏ bận đồ dơ dáy quá. Nếu bà tính giao sắp nhỏ cho nó thì phải may áo trắng cho nó mặc sạch sẽ mới được chớ".

Bà gật đầu đáp rằng: "Chớ sao. Để mai rồi tôi mua vải mướn may đồ mới cho nó mặc. Giữ sắp nhỏ mà ăn mặc dơ dáy sao được".

Bà lại day qua nói với con Phục rằng: "Mai mầy tắm rửa cho sạch sẽ, nghe hôn. Phải rửa mặt, gỡ đầu, chớ đừng có làm như thói ở dưới ruộng vậy không được. Nhà tao là nhà sang trọng, khách khứa tới thường. Phải ăn nói cho có lễ phép, phải giữ áo quần cho sạch sẽ. Thôi, lại góc kia vặn đèn lên coi nào".

Con Phục nghe bà biểu thì vưng lời, ngó theo tay bà chỉ mà đi lại góc vách tường, song lại đó rồi nó đứng lơ láo, không thấy cái đèn nào hết, nên không biết tại sao mà biểu kỳ như vậy. Ông Tăng biết nó quê mùa, không hiểu đèn khí, ông bèn buông đũa, bước lại dạy nó cách đốt đèn, tắt đèn. Nó thấy vặn một chút đàng này, mà đèn lại bứt cháy đàng kia, thì nó lấy làm lạ hết sức, nên đứng chưng hửng.

Ông Tăng vặn cháy hết các đèn trong nhà sáng trưng, sáng chói khiến đồ đạc càng thêm rực rỡ, con Phục dòm thấy lại càng thêm đắc ý hơn nữa.

Sắp nhỏ ăn cơm rồi, bà biểu con Phục coi rửa tay rửa miệng và bưng nước cho chúng nó uống. Chừng người nấu ăn bưng đồ ăn dư đem xuống bếp hết rồi, bà mới kêu ông Cao mà dặn chừng dưới nhà bếp ăn cơm thì kêu con Phục ăn với. Thiệt một lát ông Cao lên kêu con Phục xuống nhà bếp mà ăn cơm với ông, người nấu ăn và người sớp phơ [1].

---

1. *Sớp phơ:* người lái xe ôtô.

Đồng hồ gõ tám giờ, cô Liên Hoa, là con gái của ông, đứng trên thềm nhà lầu kêu mà nói rằng: "Phục, mầy làm giống gì đó? Bà biểu mầy lên nhà trên cho bà dạy việc".

Người sớp phơ cười và nói với ông Cao rằng: "Con Phục là con nhà bác, đứng vai chị, mà cô hai kêu bằng "mầy" chớ!".

Con Phục nghe mấy lời bình phẩm ấy, song nó không buồn, hăng hái bước lên nhà lầu. Nó thấy ông nằm trên một ván lớn, đương làm thuốc á phiện mà hút, bà nằm phía bên kia, cô Liên Hoa đứng dựa bàn đọc sách, còn hai cậu nhỏ thì giỡn chơi, cười la om sòm.

Bà thấy con Phục thì bà nói rằng: "Đâu, bước lại gần đây đặng nghe thím dặn nè. Mầy là con cháu trong nhà, thím tin cậy lắm, nên thím mới đem về thím nuôi. Vậy phải hết lòng lo coi sóc công việc trong nhà cho chú thím. Đừng có làm công chuyện dưới nhà bếp, ở dưới có thằng bếp nó lo. Còn ngoài vườn thì có ông già Cao ổng lo nhổ cỏ tưới cây, mầy cũng khỏi làm những việc ấy. Mầy chỉ lo nội nhà trên với coi sắp nhỏ mà thôi. Con Liên Hoa nó học Nhà Trắng, một tuần nó mới về nhà một ngày, mà nó đi hay là về đều có xe hơi đưa rước, nên khỏi lo, duy có hai đứa nhỏ học trường Cầu Kho đây, mỗi buổi học phải đưa, chừng tan học phải rước. Xưa rày ông già Cao đưa rước hai đứa nó, mà ổng lụm cụm quá nên thím không vừa lòng. Thím muốn mầy lãnh đưa rước em đi học thì thím mới chắc ý. Vậy hễ khuya thức dậy thì mầy lo quét nhà cho sạch sẽ, rồi đưa hai em đi học. Một lát trở về coi giặt áo giặt quần cho nó, lo dọn dẹp trên nhà lầu, gần tan học đi rước em, rồi về coi chừng nó ăn ngủ. Công việc của mày chỉ có bấy nhiêu đó mà thôi. Dọn dẹp trên nhà lầu, săn sóc hai đứa nhỏ".

Ông Tăng nói tiếp rằng: "Thím mầy dặn đó, phải nhớ mà làm. Con gái phải siêng năng, chớ đừng có ham chơi bời mà hư thân. Phải rán làm công chuyện cho giỏi, rồi thím mầy sắm áo quần cho mà mặc. Tối phải ngủ trên nhà trên, ngủ bộ ván để phía sau đó, đặng có việc gì thím mầy kêu cho dễ. Chú nói có nhớ hôn?".

Con Phục dạ và cúi đầu, chớ không nói chi hết.

Bà Tăng nói: "Thôi, lại bóp chưn cho thím một chút. Ngày nay ngồi trên xe hơi sao mỏi bắp chưn quá".

Con Phục bước lại đứng dựa ván mà bóp chưn cho bà, bóp chưn rồi tới đấm lưng, bóp đấm trót nửa giờ đồng hồ hai tay mỏi

muốn rùng rời bà mới dắt vô trong chỉ bộ ván nhỏ có trải một chiếc chiếu trắng cũ mà biểu nằm đó ngủ. Trước khi bước ra bà dặn thêm rằng: "Thôi, ngủ cho sớm đặng sáng dậy sớm mở cửa quét nhà, rồi đi theo ông Cao đưa sắp nhỏ đi học một lần cho biết đường. Để mai tao đi chợ mua vải mướn may áo quần mới cho mà mặc".

Con Phục vì lạ người lạ chỗ, nên nằm thao thức hoài, ngủ không được. Tuy nó ăn cơm dư với bạn bè dưới nhà bếp, tuy phần việc cắt cho nó làm là phần việc của tôi tớ, tuy nó ngủ một bộ ván nhỏ với một manh chiếu cũ chớ không có mùng mền, nhưng mà nó không để ý tới mấy việc ấy, nó cứ nhớ được đi xe hơi, được nằm trong nhà lầu, nhứt là nó nhớ những câu: "Con cháu trong nhà" tin cậy lắm nên mới đem về nuôi, "may áo quần mới cho mà mặc", bởi vậy trong lòng nó vui vẻ, không hờn chú thím, không buồn bổn phận chút nào hết.

Cách một lát, nó nghe bà Tăng kêu ông Cao biểu đóng cửa rồi bà dắt ba đứa con lên lầu. Ông Tăng nằm hút thêm ít điếu rồi ông cũng tắt đèn mà lên lầu, mang giày hàm ếch bước lên thang nghe lẹp xẹp.

Con Phục cũng còn thao thức nữa, nó nhớ mặt cha nó hồi trước cũng giống như mặt chú nó, duy cha nó có đầu tóc, còn chú nó thì hớt tóc ma ninh, cha nó nghèo nên áo quần cũ rách, chú nó giàu nên chơn vớ chơn giày. Nó lại nhớ chú nó gặp nó không có nhắc tới cha nó. Nó suy nghĩ không hiểu tại sao vậy, suy nghĩ riết rồi ngủ quên.

Trời sáng con Phục mới thức dậy mở cửa đi rửa mặt, rồi kiếm chổi quét nhà quét ván, lau ghế lau bàn.

Ông Tăng dậy trước, ông biểu cô Liên Hoa sửa soạn rồi ông kêu sốp phơ đem xe hơi mà đưa cô vô Nhà Trắng cho kịp giờ học. Ông lại biểu con Phục coi mặc áo quần cho hai đứa con nhỏ của ông Trinh và Tường, coi lấy bánh mì với sữa bò cho chúng nó ăn rồi dắt chúng nó lại trường Cầu Kho. Ông Cao cũng đi theo mà chỉ đường một lần cho con Phục biết đặng sau nó đưa rước một mình cho được.

Xe hơi đưa cô Liên Hoa trở về rồi bà chủ mới thức dậy. Bà trang điểm thoa dồi, thay quần đổi áo trót một giờ đồng hồ rồi bà mới lên xe hơi mà đi chợ Bến Thành. Chừng bà trở về bà kêu con Phục, chạy ra xe ôm mấy gói đồ của bà mua. Ông Tăng hỏi bà mua vật gì mà gói lục cục tới ba bốn gói. Bà mở một gói ra là gói vải đen, bà nói để may quần cho con Phục. Bà mở một gói nữa là gói vải trắng mà có lộn vải bông, bà nói để may áo cho con Phục. Bà mở luôn gói thứ

ba, bà lấy ra một khăn choàn hầu bằng lụa trắng, bà kêu con Phục lại mà biểu đội thử cho bà coi. Con Phục nước da trắng đỏ, gương mặt tròn trịa, nó đội cái khăn mới lên thì mặt mày sáng rỡ coi đẹp vô cùng.

Bà nhắm nó bà cười, rồi móc túi lấy ra một gói nhỏ bằng ngón tay, bà đưa cho nó và nói rằng: "Thím cũng có mua một đôi bông nhận hột đây. Đeo thử coi".

Con Phục thấy đôi bông tai thì chóa mắt, trong lòng khấp khởi, cảm phục chú thím hết sức. Tuy đôi bông giá đáng chừng một đồng rưỡi, nhưng mà thuở nay nó thấy chớ chưa được đeo lần nào; bởi vậy nó mừng cũng như người ta mới sắm được một đôi bông xoàn.

Vợ chồng ông Tăng dắt nhau lên lầu, nó lén lại đứng trước một cái tủ kiếng mà soi, thấy hai trái tai hột chói sáng sáng, thì nó lấy làm đắc ý.

Thường nghe nói mật ngọt nên chết ruồi, kim tiền hay mê chúng. Thiệt quả con Phục, vì mấy lời dịu ngọt của bà Tăng rồi lại vì mấy thước vải với một đôi bông tai, mà nó sanh mối cảm trong lòng, mới về ở một vài ngày mà nó thương yêu kính phục chú thím như trời như biển. Đưa rước hai đứa nhỏ đi học thì nó ân cần sốt sắng, mà về nhà chẳng giờ nào nó chịu ở không. Quét nhà quét cửa rồi thì lau bàn lau tủ, trưa nắng thì lo giặt đồ đem phơi, chiều mát thì lo tắm rửa sắp nhỏ. Đã vậy mà nó còn phải lo bầu trầu nước cho bà Tăng, ban đêm phải đấm bóp cho bà. Nó làm không hở tay, mà trong lòng nó lại vui, không tiếc cái thú quê mùa mà thong thả ở dưới Cai Lậy chút nào hết.

Cách ít ngày, bà mướn may áo quần mới xong rồi, bà đưa cho con Phục một cái áo vải trắng bông đỏ với một cái quần đen mà biểu mặc thử cho bà xem. Con Phục đã có sắc sẵn, mà hôm nay nó tắm gội, mặt mày tay chưn đều sạch sẽ, tóc tai bới vén khéo, nên mặc đồ mới vô coi nó càng thêm đẹp đẽ bội phần. Bà ngó nó bà cười, rồi bà đi mở tủ lấy ra một chiếc đồng trơn bà đưa cho nó mà nói rằng: "Có một chiếc đồng hồ trước sắm cho con vú của thằng Tường đây. Con vú thôi ở, tao giận tao đòi lại. Đây mầy đeo thử coi vừa hay không".

Con Phục lấy chiếc đồng mà đeo vô tay trái, vì cườm tay nó trắng nõn lại no tròn, nên nó đeo chiếc đồng khít khao coi vừa lắm. Bà nói: "Đeo vừa thì lấy mà đeo, song đeo phải giữ đừng làm móp nghe". Con

Phục đeo bông tai nhận hột, được mặc áo quần mới, mà được đeo vòng đồng nữa, thì sự vui mừng của nó chẳng có chi bằng. Nếu lúc này mà vợ chồng Cai tuần Kim lên khóc lóc năn nỉ xin nó trở về, thì chắc dầu nói thế nào nó cũng không chịu.

Ở được mấy tháng, con Phục tuy làm cực, song nó không phiền. Nó chỉ buồn có một điều là hay bị cô Liên Hoa mắng chưởi và bị hai cậu nhỏ đánh đập ngắt véo.

Một bữa chúa nhựt, lối năm giờ chiều, có một bà Hộ ở trong Chợ Lớn ra thăm bà Tăng. Con Phục lăng xăng lo trầu nước, cô Liên Hoa ở trong nhà tắm cô kêu nó om sòm biểu lấy áo quần cho cô thay, mà nó mắc chế nước nên không vâng lời mau lẹ được. Chừng nó lấy áo quần ôm vô nhà tắm, thì cô Liên Hoa giựt cái quần rồi đập trên đầu nó mà chưởi rằng: "Đồ chó đẻ, tao kêu mầy sao mầy ở miết ngoải? Cái mặt sao giống đĩ ngựa quá!"

Con Phục bị đánh quần trên đầu rồi bị chưởi nữa thì nó tức giận thái quá, không thể dằn được, nên nó la lớn rằng: "Mầy hỗn hả, Liên Hoa? Để tao mét với chú thím cho mầy coi".

Cô Liên Hoa xỉ trong mặt nó mà nói rằng: "Mầy mét thây kệ cha mầy. Tao không sợ đâu. Đồ đĩ!"

Con Phục giận ứa nước mắt, nó quày quả trở lên nhà lầu, thấy bà Tăng đương ngồi nói chuyện với bà Hộ thì nó bước lại đứng ngay mặt mà nói rằng: "Thưa thím, con Liên Hoa nó hỗn quá! Nó đập quần trên đầu tôi, nó chưởi cha tôi, nó mắng tôi là đồ chó đẻ, đồ đĩ ngựa".

Bà Tăng châu mày trợn mắt nạt rằng: "É! Nó chưởi mầy thây kệ mầy! Tuồng mặt mầy đó nó đập quần trên đầu không đáng hay sao? Đồ vô phép! Có khách nó theo làm rộn, không để nói chuyện".

Con Phục riu ríu bước ra, liếc thấy ông Tăng đương nằm làm thuốc á phiện, tại bộ ván gần đó, mà ông không nói chi hết, thì nó bước lại cái thềm bên chái nhà ngồi mà khóc thút thít. Một lát khách về, bà kêu nó vô bà nói rằng: "Mầy vô phép quá! Tao đã có dặn mầy: Nhà tao là nhà sang, ăn ở phải có lễ nghĩa. Trước mặt khách sao mầy dám kêu tao bằng thím, sao mầy dám kêu cô hai bằng con Liên Hoa? Tao nói một lần này nữa cho mầy biết: Nếu mầy muốn ở trong nhà tao thì mầy phải kêu Liên Hoa bằng "cô hai" phải kêu hai đứa nhỏ bằng "cậu ba cậu tư", chớ không được phép kêu con này, thằng kia nữa. Còn hồi nãy tại sao mà Liên Hoa mắng chưởi mầy?"

Con Phục bệu bạo thưa rằng: "Thưa rằng, hồi nãy tôi mắc đi chế nước trà, cho khách uống. Cô hai đi tắm, cô kêu tôi lấy quần áo, mà tôi mắc chế nước, nên phải trễ một chút. Cô giận cô đánh chưởi tôi".

Ông Tăng buông ống hút, ông men men đi lại gần mà nói rằng: "Dữ hôn! Chuyện nhỏ mọn như vậy mà cũng thưa gởi lộn xộn. Nó biểu lấy quần áo cho nó thay, sao không lấy mau, để nó lạnh nó đau rồi làm sao? Đừng có dại như vậy nữa".

Con Phục nghe chú nói như vậy thì hết trả lời được, nên đứng trân trân. Vợ chồng ông dắt nhau ra sân mà xem hoa.

Sáng bữa sau Liên Hoa lên xe hơi đi vô Nhà Trắng. Con Phục đưa Trinh và Tường đi học, nó còn nhớ việc hôm qua đã bị mắng chưởi mà lại còn bị quở trách, nên trong lòng không vui. Thình lình Tường vụt chạy trước, nó sợ thằng nhỏ vấp té, nên la lớn rằng: "Đừng có chạy, mầy chạy rủi mầy té rồi tao bị rầy làm sao".

Tường nghe la thì đứng lại trợn mắt ngó con Phục. Chừng con Phục với thằng Trinh đi tới thì nó nói rằng: "Con chó, sao mầy dám rầy tao?". Nói vừa dứt lời thì nó lại lấy sách mà đập con Phục. Trinh chạy lại xô Tường ra mà nói rằng: "Mầy hỗn hả Tường? Sao mầy kêu chị Phục là con chó? Mầy hỗn trời đánh mầy cho mà coi".

Tường thấy Trinh binh con Phục thì giận, nên cùng quần bỏ mà đi, miệng nó lầm bầm rằng: "Để tao về tao mét má cho mà coi!". Trinh nói rằng: "Mầy giỏi thì về mét đi. Tao làm chứng cho chị Phục. Mầy hỗn, mầy chưởi mầy đánh chỉ, lại còn hăm về mét nữa chớ!".

Con Phục tuy bị đánh chưởi, song thấy Trinh binh nó thì nó hết phiền, nên dịu ngọt dỗ hai đứa nhỏ mà dắt vô trường. Chừng nó trở về một mình, đi dọc đường nó nhớ mấy lời Tường hăm mét hồi nãy, thì trong lòng nó lo sợ, lo Tường mét rồi chú thím rầy nữa.

Nó vừa đi vừa suy nghĩ, thình lình ở sau lưng có tiếng hỏi rằng: "Em ở với ông, bà chủ Tăng phải hôn em? Ở một tháng bao nhiêu tiền vậy?"

Nó day lại thì thấy một người đàn bà gánh bánh canh với chè đậu đi bán, người trạc chừng ba mươi lăm tuổi, mặc quần lãnh và áo bà ba xuyến đen, bộ dong dảy gọn gàng. Người ấy thấy con Phục day lại thì cười mà hỏi rằng: "Em ăn bánh canh hôn em? Bánh canh bữa nay ngon lắm".

Con Phục đứng lại, cũng cười mà đáp rằng:

– Tôi không ăn. Tôi không có đem tiền theo.

– Không sao đâu mà. Qua bán chịu cho. Em ở với ông chủ qua biết, xa lạ gì mà ngại.

Người đàn bà ấy vừa nói vừa để gánh dựa lề đường rồi múc một chén bánh canh mà đưa cho con Phục; bánh canh còn nóng, hơi lên ngui ngút. Con Phục thấy bánh canh ngon, lại nghĩ thằng Trinh khi thì cho nó một xu, khi thì cho hai xu, mấy tháng nay nó giấu để dành được một cắc hai ở nhà, dầu xài vài ba xu cũng không hại gì, bởi vậy nó bưng chén bánh canh và hỏi rằng:

– Chị múc bao nhiêu đây?

– Hai xu.

– Tôi ăn rồi mai mốt tôi gặp chị nữa tôi sẽ trả tiền đa.

– Được mà. Chị em, thứ một hai xu mà nghĩa gì, dầu không trả cũng được.

– Chị bán chịu, nếu có người xấu, họ ăn rồi không trả tiền thì chị cụt vốn chớ.

– Ta coi theo người, ta bán chịu chớ.

– Chị bán cho tôi, thì để bữa nào tôi gặp tôi sẽ trả tiền, chớ đừng có lại nhà mà đòi đa, nghe hôn.

– Ai mà dại quá vậy nên em phải dặn.

Con Phục ngồi dựa cái gánh mà ăn.

Người bán chè ngó nó rồi hỏi nữa rằng:

– Em ở nhà ông đó sướng hay là cực?

– Không phải ở mà.

– Coi! Qua thấy em ở trong đó còn! Ở cái nhà lầu cũ trong đường Nguyễn Tấn Nghiệm kia chớ đâu.

– Phải, tôi ở đó, mà không phải ở đợ.

– Vậy chớ ở sao?

– Tôi là cháu của ông Tăng đó, tôi kêu ổng bằng chú ruột.

– Cháu ông chủ.

Người bán chè lấy làm lạ, ngồi ngó con Phục trân trân. Con Phục vừa húp bánh canh vừa cười mà nói nữa rằng:

– Tôi nói thiệt chớ. Cháu ruột đa. Cha tôi hồi trước là anh ruột của ổng. Cha má tôi mất rồi, chú thím tôi mới kiếm đem tôi về nuôi.

– Cháu ổng sao mặc đồ vải đi chơn không, in như ở đợ với ổng vậy? Em đừng chịu. Em về nói với ổng phải mua đồ hàng lụa cho em mặc, phải sắm giày dép cho em mang. Ông chủ giàu sang, con gái ổng thấy mặc đồ tốt, đi xe hơi, còn ổng sao ổng cho em ăn mặc như đầy tớ vậy!

– Rước tôi về rồi, thím tôi mới mua may quần áo này cho tôi mặc đó.

– Tốt lành gì! Đừng thèm. Hồi trước em ở đâu?

– Tôi ở dưới Cai Lậy.

– Em nghe lời qua, về đòi may áo quần hàng cho em mặc, đòi mua giày cho em mang. Cháu ông chủ gì mà đeo bông hột chai, phải đòi mua bông hột xoàn mà đeo.

– Ai mà dám.

– Em sợ vợ chồng ông đó lắm sao?

– Sao lại không sợ?

– Hay đánh em lắm sao?

– Không có đánh, chú thím tôi có rầy chút đỉnh. Mà có đứa con gái lớn với thằng con trai út nó hỗn lắm, nên nó hay đánh chưởi tôi.

– Hứ! Hai đứa nhỏ hỗn như vậy mà ông và bà không rầy nó hay sao?

– Không. Chú thím tôi cưng nó lắm.

– Con là máu, cháu là mủ! Tại em nghèo nàn côi cút nên mới bị hất hủi cái thân như vậy đó, chớ phải em giàu thử coi. Nuôi em trong nhà có bắt em làm công chuyện hay không?

– Không có làm giống gì cho lắm. Phần tôi thì đưa rước hai đứa nhỏ đi học. Về nhà, tôi quét nhà quét cửa, lau ghế lau bàn, giặt đồ, tắm rửa cho sắp nhỏ, có khách thì lo trầu nước, thay ống nhổ, tối thì bóp chưn đấm lưng cho thím tôi vậy thôi.

– Trời ơi! Công việc làm quá công việc của một đứa đầy tớ, vậy mà em nói không có làm giống gì lắm. Vậy chớ còn đợi làm giống gì nữa!

– Công việc cũng không cực gì lắm. Tôi phiền có cái hai đứa nhỏ nó mắng chưởi đó.

– Nuôi mà biết thương kia, cho em ăn học, làm cho em sung sướng tấm thân, chớ nuôi mà bắt làm công việc như đày tớ, lại

khỏi trả tiền mướn, đó là lường công, chớ nuôi giống gì. Đừng thèm ở, qua coi em lịch sự lắm, mặt mày trắng trẻo, tay chơn dịu nhỉu. Em đi theo qua rồi qua gả em lấy chồng chắc em sung sướng lắm.

– Tôi còn nhỏ, mà lấy chồng giống gì?

– Lớn đại rồi còn! Em năm nay mấy tuổi?

– Tôi mười sáu tuổi, tết này mới mười bảy.

– Dữ hôn. Mười sáu mười bảy tuổi rồi còn nhỏ gì nữa. Cỡ đó có chồng phải lắm chớ.

Con Phục ăn hết bánh canh, trả chén cho người bán, rồi ngồi bẹp dưới đất, khoanh tay trên đầu gối mà suy nghĩ. Người bán chè rửa chén mà úp trên tràn vừa cười vừa nói rằng: "Cái sắc của em đó, nếu có đồ ăn mặc, thì mấy ông mấy thầy họ thấy họ trết. Đời này con gái có sắc đẹp thì lo gì không sung sướng".

Người bán chè mới nói tới đó, thì có một cái xe hơi mui kiếng chạy tới, trong xe có một người đàn bà trẻ tuổi, trang điểm thật đẹp, quần áo thiệt sang, ngồi coi như tiên nữ hạ trần.

Xe qua khỏi rồi, người bán chè nói rằng: "Người đó là con hai Kiêu. Hồi nhỏ má nó nghèo, nó đi gánh nước lở vai, nó lấy Tây mấy năm rồi sau nó đụng một thằng mái chín mê nó quá, bây giờ nó có nhà tốt, nó đi xe hơi, coi sướng hôn? Qua biết nó lắm. Nó là con của thím Tiều, hồi trước ở Chợ Đũi chớ đâu. Hồi nhỏ nó có lịch sự được như em vậy đâu".

Con Phục thở dài một cái rồi đứng dậy phủi đít. Chị bán chè cũng đứng dậy, để gánh lên vai mà nói rằng: "Bữa nào em có rảnh ra nhà qua chơi. Nhà qua ở ngoài cầu Rạch Bần. Em ra tại cầu đó em hỏi thăm chị "ba Có bán chè" thì ai cũng biết hết".

Chị bán chè nói dứt lời rồi chỉ gánh đi và chị rao: "Ai ăn bánh canh chè đậu hôn?", tiếng nghe lảnh lót.

Con Phục thủng thẳng đi về, bên tai còn văng vẳng những lời của chị ba Có, trước mắt còn lao xao cái xe của cô hai Kiêu.

VI
ĐỔI CON

Hơn một tuần nay, bộ con Phục ột ệt lắm. Một buổi sớm mai chúa nhựt, ba Có dòm thấy nó âm ỷ, nghi nó tới kỳ khai hoa, bèn khóa cửa gởi nhà cho người ở một bên rồi dắt con Phục vô nhà bảo sanh Chợ Lớn. Chị ta lanh lợi vô tới nhà thương thì kiếm cô mụ chánh mà làm quen, rồi cậy cô coi giùm chừng nào con Phục đẻ. Cô mụ coi rồi nói có lẽ con Phục đến ngày mai chín mười giờ mới sanh. Ba Có lại hỏi cô có biết trước sẽ sanh con trai hoặc con gái hay không. Cô mụ cười và đáp rằng: "Con em chắc là sanh con trai chớ gì. Tôi nói có sai thì đem mà chém tôi đi". Ba Có hỏi: "Làm sao mà cô biết trước sự đó được?". Cô mụ trợn mắt đáp rằng: "Tôi ở nhà thương này đã mười bảy năm, tôi coi mười người trật chừng một là nhiều. Để rồi cô coi mà".

Vì ngày chúa nhựt thầy Khuyên không có ăn cơm, ba Có rảnh rang, nên không lật đật gì về. Chị ta để con Phục ở tại phòng thí, rồi đi dài theo mấy phòng nhà giàu mà coi chơi. Đi ngang qua cái phòng hạng nhứt, ba Có thấy một cô trạc chừng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, mặt trắng trẻo, bụng chành bành, đương ngồi trên một cái ghế trước cửa phòng, bộ coi buồn hiu. Chị ta muốn làm quen, nên đứng lại ngó cô nọ mà cười ngỏn ngoẻn và hỏi rằng:

– Cô nằm phòng này phải hôn, cô?

– Phải.

– Chừng nào sanh mà coi bộ âm ỷ dữ vậy? Cô có mượn cô mụ chánh coi giùm cho hay không? Mượn cổ coi đi. Cô mụ chánh ở nhà thương này họ đồn cổ giỏi lắm.

– Cổ coi cho tôi rồi.

– Cổ có nói chừng nào sanh hay không?

– Cổ nói khuya nay, mà có trễ lắm thì lối bảy tám giờ sớm mai.

– Nếu vậy thì cô sanh trước con em tôi một chút. Con em tôi lối mười giờ mai. Nè, cô mụ này có nghề hay lắm, cô coi tay mà cô biết trước đẻ con trai hay là con gái. Cô có mượn cô mụ coi giùm cái đó hay không?

– Tôi không có mượn, song cổ có nói cổ chắc tôi sanh con gái. Cổ nói như vậy mà mình tin sao được. Trước khi đi lên nằm nhà thương thầy Cai có dắt tôi lại ông Đốc tơ ở Cần Thơ coi mạch đặng tiêm thuốc dưỡng thai cho tôi. Thầy Cai có cậy ông Đốc tơ coi thử coi tôi sanh con trai hay là con gái. Ông Đốc tơ cười ngất, ổng nói việc đó dầu thầy thuốc giỏi đến bực nào cũng không đoán trước được. Nay lên đây cô mụ cổ nói tôi sanh con gái, tôi không biết sao mà tin.

– Không. Thuở nay tôi thường nghe người ta đồn cô mụ này coi việc đó hay lắm. Không biết cổ học nghề ấy ở đâu, mà cổ coi mười người không sai một.

– Cổ coi hay thiệt sao?

– Hay thiệt, chớ không phải nói chơi đâu.

Cô nọ nghe ba Có nói như vậy thì thở dài rồi bước vô giường mà nằm, mặt coi buồn bực lắm.

Ba Có còn muốn nói chuyện nữa, nên bước vô phòng kéo ghế mà ngồi rồi hỏi rằng:

– Cô mụ chánh nói cô sanh con gái hay sao?

– Phải. Cổ nói tôi sanh con gái. Nếu lời cổ đoán mà trúng thì tôi vô phước lắm.

– Con gái hay là con trai cũng là con, trời cho sao thì mình nuôi vậy, sao cô sanh con gái mà cô lại nói vô phước?

– Chị không rõ gia đạo của tôi. Tôi phải sanh con trai thì mới khá, chớ sanh con gái không ích gì hết.

– Cô ở đâu mà nằm nhà thương đây?

– Tôi ở dưới Cần Thơ.

– Dữ hôn! Ở dưới mà lên sanh tới trên này.

– Có xe hơi thì đi mấy hồi. Thầy Cai tôi thầy muốn như vậy, nên thầy lấy xe hơi nhà thầy đưa tôi lên đây rồi thầy về làm việc, thầy dặn chừng nào sanh thì đánh dây thép cho thầy hay.

– Cô nằm nhà thương có một mình, không đem ai theo đặng ở mà nuôi cô hay sao?

– Có chớ. Tôi có đem theo một người vú già. Tôi lên năm sáu bữa rày. Hôm mới lên quan thầy coi mạch rồi nói tôi còn lâu, song biểu tôi nằm trước trong nhà thương đặng uống thuốc an thai. Hôm đi không đem áo quần theo nhiều, phần thì tôi tưởng còn lâu mới

sanh, nên hồi khuya này tôi sai chị vú già đi xe đò về dưới lấy áo quần thêm cho tôi mặc. Chẳng dè hồi nãy tôi muốn đau bụng, tôi mượn cô mụ coi cổ nói có lẽ khuya này sanh. Bất nhơn quá, tôi sai lỡ chị vú về dưới, chiều mai chỉ trở lên mới tới, chừng tôi sanh đây chỉ có một mình.

– Có sao đâu mà cô lo. Trong này có mấy người học mụ thiếu gì. Như cô không có ai nuôi, cô có cần dùng việc gì, thì cô cậy mượn mấy người ấy được mà. Té ra cô đây là cô Cai tổng ở dưới Cần Thơ.

– Phải. Ở nhà tôi là Cai tổng Lung ở dưới Cái Vồn.

– Cô có được mấy người con rồi?

– Tôi chưa có con; tôi sanh lần này là sanh con so.

– Hèn chi cô không muốn sanh con gái.

– Không phải vậy. Họ nói sanh con gái đầu lòng dễ nuôi hơn chớ. Mà tôi muốn sanh con trai là tại có một việc riêng. Chẳng giấu chi chị, tôi là vợ của thầy cai Lung mà vợ nhỏ chớ không phải vợ chánh. Chị Cai lớn có sanh được ba đứa con, mà gái hết chớ không có trai. Tôi có nghén xưa rày thầy Cai tôi nói hoài, thầy nói nếu tôi sanh cho thầy một chú trai đặng có người nối nghiệp cho thầy, thì thầy cưng tôi lắm, thầy rước tôi về ở chung nhà lớn liền. Tại như vậy đó nên tôi mới muốn sanh con trai chớ. Thầy Cai tôi giàu có lớn; nếu tôi sanh con trai thầy mới nhìn, rồi sau con tôi mới được ăn gia tài, chớ con gái thầy có đến ba đứa rồi, thầy màng gì nữa.

Ba Có nghe chuyện như vậy, thì chị ta ngồi suy nghĩ. Người khôn lanh việc gì tính cũng lẹ. Chị ta kéo ghế lại ngồi gần cô Cai tổng Lung mà nói nhỏ rằng: "Dầu mà cô đẻ con gái đi nữa, nếu cô muốn nó hóa ra con trai thì cũng được, có khó gì đâu".

Cô Cai nghe mấy lời cô lồm cồm ngồi dậy ngó ba Có mà hỏi rằng:

– Con gái làm sao mà hóa con trai được?

– Mình đổi.

– Ai có con mà chịu đổi? – Lựa người nghèo cực, mình đổi bù tiền nhiều, thì có lẽ họ chịu chớ.

– Cha chả, nếu rủi tôi sanh con gái, mà ai chịu đổi con trai cho tôi, dầu bù năm bảy chục hoặc một trăm tôi cũng bù.

– Nếu cô muốn thì tôi lãnh tôi đi kiếm tôi nói giùm với người ta cho. Mà một trăm ít quá sợ người ta không chịu. Cô không nghe người ta nói con trai đáng giá một hai ngàn hay sao?

– Việc tình cờ, tôi không có tiền nhiều sẵn ở đây, nếu quá số ấy thì tôi không thể bù nổi.

– Cô nói gia tài của thầy Cai lớn lắm. Nếu cô muốn con trai cô là trưởng nam, đặng sau hưởng ít nào cũng phân nửa cái gia tài ấy, thì bây giờ cô tốn hao một hai ngàn có lỗ lã gì đâu. Huống chi cô có con trai, thầy Cai lại còn cưng cô hơn vợ lớn ở nhà, cô nhờ biết bao nhiêu.

– Chị nói phải lắm. Ngặt vì bây giờ thình lình, tôi không có tiền sẵn biết làm sao.

– Thôi, để tôi làm ơn kiếm họ tôi nói thử coi có ai chịu hay không.

– Khoan! Chị đợi tôi nói chuyện một chút. Tôi sợ làm lôi thôi ngày sau đổ bể, thầy Cai tôi thấy phiền thầy bỏ tôi chớ.

– Làm sao mà đổ bể được? Cô nói chị vú về chiều mai chỉ mới lên. Khuya nay hoặc sáng mai thì cô sanh; như may cô sanh con trai thì thôi, còn như rủi cô sanh con gái thì cô đổi trước khi chị vú lên, làm như vậy chị vú biết làm sao nổi, mà chừng đánh dây thép cho thầy Cai lên, thầy thấy con trai thì thầy hay con trai, có cái gì mà nghi được.

– Sợ mấy cô mụ họ thấy mình đổi chọn lộn xộn, họ mách với quan thầy chớ.

– Việc đó có can hệ gì đến họ. Sanh thì về phần cô mụ chánh, cổ biết con trai hay là con gái. Chừng sanh rồi mình làm sao tự ý mình, cổ có cần biết tới làm chi. Miễn là lúc sanh rồi, người ta lại hỏi tên họ đặng lập khai sanh, mình trình đứa nhỏ trúng con của mình, có cô mụ làm chứng, rồi mình đổi ai biết được.

– Ờ, còn khai sanh đó nữa! Tôi đẻ con gái tôi phải khai con gái. Chừng về nhà tôi đem con trai về, không trúng với khai sanh mới làm sao?

– Hứ! Cô khéo lo, chuyện đó dễ ợt. Tôi chắc cô đi nằm nhà thương đây cô không có đem khai hôn thú theo phải hôn?

– Tôi làm bạn với thầy Cai, không có hôn thú.

– Nếu vậy thì dễ quá. Theo phép làm khai sanh, mà không có mặt thầy Cai, lại cô không có trình hôn thú thì tự nhiên đứa nhỏ phải khai theo họ mẹ, còn chỗ tên họ người cha thì người ta phải biên "không biết cha là ai". Còn mẹ là đàn bà không có giấy thuế thân, tự nhiên mình muốn khai tên họ gì cũng được, ai biết đâu mà cãi. Hễ hai đàng ưng thuận đổi con rồi, chừng cô đẻ nếu con gái thì cô khai sanh con gái, song tên họ mẹ thì cô lấy tên họ của người kia mà khai. Chừng người kia sanh, hễ con trai thì họ khai sanh con trai, song họ lấy tên họ của cô mà khai người mẹ, làm như vậy trong nhà thương biết sao nổi. Mình tráo thì phải tráo tên họ mẹ trong khai sanh nữa chớ.

– Như người kia họ có chồng đủ phép, khai sanh có tên họ cha rồi làm sao?

– Ai dại gì đi lựa người như vậy! Nói thiệt với cô, tôi có một con em có chồng không hôn thú, mà chồng nó bỏ rơi rồi. Tôi mới đem nó vô nhà thương hồi nãy, cô mụ chánh coi rồi nói chừng mười giờ mai nó sanh, nó chắc sanh con trai. Vậy để tôi đi nói với nó thử coi nó chịu đổi con hay không rồi tôi sẽ trả lời cho cô hay.

– Được a, đâu chị làm ơn nói giùm thử coi.

Ba Có vội vã trở lại phòng thí kêu con Phục ra ngoài mà hỏi nhỏ rằng:

– Em tính sanh rồi em để con em nuôi hay là em cho người ta?

– Chị định lẽ nào tự ý chị.

– Mình nghèo, nếu nuôi con, mình mắc ôm ẵm nó đó, đi làm lụng không được thì chết đói còn gì.

– Em oán thằng Hùng lắm, để em đẻ rồi em kiếm kẻ hung dữ em cho, đặng thằng nhỏ ngày sau nó làm du côn ăn cướp cho cái dòng thằng cha nó mang xấu chơi.

– Được! Mấy tháng nay em học với qua đã khá rồi, nên em mới biết tính trả thù như vậy đó, mà em tính như vậy thì hay, song không có lợi. Để qua nói cho em nghe: Kẻ hung dữ họ nghèo, họ mắc lo kiếm ăn, họ có thèm nuôi con nuôi làm chi mà em cho. Mà dầu họ có chịu nuôi đi nữa, thì có lẽ em phải chịu tiền cho họ, chớ họ đương cho em tiền đa. Chị em mình nghèo, phải lo kiếm tiền. Em đẻ rồi đây phải lo sắm vi kiến đặng có kiếm chồng. Nếu không tiền rồi làm sao. Qua mới làm quen với một cô ở nhà quê mà giàu lắm, cổ nằm phòng

nhứt mà mụ coi nói cổ sẽ sanh con gái. Cổ rầu quá, cổ nghe nói em sẽ sanh con trai thì cổ muốn đổi con với em, như em chịu đổi cổ bù một trăm đồng bạc, em chịu hôn?

– Chịu chớ. Mà cổ bù một trăm, rồi cổ bắt mình phải nuôi con cổ thì cực mình quá.

– Em khờ quá! Hễ đổi con rồi thì mình muốn làm thế nào tự ý mình; mình muốn để nuôi thì để, hay là muốn cho ai thì cho chớ.

– Nếu vậy thì được.

– Cổ xin bù một trăm mà qua chưa chịu. Qua đòi một ngàn. Cổ nói không có tiền sẵn ở đây. Việc tiền bạc để qua lo, qua đòi được nhiều chừng nào càng tốt chừng nấy. Qua không dại đâu.

– Chị tính lẽ nào em cũng vâng lời hết. Mà cô nào ở đâu lại muốn đổi con như vậy?

– Em không biết đâu, người ta ở dưới Lục tỉnh mà.

– Tụi dưới vườn lên chị rán gọt nó. Bộ nó có lợi gì đó, nên nó mới muốn có con trai, mình phải thừa dịp mà xẻ.

– Qua biết mà, có lẽ nào qua phải đợi em dạy. Mà em phải đẻ con trai trước mới được ạ.

– Chị chịu phứt đi. Chắc đẻ con trai mà. Như rủi sanh con gái thì thôi, bất quá thất công tính, chớ tốn hao gì đó mà sợ.

Ba Có thấy Phục hiệp ý với mình thì mừng, nên lật đật lại cho cô ài tổng Lung hay, song về số bạc bù thì con Phục đòi tới một ngàn. Cô Cai năn nỉ nói việc tình cờ mình không có tới số bạc ấy. Cô xin chừng đổi con cô đưa một trăm, đợi thầy Cai lên cô lập thế xin thầy đưa thêm ít chục nữa. Ba Có nói việc tiền bạc chừng đổi con rồi sẽ tính lại.

Chị ta lân la ở trong phòng nói chuyện với cô Cai tổng Lung. Đến trưa, chị ta nhớ con Phục có nói cậu hai Hùng là con của một ông Hội đồng ở Cái Vồn, chị ta bèn hỏi cô Cai rằng:

– Cô ở Cái Vồn mà cô biết cậu hai Hùng con của ông Hội đồng nào đó hay không? Cậu hai Hùng hồi trước học trên Sài Gòn, cậu mới đi Pháp chừng bốn năm tháng nay.

– Sao lại không biết. Nó là con của anh chồng tôi là Hội đồng Thành, nó kêu thầy Cai tôi bằng chú ruột. Sao chị biết nó?

– Hồi cậu học trên Sài Gòn, cậu có quen với tôi. Có lẽ ông Hội đồng giàu lắm hay sao mà cho cậu đi Tây?

– Ảnh cũng giàu, song thua thầy Cai tôi nhiều. Ảnh góp chừng mười ngàn giạ, còn thầy Cai tôi góp trên bốn chục ngàn. Đã vậy mà ảnh đánh bạc lớn lắm, nghe nói ảnh mắc nợ cũng bộn.

Ba Có biết được căn nguyên của cậu hai Hùng, rồi nhớ tới việc đổi con thì chị ta lấy làm lạ cho cái thiên cơ khéo sắp đặt. Mà sắp đặt như vầy thì là may cho con Phục hay là rủi? Điều ấy không thể đoán trước được. Chị ta nghĩ riêng như vậy mà thôi, chớ chẳng hề ló mòi cho cô Cai biết, mà cũng nhứt định giấu kín không cho con Phục hay.

Đến xế chiều ba Có về có hứa với con Phục để khuya sẽ trở vô thăm.

Khuya lại chị ta khóa cửa, gởi chìa khóa cho người ở một bên, dặn nếu trưa thầy ba Khuyên về thì nói giùm chị ta mắc vô thăm con Phục đẻ, xin thầy ra tiệm ăn cơm đỡ một bữa.

Chị ta vô tới nhà bảo sanh nhằm lúc cô hai đang chuyển bụng, đến tám giờ, thiệt cô sanh một đứa con gái. Chị ta đợi mụ làm thuốc, tắm em rồi đi hết, chị ta mới lỏn vô phòng thì thấy cô Cai nằm buồn xo.

Cô Cai vừa thấy mặt ba Có thì lắc đầu nói rằng: "Thiệt quả con gái rồi chị".

Ba Có gật đầu đáp rằng:

– Tôi hay rồi. Tôi vô từ hồi tảng sáng tới giờ. Tôi nghe cô chuyển bụng, mà tôi nhát quá tôi không dám vô. Cô sanh mạnh giỏi tôi mừng cho cô.

– Tôi buồn quá, chị. Sanh thứ con gái có ích gì đâu. Chị làm ơn nói đổi giùm con trai cho tôi thì tôi mang ơn lắm.

– Nó chưa đẻ nên chưa biết trai hay là gái. Mà nó đòi tới một ngàn biết làm sao.

– Tôi lạy chị làm ơn nói giùm. Bởi tôi không có tiền sẵn, chớ như có thì bao nhiêu tôi cũng chịu hết.

– Nó muốn chuyển bụng ở đẳng. Để chừng nó sanh rồi sẽ hay.

– Phải làm sao mà đổi trước khi chị vú lên, chớ để chỉ thấy con gái rồi đổi sao được.

– Cô đừng lo. Có lẽ nội buổi sớm mai này có thầy ký lại hỏi tên họ đặng lập khai sanh, thì cô khoan khai, đợi con kia nó đẻ rồi sẽ khai nghe hôn. Cô nói để thủng thẳng chiều hay là mai cô kiếm

tên tốt cô đặt cho con nhỏ rồi cô sẽ khai. Theo luật tám bữa còn khai được, mình trễ một hai ngày có hại gì.

– Cha chả! Mà có cái này khó quá chị.

– Cái gì khó?

– Tôi đẻ con gái, mụ chánh mụ phụ đều biết. Nếu tôi đổi con trai, sáng mai cô mụ phụ lại tắm cho em, cô thấy khác, cô hỏi rồi bể việc chị vú biết còn gì.

– Tôi đã có tính tới chuyện đó rồi, cô đừng lo. Phàm đứng sanh cho nhà giàu thì phần của cô mụ chánh, song sanh rồi cổ không biết tới nữa. Cô mụ phụ nào đứng giúp đó thì mỗi bữa cổ lo săn sóc tắm rửa cho em, người khác không xen vô được. Hồi nãy cô sanh, tôi đứng ngoài chơi mà tôi nhìn mặt cô đó rồi. Nếu cô đổi con thì tôi o bế nói trước với cô mụ phụ đặng cổ kín miệng, rồi chừng cô về cô đền ơn cho cổ vài chục đồng bạc thì êm chớ gì.

– Chị tính hay quá. Xin chị điều đình giùm, nếu xong việc thì tôi không quên ơn chị đâu.

Cô mụ phụ xách hia ve nước nóng vô phòng thấy ba Có ngồi nói chuyện thì hỏi rằng:

– Cô nhỏ ở ngoài Sài Gòn vô nằm phòng thí hồi sáng mai hôm qua đó phải là em của cô hôn?

– Phải. Sao đó cô mụ?

– Con so mà cổ sanh lẹ quá.

– Sanh rồi hay sao? Con trai hay là con gái?

– Con trai. Thằng nhỏ lớn quá. Còn được tắm ở đẳng, chưa cân mà tôi chắc nó nặng ít nào cũng ba kilô tám.

Ba Có ngó cô Cai mà cười, rồi chạy lại phòng sanh mà coi. Cách một hồi rồi chị ta trở lại nói với cô Cai rằng: “May cho cô lắm. Thiệt con em tôi sanh con trai”.

Cô Cai cười rồi day qua ngó con, thấy nó nằm ngủ, lòi hai bàn tay ngón nhỏ mà dài, cái mặt tròn trịa dễ thương, thì cô ứa nước mắt.

Ba Có nói rằng:

– Con em tôi gắt quá, nó nhứt định một ngàn nó mới chịu đổi, chớ ít hơn không được. Nó nói nó thương con nó lắm.

– Tôi không có tiền biết làm sao. Tôi nói thiệt với chị, hôm thầy

Cai đưa tôi lên, thầy đưa cho tôi có hai trăm đồng. Hồm nay ăn xài và đưa cho chị vú đi xe hao hết ba chục đồng. Bây giờ trong mình tôi còn có một trăm bảy mươi đồng. Thôi, để tôi chịu một trăm rưỡi.

– Nó nói không được, phải đủ số một ngàn. Tôi nói giùm hết sức mà nó không chịu bớt.

– Khổ quá! Tôi, tôi nói như vậy: Bây giờ chị đưa đỡ một trăm rưỡi đồng, chừng tôi đánh dây thép cho thầy Cai lên, tôi xin thêm được bao nhiêu thì tôi đưa hết cho chị nữa, được hôn?

– Để tôi nói lại với nó thử coi. Tôi tưởng nếu nó không chịu, thì cô đưa được bao nhiêu hay bấy nhiêu, còn thiếu bao nhiêu thì cô làm giấy về sau về dưới sẽ gởi mà trả, có khó gì.

Cô Cai nằm suy nghĩ một lát, rồi cô nói chẩm hẩm rằng: Được, nếu muốn làm giấy thì tôi làm cho, rồi sau tôi chắt lót tôi sẽ gởi trả lần lần. Xin chị nói giùm với cổ.

Ba Có đi một lát rồi trở lại nói con Phục chịu đổi theo lời cô Cai xin. Chị ta bèn bàn tính với cô Cai coi bây giờ hai đứa nhỏ phải khai sanh tên gì, mẹ tên gì. Cô Cai nói thầy Cai tên Lung, thì con của thầy phải đặt tên Lăng. Mà cô tên là Lê Thị Mẹo thì khai sanh phải để đứa nhỏ là Lê Văn Lăng. Còn con ruột của cô thì khai nó là Thị Hai vì nó đầu lòng.

Ba Có là tay khôn ngoan nhậm lẹ, việc khó cho mấy chị ta tính cũng dễ. Chị ta tuốt lên phòng o bế thầy ký đặng khai sanh luôn cho hai đứa nhỏ. Thầy ký cầm giấy đi xuống nhà sanh, vô phòng cô Cai thì cô khai tên là Phạm Thị Phục hai mươi hai tuổi, cô đặt tên con là Phạm Thị Hai. Qua bên phòng thí thì con Phục khai tên nó là Lê Thị Mẹo hai mươi lăm tuổi, nó đặt tên con nó là Lê Văn Lăng. Thầy ký biên rồi thầy ngó con Phục mà nói rằng: “Cô cất tuổi lên chi vậy? Cô chừng mười bẩy mười tám tuổi chớ gì tới hai mươi lăm lận!”. Ba Có hớt mà đáp rằng: “Không, con em tôi nó nhỏ vóc, chớ trọng tuổi lắm đa thầy. Nó hai mươi lăm tuổi thì nó khai hai mươi lăm, chớ khai gian làm chi. Đàn bà có thuế, khóa gì mà chồng tuổi cho mau ra lão”.

Thầy ký rún vai bỏ đi lên nhà giấy.

Ba Có đi kiếm cô mụ phụ mà òn ỉ thông mưu, xin cô kín miệng rồi cô Cai sẽ cho vài chục đồng bạc. Cô mụ nghe hứa đền ơn thì cô nhận lời liền, cô lại tưởng Phục nghèo đổi con bất quá có lợi chừng ít đồng bạc thì nhiều, nên cô không kèo nài chi hết.

Ba Có sắp đặt xong rồi mới bồng con của Phục đem giao cho cô cai Lung. Cô Cai móc túi lấy ra trăm rưởi đồng mà đưa cho ba Có, rồi biểu ba Có bồng con của cô mà giao lại cho Phục. Chừng ba Có bồng con nhỏ đi thì cô Cai ngó theo, cô chảy nước mắt và nói với rằng: "Xin chị làm ơn nói với cô đó rán nuôi giùm con tôi cho tử tế nghe".

Ba Có lại lãnh đi đánh dây thép giùm mà cho thầy Cai tổng Lung hay rằng cô Cai sanh con trai, mẹ con mạnh giỏi.

Chiều lại chị ta lên nhà giấy lấy hai tờ khai sanh mà giao cho hai người, tờ của Lê Văn Lăng mẹ là Lê Thị Mẹo thì giao cho cô Cai, tờ của Phạm Thị Hai mẹ là Phạm Thị Phục thì giao cho Phục.

Đến tối chị vú già đem quần áo lên thấy cô Cai có con trai thì mừng quýnh, không nghi chi hết.

Chiều bữa sau thầy Cai tổng Lung lên tới, thầy biểu đưa thằng nhỏ cho thầy bồng thử; thầy bịt khăn đen mặc áo dài, mang giày tây, râu ngạnh trê, mà thầy bồng thằng nhỏ còn đỏ lói, thầy đi qua đi lại, miệng cười ngỏn ngoẻn, coi ngộ quá. Cô Cai đưa tờ khai sanh cho thầy coi, thầy nói đặt tên Lăng phải lắm. Thầy ngó thằng nhỏ một hồi rồi nói rằng: "Thằng Lăng coi nó giống tôi quá mình há. Tôi có con trai nối giòng rồi, tôi không lo gì nữa. Mình phải chịu cực nằm nhà thương cho đủ mười bữa, đặng trước là mình bổ dưỡng, sau nữa thằng Lăng nó cứng cát. Từ rày sắp lên mình muốn giống gì tôi cũng cho hết thảy. Tôi ở trên này thăm mình vài bữa rồi tôi về làm việc. Đúng mười ngày tôi sẽ đem xe lên rước mình với thằng Lăng".

Cô Cai nói rằng:

– Đẻ trên này tốn hao hung quá. Thầy phải cho tôi ít trăm đồng bạc, đặng tôi đền ơn mấy cô mụ và tôi mua đồ chơi.

– Được mà. Mình đẻ con trai cho tôi như vầy, dầu hết nhà tôi cũng không phiền. Mình cần lo bổ dưỡng, lo chi việc tốn hao.

Thầy để thằng nhỏ nằm trong nôi, rồi mở bóp phơi lấy đưa cho vợ ba trăm đồng bạc và nói rằng: "Đó mình muốn xài việc gì tùy ý, miễn là mình vui thì thôi. Còn đền ơn cho mụ thì để bữa nào lên rước mình tôi sẽ đưa tiền nữa cho mà đền ơn".

Thầy Cai mướn phòng ở khách sạn ngoài Sài Gòn mà nghỉ đặng vô ra thăm vợ hai bữa rồi về. Cô Cai tỏ thiệt với ba Có rằng thầy Cai cho có ba trăm đồng. Cô không dám xin nhiều, sợ thầy nghi. Cô đưa

thêm cho ba Có hai trăm và hứa để ít bữa cứng cát ngồi dậy được rồi cô sẽ làm giấy thiếu sáu trăm rưởi đồng, sau cô sẽ trả.

Phục nằm nhà thương đủ tám bữa, người ta không cho nằm nữa. Ba Có vô rước nó về, lại ghé phòng cô Cai mà biểu cô phải làm giấy thiếu Phạm Thị Phục sáu trăm rưởi đồng, hứa qua năm sau sẽ trả, song nếu có tiền thì trả trước lần lần cũng được.

Cô Cai thấy chồng vui mừng, không nghi ngờ chi hết, nên cô làm giấy liền, lại đền ơn riêng cho ba Có hai chục đồng.

Phục bước lại hun thằng Lăng, rồi bồng con Hai đi ra về với ba Có. Cô Cai ngó theo mà rưng rưng nước mắt.

IX
ƯNG MÁI CHÍN

Một đêm lối mười giờ, có một cái xe hơi lại đậu ngay cửa ngõ cô hai Phục, sớp phơ leo xuống mửa cửa xe. Cô hai Phục với ba Có bước xuống. Cô hai Phục mặc một bộ đồ màu nước biển, đầu choàng khăn cũng màu ấy, chơn mang giày Hạ Châu, tay ôm bóp da xám. Còn ba Có thì mặc đồ lụa trắng. Hai người xuống xe rồi cô hai Phục mở bóp lấy một đồng bạc mà đưa cho sớp phơ và nói rằng: Anh lấy đồng bạc đây đi uống nước rồi sẽ về. Xin anh nói lại giùm tôi cám ơn ông lắm.

Cô nói rồi xâm xâm vô cửa ngõ, mùi dầu thơm bay bát ngát. Ba Có đã nhận chuông điển mà kêu bồi, nên có một người trai ra mở cửa ngõ.

Hai chị em vô nhà vặn đèn khí lên thì thấy đồ đạc hực hỡ, bàn mặt đá, ghế xích đu, tủ cẩm lai, tranh sơn thủy, mấy cửa sổ có treo màn tụi, chỗ tiếp khách có trải tabi [1], trên bàn có bình bông tươi, dựa cửa có chậu kiểng kiểu, có sắm ván đi văng để nằm hút á phiện, có sắm đủ thứ đờn để cho khách hòa chơi.

Khi bước vô nhà thì cô hai Phục vừa cười vừa nói với ba Có rằng:

– Mình về coi bộ ổng buồn dữ. Tại sao chị thúc về quá vậy chị ba? Còn sớm mà.

– Mấy ổng chơi như vậy vô lễ lắm. Qua không muốn em ở lại đó nữa.

---

1. *Trải tabi:* trải thảm.

– Mấy ổng cũng tử tế với em như thường, chớ họ có thất lễ với em đâu mà chị bắt lỗi.

– Không phải họ tử tế đó mà đủ. Em phải nhớ rằng em là Hoa khôi sắc đẹp mà em lại có cái tài đờn ca hay, nói chuyện giỏi. Em vừa có sắc vừa có tài, đàn ông con trai thảy đều nô nức muốn em. Em phải giữ phẩm giá cho cao, thì người ta mới trọng, em mới có lợi lớn, chớ ai rước em đi đờn ca, em cũng đi hết thảy, bực tầm thường trong túi có đôi ba chục cũng được gần em, em làm như vậy, phẩm giá em nhẹ quá, rồi cái sắc với cái tài của em có quí gì đâu. Qua phiền mấy ông hồi nãy là tại họ không biết trọng em. Đã có em rồi, họ còn kêu thêm hai cô ca nhi kia nữa làm chi. Nếu em ở đó thì em cũng như hai cô kia, nhẹ thế của em quá, được đâu.

– Chị nói phải lắm, song ổng rước mình đi, mà mình bỏ ổng mình về như vậy sợ ổng phiền chớ.

– Thằng cha đó có phiền hay là không phiền cũng vậy, không cần gì.

– Ổng ở với chị em mình cũng khá lắm chớ. Ổng cho mình tiền đặng dọn nhà, ổng còn đi hạ cho em một chiếc vòng nữa, ổng ở như vậy còn gì nữa.

– Em tưởng bao nhiêu đó là nhiều lắm sao? Qua coi thằng cha đó rít róng lắm, xài không được. Anh ta mở miệng thì chưng là đại điền chủ ở Lục tỉnh, mà xuất một đồng bạc coi bộ run em phát rét. Em không nhớ hay sao? Hôm mình dọn nhà lên trên này em biểu anh ta đi hạ cho em một chiếc vòng nhận xoàn. Anh ta làm lơ, qua phải nhắc tới hai ba lần, lại có hai thằng cha cặp tàu đó nó đốc nữa, anh ta mới chịu mua, mà mua chiếc vòng có hai trăm đồng, nhận xoàn đậu, coi như đồ bỏ. Mấy tháng nay lên nghe đờn, nằm hút mấy lần rồi, mà nó trơ trơ mặt địa hoài. Hôm trước qua biểu mua cho em một cái xe hơi, nó kiếm chuyện nói lảng.

– Để mình xỏ mũi nó rồi thủng thẳng mình dắt nó, chị muốn làm gấp quá sao được.

– Qua coi tướng thằng cha đó dóc lắm, khoe của, sợ vợ, đủ các tánh xấu hết, xài không vô đâu. Em tưởng nó đưa cho em năm trăm đồng đặng dọn nhà đó là nó thiệt có hảo tâm hay sao? Không đâu. Vì có hai thằng cha theo cặp tàu đó, nó muốn chưng giàu, nên làm bảnh như vậy đa. Nó nghĩ đưa ra năm trăm đồng mà gần được

một hoa khôi sắc đẹp lại sau hễ lên Sài Gòn thì có chỗ ăn, ngủ, chơi khỏi tốn tiền nữa, nó tính chẻ nên nó mới lọi ra đó chớ. Còn hôm nọ anh ta đi có vợ theo, anh ta lén vô đây, mà lo ra quá, chơi một lát rồi lật đật về, sợ vợ nghi. Người đã bỏn xẻn, mà lại sợ vợ nữa, thì có ích chi mà mình phải vị tình vị nghĩa. Đời này giống đàn ông thẩy đều háo sắc, mà họ lường lắm. Mình phải dè dặt mới được. Ông nào có muốn em thì em cứ nói em sợ qua rầy rồi em để mặc qua điều đình cho. Em phải nhớ em đừng có thương ai hết, cái mục đích của mình là cạo đầu, lột da hết thảy, không chừa mặt nào. Phải lo làm cho có tiền, hễ có tiền rồi thì em làm bà, cũng được nữa.

Cô hai Phục cười ngất rồi nói rằng: Cha chả! Nếu em làm bà em đi đám tiệc rủi gặp chú thím em rồi làm sao?

Ba Có cũng cười mà đáp rằng: Vậy coi ngộ lắm chớ. Nếu hổ thẹn thì về phần ai chớ có phải về phần em đâu mà em lo. Qua muốn như vậy lắm.

Hai chị em thay đồ rồi tắt đèn đi ngủ.

Đến lúc này thầy Khuyên thấy cô hai Phục thường có khách giàu sang tới nhà, thì thầy ké né, bởi vậy thầy mượn cớ nhà dọn xa sở của thầy, nên thầy về ăn cơm trưa và nghỉ đậu nơi nhà một người anh em bạn dưới Bến Thành, chớ thầy không lên ăn cơm trưa với ba Có nữa. Tuy vậy mà mỗi tuần thầy đều có ghé thăm ba Có một lần, có lần thầy ở ăn cơm nói chuyện chơi, có lần thầy thăm một chút rồi đi.

Một buổi chiều thứ bẩy, thầy Khuyên ghé thăm, thầy vừa bước vô cửa thì cô hai Phục mừng rỡ và nói rằng:

– May dữ hôn, có anh ba ghé đây. Đi lên Thủ Dầu Một ăn cơm chơi anh ba.

– Cơm đâu trển mà ăn.

– Lên nhà hàng mình ăn. Họ đồn nhà hàng Thủ Dầu Một nấu đồ ăn đúng lắm. Lên ăn cơm rồi mình kiếm sầu riêng mua mà đem về.

– Tôi không rảnh nên sợ đi không được.

– Ban đêm anh có làm việc gì đâu mà không rảnh? Từ hồi chiều tới bây giờ, hai chị em tôi muốn đi, ngặt không có đàn ông nên đi không tiện. Như anh chịu đi thì em sai bồi xuống Sài Gòn mướn một chiếc xe hơi lên đây cho mình đi. Đi chơi anh ba.

– Tôi đi không tiện.

– Anh đi với em và chị ba, anh hổ thẹn hay sao, nên anh không chịu đi?

– Sao mà hổ thẹn? Tại tôi mắc việc nên đi không được chớ.

– Mắc việc gì đâu, anh nói cho em nghe thử coi.

– Chiều mai trên đường đua có đua độ hội, ngựa về nhứt lãnh phần thưởng tới hai ngàn. Tôi đã đăng con ngựa Sài Quế của tôi đặng chạy độ đó. Tôi lo quá, hổm nay tôi dượt thì nó chạy hay lắm, song không biết ông bà có cho tôi lãnh thưởng hay không. Đêm nay tôi phải coi dầm sương cho nó và cho nó uống thuốc đặng mai nó chạy. Tôi đi chơi để bầy trẻ ở nhà nó làm bậy bạ không được.

– Con ngựa anh mua bảy trăm đồng hồi năm ngoái đó phải hôn.

– Phải. Con Sài Quế đó.

– Dữ hôn! Ngựa mua giá có bảy trăm đồng mà đua lãnh tiền thưởng gì tới hai ngàn đồng lận?

– Chớ sao. Độ hội ngựa lai mà. Phần thưởng hội định là ba ngàn hai trăm đồng, chia ra con nhứt hai ngàn đồng, con nhì tám trăm đồng, con ba bốn trăm đồng.

Ba Có xen vô hỏi rằng:

– Dữ hôn! Như con ngựa của mình về nhứt, mình lãnh tiền thưởng tới hai ngàn đồng lận sao?

– Chớ sao.

– Chà chà! Nếu vậy thì mình nên nuôi ngựa đua lắm. Làm giàu được, chớ phải chơi sao.

– Phải. Mà ngựa mình phải về nhứt thì mới khá, chớ mất hạng thì không được lãnh thưởng, mà mình còn phải tốn tiền đăng tiền nài, như mình đánh cá thì còn thua thêm tiền nhà nữa.

– Hết thảy có mấy con ngựa chạy với ngựa mình?

– Độ hội chạy tới mười một con.

– Trời ơi! Chạy đông quá, làm sao mình chắc ăn cho được.

– Tuy đông vậy chớ phần nhiều ngựa không ra gì. Con Sài Quế của tôi hay lắm. Nó kỵ có hai con là con Dương Tiễn với con Tái Hưng mà thôi. Song con Dương Tiễn hay đâm, còn con Tái Hưng nó què mới hết, bởi vậy con Sài Quế có hy vọng nhiều.

– Tôi muốn đi coi chơi quá. Mai chị em tôi lên trường đua coi được hôn?

– Được lắm chớ.

– Làm sao vô cửa được mà coi? Thầy đem hai chị em tôi vô được hôn?

– Tôi phải đem ngựa vô trước đặng sắp đặt. Mình với con hai lên đó rồi mua giấy mà vô như họ, không khó gì đâu.

– Tôi muốn đi với thầy đặng thầy chỉ con ngựa của thầy cho tôi coi và cắt nghĩa việc ăn thua cho tôi hiểu, chớ tôi không hiểu gì hết.

– Tôi mắc lo ngựa lộn xộn lắm. Mình cứ vô đó thì có tôi. Mai cũng có má bầy trẻ đi nữa.

– Có chỉ đi nữa sao? Cha chả, chỉ gặp tôi chắc chị ghét tôi lắm.

– Có biết mình đâu mà ghét.

– Nói chơi vậy chớ chỉ ghét hay là thương cũng vậy, có hại gì đâu. Mai đi nghe hôn, em hai.

Cô hai Phục cười và đáp rằng: "Đi chớ. Xưa rày em nghe nói trên trường đua vui, em muốn đi lắm, ngặt không ai dắt đi. Để mai hai chị em mình đi lên đó đánh cá chơi".

Trưa bữa sau, cô hai Phục với ba Có trang điểm rồi kêu xe kéo mà đi trường đua. Ba Có thì ăn mặc tuy sắc sảo, song dọn theo người nghiêm trang lớn tuổi, y phục không hoa hòe, mặt mày không son phấn. Còn cô hai Phục thì cô chưng diện theo cái phẩm "Hoa khôi sắc đẹp", mặc áo thiệt tốt, giồi phấn thiệt khéo, có bao nhiêu nữ trang cô đeo hết, nên khi cô ra đường chẳng ai thấy cô mà chẳng ngó, mà ngó rồi trong bụng phải khen thầm.

Lên tới trường đua, hai chị em mua giấy vô cửa rồi dắt nhau đi coi ngựa mà kiếm thầy ba Khuyên, đi tới đâu thiên hạ đều ngó cô hai Phục mà trầm trồ.

Cô hai Phục dòm thấy trước một cái chuồng ngựa có một đám đông người đương đứng bàn luận, rồi cách đó một khúc lại có thầy ba Khuyên đương đứng nói chuyện với một người mập mạp, mặc một bộ đồ tây bằng bố xám. Cô chỉ tay mà nói: "Anh ba kia kìa!" rồi nắm tay dắt ba Có đi riết lại chỗ thầy ba Khuyên. Khi gần tới cô kêu mà hỏi rằng: "Anh ba, con Sài Quế của anh là con ngựa nào? Anh chỉ cho em coi thử tài tướng nó một chút đặng em đánh cá".

Thầy ba Khuyên chỉ một con ngựa hồng đứng trong chuồng, cô hai Phục với ba Có đi lại gần mà coi.

Người mặc đồ tây xám ngó cô hai Phục trân trân, rồi đi theo cô, miệng chúm chím cười.

Cô hai Phục coi con ngựa Sài Quế rồi nói với ba Có rằng: "Con ngựa của anh ba tốt quá, em chắc độ hội nó sẽ về nhứt. Có tiền bao nhiêu em cũng đánh cá hết thảy".

Người mặc đồ tây xám bước lại gần đứng khít một bên cô hai Phục và nói nhỏ với cô rằng: "Xin cô biết thì để bụng, đừng có nói ra cho họ nghe thấy".

Cô hai Phục day qua, miệng cười, mắt liếc rất có duyên và hỏi người ấy rằng:

– Tại sao mà không nên nói cho họ nghe?

– Để mình cá mình ăn mới nhiều tiền chớ.

– À! Vậy hả! Trời đất ôi! Tôi có dè đâu.

– Nãy giờ tôi dọ coi thì thấy thiên hạ phần đông họ mặn đánh con Dương Tiễn với con Tái Hưng lắm. Cô không thấy hay sao? Kia kìa, họ áp lại coi hai con ngựa ấy chật nức kia.

– Vậy hả! Đâu thầy làm ơn dắt tôi lại coi hai con ngựa ấy coi ra sao.

– Cô đi với tôi.

Cô hai Phục đi với người ấy. Ba Có đứng lại hỏi thầy ba Khuyên rằng:

– Người đó là ai mà quen với mình vậy?

– Mình không biết hay sao? Mái Ngân, kêu là Mái Chín Ngành đó đa. Y làm thầu khoán, ở trong Chợ Lớn, giàu lớn lắm, có tiệm cưa, có lò gạch, lại có hùn hãng tàu hàng đi Nam Vang nữa.

– Giàu sao ăn mặc lôi thôi dữ vậy?

– Khách trú họ xín xái vậy đó, chớ y có hai ba cái xe hơi, ăn xài đúng lắm.

– Coi bộ y thấy con hai y chết theo nó.

– Sợ con hai thấy y lớn tuổi nó chê, chớ nó đụng y nó no lắm, sướng hơn ai hết.

Cô hai Phục với Mái Chín Ngành trở lại. Cô hai Phục vịn vai thầy ba Khuyên và nói nhỏ rằng: "Em chắc anh no rồi. Nè mà lát nữa mua giấy đánh cá chỗ nào? Nói làm sao mà mua? Anh phải dắt em chớ em nhà quê trết, em có biết đâu".

Mái Chín Ngành nói rằng:

– Thầy ba mắc lo ngựa, phải để cho thầy thong thả, để lát nữa cô muốn đánh con nào, tôi mua giấy giùm cho. Tôi thay mặt cho thầy ba được.

– Ờ, thầy làm ơn làm hoa tiêu giùm cho tôi, chớ tôi nhà quê mới biết trường đua, tôi không hiểu chi hết.

Mái Chín Ngành hỏi thầy ba Khuyên rằng:

– Cô đây là em của thầy phải hôn thầy ba?

– Phải. Em của tôi. Mái Chín không biết nó hay sao? "Hoa khôi sắc đẹp" là nó đó.

Mái Chín Ngành chưng hửng, day lại ngó cô hai Phục rồi hỏi rằng:

– Té ra cô đây là cô hai Phục hay sao?

– Phải.

– Xin lỗi cô, nãy giờ tôi không dè. Tôi thấy hình của cô trong nhựt trình. Tôi nghe đồn tên của cô lung lắm. Thuở nay tôi không có dịp gặp cô, nên tôi không biết. Bữa nay gặp cô, tôi cá ngựa chắc tôi trúng lớn.

– Tôi chỉ con nào thầy cứ đánh con đó thì chắc trúng.

– Tôi sẽ nghe theo lời cô.

Chuông rung len ken, những ngựa chạy độ đầu đều dắt ra ba đốc đặng quần cho công chúng xem. Mái Chín Ngành rủ cô hai Phục với ba Có đi coi ngựa. Mái Chín Ngành đứng sau lưng cô hai Phục, y không thèm ngó mấy con ngựa, y chỉ ngó hai cái vai cô đề đạm, mái tóc cô dợn sóng, cái cổ của cô trắng trong, tay cô vịn hàng rào coi dịu–nhỉu, gió phất mùi thơm của cô bát ngát, thì y ngẩn ngơ bàng hoàng như mê như say.

Thình lình cô hai Phục chỉ con ngựa kim và nói rằng: "Nè thầy, thầy đánh con ngựa này chắc nó về nhứt đà thầy".

Mái Chín Ngành bước tới đụng mình cô mà cô không tránh, cô lại cười mà hỏi nữa rằng:

– Con ngựa đó tên gì thầy biết hôn?

– Số 3, ngựa đó tên Kim Cúc. Cô coi ngựa giỏi quá. Con Kim Cúc hay lắm, tuần rồi nó chạy hai ngàn tư mà nó về nhứt. Tôi sẽ nghe lời cô, để tôi mua giấy đánh nó. Cô muốn đánh bao nhiêu, tôi mua giấy luôn cho cô?

– Không, thầy mua cho thầy đi. Tôi đợi ngựa của anh ba tôi chạy tôi sẽ đánh.

Ba người dắt nhau đi mua giấy rồi lên lầu ngồi chờ coi ngựa chạy.

Thiệt quả độ đầu con Kim Cúc về nhứt, Mái Chín Ngành đánh năm chục đồng nhứt, năm chục đồng nhì, lãnh được nhứt một trăm hai chục đồng, nhì sáu chục đồng, cộng một trăm tám chục đồng, lời tám chục đồng.

Qua độ thứ nhì, Mái Chín Ngành cậy cô hai Phục coi ngựa giùm đặng chỉ cho anh ta đánh nữa. Hai người dắt nhau mà đi. Ba Có dòm thấy chú Mái Chín đã trết với Hoa khôi sắc đẹp, bởi vậy chị ta lấy cớ không biết coi ngựa mà ngồi lại lên lầu, không chịu đi theo. Nhằm ngày hên thế nào không biết, mà cô hai Phục chỉ một con ngựa ô cho Mái Chín Ngành đánh trúng, lời được năm chục đồng.

Tới độ hội, người ta dắt đủ mười một con ngựa hội ra quần. Mái Chín Ngành dắt hai Phục và ba Có đi coi. Công chúng phần đông đều xầm xì, quyết đánh con Dương Tiễn với con Tái Hưng. Mái Chín Ngành đi mua giấy, hỏi cô hai Phục muốn đánh con ngựa nào và đánh bao nhiêu. Cô mở bóp lấy ra một tấm giấy hai chục đồng, mà đưa cho Mái Chín Ngành và nói rằng: "Thầy làm ơn mua giùm con Sài Quế cho tôi, mua giấy nhứt hết chớ đừng mua nhì".

Mái Chín Ngành đi mua một lát rồi đem lại cho cô hai Phục một xấp giấy. Cô lấy mà bỏ vào bóp, rồi ba người đi lên lầu mà ngồi. Nài lên lưng ngựa cỡi vô vòng trường đua. Cô hai Phục hồi hộp trong lòng không an, nên ngồi một bên Mái Chín Ngành mà cô lặng thinh, không nói không cười như hồi nãy nữa.

Ngựa dàn ra sắp hàng, Mái Chín Ngành nói: Con Dương Tiễn dẫn đầu.

Cô hai Phục đứng khít một bên Mái Chín mà hỏi rằng:

– Con Sài Quế chạy chỗ nào?

– Con Sài Quế chạy thứ ba nó rút lên thứ nhì rồi...

– Hả, nó chạy thứ nhì đó hả? Thầy coi nó rút lên nhứt được hôn?

– Cha chả! Con Dương Tiễn dẫn đầu mà bộ nó còn khỏe lắm... Nài còn níu... Coi thế con Sài Quế khó qua quá...

– Còn con Tái Hưng?

– Nó chạy theo tốp sau đó... Ối! Không xong, con Tái Hưng què nữa... Nó giả gạo rồi kia..

– Cha chả! Con Dương Tiễn chạy quá, con Sài Quế chắc theo không kịp.

Ngựa về còn chừng ba trăm thước nữa thì tới mức. Thình lình con ngựa chạy đầu trớ một cái rồi nhảy ngang qua rào mà chạy tầm quấn, chớ không ở trong vòng nữa.

Mái Chín Ngành vỗ tay la lớn rằng: Con Dương Tiễn đâm đường rồi! Con Sài Quế về nhứt, sướng lắm, sướng lắm!

Cô hai Phục mừng quá, quên ké né, tay vịn vai Mái Chín vừa cười vừa nói: Rút lên, Sài Quế! Rút riết đi, giỏi, giỏi lắm!

Sài Quế dẫn đầu chạy về ngang khán đài, công chúng vỗ tay lốp bốp, nhứt là Mái Chín Ngành với chị em cô Phục vừa vỗ tay vừa la inh ỏi.

Tới mức, con Sài Quế hạng nhứt, bỏ con Kim Than hạng nhì tới hai mình ngựa.

Mái Chín Ngành ngó cô hai Phục vừa cười vừa nói rằng: Mình trúng lớn lắm, một đồng trúng ít nữa là ba đồng rưỡi. Tôi nghe lời cô thiệt hên quá. Từ rày sắp lên hễ chúa nhựt thì tôi rước cô lên trường đua chỉ cho tôi đánh được hôn.

Cô Phục gật đầu vừa cười vừa nói:

– Được. Tôi chịu. Mà hễ thầy trúng thì phải chia cho tôi mười phần trăm mới được chớ.

– Được mà. Cô lấy hết cũng được nữa. Miễn là trúng thì thôi.

Ba Có mừng quýnh nên xen vô hỏi rằng:

– Mái Chín, vậy chớ thầy ba có lãnh được tiền thưởng hai ngàn hôn?

– Lãnh chớ. Tôi biết thầy ba còn đánh cá, thầy còn trúng thêm mấy trăm nữa a. Còn phần cô hai đây cô trúng ngoài bảy trăm đồng lận a.

Cô hai Phục chưng hửng. Cô ngó Mái Chín mà hỏi rằng:

– Giống gì mà trúng nhiều dữ vậy? Tôi đánh có hai chục đồng mà trúng gì tới bảy trăm đồng?

– Không phải hai chục đồng mà. Cô lấy giấy ra tính lại coi.

Cô hai Phục mở bóp. Mái Chín Ngành móc túi. Mái Chín đếm sáu chục tấm giấy mà nói: Tôi đánh ba trăm vốn. Tôi chắc sẽ lãnh ít nữa là một ngàn. Còn cô có bao nhiêu giấy đó?

Cô hai Phục đếm rồi nói:

– Tôi có bốn chục tấm.

– Mỗi tấm năm đồng, cô tính thử coi bao nhiêu?

– Hai trăm... Trời ơi! Hồi nãy tôi mượn thầy mua giấy có hai chục đồng, mà sao bây giờ tới hai trăm đồng?

– Tôi cho cô mượn tiền đánh thêm đó. Chắc trúng quá, cái gì lại đánh có hai chục đồng.

Ba Có với hai Phục nghe nói như vậy thì ngó nhau mà cười. Có người đi ngang qua, họ nói con Sài Quế nhứt tới bốn đồng, còn nhì thì có hai đồng hai.

Mái Chín Ngành ngó cô hai Phục mà nói: Cô sẽ lãnh được tám trăm đồng. Còn phần tôi thì một ngàn hai trăm đồng. Tôi chắc thầy ba lãnh hai ngàn đồng tiền thưởng với ít nữa là bốn trăm đồng tiền cá nữa.

Ba người đều vui mừng và rủ nhau đi kiếm thầy ba Khuyên. Gặp nhau mừng rỡ không xiết kể. Thầy Khuyên nói vì thầy ít tiền nên đánh rán có một trăm đồng, thầy ăn tiền cá có bốn trăm đồng trừ một trăm đồng vốn, thì lời có ba trăm đồng.

Mái Chín Ngành dắt mấy cô đi lãnh tiền. Anh ta giao cho cô hai Phục tám trăm đồng và khuyên cô bỏ vô bóp.

Ba Có nói rằng: Mái Chín làm ơn cho em tôi, đưa hết tiền trúng cho nó thì nó cám ơn. Thôi, để nó trả một trăm tám chục đồng bạc vốn lại cho Mái Chín chớ.

Mái Chín khoát tay nói rằng: Xín xái mà, tôi trúng nhiều, bữa nay tôi ăn hơn một ngàn. Cô hai hên lắm, số bạc đó để tôi tặng cô hai mà làm kỷ niệm ngày quen nhau.

Cô hai Phục cười và cúi đầu nói: Cám ơn.

Cô có tám trăm đồng thì cô no hơi, nên tỏ ý muốn về. Mái Chín Ngành nói như hai cô muốn về thì anh ta sẽ lấy xe hơi mà đưa về, vì anh ta cũng không ưng đánh mấy độ sau nữa.

Lên xe hơi, cô hai Phục ngồi giữa, ba Có ngồi tay mặt, còn Mái Chín Ngành ngồi tay trái. Về tới nhà, cô hai Phục mời Mái Chín vô uống nước cho mát rồi sẽ về. Mái Chín được mời thì chịu liền. Ba Có sai bồi lên xe hơi đi mua rượu la ve với nước đá đem về mà đãi khách, ba người ngồi chung một bàn mà uống rượu vui cười, dường như thân thiết đã lâu rồi. Đến chiều Mái Chín lại mời hai cô lên Xuân Trường ăn cơm, đi với nhau tới mười một giờ khuya Mái Chín mới đưa về.

Khi bước vô nhà thì ba Có cười mà nói với hai Phục rằng: Chú Mái Chín tuy là người khách, mà chú xài đúng hơn mấy ông nhà giàu của mình lắm. Chú gặp em coi bộ chú mết riết. Mai mốt chú lại đây nữa cho mà coi. Thây kệ, em để đó cho qua. Nếu chú mở hơi muốn em, thì qua sẽ buộc chú phải sắm hột xoàn, phải mua xe hơi cho em thì em mới ưng. Như em không có mạng làm bà thì em làm bà nhà giàu cũng được vậy.

Cô hai Phục cười và nói:

– Thầy Mái Chín lớn tuổi quá.

– Chừng bốn chục tuổi chớ bao lớn. Thiếu gì đứa nó còn nhỏ hơn em nữa, mà nó ưng tới ông già kia sao. Ối, đời này, miễn có tiền thì sang trọng.

Thiệt quả, tối bữa sau Mái Chín Ngành đi xe hơi lại mời ba Có và hai Phục đi chơi nữa. Bữa nay anh ta tỏ thiệt anh ta thương cô hai Phục, và xin kết nghĩa cang thường với cô, tuy ai ở nhà nấy, song anh ta hứa sẽ bao bọc mọi việc, tiền nhà, tiền chợ, tiền xài, anh ta sẽ bao chịu hết.

Ba Có giành mà trả lời. Chị ta kiếm chước mà làm khó, nói Phục *đã có một ông điền chủ muốn cưới,* nói Phục còn nhỏ nếu ưng Mái Chín sợ e thiên hạ chê cười. Nói qua cãi lại một hồi rồi ba Có buộc phải sắm một đôi bông xoàn lớn, với một cái xe hơi mới thì Phục mới ưng.

Mái Chín Ngành chịu hết. Anh ta mua cho Phục một đôi bông xoàn giá một ngàn hai trăm đồng, một cái xe hơi mới giá hai ngàn tám trăm đồng, lại còn đưa riêng năm trăm đồng cho cô hai Phục sắm quần, sắm

áo, mua phấn, mua dầu. Tiền nhà, tiền chợ, tiền bếp, tiền bồi, tiền sớp phơ, tiền xăng nhớt, anh ta lãnh chịu hết thảy mà lại còn hứa mỗi tháng sẽ cho cô hai ba trăm đồng để bỏ túi đi chơi.

Một đóa Hoa khôi sắc đẹp mà làm vợ một người Mái Chín, mà lại vợ không có giấy tờ, thì uổng tài uổng sắc thiệt. Nhưng mà danh không rôm chớ tiền bạc dẩy đầy, cái nọ bù cái kia nên ba Có cũng mừng cho cái mục đích đã đạt được hơn phân nửa.

XVI
SỨC MẠNH CỦA KIM TIỀN

Ông Hội đồng Võ Phi Thành không phải là nhà cự phú. Ông ở nhà thờ, là một cái nhà ngói cũ mèm, cất theo kiểu xưa, rộng minh mông mà thấp thỏi tối mò. Sự sản của ông thì có bốn chục mẫu ruộng hương hỏa ông ăn huê lợi với một trăm năm chục mẫu ruộng phần thực của cha mẹ chia cho ông hồi trước, mà ông chơi bời bài bạc nên mắc nợ hơn ba chục ngàn. Ông trả không nổi nên chủ nợ kiện thi hành phát mãi hết một trăm năm chục mẫu ruộng của ông đứng bộ. Tuy hai người em của ông ra trước tòa đấu giá mà mua ruộng ấy lại, bà Tăng mua năm chục mẫu, thầy Cai tổng Lung mua một trăm mẫu, và hai người có hứa sẽ để lại cho ông một phần đặng ông làm ăn, nhưng mà ông hết sự nghiệp thì ông buồn rầu, nên mang bịnh mà chết.

Ông cử Võ Phi Hùng tống táng cha xong rồi, ông kiểm điểm gia tài thì chẳng còn chi hết, chỉ ở cái nhà thờ, góp huê lợi bốn chục mẫu ruộng hương hỏa, đặng cúng quải ông bà mà thôi. Sự nghiệp ấy không xứng với tài học của ông, mà cũng không giống cái ý của ông tưởng thuở nay, bởi vậy ông bối rối, ông tuốt lên Sài Gòn mà than thở với cô là bà Tăng, rồi đi kiếm cô hai Phục mà tỏ tâm sự.

Ba Có đã đi biệt tích, mà cô hai Phục lại không muốn ở gần ông phán Thần nữa, nên cô bàn tính với ông cử Hùng, mướn một căn phố lầu ở đường Đất Đỏ, phía sau có nhà để xe hơi, rồi dọn về đó mà ở.

Ông cử Hùng òn ỉ với vợ chồng ông Tăng mượn một ngàn đồng bạc, nói mượn đặng mở phòng làm Phó trạng sư. Vợ chồng ông Tăng sẵn lòng muốn giúp cho cháu lập thân, nên nghe cháu hỏi thì cho liền, không dụ dự chút nào hết.

Nhờ có số bạc ấy nên ông cử Hùng về ở chung với cô hai Phục ông khỏi bợ ngợ hổ thẹn. Ông mướn thợ làm một tấm bảng đồng khắc chữ "Võ Phi Hùng Luật khoa cử nhơn, Biện sự phòng" để đóng trước cửa. Ông đăng lời rao trong nhựt báo mà khuyên đồng bang ai muốn kiện cáo điều chi thì cứ đến nhà ông, ông sẽ hết lòng chỉ biểu, lo lắng và làm đơn trạng cho. Ông lại xin phụ bút với một tờ nhựt báo, mỗi ngày ông viết một bài luận về hoàn cầu thời sự.

Ông cử Hùng với cô hai Phục ở với nhau như tình vợ chồng, mỗi buổi chiều ngồi chung xe hơi mà đi chơi, có đêm dắt nhau đi xem hát bóng hoặc ra nhà hàng ngồi uống rượu, không e lệ, không núp lén chi hết.

Bà Tăng thấy nhà cửa của anh mình suy sụp, mà may cháu mình học giỏi, có bằng cấp cử nhơn, thì bà có ý muốn kiếm con gái của một nhà giàu có sang trọng mà làm mai, đặng cháu mình nhờ nhỏi ngày sau. Bà chưa kiếm được, kế nghe ông cử Hùng đã nhập cục với cô hai Phục, thì bà tức giận tỏ ý muốn đòi số bạc cho mượn mà không thèm nhìn biết đến cháu nữa.

Ông Tăng can gián bà, ông nói có lẽ tại căn duyên trời định, nên hai trẻ trước kia đã biết nhau, rồi bây giờ mới hội hiệp. Huống chi hai Phục bây giờ cũng có bạc muôn, dầu kết duyên với cử Hùng nghĩ cũng chẳng kém gì. Bà Tăng cũng là người thờ thần kim tiền như chồng, nên nghe chồng nói như vậy thì bà cho là phải, song bà muốn cháu bà có vợ giàu hơn nữa, nên bà không hết giận, bà nhứt định không thèm đến nhà cháu.

Ông cử Hùng và cô hai Phục ở với nhau thiệt là tâm đầu ý hiệp, trai say bởi tình sâu thăm thẳm, gái quên thói bạc bẽo ngày xưa. Có đêm đương yêu vì sắc đương mặn vì tình, ông Cử nhắc lại việc cũ rồi ông hỏi thăm cô hai về sự đẻ chửa. Bây giờ cô hai chẳng còn phiền trách chi nữa, bởi vậy cô tỏ thiệt việc cũ lại cho ông Cử nghe. Cô nói thiệt cô sanh con trai, song lúc ấy có phiền ông Cử bạc bẽo với cô, nên cô không thèm kể đến con, cô nghe lời ba Có mà đổi con với một người giàu có ở miệt vườn, cô lấy một ngàn đồng bạc. Cô không biết người giàu ấy tên là gì, nhà cửa ở đâu, mà cô cũng không nhớ hồi đó cô đặt tên cho con của cô là tên gì. Còn đứa con gái của người ta mà cô bồng về thì bữa sau ba Có đem cho nhà mồ côi trên Tân Định, từ ấy đến nay, cô không thấy mặt nữa nên không biết còn hay mất.

Nếu ông cử Hùng có ý muốn tìm con, thì nói bao nhiêu đó có lẽ ông còn tìm được. Ông hỏi cho kỹ lại coi cô hai Phục sanh ngày nào rồi ông vô Chợ Lớn mà xin coi bộ sanh, ông dọ hết những người sanh con gái ngày ấy tại nhà bảo sanh thì ông tìm phải ra. Tại ông Cử muốn hỏi cho biết vậy thôi, chớ ông không có ý tính tìm con, nên câu chuyện xưa tới đó thì dứt, hai đàng không ai lưu tâm về việc ấy nữa.

Tuy ông cử Hùng lo làm công việc không nghỉ, ông mưu thế này, ông tính cách nọ, ông làm cũng ra tiền nhiều, song số tiền ông làm ra không bằng số tiền ông ăn xài, bởi vậy trong vài tháng thì một ngàn đồng bạc của vợ chồng ông Tăng cho mượn đã tiêu hết.

Đã kết vợ chồng thì chẳng còn tư riêng chi nữa, cô hai Phục có mấy ngàn đồng bạc vốn, hễ hụt tiền xài thì cô châm vô, trong ít năm mấy ngàn đồng đó cũng tiêu luôn nữa, rồi cái xe hơi cũng tiêu, mà những hột xoàn lần lần rồi cũng phải cầm bán.

Vợ chồng chung chạ trót mười hai năm, có khi vui có khi buồn, có khi dư xài có khi túng rối, những tài vật cùng là nữ trang của cô hai Phục bây giờ chỉ còn có một đôi bông tai hột xoàn cô đeo đó là dấu tích thanh thời của cô mà thôi. Tuy vậy mà cô không tiếc, cô không phiền, miễn sao xum hiệp với chồng, dầu hột muối phải cắn làm hai mà chia cho nhau cô cũng vui vẻ.

Một buổi sớm mai, bà Tăng sai con trai là Gia Trinh ra kiếm ông cử Hùng mà cho ông hay rằng chú của ông là Cai tổng Lung chết và khuyên ông phải lập tức vô mà đi với vợ chồng ông Tăng về Cái Vồn đặng lo việc tống táng. Cô hai Phục muốn nhơn dịp ấy mà ra mặt vợ ông Cử với bà con, nên cô xin đi theo. Ông Cử không cho rồi ông đi một mình vô Cầu Kho hiệp với cô dượng mà về Cái Vồn.

Ông cử đi tới mười ngày ông mới về, mà chừng về nhà thì khí sắc ông khác thường, coi bộ ông dường như lo lắng về một việc gì quan hệ lắm vậy.

Tối lại, cô hai to nhỏ hỏi ông. Ông lặng thinh một hồi rồi ông mới đáp:

– Việc nhà của chú Tổng lộn xộn quá không lo sao được. Chú có hai vợ sanh hai dòng con, thím lớn mất rồi, để lại ba người con gái, hai người lớn đã có chồng còn người nhỏ hơn hết đã được hai mươi tuổi rồi mà chưa có chồng. Thím nhỏ còn sống mà thím lại

sanh được một đứa con trai, mà nó mới mười bảy tuổi, còn đi học, nên chưa có vợ. Gia tài của chú Tổng lớn quá, mỗi năm chục ngàn giạ lúa, chú mất rồi bây giờ một đàng là đứa con gái của thím lớn, một đàng là thím nhỏ ghìm nhau, bên nào cũng muốn giành góp huê lợi, nên khó tính cho êm được.

– Có chi đâu mà khó, hai dòng con có bốn người thì chia phứt gia tài ra làm bốn phần rồi ai lãnh phần nấy mà hưởng thì xong chớ gì.

– Phải được như em nói vậy thì khỏi lo. Ngặt vì thím nhỏ thím không chịu chia mới khó chớ.

– Tại sao mà thím không chịu?

– Thím có hôn thú bực nhì. Thím lấy cớ thím là kế mẫu, hễ chồng chết thì thím hưởng huê lợi mãn đời thím rồi con mới được phép chia.

– Thím nói như vậy mà trúng luật hay không?

– Trúng.

– Nếu vậy thì tội nghiệp cho ba đứa con dòng lớn lắm.

– Tại vậy nên mới rối trí chớ.

– Sao anh không nói với thím Tăng phân xử giùm? Để thím Tổng nhỏ đoạt hết gia tài hay sao?

– Cô tôi có can thiệp mà cổ bày một việc gắt quá.

– Bày việc gì mà gắt?

– Cô tôi phân rằng: Con dòng lớn còn một đứa chưa có chồng, con dòng nhỏ là con trai, mà cũng chưa thành đinh. Vậy thì phải hội bổn tộc mà cử người thủ hộ gia tài ấy, đợi chừng nào hai đứa nhỏ thành đinh rồi sẽ làm tờ tương phân. Người thủ hộ coi thâu góp huê lợi mỗi năm phải xuất một mớ cấp dưỡng thím nhỏ với mỗi người con. Thâu xuất đâu đó phải có sổ sách cho rành rẽ. Chừng lập tương phân gia tài thì số huê lợi còn lại được bao nhiêu sẽ chia đồng cho mấy người con.

– Thím phân như vậy thì công bình lắm. Vậy mà thím Tổng nhỏ chịu hay không?

– Cô tôi phân thì thím đâu dám cãi. Nếu thím cãi thì té ra thím nghịch với bổn tộc. Mình cũng hiểu khi chú tổng tắt hơi thì vàng bạc trong tủ sắt thím tom góp hết. Nếu thím nghịch thì bổn tộc bươi móc việc ấy thím ngồi cũng không yên.

– Nếu thím Tổng chịu thì xong rồi.

– Vậy mà chưa xong. Cô tôi lại buộc tôi phải làm thủ hộ, bởi vì bà con gần bây giờ chỉ có một mình tôi là trai chớ không có ai khác hết.

– Nếu thím muốn anh làm thủ hộ thì anh lãnh làm giùm cho sấp em. Nghe nói hễ làm thủ hộ thì có ăn huê hồng mười phần trăm trong số thâu và số xuất, vậy thì lợi chớ có hại đâu mà sợ.

– Phải. Làm thủ hộ thì có huê hồng, lại có tiền tổn phí cho mướn ruộng và thâu góp lúa ruộng nữa. Gia tài như vậy mỗi năm mình kiếm năm bảy ngàn được.

– Vậy thì làm đặng kiếm tiền mà xài.

– Em đừng có xúi. Cô tôi còn buộc tôi một điều nữa gắt lắm.

– Buộc điều gì nữa?

– Khó nói ra quá!

– Anh tính giấu em hay sao? Nếu việc ấy là việc kín, không nên nói cho em biết thì xin anh đừng nói.

Ông Cử ngó cô hai, miệng cười ngỏn ngoẻn. Ông suy nghĩ một hồi rồi ông nói rằng:

– Không phải là chuyện kín, song nếu tôi nói ra chắc em không vui.

– Ở đời em đã nếm mùi buồn và vui đủ hết rồi, nên dầu nghe việc buồn em cũng chẳng buồn chi lắm.

– Ở dưới Cái Vồn bây giờ có một cô mới có hai mươi tám tuổi, cổ góa chồng, mà cổ giàu lắm. Cô tôi muốn tôi cưới cô ấy. Cô buộc tôi phải chịu cưới thì cô mới chịu nói với bổn tộc cử tôi thủ hộ gia tài của chú Tổng.

Cô hai nghe rõ công việc thì cô cười ngất, cô ngó ông Cử mà nói rằng:

– Việc như vậy mà anh sợ nói ra rồi em buồn chớ! Em nghe thì em vui lắm, có buồn chi đâu. Thím tính như vậy thiệt là hay. Anh thương em, anh theo em mười hai năm nay, anh túng thiếu cực khổ quá. Nếu có người nào giàu có mà họ ưng anh, thì anh cũng nên cưới đặng sung sướng tấm thân một chút.

– Em nói lẩy chi vậy?

– Em nói thiệt chớ. Anh là con nhà giàu, đi học thành tài rồi thì gia đạo suy sụp. Anh không được hưởng mùi phú quí chi hết. Thím thương anh nên tính như vậy thì phải lắm.

– Tôi cưới vợ rồi tôi bỏ em hay sao?

– Phận em không phải là người xứng đáng làm vợ anh được. Đôi ta yêu nhau, nên hiệp cùng nhau mà tạm gây cuộc gia thất một lúc chơi. Nay anh gặp dịp lập thân, thì anh phải thừa dịp chẳng nên bỏ qua.

– Tôi thương em lắm. Nên tôi không nỡ ham giàu mà phụ em.

– Em cũng vì thương anh lắm, nên em phải khuyên anh hãy nghe lời thím mà cưới chỗ đó. Em thương anh nên em muốn cho anh được giàu sang với người ta.

– Em nói thiệt hay là nói chơi? Có lẽ nào em lại muốn bỏ qua để anh cưới vợ khác.

– Xin anh đừng tưởng em như đàn bà khác, hễ thương người ta thì cứ đeo đuổi, dầu thương mà phải hại người ta họ cũng không kể. Em không phải như vậy đâu. Nếu em không thương người ta thì có lẽ em mới làm cho người ta phải lụy, chớ hễ em thương ai thì em quyết làm nên, làm tốt cho người ấy mà thôi.

Ông cử Hùng ngồi suy nghĩ rồi ông lại nói chậm rãi rằng: Nếu em ở được như vậy thì em là một người tốt lắm. Dầu sau qua được giàu có, qua chẳng hề quên em. Thôi, để tối mai rồi qua vô qua tính với cổ coi.

Cô hai Phục bước lại vỗ vai ông mà nói rằng: Anh biết nghe lời phải của em như vậy, thì em mừng không biết chừng nào. Bây giờ còn sớm, mới tám giờ thôi, anh thay đồ đặng đi vô tính với thím phứt cho rồi, đợi tối mai tối mốt làm chi cho mất thì giờ. Thím đương muốn giúp anh, vậy thì anh chẳng nên để cho thím trông.

Ông cử Hùng cười rồi đi thay áo quần mà đi vô Cầu Kho.

Cô hai Phục thấy chồng lên xe kéo đi rồi, cô bèn đóng cửa lại, rồi vô buồng mà nằm trước mắt tuôn dầm dề. Cái tình của bọn đàn ông là vậy đó hay sao? Thấy mình có tiền nên kết nghĩa vợ chồng, chừng mình hết tiền thấy người khác tiền nhiều hơn thì bỏ mình mà theo người ấy. Nghĩ lại những lời của chị ba Có nói thiệt là đúng: Trong đời này, bọn đàn ông là một bầy gian xảo, giả dối. Làm thân đàn bà mình phải rèn lòng đúc chí cho cứng như sạn như đá, đừng thèm thương, đừng biết giận, thì mới khỏi bị thiên hạ lường gạt. Tại mình ngu muội, mình tin cậy ái tình, mình mê cái lối xứng đôi vừa

lứa, mình say cái mùi nghĩa cũ duyên xưa, mê say đến nỗi một ông Phán xin cưới đủ phép, cất nhà dọn cảnh cho mình ăn ở, hứa chắc bảo bọc cho mình sung sướng trọn đời, mà mình phải phủi hết, lại dứt tình chị ba Có là người cứu vớt dạy dỗ mình, để đi theo người mình yêu cho đến nỗi hết vàng hết bạc, hết hột xoàn, hết xe hơi, rồi bây giờ người ấy bỏ mình, cái lỗi ấy là lỗi ái tình, bởi vậy mình không oán trách ai được.

Cô hai Phục nằm khóc một hồi rồi ngồi dậy vặn ngọn đèn sáng quắc. Cô đi rửa mặt gỡ đầu, giồi phấn thoa son. Cô đứng ngay tấm kiếng lớn mà xem dung nhan, rồi cô lấy tấm hình cô chụp hồi cô đoạt giải Hoa khôi sắc đẹp mà so sánh, thì cô thấy hình bây giờ với hình hồi trước khác nhau rất xa. Bây giờ da mặt cô đã dùn nên không còn trong bóng nữa, tóc cô đã rụng nên chơn tóc không ngay, mình cô đã ốm nên cái cổ hết còn tròn trịa. Cô xem hình rồi cô lắc đầu, cô rửa phấn chùi son cho hết cái vẻ trang điểm. Nay đã ba mươi nhăm tuổi rồi, nhan sắc lợt phai, trang điểm làm sao bằng hồi xuân xanh được.

Cô tắt đèn rồi trở vô giường mà nằm. Đến mười một giờ khuya ông cử Hùng về kêu cửa. Cô bước ra mà mở cửa, thấy ông cười ngỏn ngoẻn thì cô cũng cười mà hỏi rằng:

– Anh vô trả lời, coi bộ thím vui hay không?

– Qua nói qua chịu, thì cô qua mừng lắm.

– Vậy thì tính phứt đi cho rồi, trì hưỡn làm chi.

– Cô qua biểu sáng mai qua vô trỏng đặng cô dắt qua về Cái Vồn trước tính việc cưới vợ, sau tính việc thủ hộ luôn thể.

– Ừ, hễ gặp dịp thì phải làm sấn tới.

– Qua còn lo một việc này: Qua cưới vợ thì tự nhiên qua phải về ở dưới Cái Vồn. Em ở trên này em làm sao?

– Ối! Anh đừng có lo cho em. Anh phải lo việc của anh cho xong đi mà. Phận em dễ lắm, thế nào cũng được hết.

– Cô qua bây giờ thương qua lắm. Hồi nãy qua than túng tiền, cô lấy hai trăm đồng bạc cho qua mượn liền.

– Tại thím thấy anh có lúa phơi sân, nên thím cho mượn bạc chớ gì.

– Để qua chia lại cho em một trăm đặng ở nhà xài.

– Thôi, thôi, em có tiền. Anh cất hết số bạc ấy mà dùng.

– Em phải nhớ rằng qua với em là bạn tri kỷ, dầu qua có vợ, chớ qua cũng chẳng quên em. Hễ qua về Cái Vồn thì chắc qua hết nghèo. Vậy lúc nào em có túng rồi thì em viết thơ cho qua.

– Em rất cám ơn anh.

Ông cử Hùng xếp quần áo bỏ vô một cái rương lớn. Sáng bữa sau ổng kêu xe kéo mà chở vô Cầu Kho. Cô hai Phục đưa ông ra cửa, chừng ông đi rồi thì cô cắn răng mà nói rằng : "Thiệt là thằng điếm".

Ngày ấy cô mướn người chở hết đồ đạc trong nhà đem ra lạc son mà bán, chỉ chừa quần áo mùng mền mà thôi. Cô cũng kiếm người quen mà bán đôi bông tai hột xoàn. Đôi bông ấy hồi trước Mái Chín Ngành mua tới một ngàn hai trăm đồng. Cô mua một đôi bông nhỏ hai trăm đồng mà đeo đỡ. Cô bán đồ đạc tom góp được tám trăm rưỡi. Cô chán ngán nhơn tình thế thái, cô hết muốn ở chốn phồn hoa đô hội nữa, nên cô nhứt định trở về Cai Lậy cất một cái nhà lá nhỏ đặng ở mà lánh đời.

XVIII
BẠN CŨ CHUYỆN XƯA

Thầy giáo Hiền và cô hai Phục sánh duyên với nhau đã được ba năm. Thầy đi dạy học, mỗi tháng lãnh lương bốn mươi lăm đồng bạc. Cô ở nhà hằng bữa lo cơm nước, coi cho trẻ ở lau chùi bàn ghế, chỉ cho học trò nhổ cỏ tưới bông. Hễ có buồn thì thầy đọc truyện cho cô nghe chơi, hoặc cô khảy đờn và ca nhỏ nhỏ cho thầy giải muộn: Cái cảnh an nhàn và đầm ấm này làm cho vợ chồng say sưa mà quên hết những mùi gió bụi, quên hết những thói lợi danh của đời.

Mỗi buổi chiều chúa nhựt, vợ chồng ăn cơm sớm rồi nằm với nhau trên bộ ván gõ lót dựa cửa sổ mà hứng mát và luận việc đời. Thầy cảm hứng bèn nói với cô rằng: "Em nghĩ đó mà coi, ở đời nào phải làm giàu cho to, làm quan cho lớn mới được hưởng hạnh phúc. Cái hạnh phúc ở trước mặt mọi người, tại mình nịch chữ lợi danh, nên nó mới xa mình rồi mình tìm không được chớ. Qua lấy làm tiếc quá. Tại em bỏ đi lên Sài Gòn mà mình mất hạnh phúc hết mười chín năm, chớ chi em ở nhà thì mình hưởng hạnh phúc trọn đời, không mất năm nào hết".

Cô hai lắc đầu đáp rằng: "Em tưởng không phải vậy đâu. Nhờ em lưu lạc phong trần mười chín năm đó, nên bây giờ em mới được hưởng hạnh phúc thảnh thơi đây anh. Em mắc nợ đời, em phải trả cho xong, rồi em mới rảnh rang được chớ. Anh chẳng nên tiếc, mà anh cần phải cầu nguyện cho nợ đời của em dứt thì mình hưởng hạnh phúc mới được lâu dài".

Cô nói tới đây thì cô ngồi dậy; cô ngó ra cửa sổ mà ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi cô day vô ngó thầy mà nói giọng buồn rằng.

– Em coi nợ đời của em chưa dứt.

– Em còn nhớ chuyện cũ, người xưa nữa làm chi, mà em nói như vậy.

– Xin anh đừng nghi bụng em chớ. Nếu anh nghi thì nhục cho em quá. Vợ chồng ở với nhau đã ba năm rồi mà anh chưa tin lòng dạ em hay sao? Em thường nói với anh, em coi sự phú quí như đôi giày rách, không có giá trị gì, bởi vì em có nếm thử rồi. Còn về cái tình, thì trong đời này chỉ có một mình anh đối với em, anh có cái tình thiệt mà thôi. Em sợ chưa trả dứt nợ đời, là vì em có một đứa con mà thuở nay mẹ con lìa nhau, em đẻ con mà em không nuôi dưỡng nó, nên em sợ tội lỗi chỗ đó chớ.

– Việc đó em sợ cũng phải. Mà em nói hồi em sanh nó ra rồi, em đổi nó cho một cô nhà giàu. Nó về tay kẻ giàu có thì tự nhiên nó no ấm, chớ có thất dưỡng đâu mà em sợ.

– Cuộc đời dời đổi, mình biết đâu được mà dám chắc.

Hai vợ chồng đàm luận tới đó, thì có một người thình lình bước vô cửa mà hỏi lớn rằng: "Xin lỗi, không biết nhà này phải là nhà của thầy giáo Hiền hay không vậy ông?".

Trời đã chạng vạng tối, hai vợ chồng thầy giáo ngó ra, không biết rõ là ai, chỉ thấy một người đàn bà tuổi trên năm mươi, mình mặc y phục nhuộm màu dà theo mấy bà vãi, chơn không có giày guốc, đầu choàng hầu khăn đen, tay xách một cái giỏ nhỏ.

Thầy giáo vừa leo xuống đất vừa đáp rằng: "Thưa, phải. Bà ở đâu mà hỏi thăm nhà thầy giáo Hiền?".

Bà ấy chỉ cô hai vừa cười vừa nói: "Có con hai kia? Hai, em quên chị hay sao?".

Cô hai bước lại gần dòm bà ấy, rồi ôm ngang mình bà mà nói lớn rằng: "Ủa! Chị ba! Chị đi đâu mà mười mấy năm nay em hỏi

thăm cùng hết không ai biết chị ở đâu mà chỉ. Sao chị biết em ở đây mà chị tìm?".

Người đàn bà này là ba Có.

Chị ta để cái giỏ lên trên bàn, lột cái khăn đen thì lòi cái đầu trọc lóc. Chị ta nói rằng: "Qua đi tu từ hồi nhỏ cho đến bây giờ em kiếm sao ra".

Cô hai day lại nói với thầy giáo rằng: Chị ba đây là người nuôi dưỡng dạy dỗ em ngày trước, em thường có nói với anh đó.

Thầy giáo bước lại chào ba Có và nói rằng: Cô hai thường nhắc nhở chị hoài. Nay tình cờ mà chị tới đây cho em biết, thiệt em mừng lắm, mời chị ngồi.

Cô hai hỏi ba Có nữa rằng:

– Sao chị biết em ở đây?

– Qua về Sài Gòn kiếm em không có. Qua chắc em về Cai Lậy nên qua xuống đây. Qua hỏi thăm bên chợ có người biết em; họ nói em bây giờ làm bạn với thầy giáo, rồi họ chỉ nhà cho qua lại đây.

– Em gặp chị em mừng quá. Thôi chị ở đây với em, chị muốn tu thì ở nhà tu cũng được, cần gì phải đi đâu. Thầy giáo đây cũng tu vậy. Mà nếu chị chịu ở đây chị tu thì có lẽ em cũng sẽ tu với chị.

– Không được, chị có am riêng. Chị ở đây rồi bỏ am cho ai.

– Am của chị ở đâu?

– Ở trên núi Ông Tô.

– Núi Ông Tô ở đâu lận?

– Thuộc về Thất Sơn, ở gần Xà Tón.

– Thuở nay em không biết. Ủa, mà quên nữa chớ. Để nấu cơm cho chị ăn, gặp nhau mừng quá, cứ nói chuyện hoài.

– Không. Qua ăn cơm bên chợ hồi nãy rồi.

– Bất nhơn dữ hôn? Sao không qua đây lại ăn ngoài chợ như vậy?

– Qua ăn chay, mua cơm với ít trái chuối mà ăn thì đủ rồi. Qua sợ kiếm em không được, nên xe xuống tới thì qua lo cơm nước cho xong, rồi qua mới đi hỏi thăm.

Thầy giáo kêu thằng Phu biểu đốt đèn, nấu nước, chế trà mới mà đãi khách. Còn cô hai thì múc nước cho ba Có rửa mặt, rồi trải chiếu đem gối mời chị ta nằm nghỉ.

Ba Có hỏi cô Hai Phục tại làm sao đã đùa ông phán Thần, mà lại theo ông cử Hùng, rồi lại trở về Cai Lậy mà lập gia thất với thầy giáo. Cô hai ngồi thì thầm kể hết công chuyện lại cho Ba Có nghe, cô nói ở với ông Cử mười hai năm, lần hồi tiêu hết xe hơi, rồi ông Cử ham giàu bội nghĩa, nghe lời bà Tăng đi cưới vợ, cô hờn nên trở về Cai Lậy mà lánh thói đời; chẳng dè về đến đây hay thầy giáo nặng tình chờ cô nên cô phải lấy nghĩa mà báo đáp. Cô kể đủ mọi điều, không giấu giếm chỗ nào hết, rồi cô lại nói rằng: Em đụng thầy giáo ba năm nay, trí em rất nhàn lạc, thân em rất an ổn. Bây giờ em đã biết hạnh phúc là cái gì rồi, không phải lúc em có tiền bạc nhiều hay là lúc em dựa người cao sang mà em có cái hạnh phúc như vậy đâu. Bởi vậy cho nên em không tiếc cái chức bà Phán sang trọng, mà em cũng không phiền cái thói ông Cử nhơn bội bạc, sợ e làm bà Phán hay làm bà Cử cũng không hưởng được cái hạnh phúc này.

Ba Có châu mày, nói chậm rãi rằng:

– Từ ngày chị phiền em, chị bỏ em mà đi tu, chị lo có một điều, là lo em máng cái tay ông cử Hùng mà em phải bị khổ não...

– Tại em bị tình nặng áng mắt nên em không thấy. Chị là người đứng ngoài vòng, nên sáng suốt hơn em, nên nghe tiếng, thấy bộ, thì chị đã biết tâm để ông Cử rồi, có lạ gì đâu.

– Hồi trước em cãi lời chị, vậy mà chị còn hờn em hay không?

– Hồi đó chị giận em thiệt, song giận là vì sợ em bị hại, chớ không phải chị có ý gì khác đâu. Thôi, bây giờ chị thấy em được hạnh phúc thì chị vui lắm, còn hờn nỗi gì nữa.

– Tại sao chị lại cạo đầu đi tu? Chị nói cho em nghe thử coi. Đi tu chi vậy? Mười mấy năm nay chị tu mà trí chị có được an tịnh hay không?

Ba Có ngồi lặng thinh, coi ý không muốn tỏ việc của mình. Thầy giáo thấy vậy bèn bước tránh ra ngoài sân, ý muốn để cho chị em thong thả mà nói chuyện. Ba Có bèn kêu mà nói rằng: Thầy giáo ngồi đây chớ, chị em tôi có chuyện gì giấu thầy đâu mà thầy phải ái ngại.

Thầy giáo trở vô.

Ba Có nói rằng: Con hai, em không biết tại sao mà chị đi tu? Em không biết cũng phải, bởi vì thuở nay chị có nói tâm sự của chị cho em hiểu đâu. Chị vốn là con nhà giàu có sang trọng. Ông

thân của chị hồi trước là một viên quan, quyền thế ít ai bì kịp. Khi chị được mười tám tuổi, thì cha mẹ đã định gả chị cho con của một viên quan khác. Đám hỏi rồi, kế ông thân của chị bị dân thưa kiện tùm lum, quan trên mở cuộc điều tra rất gắt. Ông thân của chị sợ tội nên tuôn hết của tiền ra mà lo, chạy sấp chạy ngửa mà lo cũng không khỏi tội, nên bị cách chức. Bên chồng của chị thấy nhà cửa chị suy sụp, thì lật đật hồi hôn. Cha mẹ chị bị thất thời nhục nhã, bị dân tình khinh rẻ, bị hết của tiền, rồi lại bị sui gia phụ bạc nữa, thì buồn rầu chịu không nổi, dắt chị về Sài Gòn ở được ít tháng kế lần lượt khuất hết. Lúc ấy thân chị bơ vơ, không có bạc *tiền mà cũng không nơi nương tựa. Chị có quen với một người đàn* bà hồi trước là vợ của một thầy Đội, chồng chết rồi mới về Sài Gòn buôn bán. Chị xin ở đậu với thím Đội đó, chớ có tiền đâu mà mướn phố ở cho nổi. Tuy chị là con quan, mà bây giờ đã thất thời, nếu không làm thì lấy chi mà ăn? Chị nghĩ ở đất Sài Gòn ai cũng như nấy; có ai biết ai đâu mà sợ xấu hổ, chị mới nấu chè, bánh canh mà bán đặng kiếm lời độ nhựt. Chị buôn bán năm sáu năm, tuy không dư giả gì, song thân chị cũng được no ấm lành lẽ, tuy không vui vẻ thong thả, song chị giữ lòng trong sạch, không nhục tổ tông, không hổ phận gái. Một bữa nọ, chị đi bán gặp một ông, ổng nhìn rồi ổng biết chị, bởi vì hồi trước ổng còn làm thông ngôn thì ổng có làm việc với ông thân của chị. Ổng tỏ ý thương xót phần chị trước kia ở lầu hồng gác tía, mà bây giờ đi mua gánh bán bưng. Ổng nói tiếng nào cũng trung hậu nhơn nghĩa, ổng hỏi thăm chỗ chị ở, ổng mua quần áo đem lại mà cho chị, ổng còn đưa cho chị mượn hai chục đồng bạc để làm vốn mua bán nữa. Ổng tới lui thăm chị ít lần rồi ổng tỏ thiệt rằng ổng góa vợ nên muốn kết nghĩa trăm năm với chị. Thân chị cũng như người đang chơi vơi giữa dòng sông, có vật gì níu mà sống được thì chị níu liền; lại thấy ổng tử tế quá, chị còn dục dặc gì nữa? Chị ưng ổng, song ổng tới lui mà thôi, chớ không chịu làm hôn thú và cũng không chịu rước về ở chung. Hễ chị nói tới việc đó thì ổng đáp rằng ổng có con, để thủng thẳng ổng tính việc nhà yên rồi vợ chồng ở chung mới được. Ổng không cho chị đi bán nữa; mỗi tháng ổng đưa cho chị hai chục đồng mà trả tiền cơm tiền nhà. Ổng làm bạn với chị được sáu tháng rồi ổng bặt tin không tới nữa. Chị đi hỏi thăm mới hay ổng đã cưới vợ rồi, cưới một người gái lỡ thời trong Chợ Lớn giàu có lớn. Thầy giáo với con hai nghĩ coi nhân tình như vậy có đáng oán hận hay không?

Ba Có nói tới đó rồi lấy khăn lau nước mắt.

Cô hai Phục nói rằng:

– Việc của chị nói tới đó cũng như việc của em vậy chớ gì?

– Phải. Mà chị bị nó gạt có một lần thì chị biết khôn. Còn em lôi thôi cho chúng gạt được một lần thứ nhì nữa.

– Mà bây giờ sao em không biết giận. Mình cứ giữ thói chơn chất, ai giả dối thì để cho Trời Phật phạt họ.

– Bây giờ chị cũng vậy, chị không biết giận nữa. Mà hồi trước có phải vậy đâu. Hồi trước chị hung hăng lắm, nhứt là gạt chị mà làm cho chị ô danh xú tiết [1] thì chị thù oán vô cùng. Chị không biết làm sao mà làm nhục người gạt chị đó được, chị cuồng trí rồi chị oán hết thảy thiên hạ, không chừa một người nào.

– Tại như vậy đó, nên chị mới cậy tay em trả thù cho chị phải hôn?

– Phải, phận chị đã trọng tuổi, mà lại không có sắc, khó cho chị hại cái giống đàn ông, nhứt là giống đàn ông cao sang được. Chị thấy em có sắc, trẻ tuổi, chị mới nuôi và dạy em đặng giết thiên hạ mà trả thù cho chị.

– Bây giờ em nói thiệt với chị: Hồi trước em vưng lời chị, em làm nhiều việc nghĩ lại tội nghiệp cho người ta quá, như chuyện thầy thông Cao đó, hễ em nhớ tới thì em không vui.

– Bây giờ chị còn ăn năn nhiều hơn em nữa. Chị là cái óc, em là cái tay; tại óc khiến tay mới làm, nên chị có tội chớ em vô tội. Chẳng phải là việc thầy Cao mà thôi, việc nào chị cũng ăn năn nhiều hết. Vay có một người mà chị bắt nhiều người trả, tội là tại chỗ đó. Mà hồi đó chị cứ hăng hái làm tới hoài, chị không kể tội phước chi hết. Chừng em chống cự em không nghe lời chị nữa, chừng đó chị mới mở mắt ra mà thấy đường tội phước, chị mới biết lo sợ cho kiếp sau. Tại như vậy mà chị đi tu đó a em.

– Mấy năm nay chị tu, chị có bớt ăn năn hay không?

– Bớt làm sao được. Tu đặng ăn năn sám hối hàng ngày chớ. Mình phải nhớ những tội lỗi của mình làm, rồi cầu nguyện mà chừa cai, thì tội lỗi của mình mới tiêu diêu được. Tại chị ăn năn sám hối nhiều quá, nên chị lo sợ, chị phải bỏ am mà đi kiếm em đây.

---

1. *Ô danh xú tiết:* danh dự bị ô uế, tiết tháo bị thối tha.

– Chị muốn bắt em phải đi tu với chị hay sao?

– Không phải vậy. Chị đã nói các tội lỗi về phần chị; em có tội gì mà phải đi tu. Ví dầu em có tội đi nữa, những việc người ta làm với em đã đủ mà chuộc tội em rồi. Theo chị tưởng, thì số em vay đã trả dứt, bởi vì nếu em chưa trả dứt, thì có đâu em được hưởng cái hạnh phúc nhàn lạc yên ổn em nói với chị hồi nãy đó. Chị tìm em là vì hôm trước chị có hay một việc quan hệ lắm. Việc ấy không phải là việc của chị em mình làm, mà cũng tại mình bày việc khác nên mới sanh việc đó.

– Việc gì đâu chị nói rõ em nghe thử coi.

– Em nhớ lại mà coi, cách hai chục năm trước, em có sanh một đứa con trai tại nhà bảo sanh Chợ Lớn.

– Việc đó em quên sao được. Em sanh rồi chị đổi cho một bà nhà giàu nào đó mà bắt một đứa con gái.

– Em biết người đàn bà đổi con với em đó là ai hay không? Ấy là vợ nhỏ của thầy Cai tổng Lung, tức là thím dâu của ông cử Hùng đó.

– Úy! Sao mà từ hồi đó cho đến bây giờ chị không nói cho em biết?

– Nói cho em biết càng rộn trí em, chớ có ích gì. Trời Phật công bình lắm. Thằng nhỏ gốc của kiến họ Võ, tuy không ai thèm nhìn, song tự nhiên Trời khiến nó cũng nhập về kiến họ đó.

– Té ra thằng con của em bây giờ nó là em chú bác với ông cử Hùng?

– Phải lắm.

– Té ra ông cử Hùng năm nọ trở về Cái Vồn làm thủ hộ đặng giữ gia tài cho em mà tức thị là con của ổng?

– Phải rồi.

Cô hai Phục chưng hửng, cô ngó ba Có rồi ngó thầy giáo mà nói rằng: Trời Phật sắp đặt kỳ cục quá! Ối mà con tôi nó được giàu có như vậy thì tôi an lòng.

Ba Có lắc đầu nói rằng:

– Chưa an đâu em. Để chị nói có đầu có đuôi cho em hiểu. Hôm trước vợ nhỏ của thầy Cai tổng Lung đi cúng chùa trên núi Ông Tô tình cờ cô ghé am của chị mà cúng. Cô gặp chị thì cô chưng hửng. Cô ở nghỉ tại am một đêm. Cô thuật hết công chuyện nhà cho chị

nghe, cô kể gia tài, cô nói chuyện thủ hộ, cô thuật chuyện cử Hùng cưới vợ, cô không giấu chuyện nào hết. Cô nói cô mang ơn chị lắm, nhờ có chị nên hồi cô đem con về cô mới được yêu thương và sang trọng, rồi bây giờ cô mới được giàu có vững vàng. Song thuở nay nằm đêm cô thường nhớ đến đứa con gái của cô. Từ khi thầy Cai tổng chết rồi, cô muốn kiếm con của cô đặng đem về mà nuôi, song không biết chị ở đâu mà hỏi thăm đặng cô xin con nhỏ lại. Cô gặp chị cô mừng lắm, cô cậy chị đi kiếm giùm con nhỏ cho cô, dầu tốn hao bao nhiêu cô cũng không nệ.

– Hồi đó chị đem con nhỏ mà cho nhà mồ côi Tân Định, bây giờ chị lên đó mà xin lại, có khó gì. Chị đem con nhỏ mà trả lại cho bà Tổng thì bà sẽ thưởng chị.

– Bây giờ chị đi tu, chi có màng bạc chi nữa đâu. Chị bày mưu đặng đoạt của người ta, cái tội ấy lớn quá. Mà cái mưu ấy lại còn chia lìa mẹ con người ta nữa. Chị muốn kiếm con nhỏ mà trả lại cho cô Tổng đặng chuộc bớt cái tội, ngặt kiếm không được nên chị mới buồn chớ.

– Không có trong nhà mồ côi hay sao?

– Hồi đó chị nói dối với em, chớ chị không có cho nhà mồ côi. Chị đi dọc đường chị gặp cô năm Kiêu, cô thấy con nhỏ ngộ ngộ cô xin cô nuôi. Chị cho cô, mà mấy ngày rày chị lên ở trên Sài Gòn chị tìm kiếm hết sức, không ai biết cô năm Kiêu xiêu lạc xứ nào. Vợ chồng cổ là bợm bài bạc, nay ở chỗ này, mai dời chỗ khác, biết đâu mà kiếm.

Báo hại quá! Bây giờ làm sao?

– Chị có biết làm sao bây giờ. Tưởng kiếm được thì chị trả nó lại cho cô Cai tổng Lung, đặng mẹ con tương hiệp cho chị hết ăn năn về khoản ấy. Bây giờ kiếm không ra thì thôi. Mà chị tìm em không phải tìm đặng nói chuyện ấy. Chị còn một việc khác càng rắc rối hơn nữa. Chuyện ấy can hệ đến em. Em phải ra tay gỡ rối, gieo một chút âm đức mà cứu người ta, đặng nó nhẹ bớt cái tội lỗi cho chị em mình.

– Việc gì vậy?

– Em rõ biết Cai tổng Lung chết rồi thì bổn tộc cử ông cử Hùng thủ hộ gia tài, coi thâu góp huê lợi, mỗi năm phát một mớ tiền mà cấp dưỡng cho vợ nhỏ và các con của Cai tổng Lung, thủ hộ đến chừng nào các con thành đinh rồi thì sẽ lập tờ tương phân [1].

---

1. *Tương phân:* phân phối cho các con đã trưởng thành.

– Em có nghe việc đó.

– Bây giờ thằng Lăng là con trai của Cai tổng Lung, tức là con ruột của em đó, nó được hai mươi tuổi rồi, nó thôi học, nó về nhà cưới vợ.

– Nó có vợ rồi hay sao?

– Cưới vợ rồi. Nhờ cưới vợ đó nên nó thành đinh, nó buộc người thủ hộ, là cử Hùng, phải tính sổ sách, giao huê lợi thâu góp mấy năm nay đó lại cho chị em nó chia nhau. cử Hùng làm tiêu hết ba chục ngàn đồng bạc, không có mà giao. Nó vào đơn tại quan Biện lý mà kiện cử Hùng về tội sang đoạt tài sản của kẻ chưa thành đinh. Tòa bắt giam cử Hùng mà tra xét sổ sách...

– Đáng kiếp dữ! Làm việc gì đâu mà tiêu của người ta tới ba chục ngàn.

– Theo lời cô Cai tổng Lung thì tại bài bạc. cử Hùng lên Đà Lạt đánh phé, đánh xe lửa mấy lần đều thua hết, nên mới thiếu tiền thủ hộ đến số đó.

– Trời thiệt là có con mắt. Hễ vay thì ông Trời bắt phải trả nhãn tiền. Việc này sợ đi đại hình chớ không phải chơi. Để cậu ở tù cho sáng con mắt.

– Hồi nãy em nói em không biết giận gì nữa. Chị tưởng em tu đã đắc đạo rồi, té ra bây giờ em nói nghe hơi còn oán, còn ghét cử Hùng quá, nếu vậy thì cái lòng của em chưa được từ bi như Phật. Em phải tu mới được, có tu mới hết cái tánh “Thấy người bị hại mà vui cười”.

Nãy giờ thầy giáo Hiền ngồi nghe hai người nói chuyện, thầy không cãi lẫy chi hết. Chừng thầy nghe ba Có nói câu sau đó thì thầy kính phục lòng đạo đức của chị ta quá, nên chen vô mà nói rằng: Mấy lời chị ba nói đó đúng đắn lắm. Em hai, em phải ghi những lời ấy mà tu tâm luyện tánh đặng khỏi hờn giận. Ở đời nếu muốn hưởng hạnh phúc thì đừng cố chấp tình đời mới được.

Cô hai Phục đáp rằng:

– Em xin vâng lời. Còn chị ba kiếm em mà nói chuyện cử Hùng sang đoạt cho em nghe làm chi?

– Em đành để cho con của em, là con của cử Hùng, nó làm hại cha nó hay sao?

Cô hai Phục châu mày, ngồi lặng thinh. Cách một hồi lâu cô mới nói rằng:

– Bây giờ em biết làm sao? cử Hùng vợ giàu lớn, vậy thì vợ ổng ra bạc mà thường cho sắp con của Cai tổng Lung ổng mới khỏi tội chớ.

– Em đừng có nói tới vợ cử Hùng. Cô Cai tổng Lung nói con mẹ đó tiền nhiều lắm, song nó rị mọ, mấy năm nay cử Hùng không nhờ được một đồng xu mà lại còn bị nó sai khiến vay bừa hèn hạ nữa. cử Hùng bị giam, có cậy người năn nỉ xin nó cứu giùm. Nó nói chồng nó làm việc gì hồi nào đâu nó không biết, nó không có ăn số bạc đó, nên không có tiền đâu mà trả nợ lãng như vậy.

– Nếu nói như vậy thì có tình nghĩa vợ chồng gì đâu.

– Thì nhơn tình vậy đó a.

– Thôi, ông cử Hùng giựt của người ta, bây giờ không có mà trả thì ở tù mà trừ, chớ biết làm sao?

– Cử Hùng nó bị đày, hay là nó bị chết chém đi nữa, cũng mặc kệ nó, không can cập gì đến chị em mình. Ngặt có một điều này là con của nó đứng ra làm thiệt hại nó, mà cái cuộc ấy gốc bởi mình tạo ra, nếu mình để như vậy, dầu thế gian không ai biết được, chớ Trời Phật vẫn thấy rõ, thế thì mình tội nhiều lắm. Kiếm con của cô Cai tổng Lung không được mà trả lại cho cô, ấy là một tội. Bây giờ để cho con của cử Hùng giết ổng nữa, thế thì chị tu biết mấy kiếp nữa mới thành chánh quả.

Ba Có nói tới đó rồi ngồi khóc.

Cô hai Phục thấy chị ta ăn năn như vậy, thì cô động lòng, song không biết làm sao.

Thầy giáo Hiền nói rằng: Chị ba lo sợ về hai cái tội ấy thì phải lắm. Tại chị bày mưu đổi con, nên bây giờ mới sanh ra hai cuộc rắc rối là: 1) Mẹ lìa con; 2) Con hại cha. Về cái việc chị kiếm con không được mà trả lại cho cô Cai tổng Lung thì vợ chồng em không thể giúp được, bởi vì chúng tôi không biết mặt cô năm Kiêu, thì biết làm sao mà tìm. Mà việc đó không gấp lắm, để thủng thẳng chị tìm kiếm, chừng nào ra mối cũng được. Huống chi trong việc ấy người có tội nặng hơn là cô Cai tổng Lung, bởi vì cô tham tiền đến nỗi không kể con là máu thịt của cô. Nếu bây giờ kiếm hết sức mà không ra đứa nhỏ, ấy là Trời Phật phạt cô Cai tổng Lung, vì cô gieo cái nhơn ác, là mưu đoạt gia tài của người thì cô phải đoạt cái quả khổ, là buồn rầu vì nỗi mất con. Còn về cái việc con của cử Hùng làm hại cử Hùng, thì có lẽ vợ chồng em giúp cho chị mà gỡ rối được. Đã biết tại cử Hùng

gieo cái nhơn ác, là không kể tới con, nên bây phải được cái quả ác, là bị con hại. Nhưng mà chị ba với cô hai cũng liên can cái tội ấy, vì hai người giúp tay hồi trước, nên ngày nay con mới hại cha được. Vậy thì cô hai phải giúp với chị ba mà gỡ cái rối ấy, chớ không nên vì giận cử Hùng mà bỏ xụi, rồi để cho con mình phạm tội hại cha.

Cô hai Phục ngó chồng mà hỏi rằng:

– Em làm sao mà gỡ rối được? Em có bạc tiền đâu mà thường thế cho cử Hùng.

– Không cần gì phải ra bạc tiền. Lấy cái miệng mà gỡ rối cũng được.

– Làm sao?

– Em phải đi với chị ba qua Cái Vồn. Em đến nhà mà thăm con của em là con của thầy Cai tổng Lung đó. Em thuật rõ đầu đuôi tự sự lại cho cậu nghe rồi khuyên cậu hãy rút đơn, đừng có buộc tội cử Hùng mà phải mang tội bất hiếu, bất nghĩa với Trời Phật.

– Em nói ra thì chắc nó cười. Nó nghi cử Hùng mưu sự mướn em tới nói như vậy, chớ nó tin sao được?

– Nếu cậu không tin thì em nài cậu hỏi lại cô Cai tổng Lung coi có phải như vậy hay không.

– Trời ơi! Cô Cai tổng Lung bao giờ mà cô dám chịu. Nếu cô chịu thì cô mất gia tài còn gì.

– Cô chối sao được, có chị ba làm chứng.

– Chứng như vậy ai mà tin; họ nói chị ba với em mưu sự mà cứu cử Hùng chứ.

– Nếu cậu nhỏ đó mà tin lời em thì tốt. Còn như không tin thì thôi. Mà dầu mình biết trước cậu không tin đi nữa, em cũng phải qua đó nói thiệt cho cậu hiểu. Phải làm như vậy thì lương tâm của em và chị ba mới bình an.

Cô hai Phục không còn lời gì mà chối cãi được nữa.

Ba Có phục ý kiến của thầy giáo, nên chị ta nói rằng: Lời thầy giáo nói đó đúng đắn lắm. Con hai, em phải nghe theo mà đi với chị qua Cái Vồn. Dầu mình can được hay là không được, mình cũng phải qua giáp mặt cậu Lăng mà nói cội rễ của cậu cho cậu biết. Đã biết nếu mình dở chuyện cũ ra mà nói, thì cô Cai tổng Lung nguy lắm. Mình không nỡ làm hại cử Hùng, có lẽ nào mình lại đành tâm làm hại cô Cai tổng Lung. Vậy qua đó mình bàn tính với cô trước, rồi sẽ liệu chước mà nói cho cô khỏi bị hại.

Cô hai Phục chịu đi.

Nhà xuất bản Tấn Phát, Sài Gòn, 1953.

U TÌNH LỤC

(Trích)

Bản in đầu tiên của nhà in F.H.Schneider, Sài Gòn, năm 1913. Ở bìa sách có tên tác giả: Hồ Văn Trung (bấy giờ chưa lấy biệt hiệu Hồ Biểu Chánh) và ghi rõ là tiểu thuyết An Nam (roman An Namite). Trong lời đề tặng có ghi thời gian: Trung thu 1909 và gọi đây là một áng thơ (poème).

U tình lục gồm 1790 câu lục bát và hai bài thơ thất ngôn bát cú, cốt truyện tóm tắt như sau:

Đây là một câu chuyện tình xảy ra tại Gò Công từ năm 1880. Lê Tấn Nhơn, con giai út, bản thân hiền lành học giỏi. Cha mẹ là người nhân đức. Láng giềng là nhà họ Lâm rất giầu có, được một con gái là Cúc Hương. Đôi nam nữ bạn với nhau từ thuở nhỏ, khi lớn lên thì yêu nhau. Tấn Nhơn đi học ở Mỹ Tho. Ở nhà Cúc Hương bị gia đình cố ép, muốn gả nàng cho Tạ Văn Thiên, con quan huyện là một gã dốt nát lêu lổng. Tấn Nhơn thi đỗ trở về. Cúc Hương kể chuyện nàng bị ép duyên và tỏ ý muốn cùng chàng trốn đi. Song Tấn Nhơn sợ tai tiếng, không thuận bảo nàng cứ trình bày với cha mẹ xem sao. Trong khi gần gũi, hai người đã xử sự như vợ chồng với nhau. Cúc Hương thú thật với mẹ và tự viết thư cho họ Tạ nói mình đã có nơi chốn rồi. Cúc Hương cũng gửi thư cho Tấn Nhơn nhờ Xuân Lan là chị họ đưa giúp. Xuân Lan vốn đã thầm yêu Tấn Nhơn, nhân dịp mạo nét chữ của Cúc Hương, viết một thư làm như nàng đã tư thông cùng Tạ Văn Thiên nhằm ly gián hai người. Tấn Nhơn mắc mưu, rất buồn, bỏ ra Bắc lập công danh, không một lời nói lại với Cúc Hương.

Cúc Hương không biết vì sao, rất đau đớn. Trong khi ấy bên nhà họ Tạ vẫn thúc ép, gia đình họ Lâm đành phải hẹn ngày cho cưới. Nhưng tin Cúc Hương có mang lại đến tai quan huyện. Nhà họ Tạ từ hôn và buộc họ Lâm phải nộp vạ, bồi thường. Bị cha đánh đuổi, Cúc Hương bỏ nhà ra đi và nhảy xuống sông tự trầm, may được Ngư ông cứu vớt. Ở với Ngư ông được ít lâu, nàng sinh con trai là Tuấn Anh, giống Tấn Nhơn như tạc. Sáu năm sau, Ngư ông qua đời, Cúc Hương về Sài Gòn trú ngụ tại nhà "thím thông" là Hồng Ngọc nương náu qua ngày, may thuê vá mướn nuôi con. Bạn của thầy thông là Bảy Tuấn muốn lấy Cúc Hương làm vợ lẽ. Nàng không thuận song Bảy Tuấn vẫn tìm cách đeo đuổi, do đó Cúc Hương bị vợ Bảy Tuấn đánh ghen oan. Nàng phải qua sống nương tựa mụ Liễu.

Trong khi Tấn Nhơn làm Tri huyện ở Bắc, tìm cách quên chuyện tình duyên trong công việc. Anh rể chàng là Triệu Luân từ Nam ra, khuyên chàng về quê phụng dưỡng cha mẹ. Về nhà biết chuyện Cúc Hương tự tử và cha mẹ

nàng đi tu, Tấn Nhơn rất hối hận, cho người đi tìm ông bà họ Lâm. Xuân Lan đã là vợ Tạ Văn Thiên, gặp lại Tấn Nhơn vẫn không bỏ thói lả lơi, bị Tấn Nhơn cự tuyệt và mắng cho. Ăn năn và hối cải, Xuân Lan viết thư bày tỏ hết sự thật về Cúc Hương với Tấn Nhơn rồi tự tử. Tấn Nhơn đọc thư xong đang than khóc thì Cúc Hương đến, giao con cho chàng để đi tu. Lúc ấy ông bà họ Lâm được tìm về cũng vừa tới, gặp Cúc Hương đi ra. Mọi người khuyên giải, Cúc Hương cũng biết Tấn Nhơn hiểu nhầm và rất chân tình nên gia đình trở lại đoàn tụ".

Hồ Văn Trung viết truyện này nhằm chống lại xu hướng của những người cho rằng truyện Tàu mới hay còn truyện mình không ra gì. Thực ra, theo tác giả, "Việt Nam hiếm kẻ chi nhường Trung Hoa". *U tình lục* lấy đề tài trong xã hội Việt Nam đương thời ở ngay quê tác giả.

Truyện này mở đầu sự nghiệp sáng tác của Hồ Biểu Chánh và nằm trong số những sáng tác bằng chữ quốc ngữ xuất bản đầu tiên ở nước ta. Lời văn cổ kính, chịu ảnh hưởng nhiều của *Truyện Kiều* và có dùng cả một số từ ngữ địa phương. Cốt truyện có một số tình tiết không tự nhiên nhưng khá ly kỳ, đó là lối dựng truyện của Hồ Biểu Chánh sau này, dựa trên cơ sở "Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác". Dưới đây chúng tôi trích một số đoạn (những đầu đề là của chúng tôi):

TÂN NHƠN, CÚC HƯƠNG ĐÍNH ƯỚC VỚI NHAU

Trong đám cưới Hạnh Nương (chị Tấn Nhơn) lấy Triệu Luân, Cúc Hương sang giúp nhà họ Lê làm cỗ, trở về nhà...

Cỗ bàn đơm dọn vừa xong,
Thừa lương [1] nàng mới bước vòng mái sau.
Canh khuya trống trở tây lầu [2]
Nỗi mình tưởng đến bỗng chau đôi mày.
Một mình dở tỉnh dở say,
Bên đông chợt thấy lung lay hải đường.
Vội vàng bước trái góc tường,
Thoạt đâu có tiếng kêu Hương rõ ràng

---

1. *Thừa lương:* hóng mát. Ở đây, ý nói nhân khi đi hóng mát.

2. *Trống trở:* trống trải; *Tây lầu:* lầu phía tây; một số người dùng với nghĩa gần như lầu hồng, chỉ nơi ở của người con gái chưa chồng. Ví dụ:

Cô My Nương vốn ở lầu tây
Con quan thừa tướng ngày rầy cấm cung
(Truyện Trương Chi).

Dưới nhành [1] bỗng thấy một chàng,
Xâm xâm bước tới bên nàng dừng chơn (chân)
Trông ra quả thấy chàng Nhơn,
Ngại ngùng Hương muốn day lưng trở vào.
Nhơn rằng: "Chớ nể chi nhau,
Đã lòng quân tử có sao đâu mà.
Dừng chơn (chân) sau trước phân qua,
Kẻ lòng nghi ngại thiết tha bấy chầy.
Nguyên trăm năm ấy lòng đây,
Có thương giáp mặt bó bày mới an.
Biết lòng đấy chẳng phụ phàng,
Còn em một nỗi dở dang duyên lành,
Người bạch ốc [2], kẻ trâm anh [3]
Lượng trên có biết dung tình cùng chăng?"
Dứt lời lụy nhỏ khôn ngăn,
Cúc Hương trông thấy lòng vàng bâng khuâng.
Rằng: "Đừng tính thiệt so hơn,
Căn dươn (duyên) đâu phải căn duyên [4] vì tiền
Bấy lâu vàng đá trộm nguyền,
Tử sanh (sinh) xin quyết vẹn tuyền cùng nhau
Mẹ cha dầu có làm sao,
Ép dầu, ép mỡ, nỡ nào ép duyên.
Thương chàng một đứng (đấng) sĩ hiền,
Tấc lòng riêng những thầm khen ngợi hoài.
Người phú hậu [5], kẻ anh tài,
Đấy đây dầu sánh nào ai kém gì?

---

1. *Nhành:* cành cây.
2. *Bạch ốc:* nhà nghèo hèn.
3. *Trâm anh: trâm* là kim có hoa cài tóc, *anh* là dải mũ.

Ngày xưa những người làm quan hoặc con nhà quyền quý mới dùng trâm và mũ. Ở đây dùng theo nghĩa: con nhà giàu sang.

4. *Căn duyên:* cội gốc, chỗ cốt yếu của vấn đề nhân duyên (đây là chữ do tác giả dùng theo ý của mình không phải chữ căn duyên hiểu theo nghĩa như duyên cớ).
5. *Phú hậu:* giàu có, nhiều của.

Ấy chàng chớ dạ hồ nghi,
Mấy lời đinh (đanh) sắt, xin ghi vào lòng
Đường mây [1] mặc sức ruổi dong,
An lòng kẻ ở, vui lòng người đi".
Chàng rằng: "Chút phận hàn vi, [2]
Nhờ nàng chỉ vẽ đàng đi rộng dài.
Mấy lời xin nhớ mấy lời,
Ví dầu vật đổi sao dời [3] chớ quên
Vai cùng vai vác hai bên,
Ai mà đen bạc [4] xin biên chép vào".
Mấy thu sầu thảm xiết bao,
Mấy lời phỉ dạ ước ao những ngày.
Nhìn nhau nửa tỉnh nửa say,
Trăng soi thấp thoáng, hương bay ngạt ngào
Trời xuân ngọn gió lao rao,
Lưng vơi bể ái, thấp cao sóng tình.
Còn đương xẩn bẩn (lẩn bẩn) huê đình [5]
Tiếng chuông vội thúc, chung tình [6] vỡ tan.
Thợ trời cũng khéo đa đoan [7]
Đêm vui canh vắn, đêm than canh dài.
Dần lòng gạt lụy phân tay,
Người vào nẻo trước, kẻ quày đường sau.

---

1. *Đường mây:* đường công danh.

2. *Hàn vi:* nghèo hèn.

3. *Vật đổi sao dời:* chữ Hán là "vật hoán tinh di" (Thơ Vương Bột đời Đường, bài *Đằng vương các tự*), chỉ sự biến đổi trong cuộc đời.

4. *Đen bạc:* tức là đơn bạc, chỉ người ăn ở phụ bạc, không trung hậu.

5. *Huê đình:* tức hoa đình, ngôi nhà nhỏ trong vườn ngồi ngắm hoa.

6. *Chung tình:* mối tình đúc kết lại, rất mật thiết.

7. *Đa đoan:* nhiều mối. Ở đây nghĩa là rắc rối lắm chuyện éo le.

NGHỊCH CẢNH

Vợ chồng quan huyện Tân Hòa cậy người hỏi Cúc Hương cho con trai mình là Tạ Văn Thiên. Gia đình Cúc Hương không nhất trí với nhau, nàng rất buồn...

Lâm ông hay rõ sự tình,
Đêm khuya cùng vợ đinh ninh phân trần.
Rằng: "Già trộm thấy trò Nhơn,
Nhỏ mà lễ trí nghĩa nhơn (nhân) đủ đều (điều)
Mặc ai ong bướm dập dìu,
Sớm khuya đèn sách, mai chiều [1] *bút nghiên.*
Gẫm nên đáng mặt trai hiền,
Nhắm cùng ái nữ, phải duyên Châu Trần [2]
Chờ chàng đạp bước thanh vân [3]
Bấy chừ (giờ) sẽ hiệp Tấn Tần [4] *cho xong.*
Mà e duyên trẻ lòng dòng,
Đuốc hoa [5] *chưa tỏ, dây hồng* [6] *muốn lơi"*
Bà rằng: "Ông khéo nói chơi,
Gái nhà cửa tía, dựa người trắng tay!

---

1. *Mai chiều:* sáng chiều.

2. *Châu Trần:* tên một thôn xưa ở Trung Quốc. Theo Bạch Cư Dị đời Đường, ở huyện Phong xưa thuộc đất Từ Châu có một thôn gọi là Châu Trần; một thôn chỉ có hai họ là họ Châu và họ Trần đời đời kết thông gia với nhau. Châu Trần dùng để nói việc kết duyên xứng đôi đẹp lứa.

3. *Thanh vân:* mây xanh. Do câu trong *Sử ký của Tư Mã Thiên*: "Giả bất ý quân năng tự chí ư thanh vân chi thượng" (Giả này không ngờ anh có thể tự mình đến được mây xanh). Ý nói thi đỗ có địa vị cao sang.

4. *Tấn Tần:* tên hai nước đời Xuân Thu bên Trung Quốc. Theo *Tả truyện,* thái tử Ngữ nước Tấn bị gửi làm con tin bên nước Tần, sau được Tần Mục Công gả con gái cho. Từ đó, năm đời liền, con cháu hai họ đều cưới gả cho nhau, đối xử hòa thuận. Ở đây nói về mối duyên đẹp đẽ.

5. *Đuốc hoa:* do chữ Hán (hoa chúc). Theo Từ Hải, đời Lục triều bên Trung Quốc có tục đốt đuốc hoa trong đêm động phòng. Về sau, đuốc hoa chỉ ngày cưới.

6. *Dây hồng:* do chữ Hán "xích thằng". Theo *Tục U quái lục,* Vi Cố đời Đường gặp một ông già dưới trăng đang kiểm sổ sách và trong túi ông có cuộn dây đỏ. Vi hỏi thì ông già nói đó là cuốn sổ hôn nhân và cuộn dây dùng để buộc chân những đôi nam nữ phải duyên với nhau.

Xin ông chớ khá đặt bày,
Mấy ai kiếm chữ mà vay bao giờ.
Tin quân hay chữ mà nhờ,
Ở không nói phách [1], ngâm thơ phá tiền,
Phận mình dốt nát quê hèn,
Tố nào theo nấy cho yên thân già.
Thầy Cai nói chuyện hôm qua,
Xa gần xét lợi cũng là cầu thân.
Con quan Huyện gián ở gần.
Tuy không ăn học, có phần mẹ cha.
Rể mà như vậy mới là,
Vào trong kẻ kính, bước ra người nhường".
Ông rằng: "Tính mụ tình thường,
Gả con luận của, chẳng thương học trò.
Thôi đừng cãi lấy so đo,
Tuy làm cha mẹ, phải dò lòng con".
Song thưa hơi gió chen lòn (luồn),
Cúc Hương thiếp thiếp đương ngon giấc nồng.
Vẳng nghe tiếng động bên phòng,
Giựt (giật) mình, dở bức trướng hồng, bước ra.
Mới là hay tiếng mẹ cha,
Vội vàng sửa áo thẳng ra tiền đàng (đường)
Thưa rằng: "Đêm vắng canh tràng (trường)
Chẳng hay chưa nghỉ còn bàn việc chi?
Tấm lòng thiếu nữ hoài nghi,
Dữ lành, xin tỏ hiển vi [2] con tường"
Ông bà thuật hết mọi đường:
"Bên yêu công tử, bên thương sĩ hèn.

---

1. *Nói phách:* nói khoác.
2. *Hiển vi:* làm cho rõ những điều rất nhỏ.

Nên con bất nhứt (nhất) [1] *chưa yên,*
Ái nhi [2] *khá tỏ ý riêng thế nào?"*
Nghe qua héo liễu, xù (rũ) đào
Mà nàng cũng gượng gởi trao đôi lời.
Rằng: "Trời tê lắm bấy Trời!
Cái đời má phấn là đời kể chi!
Đã không ích thế lợi thì (thời),
Lại là cha mẹ ghe [3] *khi cực lòng.*
Nhìn thung thêm tủi với thung [4]
Xơ rơ dưới bóng một bông hải đường [5]
Một mai tị hộ [6] *mù sương,*
Lấy ai gìn giữ vùa hương sau này
Lòng con thầm tính bấy chầy:
Giả làm nam tử ở vầy thờ thân.
Lượng trên dầu ép muôn phần
Chọn trao chỉ Tấn, lo Tần mặc con [7]
Chọn người trung hiếu vuông tròn,
Biển lưng [8] *không rúng, non mòn không day.*
Chọn người văn chất [9] *gồm hai*

---

1. *Bất nhất:* chữ dùng theo ý tác giả, có nghĩa là không nhất trí.

2. *Ái nhi:* cách xưng hô âu yếm với con.

3. *Ghe:* nhiều.

4. *Thung:* do chữ "Xuân" viết nhầm. Theo sách *Trang tử, xuân* là một thứ cây thượng cổ, 8000 năm mới qua một mùa của nó. Người đời sau dùng "xuân" để chỉ người cha với ý mong cho cha sống lâu như cây xuân.

5. *Hải đường:* thường dùng để chỉ người phụ nữ có nhan sắc. Theo *Thái Chân ngoại truyện,* Dương Quý Phi nằm ngủ, Đường Minh Hoàng hỏi đùa: "Hải đường con chưa đẫy giấc xuân ư?'. Câu thơ "Xơ rơ dưới bóng một bông hải đường" có ý phàn nàn cha mẹ chỉ có mỗi con là gái.

6. *Tị hộ:* bỏ nhà cửa mà đi nơi khác, ý nói lấy chồng phải xa gia đình.

7. Câu này có ý nói: việc nhân duyên xin để mặc con.

8. *Lưng:* vơi.

9. *Văn chất:* hình dáng bên ngoài và tính chất bên trong.

Vào trong phong nhã [1] *ra ngoài hào anh* [2]
Chọn người lòng dạ tín thành,
Cậu cô [3] *lễ nghĩa, em anh thuận hòa*
Người sao được vậy mới là,
Một mai trông nối nghiệp nhà về sau.
Sá chi những kẻ sang giàu,
Xưa nay người phải, Trời nào phụ ru?
Sá chi lên võng xuống dù,
Rạng ngời ư ngoại, tối hù ư trung.
Sá chi con giống cháu dòng,
Tham quan ô lại, giống dòng mà chi?
Ngửa trông lượng cả rộng suy
Có thương xin nhận lời thì mới thương".
Lâm bà nghe mấy lời Hương,
Thốt rằng: "Con khéo làm phường gái lanh (nhanh)
Huyện quan là bậc trâm anh,
Biết đâu hơn nữa, mới đành dạ con?"
Ông rằng: "Nghĩ mấy lời con,
Như hoa trên gấm, như son thết vàng.
Lòng cha cũng biết phải chăng,
Ngặt vì quan Huyện nằng nằng cầu thân.
Vốn mình là bậc con dân,
Trái người quyền tước thế thần dễ đâu!
Con tua [4] *xét lại cho sâu,*
Kỳ trong nửa tháng, lẽ nào phân qua"
Cúc Hương trở gót trướng hoa,
Ruột gò chín khúc, lụy sa đôi hàng.

---

1. *Phong nhã:* tên mấy thiên trong *Kinh Thi* (*Quốc phong* và *Đại nhã, Tiểu nhã*) sau dùng để chỉ việc văn chương. Ở đây có nghĩa là phong lưu tao nhã.

2. *Hào anh: hào* là giỏi nhất, *anh* là đẹp nhất. Giỏi và đẹp vào bậc nhất.

3. *Cậu cô*: Trong *Hán văn*, ngày xưa con dâu gọi cha mẹ chồng là cậu cô (cữu cô).

4. *Tua:* nên cố gắng.

"Tình lang ôi! Hỡi tình lang,
Xa xôi biết thiếp đoạn tràng (trường) này chăng?
Giận thay những lũ mối lần [1]
Khéo thày lay [2] *miệng, cho ràng rộn duyên.*
Muốn cho cho vẹn chữ nguyền,
Thì là trái ý nhà huyên [3] *nhiều bề.*
Còn như phụ nghĩa tương tri [4]
Thì là thẹn với chén thề lắm ôi!
Phận bèo [5] *đến thế thì thôi,*
Đánh liều nhắm mắt coi trôi bến nào"

*

NỖI LÒNG TẤN NHƠN

Tấn Nhơn học xong, ở Mỹ Tho trở về nhà, chàng qua thăm gia đình Lâm...

Việc rồi nghĩ đến gần xa,
Vội vàng Nhơn mới sang nhà Lâm ông.
Trước là vẹn chữ thủy chung,
Sao là dò thử coi lòng thể nao.
Nẻo xưa vừa mới bước vào,
Ông mừng, bà hỏi, nàng chào vui thay.
Hỏi tài ăn học bấy nay,
Hỏi thân ấm lạnh [6] *hỏi ngày vinh quy* [7]

---

1. *Mối lần:* tức miệng lần, lưỡi mối, chỉ những kẻ ác miệng.

2. *Thày lay:* buông những lời đơm đặt, không đúng sự thật.

3. *Nhà huyên:* huyên là một thứ cỏ sống lâu năm, ăn vào thì khỏi buồn phiền. *Kinh Thi* có câu: "An đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối" (Sao được có cỏ huyên trồng ở chái nhà phía bắc). Chái nhà phía bắc chỉ nơi mẹ ở, trồng cỏ huyên nơi mẹ ở để mẹ khỏi buồn phiền. Từ đó, "huyên" dùng để chỉ người mẹ.

4. *Tương tri:* biết nhau.

5. *Phận bèo:* thân phận lưu lạc như cánh bèo trôi giạt.

6. *Ấm lạnh:* do chữ "hàn ôn". Ở đây dùng theo nghĩa như "hàn huyên" tức là hỏi thăm chuyện sinh hoạt, sức khỏe thường ngày.

7. *Vinh quy:* thi đỗ trở về.

Đầu đuôi kể hết khuê ly [1]
Mấy năm khó nhọc, một khi vui mừng
Dứt lời chàng lại trông chừng,
Thấy nàng lụy ngọc rưng rưng đôi tròng.
Ức lòng muốn thấu đến lòng,
Ngặt ông bà đó, dễ thông được lời?
Đau lòng lỡ khóc, lỡ cười,
Giã ông chàng mới về nơi thảo đường [2]
Từ đây mù mịt sông Tương [3]
Thâm nghiêm kín cổng cao tường [4] *biết đâu.*
Đêm nằm lụy ứa thâm bâu [5]
Tuần trăng khuyết nửa mối sầu chia hai.
Chỉ lăm cầm sắt [6] *hòa hài,*
Vì đâu gây thảm, tại ai gieo hờn.
Xót thay thân phận chàng Nhơn,
Xa xôi chưa rõ nguồn cơn tí gì.
"Buồn là buồn nỗi phân ly,
Ai đời gang tấc có chi mà buồn.
Hay là bể ái lấp nguồn.
Hay là hương thệ [7] *mưa tuôn lạnh lùng.*
Đau lòng ai hỡi tình chung,
Phụng loan [8] *dành để tương phùng lúc nao?*
Thơ (thư) phòng tim [9] *lụn dầu hao,*
Nhớ thương chi xiết, ra vào chẳng yên.

---

1. *Khuê ly:* chia lìa, xa cách.

2. *Thảo đường:* nhà cỏ, nhà tranh.

3. *Sông Tương:* tên một con sông bên Trung Quốc, tương truyền là nơi vua Thuấn vĩnh biệt hai người vợ của mình. Ở đây chỉ sự cách biệt, mong nhớ của đôi trai gái.

4. *Kín cổng cao tường:* cổng thì kín, tường thì cao, lọt vào không được, nhìn cũng không thấy.

5. *Bâu:* vạt áo.

6. *Cầm sắt:* đàn sắt, đàn cầm là hai thứ đàn thường chơi hòa với nhau. Chỉ duyên vợ chồng hòa hợp.

7. *Hương thệ:* hương thề, hương đốt lên khi trai gái thề với nhau.

8. *Phụng loan:* chim phượng chim loan, ý nói vợ chồng đẹp đôi.

9. *Tim:* tim bấc đèn.

Lờ mờ thỏ gác đầu hiên,
Thấy trăng như nhắc câu nguyền trăm năm
Mơ màng cái giọng tri âm,
Trông nơi kỳ ngộ xăm xăm dò lần.
Hoa đào ngậm nhụy cười xuân,
Phất phơ nhành liễu, lưng chưng cánh hồng.
Cảnh tình càng ngắm càng nồng,
Cảnh thì còn đó, người trông đâu nào!
Ngơ sầu lấp thẩm trở vào,
Giấc nào nào nhấp, bữa nào nào ngon.
Cung trăng một bữa một mòn,
Gan vàng một bữa héo don trăm phần.

*

LÌA NHÀ

Nghe tin Cúc Hương chửa hoang, quan huyện Tân Hòa khước hôn và bắt nhà họ Lâm chịu phạt vạ. Nhà họ Lâm phải bán thóc lúa lấy tiền gỡ tội. Cha Cúc Hương giận đánh đuổi Cúc Hương ra khỏi nhà.

Cúc Hương phách tán hồn phi [1]
Biết đâu nát thịt, biết gì bầm da.
Giờ lâu tỉnh giấc trông ra,
Buồng the [2] *đâu mất, cỏ hoa nào vầy.*
Bàng hoàng dở tỉnh dở say,
Gió tuông dậu cúc, sương bay nhánh quỳnh.
Lâm bà sẵn đứng bên mình
Kề tai tỏ hết tình hình con nghe.
Dạy rằng: Kiếm chốn sơn khê [3]
Dung thân nở nhụy khai huê [4] *(hoa) cho rồi.*
Cha con cơn giận chưa nguôi,
Lân la sợ nỗi không xuôi lòng vàng.

---

1. *Phách tán hồn phi:* bay hồn bạt vía.
2. *Buồng the:* buồng có treo màn the, chỉ nơi đàn bà con gái ở.
3. *Sơn khê:* núi và khe. Ý nói nơi kín đáo, ít người biết.
4. *Nở nhụy khai huê:* sinh đẻ.

Cửa trong để mẹ liệu toan,
Lần lần rồi sẽ kiếm đàng giải khuyên.
Bệnh đau nhờ thuốc mà thuyên,
Người hờn năng giải tự nhiên hết hờn.
Thương con phải tính thiệt hơn,
Chớ điều rức thịt chia thân sướng gì.
Cho con một đứa thị tỳ [1]
Phòng khi phong võ (vũ) [2] *bất kỳ có nhau.*
Cuộc đời may rủi biết sao.
Mỏng dày, sâu cạn, thấp cao, vơi đầy.
Cũng là oan trái chi đây,
Cho nên mới đến nỗi này lầm than.
Thôi con sớm liệu lên đàng,
Kẻo khi sấm sét khó toàn vóc hoa".
Nói rồi giơ túi trao ra,
Anh ngân [3] *tính lại cũng là đôi trăm.*
Cúc Hương lụy nhỏ đầm đầm,
Mới hay chẳng phải việc nằm chiêm bao.
Nói ra muôn thảm ngàn sầu,
Nghỉ thân mà lại ngạt ngào với thân!
Lòng trời trách chẳng cân phân [4]
Thanh cao nhiều kẻ, phong trần [5] *một ta.*
Hai tay ôm cội huyên già,
Ngất rồi lại tỉnh, tỉnh ra lại rằng:
"Phận con mang tiếng gió trăng [6]
Đành đem sương trắng mà quăng xứ người
Quản chi mặt bể chân trời,
Sanh thành bận nỗi đền bồi chưa cam,

---

1. *Thị tỳ:* đầy tớ gái.
2. *Phong vũ:* mưa gió.
3. *Anh ngân:* bạc tốt.
4. *Cân phân:* chữ dùng theo ý tác giả, chia cho công bằng.
5. *Phong trần:* gió bụi, chỉ cuộc đời vất vả.
6. *Gió trăng:* chính ra là "trăng gió", chỉ việc trai gái không đứng đắn.

Muốn liều mặt đá mày chàm,
Lướt oai sấm sét cho cam tấc lòng.
Ngặt vì thai nghén chưa xong,
Lân la thêm nhục tổ tông xa gần.
Thân này còn kể chi thân,
Sớm dò hang thẳm tối lần vực sâu
Từ huyên [1] xin bớt đeo sầu,
Kể con như thể buổi đầu xẩy tay,
Hải đường ngọn gió lung lay,
Ấy là hồn trả về rày viếng thăm.
Đôi lời gởi lạy cao thâm [2]
Người đời ai khỏi lỗi lầm một phen
Kiếp này ân nghĩa chưa đền,
Cũng nguyền kiếp khác sẽ lên tài bồi" [3]
Mảng còn thăm thỉ khúc nhôi,
Tiếng gà đâu đã thúc thôi chia lìa.
Lờ mờ bóng thỏ trời khuya,
Nàng về dặm liễu [4] bà về lầu trang.
Lá bay trách lượng xanh vàng [5]
Một trời nam để riêng than một mình.
Một thầy một tớ linh đinh (lênh đênh),
Sơn khê nham hiểm [6], lộ trình [7] chông gai.
Giày sành đạp sỏi [8] chi nài,
Bơ vơ cảnh lạ hôm mai thân này.

---

1. *Từ huyên:* mẹ hiền.

2. *Cao thâm:* cao sâu, chỉ công đức cha mẹ đối với con cao như núi, sâu như biển. Ở đây nói về cha.

3. *Tài bồi:* vun đắp.

4. *Dặm liễu:* cảnh lữ thứ, nơi xa lạ.

5. *Xanh vàng:* màu xanh tượng trưng cho trời, màu vàng tượng trưng cho đất. Chỉ trời đất.

6. *Sơn khê:* núi cao dốc, khe sâu thẳm.

7. *Lộ trình:* quãng đường đi.

8. *Giày sành đạp sỏi:* dẫm xéo bên những mảnh sành, đạp trên những hòn sỏi. Ý nói bất chấp đường xấu, khó đi.

Dãi dầu mưa gió ai hay,
Quê người hẩm hút tháng ngày lại qua.
Vừng đông vừa mới ửng lòa,
Tớ thầy đến mé giang hà minh (mênh) mông.
Lờ đờ thấy một thoàn (thuyền) không,
Ngoắt vô giá cả trả xong thuê liền.
Đề huề [1] *thầy tớ xuống thuyền*
Buồm cao hò thẳng nhắm miền Ngưu giang [2]
Cúc Hương trong dạ bàng hoàng,
Nỗi riêng chẳng nghĩ, nghĩ càng xót chua.
Đành thân cát giập sóng đùa,
Một đời chìm nổi, bốn mùa linh đinh.
Trời cao đất rộng minh minh,
Nắm xương chưa biết để dành nơi nao.
Cuối gành (ghềnh) ngọn sóng lao xao,
Trông mây như cắt như bào lòng son.
Bên cồn bầy vượn ru con,
Trông vời cố lý [3] *héo don gan vàng.*
Khi sao phong trướng xũ màn [4]
Chừ sao tan tác giữa đàng chơi vơi.
Cánh buồm lướt dặm xa khơi,
Thấy trăng như nhắc những lời non sông.
Than rằng: "Đen bạc bấy lòng,
Trăm năm đành để má hồng phôi pha.
Bao đành yên phận phương xa,
Để cho nước chảy trôi hoa dạt bèo.
Bao đành phụ khách buồng thêu [5]

---

1. *Đề huề:* Cầm tay nhau. Ở đây nghĩa là dắt díu nhau.
2. *Ngưu giang:* tên chữ của sông Bến Nghé (Gia Định).
3. *Cố lý:* làng quê cũ, nghĩa như cố hương.
4. *Phong trướng xũ màn:* được nằm trong trướng, được che màn. Chỉ tình hình ăn ở của nhà giàu sang.
5. *Buồng thêu:* chữ Hán là "tú phòng", chỉ chỗ đàn bà ở.

Mảnh tình bao nỡ trớ trêu ghẹo người
Tiếc công chờ đợi hôm mơi (mai)
Tiếc công thề hẹn nặng lời cùng ai.
Tiếc công cửa đóng then gài,
Tiếc công khăng khít nỉ nài nợ duyên!
Nghĩ thôi hết tiếc lại phiền,
Nghĩ đòi ngăn lại điến điền đòi ngăn! [1]
Phiền ông cầm mối xích thằng,
Xe lơi cho thiếp, xe săn cho người.
Phiền mình đeo lấy nợ đời,
Bởi không chặt chịa nên người dở dang.
Phiền ai đánh đổ đá vàng [2]
Chén đào trút sạch, nén hương lạnh lùng.
Kiếp này chẳng vẹn chữ tùng [3]
Nguyền cùng trời đất tương phùng kiếp sau.
Mảnh thân còn kể chi nào,
Thà liều thác phứt, trước sau một lần.
Trả cho trắng nợ phong trần,
Cho vừa lòng bạn, cho lưng túi sầu.
Cúi đầu gởi lạy cao sâu,
Bao nhiêu ân nghĩa kiếp sau đền nghì
Đôi lời nhắn với tương tri,
Cá nhàn (nhạn) [4] *cam chịu biệt ly từ này.*

---

1. *Đòi ngăn:* đòi phen. *Điến điền:* sụt sùi.

2. *Đá vàng:* do chữ Hán "Kim thạch". Kim khí để đúc chuông đỉnh, đá để tạc bia ghi lại những việc cần lưu truyền về sau. Ở đây chỉ sự gắn bó, lòng chung thủy mãi mãi không thay đổi.

3. *Chữ tùng:* hoặc chữ tòng. Theo đạo Nho "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử", người phụ nữ xưa "lúc nhỏ theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con". Ở đây nói việc theo chồng. *Vẹn chữ tùng:* trọn đạo làm vợ.

4. *Cá nhàn:* hoặc cá nhạn: Thơ cổ có bài như sau: "Khách tòng viễn phương lai, di ngã song lý ngư, hô đồng phanh lý ngư, trung hữu xích tố thư" (khách từ phương xa đến, đưa đến cho ta đôi cá chép, gọi trẻ mổ cá chép, ở trong có bức thư). Lại theo *Hán thư,* Tô Vũ đi sứ Hung Nô bị đầy ra Bắc Hải đã viết thư buộc vào chân chim nhạn rồi thả cho bay về nước để báo tin với vua Hán. Do hai tích kể trên, cá và chim nhạn được xem như những sứ giả chuyển tin tức. Ở đây ý nói chịu xa cách nhau không thông được tin tức.

Sau dầu rõ nỗi đắng cay,
Có thương thì đến chốn này tìm nhau.
Giang hà một giấc chiêm bao,
Khối tình biết đến đời nào mà tan!"
Mảng còn than thở thở than,
Bên mình tỳ nữ [1] *mê man giấc nồng,*
Trông vời trời nước minh (mênh) mông,
Giật mình gieo xuống giữa dòng tràng giang.

1. *Tỳ nữ:* nghĩa như thị tì, người hầu gái.

HOÀNG NGỌC PHÁCH
(1896–1973)

Hoàng Ngọc Phách, bút hiệu là Song An, sinh năm 1896 tại làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Cụ thân sinh từng tham gia phong trào Cần Vương.

Lúc nhỏ ông học chữ Hán, rồi học trường Pháp – Việt. Sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng Tiểu học ở Vinh, ra học trường Bưởi Hà Nội, và bắt đầu viết cho tạp chí *Nam phong* và các báo khác. Năm 1922 (26 tuổi) tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm và đi dạy học. Những năm sát trước Cách mạng Tháng Tám làm Hội trưởng Hội truyền bá quốc ngữ tại Bắc Ninh. Sau cách mạng, vào Ủy ban và Hội đồng Nhân dân Bắc Ninh, rồi lần lượt giữ các công tác:

Giám đốc Học khu Bắc Ninh (1945–1951)

Giám đốc Giáo dục khu XII (1947–1948)

Giám đốc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (1951–1954).

Từ năm 1954 ông về Ban tu thư Bộ Giáo dục chuyên việc soạn sách giáo khoa cho các trường phổ thông Trung học. Từ 1959 về công tác ở Viện Văn học, phụ trách việc sưu tầm hiệu đính các tác phẩm văn học Việt Nam cận đại. Ông mất tại Hà Nội năm 1973, thọ 76 tuổi.

Những tác phẩm của Hoàng Ngọc Phách gồm có:

– *Tố Tâm* – 1925

– *Thời thế với văn chương* – 1941, tuyển tập những bài nói chuyện và những bài thơ.

– *Đâu là chân lý* – 1941, tập truyện ngắn, bút ký, luận thuyết, in cùng một tập với tập trên năm 1941

– *Văn thơ Nguyễn Khuyến* (soạn chung) 1957

– *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng* (4 tập, soạn chung) 1958...

Chúng tôi chọn *Tố Tâm, Gò cô Mít* và hai bài ký về các cuộc đi săn bắn.

TỐ TÂM
(Tiểu thuyết)

Tố tâm viết vào thời kỳ tác giả học ở trường Cao đẳng Sư phạm, được đăng ít nhiều vào tập kỷ yếu sinh viên của Hội Cao đẳng Ái hữu và được xuất bản năm 1925, rồi sau đó được tái bản nhiều lần.

Hai nhân vật chính của truyện là Tố Tâm và Đạm Thủy. Cả hai đều thuộc gia đình phong kiến. Tố Tâm thích văn chương. Đạm Thủy là một sinh viên Cao đẳng có thơ văn đăng báo, và đã được Tố Tâm mến chuộng văn tài trước khi hai người gặp nhau. Do một sự tình cờ hai người quen nhau. Tình yêu nảy nở ngày càng sâu nặng. Nhưng Đạm Thủy nhà đã hỏi vợ, và Tố Tâm sau cũng buộc phải lấy chồng, mà cả hai đều không ai dám trái ý gia đình.

Thừa lúc ốm nặng, bà Án, mẹ Tố Tâm, buộc nàng phải để nhà giai lo liệu gấp. Cưới xong, Tố Tâm ốm, bệnh tình ngày một nặng, hơn một tháng sau chết, để lại cho Đạm Thủy một tập nhật ký bi thảm, chép từ ngày xa nhau lần cuối cho đến khi Tố Tâm hấp hối.

Tác phẩm đã làm sôi nổi dư luận một thời.

Vấn đề là một tình yêu nam nữ vượt ra ngoài vòng lễ giáo phong kiến. Tác giả có ý muốn bảo vệ luân lý phong kiến, kết tội Tố Tâm dám yêu đương, không có phép của mẹ, không có sự thừa nhận của pháp lý, nên rút lại "không được ích gì", và ông khuyên các bạn thanh niên nên lưu ý. Nhưng tác giả lại biểu hiện Tố Tâm như một tâm hồn cao đẳng, với một mối tình rất đẹp, rất nên thơ. Sở dĩ có mâu thuẫn ấy là do có mâu thuẫn giữa cảm tính và lý tính trong con người tác giả. Cảm tính vốn là chân tính bẩm sinh của thanh niên lại được nuôi dưỡng thêm bằng sách vở theo ý thức tư sản Âu Á. Lý tính là của con người lớn lên trong một gia đình nhà Nho, trong những năm mà chủ nghĩa tự do cá nhân chưa thành ý thức xã hội mãnh liệt.

Sau đây, chúng tôi in toàn văn tác phẩm này:

MẤY LỜI CỦA NGƯỜI CHÉP TRUYỆN

Nhiều khi anh em ngồi đàm luận về tân học ngày nay, ký giả thường nghe nói đến một bậc thanh niên tân tiến có tính tình, văn chương, tư tưởng, thường hay lạm dụng những tài liệu đó đem ra làm việc cho ái tình, ghẹo lòng người nhi nữ, vội thi hành những ý tưởng trong sách hay những cảnh mình tưởng tượng ra. Có lúc cố ý

mà làm, cũng nhiều khi làm mà không tự biết, miễn là tìm được nơi thí nghiệm ý tưởng của mình và lấy được lòng yêu của người mà thôi, nên xảy ra lắm tấn bi kịch, thiệt cho mình mà khổ cho người, quấy rầy đến gia đình, xã hội.

Nguyên do những bực có văn chương tư tưởng như vậy, bên cái hy vọng to lớn về việc công ích, thường vẫn hay mơ màng những cảnh tuyệt vời của ái tình, cố tìm cho được một người cùng mình mà đi tới những cảnh mơ màng ấy, không nghĩ cho rằng phàm những cảnh viển vông phảng phất tự ta mơ tưởng mà vẽ ra trên đường đời cũng như giọt sương buổi sáng lóng lánh trên ngọn cây, như ánh nắng buổi chiều thướt tha trên đỉnh núi, xa trông thì đẹp lạ thường, nhưng tìm đến tận nơi thì tan đi hết, không còn thấy gì là đẹp nữa. Cho nên lúc hai người nam nữ rủ nhau mơ màng đi tìm những cảnh ấy, chợt gặp một quãng gai góc đầy đường, rẽ nhau lạc lối; hoặc vì lứa đôi trắc trở với người biết trước, hoặc vì duyên nài phận ép với người đến sau, mà diễn nên bi kịch, bởi một nỗi tính tình không hợp với người đến sau đó, hay lòng đã đem gởi đi cho người biết trước kia rồi, không lấy lại được nữa, nên thất vọng ngã lòng, điều đau đớn đưa ngay đến. Thường cứ bảo tại tạo hóa không cho hưởng hết những cuộc đặt ra để giữ người nhưng lấy lẽ phải mà xét thì phàm việc gì không thường tất không vững.

Nếu người cùng mình đi thi hành điều mơ tưởng đó là một bậc thiếu nữ tầm thường, tính tình thấp hẹp, ý tưởng nhỏ nhen, để vào đâu cũng được, gặp cảnh nào cũng xong, thì cái hại không là mấy, nhưng gặp một hạng thiếu nữ cũng thích văn chương, cũng có tư tưởng, đã xem được vài chục bộ tiểu thuyết tây, đã viết được ít nhiều văn quốc ngữ, tính tình lại rất là đằm thắm, mà thường hay mơ màng những chuyện đâu đâu, ít khi nghĩ đến thực tình thế sự, thì thật là bị một "mũi tên tình ái sát nhân" vì bao nhiêu tinh thần đã bị thu hết, bị thứ văn chương hay tả những tính tình lai láng, bị những ý tưởng lạ bày ra lắm cảnh tuyệt vời, khéo lựa chiều mà dần dần gieo trong lòng người thiếu nữ một thứ tình mài dũa riêng vào một khuôn khổ.

Ta nên biết, khi hai người nam nữ yêu nhau, đem đánh vào tinh thần vẫn đau lâu hơn đánh vào thể chất, vì lấy thể chất mà khiến thì cực nồng nàn, nhưng lại chóng tan, mà có thể lấy thể chất nọ thay thể chất kia được, vì thể chất thường giống nhau; tinh thần

thì không thể, ảnh hưởng tinh thần hành động chậm, nhưng ở lâu dần dần mà thấm vào gan óc khó gỡ ra được, dù có được cũng để vết về sau, suốt đời cứ vơ vẩn bên mình mãi.

Mới đây, ký giả nghe được câu chuyện riêng của bạn vừa kể lại mà bạn là vai chính trong chuyện này, chuyện rất hợp với điều quan sát kể trên kia, nên ký giả chép ra đây, có ý muốn bày ra trước mặt bạn thiếu niên, một việc hiển nhiên của tâm tình, liên lạc với nhau, có nguyên nhân, có kết quả. Chuyện tức là một cuộc hành động của các nguồn tâm lý của ái tình, phát hiện ra ngoài rất hợp với nội dung người trong chuyện, vì lúc xét một việc e về tâm lý phát hiện phải xét đến cả điều liên lạc chung quanh, đại khái như giáo dục ấy, tính chất ấy, tinh thần ấy, thì phải có tính tình ấy, thì phải có hành động ấy, v.v... Hành động đã hợp với nguyên nhân thì tất là phải theo vào một luật, mà việc bày ra không thể là việc lạ thường, chỉ là một mối riêng trong một mối khác của tâm lý mà thôi, nên ký giả chép ra đây để các bạn thiếu niên xét đoán, có lẽ cũng bổ ích cho những lúc bạn thiếu niên tự xét đoán đến tính tình mình, tư tưởng mình.

Sau nữa, ký giả chép lại chuyện gọi tỏ lòng thương đôi lứa thiếu niên xô nhau vào bể ái, lôi kéo nhau đến nỗi kẻ bị trọng thương, người không cần sống, để đời thiệt mất một người thiếu nữ chung tình. Phàm một người thiếu nữ đã có tính tình đằm thắm biết chịu thiệt mình để khỏi lụy đến người yêu, lại biết thương một bạn gái khác chính là người "kình địch vô tội" của mình là một hạng người ít có, thật đáng quý mà cũng đáng thương. Tính tình ấy dùng vào đâu cũng là bậc trên cả, đem dùng với nhà thì thành con hiếu, đem dùng với nước thì thành tôi ngay, đem dùng vào cảnh vợ chồng đẹp đôi thì thành vợ thuận, vợ thuận tức là mẹ hiền. Nhưng tiếc thay! Chỉ vì quá mơ màng những ngoài vòng đời, lỡ lầm vào một cuộc tình ái, nên việc đời chếch lệch mà thành như mây tan, như khói tỏa, rút lại không được ích gì, cảnh huống ấy bọn thiếu niên nên lưu ý.

Ký giả không có gì thoa vẽ, mà cũng không quen đem đạo đức bình luận ái tình, ký giả xét là xét cái tình trạng của lòng người, chép là chép cái hành động của tâm lý, còn lý luận luân lý phẩm bình xin để phần dư luận.

Ký giả chưa đến tuổi biết sáng tạo ra người trong chuyện, thì chỉ chép lại chuyện là hơn; nếu có bạn nào quá nghiêm mà trách ký giả sao tuổi còn non, người còn trẻ đã vội đem tách bạch những nỗi

éo le bí mật của ái tình mà bày cả ra đây thì ký giả xin thưa rằng: nếu những điều quan sát và lý luận kể trên kia là đúng thì lời trách ấy quá nghiêm, nếu mà sai, thì xin biết cho rằng ký giả vì những điều quan sát đó mà chép.

Août 1922
Hoàng Ngọc Phách

CHƯƠNG I

Kỳ nghỉ hè vừa đến, anh em bạn học trong trường Đại học về nghỉ đã gần hết rồi, chỉ những học sinh mới chiếm bảng hay sắp đi thi còn ở lại. Quang cảnh nhà trường lúc đó, có vẻ ủ ê mệt nhọc như người lao động bấy lâu, bây giờ sắp thiu thiu ngủ, tựa bên gốc cây me, hay dưới bóng cây bàng, tránh ánh nắng chang chang mùa hạ. Trong các buồng mới rồi rộn rịp những tiếng cười đùa, những câu tranh luận, bây giờ đã im phăng phắc như đứng thở hơi, mấy bức tường vôi hình như đương thầm thì với nhau những tính tình và cử chỉ của bạn thiếu niên mới về khỏi. Trong những câu chuyện của bức tường, ta chỉ đoán mà không nghe được, chắc điều hay cũng lắm, điều dở cũng nhiều, nhưng cái dở, cái hay đều có vẻ thú, là cái thú của quãng đời niên thiếu ở nhà trường. Buổi thanh niên là buổi hăng hái, lúc trong mình khí huyết bừng bừng, tư tưởng đương như ngọn suối sa vời, chưa định, chắc hy vọng phải to, hy vọng to thì cái dở cái hay, trong khi tính đường cho lên đến hy vọng, phải mạnh như nhau cả.

Ký giả có chút việc riêng phải ở lại trường; lúc sang chơi bên buồng những bạn tân khoa ở thì thấy bạn chí thân của ký giả là Lê Thanh Vân, biệt hiệu là Đạm Thủy, đương soạn hòm để vinh quy, ký giả ngồi xem bạn soạn. Áo quần không sắc gì rực rỡ, chỉ toàn là màu trắng với màu đen, những vật gì cần dùng đến màu thắm thì chỉ thấy màu vàng nhợt và màu da trời, thật có vẻ thanh đạm. Sách vở phần nhiều là thuộc về khoa triết học, đại khái như tâm lý học, luân lý học, như xã hội học của DURKHEIM, Sư phạm khoa của FRÉBOEL và COMPAYRÉ, v.v... và dễ thường đủ những bộ tiểu thuyết trứ danh của BOURGET và BARRÈS.

Bạn tôi thích về những khoa ấy mà cũng đã nổi tiếng trong học đường. Hy vọng của bạn tôi muốn đem những khoa ấy mà so

sánh và tham bác với lý tưởng Á đông rồi lấy quốc văn mà diễn ra một thứ luân lý sư phạm thích hợp với tính tình người Nam Việt.

Về khoa quốc văn thì Đạm Thủy lại có biệt tài, trong học đường, ngoài xã hội đã có nhiều phen đắc thắng.

Các thư từ giấy má thì rất nhiều, để vào trong những phong bì to, cái thì đề "Những điều trông thấy"; cái thì "Ý tưởng của một bọn thiếu niên"; cái thì "Việc năm 1918"; cái thì "Bóng chim tăm cá" v.v... Lúc bạn tôi soạn đến một cái hộp Nhật Bản có khóa, ngoài đề chữ: "Mấy mảnh di tình" thì mặt bạn tôi có vẻ khác. Tôi giơ tay với lấy cái hộp thì bạn giữ lại mà mỉm cười, nói rằng: đừng xem; cái vẻ cười ấy là cười nhách mép, cái cười chạy qua nét buồn, làm cho người ngoài trông thấy cũng am hiểu tình trong có sự bi ai. Ký giả liền hỏi có phải câu chuyện ngày trước anh bảo tôi đi xem đám cưới đó phải không?

Đạm Thủy bảo: phải.

Ký giả nói: Vậy thì hay lắm, anh cứ đưa tôi xem, anh đã hẹn tôi mấy lần sẽ cho tôi biết hết. Nay nhân công việc nhà trường đã rỗi mà chuyện cũng đã qua rồi, vậy tiện đây, anh kể tôi nghe, hoặc tôi chung vui hay chia buồn cùng anh một lúc.

Đạm Thủy vừa soạn hòm vừa nói rằng: Tôi đã trót hẹn với anh thì tôi xin kể, vì anh là chỗ bạn chí thân, nhưng nói ra ai biết tưởng cũng không làm gì, việc riêng của mình thì chỉ để một mình mình hay, một mình mình biết, nói cho ai hay không có ích gì, bắt người ta phải ngồi nghe những câu chuyện riêng của mình, tưởng là dở, mà hà tất phải cần cho ai biết đến tâm sự mình. Tức nhiên có ai thấu hiểu mà rỏ cho mình được một giọt nước mắt, thì nước mắt ấy có mát chỉ mát được một lúc, phương chi đời hay lấy cái ngoại diện mà cả gan kết đoán một việc phát nguyên từ trong những từng đáy bí mật của lòng người.

Ký giả nói: Anh nói vậy thì trách đời cũng khí quá nghiêm khắc một chút. Phàm ở đời những điều gì có thể chuyển động được một người thì tất chuyển động được nhiều người vì lòng nhân loại có những giây cảm giác giống nhau, duy chỉ nhiều, ít khác nhau và cách cảm xúc hơn hay kém: đại khái như người có nghị lực nhiều thì đè được cái nhu cảm mà chôn sâu cái đau đớn của mình; người không có nghị lực thì không đương được những nỗi đau lòng mà thành ra âu sầu ủ dột. Vả lại một câu chuyện bất cứ bởi tính tình bí mật hay bởi

cảnh thế éo le mà xây nên, đã hợp những cái hoạt động của đời lại xếp thành ra một tấn kịch có thể lay chuyển được lòng người là người xem đến, tất hữu ích, chỗ hay có ích về hay, mà chỗ dở cũng làm tránh được cái hại.

– Về phương diện nhân tâm thế sự không phải tôi vội trách đời là nguội lạnh quá đâu, ý tôi muốn nói rằng, phàm trong lòng người ta có một chuyện đau đớn thì cứ để một mình mình biết mà thôi, không cần phải báo ai hay, ta cứ điềm nhiên mà chịu. Lúc đau đớn mà khóc than bi thảm, mà muốn để kẻ khác phàn nàn cho mình một câu thế là người non nớt. Tôi lấy câu thơ VIGNY tiên sinh rằng: "Khóc than, kêu cầu, khấn vái đều là hèn" làm một câu kiệt tác mà giúp sức cho tôi trong lúc bi ai. Vả câu chuyện của tôi cũng như chuyện khác, thuộc về các loại "ái tình" mà thôi.

– Phàm chuyện hay phần nhiều chỉ ái tình cả. Kim Vân Kiều, Tây Sương Ký, Trà Hoa Nữ, Lục Vân Tiên, Mai Nương Lệ Cốt v.v... có tiếng là chuyện hay chẳng qua là một pho tình sử, chép nhặt lấy lúc tan lúc hợp, cái vui, cái buồn, cái yêu cái ghét của loài người mà thôi. Nhưng cái yêu ghét, vui buồn đó để vào trong thứ người cao thượng, đặt ở quãng đường đời éo le, nên khiến người xem đến phải lấy làm cảm, làm hay mà phải phục tính tình người trong cuộc.

Đạm Thủy vừa trả lời thì ký giả lại tiếp nói luôn:

– Thôi, ta thuyết lý mãi cũng vô ích, anh đã hứa kể cho tôi nghe thì xin anh kể đi, dù về sau anh có phải phàn nàn rằng: ta trót nói thật với bạn ta một câu chuyện riêng thì lời phàn nàn đó tức là lòng tử tế của anh đối với tôi rồi.

– Vâng, anh cứ ngồi xem hết cái hộp này, tôi soạn xong hòm sẽ kể hết anh nghe.

Ký giả mở ra xem thấy đầy một hộp thư bỏ vào ba cái phong bì trên đề mấy chữ: "Tố Tâm di bút", ở dưới những phong thư ấy thấy mấy cái khăn thêu, hai chiếc nhẫn vàng, một cái kim vàng đầu đính một đóa hoa lan nhỏ. Còn cái gói giấy khác thì ký giả không mở đến. Lúc ký giả sắp mở thư ra xem, Đạm Thủy đã soạn xong hòm đứng dậy bảo ký giả ra ghế ngoài vườn hoa. Ký giả cầm cả cái hộp mà đi theo bạn.

Lúc ra ngồi ghế, Đạm Thủy hơi cau mặt, hai mắt dòm thẳng ngang trời rồi khoan thai mà nói rằng:

– "Năm đó... tôi vào học trường Cao đẳng được hơn một năm thì về nghỉ tết Nguyên đán ở nhà quê bên tỉnh B, hôm 28 tháng chạp, xuống một ga kia còn phải đi bộ 13, 14 cây số, gặp hôm gió to, đường xấu nên phải xuống xe luôn, áo quần xốc xếch. Lúc đi đến một cái quán kia, mở ví giấy ra biên mấy chữ thì ví đã mất lúc nào rồi, tìm mãi không thấy nhưng biết rằng chỉ mới đánh rơi ở quãng đường này vì lúc xuống ga hãy còn ví. Tôi lấy làm buồn rầu bối rối lắm vì trong ví có nhiều giấy má cần. Kỷ vật quí của tôi không gì bằng mấy tờ giấy và quyển sổ trong ví đó. Lúc đi qua một huyện kia, tôi vào trình quan huyện, một là để mong có ai lượm được đem trả, hai nữa trong ví có nhiều giấy má cần, hình ảnh và danh thiếp, sợ có người lợi dụng đem làm điều phi pháp. Lúc vào công đường, quan huyện tiếp một cách rất nhã. Tôi cũng giữ một lối lễ phép lịch sự của người "vào hầu quan". Quan huyện hỏi tính danh và chức phẩm thì tôi cũng thưa thật là sinh viên ở ban Văn chương một trường Cao đẳng kia... Ngài có ý lấy làm thích vì nghe đâu ngài là một tay khoa cử giỏi văn chương, trước có học qua giáo ban và ở chân giáo thụ ra tri huyện. Ngài hỏi qua về việc học trong trường cao đẳng rồi bàn về Hán học và Quốc văn, về các nhật trình và tạp chí, tôi tiếp chuyện cũng trôi. Ngài có vẻ đắc ý. Ngồi độ nửa giờ, uống nước xong, tôi xin phép ra. Ngài khẩn khoản mà bảo rằng: Thầy cứ về, rồi tôi sức cho tổng lý, có ai bắt được ví giấy phải đem lên nộp. Nếu tìm được tôi sẽ gửi đến tận trường trả thầy. Tôi cảm ơn rồi trở ra.

Quan huyện ra đến bờ hè thì trở vào, tôi chợt trông qua cửa tò vò nhà công đường thấy ở thềm nhà cầu trong tư thất mấy người thiếu nữ, đuôi gà tha thướt, đương xúm nhau lại làm bánh hay bổ cau gì không rõ. Nghe thấy tiếng giầy thì một người ngửng mặt lên nhìn, rồi lại cúi xuống ngay. Tôi nom thoáng hình như đã thấy đâu một vài lần, nhưng lúc đương ngẩn ngơ tiếc cái ví giấy nên không để tâm vào. Lúc lên xe, vẫn ngậm ngùi về cái ví, nhưng còn chút hy vọng là quan huyện sẽ sức cho dân xã, và trong ví không có mấy đồng tiền chỉ nhiều giấy má thì người nhà quê bắt được tất đem trả.

Ra giêng tôi lên học, đương ngồi trong lớp thấy người "gác" vào nói có người nhà, lúc ra đến cửa chỉ thấy có một thằng bé con không quen mặt đứng đó. Tôi chưa kịp hỏi người "gác" thì thằng bé ấy đã hỏi tôi rằng: Bẩm thầy có phải là thầy Vân không?

Tôi bảo phải, mày là người nhà ai? Hỏi gì?

– Thưa thầy, cậu con mời thầy ra chơi.

– Cậu nào?

– Bẩm cậu Tân con ở phố X số nhà 58.

Tôi ngạc nhiên không hiểu là ai hỏi vì không quen cậu Tân ở phố ấy bao giờ. Tôi lại hỏi: cậu mày bảo hỏi ai? Nó nói: hỏi ông Lê Thanh Vân học trường thầy giáo.

Vậy thì chính là mình rồi, tôi vẫn lưỡng lự lại hỏi rằng cậu mày có viết thư không? Nó nói: Bẩm có một mảnh giấy nhưng con bỏ túi lúc chạy đánh rơi đâu không biết.

– Cậu mày học ở đâu?

– Bẩm học ở trường con Tây gần sở ông Bảy.

– Cậu mày con ai?

– Bẩm con bà con.

– Bà nào?

– Bà lớn án con.

– Bà án nào?

– Bẩm con mới đến ở, con cũng chả biết.

Tôi thấy thằng bé này ngơ ngẩn, hỏi không ăn thua, định để ra xem ai hỏi. Tôi nghĩ vậy rồi bảo nó rằng:

– Sáng mai chủ nhật đúng 8 giờ thì tao sẽ ra, chiều hôm nay không ra được.

Thằng bé về, tôi vào lớp nghĩ mãi không biết ai hỏi chuyện gì, nhưng sắp có giờ học, chỉ mong cho đến sáng mai. Tôi đi hỏi mấy người bạn cùng ở phố ấy xem nhà 58 là nhà ai, thì chỉ thấy bọn họ dòm nhau mà cười, tôi ngạc nhiên lắm. Tôi hỏi người bạn cũng hơi hơi thân, thường anh em vẫn gọi đùa là "Thổ công thành phố" thì bạn đó cũng cười mà nói: "58" mà không biết nhà ai à? Hay bác lại hỏi dò tôi đấy? Tôi chợt nhớ đến tiếng "58" thường nghe nói luôn, nhưng tôi không để ý mấy. Thấy các bạn có ý cợt mình như vậy, thì không hỏi ai nữa, định chờ đến sáng mai.

Sáng chủ nhật quần áo chỉnh tề đi ra. Đến đầu phố X.. thì tôi đỗ xe xuống, đi bộ dần dần xem số nhà, đến số 58 thì ra nhà ấy là một nhà quen mắt ở phố này, ngoài có bán hàng tấm, trông vào trong thấy câu đối khảm, câu đối thêu, trên bức tường giữa có treo

bức hoành sơn son đã hơi cũ, đề bốn chữ “Kiều mộc thế thần” [1]. Đồ bày thì cũng tủ chè khảm, ghế bành tàu, nom ra quang cảnh một nhà hưu quan [2] ở thành phố. Tôi tự bảo, hẳn đây là nhà “bà lớn án” nên chỉ hỏi qua ngoài cửa rồi đi thẳng vào nhà. Đến cửa thấy một người thiếu nữ với một cậu bé con ngồi ở trường kỷ để sát tường cùng nhau đương xem một quyển sách gì không biết, thấy tôi đến, cô thiếu nữ chạy vào nhà trong, tôi trông thoáng hình như người mà tôi đã thấy ở huyện nọ, nên nghĩ ngay ra chuyện mất ví hôm xưa. Lúc ấy tôi không được xem rõ mặt là bởi tôi theo lối giao thiệp, vào nhà lạ tôi không muốn nhìn mặt con gái đàn bà, nhưng lúc nàng cất cái mình manh mảnh đi vào nhà, tay hất cái đuôi gà ra sau vai, và dém mái tóc lại, phô ra hai cái vẻ tương phản ở chỗ đám tóc đen tỏa trên cái gáy trắng, tôi trông thật có vẻ yểu điệu của một vị giai nhân. Cảnh tượng ấy làm cho tôi hiểu những vẻ cười của bạn hôm trước.

Cậu bé độ chừng 15, 16 tuổi người cũng manh mảnh, mặt trắng da nhỏ, mặc tây phục bằng dạ tím, cổ áo có đính hai cành lá bằng kim tuyến nom rõ là cậu bé học “lyxê” [3], nhưng đây là một thứ bé con ngoan, ít nói mà lễ phép.

Cậu bé mời tôi ngồi, tôi đoán chắc là cậu Tân, tôi nói rằng:

– Hôm qua có thằng bé vào trường bảo tôi ra chơi cậu hỏi chuyện, chắc trong giấy cậu có nói rõ, nhưng thằng bé đánh rơi mất giấy, nên tôi vội ra hỏi lại cậu.

Cậu Tân nói:

– Vâng, chú Huyện tôi bảo rằng năm ngoái ông đánh rơi ví giấy, vào trình ở huyện chú tôi. Vừa rồi có người lý trưởng đem lên nộp, vậy chú tôi bảo đem trả ông.

Nói xong, mở cái tráp khảm con để ở bàn lấy ví đưa cho tôi, ví bọc lại và niêm phong cẩn thận, tôi rất làm mừng, nhưng cứ điềm nhiên mà cầm lấy, vội gửi lời về cảm tạ quan Huyện và cảm công cậu em mang hộ lên đây. Lúc tôi cầm ví xong, cậu Tân mời uống nước thì thấy một bà cụ ở trên gác xuống, già trạc 48, 49 tuổi, người đậm đà

1. *Kiều mộc thế thần:* bức hoành sơn ở những nhà quyền quý (kiều là một cây cao lớn, lá ngửa lên trời).

2. *Hưu quan:* quan đã về hưu.

3. *Lyxê:* trường trung học có đến lớp Tú tài, lúc đầu dành cho trẻ em Pháp ở Đông Dương.

mà khổ mặt hơi rộng. Tôi đoán là bà Án nên đứng dậy chào. Bà cụ ngồi xuống một cái ghế bành mở tráp lấy thuốc lá hút, lấy khăn lau hai bên mép, lấy một tí sáp bôi vào môi, nom ra còn quan cách lắm. Bà cụ mời tôi uống nước và hỏi chuyện về quê quán cùng gia thân tôi, tôi nói thật cả thì bà cụ bảo có biết gia quyến tôi. Bà Án lại hỏi về việc học, hỏi có quen cậu X. ở cùng phố, cậu V. con quan tuần Lang, cậu C. cháu cụ Thượng Trần v.v... cùng học trường Cao đẳng. Bà cụ nói cả đến việc học của cậu Tân và nói cậu bé mới được phần thưởng nhiều. Tôi xem chuyện đã khá lâu nên xin về, bà Án nói rằng:

– Thỉnh thoảng thầy ra chơi với em.

Câu nói có giọng đằm thắm, không biết là câu đưa đẩy, hay bởi lòng tốt yêu học trò đi học xa nhà. Lúc đi ra tôi ngó vào một cái bàn con để toàn nhật trình [1] và tạp chí, thấy quyển tiểu thuyết của tôi xuất bản đã xộc xệch rách hết bìa ngoài, hình như đã có người xem nhiều lần lắm. Ra đến cửa cậu bé chào và nói rằng:

– Chúng tôi tuy mới được tiếp ông hôm nay nhưng vẫn biết tiếng ông, văn thơ của ông chúng tôi thích xem lắm. Nay gặp ông đây lấy làm hân hạnh, thật là không hẹn mà nên, từ đây mong được thừa tiếp ông luôn, vậy thứ năm này ông có thư thả mời ông quá bộ ra chơi.

Tôi cảm ơn bắt tay cậu bé tự nghĩ rằng cậu bé này còn ít tuổi mà nói năng gọn gàng văn hoa lắm, không biết nghĩ sẵn hay một câu giao thiệp đã dùng quen.

Chiều thứ năm tôi ra đã thấy cậu bé đi xe đạp đến chực ở cửa trường, thấy tôi cậu vội hỏi ngay rằng:

– Hôm nọ tôi quên thưa chuyện với ông rằng chú tôi dặn hễ khi ông nhận được ví thì viết thư cho chú tôi biết vì chú tôi sợ bỏ quên thất lạc đi chăng.

Tôi nói:

– Tôi đã viết thư cảm ơn quan lớn rồi.

Hai chúng tôi cùng đi bộ ra đến bờ hồ thì cậu bé mời tôi lại nhà chơi, tôi có ý ngần ngại vì mới quen mà chơi luôn bất tiện, nhưng xem cậu bé có ý yêu tôi lắm, cách ăn nói chào mời tỏ ra một thứ quyến luyến tự nhiên của trẻ con lúc yêu một người hơn tuổi; tôi

---

1. *Nhật trình:* báo hàng ngày.

nể lời cậu bé mà vào chơi nhà. Lúc đó nhà vắng cả. Ngồi nói chuyện uống nước, cậu Tân đem sách nhà trường cho tôi xem, cậu ấy học đã khá lắm. Xong chuyện học thì cậu đem tôi đi xem tranh vẽ và các bức ảnh treo. Nghe lời bình phẩm, cậu bé hiểu tôi có biết chụp ảnh, cậu lên gác, mang hòm ảnh xuống cho tôi xem. Lúc cậu Tân lên gác, tôi nhân đứng bên bàn để các báo cầm một quyển tạp chí xem, giở ngay vào trang có văn tôi đăng năm trước, nhiều dòng có nét bút chì gạch đánh dấu. Mở một quyển nữa tôi tìm đến những bài thơ của tôi. Bên bài "Vịnh cảnh Sầm Sơn" có chữ đàn bà viết bằng bút chì, chữ viết nhỏ quá mà dấu tay cầm đã mờ đi chỉ nhìn rõ mấy câu rằng: "Đem non nước ấy vẽ thành bức tranh vân cẩu ngọn bút kia". Bên bài "Chơi thuyền Hồ Tây" thấy mấy chữ phê "lai láng văn như sóng mấy từng" *còn ở những bài khác của tôi cũng có chữ đề nhưng không trông rõ. Tôi đương có ý nhìn kỹ, thì cậu Tân mang hòm ảnh xuống, mở cho* tôi xem, tôi giảng cho cậu em nghe các hạng ống kính và mỹ thuật trong cách làm ảnh, cậu Tân lấy làm thích lắm, vì cậu chỉ thích chơi ảnh và đàn "vi ô lông" (violon).

Đương nói chuyện thì người thiếu nữ đi ra, thoạt có dáng e lệ nhưng lại giữ ngay vẻ tự nhiên như không, không phải như một vài hạng thiếu nữ khác, hễ thấy người lạ, nhất là thấy bạn tu my [1] thì đỏ má, cau mày, luống cuống, ngảnh mặt đi tỏ ra là ta định ý không nhìn, cái vẻ không tự nhiên ấy dù mình làm ra nghiêm chỉnh thế nào cũng tỏ rằng người lạ đứng trước mặt mình đó làm động đến cảm giác của mình, thế có phải là không muốn phô tính tình của mình ra mà thành người ta biết, ấy cũng là một chỗ yếu của lòng nữ nhi. Tôi nom khuôn mặt người thiếu nữ với cậu Tân thì biết ngay là chị em ruột cùng một nước da rất nhỏ, cùng một khuôn mặt trái xoan, nhưng ở người chị là nữ nhi nên tay thợ tạo có sắc sảo mà dịu dàng hơn một chút: cái đường mũi hơi cao cao mà nhỏ thẳng xuống cái miệng xinh xinh, viền hai đường môi mỏng và thăm thắm, tạc ra cái vẻ mặt rất thanh tao tinh xảo, nhưng trên cái khuôn mặt mơn mởn tơ đào đó có một vẻ buồn cao xa kín đáo bởi ở nơi con mắt trong mà lại lờ đờ, tức là thứ mắt của người có tư tưởng mà hay mơ màng những chuyện viển vông. Cái khuôn mặt thiên nhiên đó để trên một tấm thân manh mảnh cao làm cho tôi bấy giờ mới trông thấy thứ đẹp thanh tú tĩnh mạc có cái vẻ thiêng liêng.

1. *Bạn tu my:* bạn râu mày, tức bạn giai.

Lạ cho nhan sắc ở đời có thứ đẹp nồng nàn làm cho người ta ham muốn; có thứ đẹp thanh đạm làm cho người ta kính yêu như một bức nữ thần treo ở các nhà đạo giáo.

Người thiếu nữ ra ngoài cửa hàng một lúc rồi lại vào nhà trong, một lúc lại ra soạn trong tủ chè lấy bao chè mới đưa cho thằng nhỏ.

Tôi vẫn ngồi điềm nhiên nói chuyện với cậu bé, chuyện lân la mà biết được nhà chỉ có ba người, bà cụ, cô chị, và cậu em.

Lúc tôi ở đó ra về, lại chơi nhà người bạn cùng ở một phố, hỏi dò mới biết là nhà quan Án Nguyễn T. ngài mất về bệnh thổ huyết đã năm năm nay, ngài được hai con, một gái, một trai, người con gái năm nay 20 tuổi gọi là cô Lan hay là Nguyễn Thị Xuân Lan, tức là người thiếu nữ tôi nói chuyện, người con trai còn bé tức là cậu Tân, học lớp ba trường "ly xê".

Cô Lan là con gái đẹp nhất phố, có tiếng là người văn hoa, mà lại giỏi nghề thêu thùa, bánh trái, nhưng phải tính hơi kiêu một chút, cách cư xử, ăn nói, tiếp đãi thì rất lễ phép dịu dàng nhưng vẫn ngụ một cái ý ngạo đời. Cô ta lúc bé học chữ Nho; đến 15 tuổi, lúc quan Án mất, bà Án về Hà Nội, cô Lan đi học chữ Tây lấy được bằng Sơ học thì ở nhà buôn bán.

Từ lúc bà Án về Hà Nội, chung vốn buôn tơ lụa, gia tư cũng khá, có nhà ở phố, có ruộng ở quê, một cái ấp độ chừng vài trăm mẫu, nhưng bà khí vô tâm một chút mà cũng nản việc đời, nhà cửa ít khi trông nom, giao cả cho cô Lan coi sóc, còn bà lúc chùa Hương, khi đền Kiếp, thỉnh thoảng lại thưởng mấy cuộc tổ tôm mà tiêu dao cùng tuế nguyệt [1] vì bà hay đau yếu luôn. Quan Án còn có một người em đương làm Tri huyện ở tỉnh B. (tức là quan Huyện tôi đến trình mất ví ngày nọ). Cô Lan với cậu Tân thường hay sang chơi bên Huyện. Nhà quan Án cũng thịnh nên hai người con thông minh mà tính nết hiền hậu cả.

Từ đó trở đi, chủ nhật, thứ năm nào tôi cũng đến chơi nhà cậu Tân, một là cái ơn trả ví, hai là bởi lòng cậu bé rất quyến luyến tôi, thường cứ đem hòm ảnh bắt tôi đi chụp các chỗ thắng cảnh ở hương thôn, ba là lòng tự nhiên cứ thích đến đó, hễ chủ nhật nào không đến là không yên, mà những lúc đi ra chơi, thế nào cũng phải đi qua

---

1. *Tuế nguyệt:* năm, tháng.

cửa một lượt. Tôi đến lắm thành thân, lúc rửa ảnh, lúc hòa đàn, lúc giảng sách, chả mấy chốc mà thành ra một ông giáo dạy tư.

Bà Án thấy thế vui lòng lắm mà rất quý tôi, tôi nói đến đây chắc anh mỉm cười mà hỏi rằng:

– Thế thì cô Lan ra làm sao? Vâng, cô Lan, cô Lan tôi xin kể nốt anh nghe, bây giờ mới đến giờ thú tội, giờ đau đớn của tôi đây.

Khi tôi đã quen biết nhà bà Án như vậy thì cô Lan cũng lấy chuyện tôi đến chơi là thường mà cũng coi tôi như một người anh hay người bạn, thường vẫn ra ngồi tiếp chuyện tôi luôn, rất thích nghe tôi thuyết lý và bình phẩm văn chương, vì cô Lan thích Quốc văn lắm. Những văn thơ nàng làm thường đem cho tôi xem và nhờ tôi chỉnh đốn lại.

Bao nhiêu những tản văn, vận văn [1] của tôi nàng cũng mượn xem không sót quyển nào.

Thơ của nàng còn non nhưng cũng có câu được, tôi còn nhớ mấy câu tôi đọc anh nghe, anh có thể hiểu qua được hồn thơ và tính tình của nàng.

Thơ tả tình có câu:

Phận liễu dám nguôi lòng sớm tối
Tơ đào riêng thẹn mặt non sông

Thơ đề ảnh: (ngồi xem sách)

Tựa mình bên án xem người cổ
Ẩn bóng trong gương ngẫm chuyện đời

Bài "Cảm tác" có câu rằng:

Trên đời nào biết ai tri kỷ?
Chung thủy bên mình chiếc bóng theo

Tả cảnh có câu:

Ác tà tha thướt gác non tây
Phơn phớt mầu đào nhuộm áng mây
Thẳng cánh đàn chim bay nháo nhác
Cỏ về quê nội bảo ai hay

---

1. *Tản văn, vận văn:* văn xuôi, văn vần.

Giữa dòng nước chảy mông mênh
Bên sườn núi biếc treo tranh ác tà [1]
Cánh bèo, tầu lá, đài hoa
Chảy theo dòng đục biết là đi đâu?
Giang san ai nhuộm vẻ sầu
Con sông chảy thẳng nhịp cầu bắc ngang

Chiều chiều đứng tựa gốc cây
Trông chim bay liệng trông mây lưng trời
Trông xa, xa tít, xa vời
Những non cùng nước, những đồi cùng cây

Mấy bài tả cảnh này nàng viết lúc quan Án làm quan ở tỉnh thượng du, nàng ở lâu chỗ "xa nhân công, gần tạo vật", trừ những lúc chơi đùa với chị em trong nhà, cả ngày chỉ "những non cùng nước, những đồi cùng cây" mà vơ vẩn ngắm "mây bay chim liệng", người đã thiên về tình cảm, lại để vào chỗ phong cảnh đìu hiu, thành ra tinh thần cũng phảng phất mơ màng như mây xanh lơ lửng giữa trời, như ánh vàng tha thướt đầu non vậy. Hoàn cảnh ấy không khỏi có ảnh hưởng về tính tình nàng sau này. Và những người sinh trưởng ở chỗ cao sơn lưu thủy [2], thường hay có những cảm giác viển vông. Điều đó xét trong lịch sử với địa dư không phải là việc lạ.

Những bài thơ của nàng đại khái cũng thế cả, nhưng giọng còn bi ai hơn nhiều.

Văn chương đàn bà ta bây giờ phần nhiều thuộc về lối rất bi ai, réo rắt, bởi nhu cảm thái đa [3], thành tinh thần nhược bại, nên lúc hạ ngọn bút viết là thở giọng sầu, tự trong lòng mà ra cũng có, mà chịu ảnh hưởng ở ngoài phần nhiều.

Tôi xem như tính tình cô Lan về sau này, tôi biết đàn bà hay chịu ảnh hưởng nhiều lắm.

Tôi hỏi nàng tập làm văn từ bao giờ và làm thế nào thì nàng nói rằng nàng vẫn sở thích Quốc văn từ bé; nhưng không có ai dạy cả, theo hùa chị em bạn, nàng chỉ xem các tạp chí và các

---

1. *Ác tà:* mặt trời lặn.
2. *Cao sơn lưu thủy:* núi cao, nước chảy, nơi thắng cảnh.
3. *Nhu cảm thái đa:* quá nhiều tình cảm yếu đuối.

sách xuất bản, thấy câu nào hay thì chép vào một quyển sổ con, nàng đọc luôn đến thuộc lòng mà bao giờ cái giọng văn cũng phảng phất bên tai. Nhưng cái hay của nàng là cái giọng thơ nỉ non giéo giắt, giọng càng buồn bao nhiêu càng thích bấy nhiêu. Nàng ít thích về ý mà lắm khi cũng không hiểu ý nữa. Thế rồi nàng cứ góp nhặt những câu làm sẵn, như "liễu ủ hoa sầu", "năm canh giọt lệ" v.v... Chắp bốn chữ sẵn làm đoạn trên, ba chữ thêm làm đoạn dưới, thành câu thơ bảy chữ, hễ hợp vào cảnh hay tình mình tả, thế là thơ của mình, cho nên cảnh mùa hè mà cũng "sương sa gió thổi", đất Nam Việt mà cũng "tuyết phủ mây mờ"; những bài thơ nàng làm ra như vậy đọc lên nàng nghe lấy làm thích lắm, mà giọng đó cứ vơ vẩn luôn trong óc, hễ trong lòng có một tí gì hơi buồn đem ngâm lên tự thấy tinh thần có một thứ cảm giác phảng phất bát ngát vô cùng. Về sau, lúc các báo công kích thứ văn "bi ai vô nghĩa" thì nàng bỏ lối thơ này.

Nhân lại được ông cậu giỏi Quốc văn dạy nàng viết văn luận thuyết và làm lối thơ chuộng ý hơn tứ, bắt nàng tự đặt lấy câu, tự nghĩ lấy tứ, mà hết sức tránh những sáo cũ. Từ độ ấy thì nàng viết lối văn này, nhưng lối cũ đã tiêm nhiễm từ xưa nên còn vướng lại.

Tôi thấy nàng có ý thích văn luận thuyết nên thường tôi hay đem những ý tưởng tân học mà giảng cho nàng nghe, nàng cũng hiểu Tư chất nàng rất tốt mà ý tưởng cũng cao.

Một hôm tôi bảo nàng cắt nghĩa câu: "Đàn bà sở dĩ quí là tại đàn bà là đàn bà" để xem lối quất quéo này nàng có hiểu không. Nàng không phải nghĩ, trả lời gọn gàng rằng:

– Người ta sở dĩ quý đàn bà là bởi từ tâm, bởi những vẻ yểu điệu dịu dàng của Hóa công ban riêng cho bên phụ nữ.

Nhiều khi tôi hỏi nàng một vài ý kiến về tâm lý và luân lý, có lắm câu trả lời tôi lấy làm ngạc nhiên, nên nàng giúp tôi được nhiều điều trong việc quan sát về tính tình và giáo dục phụ nữ.

Từ đó, tôi với nàng thường hay đàm luận về văn chương, thế sự.

Nàng nhờ tôi đặt hộ hai chữ biệt hiệu để khi ký tên cho tiện. Nhân tên nàng là Lan, tôi tặng hai chữ "Tố Tâm" [1] nàng lấy làm vui mừng lắm.

---

1. Các loại lan có thứ gọi là lan Tố Tâm, trong lòng hoa trắng. (Chú thích của tác giả).

Tôi xem chừng nàng quyến luyến tôi lắm, đã có khi nói đến việc nhà. Nàng thấy cậu em gọi tôi bằng anh thì nàng cũng gọi vậy, nên tôi gọi nàng bằng em cho tiện. Hai bên tuy không nói ra mà định nhận là anh em, lấy tình bè bạn ra mà đối đãi.

CHƯƠNG II

Cuộc ái ân thân mật phát nguyên là thế, mà về sau luyến ái cho đến xảy ra một tấn bi kịch. Trong cuộc ái ân đó từ lúc phát nguyên cho đến lúc kết quả có thể chia ra làm hai hồi, tính tình hơi khác nhau.

Hồi thứ nhất là lúc hai bên yêu nhau mà vẫn phân vân e lệ, chưa biết tình yêu đó là thứ tình gì, chỉ biết quấn quít nhau trò chuyện, mà xa nhau thì nhớ, vắng nhau thì buồn, nhưng cái buồn cái nhớ đó còn phảng phất như anh nhớ em, bố mẹ nhớ con, bạn bè nhớ nhau mà thôi, chưa có cái nồng nàn nam nữ nhớ nhau vậy.

Hồi này là hồi những cử chỉ bề ngoài cho đến tính tình trong dạ lúc nào cũng ở trong vòng huynh đệ. Dù trong lòng có khi lửa tình chợt nhóm cũng phải nén xuống ngay mà không dám để lộ cho nhau biết. Hai bên cùng giữ ý như cách nhau một bức tường ngăn, chắc hai bên cũng có lúc muốn trèo qua tường mà không bên nào dám, nàng thì còn e mình là con nhà nền nếp, vả phận đào tơ phải giữ ngọc gìn vàng. Còn tôi là nam nhi thì xử sự có được tự do hơn một tí, vả xưa nay con giai tỏ tình yêu con gái một cách chính đính thì cũng là lẽ thường, nhưng nghĩ mình bởi đến chơi nhà nàng mà quen, chứ không phải là hai bên tương ngộ, vả tôi đã yêu nàng lắm, trong óc đã nảy ra lắm chuyện mơ màng, nhưng vẫn sợ cái lòng tin cẩn của bà Án và lòng quyến luyến của cậu em. Đành rằng yêu một người thiếu nữ để mà yêu, mà quý, mà làm một người tri kỷ, không có một tí manh tâm nào là một việc thường của người thiếu niên, nhưng trong lương tâm tôi vẫn có cái e lệ tự nhiên, và lúc đó tôi còn thích làm một ông anh, trong lòng có một cái thú của người thích điều quảng đại đem lòng nam tử mà che chở cho một người yếu ớt hơn mình.

Tuy nhiên, trong lòng tôi dần dần cứ thấy ái tình lấn mãi, tôi đoán trước rằng có một ngày kia nó chiếm hết lòng tôi, vì tôi cứ nghĩ đến nàng luôn, thứ nhất những lúc đêm nằm chưa ngủ hay lúc sáng

sớm mới mở mắt ra, những lúc chiều giời mát mẻ hay là đêm vắng giăng trong, ngồi tưởng tượng ra những cảnh mơ màng của hai người yêu nhau đương vơ vẩn ở chỗ cao sơn lưu thủy, những điều tưởng tượng đó làm cho tôi thêm hớn hở khát khao. Theo tâm lý, tôi vẫn hiểu rằng trí tưởng tượng làm cho lòng mê thêm mạnh, thế mà hễ nghĩ đến nàng tôi không thể đừng bày ra một thế giới bào ảnh [1], cho nên giời êm cảnh đẹp hay gợi lòng người trong cuộc ái tình, thứ nhất cho những người lòng đã thiên về tình cảm, lại sẵn có thứ óc văn chương, hồn thơ lãi láng. Tôi cũng vì sẵn thứ tính tình ấy nên mới vướng vào cuộc ái tình này. Những điều tôi nói với anh là do việc có chứng cớ hiển nhiên đã thí nghiệm rồi, đem so vào lý luận, chứ không làm lối thuyết lý trống không, như cách bắn súng chỉ thiên, không tựa vào sự thực nào cả.

Tôi yêu nàng như vậy mà tôi vẫn giữ được kín, có nhẽ tại tôi là con giai, lại tự mình hiểu được việc mình làm nên cử chỉ điềm nhiên. Hay có nhẽ mắt quan sát của nàng không thể tách bạch được điều vô ý tôi thổ lộ ra trong lúc trò chuyện, còn nàng thì cũng yêu tôi lắm nhưng nàng không che kín được như tôi, nhiều khi nàng vẩn vơ bối rối hiện ra ngoài, mà lúc hiện tình đó không thể thoát được con mắt tôi. Tôi lại hay gợi những cảm giác bất kỳ mà hỏi nàng xem có thực yêu tôi không, vì xét tính tình thì xét lúc bất kỳ đó dễ hơn cả. Đại khái những lúc tôi đến gặp nàng đang cúi đầu ngồi thêu, chẻ dưa hay xem sách, bất thình lình ngửng lên thấy tôi thì nàng có vẻ khác, có một tia mừng tự trong tâm chạy lên mặt thoáng qua hai con mắt và đôi gò má. Tia mừng ấy không ai ngăn được, thứ mừng này là mừng của đôi nam nữ yêu nhau được trông thấy mặt nhau, thứ mừng nó làm cho quả tim đập một lúc.

Những lúc tôi đến, nàng săn sóc, chạy vào chạy ra có vẻ hớn hở như một đứa trẻ thấy đám rước sắp đến hay nhà mua vật gì đẹp mới mang về.

Nàng pha nước tôi uống, lấy giầu tôi ăn, mà bắt tôi phải ăn miếng giầu nàng đưa mới nghe. Câu hỏi thứ nhất là:

– Độ này anh có mạnh không? Có hay sốt nữa không?

Nàng săn sóc sức khỏe tôi lắm. Câu thứ hai là:

– *Anh có viết được bài nào hay không?*

---

1. *Thế giới bào ảnh* (*bào*: bọt, *ảnh*: bóng): thế giới hư ảo, tưởng tượng.

Nhưng câu hỏi này có khi tôi biết là nàng hỏi lấy lệ cho có câu truyện văn chương cho người chung quanh khỏi để ý, vì người ở đó cũng đông, trừ ra bà Án với ba chúng tôi còn người bán hàng và tôi tớ trong nhà nữa. Nhà có một con vú, nửa con đỏ mà nửa vú già, người béo trắng và thâm thấp, đôi con mắt bé mà sắc, nói thì bao giờ nó cũng cười. Nhiều khi Tố Tâm mắng và tôi làm nghiêm mà nó cũng không bỏ hết tính nhí nhảnh ấy. Một hôm Tố Tâm đương nói chuyện với tôi thì chạy vào nhà trong có chút việc. Khi nàng đi khỏi, con vú đứng đó nói với tôi rằng:

– Lúc nãy chị con kêu sốt, váng đầu, hỏi không buồn nói, mà bây giờ đã chuyện như pháo ran.

Tôi đoán là con vú nó hiểu ý, nhưng tôi làm ngơ không giả lời. Con vú này là một thứ vú tinh ranh, ở vào những nhà lắm thiếu nữ thì nó lấy được nhiều tiền của khách "tường đông nghé mắt". Nhưng câu nó nói đây là nói thật mà làm cho tôi biết tính tình của Tố Tâm lúc bấy giờ. Nàng thích nói chuyện với tôi lắm, tôi đến bao giờ cũng ngồi nói chuyện thật lâu, hết văn chương đến luân lý, hết luân lý đến chuyện đời, có khi nói đến chuyện vẩn vơ đâu, thành ra lắm lúc quý hồ có câu chuyện mà nói với tôi là nàng vui lòng.

Nhiều lúc ngồi lâu quá thì nàng giục tôi về kẻo quá giờ vào trường, mà chính nàng lại tìm cách lưu tôi lại, được một vài phút cũng lưu. Đại khái như là tôi đứng dậy cầm mũ thì nàng bảo để cho người đi gọi xe đã, có khi đến mười lăm phút mà không thấy xe. Tôi ra về thì nàng lại hỏi một câu chuyện gì đó, bắt tôi phải cắt nghĩa, hay tôi có nhờ mua hoặc làm hộ cái gì thì đợi lúc tôi ra về nàng mới hỏi lại. Thành ra từ lúc chuyển về đến lúc ra cửa có khi hàng giờ đồng hồ, nhưng tôi tự biết rằng dùng dằng như vậy cũng tại tôi một nửa. Khi tôi ngồi lâu thì sốt ruột, nhưng lúc đứng lên cầm mũ thì lại muốn ngồi thêm, hình như tiếc mà không dứt về được, cho nên nhiều lần chủ nhật và thứ năm cũng trôi vào trong câu chuyện kéo dài đó.

Bức tường ngăn càng ngày càng thấy lở dần. Lắm lúc tôi thấy lý thuyết của tôi nghĩ ra để giữ bức tường ấy được vững bền thì thường lại bị lý thuyết khác của lòng đánh đổ. Nhiều khi tôi làm việc gì khí quá bạo thì tôi lại tìm ngay được lẽ phải mà tự thứ lỗi cho mình. Tôi chắc lòng nàng cũng như vậy, nhưng nàng không dám lấn mạnh như tôi vì tính tình đàn bà thuộc về thế thủ. Tuy

vậy, nàng che kín đến đâu cũng lộ vì những lối quấn quít, những dáng điệu vô tình, những câu vô ý, những lúc hai mắt nàng nhìn tôi có một ý nghĩa riêng mà nàng không biết, đủ làm cho tôi hiểu thấu tâm can. Lắm khi trong hai con mắt nàng nhìn tôi có vẻ thiết tha hình như kêu van tôi ngỏ lời trước đi cho nàng được thỏa, mà chắc lắm lúc trong con mắt tôi cũng kêu van nàng đừng làm cho tôi một ngày kia phải thú tội với nàng.

Dây liên lạc càng ngày càng chặt, tình thân ái ngày càng thổ lộ ra, không lẽ phải nào ngăn lại nữa. Ôi! "Lòng người ta có những điều phải mà chính lẽ phải không biết đến được".

Một hôm nàng nhờ tôi vẽ kiểu thêu khăn tay, tôi ngồi bàn vẽ thì nàng cũng ngồi xem, cậu em ngồi bên cạnh. Trong khi đang mải vẽ thì tôi thấy chân tôi hình như vật gì đè lên, nhân cái tẩy rơi, tôi cúi xuống nhặt thì thấy bàn chân nàng đè lên giầy tây tôi. Tôi biết, vậy mà không dám co chân lại, sợ nàng chợt biết thì ngượng cho nàng chăng. Tôi chắc nàng vô tình tự nhiên mà để chân như vậy nhưng điều vô tình đó là cái biểu hiện của cái hữu tình trong lòng nàng mà chính nàng cũng không biết. Tôi hiểu ngay là ái tình nàng đã mạnh lắm rồi. Tôi thấy tính tình nàng như vậy, tôi nửa vui nửa buồn. Cái vui thì chả nói anh cũng hiểu, thứ vui vị kỷ đã chiếm được lòng một người nữ nhi, còn cái buồn thì do ở lương tâm mà ra. Tôi sợ cuộc ái ân này về sau làm lụy đến nàng, làm cho nàng chịu những điều đau đớn, vì tôi không thể tính cuộc trăm năm với nàng, mà chắc nàng chưa biết đến câu chuyện đó.

Hẳn anh đã biết rằng gia thân tôi đã định cho tôi một nơi, đi lại đã ba năm nay rồi, chỉ đợi khi tôi xong công việc nhà trường thì lo bề gia thất. Nơi này thì không khi nào xê xích đi được, một là nhà cố hữu với gia thân tôi, hai là gia pháp nhà tôi còn nghiêm nhặt lắm, tình gia quyến tôi rất mạnh, gia đình đối với tôi có một nghĩa thiêng liêng làm cho tôi yêu kính, cho nên phàm những việc gì thuộc về gia quyến cũng đều có vẻ thiêng liêng cả.

Tôi nói vậy chắc anh cho tôi là người không chính đính, đã định bề gia thất rồi mà còn đem lòng yêu riêng một người thiếu nữ nữa. Nhưng anh ơi! Nếu thật anh nghĩ như vậy thì anh không xét cái bí mật của lòng con người ta. Tôi xin tỏ anh rõ, tôi đối với người mà nhà đã định cho đó chỉ kính mà chưa yêu, vì tôi chưa biết tính tình mà đến dung nhan cũng chưa được nhìn rõ, và lòng kính đó là

do cái kính đối với gia quyến mà ra. Tôi coi người sẽ tính cuộc trăm năm kia như một bảo vật của nhà sẽ ban cho tôi, chứ trong lòng tôi chưa thấy cái gì là yêu cả, tôi coi như một người lạ vậy. Còn Tố Tâm là tự tôi biết người, biết mặt, biết cả tấm lòng, lại hợp tâm trí với tôi, ở gần tôi mà tỏ tình quyến luyến thì tài nào mà lòng tôi không thiên về nàng.

Một đôi trai gái quen nhau, hợp tính tình nhau mà lòng chưa vướng nơi nào cả, lại để gần nhau luôn mà chuyện trò thăm hỏi thì không sao khỏi sinh tình luyến ái được. Dù muốn nhận là anh em hay bè bạn, muốn nói những thứ tình viển vông đâu cũng là ảo tưởng cả. Duy cái cao thượng chỉ ở trong tình luyến ái vật chất hay tinh thần. Lúc đã yêu nhau rồi thì khó mà ngăn lại được. Túng nhiên, anh có quá nghiêm mà hỏi tôi rằng tại sao người bảo yêu không yêu, người không cho phép yêu lại cứ yêu. Điều đó thì tôi cũng nhờ anh và những người tự xưng là đạo đức giảng hộ cái nỗi éo le này. Theo ý tôi thì tôi chỉ nói rằng: tại Hóa công nặn lòng người ra như vậy. Chắc ai đã biết yêu qua, đã bị quả tim một lần làm thổn thức thì cũng nghĩ như tôi, còn ý những người chưa được yêu ai mà cũng chưa ai yêu đến thì nghĩ thế nào tôi cũng không hiểu.

Nói tóm lại thì cái yêu cái ghét chính ở trong lòng người ta mà hình như ở đâu đưa đến ta không thể bảo được, mà cũng không ai bảo được, ai bảo được tôi xin gọi là ông Tạo hóa con, cho nên đã yêu là yêu, đã ghét là ghét, lắm lúc muốn lấy lại tấm lòng mà không được, có lúc biết điều phiền mà vẫn bắt mình làm. Ôi nhân tâm! Ôi tạo vật! Nhờ ai giải hộ cái yêu cái ghét ở đời cho lòng người ta lắm khi khỏi vì yêu ghét mà sướng khổ.

Tình thế của tôi như vậy, lòng tôi đương rất yêu nàng mà nhẽ phải lại khiến tôi quên nàng, bắt tôi phải làm cho nàng cũng đừng yêu tôi nữa để tránh cho nàng một điều phiền lụy về sau. Vâng thì tôi cũng đành theo nhẽ phải, nhưng xét cho kỹ thì bởi lòng tôi yêu nàng một cách rất chân thật thủy chung nên tâm với trí tôi mới đánh nhau cả ngày như vậy. Tôi quyết viết cho nàng một bức thư nói với nàng rằng đến chủ nhật này tôi về thăm nhạc gia [1] tôi có việc, để nàng hiểu ý là tôi đã định bề gia thất rồi, chắc nàng thất vọng mà tìm cách xa dần tôi. Tôi viết rồi lại xé, dùng dằng đến ba lần mới

---

1. *Nhạc gia:* gia đình bên vợ.

xong bức thư. Lúc đưa thằng bé mang đi rồi, tôi lại muốn chạy theo mà gọi lại. Thằng bé đi khỏi tôi ôm đầu ngồi đến hàng giờ. Lòng người ta cũng kỳ quặc thật.

Cách mấy hôm sau tôi nhận được thư nàng, cầm lấy thư không dám bóc, tưởng như là một bức thư từ biệt mà sợ, lúc xé thư ra xem, chỉ có mấy câu rằng:

Kính gửi anh Đạm Thủy,

Thưa anh, em tiếp được thư anh, em lấy làm vui mừng lắm, nhưng thấy chữ mà chẳng thấy người. Thứ năm này xin mời anh ra chơi, em mấy hôm nay hơi khó ở.

Kính chúc anh về nhà được mạnh, quý quyến bình an.

Xem xong thư tôi không hiểu tính tình nàng ra sao cả. Chiều thứ năm tôi ra chơi thì thấy mặt nàng hơi xanh, nhưng cách tiếp đãi, cử chỉ không có chút gì khác thường cả, vẫn quyến luyến vui vẻ tươi cười. Nàng lại nói pha trò về chuyện cưới xin của tôi như một em gái nói đùa anh giai lúc anh mới đi sêu về.

Tôi thấy tính tình nàng như vậy, thấy nàng vẫn yêu tôi trong tình huynh đệ thì tưởng những điều quan sát của tôi là nhầm, tôi lấy làm chột dạ. Tuy nhiên quả nàng yêu tôi lối ấy, mà tôi lại nghĩ ra lối khác, chắc e lệ cho nàng mà tôi cũng gượng lắm.

Nhưng không anh ạ. Những điều quan sát của tôi không nhầm. Còn như tại sao bức thư của tôi không làm cho nàng đổi dạ thì về sau anh sẽ hiểu.

Nàng quả yêu tôi như ý tôi tưởng, chuyện tôi sẽ kể ra đây đủ làm chứng cớ mà cũng vì chuyện này chúng tôi xô đổ bức tường ngăn.

Một hôm tôi đến bất kỳ để bảo cậu Tân chút việc cần cậu ấy hỏi. Lúc đến, tôi không thấy ai ở nhà dưới thì tôi cứ thẳng lên gác như mọi khi, nhưng cậu Tân đi vắng. Giá có Tố Tâm đó thì tôi cũng dặn qua vài câu rồi xuống, vì từ khi quen biết đến giờ tôi vẫn giữ ý không ngồi nói chuyện một mình với nàng trên gác bao giờ. Nhưng Tố Tâm cũng không thấy, tôi đứng lại chực viết mấy chữ để lại cho cậu Tân. Tôi lại bên bàn giấy thấy tráp may của Tố Tâm bỏ ngỏ, trong có những khăn thêu và mặt gối kết chỉ rất đẹp. Bởi tính thích quan sát mà thành ra tẩn mẩn, và cũng bởi của người thân yêu nên lục xem hết dưới đáy tráp. Thấy một mảnh giấy vẽ hai chữ V.L. giằng lại với nhau, tôi hiểu ý ngay. Đang ngậm ngùi với mảnh giấy ấy thì

nghe tiếng chân đi nhẹ, tôi quay lại thấy Tố Tâm, thì ra nàng thay áo ở trong buồng mà tôi không biết. Ván gác đánh bóng nàng lên gác thường đi chân không, nên nàng lại đến gần tôi mới biết. Nàng thấy tôi xem mảnh giấy đó thì thốt nhiên giơ tay cầm chặt lấy tay tôi, một tay cầm lấy giấy, rồi lại bỏ ra ngay.

Mặt biến sắc, con mắt hoe hoe rồi ngồi phịch xuống ghế, gục đầu vào bàn mà khóc. Tôi thổn thức mà bối rối quá chừng, nói chỉ ra hơi và không thành tiếng. Cái thổn thức đó, ai đã qua lúc này như tôi, ai đã phải giọt nước mắt đầu của ái tình bị đè nén bấy lâu, nó rỏ vào ruột mới hiểu được. Tôi nói không ra tiếng nên cầm lấy tay nàng mà lôi dậy, van nàng im đi, trong ngũ quan tôi hình như cùng lay động, một lúc tôi mới nói được một câu rằng:

– Thôi, em đừng khóc nữa. Những nỗi lòng em, anh đã hiểu cả rồi, anh xin chịu lỗi với em, anh đã làm cho em phải ngậm ngùi thương nhớ bấy lâu, anh làm cho em hôm nay phải bật lên mà khóc. Thôi chẳng qua ái tình bắt buộc lòng ta như vậy. Em đứng dậy kẻo ai trông thấy bất tiện lắm. Đi em, đứng dậy đi em... anh van em...

Nàng đứng dậy kéo khăn lau mắt rồi lại bàn rửa mặt, gần đến nơi thì nàng quay lại, tôi hiểu ý là nàng không dám trông vào gương.

Tôi trông nàng có vẻ e lệ thì tôi từ biệt ra về, ý nàng muốn cầm lại để giải nghĩa mấy giọt nước mắt đó nhưng ngập ngừng không nói.

Lúc tôi bước chân xuống thang gác nghe một tiếng gọi "Anh", nhưng tôi không muốn quay lại nữa.

Tôi ở nhà nàng ra trong lòng vẫn còn thổn thức, mấy giọt nước mắt vừa rồi hình như còn đương tí tách trong tim.

Tuy nói là hiểu rồi, nhưng cũng còn phân vân chưa biết rõ tại sao mà nàng đến khóc òa lên được...

Ôi! Ái tình có mãnh lực gì nhanh vậy! Thôi, từ nay bức tường ngăn giữ ngày trước của hai bên đã đạp đổ đi rồi.

Tôi vừa đi vừa nghĩ, hai tay đút túi, lững thững quanh bờ hồ về trường.

CHƯƠNG III

Sáng hôm sau người coi cửa trường đưa cho tôi một phong thư, nhìn chữ biết là thư nàng, trong lòng thấy chuyển động, lại tưởng là bức thư vĩnh biệt, mà những giọt nước mắt hôm đó là mấy chén rượu quan hà [1].

Đạm Thủy nói đến đó thì mở hộp lấy thư đưa cho ký giả mà nói rằng: "Thư đây, anh xem lấy, cho tôi nghỉ một tý". Đạm Thủy tựa lưng vào ghế, ngửa đầu ra đằng sau rồi gọi "bồi" lấy nước.

Ký giả mở thư ra xem thấy chữ mềm mại, mà những nét dài lại cứng cát. Thư:

Mấy lời thú tội của kẻ non gan,
Kính gửi anh Đạm Thủy,

Khổ lòng lắm anh ơi. Nói ra thì những ngượng nhời, mà để dạ cũng đến khô héo. Anh có biết em đem lòng yêu anh đã lâu, và anh đã làm cho em thổn thức mấy tháng nay rồi không? Em nói thế thì anh ngạc nhiên, nhưng thật vật, từ khi em đọc văn thơ anh trên tờ báo thì em đem lòng yêu anh, em kính mến ba chữ tên anh như người bạn quý của em vậy. Em chưa biết người biết mặt, em chỉ xem văn chương, tính tình tư tưởng của anh mà em yêu, cái yêu kỳ thay, không biết có ai yêu lạ lùng thế không. Em đọc văn anh, em tưởng tượng ra một người thiếu niên có tư tưởng khảng khái, mà nghĩ như em đã được gặp anh đâu rồi. Em đọc đến văn thơ anh là trong người thấy phấn chấn, sinh ra một tình cảm phảng phất nhẹ nhàng như vơ vẩn ở chỗ không gian vậy. Em đọc văn anh, em không nhìn tên cũng biết, không thể lạc được. Có nhiều chỗ em xem không hiểu hết ý, nhưng cứ đọc giọng văn anh lên là em đủ biết, sao anh hợp tâm hợp trí với em làm vậy! Nhưng lắm lúc em lại tự hỏi không biết văn với người có giống nhau không. Vì có lắm người văn chương, tư tưởng đem so với tấm lòng sai nhau nhiều lắm. Em lại còn sợ con mắt em còn non nớt, điều quan sát đã đúng với sự thật chưa, nên lòng kính yêu vẫn thăng trầm, không đích.

Nhưng từ khi cơ giời run rủi, cái ví giấy của anh lạc vào nhà chú Huyện em thì em chắc dạ, mà đem lòng kính mến anh bội phần. Chuyện tình cờ đó em xin thuật lại anh nghe.

---

1. *Rượu quan hà*: rượu tiễn người đi xa (qua cửa ải, qua sông.)

Một hôm em bỏ giầu cau vào tráp chú em, em thấy một cái ví rất đẹp. Em mở hé ra xem thấy danh thiếp của anh, em ngạc nhiên tự hỏi sao cái tên của người mình kính mến lại chạy vào nằm đây. Em mở từng ngăn ví ra xem. Ngăn thứ nhất để danh thiếp của anh và của các bạn, em biết hết những bạn anh là ai; ngăn thứ hai để các ảnh của anh và giấy nhà trường cấp; ngăn thứ ba, có các mảnh giấy nhỏ hoặc bức thư thân tín, hoặc những câu Quốc văn, Pháp văn anh mới viết xong hay còn viết dở; ngăn thứ tư, có quyển sổ con chép những điều anh quan sát hàng ngày và những ý tưởng lạ. Em đọc thư anh, ngắm ảnh anh, xem giấy má của anh, em hiểu anh là người thế nào rồi. Em càng hiểu anh bao nhiêu thì lòng kính yêu lại càng mạnh lên bấy nhiêu, mà chắc anh thì cứ dửng dưng biết đâu trên cõi đời này có người yêu anh nhỉ?

Có khi em cả gan nghĩ đến chuyện tính cách gặp anh, mà cũng nhiều lúc em muốn viết thư cho anh để tiếp chuyện với một vị khách văn chương tri kỷ, để gọi tỏ lòng cảm phục văn anh, nhưng nữ nhi đâu đã dám làm những lối tối tân ấy.

Em tưởng như gặp anh thì có thể đối diện mà tiếp chuyện anh được, thế mà hôm anh đến chơi nhà, em vui mừng e lệ, bối rối, phải chạy vào trong nhà. Mấy lần muốn ra chào anh một tiếng, mà hễ ra cửa lại quay vào, hình như trong mình có sức gì mạnh bảo em phải ngồi yên.

Lần thứ hai anh đến, em ở trong nhà ra, chợt thấy anh thì tự nhiên người thẩn thức, nên em phải đi thẳng ra ngoài cửa hàng, nhưng em vẫn giữ được vẻ tự nhiên, tính em như vậy. Em ngồi một lúc lại muốn quay vào nhưng hễ đi qua anh lại phải đi thẳng. Ôi! Lòng yêu với tính e lệ của người thiếu nữ hay xung nhau như vậy, đã làm cho em thẩn thức biết bao phen! Nhưng tự khi em bắt đầu tiếp chuyện với anh, thì em đem lòng yêu quý anh như một người huynh trưởng vậy. Thật ý em chỉ định lấy tình huynh đệ mà thừa tiếp anh, giời chứng quả cho lời nói của em lúc này. Nhưng anh ơi! Anh có ma lực gì mà lòng em một ngày một vương vít khiến em hết sức giữ lấy mực xưa mà không giữ nổi, hễ xa anh thì nhớ nhớ, vắng anh thì buồn buồn, cuộc đời em không thể rời anh ra được nữa. Lòng em yêu anh là thế mà em vẫn phải nén lòng một cách khổ sở.

Nhiều lần anh sơ ý để em hiểu rõ lòng anh, em tưởng như giá anh hở ra một câu thì em vái anh mấy vái. Em thấy cử chỉ của

anh rất đứng đắn mà em sợ, em phục; em phục thì em lại yêu thêm, như trong người em vẫn có một sức tự đâu đưa đến bắt em không được nói ra trước. Ôi! Cái thầm yêu trộm nhớ xót xa ấy đọng lại mà làm cho em phải khóc òa lên lúc anh bới thấy lòng em trên mảnh giấy. Thật cũng may mà cũng tủi cho em.

Anh ơi! Em hạ bút viết thư này cho anh nghĩ cũng tủi, nhưng lòng em thực, tình em ngay, nên em nói hết với anh. Đối với người em yêu, em không thích dùng cách "kín hở". Em yêu anh bởi tâm tình tự nhiên. Em biết yêu là yêu, còn những chuyện đời dính dáng chung quanh anh, em không thể nghĩ đến, nên bức thư hôm nọ em coi cũng thường như bức thư khác của anh mà thôi. Em chỉ buồn vì một nỗi em quấy rối lòng anh và để phiền đến người sẽ cùng anh nên gia thất. Việc gia thất của anh em đã biết trước biết từ lúc em quen anh được ít lâu. Em vẫn tự hiểu rằng: cuộc đời của em là đời vẩn vơ, ái tình của em là ái tình vô hy vọng, nhưng em đã đem lòng yêu anh thì em cứ biết yêu anh, em lấy tình luyến ái của anh em ta làm khuây khỏa, còn về sau nữa em phó mặc khuôn thiêng.

Thôi em không thể viết nữa mà anh cũng đừng bắt em nói nhiều. Mấy nhời tỏ tình anh biết, chắc anh cũng hiểu cho rằng em thật lòng với anh mới viết đến những thư này.

Em anh:
TỐ TÂM bái.

Ký giả không phải là người trong cuộc mà xem xong bức thư này cũng hơi chút gợn lòng, gập thư lại thì Đạm Thủy vừa uống nước xong lại nói luôn rằng:

– Anh xem thư ấy cũng đủ biết Tố Tâm đã đến thời kỳ không rời tôi được. Tôi tự hiểu rằng tình luyến ái đó sẽ có ảnh hưởng to cho cuộc đời hai đứa chúng tôi. Nhưng bây giờ thì không sao ngăn được nữa. Trong cách dẹp ái tình không gì dở bằng đương đằm thắm mặn nồng mà đem ngăn lại, mà không gì vô ích bằng giảng đạo đức với người đương đam mê.

Từ khi hai bên đã thú nhận với nhau rồi, tôi ít đến nhà nàng lắm, vì tôi lấy làm ngượng, và lòng quyến luyến của tôi đã lộ ra khắp trong nhà, đến tai bà Án, nên bà ra ý gìn giữ Tố Tâm. Một vài khi tôi đến chơi, nàng ít ra tiếp chuyện. Chúng tôi thưa gặp mặt thì thư từ đi lại luôn, phần nhiều là thư đàm luận. Nàng viết cho tôi lắm bức

thư rất hay. Cảm động nhất là bức thư hôm mồng ba tháng bảy, có nhẽ tại thư đến trúng vào lúc tôi mới ngủ dậy, một mình ngồi tựa bao lơn trên gác ôn lại giấc mộng lúc ban đêm mà tưởng nhớ nàng, nên thư hợp cảnh, hợp tình mà làm cho tôi cảm động, xem đi xem lại đến thuộc lòng. Tôi đọc anh nghe:

Trong buồng khuê nửa đêm hôm mồng 3 tháng 7

Anh ơi! Đêm hôm nay là đêm gì mà mưa gió âm thầm, góc giời đen nghịt, có phải mồng 3 tháng 7, là ngày ả Chức chàng Ngâu một năm mới thấy mặt nhau một lần không, anh nhỉ? Thảo nào mà chiều hôm nay em tiếp được thư anh, nhưng thư không phải là người, chỉ là lưu ảnh và bút tích của người mà thôi, còn chàng Ngâu và ả Chức là người cả. Chả biết rằng Ngưu Lang Chức Nữ, những khi xa cách nhớ thương, bên sông sùi sụt có oán hận những người đem sông Ngân mà chắn qua con đường ái ân không nhỉ? Người tiên thì không biết, chứ người trần thì phải đau đớn ngậm ngùi mà ngâm mấy câu rằng:

Quân tại Tương giang đầu
Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng âm Tương giang thủy,

Tức là sông Tương một giải nông sờ, bên trông đầu nọ, bên chờ suối kia, đó anh ạ.

Thôi chả nói chuyện xa cách nhớ thương này nữa, vì nói càng thêm gợi, gợi càng thêm buồn, mà cuộc gặp nhau vẫn khó bằng ba dịp cầu ô thước bắc trên sông Ngân.

Thơ nàng viết có mấy câu mà rất là lưu loát. Anh thử tưởng tượng ra một người thiếu nữ có văn chương, một mình trong buồng khuê lúc đêm thanh cảnh vắng, ngồi bên cái màn đào nửa vắt nửa buông. Ngoài hiên giọt mưa sa tí tách, mở cửa sổ ra trông thấy giời mây u ám, chợt nhớ đến chàng Ngưu ả Chức đương cùng nhau giọt lệ vắn dài, nên trông người lại ngẫm đến ta mà mượn bút tả tính tình lúc bấy giờ gửi cho người yêu của mình thấu tỏ nên tính tình càng bi thiết lắm thay!

Có một điều đáng lưu ý là từ khi nàng yêu tôi trò chuyện thư từ luôn với tôi, thì giọng văn của nàng tập nhiễm giống y như giọng văn tôi. Cách lập ngôn, lối luận thuyết cùng một thể. Nàng chịu ảnh hưởng của tôi rất mạnh, từ câu văn nhời nói, cho đến cử chỉ tính tình

cũng mài theo khuôn tôi cả. Tôi yêu gì là nàng yêu, tôi ghét gì là nàng ghét, tôi bảo gì nàng cũng nghe, tôi cấm nàng gì nàng cũng chịu. Đến cả những thói quen tập từ thuở nhỏ về lối đài các không hợp thời, hễ tôi chê là nàng bỏ dần dần được hết, thành ra tôi chủ trương được lòng nàng, được tính tình và tư tưởng của nàng cả. Điều này làm cho tôi mơ tưởng đến một lối giáo dục tôi gọi là "giáo dục bằng ái tình", nghĩa là tôi định lấy ái tình mà truyền bá tư tưởng cảm hóa tính tình, rồi nhờ thói quen giữ lấy những điều đã truyền bá và cảm hóa được, tức như lấy ái tình làm quân đi chiếm đất, rồi luyện thói quen để về sau làm quân giữ thành, vì ái tình là thứ quân nhất thời rất mạnh bạo nhưng khó bền, sợ rằng quân tàn thì thành chiếm cũng mất.

Chúng tôi đã bước lên cái thời kỳ say đắm rồi anh ạ. Thư từ không thể làm cho nguôi được nỗi nhớ thương, phải gặp mặt nhau, phải trông thấy nhau, phải cùng nhau trò chuyện để nghe những giọng cười tiếng nói của nhau mới yên dạ. Nhưng tôi không thể gặp luôn nàng ở nhà nàng nữa, anh nghĩ thế có buồn không. Lần cuối cùng tôi đến nhà nàng là rằm tháng tám. Nàng bầy cỗ mời tôi ra xem. Cỗ của nàng bầy thì cũng như cỗ của các tay mỹ nhân khéo ở Hà thành, mà tháng tám năm nào cũng thấy ngần ấy thức. Trong đám cỗ của nàng, thích mắt nhất là cành hoa lan gọt bằng đu đủ rất tinh tế và bốn bát gạo nếp nhuộm các mầu, giạt thành bốn chữ Đ.T.T.T. rất dụng công. Chị em bạn nàng đến xem cho là khéo lắm, xúm xít lại đoán mãi không hiểu nghĩa bốn chữ ấy là gì, chỉ hai đứa chúng tôi tự hiểu với nhau. Nàng đưa mắt cho tôi thì tôi hơi mỉm cười một chút rồi lại điềm nhiên như không. Có một điều nàng khờ là nàng không phòng lấy một câu mà giải nghĩa bốn chữ ấy để khi có người hỏi, sẵn mà giả lời. Thành ra lúc chị em bạn đoán mãi không ra, hỏi nàng thì nàng có phần lúng túng, nhưng cũng giả nhời được rằng Đ.T.T.T. là "Đêm thu trăng tỏ". Tôi gật đầu mà khen nàng nhanh trí, nhưng chính ý nàng viết bốn chữ "Đạm Thủy Tố Tâm"; chả nói thì anh cũng hiểu.

Tôi giữ tiếng cho nàng nên không đến nhà nàng. Thế mà chúng tôi phải cần gặp nhau mà trò chuyện, nên những khi nàng rỗi việc gặp vào ngày tôi được nghỉ thì tôi rủ nàng và cậu em đi dạo chơi ở các vùng nhà quê chung quanh Hà Nội.

Hôm thì đi về lối Cầu Giấy, đi qua đền Voi Phục chùa Láng rồi đi

quanh về Ngã Tư Sở. Hôm thì đi quanh quẩn trong ấp Thái Hà. Lắm hôm lang thang trong các làng nhà quê, hay vơ vẩn ở giữa quãng đồng lúa chín, ngồi dưới gốc cây mà ngắm đồng lúa mênh mông bát ngát, trận gió ào lay động ngọn lúa như những làn sóng bể vàng, còn những đám tre lơ thơ ở giữa đồng thì tựa như những hải đảo có cây xanh, ngồi tưởng tượng hình như chúng tôi ngồi ở bờ bể. Có khi chúng tôi chạy hẳn xuống ruộng với những người gặt lúa. Tố Tậm đi ngắt từng bông lúa, chạy đuổi cào cào châu chấu như một đứa trẻ ngây thơ, rồi bắt tôi cầm một cách nũng nịu. Tính nàng xưa nay vẫn trầm tĩnh nghiêm chỉnh sao những lúc đi với tôi đây lại hớn hở nghịch đùa một cách ngây thơ? Nàng cứ chạy chơi như vậy hết ruộng nọ sang ruộng kia, lên bờ cao, xuống bờ thấp mà dưới ánh nắng buổi chiều thu hơi nhợt nhạt, trông mặt nàng đỏ hồng hồng, giáp tỷ bồi hồi, dính mấy sợi tóc mây xõa xuống trán, nàng càng đẹp thêm lên. Tôi bản tính vẫn trầm mặc, ít hay nô đùa, mà sao lúc này cũng đi theo nàng cười cợt. Người ta dù nghiêm chỉnh thế nào, lúc ái tình bằng bằng trong ruột cũng hóa ra trẻ thơ, làm những cái tỉ mỉ, nói những câu ngây thơ, hai người trong cuộc nghe thì cực thú mà lọt vào tai người ngoài thì nhiều câu rất vô nghĩa. Tôi tuy đùa nghịch mà vẫn ngắm cái dáng điệu tự nhiên của khối tình trong sạch tự trong lòng nàng thổ lộ ra ngoài và bức tranh kiệt tác vẽ người thiếu nữ bên cảnh thiên nhiên của Tạo vật.

Chúng tôi đi chơi như vậy, mệt thì ngồi xuống bờ cỏ khát nước thì chạy đến những túp nhà tranh bên đường mua uống, có lắm khi mải vui đến chịu nhịn đói mà về cũng có lúc gặp mưa to gió nhớn... Tôi còn nhớ một hôm đi chơi với nàng ở giữa quãng đồng làng B. gặp cơn mưa rất to. Cậu em chạy trước ẩn vào được trong cái quán, còn hai chúng tôi chỉ có một cái ô đen mỏng mảnh của nàng cầm thành phải cùng núp bên một cây to để lấy ô che cho đỡ ướt. Gió mưa càng dữ, sấm sét ầm ầm, tôi nhớ đến ngày bé có học cách trí có dặn rằng lúc có sét không nên đứng dưới gốc cây to. Tôi vui câu chuyện nói với nàng thì nàng cười mà bảo rằng:

– Túng nhiên sét đánh thì chết cả đôi chứ gì.

Tôi cho câu nói có ý vị, nhưng tôi không thích đàn bà nói gở. Mưa tạnh, nước ở đường chảy chưa hết, nàng phải bỏ giầy đi chân. Tôi thấy hai bàn chân trắng của nàng giẫm vào bùn lầy đen xám, mà tôi chạnh nghĩ đến mấy cánh hoa rất đẹp rơi xuống đống rác ở gốc

cây, thành động lòng thương nàng, nhưng trong lòng nảy ra cái tự đắc là đôi bàn chân ngọc ngà đó đã vì tôi mà phải bùn lầy. Và ngắm cái vẻ tương phản của bàn chân trắng bên đám cỏ xanh thì tôi lại muốn nàng cứ đi thế mãi.

Nhiều hôm nàng về chậm thì phải quở, nhưng tôi xem như nàng đã đến lúc "ái tình xui làm liều" nghĩa là nàng coi việc về chậm đó là thường, không lấy làm ngại.

Ái tình có một cái ma lực mạnh quá, khéo xui dần dần người ta làm những việc bất thường, mình tưởng không khi nào làm được, và tính e lệ cứ mất dần. Lần thứ nhất còn dùng dằng, lần thứ hai đã hơi quen, lần thứ ba không thấy ngượng, cho đến lúc làm điều tối vô nghĩa lý mà không thấy hối hận nữa, cho nên những người lúc đứng ngoài cuộc, tưởng như mình không khi nào làm đến việc vô lý của kẻ mê đắm kia, thế mà lúc làm rốt cuộc lại sai lầm hơn nữa. Những người non nớt chưa biết đến chuyện đời là gì, lòng chưa bị một chút đam mê nào cả, tôi không dám chắc suốt đời giữ được nguyên tính mãi.

Trong những cuộc ngao du như vậy, có một lần chúng tôi ngắm cảnh bể ở Đồ Sơn, và độ tình luyến ái của chúng tôi chưa vỡ lở đến tai bà Án, mà tôi chưa phải từ biệt nhà nàng.

Độ ấy vào tháng hè, bà Án yếu, quan thầy thuốc bảo đi hóng gió bể. Nhân tiện bà Án có một người chị là vợ một vị đại thần có nhà nghỉ mát ở Đồ Sơn, nên bà Án và hai con cùng ra đó nghỉ. Tố Tâm biết đích ngày bà Án đi thì bảo tôi biết trước. Tôi ra chơi hỏi chuyện thì cậu Tân rủ đi, tôi nhận lời vì tôi có nhiều nhà quen ở Đồ Sơn nên ra cũng tiện lắm.

Hôm đó, nắng quá nên chúng tôi đi chuyến xe lửa đêm, phải buổi trưa xe hạng ba chật ních người, mà dưới hạng tư vắng hành khách nên ba chúng tôi cùng đi xuống ngồi hạng tư, mở hé cánh cửa mà ngắm phong cảnh những quãng đồng thăm thẳm, bóng trăng soi xuống mấy ruộng nước trắng xóa, hình như lẫn với chân mây và in cả một trời cao xuống gầm đất. Trên mặt nước phẳng lặng chỉ thấy lô nhô những đám tre bao bọc các xóm làng ngọn gió nồm đưa phất phới.

Đêm càng khuya, trăng càng tỏ. Lúc nãy còn lơ lửng trên mấy hàng tre, bây giờ đã đủng đỉnh ngang trời. Bóng trăng xuyên qua cửa soi ngang vào chỗ chúng tôi ngồi. Mặt Tố Tâm một nửa biêng biếc xanh, một nửa mờ mờ trắng. Hồng nhan dưới bóng nguyệt, có một vẻ

đẹp lạ thường, khiến cho người ngồi lặng ngắm, trong tâm thần cũng phảng phất thấy "cái đẹp ghê sợ".

Lúc xuống đến Hải Phòng đã có xe ô tô của bà dì Tố Tâm ra đón để đi luôn ra Đồ Sơn. Tôi ở lại Hải Phòng, sáng hôm sau ra sớm. Tôi ra ở nhà một người bạn, ngay bên cạnh nhà bà dì, thành ra tôi vừa là chỗ thân tình nhà bà Án, lại ở nơi quen biết với bà dì nên đi lại rất tiện. Cũng vì thế mà nhiều khi ở trên chỗ mặt bể bao la kia lại được nghe những cung đàn thảnh thót của mấy vị khuê môn tân nhân vật, tức là các cô chị Tố Tâm.

Buổi chiều hôm ấy tôi gặp nàng ở bãi cát, chính là lúc vui nhất trong ngày đầu ở bãi bể Đồ Sơn. Trên mặt bể mênh mông bát ngát, sóng cuồn cuộn từng lớp đuổi nhau, chạy giợn vào bãi cát dài phẳng, nước tóe trắng phau phau. Trên bãi cát dài hàng mấy nghìn thước, phất phới áo vàng, áo đỏ, áo trắng, áo xanh như bươm bướm lượn; trẻ con reo, tiếng sóng vỗ ồn ào như tiếng chợ đông người; có nhiều cô thiếu nữ các nhà đại phú hay đại gia cũng hớn hở vui đùa như thiếu nữ người Tây vậy. Trong đám các cô lại có điểm vào một vài tay "tân nam tử" hoặc anh em, hoặc "phò mã", cũng chơi đùa với các cô một cách thân mật lắm. Xem cũng vui mà ngắm cũng thường vậy. Trông ngần ấy cô thiếu nữ, cái đẹp của Tố Tâm lại càng rõ rệt mười phần làm cho Đạm Thủy thấy trong mình lúc đó nẩy ra một thứ kiêu căng, kiêu căng của ái tình, vì khi Tố Tâm dạo qua đó thì mười mấy đôi con mắt cùng nhìn theo.

Khi gần hết nắng thì những đám xanh đỏ lúc nãy đã hóa ra như một đàn cò mình đen chân cánh trắng, lô nhô ở giữa những làn sóng lờ đờ. Tố Tâm cũng theo mấy chị em con bà dì ra tắm, nhưng có mấy cô không quen mặc thứ áo tắm "hở đùi" và lại hay e lệ, nên mặc cả áo trắng quần thâm, dắt tay nhau cứ từ từ lội xuống nước. Nước dần dần ngập lên, gặp sóng to thì phải nhảy, nhấp nhô, xa trông có vẻ ngộ nghĩnh như người ngã xuống sông. Lúc lên áo quần tha thướt, dính sát vào mình, nom như mấy bức tượng ngà mới tạc, còn phủ tấm vải mỏng ở ngoài.

Đến đêm lúc người đã vắng, nàng lén ra để nói chuyện với tôi.

Bấy giờ phong cảnh lại càng thêm bát ngát. Trước chỗ trời cao bể rộng mình tự thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gợn bụi, như mảy lông, lửng lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh sợ, sợ cái tối vĩnh tối đại của Hóa công. Nhưng, có một điều

chúng tôi tự thấy hơn cái vô cùng vô cực đó, là chúng tôi có trí giác biết Tạo hóa là to, có tính tình biết yêu nhau là sướng. Còn trời cao bể rộng mấy muôn năm vẫn trơ trơ đó, ngọn sóng kia cứ việc ào ào suốt ngày nọ sang ngày kia, không biết mình là to lớn. Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát rồi ngồi xuống những mỏm đá nổi lên gần bờ. Lúc đó thủy triều lên mạnh, chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh thoảng bị cơn sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt. Lúc sóng vỗ dưới chân như vậy thì tôi nhớ đến chòm đá tả trong bài thơ "Le Lac" của Lamartine tiên sinh mà hồn thơ lai láng, vô tình ngâm một câu rằng:

"Mênh mông mặt biển chân trời
Nào ai ngư phủ, đâu người Đào nguyên"

Tố Tâm đọc chữa lại rằng:

"Mông mênh sóng dợn chân trời
Ấy ai du tử tức người Đào Nguyên."

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy, ở đó chỉ nghe tiếng thông reo bên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngồi mà ngắm quang cảnh, thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm giác mơ màng như các con đồng ngồi trước điện, nghe những tiếng đàn tiếng hát, ngửi những mùi hương khói trầm thì ngà ngà say và thấy trong lòng khoan khoái vô hạn. Thứ cảm giác bát ngát ấy cũng làm cho chúng tôi tưởng tượng ra như vũ trụ chỉ có hai người mà thôi, bao nhiêu những thường tình eo hẹp, những thảm cảnh lôi thôi, bao nhiêu những tiếng khóc, câu cười, đường danh, mối lợi ở chốn phồn hoa đã chìm đắm đâu mất cả, trước mắt chỉ còn thấy khói hương của ái tình đương nghi ngút bay trong đám tịt mù, khiến cho hai người tương tri đó tưởng là đôi chim nhạn đương cùng nhau tung trời mà bay...

Đứng bên một thiếu nữ tài sắc tuyệt vời lại cùng tính tình tư tưởng với mình mà lặng ngắm chung cảnh thiên nhiên của Tạo vật thì ở đời tưởng không thú gì hơn. Một bên trời nước mênh mông, một bên lứa đôi đằm thắm, ái tình này, đối với cảnh vật ấy, gây nên lắm vẻ ly kỳ, biết bao nhiêu ngọn bút đã tê mê mà ca tụng!

Chúng tôi ngồi trên tảng đá cho đến lúc đêm khuya trăng lặn, gió thổi lạnh mình mới về.

Tờ mờ sáng sớm mai tôi ra bãi cát thời nàng cũng đã ra rồi, hình như suốt đêm nàng không ngủ. Lúc đó cả Đồ Sơn còn đương

an giấc, mặt bể phẳng lặng, gió hiu hiu hơi gợn sóng lăn tăn. Ngoài xa lơ thơ những chiếc thuyền đánh cá, buồm trắng phất phơ in vào mấy rặng núi màu xanh lơ bên chân trời hung hung đỏ. Trên bãi cát cũng phẳng phăng, chưa có một vết chân dẫm xuống; nước thủy triều lên ban đêm đã rửa sạch những ghét rác phồn hoa chiều hôm trước rồi. Chúng tôi bỏ giầy lội xuống mấp mé mặt nước, đi đuổi bắt những con dã tràng, tức là một thứ cua rất bé, cả ngày chỉ xe cát thành viên tròn, chất lại từng đống, một cơn sóng đến lại đánh tan đi. Tố Tâm cầm một dã tràng xem, vô tình đọc rằng:

"Dã tràng xe cát bể đông
Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì!"

Tôi đáp rằng:

– Phải, cũng đáng thương cho dã tràng lắm nhỉ, nhưng biết đâu gần đây không có hai người cũng chịu một tình cảnh như dã tràng mà chả hay có ai hiểu thấu mà thương không?

Tôi nói vậy, thấy đôi mắt nàng thoáng qua một vẻ buồn, bên kia bể mặt trời cũng hé ánh nắng... hồng quân với khách hồng quần [1]...

Chúng tôi chia tay ra về, nàng đi vài bước quay cổ lại bảo tôi rằng:

– Chiều ra, anh nhá.

Bao nhiêu những cảnh thú thanh cao vơ vẩn, ngày thường tôi xem sách mà khao khát, hay bởi thứ óc văn chương tưởng tượng ra, tôi cùng nàng đã đem thi hành mà được hưởng gần hết.

Phong cảnh thiên nhiên thì bao giờ cũng có, nhưng người cùng mình mà ngắm cảnh cho cảnh nẩy vẻ thêm lên thì hiếm lắm. Tôi gặp được nàng đồng tâm, đồng trí với tôi, lại sẵn một thứ cảm tình yêu cảnh thiên nhiên như tôi vậy.

Tôi nói đây chắc anh mỉm cười mà cũng nghĩ như nhiều người rằng, phàm một người thiếu nữ lúc đã đến tuổi biết ái tình, lúc trong tâm can huyết mạch bằng bằng chạy, thì không hưởng được cuộc thanh cao như những cảnh tôi cùng Tố Tâm đã hưởng đó. Câu nói ấy tôi cũng biểu đồng tình, cho là đúng tâm lý và sinh lý lắm, nhưng chỉ dùng cho một hạng người mà thôi, không thể lấy làm luật chung được, vì phải tùy theo tính chất từng hạng, hạng thiên về thể

1. *Hồng quân, hồng quần:* khuôn lớn, quần đỏ tức tạo hóa, người con gái.

chất, hạng thiên về tinh thần, hạng ẻo lả, hạng béo đỏ, v.v...

Một lẽ nữa là người ta ai cũng có cái dục tình tự nhiên của động vật. Dục tình ấy lúc trai gái yêu nhau rất lay động. Nhưng tránh được những quang cảnh, những thế tình có thể làm gợi được lòng dục, lại khéo lấy thú vui khác mà làm lãng đi thì không say đắm vào dục tình được. Phàm trai gái yêu nhau, nếu bởi lòng ham muốn về tình dục, khi mới trông thấy nhau đã tính ngay đến cuộc thỏa thích rồi, bao nhiêu những cảnh gợi dục như con mắt long lanh, mầu da mơn mởn, như cái lưng cong đôi má đỏ, v.v... đã thu nhập tâm như cách anh hàng thịt đứng trước con thú đã tách bạch từng khổ thịt rồi, thì sao tránh khỏi chuyện bẽ bàng về sau được?

Nếu yêu nhau bởi đồng tính tình tư tưởng, bởi phục nhau về việc, cảm nhau về tình, bởi những bức thư hay, câu chuyện thú, còn sắc đẹp chỉ là giúp thêm vào mà thôi thì có thể xa tình dục được.

Nhưng, anh ơi! Bên cuộc chúng tôi yêu nhau đằm thắm như vậy, chúng tôi vẫn có một nỗi đau đớn trong lòng, chắc anh còn nhớ câu Tố Tâm viết trong thư rằng "đời của em là đời vẩn vơ, ái tình của em là ái tình vô hy vọng".

Tôi nghĩ mà thương nàng vô cùng. Phàm thường tình nam nữ yêu nhau cần có một cái hy vọng, đại khái như tính cuộc trăm năm để mà di dưỡng lấy ái tình cho trong sạch vẹn toàn. Ái tình của Tố Tâm là ái tình vô hy vọng, ngoài lòng yêu tôi, nàng không nghĩ một chuyện gì, chuyện trăm năm thì không hẳn, chắc anh đã hiểu vì sao rồi. Nhưng khi tôi bởi yêu nàng quá mà nói hở ra những lời vàng đá, những cuộc sum vầy thì nàng vội gạt đi. Nàng cứ ân hận luôn về một điều là nàng làm phiền cho người sẽ cùng tôi nên gia thất, và lụy đến tôi sau này. Chắc lúc nàng đem lòng yêu tôi, thì nàng cũng mong đến chuyện sẽ được cùng tôi sum họp, nhưng khi nàng đã biết rõ tình thế của tôi thì nàng đành chịu thiệt mình mà không muốn làm phiền đến người bạn gái vô tội kia. Nàng cứ dửng dưng ôm lòng đòi đoạn mà biết duyên mình, biết phận mình thế thôi. Nàng vì yêu tôi mà không thể rời tôi, nàng cũng vì yêu tôi mà không chịu lấy tôi, cái thứ tính tình tương phản này làm cho lòng nàng bối rối, mà nàng cứ đành để chịu nỗi chua xót một mình.

Lòng đâu mà sẵn mối từ tâm, người đâu mà cao thượng làm vậy! Có một điều này làm cho tôi rất buồn rầu khó nghĩ nữa là nàng có nhiều người đến dạm hỏi mà nàng không bằng lòng ai cả. Lúc bà

Án hỏi ý nàng thì nàng chỉ trả lời rằng nàng xin ở nhà thờ mẹ cho đến lúc em khôn lớn, em nên vợ nên chồng cho có người trông nom cửa nhà rồi nàng sẽ tính bề gia thất. Nàng cứ một mực như vậy thì nhà nàng cũng không dám ép vì các cụ đã biết rằng ép duyên hay để lỡ về sau nên cũng tạm im câu chuyện. Có một cậu mới đỗ "tú tài tây" mà nhà cậu là một chỗ cố tri với quan Án, lại có lòng theo đuổi mãi, ý bà Án muốn gả lắm, duy chỉ Tố Tâm không bằng lòng thôi. Tôi sợ về sau mang với nàng một điều lỗi suốt đời, không khi nào gỡ xong, nên thường vẫn lấy lời phải trái mà khuyên nàng vâng lời giáo huấn. Bao nhiêu tài ngôn luận của tôi dùng ra muốn thắng ý nàng mà không thắng được. Nhiều khi tôi giảng đạo đức, thuyết nhân nghĩa thì nàng chỉ mỉm cười mà trả lời một câu vắn tắt nửa thực, nửa đùa rằng:

– Em không muốn lấy chồng...

Tôi cũng nói cợt rằng:

– Em điên.

Nàng nói:

– Vâng, điên với anh.

Tôi xem chừng lý thuyết vô ích thì dùng cảm tình mà cảm lòng nàng, thì nàng chỉ khóc, tôi càng nói nàng càng nức nở khóc thêm, thành ra câu chuyện lại bỏ không bàn nữa.

Nhiều khi tôi hỏi nàng tại sao không tính cuộc trăm năm với ai cả, thì nàng nhất định không nói; nàng không nói thì tôi cũng hiểu rồi, nhưng tôi muốn biết câu trả lời của nàng để tôi xoay phương diện. Tôi hỏi nàng không nói thì tôi làm ra bộ giận dỗi buồn rầu, nàng hỏi gì tôi cũng không thưa, mà cũng không nói gì với nàng cả. Tôi làm như vậy thì nàng khổ lắm, lúc tôi đứng dậy đi về, nàng đưa cho tôi một mảnh giấy có mấy chữ rằng:

"Em đã yêu anh thì không thể yêu ai được nữa, mà cũng không muốn yêu ai. Đã không yêu thì không lấy, vì sợ làm phiền cho một người nam nhi nữa".

Tôi xem mấy chữ lấy làm buồn lắm, nhưng bên cái buồn lại có cái thỏa, là thứ thỏa vì đã chiếm được lòng nàng.

Về độ ấy thì bối rối lắm. Tôi yêu nàng quá, nên không thể rời nàng được nữa, mà chính tại tôi yêu nàng nên không muốn để cho nàng phải thiệt thòi vì tôi. Tôi nghĩ rằng, giá nàng không biết

tôi thì có phải nàng vui vẻ mà chồng chất bao hy vọng bên mình, vì con người yểu điệu ấy, tính nết ấy thì làm gì mà chả gặp được một chỗ gửi thân êm ái, trăm năm mai trúc đề huề. Trong cuộc đời người con gái, hy vọng to nhất, êm ái nhất là hy vọng lấy chồng mà được hưởng cuộc ái ân đằm thắm. Hy vọng đó, Tố Tâm đã đem tấm lòng quá yêu tôi mà đánh đổ đi. Thật là lỗi tại tôi, nhưng nghĩ kỹ ra thì tại Hóa công đặt trong lòng người một mối ái tình cay nghiệt, buộc chết người vào những việc không muốn làm.

Trong khi lòng tôi bối rối như vậy, nhiều lần tôi đã dám nghĩ đến chuyện đem nàng đi trốn một chỗ thâm sơn cùng cốc, hay góc bể chân trời nào, không ai biết đến, để cùng nhau hưởng cuộc ân ái trăm năm, tôi sẽ đem hết sức mà kiếm đủ cho nàng được no ấm, đem hết tình mà âu yếm cho nàng được thỏa lòng, không tưởng gì đến đời nữa, bỏ cả sách vở, công danh, mà mặc cho đời bình phẩm, bao nhiêu hy vọng định lập chút sự nghiệp cỏn con gọi là góp mặt với non sông đều đổ ụp như mấy lớp lâu đài nguy nga bị động đất.

Lúc tôi đương nghĩ như vậy, thì trong lòng bừng bừng lên như muốn thi hành ngay, nhưng tôi lại nghĩ đến nhà, nghĩ tình âu yếm của song thân tôi tuổi tác, nghĩ đến tình huynh đệ rất đậm đà thì tự nhiên có một thứ tính tình gì rất mạnh nó cản tôi lại. Thế mới biết hồn gia quyến là mạnh.

Tôi xin thú thực cùng anh rằng những cách tôi tưởng tượng đem nàng đi như vậy, mà không ngại đến ly hương biệt tộc [1], là bởi tôi chịu ảnh hưởng ở các ái tình tiểu thuyết Âu Tây, nhưng tôi xem tình gia quyến của tôi còn mạnh lắm, đánh đổ được những ảnh hưởng mới kia mà giữ tôi lại. Có khi tôi đem câu chuyện tôi định làm liều đó mà hở ý với Tố Tâm, thì tôi xét ra, trong những lúc nàng mơ màng thổn thức, nàng cũng nghĩ đến thế, nhưng nàng chợt tỉnh thì vội gạt đi, vì nàng cũng thương mẹ, yêu mẹ lắm, vả bao giờ nàng cũng sợ làm phiền đến người sắp kết duyên với tôi và sợ làm phí mất một đời thiếu niên của tôi nữa. Lắm lần nàng thỏ thẻ với tôi rằng:

– Anh ơi! Anh đừng nghĩ vơ nghĩ vẩn để em mang lỗi với anh. Em là phận gái, cái chức phẩm đối với đời, có cũng hay mà không cũng được, chả ai nghị luận gì, ai trách chi nữ nhi nan hóa [2], nhưng

1. *Ly hương, biệt tộc:* rời bỏ quê hương, từ biệt họ hàng.

2. *Nữ nhi nan hóa:* đàn bà, con gái khó cảm hóa, khó dạy bảo để sửa đổi khuyết điểm.

anh là bậc nam nhi hai vai nghĩa vụ, anh đừng làm như em mà giữ lấy một mối tình vô hy vọng, anh là người có văn chương, có tư tưởng, anh nên nhớ rằng cái thân anh không phải của một mình anh, phải làm việc cho nhà, chc nước, cho xã hội. Anh không thể lấy đời anh mà phí đi cho em. Làm nam nhi có hai chữ chung tình cũng không gọi là đủ được.

Anh ơi! Anh nghe lời em cho em được yên lòng, anh nghe lời em ấy là tỏ lòng rất thương yêu em đó.

Tôi nghe nàng nói mấy câu ấy mà ứa nước mắt ra, tôi không hiểu sao mà khóc được, không biết là giọt lệ của người thiếu niên bị chạm vào đoạn lòng khẳng khái, yêu nước yêu nhà, hay giọt lệ thương bạn hồng nhan đã quá yêu mình mà chịu thiệt?

Có lẽ cả hai thứ.

Những lời nàng nói đó, tôi lấy làm phải mà chuyển động được lòng tôi: một là những câu ở miệng người yêu ra thì dễ lọt tai lắm, hai là nếu tôi thu được tinh thần nàng, làm cho nàng phải kính yêu, khép nàng vào trong khuôn khổ của tôi, quay trở lại, tôi cũng chịu ảnh hưởng nàng chút đỉnh. Ý nghĩ trong mấy câu nàng nói thì thường tôi cũng nghĩ đến luôn, thế mà lúc đó nghe ra mới lắm, phải lắm. Mà thực vậy, mình cũng có chút học thức, vẫn khăng khăng theo đuổi sự nghiệp về văn chương, giáo dục, thế mà bị xô đẩy vào trong bể tình, chìm đắm mãi, quên cả rằng có thể nhà mong, bạn đợi, nước chờ, về cái kết quả sự học của bạn thiếu niên đương lúc này, người còn hiếm của còn hiếm. Nghĩ mang lấy hai chữ thiếu niên mà thẹn mình, giận mình, ghét mình, mà tức lây cả đến Tố Tâm nữa, tưởng như có thể xa được nàng ngay, thế mà lúc thấy mặt nàng, lúc nghe nàng thỏ thẻ, hay nhận được bức thư tâm huyết gửi đến, cùng những lúc nước mắt nàng thấm ướt khăn tay, thì những điều nghĩ kia đã đi đâu mất cả. Tuy những câu đó lúc thử thời tan đi cả, nhưng về sau lúc xa cách nàng, vẫn đinh ninh bên góc dạ. Lúc tôi vì yêu nàng mà nghĩ đến những câu nàng khuyến khích thì nức lòng mà chăm chỉ học hành thêm.

Tôi kể tình cảnh bối rối của chúng tôi thế này thì chắc anh nghĩ rằng, nếu đã sợ để thiệt cho nhau, sợ làm hại nhau, thì sao không xa nhau ra để tránh cho nhau một điều đau đớn về sau.

Anh ơi! Ấy là chỗ khổ tâm của chúng tôi đấy, anh đừng tưởng lúc yêu nhau đã dễ bỏ nhau như vậy đâu, cái thứ ái tình như ái tình của

tôi với nàng không thể bỗng chốc đã lìa nhau ra được, chúng tôi đã hết sức đè nén mà không sao được, vả chăng tôi không hiểu vì sao không muốn buông nhau ra.

Nhiều lần tôi muốn xa nàng để nàng tính cuộc trăm năm với người khẩn cầu nàng đó, tôi dùng đến cái lối gợi lòng ghen của nàng, tôi bỏ những thư từ, những ảnh hão vào ví, tôi định cho nàng xem, để nàng tức giận, vì nàng thường hay xem ví giấy của tôi, nhưng vô công hiệu. Nàng nói với tôi rằng:

– Anh bày trò như vậy chỉ làm cho em thêm yêu anh, mà em càng yêu anh bao nhiêu thì lại làm thêm đau đớn lòng anh em ta bấy nhiêu đó thôi.

Tôi xem kế "trẻ con" ấy không hiệu, thì tôi tìm những điều lỗi mà giả giận nàng, không *thư từ thăm hỏi* gì cả, *cố nén lòng* mà xa nhau, thì tôi rất khổ mà nàng lại đau đớn hơn, nàng buồn rầu không ăn không ngủ được, suốt đêm vật vã mà người sút hẳn đi.

Tính tình đã bối rối như vậy mà ở nhà nàng thì cứ giục nàng phải nhận lời vì nhà cậu B. tức là ông Tú tân khoa tôi nói chuyện đó, có công theo đuổi mãi, không hiểu sao đã biết nàng không thuận mà vẫn đợi chờ. Bà Án nhận lời, Tố Tâm cứ nhất định không chịu. Bà mối thì không hôm nào mà không đến nhà bà Án, thôi thì tha hồ mà khoe:

– Bẩm cụ lớn, cậu nó ngoan, cậu nó giỏi ạ... bẩm mới đỗ ở trường to nhất Hà Nội, bẩm nay mai làm ông Đốc, ăn tháng 2, 3 trăm bạc, bẩm tính hiền lành, cẩn thận, hà tiện, v.v...

Anh còn lạ gì các bà mối Hà thành này, nói kiến trong lỗ cũng phải bò ra, các bà đã làm nên cho nhiều người mà cũng đã làm hại lắm cô thiếu nữ. Tố Tâm mấy hôm ấy thật là khổ, phần thì bị mắng, phần thì bị mụ mối quấy rầy, thôi thì nói gần nói xa, vuốt ve nịnh hót mà chả lẽ nàng là con người lịch sự, nền nếp, lại dùng lời chua chát mà đối đãi với mụ hay sao, thành ra hễ mụ đến là nàng phải lẩn.

Nàng có một ông cậu tính sốt sắng, thích cải lương, làm việc ở Hà Nội, thấy chuyện lôi thôi, bảo bà Án rằng:

– Con Lan nó không bằng lòng thì ép nó làm gì, bắt nó lấy rồi để chúng nó ghét nhau ư.

Bà Án trả lời rằng:

– Tôi giờ yếu, sinh con ra lớn lên thì tính đường dựng vợ gả chồng cho chúng nó, có người hỏi đến đáng gả thì gả đi, còn yêu với ghét là tự lòng nó và ở duyên trời, chứ tôi làm thế nào được, ai cũng không bằng lòng cả thì lấy ai.

– Thời buổi văn minh nó yêu ai cho nó lấy, tự nó chọn thì về sau hay dở nó phải chịu, không còn oán hận gì nữa.

– Nào biết nó bằng lòng ai, con nhà gia pháp, cha mẹ bảo thì phải vâng lời, có đáng gả mới gả, cha mẹ bao giờ chả muốn cho con hay, ai muốn đày đọa con, và chúng nó còn trẻ người non dạ, đã trông rõ lòng người đâu mà kén chọn cho sành. Cứ bảo nó bằng lòng ai thì lấy, người ta nói: "Yêu nhau quá đỗi nên mê, tỉnh ra mới biết kẻ chê người cười".

– Nhưng nó không bằng lòng thì làm thêm khổ nó, làm lôi thôi chuyện về sau.

– Bây giờ nó không bằng lòng, rồi lúc chúng nó ở với nhau nó phải bằng lòng.

– Không xong! Tùy từng đứa, tính con Lan này nó khác lắm.

Bà Án gạt đi nói rằng:

– Phải, tính nó khác! Vì cớ gì mà không bằng lòng tôi đã biết rồi. Tôi cũng nói thế thôi chứ tùy ý nó nghĩ sao cho phải thì nghĩ, sinh con ai nỡ sinh lòng. Bảo chả nghe thì thôi, mặc nó.

Tố Tâm ngồi trong buồng nghe mẹ nói như vậy, thì rất khổ lòng. Ngổn ngang trăm nghìn nỗi; nằm cả ngày hôm ấy không dậy.

Nghe công việc như vậy tôi viết cho nàng bức thư này: [1]

Tố Tâm, em,

Bấy lâu nay anh vẫn khuyên em về chuyện gia thất, nhưng anh ngồi nghĩ lại thì tưởng như chưa nói, vì những lời anh nói chưa hết ý anh; chưa hết ý anh là vì trước mặt em anh không muốn nói, nói ra em chỉ khóc làm cho anh nghẽn lời, vì vậy anh phải mượn bút thay người cho tiện.

Anh không muốn vì anh mà em phải buồn rầu, đau đớn, vì anh mà phải tính quẩn lo quanh để phiền nhà là một, thiệt mình là hai.

---

1. Những thư trong chuyện này nhiều bức rất dài nhưng người chép chuyện không muốn bớt đi vì sợ sai sự thực nên cứ nguyên văn mà trích ra.

Lương tâm bảo anh không được để cái "phiền nhà thiệt mình" ấy vì anh mà nên nỗi. Tuy xét kỹ ra thì anh không làm gì nên chuyện, anh chỉ tội lỗi vì quá yêu em mà thôi, nhưng than ôi! Cái lòng yêu đó nó khéo bắt buộc người để khiến cho em phải buồn rầu mà anh phải lo nghĩ.

Thôi cuộc đời dâu bể, lòng thủy chung ta cứ giữ cùng nhau, trước những công việc này, em phải sớm liệu mà vâng những lời giáo huấn để yên chuyện gia đình và yên lòng anh nữa.

Em ơi! Sinh ra gái mưa sa là phận, rủi may âu cũng sự trời, ai biết hay đâu mà tìm, biết dở đâu mà tránh, trước sau cũng một lượt, chả sớm thì chầy, một mình em ở đời như chiếc ách giữa dòng, chống sao cho nổi những khi mưa sa gió táp, chi bằng em theo cái lệnh "đặt đâu ngồi đấy" là hơn. Thôi em nghe lời anh, nghe anh đi cho đôi đường cùng vẹn, mai sau này mà em được cảnh sum vầy êm ái thì là phần nhất, ví bằng gặp phải cảnh éo le thì em chỉ nên nghĩ rằng, ấy là vì ta đã kính yêu thân mẫu ta, không cần phải than thân trách phận; ta đem cái khổ một đời ta mà đền bù cái công sinh thành 20 năm khó nhọc cũng chưa gọi là đủ. Em chỉ nghĩ thế cũng đã thỏa lòng. Vì "để lời thệ hải minh sơn, làm con trước phải đền ơn sinh thành". Trong cách đền ơn đó không gì bằng nghe lời giáo huấn những lúc khó khăn này.

Anh cũng biết những lời anh nói ra đây làm cho em đau lòng, vì em có chút thủy chung khẳng khái, em muốn cùng anh suốt đời giữ lấy chữ chung tình, nhưng than ôi! Ở đời còn bao nhiêu là chuyện nó làm cho ta đau lòng mà ta vẫn phải ôm lòng mà chịu.

Anh thiết tưởng điều đau đớn của em đó cũng như bát nước sôi, thì giờ sẽ đến dần mà làm cho bớt nóng, khi hơi đã lạnh, mà cái "quên" đã lấy nốt những điều còn sót ở trong lòng em, thì em có thể hưởng được cuộc đời rất êm ái, nào cửa nhà, nào con nào cái, sớm trưa sum họp cảnh gia đình, cùng ai âu yếm suốt trăm năm, như gấm, như tranh, như vườn đào mùa xuân; như hồ sen mùa hạ, có phải một đời khỏi nỗi chơ vơ không? Người đời ai cũng vậy, "chim khôn đỗ nóc nhà quan"... để gây lấy một cảnh gia đình trăm năm nương tựa.

Mai sau này trong cảnh sum vầy vui vẻ đó có lúc nào chợt nhớ đến anh, thì em chỉ nghĩ rằng: ấy là người đã thương ta nên thực tâm muốn cho ta được hưởng cảnh này, thế là em chung thủy lắm rồi, mà anh cũng hả dạ.

Ta yêu nhau, ta quý nhau, ta coi nhau như hạng người tri kỷ trên đời không thể có hai, thế nhưng cái bắt buộc của tình gia quyến tối thiêng liêng nó bảo ta phải bưng mắt ôm lòng mà chịu, biết nói sao đây. Thôi em yêu anh như thế cũng là yêu rồi, đừng yêu thêm nữa mà làm anh hối hận. Em nghĩ sao?

ĐẠM THỦY

Tôi viết thư này muốn gửi rồi lại sợ không dám gửi, không dám gửi lại phải gửi. Nghĩ rằng nếu nàng theo thư này mà quên mình thì rồi mình làm sao nhỉ? Chắc rằng buồn rầu lắm. Thế mới biết lòng người có lắm tính tình tương phản, mà bên cái can đảm vẫn có cái tính sợ khổ tự nhiên, nên lúc gửi đi thì buồn tê buồn tái. Còn Tố Tâm bắt được thư không nói gì cả. Nàng có khóc thầm hay không thì tôi không hiểu. Lạ cho nàng xưa nay tôi bảo gì cũng nghe, duy có chuyện này thì nàng dửng dưng mà lúc tôi thuyết lý thì nàng mỉm cười, lúc tôi động đến cảm tình thì nàng chỉ khóc.

Cách đó ít lâu bà Án bị bệnh nặng, vào quãng đầu tháng chạp ta.

Đây mới đến đoạn bi kịch anh ạ.

Tố Tâm bối rối vô chừng, một mình nàng ra vào săn sóc thuốc thang, nào chạy đây chạy đó, trong nhà lúc nào cũng tiu, cảnh kính keng. Tôi rất ân hận không giúp nàng được việc gì cả. Lúc tôi gặp nàng ngoài phố thấy mặt nàng phờ ra thì tôi muốn đến gánh cả gánh lo cho nàng, nhưng không muốn đến luôn nữa. Tôi không thể làm cái nghĩa vụ tự nhận là ông anh mà giúp nàng được ít nhiều công việc trong khi bối rối này. Có buồn không anh?

Bệnh bà Án càng ngày càng nặng. Lúc mấy ông thầy thuốc ở Hà thành đã chạy cả, thì bà Án gọi Tố Tâm hỏi nàng rằng:

– Bây giờ mẹ xem chừng không khỏi được, việc gia thất của con thì con nghĩ thế nào, con nói cho mẹ biết để mẹ liệu. Cha con mất đi sớm, em con còn bé dại, chú con thì bận việc quan luôn, mẹ mà nằm xuống thì nhà cửa bộn bề lắm đó, con phải yên việc gia thất để mẹ chia ra cho các con yên phận và có người mà gửi việc học hành của em con, con nghĩ sao cho mẹ biết.

Tố Tâm nghe mẹ nói khóc nức nở, ngập ngừng thưa rằng:

– Xin mẹ cứ yên lòng mà thuốc thang cho khỏe, con xin vâng nhời hết cả, mẹ bảo sao con xin theo vậy.

– Nhưng bây giờ con nói thế, lúc đến việc, con làm ngăn trở thì lại phiền thêm.

– Bẩm không, mẹ bảo thế nào con xin vâng thế, con không dám làm điều gì ngăn trở trong việc cưới xin cả.

– Thế được. Con bảo em đi đánh dây thép cho chú Huyện, bảo mẹ yếu nặng, chú sang ngay.

Nàng lui ra thì bà Án cho đi gọi mụ mối đến bảo cho lo cưới, định đến 12 tháng Chạp thì làm lễ nghinh hôn, việc cho lo trong ba bốn ngày.

Lúc đôi bên điều đình xong thì cho sắm áo sắm màn, sắm hoa kéo hột, thu xếp cửa hàng, trong nhà có vẻ rộn rịp, nửa cảnh buồn mà nửa cảnh vui.

Nhưng ai vui đâu chứ Tố Tâm thì buồn cả. Nàng như người vô hồn vậy, làm gì hỏng nấy, nói xong lại quên, tiền cầm trong tay mà kêu mất, áo để bên cạnh mà đi tìm, nhưng cứ điềm nhiên không dám thổ lộ một ý gì cả, sợ phiền đến mẹ.

Nàng cũng không cho tôi biết một chuyện gì về việc cưới. Nàng viết thư chỉ bảo tôi đợi nàng ở đường ô Yên Phụ. Lúc tôi gặp nàng thì nàng cười, nhưng vẻ cười xem ra tê tái mà mặt nàng kém sắc. Tôi lấy làm nghi vì mọi lần mà gặp như vậy thì nàng hớn hở vui cười như một cô bé sắp được đi xem hát. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện được một quãng, trên đường đê gió bụi lắm, nên chúng tôi phải rẽ xuống con đường Cổ Ngư, một bên Hồ Tây, một bên hồ Trúc Bạch. Nàng mở khăn tay đưa cho tôi một cái ghim vàng, đầu có đóa hoa lan nho nhỏ rất tinh tế, nàng nói rằng:

– Tặng anh đóa hoa này gọi là một chút di vật của người yêu anh, còn mấy bức ảnh của em đưa ngày trước thì anh bỏ đi kẻo về sau bạn gối chăn của anh nom thấy thì dễ phiền cho anh và buồn cho bạn.

Tôi nói rằng:

– Cảm ơn lòng em, nhưng anh muốn em đề cho mấy câu để cái hoa này được thêm vẻ.

Tôi nói rồi đưa bút máy và giấy cho nàng. Nàng vừa đi vừa nghĩ rồi kề giấy vào gốc cây mà viết mấy câu rằng:

Tặng ai một đóa hoa này
Hoa ơi hoa nhớ lấy ngày hôm nay

Trên giời phấp phới mây bay
Bên người có nước Hồ Tây soi lòng.

Tố Tâm kính tặng.

Tôi rất vui lòng mà nhận lấy. Mấy câu nàng thốt nhiên mà viết ra thì tả thật được tính tình, chứ không phải thứ văn nghĩ sẵn.

Nàng đưa mấy câu cho tôi, rồi giục tôi đi nhanh, gặp một cái xe sắt, nàng gọi lại rồi bảo tôi rằng:

– Em có việc cần phải về ngay, anh cho phép em đi trước.

Tôi ngăn lại thì nàng nói:

– Thôi anh để em đi.

Rồi nàng khóc òa lên mà nói rằng:

– Thôi, từ đây thì anh không thấy em nữa đâu! Nàng gục đầu vào vai tôi như sắp ngã xuống, tôi phải giữ lấy nàng, nước mắt nàng thấm ướt cả vai áo, đầm đìa chảy xuống tận ống tay và ướt cả "ca vát" vì nàng lấy lau mặt. Tôi lấy khăn lau nước mắt cho nàng, rồi dìu nàng lên xe ngồi, sợ nàng ngã. Nàng lên xe thì bảo thằng xe chạy thẳng.

Tôi đứng ngẩn người ra muốn chạy theo xe nàng để gọi xe đưa về đến nhà, nhưng chân không bước được nữa. Tôi ngồi xệp xuống đám cỏ bên vệ đường, vai áo và khăn tay vẫn đầm đìa nước mắt Tố Tâm...

Lúc đó giời đã gần tối, tôi trông phong cảnh Hồ Tây bấy giờ ủ dột lạ thường. Tôi nhớ khi còn học trường Bưởi, chiều chiều tan học, mấy anh em ra đứng bờ hồ ném thia lia, thả thuyền giấy, cười đùa hớn hở, phong cảnh xem như cũng bỡn cợt với mình. Mà hôm nay vẫn da giời kia, vẫn mặt nước ấy, núi Tam Đảo vẫn lờ mờ đằng xa, chiếc thuyền ván vẫn từ từ qua lại thân thế năm xưa mà sao trông phong cảnh rất âu sầu hình như đương vì tôi mà thương người vừa đi đó.

Ôi! Xưa thì thế mà nay thì thế, quãng đường đời có đi mới biết, biết ái tình, biết tư tưởng càng thêm để bận tấm lòng, những nhớ lúc thơ ngây chỉ ăn cùng ngủ và yêu gia quyến mà thôi, chưa biết đời là gì, xã hội những ai...

Tính tình tôi thật khó tả, tôi chực lấy bút mà ghi lấy những chỗ éo le của lòng, nhưng bút Tố Tâm chưa giả, tôi ngồi mãi đến bảy giờ tối, kẻ qua người lại ai cũng nhìn tôi mà tôi không muốn nhìn ai cả, hình như toàn là kẻ nghịch thù với tôi, vì không ai biết mà sẻ hộ một chút buồn.

Tôi ngồi quên cả cơm tối, về đến trường thì đã vắng tanh cả, anh em bạn ăn cơm xong ra chơi cả rồi, tôi vào giường nằm không nghĩ gì đến ăn uống.

Đến sáng hôm sau tôi nhận được thư nàng gửi đến, tức là bức thư vĩnh biệt này:

Kính gửi anh Đạm Thủy,

Năm năm, tháng tháng, ngày ngày
Lần lần, lữa lữa, rày rày, mai mai
Kiếp sau xin chớ làm người
"Làm cây thông đứng giữa trời mà reo!".

Anh ơi, hiếu tình, tương phản, em đã vâng lời mẹ em trong khi ngọa bệnh nguy cấp này, việc đã sẵn sàng cả rồi, đến 12 này sẽ làm lễ nghênh hôn. Em xin chịu tội vô tình cùng anh vậy, nhưng trong lòng trượng phu, quân tử có sá chi cái thân phận liễu bồ này. Tâm sự em bây giờ có hoa đèn kia biết mà chắc anh cũng thấu hiểu hết rồi, em không phải nói dài nữa, và em cũng không muốn nói với anh làm gì, nói ra chỉ thêm phiền cho anh mà làm cho em tổn nước mắt, em chỉ muốn để đau đớn ngậm ngùi một mình mà thôi.

Từ nay là vĩnh biệt, ta chỉ thấy nhau trong giấc chiêm bao tình sum họp, cuộc truy hoan, xin để chờ kiếp khác.

Thôi, xin anh đừng tưởng nhớ đến em làm gì cho hao tổn tinh thần, anh nên cho là vận mệnh mà nguôi dần nhớ thương là phải, anh có nghĩ đến em thì nên nhớ lời em khuyên anh về công danh sự nghiệp để khỏi phí một đời tài hoa và khỏi thiệt đến nhà, thì dù em có xa lánh cõi trần cũng được yên lòng nơi chín suối.

Bức thư này là thư từ biệt, lời nói cuối cùng của em. Rồi đây, cánh hồng bay bổng, tin nhạn vắng tanh là cuộc đời bắt buộc, chứ em còn sống ở cõi trần này, còn tưởng nhớ đến anh, xin anh đừng nghĩ gì mà khổ tâm em lắm đó.

Anh ơi, an vui đâu tranh hết phần ta cả, cảnh tình này mấy lúc mà già. Thôi, từ đây, gần xa anh dù nghĩ đến, nhớ thương thì cũng mua vui bán sầu.

Giấy ngắn tình dài không tả hết, gửi mấy lời kính lại tình quân, xin tình quân soi xét cho người bạc mệnh.

Kính lạy,

TỐ TÂM

Tái bút. – Nhà đông người rộn rịp, em phải thắp nến viết trong góc buồng, chữ lệch giấy nhầu, anh xem tạm mà thứ lỗi cho.

Thư nàng viết khó xem thật, những chỗ nhòe tôi đoán là nước mắt nàng rỏ xuống ướt thư.

Tôi xem xong thư, cả ngày hôm ấy không dậy được. Có một thứ cảm giác lạ lùng nó đè tôi xuống. Tôi nghĩ đến lời từ biệt của nàng thì tôi tưởng tượng ra như sau lưng tôi trời đất sụt xuống mà thành ra một vũng tối thăm thẳm, như tôi đứng giữa bãi sa tràng. Có thế thật anh ạ. Tôi thấy thứ cảm giác lạ lùng lắm như tính tình của những người sắp từ trần, sợ cái khoảng không mịt mù lạnh lẽo trước mình vậy.

Lúc này tôi hiểu rõ là lòng tôi thương nàng xô xát với lòng tôi tiếc nàng. Tôi thương nàng phải tơi bời rầu rĩ, phần thương mẹ phần yêu tôi, phần nghĩ đến chuyện đường kia nỗi nọ sau này mà kinh, vì những lúc bàn về thế sự, nàng vẫn nói với tôi rằng "phàm cảnh vợ chồng, hợp thì vui, không hợp thì thực khổ, như đày trong cái bể thảm, không biết đâu bờ bến mà kêu ai".

Nàng chạnh lòng thương cảnh đó mà thường kể chuyện cho tôi nghe những chiếc thuyền đã bị chìm đắm trong bể này chỉ còn nhô lên một ngọn buồm con, khiến cho khách qua đường trông thấy phải than thầm cho cái mối vợ chồng đã sung sướng thì thật là sung sướng, mà đã đắng cay thì quá nỗi đắng cay! Tôi nghĩ rằng giá nàng không biết tôi thì chắc nàng không khổ tâm như vậy, mà bây giờ nàng được hưởng thú vu qui này một cách êm đềm vui vẻ như trăm nghìn cô thiếu nữ khác rất hớn hở lúc được về nhà chồng, thì tôi muốn cho nàng quên hẳn tôi đi, để nàng được cùng ai trăm năm ân ái. Tôi có chút hy vọng chắc nàng sẽ được như vậy, là vì tôi mà phải ly biệt thì buồn rầu đau đớn, nhưng ít lâu nữa, lòng nhớ thương hơi nguội nguội thì âu duyên mới mà quên hẳn tình xưa. Vả, nhân loại là giống ham mới, biết đâu người đến sau tôi đó không phải là người thanh niên tráng kiện, "mơn mởn", khéo chiều chuộng mà đoạt được cả tinh thần và thể chất của nàng.

Điều đó tôi đã thấy nhiều, mà cách đối đãi đưa đẩy cho bằng lòng đôi bên, nhiều cô cũng khéo lắm!

Tôi nghĩ vậy nên vui lòng, mà chính tôi nghĩ vậy lại càng thêm buồn bực. Tôi tiếc nàng, tiếc vì đóa hoa yêu quý của tôi mà lại rơi vào

tay người khác, nghĩ đến khi bẻ cành cấu cuống thì thấy trong lòng hiện ra một thứ tình cạnh tranh, rồi tôi lại sợ nàng quên tôi mà không muốn buông nàng ra nữa. Trong bụng nghĩ rằng nếu nàng quên tôi thì tôi giận nàng lắm, thành ra khi tôi nghe chuyện gì dính dáng đến việc cưới nàng, đại khái như "Hỉ tín" đăng trong báo, hay những câu của các bạn bình phẩm nàng thì tôi không thể chịu được. Ôi! Ái tình là gì mà sinh ra lắm vẻ kỳ quặc làm vậy.

Tôi cứ buồn rầu nghĩ ngợi tình nọ xô xát với tình kia hàng ngày như vậy.

Tôi tiếp được thư từ biệt của nàng thì tôi cũng trả lời bức thư từ biệt này:

Tố Tâm, em,

Hôm qua, em bỏ anh em về trước, làm cho anh vơ vẩn, bồi hồi, anh về nhà nằm suốt cho đến sáng hôm sau mới dậy, vừa tiếp được thư em, anh xem thư cảm động quá chừng, bát ngát đến giờ chưa hết. Nghĩ mà buồn cho ta, nhưng thôi nói sao cho xiết, cứ để mà xem, ta còn sống ở đời ta còn trông thấy lắm cảnh ghẹo người hơn nữa.

Ôi! Ai xui, ai khiến, ai bắt buộc lòng người để em phải nói đến chữ "khổ tâm" chữ "bạc mệnh"? Thôi chẳng qua ái tình dong rủi để đem người ra mà diễn một tấn bi kịch trên đời, để phản đối với cuộc truy hoan trong khi dan díu. Giá trước kia anh em ta không quen biết thì em khỏi bận lòng. Nhưng em ơi, cái bận lòng đó là biểu hiện của ái tình cao thượng, nó phân biệt người hay, người dở, người thấp, người cao đó, em ạ.

Nghe những câu "cánh hồng bay bổng" "tin nhạn vắng tanh" của em viết như nghe tiếng quyên kêu, tiếng dế gọi, mà xui ai đến bãi sa trường. Ôi! Biết làm gì, quen làm gì, dan díu làm gì cho tấm lòng thêm khắc khoải. Chả biết em xem thư này có thấu hết lòng anh chăng?

Thôi, từ ngày 12 trở đi là ngày từ biệt của ngòi bút chung tình này. Bút ơi, ngươi đã vì ta mà tả những chân tình từ bấy đến nay, thì ngươi cũng vì ta mà giữ lấy những lời chung thủy. Ta đã nói câu gì thì ta không quên, ta không quên vì ta là người chung tình, ta là người chung tình, nên ta buồn, ta buồn ai có biết chăng, ta vui ta chỉ mong rằng ai vui.

Người vĩnh biệt
ĐẠM THỦY

Tái bút. – Bao nhiêu thư của anh từ trước đến nay em sẽ vì anh mà đốt đi cả. Anh biết là đau lòng, nhưng anh muốn tránh cho em một điều phiền lụy về sau. Nếu cảnh gia thất em hòa thuận thì thư đó sẽ là một ngả nghiêng, nếu bất hòa thì thư đó sẽ là mối chia rẽ, mà bao nhiêu cái dở sẽ về phần em, anh dặn em những câu này, ấy là lòng chân thật, anh rất thương em đó. Em nên nghe anh.

Tôi gửi thư cho nàng rồi không biết tình cảnh nàng ra làm sao cả chỉ vì còn hai hôm nữa thì cưới.

Cửa nhà rộn rịp mà nàng chủ trương công việc trong nhà, lúc nàng đương bối rối buồn rầu như vậy, tôi không muốn hỏi đến nàng.

Tối hôm 11, tôi gửi mừng nàng mấy cành hoa lan buộc giải lụa tím và một đôi câu đối viết vào giấy phơn phớt xanh, tôi không mừng nàng những đồ vàng bạc châu báu vì nàng đã dặn trước đừng mừng nàng gì cả, hễ mừng nàng là mỉa mai nàng một cách chua chát.

Lúc con bé mang lễ mừng của tôi đến đưa riêng cho nàng thì nàng gọi nó vào trong buồng. Con bé ấy nói chuyện với tôi rằng cành hoa thì nàng bỏ vào quả tròn, phủ vuông vóc thêu, tôi đoán ngày hôm sau nàng sẽ mang hoa đi với nàng, câu đối và thư thì nàng bỏ vào túi áo.

Tôi đọc cả anh nghe:

Duyên mới kể từ đây, yêu bạn gọi là mừng bạn nhé,

Tình xưa dù nghĩ đến, thương nhau nên phải phụ nhau mà.

Còn bức thư tôi viết khi buồn quá, bởi lúc đó tôi thương tiếc nàng, vả lại là bức thư cuối cùng của tôi.

Mấy lời vĩnh biệt gửi em Tố Tâm.

Ngày mai là ngày vui mừng êm ái trong đời em, vậy anh xin gửi đôi câu đối và mấy cành hoa đến mừng em, gọi tỏ tấm lòng thân ái trọn năm trời đã kết thành một mối thương tâm.

Thôi, hôm nay là ngày từ biệt của ngòi bút chung tình này, từ đây sẽ vắng tanh tin nhạn, bao nhiêu chuyện tình xưa nghĩa cũ, sẽ theo mây bay gió thổi mà mơ màng như giấc chiêm bao... Những khi canh tà trăng xế, khi mưa sa trước cửa, khi gió thổi bên màn, khi em soi gương thấy bóng hay ngồi không mà ngẫm nghĩ một mình, nếu em nhớ đến ai xưa thì chỉ nói một câu rằng: ấy là người yêu ta ngày trước đã vì ta mà mừng giận, vui, buồn, vì ta mà đành chịu là người không chung thủy.

Em chỉ nói thế thôi, chỉ nghĩ thế thôi, rồi quên đi, quên đi mà, thương làm gì, nhớ làm gì, phảng phất làm gì, cho tấm lòng thêm khắc khoải! Anh muốn em quên hẳn anh đi để cho em có thể hưởng lấy thú sum vầy trăm năm cùng ai thân ái. Thôi, mấy lời gửi lại, nói sao cho tỏ hết nỗi lòng.

Anh xem thư này thật bởi lòng tôi quá thương yêu nàng mà viết, thế mà vẫn có một vài câu chua chát, ấy cũng bởi lòng tôi tiếc nàng.

Sáng 12 là ngày cưới nàng, tôi định ra xem đám cưới vì có giấy mời, nhưng tôi biết chừng không thể đứng xem được, vì không thể đứng mà trông được những chuyện buồn rầu nó ghẹo mình.

Sáng sớm hôm ấy trời mưa phùn một hồi lâu mới tạnh, chiều trời ủ dột thật đúng với câu:

Trời hôm mây kéo tối sầm,
Rầu rầu ngọn cỏ, đầm đầm cành sương

Vì thế, hôm ấy tôi nhờ anh ra xem hộ, nên anh mới biết câu chuyện này của tôi, nhưng tôi chắc lúc ấy anh cũng tưởng là một việc thường, không nghĩ đâu đến tấn bi kịch. Hôm ấy, tiếc rằng anh có lòng chịu khó với bạn mà chậm quá nên chỉ thấy xác pháo đầy sân, vết xe lấm đất, trong nhà có một bà cụ đương nằm bưng mặt sụt sùi. Nếu anh ra sớm chắc được trông thấy vẻ mặt và tình cảnh nàng lúc bước chân ra.

Từ đó tôi không thấy tin tức gì như cách nàng mấy vạn dặm.

CHƯƠNG IV

Năm hôm sau, tôi gặp con vú hầu nàng, *tôi hỏi rằng:*

– *Mợ Tú có mạnh không?*

– Thưa thầy, chị Lan con yếu...

– Yếu làm sao?

– Bẩm chị con sốt ngay từ hôm 11. Mấy hôm nay không ăn được, ho luôn, mà ho làm sao ấy, con nghe trong nhà thì thào mời thầy thuốc, hôm nhị hỷ không về đằng bà con được, mấy hôm sau mới về, phải ngồi xe che kín.

Con vú nói có vẻ buồn, chứ không cười cợt như ngày trước nó nói chuyện cô nó với tôi.

Tôi lại hỏi:

– Bà lớn bớt chưa?

– Bà con uống thuốc ông lang bên huyện đem sang chữa, nay đã bớt nhiều lắm. Bà con đã dậy được.

Tôi vội việc nên không hỏi nhiều, chỉ thở dài một tiếng rồi quay đi.

Thời giờ thấm thoát đã gần đến tết Nguyên đán rồi, đã đến ngày tôi trông thấy nàng lần thứ nhất, lòng thương nhớ nàng vẫn không thể nguôi. Tôi cố dẹp lòng, tạm quên nàng đi, không hỏi gì đến tin tức nàng, không xem gì đến những dấu tích của nàng để lại; thế mà không sao quên được. Nhưng vẫn tuyệt vô âm tín, không biết gì đến nàng. Tôi phải giữ ý cho nàng, vì nàng bây giờ đã thuộc về cuộc đời khác.

Đến mùng năm tháng giêng, hôm ấy là ngày hội chùa Đồng Quang, tôi xuống Thái Hà xem hội, lúc bước chân lên xe điện thì chợt thấy nàng ngồi trong ghế hạng nhất cùng với một bà cụ già và một thiếu nữ. Nàng bịt một cái khăn tua đen, mặt xanh, sút đi đến bốn năm phần, in một vẻ buồn rầu kín đáo, cái vẻ mặt xanh, mắt lờ đờ thu vào trong cái khăn vuông đen, có một thứ đẹp thanh đạm lạ thường hình như phảng phất khí thiêng liêng, khó mà tả ra được. Tôi trông thấy mặt nàng thì nhớ đến bức tranh vẽ bà hoàng hậu "Ơ giê ni" trong quyển Đại Pháp Sử ký của ông Malê soạn trong lớp Triết học. Bà cũng trùm một cái khăn đen, dung nhan bà cũng đeo một vẻ buồn cao xa kín đáo như vậy; thành ra về sau tôi giở đến quyển sách ấy là nhớ đến nàng, có khi ngắm mãi không chán. Tôi đứng dòm mãi mà nàng không biết, vì xe đông người. Lúc nàng chợt trông thấy tôi thì nàng quay mặt đi, tôi lấy làm giận lắm. Lạ thay! Tôi đã muốn nàng, đã bắt nàng phải quên tôi đi, thế mà nàng không nhìn thì lại giận, cho nàng đã quên tôi rồi, sau tôi cũng nguôi lòng mà cho nàng cũng như nhiều người thiếu nữ thường tình khác, tôi cho nàng đã chịu thứ thuốc "lấy chồng" của tôi cho nàng uống để nàng quên tôi, tôi lại mừng thầm là thuốc của tôi công hiệu.

Thôi thế càng hay, mà nàng xử vậy cũng phải vì lòng tôi khỏi phải bận bịu đến nàng mà nàng cũng khỏi phải khổ về thương nhớ tôi nữa. Tuy vậy nghĩ đến tình tôi xử với nàng, lòng tôi thương yêu nàng ngày trước với lòng tôi đau đớn vì nàng mấy hôm nay, thì tôi lại bứt rứt, chỉ đứng chực cho nàng quay lại để thấy con mắt tôi ngạo nàng, nét mặt tôi làm ra điềm nhiên nguội lạnh, nhưng mãi lúc

xe điện đến nơi nàng cũng không dòm tôi nữa. Tôi nhảy xuống trước để nàng phải trông thấy mặt tôi, nhưng lúc xuống nàng giương ô ra che về phía tôi đứng, nên tôi không thấy mặt nàng nữa.

Nghĩ mà căm tức vô cùng.

Tôi không vào chùa nữa, đi vào chơi nhà người bạn trong ấp Thái Hà.

Từ đó tôi nghĩ đến nàng, lúc thì thương, lúc thì giận, nhưng tôi vẫn vững lòng rằng nàng không thể quên tôi. Kỳ thay!

Cách đó nửa tháng tôi đương ngồi trong lớp thì nghe mấy người bạn bảo nhau rằng: "58" chết rồi.

Bạn lại đèo thêm mấy câu bình phẩm rằng:

– Thiệt cho B. lắm nhỉ? Ái ân mới được hơn một tháng, rõ là cuộc đời giấc mộng!

Một người nữa đọc rằng:

– Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu [1].

Tôi nghe mấy lời sét đánh bên tai không thể ngồi lớp học, phải vào buồng nằm, nhưng chưa chắc tin có đích thực không, muốn cho người ra hỏi thì đã đến chín giờ tối rồi, bồi bếp về hết không sai ai ra được nữa. Tôi đương thẩn thức thì có nhật trình đưa đến. Tôi vội ra lớp học lấy xem thấy mấy dòng "ai tín" rằng:

Bản quán tiếp được tin buồn bà... mất sáng hôm nay, đến đúng 8 giờ sáng mai thì đưa đám...

Tôi tính từ "hỷ tín" 12 tháng chạp cho đến "ai tín" 18 tháng giêng được 36 ngày. Tôi buồn quá phải nằm xuống ghế, bạn ngồi gần hỏi, tôi nói là mệt, bạn phải đưa vào buồng nằm. Sáng hôm sau tôi lén ra, mặc quần áo ta rất sơ sài đến tận tang gia thì thấy xe tang đã để trước cửa, trong nhà có tiếng khóc bi ai. Tôi đứng lẫn với người đi xem. Lúc đưa áo quan nàng ra tôi trông thấy thì chân tay run lên không đứng vững, phải ngồi lên một cái xe cao su. Một lúc đám đi, tôi cứ đón đường mà đợi, hai ba lần đi qua đám, tôi đã toan đi lẫn với người đi đưa, nhưng có nhiều người nhìn tôi hình như biết chuyện, tôi sợ làm bận đến linh hồn nàng, nên phải về, vả đám ma đưa về tận quê nàng, ở gần Hà Đông, tôi không đi lâu được.

---

1. Người đẹp từ xưa như tướng giỏi,

Không muốn nhân gian thấy bạc đầu.

Tôi trở về cả ngày hôm ấy không ăn, cả đêm hôm ấy không ngủ, nào thương, nào nhớ, nào sợ, nào buồn, nào mơ màng, hối hận, tôi nhìn bốn góc tường, chỗ nào cũng hình như trông thấy nàng vơ vẩn. Có khi tôi nằm trong màn rõ ràng mở mắt mà thấy nàng đứng sau cửa kính nhìn tôi, tôi ngồi dậy chạy ra nắm lấy nàng thì đụng vào cửa, đứng dừng ngay lại.

Hôm sau, gặp ngày chủ nhật, sáng sớm tôi về Hà Đông thăm mộ nàng, xuống Ngã Tư Sở còn phải đi vào 3, 4 ki lô mét. Trời mưa, đường lội, gió bấc thổi vù vù. Tôi về đến làng theo những thoi vàng rắc hôm trước mà tìm đến chỗ nàng an giấc nghìn thu. Ở giữa quãng đồng không vắng vẻ, gió thổi, mưa sa, một nấm mồ nằm bên cái gò con cỏ úa, in vết trâu bò qua lại và dấu chân những người đưa đám mới đi. Bốn bề vắng, lạnh, duy chỉ có tôi đứng chỗ một trời một đất với mộ nàng, xa trông những hạt mưa bay mờ mờ trắng, mấy hàng tre gió lướt đổ ngà ngà, những con chim bạt gió kêu bầy, mấy con bê lạc đàn gọi nạ... Tôi nghĩ đến lúc đi chơi với nàng ở các quãng vui bao nhiêu thì bây giờ lại buồn bấy nhiêu, nhưng vui kia chỉ vui một lúc mà buồn này chưa biết đến bao giờ mới nguôi!

Tôi buồn rầu thương nhớ nàng như vậy người mệt quá, ngồi xuống một đám cỏ vàng, bên cạnh mộ nàng mà viết mấy câu viếng. Viết xong đọc đi đọc lại, tựa hồ nàng cùng nghe với tôi, như những lúc tôi đọc văn thơ cho nàng bình phẩm. Tôi xưa nay hay lấy khoa học mà cắt nghĩa cái chết, chết là hết, chết là tan như vạn vật trong vũ trụ vậy. Nhưng lúc đó, bởi lòng tôi rất thương tiếc nàng, thấy nàng còn phảng phất bên tôi, tưởng tượng ra như nàng nghe những lời tôi vừa khóc nàng, mà cái chết lại hiện ra cho tôi là cách đổi dời mà thôi. Lòng tôi cũng muốn tưởng tượng ra như vậy để được hô hấp hương hồn của nàng. Người ta sở dĩ chuộng tôn giáo chỉ tại những lúc này.

Tôi ngồi bên mộ nàng đến hai giờ đồng hồ mới dậy. Lúc lên xe về người rất mệt mà tôi coi vẫn là thường. Tôi cứ quay đầu lại chỗ mộ nàng cho đến khi khuất mấy hàng tre không trông được nữa. Trong lòng nghĩ rằng, sau lúc tôi thăm có ai đến thăm nàng nữa không? Mẹ nàng thì già, em nàng thì dại, người tân lang của nàng có thật là người biết thương nàng không? Rồi đây là đường xá xa xôi, mỗi ngày một nhạt, có ai thăm viếng nàng luôn mà đem tấm lòng ấp lấy nấm mộ kia cho khỏi lạnh lùng vắng vẻ, hay rồi cũng để đùn cỏ lấp, bốn mùa mưa gió giãi giầu mà thôi.

Nghĩ mà bát ngát.

Còn một điều tôi ân hận nữa không biết nàng yếu làm sao mà vội từ trần sớm thế? Hoặc là khí trời hung độc nàng cảm bệnh mà không gỡ ra, hoặc là thương tôi mà mình hao sức kiệt, hoặc nàng giận duyên tủi phận mà tự mình vội hủy mình đi... Tôi lấy làm phân vân quá, nghĩ hỏi cho đích thực cũng khó lắm.

Tối hôm ấy tôi đi tìm con vú hầu nàng để hỏi chuyện, vì chỉ hỏi dò nó là biết được. Lúc tôi đi qua cửa nhà bà Án, con vú thấy tôi thì chạy ra. Tôi hỏi Tố Tâm chết về bệnh gì, nó nói rằng nó chỉ thấy sốt và ho ra huyết, không ăn không ngủ được, dần dần kiệt sức như ngọn đèn hết dầu. Lúc sắp chết tỉnh lắm, hỏi gì cũng biết nhưng không nói một câu gì cả. Suốt ngày cứ nhắm mắt nằm yên, lúc tắt chỉ lẩm bẩm mấy tiếng như gọi ai, rồi thở dài một cái mạnh là về.

Con vú đương nói thì có người trong nhà đi ra, nó phải chạy vào. Một lúc tôi cũng vào nhà bà Án. Lúc đó không còn ngại gì đến chuyện trước chỉ nghĩ thương tiếc Tố Tâm mà coi như một việc bổn phận phải đến thăm mẹ thăm em nàng, dù có bị bạc đãi cũng cam tâm. Nhưng lúc tôi vào nhà, bà Án thấy tôi thì khóc. Chả biết Tố Tâm có dặn lại gì không mà bà Án không nói gì cả. Cậu em vẫn thấy kính yêu như ngày trước. Tôi cũng ngạc nhiên. Tôi nhìn vào chỗ Tố Tâm ngồi ngày trước thấy bức ảnh nàng để trên bàn, khói hương nghi ngút, ngọn nến hắt hiu, tôi không sao mà cầm nước mắt được, nghĩ giọt lệ của thiếu niên cũng lạ, thật ít mà thật nhiều! Tôi đứng thẫn hồi lâu, không nói năng gì cả, mà cũng không hỏi gì đến tình trạng Tố Tâm, một là sợ gợi phiền, hai là lúc đó khó mà biết ngay được. Tôi định để hỏi dần về sau. Lúc tôi về, ra đến cửa thì cậu Tân đưa cho một cái gói mà nói rằng:

– Em vâng lời chị em trối lại mà đưa cho anh cái gói này.

Tôi cầm cái gói, cảm ơn cậu em, hẹn đến thứ năm sẽ ra. Hai người cùng ứa nước mắt.

Tôi về mở gói ra xem thì thấy một hộp Nhật Bản, chính là hộp này đây. Trong hộp toàn là thư từ và những di vật tôi đưa cho nàng, còn cả từ cành hoa lan đưa hôm cưới đã khô đi rồi, duy chỉ bức ảnh của tôi là không thấy. Không biết nàng bỏ đi trước lúc cưới, hay nàng đem chôn tôi với nàng? Lẽ đoán này thì chắc hơn vì nàng không chịu bỏ đi một tý gì của tôi cả, từ những sợi chỉ buộc giấy cho đến giải lụa buộc hoa cũng còn nguyên cả. Dưới những di vật đó

có để một quyển sổ con đề mấy chữ "Lời nói cuối cùng". Tôi mở xem thì ra quyển nhật ký của nàng chép chuyện từ lúc xa cách tôi.

Đạm Thủy đưa quyển sổ con cho ký giả rồi gục đầu vào vai ký giả bắt đọc cho nghe những ký sự, hình như bạn tôi muốn ôn lại những câu tâm huyết đó cũng như người đượng buồn muốn nghe gẩy khúc nam ai:

Ngày mùng 9 tháng chạp

"Sau khi em đưa anh đóa hoa lan và nói cùng anh mấy câu từ biệt thì lòng em như cắt, tinh thần khác hẳn đi như người vô hồn. Hôm ấy em vội về ngay là ý em gặp anh chỉ để tặng anh một đóa hoa gọi là chút di vật của người sắp vĩnh biệt. Em ở lâu sao cho phải. Ở nhà công việc bộn bề, mẹ em thì yếu nặng. Em biết em dứt về như vậy, em để anh thương nhớ ở giữa quãng đường, nhưng nếu em đứng lại mà tự tình với anh lúc nữa thì em đã làm con ma ở Hồ Tây rồi.

Về đến nhà em viết thư từ biệt anh mà không sao viết được, cầm đến bút thì nước mắt tràn xuống ướt cả giấy, nhòe hết mực. Em viết mãi mới được một bức thư".

Ngày mùng 10

"Chiều hôm nay em tiếp được thư anh, thật là bức thư xé ruột, em đọc đi, đọc lại nát cả thư. Anh ơi tính tình anh đằm thắm làm gì, văn chương anh réo rắt làm gì để xé tâm can em như vậy? Lòng em anh lấy hết rồi, hồn em anh thu hết rồi, sao anh gieo sâu trong tâm can một mối tính tình đằm thắm làm vậy, để nhớ thương đau đớn thế này, em đau đớn mà em phải cố gượng làm tươi cho yên lòng mẹ em khi bệnh nặng, và để che mắt chị em ở các nơi về; họ tinh quái nghịch ngợm lắm, anh ạ. Các cô cứ lấy những chăn màn gối đệm mới mà giễu cợt em; các cô lấy thế làm thích. Phải, người con gái còn cảnh nào êm ái bằng lúc trông thấy những chăn buông màn xuyến, những hòm da phủ mảnh nhiễu điều bày chung quanh mình, nhưng các cô càng giễu cợt em bao nhiêu thì em lại càng khổ tâm bấy nhiêu, mà em vẫn phải làm vẻ mặt điềm nhiên lấy cái cười chạy qua nước mắt mà đối lại...".

Ngày 11

"Chiều hôm nay em nhận được lễ mừng của anh, đa tạ lòng anh. Anh cũng khéo lựa vật mà mừng em như vậy, nhưng thấy lễ mừng của anh đưa đến, em lại đau lòng. Hoa của anh em bỏ vào quả trầu để ngày mai đi với em, còn thư với câu đối thật là hai con dao cắt ruột!

Thương nhau nên phải phụ nhau mà!

quả thế, anh ạ. Ta chỉ vì thương nhau, không muốn để cho nhau thiệt nên đến tình cảnh này. Em xem thư và câu đối của anh, em phải gục đầu xuống gối, em mơ mơ màng màng hồn đi đâu mất, em không khóc được nữa, hình như em hết nước mắt rồi. Em nằm một tý thì lại có người vào gọi dậy để hỏi công việc. Em mệt quá đi mất, em sốt, em ho, anh ạ. Thế mà em không được nằm, em không dám nằm có khổ không anh? Ngày thì công việc liền tay không khi nào hở, đêm thì thổn thức nỗi lòng không khi nào yên. Em không thể nhắm mắt được".

Ngày 12

"Hôm nay em là bộ máy vô hồn, ai vặn thế nào xoay thế ấy. Bảo em đi thì em đi, bảo em đứng thì em đứng, bảo em lễ thì em lễ, bảo em chào thì em chào, không bảo thì em cứ đứng yên thế mãi. Các bà, các cô bắt khổ em làm lễ bái quá mà bây giờ em cũng quên hết không biết là làm những gì. Em chỉ còn nhớ rằng lúc em bước chân ra, mẹ em khóc như mưa như gió, lúc em ra đến cửa, em tưởng như anh đương đứng ở một cái góc nào đó mà chào em bằng nửa miệng cười, em vẫn sợ cái lối mỉm cười chua chát của anh. Em nhớ cả rằng hôm ấy chiều trời ủ dột, hình như cảm động đến tiếng than khóc của em.

Em vẫn còn sốt lắm, người mệt lử đi mà ngực tức khó thở".

Ngày 14

"Hai hôm nay em vẫn còn sốt, không ăn không ngủ được. Em chợp nhắm mắt thấy anh, em mở mắt ra là tưởng đến anh, hình như tinh thần em anh đã thu hết cả. Em không sao mà ngủ đi được một lúc, nên đêm em cứ dậy viết mấy dòng này cho anh, vì em viết ban ngày không tiện, em đợi khi cả nhà ngủ lặng, chỉ còn một mình em với con vú nó ngồi với em trong cái buồng vắng vẻ này. Em ngồi kê vào gối mà viết. Em nhờ được cái bút máy em lấy của anh hôm nọ

nên để lại cho anh được mấy lời tâm huyết này. Lẽ ra thì em không viết cho anh những lời này là phải, vì lấy cái thường tình của người không hiểu câu chuyện mà nghị luận thì em đã sang cuộc đời khác rồi, em phải cư xử làm sao cho trọn vẹn, không được tưởng gì đến anh để khỏi phạm vào cái vòng "bất tín" và khỏi trái lời anh.

Nhưng không anh ạ, anh xá tội cho em mà xin trời kia cũng chứng minh hộ. Em bao giờ cũng là gái duy nhất, em đã đem lòng yêu anh thì bao giờ em cũng yêu anh, em đã yêu anh thì không thể yêu ai được nữa. Từ khi em bắt lòng em không được tưởng đến cuộc trăm năm với anh, em vẫn yêu anh mà đinh ninh giữ lấy một mối tình vô hy vọng cho suốt cả đời em; để sau khi hương tỏa khói tan, em chỉ nghĩ một câu rằng ta đã biết luyến ái mà chữ chung tình đã được vẹn toàn là đủ thỏa. Em lại định rằng em không yêu thì không lấy ai cả, vì sợ để thiệt hại đến một người thiếu niên và cũng không có lòng nào mà yêu như vậy, nhưng trời không cho thế, phú cho em một tấm lòng rất yêu quý mẹ em, lại để em vào lúc gia đình bối rối, nên em phải vâng lời mẹ em, thôi đành để nhắm mắt đưa chân vậy. Vì em có liều mình đi nữa thì lại để tiếng cho nhà, mà khổ cho mẹ em lắm. Lúc em đã trót nhận lời đi rồi thì em định rằng, nếu trời còn để em sống thì em đem hết nền giáo dục của em mà hầu hạ tân lang em như một người tôi tớ, hay là một bạn, thứ bạn mà thôi. Tình cảnh như vậy, em bộc bạch hết anh nghe; còn anh quở trách em hay kết án em những tội gì, em cũng xin vái trời mà chịu cả. Em có thứ cảm giác biết trước là em yêu, đời em không được bao lâu, nên việc đời xoay đến thế nào cũng được. Em cũng biết là phiền nhà tân lang lắm, nhưng cũng chả còn mấy ngày, tân lang em cũng đỡ được cái nợ".

Ngày 15

"Hôm nay người ta gọi là tứ hỷ, em mệt lắm vì mấy hôm trước em khái huyết, nhưng em cũng gắng dậy mà về thăm mẹ em và lễ nhà thờ, vì hôm mười ba em sốt lắm, vả trời mưa to nên em không về được. Hôm nay trời cũng còn mưa đường lội, cảnh vật âu sầu hay là tại em buồn mà trông ra thế? Em ngồi xe che kín, lúc xuống cửa hình như ai cũng nhìn em mà em chả dám nhìn ai cả, nhất là chỉ sợ trông thấy anh. Mẹ em đã bớt nhiều rồi, nhờ được ông lang bên huyện, chú em đưa sang chữa, thật là cải tử hoàn sinh. Giá ông chữa

cho mẹ em trước hôm mùng tám thì có phải ông cải tử được hai người không anh nhỉ?"

Ngày 18

"Em vẫn không ăn không ngủ được. Hôm nay trời hơi có ánh sáng chiếu vào buồng em, em tính ra xa cách anh đã được mười ngày, mười ngày nhớ thương buồn bực. Em trông qua cửa kính về phía trường anh, em ngồi dậy chỉ thấy nóc nhà chi chít, mấy dãy cây lá rụng bỏ phơ cành. Chắc anh chả nghĩ rằng có một người ngồi một mình trên gác, đau yếu buồn rầu đương trông anh nhỉ. Anh có thuốc gì làm cho em quên anh để em ngủ một lúc không anh? Anh có thì anh gửi đến cho em, còn thuốc thang em uống hai ba thứ một ngày chắc chả làm cho em bớt được.

Lúc trưa em tìm thấy trên bàn một gói thuốc lá của tân lang em lúc vào thăm em bỏ quên lại, em lấy hút. Anh ơi, cái thói đài các rởm của đàn bà hút thuốc lá mà anh bắt em bỏ ngày xưa, hôm nay em xin mạn phép anh một lúc nhá. Em ho mà em vẫn hút. Em hút thấy tức ngực thêm mà em không muốn thôi. Lạ quá anh ạ, trong mình em không muốn kiêng một tý gì. Cửa bỏ ngỏ em cũng không bảo đóng, cơm đưa lên em cũng không muốn ăn, màn em cũng không cần buông, đèn em cũng không bảo tắt, giá đừng bắt em uống thuốc thang gì thì em dễ chịu lắm. Em không hiểu sao, anh ạ. Có một điều là em cẩn thận là em không lộ ra cho ai biết là em âu sầu, mà cách xử với người nhà em vẫn phân minh lắm".

Ngày 28

"Mấy hôm nay tình cảnh em vẫn thế, bệnh có phần thêm. Cả ngày em chỉ trùm chăn nằm mà nghĩ đường kia nỗi nọ buồn rầu thương nhớ anh mà thôi.

Anh ơi, có phải hôm nay là ngày anh mất ví năm ngoái không, là ngày em chợt nom thoáng qua anh không? Cuộc kỳ ngộ vừa trọn một năm trời mà tình thân ái hình như cũ hàng mấy thế kỷ. Hôm nay là ngày gì mà cái ví giấy của anh lạc vào nhà chú em để em xem đến mà sinh tình luyến ái anh đến thế?

Anh ơi, em một ngày một yếu, vẫn không ngủ không ăn được. Từ hôm nọ đến nay đã mời mấy ông lang rồi. Nhà thì bảo uống thuốc

ta, tân lang em thì mời đốc tờ, một ông bạn học trường thuốc lại khuyên đưa vào nhà thương chữa cho tiện. Em muốn xin về bên mẹ em, nhưng bà Phán em không bằng lòng. Em nghĩ như thầy thuốc nào cũng vô ích cả. Nhưng bảo em uống gì em cũng uống; đắng cay, chua, chát thế nào em cũng uống như không, em không cau mặt chút nào, mà cũng không hề gắt đầy tớ lấy nửa tiếng. Tân lang em vẫn ra vào săn sóc, em vẫn kính mà không yêu, không hiểu sao vậy?"

Ngày mùng 5 tháng giêng

"Hôm nay là ngày hội chùa Đồng Quang. Người em hơi thấy có bớt. Mẹ em cho người đến xin phép đi lễ chùa cầu an, bà Phán em lấy làm phải, sắm sang lễ vật cùng đi với em.

Lúc em đương ngồi trên xe điện chợt nom thấy anh đứng đầu toa thì mặt và chân tay em hình như nóng lên trong mình khác hẳn. Em vội quay đi không dám nhìn nữa, vì nhìn anh thì thế nào em cũng phải ứa nước mắt. Lúc đó mà khóc thì anh nghĩ tình hình ra sao?. Nên em không nhìn anh nữa. Tuy vậy, em vẫn nhìn anh trong cửa kính, em biết anh vừa giận vừa buồn, em biết anh tưởng em quên anh, nên anh có dáng khinh bỉ cho là hạng người rất tầm thường, không hiểu nổi tính tình của anh, anh chực bắt em phải dòm nét mặt nguội lạnh ngạo đời của anh, để rửa cơn giận. Sao anh ác nghiệt thế, anh? Em đã chết từng đoạn ruột, trông thấy anh không dám nhìn, thế mà anh chả thương phận liễu nhược này, lại còn đem lòng sắt đá của nam nhi ra mà chọi. Vâng em biết đem lòng ra mà chọi thì bao giờ em cũng chịu thua, vì lòng nhi nữ chúng em không chịu được cái nỗi cắt gan ấy. Tuy vậy, em biết anh giận, em làm cho anh giận thêm, để anh ghét là đứa vong tình mà quên hẳn em đi cho lòng anh khỏi bận bịu, để anh đem hết ái ân góp lại mà đắp vào cho người sắp cùng anh tính cuộc trăm năm. Quả lòng em như vậy, cho nên lúc xuống xe, em lấy ô che cho khỏi trông thấy anh, mà anh cũng đừng nhìn em nữa. Ôi! Cũng cái ô ấy mà xưa em lấy em che cho anh, nay em lại lấy ngăn anh, nghĩ mà đau lòng anh nhỉ? Lúc đi đã định đi xe cao su cả, nhưng nghe lời nói đường về Ấp đương chữa, nên phải đi xe điện, có lẽ là lòng trời muốn cho em được trông thấy anh một lần cuối cùng".

Ngày mùng 9

"Anh ơi, hôm nay em lại thấy mệt lắm, em sốt hâm hấp và ho luôn. Mấy hôm trước em đã bớt, nên nhà mới cho em đi chùa. Em đi về lại ốm thêm. Lúc em nom thấy anh thì người run lên như có sức mạnh, nhưng em về nhà thì bệnh lại tăng. Em xem tinh thần và thể chất em cũng kém lắm. Sáng hôm nay em lấy gương soi thấy mặt gầy gò xanh mướt, em ứa nước mắt một mình. Anh ơi giá anh trông thấy em bây giờ thì anh không biết là ai nữa. Tố Tâm của anh hôm nay không phải là Tố Tâm ngày trước, vui cười hớn hở, chạy theo anh ở các quãng đồng, ngồi với anh trên bãi bể. Tố Tâm này đã đào phai liễu ủ sắp đến ngày gần đất xa giời. Ôi, xưa thì thế mà nay thì thế, đường kia nỗi nọ bởi vì đâu? Tài mà chi, sắc mà chi, tình ái mà chi, chẳng qua là những thứ bụi hồng dính vào đâu là khổ đó! Em nói vậy chứ em vẫn coi cái khổ là thường, em giơ hai tay mà đỡ lấy. Em vẫn chê những kẻ không điềm nhiên mà chịu những nỗi đau lòng của mình phải kêu ca cầu khẩn. Anh ơi em có một thứ cảm giác biết trước là em không thể sống được nữa. Hình như em đã thấy cái chết vơ vẩn trên nóc dưới thềm. Trong khi đàm luận anh thường bảo em chết là tận, chết là hết, sau khi chết không còn dính gì với cõi trần này, như mảnh khói tan, như cành cây gẫy, gió mưa mục nát là xong...

Nhưng không anh ạ, em tưởng tượng ra như chết rồi vẫn còn vơ vẩn trên không. Em coi chết là thường lắm, em không sợ một chút nào, em điềm nhiên mà chịu được hết, dửng dưng nhắm hai con mắt lại, ôm lấy cái khổ não bên mình. Em không cần than khóc lấy nửa tiếng, và em cũng muốn tưởng tượng ra là chết vẫn không tan để còn có hy vọng một ngày kia lại được gặp anh, và để cho cái chết có một chút ý vị. Anh ơi, tại anh đặt cho em hai chữ Tố Tâm nên em bạc mệnh, có phải không anh? Em nói bỡn đó, chứ nếu có phải vì anh mà bạc mệnh em cũng thỏa lòng".

Ngày 12

"Kể từ hôm em bước chân về nhà chồng đến nay là một tháng, một tháng em ốm đau, buồn bực, thật ngại cho em mà cũng phiền cho nhà tân lang em lắm. Công của chạy chữa cho em không biết lấy gì mà bù. Em vẫn biết thuốc thang không thể khỏi được, nhưng em không dám hở ý ấy ra. Em biết em không thể khỏi được

nên em cũng mong cho đến ngày tận số cho khỏi phiền đến nhà tân lang em.

Sáng hôm sau tân lang em vào buồng em, tiếng giầy đi rất mạnh, ngồi xuống cái ghế để bên giường em rồi lấy một bức thư ra giơ cho em xem mà hỏi rằng:

– Có phải thư gửi cho mợ không?

Em xem thấy nét chữ anh, thấy tên em thì em lạnh người đi, nhưng em cũng định thần ngay mà giả nhời rằng phải. Bức thư ấy nguyên là thư vĩnh biệt của anh hôm nọ, em lấy xem, em bỏ quên trong áo gối. Lúc con vú tháo áo gối thì như vương đi đâu mất. Em tìm không thấy nữa mà không dám hỏi người nhà, đành để cho mất. Tân lang em hỏi ai gửi. Em nói thật là thư vĩnh biệt của anh. Em nghĩ không giấu được nào mà lúc này cũng không muốn giấu nữa. Vả em xem chừng nguy cấp không thể khỏi được thì gửi lại mấy nhời bái tân lang em để đền bù cái công đeo đẳng và nghĩa kết duyên, để xa lánh cõi trần cho nhẹ bước. Nhân lúc này tân lang em đã hiểu rõ câu chuyện thì em thưa lại để bái tạ cho xong. Em nói rằng:

– Tôi được làm bạn với cậu bởi đôi bên bác mẹ bằng lòng mà cũng bởi ân xưa nghĩa cũ của hai nhà đi lại. Tôi không được biết cậu mà cậu cũng chỉ mới biết mặt tôi. Hai ta chưa có chút gì là thương yêu mà cũng không có lòng gì ghen ghét. Tôi xin thưa thực cùng cậu rằng lòng tôi đưa gửi cho Đạm Thủy đã ba bốn năm nay rồi, chỉ vì một chuyện riêng mà hai bên không thể kết duyên được. Tôi về hầu hạ cậu là bởi tôi phải vâng lời mẹ tôi lúc vạn tử nhất sinh. Tôi thương mẹ tôi nên không dám trái lời, thành để thiệt đến cậu, tôi phiền đến cậu là tôi không thể yêu được hai người, mà cũng không lòng nào mà yêu như vậy; tôi cũng biết là tôi có lỗi, nhưng cậu là người có học thức cậu cũng biết cái nỗi éo le của lòng người. Tôi vẫn muốn quên những chuyện xưa để xử với cậu cho đôi đường trọn vẹn, thôi thì hầu hạ cậu như một người tôi tớ, không dám nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, cho trọn một đời tôi. Nhưng tôi chỉ khiến được lòng kính mà không khiến được lòng yêu. Lòng tôi thực thì tôi cứ xin thực mà thưa. Nếu cậu hiểu đến khuất tình của tôi, cho tôi là một thiếu nữ quá chung tình thì tôi xin cảm lòng, nếu xét theo lối thường đời cho là một gái nguyệt hoa thì tôi cũng vâng chịu. Bây giờ việc đã trót ra như vậy, tôi bái tạ để cảm công trình đeo đẳng và nghĩa kết duyên bấy lâu.

Em nói xong thì ngồi dậy chực bái tạ tân lang em nhưng tân lang em gạt đi không nhận, ngồi im một lúc, nét mặt rầu rầu, rồi đứng dậy quay ra. Em xin lại bức thư thì tân lang em lại xé đi, rồi thủng thẳng bước ra, khẽ khép cửa phòng lại. Em không hề dám có chút tức giận nào cả. Em chỉ thương anh mà thôi. Em trông bốn mảnh giấy mà động lòng. Giá tân lang em mắng em, đánh em, em cũng không khổ tâm bằng thấy xé bức thư vô tội ấy. Nhưng phải lắm anh ạ, nên em có dám phàn nàn gì đâu. Giá đã đến chuyện vùi hoa dập liễu nữa mới đúng với đời, vì ở đời đã có mấy người có từ tâm quảng đại, ý tưởng cao xa, xét việc đời tìm đến căn nguyên, khi đã hiểu thấu thì có thể xéo lên những thường tình ghen ghét đạp đổ được những nhời bình phẩm nhỏ nhen. Em biết vậy nên em cứ điềm nhiên vẫn đành lòng mà nghe những tiếng mỉa mai, những nhời sỉ vả, dửng dưng ôm lấy nỗi lòng mà đợi ngày tạ thế, hoặc sẽ tan ra đất cát, hay sang một cõi đời khác nào. Anh cũng không nên ân hận gì đến chuyện ấy vì lỗi tại em, em xin chịu cả".

Ngày 14

"Đêm qua gió bấc thổi vù vù, cành cây rơi lác đác. Em muốn xem phong cảnh buồn rầu. Em ngồi dậy vịn vào giường đi ra mở cửa sổ. Em kéo chốt cửa thì gió to quá đẩy toang cánh cửa mà thổi hắt vào em, em ngã ra bất tỉnh nhân sự. Lúc tỉnh dậy, nghe nói lại rằng khi bấy giờ con vú thức giấc dậy kêu lên, cả nhà chạy vào đỡ em lên giường thuốc thang mãi mới tỉnh. Cả ngày hôm nay em vẫn mệt lắm. Mẹ em ngồi với em luôn. Em nghĩ đến nỗi nhà em mà khổ. Mẹ em thì già yếu, em Tân còn ngây thơ. Em cũng muốn sống lại ít lâu cho mẹ em có người giúp đỡ mà không thể sống được nữa. Thôi em gửi cả cho anh, em nhờ anh chỉ bảo cho em Tân nó nên người, có một chút tính tình học thức, phải nhớ luôn là một người Nam Việt thiếu niên đừng đam mê vào chỗ tư lợi nhỏ nhen quá. Em đã viết sẵn cho mẹ một bức di thư dặn dò các việc.

Anh ơi em mệt lắm rồi, em viết cho anh mấy dòng chữ này người lả đi mà em cũng cứ viết, không viết thì không nằm yên, giá thầy thuốc mà biết vậy thì chắc quở trách em, vì em không theo được như nhời dặn".

Ngày 17

"Anh Đạm Thủy ơi, em không thể sống được nữa, đã đến lúc từ trần rồi. Em ho ra nhiều huyết quá. Thôi, mấy dòng không thành chữ này là em chào anh đấy. Em chào anh, chào cả văn chương tư tưởng, chào cả non nước cỏ cây, những cảnh tuyệt vời của Tạo hóa. Em xin nhắn với những cô thiếu nữ cùng một tính tình như em đừng theo em mà đi vào một lối. Muốn hưởng lấy cuộc ái ân đằm thắm trong cảnh vợ chồng thì tìm lấy mà biết sự thực ở đời, những chuyện viển vông mơ màng toàn là một thứ rượu ngọt, ngon, thơm, mà rất công phạt, nhấp vào thì ngà ngà say trong người thấy nhẹ nhàng phấn chấn, nhưng dần dần đốt cháy hết ruột gan người.

Em xin gửi lại tất cả thư từ và những vật anh cho em, em tưởng mang đi với em, nhưng lúc em nhắm mắt rồi thì chả ai cho như vậy mà để vật này lạc vào tay kẻ khác thì cũng phí đi. Anh giữ lấy cho em gọi là một chút di vật lúc em sắp tạ thế. Em chỉ giữ lấy một cái ảnh của anh để đưa em một vài dặm đường về tiên cảnh.

Rồi đây sau khi hương tàn khói tỏa có lúc nào anh qua chỗ em an giấc ngàn năm này, nhờ anh đề hộ vào gốc cây, tảng đá, hay bức tường mấy chữ rằng:

Đây là mồ một người bạc mệnh chết vì hai chữ ÁI TÌNH".

CHƯƠNG V

Ký giả đọc xong thì Đạm Thủy thở một tiếng, lấy khăn lau mắt mà nói rằng:

– Tôi xem hết quyển nhật ký thì thương tiếc nàng quá chừng, trong lòng như hối hận không ăn không ngủ được mà thành bệnh. Thầy thuốc xem nói là đau tim. Chuyện thấu đến anh cả tôi làm điền chủ ở tỉnh mỗ. Anh tôi đến tận trường xin phép cho tôi về an dưỡng ở chỗ đồn điền đó. Nói là chữa bệnh nhưng thực ra thì anh tôi muốn vớt tôi lên khỏi chỗ bể tình. Anh cả tôi người trầm tĩnh mà lịch duyệt. Lúc lâm tuyền khi thành thị, trong Nam ngoài Bắc, đi đã nhiều. Anh tôi thấy tôi như vậy có ý thương hại buồn rầu chứ không có ý tức giận, mà giấu cả gia thân tôi nữa.

Trong mấy chủ nhật về nghỉ, anh tôi không hề đả động đến việc Tố Tâm. Những thư từ sách vở tôi mang về anh tôi cất đi hết cả. Những chuyện gì có thể gợi tình cảm như Truyện Kiều, Chinh phụ, Cung oán, và những tiểu thuyết bi tình anh tôi cũng giấu đi hết Anh tôi bày ra ở bàn giấy gần chỗ tôi nằm những tranh ảnh hùng hiệp như là các đại trận của Napoléon khi còn trẻ, các thủ đoạn anh hùng của đại tướng Đông Hương, những tiểu thuyết phiêu lưu của các bậc nam nhi khẳng khái, những sách thuật lại cuộc đời bần bách của bậc hiền triết ngày xưa. Anh tôi cứ tự nhiên mà làm không cho tôi biết, mà cũng không bảo gì tôi cả. Anh tôi lại bày ra cuộc săn bắn, chụp ảnh, đánh cờ, v.v... Những lúc ăn cơm đông đủ, hay khi hai anh em ngồi uống nước chè tàu, anh tôi toàn nói chuyện gia quyến. Anh tôi nói gia thân tôi khen tôi ngoan và mong về sau tôi làm được những gì, hàng ngày nhắc đến tôi luôn và tỏ tình nhớ tôi lắm. Anh tôi nói tự nhiên như người kể chuyện lại, không bình phẩm mà cũng không đả động gì đến việc học của tôi.

Những khi anh tôi bàn việc mà thấy tôi ngồi thẫn một mình, thì khẽ bảo các cháu lại quấn quýt. Anh tôi vẫn biết tôi yêu trẻ con mà mấy hôm về đó tôi lại thích chơi với trẻ lắm. Cả ngày tôi chỉ quanh quẩn với chúng nó. Đứa ôm chân đứa kéo áo, bắt những "nu na nu nống, chi chi chành chành" bảo làm gì tôi cũng làm, bắt đi đâu tôi cũng đi, đến cả chồng gạch làm đình làm chùa, hay bới cát xẻ sông đắp núi. Bởi trái lại cuộc đời chua chát, mà tôi thành như đứa bé ngây thơ.

Lòng tôi đã hơi dịu dịu nhờ được thang thuốc đầu của anh tôi khéo bốc, lấy cảm tình mà chữa cảm tình, không dùng lối thuyết lý sống sượng.

Anh tôi biết tôi nặng tình gia quyến, nên khéo đánh riết vào chỗ ấy rồi lấy thêm cảm tình khác mà chèn vào, sau cùng lấy lý luận mà giữ.

Anh tôi thấy lòng tôi đã tạm nguôi một chút thì nói đến việc đời. Anh tôi ngồi kể chuyện lại những cuộc mê đam ngày trước, những điều khờ dại ở trong cuộc ái tình và tách bạch những điều thiếu niên cho là xinh đẹp ra từng mảnh rất đáng sợ. Dần dần anh tôi hỏi đến chuyện Tố Tâm. Tôi kể thực hết cả. Anh tôi ngồi đạo mạo như một ông thầy tu nghe người xưng tội. Anh tôi nghe xong nói lại một cách rắn rỏi, tỏ ra một người đã lịch duyệt chỉ bảo cho một thiếu

niên lững chững trên đường tình. Giọng nói ung dung và không có vẻ gì là mắng dứt.

Anh tôi kết luận đoạn này bảo tôi yêu Tố Tâm không phải là dở, hẳn vì tôi thực tình mà yêu, yêu có lúc say mê lảo đảo. Anh tôi cũng thương cho đôi lứa thiếu niên hại vì tình, nhưng anh tôi bảo tôi lạm dụng văn chương tư tưởng, bởi mơ màng một cuộc ái tình đằm thắm quá mà đem hết tài liệu của mình ra mà tách bạch từng mảnh lòng người yêu để biết hết những đoạn éo le của ái tình mới thỏa. Phiền một nỗi chính mình làm mà mình không tự biết, hay có khi biết mà bỏ qua: quý hồ làm cho nàng yêu là được, nhiều khi lại viện những lẽ rất đúng để tự thú lỗi cho mình, mà bênh vực lấy tình ái. Về sau, lúc đã quá, muốn lấy lẽ phải mà bảo mình nhưng không bảo được nữa, muốn đem những bức thư từ biệt rất cảm động, dùng những tính tình chân thật thiết tha mà gỡ ra, nhưng chính thế là buộc vào, thắt chặt, đến nỗi khổ mình mà thiệt người, không định làm hại mà thành hại. Tuy nhiên, Tố Tâm mà không chết thì cảnh vợ chồng của nàng cũng mất hết cả vẻ hay, mà gia đình về sau cũng nghiêng ngả, vì người đàn bà đã bị thương tích như vậy, thì có sống ở đời nữa, chỉ chịu cuộc đời một cách đành lòng cho qua ngày qua tháng mà thôi. Tố Tâm là hạng thiếu nữ quá chấp nhất về tình lại hay mơ màng về văn chương tư tưởng, khinh hẳn những việc thực ở đời. Tính tình ấy lại để vào một nơi hoàn cảnh giáo dục "giao thời" nên sa mãi vào cuộc ái tình kia không biết mà dừng bước lại, thành cuộc đời tan tác một cách bi ai, để lại bao nhiêu điều đáng ân hận.

Cuối cùng, anh tôi đánh vào lòng khẳng khái, khéo nhặt những câu Tố Tâm nói mà thêm thắt vào, làm một bài khuyến khích rất hùng hồn, cảm động. Anh tôi nói đến công danh sự nghiệp mà khéo chèn vào những câu thuyết lý rất cao xa, khiến tôi nghe phải cảm động, nức lòng như người chiến sĩ lúc ra trận, nghe hồi trống hay nhịp kèn quốc hiệu.

Anh ơi, tôi bây giờ lại để tâm vào việc học, xong được công việc nhà trường, lòng lại sốt sắng về những mục đích và hy vọng trước, là nhờ những câu giáo huấn rất hợp cảnh hợp thời và nghĩ đến những lời khuyến khích của người vì quá yêu tôi mà thiệt phận. Hai điều đó cũng có vẻ thiêng liêng thay!

Nhưng anh nên biết rằng một việc như việc Tố Tâm với tôi không thể mất tích được, vì lòng tôi đã bị thương thì còn vết

mãi, mà vết đó làm giảm mất nhiều cuộc vui trong đời tôi. Ngẫm như những lúc tôi được hưởng điều hoan lạc, nghĩ đến nàng thiệt phận thì lại chạnh lòng mà bây giờ nhiều khi trông cảnh nhớ người, thấy dấu tích như hồn ai còn vướng vít.

Viết tại trường Cao đẳng Sư phạm
kỳ nghỉ hè năm 1922

– Nhà xuất bản Nam Ký, Hà Nội, 1925.
– Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp,
Hà Nội, 1988.

GÒ CÔ MÍT

(Truyện ngắn)

Gò cô Mít là một truyện ngắn cũng trong mạch truyện *Tố Tâm* ngày trước, lên án thứ lễ giáo lỗi thời: "Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy". Nội dung truyện còn có phần bi thương hơn *Tố Tâm:* một đôi thanh niên nam nữ yêu nhau mà không lấy được nhau, rồi cả hai cùng tự vẫn. Song, về câu văn nhẹ nhàng thanh thoát và hiện đại.

Cụ Bá. – Nhà cụ Bá giàu đã ba đời, có 50 mẫu ruộng, 4 con trâu cày. Thóc lúa bán không hết, để lưu cữu mùa nọ sang mùa kia. Tiền cho vay quanh năm, đông người đi lại. Cụ theo lối mới, làm một tòa "nhà tây", mỗi bức tường chỉ có hai cái cửa sổ to bằng cái bìa sách.

Cụ Bá người thấp mà đẫy, đội khăn lượt xoắn, mặc áo the khi quần nâu, khi quần vải trắng. Cụ ít khi ra tỉnh. Tính lại, từ khi được bá hộ, cụ ra tỉnh có hai lần, đi với thầy chánh hội Khả là cháu cụ. Thầy Chánh đưa cụ vào chào quan Bố là chỗ thầy mới được làm môn hạ. Cụ vào chào, tụt giầy và đem ô gửi hàng nước, bước rón rén trước thềm vái một cái. Cụ Bố hỏi hai câu: "Cụ là bác thầy Chánh hội à ? Năm nay lúa có tốt không?". Rồi cụ Bá lui ra. Cụ về làng nói chuyện khắp bà con: "Cụ lớn Bố rất nhân đức".

Một lần cụ ra tỉnh về việc kiện nợ. Xong việc, cụ chỉ đến ở Nam Lai tửu quán rồi ra phố Khách nghe hồi kèn hát, ghé lại xem các quan đánh quần, rồi cụ về. Việc làng cụ ít dự, nhưng khi có đón rước các quan thì cụ săn sóc để ra bái vọng. Một lần cụ ra đón quan Chánh về khám đê, ngài hỏi ai muốn điều gì thì nói. Cụ muốn đổi cái tòng cửu ra chánh cửu.

Cụ có ba bà với một cô tư mới 18 tuổi. Bà cả sinh được một con trai đã lo vợ cho từ ngày 12 tuổi, với một con gái không biết tên là gì, người ta thường gọi nôm là cô Mít. Cô Mít – Mặt tròn, má phính, chân tay mũm mĩm, da nhỏ, tóc dài, đứng lên còn chấm đất. Cô không đẹp lắm nhưng có duyên. Cười rất tươi, má núng đồng tiền tròn xoáy. Cô thích đội khăn vuông mỏ quạ. Tứ thời, lúc rét cũng như lúc nắng, cô thích chùm khăn để khỏi giám đôi má phính. Cô không

ở tỉnh nhưng cũng mặc quần sồi, thắt lưng tam giang, yếm cổ xây buông thõng hai cái giải lụa trắng. Vui mắt nhất là lúc cô buộc thắt lưng và giải yếm ra đằng sau. Hai vạt áo nâu non phấp phới đằng trước, khăn vuông thâm xuống đến tận gáy, che nửa mái tóc mây. Miệng ăn giầu cắn chỉ, phô ra hai hàm răng nhỏ, đen nhánh.

Bờ tre xanh, râm bụt đỏ, ánh mặt giời vàng, cô đứng cấu lá cây nói chuyện qua rào với bạn. Lúc khúc khích cười, lúc ỏn ẻn gọi, thật là một khóm hoa tầm xuân phất phơ bên lũy tre bờ lúa.

Cô Mít người xinh và là con cụ Bá, nên trai làng nhiều người ngấp nghé, nhưng cô chưa bằng lòng ai, mà cụ Bá cũng chưa kén được rể. Cô chỉ ưng ý riêng con giai ông khóa Mão: anh tư Nhung.

Anh tư Nhung. – Người cao, ngực rộng, cằm to. Cậu Nhung ít nói và lễ phép. Cậu quen cô Mít từ lúc cô còn cắp quyển Tam thiên tự giấy bồi, chạy le te theo anh sang học cụ Khóa. Cậu yêu cô Mít lắm, nhất là lúc cô cười, phô hàm răng đen với đôi má phính. Cậu cho là cô đẹp nhất làng, nhất tổng, có lẽ nhất cả nước Nam. Nhưng cậu không nói ra, chỉ một mình ngẫm nghĩ để chờ dịp, chờ lúc lập được chút công danh, nói với u sang thưa với cụ Bá. Biết đâu duyên trời không tác hợp: ông Hà Tôn Quyền, ông Trương Viên, lúc đi hỏi vợ đẹp cũng chỉ là anh học trò nghèo. Nhưng công danh mãi chưa lập được: con một ông khóa nghèo (ở vào lúc chữ Nho tàn cục), lại đeo lấy cái vạ "tình nghi", thì con đường công danh cũng thật ngoắt ngoéo, mà cửa nhà cụ Bá cũng thấy lắm chông gai.

(Kiểm duyệt bỏ 5 dòng)

Nhưng mà cậu Nhung cô Mít vẫn yêu nhau, yêu ngầm, yêu kín, ít khi được nói chuyện, gặp nhau chỉ cười. Cô Mít má đỏ bừng, cúi đầu, rảo cẳng bước. Cậu Nhung lững thững đi sau. Hoặc có khi dừng lại thì cô Mít đứng nghiêng người, cúi mặt, cấu lá tre, không nói câu nào cả, chỉ che miệng cười, cái vẻ cười rất tự nhiên, làm cho cậu Nhung mê mệt.

Cái khối tình ngầm một ngày một nặng, lửa đống dấm có lẽ lại nóng hơn than hồng, cho nên nhiều lúc có phiên chợ, bên cái sân rêu nhà cụ Khóa, người ta vẫn thấy cây mía lao qua bờ dậu, hoặc gói kẹo treo ở cành rào. Đồng quà tấm bánh của người yêu tặng. Có một

1. *Yếm cổ xây:* cổ yếm không phải hình tròn, mà hình nhọn; ở chỗ mũi nhọn có đường thêu hình hoa thị. Yếm cổ xây cầu kỳ nhưng duyên dáng hơn yếm cổ tròn.

lần 28 tết, cậu Nhung nhận được một gói thằng cu con đưa đến. Cậu mở xem thấy bốn vuông lụa trắng, một đôi giầy tầu, với một cái cối giã trầu bằng đồng đỏ. Cô Mít ưa nhìn cậu giai tân người cao giỏng giỏi, đội khăn xếp, trùm khăn lụa trắng, buông hai giải cho gió thổi phất phơ. Cô lại thích nhìn người mặc quần trúc bâu [1] sột soạt trên đôi giầy tầu bít gót. Bà Khóa đã già thường phàn nàn chưa có con dâu nhá trầu hộ, nên cối giã trầu là của quí tặng bà.

Còn cậu Nhung nhà nghèo chỉ lấy một quả tim mà tặng lại. Chỉ mong có dịp mà phơi gan vây máu vì người yêu. Mỗi lần bất cứ cô Mít đi đâu, lúc ra chợ, lúc thăm đồng, lúc đi thu thóc, lúc hỏi nợ, một mình hay có người đưa, cậu Nhung cũng đi hộ vệ. Cậu đi cách xa độ nửa cây số. Chả ai biết cậu đi đâu, có lẽ cậu gàn hay cậu ghen, nhưng thực thì ra cậu quá yêu cô, lúc nào cũng muốn hy sinh cùng thục nữ [2]. Cô Mít có duyên lại có của nên lắm người dạm, thành lắm người ghen. Có một lần cô ra khỏi cửa chợ, thầy Quyền giật mất cái khăn vuông. Tự dưng thấy cậu Nhung ở đâu chạy lại nắm lấy đầu thầy Quyền dúi xuống ruộng. Việc lên đến Quan. Quan biết là cậu nghèo, nên đuổi cả hai bên về, cho là việc ghen tuông lảm nhảm.

Quan Hàn Pháp Việt. – Giữa lúc đôi trai đồng gái nội [3] yêu nhau rất đằm thắm, lặng lẽ thì nhà cụ Bá có khách tỉnh về chơi. Khách đi ô tô, ba ông cùng đeo thẻ ngà, áo sa tây, giầy ban [4] tất trắng. Nhưng chỉ có một ông là quen cụ Bá. Ông này chừng 42 tuổi. Người béo, mắt lươn, ria Hoa Kỳ nhúm một tý ở mũi. Ông đeo kim khánh, thẻ ngà: Hàn lâm thị giảng. Thầy Chánh hội ra đón, thầy đi lại trên tỉnh, đã ra vào nhà ông béo này nên ông mới thông đường tỏ lối. Ông béo này không rõ tên là gì, người ta vẫn gọi ông Hàn Pháp Việt nghĩa là ông dạy ở trường Pháp Việt mà được hàn lâm. Cũng có người tăng ông lên quan Thị. Quan Thị ở trên tỉnh đã lâu năm, ông đã tậu được miếng đất, đã làm được ngôi nhà, có vườn, có ao, có chuồng lợn chuồng gà, có cối xay cối giã. Nhà ông nhiều học trò ở trọ, nằm la liệt mấy bộ ghế kê liền nhau.

Mỗi cậu giả tháng tám đồng tiền cơm, một đồng coi học một đồng chấm bài là chẵn chục. Mỗi khi các cậu về nghỉ, thì ông

1. *Vải trúc bâu:* loại vải trắng, mịn, dày, vào loại tốt hơn cả, trước kia.
2. *Thục nữ:* người con gái trong trắng, thùy mị.
3. *Trai đồng gái nội:* trai gái ở nơi đồng nội, tức ở nông thôn.
4. *Giầy ban:* giầy bằng da, không cổ, không cần buộc giây.

gửi độ hai phong bánh Phục linh hoặc nửa cân táo tầu, bỏ trong cái hộp, hoặc ngày tết thì một củ thủy tiên bọc trong tờ giấy bản đề: "Về biếu thầy mẹ nhé". Lúc học trò lên thì nào gà, nào vịt, nào gạo nếp, khoai sọ, đậu xanh từng gánh, từng bồ "Chút quà nhà quê của thầy mẹ con gửi biếu thầy cô".

Quan Thị cũng có chút công tâm, hễ gặp hội như mồng hai tháng năm, hay 14 tháng bẩy [1] thì ông Thị sức học trò làm đèn rồi tự ông xắn tay áo lên kết hoa chăng giấy, tổ chức một đám rước đèn rất linh đình. Ông đi đầu, mặc áo sa gấm, ngực đeo huy chương, tay cầm "can" bạc. Ông trông người đi xem lấy làm đắc chí, nhất là chỗ nào có các cô quần sồi, áo nâu khúc khích, thì ông sờ tay lên bộ râu Hoa Kỳ.

Bà Thị người gầy gò, áo quần xộc xệch, hình như vì ốm hay vì sinh nở nhiều lần mà vóc gầy, da sạm không buồn điểm tô. Con ông Thị đã có người đỗ thành chung [2], hôm xem bảng về ông kết hoa, cắm cờ, chăng đèn ở cửa, đèn đề chữ "đăng khoa". Có nhiều người quý ông hay phục ông, tuy ông mới 42 tuổi mà gọi là cụ Thị.

Ông tuy trai có, gái có, mà ông vẫn tìm một người để giúp đỡ việc nhà. Tìm mấy đám mà không xong nên cứ băn khoăn mãi. Ấy vì cái băn khoăn đó mà thầy Chánh hội nhanh nhẩu đã dắt ông về nhà cụ Bà chơi. Ông về một lần, rồi ông muốn về mãi. Lần thì mượn xe của ông chủ Nghị, lần thì mượn ông bang Xùi. Có lần ông "dọn dẹp" mượn được xe cụ Án, ông lấy làm hân hạnh lắm. Nhưng lần nào cũng như lần nào, vẫn áo sa, thẻ ngà, kim khánh ấy.

Mỗi lần cụ Bá mất vài con gà vịt, chim bồ câu, nhưng cụ rất vui mừng, đưa con cháu ra chào một lượt cụ lấy làm hân hạnh, nên khi quan Thị "ngỏ nhời" thì cụ "xin vâng" ngay, nhưng còn phải "hỏi cháu". Cháu một mực không. Không mà chẳng nói ra, cứ lặng im. Con gái nhà quê có chỗ ấy là lạ, có lẽ cô từ chối sợ người biết đến chuyện cô yêu cậu Nhung chăng? Hay cô ngại người ta cười: con không vâng lời "cha mẹ đặt đâu ngồi đấy". Cụ Bá thì nằng nặc cứ: chỗ ấy sang, chỗ ấy giàu, chỗ ấy tử tế. Thầy Chánh hội thì hết sức

---

1. *Mồng hai tháng năm:* ngày quốc lễ của Pháp, tưởng niệm người nữ anh hùng Jeanne d'Are thế kỷ XV trong công cuộc chống sự xâm lược của người Anh.

Ngày 14 tháng 7: ngày Quốc khánh của Pháp, ngày nhân dân cách mạng Pháp phá ngục Bastille (1789).

2. *Đỗ thành chung:* tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học (như tốt nghiệp cấp II phổ thông ngày nay).

nói vào, nhưng công việc cũng chưa ngã nhẽ. Tuy vậy mà năm hôm sau, quan Thị đã cho người đưa cau, rượu, chè tầu xuống. Thầy Chánh hội khéo thu xếp cũng xong. Việc này nên, chính ở "anh Chánh nó".

Thế rồi ngày mười hai tháng tám, nhà cụ Bá sắm sửa linh đình: tiếng lợn kêu, tiếng giã giò, tiếng pháo nổ, tiếng trống chầu, tiếng ăn mày xin, ồn ào một góc xóm.

Hôm đó trong nhà rộn rịp, cô Mít cũng chạy vào chạy ra, mặc quần áo cưới: khăn sa tanh hoa, quần lĩnh tía, áo băng, nhưng cô đi chân, vì cô đi giầy khó bước. Đôi bàn chân trắng, thấp thoáng dưới quần lĩnh lấp lánh đen, thật có vẻ mộc mạc mà rất ưa nhìn. Duy có một điều lạ, là cô Mít không nói năng gì cả. Ai mừng thì cô nhếch mép cười, ai cợt thì cô dươm dướm khóc. Không ai hiểu ý cô mà ai cũng biết cô yêu cậu Nhung lắm.

Mười giờ sáng, chiếc ô tô đỗ cửa nhà cụ Bá. Trẻ con reo, các cô con gái lấp ló cửa cổng. Cụ Bá mặc áo thụng đón cửa cứ vái hoài.

Đám cưới có bốn người, hai ông đeo thẻ ngà với hai bà: một bà gầy, một bà béo. Cơm rượu xong, được giờ, xin đón dâu, thì tìm không thấy cô dâu đâu cả. Ấy mấy rầy! Cụ Bá luống cuống phát hoảng, cho người đổ tứ phía đi tìm, nhưng nào có thấy. Bốn giờ chiều, "các quan" ngồi đã mệt, tám con mắt dòm nhau. Đành phải quay ô tô về tỉnh.

Đám cưới mất cô dâu!

Tối hôm ấy thầy Chánh hội tức tốc lên tỉnh để xin khất. Nhưng ông Thị đã thảo đơn kiện rồi, khép cụ Bá vào tội lừa đảo. Sáng hôm sau người ta gặp một ông cụ già lọm khọm ngồi xe, khăn mặt vắt vai, ô cắp nách; cụ Bá lên tỉnh để sắp hầu kiện.

Chiều hôm ấy, lũ trẻ chăn trâu xúm lại chung quanh một cái gò con giữa đồng lúa, xôn xao ầm ỹ: "Có đám giết người". Rồi tù và rúc, trống làng khua; tuần phiên, chánh phó lý, rồi cả làng đổ ra cái gò như đám hội, xúm nhau lại chung quanh hai cái thây nằm trên đám cỏ. Vết máu đã khô. Bên cạnh người nằm, ngổn ngang một chai rượu đập vỡ, hai cái chén, xôi thịt, bánh chưng, nhãn, ổi, trầu cau như một đám cỗ mới ăn xong còn vương vãi.

Mặt giời gác núi, ánh vàng tha thướt trên ngọn tre. Hơi nước bốc lên mờ mờ che hết gốc cây ngọn cỏ. Mặt giời lặn thì bóng trăng non soi khắp một cánh đồng, thăm thẳm, âm thầm chỉ có chỗ gò này

là rộn rịp; trăng càng lên càng tỏ, chiếu vào cây cỏ thêm vẻ êm đềm, nhưng soi vào hai cái tử thi thì thêm phần ghê sợ!

Trong đám đông người, một bà cụ già rẽ người chạy lại ôm lấy thây người con trai kêu lên một tiếng: "Ôi con ơi!". Rồi đến một ông cụ già lăn ra bên cạnh con gái cũng kêu: "Con tôi đây rồi! Ai làm nên nỗi". Bà Khóa với cụ Bá khóc con. Hai thân già, hai bạn trẻ!

Người muốn chết thì còn, kẻ còn non thì chết!

Nhưng chết thế nào? Chưa ai dám kết đoán. Chỉ thấy cô Mít mặc quần áo cưới, cậu Nhung mặc quần áo hội hè. Quan về khám nghiệm mới biết rõ là hai người cùng uống rượu say rồi đạp vỡ chai, lấy mảnh chai mà tự tử, để lại hai bức thư riêng cho bố mẹ và một bức chung, xin hợp táng trên cái gò con cỏ úa, để trọn lời thề... Quan và làng cũng ưng cho như vậy.

Nay ai qua đường cái, bên cạnh làng này, vẫn trông thấy giữa quãng đồng không, cái gò con, cỏ cây đã che kín. Người thôn quê mỗi lúc qua lại chả biết vì sợ hay vì tin, mỗi người lại đắp vào một mô đất như người ta thấy ở các "đông lũi" bên vệ đường quan, thành ra cái gò càng ngày càng lớn, cây cỏ mọc dần. Người ta gọi là:

"GÒ CÔ MÍT"

Những đêm mưa dầm, giời tối, người làng vẫn thấy giập giờn một cặp ma trơi. Lúc thì bay tít lưng trời, lúc thì là là mặt ruộng, lúc thì vơ vẩn trên gò. Trẻ chăn trâu thường hú:

Hà ma trơi!
Mặt trời đã lặn.
Con rắn thò ra,
Con ma giập giờn,
Nào ai phận tủi duyên hờn,
Thì trời đổ xuống một cơn mưa rào.

Trong tập *Đâu là chân lý*, Nhà xuất bản Cộng lực,
Hà Nội, 1941.

MẤY BUỔI SĂN BẮN Ở TỈNH LẠNG SƠN

(Ký – Trích)

1. Săn hươu nai. – Hôm đó, trời đông mà nắng dữ, nhưng cái nắng ở mạn ngược, không dát lưng rức óc như ở đường xuôi. Chúng tôi năm người năm súng. Xuống một ga xe lửa kia, còn phải đi ba bốn cây số, qua suối, trèo đèo, đến một khu rừng rậm. Một bọn thổ dân đã chờ sẵn đó, kẻ đao người gậy, theo sau một đàn chó chín mười con.

Người đoàn trưởng, áo xanh, khăn vải, giầy trắng cao su, đưa chúng tôi vào rừng, rồi dàn trận, bảo người dẫn chúng tôi đi trấn thủ mỗi người một chỗ, đón đường hươu ra. Chỗ nào họ đã bảo trấn, hễ có hươu là thế nào cũng phải chạy qua. Nên lúc "đặt quân" họ đã dặn dò cẩn thận.

Tôi đứng đợi ở nơi trấn thủ, xa nghe văng vẳng những tiếng ồ–à ồ–ề, càng lâu càng rõ, ồn ào, động cả một góc rừng, như đám vỡ đê hay cháy nhà, gọi người đến cứu. Ở chỗ rừng xanh thăm thẳm, mới nghe cũng chút não lòng. Mắt dòm đăm đăm, tay cầm súng chỉ lăm lăm chực bóp cò, nghe lá rụng, thấy cỏ lay, chỉ những tưởng con mồi chạy đến. Nhưng không phải. Có hươu thì phải có tiếng chó "mách" báo hiệu cho người. Nhưng đây không nghe tiếng chó mà tiếng người cũng nhạt nhạt xa dần. Người hướng đạo lại dắt sang khu rừng khác.

Chúng tôi săn luôn mấy đám mà chả thấy gì. Có lẽ mình không may, hay con vật tinh hơn người đã tìm đường lánh trước.

Ngồi nghĩ vẩn vơ thì trời đã quá chiều, mặt trời gác núi, bóng vàng tha thướt, xiên ngang vào các khu rừng, như đám phẩm xanh pha nghệ, thành ra một thứ nắng quái chiều hôm. Đứng ở cửa rừng trông ra chỉ thấy bát ngát núi đồi, lơ thơ cỏ, trùng trùng điệp điệp, lớp nọ đuổi lớp kia như sóng cồn trên mặt bể khơi, như lúa cuộn ở ngoài đồng ruộng. Trên sườn núi trọc, không thấy một dân cư, chỉ lơ thơ mấy cái miếu lợp tranh, đứng bên gốc cây gạo, hoặc một vài nấm mồ người thổ, cỏ mọc lơ thơ, trên mồ cắm một cành cây khô, buộc mảnh áo chàm, gió mưa đã làm phai bạc.

Bóng vàng đã nhạt, mà tiếng ồ ề vẫn huyên náo trong rừng. Một lúc sau trời tối hẳn, gió lạnh nổi lên, trông vào rừng chỉ thấy sương mù mờ mịt. Ở trong đám cây cối um tùm ban đêm che kín đó, biết bao nhiêu là cái bí mật âm thầm. Đứng ở nơi cảnh rừng hiu quạnh, lại nghe những tiếng hú, tiếng hò, tiếng người gọi chó lạc, tiếng bố gọi con về, âm vang thăm thẳm qua mấy trùng non, thật là có vẻ thê lương ảo não.

Hôm đó có hai cha con nhà kia cùng đi đuổi. Bố đã già mà con còn bé. Lúc thu quân, con không thấy bố nên quay lại vào rừng mà hò hú vang trời, âm động cả cỏ cây, mãi đến khuya cũng chưa tìm thấy. Người đương cuộc ai cũng động lòng, nhưng thổ dân lạc trong rừng là việc thường. Không tìm thấy lối ra thì leo lên cây, ngủ một giấc sáng mai lại về.

Săn cả buổi chiều chả được gì, người đoàn trưởng mời chúng tôi về làng ngủ để sáng mai lại săn. "Đi không há lại trở về không", thôi đành ngủ trọ.

Ăn cơm xong đi nghỉ. Đông người không đủ chăn chiếu, nên mỗi người ngủ một nhà, cái nhà sàn người ở trên, súc vật ở dưới. Bước vào nhà phải chui, cái cửa cao độ một thước tây. Ván sàn khấp khểnh, chỉ sợ lọt xuống cùng trâu bò đương thở phì phào như chào khách lạ. Nhà này nghèo khó nên nhà cửa sơ sài, gió lọt tự do, rét lạ! Rét đến nỗi trẻ con không nằm yên, trâu bò cũng lục xục. Đêm khuya gió thổi ào ào, nhà chuyển răng rắc, lại thêm tiếng mẹ ru con, ơ hời ơ hỡi. Tôi mặc cả áo tơi, đi cả ghệt, lại trùm chăn bông mà không ngủ được, phải dậy đốt lửa sưởi, nói chuyện suông với người hướng đạo. Câu chuyện chẳng phải là bàn thơ cô Xuân Hương hay văn cụ Công Trứ, chẳng phải chuyện kinh tế khủng hoảng, thế giới đương lúc nguy cơ. Người thượng du rất ít sự cần dùng, mà cũng không có mấy điều lo nghĩ nên tâm trí cũng thẳng tuột như lau sậy mọc trong rừng, hay rõ ràng như sườn non cỏ trụi.... Câu chuyện anh chàng thổ hướng đạo tỏ ý mong ước được lấy một cô vợ xinh xinh, mua một đôi giầy mà "cưỡi", rồi vợ chồng đưa nhau ra chợ tỉnh ăn bát mỳ vịt, uống chai nước chanh, đánh vài vòng đố chữ rồi lại về chốn sơn lâm hái chè kiếm củi.

Chuyện vẩn vơ thì trời đã sáng. Cái sớm thượng du, sương buốt như dao cắt.

Chúng tôi ăn lót dạ rồi lại đi săn. Hôm nay cũng như hôm trước, mỗi người ra đón một nơi. Nhưng rừng này hẹp hơn rừng trước.

Ơ a, ơ ê, một lúc nghe tiếng chó mách, một con, hai con, sau cả đàn. Trước còn xa, sau lại gần. Rồi lá cây động, cỏ rẽ ra, một con nai vàng xám chạy vùn vụt. Nghe tiếng súng nổ của người bên kia

bắn, nai chạy tạt ngang, vừa qua trước mặt tôi: một tiếng đùng, không trúng; bắn theo một phát, tin vào chân sau. Nai khịu xuống mà vẫn lê chân chạy được. Nhưng đàn chó đương hăng sấn vào cắn nai lộn lại. Lúc đó đủ thời giờ lắp đạn, một phát súng nữa, nai ngã ra, nhưng chưa chết, mắt nhìn đăm đăm người bắn, nhìn khẩu súng vô tình, giống người tàn bạo, rồi rống lên một tiếng mà tắt hơi. Con nai này hẳn còn kém con chó sói của Vigny [1]. Chó sói bị thương sắp chết, chỉ dương mắt nhìn người, không hề kêu nửa tiếng, cho rằng "khóc than, khấn vái đều là hèn" chỉ "nín lặng mới là thanh cao" nên cứ điềm nhiên mà nhắm hai con mắt lại khinh hẳn người đi săn, khinh cả cái óc loài người nữa. Người đi săn đây không phải là cụ Vigny thì con nai này cũng không phải là chó sói.

Nhưng con nai nằm trên vũng máu, mắt đã nhắm mà nước mắt vẫn ròng ròng thì cái thú lúc nãy được trông nai ra, được giơ súng bắn, hòn đạn bay, con vật ngã, đã tiêu tán đâu cả rồi, chỉ còn lại một mối thương tâm đã đoạt cái sống của con vật vô tội. Dù là cái chết của con vật, con vật không biết nói, nhưng có cảm giác biết đau đớn, xót xa, không khỏi làm cho lòng người cảm động, nhất là chính tay mình đã gây nên cái chết, lại chính mắt mình được trông cảnh tượng cái chết đã dần dần hiện ra thì dùng hai chữ "thương tâm" cũng không phải là quá đáng. Trừ những kẻ sát sinh quen như những tay đồ tể, không biết cái cảm giác của họ trước cái cảnh chết đó ra sao.

Tôi còn nhớ một hôm vào cửa hàng sách kia, thấy trên tường có bức tranh tuyệt tác, vẽ một khu rừng có bóng tà dương bảng lảng. Ngoài cửa rừng cỏ cây xơ xác, một con hươu đực nằm ruỗi bốn chân, máu đầm đám cỏ. Con hươu cái gác hai chân trước lên con đực, trông về phía mặt trời đỏ ối, vươn thẳng cổ ra kêu. Tiếng kêu ta không nghe được kia, biết bao nhiêu là nghĩa lý. Bức tranh đã làm cho tôi đứng giờ lâu, nay mới thấy chỗ rừng đây là sự thực.

Bắn được nai thì thích, thấy nai chết lại thương, oái oăm thay là lòng nhân loại.

Tôi còn vơ vẩn nghĩ, thì phường săn đã khiêng nai đi, nâng khẩu súng đi chung quanh, trông ra có cái vẻ tự kiêu, đắc chí...

Trong tập *Đâu là chân lý*, Nhà xuất bản Cộng lực,

Hà Nội, 1941.

---

1. *Con chó sói của Vigny:* tức con sói tả trong bài thơ *Cái chết của con sói* của Alfred de Vigny, một thi sĩ Pháp thế kỷ XIX thuộc phái Khắc kỷ.

CÂU CHUYỆN VUI TRONG KHI ĐI SĂN BẮN

(Ký - Trích)

Ông nghị B ở Hà thành vẫn thích đi bắn. Lúc ông trúng cử, theo lệ nhà nước, ông xin giấy mua súng ngay. Súng tốt, đạn tốt, áo "bàn tô" 1 quần chặt ống, ghệt "tàu bay" lại thêm vóc người đầm đậm, nom ra dáng một nhà đi săn có oai. Ông thường hay thử súng ở vùng Cầu Giấy, Phủ Hoài, hồ Bảy Mẫu, thường vẫn bắn được nhiều sáo sậu với choi choi.

Nhân có người bạn làm tri châu mạn ngược, ông quyết lên đồng rừng bắn thử một phen. Rồi ông lên nhà bạn tri châu ở tại tỉnh Lạng Sơn. Đến nơi vừa tối, ông ngủ một giấc đến sáng mai đi bắn sớm. Sáng hôm sau, trời mới tinh sương, cái sương mù ở mạn ngược còn đầm đìa ở cành cây ngọn cỏ, ông đã vác súng cùng một tên lính đưa đường đi bắn chung quanh tỉnh lỵ. Mười một giờ, mười hai giờ cũng chưa thấy ông về. Ông châu lo. Mâm cơm rất hậu vẫn chờ kia, hơi bay nghi ngút, một giờ sau thấy ông thủng thỉnh đi về mà chẳng thấy lính mang theo cầm hay thú gì cả.

Bạn thấy ông rầu rầu nét mặt, săn sóc hỏi ngay:

– Bác mệt à?

Ông lắc.

– Có đói không?

Ông cũng lắc.

– Có được gì không?

Ông lại lắc. Ông ngồi xuống bàn, uống một hơi hết chén nước rồi giơ tay ra độ chừng nửa sải, nhìn bạn mà hỏi rằng:

– Ngần này thì độ bao nhiêu tiền?

– Bác bắn hụt nai à?

– Không.

Ông vẫn buồn mà nhắc lại câu hỏi:

---

1. *Áo "bàn tô"*: áo khoác ngoài.

– Thế độ bao nhiêu tiền?

– Con gì mới được chứ?

– Lợn.

– Bác bắn lợn rừng à?

– Không! Tôi bắn con chim gáy ở vườn, chẳng may trúng phải con lợn, bắn gần quá nên nó chết. Chủ nhà làm ầm ỹ. Tên lính bảo "Quan bắn đây" nó mới im, rồi cứ xoa xuýt xin quan 5 đồng, tôi giả bốn đồng tám mà nó không chịu. Lợn trên này đắt thật!

– Thế bác đã trả tiền nó chưa?

– Đi săn tôi không mang tiền đi, bảo lại đây lấy.

– Tưởng có gì can hệ, chuyện đó can chi mà buồn. Bác cứ xơi cơm đi, tôi sẽ cho nó dăm hào rồi bảo nó mổ thịt đem ra chợ bán cũng được.

Nhưng ông B vẫn buồn, nét mặt rầu rầu, ăn cơm có chân giò hầm ông vẫn nhớ đến con heo bốn đồng tám.

Cơm xong ông lại ngủ một giấc để tối đi bắn đèn cho được tỉnh táo. Tám giờ đêm, ông đội đèn cùng đi với hai tên lính. Ông lên xe đi một quãng vài cây số thấy lấp ló hai con mắt xanh trong bụi rậm, ông rất mừng, rón rén lại gần, ngắm thật chắc rồi đùng một phát, con vật giãy đành đạch, ông bỏ súng chạy lại thì tên lính nhanh chân đã chộp được con vật rồi. Ông hỏi to: "Con gì mày, mang lại mau". Tên lính từ từ mang lại thủng thẳng: "Bẩm quan, con mướp".

Ông nhặt súng đeo lên vai vừa đi vừa lẩm bẩm: "sáng lợn, tối lại mèo".

Đi vài cây số nữa, ông thấy bên sườn núi thấp thoáng một cặp mắt sáng. Mắt con mướp lúc nãy thì xanh xanh, mắt này lại thêm vàng vàng đỏ đỏ, chắc dạ không phải con mướp rồi, hẳn con vật to nhưng chưa biết là con gì, có nhẽ nai hay hoẳng, nhưng ông lại hỏi tên lính: "Đây có hổ không mày?" – "Bẩm quan không, chả làm gì có những của ấy". Ông cẩn thận vì ông sợ hổ, tuy chưa gặp hổ lần nào, song những khi dắt con lên trại hàng hoa thấy "ông ba mươi" cái mặt vằn vằn, lại có bộ răng nhọn hoắt, ông sợ mà dặn các trẻ đừng lại gần. Vả chăng lúc ông ra đi bà Nghị đã dặn: "Bắn gì thì bắn chứ hổ thì tôi xin ông, chúa sơn lâm oai linh lắm, ta nói chuyện thế này ngài cũng đã nghe rồi, đừng có chơi vào mà đi đời đấy. Tôi lại xin ông những chỗ miếu đền ở chỏm núi, cửa rừng, ông đừng động đến nhé, có thế thì tôi mới cho ông đi". Ông vẫn để dạ nên hỏi trước

xem có phải là hổ không. Lúc nghe nói thì yên tâm mà thêm chí hăng hái nên ông lại gần ngắm thật đích mà kéo cả hai cò. Ầm một tiếng, tiếp theo tiếng loảng xoảng leng keng rồi tiếng chó cắn, tiếng người kêu: "Ai bắn vào thông phong đèn nhà tôi đấy?". Thì ra hai chú Thổ đang ăn thuốc phiện, ngọn đèn liu hiu, ông Nghị tưởng là mắt con mồi, choang luôn cả hai phát. Ông sợ quá cứ lẳng lặng đi ra, quay cổ lại nhìn, nhưng đêm tối không có ai đuổi, ông vội lên xe về thẳng, ngủ một giấc để sáng mai xuôi. Về nhà phàn nàn cái bước không may thì bà Nghị bảo: "Tại ông không chọn ngày và không lễ cửa rừng nên xúi".

Trong tập *Đâu là chân lý*, Nhà xuất bản Cộng lực,
Hà Nội, 1941.

NGUYỄN TỬ SIÊU
(1887 - 1965)

Nguyễn Tử Siêu, tự Trọng Khoát, bút danh: Hoa Cương, Liên Tâm lão nhân, Nguyễn An Nhân, người làng Hương Ngải, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây (nay là tỉnh Hà Tây). Ông là một nhà nho nghèo, thi hương hai lần, vào được tam trường, không đỗ Tú tài, sau làm nghề dạy học chữ Hán và nghiên cứu Đông y. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, làm thuốc tại vùng Sơn Tây. Hòa bình ra Hà Nội tiếp tục làm thuốc và từng là Ủy viên Chấp hành Hội Đông y Việt Nam. Mất tại Hà Nội, thọ 78 tuổi.

Từ năm 1927 (40 tuổi), ông soạn sách thuốc, đồng thời dịch một số tiểu thuyết Trung Hoa và sáng tác nhiều tiểu thuyết về tâm lý xã hội và từ 1928 viết một loạt tiểu thuyết lịch sử.

Sự nghiệp văn học của ông gồm:

– *Đỉnh núi cành mai,* 1927

– *Bể tình nổi sóng,* 1928

– *Sống chết vì tiền,* 1928

– *Cái nạn văn chương,* 1928

– *Tiếng sấm đêm đông,* 1928

– *Ông bạn đời xưa,* 1929

– *Vua Bố Cái,* 1929

– *Đinh Tiên Hoàng,* 1929

– *Lê Đại Hành,* 1929

– *Việt – Thanh chiến sử,* 1935

– *Trần – Nguyên chiến kỷ,* 1936

– *Vua Bà Triệu Ẩu,* 1936

– *Hai bà đánh giặc,* 1936.

VUA BỐ CÁI

(Tiểu thuyết lịch sử – Trích)

Nội dung *Vua Bố Cái* hay *Việt Đường chiến sử* được giới thiệu vắn tắt là "sự tích ông Phùng Hưng, người làng Đường Lâm tỉnh Sơn Tây đánh đuổi quân đô hộ nhà Đường (bên Tàu)". Truyện đơn giản, bố cục cũng giản đơn, các chương cũng không có tiêu đề.

Truyện gồm ba chương:

Chương I, nhắc lại việc tổ chức cai trị nước ta và sự vơ vét của bọn quan lại nhà Đường. Nước ta bị chia làm 12 châu, mỗi châu phải cống hàng năm một loại sản vật, vật phẩm khác nhau, nơi thì vàng bạc, nơi ngà voi, nơi mật trăn... Lệ cống đã nặng, bọn quan quân lại sách nhiễu cho nặng thêm: "Như lệ cống vàng, châu nào phải cống hoặc chỉ có một trăm lạng, mà thường họ bòn trước vét sau đến bốn năm nghìn lạng, châu nào phải cống ngà voi, hoặc chỉ có độ dăm sáu đôi, mà họ tìm tòi bới móc bắt nộp đến hàng trăm đôi...".

Chương II, giới thiệu anh em Phùng Hưng, Phùng Hải.

Phùng Hưng là người làng Đường Lâm (tức làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây) dòng quan Lang, rất thông minh, từ bé đã yêu dân quý nước, và có sức khỏe khác thường. Có lần người ta thấy người thanh niên này hai tay xách hai con hổ "chạy vùn vụt lên trên đỉnh núi".

Chương III, nói về cuộc nổi dậy của Phùng Hưng, Phùng Hải cùng một số nhân vật khác như Nguyễn Thuần, Phá Lặc, Nhật Nương. Cao Chánh Bình, An Nam đô hộ, đem năm vạn hùng binh với hai chục kiện tướng đi đánh quân Nam, cuối cùng đã chết một cách đê mạt.

Ba đoạn trích sau đây đều ở chương III.

CHƯƠNG III

Tùng! Tùng!... dứt một hồi trống cái, cổng thành huyện Gia Ninh mở ra, viên Huyện lệnh là Hà Năng súng sính mũ áo lên ngồi chễm chệ trên sập giữa công đường, hai bên tả hữu có mấy thầy nha lại khúm núm đứng bẩm việc. Dưới hè công đường, hơn 30 tên dũng tốt, tay cầm gươm, dao, giáo, mác, đứng chia làm hai hàng, trông rất oai phong lẫm liệt.

Hà Năng cất tiếng lên hỏi rằng:

– Bọn lạp hộ làng Vân Kiều, chúng nó đã đem nộp đủ mật rắn hay chưa. Bay?...

Dứt tiếng hỏi, một người lại mục bẩm rằng:

– Bẩm... bẩm quan lớn chưa ạ!

Hà Năng quát to lên rằng:

– Nếu vậy thời phái thêm mấy tên tiền sai [1] đi điệu bắt thằng Chưởng bạ làng nó là Trần Hữu Tâm lên đây, để trị cho nó mới được...

Tên lại mục thấy quan gắt, vội khúm núm lại gần, gãi tai nói khẽ rằng:

– Bẩm... Bẩm... bọn chúng trước đã có... có rồi... xin quan lớn ngài hãy khoan hạn cho mấy ngày...

Hà Năng nghe tên lại mục nói xong, dịu ngay nét mặt lại, một lát, lắc đầu mà rằng:

– Nhưng hạn đã gấp rồi mà!...

Nói đến đấy ngừng lại, rồi lại nói tiếp:

– Ừ cũng được, nhưng mi phải bảo chúng xếp thêm mới được chứ!...

– Dạ, dạ... xin bẩm được ạ!

Hà Năng và viên lại mục vừa nói với nhau đến đấy thời bỗng thấy tên quân canh cổng vào bẩm rằng:

– Có bọn lạp hộ làng Vân Kiều đem mật rắn lên nộp.

Hà Năng hỏi rằng:

– Chúng tất cả mấy người?

– Bẩm 8 người.

– Truyền cho chúng bay khám trong mình nó xem có khí giới gì không, rồi sẽ cho nó vào, nghe!

Tên quân canh cổng vâng lời, chạy ra nói to lên rằng:

– Quan truyền, các người hãy đứng yên cả đấy, để chúng tôi khám xong đã rồi mới được vào hầu...

Chùm Hinh thấy chúng muốn khám, liền tủm tỉm cười, nói nhỏ với chúng rằng:

---

1. Là tên bọn quân hầu sai phái đi việc quan. *(Các chú thích trong truyện này là của tác giả).*

– Khốn nạn, anh em tôi còn có gì nữa mà khám, hở cậu? Thôi, cậu cứ cho chúng tôi vào...

Chúng đều trừng mắt lên mà rằng:

– Anh này nói dễ nhỉ? Anh giám trái lệnh quan à?

Chùm Hinh nghe vậy, liền thò tay vào bọc, lấy ra một lạng bạc, sẽ dúi vào tay tên quân canh cổng mà rằng:

– Này, gọi là có bữa chén xoàng, xin cậu nhận lấy, và làm ơn miễn việc khám đi cho... Cùng anh em với nhau cả, cậu ạ!...

Tên quân được lạng bạc thời sướng híp mắt lại cười mà rằng:

– Ừ, thôi! Tôi cũng nể các bác cùng chỗ người cùng nòi cùng giống, mà thôi không khám, nhưng nếu quan có hỏi, thời các bác cứ nói rằng khám rồi nhé! [1]

Chùm Hinh và cả bọn lạp hộ đều gật đầu rồi cùng nhau đi thẳng vào công đường.

Hà Năng ngồi trong công đường trông ra thấy lạp hộ 8 người đi vào, đi trước có một người trông còn rất ít tuổi, trên đầu bịt cái khăn vải nâu non, hai tay bưng cái mâm đồng, trên mâm đồng phủ một cái khăn đỏ: ở đằng sau có người xách cái xác rắn lê thê. Khi vào đến dưới thềm, Hà Năng truyền bưng mật rắn lên để trên bàn để xem. Người ít tuổi bưng mâm để xuống mặt bàn. Hà Năng truyền lật bỏ khăn phủ đi, người ít tuổi vâng lời lấy tay trái kéo bỏ khăn, ở trong mâm ló ra một con dao găm sáng quắc như tuyết...

Hà Năng thấy vậy thất kinh, chưa kịp hỏi, thời người ít tuổi đã tay phải cầm ngay lấy dao, nhảy phắt lên, tay trái tóm lấy ngực Hà Năng, dằn ngửa xuống mà thét lên rằng:

– Hà Năng, mi đã biết mặt Phùng Hải Đường Lâm chửa?

Nói dứt nhời, chém phăng đầu một nhát, đầu Hà Năng đứt ra, máu trong cổ phun ra tung tóe...

Bọn nha lại quân sĩ thấy vậy thời đều hồn siêu phách lạc, run lên như cầy sấy.

Phùng Hải giết xong Hà Năng, rồi đứng ra giữa công đường nói to lên rằng:

---

1. Vì có một lạng bạc mới nhớ đến người cùng nòi giống, nhân tâm bại hoại đến thế là cùng! Ta là người đời bây giờ, cách hồi vua Bố Cái khởi binh đã đến hơn một nghìn năm, nghĩ đến nhân tâm hồi ấy mà đau lòng, song hồi tưởng lại đến nhân tâm ngay đời bây giờ lại càng thêm khó nói. Ôi! Hỏi giời, giời biết hay không hỡi giời.

– Thằng Hà Năng nó là người phương Bắc, quan lại của nhà Đường, nó ỷ thế làm càn, đè nén dân ta như trâu, ngựa, thật là một đứa thù chung nước ta, nay ta phụng mệnh anh ta chỉ giết một mình nó để vì dân trừ hại, các người với ta là cùng một nòi giống, ta rất yêu quý không có điều chi mà phải sợ.

Phùng Hải nói xong, sai Chùm Hinh ra cổng thành đốt hiệu pháo, tức thời ông Phùng Hưng dẫn một trăm thủ hạ phục ở cánh rừng bên cạnh huyện kéo thẳng vào. Dân trong huyện bấy giờ đã hiểu không phải là cướp bóc gì, liền rủ nhau ra bày hương hoa để đón. Ông Phùng Hưng đều lấy đại nghĩa mà phủ dụ, lòng người rất là vui vẻ, như mưa lâu mà bỗng được thấy mặt giời vậy. Người sau có thơ rằng:

Tám trăm năm lẻ cõi Giao Châu,
Nòi giống rồng, tiên kiếp ngựa, trâu!
Thuế đóng chẳng từ Mường với Mán [1],
Cống dâng đến cả chuối cùng cau [2].
Thờ người há những Khương Công đó [3],
Vì nước nào còn Hắc Đế đâu? [4]
Cơ tạo may chưa tàn đất Việt.
Đường Lâm rày đã có ông Lưu...

Sau khi ông Phùng Hưng đã giết được Hà Năng lấy được huyện Gia Ninh, ông liền truyền lệnh chiêu tập các kẻ tráng đinh để bổ thêm làm thủ hạ; ông lại mật phái người thân tín đi dụ các hào mục trong 4 huyện Thừa Hóa, Tân Xương, Cao Sơn, Châu Lục (4 huyện này đều thuộc về Phong Châu), nên đồng thời khởi nghĩa, để vì nước cứu dân... Không bao lâu được tin đến báo huyện Châu Lục, huyện Cao Sơn, huyện Thừa Hóa đều đã thu phục được rồi, mà những viên Huyện lệnh ở mấy huyện ấy đều bị dân chúng giết cả... Số tịch ký

---

1. Năm Đinh Hợi (687) nhà Đường bắt dân Lý (tức là dân Thổ) đóng cả thuế, dân Lý khởi loạn giết đô hộ.

2. Châu Giao Châu phải cống chuối với cau, v.v...

3. Khương Công Phụ là người nước ta, đỗ tiến sĩ, sang làm tướng nhà Đường. Nghĩ lại lúc bấy giờ đã có Khương Công Phụ làm được đến Tể tướng, thời ngoài Công Phụ chắc cũng còn nhiều người cùng theo chân bấu gót Công Phụ mà lạy lục ở bên nước ngoài, chỉ vì chức nhỏ nên mới không thấy lưu truyền lại mà thôi...

4. Vua Mai Hắc Đế người Thiên Lộc (tức là Hà Tĩnh bây giờ) giận nhà Đường tàn bạo, mà khởi nghĩa binh thu phục lại nước ta. Sự tích sẽ tường ở quyển “Vua Mai Hắc Đế lịch sử tiểu thuyết” đương tin.

của riêng của mấy viên huyện lệnh ấy được tất cả đến hai vạn lạng! Ông Phùng liền truyền cho chia đôi số của ấy, một nửa để làm quân lương, một nửa thời tán cấp cho bần dân...

Nguyễn Thuần nghe bọn họ nói chuyện, biết ngay rằng: Người bị bắt ấy tức là người của Phùng Công sai đi hôm trước, chứ không còn ai nữa... Trong bụng rất lấy làm lo sợ, e lại dầy phải dấu xe trước chăng?... Liền quay trở ra, đi thẳng lên con đường huyện, định để chờ xem lúc bọn họ giải đi thế nào... Vừa đi được nửa cung đường, đến chỗ ấy gọi là Giặng Nứa, thấy bên cạnh đường có một ngôi hàng cơm, tuy là lều tranh vách đất, nhưng cách bầy biện coi cũng sạch sẽ. Trước mặt ngôi hàng ấy tức là một khu rừng rậm, chạy dài đến hơi hai dặm đường. Nguyễn Thuần nhân lúc mệt và đói, liền vào hàng nghỉ, định để mua miếc cái gì ăn cho đỡ đói. Thoạt bước vào hàng, thấy người ngồi bán hàng đấy là một người thiếu nữ, đầu bịt khăn vải to trắng, tay đeo mấm (trầm) bạc, hai mắt lóng lánh như nước mùa thu, lông mày nhỏ mà dài, má hây hây đỏ, như đóa phù dung, răng đen nhưng nhức như hạt huyền, tuy là một người thôn cơ dã nữ mà có một cái vẻ diễm lệ khác thường. Nguyễn Thuần vừa mới cất tiếng lên chào hỏi, bỗng thấy người thiếu nữ ấy cứ nhìn chòng chòng không buồn chớp... Một lúc lâu, liền cất tiếng hỏi lại Nguyễn Thuần rằng:

– Tôi nghe tiếng ông khách, hình như người bên huyện Gia Ninh có phải không?...

Nguyễn Thuần nghe hỏi thì cũng cho là một câu hỏi thường của các người nhà hàng, nên cũng chỉ giả nhời qua một câu rằng "phải" mà thôi...

Người con gái lặng yên một lát, lại nói rằng:

– Chừng ông đi sang đây tìm người bạn là Đặng Văn Hòa thôi?

Nguyễn Thuần đột nhiên thấy nói đến tên người thân tín của Phùng Công sai đi trước, thời bất giác chột dạ, song cũng cố gượng làm ra dáng tự nhiên mà rằng:

– Tôi có quen ai là Đặng Văn Hòa mà tìm? Sao cô hàng lại hỏi lạ thế?

Người thiếu nữ mỉm cười mà rằng:

– Tuy không quen biết, nhưng cùng ở với nhau một thành cùng thờ với nhau một chúa, phải không?

Nguyễn Thuần nghe vậy, thời tái mặt đi, nhưng cũng cố gượng mà thủng thẳng đáp lại rằng:

– Cùng ở với ai, cùng thờ ai, sao cô cứ hỏi lôi thôi, tôi không hiểu là thế nào cả....

Người thiếu nữ lại cười mà rằng:

– Có mắt không biết kẻ dở người hay, nếu ông cứ ngù ngờ như thế, thời không khéo lại bị họ bắt giải nộp nốt mà thôi!...

Nguyễn Thuần còn lúng túng, chưa biết giả nhời thế nào, người thiếu nữ lại nghiêm sắc mặt lại nói rằng:

– Tôi nói thật cho ông biết: cái hành tung của các ông, tôi đây đều biết cả. Dù ông có giấu cũng không được. Nhưng chủ ý chúng tôi là muốn giúp các ông, chứ không có bụng dạ nào đâu, mà ông phải ngại... Lát nữa anh tôi về đây thời ông sẽ rõ...

Người thiếu nữ vừa nói đến đấy, thời bỗng nghe thấy một tiếng thét ở trong cánh rừng đằng trước mắt, hình như giời long đất lở, rồi thấy một người lực lưỡng đi thẳng vào cửa hàng. Nguyễn Thuần liếc mắt trông thấy người ấy: mặt đen như sắt, mắt tròn ốc nhồi, đầu bịt khăn xanh, mình mặc áo vải, vai vác một ngọn thương bằng sắt, mũi thương xọc xiên qua cổ một con gấu đen, to gần bằng con bò, máu chảy chuễ loại, mà 4 chân con gấu hãy còn giẫy...

Người thiếu nữ đón ngay ra trước cửa, vừa cười vừa nói rằng:

– Nay anh lại kiếm được thức nhắm, may quá, vừa gặp lúc nhà có khách...

Người lực lưỡng bước chân vào đến cửa, hỏi lên rằng:

– Khách nào hử em?

– Rồi anh sẽ biết. Lại người Gia Ninh đấy anh ạ...

Người thiếu nữ vừa nói dứt nhời, thời người lực lưỡng đặt con gấu đánh "huỵch" một cái xuống đất, ngảnh sang bên tả, thấy Nguyễn Thuần, liền trỏ hỏi người thiếu nữ rằng:

– Ông khách này, phải không?

Nguyễn Thuần vội đứng dậy vái chào. Người lực lưỡng không đợi cho nói, liền lại nắm lấy mà rằng:

– Ở đây lát nữa sẽ có việc. Vả cũng không tiện nói chuyện, ông hãy đi vào trong nhà này với tôi...

Nói rồi tự đi trước, dẫn đường cho Nguyễn Thuần đi. Vào đến nhà trong, cũng là một nhà ba gian lợp tranh, tuy không có gì bày biện, nhưng rất sạch sẽ, sáng sủa, trông vào vách bên hữu, thấy treo đầy những da hổ, da báo, có cái còn mới, có cãi đã rượp... Ngoài chỗ treo da, có một cái giá, cắm đủ các thứ binh khí, toàn là những hạng vừa to lớn vừa tốt cả...

Sau khi chủ khách ngồi xong, Nguyễn Thuần liền cất tiếng lên hỏi rằng:

– Dám hỏi phương danh của tráng sĩ là gì? Bởi đâu mà biết tôi? Lại có lòng hạ cố tiếp đãi tôi một cách đặc biệt như thế này?

Người lực lưỡng nói rằng:

– Tôi họ Bồ, tên là Phá Lặc, năm nay 28 tuổi, người con gái ngoài kia là em tôi, tên là Nhật Nương. Tôi vốn nhà nghèo, cha mẹ lại mất sớm, anh em tôi chỉ lấy nghề săn bắn mà độ nhật. Bình sinh chí tôi rất căm giận bọn quan lại nhà Đường, mỗi khi nghĩ đến giang sơn tổ quốc phải bị giam vào trong vòng trói buộc của người, thời chỉ những muốn nằm da uống máu bọn tham tàn ấy mới lấy làm cam tâm! Chỉ hiềm vì một mình sức nhỏ, lòng dân thời đương mê mộng, khôn tìm lấy kẻ đồng tâm, nên vẫn cứ đành phải im hơi lặng tiếng... Vừa rồi nghe tin chúa Lang ở Đường Lâm là Phùng Công đã khởi nghĩa binh, thu phục được huyện Gia Ninh, tức thời huyện Thừa Hóa, huyện Cao Sơn, huyện Châu Lục, cũng đều hưởng ứng nổi theo. Tôi đã toan đi sang ngay để đầu vào dưới trướng, cho được thỏa chí bình sinh. Sau lại nghĩ muốn nhân dịp này mà lập mưu thu phục nốt lấy huyện Tân Xương này đã, để làm chút lễ tiến kiến với Phùng Công cho phải phép, nên mới còn dùng dằng ở lại đây. Mới hôm qua tôi lại nghe thấy có người thân tín của Phùng Công tên là Đặng Văn Hòa đi sang dụ các người hào mục ở vùng này khởi nghĩa, chẳng may gặp phải tên Chùm Kiều Đình Trưởng thôn Đằng Lưu sinh lòng chó má, bắt định giải huyện lấy công, chắc thể nào ngày nay cũng đi qua đây, nên tôi lại định trước hãy mưu giết bỏ tên Đình Trưởng, cứu lấy Đặng Văn Hòa, rồi sẽ mưu thu phục huyện thành sau... Giờ may lại được gặp ông ở đây, chắc ông cũng là người thân tín của Phùng Công, sẽ có thể giúp hộ tôi được một tay...

Nguyễn Thuần nghe Phá Lặc nói đến đấy thời rất mừng, liền thuật hết tâm sự của mình cho Phá Lặc nghe... Và hỏi cái mưu của Phá Lặc cứu Đặng Văn Hòa thế nào?... Phá Lặc ghé vào tai

Nguyễn Thuần nói nhỏ mấy câu... Rồi hai người cùng ngồi với nhau ở trong nhà uống rượu để chờ tin tức...

Nói về Kiều Đình Trưởng, vốn là một tên thổ hào có tiếng hách dịch ở huyện Tân Xương, ngoài mặt thời vẫn giả là một người có tâm huyết với dân thôn, mà trong bụng thời cực kỳ nham hiểm, ngoài hai chữ "lợi danh", tuyệt nhiên không còn một chút gì là nhân tâm thiên lý...

Đặng Văn Hòa là người ở xa, không biết hư thực thế nào, tưởng là danh hạ bất hư, người đã có tiếng thời chắc thể nào cũng cáng đáng nên công việc nhớn, liền đến dụ Đình Trưởng khởi sự, ngờ đâu Đình Trưởng nghĩa nhớn không màng, lại mục cho Văn Hòa là đảng loạn, dám phản đối với Thiên triều, tội ấy đáng chu di tam tộc. Liền tóm ngay lấy để nộp huyện cầu công...

Ngày hôm sau, Đình Trưởng sai trói Văn Hòa lại, rồi tự mình cưỡi ngựa cùng với 10 tên phiên tuần điệu giải Văn Hòa lên huyện, quá trưa thời đi đến Giặng Nứa, Đình Trưởng nhác thấy trước nhà hàng cơm có một người con gái lướt ra lướt vào, hình như có ý trông ngóng, mà vẻ người thời cực kỳ diễm lệ... Vốn Đình Trưởng là một đứa rất "máu dê", năm ấy tuy đã 40 tuổi mà vẫn tật nào nết ấy, trông thấy thế không thể nào dứt đi được, liền xuống ngựa bảo bọn phiên tuần rằng:

– Nào nhà hàng có cái gì đánh chén được không? Để tớ vào chén nào...

Nhất Nương vội vàng chắp tay vái một cái, mà rằng:

– Ấy kìa chào cụ Chùm! Cụ lên huyện, mời cụ nghỉ vào sơi rượu!

Kiều Đình Trưởng trông vào Nhật Nương cười mà rằng:

– Tôi mới bấy nhiêu tuổi, mà cô đã chào tôi là cụ, làm già mất cả tôi đi...

Nhật Nương cũng cười mà rằng:

– Vì tôi thấy ai ai cũng gọi cụ là cụ, nên tôi cũng theo như thế mà chào. Vậy chẳng hay cụ dạy thế nào là phải, để nhà hàng tôi xin theo.

Đình Trưởng liếc mắt, cười khì khì mà rằng:

– Cô muốn gọi thế nào cho phải ư?... Thế thời tôi nói thật với cô nhé! Nhưng chẳng hay cô có bằng lòng không mới được chứ?

Nhật Nương hai tay bưng cơi trầu đến để trước mặt Đình Trưởng, sẽ liếc mắt mỉm cười mà rằng:

– Cụ là một người chùm trưởng danh giá nhất vùng này, đến ai cụ bảo cũng còn phải nghe, nữa chi là tôi, lẽ nào lại dám không bằng lòng...

Đình Trưởng nhặt lấy miếng trầu ở trong cơi, mắt trông thẳng vào Nhật Nương, nhoẻn miệng cười mà rằng:

– Thế thời từ giờ cô cứ gọi là "thầy nó" nhé!...

Nhật Nương mỉm cười ngảnh đi mà rằng:

– Gọi là "thầy" thời phải, sao lại tiếp luôn với tiếng "nó", thế còn là nghĩa gì?...

Đình Trưởng cười khì khì mà rằng:

– Ấy có nghĩa lắm chứ! Hay lắm chứ! Tôi nói thật đấy, duy có cô mới có thể gọi được thế mà thôi...

Nhật Nương làm ra dáng thẹn thò, sẽ nghếch đầu lên liếc mắt trông trộm Đình Trưởng, rồi lại cúi đầu xuống mà rằng:

– Cụ cứ dạy quá nhời, tôi đâu có dám thế!

Đình Trưởng thấy Nhật Nương có ý siêu lòng, liền lại cười khì khì mà rằng:

– Cứ dám cô ạ! Tôi rất muốn cho cô dám... À nào! Rượu đã xếp song chửa, mang đây tôi chén nào! Kẻo nữa vào hàng không mà đi ngay, rồi người ta lại cười là "thầy nó" keo!

Nhật Nương bấy giờ đương lau đũa bát, miệng sẽ lẩm bẩm rằng:

– Rõ khéo chửa! Cứ như sơn tấy! Ai thầy nó mà cứ nói đi nói lại mãi, làm như thể là...

Đình Trưởng ngồi bên này nghe tiếng lấy làm đắc chí, đầu gật gù, miệng khì khì mà rằng:

– Nào! "Cô nó" đã xong chưa? Thôi, được thứ gì hãy cứ đem cho nhấm trước đã! Bất tất phải chờ cho đủ...

Đình Trưởng vừa nói dứt nhời thời Nhật Nương vừa bưng mâm rượu đến, miệng tủm tỉm cười mà rằng:

– Mời cụ sơi rượu!... À quên "thầy"!...

Dứt nhời ngảnh vội ngay đi bưng miệng và cười.

Đình Trưởng thấy vậy thời sướng quá, suốt mình ngứa

ngáy, miệng cứ toét ra mà cười như ống nhổ thầy đề, tay cầm nai rượu vừa rót vừa cười:

– Hừ uống một mình thế này buồn nhỉ?...

Nhật Nương ở bên kia nghe tiếng, nói với sang rằng:

– Thầy cứ sơi rượu đi rồi tôi sẽ sang rót rượu cho...

Đình Trưởng thích chí, uống tợp ngay một hớp, hết chén rượu, rồi khà khà mà rằng:

– Nào! Cô nó rót hộ chén nào!...

Nhật Nương bấy giờ đã xếp xong cơm cho bọn tuần phiên, đem ra một hũ rượu, để ở trước mặt chúng mà rằng:

– Các bác cứ uống rượu cho thật say, hết bao nhiêu tiền đã có thầy Chùm giả, không phải ngại.

Đình Trưởng vốn bụng chỉ chúng ăn cơm thôi, giờ bỗng thấy Nhật Nương nói như thế, thời cũng phải chiều lòng; lại muốn khoe mẽ ta đây hào phóng, liền cũng nói theo lên rằng:

– Cho chúng bay sức uống được bao nhiêu thời tha hồ mà uống, bữa rượu này chính là bữa rượu vui mừng của ta đó!

Chúng đều phì cười, dạ rầm lên như sấm, rồi cùng nhau lấy bát đàn đổ rượu ra để uống, như là trâu uống nước vậy...

Bọn tuần phiên đã cùng nhau uống rượu, Nhật Nương liền quay sang rót rượu cho Đình Trưởng, lạ gì chén rượu ở trong tay người mỹ nhân rót ra, dù nhạt cũng hóa ngon, dù chua cũng hóa ngọt, dù người không biết uống cũng hóa ra hay uống.

Đình Trưởng ta cứ hết chén này, sang chén khác, mềm môi chén mãi, dần dần hơi men bốc lên, làm cho hai mắt híp lại, miệng phè bọt ra, lăn quay ngay ra góc giường, ngủ tít đi lúc nào không biết... Nhật Nương thấy vậy thì bịt miệng mà cười. Ngảnh trông sang bên kia thời mười đứa phiên cũng đã ngủ mất chín, còn một đứa nữa hai mắt tuy đã díp lại, mà một tay vẫn bưng bát rượu lên mồm để nốc, một tay khuề khoạng dờ vào mâm, nhặt được mảnh xương bỏ ra lúc nãy, bỏ vào mồm nhai lấy nhai để... Nhật Nương bỏ mặc kệ chúng ở đấy, lảng vào trong nhà, khi đó cả Văn Hòa cũng đã được Phá Lặc cởi trói cho, ngồi ở đấy rồi, Phá Lặc thấy em vào, hỏi ngay rằng:

– Thế nào? Được rồi chứ?

Nhật Nương nói rằng:

– Chúng nó đều say dí, ngủ như chết cả rồi. Chỉ còn có một thằng còn ngất ngưởng ngồi đó, nhưng cũng không sao đứng lên được nữa...

Phá Lặc cả cười mà rằng:

– Nếu vậy thời ta làm ngay cái kế kia đi, để mình còn có thể đi việc khác...

Nhật Nương có ý chù trừ nói rằng:

– Thằng Kiều Đình Trưởng đã đành rằng đáng giết, còn bọn tuần phiên kia thời chúng có tội gì, nếu giờ giết cả, em e rằng bất nhân quá chăng?

Phá Lặc cười mà rằng:

– Em rõ thật tính nết đàn bà! Chúng nó toàn là phường cõng rắn cắn gà nhà cả đấy. Vì chúng nó có cái bụng chó má như thế, nên thằng Đình Trưởng nó mới tin dùng mà cho làm tuần phiên để làm chó săn cho nó. Xưa nay những đám bị bọn quan Đường nó bắt bớ, giết hại, đều là bởi lũ chúng nó phát giác ra cả đấy. Nếu không có chúng nó vẽ đường cho hươu chạy thời bọn quan Đường nó ngôn ngữ bất đồng, biết thế nào được những chỗ bí mật của mình? Kể cái tội của nó đối với quốc dân, thời dẫu đào mả nhà chúng nó lên cũng mới đáng, huống chi là chỉ giết mà thôi ư? [1]... Em cứ nghe anh mà làm đừng gàn.

Nhật Nương chưa kịp nói, Nguyễn Thuần cười mà rằng:

– Nếu vậy thời chẳng cũng đáng tiếc cho ngôi nhà này lắm ư?

Phá Lặc vừa đứng dậy vừa nói rằng:

– Dẫu 5 dinh 7 dãy, nghìn cỗ muôn chung, tôi cũng chỉ coi như đôi dép nát, nữa là những cái tầm thường này! Lúc anh em tôi làm ra đây, cũng chỉ là muốn nhân ngôi hàng để tiện chiêu dụ những tay hảo hán trong thiên hạ đó mà thôi. Hiện giờ cũng đã được ba bốn mươi người, tôi đã sai giả làm người bán hàng rong, lẩn vào trong huyện để làm nội ứng rồi. Giờ ngày đã gần chiều, ta phải kíp biện ngay để đi lên lấy huyện mới được.

Nói xong, bảo mỗi người cầm lấy một thứ khí giới. Nhật Nương

---

1. Lời Phá Lặc nói rất phải. Nhưng không ở đời bấy giờ mà cũng có những hạng người như thế nhỉ...

bấy giờ đã vào trong buồng nai nịt xong, hai tay cầm hai thanh kiếm bước ra, trông rõ ra một vị Nữ tướng. Rồi đó cùng nhau kéo cả ra ngoài hàng chất thêm rơm củi vào cửa hàng, rồi phóng lửa đốt lên. Bấy giờ vừng ô đã xế non đoài, gió đông nam thổi vào như quạt, khiến cho sức lửa bốc lên càng mạnh, trong có một chớp mắt mà một ngôi hàng đều hóa ra tro, bọn đầy tớ tên Kiều Đình Trưởng cũng đều theo đó mà làm bộ hạ cho thần Hồi Lộc! Than ôi! Những mong bán người đồng loại để cầu lấy vinh danh, nào ngờ đâu mưu thâm thì họa cũng thâm, danh chửa thấy đâu mà thân đã tiêu diệt! Cho biết những kẻ táng tâm, bội lý, không còn nghĩ gì đến non nước giống nòi, tuy có phú quí vinh hoa được nhất thời, nhưng lưới giời còn đó, dẫu thưa khôn tránh được nào... Vậy làm người, ta cũng nên coi đó làm gương, có nước rồi mới có nhà, có tổ tiên rồi thân ta mới có, chứ có phải là ta ở chỗ nẻ kẽ cây mọc lên, hay là trước có nhà ta rồi sau mới có nước, mà ta nỡ khiết nhiên quên nòi, quên nước cho đành!...

Cũng là nhân quả sao đây,
Cây kia chẳng ở cội này mà ra?
Giống nòi gây tự ông cha,
Nước non kia mới là nhà ở chung
Bể, dâu là phép hóa công,
Một niềm xe cát là công dã tràng,
Có khi biến có khi thường,
Giời kia chưa đã dứt đường mà lo.
Kiếp đời cũng lắm công phu
Tay không đắp lại cơ đồ mới ngoan
Khuyên ai xin hãy bền gan...

*
* *

... Đúng giờ Mão ngày hôm ấy, Chánh Bình lại đem quân ra dàn trận, lại chờ mãi đến giờ Tị mà vẫn không thấy quân Nam, Chánh Bình tức giận sai mấy viên kiện tướng, đem một toán tiền quân đến thẳng trại quân Nam để khiêu chiến, còn mình và đại đội nhân mã thời cứ đứng vững trận thế để chờ. Mấy viên kiện tướng vâng lệnh Chánh Bình đi khiêu chiến, tha hồ làm đủ thiên phương bách kế, mà quân Nam vẫn không chịu ra. Mãi cho đến mặt giời đã

xế chiều mới cùng nhau quay về bản trận. Chánh Bình không biết làm sao lại phải kéo quân về trại. Chiều tối hôm ấy, Ngô Thắng nói với Chánh Bình rằng:

– Hôm qua giặc làm chước nghi binh khiến cho quân ta bị suốt đêm không ngủ. Chắc thế nào đêm nay giặc cũng cướp trại. Vì chúng tưởng rằng đêm nay quân mình cũng lại cho là nghi binh như hôm trước mà không chịu phòng bị, nên chúng mới thừa kỳ vô bị mà cướp thật. Vậy xin sứ quân đêm nay lại phải truyền cho phòng bị riết hơn đêm trước mới được.

Chánh Bình lấy làm phải, truyền cho ba quân cứ mặc vậy áo giáp, phải thức để phòng quân giặc cướp trại...

Bọn quân sĩ không dám trái lệnh, đều phải thức để chờ, song lạ thay từ đầu canh hai cho đến hết canh tư, cũng chỉ nghe thấy 2, 3 lần chiêng trống, mà vẫn tuyệt nhiên không thấy tăm hơi quân Nam ở đâu... Đến bây giờ từ Cao Chánh Bình dở xuống, đều cho là quân Nam, chẳng qua lại chỉ làm nghi binh mà thôi. Liền bảo nhau hãy tạm yên nghỉ cho đỡ mệt. Khốn nạn! Bọn quân tướng giặc Đường, đã suốt đêm hôm trước không ngủ, suốt ngày hôm ấy nhọc nhằn, đêm hôm ấy lại phải thức suốt từ chập tối đến hết canh tư, người nào người nấy đều mệt lả ra, kịp đến lúc được lệnh yên nghỉ, thời đều đặt mình là ngủ thiếp như người chết. Ngờ đâu chính đương lúc một vạn linh hồn quân Đường đương cùng nhau vơ vẩn trên đường Hàm Đan trong nước Hoa Tư, đua nhau hóa bướm Thầy Trang, tranh hươu nước Trịnh [1] thời bỗng thấy pháo nổ liên thanh, chung quanh trại lửa cháy bùng lên, ngất giời sáng rực. Quân tướng bấy giờ mới cùng nhau mở choàng mắt dậy, kêu la rầm rĩ... Cao Chánh Bình và Ngô Thắng, cũng đều hoảng hốt, cuống quít, không biết giở tay thế nào; nghe bên ngoài thời tiếng loa, tiếng trống vang lừng, quân Nam bốn mặt kéo đến nhanh như mây bay gió cuốn. Quân Đường bấy giờ chỉ còn có một cách ôm đầu trốn chạy, không còn đánh chác gì nữa! Hai mươi viên kiện tướng cùng Ngô Thắng bảo hộ Cao Chánh Bình rẽ chạy ra

---

1. Trang Tử mơ ngủ hóa làm bươm bướm, lúc làm bươm bướm bay lượn trong vườn hoa, thời hớn hở không biết mình là bươm bướm hay là Trang Chu? Đến lúc tỉnh dậy thời thẫn thờ không biết mình là Trang Chu hay là bươm bướm?

Người nước Trịnh mơ ngủ bắt được con hươu lấy lá chuối đậy lên, đến lúc thức dậy, lại chỗ đậy ấy để tìm, thời không biết trước kia là mộng chăng? Hay sau này là mộng chăng?

đường tây bắc, vừa ra khỏi vòng vây, bỗng nghe thấy liên thanh pháo nổ, có một viên tướng đầu đội khăn vàng, mình áo đỏ, oai phong lẫm lẫm, tướng mạo đường đường, đem một toán quân cung thủ chặn ngang trước đường, viên tướng ấy thét lên rằng:

– Cao Chánh Bình, mi đã biết mặt Phùng Hưng chưa?

Dứt tiếng thét, chỉ thẳng ngọn Tử kim thương xông lại đâm Chánh Bình, Ngô Thắng vội vàng thúc ngựa lên trước che đỡ cho Chánh Bình rẽ sang đường tắt để chạy. Phùng Công thấy Chánh Bình đã chạy thoát, thét lên một tiếng, đập mạnh cây thương lên đồng chùy của Ngô Thắng, Ngô Thắng rức điếng tay đi, suýt nữa thì rơi mất đồng chùy, vừa kêu lên một tiếng "Ối chà", thời bị Phùng Công đâm tiếp luôn một mũi thương nữa, suốt qua cổ, ngã lăn xuống ngựa mà chết!...

Bấy giờ giời vừa tảng sáng, một vạn quân Đường bị quân ta giết mất quá nửa, còn thây nằm ngổn ngang đầy đồng, máu đổ lội ngập củ khoai chân. Phùng Công truyền đánh chiêng thu quân, rồi nghiêm chỉnh đội ngũ, kéo thẳng áp thành Giao Châu hạ trại. Định cho ba quân yên nghỉ một ngày, đến sáng hôm sau sẽ đánh thành. Đó thực là:

Thừa cơ nứa chẻ ngói tan,
Ra tay phục lấy giang san từ rầy.
Làm cho tỏ mặt râu mày.
Cho người biết giống nòi này chẳng ươn.

Nói về hai mươi viên kiện tướng ủng hộ Cao Chánh Bình trốn chạy, mãi đến tảng sáng, thời tàn binh cũng lục tục chạy theo được vài ba nghìn, liền cùng nhau tất cả chạy về thành. Chánh Bình về đến thành rồi mới hơi hoàn hồn, liền truyền lệnh nghiêm đóng cửa thành, và truyền giao cho 20 viên kiện tướng ngày đêm phải tuần tra trên mặt thành cho cẩn thận. Ngày hôm sau, Chánh Bình hội chư tướng lại để bàn kế công, thủ; chư tướng đều khiếp cái trí, dũng của Phùng Công, đồng thanh xin cố thủ. Chánh Bình bị một trận đánh hôm trước cũng đã hồn xiêu phách lạc, thấy chư tướng xin cố thủ thời rất hợp với chí hướng của mình, nên bằng lòng y nghị ngay. Từ hôm đó trở đi, trong thành cứ một mực cố thủ, Phùng Công ngày đêm nghĩ ngợi, ruột nóng như đốt, mà vẫn không nghĩ ra được kế gì cho chóng thành công.

Một hôm, Phùng Công đương ngồi trong trướng, bỗng có một viên tiểu tốt vào báo rằng:

– Ở ngoài cửa trại có một viên thiếu niên Tướng quân, đem một toán quân ước độ hơn ba trăm, xin vào yết kiến Chúa công.

Phùng Công nghe báo truyền cho mời vào. Phùng Công ngồi trong trông ra thấy vị tướng quân ấy, mặt trắng như mũ ngọc, môi đỏ như son tàu, lông mày thưa mà dài, mắt trong mà đen, đầu đội khăn lượt thâm, mình mặc áo giáp tím, tay cầm trường thương, vai đeo kính nỗ... Vị tướng quân ấy vào đến dưới thềm, giơ tay vái một cái, cất tiếng nói rằng:

– Chúng tôi nhung phục ở mình, không tiện thi lễ, xin Đô quân ngài miễn lễ cho...

Phùng Công thấy người ấy cử chỉ đĩnh đạc, tướng mạo anh tuấn, trong lòng rất là kính mến, liền đứng dậy mời ngồi, rồi hỏi rằng:

– Túc hạ quý hiệu là gì? Nay bỗng dưng có lòng hạ cố đến thế này, chắc cũng có lòng thương đến giang sơn tổ quốc, mà đến giúp tôi đó chăng?

Vị tướng quân ấy nghiêng mình vái một cái, rồi nói rằng:

– Tôi họ Đỗ, tên là Luân, tên tự là Anh Hàn, năm nay 30 tuổi. Cùng với Đô Quân vốn là cùng làng. Vì Đô Quân ngài đi xa lâu, nên không biết đó mà thôi... Thưa ngài, chúng tôi bình sinh vốn lấy là một kẻ dân vong quốc làm hổ nhục, trải mười năm nằm gai nếm mật, lưu lạc nơi góc bể chân giời, để tìm người đồng chí, từ khi được nghe ngài khởi nghĩa binh ở Gia Ninh, khôi phục được thành Phong Châu, tôi lấy làm vui sướng vô cùng. Tức thời định quay về cố hương, đầu theo dưới trướng, họa có góp được đôi chút công lao với giang sơn tổ quốc chăng? Ngờ đâu giữa đường mắc bệnh, thuốc thang mãi đến giờ mới khỏi, vậy xin đem theo 300 đồng chí, đến trước quân tiền, mong xin thu dụng, chúng tôi xin hết sức ngu hèn, để đền ơn tri ngộ...

Phùng Công nghe Đỗ Luân nói xong, rất lấy làm kính mến cái tấm lòng nhiệt thành đối với giang sơn tổ quốc. Liền nói rằng:

– Túc hạ có lòng như thế thật là phúc cho nòi giống ta, vậy xin cứ sẵn lòng mà ở đây giúp tôi...

Phùng Công nói đến đây thời Đỗ Luân đứng lên vái tạ, rồi Phùng Công lại hỏi rằng:

– Hiện nay tôi vây thành Giao Châu đã ngót hai tháng rồi, mà vẫn chưa hạ được, vậy chẳng hay túc hạ có kế gì hay giúp tôi được chăng?...

Đỗ Luân nói rằng:

– Ở trong thành Giao Châu, chia tư thời ba phần thuần là nhà gianh, rất lợi cho việc "hỏa công". Duy dân trong thành ở rất đông, mà toàn là người nòi giống mình, nếu dụng hỏa công thời chưa biết hại người đâu, mà đã hại đến người mình trước, thật là trái với cái mục đích của mình khởi binh. Vậy giờ trước hết hãy nên dùng kế dụ cho dân trong thành biết, bảo nên thừa chỗ nào tiện lợi, thời lẻn bớt ra ngoài thành. Còn người nào ở trong thành thời tìm nơi mà ẩn nấp, bấy giờ ta sẽ dùng cách mà đánh hỏa công, thời dù chưa phá được thành ngay, nhưng Cao Chánh Bình cũng phải kinh hồn, táng đởm...

Phùng Công lấy làm phải, liền cùng với Đỗ Luân bát bàn viết tờ cáo thị bắn vào cho nhân dân trong thành. Từ sau khi đã bắn tờ cáo thị vào trong thành rồi, dân trong thành thừa lúc đêm khuya mà vượt trốn ra ngoài thành rất nhiều. Phùng Công đều sai người đi dẫn cho chỗ ăn ở, và lấy lời phủ dụ, ai nấy đều có lòng vui mừng cảm kích. Cách ba hôm, Phùng Công truyền lệnh đóng 2 nghìn chiếc thang chéo (hai cái giao đầu lại với nhau, hai bên người đều trèo lên được). Và quân sĩ phải mang theo mỗi người đủ 500 tên lửa. Mọi đồ đã sắp xong, Phùng Công thân ra đốc chiến, truyền quân sĩ đều tất cả lên thang chéo bắn tên lửa vào trong thành... Bấy giờ, tiếng trống rầm giời, tiếng loa dậy đất, muôn quân đua sức, tên bắn như mưa. Tướng tá quân sĩ nhà Đường ở trong thành không ngờ đâu rằng quân Nam đánh hỏa công, nên không kịp phòng bị, chỉ trong độ nửa giờ là suốt trong thành Giao Châu lửa cháy lên ngùn ngụt, ngọn lửa cao đến 10 trượng, khói đen tỏa khắp một góc giời.

Nói về Cao Chánh Bình từ khi bị vây ở trong thành, ngày đêm lo sợ, đã nhiều phen sai người đi cầu cứu các châu, nhưng đều bị Phùng Công sai quân đi đón đường bắt lại mất cả, mà các viên Châu úy ở các châu không thấy mệnh lệnh của quan Đô hộ triệu, nên cũng không dám thiện ly chức thủ, e phạm đến quân kỷ chăng?... Vì thế mà Chánh Bình thành ra thế cô, thật không khác gì Sở Bá Vương ở trong lúc bốn mặt tiếng hát Sở vậy [1]. Chánh Bình vì lo sợ

---

1. Hạng Vương bị vây, thế rất cùng quẫn, đương đêm, Trương Lương sai quân Hán hát bằng tiếng Sở vang khắp chung quanh, khiến cho Hạng Vương nhớ đến tình cố hương mà phải ngậm ngùi rơi lệ... Sự tích xem ở "Hán Sở tranh hùng", ký giả

quá mà thành bệnh, bao nhiêu việc quân cơ đều phải ủy cho mấy viên Tham mưu, mấy viên Tùy tướng trông coi...

Hôm đó, Chánh Bình đương cùng ngồi với phu nhân là Tống Thị, bàn chuyện gia sự, Chánh Bình nhân nghĩ đến cơ nguy ngập mà nói rằng:

– Nghĩ từ khi tôi lĩnh chức An Nam Đô hộ đến nay, tuy đối với triều đình cũng chưa được lấy làm bổ ích, nhưng đối với gia đình nhà mình thời cái cơ phong thịnh thật đã trông thấy. Ấy cũng đều là của dân An Nam cả đấy thôi, chứ mình nào có phải mất một chút mồ hôi nước mắt nào đâu... Phu nhân thử tính mà xem, cái gia tư của nhà ta bây giờ phỏng có địch được với Vương Khải Thạch Sùng ngày xưa chăng?...

Tống Thị cười mà rằng:

– Nào ai biết các người ấy giầu thế nào? Tôi chỉ biết được rằng: Nếu cứ cái gia tài của nhà ta thời dẫu con cháu chúng nó phung phá đến 10 đời cũng không hết. Thế mới biết dân An Nam chúng nó nhiều của thật! Mà ông cũng khéo bòn rút thật!...

Tống Thị nói xong thời cười ngặt nghẹo như nắc nẻ!

Chánh Bình cau mày lại mà rằng:

– Nào đã chắc gì đâu hử bà? Hiện giờ người nước nó là Phùng Hưng khởi quân phục quốc, vây thành này đã hơn hai tháng rồi, mà chưa biết cái cơ thắng bại ra làm sao?... Nếu nhỡ mà thành phá, thời của ấy còn mong gì!...

Chánh Bình vừa nói đến đấy, thời Tống Thị sửng sốt cả người, chỉ hỏi lại được một câu: "Thật thế kia hử ông?"... dứt nhời thời chu lên khóc bù lu bù loa...

Chánh Bình còn đương ngon ngọt để dỗ vợ, thời bỗng thấy mấy tên tiểu tốt hoảng hốt chạy lên báo rằng:

– Bẩm sứ quân, nguy to mất rồi! Quân Nam chúng nó đánh hỏa công, khắp trong thành chỗ nào cũng bị cháy to quá, không thể nào cứu chữa được, quân ta bị chết cháy không biết bao nhiêu mà kể!...

Chánh Bình nghe báo xong, mặt tái mét đi, kêu to lên một tiếng, thổ ra một bãi huyết, rồi ngã ngất đi... Tống Thị và gia nhân cứu chữa mãi mới dần dần tỉnh lại. Từ đó bệnh thế của Chánh Bình lại

---

dịch...

càng trầm trọng...

Nói về Phùng Công dùng kế đánh hỏa công, thấy trong thành đã cháy lên to rồi, liền truyền lệnh cho ba quân yên nghỉ...

Ngày hôm sau Phùng Công lại truyền cho ba quân vây bịt 4 mặt thành lại để đánh. Song rồi, Phùng Công gọi Bồ Phá Lặc đến dưới trướng, giao cho một phong thư, dặn đem ra bắn vào trong thành cho Cao Chánh Bình... Phá Lặc vâng lời, buộc phong thư vào đầu mũi tên, rồi phóng ngựa lại thẳng điếu kiều, trỏ vào viên tướng Đường đứng ở trên địch lầu mà nói to lên rằng:

– Viên tướng kia, có bức thư của chủ tướng ta gửi cho Chánh Bình, ta bắn lên cho ngươi, ngươi hãy cầm vào cho chủ ngươi xem nhé...

Nói dứt nhời, giương cung bắn lên, mũi tên cắm "phập" ngay vào trên chóp mũ của viên tướng trên thành. Viên tướng trên thành bị một cái chết trượt, không còn hồn vía nào nữa. Vội rút lấy tên, cầm cả vào nộp trình Chánh Bình. Bấy giờ Chánh Bình đang bị ốm nằm ở trong màn, không ngồi dậy được phải bảo một viên mặc khách đọc lên cho nghe. Thư rằng:

"An Nam Đô Quân Phùng... thư gửi cho viên Đường Đô hộ Cao Chánh Bình: Ta nghe người quân tử phải có lòng nhân đức, kẻ tuấn kiệt phải nên thức thời. Ngươi là một đứa bỉ phu ở bên Bắc quốc, gặp lúc vua Đường ngu dốt, không biết hay hèn, lạm cho ngươi sang làm Đô hộ nước ta, cứ lẽ thời ngươi nên biết lòng báo chúa, một dạ yêu dân, thời mới đáng là một kẻ trọng thần của nước lớn. Vậy mà ngươi lòng lang dạ sói, quen thói dối trên; nọc rắn miệng hùm, chuyên bề hại dưới. Hút dân ta không còn máu mủ, vạc dân ta đến cả thịt xương. Bỏ hết nhân từ, chỉ còn tàn bạo. Thần nhân đều giận, giời đất khôn dung! Ta nay trên thuận mệnh giời, dưới theo lòng chúng, quét trong bờ cõi, khôi phục giang sơn. Nếu ngươi có phải là tuấn kiệt, còn biết thức thời, thời nên mở cửa ra hàng, ta đây cũng thể đức hiếu sinh của Thượng đế mà tha cho không giết. Nhược bằng còn có chí muốn quật cường thời nên đem quân ra thành cùng quyết một phen sống mái, cũng mới đáng là có cái chí khí nam nhi... Chứ nếu cứ đóng thành ngồi lỳ như bà già giữ bếp, như đứa trẻ ấp vú, thời thật hèn nhát hơn phường con gái. Ngày trước ông Gia Cát gửi khăn yếm cho Tư Mã Ý, cho Tư Mã Ý cũng như con gái; ta đây trước cũng toan gửi cho ngươi mấy bộ, song lại nghĩ: cứ cái hèn nhát

của ngươi như thế, thời đến con gái cũng không đáng làm! Tục ngữ có câu "nhát như cáy" vậy ta cũng muốn cho ngươi làm "kiếp cáy", nhưng còn chưa biết may cho ngươi bộ áo thế nào cho xứng với cái tên ấy được. Than ôi! Làm người phải có lương tri, làm tướng phải nên dũng cảm, ngươi lương tri đã mất, dũng cảm không còn, thời sống làm chi cho bẩn giời, bẩn đất, tốn áo tốn cơm?! Ôi! Cao Chánh Bình mặt là "người" mà nết là "cáy", xem bức thư này, nên mau tự liệu, nếu còn trù trừ, thời đến khi thành vỡ, sẽ chết không có chỗ chôn đâu!...".

Viên mặc khách đọc xong, Chánh Bình kêu lên một tiếng: "Phùng Hưng giết ta!..." rồi lại thổ ộc ra một bãi máu, tức thời hồn lìa xác thịt mà về chín suối!... Đó thật là:

Những mong hút máu người ta,
Cho thân no béo, cho nhà giầu sang.
Ngờ đâu một phút tai ương,
Bỗng dưng đem bó thịt xương đất người!
Cho hay những giống tham tài!
Hại người chẳng bõ khi người hại ta!

*

* *

... Cao Chánh Bình bị uất quá mà chết, suốt cả văn võ trong thành, chính đương lúc như chim mất cánh, như rắn mất đầu, lo sợ cuống quýt, không biết giở tay ra thế nào, thời ngoài cửa Đông đã bị Bồ Phá Lặc phá được kéo vào, ngoài cửa Tây đã bị Phùng Hải phá được kéo vào, ngoài cửa Bắc đã bị Đỗ Luân phá được kéo vào, ngoài cửa Nam thời bị đại đội nhân mã của Phùng Công phá được kéo vào: bao nhiêu binh mã nhà Đường, bao nhiêu quân tướng nhà Đường, thấy cơ đã nguy, thế đã gấp, đều phải bó giáp xin hàng. Lúc bấy giờ Phùng Công vừa mới vào ngồi trên giữa súy phủ, bỗng thấy tiếng tung hô rầm rĩ, trông ra ngoài thời dân kéo đến đông như kiến cỏ, ai nấy trong miệng đều reo lên rằng: "Xin cho chúng tôi được biết mặt Đô quân là một vị "bố" "cái" [1] chúng tôi, đã cứu chúng tôi ra

1. Đời bấy giờ gọi cha là "bố" mẹ là "cái" nên mới gọi là Bố Cái, tức cũng như bây giờ gọi là cha mẹ vậy. Sau này dân tôn Phùng Công làm Bố Cái Đại vương, cũng một nghĩa ấy.

ngoài vòng nước lửa!...". Phùng Công thấy vậy, rất lấy làm cảm cái bụng dân yêu mến mình, liền đứng ra giữa thềm để cho chúng xem, và khuyên bảo cho chúng được an cư lạc nghiệp...

Phùng Công vừa mới phủ dụ bọn dân xong, thấy Phá Lặc điệu một toán đàn bà con trẻ, ước đến hai trăm người, đem vào trình nộp. Phùng Công hỏi thời đều là gia quyến nhà các quan Tàu. Phùng Công nói rằng:

– Cứ lẽ thời ta không giết những bọn ấy làm gì, nhưng xét lại thời chính chúng nó hay xui giục chồng con làm nên tham lam, vậy cho đem chính pháp, cho thỏa lòng công phẫn...

Vừa truyền xong, lại thấy Phùng Hải xách đầu Cao Chánh Bình vào nộp, nói rằng:

– Thằng Chánh Bình nó đã vì uất giận mà chết trước rồi, vậy xin đem đầu nó vào để nộp...

Phùng Công truyền cho đem bêu ra ngoài cổng thành 5 ngày, cho bàn dân thiên hạ biết rằng: đã trừ được thằng sỏ quân tàn bạo, đã khôi phục được nơi nước tổ quê nhà...

Mọi việc vừa xong, Phùng Công truyền lệnh cho các viên thổ hào ở các châu. Cách mấy ngày thời có tin báo rằng "bao các châu huyện đều đã thu phục được cả rồi".

Phùng Công được tin cả mừng, liền ban tờ hiểu dụ khắp trong nước, khuyên dân đâu đấy nên an phận làm ăn, noi theo lễ giáo, giai thời trung hiếu, gái thời tiết trinh, nhất thiết trừ bỏ cái đồi phong ác tập ở đời Nội thuộc.

Đến ngày mồng một tháng tư năm Tân vị (791), Phùng Công vào đóng giữa phủ trị Giao Châu, phong cho em là Phùng Hải làm Thái úy, Bồ Phá Lặc làm Đại tướng quân, Đỗ Luân làm Đại tư mã, đặt ra chính sách cai trị muôn dân. Từ đó, giang sơn Nam Việt, lại có chủ trương, nòi giống Hồng Bàng, thoát vòng nô lệ. Tháng ngày vui vẻ, trên dưới thuận hòa, cái nhục vong quốc đến khi đó đã tiêu diệt. Than ôi! Nước Nam ta ở vào quãng đời thứ bảy ấy, nếu không có đức Đô quân Phùng Hưng ra tay cứu vớt, thời lại được như thế ru?...

Đến khi Phùng Công thăng hà, dân ta nhớ cái ân đức sâu xa của ngài, tôn ngài lên làm "Bố Cái Đại vương". Hai chữ "Bố Cái" là tiếng ngày xưa, cũng như ta giờ gọi "cha mẹ", nghĩa là tôn ngài như cha mẹ vậy. Ôi! Vinh hạnh thay!...

Nhà in Nhật Nam, Hà Nội, 1929.

LÊ ĐẠI HÀNH

(Tiểu thuyết lịch sử – Trích)

Lê Đại Hành (tức Việt – Tống chiến sử) cũng được viết gọn như *Vua Bố Cái*. Truyện tập trung vào việc Lê Hoàn chiến thắng trên sông Bạch Đằng, Hầu Nhân Bảo thất bại, Hầu Tú Kiều tự vẫn.

Truyện có 4 chương, chúng tôi trích chương II và chương IV.

II

Liều mình thăm miệng hổ, Bán nước dậy lòng lang.

Năm Canh Thìn (980), tháng 12, ông Lê Hoàn thay nhà Đinh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Phúc. Hạ chiếu đại xá và hiểu dụ cho nhân dân, nên cùng lòng công phẫn địch khái [1].

Ngày mồng 6 tháng Giêng, năm Tân Tỵ (981), tức là năm Thiên Phúc thứ hai. Đại Hành hoàng đế [2] hội quần thần lại để bàn kế cự địch... Ngài bảo các quần thần rằng:

– Cứ xem như tờ hịch của tướng nhà Tống thời quân thủy, quân bộ của nó có tới 80 vạn, nhưng đó chắc là nó chỉ nói nhiều lên cho to thanh thế, chứ bất quá chỉ độ bốn năm mươi vạn là cùng. Nhưng việc hành binh cần phải biết cho đích xác; giờ trẫm muốn kén lấy 2 người có can đảm, có tinh tế, đi thẳng đến trại quân địch, xét xem binh thế của địch thế nào, lập tức về báo, rồi sẽ liệu mà xuất quân, vậy trong các khanh có ai dám đương việc ấy không?

Vua Đại Hành phán dứt nhời, thời có hai vị thiếu niên tướng quân, ra lạy trước long trì [3], tâu rằng:

– Muôn tâu Bệ hạ, hai anh em thần xin đi việc ấy...

Vua Đại Hành trông ra thời một người là quan Tả Kim Ngô

1. *Địch khái:* lòng phẫn nộ, căm giận kẻ địch.

2. Sử gia xưng ông Lê Hoàn là Đại Hành hoàng đế, nên từ đây về sau cũng cứ xưng là vua Đại Hành mà không xưng tên cho tỏ lòng tôn kính.

3. *Long trì:* thềm rồng, thềm nhà vua.

Phùng Khuông, một người là quan Vệ úy Phùng Chính, tức là em giai Phùng Khuông... Đại Hành thấy hai anh em mà cùng một lòng xin đi như thế, thời rất mừng, liền phán rằng:

– Gặp khi nước có nạn, mà hai anh em cùng lòng vì nước, không từ gian lao như thế, thật là ít có. Vậy hai anh em nên hết lòng mà do thám cho đích xác, đến khi về trẫm sẽ thăng thưởng cho.

Phùng Khuông, Phùng Chính vâng mệnh lui về, rồi hai anh em chia đường: Phùng Khuông thời đi lên vùng Lạng Sơn, để thám toán quân bộ của giặc; Phùng Chính về miền Bạch Đằng giang, để thám toán thủy quân của giặc... Đó thật là:

Anh em đã quyết vì non nước,
Đường xá lo chi sự hiểm nghèo.

Giời mờ mờ tối, ngọn âm phong lạnh lẽo thổi qua mấy làn cây biếc, khiến cho những lớp khói chiều tụ họp ở trên ngọn cây, tẩn vẩn chan hòa, như ẩn, như hiện, như tỏ, như mờ, vẽ nên một cái hình đìu hiu quạnh quẽ...

Lúc đó, ở dưới một cái gốc cây cổ thụ kia, bỗng hiện ra một cái bóng đen, từ dưới gốc cây, dần dần biến lên trên ngọn cây, rồi lại từ ngọn cây nọ truyền sang ngọn cây khác, cứ vùn vụt như thoi đưa vượn bắt, êm ái như thỏ dậy én bay...

Bóng đen ấy cứ truyền mãi, ước nửa giờ đồng hồ thời vừa đến trên đỉnh một cái mái nhà bằng lá rất to, trên nóc nhà có buộc một cái cột cờ cao đến 15 thước, lá cờ theo chiều gió bay đi bay lại, hình như có ý xưng hùng độc bá ở trong khoảng giời tối đêm đen...

Bỗng nghe thấy một tiếng "sựt", lá cờ tức thời sụt xuống, vo tròn lại hợp với cái bóng đen làm một, rồi lại vùn vụt từ đấy truyền ra đến gốc cây cổ thụ trước... Bấy giờ vừng ngọc thỏ vừa mới nhô khỏi lên trên ngọn cao phong, ánh hào quang rẽ tan làn khói nhạt mà chiếu xuống mặt đất; khiến cho những lá cây mới bị hơi sương ẩm ướt, lấp lánh như muôn nghìn phiến dạ quang, cùng đua nhau dao động, khoe cái sắc đẹp thanh hàn... Cái bóng đen bấy giờ cũng mới bị làn sóng của chị Hằng soi thấu, hiển hiện ra một người thiếu niên!... Ôi! Lạ thay! Người thiếu niên ấy là ai, mà có một cái hành tàng bí mật phiếu hốt như vậy? – Xin thưa rằng người thiếu niên ấy chính là vị Tả Kim Ngô của nước Việt Nam ta, tên là Phùng Khuông vậy.

Nguyên lai Phùng Khuông từ hôm cùng em chia đường, đi thẳng

lên Lạng Sơn, rồi cứ lẩn lút ở trong rừng, qua cửa ải, đi thẳng đến hành doanh của quân Tống. Phùng Khuông đã hai lần cải trang làm người Thổ Mán, theo bọn phu quảy nước, lẻn vào trong trại quân Tống, xem biết đích được số bộ quân của giặc có 26 vạn; có 145 viên chiến tướng rất giỏi, lại có người con gái Hầu Nhân Bảo tên là Hầu Tú Kiều, mới 18 tuổi, rất giỏi về nghề phi đao. Luyện được một bộ "Thiết ngọc đao" tất cả 36 chiếc; mỗi chiếc dài hơn 6 tấc; nặng 5 lạng; cắt vào sắt bở như bùn, thái vào đá vụn như cám!... Tú Kiều thường lấy dao ấy, nhằm thẳng vào đàn chim đang bay mà ném, định ném con nào, thời trúng con ấy... Cho nên ở vùng Hoài Bắc người ta thường gọi Tú Kiều là "Thần đao tiên cô"... Tú Kiều kén riêng một nghìn kiện binh, theo cha đi bình Nam.

Phùng Khuông đã thám biết đích quân thế của giặc, đã toan giở về, sau lại tự nghĩ: mình mà về bây giờ không có gì làm bằng cớ, không biết rằng Chúa thượng có tin nhời nói mình chăng?... Giả sử ngài có tin mình, nhỡ sau này quân thế của giặc có thay đổi khác, thời mình tránh sao khỏi cái tội khi quân?... Nghĩ quanh nghĩ quẩn, sau bỗng nghĩ ra được kế tự nói rằng: Đã làm việc gì phải làm cho đến chốn, mới tỏ được cái gan anh hùng... Chi bằng đêm nay ta lẻn lấy ngay ngọn cờ đại của quân Tống, đem về trình trước bệ rồng, đó mới thật là cái xác chứng của ta đi thám trại giặc... Nghĩ vậy, đến đêm, liền dở ngay cái thủ đoạn Khuông Không Nhi [1] đến trại quân Tống, quả nhiên lấy được ngọn cờ đại, vừa đem ra khỏi trại, đến sườn núi Tú Dương thời giăng vừa mọc... Phùng Khuông để ngọn cờ đại vào trong bọc, đi lẩn vào trong núi, vừa đi được độ hơn 20 thước, bỗng thấy một cái bóng đen từ phương Bắc bay lại, ở dưới bóng giăng mới tỏ, trông rõ rành là một người thiếu nữ, đầu bịt khăn trắng, mình mặc áo chẽn mùi chàm, dưới cũng quần mùi chàm, mà quấn sà cạp nâu lên giáp đầu gối, tay phải cầm một cái côn dài độ 3 thước ta, sắc đen, hình như sắt; ở sau lưng có cài một vật gì ánh vào bóng giăng, lòe tia sáng như sương tuyết... Phùng Khuông thấy người thiếu nữ mà hình dung quỷ dị như vậy, thời bất giác kinh ngạc, buột mồm nói lên một tiếng "quái"!... Vừa dứt tiếng nói, thời thấy người thiếu nữ đứng dừng ngay lại trông trước trông sau, mồm lẩm

1. Khuông Không Nhi là một vị Tiên hiệp, Kiếm hiệp, đã từng làm nên lắm việc kinh thiên động địa, khốc quỷ kinh thần... Muốn biết truyện ngài, cùng 7, 8 vị Kiếm hiệp khác nữa, xin xem bộ *Ngũ Hoa Kiếm*, Tứ Siêu thuật, Nhật Nam Thư quán xuất bản.

bẩm một mình rằng:

– Chỗ rừng không đêm vắng này, mà lại có loài sâu chuột nào dám ở đây dòm dỏ? Chà! Quân không tiếc mạng thật!..

Nói dứt lời, một tay nắm ra vật ánh sáng sau lưng, một tay cầm ngang côn rảo bước đi sục vào trong rừng... Vừa mới đi được độ mươi lăm thước, đã đến sát ngay cái gốc cây chỗ Phùng Khuông nấp... Phùng Khuông bấy giờ đã trông rõ được mặt người con gái, mày ngài, mắt phượng, má phấn, môi son trông vẻ tú mị yêu kiều, lại có hàm cái khí sắc oai nghiêm lẫm liệt... Phùng Khuông nghĩ bụng: Thôi hỏng rồi! Có lẽ ta lấy trộm cờ của quân Tống mà có đứa biết; con này chắc là con Hầu Tú Kiều đuổi theo ta để lấy lại cờ đây!... Nghĩ đến thế thời có ý chột dạ, không biết rằng mình có thể đánh nhau với nó được không?... Sau lại tự phấn khởi rằng: Mình hèn chăng nữa cũng là tu mi nam tử, cũng làm đến chức quan Tả Kim Ngô, nếu bây giờ mà lại chịu trốn tránh với một đứa thiếu nữ thế này, thời cái đời mình còn ra gì nữa!... Nghĩ vậy, liền tuốt đôi đoản kiếm cài ở sau lưng, nhẩy vụt ra, dơ thẳng chém vào đầu người thiếu nữ... Người thiếu nữ nhanh mắt, tay trái giơ ngay thiết côn lên đỡ lấy đoản kiếm của Phùng Khuông, tay phải rút ngay thanh kiếm nhất ở sau lưng ra, dùng miếng "hắc giao xuất đỗng", đâm thẳng ngay vào giữa ngực Phùng Khuông. Phùng Khuông vội nghiêng mình tránh được mũi kiếm, thời lại bị thiết côn của người thiếu nữ đánh thẳng xuống giữa đỉnh đầu... Phùng Khuông vừa đỡ được thiết côn thời lại bị thanh kiếm chém sang... Một chiếc thiết côn, cùng một thanh đoản kiếm của người thiếu nữ lúc bấy giờ, thật nhanh như mưa sa gió táp, chớp nhoáng, sao bay... khiến cho Phùng Khuông chỉ che đỡ mà không kịp, không còn giở ra được miếng nào để đánh lại nữa!... Đánh nhau ước chừng nửa giờ đồng hồ, Phùng Khuông đã mồ hôi ướt đầm áo, khí lực chỉ yếu dần, không còn tăng tiến lên được chút nào... Mà xem người thiếu nữ thời càng đánh càng hăng, thật không khác gì hùm thiêng báo dữ... Phùng Khuông đến lúc đó, đã mất hết cả hy vọng, nỗi bực tức nghẽn lên trên cổ bất giác kêu lên rằng:

– Tánh mệnh của Phùng Khuông không đáng tiếc, chỉ đáng tiếc là Chúa thượng ta không được biết đích quân thế của giặc thời không khéo giang sơn này lại mất về quân giặc một lần nữa thôi!...

Phùng Khuông vừa kêu dứt nhời, thời người thiếu nữ dừng ngay

tay lại, nhẩy vót ra ngoài vòng chiến tuyến, nói to lên rằng:

– Chàng kia là người thế nào? Vừa rồi nói Chúa thượng và giang sơn, thời là Chúa thượng nào? Giang sơn nào hử?...

Phùng Khuông vốn là người minh mẫn, biết ngay người thiếu nữ ấy chắc không phải Hầu Tú Kiều, mình mà nói thật, may sẽ được thoát nạn... Nghĩ vậy, liền thuật cái tung tích của mình cho người thiếu nữ nghe. Người thiếu nữ nghe xong, vội vàng nhắt côn và kiếm ra sau lưng, chấp tay nam–vô vái một cái, miệng tủm tỉm vừa cười vừa nói rằng:

– Thế ra ông là một vị tướng quân của nước Cồ Việt ta, khốn nạn! Thế mà tôi nhầm, xin tha lỗi cho nhé!...

Phùng Khuông thấy người thiếu nữ nói như vậy biết là người cùng một nước, liền cất tiếng hỏi tên họ người thiếu nữ ấy là gì? Người thiếu nữ tủm tỉm cười nói rằng:

– Cái lịch sử của kẻ dân quê này nói ra thì dài lắm, ở đây là chỗ rừng không đêm vắng, không tiện nói chuyện lâu. Nhân tiện, nhà tôi cũng ở gần đây, xin mời ông lại nghỉ chơi nhà tôi, sẽ có lão phụ tôi thưa truyện vả cũng được tỏ chút tình anh em trong một nước, dù không quen biết mà cũng có thể thân tin nhau được ngay. [1]

Phùng Khuông nghe mấy nhời nghiêm trang và hợp lẽ của người thiếu nữ thời rất lấy làm cảm phục, liền nhận nhời xin cùng theo về nhà người thiếu nữ...

Dưới bóng giăng tà, giữa nơi rừng vắng, một vị thiếu tướng nước Cồ Việt, cùng một cô nữ kiệt chốn thôn quê, bước chân đi như chim bay ngựa chạy, truyện nói vui như hoa nở gấm thêu...

Bấy giờ vào giữa đêm 21, mặt giăng lên đến đỉnh đầu thời vừa nửa đêm, hai người đi vừa đến sườn núi Tam Thanh, người thiếu nữ lấy tay chỉ vào khoảng giữa núi mà nói rằng:

– Nhà tôi ở vào sườn núi kia, xin ông hãy tạm đứng đây, để tôi về báo lão phụ tôi trước sẽ có người ra đón...

Người thiếu nữ nói dứt nhời đi thẳng vào khoảng giữa

---

1. "Người trong một nước dù không quen biết mà cũng có thể thân tin nhau được ngay", không biết người thiếu nữ này học thầy nào, sách nào, mà có cái tư tưởng như vậy? Than ôi! Ai ngờ những hạng người tự phụ là thông minh tài trí, học quán cả đông, tây, kim, cổ, mà cái kiến địa lại không được bằng người con gái?... Ôi, nghĩ đời mà ngán cho đời!...

núi... Phùng Khuông cầm kiếm đứng thơ thẩn một mình ở dưới bóng giăng trong, ngảnh trông chung quanh đều những núi cao rừng rậm; nào đâu là Nàng Tô Thị chơ vơ trên đỉnh núi, nỗi tương tư hóa đá vẫn chưa mòn? Nào đâu là Phố Kẹo lừa hẻo lánh chốn biên cương, sự vui thú dễ xui người quên cảnh thổ?...

Lắng nghe tiếng suối chảy róc rách ở trong động Tam Thanh có lúc như chuông đồng, có lúc như khánh đá, có lúc như nhạc công hòa nhạc, có lúc như binh mã kéo rồn..., khiến cho trong lòng bỗng khởi lên phấn tấn kích ngang, hầu như muốn nuốt cả quả núi Tam Thanh vào trong linh đài ba tấc... Đương lúc bồi hồi ngơ ngẩn, nhác thấy một ông cụ già chống gậy từ khoảng giữa núi đi ra, còn cách chỗ Phùng Khuông độ ba bốn mươi thước, cất tiếng lên gọi rằng:

– Phùng tướng quân ở đâu đấy, lão phu ra tiếp giá đây?...

Phùng Khuông vội chạy lại vái chào, ông cụ liền quay lại đi trước dẫn đường. Phùng Khuông cắp kiếm đi theo sau...

Cùng nhau kẻ trước người sau,
Giăng trong đưa lối non sâu bước vào.
Hơi xương thấm đượm trinh bào,
Cõi trần đành đó, nguồn đào đâu đây?

Đi quanh co độ vài ba trăm bước thấy có một túp nhà tranh ở dưới mấy cây tùng bách, bên cạnh giậu thưa có mấy con chó nghe có tiếng người lạ xô ra cắn, ông cụ cất tiếng mắng chó, rồi thấy chiếc cửa phên mở rộng ra, người thiếu nữ cầm đèn ra đón. Vào đến trong nhà tân chủ chia ngồi người thiếu nữ pha nước trè nụ ướp với hoa cúc, mùi thanh, vị mát, uống vào khỏi miệng, hình như tiêu sạch được tục hoài...

Ông cụ cất tiếng lên nói trước rằng:

– Cái lịch sử của túc hạ, tôi vừa nghe tiện nữ nói cũng đã tạm biết được cái đại khái. Duy còn về phần cha con tôi, thời chắc túc hạ cũng sẵn lòng muốn hỏi cho biết cái nguyên do...

"Tôi vốn không phải là người ở vùng này, tổ phụ tôi tức tục truyền là Phạm Lệnh Công, đã từng làm quan triều nhà Ngô, và đã hết lòng vì nhà Ngô bảo tồn ấu chúa [1], chắc túc hạ cũng còn

---

1. Lúc vua Ngô Quyền mất, em vợ là Tam Kha lên cướp ngôi, người con trưởng là Xương Ngập chạy trốn ra nhà Phạm Lệnh Công. Tam Kha đòi bắt mãi, Lệnh đem giấu không chịu nộp...

được nghe truyện...".

"Tôi tên là Phạm Như Tùng, là cháu đích tôn ngài... Đẳng tiên quân tôi mất sớm, hồi loạn 12 sứ quân. Nội nhân [1] tôi và đứa con giai của tôi bị mấy tên giặc Tầu đi theo ông Kiểu Tam Chế, chúng bắt và giết mất [2]. Chỉ còn có tôi và đứa con gái tôi kia, tên nó là Phạm Bích Hà... Khi bị nạn, cháu mới lên 3 tuổi, cha già nuôi con mọn, nỗi đắng cay khôn tả cho cùng! Sau đến khi cháu 15, 16 tuổi, trong óc đã biết được đôi điều đại nghĩa, cháu liền quyết chí để phục thù tuyết hận... Liền định lần mò đi tìm thầy học võ. Tôi đây cũng căm giận quân thù, và thương tình con trẻ, nên cháu đi đâu cũng theo đi đấy, cho cha con khỏi phải nỗi chia phôi... Ròng giã 5, 6 năm giời, đã trải khắp chỗ khe thiêng suối độc; trong khoảng 5, 6 năm ấy, cháu nó may gặp được thầy dậy bảo, nghề võ cũng có phần tấn tới. Sau dò biết được tin đứa thù ngày trước, giờ đã làm nên một chức quan khá lớn ở hạt Quảng Đông, cháu liền lẻn đi, may sao giời cũng còn tựa kẻ chí thành, chỉ có một đêm mà nhà đứa thù 14, 15 người, đều bị cháu nó giết sạch! Rồi cháu nó chỉ đem có một cái đầu đứa thủ phạm về đây để tế mẹ cháu và anh cháu thôi. Việc đó cách đây mới được hơn một tháng, sau khi xong việc, cha con đã toan gồng gánh về quê: bỗng lại nghe thấy cái tin nhà Tống đem quân sang cướp nước ta, cha con tôi tự nghĩ: mình hèn chăng cũng là *người trong một nước, bây giờ gặp lúc nước mắc* nạn, mà mình khiết nhiên [3] không hỏi chi đến thời còn mặt mũi nào mà trông thấy giang sơn nòi giống nữa! Vì thế nên cha con tôi còn ở lui lại đây, định thám thính cho biết hết tình thế quân giặc mạnh yếu thế nào, để về báo trước với triều đình, mà liệu mưu công thủ... Ấy vừa rồi cháu nó sở dĩ được gặp túc hạ, cũng là vừa đi dò thám trại quân Tống về đấy...".

Phùng Khuông nghe Như Tùng nói xong, trong lòng rất lấy làm cảm động cái tài lược can đảm của cha con Như Tùng, liền đứng dậy vái một cái mà nói rằng:

– Nghe nhời Ngài nói, thật là trung nghĩa hiệp liệt chung đúc vào một nhà. Hiện nay nước nhà gặp cơn nguy cấp, đương thiết dùng

---

1. *Nội nhân:* vợ.

2. Kiểu Tam Chế tức là một vị sứ quân trong 12 sứ quân, xem truyện "Đinh Tiên Hoàng kiến quốc sử" của Tử Siêu soạn sẽ biết.

3. *Khiết nhiên:* một cách thụ động.

tài, vậy mong rằng lão trượng cùng tiểu thư nên mau trở về hợp sức với quân của triều đình để cùng lo việc nước, tôi xin tâu trước bệ rồng, chắc thế nào Chúa thượng cũng sẵn lòng trọng dụng...

Phùng Khuông vừa nói đến đấy, Như Tùng cười mà rằng:

– Trọng dụng đâu đến phường lão hủ này!.. Vả bình sinh tôi cũng không dám lấy truyện đó làm hy vọng... duy đối với việc nước thời sự hưng vong, một đứa sất phu cũng đều có trách nhiệm; tôi đây rất tôn quý trách nhiệm, dù chết ngay đến cổ cũng không chịu bỏ qua. Tức như việc giặc sắp sang xâm lấn nước ta này, trải mấy đêm con tôi lăn mình vào trong miệng hổ, mong để thám thính quân tình, để về báo cáo cho triều đình... Đó là tự ý ở trong ý chí của cha con tôi, chứ nào có đợi ai xui giục đâu? Hiện nay quân thế của giặc đã biết rõ như là ở bàn tay, thời dù không có túc hạ bảo, tôi cũng phải kíp về để trình bày với Chúa thượng để mà liệu cơ công thủ... Còn như nếu triều đình đã có nhân tài đủ dùng rồi, thời cha con tôi cũng đỡ phải một phen xông pha tên đạn. Nhược bằng còn thiếu người dùng thời cha con tôi cũng bất phương giúp nước một phen. Chờ đến khi việc nước đã yên thời cha con tôi lại xin về nơi thôn dã, để cùng nhau rau cháo cho đoạn tháng qua ngày mà thôi, chứ lão hủ này có dám mong chi đến trọng dụng đâu...

Phùng Khuông thấy Như Tùng nói đay đi đay lại hai chữ "trọng dụng" biết là mình nhỡ nhời, thẹn đỏ cả mặt!... Sau một lát mới miễn cưỡng nói rằng:

– Tôi vốn [illegible] kẻ vũ phu, không hiểu trong đục, nhỡ nhời đường đột, xin lã [illegible] cũng lượng thứ cho...

Như Tùng [illegible] khà mà rằng:

– Có [illegible] gì đường đột đâu mà túc hạ phải xin lỗi? Câu tôi nói vừa rồi, [illegible] là tôi nói do trung, chứ không có cái tư tưởng trọng dụng, ai là không hy vọng trọng dụng... Không những thế mà tổ tiên mặc người chửi mắng, nòi giống mặc người chém băm, liêm cũng chớ thây, sỉ cũng mặc kệ, chỉ tối mắt, lăn lưng về hai chữ "trọng dụng". Hai chữ "trọng dụng" thật là một cái linh hồn thứ hai của họ. Vậy túc hạ đem câu ấy mà nói chuyện với lão, thật cũng am luyện thế cố lắm đó! Chứ thế gian này há còn anh nào gàn như lão, mà lại không lấy việc đó làm hy vọng bao giờ!...

Như Tùng nói đến đấy, vừa toan nói nữa, Bích Hà ở trong nhà đi

ra nói rằng:

– Thôi, xin Thầy đi nghỉ, để Phùng Tướng quân đi nghỉ, kẻo mai cần phải dậy sớm đi gấp cho kịp...

Một tiếng khuyên mời, chuyện vui tạm dứt, giấc nồng đón khách, vào nước Hoa Tư; tiếng gà dậy chốn hoang khư, cùng nhau chỉ nẻo Hoa Lư ruổi về...

Phùng Khuông về đến Hoa Lư, đem hết quân tình của giặc tâu với vua Đại Hành, lại nộp chiếc cờ đại của quân Tống làm bằng cứ. Vua Đại Hành rất là khen ngợi can đảm dũng lược. Phùng Khuông lại dẫn tiến cha con Như Tùng. Vua Đại Hành thấy Như Tùng da mồi tóc bạc, mà vẫn hàm có cái vẻ quắc thước anh hùng... Còn Bích Hà thời tư cách cử chỉ ngôn ngữ, đều ung dung hoạt bát, thật chẳng khác Hồng Duyến hậu thân. Ngài phán hỏi xong, long nhan rất là vui vẻ... Đặc cách phong cho Như Tùng làm Hành doanh Tham mưu Ngự tiền Đô chỉ huy sứ... Như Tùng cố nhất vị từ chối, nói rằng:

– Lão thần vốn tánh sơ lãn [1], nay không may gặp cơn nước có giặc ngoài sắp tới, nên lão thần không dám ngại già, xin theo việc nước, miễn cho trọn chút nghĩa vụ mà thôi... Còn như quan chức thời lão thần vốn chưa có công cán gì, không dám lạm nhận, xin để nhường các bực hiền tài khác....

Vua Đại Hành biết là Như Tùng có tính cô cao [2] không thể cưỡng được, liền truyền rằng :

– Nếu vậy thời hiền phụ hãy cứ tùy giá giúp trẫm bình tặc, đợi đến khi nào việc nước yên rồi sẽ hay...

Vua Đại Hành vừa mới truyền xong, bỗng thấy viên Hoàng môn quan quỳ tâu rằng:

– Muôn tâu Bệ hạ, có quan Vệ úy là Phùng Chính đi thám quân thủy của giặc, đã về, hiện còn đứng chực ngoài ngọ môn, chưa có thánh chỉ, chưa dám vào chầu...

Ngài nghe xong, tức thời giáng chỉ cho Phùng Chính vào chầu.

Phùng Chính vào đến Long trì, lạy xong, ngài truyền cho bình thân, để tâu quân tình của giặc.

---

1. *Sơ lãn:* lười biếng.
2. *Cô cao:* cao thượng một mình, không muốn bắt chước người khác.

Phùng Chính ung dung tâu răng:

– Muôn tâu Bệ hạ, hạ thần từ hôm vâng mệnh đi, theo dòng xuống thẳng sông Bạch Đằng, vẫn chưa thấy thủy trại của giặc. Hạ thần lại đi một quãng ước đến hơn 50 dặm nữa, mới thấy thủy trại của giặc kết liên thành hình chữ Đinh ở giữa sông. Mặt trước toàn dùng quân cung thủ và liên châu nỗ. Khoảng giữa thời chủ súy đóng, chung quanh có tới hơn một trăm viên kiện tướng, mỗi tên coi một nghìn quân Thủy tốt; trong một nghìn quân ấy lại chia làm 4 cơ, 4 đội, 4 ngũ, kỷ luật rất là nghiêm minh rành mạch. Hạ thần 4 lần lặn ngầm ở dưới nước, vào tận giữa thủy trại quân giặc, xem biết hết cách bố trí của giặc, thật là nghiêm chỉnh một cách lạ thường. Nghe đâu Lưu Trừng có dùng một người quân sư tên là Hạ Hầu Sái, kinh luân thao lược, không kém gì ông Gia Cát đời xưa. Lưu Trừng lại có 20 tên tâm phúc mãnh tướng, đều có sức tót núi sách vạc...

Phùng Chính vừa mới nói đến đấy. Vua Đại Hành lại phán hỏi rằng:

– Cứ như lời khanh nói, thời thế giặc kể cũng khá to đó! Vậy chẳng hay Khanh vào trong trại nó đến 4 lượt, thời có lúc nào gặp sự nguy hiểm không?

– Muôn tâu Bệ hạ, chỉ có một lần cuối cùng, hạ thần từ trong giữa trại lặn ra, không may mới lặn được hai ba trăm thước thời bị chứng đau bụng, đau đến nỗi như thắt ruột lại, hạ thần không thể gượng đợi được, đành phải nhô đầu lên để thở: dè đâu đâm đầu ngay vào chiếc thuyền của một tên tướng giặc, trên thuyền động thời nhao nhao cả lên, rồi đều lấy giáo sỉa xuống chung quanh thuyền. Lúc đó hạ thần đã nhoi đầu khỏi mặt nước rồi, thấy một đứa mặt đen như sắt, mình cao 8 thước, râu quăn mặt tròn, cầm chiếc đinh ba dài hơn 9 thước, đâm thẳng vào mặt hạ thần. Hạ thần thừa thế nắm ngay lấy ngọn đinh ba, dún mình một cái, nhảy vọt ngay được lên trên thuyền. Lúc hạ thần nhẩy lên đến thuyền, thuyền chành đi một cái thật mạnh, khiến cho hơn mười đứa thủy tốt bị ngã lộn nhào cả xuống sông!... Tên tướng giặc thấy vậy thời hoảng cố hết sức giằng lấy đinh ba, nhưng bị hạ thần giữ chặt không sao giằng được... Thành thử hai bên cứ dằng co cái đinh ba ước đến hơn một giờ đồng hồ thuyền cứ quay tít, như chong chóng... Bọn thủy tốt thấy tướng mình không được, thời kêu cứu rầm cả lên, hạ thần bấy giờ cũng sợ nếu cứu binh của họ đến thời mình thế cô, khó lòng thoát nạn được...

Liễu cố hết sức giằng mạnh một cái, viên tướng giặc chân đứng không vững, ngã chúi mũi xuống, buột tay không giữ được đinh ba, hạ thần liền thừa thế đâm một mũi, suốt từ sau lưng ra trước bụng, lại cất luôn đinh ba lên hất bỏ xác tên tướng giặc xuống sông... Bấy giờ còn đến hơn 30 thủy tốt, thấy chủ tướng đã chết, thời đều kêu lạy xin hàng. Hạ thần liền thu hết khí giới, và bắt tức thời phải bơi thuyền đi ngược, chúng đều phải tuân lệnh, thuyền về đến Ninh Chấn, thời hạ thần mới bỏ thuyền lên bộ. Hiện giờ 30 tên thủy tốt hạ thần còn giữ ở ngoài thành, để chờ thánh chỉ phát lạc... [1]

Phùng Chính nói xong, ai cũng thất kinh là nguy hiểm, nếu không phải là người có tài xuất chúng siêu quần, chắc thế nào cũng phải bỏ xác ở trong nơi trại giặc...

Lúc đó Như Tùng trông thấy Phùng Chính mặt như mũ ngọc, môi tựa bôi son, mày đen mắt biếc, khí phách hiên ngang, trông lại có phần xuất sắc hơn Phùng Khuông nhiều. Bất giác sinh ngay tấm lòng yêu mến, nghĩ thầm trong bụng rằng: Trông người này thật là một bực thiếu niên anh hùng. Nếu ta mà được người này làm rể, thời con ta cũng không uổng là một đời Nữ kiệt, mà ta đây cũng được hả tấm lòng vì con gây dựng...

Trong bụng Như Tùng cứ nghĩ vơ nghĩ vẩn, thành thử ra đứng ngây cả người, vua Đại Hành ngồi trên long ngai trông thấy cái quang cảnh Như Tùng như vậy, ngài liền hiểu ngay ý, tức thời truyền Phùng Khuông lên điện hỏi rằng:

– Em khanh năm nay bao nhiêu tuổi?

– Muôn tâu Bệ hạ, em hạ thần 25 tuổi...

– Đã có vợ chưa?

Phùng Khuông thấy vua hỏi lôi thôi đến cả việc gia đình như thế, thời không hiểu ra thế nào, nhưng ngài đã hỏi thời cũng phải nói, liền tâu rằng:

– Muôn tâu Bệ hạ, em hạ thần cũng còn ít tuổi, nên chưa từng có kết hôn với ai...

Vua Đại Hành nghe Phùng Khuông nói như vậy, thời long nhan cả mừng, ngài liền tươi cười, gọi cả Phạm Như Tùng lên trên điện, truyền rằng:

– Trẫm nay có một việc, Phạm hiền khanh và Tả Kim Ngô

1. *Phát lạc:* cho đi xa để trừng phạt.

nên nghe mệnh Trẫm mà xử trí cho yên...

Hai người thấy vua nói như vậy, đều không hiểu là việc gì, nhưng cũng phải cúi đầu tuân mệnh...

Vua lại cười mà rằng:

– Trẫm nay muốn làm Nguyệt lão, xe tơ cho Phùng Chính lấy Bích Hà, khiến cho nam anh, nữ kiệt, được cùng sum họp một nhà, tưởng cũng là một điều hay của gia quốc. Hai khanh liệu phỏng có nên chăng?...

Vua vừa mới nói xong, Như Tùng và Phùng Khuông đều mừng, lạy tạ xin tuân mệnh...

Nói về Phùng Chính từ lúc vào bệ kiến, còn mải về việc tâu bày thế giặc... Mãi đến lúc tâu xong, mới trông sang bên Tả vu thấy có một người thiếu nữ, khăn thâm, áo biếc, quần tím, hài hoa, ngang lưng một cái thanh kiếm sáng như sương tuyết. Tuy ở trong chốn triều đình, trăm quan đông đúc, pháp luật sâm nghiêm, mà cách cử chỉ vẫn hiên ngang nhàn nhã, không hề có chút gì là thẹn thò e lệ.

Nhác trông tưởng ả Hằng Nga,
So bề anh khí lại là phần hơn.
Ví không ở chốn nhân gian,
Đã ngờ Hồng Duyến kiếm tiên giáng trần...

Phùng Chính vốn là một bực chính nhân quân tử, bình sinh chưa từng phạm đến những thói mây mưa giăng gió bao giờ. Dù ở vào trong đám muôn tía nghìn hồng, vẻ diễm lệ đua khoe ở trước mắt, mà trong lòng Phùng Chính vẫn phẳng im như nước lặng... Duy từ lúc trông thấy Bích Hà thời tinh thần phiêu đãng, hầu như không còn tự chủ được nữa... Đến lúc nghe thấy những nhời vua phán bảo anh mình và Như Tùng thời bất giác mừng quá! Ngoài thời mặt đỏ bừng, trong thời trống ngực nổi lên như trống trận; hai đầu gối cứ run cầm cập, cố giữ lại cũng không được. Trong bụng tự nghĩ mình bấy lâu chỉ những lăn lưng vào trong áng mưa tên rừng giáo, thường một ngày giết hàng hai, ba trăm quân giặc, mà trong bụng mình vẫn cứ nghe như càng hăng hái, càng bạo dạn, gấp lên bội phần. Một cái thói "run" tật mình chưa từng mắc phải bao giờ... Vậy mà bây giờ bỗng lại cứ run lên thế này, mới lạ chứ!... Đương lúc ngơ ngẩn, thời bỗng thấy Như Tùng xuống gần chỗ Bích Hà, nói nhỏ mấy câu, trông vẻ mặt Bích Hà đi ung dung ra quỳ trước sân rồng cất tiếng lanh

lảnh như chuông vàng mà tâu rằng:

– Muôn tâu Bệ hạ, Bệ hạ có lòng thương đến cha con thần thiếp, mà phán cho thần thiếp kết duyên với Phùng Vệ úy, cánh bèo trôi dạt, may gặp dòng trong, cha con thần thiếp dù nát thịt mòn xương không đền được cái ơn đức cao sâu của Bệ hạ, duy thần thiếp trộm nghĩ: Việc quốc sự hiện còn đương cơn nguy ngập, phàm làm người đều không nên vội nghĩ đến thân gia. Thần thiếp tuy là phận nữ nhi, nhưng cũng là một kẻ lê dân [1] trong nước Cồ Việt; vậy việc nhân duyên xin Thánh thượng hãy lượng hoãn cho đến khi quốc sự đã yên rồi sẽ nói đến...

Vua Đại Hành nghe mấy câu nói của Bích Hà, ngài lại càng lấy làm vui vẻ, liền phán rằng:

– Cứ nghe mấy lời nói của Bích Hà thật đủ tỏ cái chí khí anh hùng. Ừ! Khanh muốn hoãn lại đến khi quốc sự yên rồi, mới nói đến việc kết hôn, thật cũng rất phải. Nhưng chữ duyên, đã định, phải nên có tín vật làm ghi, vậy hai khanh phải nên có cái gì trao đổi cho nhau, thời sau này mới khỏi phụ lòng trẫm kỳ vọng...

Vua Đại Hành nói xong, Phạm Như Tùng liền lấy thanh kiếm ở bên mình Bích Hà đưa cho Phùng Khuông, Phùng Khuông đón ngay lấy, đem xuống cài vào lưng Phùng Chính; rồi lấy thanh kiếm của Phùng Chính đưa cho Như Tùng. Như Tùng cũng đón lấy đem xuống cài vào lưng cho Bích Hà, hai bên đã trao đổi tín vật cho nhau xong, Như Tùng, Phùng Khuông đưa con và em ra giữa Long trì lạy tạ thánh ân, cả triều đều lấy làm một việc vui mừng ít có. Đó thật là:

Giai hào kiệt, gái anh tài,
Ơn vua đã rộng, duyên giời cũng ưa.

IV

Vua tôi cùng kế sách,
Non nước khỏi tai tương.

Nói về Phạm Cự Lạng thu quân lui về 10 dặm hạ trại. Các chư tướng bấy giờ cũng đã lục tục đến cả. Cự Lạng nhân thấy Phùng Chính, liền hỏi lại cái tình thế giặc... Phùng Chính nói rằng:

– Cứ kể quân thế của giặc thời to thật, nhưng tướng tài

1. *Lê dân:* dân đen.

cũng không có mấy. Kiêu dũng nhất trong đám giặc thời có Phi Câu, tức là viên tiên phong mà bị tiểu tướng đánh thua hôm qua. Còn bực người siêu quần tuyệt luân thời có Hầu Tú Kiều, lại mới bị thua với Phạm tiểu thư... Xem đó thời quân mình cũng chưa thật hèn, mà tướng giặc cũng chưa lấy gì làm khó chống. Duy so sánh về phương diện quân sĩ thời quân ta thật kém đến mười phần. Vậy cứ như tiểu tướng trộm nghĩ thời cái kế cự địch ngày nay nên xuất kỳ hơn là lực địch. Ngụ ý như vậy, xin trình để Nguyên súy liệu định...

Phạm Cự Lạng nghe xong, gật đầu khen phải; bỗng có quan Biệt giá là Hồ Thức nói rằng:

– Cứ như nhời của Phùng tiên phong nói không phải là không hợp lẽ. Duy quân giặc vào cõi hai bên chưa thật cùng giao chiến có chăng chỉ mới là quân Tiên phong xung đột với nhau, vậy mà bỗng dưng dùng kế xuất kỳ ngay, e không khỏi được lòng giặc nghi ngờ. Thiết tưởng hãy nên cùng giao chiến một trận đã, rồi sau sẽ dùng kế, cũng chưa muộn.

Phạm Cự Lạng nghe xong, ngẫm nghĩ một lát, rồi nói rằng:

– Lời biệt giá nói cũng phải. Duy đến khi giao chiến, phải truyền cho chư tướng hãy cố trì trọng, miễn làm sao cho không được không thua, thời về sau này mình mới dễ dùng kế!...

Các tướng đều xin vâng lời. Phạm Cự Lạng truyền lệnh hãy tạm cho quân nghỉ 2 hôm, đến ngày thứ ba sẽ giao chiến.

Đó thật là:

Quân cơ trước phải nên trì trọng,
Quốc sự nào đâu giám thị thường [1]

Nói về Hầu Nhân Bảo sau khi đã cho con gái đi đối địch với Phùng Chính, chắc thể nào cái tài phi đao của con mình cũng làm cho khiếp đảm quân Nam. Được độ nửa ngày, có quân thám tử về báo rằng:

"Tiểu thư đã đánh tan quân giặc, tiểu thư đã bắt được tiên phong của giặc là Phùng Chính rồi!..." Hầu Nhân Bảo nghe báo như vậy, mừng cuống quít cả lên, vỗ tay cười khanh khách mà rằng:

– Ừ thế chứ! Bản súy đã chắc rằng con bản súy đã đi thời chắc thế nào cũng thắng lợi! Nay chư tướng thử xem, phen này mà lấy được

---

1. *Thị thường:* xem thường.

Giao Chỉ, chắc con bản súy cũng chiếm một phần công to đó!...

Nhân Bảo vừa nói dứt nhời, Phó tướng là Tôn Toàn Hưng đứng lên nói rằng:

– Xin Nguyên súy không nên coi thường việc quân mới được. Tiểu thư dù thắng lợi, nhưng còn ít tuổi, không biết trì trọng, vậy xin Nguyên súy phải nên phái quân đi tiếp ứng ngay thời mới mong vẹn toàn được.

Nhân Bảo nghe Toàn Hưng nói mới tỉnh ngộ, vừa toan phái đại tướng đem quân đi tiếp ứng, bỗng lại thấy quân thám tử về báo rằng:

– Bẩm Nguyên súy, nguy cấp lắm rồi!... Tiểu thư vừa bắt được viên tiên phong của giặc, vừa kéo quân về được hơn một dặm bỗng bên giặc có một viên nữ tướng đuổi theo, tiểu thư quay lại đánh nhau, viên nữ tướng bên giặc bắt được cả 36 chiếc phi đao của tiểu thư, rồi lại cứ lấy từng hai chiếc ném giả lại tiểu thư, phải một lần ném cuối cùng, tiểu thư đón không kịp bị hai chiếc đao trúng ngay đầu ngựa, tiểu thư ngã ngựa lại thay ngựa khác, ra trận cùng tướng giặc giao chiến, được một lúc thời đại đội nhân mã của giặc kéo đến, vây kín tiểu thư vào trong vòng vây rồi! Tình thế rất nguy cấp, xin Nguyên súy cho cứu ứng mau...

Hầu Nhân Bảo nghe xong, mặt tái như gà cắt tiết, vội vàng truyền đại đội nhân mã tức thời khởi hành phó cứu... Hầu Nhân Bảo vừa cưỡi ngựa ra khỏi ngoài trại, để điểm duyệt chư tướng, bỗng thấy Hầu Tú Kiều một người một ngựa, đầu tóc rũ rượi chạy về... Nhân Bảo đương lúc sửng sốt trông ngóng thời Tú Kiều đã về đến trước mặt; Tú Kiều trông thấy cha liền vội vàng xuống ngựa, vừa khóc vừa nói rằng:

– Cha ơi! Con không ngờ một đời oai danh của con mà nay bị tiêu diệt với con man phụ, con thật không còn mặt mũi nào mà trông thấy ai ở cõi đời này nữa!... Xin cha nhớ mà báo thù cho con!...

Nói dứt nhời, rút ngay gươm bên sườn ra, tự mình đâm một nhát xuống cổ từ bên nọ sang bên kia... Than ôi! Thế là cái đời hồng nhan, cái danh nữ kiệt của Hầu Tú Kiều đã theo ba thước gươm trường mà về nơi chín suối vậy. Than ôi! Những mong nuốt trót nước người, ngờ đâu bỏ mạng giữa nơi chiến trường? Cho hay những kẻ tham tâm trong thiên hạ, phần nhiều hay quả báo nhãn tiền; ta viết đến đây mà không đừng được ái ngại cho Hầu Tú Kiều; ta ái ngại cho

Hầu Tú Kiều bao nhiêu, ta lại giận Hầu Nhân Bảo, giận vua nhà Tống bấy nhiêu. Nếu không bởi cái mối tham tâm muốn được quận huyện nước người của vua tôi nhà Tống, thời Nam, Bắc đâu có việc chiến tranh? Nam, Bắc không gây cuộc chiến tranh, thời một đóa hoa biết nói, một hòn ngọc biết cười kia, đâu đến nỗi ngọc nát, hoa tàn, đã giận nghìn thu gương bạc mệnh!...

Hoa Khôi một đóa nức mùi hương,
Nữ kiệt oai danh dậy một phương.
Ví chẳng vì ai gây họa loạn,
Giá này hẳn đã đúc nhà vàng!...

Hầu Nhân Bảo thấy con chết một cách thảm khổ như vậy, thời ruột đau như cắt, kêu lên một tiếng, thổ "uậc" ra một bãi máu, ngã lăn xuống ngựa. Chư tướng thấy vậy, vội vàng vực Nhân Bảo vào trong trướng, lấy nước gừng đổ cho uống. Một lúc lâu mới dần dần tỉnh dậy, liền truyền mai táng cho Tú Kiều một cách cực kỳ trọng thể, 30 vạn quân bộ đều phải đi đưa. Sau khi đã mai táng Tú Kiều xong, Nhân Bảo truyền lệnh đại quân tức thời đánh thẳng vào mặt Lạng Sơn thề báo được thù cho Tú Kiều mới lấy làm cam tâm... Lúc đó trại quân Nam đóng cách hơn 40 dậm, bỗng có thám tử về báo: Hầu Tú Kiều vì phẫn uất mà tự sát, Hầu Nhân Bảo cử đại đội nhân mã quyết chí báo thù cho con gái, hiện giờ chỉ cách đây độ hơn 15 dậm... Xin Nguyên súy mau ra cự địch...

Phạm Cự Lạng nghe báo xong, tức thời lên trướng truyền lệnh chư tướng rằng:

– Quân Tống hôm nay đến đánh, chính đem một tấm lòng phẫn–kích thù–tử, vậy các tướng phải nên giữ gìn bản trận cho thận trọng. Hễ lúc nào thấy cờ lệnh phất xuôi, thời nhất tề phải tháo lui, nhưng bao quân dũng cảm đều phải ở lại sau để đoạn hậu; lúc lui quân phải giữ gìn cho có trật tự, cấm không được rối loạn hàng ngũ. Nếu sai lệnh tức thời phải án quân pháp trị tội.

Truyền lệnh xong, Phạm Cự Lạng tự tướng Trung quân, Phùng Khuông tướng Hữu quân; Phùng Chính tướng Tả quân; Phạm Như Tùng, Phạm Bích Hà tiện nghi tiếp ứng.

Đúng giờ Thìn [1], quân kéo đến sườn núi Giáp Sơn, thời vừa gặp quân Tống, hai bên bầy trận xong, Nhân Bảo nhân cơn phẫn

---

1. *Giờ Thìn:* từ 7 đến 9 giờ sáng.

uất, không đợi xưng tên xưng tuổi, tức thời sai mười tên kiêu tướng ra trước trận khiêu chiến. Bên quân Nam, Phạm Cự Lạng cũng sai 10 tướng ra đối địch. Hai bên đánh nhau ước độ nửa giờ, Nhân Bảo thấy tướng của mình vẫn chưa thủ thắng, tức thời phất ngược cờ lệnh, thúc quân tả, hữu dực nhất tề sung sát tràn sang. Tự mình cũng vung trường thương ra trợ chiến; hai bên hỗn sát nhau, làm cho cát bụi lầm giời, tiếng reo dậy đất... Quân Tống không đứa nào là không hầm hè, chỉ rình những nuốt sống được quân Nam cho mát ruột, quân Nam thời vừa đánh vừa đỡ, vừa giữ, vừa che, không ra hung hăng cũng không ra nhút nhát... Đánh nhau mãi đến hơn 3 giờ đồng hồ, Phạm Cự Lạng biết chừng 2 quân đã đều mỏi, liền phất cờ xuôi cho quân lùi... Quân Tống thấy quân Nam lùi, thời cố hết sức đuổi đánh, nhưng quân Nam đoạn hậu một cách cực kỳ nghiêm chỉnh, khiến cho quân Tống cũng đành vô khả nại hà [1], rồi cũng phải truyền lệnh thu quân.

Hầu Nhân Bảo về đến trại, lên trướng bàn với chư tướng rằng:

– Cứ xem trận thế của quân Nam, thời viên tướng cầm quân thật là một tay lão luyện. Duy có đối với mình thời cái thế chúng, quả thật huyên, thù rất xa. Cho nên đương đánh nhau mà bỗng tháo lui, chính là họ “tri cơ nhi thoái” đó. Lại xét như tờ mật báo Thủy quân Nguyên súy, thời viên Thập Đạo tướng quân ở nước nó là Lê Hoàn, mới rồi nhân có quân ngoài sắp đến, giám tự tiện lên ngôi vua, thời chắc trong đám quân quan của nước nó, tất có người oán giận. Chúng sở dĩ chưa ra mặt hàng mình là có ý chờ xem thế quân mình mạnh yếu thế nào đó thôi. Hiện nay ta đã giao chiến một trận, thời cái cơ mạnh yếu đã rành rành ra đây rồi, vậy các ngươi thử chờ mà xem, nay mai thế nào quân Nam cũng sẽ có nội biến... Bấy giờ ta mới tịch quyển trường khu [2], chỉ trong vòng một tháng là đến được Hoa Lư thôi.

Hầu Nhân Bảo nói xong, chư tướng đều nói rằng:

– Nguyên súy thật là liệu địch như thần dù Lưu Cơ, Từ Đạt [3] phục sinh cũng không bì kịp.

Lại nói về bên quân Nam, Phạm Cự Lạng kéo quân vừa về đến trại, bỗng có tên quân báo rằng:

---

1. *Vô khả nại hà:* không làm thế nào khác được.

2. *Tịch quyển trường khu:* mở lưới ra đuổi dài mà bắt.

3. Lưu Cơ, Từ Đạt là hai người mưu thần danh tướng về đời Minh Thái Tổ khai quốc. Sự tích rõ ở truyện “Gươm cứu khổ”. Lịch sử tiểu thuyết, Tử Siêu dịch thuật, Nhật Nam thư quán xuất bản.

– Có quan nội thị phụng sắc thư đến có việc quân cơ, xin Nguyên súy mau ra tiếp chiếu.

Phạm Cự Lạng vội vàng dóng giả chư tướng ra cửa dinh đón sứ. Sau khi đã tiếp sứ đọc chiếu xong, quan nội thị vừa ra khỏi cửa dinh, Cự Lạng lên trướng, gọi to lên rằng:

– Quân đao phủ đâu bay! Lập tức đem viên hành quân tư mã Trần Thứ, chém lấy đầu cho tao, nghe!...

Cự Lạng truyền lệnh xong, bao các tướng tá thảy đều thất sắc! Đều đứng dậy xin hỏi Trần Thứ vì tội gì mà bị chém?

Cự Lạng cau mày lại, móc túi lấy tờ mật chiếu ra đưa cho Phạm Như Tùng, đứng đọc cho chư tướng nghe. Như Tùng đọc tờ chiếu rằng:

"... Hoàng đế chiếu cho bộ quân Nguyên súy Phạm Cự Lạng biết rằng: hiện nay nước đương gặp cơn biến, phàm là người đất Cồ Việt, đều phải lo giữ lấy giang san. Nghĩa ấy, trẫm đã nhiều phen khuyên bảo cho khắp kẻ triều thần. Vậy mà vừa rồi, trẫm bắt được một tên gian tế, tra hỏi thời nó xưng là kẻ tâm phúc của Trần Thứ, sai nó đem thư về cho gia quyến, bảo sắp sửa thu xếp về nhà quê tránh loạn, vì Trần Thứ sắp sửa sang hàng Hầu Nhân Bảo, xin làm hướng đạo về lấy Hoa Lư... Xem đó thời cái tội phản quốc bội quân của Trần Thứ đã rành rành. Hiện trẫm đã bắt cả gia quyến nhà Trần Thứ bỏ ngục. Vậy khanh hãy tuân mệnh lập tức chém đầu Trần Thứ, bêu ra cửa quân để làm răn cho kẻ gian tà. Kính thay, nay chiếu...".

Phạm Như Tùng đọc xong tờ chiếu, chư tướng thảy đều kinh ngạc, Phùng Khuông ra trước trướng nói rằng:

– Cứ xem thánh chỉ, thời tội Trần Thứ quyết không thể dung được. Nhưng 2 quân hiện đương lúc gắng trí, rình nhau từng miếng, nếu giờ mà sinh ra có sự giết hại lẫn nhau, e họ lại cho là xấu từ trong xấu ra, mà càng khinh nước ta không ra gì. Vậy dám xin tướng quân hãy nên nghĩ đến đại cục, mà tạm giam bỏ Trần Thứ xuống ngục, đợi đến khi nào bình được giặc rồi, bấy giờ sẽ hành hình cũng chưa muộn...

Cự Lạng nghe Phùng Khuông nói xong, gật đầu nói rằng:

– Nhời Kim Ngô nói cũng phải, hãy để cái mạng sống cho nó ít lâu nữa, đợi khi nào ta thắng trận rồi sẽ hay.

Nói xong, truyền đem đánh Trần Thứ 20 đại côn, rồi đem giam xuống hậu trại, cắt 10 tên quân phải canh giữ cho cẩn mật...

Tối hôm ấy, Trần Thứ đương nằm trằn trọc ở trên cái rạt giường bằng nứa ở đàng sau trại, bỗng nghe thấy có tiếng gõ cửa, tên lính canh nghé ra xem thời là quan Tả Kim Ngô Phùng Khuông. Chúng vội vàng mở cửa cho Phùng Khuông vào, Phùng Khuông vừa bước vào thấy Trần Thứ nằm ngảnh mặt vào trong, thở dài một tiếng, ngâm một câu rằng:

Cửa nhà tan nát vì ai tá?
Giận chẳng tay dao chém kẻ thù!...

Ngâm xong, quay mình giở ra, lại ngâm một câu rằng:

Sốt ruột khôn tìm người một hội,
Ngậm sầu đành nhẽ đến nghìn thu!...

Trần Thứ vừa ngâm xong câu ấy, Phùng Khuông lấy tay vỗ vào vai Trần Thứ mà rằng:

– Sao oán giận quá như thế hử bác? Cõi đời tấc bóng, ai không sống thác hai lần; gặp được cơ hội hữu vi, thời ta cũng bất–phương gửi chút danh lên trên lịch sử. Cố làm đi bác ạ! Người một hội đây rồi, hà tất còn phải nghìn thu ngậm giận mà làm chi?

Trần Thứ nghe Phùng Khuông nói xong, ngồi nhổm ngay dậy, ra vẻ tươi cười mà rằng:

– Nếu được túc hạ có lòng giúp cho, thời thật là ơn đức tái sinh, sau này tôi dù có được bước lên một bước, thế nào cũng trước hết xin tiến dẫn túc hạ...

Trần Thứ nói với Phùng Khuông xong, lại gọi 10 tên lính canh mình mà bảo rằng:

– Các anh là người khôn ít, không biết lo xa, thế quân Tống hiện nay đương như lửa cháy nước tràn, quân ta quyết không sao chống được nổi. Nước Cồ Việt ta không bao lâu nữa sẽ lại nội thuộc về Tàu mà thôi. Ta nay định đi hàng quân Tống, các anh có bằng lòng đi theo ta, thời ta cũng tiến dẫn cho sẽ được sung sướng hơn thế này nhiều. Nhược bằng không muốn đi thời các anh cũng không thể giữ được ta, đến lúc đó thời các anh thế nào cũng bị chết chém về cái tội canh giờ không cẩn mật.

Mười tên lính thấy Trần Thứ nói như vậy thời đều xin đi theo... Bấy giờ Phùng Khuông nguyên coi về cửa trại bên đông, nên thân hành đưa Trần Thứ ra khỏi trại...

Trần Thứ ra khỏi trại, vó câu thẳng ruổi, một lát thời đã đến

gần trại quân Tống, bị quân tuần tiễu nắm lại tra hỏi, Trần Thứ nói rằng: có việc cơ mật, có được giáp Nguyên súy mới nói...

Quân tuần tiễu đưa Trần Thứ vào đến viên môn, đã có viên Hiệu úy khám xét không có khí giới gì, bấy giờ mới bẩm vào Trung quân, Hầu Nhân Bảo thấy bẩm có viên quan nước Cồ Việt là Trần Thứ, xin yết kiến Nguyên súy có việc cơ mật.

Nhân Bảo nghe nói, liếc mắt bảo Tôn Toàn Hưng rằng:

– Đấy, ông xem tôi đoán có cao không?...

Nói rồi cho đòi Trần Thứ vào hầu. Trần Thứ vào đến dưới trướng lạy thụp xuống khóc nức nở như là cha chết, mãi một lúc lâu mới ngập ngừng nói rằng:

– Xin Nguyên súy cứu lấy tính mệnh cho cả nhà chúng tôi, dù sai bảo tôi vào lửa xuống nước, chúng tôi cũng xin tuân mệnh...

Nói xong, lại thuật hết cái nông nỗi mình bị "suýt chết" cho Nhân Bảo nghe.

Nhân Bảo nghe Trần Thứ nói một lúc thật lâu, vẻ mặt càng thấy tươi tỉnh bội phần... Nguyên lai, trong mấy hôm không giao chiến, hôm nào Nhân Bảo cũng sai thám tử sang trại quân Nam để thám thính quân tình... Cho nên phàm nhất cử nhất động của quân Nam cũng đều biết hết. Cái việc mà Trần Thứ bị suýt chết hôm trước, cũng đã có tin báo cho Nhân Bảo rồi. Bởi vậy, Nhân Bảo thấy Trần Thứ nói lại càng lấy làm đích thực. Tức thời truyền cho Trần Thứ làm hướng đạo, kiêm hành doanh tham mưu.

Ngày hôm sau lại có tin báo rằng: Phùng Khuông vì bị nghi là tha cho Trần Thứ trốn, bị cách chức đuổi về. Phùng Chính là em Phùng Khuông thấy anh bị đuổi thời cũng bỏ về, Phạm Như Tùng, Phạm Bích Hà thấy con rể và chồng vô cố phải về thời cũng bỏ về nốt... Thành thử ra trong trại quân Nam có bao nhiêu tướng giỏi đều hao mòn hết, giờ chỉ còn có mấy người già nua hèn nhát nữa thôi... Nhân Bảo nghe thấy báo như vậy, thời cả mừng, giơ tay lên trán mà rằng:

– *Thật là giời giúp quân ta! Thật là giời giúp cho ta chóng được rửa thù cho con ta!...*

Ngày hôm sau, Nhân Bảo truyền lệnh đại đội nhân mã nhất tề tiến phát, thẳng áp sang trại quân Nam...

Vừa đi đến nơi thời thấy quân Nam đã bày trận sẵn chỉnh tề, Hầu Nhân Bảo thúc ngựa ra trước trận, sai gọi Nam tướng ra đối thoại. Phạm Cự Lạng ung dung cưỡi ngựa ra, đứng ở trước trận, giơ roi ngựa chỏ vào mặt Hầu Nhân Bảo mà rằng:

– Vua tôi nhà ngươi, vô cố sang xâm lấn nước ta, ta đây đem quân ra chống cự, ngươi có tài giỏi thời cứ hết sức mà đánh, còn phải hỏi han lôi thôi gì hử?...

Hầu Nhân Bảo thấy Cự Lạng nói một cách bướng bỉnh như vậy, ngứa tiết lên không thèm nói gì, truyền ngay 10 viên kiện tướng xông thẳng sang đánh nhau với Cự Lạng. Ở đằng sau Cự Lạng cũng có 10 viên kiện tướng xông ra hãn ngữ... Hai bên đánh nhau mới độ hơn một giờ đồng hồ, mà bên tướng Nam đã chết mất mười mấy người... Nhân Bảo thấy quân mình đã thắng lợi liền phất cờ cho toàn quân sung sát sang trận quân Nam. Phạm Cự Lạng vội vàng quay ngựa chạy trước, bao quân sĩ tướng tá cũng đều ù té chạy tán loạn...

Hầu Nhân Bảo đuổi giết một trận xa đến hơn 40 dặm mới hạ trại. Hạ trại xong, sai thám tử đi dò xem tình hình quân Nam. Thám tử về báo rằng:

– Quân Nam hiện hạ trại cách đây 30 dặm, ngoài trại rào giậu rất là kiên cố.

Hầu Nhân Bảo nghe báo cười mà rằng:

– Việc quân đương như lửa cháy dầu sôi, không có mưu kế gì đối địch lại còn hạ trại kiên cố, ý chừng muốn cố thủ chăng?...

Nói rồi, truyền chư tướng đúng nửa đêm thời ăn cơm, gà gáy thời đại quân tiến phát, quyết bắt cho được Phạm Cự Lạng mới nghe.

Ngày hôm sau, quân Tống lại đánh nhau với quân Nam hơn 2 giờ đồng hồ, quân Nam không địch được, lại phải chạy lui hơn 30 dặm.

Cứ như thế, luôn 4 ngày, hôm nào quân Tống cũng được, hôm nào quân Nam cũng thua, đến hôm thứ 5, thời quân Tống đã xâm vào đến Chi Lăng (thuộc Ôn Châu, Lạng Sơn). Hầu Nhân Bảo lấy làm muôn phần khoái lạc, tối hôm ấy truyền cho ba quân ăn no, uống say, ngày hôm sau hãy cho nghỉ, cho đỡ mệt, đến ngày thứ 7 sẽ lại đem binh tiến đánh.

Vang từng mấy khúc sinh ca [1],
Trong quân mà cũng tiệc hoa vui vầy!
Nhớ bữa hôm nay...

Chính đương lúc Hầu Nhân Bảo cùng chư tướng vui vầy trò chuyện, chỗ thời bác say tôi vẫn tỉnh, nơi thời anh khỏe tớ chưa già... Thưa các ngài, đó là cái tình hình "tửu nhập ngôn xuất" [2] của các "bả ma men" [3], ký giả đây cũng là người trong một hội một thuyền, nên mới ngôn chi được sác tạc như vậy. Các ngài có lấy truyện đó làm ngờ chăng? Ký giả tôi xin giới thiệu cho các ngài cùng làm một chân tộc biểu trong Túy hương [4] nào! Kha! Kha! [5]

Vào khoảng hết canh một sang canh hai, trong trại quân Tống chính đương lúc vui vầy hỉ hả, bỗng nghe thấy 4 mặt liên thanh pháo nổ, lửa cháy rực giời, tiếng trống, tiếng loa vang giời dậy đất... Hầu Nhân Bảo bấy giờ còn đương líu tíu cầm chén, có mấy tên kiện tướng chạy lại nói to lên rằng:

– Bẩm Nguyên súy, nguy to mất rồi! Quân Nam vây bọc 4 mặt, khí thế mạnh như đê vỡ nước tràn, mà quân ta thời đều say khướt cả, làm thế nào được bây giờ?...

Hầu Nhân Bảo bấy giờ mới giật mình nghe tiếng, hỏi luôn mấy câu "Thật à! Thật à!" liền vội vàng truyền chỉnh bị đội ngũ để nghinh địch. Nhưng khốn thay quân Tống bấy giờ đã đều bị hơi men làm hoa cả mắt, chân tay rã rời như ăn phải bả, còn tâm hồn đâu mà đội với ngũ!... Loanh quanh một lúc, còn chưa nghe ra manh mối nào, thời thấy quân Nam đã đánh đến sát ngoài trại rồi. Bấy giờ có mấy tên tướng can đảm, vội sốc Hầu Nhân Bảo lên ngựa, đành rẽ một đường máu chạy ra được độ nửa dặm, bỗng ở bên sườn núi, pháo nổ liên thanh, trăm nghìn bó đuốc bứt lên sáng như ban ngày. Rồi thấy có một viên thiếu niên tướng quân thúc ngựa xông ra, tay cầm Tử kim thương, oai phong rất là lẫm liệt, chỉ vào mặt Hầu Nhân Bảo mà thét lên rằng:

– Hầu Nhân Bảo! My đã biết mặt Phùng Chính?

---

1. *Sinh ca:* lời ca từ cái sinh (hay sênh: một thứ sáo có từ 13 đến 19 lỗ) thổi ra.

2. *Tửu nhập ngôn xuất:* rượu vào lời ra.

3. *Bả ma men:* sự quyến rũ của rượu.

4. *Túy hương:* làng say.

5. Tử Siêu tiên sinh mà cũng say ru? Có lẽ uống "nước trong" mà say đấy nhỉ! "Vị Thủy".

Hầu Nhân Bảo nghe thấy hai tiếng "Phùng Chính", thời không còn hồn vía nào nữa, cắm đầu ù té chạy; nhưng chạy thoát sao cho được khỏi tay Phùng Chính? Chỉ trong chớp mắt là Hầu Nhân Bảo và hai tên kiện tướng đều làm con ma không đầu ở dưới ngọn Tử kim thương của Phùng Chính!...

Ngay lúc đó, Tôn Toàn Hưng cũng nhờ được mấy đứa thân binh đưa chạy về sườn núi phía Bắc, đương lúc hất hơ hất hả, bước thấp bước cao, thời bỗng nghe thấy liên thanh pháo nổ, đuốc thắp sáng trưng, ở trong áng hào quang, hiện ra một vị thiếu niên nữ tướng, tay cầm bảo kiếm, chỉ vào mặt Toàn Hưng mà thét lên rằng:

– Toàn Hưng! Mi đã trông thấy mặt Phạm Bích Hà chưa?...

Nói dứt nhời xông lại đánh Toàn Hưng, Toàn Hưng lúc ấy đã *gan ruột nát bét, nhưng thế vô khả nại hà, cũng phải liều múa thương đánh lại. Vừa mới được vài hợp, bị Bích Hà sẽ giơ tay vượn, bắt sống qua sang bên ngựa, ném xuống đất, giao cho quân sĩ trói lại...*

Thương hại thay hơn 30 vạn quân bộ, hơn một trăm viên kiện tướng của nhà Tống, chỉ trong có giây lát, mà đã đến quá một nửa hóa làm ma không đầu! Nghĩ đã đáng tình cho quân cướp nước chưa?...

Sáng ngày hôm sau, Phạm Cự Lạng thu quân về cả Lạng Sơn; lúc đó Trần Thứ cũng đã lẩn về được, Cự Lạng vỗ tay vào vai Trần Thứ mà nói rằng:

– Thế mới biết "tri thần mạc nhược quân" [1], Chúa thượng ta sở dĩ không ai làm cái kế "trá hàng", mà khiến túc hạ, thật là biết túc hạ có trung can, nghĩa đảm [2], làm việc kín đáo, khôn khéo, không đến nỗi tiết lậu quân cơ... Phen này mà đánh được quân Tống thua chóng đến thế, thật công đầu ở túc hạ đó!

Trần Thứ khiêm tốn, mà rằng:

– Việc đó là hồng phúc của quốc gia, thần mưu của Chúa thượng, chứ tôi có công cán gì, xin ngài đừng quá khen như vậy.

Ngồi lâu, đi chóng, sự vu quy dễ hởi dạ khách chinh nhân... sau khi trận đánh ở Chi Lăng quan được 7 hôm, thời Phạm Cự Lạng cùng tướng tá quân sĩ đã về đến Thủy quân hành cung của vua Đại Hành. Vua Đại Hành hỏi hết tình đầu chuyện đánh nhau, ngài rất

---

1. *Nghĩa là:* biết bề tôi không ai bằng vua.

2. *Nghĩa đảm:* lòng can đảm của người nghĩa sĩ.

lấy làm khen ngợi. Rồi ngài sai để đầu Hầu Nhân Bảo lên một cái mâm, để lên trên chiếc thuyền con, chung quanh thời để toàn đầu các tướng sĩ nhà Tống... trên chiếc thuyền ấy, ngài cắm một cái biển vào bên cạnh đầu Hầu Nhân Bảo có viết mấy chữ rằng: "Tống, Bộ quân Nguyên súy Hầu Nhân Bảo chi lô"... Lại sai đóng một cái cũi bỏ Tôn Toàn Hưng vào trong cũi để lên trên chiếc thuyền con, trên cũng cắm cái biển, có chữ rằng: "Tống, Bộ quân Phó Nguyên súy, Tôn Toàn Hưng chi hạm"... Ngài lại bắt xếp 40 chiếc thuyền, mỗi chiếc thuyền cho 10 đứa quân Tống bị bắt được ngồi, đứa nào cũng trói ghì 2 tay, 2 chân vào thuyền, quầng mắt bôi đen, trông như quỷ sứ, miệng thời gắn chám đường thật kỹ... Trên mỗi chiếc thuyền đều cắm một cái biển, đề mấy chữ: "Tống thị tù binh chi thuyền"...

Các thuyền đã xếp xong, ngài truyền đẩy ra giữa sông cho thuận dòng xuôi xuống...

Nói về thủy quân của quân Tống từ hôm đánh nhau với quân Nam một trận, rồi sau thấy quân Nam cứ kiên trại cố thủ, không hiểu ra ý tứ gì. Lưu Trừng đã dùng hết cách khiêu chiến mà vẫn không thấy động tĩnh gì... Lưu Trừng đã nhiều lần sai quân lên bộ để lén đánh đường khác, mà cũng đều bị phục binh của quân Nam đánh vỡ, không sao đi đường nào được. Đành cứ phải đóng vậy đấy để chờ tin tức quân bộ mà thôi.

Hôm đó, vừng ô đã xế non đoài, mặt nước gió qua, lăn tăn nổi lên như trăm nghìn con rắn lộn... Lưu Trừng cùng mấy viên tham mưu tùy tướng đứng ra trước thuyền để hóng mát, bỗng xa xa thấy có một toán thuyền chở xuống, mà thuyền nào cũng hình như không có người chở... Đương lúc nghi lạ thời toán thuyền ấy trôi sát đến nơi, ai nấy trông thấy cái quang cảnh trên thuyền, và những chữ đề trên biển, thẩy đều kinh hồn thất phách!... Tức thời nghe thấy một tiếng kêu: "Thôi hỏng rồi, quân bộ thì thua, bị bắt, bị giết hết cả rồi!..." Dứt tiếng kêu ấy thời khắp trại đều kêu lên rầm rầm, rồi không đợi gì tướng lệnh, cứ tự do mà xô nhau bơi thuyền trốn chạy...

Lưu Trừng bấy giờ đã bị quân vỡ, thôi đành bỏ hết tài trí đành cũng phải thuận dòng trốn chạy... Khốn nạn thay, lúc đã đen thời bị đen rấp, cơn đã nguy càng bị nguy thêm, toán thủy quân của quân Tống, vừa kéo chạy gần đến cửa bể, thời bị phục binh của vua Đại Hành ở hai bên sườn núi bắn sang, như mưa sa gió táp, lại bị chết non một nửa!...

Ôi! Cám cảnh thay bọn vua tôi nhà Tống chỉ chăm chăm lấy nước Nam Việt làm quận, huyện, cho thỏa cái tấm lòng tham dục của mình. Nhưng sao không nghĩ: nước Nam Việt là nước của ông cha người Nam Việt để lại cho dân Nam Việt, dân Nam Việt dù có ngu hèn cũng không đến nỗi quên cả công đức ông cha, mà chịu ngồi khoanh tay để cho người xâu xé. Ngẫm xem cơ tạo xoay vần, có cơn bĩ cực, có tuần thái lai... Ta chỉ cốt cái chí khí kiên cường bất bạt của ta, ta cũng bất tất phải oán giận chi người nhà Tống vậy. Duy là không đừng được cười người nhà Tống là khờ thôi!...

Thưa các ngài, ký giả viết đến đây là vừa hết lịch sử vua Lê Đại Hành đánh nhau với quân nhà Tống, vậy ký giả hãy xin dừng bút mà cùng các ngài ghi nhớ một câu rằng:

"Vua Lê Đại Hành sở dĩ đáng cho ta sùng bái kỷ niệm, là vì có cái công đức gìn giữ non sông, cho khỏi chìm đắm vào tay người Tàu vậy".

Nhà in Nhật Nam, Hà Nội, 1929.

VIỆT – THANH CHIẾN SỬ

(Tiểu thuyết lịch sử – Trích)

Việt – Thanh chiến sử là chiến công vang dội cuối cùng đáp lại cuồng vọng thôn tính của bọn thống trị phong kiến Bắc phương.

Truyện đã tái tạo được phần nào nhân vật anh hùng kiệt xuất Nguyễn Huệ mà chí khí, đạo đức và thiên tài quân sự đã tạo nên chiến thắng kỳ diệu đầu năm Kỷ Dậu (1789). Chiến thắng này không chỉ là một đòn sấm sét bất ngờ giáng xuống đầu những tên Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống tham lam mù quáng, mà còn làm tiêu tan ít ra hàng thế kỷ ý chí xâm lược của bọn cầm quyền phong kiến nhà Thanh.

Chúng tôi trích ba chương cuối trong tám chương. Các chương không có tiêu đề.

VI

Ngày 25 tháng Một, năm Mậu Thân (1788). Đúng giờ Dần [1] ngày hôm ấy, khắp trong thành Thuận Hóa đều trần thiết một cách cực kỳ oai nghiêm lẫm liệt. Ngọn cờ vàng phấp phới, xen lẫn với ánh sáng quắc như sương tuyết của gươm, giáo, khiến cho quang hoa nhấp nhoáng, như mặt trời buổi sớm chiếu ngang vào làn bể biếc...

Sang giờ Mão [2]. Ở ngoài cổng thành nổ 9 tiếng súng thần công rồi đến trong vương phủ đánh tiếp luôn 3 hồi chiêng trống. Vừa dứt tiếng chiêng trống, thời phường bát âm cử nhạc, rước Bắc Bình Vương lên núi Biện Sơn làm lễ tế thiên địa quỷ thần. Rồi ngài trở về cung, đổi mặc đồ cổn miện [3], lên ngôi Hoàng đế, cho bá quan vào triều hạ, đổi niên hiệu Thái Đức thứ mười một làm niên hiệu Quang Trung nguyên niên.

Sau khi làm lễ đăng quang xong, ngài phán bảo quần thần rằng:

– Hiện nay trăm dân ở ngoài Bắc Hà, chính đang khổ về nỗi quân Tàu bạo ngược. Trẫm nghĩ đến thật lấy làm buốt ruột đau lòng. Vậy các ngươi nên thể bụng trẫm mà cùng nhau cố sức, trên

1. *Giờ Dần:* từ 3 đến 5 giờ sáng.
2. *Giờ Mão:* từ 5 đến 7 giờ sáng.
3. *Cổn miện:* mũ của vua và hoàng tử.

dưới một lòng, miễn làm sao cho cứu được dân, phục được nước, thế tức là các ngươi tận trung với trẫm, trọn bổn phận với quốc dân xã tắc đó...

Vua phán xong, quần thần đều cúi đầu vâng mệnh.

Kế đó, vua Quang Trung thân thủ viết một bức thư sai người đem vào Qui Nhơn dâng anh là Thái Đức Hoàng đế Nguyễn Nhạc đại lược rằng:

Em thứ ba là Nguyễn Huệ rất sợ, rất hãi, kính dâng lên anh trưởng là Thái Đức Hoàng đế Bệ hạ:

Hiện nay Hoàng tự tôn nhà Lê đi cầu viện với nhà Mãn Thanh, nhà Mãn Thanh sai Tôn Sĩ Nghị đem 50 vạn đại quân sang nước ta. Bề ngoài thời là cứu nhà Lê, mà bề trong thời thực muốn lại khôi phục cái chính sách quận huyện đất nước ta hồi trước. Em mục kích công cuộc ấy, thương nỗi nòi giống bị sa vào vòng nước lửa, không thể cầm lòng, nên đã chính ngôi tôn, sắp sửa thống xuất đại binh đi Bắc phạt. Anh em ta, vốn xuất thân là một kẻ bố y [1]*, giờ mỗi người đã có chiếm riêng một khu võ, theo cái chí nguyện tầm thường thời thế cũng đã là đủ rồi. Em cũng không ham tiếc gì một cõi Bắc Hà. Nhưng nghĩ đến một tấc đất cũng là đất của tổ tiên để lại, một người dân cũng là dân của tổ tiên để lại, không nỡ để cho chịu riêng nỗi đắm chìm vào trong vòng nước lửa, nên mới quyết chí cùng với quân tướng nhà Mãn Thanh sống mái một phen... Em dù có bất hạnh mà bỏ mình ở dưới mũi tên hòn đạn, cũng có thể đối với vong linh tổ quốc, mà ngậm cười không hổ. Vì việc quân cấp bách, không thể bệ từ, thượng bẩm mấy hàng, cúi xin lượng xét.*

Em thứ ba: Nguyễn Huệ tái bái.

Qua sang ngày 26, vua Quang Trung tự mình thống lĩnh đại binh, chia làm thủy bộ hai đường, kéo ra Bắc phạt.

Đến ngày 29 đại quân đã ra tới trấn Nghệ An. Vua truyền đóng quân lại tạm nghỉ. Rồi sai Hám Hổ Hầu yết bảng kéo quân cường tráng ở toàn hạt Nghệ An, cứ 3 đinh thời lấy một, mà đều phải là những người không phải là "con một" thời mới được kén.

Vua hạn ở lại Nghệ An 10 ngày, rồi mới cất quân ra Bắc.

Đến ngày hôm thứ ba, tức là ngày mồng hai tháng chạp.

---

1. *Bố y:* áo vải.

Vua mặc đồ thường phục cùng với mười tên lính thị vệ, cưỡi ngựa ra ngoài thành, đi thẳng đến huyện La Sơn để chơi với người Cống sĩ là Nguyễn Thiếp.

Nguyên lúc bình nhật vua vẫn nghe tiếng đồn Nguyễn Thiếp là một người có đức tính cô cao, có tài học uyên bác lại có nhiều cái mưu lược xuất chúng siêu quần... Vua cũng biết là ông đã già, cũng không chịu ra làm quan nào. Nhưng cũng muốn hỏi thử xem cái ý kiến của ông có điều gì khác, có thể bổ ích được cho mình chăng?... Vì nghĩ vậy nên vua mới tự mình thân đến.

Khi vua vào đến nơi, ông Nguyễn Thiếp chính đương buổi dạy học, học trò ngồi bốn năm dãy, ước đến bảy tám mươi người. Vua thoạt mới vào đến cổng, bọn học trò tưởng là quan phủ huyện nào, đều nhao nhao đứng lên đón hỏi, vua không nói gì, cứ lẳng lặng đi thẳng vào. Ông Nguyễn Thiếp đang ngồi tựa vào chiếc gối, dựa ở trên giữa sập, nhác trông thấy, biết ngay không phải là người thường, liền vội vàng đứng dậy quấn khăn mặc áo. Ông vừa quấn khăn mặc áo, vừa trông vào vua, bỗng nhiên thất kinh buột miệng mà rằng:

– Thôi hẳn là đương kim Hoàng đế rồi!

Ông vừa nói, vừa vội vàng thụp xuống lạy... Bấy giờ các học trò đều sớn sác hãi xanh cả mặt. Vua vội lấy tay đỡ ông Nguyễn Thiếp không để cho lễ, mà nói rằng:

– Thôi, xin miễn lễ cho tiên sinh. Trẫm đến đây, một là thăm tiên sinh, hai là có một cái ý kiến muốn hỏi tiên sinh đây...

Vua nói xong, tự ngồi xuống sập kéo ông Nguyễn Thiếp bắt phải cùng ngồi. Rồi vua hỏi rằng:

– Tiên sinh chừng đã nghe thấy tin gì ở ngoài Bắc Hà rồi đấy chứ?

– Bẩm, ngu lão ở chốn thôn dã, đường qua lại không tiện, nên những tin tức bên ngoài ít khi được nghe biết...

Vua gật đầu rồi nói rằng:

– Nhà Mãn Thanh sai Lưỡng Quảng Tổng đốc là Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh đại binh 4 tỉnh hơn 50 vạn sang cướp nước ta...

Vua vừa nói đến đây thời ông Nguyễn Thiếp đã tỏ ra ý kinh ngạc, vội hỏi:

– Sang cướp nước ta?...

– Phải, sang cướp nước ta. Hiện đã đóng quân ở thành Thăng Long rồi!

Ông Nguyễn Thiếp bỗng rầu nét mặt, thở dài mà rằng:

– Muôn tâu Hoàng thượng, cái nạn này hẳn lại do tự quân nhà Lê "đi cầu cứu về" chứ không sai...

Vua Quang Trung gật đầu mà rằng:

– Chính phải. Nếu không thời việc gì mà đến thế!

Vua nói đến đấy, lẳng lặng một lát, rồi lại nói tiếp:

– Giờ tôi muốn vì nước mà ra tay cứu nạn... Nhưng nên đánh hay giữ, được hay thua, xin tiên sinh nói rõ cho tôi hay...

Ông Nguyễn Thiếp nói:

– Cứ như tư ý của ngu lão thời quân nhà Mãn Thanh sang nước ta, nếu theo được bụng công nghĩa mà giúp giập nhà Lê, thời cũng có cái cơ vững chắc được đôi phần. Nếu lại ra lối gian tham, giả công tế tư, muốn khôi phục lại cái chánh sách quận, huyện ngày trước, chẳng nghĩ gì đến cái nghĩa "kế tuyệt phù nguy" thời tuy rằng ở đó mà dân gian lấy ai là kẻ phục tòng?... Một cái mất lòng dân đó cũng đủ là cái cơ cho sự bại vong rồi. Huống chi kiêu căng tự đắc vốn là cái thông bệnh của người Tàu. Lại từ khi Tôn Sĩ Nghị kéo quân sang đến đây, chưa từng bị tơ hào ngã vấp, thời lại càng khiến cho tự coi mình như thánh như thần. Vậy đã kiêu thời tất phải sinh lười, việc quân phòng chắc là sơ khoáng. Bệ hạ kéo quân ra Bắc chuyến này, nếu dùng cái kế "đại lôi bất cập yểm nhĩ" [1] chắc chỉ trong vòng mười ngày sẽ có thể thu phục được toàn hạt Bắc Hà, khiến cho quân tướng nhà Mãn Thanh chết không có chỗ mà chôn...

Ông Nguyễn Thiếp vừa nói đến đấy, vua vỗ tay mà rằng:

– Chính phải! Chính phải! Thế mới gọi là "anh hùng sở kiến lược đồng". Tiên sinh nói rất hợp ý tôi...

Rồi vua ngoảnh bảo các học trò ông Nguyễn Thiếp rằng:

– Các anh bây giờ còn là học trò, nếu có học lên để sau này ra giúp nước. Các anh nên biết rằng bờ cõi đất nước này là của chung tất cả giống nòi Hồng Lạc, chứ không phải là của riêng một mình ai. Vậy phàm người đã sinh trưởng trên mặt đất này, không những là phải có cái bổn phận đối với nước, lại có cái quyền được trông coi đến việc nước. Nếu ai chỉ biết vui thú lấy một mình, không nghĩ gì đến việc quốc gia hưng vong tức là không giữ trọn bổn phận

1. Sấm to không kịp bưng tai.

và bỏ mất quyền của mình đó... Tuy vậy, nói thế thời nói, chứ bọn nhu dân thời biết sao được nghĩa ấy. Đi học, cốt là học lấy nghĩa lý của thánh hiền, gây nên một người có tài có đức, để làm những công việc ích quốc lợi dân, chứ không phải chỉ để thi đỗ làm quan, mũ cao áo rộng, sung sướng lấy một mình mà thôi đâu. Các anh không biết ở ngoài Bắc Hà, trong triều đình nhà Lê, với trong vương phủ chúa Trịnh, có biết bao nhiêu là những người đỗ Tiến sĩ, Trạng nguyên, Cử nhân, Tú tài, cứ bề ngoài mà trông, thời áo bố tử, mũ cánh chuồn, trông thật rực rỡ, hình như toàn là tiên phật giáng sinh. Thế mà hồi trước có anh cống sĩ là Nguyễn Hữu Chỉnh, dám nói rằng:

"Nhân tài ngoài Bắc Hà chỉ có một mình hắn..." tuy là một câu nói láo, nhưng thực cũng đủ chứng rằng: Những ông kia chỉ là một hạng người đi học để cầu lấy mũ cao áo rộng mà thôi...

Vua nói đến đấy, ngồi ngẫm nghĩ một lát, rồi lại nói rằng:

– Các anh nên biết rằng: Phàm những nước lớn đối với nước nhỏ, nước mạnh đối với nước yếu, phần nhiều vẫn hay mượn những cái tiếng "phù nguy tế khốn", "khai thông" là những cái tiếng rất hay rất đẹp để khoe khoang với nước nhỏ, nhưng đó chẳng qua chỉ là một câu nói "sáo" ở ngoài đầu miệng lưỡi. Mà kỳ thực thời lòng "tham dục" bao giờ cũng lấn tràn lòng "công nghĩa" lúc nào họ cũng chỉ định nuốt trót mình đấy mà thôi. Vậy các anh có nước phải nên tự lo lấy nước, chứ đừng có "hòng hõng" mà cái gì cũng chỉ chực ỷ lại vào người. Cái tư cách ấy thật là tư ti tự hạ vô cùng. Tức như cái việc của nhà Lê đi cầu cứu với nhà Mãn Thanh ngày nay đó...

Vua nói xong, đứng dậy, cáo từ trở ra về. Ông Nguyễn Thiếp xin đi tiễn ra ngoài 5 dặm, nhưng vua không nghe.

Khi còn cách tỉnh thành độ 15 dặm, nhác thấy một toán quân kỵ vùn vụt từ tỉnh thành đi đến, đi đầu có một viên đại tướng nai nịt rất gọn ghẽ, bên mình đeo kiếm, trên vai đeo cung cưỡi trên con ngựa hồng, trông vẻ rất là oai phong. Viên tướng và toán quân ấy khi đã trông thấy ngựa của vua, viên tướng ấy liền vội vàng xuống ngựa, quỳ sang bên cạnh đường, tức thời các quân kỵ cũng đều được lệnh, xuống ngựa, đứng nép ra bên vệ đường...

Khi vua tới nơi, viên tướng ấy vái một cái, nói to lên rằng:

– Thần, Nguyễn Tùng nghênh giá...

Vua dừng ngựa hỏi Nguyễn Tùng đem quân đi đâu, Tùng tâu rằng:

– Tiểu thần và các văn võ, thấy Hoàng thượng không đem quân hộ vệ mà đi từ sáng đến giờ, nên đều lấy làm lo sợ, sai thần đem quân đi tìm để nghênh giá...

Vua cười mà rằng:

– Ta đi đến "Động tiên" chứ có vào "hang hổ" đâu mà các ngươi phải sợ...

Nói rồi, truyền cho Nguyễn Tùng đứng dậy, rồi kéo quân đi sau cùng về.

Khi gần tới tỉnh thành, thời mặt trời đã xế chiều, gió bấc đìu hiu, chim rừng tản tác. Ngoảnh trông lên mấy ngọn non Hồng, cao sát từng mây, một màu xanh ngắt, thật có một cái vẻ oai nghiêm, hùng dũng như biểu hiện ra cái khí tượng kẻ anh hùng. Vua trông ngắm một lúc, rồi thở dài mà rằng:

– Non sông gấm vóc như thế kia, mà nỡ để cho giặc Thanh chiếm đoạt, thời còn gọi là một nước có người được nữa sao?

Đêm hôm ấy, vua ngự ở trong phòng nhà Kính thiên, nhân nghĩ đến câu chuyện nói với ông Nguyễn Thiếp mà cứ dằn dọc mãi không ngủ được. Liền ngồi dậy, tự bỏ thêm mấy mảnh trầm vào đỉnh, rồi gạt ngọn ngân trúc cho thêm sáng, toan lấy quyển binh pháp ra xem, sau lại nghĩ việc chiến trận mỗi đời mỗi khác, phép dùng binh cốt ở biến thông, mình cứ đem thành pháp mà xem lắm cũng vô ích... Nghĩ vậy liền không xem nữa, mở ngự khíp ra lấy bức địa đồ Bắc Hà để xem. Đang lúc ngắm nghía nghĩ ngợi chỗ nào nên dùng đánh nhiều quân tượng, chỗ nào nên dùng đánh nhiều quân mã? Chỗ nào lợi thừa hư trực tiến? Chỗ nào đại đội hợp vi? Chỗ nào chắc quân Tàu chưa kịp phòng bị, ta sẽ có thể theo đường ấy mà tập công? Chính đương lúc một mình trù tính thời bỗng nghe thấy ở trong mái nhà có tiếng chạm vào ngói, hình như chuột chạy, rồi lại nghe thấy ngoài khe cửa có tiếng hình như mọt ăn. Vua trong bụng lấy làm nghi lạ, biết chắc chắn sẽ có sự biến gì sắp đến nơi, tuy vua vẫn ngồi yên, nhưng đã có ý đề phòng, dần dần nghe tiếng động lại có phần to hơn trước...

Vua vẫn cứ để vậy để nghe xem thế nào?... Ước độ nửa giờ, bỗng cửa sổ bên tả, và bên cửa nách phía hữu, hai cửa đều mở toang ra, nhảy sổ vào hai người lực lưỡng, mỗi người cầm một con dao găm sáng như sương tuyết, chạy vụt lại nhằm thẳng vào bụng và

ngực vua mà đâm... Thế nhanh như chớp ngờ đâu hai mũi dao của hai người vừa mới đâm vào đến chỗ vua ngồi, thời đánh vụt một cái, vua đã nhảy phắt lên trên xà nhà, hai người thành ra đâm trượt. Chưa kịp giở tay, thời vua đã từ trên xà nhảy xuống đá hất trúng cánh tay một người, lưỡi dao bắn ra ngoài cửa sổ, mà người ấy thời tay đau như gãy, vừa toan tháo chạy, đã bị tay trái vua túm được "đuôi sam" giật ngã ngửa xuống đất!... Giữa lúc vua tranh đấu với người này, thời mũi dao của người kia đã nhằm thẳng ngực vua mà đâm lại... Vua bấy giờ tay không, không có khí giới, không biết lấy cái gì mà đỡ được. Vội phải ngồi thụp ngay xuống, khiến cho người kia lại bị đâm trượt một lần nữa! Người ấy lấy làm tức mình, liền quay dao đâm thẳng từ trên xuống mang tai vua. Dao vừa gần đến nơi vua liền nghiêng mình mà giơ tay đón nắm ngay được vào chỗ gần cây dao. Người ấy cầm dao rất chặt, nhưng không địch được với cái sức giật mạnh của vua, thành thử vì một cái vua giật mạnh, mà người ấy ngã chúi ấp xuống. Người ấy chưa kịp nhổm dậy, thời đã bị chân vua dày chặn ngay lên cổ họng. Rồi vua quày tay kéo người kia, bắt quặt tay xuống chân, dùng tay chân tự trói gò tròn lấy mình mà không phải dây lạt gì. Vua trói xong một người, còn một người, vua trước hết rút bỏ dao ở trong tay người ấy, rồi cắt "đuôi sam" người ấy dùng làm dây trói giật cánh khuỷu lại. Trong khi đánh nhau ước chỉ độ hơn 20 phút mà vua bắt sống được cả hai người.

Thưa các ngài, hai người ấy là hai người nào? Trên kia ký giả chưa kịp nói, vậy giờ ký giả hãy xin tường thuật để các ngài rõ.

Nguyên hai người ấy, một người tên là Hoắc Phi Yến, một người tên là Đằng Phục Hổ, vốn người Quảng Tây, đều làm nha tướng của Sầm Nghi Đống. Hai người ấy đều có can đảm, có vũ lực, lại đều có tài phi thiềm tẩu bích, đã nhiều phen đi làm thích khách, làm lắm việc kinh thiên động địa. Về vùng Lưỡng Quảng, người ta đã cho làm Chuyên chư Nhiếp chính phục sinh. Sầm Nghi Đống biết sức vua Quang Trung không thể lấy sức mà địch được, liền bàn với Tôn Sĩ Nghị phái hai người ấy đi làm thích khách. Lúc hai người sắp đi, Nghi Đống dặn rằng:

– Hai người phải nên cố sức cho thành công, chúng ta yên hay nguy, đất Bắc Hà còn hay mất, và quan cao, thưởng hậu của các anh, đều trông vào một chuyến đi này đó.

Hai người đều có ý vui mừng quả quyết mà rằng:

– Anh em chúng tôi không ra sức thời thôi, nếu đã ra sức, đã vào hang hổ, tất bắt được hổ con. Vậy xin các ngài cứ sắp sẵn rượu ngon, nhắm tốt, đợi mấy ngày nữa chúng tôi đem đầu Nguyễn Huệ về để ăn mừng một bữa cho cực kỳ thỏa mãn!

Nói xong hai người liền cáo từ lên đường.

Bấy giờ quân của Ngô Văn Sở đã đóng ngăn mất lối giao thông ngoài Bắc trong Nam, người hai xứ đi lại với nhau rất là khó khăn...

Hai người bịt đầu bỏ đuôi sam cải trang làm người An Nam dùng hết trăm khôn nghìn khéo, lần mò ẩn núp mãi mới vào thoát được đến thành Nghệ An. Hai người vốn rắp vào thẳng Thuận Hóa, vì vẫn tưởng rằng vua Quang Trung vẫn còn ở Thuận Hóa. Kịp đến lúc vào đến Nghệ An thời đã nghe thấy tin vua Quang Trung đã ra đóng ở Nghệ An được ba ngày, hiện đương kén thêm quân để Bắc phạt. Hai người đều giật mình mà nói với nhau rằng:

– Chết thật! Sao mà tên đại tặc ấy nó hành động nhanh chóng như thế? Chỉ trong có mấy ngày mà nào là lên ngôi Hoàng đế, nào là kéo quân đi hằng ba bốn ngày đường. Cứ như tên bay thời ông đại tướng sắp sửa đi đánh dẹp đâu, ít ra cũng hết hơn một tháng mới có thể đi được. Huống chi là ngôi Hoàng đế thời khi sắp đi đâu lại càng rề rà lôi thôi lắm. Hừ, họ hành động thế này, không trách được ai cũng phải cho là họ xuất nhập như thần, mà đều sinh lòng e sợ. May thật! Nếu tướng quân ta không biết lo trước mà cho chúng ta đi phen này thời có khi quân chúng kéo ra đến Thăng Long rồi, mà quân mình vẫn còn mơ hồ như nằm trong giấc mộng!

Hai người nói đến đấy, đều giơ tay lên trán mà rằng:

– Chúng ta đi chuyến này, thật là may quá, thật là hồng phúc của nước nhà!

Rồi đó hai người cùng dắt nhau vào hàng rượu để đánh chén, và hỏi dò tin xem vua Quang Trung hiện đóng ở chỗ nào.

Kịp đến lúc biết đích được vua Quang Trung đóng ngự dinh ở trong nhà Kính thiên, bấy giờ còn là ban ngày, hai người liền đi dò sẵn lấy đường đất. Vào khoảng hết canh một sang canh hai, hai người liền cùng nhau thi triển cái tài phi thiềm tẩu bích, cứ nhảy truyền ở trên các nóc nhà vào thẳng đến nhà Kính thiên. Hai người tuy nghe thấy vua hãy còn thức, nhưng vốn tự cậy võ nghệ của

mình là vô địch, và xem kỹ thời thấy vua lại ngồi tay không chắc rằng thế nào cũng giết được như bỡn.

Nào đâu phúc nước Nam còn to, chỉ trong có giây phút mà vua đã tay không bắt sống được hai đứa cường gian.

Sau khi vua đã bắt được hai tên thích khách người Tàu rồi, ngài liền cất tiếng lên gọi:

– Bớ lính thị vệ!

Bọn lính thị vệ đang đêm bỗng thấy Hoàng thượng gọi, đều hoảng hốt chạy vào. Vua truyền gọi quan ngự doanh tuần kiểm sứ là Trần Đắc Công đến mắng rằng:

– Trẫm phong cho ngươi chức ngự doanh tuần kiểm sứ để làm gì? Mà đương đêm có thích khách vào mưu hại, ngươi không hề biết một ly nào cả. Nếu không phải là tay trẫm, mà lại gặp vào các ông vua khác, thời phỏng đêm nay có còn toàn được tánh mạng chăng?

Đắc Công sợ hãi không còn hồn vía nào nữa, cứ lạy thì thụp như cóc tấm, xin tha cho tội chết. Vua thấy vậy cũng thương tình mà ân xá cho. Tức thời ngài lại ngồi trên long sàng, truyền thắp nến hai bên cho thật sáng, rồi truyền lôi Phi Yến, Phục Hổ ra để hỏi. Hai người biết là không thể giấu được, liền cứ thực tường khai không còn bỏ sót một câu gì...

Vua nghe hai người nói xong, phì cười mà rằng:

– Đường đường là một nước nhớn, đi đánh một nước nhỏ, mà phải dùng đến thích khách để hại vua nước nhỏ, ấy sao mà cử động cách hèn mạt đến thế!

Nói rồi ngài liền truyền giam hai tên ấy xuống ngục đợi đến ngày thứ mười, lúc sắp cất quân Bắc phạt, sẽ đem giết để tế cờ.

Đến ngày thứ chín, Hám Hổ Hầu tâu rằng:

– Hiện đã kén được một vạn một nghìn quân cường tráng hợp với quân cũ cộng là mười vạn. Chiến mã một vạn con, thuần tượng một trăm cỗ.

Vua truyền đem chia quân thân binh ở Thuận, Quảng trước ra làm bốn doanh: tả, hữu, tiền, hậu. Mà quân mới lấy ở Nghệ An thời dùng làm trung quân.

Rồi vua tự thân cưỡi voi ra ngoài doanh, kiểm duyệt số quân lại một lượt. Vua truyền cho chúng ngồi cả xuống, rồi cất tiếng lên hiểu dụ rằng:

– Bớ ba quân! Nghe ta dặn: hiện nay quân nhà Mãn Thanh cậy thế mạnh sang xâm lấn nước ta, đã chiếm giữ mất thành Thăng Long rồi. Chúng bay đã biết hay chưa? Hỡi này ba quân! Nước Việt Nam ta đối với Trung Quốc, vốn là Nam, Bắc chia hai, giống nòi chẳng một, sao trời định sẵn, thế đất riêng rồi, chắc chúng bay cũng đã biết rồi đó. Vậy phàm là nòi giống đã khác, thời tất nhiên bụng dạ cũng không giống nhau, con vịt mẹ gà, khó bề thân ái, đó là cái lẽ tự nhiên của trời đất, chứ quyết không ai cưỡng bách với ai.

Tự đời nhà Hán đến giờ, người Tàu sang chiếm nước ta, tàn bại dân ta, hút sạch máu mủ của giống nòi ta, khiến cho ta nhẫn không thể nhẫn được, trải bao phen đổ máu, phơi thây, nhừ gan, nát óc, để lo toan chống lại với kẻ cường quyền.

Chắc chúng bay cũng còn nhớ chuyện vua Trưng Vương đánh nhau với nhà Hán, vua Hắc Đế, vua Bố Cái đánh nhau với nhà Đường, cùng là ông Quốc Tuấn ở nhà Trần thời chống giặc Nguyên, vua Thái Tổ ở nhà Lê thời cự nhà Minh. Ấy những vị ấy, đều là vì yêu nước ta, thương dân ta, mà không từ lấy tay bọ ngựa, chống lại bánh xe, để cứu vớt dân ta ra ngoài vòng nước lửa đó. Vì có những vị ấy mà ngót một nghìn năm nay, nước ta mới được còn, dân ta mới khỏi nhục, mãi cho đến ngày nay, vẫn còn được hưởng một cái vinh dự là một nước tự chủ ở cõi trời Nam. Này quân sĩ! Ai ngờ đâu đến bây giờ gặp phải vua tôi nhà Lê không biết nghĩ, nỡ đi làm như vậy! Để cho quân tướng nhà Mãn Thanh thừa thế hung tàn, cướp của giết người, trăm bề thảm hại, khiến cho toàn hạt Bắc Hà trong vòng có mấy tháng nay, mà đã hóa thành nơi sầu thành khổ ải! Ôi, người ngoài Bắc Hà kia vốn cùng với chúng bay cùng trong bọc một trăm trứng mà ra đấy! Chúng bay nghĩ tình anh em khổ sở như thế, phỏng chúng bay có cầm lòng đau đớn được chăng?

Vua nói đến đấy thời ngừng lại, ba quân đều reo lên rằng:

– Muôn tâu Bệ hạ, anh em chúng tôi ở ngoài Bắc Hà khổ sở như thế, xin Bệ hạ ra tay cứu vớt cho...

Vua nghe vậy, liền lại cất tiếng lên nói rằng:

– Bớ này ba quân! Nay trẫm sở dĩ cử đại binh đi đây, và chiêu mộ thêm kẻ cường tráng ở hạt này, biên vào quân ngũ, chính là để ra đánh đuổi giặc Thanh, và để cứu nhân dân ngoài Bắc Hà đó. Vậy chúng bay đã là người có khôn, phải nên nghĩ đến non sông tổ quốc, phải nên ghi lấy tình nghĩa đồng bào, mà cùng một lòng, một chí

gắng sức, gắng công tuân theo mệnh lệnh của trẫm, để mà cố cứu vớt non sông nòi giống ra ngoài vòng nước lửa. Nhời của trẫm dặn đây, chúng bay phải nên ghi lòng tạc dạ, cấm không được biếng nhác, bỏ qua, nếu sai thời sẽ phải xử theo quân lệnh đó.

Vua nói xong, các quan lại đều dạ ran lên và thưa rằng:

– Chúng tôi xin hết lòng tuân theo mệnh lệnh của Bệ hạ quyết không dám biếng lời.

Ngày hôm sau vua truyền lệnh đem giết hai tên thích khách Tàu để tế cờ, rồi cất quân đi, cơ nào đội ấy, kéo đi rất là nghiêm chỉnh. Đúng ngày 20 tháng chạp, thời đại quân ra đến núi Tam Điệp. Bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm đều ra đón và xin chịu tội.

Vua cười mà rằng:

– Đất Bắc Hà vừa mới yên, lòng người còn chưa phục, thành Thăng Long lại là đất bốn mặt đều là cõi chiến trường, không có chỗ hiểm trở nào có thể giữ được. Vậy mà các ngươi trơ trọi có một ít quân, người Tàu đem hàng 50 vạn quân sang cướp. Kẻ cố thần nhà Lê lại ra làm nội ứng, thế thì các ngươi còn xoay xở ra làm sao được? Cho nên đành phải nín náu để tránh nhuệ khí của nó, mà chia quân trấn giữ nơi hiểm yếu, lại giả làm cách bại vong tán loạn, cho khích bụng quân mà kiêu tình giặc, thì mẹo ấy cũng phải đó. Trước trẫm mới nghe thấy tin, đã đồ rằng Thời Nhiệm chủ mưu, sau hỏi Văn Tuyết thời quả thế thật!

Nói rồi, vua lại mật dụ cho tướng sĩ rằng:

– Trẫm với các ngươi hãy làm lễ ăn tết ở đây trước, đến hôm trừ tịch (tức là 30 tết) thì cất quân đi, quyết chỉ trong vòng ngày 5 tháng giêng thời thế nào cũng đã vào tới được thành Thăng Long, khi đó sẽ mở tiệc ăn mừng và thưởng xuân một thể... Các ngươi cứ vững dạ mà ghi nhớ đừng tưởng trẫm là nói ngoa...

Phụ mấy lời phê bình của Đồ gian:

"Non sông gấm vóc mà nỡ để cho Mãn Thanh chiếm đoạt, sự đó thật cũng không phải là ở trong ý liệu của vua Chiêu Thống. Cho nên vua Quang Trung không quá trách vua Chiêu Thống mà chỉ phàn nàn là nước không có người.

Than ôi! Một nước ngót hai mươi triệu người, mà từ xưa có lẽ hãm vào cái hổ nhục người không có!...".

VII

Chiều đông giục tết, gió bấc đưa năm, không bao lâu đã đến ngày 30 tết. Sáng ngày hôm ấy, trước ngoài ngự doanh nổi ba hồi trống lớn, rồi tiếp đến ba hồi chiêng, tiếng chiêng vừa dứt, vua Quang Trung ngự lên ngai rồng, truyền cho chư tướng vào nghe lệnh.

Trước hết sai Đại tư mã Ngô Văn Sở, hiệp đồng với Nội hầu Phan Văn Lân, đem tiền quân đi, làm tiên phong.

Hám Hổ Hầu đem hậu quân làm đốc chiến.

– Đại đô đốc Lộc, đô đốc Tuyết đem hữu quân cùng thủy quân vượt qua bể vào sông Lục Đầu. Rồi Tuyết thì kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng đường mé Đông; Lộc thì kéo về vùng Lạng Giang, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường về của quân Tàu.

– Đại đô đốc Bảo, đô đốc Mưu đem tả quân cùng quân tượng mã đi đường núi ra đánh phía Tây. Mưu thì đi xuyên sơn tắt ra huyện Chương Đức (nay là Chương Mỹ) gấp đường kéo thẳng đến làng Nhân Mục huyện Thanh Trì, đánh quân Điền Châu. Bảo thì thống xuất quân tượng, mã theo đường huyện Sơn Lãng ra làng Đại Áng thuộc huyện Thanh Trì, tiếp ứng cho mặt tả.

Xong đó, vua lại gọi Trần Viễn Mưu, Đặng Viễn đến trước Long ỷ mà bảo rằng:

– Trẫm nghe lời Văn Sở tâu, Viễn Mưu tuy là một kẻ thư sinh, mà cũng có chí khí khá, biết đi cáo tỏ việc tên trinh thám ở bên Tàu, để lo gỡ nạn cho quốc dân. Lúc ở ải Nam Quan, lại hay đặt ra kế sách để làm cho kiêu lòng địch, thực cũng tỏ ra có tài thao lược đó. Còn Đặng Viễn trong tay chỉ có mấy trăm quân sĩ, mà giữ trấn Cao Bằng được hầu tròn một tháng, làm cho toàn quân Điền Châu bị nhiều trận táng đởm kinh hồn, nếu không có hịch của Văn Sở, thời một mặt Cao Bằng người có thể làm một bức trường thành được đó. Tóm lại, hai ngươi sau này đều có thể làm được cột giường cho nước nhà cả, trẫm rất bằng lòng. Nay cho hai ngươi đem toán quân bản bộ và thêm ba nghìn quân tượng, mã theo giải rừng ngang, thẳng lên mặt Thao giang mà đánh úp quân Vân, Quý. Toán quân ấy chưa từng cùng ta giao chiến bao giờ, còn là sinh lực, hai ngươi phải nên cẩn thận...

Đặng, Trần cùng vâng lệnh lui ra.

Vua truyền lệnh xong, tự thống trung quân kéo thẳng ra ngoài Bắc Hà.

Đó thực là:

Giữa trời thét một tiếng loa,
Ba quân như hổ, kéo ra Bắc Hà,
Quyết đem khôi phục sơn hà,
Trước là vì nước, sau là vì dân.

Ngày mồng một tháng giêng năm Kỷ Dậu, đại quân của vua Quang Trung còn cách bến Giản Thủy ước độ 3 dặm. Bỗng thấy tiền đội tiên phong sai kỵ binh chạy trở lại báo rằng: "Ở bên kia sông Giản Thủy có một toán quân đóng chắn ngang trên bờ sông". Vua tức thời truyền hãy dừng quân lại, rồi một mình phóng ngựa đi trước, buột lên trên một trái đồi cao trông sang bên kia sông, quả nhiên thấy có một dãy trại đóng hàng chữ nhất cờ bay phấp phới, gươm giáo sáng choang, coi khí thế rất là nghiêm chỉnh. Trông xuống lòng sông thời mặt nước mênh mông, sóng gió gào thét, mà thuyền bè thời tuyệt nhiên không có một cái. Vua xem xong, lui xuống trung quân, gọi Văn Sở đến bảo rằng:

– Ở gần đây có một cánh rừng toàn là tre nứa. Ngươi khá lập tức phái một nghìn bộ tốt đi đẵn lấy tre nứa ấy, cuốn bè để sang sông. Hạn đúng giờ Ngọ mai, phải có bè cho quân sang, nếu sai sẽ phải án quân pháp.

Bảo xong, vua lại gọi Phan Văn Lân đến hỏi rằng:

– Ngươi có biết tướng án hạt ở bên kia là tướng nào không?

Văn Lân tâu rằng:

– Cứ như nhời quân trinh thám báo thời đó là một toán nghĩa binh của nhà Lê. Viên chánh tướng là Hoàng Phùng Cơ, cùng chín người con giai, đều là những tay võ dũng, và rất có khí tiết. Phó tướng là Đặng Bạt, võ nghệ lại càng siêu quần xuất chúng, đã có người gọi anh ta là "An Nam Mã Siêu".

Ngoài hai viên tướng ta ra, lại có 3 viên tướng Tàu là Lưu Ỷ, Trình Ngân và Mã Khai cũng đều là những tay muôn người không địch được. Ba tên ấy vâng mệnh Tôn Sĩ Nghị vào đấy để giữ giúp Hoàng Phùng Cơ và Đặng Bạt...

Vua nghe vậy mỉm cười mà rằng:

– "Kiềm chế" thì có chữ giữ giúp giữ giếc gì.

Nói rồi, ngài gọi Phan Văn Lân lại gần truyền thụ mật kế. Rồi truyền lệnh toàn quân hãy ngầm lui vào cả trong khu rừng, phải im chiêng lặng trống và không được chuyện nói ồn ào. Chờ lúc nào bè buộc xong sẽ nhất tề sang sông...

VIII

Nói về Lưu Tiến đóng quân ngày hôm trước, đến ngày hôm sau thời Sầm Nghi Đống thống xuất đại đội nhân mã tới nơi.

Sầm Nghi Đống sai Lưu Tiến đem quân đánh thành, rồi tự đem quân làm hậu ứng.

Lưu Tiến vâng lệnh cùng bốn viên nha tướng là Hoàng Phong, Lưu Đức, Mã Kỳ, Trần Tiềm kéo quân đi, mới đi được độ hơn 20 dặm thời đã gặp quân Nam bày trận án ngữ.

Đặng Viễn phóng ngựa ra trước, quát to lên rằng:

– Thanh tướng! Nước ta với nước mày, từ xưa vốn nghĩa lân giao. Bây giờ bỗng dưng định đem quân sang xâm lấn là cớ chi?

Lưu Tiến giơ chiếc hoạch kích chỉ vào mặt Đặng Viễn mà rằng:

– Chúa Tây Sơn nhà mi cậy mạnh hiếp vua cướp nước tội ác tày trời... Nay thiên triều hoàng đế sai chủ tướng ta đem quân hưng diệt, kế tuyệt, để tỏ nghĩa lớn cho thiên hạ. Mi nếu khôn hồn thời hàng ngay đi, nay mai vua Lê nhà mi phục được nước, mi cũng không mất ngôi sung sướng đâu...

Đặng Viễn nghe dứt nhời, cười khà khà mà rằng:

– Vua nhà Thanh nếu quả có lòng hưng diệt kế tuyệt, sao không viết thư sang khuyên dụ chúa ta, nếu quả nhời nói hợp nhẽ thời "hiềm" gì mà chúa ta không nghe... Hà tất phải cử tới 50 vạn binh mã sang làm gì cho tổn sức? Này ta bảo cho nhà ngươi biết: cái cách "dùng kẹo để nhử trẻ con" ấy, chỉ có thể lừa được nước khác, chứ không lừa được nước ta đâu!

Đặng Viễn nói dứt nhời, Lưu Tiến nổi giận đùng đùng, sai Hoàng Phong xông sang khiêu chiến. Đặng Viễn không hề trù trừ, vung thương phóng ngựa ra tiếp chiến với Hoàng Phong. Đánh nhau

ước được 7, 8 hợp, Đặng Viễn nghĩ thầm trong bụng: nếu giờ mình giả thua ngay, thời họ sẽ đoán biết được kẻ sách của mình. Chi bằng ta hãy giết quách bỏ một tên này, để gợi thêm lòng tức của họ, rồi ta sẽ chạy cũng vừa... Nghĩ vậy, liền dùng toàn lực mà đánh nhau với Hoàng Phong, chỉ độ dập bã trầu, thương pháp của Hoàng Phong đã ra chiều luống cuống. Đặng Viễn thừa thế thét to lên một tiếng, đâm thẳng mũi thương sang, trúng ngay vào yết hầu Hoàng Phong. Hoàng Phong không kịp kêu, ngã gục ngay xuống lưng ngựa mà chết... Bên kia Lưu Tiến thấy vậy, nổi giận đùng đùng, sai cả Lưu Đức, Mã Kỳ, Trần Tiềm, 3 tướng xông ra đánh nhau với Đặng Viễn... Đặng Viễn một mình đánh nhau với 3 tướng, chỉ được hơn 10 hợp, xem chiều không thể địch được, liền gạt vờ một thương quay ngựa chạy về bản trận. Ba tướng không chịu bỏ, phóng ngựa đuổi theo. Lưu Tiến thấy vậy, phất chiếc cờ lệnh, tức thời toàn quân đều kéo tràn cả sang, thế mạnh như nước chảy... Đặng Viễn vừa đánh, vừa nhằm thẳng về phía núi Bạch Tỵ mà chạy. Lưu Đức, Mã Kỳ, Trần Tiềm đốc thúc quân bản bộ đuổi theo, mới được độ hơn 4 dặm đường, bỗng trông thấy Đặng Viễn tất tưởi chạy vào trong khe núi. Lưu Đức nói to lên rằng:

– Hãy khoan đã, ta đừng đuổi vội, đằng trước toàn là rừng sâu núi rậm, e có quân phục, để chờ hỏi tiên phong xem đã.

Vừa nói dứt nhời, thời Lưu Tiến cũng vừa đuổi tới nơi. Lưu Đức liền thuật cái ý kiến của mình cho Lưu Tiến nghe. Tiến phát cáu lên rằng:

– Kế sách cái quân rợ mọi ấy! Nếu nó có kế, vừa rồi nó lại không chém chết Hoàng Phong! Sao các ngươi gàn thế? Đuổi mau! Đuổi mau!

Dứt nhời, phóng ngựa đi trước, ba tướng đều phải cắm cổ chạy theo... Tiếng reo tiếng hò, long trời lở đất. Khi đã tới khe núi, quân không đi hàng đôi hàng ba được nữa, đành phải dừng cả lại, chia rẽ ra cứ hàng một mà đi. Chính đang lúc nhốn nháo, kẻ tranh đi trước, người lùi lại sau, bỗng nghe thấy liên thanh pháo nổ, chiêng trống rầm rầm. Nguyễn Lương, Hoàng Viết Triệu đem toán quân "khiên" "mộc" từ bên hữu núi Bạch Tỵ xông ra, Trần Văn Lung, Đinh Văn Mão đem toán quân "khiên" "mộc" từ bên tả núi Bạch Tỵ xông ra, phía trước mặt, Đặng Viễn đem quân đánh ập lại. Lưu Tiến cuống cuồng, thúc quân tháo chạy. Nhưng trong khi đã cuống, chỉ cứ giày xéo lên nhau mà chết, chứ còn chạy làm sao được. Mã Kỳ, Lưu Đức, Trần Tiềm cùng xông lại đánh nhau với Đặng Viễn để cho Lưu Tiến

tháo chạy. Chưa được mấy hợp, Mã Kỳ, Trần Tiềm đều bị Đặng Viễn đâm chết, Lưu Đức không còn hồn vía nào nữa, vội vàng bỏ Đặng Viễn mà chạy, vừa được một quãng, bị Nguyễn Lương bắn một mũi tên xuyên yết hầu mà chết... Quân Nam thấy bốn tướng đã chết, thừa thế chém giết, chẳng khác gì thái khoai chém chuối... Quân Thanh bị chết không biết bao nhiêu mà kể.

Nói về Sầm Nghi Đống đóng quân ở đại trại, nghe tin Lưu Tiến thắng trận, đang đem toàn quân đánh đuổi tướng Nam, liền thống xuất đại quân đi vòng đường tắt đến đánh úp trại quân Nam. Trong bụng Nghi Đống tự nghĩ: chỉ một trận ấy đủ khiến cho tướng Nam chết không có chỗ chôn. Ngờ đâu khi tới gần trại quân Nam, Nghi Đống vừa mới phất cờ cho quân sĩ xông vào, bỗng nghe thấy một hồi tù và thổi rất gấp, tức thời tên nỏ ở trong trại bắn ra như mưa. Nghi Đống biết là trong trại có phòng bị, nhưng trong bụng vẫn nắm chắc là quân Nam không có mấy, nên truyền cho quân cảm tử cứ gạt đám (mưa tên) mà xông vào, quyết phá được trại quân Nam mới nghe... Một ngọn cờ lệnh phất lên. Tức thời toán quân cảm tử liều chết xông vào. Nào ngờ khi vào vừa sát trại, bỗng lại nghe thấy một hồi trống trận nổi lên, tức thời toán quân Nam cầm gậy đôi đều từ trong trại nhẩy xổ ra, trăm cái gậy đều cất lên, đều giáng xuống, cái tiếng "vun vút", "choang choang" tiếp luôn nhau nhanh như mưa sa gió táp. Toán quân cảm tử của Sầm Nghi Đống bị dập mặt, vỡ óc, gãy lưng, lăn quay ra mà chết như giạ.

Sầm Nghi Đống từ khi biết việc cầm quân, đánh đông dẹp bắc đã nhiều, thật chưa từng thấy cái khí giới oái oăm và lợi hại thế bao giờ. Biết sức không thể phá nổi, đành hô quân tháo lui. Tiếng hô vừa dứt, bỗng thấy một tên lính kỵ mã từ đàng Đông chạy tới kêu to lên rằng:

– Bẩm tướng quân nguy to mất rồi! Đại trại của ta bị quân Nam lẻn đến đốt cháy tứ tung cả rồi! Xin tướng quân hồi quân về cứu mau mới kịp...

Sầm Nghi Đống nghe dứt lời, dậm chân xuống đất mà rằng:

– Nếu vậy thời ra ta bị trúng gian kế rồi! Không khéo cả toán quân của tiên phong cũng trúng kế nốt...

Nói xong, thúc quân kíp lui, may được quân Nam vẫn cứ ở yên trong trại không đuổi, nên lúc Nghi Đống lui quân không bị thiệt hại.

Nghi Đống hấp tấp kéo quân chạy được một quãng bỗng thấy phía bên tả có một toán quân vùn vụt chạy đến, nhanh như mây bay gió cuốn...

Nghi Đống cả kinh mà rằng:

– Chết chưa! Đại trại đã bị đốt, đến đây lại gặp phục binh, ta còn chạy đi đằng nào được bây giờ?!...

Nói về Sầm Nghi Đống đang lúc kéo quân chạy về cứu trại, bỗng thấy một toán quân vùn vụt từ phía bên tả chạy tới, tưởng là phục binh của quân An Nam, sau nhận kỹ mới biết là toán quân của Lưu Tiến. Nghi Đống liền dừng quân lại để hỏi Lưu Tiến từ đâu mà đến. Tiến thuật hết đầu đuôi việc thất bại, và kêu nài xin tha tội chết...

Nghi Đống lắc đầu thở dài mà rằng:

– Ta không ngờ quân rợ mọi mà cũng dùng trí thuật như vậy. Thôi thắng bại là việc thường của nhà binh, ta sẽ thứ tội cho. Bây giờ ngươi hãy cùng ta mau mau về cứu đại trại.

Dứt nhời, hai toán quân hợp một, cùng nhau vội vàng nhằm con đường thiên lý mà chạy. Khi gần tới nơi, quả nhiên thấy ngọn lửa hãy còn bốc cháy ngùn ngụt, tiếng reo hò long trời lở đất. Nghi Đống thấy vậy, tức lên lộn ruột, liền truyền lệnh toàn quân hãy bổ vây khắp xung quanh đại trại đã, rồi cùng với Lưu Tiến mỗi người đem một toán quân tinh nhuệ xông vào vừa chữa cháy vừa đánh giết quân phóng hỏa. Ngờ đâu khi xông vào tới nơi chỉ thấy toàn quân mình kêu la rầm rĩ, mà toán quân phóng hỏa thời đã lẩn mất từ bao giờ rồi. Nghi Đống thấy vậy càng lấy làm chán ngán, đành chỉ hội quân hết sức dập tắt lửa. Mãi tới ngót nửa ngày, ngọn lửa mới tắt hết, xem đến kho lương thực thời bị cháy sạch, kiểm điểm lại quân sĩ, chết tới hơn hai nghìn. Nghi Đống phàn nàn nói với các tướng rằng:

– Không ngờ mới giao chiến có một trận mà quân mình bị thiệt hại đến nhường vậy! Ấy là toàn quân của ta đây còn trì trọng giữ gìn đôi chút, nếu lại kiêu căng khinh địch như toán quân của Tôn tổng đốc, thời chưa biết bị thiệt hại đến thế nào? Cứ mau này, đánh được xuống tới Thăng Long cũng còn khó...

Nghi Đống vừa nói dứt nhời, một viên mãnh tướng là Hứa Phục đứng phắt lên nói rằng:

– Sao tướng quân đã vội nản lòng như thế? Trận vừa rồi sở dĩ thất bại một là bởi Lưu tiên phong lầm trúng phải gian kế, hai

là vì quân ta mới tới nơi, chưa hiểu tình hình quân thế của bên địch ra sao... Bây giờ, nhờ một trận thất bại này mà ta đã hiểu rõ được cái khóe dụng binh của bên nọ rồi, thời còn lo gì không trường khu thẳng tiến được nữa! Mạt tướng này bất tài, sáng mai xin một mình ra trận, quyết lấy đầu Đặng Viễn đem nộp, nếu trái, xin chịu quân pháp.

Sầm Nghi Đống nghe Hứa Phục nói xong, cả mừng mà rằng:

– Nếu nhà ngươi lấy được đầu Đặng Viễn, ta sẽ ghi vào công đầu cho.

Hứa Phục được lệnh, rất lấy làm vui mừng. Sáng hôm sau cho quân sĩ ăn uống no đủ, rồi lên ngựa kéo thẳng đến trước trại quân Nam khiêu chiến.

Nói về Đặng Viễn sau khi đã thắng trận về trại, các tướng xin thừa thế đánh tràn vào trại quân Thanh. Đặng Viễn nói:

– Quân Thanh nhiều hơn quân ta gấp trăm lần. Ta chỉ có thể trí thủ, quyết không có thể lực địch. Vừa rồi quân Thanh sở dĩ đại bại, là vì trót đã trúng kế, đâm lòng hoảng sợ, không còn kỷ luật, ta giết chết được một phần, họ tự giày xéo mà chết cũng tới hai phần... nên mới đến cái nông nỗi như vậy. Bây giờ họ đã thu hồi cả toán quân, nếu mình lại tràn sang để đánh, họ tất lấy toàn lực để kháng cự, lấy một địch với mười cũng còn khó, nữa chi là lấy một địch với trăm? Ta chắc thế nào cũng bị thất bại mà thôi. Chi bằng thừa lúc họ còn đang chỉnh bị quân đội, ta cho quân yên nghỉ dưỡng sức, chờ lúc họ đến, ta sẽ dùng kế mà phá, chẳng càng dễ dàng hơn sao?

Các tướng nghe nói đều lấy làm phải. Đặng Viễn lại sai người vào thành báo với Lý Tập. Tập nghe báo rất mừng.

Nguyệt Kiều nói:

– Quan lớn đừng lấy thế làm mừng vội. Tôi e từ nay trở đi, quân Thanh không là kiêu binh, mà đã thành ra phẫn binh. Địch với kiêu binh dễ chứ địch với phẫn binh thời khó. Quan lớn nên kíp báo cho Đặng phó tướng biết mà phòng bị mới được.

Lý Tập lấy làm phải, liền sai người đem ý kiến ấy mật báo với Đặng Viễn.

Ngày hôm sau, Đặng Viễn đang cùng các tướng hội nghị ở trong trại, bỗng nghe thấy bên ngoài chiêng trống rầm rầm, tên tiểu tốt vào báo rằng:

– Có viên tướng Tàu đem quân khiêu chiến, khí thế rất là hăng hái.

Đặng Viễn nghe báo, liền cất tiếng lên hỏi:

– Có ai dám ra đối địch với tên tướng Tàu bây giờ không?

Dứt tiếng hỏi, Hoàng Viết Triệu đứng phắt dậy xin ra. Đặng Viễn ưng lời. Hoàng Viết Triệu tức thời nai nịt gọn gàng, cầm chiếc trường thương, nhảy lên ngựa, xông ra trước trận, vừa dứt ba hồi trống trận, hai tướng áp lại đánh nhau, thương pháp của Viết Triệu tuy giỏi, song cũng không thể địch được với chiếc hoạch kích thần xuất quỷ nhập của Hứa Phục, nên chỉ mới đánh nhau được độ hơn mười hợp, Viết Triệu đã bị một chiếc hoạch kích giáng vỡ đầu, lăn nhào từ lưng ngựa xuống đất mà chết!

Hứa Phục thấy vậy, cười khanh khách mà rằng:

– Chà cái đồ khốn nạn, đánh nhau không chịu nổi mười hợp, thế mà cũng tướng với tá rộn cả lên!

Dứt nhời, lại chỉ hoạch kích vào trong trại gọi to lên:

– Bớ tướng Nam, có bao nhiêu, mau mau ra cả đây mà chịu chết!

Đặng Viễn ở trong trại nghe tin báo ấy rất lấy làm căm tức, vừa toan đứng dậy, thân tự ra trận, Đinh Văn Mão vội vàng cản lại mà rằng:

– Còn chúng tôi đây, xin tướng quân không phải ra vội. Để tôi xin ra chém đầu tướng Thanh, báo thù cho anh Viết Triệu.

Nói dứt nhời, vác ngay đôi búa, nhẩy phắt lên ngựa, vùn vụt xông ra trước trận, thét to lên rằng:

– Thanh tướng! Mi đã trông thấy Đinh tướng quân chưa? Mau mau mang đầu lại nộp đây!

Hứa Phục đang lúc chờ đợi, bỗng thấy lai tướng rất là dũng mãnh, liền có ý cẩn trọng, đợi cho Văn Mão xông lại đánh trước, rồi mới đỡ sau. Sau khi hai tướng đã cùng giao chiến, búa đi, kích lại, vùn vụt như thoi đưa chớp nhoáng... ước tới hai ba mươi hợp mà vẫn chưa chia được thua. Hứa Phục thấy Văn Mão càng đánh càng hăng, nghĩ thầm trong bụng:

– Tên "mọi" này cứng lắm, không dùng thế, quyết khó lòng mà trị nổi. Nghĩ vậy, liền gạt vờ một ngọn kích, rồi quay ngựa chạy về bản trận. Văn Mão thấy Hứa Phục bỏ chạy, yên trí là giặc đã thua rồi, liền quát to lên rằng:

– Tướng Thanh, mi có chạy lên đằng giời!

Dứt nhời, phóng ngựa cắm cổ đuổi theo. Hứa Phục thấy Văn Mão đuổi, không chạy về bản trận, rẽ chạy sang phía bên tả, Văn Mão thấy vậy càng da roi đuổi riết... Bất thình lình một mũi tên vụt bay đến, trúng dọc suốt cổ Văn Mão, Mão chỉ kêu lên được một tiếng, tức thời lộn nhào xuống ngựa mà chết!

Sau khi Văn Mão đã chết, Hứa Phục lại quay đến trước cửa trại quân Nam để khiêu chiến. Phục lại cho hai tên quân, một đứa cầm đầu Văn Mão, một đứa cầm đầu Viết Triệu, cùng giơ lên mà reo hò ầm ĩ.

Tin ấy báo vào trong trại, Đặng Viễn nổi giận đùng đùng, tức thời nai nịt, nhảy phắt lên ngựa, xông ra trước trận thét to lên rằng:

– Thanh tướng! Đừng có khoe tài, Đặng tướng quân đã ra đây!

Tiếng thét vang lên như sấm, làm cho Hứa Phục giật nảy mình. Liền vội vàng trông sang trận bên Nam, thấy một tướng mặt to, mắt tròn, mồm rộng, râu ba chòm buông tỏa xuống quá ngực, mình đeo kính nỗ, tay cầm trường thương, ngồi trên con ngựa ô vân, oai phong rất là lẫm liệt.

Hứa Phục nghĩ thầm trong bụng: lão này có lẽ mới thật chính là chủ tướng đây! Ta phải nên thận trọng mới được. Nghĩ vậy liền cất tiếng lên hỏi:

– Nam tướng! Nhà ngươi là viên quan trấn thủ trấn Cao Bằng này đó phải không? Cớ sao thiên binh đã đến đây mà không chịu đầu hàng, lại còn dám kháng cự?

Đặng Viễn chỉ ngọn thương vào mặt Hứa Phục mà rằng:

– Ta trông bộ dạng mi không phải là Sầm Nghi Đống không bõ cùng ta nói chuyện, xem thương đây!

Dứt nhời, cung thương xông thẳng sang đánh nhau với Hứa Phục. Hứa Phục vội vung hoạch kích lên đỡ. Hai tướng đánh nhau tới hơn 50 hợp, Hứa Phục nghe mình đã thấy mỏi mệt, mà Đặng Viễn thời càng thấy hăng hái lên bội phần. Bỗng Đặng Viễn thét lên một tiếng, gạt mạnh một cái bay mất hoạch kích của Hứa Phục. Hứa Phục kêu rú lên một tiếng, vội thích ngựa chạy về bản trận, Đặng Viễn thấy vậy, không nói năng gì, quay ngựa lui về bản trại. Hứa Phục thừa thế, cũng vội vàng thu quân về trại. Rồi đến trước trung quân xin phục tội với Sầm Nghi Đống.

Nghi Đống nói:

– Nhà ngươi tuy bại trận, nhưng trước cũng đã chém được hai tên tướng Nam, có thể đem công mà chuộc tội được. Nhưng không biết nhà ngươi bị thua viên tướng ấy tên là gì?

Hứa Phục nói:

– Bẩm tiểu tướng trông trên cờ chỉ thấy có một chữ Đặng.

Hứa Phục vừa nói đến đấy, một tên thám tốt nói theo rằng:

– Bẩm nếu cờ đề chữ Đặng thời tức là Đặng Viễn. Người ấy binh thư võ nghệ rất giỏi, nghe đâu về hồi còn nhà Lê, người ấy đỗ tới Tạo sĩ, hiện làm phó tướng ở trấn Cao Bằng. Còn viên chánh tướng lại là quan văn, ông ta tên là Lý Tập, có lẽ Lý Tập vẫn còn đóng quân ở trong thành.

Sầm Nghi Đống nghe xong ngẫm nghĩ một hồi, bất giác vỗ đùi cười mà rằng:

– Nếu vậy được rồi! Ta có kế lấy được Cao Bằng rồi!

Nói rồi, gọi Hứa Phục đến truyền thụ mật kế.

Nói về Đặng Viễn, sau khi về trại, cho quân yên nghỉ để chờ đến mai sẽ lại ra trận. Suốt ngày hôm sau, chờ mãi vẫn không thấy tướng Thanh đến khiêu chiến, trong lòng lấy làm nghi lạ, liền sai thám tử đi dò xem tình ý thế nào.

Hồi lâu, thám tử về nói trong trại quân Thanh vẫn yên lặng như thường. Duy về phía núi Hoành Hóa hình như có vết binh mã vừa kéo đi. Đặng Viễn nghe nói dứt nhời, dậm chân xuống đất mà rằng:

– Nếu vậy! Nếu vậy thời trấn thành nguy mất rồi!

Hoàng Liễu thấy vậy vội hỏi vì cớ sao? Đặng Viễn nói:

– Con đường qua núi Hoành Hóa tức là con đường đi tắt về trấn thành. Chắc là Sầm Nghi Đống nó thấy ta án ngữ đây, không thể đánh nổi, nên mới đem quân cất lẻn đến lấy trấn thành.

Hoàng Liễu nói:

– Hiện ở trấn thành có Lý chủ tướng, lại có cả Lê phu nhân giúp sức, thiết tưởng cũng chưa đến nỗi nào.

Đặng Viễn nói:

– Nhà ngươi nên biết rằng: con rết sở dĩ khỏe và nhanh cũng là nhờ có nhiều chân. Lý chủ tướng tuy có tài thao lược, Lê phu nhân

tuy có chí anh hùng nhưng các quân thủ thành toàn là dân phụ, tục ngữ có nói "trăm hay chẳng bằng tay quen", chúng nó tuy cố kỉnh đến đâu, cũng không thể bằng quân đã thao luyện. Huống chi bao các tướng tá kha khá, đều đã theo ta ra trận tiền cả rồi, còn ai là người giúp sức nữa...

Nguyễn Lương nói:

– Bẩm phó tướng, nếu vậy thời xin phó tướng lập tức đem toàn quân về cứu thành mới kịp.

Đặng Viễn cười mà rằng:

– Cứ như nhà ngươi, thời chỉ kéo quân đi cho chúng giết thì có, còn quân đâu nữa mà cứu thành.

Nói rồi, gọi Hoàng Huân, Lý Phục đến bảo rằng:

– Từ đây về thành còn một lối đi tắt nữa, lối ấy qua suối Lạch, sang Đèo Voi, rồi đi thẳng về phía Tây trấn thành, đường đi ước độ 24 dặm. Chắc thế nào Sầm Nghi Đống nó cũng cho quân mai phục ở đấy để phòng quân ta về cứu thành. Giờ hai anh lập tức đem một trăm quân đoản đao thừa hư đến đánh úp toán quân mai phục ấy; đánh xong mang ngay quân đi gấp về cứu thành.

Hoàng Huân, Lý Phục vâng lệnh lui ra. Đặng Viễn lại gọi Nguyễn Bích, Hoàng Liễu bảo rằng:

– Sau khi ta đây cất quân đi, chắc tướng Thanh nó phải đem quân đuổi. Hai anh khá đem một trăm quân vừa cung nỏ, vừa đoản đao phục ở hai bên trại quân Thanh, chờ lúc nó đem quân ra khỏi trại, lập tức đốt pháo làm hiệu, xông vào trại nó mà đánh phá. Nó sợ trúng kế, tất quay quân trở lại. Hai anh lập tức rút quân, đi theo con đường núi Hoành Hóa, thẳng về cứu thành...

Hai tướng lĩnh mệnh lui ra, Đặng Viễn tức thời truyền lệnh quân sĩ, *người ngậm tăm, ngựa bỏ nhạc, kéo quân theo con đường đại lộ* thẳng về cứu thành...

... Đêm hôm ấy, trên trời mây đen như mực, mặt đất sương mù bốc lên ngùn ngụt, người đi lại chạm mặt nhau cũng không biết.

Lý Tập cùng phu nhân đi rảo khắp một lượt trên mặt thành, thấy dân phu ở các "chòi" canh giờ đều cẩn mật, liền cùng lui về tư thất. Bấy giờ vào khoảng cuối canh một đầu canh hai, chung quanh đâu đấy nghe đều im lặng. Nguyệt Kiều phu nhân vì bận cho con bú, nên đi ngủ trước.

Còn mình Lý Tập ngồi xem sách ở trong thư phòng. Chính đương lúc say sưa về những câu nghĩa lý sâu xa và đằm thắm ở trong sách, bỗng nghe thấy pháo nổ đùng đùng, luôn một hồi tới 4, 5 mươi tiếng, thời giật nẩy mình, vội vàng đặt sách xuống bàn, thắt chặt dây lưng ra ngoài với lấy thanh bảo kiếm treo trên vách, mở cửa ra hè, vừa toan gọi mấy tên lính nhà trong, bảo cùng theo đi, bỗng thấy mấy tên phu dân hoảng hốt chạy vào kêu to lên rằng:

– Bẩm quan lớn nguy to mất rồi! Quân Thanh đã vây đặc cả xung quanh thành, đèn đuốc sáng như sao sa, họ đang hò reo sắp sửa đăng thành rồi!...

Lý Tập nghe vậy, vội vàng nhảy phắt lên ngựa chạy vụt ra mặt thành để truyền quân phòng bị...

Nói về cậu con trai ông bà Lý Tập mới sinh được sáu tháng. Lý Tập đặt tên là Thành Chí. Bấy lâu vẫn ngoan ngoãn, chịu ăn chịu chơi, suốt ngày thường không có một tiếng khóc. Nguyệt Kiều phu nhân vì hiếm hoi, nên quý mến như vàng, chỉ mướn một người vú già thỉnh thoảng bồng bế thay, còn việc bú mớm, thời phu nhân tự đảm nhiệm. Từ khi xẩy có việc quân, phu nhân thường phải săn sóc tới bọn dân phu, cắt đặt việc phòng thành, và luyện tập cho chúng biết đôi chút về chiến thuật...

Bởi thế nên sự ăn uống của Thành Chí cũng thất thường, khi no, lúc đói, lúc sớm, khi muộn... bởi thế nên Thành Chí cũng sinh ra lèo nhèo, hay quấy. Hôm đó lại bị nóng ngay từ ban chiều, nên tối đến cứ bấu chặt lấy mẹ không chịu rời. Lúc Lý Tập ra khỏi, phu nhân ở trong phòng cũng biết, nhưng lừa dỗ hết cách mà Thành Chí vẫn không chịu rời, phu nhân sốt ruột quá, bất đắc dĩ phải nai nịt thật gọn ghẽ, rồi lấy mấy vuông vải làm địu, buộc chặt Thành Chí vào lưng, rồi mỗi tay cầm một thanh bảo kiếm, ra cửa, lên ngựa, đi thẳng ra phía cửa Đông Nam để cự địch...

"Tùng! Tùng!... Bớ ba quân, phải cùng hết sức mà đăng thành!".

Đó là tiếng truyền loa hô quân của Sầm Nghi Đống.

Sầm Nghi Đống sau khi đã cùng chúng tướng bàn định toan thừa hư đánh úp lấy trấn Cao Bằng, liền sai Hứa Phục thống xuất 5 nghìn quân giữ Đại trại. Đánh lừa Đặng Viễn hình như toàn quân vẫn đóng ở đấy. Lại sai hai viên du kích đem hai nghìn quân mai phục tại suối Lạch, để phòng hoặc Đặng Viễn có biết mà đem quân

cứu về thành tất phải đi gấp theo đường tắt, sẽ chờ ở đấy mà đánh chẹn đường...

Lại dặn Hứa Phục, hễ thấy quân Nam dao động, kíp đem quân đuổi đánh, một đằng toán quân ở suối Lạch đánh lại, một đằng toán quân ở Đại trại đánh đi, giáp kích 2 đầu, thế nào cũng được đại thắng. Sầm Nghi Đống sai phái xong, liền tự thống đại đội binh mã cuốn cờ lặng trống, lẻn đi con đường núi Hoành Hóa thẳng đến đánh úp trấn Cao Bằng.

Khi đến nơi, mới vào khoảng cuối canh một, đầu canh hai, Nghi Đống ngầm sai bổ vây khắp xung quanh thành, xong rồi mới nổi hiệu đốt thuốc. Tưởng chừng làm cách "đại lôi bất cập yểm nhĩ" như thế, thể nào quân trong thành cũng giở tay không kịp, sẽ không mấy lúc mà lấy được thành. Không ngờ vừa lúc quân mình hò reo đốt đuốc, thời nghe thấy ở trên mặt thành tiếng tù và thổi sen với tiếng trống ngũ liên, inh ỏi váng tai rức óc, tức thời cứ cách 15 thước đã thấy đốt một cây đuốc đình liệu cao tới hơn 10 thước, ngọn lửa bốc lên rừng rực, trông chẳng khác một bức thành lửa. Ở dưới đuốc và trên mặt thành, người đứng chen vai nhau như nối thêm một lần hàng rào. Bọn người ấy toàn dùng nỏ mạnh, cứ nhằm toán quân Thanh nào vào sát gần tới bên hào là bắn xuống như mưa. Quân Thanh đã hết sức 3, 4 lần xung sát, đều bị tên nỏ bắn cản lại, chết mất vô số.

Sầm Nghi Đống đứng ở trong trận, trông lên mặt thành, thấy có một người đàn bà, hai tay hai kiếm, đi lại chỉ huy nhanh như con chim cắt, trong bụng lấy làm lạ, bất giác cứ đứng ngây người ra mà trông. Nguyệt Kiều thấy vậy, ngừa tiết chỉ vào mặt Nghi Đống mà quát to lên rằng:

– Sầm Nghi Đống! Mi tự phụ là một viên đại tướng của thượng quốc, trong tay cầm tới 5 vạn quân, mà dùng cách đánh trộm một tòa thành nhỏ thế này, chẳng lấy hổ thẹn lắm sao? Này đây, ta cho mi biết cái thủ đoạn của đàn bà An Nam, rồi sẽ coi đó là liệu.

Dứt nhời, chỉ nghe thấy một tiếng "tách", tức thời một mũi tên bắn trúng ngay vào mắt ngựa của Nghi Đống. Con ngựa bị đau, nhảy chồm lên, vật Nghi Đống ngã lộn xuống đất. Các tướng vội xúm lại, đỡ Nghi Đống dậy, lấy ngựa khác cho Nghi Đống cưỡi, rồi nghiến răng lại chỉ lên phu nhân mà rằng:

– Con tiện tỳ kia mày to gan thật! Ta không phá vỡ được thành, ta quyết không lui quân đêm nay.

Nói rồi, truyền quân sĩ căng màn "da" lên trên để che tên. Quân sĩ cứ chui cả ở dưới bò áp vào chân thành. Nguyệt Kiều thấy vậy, liền cùng với Lý Tập truyền dân phu dùng tên lửa cứ nhằm trên màn "da" mà bắn xuống. Một toán dân phu khác chuyên việc ném xuống màn "da" những "đon" rơm nhỏ độ nửa ôm. Tên lửa bắn vào rơm, rơm cháy, tức thời màn da cũng cháy, bao nhiêu quân Thanh chui ở dưới màn da cũng cháy, đứa thời sầy trán, đứa thời phồng tay, có đứa lửa bén vào quần áo dập không tắt, cứ lăn lông lốc như một cái "con lăn" bằng lửa, tiếng kêu, tiếng khóc, vang trời dậy đất...

Sầm Nghi Đống thấy vậy thời căm tức vô cùng, nhưng cũng vô kế khả nại, đành truyền loa cho quân sĩ hãy tạm lui. Quân trên thành thấy quân địch đã lui thời cũng thôi không bắn nữa. Lúc bấy giờ gà đã gáy dồn, đứng trên mặt thành mà trông về phía Đông, đã hơi có vẻ đỏ hồng hồn ẩn hiện ở trong đám mây mù. Nguyệt Kiều phu nhân bấy giờ mới sực nghĩ đến con buộc địu ở sau lưng, liền vội vàng đi vào trong chòi canh, cởi địu ra để cho bú. Khi cởi ra, đón vào lòng, thấy Thành Chí vẫn ngủ say tít. Phu nhân cười nói với những người xung quanh rằng:

– Thằng bé này có lẽ là Lưu Thiện phục sinh chắc! Đánh nhau, hò hét đến như thế, mà ngủ được.

Trong đám dân phu, có người nói lên rằng:

– Bẩm đó là lòng trời tựa quân ta, để cho công tử ngủ yên thời phu nhân mới có thể xông pha mà chỉ huy dân chúng được. Nếu đang khi đánh nhau mà công tử khóc lên tất phu nhân phải bỏ việc chỉ huy để dỗ công tử, thời thành này đã bị mất ngay từ lúc quân Thanh nó đội màn da mà lên rồi, còn đâu đến giờ nữa!

Phu nhân nói:

– Các người nghĩ thế thời lầm! Đã đành rằng ai có con lại không thương không quý. Nhưng đối việc nghĩa lớn, thời có khi phải dứt bỏ cả tình thân xương thịt. Tức như trong lúc chinh chiến vừa rồi, tôi phải coi sinh mệnh tài sản của các anh, và cái thành Cao Bằng này của nước Nam, cùng với cái nghĩa vụ đối với quân thượng, đối với giống nòi của vợ chồng tôi quý gấp con tôi bội phần. Nếu gặp lúc thế nguy, mà có ai bảo bỏ con tôi đi, thời sẽ giữ vững được thành Cao Bằng này, tôi cũng xin cam tâm, không hề lưỡng lự.

Phu nhân nói đến đấy, bọn dân phu đều reo lên rằng:

– Phu nhân coi nòi giống, đất nước và nghĩa vụ trọng hơn cả con mình dứt ruột ra, thật là một tấm lòng công bằng lỗi lạc ít có. Anh em chúng tôi cũng xin theo gương phu nhân để quyết cùng với thành này sống còn chứ không quyến luyến gì đến vợ con cửa nhà nữa!

Phu nhân nghe vậy thời cả mừng mà rằng:

– Nếu được anh em đều đồng tâm như thế thời thành này còn lo gì nữa!

Dứt câu chuyện, trông ra ngoài thấy trời đã tang tảng sáng, trông xuống quân Thanh, thấy đã hạ trại vây bọc khắp xung quanh thành.

Phu nhân liền truyền cho dân phu chia làm hai toán cứ cắt lượt nhau, toán này lên mặt thành thời toán kia lui về yên nghỉ, để dưỡng sức. Bấy giờ phu nhân mới trở về tư thất. Vừa mới cởi địu đặt Thành Chí xuống sai vú già bế đỡ, thời thấy Lý Tập cũng từ ngoài vào, vừa đi vừa nói:

– Quân Thanh đột nhiên đến đánh thành, tôi lấy làm lo thay cho toán quân của Đặng phó tướng lắm.

Phu nhân nói:

– Quan lớn lo thế cũng phải. Nhưng Đặng phó tướng là một người trí dũng song toàn, quyết cũng không đến nỗi nào.

– *Nếu Đặng phó tướng không việc gì thời* sao quân Thanh lại đến đây đánh thành được.

Phu nhân cười mà rằng:

– Quan lớn nghĩ vậy thời còn nông nổi lắm! Quan lớn nên biết rằng: Quân của phó tướng chỉ có 8 trăm mà quân Thanh có tới 5 vạn. Đặng phó tướng hiện đóng quân ở núi Bạch Ty, tuy nói rằng cản đường quân Thanh, nhưng từ Bạch Ty về đây có những ba đường đi, nó há lại không biết tìm đường tắt mà đi đến đây hay sao? Quan lớn thấy quân Thanh đột đến đánh thành, lo cho Đặng phó tướng bị thua, nhưng tôi thời tôi chắc là phó tướng đã đại thắng.

Vì phó tướng có đại thắng, nên chi Sầm Nghi Đống nó mới không dám đối đầu với phó tướng, mà đem quân cất lẻn đến đánh úp thành này. Chắc khi nó kéo quân đi, nó cũng phải lưu một toán đại binh ở lại, để làm cho nghi lòng phó tướng, khỏi đem quân đuổi theo. Nhưng lừa thế nào được ông già ấy, chắc chỉ nội nhật ngày nay thế nào phó tướng cũng đem quân về tới đây để cứu thành...

Lý Tập nghe phu nhân nói vậy, chịu là phải, rồi cùng nhau cơm nước xong, lại cùng lên thành để trông nom việc phòng thủ.

Sáng ngày hôm ấy, Sầm Nghi Đống cho quân sĩ ăn uống xong, lại truyền lệnh chia ra làm bốn mặt cùng tiến đánh thành. Quân trong thành vẫn một bề cố thủ, không sao đánh được. Sầm Nghi Đống sốt ruột quá, truyền mỗi góc thành kén lấy 300 quân cảm tử, cùng bắc thang nối nhau leo lên mặt thành. Lý Tập và phu nhân lập tức truyền dân phu dùng toàn "gậy đôi" đứng từ trên đánh xuống.

Gậy đôi vừa dài mà sức đánh lại rất mạnh, bao nhiêu quân Thanh mới leo lên được đến nửa chừng, đều bị đánh ché lăn xuống như sung rụng. Sầm Nghi Đống thấy vậy vừa căm giận vừa sầu thảm, nhưng trông tình thế ấy quyết không thể nào dùng sức mà đăng thành được. Nên dù căm giận đến đâu, cũng phải vuốt giận mà truyền cho quân sĩ hãy tạm lui. Khi quân đã về tới trận, Nghi Đống truyền kiểm lại quân cảm tử, trước có một nghìn hai trăm mà bây giờ chỉ còn có ngót 7 trăm, té ra đã bị chết mất tới ngót một nửa!

Nhà in Nhật Nam, Hà Nội, 1935.

TRẦN – NGUYÊN CHIẾN KỶ

(Tiểu thuyết lịch sử – Trích)

Trần – Nguyên chiến kỷ được ghi là “chuyện đức Thánh Trần đánh quân Tàu”. Không chỉ có Trần Quốc Tuấn, cuộc kháng chiến lâu dài tiến hành dưới ba triều vua đã tập hợp được một lực lượng hết sức đông đảo bao gồm đủ các thành phần, các lứa tuổi:

– Có đủ ba vì vua: Thái Tôn, Thánh Tôn, Nhân Tôn.

– Có hoàng thân, quốc thích, như Thái sư Trần Thủ Độ, Đại tướng quân Lê Phụ Trần.

– Có những tên rạng rỡ từ đám bình dân, trong hàng ngũ những bộ hạ, tùy tùng, như Nguyễn Tùng, Nguyễn Phúc.

– Có những thanh niên như Trần Quốc Toản, Phạm Ngũ Lão

– Có phụ nữ như Nguyên công chúa.

Có sự đoàn kết nhất trí, vua tôi tướng sĩ trên dưới một lòng mà những tên tướng Nguyên từng chinh Đông phạt Tây, làm run sợ hơn nửa quả địa cầu, những Hợp Thai, Ngột Thai, Sài Thung, Thiếp Mộc Nhĩ, đã bị đánh tan tác, Thoát Hoan Tổng chỉ huy đã chui rúc nhục nhã mới giữ được cái đầu.

Giai đoạn lịch sử chói lọi chống xâm lược phương Bắc này được sử sách ghi chép nhiều và kỹ. Sự phong phú về cứ liệu có ảnh hưởng phần nào đến sự gia công tiểu thuyết hóa trong một số chương.

Chúng tôi trích chương IV, chương V, và chương XI (chương cuối cùng).

IV

Kiêu ngạo là cái thói quen của Trung Quốc, mình không đáng lấy làm lạ. Ngay như hồi còn Đức Tiên hoàng, kể có biết bao nhiêu là sứ Mông Cổ sang, mà cái thói ngông nghênh của chúng trước sau như một, không hề biến đổi. Tuy vậy mà Đức Tiên hoàng ta vẫn giữ một bề tốn thuận, cổ nhân có câu rằng: “Ở đời lui một bước là hơn, lui một bước tức là cái cơ sở sự lên bước đó”. Vậy thời mình bất tất phải căm tức với họ, miễn là mình có quân nhiều, có tướng giỏi, làm việc đại sự đủ sức mà chống cự là hơn, chứ thi hơn với nhau bằng cách nhỏ nhặt ấy để làm gì?

Hưng Đạo vương nói xong, Nhân Tôn hoàng đế và các đại thần đều lấy làm kính phục. Sau vua Nhân Tôn lại hỏi:

– Vậy thế giờ cách tiếp đãi nên thế nào?

Hưng Đạo vương tâu rằng:

– Cũng cứ theo như lệ cũ mà tiếp đãi rồi sai các quan đại thần đến dò xem ý kiến của nó ra làm sao?

Vua Nhân Tôn lấy làm phải liền sai người ra mời Sài Thung vào sứ quán yên nghỉ và sai thượng tướng quân Trần Quang Khải ra tiếp đãi.

Khi Quang Khải đến thời Sài Thung nằm vắt vẻo trong sứ quán không chịu tiếp kiến. Quang Khải đành phải trở về tâu với vua Nhân Tôn.

Chiêu Văn vương Nhật Duật nghe nói Sài Thung không chịu tiếp đãi Quang Khải thời cũng đến xem sao. Nhưng khi đến nơi, Sài Thung cũng vẫn không chịu tiếp. Nhật Duật đành phải ôm bụng căm tức mà trở ra. Chuyện ấy phao đi các đình thần ai nấy không hiểu cái ý kiến Sài Thung ra sao. Hưng Đạo vương nghe vậy, ngài mỉm cười mà rằng:

– Các ngài bất tất phải căm tức, để lão thử đi xem sao?

Ngài nói rồi liền cải trang, mặc theo lối nhà sư, đầu đội mũ ni, tay chống xích trượng, lững thững đi đến trước sứ quán dùng tiếng người Trung Quốc mà nói lên rằng:

– A di đà Phật! Bần tăng nghe thiên sứ sang Nam, xin vào yết kiến đây.

Sài Thung đương nằm nghe thấy mấy tiếng như vậy, thời lấy làm ngạc nhiên, nghĩ bụng: Quái! Sư nào mà lại đến yết kiến ta thế này? Nghe tiếng rõ hệt là người bản quốc, có lẽ vị sư này ở bản quốc, sang tu bên Nam, nhân thấy có tin tức gì nên đến báo trước cho mình biết đây.

Nghĩ vậy, liền cho người ra mời vào và truyền quân hầu pha nước. Sài Thung nhác trông thấy vị sư, vẻ mặt dầu từ bi, mà hàm có cái khí sắc rất là anh hùng cương nghị thời bất giác tự mình quên hết cả tính tình kiêu ngạo đổi ra một cách rất khiêm nhường rồi hỏi rằng:

– Chẳng hay hòa thượng pháp hiệu là gì và quê quán người ở đâu? Xin cho bản chức biết?

Quốc Tuấn ung dung mà rằng:

– Bần tăng đây theo đòi đạo Phật, lấy nghĩa bác ái làm đích lập thân, coi nhân loại đều như một "sắc, không" [1] *ở cõi đời không đâu là* Nam, Bắc, Đông, Tây thời đâu cũng là quê hương của bần tăng.

Sài Thung nghe xong câu nói ấy thời rất lấy làm khen ngợi mà rằng:

– Nhời nói của hòa thượng cao thượng thật. Bản chức thực không biết hỏi lại thế nào nữa. Vậy chẳng hay hòa thượng đến chơi đây có ý kiến gì bảo bản chức không?

Quốc Tuấn nói:

– Tôi thật không có ý kiến gì, chỉ vì thấy nói tướng công là người Trung Quốc sang chơi, nên muốn vào yết kiến đó thôi. Vậy chẳng hay tướng công sang đây có việc gì?

Sài Thung nói:

– Tôi sang đây là phụng mệnh thiên triều hoàng đế dụ quốc vương Nam Việt sang chầu thiên tử.

Quốc Tuấn nói:

– Vừa rồi tôi nghe thấy nói có quan thượng tướng Nam triều là Trần Quang Khải vào yết kiến tướng công, mà tướng công không thèm tiếp có phải không?

Sài Thung tắc lưỡi mà rằng:

– Phải, cái đồ chúng nó nhỏ nhặt, thấm vào đâu mà phải tiếp đãi.

Quốc Tuấn mỉm cười mà rằng:

– Nam vô Phật! Tướng công nghĩ thế cũng phải. Nhưng ý bần tăng thiết tưởng, người ta không nên gây lấy sự mất lòng, thời dù có tiếp đãi một đôi nhời, mà đôi bên thêm tình đằm thắm, chẳng cũng hay hơn ư?

Sài Thung cười khẩy mấy tiếng mà rằng:

– Mất lòng thì chúng nó làm gì được tôi? Chúng nó muốn yên lòng thì được, chớ nếu muốn giang san nhà nó ra cám thời sẽ trêu tôi.

---

1. *Sắc, không:* tiếng nhà Phật, có nghĩa là: có, không. Mọi việc ở đời, có đấy mà không đấy, không có ý nghĩa gì cả.

Quốc Tuấn lại mỉm cười mà nói rằng:

– A di đà Phật! Bần tăng xin khấn Phật tổ độ trì cho tướng công được đi đến nơi về đến chốn, cho càng tỏ cái giá trị của người thượng quốc khác hẳn với những kẻ tầm thường.

Hai người nói chuyện với nhau đã hơn một giờ đồng hồ, Sài Thung nghe thấy Quốc Tuấn nói lắm câu xuất sắc khác thường thời càng lấy làm kính phục.

Trong khi đương cùng nhau nói chuyện, có đứa quân hầu của Sài Thung thấy đầu nhà sư trọc nhẵn thín, nó nghịch tinh, lấy dùi vồ chọc vào đầu ngài máu chảy ra dòng dòng mà ngài vẫn ngồi im lặng yên không hề biến sắc. Lúc đó Dã Tượng, Yết Kiêu ngó ở ngoài thấy chúng hỗn láo như vậy, thời hầm hầm nổi giận xông vào, quân canh cửa cản lại đều bị hai người đạp chúi xếp cả đi một xó. Chúng liền kêu rầm cả lên. Ngài trông ra, thấy hai người gần vào đến nơi, liền liếc mắt một cái, hai người đều phải cắm đầu lủi ra.

Một lát, ngài cáo từ Sài Thung trở về vương phủ, truyền gọi Dã Tượng, Yết Kiêu mà mắng rằng:

– Trên từ vua, dưới đến các bực vương công, đại thần còn đương một bề tin thuận để cho chúng khỏi tạ khẩu [1] ra mà sinh sự lôi thôi. Cớ sao các ngươi dám toan gây việc như vậy? Từ rầy những tính nóng nẩy ấy thời chừa đi.

Dã Tượng, Yết Kiêu đều cúi đầu im lặng không dám nói gì.

Nói về Sài Thung đã tiễn nhà sư ra khỏi cửa, ngẫm nghĩ câu nói của nhà sư, không hiểu là người ở đâu. Sau lại tự hỏi mình: không lẽ nhà sư mà lại có cái uy phong nghiêm nghị như vậy. Hay người này là một bực gì nước Nam, mà đến đây dò thử ý ta chăng? Nghĩ đến đấy liền gọi quân hầu hỏi rằng:

– Vị sư lúc nãy ở đây ra, chúng bây có biết đi về lối nào không?

Một tên bẩm rằng:

– Chúng tôi thấy đi rẽ lối sang vương phủ, rồi thấy vị sư ấy nhảy lên một con ngựa bạch thắng đồ chân chỉ, hạt bột, ra roi đi thẳng về cửa Bắc.

Một tên khác nói tiếp rằng:

---

1. *Tạ khẩu:* vin vào lời thốt ra mà sinh sự.

– Bẩm tướng công, người ấy chắc không phải là sư. Lúc người ấy tiếp chuyện với tướng công, có tên Mão nghịch tinh, lấy dùi nhọn đâm thủng vào đầu người ấy, máu chảy ra dòng dòng, mà người ấy vẫn ngồi lặng yên như không, đời nào lại có nhà sư gan được như thế bao giờ? Lại lúc bấy giờ có hai tên to lớn trông dữ tợn như gấu không biết vì cớ sao mà bỗng dưng nhảy xổ vào. Hơn 10 người chúng tôi cản lại đều bị hai tên ấy đạp xấp đạp ngửa, ngã chúi vào cả một xó. Sau vào gần đến nơi, tôi trông thấy vị sư ấy chỉ hơi liếc mắt một cái, tức thời hai tên kia cắm đầu lui ra. Xem đó đủ biết vị sư ấy không phải là người thường.

Sài Thung nghe mấy tên quân nói, trong bụng lại càng nghi nghi hoặc hoặc mà cái tính tự kiêu, tự đắc bỗng dưng cũng giảm đi mất mấy phần. Sáng hôm sau, vua Nhân Tôn sai mở tiệc thết Sài Thung ở Tập hiền viện. Ngài cho mấy quan đại thần ra tiếp. Mãi khi yến tiệc xong, ngài mới ngự ra tiếp chuyện. Sài Thung tuyên chỉ của vua nhà Nguyên, bảo ngài sang chầu. Ngài thủng thẳng đáp rằng:

– Quả nhân xưa nay sinh trưởng ở chốn thâm cung, không quen phong thổ, không thể nào đi được.

Sài Thung biết là nói lắm cũng vô ích, liền lặng im, cách vài hôm cáo từ về bản quốc.

Sài Thung về nước. Nguyên chúa lại sai quan thượng thư là Lương Tằng sang dụ rằng:

– Nam quốc vương nếu không thể sang chầu được thời phải sai con, hoặc em và làm người bằng vàng, đôi mắt bằng ngọc để sang thay, lại phải nộp hiền sĩ, và các thầy âm dương toán số, các thợ thuyền theo như thể lệ hồi trước.

Vua Nhân Tôn thấy dụ chỉ của nhà Nguyên như vậy, ngài liền hỏi Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nên xử trí thế nào. Quốc Tuấn tâu rằng:

– Mình hãy cứ giữ cho hết nhẽ. Sau này nếu có sinh sự gì, họ không thể đổ lỗi cho mình được.

Ngài y lời, liền sai người tôn thất là Trần Di Ái, và Lê Tuân, Lê Mục sang sứ Nguyên. Còn người bằng vàng và nhất thiết việc yêu cầu khác thời ngài đều đình chỉ cả.

Nguyên chúa thấy vậy căm giận mà rằng:

– Chà, vua tôi Nam Việt khinh người thật! Nó tưởng rằng ta đây không cai trị được nước nó chăng?

Nói rồi tuyên chỉ lập một tòa Tuyên phủ ti ở nước Nam. Sai Bốc nhan Thiết Mộc Nhĩ sang làm chánh sứ và đặt ra rất nhiều các viên chức Liêu thuộc sang để giám trị các châu huyện.

Nói về Bốc nhan Thiết Mộc Nhĩ vốn là một tên cận thần của Nguyên chúa. Mộc Nhĩ có một cái đặc tính là hay "ưa hót". Vô luận kẻ thân, người sơ, kẻ ơn người oán, hễ kẻ hót khéo là Mộc Nhĩ để ngay lên bàn tay. Nếu khác ý là dầy ngay xuống đất sét. Từ lúc Mộc Nhĩ được cái mệnh lệnh sang làm Tuyên phủ ti chánh sứ nước An Nam thời trước cửa nhà Mộc Nhĩ đã thấy đặc những bánh xe, dấu chân ngựa. Một hôm Mộc Nhĩ đương ngồi với phu nhân đàm đạo đến cách sung sướng là một vị chánh sứ về sau này, có mấy tên chực chõm nước Liêu thuộc, đứng hầu ở xung quanh, một tên xun xoăn nói xen vào một câu rằng:

– Bẩm lạy tướng công và phu nhân, cứ lấy cái tài, cái uy của ngài mà sang nhậm chức chánh sứ ở Nam Việt, tiểu tử dám quyết rằng vua tôi Nam Việt phải sợ hãi một phép, không dám ho he.

Thiết Mộc Nhĩ đắc ý, cười khà khà mà rằng:

– Ừ nó sợ ta, chắc nó cũng phải nể các ngươi. Đến khi đó thời ta tha hồ cho các ngươi đi vơ vét, cho bõ cái công lặn lội theo thầy.

Một tên nữa nói hót lên rằng:

– Bẩm lạy tướng công, tuy rằng vơ vét, nhưng vơ vét cũng phải có cách mới được. Nếu cứ tự nhiên bắt người lấy của, chắc chúng nó sẽ bảo mình là bọn cướp. Nhỡ chúng nó lẻn sang tâu với triều đình ta, thời mình tránh sao cho khỏi tội.

Mộc Nhĩ gật đầu mà rằng:

– Ừ, nhà ngươi nói phải. Vậy thời làm cách nào cho mình lấy được lắm tiền, lại làm cách nào cho thu được hết quyền chính của vua tôi Nam Việt, để ta thực hành cái chánh sách cai trị của triều đình ta? Ngươi có kế gì hay, ta cho phép cứ nói.

Tên ấy lại xun xoăn thưa rằng:

– Bẩm tướng công, cứ tự ngu ý thời triều đình cử tướng công sang Nam Việt hồi này, mục đích là trước hãy thu lấy quyền lợi rồi sau dần dần mà chiếm lấy cương thổ. Đó tức là chánh sách "Tàm thực". Phàm

giống tằm ăn lá dâu tất trước từ rìa lá, rồi mới đến giữa lá, sau cùng mới ăn đến cuống lá. Nếu không ăn thế mà ăn ngay vào giữa hoặc cuống trước thì tất cứng, dai và khó ăn. Việc chính trị đối với Nam Việt bây giờ cũng vậy. Trước hãy thu lấy những cái quyền lợi nhỏ rồi dần dần sẽ thu đến các quyền lợi lớn. Khiến cho vua tôi Nam Việt cứ sút dần như người ốm mòn, thời mới khỏi sinh ra việc ngăn trở. Đại để bây giờ tướng công sang, hãy cứ kiểm soát qua loa các điều thiết yếu, còn các việc có quan hệ đến triều đình và danh dự của họ thời cứ mặc cho họ tự do hành động. Chắc họ sẽ cho mình là rộng lượng mà đem lòng tín phục. Họ đã tín phục, thời làm gì mà chẳng nên. Đến lúc bấy giờ thời ta cứ việc mà tăng thuế, nhưng ta cũng cho họ được hưởng chung với một vài phần. Ta lại lập ra các hạng thuế này, thuế khác để thu lấy tiền tài cho nhiều. Bề ngoài thời ta cứ bảo họ là thu hộ, sau này triều đình họ có thể làm được, ta sẽ trả lại cho. Ta lại đem rất nhiều hàng hoá sang cho họ dùng. Vừa được lợi cho ta, lại gây thêm được tấm lòng ham chuộng của họ mà bày ra các việc công ích, ta vừa không phải mất vốn mất lãi, mà lại khiến cho họ tin ta là thực bụng khai hóa. Thỉnh thoảng ta lại tùy theo tình dân mà đổi thay, đôi ba việc lớn; ta lại ngầm bày tỏ những cái càn cái bậy cái tham, cái dở của vua tôi nước họ ra cho họ biết, để gây lấy tấm lòng ác cảm của họ đối với triều đình. Như thế thời chắc chỉ trong vòng 30 năm, cái cơ nghiệp nhà Đông (tức là nhà Trần) sẽ không cần phải đánh mà tự mất, mà bờ cõi nước Nam Việt sẽ thu cả vào trong tay áo ta. Đến lúc đó thời đã kết liễu cái chánh sách "tàm thực" mà thành ra cái chánh sách "biến giả hóa chân" rồi vậy. Đó là ngu ý của tiểu tử, xin trình để tướng công ngài châm chước.

Mộc Nhĩ nghe hết một đoạn nói của viên Liêu thuộc, thời cười híp mắt lại mà rằng:

– Phải! Phải! Nhà ngươi nói xác đáng quá. Ta cứ theo thế mà làm chắc vua tôi chúng nó hết nho nhoe...

Mộc Nhĩ vừa nói đến đấy lại ngần ngừ một lát rồi hỏi rằng:

– Ừ, người nói phải thật! Nhưng ta nghe đó chỉ toàn là việc công, còn về phần tư của mình thời đi không lại về không ư?

Tên Liêu thuộc rón rén lại gần mà rằng:

– Bẩm, tuy là việc công, nhưng đều ở trong tay tướng công, tướng công muốn sao mà chẳng được. Triều đình ở xa tít mãi tận bên này, biết đấy là đâu.

Mộc Nhĩ bấy giờ mới tỉnh ngộ, cái vẻ tươi cười đắc ý thật không bút nào tả cho được hết.

Cách mấy ngày, Mộc Nhĩ cùng mấy trăm viên Liêu thuộc, thầy trước tớ sau, nào võng, nào lọng, nào xe, nào hòm, nào xiểng, gánh, vác, ai nấy đều tớ thầy một lũ, vợ con một đoàn, kéo một dãy dài dằng dặc, thẳng nẻo sang nước Nam.

Khi bọn Thiết Mộc Nhĩ đi dọc đường, ai nấy đều tỏ ra ý tươi cười hớn hở. Nhất là Thiết Mộc Nhĩ trong tâm, trong trí lúc nào cũng in sâu hai chữ Nam Việt. Ở trước mặt lúc nào cũng phảng phất như vua tôi nhà Trần đương khúm núm lạy lục, và đương dâng từng mấy bó vàng "diệp" để lễ mừng. Vô luận là trông thấy người đi lại ở ngoài đường hoặc bụi cây bãi cỏ ở sườn khe núi, đều thấy như cái vẻ vui mừng đón rước, mà chúc mừng cho quan chánh sứ được muôn sự phát tài. Bọn Liêu thuộc biết ý Mộc Nhĩ như vậy thời càng tâng bốc riết, khiến cho Mộc Nhĩ không để đâu cho hết cái sướng, lắm lúc cứ nhoẻn miệng cười một mình.

Không bao lâu, bọn Mộc Nhĩ đã sang tới cõi Nam. Lại không bao lâu, bọn Thiết Mộc Nhĩ đã cùng nhau kéo đến kinh thành Thăng Long. Mộc Nhĩ đưa giấy trước vào nói cho vua ta biết để ra nghênh tiếp. Vua Nhân Tôn xem giấy nổi giận đùng đùng mà quát to lên rằng:

– À! Gớm thật! Quân Mông Cổ tưởng nước ta không có người thật đấy chăng?

Nói rồi ngài liền truyền quan Tả thị vệ ra dẫn bọn Thiết Mộc Nhĩ vào cả trước sân Tập hiền viện và truyền cho 300 quân hổ uy vây bọc khắp xung quanh viện, hai giờ đồng hồ mới thấy một viên quan mũ cánh chuồn, áo lông cổn, đứng trên thềm điện mà nói to lên rằng:

– Bọn Mông Cổ kia! Các ngươi nói là vua các ngươi cho sang làm quan cai trị bên nước Nam Việt ta này, vậy, chớ các sắc mệnh chiếu chỉ ở đâu? Đem nộp lên để chúa thượng ta xem?

Thiết Mộc Nhĩ nghe xong câu hỏi ấy, bụng bảo dạ rằng: Thôi, hỏng rồi! Vua tôi nước nó lật mặt rồi! Làm cách nào mà đối phó được bây giờ? Đành chịu mất! Bọn mình chân tay không làm được trò gì. Vừa nghĩ đến đấy thời lại nghe có tiếng thét:

"Bảo chúng nó không nộp giấy mau, thời chém cả bây giờ!".

Mộc Nhĩ nghe vậy càng luống cuống, bất đắc dĩ phải đưa tất cả

các sắc mệnh chiếu chỉ ra. Tức thời có một tên thị vệ đón lấy tiến vào trong điện. Một lúc lâu lại thấy viên quan lúc nãy chỉ bảo rằng:

– Có chỉ, truyền một mình tên Bốc nhan Thiết Mộc Nhĩ vào gần trong điện này để hoàng thượng hỏi.

Dứt lời nói, có hai tên thị vệ từ trên bước xuống dắt Thiết Mộc Nhĩ dẫn vào trong điện. Mộc Nhĩ bây giờ bụng rối như bòng bong, chân với bụng không theo nhau, đành phải theo hai tên thị vệ mà đi vào...

Vừa vào gần đến trước Long trì, nghe có tiếng thét:

"Bảo nó quỳ xuống".

Tức thời hai tên thị vệ, lấy hai chân đá thích vào kheo dật Mộc Nhĩ quỳ xuống. Mộc Nhĩ tức quá, thẹn quá, hỏa bốc lên hoa cả mắt, ù cả tai, miệng cứng ra muốn nói mà không được thành tiếng. Tiếp đó vua Nhân Tôn ngồi trên ngai chỉ vào mặt Mộc Nhĩ mà mắng rằng:

– Từ khi chúa mày khởi lên chiếm cứ Trung Quốc, nước ta vẫn giữ một bề tôn thuận. Ngờ đâu cái dã tâm của vua mày tham không biết chán, muốn học thói tầm gửi lấn cành. Nhưng mày phải biết: nước Nam ta tuy nhỏ, nhưng gan người nước Nam ta không nhỏ, lẽ nào lại chịu dưới quyền cai trị của vua mày hay sao? Cứ nhẽ ra chúng bay vô cớ mà sang đây lại dám đưa thư vào xúc phạm trẫm cung, thời đều nên phân thây ra mới đáng tội. Nhưng ta nghĩ chúng bay là phường nhỏ nhen, chẳng qua cũng chỉ phụng mệnh người trên được sai khiến, chứ thực có làm gì nên tội.

Vậy cũng thể đức hiếu sinh của Thượng Đế mà tha chết cho. Nên lập tức về ngay bản quốc bảo với chúa mày biết rằng: "Nước Nam Việt ta không phải là một nước chịu dưới quyền cai trị của giống khác như bên Trung Quốc đâu...".

Vua Nhân Tôn phán xong, sai đem đốt bỏ hết các sắc mệnh, chiếu chỉ của Nguyên chúa ở giữa điện, rồi truyền 300 quân hổ uy, dẫn bọn Thiết Mộc Nhĩ ra khỏi cổng thành, cho về bản quốc.

V

Nói về Nguyên công chúa từ trước khi chưa loạn, đã nghe thấy tiếng Phạm Ngũ Lão là một người thiếu niên anh kiệt, thời đã

có sẵn một tấm lòng kính trọng và hâm mộ. Tuy vậy, vẫn chưa được biết mặt Phạm Ngũ Lão bao giờ, nên chỉ cái tấm lòng kính trọng và hâm mộ đó chỉ thuần túy là do một bụng ái tài.

Đến khi gặp Phạm Ngũ Lão lên đón, thấy cái vẻ mặt khôi ngô, linh lợi, và cái cách cử chỉ khảng khái, anh hùng của Phạm Ngũ Lão thời bất giác do ái tài mà sinh ra liên tài, do liên tài mà sinh ra mối tình thành nên liên lạc. Thường thường vẫn tự ao ước ở trong lòng, làm tấm thân là một người con gái có được sánh với một người đáng mặt làm trai, thời cũng mới khỏi phụ với cái tấm thân ngà ngọc của mình. Mình dù thơ yếu, cũng là con gái của một vị vương hầu nhất trong nước, thời cái cảnh ngộ phận hẩm duyên ôi như các người khác, chắc cũng không khi nào phải bận đến trong lòng. Nhưng ở đời thiếu chi vàng ngọc bề ngoài mà trong chẳng khác gì một đùm rơm nát, nếu lỡ mình mà phải lọt vào những tay hạng ấy thời tấm thân mình thật là uổng lắm. Huống chi những bực anh hùng xuất chính ở đời rất ít, nghĩ như chàng Phạm Ngũ Lão đó há chẳng phải là một bực dương thế anh hùng đó dư? Mình mà được cùng người ấy...

Công chúa nghĩ đến đấy thời bỗng thấy trong lòng sôi nổi nóng nẩy, hai má nóng lên bừng bừng, rồi bất đắc dĩ phải nén lòng, nghĩ ngay sang việc khác. Từ đó trở đi, trong lòng Nguyên công chúa lúc nào cũng cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn, thường khi quên cả ăn, quên cả ngủ, có lúc câu đáng nói thì không nói, câu không đáng nói thì nói, chuyện đáng cười không cười, chuyện không đáng cười thì lại cười. Phu nhân thấy công chúa bỗng dưng đổi khác tính nết như thế, thời trong bụng lấy làm ngờ lạ, thường để ý dò xét xem duyên ý vì đâu. Nhưng dò xét mãi mà vẫn không biết được vì cớ sao. Dần dần thấy công chúa cứ còm cõi hao mòn, rồi sinh ra một bệnh không ăn không ngủ được, nằm liệt trên giường. Phu nhân vốn yêu dấu công chúa chẳng khác nào con sinh ra. Nay bỗng thấy công chúa tự nhiên mà mắc bệnh, thời trong bụng bồn chồn, ngày đêm phiền não. Các thị tỳ đã tìm hết nhời khôn khéo để khuyên giải, và chạy chữa thuốc thang, nhưng bệnh thế cứ mỗi ngày một tăng, dần dà lại thêm ra chứng hễ nhắm mắt đi là nói mê, đến khi tỉnh lại cứ thở dài và dằn dọc. Phu nhân đã hỏi rất cặn kẽ vì cớ sao mà mắc bệnh. Nhưng công chúa chỉ cứ lắc đầu và rơm rớm nước mắt, chứ tuyệt nhiên không nói ra làm sao.

Trong đám thị tỳ có một đứa tên là Xuân Hoa, vừa sắc sảo khôn ngoan, vừa chăm nom chịu khó. Từ khi công chúa mắc bệnh, không

mấy lúc là không hầu hạ ở bên mình, kể cái tình luyến ái và trân trọng thật không khác Tử Quyển với Lâm Đại Ngọc ngày sau. Thường khi Xuân Hoa nghe thấy những giọng nói mê man, và những lúc dần dọc trên tay, thở dài từng tiếng của công chúa, thời đoán cái bệnh của công chúa chắc là bệnh tương tư chớ không phải bệnh thường. Vì nếu là bệnh thường thời ở như nhà Hưng Đạo vương còn thiếu gì các linh đan diệu dược. Có lẽ nào thuốc uống vào lại chỉ như đá ném xuống nước, tuyệt nhiên không thấy công hiệu một chút gì. Xuân Hoa nghĩ vậy, liền đem tình ý ấy bẩm nhỏ với phu nhân. Phu nhân vốn từ khi thấy công chúa đổi khác tính nết, rồi sau mắc bệnh, thuốc uống thế nào cũng không bớt, thời đã có lòng ngờ vực về câu chuyện tình riêng. Nay bỗng thấy con Xuân Hoa nói vậy thời cũng rất hợp với ý mình liền nhân lúc vắng hỏi nhỏ công chúa rằng:

– Con ơi! Bệnh con bởi từ đâu, con phải nói cho mẹ rõ, thời mẹ mới có thể tìm đường mà chạy thuốc thang được?

Công chúa thấy phu nhân hỏi thời chỉ rền rẫm, và ứa hai hàng nước mắt, nhất định không nói gì. Phu nhân lại nói:

– Con ơi! Từ khi chị con vào cung, mẹ chỉ có một mình con bạn vui cùng mẹ. Thường khi mẹ thấy con ăn ít thời mẹ ăn không ngon, mẹ thấy con ngủ ít thời mẹ cũng không yên, cái tấm lòng mẹ thương con, yêu con, thật là gấp hơn thương yêu chị con rất nhiều. Thế mà bây giờ con bỗng đau ốm nặng nề như vậy, thật đã khiến cho mẹ đứt từng khúc ruột. Con lại còn cứ giấu bệnh không chịu nói cho mẹ biết để mẹ tìm đường chạy chữa thời phỏng mẹ có còn sống làm sao được.

Phu nhân nói xong thời hai hàng nước mắt chảy ra dàn dụa.

Công chúa thấy phu nhân khóc, thời cũng dàn dụa nước mắt mà rằng:

– Thưa mẹ, trời đất cũng còn có khi nắng, khi mưa, thời người ta cũng phải có khi đau lúc yếu. Bệnh của con chẳng qua cũng chỉ là một cảm mạo như trăm nghìn bệnh của người khác. Con sở dĩ chữa mãi mà lâu khỏi, chẳng qua chỉ vì cái tạng của con vốn yếu, vả lại gặp hồi đi lánh nạn, bị phải lắm bước gian truân, sự cảm nhiễm càng ngày càng sâu, nên đến khi mắc bệnh khó lòng mà chữa khỏi ngay cho được.

Nhưng dù sao uống thuốc mãi thời cũng phải khỏi, chứ quyết không có can ngại gì đâu, xin mẹ đừng nghĩ lắm sinh phiền lòng.

Phu nhân nói:

– Con ơi, mẹ thường nghe người ta nói sức yếu dùng bổ, thời phải nhờ đến sâm, nhung, cao, quế. Còn như những bệnh cảm nhiễm thường thường, thời đã sẵn có những vị ở trong loài thảo mộc. Ở nhà ta đây, dù chẳng dám nói thừa, nhưng nếu dùng đến thời những vị như sâm, nhung, cao, quế lúc nào lại không có. Huống chi từ khi con bị bệnh đến giờ, những vị ấy cũng đã dùng mất nhiều lắm rồi mà cớ sao bệnh con chỉ cứ thấy tăng không giảm. Mẹ thật lấy làm ngờ lắm. Con phải nói rõ cái căn nguyên bệnh của con cho mẹ biết mới được.

Phu nhân cứ hỏi gặng đi gặng lại mãi, công chúa biết không thể chối được, mới ngập ngừng mà thú thực rằng:

– Thưa mẹ, mẹ đã xét thấu cái bệnh tình của con, thời con đâu dám giấu. Con thiết tưởng làm tấm thân người con gái, mà có kén được một người vừa là anh hùng, vừa là tri kỷ, thời thực cũng mới không khỏi phụ tấm thân. Con từ khi được nhờ ơn cha mẹ nuôi nấng, tình thân ái chẳng khác gì con đẻ, con vẫn biết tự tôn tự trọng cho khỏi phụ cái thanh danh của con một vị vương hầu. Bởi thế cho nên từ xưa đến nay, ngoài trong vương phủ ra, không kể những khi lánh nạn ngoài đường, con thực chưa bước đi đến đâu một bước, trò chuyện với ai một nhời. Nhân từ khi tái hồi kinh sư, con có nhác trông thấy viên quan đi đón tên là Phạm Ngũ Lão, trông thấy cái vẻ tinh anh lộ ra nét mặt, thực đáng là một vị nam nhi tuấn kiệt. Sau khi về nhà, con lại được thường nghe tin vương phụ con nói chuyện cái tài của Phạm Ngũ Lão với các vị triều thần, có thể làm được vị quốc gia lương đống sau này. Con nghĩ ở đời mà có được một người vừa thiếu niên, vừa anh hùng như Phạm Ngũ Lão, thật là rất hiếm, vì thế con không khỏi được tấm lòng tưởng mộ. Nhưng con lại tự nghĩ đã đành rằng Phạm Ngũ Lão là một bực anh hùng, nhưng không biết tâm tính ra sao, có thể xứng làm được một người tri kỷ?

Nếu chỉ anh hùng mà không tri kỷ, thời duyên trăm năm e cũng là duyên bẽ bàng. Đó là một điều. Lại còn một nhẽ nữa: thân con tuy là hèn mạt, nhưng cũng là con một vị vương hầu. Phạm Ngũ Lão tuy anh hùng, nhưng chẳng qua chỉ là một người môn hạ sĩ. Theo thói tục, bốn chữ môn đương hộ đối, nó đã làm một bức tường chắn

ngang khó bề thiếp hợp. Huống chi, Phạm Ngũ Lão tuy còn niên thiếu, mà chắc đâu chàng chẳng đã yên phận thất gia. Như thế thời ở đời còn mấy anh hùng, thân con thôi cũng...

Công chúa nói đến đấy thời nghẹn nhời không nói được nữa. Phu nhân nghe vậy, vừa tủm tỉm cười, vừa vuốt ve công chúa mà rằng:

– Con ơi, mẹ tưởng vì duyên cớ gì. Chứ nếu chỉ vì thế thời có hề chi mà con phải ngập ngừng e lệ không nói cho mẹ biết ngay. Được, việc ấy mẹ bằng lòng lắm, mẹ sẽ nói với vương phụ con, thế nào vương phụ con cũng bằng lòng. Con nên biết vương phụ con có phải là người ưa cái thói tục môn đương hộ đối đâu. Thôi, con cứ yên lòng mà thuốc thang cho chóng khỏi, đừng cứ âu sầu mãi làm thêm phiền lòng mẹ. Nay mai mẹ sẽ nói với vương phụ con thể nào cũng xong.

Được nhời như cởi tấm lòng, từ đó Nguyên công chúa cứ mỗi ngày một bớt dần, chẳng bao lâu mà lại được lành mạnh như trước.

Nói về Phạm Ngũ Lão từ sau khi đi đón rước phu nhân và Nguyên công chúa, được thấy cái vẻ chim sa cá lặn và nghe rõ cái tài thao lược của công chúa, thời mối tình bỗng tự đâu mà sinh ra cuốn quýt, chỉ những ước ao nếu được công chúa sánh duyên, thời thật là thỏa lòng mãn nguyện.

Nhân một hôm vào vương phủ trình việc, Hưng Đạo vương lại sai vào bẩm việc riêng với phu nhân, đến lúc trở ra đi qua bên vườn hoa, thấy hai con thị tỳ đương thì thầm trò chuyện với nhau ở bên gốc hải đường.

Một đứa nói:

– Ai ngờ công chúa nhà ta mà con mắt tinh đời thế! Cái chàng Phạm Ngũ Lão ấy trông người đẹp trai thật!

Một đứa nói:

– Há chỉ những đẹp trai thì công chúa ta thiết gì. Công chúa ta chỉ thiết vì cái anh hùng của hắn đấy thôi chứ. Nghe nói hồi đánh nhau với quân Nguyên, anh ta đánh đâu được đấy, đại vương ta thường vẫn dùng làm tiên phong.

Đứa kia lại nói tiếp:

– Ừ mà thật đấy, tôi lại nghe anh ta có cái bài thơ gì hay lắm. Tôi thường nghe công chúa ngâm gì gì... mà "Thẹn thấy người ta nói vũ hầu" ấy. Công chúa bảo: "cứ nghe nhời thơ cũng đủ tỏ là một bực anh hùng"...

Phạm Ngũ Lão nghe thấy nói vậy, biết là họ nói vụng mình, nhưng lại dính líu đến cả tiếng công chúa, thời lấy làm kỳ quặc, không thể cầm lòng được, liền chạy lại tận nơi vái dài một cái mà rằng:

– Thưa hai chị, hai chị nói gì đến Phạm Ngũ Lão đấy, xin hai chị làm ơn nói rõ cho tôi biết.

Hai đứa đương lúc thì thầm nói chuyện, bỗng thấy Phạm Ngũ Lão đột nhiên chạy lại, thời bất giác sửng sốt đánh rơi cả hoa xuống đất! Sau nghe thấy nhời Phạm Ngũ Lão hỏi, thời lại cứ trông nhau mà tủm tỉm cười. Vì Phạm Ngũ Lão cứ nằn nì hỏi mãi, nên hai đứa bất đắc dĩ phải nói thực sự tình của công chúa cho nghe. Bấy giờ Phạm Ngũ Lão mới biết là công chúa cũng có tình riêng như mình, và rất lấy làm cảm cái tấm lòng chung tình của công chúa. Nhưng trong bụng vẫn còn thấp thỏm sợ rằng chưa chắc Hưng Đạo vương bằng lòng gả cho. Từ đó trở đi, Phạm Ngũ Lão lúc nào cũng canh cánh ở trong lòng một sự mừng với một khối lo. Ngày đêm thường vơ vẩn có khi quên mất cả ngủ lẫn ăn, suýt nữa thì cũng nhiễm thành một bệnh tương tư như công chúa.

Lại nói về Hưng Đạo vương từ sau khi đã dẹp yên giặc Nguyên, tuy vậy mà những các công việc triều chính vẫn còn phải bận rộn rất nhiều. Ít khi được thong thả cùng phu nhân bàn đến công việc gia đình.

Vì thế nên đã đến hơn hai tháng trời mà phu nhân vẫn chưa đem việc Nguyên công chúa ra nói được.

Một hôm, được lúc thừa nhàn, phu nhân mới ngỏ nhời nói với Hưng Đạo vương rằng:

– Giai khôn dựng vợ, gái khôn gả chồng. Con em Nguyên nhà ta nó cũng đã tới tuần cập kê. Vậy xin đại vương cũng nên liệu tìm nơi cho con nó được yên bề gia thất.

Hưng Đạo vương gật đầu mà rằng:

– Phu nhân nói cũng phải. Nhưng việc là việc trăm năm phải kén chọn cẩn thận lắm, mới khỏi để cho con mang lụy về sau.

Tôi chưa biết tìm kén người nào có thể xứng đôi với nó được.

Phu nhân nói:

– Tôi nghe ở trong hàng môn hạ của đại vương có một người tên

là Phạm Ngũ Lão, người ấy vừa có tài thao lược, mà lại là một trạc thiếu niên. Hay là đại vương gả con nó cho người ấy có nên chăng?

Hưng Đạo vương nghe phu nhân nói vậy, thời hình như sực nhớ ra tươi cười mà rằng:

– Phải lắm! Phải lắm! Nếu phu nhân không nói thời tôi cơ hồ quên mất. Ừ, Phạm Ngũ Lão người ấy vừa anh hùng lại vừa niên thiếu. Thực đáng là một người ít có ở đời nay đấy. Để rồi tôi thử hỏi ý hắn xem.

Tục ngữ có câu: "Nhời nói không cánh mà bay". Thực thế, câu chuyện của Hưng Đạo vương và phu nhân nói, chưa bao lâu đã lọt vào tai Phạm Ngũ Lão. Phạm Ngũ Lão sướng quá, nghĩ thầm trong bụng: Nếu trăm năm quả có duyên gì, thời cái đời ta thật được hoàn toàn vĩ đại. Từ đó ngày nào cũng cứ ngong ngóng để chờ tin tức, mà lạ thay, càng ngóng càng thấy vắng tin, chờ mãi đến hơn nửa tháng mà vẫn chẳng thấy tin tức gì khác lạ. Bấy giờ Phạm Ngũ Lão lại cứ lòng tự hỏi lòng, có lẽ câu chuyện bấy lâu chỉ là câu chuyện đồn xằng. Những con thị tỳ ranh con nó bịa đặt ra để riễu cợt mình chăng? Hay là Hưng Đạo vương vẫn còn có ý tìm kén cửa công hầu, không thèm gả cho một kẻ môn hạ sĩ này chăng. Nghĩ vơ nghĩ vẩn, lúc nào cũng mặt mũi thẫn thờ. Một hôm bỗng một tên lính hầu ra đòi vào vương phủ, để Hưng Đạo vương hỏi chuyện. Ngũ Lão đã mừng thầm, chắc hẳn hôm nay nói đến chuyện nhân duyên của mình đây.

Liền vội vàng chít khăn mặc áo đi vào vương phủ. Khi vào đến nơi thì thấy có Chiêu Văn vương Nhật Duật ngồi chơi. Té ra là Chiêu Văn vương sai cho gọi vào để hỏi lại những khi chiến trận của Phạm Ngũ Lão ngày trước, còn Hưng Đạo vương cứ nói những chuyện đâu đâu, tuyệt nhiên không hề đả động gì đến câu chuyện ấy cả. Một lát, Chiêu Văn vương cáo từ trở về.

Hưng Đạo vương cũng lui vào nhà trong đi nghỉ. Ngũ Lão bấy giờ chán ngán quá đỗi, bất đắc dĩ lại phải lủi thủi trở ra về. Một mình lững thững ở trên đường cái, thỉnh thoảng lại ngoảnh trông giở lại Vương phủ, có ý dòm xem họa có thấy người ý trung nhân của mình chăng. Nhưng đó là một tấm lòng "si" của Phạm Ngũ Lão, chứ có khi nào một vị công chúa mà lại thâm thọt ra ngoài cửa công đường để còn trông thấy được. Ngũ Lão cứ đi vài ba bước thời lại đứng dừng lại, có lúc chân không xuống đất, bị vấp phải đá ngã chúi mũi xuống, làm cho trẻ con hàng phố cười ồ cả lên. Ngũ Lão bấy giờ mới tỉnh lại,

biết là cái dáng điệu của mình ngơ ngẩn quá, liền vội vàng rảo chân đi thẳng về nhà. Về đến nhà, Ngũ Lão càng nghĩ càng lấy làm băn khoăn khó chịu, lại căm tức với những cái tin đồn khi trước. Tự nghĩ chẳng nhẽ những nhời nói, những hình dáng đã hiển hiện ra ở trước mắt mình bấy lâu, mà lại đều là một chuyện ở trong giấc mộng cả hay sao? Không thể nào dằn lòng được, nên sáng sớm hôm sau, Ngũ Lão lại dò vào vương phủ thật sớm, một là dò xem ý tứ Hưng Đạo vương ra sao, hai là họa may có thể được trông thấy người ý trung nhân của mình chăng?

Khi vào đến nơi, thì Hưng Đạo vương hãy còn ngủ. Chờ chực một hồi lâu vẫn chưa thấy ngài thức dậy. Liền giả cách đi dạo ra vườn hoa, mượn tiếng ngắm xem phong cảnh, rồi lần lần đi đến trước lầu diệu nguyệt [1], đương lúc tần ngần ngắm nghía, liếc mắt trông lên trên lầu, thấy ở giữa có một bức rèm son buông phủ, hai bên rèm, và ngoài gần chỗ bao lan, bày la liệt các chậu hoa. Một trận gió thoảng bay xuống ngào ngạt. Ngũ Lão đứng một mình được hưởng thụ những mùi hương thơm bát ngát ấy, trong tinh thần giới lấy làm sảng khoái bội phần. Bỗng nghe thấy có ba tiếng gọi: "Bớ Xuân Hoa" lanh lảnh từ trong bức mành lọt ra. Ngũ Lão nghe thấy là tiếng của Nguyên công chúa, vì từ khi đi đón phu nhân và công chúa, đã từng được nghe tiếng nói của công chúa nhiều lần. Tiếp sau ba tiếng gọi ấy, nghe có một tiếng "dạ", rồi thấy con Xuân Hoa từ phía sau lầu chạy lên. Ngũ Lão trông thấy quang cảnh ấy, biết đích là có Nguyên công chúa ở trong lầu. Nhưng vì có bức rèm buông phủ, nên dù có là mắt thần cũng không nhìn qua được bức rèm ấy để mà trông thấy nhan sắc ý trung nhân. Trong tâm khảm của Phạm Ngũ Lão bấy giờ lại giận lây cho cả bức rèm, chỉ những muốn xé bỏ bức rèm ấy làm trăm mảnh mới cam lòng. Chính đương lúc bồi hồi ngơ ngẩn như dại, như ngây, thời Hưng Đạo vương đã thức dậy, đã ra ngồi chơi ngoài công đường, thấy những tên quân hầu xôn xao truyền gọi tấp nập. Ngũ Lão liền vội vàng trở vào yết kiến.

Hưng Đạo vương thấy Phạm Ngũ Lão ngài liền hỏi:

– Nhà ngươi đến đây có việc gì sớm vậy?

Phạm Ngũ Lão vội vàng chắp tay nói:

---

1. *Diệu nguyệt:* diệu có nghĩa là ánh sáng mặt trời mặt trăng – diệu nguyệt là ánh sáng mặt trăng soi vào.

– Bẩm đại vương, tôi ở nhà vô sự vào hầu đại vương.

Hưng Đạo vương chỉ tay cho ngồi vào một chiếc ghế ở bên dưới, sai pha nước cho uống, rồi ngài lại chỉ nói chuyện những đâu, mà tuyệt nhiên vẫn không đả động gì đến việc nhân duyên cả. Phạm Ngũ Lão tuy vâng vâng dạ dạ, nhưng tai nghe một đàng, bụng nghĩ một nẻo, thành ra có câu thưa lại không thưa, có câu nên nói lại không nói. Hưng Đạo vương trông thấy cái tình hình Ngũ Lão như vậy, ngài liền rẽ ràng mà hỏi:

– Sao ta trông nhà ngươi hôm nay vẻ mặt lại đờ đẫn như có ý lo buồn? Tuổi thiếu niên ta phải nên có ý hoạt bát linh động, dù có việc gì đáng lo, có chuyện gì đáng nghĩ, cũng chỉ lo nghĩ qua lúc bấy giờ thôi. Đừng nên lúc nào cũng cứ để canh cánh ở trong lòng, vừa hao tổn cho tinh thần lại giảm mất cả cái chí tinh nhuệ tiến thủ.

Phạm Ngũ Lão thấy vua nói như vậy mới giật mình tỉnh ngộ, nghĩ nhớ lại cái tình hình ngơ ngẩn của mình vừa rồi, thời rất lấy làm bẽn lẽn, liền vội vàng đứng dậy khúm núm nói:

– Bẩm đại vương, tôi vừa mới bị một việc bất như ý, nên sự lo nghĩ không khỏi lộ ra nét mặt.

Những lời vàng ngọc của đại vương chỉ bảo, tôi xin ghi lòng tạc dạ.

Hưng Đạo vương gật đầu cười mà rằng:

– Những việc bất như ý ở đời, mười phần thường có đến tám chín. Câu đó cổ nhân đã từng nói từ trước, vậy ta cũng nên coi là một sự thường, bất tất phải bận lòng làm gì.

Ngài nói đến đấy thời người nhà bưng cơi trầu ra, ngài chỉ bảo Ngũ Lão ăn trầu, rồi ngài lại hỏi:

– Toán quân bản bộ của nhà ngươi, bấy lâu vẫn có thường thao luyện đấy chứ?

– Dạ, cứ trong ba ngày chúng tôi lại đem thao diễn một lần.

Hưng Đạo vương gật đầu mà rằng:

– Ừ, trong thiên hạ dẫu yên nhưng quên sự phòng bị về việc chiến tranh, thời tất nguy. Hôm vừa rồi Chiêu Văn vương cũng có đem ý ấy nói chuyện với ta. Nên chi ta đã có tâu với thánh thượng hạ một đạo sắc dụ xuống cho khắp các vương hầu, các tướng quân ở trong nước định lệ trong mỗi tháng phải đem quân bản bộ ra thao diễn ba kỳ. Nếu

ngoài ba kỳ ấy ra, mà còn thao diễn thêm được ngày nào, càng hay. Nhà ngươi là một bực hậu tiến của triều đình, nếu lưu ý đến việc quân được như thế thời khá lắm. Gặp những khi nào có cùng với các hàng tướng tá đàm đạo, nhà ngươi cũng nên đem cái ý ấy của ta mà nói cho họ nghe. Nhà ngươi lại nên bảo nhau mà nhớ rằng: "Quân Mông Cổ kia nó chửa quên cái hổ nhục bại vong đâu".

Vương nói đến đấy thời có người nhà ra mời xơi cơm. Ngũ Lão không đừng được, phải cáo từ trở ra về.

Khi trở về đến nhà cứ nghĩ vơ nghĩ vẩn một mình, ừ, có nhẽ Nguyên công chúa quả không có ý tình gì với ta đâu.

Nếu không thời sao như lúc ta đứng ở dưới lầu, dù ngượng nghịu không thể cùng ta nói chuyện, cũng nên đi thoáng ra cho ta trông thấy hình dáng mới phải! Còn đến như Hưng Đạo vương, thời có lẽ ngài vì mình là hàng tôi tớ, nên không khi nào ngài lại đem con gái của ngài mà hạ giá như vậy. Thôi, đích thực là thế rồi! Âu là mình cũng cứ nên đành yên phận, đừng nên mong tưởng lắm cho mệt sức. Miễn là mình hãy cứ gắng chí công danh, đến lúc chí đã thành, danh đã toại, thời sẽ tính đến đường gia thất cũng chưa muộn. Vả chăng trong thiên hạ thiếu gì mỹ nhân tài nữ, cứ gì phải với cao, càng thêm mỏi gối.

Ngũ Lão nghĩ như vậy cho nên từ đấy trở đi lửa tình dập tắt như không, bao tâm sự chỉ đem về đến công việc của mình, không còn nghĩ ngợi gì đến tơ duyên như trước nữa.

Cách chừng nửa tháng, bỗng một hôm thấy Hưng Đạo vương cho lính đòi vào dinh. Ngũ Lão liền vội vàng cuốn khăn mặc áo vào hầu, nhưng trong bụng Phạm Ngũ Lão bấy giờ cũng chỉ theo về bổn phận mà vào, chứ không còn có hy vọng gì khác. Khi vào đến nơi, chào lạy xong, Hưng Đạo vương cho ngồi, sai pha nước uống.

Hưng Đạo vương nói chuyện đâu đâu một vài câu, rồi bỗng thấy ngài tỏ ra ý trịnh trọng, trông vào Phạm Ngũ Lão mà hỏi rằng:

– Chẳng hay nhà ngươi ở nhà đã kết duyên Tần Tấn nơi nào chưa?

Lạ thay, cũng là một câu hỏi, mà những câu hỏi khác thời Ngũ Lão vẫn cứ thấy nhạt nhẽo như thường, đến câu hỏi ấy thời làm cho Phạm Ngũ Lão rung động cả tâm hồn hình như một tiếng sét từ trên không đánh "sẹt" qua ngang tai, khiến cho ngọn lửa tình của Phạm Ngũ Lão

đã dập tắt từ bao, đến khi đó bỗng vụt cháy cao lên mười trượng. Một câu hỏi ấy, có thể gọi được là "Tán tương tư Ngũ ôn sứ" chăng?

Ngũ Lão bấy giờ hai má đã đỏ bừng lên như quả hồng chín, trái tim đập rất mạnh, các gân ở đầu khớp đều run run như người rét quá. Phải cố trấn tĩnh lại, rồi đứng lên khúm núm thưa rằng:

– Bẩm đại vương, tôi vốn là con nhà hàn sĩ, nên dù đã tới tráng niên, mà vẫn chưa đính ước với nơi nào cả.

Hưng Đạo vương vẻ mặt lộ ra sắc vui mừng, rồi ngài gật đầu mà rằng:

– Ta thấy nhà ngươi có tài kiêm văn võ, sau này có thể nối được chí ta mà lập công lấy nước, ta rất lấy làm yêu mến. Nhân ta còn một công chúa chưa "xuất các" muốn cho kết duyên cầm sắt với nhà ngươi, chẳng hay ý nghĩ của nhà ngươi ra sao?

Ngũ Lão nghe Hưng Đạo vương nói xong, liền đứng dậy lạy tạ mà rằng:

– Đại vương có lòng thương yêu kẻ tiện hạ này đến thế, tôi thực không còn biết lấy gì mà báo đáp cho được.

Hưng Đạo vương nghe vậy thời mừng lắm, liền trở vào nhà trong nói chuyện với phu nhân. Phu nhân cũng cả mừng mà rằng:

– Các con trai ta tuy đứa nào cũng có biết đủ cả văn lẫn võ, nhưng thực ra thời không có đứa nào xuất sắc cho lắm. Nếu giờ lại được Phạm Ngũ Lão làm con rể, thời sau này anh em nó sẽ rèn cặp nhau, chắc cũng có nhiều bề tiến ích, mà đại vương cũng đỡ được một phần lo lắng về sau.

Hưng Đạo vương nghe vậy liền cười mà rằng:

– Phu nhân nói cũng phải. Nhưng chẳng hay phu nhân đã đem cái ý nghĩa ấy mà nói cho con nó biết chưa? Nếu lỡ con nó lại có ý kiêu kỳ không muốn sánh đôi với kẻ môn hạ sĩ thời làm sao?

Phu nhân nghe Hưng Đạo vương nói, cười mà rằng:

– Xin đại vương không phải lo đến việc ấy. Tôi là mẹ, há lại chẳng biết con hay sao?

Nói rồi liền thuật lại cái sự của Nguyên công chúa cho Hưng Đạo vương nghe.

Hưng Đạo vương nghe xong cũng cười mà rằng:

– Quái! Thảo nào mà phu nhân lại nhớ đến tên Phạm Ngũ Lão trước tôi. Ừ, nếu được vậy thì còn gì bằng.

Rồi đó, ngài liền sai kén ngày, và tự xuất tiền nong ra trao cho Phạm Ngũ Lão để Phạm Ngũ Lão lo việc sính lễ. Đến hôm cưới, ở trong vương phủ trang hoàng một cách rất là rực rỡ. Hưng Đạo vương cho mời tất cả các vương hầu đến dự tiệc. Phạm Ngũ Lão cùng Nguyên công chúa, hai vợ chồng làm lễ thành hôn, thật là trai tài gái sắc, cuộc nhân duyên rất là mỹ mãn, thiết tưởng ở đời thật ít có lứa đôi nào bì kịp.

Cách đó ít lâu, Hưng Đạo vương sai lập riêng một lầu cho vợ chồng Phạm Ngũ Lão ở. Phạm Ngũ Lão bấy giờ đối với Hưng Đạo vương ngoài nghĩa chúa tôi ra, lại thêm cái tình phụ tử, tấm lòng cảm ân đức thực không còn nói sao cho xiết.

Phạm Ngũ Lão thường nói với Nguyên công chúa rằng:

– Tôi sở dĩ cùng được với công chúa sánh duyên, thật chỉ do một tấm lòng ái tài, liên tài của vương phụ, và cái độ lượng quảng bác không chấp nệ về cái "môn đăng hộ đối" của phu nhân, nếu không thời lấy một kẻ hạ sĩ bần hàn như tôi, có khi nào lại dám có cái mộng tưởng làm bán tử [1] một vị đại vương trong nước.

Nguyên công chúa nói:

– Duyên trăm năm kết hợp, vốn là tự trời. Nhưng thực ra thời song thân tôi cũng có một cái tấm lòng khác hẳn với thường tình. Vậy nói đến nghĩa đền ơn báo đức, thiết tưởng e không thoát được tục tình.

Phạm Ngũ Lão nói:

– Cái cách đền ơn báo đức của tôi lại càng khác với tục tình nên chi tôi mới dám nói hứa ra như vậy.

Nguyên công chúa nói:

– Vậy chẳng hay phu quân muốn đền ơn báo đức về cách nào mà lại gọi là khác với tục tình?

Phạm Ngũ Lão nói:

– Vương phụ ta bình sinh chỉ lấy việc quân quốc làm trọng. Vậy tôi từ giờ trở đi cũng xin tận tụy với việc quân quốc; thế tức là để báo đền cái ơn đức của phụ vương đó.

---

1. *Bán tử:* con một nửa, tức con rể.

Nguyên công chúa cười mà rằng:

– Nếu được vậy thời còn gì hay bằng. Thế mới thực xứng là bán tử của một vị bảo quốc huân thần đó.

XI

Nói về Thoát Hoan từ khi bại trận trở về, các tướng cũng dần dần trốn thoát theo về kịp. Thoát Hoan tự nghĩ lại từ khi vâng mệnh xuất chinh, trong tay năm, sáu mươi vạn quân binh hùng tướng dũng là dường nào, đã chắc mười phần là thế nào cũng nuốt trôi Nam Việt.

Không những bờ cõi của nước mình càng ngày càng thêm rộng, mà cái oai danh, cái quyền thế của mình chắc cũng không còn ai bì kịp. Nào có ngờ đâu lại té ra hao quân tổn tướng, mười phần giảm đi mất đến năm, sáu phần, thân mình đã vậy lại làm hổ lây cho cả cái tiếng thiên triều!

Càng nghĩ càng lấy làm xấu hổ, càng xấu hổ bao nhiêu lại càng căm tức bấy nhiêu. Căm tức vì một nỗi quân oai của mình hùng cường là thế, tướng tá của mình dũng mãnh là thế, mà đến nỗi bị thua một nước rợ mọi nhỏ nhặt.

Khi về tới triều, vào chầu Nguyên chúa, tâu hết các tình hình bại trận. Nguyên chúa vừa nghe xong, thời lửa giận bốc lên ngùn ngụt, chỉ vào mặt Thoát Hoan mà quát lên rằng:

– Bớ thằng làm nhục nước kia. Khi trước mày tình nguyện và khẩn khoản với ta những thế nào, mà nay để đến nỗi tổn quân chết tướng, nhục quốc táng danh, bị thua với một nước man di nhỏ mọn, không biết hổ thẹn, tự tận đi ngay ở ngoài biên giới mà lại còn dám vác mặt về đây?

Thoát Hoan khóc lóc mà tâu lại rằng:

– Muôn tâu vương phụ, xin vương phụ tha tội cho con được nói hết nhời. Con thực không ngờ rằng một nước rợ mọi, nhỏ mọn như nước Nam Việt mà lại có một viên tướng tài lắm mưu nhiều kế như Trần Quốc Tuấn. Lại có những toán quân cảm tử như những toán quân của bọn vương hầu nước nó. Bởi thế nên con mới đến nỗi bại vong. Nhưng dù sao thời con cũng chỉ mắc lừa một lần. Vậy xin

hoàng phụ tha tội chết, mà cho con cất quân đi một lần nữa, con quyết bắt sống được vua tôi nhà Trần đem về nộp trước sân rồng. Nếu con lại sai lời thời con xin chịu xử theo quân pháp.

Bấy giờ Ô Mã Nhi, A Bát Xích vẫn còn đứng cả ở dưới thềm rồng, Nguyên chúa đòi cả lên mà mắng rằng:

– Trẫm tưởng các ngươi đều là người trí dũng, vậy mới cho các ngươi phù thái tử đi bình Nam. Phàm việc quân tình, phải thương lượng với nhau mà thi hành. Kẻ phải còn có người trái, kẻ nhầm còn có người không nhầm cớ sao để đến nỗi bại binh chết tướng, làm giảm mất cái danh của trẫm. Vậy cái khôn ngoan của các ngươi bình nhật để đâu?

Nói dứt nhời, định truyền đem chém cả Thoát Hoan và các tướng, sau vì có các quần thần can ngăn mới thôi. Giữa hồi đó, Nguyên chúa định cất quân đi đánh Nhật Bản. Nhân thấy việc bại trận ở Nam Việt này, liền lập tức truyền triệu hồi hết cả các đạo quân đi đánh Nhật Bản lại, và sai đóng thêm 300 chiếc chiến thuyền lại truyền hịch cho ba tỉnh Giang Hoài, Hô Quảng và Giang Tây, tụ họp quân sĩ, hẹn đúng tháng tám năm ấy thì cất quân theo đường Khâm, Liêm sang đánh Nam Việt để báo thù trận trước.

Đạo sắc dụ ấy truyền ra, có viên quan giám sát ngự sử thuộc về địa phận tỉnh Hà Nam dâng sớ lên can rằng:

– Quân ta vừa mới bại trận về nước, kẻ dấu vết chưa khỏi, người đau yếu chưa lành, khí giới phần nhiều là mẻ gãy, lương thực hãy còn là thiếu thốn. Vậy xin bệ hạ hãy hoãn kỳ lại cho ít lâu, một là để cho quân sĩ hoàn toàn mạnh khỏe, hai là để cho lương thực được có đủ dồi dào, một mặt sai "gián điệp" sang Nam Việt xem bên nước nó có cái cơ hội nào có thể thừa thế mà đánh được, bấy giờ sẽ cất quân sang đánh cũng chưa muộn.

Nguyên chúa thấy nhời nói phải thời cũng bằng lòng, liền một mặt sức cho các quan ở các tỉnh phải dự bị sẵn binh lương để chờ khi Nam chinh, một mặt gọi Trần Ích Tắc là người đã theo hàng Thoát Hoan từ trước, đến bảo rằng:

– Việc chinh thảo nước Nam Việt thể nào trẫm cũng phải theo cho đạt tới mục đích. Nhưng giờ trẫm còn muốn cho quân sĩ được nghỉ ngơi ít lâu. Vậy hãy cho nhà ngươi ra tạm trú ở Ngạc Châu, ngươi khá tìm lấy một tên người nhà thân tín, sai về nước dò

xem có công việc biến cố, thời bảo nó phải lập tức sang báo ngay, bấy giờ trẫm sẽ thừa cơ cất quân sang đánh, thời chắc thể nào cũng được đại thắng, mà cái ngôi chúa tể ở Nam Việt ngươi sẽ được hưởng thụ ngay.

Trần Ích Tắc cúi đầu vâng mệnh lui ra, đến hôm sau thời đã có mấy viên quan ở Bộ Lại sai đến đưa về Ngạc Châu. Khi về tới Ngạc Châu, Trần Ích Tắc nghĩ ngay đến những nhời huấn dụ của Nguyên chúa mấy hôm trước, liền gọi hai tên đầy tớ thân tín một đứa tên là Nguyễn Tùng, một đứa tên là Lê Bính, vào trong phòng riêng bảo rằng:

– Nay Nguyên chúa bảo ta tìm lấy một người sai về nước dò thám xem có cơ hội nào có thể đánh được, thời lập tức báo sang, Nguyên chúa sẽ lại cất đại quân sang đánh, thời chắc không bao lâu ta sẽ lại được lên ngôi báu.

Vậy trong hai anh, anh nào có thể vì ta mà đương được việc ấy chăng?

Trần Ích Tắc vừa nói dứt nhời, Nguyễn Tùng bỗng mặt đỏ lên bừng bừng:

– Bẩm thưa quan lớn, quan lớn nghĩ như thế thật là sai lắm! Từ khi con thấy quan lớn đi theo mấy người Tàu, con đã lấy làm một điều trái ngược không gì bằng. Nhưng con vẫn sợ quan lớn quở mắng, nên con vẫn cứ ân hận ở trong lòng mà không dám nói ra. Nay quan lớn lại vì nước Tàu mà về do thám nước nhà, thế chẳng hóa ra quan lớn là một người bán nước hay sao? Con thiết tưởng như con đây, từ lúc mới lớn lên đã gửi thân vào làm tôi tớ nhà quan lớn, thời sau này lỡ xảy có điều gì vì quan lớn mà phải chết, con cũng đành chịu chứ không dám sợ chết mà bỏ quan lớn để đi theo người khác. Nay quan lớn vốn là một người tôn thất ở trong nhà Trần, lại nghiễm nhiên là một vị trọng thần của nhà Trần đã trải bao lâu, vậy mà khi giặc Nguyên mới bước sang tới nước nhà, quan lớn không những không lo về việc đánh giặc, mà lại vội vàng lẩn theo giặc trước tiên, giờ lại muốn vì giặc Nguyên mà về do thám trong nước!

Con nói ra bây giờ quan lớn có giết chết ngay con cũng cam lòng, thực ra thời cái tâm địa của quan lớn như thế, con rất lấy làm không phục, con không thể nào vâng mệnh mà theo làm được.

Nguyễn Tùng nói dứt nhời thời hai mắt đỏ hoe lên hình như người muốn khóc, Trần Ích Tắc thấy vậy vừa có ý hổ thẹn, lại vừa căm giận, tức thời vùng vùng đứng dậy đi ra ngoài chái tây một mình, trong bụng phân vân nghĩ ngợi, không biết tìm người nào để sai về nước cho tiện. Bỗng thấy Lê Bính rón rén đi đến đằng sau lưng, sẽ cất tiếng lên nói rằng:

– Bẩm quan lớn, anh ấy nói bậy xin quan lớn đừng giận.

Trần Ích Tắc quay lại trông thấy Lê Bính, liền trừng mắt lên nói gắt rằng:

– Giận... giận gì? Chúng mày cùng một ruộc như nó chứ gì! Đồ khốn nạn! Ông nuôi chúng mày thật là hoài cơm, không nhờ được một việc gì cả, không sai bảo được một việc gì cả.

Lê Bính làm ra vẻ rụt rè khúm núm gãi đầu gãi tai mà rằng:

– Bẩm... bẩm quan lớn, xin quan lớn nguôi giận, nếu quan lớn bằng lòng sai con, con sẽ xin hết lòng không dám để phụ lời quan lớn ủy thác.

Trần Ích Tắc thấy Lê Bính nói vậy, thời tỏ ngay ra vẻ tươi cười, quay lại mà hỏi rằng:

– Thế à! Mày có thể vì ông mà làm được việc ấy à?

– Bẩm vâng, con xin làm được.

Trần Ích Tắc mừng lắm, liền gọi vào trong thư phòng dặn dò hết từng ly, từng tý, lấy cho một gói năm mươi lạng bạc để làm tiền lộ phí, hẹn chỉ đúng trong hai tháng phải đem được tin tức nhà sang tới nơi.

Lê Bính vâng lệnh cầm lấy gói tiền lui ra, trở xuống nhà bếp trông thấy Nguyễn Tùng đương hầm hầm ngồi một mình liền để phịch gói bạc xuống cạnh Nguyễn Tùng mà rằng:

– Này anh, từ nãy đến giờ mà anh vẫn còn giận đấy à? Sao anh nóng nẩy quá thế?

Nguyễn Tùng trông thấy Lê Bính có gói bạc, thì liền nói gắt lên rằng:

– Ối chao ôi! Nóng hay không nóng, giận hay không giận thời mặc cha tôi, có hề gì đến anh! Tôi chúc cho anh đi về chuyến này được phát tài nhé!

Lê Bính mỉm cười vỗ vào vai Nguyễn Tùng mà rằng:

– Thì anh hãy yên lặng để nghe tôi nói một nhời đã nào.

Nguyễn Tùng vẫn gắt, quay lại mà rằng:

– Thì nói chứ gì? Anh phải biết rằng những câu của anh muốn nói với tôi đó, không thể nào lọt vào tai tôi được. Tôi đây lấy cái lòng trung nghĩa làm to, chứ không lấy gói bạc làm quý đâu. Anh biết chưa?

Lê Bính lại mỉm cười mà rằng:

– Chính anh là một người bất trung bất nghĩa, mà anh lại dám tự nhận là trung nghĩa. Sao anh nói ra mà không biết thẹn miệng như thế?

Nguyễn Tùng thấy Lê Bính nói với mình như vậy thời tức đến chết đi được, liền trừng mắt nghiến răng lại mà rằng:

– Anh bảo tôi thế nào là bất trung bất nghĩa? Nào, anh thử nói ra đây tôi nghe, nếu mà trái tai tôi thời đừng có trách tôi là đứa vũ phu nhé!

Lê Bính ung dung mà rằng:

– Này, anh hãy lắng tai mà nghe: Người ta sinh ra ở đời ngoài cha mẹ ra, thời chỉ có vua và nước là đáng trọng hơn cả. Nay mắt anh trông thấy vua và nước sắp bị tai ương rất lớn, mà anh nỡ lờ đi không đoái hoài đến, thế chẳng phải bất trung bất nghĩa là gì?

Nguyễn Tùng nghe Lê Bính nói bấy nhiêu lời thời ngẩn người ra, ngồi lặng yên một lát, rồi dịu lời mà bảo Lê Bính rằng:

– Câu anh nói tôi vẫn chưa hiểu rõ ra thế nào? Anh hãy nói rành mạch lại cho tôi nghe.

Lê Bính nói:

– Ừ, thế anh có chịu là ngoài cha mẹ ra chỉ có vua và nước là trọng hơn cả không?

– Phải, chỉ có vua và nước, chứ còn gì trọng hơn nữa.

Lê Bính nói:

– Vậy thời như bọn chúng ta đây đối với quan lớn ta chẳng qua chỉ là chủ nhà với đứa ở. Đã đành rằng chủ nhà với đứa ở cũng có cái tình nghĩa rất trọng thật đấy. Nhưng so với cái nghĩa tôi với vua, dân với nước, thời hãy còn kém xa. Nay quan lớn ta định đem bán nước ta cho nước Tàu, cái việc đã rành rành mắt ta đã trông thấy, tai ta đã nghe tiếng, nếu ta không tìm ngay lấy cách để

về nước mà báo cho vua ta được biết trước, thời còn gọi là có cái lòng trung nghĩa đối với vua với nước được nữa ư?

Bởi thế cho nên tôi mới thuận thừa ngay cái lời ủy thác của quan lớn định để về nước đem cái tình hình ấy báo với hoàng thượng ta, chứ có phải là tôi hám năm mươi lạng bạc này mà đi nghe lời quan lớn để tìm cách bán nước đâu.

Lê Bính vừa nói đến đấy, Nguyễn Tùng đứng phắt ngay dậy, lạy thụp xuống đất mà rằng:

– Tôi lạy anh! Tôi lạy anh! Nếu không có anh thời không bao giờ tôi hiểu được cái nghĩa lý như thế.

Lê Bính vội vàng đỡ Nguyễn Tùng dậy cười mà rằng:

– Rõ anh thật gàn lắm! Tình nghĩa anh em với nhau, điều hơn lẽ thiệt thời bàn bạc cùng nhau đó là lẽ thường, sao anh lại làm cái trò gì thế?

Bấy giờ Nguyễn Tùng mới ngồi xuống ghế, bỗng lại thở dài mà rằng:

– Thế thời thật may cho anh lắm, anh gặp dịp mà về để tỏ lòng trung nghĩa với vua, còn như tôi thời đã chót nhỡ nói với quan như lúc nãy, biết làm thế nào mà về được nữa!

Lê Bính nói:

– Nếu anh muốn về thực cũng không khó, để tôi sẽ kiếm cách bẩm với quan, anh em ta cùng về cho vui. Rồi đó, Lê Bính vào nói với Trần Ích Tắc là đã lấy nhẽ phải mà khuyên dụ được Nguyễn Tùng và xin cho Nguyễn Tùng cùng về, để lúc đi đường hoặc nhỡ có xảy ra việc gì bất trắc, thời anh em sẽ cùng cứu giúp lẫn nhau.

Trần Ích Tắc nghe lời liền cho cả hai người cùng về nước. Sáng ngày hôm sau hai người sắp sửa hành lý lên đường trở về cố quốc. Khi ở dọc đường, Nguyễn Tùng nói với Lê Bính rằng:

– Anh em mình làm việc này, tuy rằng được trọn trung nghĩa với vua, với nước, nhưng lại hóa ra người bội bạc với chủ.

Lê Bính nói:

– Phàm việc nghĩa, cũng có khi phải cân nhắc nặng nhẹ, chứ không có thể một mực chấp kính được. Ngày trước tôi thường thấy thầy đồ tôi dạy: "Ở đời cổ còn có người vì nghĩa lớn mà đánh giết bỏ cả anh và con", thời mình bây giờ vì vua với nước mà bạc với chủ, cũng phải chứ sao?

Lần lần ngày gió đêm trăng, chưa bao lâu hai người đã về tới bản quốc, liền đi thẳng về kinh thành Thăng Long. Lê Bính nói với Nguyễn Tùng rằng:

– Bây giờ mà ta vào được đến triều đình thời khó lắm, âu là chỉ nên tìm đường vào trong dinh Hưng Đạo đại vương mà phân trần việc ấy, có nhẽ tiện hơn, vả tôi nghe đâu từ hồi biến loạn đến giờ, bao các công việc quân quốc trọng sự, đều do cả ở trong tay Hưng Đạo đại vương, thời mình cứ nói ngay với Hưng Đạo đại vương cũng được.

Nguyễn Tùng nói:

– Anh nói rất phải, dù bây giờ mình có tâu được đến tai hoàng thượng, nhưng rồi sau công việc định liệu ra sao thời hoàng thượng cũng còn phải hỏi đến Hưng Đạo đại vương kia mà.

Sau khi hai người đã cùng nhau bàn định, liền tìm đến dinh Hưng Đạo đại vương. Khi đến cửa, Lê Bính nói với tên lính canh cửa rằng:

– Nhờ cậu vào bẩm với đại vương, hai anh em tôi mới từ bên nước Tàu về, xin vào hầu đại vương trình có việc cơ mật.

Tên lính canh cổng liền nhận lời trở vào. Lúc đó Hưng Đạo vương đương một mình xem sách ở giữa công đường, thấy tên lính vào bẩm, trong bụng ngài đã sinh ngay ra một mối nghi hoặc, liền truyền tên lính cho gọi cả hai người một lượt, rồi cất tiếng lên hỏi:

– Hai chúng bay làm gì ở bên Tàu? Bây giờ về đây có việc gì?

Lê Bính đứng lên trước mà thưa rằng:

– Bẩm đại vương, anh em chúng tôi là người nhà ông Trần Ích Tắc

Lê Bính vừa mới nói đến đấy thời Hưng Đạo vương đã bi ngay sắc mặt, trừng mắt lên mà rằng:

– À, cả hai chúng bay là người nhà thằng Trần Ích T phải không? Vậy thế chúng bay định tới đây làm gì?

Lê Bính trông thấy khí sắc Hưng Đạo đại vương biết ngay rằng ngài có ý căm giận Trần Ích Tắc, liền ung dung mà rằng:

– Bẩm đại vương, xin đại vương nguôi gi... Anh em chún tuy là người nhà ông Trần Ích Tắc, nhưng sở ... chúng t tới đây mà lại vào hầu đại vương, là có ý vì ... với Nam nhà, chứ không phải là vì ông Trần Ích Tắc. ... giận thời anh em chúng tôi mới dám bẩm.

Hưng Đạo vương nghe thấy Lê Bính nói năng một cách đĩnh đạc như vậy, liền gật đầu mà rằng:

– Ừ, có việc gì cho phép chúng bay cứ nói.

Bấy giờ Lê Bính mới đem hết cái tình hình và cái kế hoạch của quân Nguyên, cái tâm sự của Trần Ích Tắc bẩm rõ cho Hưng Đạo vương nghe, rồi lại nói tiếp rằng:

– Anh em chúng tôi cũng biết đi cáo tỏ thế này là bội bạc với chủ. Nhưng chúng tôi nghĩ vua với nước bao giờ cũng trọng hơn chủ, nên mới không từ đường đột mà vào trình bày với đại vương, xin đại vương lượng xét cho.

Hưng Đạo vương nghe xong, rất lấy làm khen cái kiến thức và cái tâm địa của hai người, liền tươi cười mà bảo rằng:

– Hai người biết cân nhắc nặng nhẹ mà làm việc nghĩa như thế, ta đây rất lấy làm bằng lòng.

Ngài nói đến đây thời lại hầm hầm mà nói tiếp rằng:

– Hừ, ta không ngờ thằng Trần Ích Tắc, sinh trưởng vào một nòi quý phú vinh hoa, thân được dự vào cùng hàng cành vàng lá ngọc, mà cái tâm địa lại không bằng hai đứa đầy tớ!

Ngài nói rồi, truyền người lấy ra thưởng cho mỗi người năm mươi lạng bạc và một lạng vàng. Ngài lại gọi cả hai người lên gần mà dặn dò mật kế. Rồi đó hai người lui ra, nghỉ dưỡng sức vài ngày, lại cùng nhau dắt díu lên đường, trở sang Trung Quốc. Khi hai người sang tới nơi, Trần Ích Tắc trông thấy rất lấy làm mừng rỡ, vội vàng hỏi đến tin tức nước nhà, Lê Bính nói rằng:

– Ở trong nước ta, từ sau khi quân của thiên triều đã thất bại kéo về nước, hoàng thượng ta phong cho Hưng Đạo vương vào bực công thần. Vì thế nên những bọn ông Chiêu Văn vương Nhật Duật, Thượng tướng quân Quang Khải, Hoài văn hầu Quốc Toản, v.v... đều có ý bất bình, chia nhau ra thành từng phe từng đảng, mỗi người giữ lấy một toán quân bản bộ kéo đi đóng riêng một nơi, chỉ hầm hè rình nếu Hưng Đạo vương lỡ có điều gì không được chu đáo, thời đem quân đến đánh ngay. Hưng Đạo vương bây giờ chỉ những ngày đêm ngay ngáy lo về việc nội loạn, thế nước rất là nguy nghi, lòng dân rất là xao xuyến, thiết tưởng bên thiên triều có đem quân sang đánh, thời không dịp nào bằng dịp này nữa.

Trần Ích Tắc nghe nói thời mừng quýnh cả lên, rồi lại ngoảnh lại hỏi rằng:

– À thế anh em có đi qua chỗ nhà ta ở ngày trước ấy không? Có thấy thay đổi gì khác không?

Lê Bính nói:

– Bẩm chúng tôi nghe nói hồi lúc quân của thiên triều mới về *nước thời chỗ dinh của quan lớn dùng làm nơi chứa voi, đến giờ* thời voi của toán quân nào đã đem theo về toán quân nấy, nên chỗ dinh cũ lại bỏ không, không dùng làm gì cả.

Cách mấy hôm, Trần Ích Tắc liền làm sớ tâu tình hình ấy cho Nguyên chúa biết. Nguyên chúa tiếp được sớ rất mừng, liền lại quyết kế sang đánh Nam Việt một lần nữa.

Mùa xuân, tháng hai năm Đinh Hợi, niên hiệu Trung Hưng thứ ba (niên hiệu Chí nguyên nhà Nguyên thứ 24, lịch tây 1287) Nguyên chúa kén lấy bảy vạn quân, năm trăm chiếc thuyền ở Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, lại phát sáu nghìn quân ở bốn châu ngoài bể. Sai Thoát Hoan làm Đại nguyên súy, A Bát Xích làm Hành tỉnh tả thừa, Áo Lỗ Xích làm Bình chương chính sự, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp làm Tham chi chính sự, khởi thêm quân trong nước tất cả là ba mươi vạn, cho theo Thoát Hoan sang Nam Việt giả danh đưa Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam quốc vương, lại sai Vạn Hộ là Trương Văn Hổ theo đường bể tải hơn 70 vạn tạ lương sang cấp cho quân ăn.

Thoát Hoan phụng mệnh sắp cất quân đi, sực có cận thần vào tâu với Nguyên chúa rằng:

– Muôn tâu bệ hạ, có một tên tù là Nguyễn Nhan, phạm tội đáng chết, y tình nguyện đi làm hướng đạo sang đánh Nam quốc để chuộc tội.

Nguyễn Nhan tên chữ là Bá Linh (thường gọi là Phạm Nhan), cha là người Quảng Đông, sang buôn bán bên nước Nam, lấy vợ ở làng An Bài huyện Đông Triều bây giờ, sinh ra được Bá Linh. Vốn Bá Linh thuở nhỏ đã tinh ranh, sau lớn lên theo cha về Tàu, học hành cực giỏi, đỗ tiến sĩ triều nhà Nguyên, lại cao tay phù thủy, có phép tàng hình biến hóa. Thường vào trị bệnh cho cung nữ, rồi thường thường lại biến phép hóa hình ra con gián vào cung tư thông với cung nhân. Về sau lộ chuyện, Nguyên chúa lấy làm

căm tức, dùng phép bắt được, tính án trảm quyết. Sau Bá Linh nghe tin Nguyên chúa sai Thoát Hoan đi bình Nam, nên tự xin đi tùng quân để chuộc tội.

Nguyên chúa đang khi muốn báo thù, lại thấy Bá Linh là người có lắm thuật giỏi, vả lại ở nước Nam từ thuở nhỏ, quen biết thông thổ, thì cả mừng mới tha tội chết cho Bá Linh rồi cho theo Thoát Hoan làm hướng đạo.

Bá Linh được lệnh đó mừng rỡ tạ ơn Nguyên chúa, trở về thu xếp ấn quyết, đồ đạc theo Thoát Hoan thẳng Nam Việt tiến phát.

Nói về Nguyễn Tùng, Lê Bính sau khi đã đi khỏi, vừa gặp lúc Chiêu Văn vương và Thượng tướng quân sang chơi, Hưng Đạo vương liền thuật chuyện Nguyễn Tùng, Lê Bính cho hai ngài nghe. Chiêu Văn vương cười mà rằng:

– Tôi không ngờ thằng Trần Ích Tắc mà lại táng tận lương tâm đến thế? Vậy thế sao đại vương không bảo ngay nó cứ mời ngay quân Mông Cổ sang... Đã đánh nhau thời đánh nhau luôn mấy năm cho chúng biết tay!

Thượng tướng quân Quang Khải cũng nói:

– Phải lắm! Cho nó cứ mời ngay cả Nguyên chúa nhà nó sang thời cũng được chứ sợ gì!

Hưng Đạo vương nói:

– Hai ông nói cũng phải, nhưng cái chủ ý của Nguyên chúa và thằng Trần Ích Tắc là sai người sang để dò xem nước ta có cái cơ hội nào có thể đánh được, thời nó mới chịu cất quân. Tôi nghĩ, hiện bây giờ ở nước ta quân lương khí giới đều sẵn đủ, mà lòng dân cũng chính đương lúc phấn chấn thịnh cường, nếu nó đem quân sang đánh ngay hồi này, thời sự kháng cự của ta thật dễ hơn khi trước nhiều. Bởi thế nên tôi mới bảo Nguyễn Tùng, Lê Bính sang Trung Quốc nói với Trần Ích Tắc rằng:

– Hiện ở bên nước nhà, tôi với hai ông cùng với các vương hầu tướng tá, đang ghen ghét nhau vì sự thăng thưởng mà chia thành bè thành đảng, ai nấy chỉ rình những sự đánh nhau...

Hưng Đạo vương vừa mới nói đến đấy, thời Chiêu Văn vương nói ngắt đi rằng:

– Phải lắm! Phải lắm! Đó chính là cái kế dụ địch, có nói thế thời nó mới chịu cất quân sang. Chứ nếu nó biết là ở trong nước mình,

vua, tôi, trên, dưới, đều một lòng một sức, thời nó dại gì mà lại dò sang cho thiệt hại.

Hưng Đạo vương nói:

– Ông đã biết thế, vậy xin từ nay trở đi ông phải thân sức các kẻ thuộc hạ cấm không ai được vì một chút tư ý, tư tình gì, mà sinh ra hiềm khích lẫn nhau.

Thượng tướng quân nói:

– Việc này chẳng hay đại vương đã tâu với hoàng thượng chưa?

Hưng Đạo vương nói:

– Tôi cũng đã định tâu với hoàng thượng, nhưng lại e chẳng qua chỉ thêm mối lo nghĩ cho hoàng thượng. Cái bổn phận mình là kẻ thần tử phải đảm nhiệm lấy những sự lo nghĩ ấy cho hoàng gia còn như khi nào công việc sắp sửa đến nơi, bấy giờ sẽ tâu rõ với ngài cũng chưa muộn.

Hưng Đạo vương nói xong, Chiêu Văn vương và Thượng tướng quân đều lấy làm cảm phục.

Cách đó ít lâu, quả nhiên đã có tin báo về với triều đình rằng: "Nguyên chúa sắp cất quân sang đánh báo thù".

Vua nghe tin liền vời Hưng Đạo vương vào hỏi rằng:

– Thoát Hoan bại trận trở về, chuyến này lại cất quân sang, chắc là do sự căm tức mà tình nguyện đi đánh báo thù. Quân thế chắc thể nào cũng phải mạnh gấp hơn trước nhiều. Vậy chẳng hay dùng kế gì mà chống lại cho được.

Hưng Đạo vương tâu rằng:

– Nước ta đã được trải qua hơn một trăm năm không có ngoại hoạn xâm lấn. Tuy trong nước cũng có một đôi khi phải dụng binh nhưng chẳng qua chỉ đánh những trận nhỏ nhặt tầm thường, và sự tao nhiễu cũng chỉ ở vào trong một vài khu nho nhỏ. Quân dân đã quen hưởng thụ thái bình, không biết gì đến việc chiến trận. Bởi thế nên hai lần trước quân Nguyên kéo sang xâm lấn, trong nước còn có kẻ sợ hãi, mà theo hàng về giặc, hoặc trốn tránh ẩn nấp một nơi, không chịu ra đánh. May nhờ có oai linh của tổ tiên và thần võ của bệ hạ, đi đến đâu đều được trúc chẻ ngói tan, không bao lâu mà đã quét sạch bờ cõi, khôi phục giang sơn. Đến như bây giờ, thời khắp trong nước, quân dân đã rất quen việc chiến trận, mà quân họ thời đi

xa vất vả, đường lối gập ghềnh. Sức đã mệt mỏi thời tinh thần phải suy, còn lấy đâu cái chí hăng hái về sự tiến thủ nữa. Vả chúng lại thấy Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán là ba viên danh tướng mà đều phải bỏ mạng ở nơi chiến trường, thời tất phải đem lòng nghi sợ. Lòng quân đã nghi sợ, thời còn mong sao cho hết sức đánh nhau được nữa. Vậy cứ như ngu ý của Thần hào, thời chuyến này quân Nguyên dù có sang, quân ta phá được chắc là có phần dễ hơn khi trước. Vậy xin bệ hạ đừng lo.

Vua nghe xong, rất lấy làm mừng, liền lại giao cho Hưng Đạo vương việc tiết chế hết các đạo quân ở trong nước; và hịch cho các vương hầu các tướng quân, ai nấy đều phải mộ thêm quân sĩ, sửa sang khí giới để phòng bị về việc công thủ.

Đạo sắc dụ ấy ban bố xuống, các kẻ tráng đinh khắp trong nước đều xô nhau ra ứng mộ.

Có nhà chỉ có ba anh em mà đều tình nguyện xin tòng quân cả. Chủ tướng lấy nghĩa bảo một người phải ở nhà để phụng dưỡng cha mẹ, thời cứ người nọ ủy cho người kia, xét ra ai cũng có ý vì nước liều mình. Đó là nói về các kẻ tráng đinh; còn các nhà phú hộ thời đua nhau kẻ quyên thóc, người quyên tiền; lại có nhà thuê hàng năm, mười người "lò rèn" về nhà, ngày đêm đánh rất nhiều khí giới để đem hiến vào việc quân. Khắp trong nước đi đến đâu cũng nghe có tiếng xôn xao rộn rịp, chỗ này có người nói: "Giặc Nguyên lại sắp sang, chúng ta phải hết sức vì vua vì nước mà đi đánh cho tan...". Chỗ kia có người nói: "Nước ta vì mấy năm bị chinh chiến luôn, chắc các kho tàng cũng không còn được bao nhiêu lương thực, vậy chúng ta phải gom góp lại để quyên giúp nhà vua lấy lương cho quân ăn...". Nói tóm lại, thời người nước ta lúc bấy giờ thật là trên dưới một lòng. Xem đến đây, dù chưa thấy cuộc đánh nhau, ta cũng có thể đoán trước được là nước ta sẽ theo phần thắng toàn được.

Hưng Đạo vương thúc các tướng tiến thẳng đến phá trại. Thoát Hoan chia quân giữ vững hai trại, quan quân phá luôn ba ngày không vỡ.

Hưng Đạo vương mới truyền lệnh cho các tướng lui quân cách trại Nguyên ba dặm hạ trại đóng quân. Còn ngài thời đem đại quân lui về đóng tại làng A Sào thuộc huyện Phụ Dực, đó là một nơi chứa lương thảo cực nhiều.

Thoát Hoan giữ được nửa tháng nghe thế đã núng lắm, muốn rút quân về nước. Định sai Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp dẫn thủy quân theo đường sông Bạch Đằng về trước. Còn mặt bộ thì sai Trình Bằng Phi, Trương Quân dẫn binh đi chặn hậu, mình thì đem các tướng đi giữa, định vài hôm nữa thời về.

Nhưng tuy kế hoạch đã định sẵn như vậy, chưa dám quyết thời Hưng Đạo vương đã sai quân do thám biết hết tình đầu, rồi liền gọi Thượng tướng quân Nguyễn Khoái ra bảo rằng:

– Quân Nguyên không mấy bữa nữa thì rút về Tàu, thủy quân tất kéo về trước, vậy Nguyễn tướng quân khá dẫn quân lẻn qua đường tắt lên mé thượng du sông Bạch Đằng, kiếm gỗ đẽo nhọn đóng khắp giữa lòng sông, khi nước thủy triều tràn lên, hễ thấy thuyền giặc đi qua, thì ngươi dẫn quân kéo ra khiêu chiến, dử cho quân giặc qua chỗ đóng cọc, nhân lúc nước thủy triều xuống, thì ngươi quay binh lại, hết sức mà đánh, chắc là bắt hết được quân Nguyên.

Nguyễn Khoái vâng mệnh dẫn quân đi. Hưng Đạo vương lại truyền gọi Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa đến bảo rằng:

– Hai tướng quân nên dẫn 3 vạn quân phục ở ải Nội Bàng. Quân Nguyên tất chạy qua đấy để về Tàu. Lúc nào đi qua, tướng quân đổ ra mà đánh.

Hai tướng quân phụng mệnh dẫn quân đi.

Hưng Đạo vương sai phái đâu đấy xong rồi, liền sắp sửa dẫn bộ tướng tiến quân lên phá trại giặc, sực có tin báo rằng: Ô Mã Nhi đã kéo quân về đến Bạch Đằng.

Hưng Đạo vương nổi giận hô quân sĩ trỏ xuống Hóa Giang mà thề rằng:

– Trận này không phá xong giặc Nguyên, thời thề không đến sông này nữa!

Quân sĩ dạ ran, ngài vội nhảy lên voi thúc quân kéo tắt ngang qua sông, qua Hải Dương ra Bạch Đằng, khi tới bờ sông Hóa Giang thì nước bể Thái Bình xuống đã kiệt, nhưng lòng sông hãy còn bùn lầy, hết thẩy nam phụ lão ấu gần đó, tranh nhau đem rơm, đem ván để độn lấy lối voi đi, nhưng con voi của ngài to quá, khỏe quá, lúc đi tới lòng sông, không may sa lầy, khiêng mãi không lên được, ngài phải chịu bỏ voi ở đấy, kéo quân đi bộ. Lúc ngài đi, con voi cứ

ứa nước mắt trông theo, ngài ngoảnh lại, không nín được cũng chảy nước mắt ra, nhưng ngài phải nói trấn áp rằng:

– Ta thương là thương con voi trung với nước và có nghĩa với ta, chớ không phải sợ điềm bất thường đâu. Hễ đứa nào nôn nao thì hãy trông thanh thần kiếm của ta này!

Quân sĩ đều reo lên rằng:

– Xin "Quyết chiến! Quyết chiến!"

Rồi kéo một mạch đến sông Bạch Đằng.

Khi ấy, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp theo dòng sông Bạch Đằng vừa đi được vài dặm thủy trình bỗng nghe trống đánh rầm rầm, thấy một tướng dẫn một đội chiến thuyền xông lại đánh. Ô Mã Nhi cả giận thúc quân vào đánh. Nguyễn Khoái liền trá bại quay thuyền chạy, bấy giờ gặp lúc thủy triều lên, mặt nước mênh mông. Ô Mã Nhi vô tình cứ tưởng quân Nam thua thật, liền cứ thúc quân đuổi theo, Nguyễn Khoái dử cho đi xa khỏi chỗ đóng cọc, rồi mới truyền lệnh nhất tề quay binh đánh vật lại. Ô Mã Nhi đánh cũng hăng, may có đại quân của Hưng Đạo vương kéo đến, Ô Mã Nhi thấy quan quân to thế lắm mới cùng Phàn Tiếp quay thuyền chạy về. Khi đến khúc sông đóng cọc, nước thủy triều đã rút, thuyền của quân Nguyên vướng phải cọc đổ nghiêng đổ ngửa, đắm vỡ rất nhiều. Quan quân thừa thế đánh tràn, quân Nguyên chết như rạ, trong phút chốc mà khúc sông đang trắng hóa ra đỏ ngầu, còn bị bắt sống cũng nhiều. Đỗ Hành bắt sống được Ô Mã Nhi và hai tì tướng là Tích Lệ, Cơ Ngọc; Phàn Tiếp thời bị Nguyễn Khoái tóm được và cướp được hơn 400 chiếc chiến thuyền.

Khi khải hoàn, Hưng Đạo vương về qua sông Hóa Giang thì nước thủy triều lên to, voi chìm mất đã lâu, ngài mới sai xây một con voi gạch ở bên sông để kỷ công.

Nói về Thoát Hoan nghe tin quân thủy vỡ rồi, dẫn bọn Trình Bằng Phi, A Bát Xích, Áo Lỗ Xích, Trương Quân, Trương Ngọc, chạy đường bộ về đến ải Nội Bàng đang đi bỗng thấy chiêng trống rầm rầm, quân reo dậy đất, một toán quân từ khe núi tiến ra như hổ như lang, đi đầu có hai viên thiếu niên tướng quân chỉ thương vào mặt Thoát Hoan mà thét to lên rằng:

– Bớ Nguyên tặc! Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa đợi mi ở đây đã lâu rồi!

Thoát Hoan đang lúc lo ngại, lại nghe thấy tiếng thét của Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa như vậy thời xiết bao kinh hồn táng đởm, chỉ còn có một cách là bảo các tướng cố tìm đường tháo chạy... Trương Quân dẫn 3.000 quân đi đoạn hậu, cố liều chết lăn xả vào đánh, bị Phạm Ngũ Lão chém chết. Thoát Hoan chạy thoát được ra khỏi cửa ải, quân sĩ mười phần đã chết 5, 6 phần.

Thoát Hoan nghĩ mình trước danh giá là dường nào, tướng tá cũng rất nhiều, đem quân sang đánh một nước nhỏ như vậy, mà đến nỗi thua liểng xiểng, thời lấy làm xấu hổ, trong bụng sầu não vô cùng. Các tướng, kẻ bị thương, người chết hụt, khi bước chân đi thời hùng dũng uy phong, tưởng chừng có thể đạp tan non tản ra làm đất bằng, mà bây giờ đều cùng nhau vác bộ mặt buồn rầu tiu nghỉu. Khí giới cái thì gãy, cái thì quằn mẻ, cờ tàn rách rưới, giáp trụ tồi tàn, rất là tiều tụy...

Thoát Hoan trông thấy quang cảnh như vậy, ứa nước mắt mà bảo với các tướng rằng:

– Bản súy từ khi theo Hoàng phụ đi đánh đông dẹp bắc chưa có khi nào thảm nhục đến thế này!

Các tướng thấy vậy đều lấy làm cảm động. Đang khi buồn rầu, bỗng lại có điệp văn chạy về báo rằng:

– Tự cửa ải Nữ Nhi đến mãi núi Kỳ Cấp hơn 100 dặm đường đất, chỗ nào cũng có đồn ải chặn hết đường quân ta kéo về. Quân Nguyên nghe tin ấy, ai nấy không còn có máu mặt. Thoát Hoan bảo với các tướng rằng:

– Quân ta đã đến đường đất này, ở đây cũng chết mà về cũng khó, thôi thì phải liều đánh một phen nữa may ra về thoát được chăng.

Các tướng ngơ ngác trông nhau mà nói rằng:

– Thưa chủ súy, quân ta phần nhiều là quân bị thương, còn người nào không thì cũng mệt nhọc cả rồi, còn đánh làm sao được nữa.

Các tướng nói vậy, nhưng chẳng lẽ ở lại để chịu chết đành đánh liều kéo quân đi, sực lại nghe thấy mé sau có tiếng reo ầm ầm quân đuổi theo sắp kéo đến. Thoát Hoan vội vàng sai A Bát Xích, Trương Ngọc dẫn quân đi trước mở đường, Áo Lỗ Xích đi đoạn hậu, còn mình thời dẫn các tướng đi giữa.

A Bát Xích, Trương Ngọc dẫn quân đi trước mở đường, gặp phải quan quân chặn đường, hết sức ra đánh. Quan quân dừng đôi bên sườn núi, bắn tên thuốc độc xuống như mưa. A Bát Xích, Trương Ngọc bị thương tử trận, quân sĩ chết như rạ, thây nằm ngổn ngang từng đống duy có bọn Trình Bằng Phi hết sức giữ gìn cho Thoát Hoan chạy ra Đan Kỳ qua Lộc Châu rồi lẻn đi con đường tắt về châu Tư Minh.

Áo Lỗ Xích đi sau may cũng chạy thoát được mới nhặt nhạnh tàn quân theo Thoát Hoan về Yên Kinh.

Lại nói về Hưng Đạo vương đã trừ được hết quân Mông Cổ mới hội họp các tướng rước xa giá Thái thượng hoàng và vua Trần Nhân Tôn về cung. Khi về đến Long Hưng, Thượng hoàng cùng vua vào làm lễ bái yết Chiêu lăng rồi đem bọn tướng Nguyên bắt được là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc, dâng nộp tại trước lăng Tiên đế.

Khi ấy, vua thấy lăng tẩm khác xưa, những con ngựa đá con nào chân cũng dính bùn, vua nghĩ rằng trong khi chinh chiến có lẽ anh linh của Tiên đế ngài cũng cỡi ngựa đi giúp. Nghĩ vậy thì rất lấy làm cảm động, nên đọc lên một câu thơ rằng:

Xã tắc mấy phen bon ngựa đá,
Sơn hà muôn thủa vững âu vàng.

Tế lễ xong đâu đấy, Hưng Đạo vương rước xa giá về Thăng Long. Vua trông thấy non sông lại yên bình như cũ, mừng rỡ vô cùng mà bảo Hưng Đạo vương rằng:

– Nhà nước ta mấy phen nguy mà lại yên, là bởi nhờ sức của Vương huynh cả.

Hưng Đạo vương tâu rằng:

– Thần đâu dám nhận công ấy, đó là hồng phúc của nhà vua cùng các tướng đồng tâm hết sức chứ thần thời có tài gì? Vua sai mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, cho dân sự mở hội vui vẻ ba ngày, gọi là "Thái bình diên yến".

Nói về Nguyên Thái tử là Thoát Hoan từ khi bại trận lẩn lủi về tới Yên Kinh vào chầu Nguyên chúa thuật lại tình hình bại trận. Nguyên chúa nổi giận đùng đùng muốn cất quân báo thù một phen nữa. Các quan quỳ xuống tâu rằng:

– Muôn tâu thánh thượng, Nam Bắc chia cõi là định bởi số của Ngọc Hoàng thượng đế. Vả lại bên Nam Việt, vua tôi đồng lòng, đồng

tâm lại có Hưng Đạo vương làm Nguyên soái là người giỏi việc dùng binh, biến hóa như thần dù đến Tôn, Ngô sống lại, Tư Mã phục sinh cũng chưa chắc có thắng nổi. Vì thế nên ta đã ba phen vượt qua cửa ải, mà lại đều thua liểng xiểng. Chi bằng bây giờ ta hãy nghỉ việc dùng binh, thông đường hòa hiếu, để dưỡng sức muôn dân.

Nguyên chúa nghe dịu tai mới thôi.

Lại nói về vua Nhân Tôn sau khi đã xong các việc ở triều chính lại về cung hầu Thượng hoàng, một hôm nghĩ rằng: Mình tuy thắng được quân Nguyên ba phen, nhưng nước mình vẫn là nước nhỏ, không thể hơi sức nào mà địch được mãi với Nguyên triều được. Vì thế ngài muốn giảng hòa với Nguyên, mới sai em Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Thứ sang sứ xin theo lệ cống hiến như xưa.

Nguyên chúa biết cơ chưa làm gì nổi, vậy cũng nghe lời cho thông hòa.

Tháng hai mùa xuân năm Kỷ Sửu, là niên hiệu Trung Hưng thứ năm (niên hiệu Chí Nguyên nhà Nguyên thứ 26, lịch tây 1289) vua đã thông hòa với nhà Nguyên, mới sai Tòng Nghĩa Lang là Nguyễn Thịnh đưa bọn tướng Nguyên bị bắt là Tích Lệ, Cơ Ngọc về Tàu trước, còn Phàn Tiếp vì lo thành bệnh mà chết, vua liền sai đem hỏa táng, cấp ngựa và lương thảo cho vợ con Phàn Tiếp, cho đem hài cốt chồng về nước. Những các đầu mục cũng tha cho về cả. Duy có Ô Mã Nhi giết hại nhiều người, vua căm tức vô cùng, không muốn tha về, nhưng ngại đường hòa hiếu, mới hỏi Hưng Đạo vương xem xử cách gì cho giết được Ô Mã Nhi mà Nguyên triều không trách được. Hưng Đạo vương tâu rằng:

– Bệ hạ muốn giết Ô Mã Nhi, và Nguyên chúa cũng không trách được, thì chỉ sai vài người thủy thủ tài lội đưa thuyền Ô Mã Nhi về, khi thuyền ra đến bể thì đục thuyền đánh đắm đi, rồi cho người sang nói với Nguyên chúa rằng vì thuyền đắm mà chết, thì Nguyên chúa cũng không trách vào đâu được.

Vua nghe lời, sai Nội thư gia là Hoàng Tá Thốn đưa Ô Mã Nhi về nước, ra đến bể thì thuyền đắm, Ô Mã Nhi chết đuối dưới bể.

Hoàng Tá Thốn biết lội lẻn được đi thẳng về Yên Kinh vào tâu với Nguyên chúa rằng:

– Tôi phụng mệnh đưa Tham chính về thượng quốc chẳng may đi bể phong ba đắm thuyền, Tham chính nhớn lắm chúng tôi vớt không nổi nên bị chết đuối.

Nguyên chúa tưởng sự thực, sai đề hình là Lưu Đình Trực, Lễ bộ Thị lang là Lý Tư Diễn đem chiếu chỉ sang tuyên phong. Vua sai Hưng Đạo vương khoản tiếp bọn Lưu Đình Trực và Lý Tư Diễn, lưu lại 10 ngày, tình ý đôi bên hoan hỉ lắm.

Bọn Đình Trực cáo từ trở về bản quốc. Vua liền sai Đàm Minh đem đồ lễ vật sang cống hiến nhà Nguyên, từ đó Nam Bắc đôi bên lại thông hòa như trước.

Nhà in Nhật Nam, Hà Nội, 1935.

VUA BÀ TRIỆU ẨU
(Tiểu thuyết lịch sử – Trích)

Vua Bà Triệu Ẩu cũng là một tiểu thuyết qui mô gần ngang với *Hai Bà đánh giặc*.

Truyện bắt đầu từ việc Lã Đại dẹp sự chống đối của Sĩ Huy, con Sĩ Nhiếp mà thiết lập một nền cai trị khốc liệt ở quận Giao Châu.

Chiếng Vân cùng Triệu Trinh Nương đánh bốn tên tướng cướp Tàu Tôn Mục, Ngõa Phong, Lưu Anh, Mã Củng ở hồi thứ nhất là màn đầu của cuộc khởi nghĩa.

Cuộc chiến đấu tiếp diễn cho đến hồi cuối cùng, cả nhà Triệu Thị Trinh hy sinh vì nghĩa lớn, Vua Bà tung hoành cho đến hơi sức cuối cùng trước khi tự sát.

Truyện có 12 hồi, chúng tôi chọn trích 5 hồi: I, III, IV, VIII, XII.

Hồi thứ nhất

Chớp nhoáng sao sa một phen ác chiến
Mưa gào gió thét hai buổi cùng chung

Nhà Chiếng Vân, vừa điền tốt, vừa gia đinh, có cả tới hơn mười người, đều ngủ cả ở một chiếc nhà làm lúa, ngay gần cổng vào. Khi chúng nghe tiếng chủ gọi, đều cập quạng nhảy bổ dậy, người vác tay thước, người mang câu liêm, người vớ lấy rựa phát bờ, người vớ lấy "thuổn" đào chuột... mở cửa chạy ra, ai cũng muốn nhanh chân chạy trước, để cấp cứu chủ nhà. Vì họ nghe tiếng gọi, và tiếng reo hò, đã biết là nhà có cướp... Ngờ đâu, vừa chạy ra khỏi cửa, anh này kêu "ối", anh kia kêu "ối", rồi đến cả hơn mười người đều kêu "ối"! Té ra, ngoài cửa, bên địch họ đã rắc đầy những "chông cuốn" với gai bồ kếp. Ai nấy đều bị đâm ngang, đâm dọc, máu chảy lễ loái... Có người đau quá, ngồi phệt ngay xuống đất, lại bị luôn 2, 3 cái gai bồ kếp, hoặc chông nứa cắm ngay vào mông, thật là "phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí"... Rồi đó, tất cả bọn hơn mười người, đành cứ suýt xoa dền dẫm, bó gối mà ngồi trông nhau, chủ mặc chủ, không còn ai phó cứu được nữa...

Chiếng Vân đánh nhau ở trên nóc nhà một hồi lâu, thấy thế của mình càng núng quá, mà ngó mãi vẫn không thấy gia nhân phó cứu. Bất đắc dĩ, quay mã tấu ra đằng sau, thừa thế nhẩy phóc sang nóc nhà tiền tế, định dần dần nhẩy ra cổng, tìm đường chạy trốn. Chẳng ngờ khi vừa mới nhẩy đến nóc cổng, tên tướng địch đã gọi to lên rằng:

– Tôn, Ngõa, Lưu, Mã tiếp ứng mau! Đừng để cho nó tẩu thoát...

Dứt nhời, Tôn, Ngõa, Lưu, Mã, bốn tên đều nhảy xổ cả đến. Tôn Mục cầm kích, Ngõa Phong cầm chùy, Lưu Anh cầm thương, Mã Củng cầm giản. Cả 4 thứ binh khí đồng thời cất lên, đánh vào Chiếng Vân như mưa. Chiếng Vân thấy thế nguy bách quá liền cất tiếng gọi to lên:

– Bớ quân cường bạo! Ta với mi có thù hằn gì, mà mi lại bách ta đến thế?

Chưa dứt lời, thời trượt chân ngã bổ nhào ra phía ngoài cổng. Tức thời cả 6 tên đều nhảy cả lại, 6 thứ binh khí đồng thời giáng xuống... Bỗng nghe thấy một tiếng "bốp", tiếp luôn với một tiếng "ối". Tôn Mục ngã phục xuống chết tươi... Giữa lúc ấy, Chiếng Vân đã dùng thế "lý ngư quá hải" chường ra cách chỗ bị ngã tới hơn mười thước. Mấy thứ binh khí của bọn Tôn, Lưu đã giáng xuống dở dang, không kịp dừng lại, đều nhất tề giáng cả vào Tôn Mục, tức thời xác Tôn Mục bị phân ra làm 3, 4 đoạn... Tên tướng địch thấy vậy tức quá, gầm thét lên như hổ, nhảy bổ ngay cả lại, vây bọc lấy Chiếng Vân. Chiếng Vân bấy giờ đã choáng cả người, mà thanh mã tấu cũng đã bị mẻ nhằm mẻ nhừ... Đang lúc sống chết díp nhau [1] không tày sợi tóc, bỗng nghe thấy có tiếng thét rất to:

– Xin bá phụ để nữ điệt [2] giết bọn cường bạo ấy cho... Vừa dứt tiếng, một cái bóng đen từ trên ngọn cây "xi" gần đấy, nhảy vụt đến, hiện ra một người con gái hình vóc đẫy đà cao lớn, suốt mình mặc toàn đồ vải màu chàm, hai tay cầm hai thanh thư hùng kiếm, múa tít lên như mưa sa, khiến cho cả 5 tên địch hoa cả mắt, lạnh cả người. Tên tướng địch cũng không vừa, tay cầm chiếc đại phủ, bổ ngang chém dọc, hất ngược, gạt xuôi, tiếng cứ kêu vùn vụt như gió.

Tuy vậy, vẫn không thể địch được với hai thanh kiếm của người

1. *Díp nhau:* gần sát nhau.
2. *Nữ điệt:* cháu gái.

con gái. Một lát, nghe thấy một tiếng rú lên, Phi Hùng bị gạt rơi mất đại đao; tiếp luôn một tiếng rú nữa, Lưu Anh bị chém gẫy mất trường thương... Tên tướng địch thấy thủ hạ của mình đều thất bại, mà khí thế của người con gái càng đánh càng hăng, chẳng khác một con hổ dữ mới sổ xuống đồng bằng. Lại thêm Chiếng Vân bấy giờ cũng đã chạy lại hiệp lực cự chiến với người con gái. Biết thế mình không thể địch được, liền hô to lên một tiếng:

– Chư tướng! Ta hãy tha cho nó buổi hôm nay!...

Dứt nhời, quay đại phủ lại sau lưng, nhằm thẳng về phía Đông mà chạy. Người con gái thấy vậy, không chịu bỏ, vừa đuổi, vừa quát to lên rằng:

– Quân cường bạo! Chúng bay có chạy lên đằng trời!

Quân tướng bọn bên địch thấy người con gái cố đuổi thời chạy rẽ cả phía núi Hùng Sơn.

Chiếng Vân tuy đã mỏi, nhưng vì thấy người con gái cố đuổi sợ thế cô, lỡ bên địch có quân viện thời không sao chống được, nên cũng gắng sức đuổi theo. Bấy giờ đêm đã khuya, những ngôi sao ở trên trời đã nhàn nhạt đi dần. Chiếng Vân vừa chạy vừa gọi:

– Điệt nữ! Hãy trở lại nghỉ, không hơi đâu mà đuổi mãi chúng nó!

Người con gái nghe tiếng Chiếng Vân gọi, thời liền dừng bước, quay lại, cất tiếng hỏi Chiếng Vân:

– Sao bá phụ không cho tôi đuổi, để giết sạch bỏ chúng nó đi. Còn để nó lỡ nó lại báo thù thì sao?

Chiếng Vân nói:

– Thế nào nó cũng báo thù. Nhưng trong sách đã dạy: "Giặc cùng không nên đuổi" ta chỉ e lỡ nó có viện binh thời mình thế cô, khó lòng chống lại được.

Người con gái thấy Chiếng Vân nói vậy, thời lặng yên không nói gì. Rồi cả hai người cũng lật đật trở về. Về đến cổng, trông thấy thây Tôn Mục, người con gái cười mà rằng:

– Rõ đồ khốn nạn! Bị quả báo ngay trước mắt. Người đánh chưa chết, bị ngay đồng đảng băm ra làm mấy mảnh.

Chiếng Vân vào đến trong nhà, mới biết là bọn gia đinh bị thương, liền phì cười mà rằng:

– Chúng bay thật vô ý. Phàm gặp lúc trong nhà bị giặc cướp

kéo đến, mình có trở dậy cũng nên lựa bước mà đi, chứ có đời nào lại cả hơn mười đứa bị mắc chông ngay một lúc bao giờ. Biết chúng bay thế, thà ta cứ để yên mà ngủ cho rảnh!...

Nói rồi, bảo mấy tên không đau lắm, đem vùi bỏ xác tên cướp, và rút tước bỏ gai bồ kếp với chông của chúng ra. Dọn dẹp xong thời vừa tảng sáng. Chiếng Vân ngồi một mình ngẫm nghĩ: không biết ở đâu lại sinh suất ra mấy tên cường bạo như vậy? Nếu ta hôm nay không có người cứu thời quyết khó toàn được! Nghĩ vậy, bỗng lại tặc lưỡi lắc đầu nói một mình: ấy chà! Ta không ngờ con người ấy mà lại có cái võ nghệ tuyệt luân siêu quần đến thế! Bạn ta thật không chết!...

Nói rồi, bỗng lại hình như tỉnh ngộ, giậm chân xuống đất mà nói:

– Thôi chết rồi! Bây giờ ta mới nghĩ ra, bọn cường bạo ấy có phải là người mình đâu, chính nó là người Hán. Chà! Đích rồi! Nhưng vì sao mà nó lại định đến hại ta?... Chẳng lẽ vì việc ấy?...

Việc ấy, quyết không khi nào lại quyết liệt đến thế. Lạ! Lạ quá!

Chính đang lúc lẩm bẩm một mình, bỗng có tiếng kẹt cửa, người con gái bước vào. Chiếng Vân vội cất tiếng lên hỏi:

– Cháu không đi nghỉ kẻo mệt?...

Người con gái tươi cười nói:

– Cháu vốn không quen ngủ ngày. Vả đánh nhau một lát như thế, có thấm vào đâu mà mệt!

Chiếng Vân chưa kịp nói sao, thời người con gái lại nói tiếp:

– Bá phụ nên phòng bị, e tối nay chúng lại đến báo thù, mà có lẽ lại đông hơn hôm qua...

Chiếng Vân nói:

– Bác cũng nghĩ thế. Nhưng bọn thủ hạ nhà này vô dụng lắm. Dù có muốn sai chúng nó việc gì, cũng khó lòng làm được như ý định của mình. Đấy cháu chẳng xem, mới có một tý như thế, mà đã mắc chông cả nút, thật chán!

Người con gái cười mà rằng:

– Chấp chi chúng nó. Ấy nghe tiếng chủ gọi mà còn dám chạy ra như thế, kể cũng còn là giỏi lắm đấy. Còn nhớ ngày nào ở vùng cháu, có một đứa chơi “diều”, dây diều nó vót bẹt và mỏng như lá “hẹ”, một hôm có gió to, đem diều thả, diều lên bổng rồi, “cọc” vào

trên một bãi tha ma, dây diều vì *gió đánh đi đánh lại, phát ra một* thứ tiếng cứ "vì vụt, vì vụt" suốt đêm. Không biết có một đứa ranh nào phao lên một câu "có thần trăn đến, sắp ăn thịt cả làng..." ấy chỉ có thế thôi, mà cả làng đóng cửa, đóng cổng, không ai giám nhò đầu ra ngoài, đến nỗi rửa đái ra cả trong xó nhà. Mãi đến khi gió tạnh, diều "trật", tiếng vì vụt không còn, mới dần dần dám nhò ra... Dân ngu hay nhát, nghĩ lắm lúc cũng bật cười, mà lại đáng thương...

Chiếng Vân nghe người con gái nói xong, bất giác cũng phì cười, rồi nói:

– Bây giờ quanh quẩn chỉ có mình bác với cháu, thực cũng không còn biết phòng bị cách nào...

Người con gái nghe xong, trầm ngâm một lát rồi tỏ ra vẻ vui mừng mà rằng:

– Có lẽ chiều nay, em cháu cũng đến đây đón cháu. Có nó cũng giúp được một tay...

Chiếng Vân nghe vậy, cũng mừng. Đến chiều ngày hôm ấy, quả nhiên có một người thiếu niên, tuổi mới độ 16, 17, tuy sức vóc hãy còn bé nhỏ, mà coi người rất là tinh anh lanh lợi.

Người thiếu niên vào yết kiến Chiếng Vân, người con gái chạy vồn vã hỏi:

– Em đi từ lúc nào mà giờ đã đến đây?

– Gà gáy lần thứ hai em mới đi...

– Ở bên ấy vẫn bình tĩnh cả chứ?

– Vâng.

– Có đến thêm được người nào không?

– Được 42 người.

– Có ai xuất sắc không?

– Có một người mới 20 tuổi, cứ kể tài võ dũng của người ấy hơn em nhiều.

Người con gái tỏ ra vẻ vui mừng, vội hỏi lại:

– Hơn em kia? Sao em biết?

– Vì lúc người ấy mới đi gần đến cổng trại, gặp một con trâu rất lớn "lồng" từ phía sông lại, bao nhiêu người gần đấy đều chạy dạt cả, người ấy nhẩy sổ ngay lại, nắm lấy đuôi trâu, kéo giật lùi nó đi mãi

đến hai ba thước, làm con trâu phải kêu rống lên như bị đâm tiết, rồi què mất một chân...

Người con gái mỉm cười mà rằng:

– Kể cũng giỏi đấy. Nhưng hữu dũng vô mưu, thời cũng chưa được là tướng tài...

Người thiếu niên nói:

– Chị cứ kén ngặt như thế thời lấy đâu được?

Người con gái cười, nói:

– Có phải là chị kén ngặt đâu. Ở đời bây giờ kiếm được một người có gan dám theo mình, cũng đã hiếm lắm rồi!

Chiếng Vân nói tiếp:

– Phải, cháu nghĩ như thế thật phải lắm! Đấy chẳng thấy chán người cứ ngoài miệng thời nói như thánh như thần, mà đến lúc làm có việc thời co vòi, rụt cổ, hình như đã có một thanh gươm tự đâu đâu kề vào đến tận cuống họng rồi! Lắm lúc tôi nghĩ: chúng nó đã đốn đời ra thế, thời cứ yên phận như con trâu kéo cày, con ngựa kéo xe, cho qua đời trọn kiếp, hà tất cứ phải đeo mặt nạ làm gì cho chướng mắt người thức giả!...

Người thiếu niên không đợi Chiếng Vân nói dứt nhời, nói tất ngang:

– Chính cháu rất ghét bọn ấy. Cháu thường cứ tự mình cầu nguyện, làm thế nào do tay cháu giết chết được hết thời cháu mới hả dạ.

Người thiếu niên nói xong, Chiếng Vân phì cười mà rằng:

– Ai là người ưa được chúng nó mà chẳng muốn giết. Nhưng lấy một mình mà giết được hết, thời giết sao cho xuể!

Chuyện vãn một hồi, trời đã sẩm tối, người con gái, người thiếu niên và Chiếng Vân, đều cầm sẵn khí giới, để phòng ứng địch. Ngờ đâu chờ mãi từ chập tối đến hết canh một sang canh hai, vẫn không thấy gì... Lại chờ đến canh hai sang canh ba, hết canh ba canh tư bên ngoài vẫn lẳng lặng như tờ. Chỉ nghe thấy tiếng những dế kêu di di ở dưới vách và tiếng cuốc kêu khắc khoải ở ngoài rừng. Rồi thỉnh thoảng lại có những trận gió thổi vù vù, như nhắc cho nhà Chiếng Vân biết rằng quân cường bạo nó vẫn còn lăm le chờ đợi... Chiếng Vân ngồi lẳng lặng, một lát, bỗng thấy ông thở dài, rồi cất tiếng lên nói nhỏ với hai người:

– Chẳng lẽ chúng nó thôi?...

Người con gái lắc đầu sẽ nói:

– Khi nào! Có lẽ nó để cho mình mệt!

Người thiếu niên nói:

– Thường nó đợi cho mình mệt rã ra rồi, mới đến cũng nên...

Chiếng Vân gật đầu nói:

– Chính phải! Nhưng mình đi ngủ thời lại phấp phỏng không yên!

Chiếng Vân vừa nói đến đấy, bỗng người con gái thét lên:

– Nó đến rồi! Bá phụ tránh mau! Nó bắn tên ngầm!

Vừa dứt nhời, Chiếng Vân chỉ mới nánh đầu đi, tiếp luôn hai mũi tên ngầm, đã bắn sượt qua tai Chiếng Vân, rồi cắm phập ngay xuống đất!...

Tức thời cả ba người đều đứng dậy, nhảy vụt ra sân thấy bọn chúng đông gấp năm, gấp sáu hôm qua, chúng vây bọc cả xung quanh sân đặc như hàng rào... Người con gái thấy vậy thét lên rằng:

– Lũ chuột sống sót, không biết tiếc mạng, lại còn dám dò đến!

Dứt nhời, múa tít hai thanh thư hùng kiếm [1] xông lại kịch chiến. Tên tướng hôm qua, với Phi Hùng, Ngõa Phong, Lưu Anh, Mã Củng, đều xúm cả lại đánh nhau với người con gái; còn bọn mới đến, chia nhau ra đánh với Chiếng Vân và người thiếu niên. Một lát, bỗng thấy người thiếu niên thét lên rằng: "chết này"! Tiếp theo một tiếng "ối", một tên tướng mới đến, chết lăn quay ra...

Rồi, tiếp luôn 2, 3 tiếng "ối" 2, 3 tên nữa đều chết lăn quay ra. Chiếng Vân bấy giờ cũng đã chém đứt đầu được một tên. Máu ở cổ tên ấy phụt lên, vô phúc thế nào lại phụt tóe ngay lên mặt Mã Củng. Mã Củng bị máu phun vào mắt, không mở ra được, chưa kịp vuốt mặt thời đã bị lưỡi kiếm của người con gái chém một nhát vạt mất một nửa đầu, tức thời lăn ra chết tươi!

Người thiếu niên thấy chỉ có một lát, mà đã giết chết được 4, 5 tên cường bạo, thời trong bụng nở ra như hoa cà, hoa cải, chiếc sà mâu cầm trong tay, cứ vụt lên, vụt xuống như mưa sa, gió táp, tưởng đến quỉ thần trông thấy cũng phải cao bay xa lánh!

---

1. *Thư* là con mái, *hùng* là con trống.

Tên tướng của bọn cường bạo, thấy vậy thời gầm thét lên như sấm, dùng hết sức bình sinh, lăn sả vào để đánh nhau với người con gái. Người con gái, cũng thi chiến hết tài lanh lẹn, quyết giết cho bằng được tên hung ác ấy hôm nay... Chính đang lúc hai bên đánh nhau rất say, bỗng người con gái thét lên một tiếng "trúng này!", tên tướng kia giật mình, tưởng là mình đã hở cơ thế nào, vội lùi tránh ngay ra một bên. Thừa lúc tên ấy đương tránh, người con gái nhảy vót người lên, đá hất ngay một gót chân vào giữa cánh tay tên ấy. Bị một cái đá, tên ấy suýt nữa thời gẫy mất cánh tay, chiếc đại phủ [1] đang cầm, rơi ngay xuống đất! Không còn hồn vía nào nữa, hô lên một tiếng:

– "Chạy! Quân bay!".

Rồi ôm đầu, vùn vụt chạy trước...

Bọn đồ đảng thấy tướng đã chạy, thời đều đổ xô nhau chạy theo...

Người thiếu niên và người con gái không chịu bỏ, đuổi riết ở phía sau. Khi đã ra khỏi cổng ước tới nửa dặm, bỗng thấy người con gái đứng dừng lại, lấy ở trong bọc ra mấy viên thiết đạn [2], vùn vụt ném theo. Tức thời nghe thấy mấy tiếng kêu, mấy tên bị đạn đều ngã bổ nhào cả xuống. Người thiếu niên thấy vậy, gọi to lên rằng:

– Chị ơi! Đừng dùng đạn mà phí, cứ để vậy chúng nó đấy, giết cho sướng tay!

Dứt nhời, cắm cổ lại đuổi. Bọn cường bạo thấy đuổi gấp quá, liền bảo nhau chia tản mác ra làm 5, 6 lối mà chạy. Hai người thấy vậy, không biết đuổi đám nào, liền đứng dừng cả lại. Còn đang phân vân nghĩ ngợi, thời Chiếng Vân cũng đuổi theo kịp, bảo 2 người rằng:

– Về thôi, hai cháu ạ, chúng nó đã chạy tản tác đi thế thời còn đuổi sao được nữa.

Hai người vâng lời, đều quay trở về. Bấy giờ trời đã sáng rõ. Chiếng Vân sai gia đinh kiểm xem những thây chết, thì thấy có 8 người, cùng với 3 thây ở ngoài đường là 11 người. Xét xem bọn ấy hết thảy là người Tàu, Chiếng Vân sai đào một cái hố thật sâu ở ngoài đầu trại, rồi đem cả 11 cái xác chôn vào một hố. Công việc xong, người con gái nói với Chiếng Vân rằng:

---

1. *Đại phủ:* cái phủ lớn. Phủ là một thứ binh khí hình lưỡi búa.
2. *Thiết đạn:* đạn sắt.

– Cứ cung cách này thời thù hằn càng ngày càng sâu, tất sẽ có một ngày chúng nó mang đại binh đến cũng nên. Ở đây thành quách không sẵn, binh mã không có, chống trọi với nó mãi sao được. Vậy xin bá phụ y lời cháu, đưa cả toàn quyến vào với cháu, bá phụ *vừa được khỏi bị giây dưa, mà cháu cũng được thời thường thỉnh giáo.*

Chiếng Vân chưa kịp nói, thời người thiếu niên đã nói tiếp ngay lên rằng:

– Thì bá phụ cùng hiệp lực với chị em cháu, mà vì nước xông pha một phen cũng được chứ sao? Xin bá phụ cứ nghe lời chị cháu, đừng ngần ngừ gì nữa...

Chiếng Vân trầm ngâm một lát rồi nói:

– Không phải là bác không muốn cùng chị em cháu cùng toan việc nghĩa đâu. Bác chỉ tự nghĩ rằng: bác bây giờ đã gần 70 tuổi đầu, cái thì giờ còn sống trên cõi đời không được bao lâu nữa. Vả tuổi già, sức yếu, dù có muốn ra tay, nhưng cũng đã gân lỏng xương chồng... Nên chi đành nấp bóng ngồi yên, giữ cho cái tuổi già được an nhàn chút nào, tức là để cho các em cháu được yên lòng chút ấy... Bởi ý nghĩ của bác như vậy, nên hôm cháu mới đến, bác đã ngỏ lời từ chối. Chẳng ngờ việc đời biến ảo, mây chó không thường [1], chỉ vì có một chút hiềm riêng, mà bọn quân Tàu bỗng gây nên cuộc hung tàn vô lý như vậy! Bây giờ thời bác nhẫn không thể mà muốn nhàn cũng không thể nhàn.

Dù hai cháu không cố nài, bác cũng nói với hai cháu để cùng sang bên ấy. Dù sau này hoặc có bị thịt nát, xương tan ở dưới mũi tên, ngọn giáo, cũng được trọn cái bổn phận của bác đối với quốc dân...

Chiếng Vân nói đến đấy thời nét mặt đỏ bừng lên, tỏ ra một cái thái độ rất quả quyết...

Người con gái và người thiếu niên thấy Chiếng Vân nói vậy thời rất mừng. Đồng thanh nói:

– Nếu bá phụ chịu sang với cháu, thời việc đại nghĩa mới mong chóng thành được. Thật là may quá!

Nói rồi thúc giục Chiếng Vân thu xếp việc nhà, đợi đến mai sẽ cùng khởi hành...

---

1. *Mây chó:* đám mây đang biến thành hình con chó.

Hồi thứ ba

Nghi di chúc, giọt lệ thấm khăn hồng,
Thoảng phong vân [1] đường trường bay cát trắng

... – Các con nên biết rằng: làm người cần phải có nước, vì có nước mới có nhà, có nhà rồi mới có mình. Dân nước ta bấy lâu là một hạng dân không có nước. Mỗi khi cha nghĩ đến, cha vẫn lấy làm đau lòng, chỉ hiềm vì cha tài hèn, thế cô, cho nên đành phải ngậm đắng nuốt cay cho qua ngày đoạn tháng!...

Một ông cụ già ốm nằm sóng dọc ở trên chiếc giường tre. Từ cổ xuống đến chân phủ bằng một chiếc chăn vải nhuộm nâu. Giường ông cụ nằm, dưới chiếc chiếu, rải một lượt rơm rất dày, hễ hơi cất chân cất tay, là đã nghe thấy tiếng rơm kỵ vào nhau thành tiếng sột soạt, trông mặt ông cụ gầy gò hốc hác, ba chòm râu bạc xõa xuống quá vai, mồm đã móm, má sâu hoắm hẳn vào, hai con mắt lờ đờ, chẳng những vì ốm yếu... Ông cụ nói được vài tiếng thì lại thở, mà hơi thở cũng bợt bạt, hình như không còn đủ sức để nói lên những tiếng rõ ràng và gãy gọn. Bên cạnh giường nằm có một người con trai ước độ 17, 18 tuổi, người con gái độ 13 tuổi và một người con trai bé độ 10 tuổi. Cả ba người đều đứng im phăng phắc, đều chú ý để nghe ông cụ già nói, xung quanh nhà bấy giờ cũng đều im lặng, chỉ thỉnh thoảng nghe thấy một trận gió thổi ra ào ào, rồi kế đến những tiếng lá rụng rơi xuống thềm hè. Cái cảnh tượng ở trong nhà ấy lúc bấy giờ, có một cái vẻ u âm thảm đạm, không còn một chút gì là tốt tươi hoạt động!...

Sau khi ông cụ già đã thư hơi thở, lại cất tiếng uể oải lên nói:

– Cái đời cha bây giờ đã hết hy vọng rồi! Cha chỉ còn hy vọng ở các con. Cha biết trước rằng sau khi cha chết đi ít lâu, tất sẽ có người nó trọng dụng con. Lúc đó, dù suất hay sử; cần phải tùy thời. Nhưng cha khuyên con, con đừng quên lời dặn của cha, thù nước cũng như thù nhà; anh em đồng bào mình nhục, cũng như tấm thân mình nhục, con đã nghe chưa!

Ông cụ nói đến đấy thời lại im, rồi dần dần thiếp hẳn đi; mà hồn mộng qua sang thế giới khác...

---

1. *Phong vân:* gió mây.

Ông cụ đó tức là ông thân sinh ra bà Triệu Ẩu đó, tức là Thị Trinh, người con trai nhớn tức là Triệu Quốc Đạt, anh Thị Trinh, người con trai bé tức là Triệu Quốc Thành em Thị Trinh. Ông cụ vốn là một bực hào phú, thuộc huyện Nông Cống. Lúc sinh thời ông giao du rất rộng, bạn đồng chí của ông có rất nhiều người hào hiệp. Trong lòng ông lúc nào cũng lấy cái nông nỗi mẹ gà con vịt làm đau đớn, nên chi đối với các quan lại Tàu sang cai trị, bất cứ là hiền lương hay tham tàn, ông đều mang sẵn một tấm lòng ác cảm. Trong đám quan lại Tàu cũng có nhiều người biết tiếng ông. Họ sở dĩ biết tiếng ông cũng vì những người mình đã vì sự phú quý mà đi theo chân nấp bóng họ, đem cái hành tung của ông để cáo tố với họ. Những người ấy tưởng chừng như đem ông cáo tố với quan Tàu, tất sẽ được quan Tàu họ siêu thăng và bạt trạc cho một địa vị cao quý. Chẳng ngờ bên ngoài họ cũng chỉ khen ngợi đôi ba câu, và hứa rằng khi nào bắt được quả tang tên nghịch, bấy giờ mới thăng thưởng cho... mà bên trong thời họ rất là khinh bỉ. Họ thường nói thầm với nhau: "Những hạng người ấy, dù đến trăm đời nghìn kiếp lúc nào nó cũng chỉ làm người hèn hạ..."

Tuy đã có người đem cái hành tung của ông mà cáo tố với quan Tàu, nhưng họ vẫn dùng hết cách dò xét mà vẫn chưa thấy cái gì là thực tang. Nên họ vẫn đành để cho ông được phóng túng tự do. Đã nhiều phen họ muốn dùng kế lao lung, vời ông đến quận tặng cho ông làm chức nọ chức kia. Nhưng ông nhất vị từ chối, là tài hèn học ít không dám đương...

Chim hồng cất cánh bay cao, lưới kia dù tốt bắt sao được mà?

Ông chẳng những chỉ là người có chí khí, lại có võ dũng. Lúc sinh thời hễ được chút thì giờ nào rỗi là ông xem sách và luyện võ, các con ông mới từ mười tuổi trở lên, ông đều đem sở học ra để dạy. Đến năm ấy ông tạ thế đi, tuy các con hãy còn bé, nhưng chẳng ít thời nhiều, ai cũng đều có học thức và võ nghệ.

Riêng nói về Thị Trinh, từ sau khi cha mất đi, mỗi khi nghĩ đến lời di huấn của cha lúc lâm chung, thời lại giọt châu tuôn rơi lã chã, thường tự nghĩ một mình: những nhời của cha ta dặn lại chúng ta, thật là mỗi nhời nói một giọt máu. Nếu sau này hoặc anh ta không có chí cố noi theo, ta cũng quyết noi theo cho bằng được.

Lần lần, ngày gió, đêm trăng, chưa bao lâu Thị Trinh đã mãn tang. Năm ấy Thị Trinh vừa 16 tuổi, một hôm bỗng nghe thấy ở

hạt huyện Cư Phong có xẩy ra một việc rất lạ lùng, vì tấm lòng hào hiệp và hiếu kỳ, Thị Trinh liền nói với anh thắng ngựa ra đi...

...

Thuộc huyện Cư Phong, có một trái núi đá rất to, tên gọi là núi An Quyết. Xung quanh núi cây cối um tùm, đường lối quanh co hiểm trở, hằng năm, trừ mấy anh kiếm củi liều lĩnh, hay là phường săn bắn gan già, mới dám len lỏi vào trong núi ấy. Sườn núi có một cái miếu thờ, tuy trên lợp danh mà ở trong kèo, cột, dầm, xà toàn làm bằng gỗ lim, cách kiến trúc rất là kiên cố. Hỏi những người vùng đấy thời cũng chỉ nói là miếu thờ sơn thần, hỏi đến tên vị sơn thần là gì, từ già chí trẻ thảy đều không biết.

Hôm đó là ngày mồng một tháng năm, sau một trận mưa gió tầm tã, có tên Mão người làng cạnh vào núi kiếm củi. Mão năm ấy đã 18 tuổi, con nhà nghèo, tính nết ngoan ngoãn và khôn khéo, được rất nhiều người trong làng yêu mến. Đã yêu, nên hay tin. Hễ Mão nói ra câu gì, không còn mấy ai nỡ phản đối lại bao giờ. Hôm đó Mão đeo dao và vác đòn càn đi từ mờ sáng mãi đến mặt trời gần gác bóng mới thấy lủi thủi về, sắc mặt thời tái mét đi, mà đi không lại về rồi, chẳng hề được một nửa que củi. Mão vừa về đến cổng làng, bỗng nghe có tiếng hỏi:

– Kìa, anh Mão đi củi về đấy à? Nào củi đây? Sao mà mặt tái đi thế?

Mão nghe tiếng hỏi, biết ngay người hỏi ấy là Huân, bạn chí thân của Mão. Mão liền lắc đầu uể oải nói:

– Tôi suýt nữa thời chết khiếp mất anh ạ!

– Sao thế?

Mão vừa đi vừa nói thủng thẳng:

– Tôi không thể nói ở đây được, anh muốn nghe, thời vào nhà tôi, tôi nằm nghỉ một lát đã, sẽ nói cho anh nghe.

Huân không hề từ chối, cùng về nhà Mão.

Sau khi Mão đã được nằm nghỉ một lát, trở dậy, hút một hơi thuốc rõ dài, ngồi bó gối, ung dung nói chuyện với Huân:

– Lạ quá anh ạ! Thật từ khi Bố Cái đẻ ra đến giờ, tôi chưa từng thấy ai nói đến một chuyện kỳ lạ như chuyện ấy bao giờ mà có lẽ từ đời tạo thiên lập địa đến giờ cũng không khi nào có cái chuyện lạ đến như thế!

Huân ngồi bên sốt ruột hỏi:

– Thì chuyện gì? Anh hãy nói tôi nghe đã nào?

Mão ung dung nói:

– Anh phải để tôi nói câu chuyện có thứ tự thời nghe mới rõ được. Giờ tôi hãy hỏi anh: Ở đời có gì biết nói?

– Người chứ gì?

– Người thì ai chả biết? Còn gì nữa?

– Vẹt biết nói? Gì nữa?

– *Quạ biết nói! Yểng biết nói...*

– Gì nữa?

Huân trầm ngâm nghĩ ngợi một lát, nói:

– Chỉ có con chim sáo nữa thôi?

– Còn! Còn! Thế mới lạ chứ!

– Anh bảo còn giống gì biết nói?

Mão lẳng lặng, lại hút một điếu thuốc, hút xong, vơ lấy cái ấm tay nước ở bên cạnh tu một hồi, rồi cất tiếng lên nói:

– Giờ tôi hãy tạm hỏi anh: Loài đá có tri giác hay không?

Huân lắc đầu nói:

– Đá mà lại có tri giác!

– Thế mà có đấy!

– Vô lý! Anh nói vô lý lắm!

– Không có tri giác sao nó lại biết nói?

– Anh nói lại càng vô lý nữa! Thiên, vạn cổ có đời nào đá lại biết nói nữa!

– Chả thế lại chả phải là chuyện lạ! Huân lắc đầu nói:

– Anh nói hàm hồ lắm, tôi chẳng hiểu ra thế nào cả!

– Thế anh đã chịu là chuyện lạ chưa?

– Ừ, chịu rồi! Nếu quả đá biết nói thời lạ thực! Nhưng anh phải nói cho rành mạch thời tôi mới có thể hiểu được, chứ cứ nói hàm hồ thế thời đến trời cũng chịu.

Huân nói xong, Mão trầm ngâm ra lối ngẫm nghĩ, một lát, mới lại cất tiếng lên se sẽ:

– Tôi bị yếu ngót một tháng nay, bấy lâu câu cóp được đồng nào, đều bòn mót để đong gạo hết sạch. Đấy, anh trông người tôi thời biết, tôi mới tãnh sốt được có ba hôm nay thôi đấy anh ạ! Hôm qua nghiêng "cóng" gạo lại xem, thấy chỉ còn có độ ba, bốn thưng. Vì con ma đói nó bắt buộc, bất đắc dĩ sáng nay phải vác dao vào núi An Quyết kiếm củi, định về bán chợ chiều, có được đồng nào thời đong gạo. Chẳng ngờ khi vào đến chân núi, thấy đã mệt lử cả người, đành phải lóp ngóp lên "mỏm sấu" để ngồi nghỉ. Chắc anh cũng còn nhớ "mỏm sấu" đấy chứ?

– Phải, vì cái hòn đá đỏ ra như đầu con sấu ở chỗ sườn núi, nên người. ta mới gọi là "mỏm sấu". Độ tháng giêng tôi với anh chả ngồi đanh cờ mất cả một buổi đấy ư?

– Ừ, ừ, ừ phải, anh nhớ lâu đấy, thế mà hôm nay tôi vừa đặt đít xuống, bỗng có một điều quái gở hiện ra, làm cho tôi bủn rủn cả người, suýt nữa thời ngã lăn ra...

Huân nghe đến đấy thời sửng sốt vội hỏi:

– Cái gì? Anh thấy gì?

Mão tỏ ra vẻ mặt sợ hãi, cất tiếng nói se sẽ:

– Hòn đá ấy nó nói anh ạ!

Huân trừng mắt lên vội hỏi:

– Nó nói!

– Phải! Chính nó nói!

Huân trông trước trông sau lắc đầu nói:

– Lại có đá mà biết nói thế là cái quái gì?

Mão nói tắt ngang:

– Ấy chỉ vì thế mà tôi bủn rủn cả người, suýt nữa thời ngã lăn đùng ra, phải vịn vào cái gốc cây bồ đề ở đấy, mới đứng lại được vững...

– Thế nó nói thế nào?

Mão trợn mắt lắc đầu nói:

– Câu nói của nó lại càng lạ lắm, mà nó cứ nói đi nói lại mãi, suốt từ sáng đến chiều, đến lúc tôi về nó vẫn chỉ nói có một câu, có lẽ đến giờ nó vẫn còn nói cũng nên...

– Thế nó nói làm sao?

Mão lắc đầu nói:

– Câu nói của nó lạ lùng lắm, tôi không thể nhớ hết mà thuật ra đây được. Nếu anh muốn chứng nhời nói tôi là thực hay hư thời đến sáng mai anh lại cùng tôi đến núi mà nghe...

Huân ngẫm nghĩ nói:

– Nhưng không biết đến mai thời nó còn nói nữa không.

– Thì hãy cứ đến tận nơi xem đã.

Huân nghe lời, rồi hẹn hò với Mão thế nào đến sáng mai phải cùng đi, thời mới trở ra về.

Sách Tàu có câu nói: "Muốn người chẳng biết, chi bằng đừng nói; muốn người chẳng hay, chi bằng đừng làm". Câu nói ấy nghĩa tuy tầm thường mà sự thực thì rất đúng, muôn việc ở đời, dù bí mật đến đâu cũng mặc dầu, nhưng nếu đã có một người biết thời tất sẽ có lúc đến muôn nghìn người biết. Câu chuyện của Mão nói với Huân tuy là bí mật, nhưng đã nói với Huân, thời quyết không thể giữ bí mật được mãi.

Tối hôm ấy, câu chuyện bí mật đã do Huân mà tiết lộ ra mấy người hàng xóm; sáng hôm sau lại do những người hàng xóm mà tiết lậu ra với 3, 40 người khác nữa.

Sáng hôm sau, lúc Mão vừa mới ngủ dậy, ở trên giường bước chân xuống đất, đã thấy một toán người kéo đến cửa, đòi Mão đưa đến núi An Quyết để nghe đá nói. Mão không hề từ chối, vui vẻ tự nhận là một viên quan hướng đạo, để đưa bọn hiếu kỳ.

Một đoàn kẻ trước người sau, đi dày lên trên những bờ cỏ hãy còn đầm sương buổi sáng, người nói câu này, kẻ bàn chuyện nọ, mỗi người một câu om sòm suốt dọc đường.

Khi vừa đến chân núi, Mão rảo chân đi trước mấy bước, bỗng đứng dừng lại lắng tai hình như nghe ngóng. Bỗng lấy tay vẫy bọn cùng đi, sẽ nói:

– Đương nói! Đương nói các anh ạ, đi mau lên để nghe.

Cả bọn chừng 40 người đều hớn hở đi theo. Một lát đã tới gần mỏm sấu, Mão xua tay ra hiệu cho những người đứng dừng lại, liếc mắt, chỉ bảo:

– Đấy! Anh em nghe đi. Tôi không nói ngoa chứ!

Dứt nhời Mão nói, ai nấy đều đứng lẳng lặng, chu chu, chăm chăm để nghe. Quả nhiên có tiếng nói ra ở trong mỏm sấu, tiếng the thé như tiếng trẻ con... nói rằng:

Mau khởi nghĩa binh,
Mà cứu nạn nước;
Ai người biết trước,
Sẽ được làm đầu,
Hết hạ sang thâu,
Dựng xong nghiệp nhớn.

Nói đi nói lại mãi cũng chỉ có 6 câu ấy. Cả bọn nghe một lúc lâu, Mão cất tiếng lên nói rằng:

– Thôi, chúng ta đi xuống dưới bãi cỏ này ngồi nghỉ mát một lát đi, chứ đứng đây mãi cũng vô ích.

Mão nói dứt nhời, cả bọn đều nghe theo, cùng kéo nhau xuống cả bãi cỏ ở sườn núi. Bấy giờ, dù không bảo nhau, mà ai nấy trong bụng cũng ngẫm nghĩ đến câu của đá nói; trên mặt ai nấy cũng hiện ra cái vẻ ngơ ngác nghi hoặc. Khi cả bọn đều ngồi ngả nghiêng ở trên bãi cỏ, có người tên là Nguyễn Điềm, anh ta cũng mới độ ngót 30 tuổi, có học thức ít nhiều, tính nết cư xử ở trong dân làng cũng khá. Nguyễn Điềm đương ngồi lê la, nhổ từng cái cỏ lông may ở gấu quần, bỗng quay lại cất tiếng lên nói:

– Này các anh em ạ, cứ ý tôi đoán thời những nhời nói đó, không phải là đá biết nói ra đâu, mà chính là trời đất và quỷ thần, thác vào đá, để báo cáo cho bọn ta đó. Chúng ta giờ đã được nghe lời nói ấy, chúng ta nên bàn nhau để tuân theo cái mệnh lệnh của trời đã ủy thác cho chúng ta...

Nguyễn Điềm vừa nói đến đấy, một người trong bọn là Trần Đông, nói phắt ngay lên rằng:

– Chính phải! Ta nên theo như nhời nói của bác Điềm. Này, mà các anh thử cứ ngẫm ngay cái thời thế bây giờ, dân mình thật khổ không biết đến thế nào mà nói. Từ đầu năm đến cuối năm, làm ăn đầu tắt mặt tối, vẫn không đủ được mà ăn, thế mà nay họ hạch điều này, mai lại hành điều nọ. Hơi động một việc gì không được xứng ý họ, tức thời họ giết đến hàng đàn hàng lũ. Như thế mà chúng ta không khởi lên để đánh quân Tàu, chẳng hóa ra mình hèn lắm ru?

Trần Đông nói dứt lời, cả bọn đều nhao nhao lên rằng:

– Ừ mà thật đấy! Chúng ta chẳng khởi nghĩa bây giờ thời khởi nghĩa lúc nào! Khởi nghĩa! Chúng ta quyết chí khởi nghĩa!

Chính đương lúc cả bọn đều nhao nhao, Nguyễn Điềm vội đứng phắt lên, xua tay nói át đi rằng:

– Chết chưa! Các bác rồ cả hay sao đấy? Các bác đã chắc ở trong khu rừng này lại không có đứa nào nó dòm dỏ hay sao? Im ngay! Một gông cả với nhau bây giờ!

Nguyễn Điềm nói dứt nhời, ai nấy đều ngơ ngác trông nhau, rồi cùng im lặng. Bấy giờ Nguyễn Điềm lại ung dung cất tiếng lên nói:

– Ở phía sau trái núi này có một cái hang rất rộng, xung quanh lại có suối sâu bao bọc đường lối rất là hiểm trở. Bây giờ anh em hãy cùng theo tôi vào trong hang ấy, ta sẽ cùng nói chuyện.

Nói xong, cả bọn đều nghe lời, rồi đi theo Nguyễn Điềm thẳng vào trong hang. Lúc đứng dậy bước chân để cùng đi, Nguyễn Điềm bấm Mão ra một chỗ vắng nói thì thầm mấy câu, Mão gật đầu; rồi chạy theo bấm Huân, và bấm thêm hai người bạn thân nữa là Đặng Xuân, Đinh Cúc, Mão thì thầm bàn tán với ba người một hồi, cả ba mgười đều gật đầu tỏ ý vui vẻ, rồi cùng vùn vụt đi vào trong làng bên cạnh, sau khi Huân, Cúc, Xuân đã đi khỏi, Mão lại nhập bọn cùng đi vào trong hang. Khi tới nơi, quả nhiên thấy một cái hang rất rộng, xung quanh có suối bao bọc, nước chảy róc rách nghe rất êm tai. Điềm bảo cả bọn rằng:

– Cái hang này, anh em chắc ít người đi đến. Giờ ta hãy đi ngắm xem phong cảnh; lát nữa sẽ cùng nhau nói chuyện.

Cả bọn đều lấy làm phải, rồi chia nhau ra thành từng tốp hoặc ba người, bốn người. Tốp thời rúc ráy vào trong hang, tìm tổ rơi rơi, bắt chim sáo sậu, tốp thời ra ngồi ngoài ven suối, ngắm xem cá lội, cua bò. Cả một bọn ngót 40 người, lúc bấy giờ đã biến hình như một hạng người thái cổ, tinh thần thấy mát mẻ, thư xướng [1], lâng lâng như không còn nhiễm chút bụi trần. Ngày đã gần trưa, ai nấy trong bụng đã thấy như hơi đoi đói, toan rủ nhau sắp sửa ra về. Bỗng nghe thấy tiếng lợn kêu eng éc ở đằng xa, hết thẩy đều ngạc nhiên cùng bảo nhau:

– Quái! Ở chốn rừng sâu này làm gì có lợn, chẳng lẽ ông "ba mươi" đi vớ được ở đâu về chăng?

Nói chưa dứt lời, tiếng lợn kêu lại càng gần, một lát Cúc và Xuân hai người ì ạch khiêng một con lợn rất to, còn Huân thời quẩy một

---

1. *Thư xướng:* thư thái, khoáng đạt.

gánh rất nặng theo sau. Xuân nhác trông thấy người cùng lợn liền cười ha hả nói to lên rằng:

– Hôm nay mát trời, các bác đi nghe đá nói, xem hang sâu, anh em "tớ" làm hàng cơm để bán cho các bác đây. Các bác bảo nhau đừng về, xúm cả lại mỗi người một tay, cho chóng xong, để cùng nhau "đánh chén" hà ! hà ! hà!...

Quách Đại, người trong bọn thấy vậy thời cười híp mắt lại, toét miệng ra mà rằng:

– Thật à! Thú lắm nhỉ! Anh... Anh... Anh này thật "hóm" quá! Nào chúng ta cùng làm mau lên! Kiến bò bụng rồi!...

Dứt nhời cả bọn đều xúm xít nhau lại, người chọc tiết, kẻ cạo lông. Chỉ thoáng mắt, lợn đã chín, chúng liền lấy lá chuối băm thịt và lòng bốc thành từng mô, bày la liệt khắp trong hang. Lê Huân ôm ra hai ba hũ rượu đầy ăm ắp để ở giữa dòng. Nguyễn Điềm đứng ở cửa hang gọi to lên rằng:

– Anh em ơi, chúng ta cùng vào đánh chén đi. Đến bữa rồi! Mau lên! Mau lên! Kẻo đói...

Dứt nhời gọi ấy, cả bọn đều xô nhau vào, ngồi xúm xít lại uống rượu ăn thịt, chuyện trò rất là vui vẻ.

Sau khi rượu đã say, cơm đã no, ai nấy đều ngồi vắt chân uống nước chè tươi, hút thuốc lào. Cũng có người hai mắt lim dim hầu như sắp muốn ngủ gật. Bấy giờ Nguyễn Điềm ung dung ra đứng ở giữa, cất tiếng lên nói rằng: Bây giờ anh em đều đã no say cả rồi, tôi xin bàn với anh em một chuyện...

Nguyễn Điềm chưa nói dứt nhời, cả bọn đều nói nhao nhao:

– Vâng! Bác cứ nói! Bác cứ nói! Bảo sao anh em chúng tôi cũng xin nghe.

Nguyễn Điềm nói:

– Chắc anh em cũng biết, hiện nước ta bây giờ đương bị quan lại nhà Ngô nó cai trị, mà suốt người trong nước ta đều phải khoanh tay bó gối ở dưới chân nó.

Bọn quan lại nhà Ngô đối với mình đã không phải là người cùng một nước, bởi thế nên họ coi cái tính mệnh của dân mình không bằng cỏ rác. Các anh thử xem mới có hơn một năm nay, mà duy một quận Cửu Chân ta đã bị tên Lã Đại nó giết mất mấy vạn. Nếu chúng

mình bây giờ không khởi lên mà đánh đuổi Lã Đại đi, chắc không bao lâu nữa nó sẽ giết cả đến bọn anh em mình chứ chẳng không. Vì chính tên Lã Đại nó đã nói ra miệng: "Nó coi giống dân Giao Châu như con cá nằm trên thớt nó muốn băm lúc nào thì băm, mổ lúc nào thì mổ" kia mà!...

Nguyễn Điềm vừa nói đến đấy, suốt cả bọn ai nấy cũng hầm hầm nổi giận, phồng mồm, trợn mắt, coi bộ rất hăng hái dữ tợn.

Nguyễn Điềm nói tiếp:

– Vậy tôi khuyên anh em nên kíp cùng nhau đồng tâm hợp lực khởi lên mà giết bỏ thằng Lã Đại ấy đi trước là báo thù cho nước, sau là tránh khỏi cái vạ nó sẽ đem mình ra làm cá thịt... Các anh em nghĩ sao?

Nguyễn Điềm chưa nói dứt nhời, cả bọn đều đứng phắt dậy nói to lên rằng:

– Chúng tôi quyết! Quyết cùng nhau khởi nghĩa...

Nguyễn Điềm nói gạt ngay đi: Anh em nên nghĩ cho chín. Nếu quả có lòng tốt như vậy, thời hãy thề ngay đi.

Nguyễn Điềm nói dứt nhời, Trần Đông chạy đứng ngay ra giữa hang, cầm con dao bầu chỉ lên trên không mà nói to lên rằng:

– Trên trời, dưới đất, quỷ thần soi xét, tôi là Trần Đông, thề quyết khởi nghĩa. Sau này nếu hối, trời chu đất diệt.

Nói dứt nhời chém một nhát thật mạnh xuống đất, rồi đứng lui ra một bên. Cả bọn đều nhao nhao lên rằng:

– Chúng ta nên cũng thề như anh Đông. Rồi cùng nhau mỗi người ra đứng giữa hang thề một lượt. Cả bọn thề xong, Nguyễn Điềm liền bảo ngồi chia ra hai hàng ở trong hang, rồi lại đứng ra giữa cất tiếng lên nói:

– Anh em đã cùng nhau thề cùng theo một công cuộc khởi nghĩa, vậy từ nay trở đi anh em ta phải coi nhau như ruột thịt, yên vui cùng hưởng, hoạn nạn cùng chia, thời mới mong giết được kẻ thù mà lập nên nghiệp nhớn.

Duy có một điều này, tôi xin nói ra để anh em chước lượng[1]. Làm nhà thời phải cần có nóc, vì có nóc mới có thể thành được nhà, trong

1. *Chước lượng:* châm chước, lượng thứ cho.

một đám quân cũng cần phải có tướng, vì có tướng thời mới có người chỉ huy cắt đặt, giữ mực cầm cương. Bây giờ trong anh em ta đây, tất cả đã có tới 40 người. Chắc nay mai còn có đông người theo nữa. Nếu giờ ta không kén lấy một người lập làm chủ; thời lấy ai là người chủ trương sai phái. Điều đó anh em nên mau mau chước lượng mới được.

Nguyễn Điềm nói dứt nhời, Lê Huân đứng lên nói rằng:

– Cứ theo như đá nói: "Ai người biết trước thời được làm đầu,"... làm đầu tức là làm đầu bọn, là người đứng chủ... xét trong bọn ta chỉ có anh Mão là người biết trước nhất. Vậy cứ như ý tôi thời xin lập ngay anh Mão làm chủ. Anh em nghĩ có nên chăng?

Lê Huân nói xong cả bọn đều cất tiếng lên nói:

– Phải rồi! Anh Mão bấy lâu vốn là người tử tế, làng xóm ai cũng sẵn lòng tin yêu anh. Bây giờ lập anh Mão lên làm chủ thời rất đích đáng, chúng tôi tình nguyện xin tuân theo mệnh lệnh.

Mão bấy giờ ngồi mãi ở phía cuối, nghe thấy cả bọn nói vậy, thời vội vàng đứng lên nói rằng:

– Chết chửa! Tôi tài đức gì mà anh em lại ủy thác cho tôi việc to lớn như thế? Đã đành rằng: thù chung của nước, làm người con trai phải biết nên quyết chí để rửa thù. Nhưng việc là việc nhớn không thể coi thường. Vậy xin anh em phải lựa chọn lấy người có đức để chủ trương, chứ hèn kém như tôi, tôi quyết không dám nhận.

Mão nói xong, Huân, Xuân, Điềm đồng thanh nói to lên rằng:

– Lời đá đã nói rành rành: "Hễ ai biết trước sẽ được làm đầu", mà người biết trước lại chính là anh, đó là lòng trời chứ không phải ý riêng của người. Lòng trời đã định, nếu trái thời sẽ bị tai vạ ngay. Vậy thế nào anh cũng phải tuân theo mệnh trời, để cho chúng tôi có người chủ trương...

Ba người vừa nói dứt lời, Quách Đại chạy ngay lại ôm lấy Mão, kéo nhấc bổng để ngồi lên một bệ đá cao ở giữa rồi đứng ra vái luôn ba vái nói to lên rằng:

– Chúng tôi xin tôn ông Lý Mão lên làm chủ, để thống xuất chúng tôi dựng cờ khởi nghĩa đánh quân Ngô. Từ nay muôn việc chúng tôi đều xin tuân theo mệnh lệnh để thi hành.

Quách Đại nói dứt nhời cả bọn đều xô vào vái lạy Lý Mão và cùng nói một nhời như Quách Đại.

Mão thấy cả bọn đã đồng tâm quyết định như vậy, biết không thể từ chối, liền đứng dậy vái một cái, ung dung cất tiếng lên nói:

– Anh em đã cố chí bắt buộc tôi, tôi đành xin vâng nhận. Nhưng tôi tài kém sức yếu, muôn việc đều trông nhờ anh em hết lòng giúp giặm cho, thời công việc mới mong chóng thành được.

Mão nói dứt lời, cả bọn đều reo hò vui vẻ, vang động cả trong hang.

Bấy giờ mặt trời đã xế chiều, ánh nắng của vừng thái dương đã soi chéo vào trong giữa hang. Trên mặt các thung lũng ở xung quanh núi, đã thấy có một làn khói nhạt, tỏa lên dần dần. Luồng gió chiều thổi rít vào trong hang từng cơn, có lúc như tiếng mưa dội trên mái nhà, có lúc như lớp sóng dồn ngoài góc biển... Chim sáo sậu từng đàn, bay hết hòn đá nọ sang mỏm đá kia, tiếng hót réo rắt luôn tai hình như cùng nhau họa một khúc Nghiêu ca [1] để chúc mừng một bọn sắp vì dân nước mà dựng cờ khởi nghĩa.

Sau khi cả bọn bàn tán nhau một hồi, do Nguyễn Điềm quyết định tôn Lý Mão lên làm "Bình Ngô thống tướng", Lê Huân làm "Bình Ngô phó tướng", Nguyễn Điềm làm "quân sư", Đặng Xuân, Trần Đông, Trần Túc, Liêu Cung, Trịnh Sĩ, Giang Phổ, Đinh Cúc, Quách Đại, Hoàng Câu, Bạch Văn Mao cộng 10 người đều làm Hổ oai tướng quân. Còn các người khác, cũng mỗi người giữ một chức riêng. Tướng tá cắt đặt đã xong, liền lấy ngay hang ấy làm nơi chính trại. Rồi định từ sáng hôm sau trở đi sẽ lập bàn thờ ở trước "mỏm sấu" và để tỏ ý tuân theo mệnh lệnh của trời đất quỷ thần. Lại phái người đi khắp các vùng xung quanh tuyên truyền nhời nói của đá, và yết bảng chiêu mộ quân sĩ.

Công cuộc của đảng "Bình Ngô" thiết lập lên mới được 5 hôm. Chiều hôm ấy là chiều ngày thứ 6, chính đương lúc khói hương ở trên bàn trước mỏm sấu đương nghi ngút bay tỏa lên trên không, bỗng có một người con gái mình mặc áo lụa màu huyền, đầu bịt khăn mỏ quạ trắng, ngực vận chiếc yếm vàng, tỏa ra hai bên một đôi dải đào; cổ và tai đều đeo nấm và vòng vàng; chân day lên chiếc dép gai ngoài bọc bằng vải xanh; cưỡi trên một con ngựa trắng đi vụt đến trước bàn, rồi xuống ngựa, hai tay chống vào sườn, lẳng lặng ngắm trước ngắm sau. Người con gái ấy tức là Triệu Thị Trinh. Bởi vì hôm trước, Thị Trinh nghe người đồn, ở hạt Cư Phong có đá biết nói, vì

1. *Nghiêu ca:* bài ca thái bình như ở thời vua Nghiêu.

tính hiếu kỳ nên Thị Trinh muốn thân hành đến xem tận nơi cho đích xác. Lúc sắp đi, Triệu Quốc Đạt đã bảo cho mấy con thị tỳ đi theo hầu, nhưng Thị Trinh nhất vị không nghe, nói rằng:

– Cho chúng nó đi chỉ đồ bận chân, thực không ích lợi gì.

Nói rồi quyết chí đi một mình, khi gần đến địa hạt Cư Phong, nghe tiếng người đồn đại càng rầm rĩ cả lên. Thị Trinh lấy làm nghi lạ. Nghĩ thầm trong bụng: ở đời khi nào lại có đá biết nói. Chắc lại có anh nào giả thác để dụ dẫn lòng người. Cũng như truyện Hồ nói ở đời Tiền Hán. Chứ quyết không phải là sự thật. Bụng tuy nghĩ vậy, nhưng ngoài mặt vẫn cứ điềm nhiên không hề lộ ý chế riễu ra với ai cả. Đến khi Thị Trinh đã tới hẳn bên cạnh mỏm đá, quả nhiên nghe thấy tiếng ở trong mỏm đá nói ra. Thị Trinh đứng ngắm nghía một hồi, rồi trông sang bên cạnh thấy một cái bảng bằng cót quét vôi trắng, viết một bài văn cáo thị rằng:

"Kính cáo các người xa gần đều biết: nước ta bị quan lại Ngô áp chế, đã mấy mươi năm nay, dân tình khổ cực muôn phần. Nay nhân lòng trời dun dủi, thác ra đá nói, khuyên bảo khởi binh. Chắc vận nước có cơ hưng phục, nên mới hiện ra điềm trời linh dị như vậy.

Anh em chúng tôi vì thương nạn nước và thể cơ trời, nên kết hợp đồng chí, quyết dựng cờ khởi nghĩa để trừ khử giặc Ngô. Hiện nay bản đảng đã lập ông Lý Mão lên làm Bình Ngô thống tướng, ông Lê Huân làm Bình Ngô phó tướng, ông Nguyễn Điềm làm quân sư cùng 10 vị hổ oai tướng quân đều là những người trí dũng hơn người, sẵn lòng yêu nước, quyết liều gan óc, cứu nạn muôn dân. Vậy có lời bố cáo cho gần xa ai nấy đều biết, nên mau mau vào đảng cho đông. Người giúp của kẻ giúp công, cho chóng được gây nên nghiệp lớn. Mấy lời bố cáo ai nấy đều hay".

Thị Trinh xem xong tờ bố cáo ấy, lại ngắm đi ngắm lại hòn đá. Bỗng nhặt lấy một cục đá rất to ở bên cạnh giơ tay giáng mạnh lên mỏm sấu, chỉ nghe thấy một tiếng "côông" từa tựa như tiếng cồng bằng đồng, của trong các trang trại thường đánh. Thị Trinh nghe vậy bất giác mỉm cười, rồi dắt ngựa quay xuống chân núi, nhẩy lên ngựa đi thẳng về phía Tây.

Ngay lúc Thị Trinh đi gần đến núi An Quyết, đã nhận ra về phía Tây cách núi chừng 6, 7 dặm, có một dãy phố nho nhỏ, có hàng bán cơm chứa trọ. Nên chi sau khi Thị Trinh đã xem ngắm một hồi ở "mỏm sấu" liền phóng ngựa đi thẳng về phía Tây. Một lát đến

nơi, liếc mắt trông ra dãy phố, tuy chỉ có mươi nhà nhỏ hẹp, nhưng cũng sạch sẽ chỉnh tề. Thị Trinh liền tìm lấy một nhà sạch sẽ hơn cả, vào hỏi thuê trọ. Chủ hàng coi cách ăn mặc của Thị Trinh đoán hẳn là một bực bà nàng, cô ả chi đây, nên chi đón rước một cách rất ân cần chu đáo.

Bữa cơm tối hôm ấy, Thị Trinh ngồi một mình trên buồng nhà trọ, vừa ngồi ăn vừa ngẫm nghĩ không hiểu những bọn khởi nghĩa đó, có được quả là những bực anh hùng, sẵn lòng vì nước?... Hay lại là những phường tiểu nhân gian giảo, muốn giả công để tế tư? Thị Trinh nghĩ đến đấy, bỗng lại gật gù nói một mình:

– Ừ, đích rồi! Đích là trong hòn đá ấy rỗng, có đứa chui được vào trong để nói... Nếu không thế sao ta ném vào hòn đá mà lại thấy tiếng kêu như tiếng cồng?... Nếu vậy thời người bày ra cái kế ấy kể cũng là tay khá, vì họ chẳng qua cũng chỉ là một người trong đám bình dân, bỗng nhiên muốn khởi lên để làm những việc chiêu binh mãi mã thời người đời hồ dễ đã có mấy ai theo. Vậy họ mới dựa theo lòng mê tín của nhân dân mà đặt ra cái kế đá nói, thực cũng đã là khổ tâm lắm đó.

Nàng cứ ngồi một mình, chán nghĩ ngợi lại nói lẩm bẩm, người bõ già của nhà quán trọ thấy vậy thời có ý nghi, lại thì thào với chủ.

– Cái cô nàng này có lẽ không khéo là người điên? Chẳng thế thì từ nãy đến giờ cứ gật gà gật gù nói một mình mà cũng chẳng ai hiểu là nói câu gì cả.

Chủ quán nghe bõ già nói dứt lời "nguýt cho mụ một cái rõ bắn người đi", rồi cất tiếng lên bảo rằng:

– Liệu hồn đấy! Người ta nghe tiếng thì chết! Mụ trông bộ quần áo đấy thời biết, con nhà thường dân mà lại dám ăn mặc thế à.

Bõ già bị chủ mắng thời lui lủi xuống bếp không dám nói gì nữa.

Thị Trinh cơm nước xong, mãi hết trống canh một mới cởi áo lên giường đi ngủ, nằm mãi đến quá nửa trống canh hai mới lim dim ngủ. Bỗng nghe phía ngoài cửa sổ có tiếng róc rách như chuột gặm, Thị Trinh liền lẳng lặng để nghe xem sao. Một lúc lâu, bỗng thấy cửa sổ mở toang ra rồi nhảy vào một người lực lưỡng giơ thẳng tay dao nhằm giữa cổ Thị Trinh chém xuống một nhát thật mạnh...

Hồi thứ tư

Anh cùng em bàn mưu tính kế;
Thầy với tớ tham của quên ơn

Nói về Thị Trinh đang nằm ở trên giường, bỗng thấy cửa sổ mở toang, rồi có một người lực lưỡng nhẩy vụt vào, giơ dao nhằm thẳng vào mình để chém.

Nhanh như cắt, lúc lưỡi dao vừa xuống gần đến giường, Thị Trinh đã lăn mình một cái rơi ngay xuống đất phía trong rồi nhổm phắt dậy... Giữa lúc lưỡi dao của người kia chém xuống đến giường, tức là lúc Thị Trinh đã đứng được lên. Thừa thế, Thị Trinh nhẩy thót lại đá hất một cái vào cánh tay tên địch. Tên địch bị cái đá ấy đau quá, buột mất dao ở trong tay, vội lùi ngay lại mấy bước chực tìm đường trốn chạy. Chẳng ngờ chính đương lúc hai chân giật lùi, bị ngay Thị Trinh đấm luôn cho một cái rất mạnh vào mạng mỡ, tên ấy đau quá ngã phục ngay xuống không thể nào nhổm lên được nữa. Thị Trinh thấy vậy cười khanh khách mà mắng rằng:

– Cha đồ chó chết! Thế mà cũng học đòi đi làm thích khách.

Dứt lời liền nắm ngay lấy đụm tóc của tên ấy trói ghì vào cột nhà. Một mặt gọi nhà hàng đốt lửa mang lên, một lát, chủ quán xách chiếc đèn quang lên, thấy Thị Trinh ngồi tròn xoay ở trên giường, tay lăm lẳm cầm con dao quoai sáng quắc như mây tuyết... chủ quán giật mình sợ hãi bủn rủn cả người. Thị Trinh mỉm cười chỉ vào tên thích khách mà bảo chủ quán rằng:

– Kìa! Ta mới bắt được tên kẻ trộm. Chủ nhà cứ đứng đấy, để ta sẽ tra xem nó là người ở đâu, và ai bảo nó đến đây?...

Chủ quán nghe Thị Trinh nói xong, dạ dạ một hồi, rồi ngồi tựa vào cái cột ở ngoài hè, để ngắm xem cách hành động của Thị Trinh.

Lúc đó, Thị Trinh cầm con dao để vào gần cổ tên thích khách, rồi mỉm cười mà rằng:

– Mi muốn chết hay muốn sống hử?

Tên thích khách run lẩy bẩy nói:

– Bẩm... bẩm lạy cô nàng, chó cũng còn muốn sống một ngày để ăn dơ, xin cô nàng sinh phúc cho...

Thị Trinh gật đầu mỉm cười mà rằng:

– Đã sợ chết, sao dám làm liều?

– Bẩm... Bẩm người ta sai tôi.

– Ai sai mày?

– Bẩm chủ... Chủ tôi ạ!

– Chủ mày là ai?

– Bẩm... xin cô nàng tha chết cho, tôi không dám nói.

– Mày muốn sống thời phải nói, muốn chết sẽ không nói...

Dứt nhời cầm con dao sẽ lia vào cổ tên thích khách vừa nói:

– Nói mau! Nói mau!

– Bẩm... bẩm, xin... xin nói, xin... xin cô nàng bỏ dao đi tôi xin nói.

Thị Trinh mỉm cười dụt dao lại, quát lên rằng:

– Ta đã bảo nói, thì phải nói mau, chủ mày là ai?

Tên thích khách toan nói lại cứ ngoảnh đi ngoảnh lại, trông trước trông sau, ấp úng mãi mới nói được thành câu:

– Bẩm... Bẩm chủ tôi là... là Bình Ngô thống tướng ạ...

Thị Trinh nghe tên thích khách nói xong, bất giác ngạc nhiên mà rằng:

– Ô! Lạ chưa? Bình Ngô thống tướng thật à, mày nói bậy!

– Bẩm quả thật ạ!

Thị Trinh lẳng lặng ngẫm nghĩ một hồi, bỗng dịu sắc mặt lại, sẽ hỏi:

– Mày nói rằng Bình Ngô thống tướng sai mày, vậy mày có biết tại sao mà y lại sai mày hại ta?

– Bẩm có, nhưng xin cô nàng đừng giết tôi.

Thị Trinh gật đầu nói:

– Không, không khi nào, nếu mày cứ nói thực cho được rành mạch, chẳng những ta không giết mà lại cho thêm tiền nữa.

Nói dứt lời, lấy ra một nén bạc để trước mặt tên thích khách mà rằng:

– Đây, mày cứ nói cho thật, ta sẽ cho mày nén bạc này.

Tên thích khách trông thấy nén bạc thời hoa cả mắt sướng quá, nên mất cả tấm lòng sợ chết, liền vội vàng nói:

– Bẩm, chủ tôi sở dĩ sai tôi giết bỏ cô nàng, chỉ vì có một cớ thế này: nguyên cái tiếng nói ở mỏm sấu bấy lâu, là do chủ tôi sai người chui vào trong ấy mà nói ra. Chủ tôi làm như thế cốt để mưu việc khởi binh cho dễ, quả nhiên chỉ vì cái kế khôn khéo, mà có mấy ngày hôm nay đã được quân theo rất đông. Chiều hôm qua bỗng dưng thấy cô nàng cưỡi ngựa đến, đứng ngắm mỏm đá, rồi lại ném mạnh vào mỏm đá mà mỉm cười. Có người đem chuyện ấy báo với chủ tôi. Chủ tôi cho rằng cô nàng đã khám phá ra cái thâm mưu ấy. Sợ cô nàng sẽ đem mà tuyên bố ra công chúng thời những người đã theo chủ tôi, tất họ bỏ mà tan đi hết... Ấy cái cớ mà chủ tôi sai tôi đi giết cô nàng thực chỉ bởi một tiếng cười của cô nàng... Lúc chủ tôi sai tôi đi, tôi có hỏi cặn kẽ thời chủ tôi bảo tôi như vậy. Đó toàn là những điều tôi nói thực, xin cô nàng lượng xét cho...

Thị Trinh nghe tên thích khách ấy nói xong, gật đầu mỉm cười mà rằng:

– Đã có cái mưu sâu giả làm đá nói, mà đến lúc gặp được nhân tài lại không biết tìm kế đón dùng, thời cái kiến thức cũng còn hẹp hòi lắm.

Nói rồi cầm nén bạc trao cho tên thích khách, mà bảo thêm nó rằng:

– Mi khá cầm nén bạc này trao cho vợ con làm vốn riêng. Còn mi thời cứ đến nói với chủ mi rằng đã giết được ta, và chôn lấp kỹ càng rồi, chắc mi sẽ được thưởng thêm, chứ đừng có nói rằng không giết được ta mà thường lại bị nó giết chết đó. Tên thích khách cầm lấy nén bạc, nhổm phắt ngay dậy chực chạy, chẳng ngờ vừa mới nhấc chân lên đã hình như có người đập đầu xuống, đau quá méo cả mặt lại, té ra tóc vẫn còn buộc vào cột chưa cởi... Thị Trinh thấy vậy bất giác phì cười mà rằng:

– Thời đi đâu mà vội vàng thế nào! Tiền đã cầm trong tay, còn ai người ta lấy lại nữa mà hấp tấp đến thế. Đồ chúng bay thật là sống chết cũng chỉ vì tiền!

Dứt lời, đứng dậy cởi tóc cho tên thích khách. Tên thích khách lạy tạ cảm ơn luôn mấy điều rồi bèn ra ngoài cửa đi mất.

Chủ quán trông thấy cách hành động của Thị Trinh như vậy, thời sợ hãi coi như một vị thiên thần. Tuy ngồi xa tận ngoài hè mà vẫn cứ run rẩy lên như cầy sấy.

Mờ tảng sáng hôm ấy, Thị Trinh trả tiền cơm tiền trọ xong, lên

ngựa ruổi thẳng về nhà, đem những chuyện xảy ra hôm trước thuật cho anh là Triệu Quốc Đạt nghe. Triệu Quốc Đạt nghe đến đoạn bị thích khách, thời nghiêm sắc mặt lại mà rằng:

– Việc đó, tuy là do bởi bọn ngu hẹp, nhưng thực ra thời em cũng có lỗi. Phàm người ta càng không biết bao nhiêu lại càng phải dấu kín sự không biết bấy nhiêu. Nhất là đối với kẻ tiểu nhân ta lại càng phải giữ cái thái độ bao dung, cái hành tung bí ẩn của chúng, mà mình khám phá ra được, nếu có cần phải bảo ban, thời ta nên dẫn chúng đến nơi vắng vẻ mà dần dà khuyên nhủ; chứ đừng có đương trước mặt công chúng mà bộc bạch sự bí ẩn của nó. Nó bị mình làm vỡ lở sự bí mật, có đứa vì xấu hổ mà sinh ra làm liều. Cũng có đứa vì xấu hổ mà sinh ra ghen ghét. Tức như cái việc của em hôm qua đó, ấy cũng may em là người có võ lực, mà cũng may kẻ thích khách của nó tầm thường. Nếu dịch địa mà tên thích khách ấy lại có tài như Chuyên Chư, Nhiếp Chính ngày xưa thời phỏng em còn an toàn làm sao được? Thế có phải chỉ vì một cái mỉm cười mà đến nỗi thiệt mạng không?

Thị Trinh nghe anh nói bấy nhiêu lời, rất là cảm phục, ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

– Mấy năm nay quân tướng nhà Ngô nó giết hại dân ta nhiều lắm. Bởi thế nên bọn ấy nó mới khởi lên có mấy ngày, mà đã được rất nhiều người theo nghĩa...

Quốc Đạt nói:

– Con giun dẫm lắm cũng phải quằn, huống chi là người. Cứ như ý anh hồi này, chắc còn nhiều đám khác khởi lên chứ chẳng chỉ có một đám ấy...

– Anh liệu những đám ấy có thể thành công được chăng?

– Phàm mưu tính những công việc lớn, tuy do bởi ý nghĩ của người; mà thực một phần lớn là ở cơ trời. Cơ trời đến lúc đã đổi thay thời những bọn cầm cần câu, đẫn gậy trúc, cũng có thể vọt lên mà dẹp yên thiên hạ; nếu cơ trời hãy còn bĩ tắc [1], vận nước hãy còn nguy nan, thời dù có tài vá trời lấp biển, nâng đỉnh bạt sơn [2], cũng chỉ đành cái dạ tràng xe cát!

Đó em chẳng xem như đức vua Trưng ta ngày xưa đó. Anh hùng

1. *Bĩ tắc:* bất hạnh và bế tắc.

2. *Nâng đỉnh bạt sơn:* nâng nổi cái đỉnh bằng đồng, san bằng ngọn núi.

mưu lược đến nhường bao, mà rút cục cũng phải đến thua cơ trời, chịu bỏ mình dưới dòng nước bạc!

Thị Trinh nghe anh nói đến đấy, bất giác ngậm ngùi mà rằng:

– Đức vua Trưng tuy phải gieo mình giữa dòng nước bạc, nhưng tiếng thơm còn được lưu truyền trên sử sách, khiến cho người đời sau nghe đến tên ngài cũng phải sinh lòng sùng bái và phấn khởi, vậy em thiết tưởng người ta ở đời hễ gặp việc nên làm thời cứ làm, miễn là hãy biết sức người đã, còn thành hay bại sau này, cái đó sẽ nên tùy ở cơ trời, ta không cần phải tính đến. Cứ như lời anh nói người ta cứ đành chịu bỏ đấy rồi mặc theo cơ trời rủi may hay sao?

Quốc Đạt nghe em nói xong cười mà rằng:

– Em nói rất phải. Anh sở dĩ nói phải tùy theo ở cơ trời là chủ ý muốn khuyên người ta phàm việc cần phải cẩn thận, chứ không nên vọng động [1] đấy thôi...

Hồi thứ tám

Trên đầu non luyện binh kén tướng,
Trước mặt trận chém tướng cướp cờ

Chẳng bao lâu, đã đến 30 tháng 7. Tối hôm ấy dưới chân đồi An Phổ lũ lượt người đi lại, trên đồi, trại, đồn chỉnh tề, xung quanh có hàng rào bọc ngoài; khu đồi ấy có một khu rừng bao bọc xung quanh, khiến cho ai đi qua cũng tưởng chỉ là một cái đồi hẻo lánh không có người ở. Hai bên cổng trại có 20 tên quân tuốt gươm trần đứng sắp hàng rất là hùng dũng, trong trại đèn thắp sáng choang. Cái đồi xưa kia vẫn vắng tanh không có mấy người qua lại; mà bây giờ bỗng biến thành ra một nơi rất là vui vẻ, kẻ ra, người vào, ai nấy đều có cái chí hăng hái...

Bỗng một hồi chiêng, rồi tiếp đến hồi trống thì bao nhiêu người, ai nấy đều xếp hàng tư, đứng im phăng phắc, hình như để chờ một việc gì sắp tới...

Sau bỗng lộ ra một người con gái, theo sau có một chàng thiếu niên, rất khôi ngô tinh tú. Ai nấy đều ngạc nhiên không hiểu ra sao,

---

1. *Vọng động:* hoạt động với mục đích xa xôi, không thiết thực.

thì người con gái đã đến trước một cái bàn, ngồi xuống, người thiếu niên cầm kích đứng hầu một bên. Người con gái đưa mắt nhìn các hàng tướng rồi dõng dạc cất tiếng:

– Các tướng chắc ngạc nhiên, vì sao bây giờ lại là con gái?

Nhưng ta là con gái thực, vì việc nước nên mới cải trang để dễ chiêu mộ đó. Ta đây người huyện Nông Cống, anh ta là Triệu Quốc Đạt, ta là Triệu Thị Trinh, còn em ta đây là Triệu Quốc Thành. Hôm nay ta truyền các ngươi lại đây để một là thao luyện cho am tường binh pháp hai là kén lấy mấy người đại tướng, vậy các ngươi nên một lòng vì nước, đồng tâm hiệp lực đuổi quân Ngô ra khỏi đất Giao Chỉ này, các ngươi cũng biết đấy chứ? Quân Ngô là kẻ thù địch của chúng ta, cái thù ấy là cái thù chung, giời sinh ra ta, cùng các ngươi là người biết, lẽ nào lại ngồi im khoanh tay mà nhìn những tấn thảm kịch. Quân Ngô coi dân ta như rợ mọi muốn giết thì giết, muốn làm tội thế nào thì làm. Ấy đấy, các ngươi xem bao nhiêu tấn thảm kịch nó diễn ra luôn luôn trước mắt, khiến cho dân ta không chịu nổi mà cùng nhau nhiều nơi khởi nghĩa. Nhưng những toán khởi nghĩa đó toàn là những đồ vô dụng cả, chỉ tìm lấy cách thoát thân mà thôi chứ không mấy người có chí viễn đại.

Kìa như bọn khởi nghĩa ở An Quyết tự xưng là Bình Ngô quân, mà Thống tướng là Lý Mão, duy chỉ có toán quân đó là hơi có ý vì nước, nên chi giả lời đá nói để khởi tín lòng người, kế đó cũng khá, nhưng nhầm được người tầm thường thôi, chứ ta đây nhầm sao được, nên chi bọn chúng đã sai người thích khách chực hại ta, như thế thật là lượng hẹp, không biết thu nạp hiền tài, nên cũng khó lòng đạt sự được. Mục đích chúng ta đây cốt là vì nước vì dân, chỉ mong sao cho dân, nước được thoát khỏi vòng nô lệ của người Ngô, ấy là ta mãn nguyện. Các ngươi nên hiểu ý ấy mà đồng tâm hiệp lực, cùng theo một mục đích...

Các tướng nghe đến đấy, thời đồng thanh nói to:

– Xin theo mệnh lệnh Đức bà...

Thị Trinh đứng dậy lấy ra bản danh sách giơ lên, nói:

– Hiện nay quân thủy, bộ đã được hơn 2 nghìn rồi, còn các tướng tá đã được 15 người, thế là tạm đủ. Vậy bản danh sách này cần phải tuyên bố, để các người cùng biết.

Nói xong, ngoảnh bảo Quốc Thành:

– Em khá đọc đề cho các tướng nghe.

Quốc Thành vâng mệnh đón bản kê khai, ung dung ra đứng giữa hàng *tướng tá cất tiếng đọc to:*

1. Trần Quý chiêu mộ được 100 quân bộ, và 72 quân thủy cùng vật liệu.

2. Phan Thái Tâm chiêu mộ được 200 quân bộ và 20 con ngựa.

3. Lương Ngọc Phan được 50 quân bộ, 150 quân thủy, 100 con ngựa.

4. Trần Hoàn được 130 quân bộ.

5. Dương Huệ được 151 quân bộ, 170 quân thủy, 74 con ngựa.

6. Ngô Thúc Đoan được 344 quân bộ.

7. Hoàng Loan được 310 quân bộ, 132 quân thủy, 37 con ngựa.

8. Uông Lân được 171 quân bộ, 158 quân thủy, 64 con ngựa.

9. Nguyên Hương được 72 quân bộ, 21 con ngựa.

10. Triệu Quốc Thành được 371 quân bộ, 151 con ngựa.

11. Trương Bảo được 230 quân bộ, 80 con ngựa.

12. Tần Mậu được 110 quân bộ và 45 con ngựa.

13. Lê Huy Thọ được 200 quân bộ và 120 con ngựa chiến.

14. Dương Cự Huân được 150 quân bộ và 50 con ngựa.

15. Vũ Lăng Chấn được 180 quân bộ và 51 con ngựa.

Quốc Thành đọc đến đấy thời ngừng một lát ra vẻ ngẫm nghĩ rồi liếc trông hàng tướng cất tiếng nói lớn:

– Này các chư tướng! Binh tướng như thế kể cũng gọi là tạm đủ... song, chư tướng có hiểu rằng: còn thiếu thốn một vật gì... vật ấy là tính mệnh của ba quân hay không ???

Các tướng tá ngơ ngác nhìn nhau... ngẫm nghĩ...

Triệu Quốc Thành bèn tiếp lời:

– Vật ấy là... lương thảo!!! Phải, chả nhẽ quân tướng đều nhịn ăn mà đấu chiến được chăng? Lương cũng như máu ở trong người ta. Người đã không có máu thì sống làm sao được? Vậy chư tướng nghĩ sao ???

Cả bọn đang im phăng phắc bỗng nổi lên một mối nghị luận, trước còn thì thào nho nhỏ, sau dần dần ồn ào, hình như quên

mất cả rằng đang dưới quyền một vị chủ soái, dưới cái hiệu lệnh nghiêm ngặt của tam quân, chỉ nghe mang máng thấy những tiếng "Ồ nhỉ!!! Làm thế nào ???"

Bỗng có một vị thiếu niên tướng quân đứng dậy đến trước mặt Thị Trinh vòng tay mà thưa rằng:

– Bẩm Đức bà, như ý ngu của tôi thì nên đến các châu, lang mà khuyến hóa. Những của lương thực ấy phải nên tích trữ cho nhiều thì mới khỏi lo sự thiếu thốn cho ba quân.

Thị Trinh tươi cười mà rằng:

– Ngươi nói chính hợp ý ta! Thôi ngày đã chiều, các ngươi hãy giải tán, đúng đầu canh tư phải tụ tập tại giáo trường nghe lệnh! Rồi... sơn trại lại im lìm dần dần lẩn vào dưới một bầu không khí tối om... trừ những tiếng vượn hú, heo gầm từ đằng xa vẳng lại.

Sáng hôm sau mới tờ mờ đất mà giáo trường đã có vẻ nhộn nhịp tưng bừng! Quân lính tay cầm binh khí bóng loáng đang đi lại chờ chủ soái để nghe lệnh. Các tên tướng họp từng toán một, thì thào hỏi chuyện nhau. Có kẻ ngứa nghề lại cầm binh khí múa lộn.

Trời vẫn chưa sáng tỏ hẳn! Trên đài thật cao vài tên quân cầm kiếm có vẻ băn khoăn chờ đợi... một vài ngọn nến cháy bập bùng chiếu sáng... một cái ánh sáng lờ mờ... nom xa như một vài cái chấm lửa đỏ như hạt đậu leo lét, lúc tỏ lúc mờ.

Gió hiu hiu thổi! Một vài ngọn cây rung động để rơi xuống những hạt sương ướt át nặng nề... cảnh vật như in một mối buồn lặng lẽ.

Thì xa xa, kìa, hai quả cầu sáng đang đi gần lại. Bọn quân định thần nhìn lại thì rõ ràng có ba bóng người. Một người đi giữa hai bên có hai người cầm... hai quả cầu sáng... à không! Hai cái đèn lồng...

Ba cái bóng in trên con đường gồ ghề khúc khuỷu như ba cái thây ma biết cử động nom xa xa, lúc tiến lúc lui. Chập chờn như dắt nhau tới một cõi thế giới nào bí ẩn... xa xăm.

Rồi, ba người ấy tiến đến giáo trường:

– Anh em ơi – Đức bà đã tới!!!

Câu nói ấy truyền từ mồm người nọ sang mồm người kia, chả bao lâu làm ồn ào cả giáo trường đang tịch mịch... im lìm.

Thì quả nhiên Đức bà tới thật! Chả ai bảo ai bỗng xếp thành hàng ngũ, cho thật chỉnh tề rồi đều vòng tay cúi đầu.

– Chúng tôi xin kính chào Đức bà. Thị Trinh lên đài vòng tay đáp lễ các tướng rồi sai quân ra truyền loa, tên quân vâng lệnh vác loa ra nói to lên rằng:

– Đức bà truyền cho các tướng quân hãy im lặng để nghe lệnh truyền!

Tức thời cả ba quân đứng im thin thít. Cảnh vật lặng lẽ như in một sự gì bí mật thiêng liêng.

Lúc ấy Thị Trinh mới ra trước đài cất giọng nhẹ nhàng và dõng dạc oai nghiêm lên mà rằng:

– Hôm nay, bản soái họp chư tướng lại đây là có một việc muốn bàn. Phàm quân thì phải có tướng và phải chia ra làm đội ngũ phân minh. Trong các tướng phải chọn ra có tướng hơn tướng kém. Tướng hơn thì sẽ cho đi đầu làm tiên phong. Vậy các tướng hãy tự lượng sức mình rồi sẽ ra tranh ấn.

Lệ: 1. Hễ ai vác nổi hòn đá 300 cân ở chỗ cạnh giáo trường mà chạy ba vòng mới được ứng thí lần thứ hai.

2. Song, lại phải bắn 3 phát tên trúng cái hồng tâm điểm thì mới được ứng thí lần thứ ba.

3. Phải nhảy qua đống lửa cao 10 thước thời mới được ứng thí lần thứ tư.

4. Lần thứ tư thời rất khó! Phải một mình tay không đối địch lại với 100 quân bộ mà thắng được, mới được lĩnh ấn tiên phong.

Các tướng vâng lệnh "dạ" ran lên như sấm dậy núi long.

Rồi đều xắn tay áo ra tay cướp ấn tiên phong...

Trương Tảo tính nóng như lửa, nhảy sổ ngay đến bên hòn đá, vận động thần lực vác bổng cái đá lên tay rồi đi rất thong thả đủ 3 vòng, rồi tung lên thật cao nghe tiếng đánh "ầm" một tiếng như đất vỡ trời long, hòn đá ngập sâu xuống đất đến 3 tấc.

Quân sĩ vỗ tay reo hò và đánh trống vang lừng.

Xách đá xong, Trương lại nhảy phắt lên mình ngựa, diễn quanh giáo trường vài vòng, rồi đứng cách xa hồng tâm điểm một quãng ước 100 bước, cong cánh tay vượn bựt mạnh dây cung, chỉ thấy vút một tiếng, cái tên đã cắm phập vào giữa hồng tâm, tiếp luôn 2 tiếng "vút vút" 2 chiếc tên nữa đã trúng cả vào giữa hồng tâm điểm.

Bọn quân sĩ lại hoan hô rầm rĩ...

Trương Tảo lại càng tăng thêm lòng kiêu ngạo không cần một phút nghỉ ngơi, nhảy sấn ngay vào toán 100 tên tráng trai gươm giáo đang túc trực ở cạnh giáo trường.

Thị Trinh phất chiếc cờ lệnh thì bọn 100 quân đều xông bổ cả vào Trương Tảo mà đâm chém túi bụi.

Khốn nạn! Chúng như một lũ dê non, địch sao nổi con cọp sám tìm mồi. Trương Tảo nhảy đi, nhảy lại, chân đá, tay đấm, tung hoành trong đám quân sĩ như vào chỗ không người. Chỉ trong vòng nửa giờ mà đã cướp được một chiếc giáo trong tay của tên quân. Trương lại vứt bỏ ngọn giáo, dùng tay không đấu chiến. Đang lúc đắc ý bỗng một tên quân dùng thanh đại đao bổ thẳng vào đầu. Trương đang cúi xuống tìm đường tránh thì một ngọn giáo đã lia vào chân, chàng liền dùng hết sức mạnh rút ngọn giáo ấy để đỡ lưỡi dao. Chẳng ngờ chàng dùng sức quá mạnh mà tên quân lại buông phăng ngọn giáo nên chàng nhào về đằng sau một cái thật mạnh. Một tên quân liền chạy vào ôm chặt lấy ngang lưng, rồi cả đoàn ùa vào vật ngay xuống. Thị Trinh vội truyền đánh một tiếng kiểng, toán quân lại lui thành hàng ngũ.

Thị Trinh liền gọi Trương Tảo đến trước đài mà rằng:

– Bản lĩnh nhà ngươi kể cũng đã khá rồi đó, song cần phải luyện tập thêm lên nữa mới được, và cần nhất là chớ nên nóng nẩy và kiêu ngạo.

Trương Tảo cúi đầu vái tạ rồi trở lại bên giáo trường đứng im...

Kế đó, các tướng cứ nối nhau mà trổ tài tranh ấn, duy có Triệu Quốc Thành vẫn lẳng lặng đứng xem, không có vẻ gì là nóng nẩy, Thị Trinh nhác thấy vậy thời có ý không bằng lòng. Được một lát sau thì có ba tướng được đủ cả 4 kỳ sát hạch.

Bấy giờ Quốc Thành bỗng dõng dạc nói to lên rằng:

– Chư tướng đã trổ tài xong rồi, bây giờ mới đến lượt Thành này đây, nếu Thành này còn có điều gì sơ suất xin chỉ bảo nhé! Nói rồi, chạy phăng ra ôm lấy hòn đá để lên bàn tay, chạy đi chạy lại trong giáo trường đến hơn 10 vòng mới tung cao lên, lại dùng chân đỡ lấy mà hất xuống đất ngập sâu đến 5 tấc. Xong, liền cầm lấy chiếc cung tre nạm đồng, giát hòn bích ngọc là của gia bảo của nhà mình. Chàng giương cung lên nhằm giữa đuôi những chiếc tên trước mà bắn.

– Vèo! Mũi tên đã cắm vào giữa chiếc tên trước và đẩy hẳn chiếc

tên kia bắn ra ngoài, lại cắm luôn vào chỗ cũ. Cả hai mũi tên nữa cũng đều đúng vào hồng tâm một cách như trước.

Quân sĩ đều vỗ tay reo khen cái tài nghệ tuyệt luân của Quốc Thành.

Lúc bấy giờ ở giữa giáo trường đang đốt một đống lửa rất to, ngọn lửa bốc lên ngùn ngụt cao đến 10 thước. Quốc Thành lấy mắt ước lượng rồi chạy rõ xa lấy đà rồi băng mình vút qua đống lửa!

Như không sao cản được sự kinh ngạc và nỗi phục sợ, cả bọn quân đều đồng thanh reo lên một tiếng như núi lở...

Triệu Quốc Thành nhảy qua đống lửa một cách rất êm ái mà thần sắc vẫn hồng hào như thường, không có vẻ gì là nhọc mệt cả. Vì các tướng tá đã trổ tài đủ cả, Thị Trinh bèn sai triệt bỏ đống lửa. Rồi nàng cầm chiếc cờ lệnh phất lên một cái, tức thì cả toán quân vẫn túc trực sẵn đấy, đều xông cả lại đánh Quốc Thành, không chút sờn lòng, chàng giở bài võ gia truyền "tay không chọi binh khí" chân đá, tay thoi, mạnh như hùm, nhanh như vượn.

Chỉ trong vòng nửa giờ đồng hồ mà chàng đã thu được một nắm binh khí trong tay và dồn hẳn toán quân vào một góc. Sau chàng vung khí giới đánh hăng quá, đến nỗi toán quân phải chạy tán loạn mỗi đứa một nơi. Đang lúc chàng cổ động thần oai thì Thị Trinh đã đánh một tiếng kiểng hồi quân. Lúc bấy giờ Quốc Thành mới chịu dừng tay.

Thị Trinh tỏ lời khen ngợi.

Thế là có bốn tướng được vào "chung kết" vì đã vượt được bốn lượt khó khăn ấy. Bốn tướng ấy là: Dương Cự Xuân, Vũ Lăng Chấn, Trần Quý và Triệu Quốc Thành, bốn tướng xuất sắc nhất của đoàn "Nghĩa dũng cảm tử quân" của Thị Trinh. Thị Trinh không biết xử trí ra sao, tự nghĩ thầm:

"Ta không ngờ trong nơi sơn dã đã như thế này mà lại xuất hiện ra những vị anh hùng như thế! Hồng phúc cho nước nhà biết mấy!".

"Nhưng bốn người cùng trúng thời biết làm thế nào bây giờ?"

Sau bỗng tìm ra một kế, bèn lấy giấy xé làm bốn mảnh đều nhau có viết vào mỗi mảnh giấy một chữ Thành, Xuân, Quý, Chấn rồi gọi bốn tướng lại bảo mỗi người chọn một mảnh giấy. Kết cục Vũ Lăng Chấn chọn phải tên Quốc Thành mà Trần Quý thì chọn được tên Dương Cự Xuân. Thị Trinh bèn truyền Triệu Quốc Thành đấu với Vũ Lăng Chấn mà Trần Quý đấu với Dương Cự Xuân.

Bốn tướng vâng lệnh ra chỗ dàn quân. Triệu Quốc Thành thời chiếc tử kim hương, Vũ Lăng Chấn thời chiếc phương thiên hoạch kích. Trần Quý thời chiếc đại đao, Dương Cự Xuân thời chiếc mã tấu. Sau khi đã lấy binh khí rồi.

Trước hết Triệu Quốc Thành ra giữa giáo trường cùng Vũ Lăng Chấn đấu chiến. Triệu Quốc Thành tay cầm chiếc tử kim hương múa tít lên như chong chóng, lúc lên lúc xuống, lúc tiến lúc thoái, nhanh nhẹn, như yến liệng chim bay, chiếc phương thiên hoạch kích trong tay Vũ Lăng Chấn cũng quay cuồng vật lộn như muôn đóa hoa lê, xa trông như hai đạo thanh quang rỡn đùa trên không, trông rất là đẹp mắt, Quốc Thành thấy đánh đã hơn 20 hợp mà chưa đổ được Vũ Lăng Chấn thời tức bực đổi thế, chiếc tử kim hương loang loáng, như muôn đạo bạch quang át hẳn chiếc phương thiên hoạch kích của Lăng Chấn.

Bọn quân sĩ xung quanh chốc chốc lại reo to lên những tiếng "giỏi quá! Giỏi quá". Vũ Lăng Chấn đánh với Quốc Thành hồi lâu mà thấy Quốc Thành vẫn hăng hái, tiến thoái không rối loạn, còn mình thời chân tay mỏi mệt, đường kích hình như đã "cuống" mất rồi, chỉ một mực đỡ. Thị Trinh ngồi trên đài thấy vậy liền chỉ kiếm nói to.

– Hoãn chiến! Hai tướng!...

Dứt nhời, hai tướng đã đứng dừng cả lại, Quốc Thành nét mặt vẫn thản nhiên không chút gì là nhọc mệt; còn Vũ Lăng Chấn thời mặt đỏ gay gắt, mồ hôi chảy ra như tắm, tay cầm chiếc kích chống xuống đất thở hổn hển, nói:

– Nếu không có Đức bà hôm nay thì thật tôi không lối chạy nữa. Triệu huynh giỏi quá! Giỏi quá!

Thị Trinh mỉm cười mà rằng:

– Kể Lăng Chấn cũng đã khá đấy, nhưng còn nhiều điều sơ suất lắm, như thế kích mà người cứ một mực đánh như thế thời còn trống trải lắm. Thôi hãy về chỗ! Ta sẽ định liệu sau. Nào! Còn Dương, Trần hai tướng đâu?

Dương Cự Xuân, Trần Quý thấy Thị Trinh gọi thời liền cùng nhau nhảy vót ra giáo trường đấu chiến. Hai người như hai con mãnh hổ sổ lồng giao chiến rất là hăng hái. Thanh đại đao trong tay Trần Quý bay lộn tung hoành, thế mạnh như giao long tìm nước, sức

nhanh như vượn đói tìm mồi. Dương Cự Xuân cũng vũ lộng thanh mã tấu múa quay tít không để cho thanh đao chạm tới mình. Thật là một trận tranh đấu "đá chạy cát bay", một đằng tám lạng một đằng nửa cân, không thể phân biệt được ai là hơn, là kém.

Nhưng chỉ được trong nửa giờ thì Cự Xuân đã thấy hơi sút, luồng mã tấu đưa đi đưa lại đã không được mạnh mẽ như trước, mồ hôi đã đầm hết cả áo giáp mà lưỡi đao của Trần Quý càng ngày càng dũng mãnh khác thường. Trần Quý thấy Cự Xuân đã có vẻ bối rối thì ráng hết sức bình sinh cất thanh đại đao bổ mạnh xuống đầu. Nhưng thanh đao ấy chỉ là hờ mà thôi, khi Cự Xuân vội đưa thanh mã tấu lên đỡ thì Trần Quý đã thu ngay thanh đao lại hắt ngược lên một cái thực mạnh, mã tấu của Cự Xuân tuột tay rơi xuống đất. Cự Xuân đang lúc luống cuống thời Thị Trinh đã hồi chiêng thu quân.

Thị Trinh liền gọi hai tướng lại và nói:

– Hai tướng võ nghệ cũng đã khá rồi đó, song chớ nên thấy thế mà kiêu căng và Cự Xuân phải "bình tĩnh" mới được. Cái "sự thua" hôm nay do ở sự không bình tâm đó. Thôi hãy lui về chỗ rồi ta sẽ định liệu.

Thị Trinh lại ra ngoài đài lớn tiếng mà nói rằng:

– Hỡi các quân sĩ! Hôm nay ta sở dĩ họp các ngươi đến đây chỉ cốt để luyện tập cho tinh về binh pháp đấy thôi! Các ngươi cần phải giữ hàng ngũ cho phân minh, nghe hiệu lệnh cho rõ ràng, nếu không sẽ phạm vào "quân luật" bị chém đó!

Các quân sĩ đều vâng lệnh "dạ" ran lên. Thị Trinh bèn sai một viên giám quân đánh một hồi trống, dứt hồi trống ngót 2000 quân bộ hàng ngũ chỉnh tề răm rắp ra giữa giáo trường đứng im phăng phắc. Không một tiếng ho, gươm giáo dựng lên một lượt, rồi đến 15 viên tướng cưỡi ngựa đứng hai bên hàng quân sĩ tay cầm trường kiếm rất là uy nghi chỉnh túc, yên lặng, đoàn quân sĩ đứng im chờ đợi... Một vị chủ tướng. Một tiếng loa vang động khu rừng, rồi đồng thời nổi dậy mấy khúc nhạc du dương, vẳng từ đằng xa xa đưa lại, bỗng trên vũ đài một lá cờ đại đề mấy chữ thêu kim tuyến: "Phục quốc quân thống tướng Triệu" rồi một toán quân rầm rộ đi ra hàng ngũ tề chỉnh. Trên con ngựa "thiên lý mã" trắng như tuyết, Thị Trinh đang chỉ bảo quân sĩ, đầu chít khăn lam, mình mặc một bộ võ trang màu biếc, tay cầm thanh bảo kiếm tay cầm cờ lệnh nom có vẻ hùng dũng lạ thường.

Tuy nét mặt tròn như vành nguyệt, lông mày cong thanh tú, đôi con mắt bồ câu đen láy, miệng tươi như hoa nở mà vẫn ẩn hiện một cái khí tượng anh hùng. Nàng vòng quanh giáo trường một hồi lâu rồi cầm cờ lệnh phất mạnh một cái, 2000 quân bỗng chia ra làm năm hàng rời rạc. Nàng lại phất cờ một lượt nữa thì 2000 quân ấy đã biến thành hình "Ngũ hoa trận" nàng lại phất cờ một lượt nữa lại biến ra thế "Liên hoa trận" rồi dần dần lại cứ biến hóa khác thường.

Lúc bấy giờ, trời vừa đúng ngọ, ánh nắng chói lọi, nóng nực lạ thường, nên Thị Trinh bèn cho các quân sĩ ai về trại nấy yên nghỉ. Thị Trinh cũng về đại trại. Giáo trường lại quạnh hiu vắng vẻ trừ một vài ngọn cây in bóng trên mặt đất rung rinh.

Sáng hôm sau, mới lờ mờ chưa tỏ đất, thần "Mặt trời" chưa hở mặt với nhân gian thì ở trên chốn sơn trại, đã một hồi trống hùng dũng như đánh thức cả các quân sĩ đang im lìm trong giấc mộng quá nồng. Lập tức cả đoàn cảm tử quân ấy trỗi dậy, rửa mặt súc miệng, rồi chả ai bảo ai, đều vận nhung trang, sửa sang khí giới và sắp hàng răm rắp để ra giáo trường.

Ở đó, trên đài, đèn nến sáng choang. Thị Trinh đã ngồi trên một chiếc ghế mây, trải da hổ. Hai bên có hai tên thị tỳ thân tín đứng hầu, ngay bên cạnh có Triệu Quốc Thành đứng, vì lúc bấy giờ hãy còn tối nên đèn nến thắp sáng choang chung quanh đài có một trăm quân xếp hàng, đều tay cầm đuốc. Lúc đó các quân sĩ và tướng tá đã sắp hàng ở trước đài và cúi đầu chào Thị Trinh. Nàng vòng tay đáp lễ và sai tên giám quan cầm loa truyền lệnh:

– Các tướng tá và các quân sĩ đều yên lặng, Đức bà có lệnh truyền.

Tức thì tất cả các quân sĩ cùng tướng tá đều im thin thít, mà có lẽ không ngước mắt lên nhìn như lo sợ một sự gì rất oai nghiêm bí hiểm...

Thị Trinh đưa cho Triệu Quốc Thành một tờ giấy. Triệu Quốc Thành tiếp lấy tờ giấy và dặng hắng lấy giọng mà đọc:

"An Phổ, phục quốc quân thống tướng Triệu, tuyên cáo chư tướng cùng các quân sĩ đều biết.

Bản soái tùy theo cơ trời vận chuyển và thể lòng dân trong nỗi lầm than nên mới dấy nghiệp. Lại có các ngươi có lòng ái mộ mà đến sung theo, đoàn nghĩa quân này được mỗi ngày một đông. Ta lạm nhận cái chức thống tướng này tự lấy làm áy náy lắm. Vì bổn

phận, hôm qua ta có hợp chư tướng lại đo cân tài sức, để định liệu. Nay ta cứ thứ tự theo sức, tài của các tướng mà giao chức:

1. Triệu Quốc Thành đã qua nổi 4 lần thi khó khăn và đánh nổi được Vũ Lăng Chấn, được làm "Phục quốc quân, chánh tiên phong" coi 500 quân.

2. Trần Quý đã qua nổi 4 lần sát hạch và đánh nổi được Dương Cự Xuân được làm "Phục quốc quân, phó tiên phong" coi 1 đạo 500 quân.

3. Vũ Lăng Chấn đã qua được 4 lần sát hạch được làm "Hữu dực tướng quân" coi 300 quân.

4. Dương Cự Xuân đã qua được 4 lần sát hạch được làm "Tả dực tướng quân" coi 300 quân.

5. Uông Lân, đã qua được 3 lần sát hạch và đã đối địch ngót một giờ với 100 quân, được làm "Hậu tập tướng quân".

6. Trương Tảo đã qua được 3 kỳ sát hạch, được làm "Giải lương quan".

7. Còn các viên tướng như Phan Thái Tâm, Lương Ngọc Phan, Trần Hoành, Dương Huê, Ngô Thúc Đoan, Hoàng Loan, Nguyễn Hương, Tần Mậu, Lê Huy Thọ thì đều được làm chức tướng quân ở trung quân trướng theo lệnh điều khiển.

Ta theo tài cán của các ngươi mà giao chức, kẻ được làm chức cao thì không nên lấy thế mà làm kiêu ngạo, kẻ làm chức kém thì không nên lấy thế mà hờn lòng, kẻ giỏi, cố gắng cho giỏi hơn, người kém cố gắng cho nên giỏi. Ai có công sẽ được thưởng, kẻ có tội sẽ phải phạt, việc quân bất luận công tư, các tướng cố gắng mà luyện tập quân sĩ cho thành tài thì mới mong rửa được sạch nỗi hận bị người Ngô dày vò, mới mong hất bỏ được những nỗi khổ sở lầm than của quốc dân".

Quốc Thành đọc xong, Thị Trinh liền trao ấn cho từng tướng một. Song vừa lúc sắp giải tán thì Uông Tân bước ra cúi đầu vái mà rằng:

– Mạt tướng thiển nghĩ: như trong lúc hành quân mà tâu "bẩm Đức bà" thì không tiện, mà kêu "Bẩm thống tướng" không, thời nghe chướng tai, vậy, chúng tôi có nghĩ ra một tên, xin tôn Đức bà làm "Nhụy kiều tướng quân".

Thị Trinh nghĩ một lát mà rằng:

– Ta tự nghĩ: "Hữu danh vô thực" thì có làm gì. Song các tướng đã có lòng quá yêu mà cho ta cái mỹ danh ấy ta cần phải hết sức làm việc cho khỏi thẹn với lương tâm.

Hồi thứ mười hai

Hồng Lĩnh muôn trùng xông pha trăm trận, Bồ Điền một miếu hương khói nghìn thu

Chẳng ngờ, ôi, thật là một việc chẳng ngờ!... Đúng giờ ngọ ngày hôm sau, chính đang lúc lính 6 trăm quân cùng nhau chè chén vui cười, Lăng Chấn còn muốn đợi cho chúng ăn uống xong đã mới giảng giải nghĩa lý, bỗng có tên quân tế tác [1] hốt hoảng về báo rằng:

"Đồn An Phổ đã vỡ, tướng trấn thủ là Trần Quý đầu hàng. Hiện viên tướng đánh An Phổ là Quách Hùng, đã hợp binh với viên tướng đánh Đô Bàng là Mã Khải, cùng hiệp với Khu Báo kéo thẳng đến đánh thành này. Cả 3 toán quân có tất cả tới ngót 2 nghìn, khí thế rất là hiệu đại..."

Bọn quân sĩ đang uống rượu, nghe thấy lời báo của tên quân tế tác, trước còn ngơ ngác trông nhau, sau thời rì rầm nói với nhau... Bỗng có đứa – Chả biết nó táo gan hay là nhát gan – đứng phắt ngay lên, nói mấy câu rõ gọn như đổ đẫy:

– Trốn mau, kẻo chết cả nút giờ!

Dứt lời, co cẳng chạy buột ra cổng thành. Viên đội trưởng vừa toan cản lại, thời lại thấy đến 2, 30 đứa ở dãy bên kia, đều ùa theo tháo chạy... Rồi toán 5 đứa, toán 10 đứa, toán 3, 40 đứa cứ thoăn thoắt nhổm dậy, co cẳng tháo chạy...

Lăng Chấn ngồi trong nghe tiếng ồn ào, vội chạy ra, thấy tình hình như vậy, nóng tiết, tuốt gươm, chém luôn mấy đứa mà chúng càng chạy già. Lăng Chấn thở dài một tiếng, chống gươm xuống đất, đứng ngây người ra, như tượng gỗ...

Chỉ độ chín nồi mười cơm, lính 600 quân đều co vòi trốn sạch! Chỉ còn sót lại có hơn 50 tên quân tâm phúc là vẫn còn đứng ở xung quanh Lăng Chấn. Vừa lúc đó, bỗng nghe thấy phía ngoài thành chiêng trống ầm ầm...

– Quân Ngô đã kéo tới nơi, ra đóng cổng thành mau lên, các anh!...

---

1. *Tế tác:* người do thám.

Đó là lời bảo nhau của mấy tên quân tâm phúc. Dứt tiếng ấy, chúng đều chia nhau chạy đi đóng cổng thành. Đóng xong, chúng lại chạy về chỗ Lăng Chấn đứng, một tên cất tiếng nói:

– Bẩm chủ tướng quân Ngô đã bổ vây cả 4 mặt thành rồi, xin chủ tướng truyền kế cự địch...

Lăng Chấn bấy giờ mới hình như hồi tỉnh người lại, thở dài một tiếng, trên hai con mắt tròn xoe, thấy gừng có hạt lệ... lắc đầu bảo chúng rằng:

– Còn đánh chác gì nữa! Thôi, ta đành chết thôi, các con ạ!...

Dứt lời, giọt lệ liền chảy rào xuống ướt đầm cả hai gò má, không sao ngăn được.

Bọn quân tâm phúc đều cảm động, sùi sụt khóc... Rồi một tên cất tiếng nói:

– Xin chủ tướng đừng vội nản chí. Hãy còn bọn 50 anh em chúng con đây. Chúng con xin liều chết đánh nhau với quân giặc, để giả nợ nước, đền ơn Vua Bà, đền ơn chủ tướng. Cứ mỗi chúng con, quyết gắng lên địch lại với 10 tên giặc, thời cũng có thể bằng được 5 trăm quân rồi. Vậy ở trong thành còn có 50 quân, thời việc gì chủ tướng phải nản?

Lăng Chấn nghe tên quân ấy nói xong, gật đầu mỉm cười, rồi ngồi "phệt" xuống đất, bắt vòng tròn chân lại, cất tiếng bảo:

– Nếu vậy, các con hãy ra mở toang cả cổng thành, rồi vào đây ta bảo...

Nghe bảo, chúng ngạc nhiên nói:

– Giặc đánh ngoài thành mà chủ tướng bảo chúng con mở toang cổng thành, lỡ quân giặc ùa vào, thời chống giữ sao kịp?

Lăng Chấn mỉm cười mà rằng:

– Các con tưởng 4 cái cánh cổng ấy có sức chống được quân giặc hay sao? Lệ thường, giặc đến thời đóng cổng thành, nhưng cái chủ yếu là phải có quân cự thủ ở trên mặt thành, thời sự đóng cổng mới có hiệu lực. Giờ quân cự thủ không có, chúng chỉ thấy cứ đóng cổng không liền đổ xô vào để phá cổng, thời phỏng bọn 50 anh em chúng con chống lại được nổi chăng?

Chi bằng ta cứ mở toang cổng ra, chúng thấy trên mặt thành không có quân phòng thủ, dưới cổng thành lại mở không đóng,

tất chúng phải cho là ta dùng kế mai phục mà không dám xông vào. Đó tức là cái kế "thị nhược dĩ cường, tương thực tác giả" đó.

Chúng nghe xong, đều phục là phải, liền chia nhau đi mở toang cả bốn cổng thành, rồi đứng cả xung quanh Lăng Chấn. Bấy giờ Lăng Chấn mới ung dung cất tiếng nói:

– Bây giờ là cái l úc cuối cùng, của thầy trò ta cùng nhau họp mặt. Ta muốn đem cái tâm sự của ta để thuật cho các con nghe lại một lần: Ta năm nay ngoài 30 tuổi; từ năm 16, 17 tuổi trở đi đã biết lấy cái nông nỗi nước mình phải phụ thuộc với nước Tàu là nhục.

Bởi thế nên mới dốc chí luyện tập võ nghệ, xem học binh thư, để mong về sau rửa hổ nước, cứu nạn dân... May sao, gần đây lại gặp có Vua Bà chúng ta dựng cờ khởi nghĩa, nên ta mới vội vàng truy tùy dưới trướng [1]... Cứ kể cái chí khí, cái thao lược, cái can đảm anh hùng của Vua Bà chúng ta giờ thật không kém gì Vua Trưng ngày xưa. Vua Bà vì tin chúng ta, nên mới ủy cho giữ những nơi trọng đại như thế này. Chẳng ngờ, gặp lúc Vua Bà viễn chinh, quân giặc kéo đến, anh Phan Thái Tâm vì thất cơ mà tuẫn nạn ở Đô Bàng, còn anh Trần Quý...

Lăng Chấn nói đến hai tiếng Trần Quý, thời nghiến răng trừng mắt, coi như khí căm giận đã nghẹn lên đến cổ... Mãi mãi rồi mới nói tiếp:

–... Ta không biết là người hay là vật, mà lại đi đầu hàng quân giặc, để đến nỗi mất đồn An Phổ, là nơi căn bản từ lúc mới khởi quân! Bây giờ chỉ còn sót có một thành này, mà bọn quân ngu dốt, lại tin lời dụ dẫn của quân giặc mà trốn chạy hết, thầy trò ta dù có tài là thánh cũng không tài nào giữ được nữa! Thân ta dù chết, ta cũng không hối hận gì, chỉ có một điều là ba thành này mà mất tức là đã mất nơi căn bản, Vua Bà ta nay mai hoặc lỡ có khi nào thất thế, thời còn biết lui quân về đâu? Thế có khác gì ta đây tự làm tuyệt mất hậu lộ mà thua... Cái tội của ta dù nhổ từng cái tóc cũng không kể sao cho hết!

Bọn quân sĩ nghe Lăng Chấn nói vậy đều bâng khuâng ngao ngán, thổn thức bồi hồi, không biết nói lại thế nào... Một lúc, bỗng Lăng Chấn đứng phắt dậy, cất tiếng lên nói:

– Thôi bây giờ các con hãy ở lại đây, để ta ra giết quân Ngô một mẻ, cho chúng biết tay, rồi ta có chết mới cam lòng...

---

1. *Truy tùy dưới trướng:* đi theo phục vụ dưới quyền của viên tướng.

Lăng Chấn nói dứt nhời, cả 50 tên quân đều nói:

– Chúng tôi xin theo chủ tướng chết cùng chết, quyết không ai ở lại...

Lăng Chấn thấy vậy, đành phải cho chúng đi theo, liền nhảy phắt lên ngựa, vùn vụt xông ra ngoài thành...

Nói về Mã Khải, Khu Báo, Quách Hùng, ba tướng đem đại quân đến vây đánh huyện thành Nông Cống, khi đã bổ vây xong, bỗng thấy các cổng thành đều mở toang, Quách Hùng toan kéo quân đánh thẳng vào, Mã Khải vội gạt đi rằng:

– Chết! Chết! Mạo hiểm thế! Thế nào được! Bây giờ tướng quân kéo quân vào, lỡ phục binh ở hai bên thành nó đổ ra, cổng thời nó đóng sập lại, thời còn sống thế nào được.

Quách Hùng lấy làm phải, liền cùng nhau truyền cho quân sĩ chỉ cứ reo hò, và khiêu chiến, chứ không ai dám bén mảng đến gần thành cả.

Mặt trời tà tà, quân vây đã ra chiều mỏi mệt, kẻ đứng người ngồi, hàng ngũ đều rối loạn. Mã Khải đương tuần tiễu ở cửa đông; Quách Hùng thời đang trèo lên trên vọng viễn đài; Khu Báo vì đêm hôm trước cảm sốt, nên ngày hôm ấy tuy ra nơi hàng trận mà tinh thần vẫn uể oải.

Nhân thấy trong thành không ra đánh, liền xuống ngựa ngồi phệt xuống đất, bảo mấy tên quân lấy lá mộc che xung quanh cho đỡ nắng... Giữa lúc đó, bỗng nghe từ trong thành có tiếng reo hò xông ra, Khu Báo liền ngảnh đầu lại trông, thấy một viên tướng tay cầm siêu đao, cưỡi trên con ngựa ô, vùn vụt từ trong thành xông ra, theo sau có một toán quân đều cầm đoản đao, khí thế rất hung mãnh. Khu Báo có ý ngạc nhiên, vì từ xưa chưa từng thấy toán quân nào xuất trận mà quân tướng ít ỏi đến thế bao giờ... Nhưng vì thấy cái khí thế hung mãnh của viên tướng đi đầu, nên cũng không dám coi thường, liền vội vàng đứng dậy, gọi quân dắt ngựa... Vừa lúc rón rén toan nhảy lên lưng ngựa, bỗng nghe thấy một tiếng quát vang như sấm:

– Ngô tướng! Mi đã biết mặt Vũ Lăng Chấn chưa?

Khu Báo nghe tiếng thét ấy, bất giác giật nẩy mình lên, vội vàng quay đầu lại để trông, thời Lăng Chấn đã vụt tới trước mặt. Khu Báo chưa kịp giở tay, thời một mũi siêu đao đã đưa ngay vào giữa ức... Khu Báo chỉ kêu lên được một tiếng tức thời ngã gục xuống mà chết.

Sau khi Lăng Chấn đã giết chết Khu Báo, tức thời cử động siêu đao, vùn vụt xông vào giữa trận quân Ngô; toán quân thấy cái khí thế của Lăng Chấn hung mãnh quá, thời đều chạy đổ xô đi, kêu la rầm rĩ... Mã Khải, Quách Hùng nghe báo đều vội vàng quay lại, Mã Khải bắt gặp Lăng Chấn trước, liền khoa kích giao chiến, Quách Hùng lại sau, thấy hai tướng đánh nhau rất hăng, nhưng coi chừng quân Nam không có mấy, liền phất cờ truyền lệnh bổ vây. Lại truyền quân cung thủ hễ quân Nam đi đến đâu thời bắn đến đấy... Sau khi truyền lệnh xong liền xông vào song chiến Lăng Chấn. Mã Khải đánh nhau với Lăng Chấn đã toan núng thế, bỗng được Quách Hùng trợ chiến thời khí thế lại thêm hăng. Hai bên lại cùng nhau đánh tới hơn 50 hợp nữa, Lăng Chấn liệu thế không thể địch được, liền quay ngựa chạy. Mã Khải, Quách Hùng cứ để vậy cho chạy không đuổi, rồi lên trên cao để chỉ huy quân sĩ bắn tên.

Lăng Chấn phóng ngựa đi được một quãng độ 8, 9 trăm thước, ngảnh lại trông quân mình, chỉ còn độ một nửa, liền dừng ngựa bảo chúng:

– Thôi các con đừng theo ta nữa! Hàng ngay đi, hàng ngay đi, kẻo không thể sống được đâu!

Lăng Chấn nói dứt nhời, cả toán quân đều kêu lên:

– Chết thì chết! Chúng tôi quyết không hàng!

Vừa lúc đó thời một toán quân Ngô tới hơn 200, nghe hiệu chỉ huy áp tới, dương toàn nỏ cứng, nhằm thẳng vào Lăng Chấn mà bắn. Lăng Chấn vung thương quay tít để gạt tên, tên rơi xuống tỏa tỏa như mưa... Bỗng một mũi tên bắn trúng ngay vào mắt ngựa của Lăng Chấn, ngựa đau lồng lên. Lăng Chấn vội dún chân nhảy thót xuống đất. Rồi chân đi bộ, tay cung thương, đánh lộn vào trong quân Ngô, chỉ độ dập bã trầu, đã giết chết được tới 7, 8 tên. Tuy vậy quân Ngô vây bọc vẫn mỗi lúc mỗi đông, mà Lăng Chấn thời chân tay mỗi lúc mỗi mỏi mệt dần, ngảnh lại trông quân mình, không còn sót một mống nào nữa. Bất giác thở dài một tiếng, ứa hai hàng nước mắt, ngửa mặt lên trời kêu lên một câu:

– Trăm lạy Vua Bà, không phải là Vũ Lăng Chấn này không hết lòng báo chúa, nhưng sức kiệt mất rồi, xin Vua Bà cũng thấu tình cho!

Nói dứt nhời quay thương đâm cổ mà chết!

Vũ Lăng Chấn chết, quân Ngô vẫn chưa biết, nên chi chúng vẫn cứ vây bọc mãi, ước tới hơn một giờ sau, Mã Khải, Quách Hùng không thấy ở trong có người đánh ra nữa, liều sai quân đi lùng, một lát, có mấy tên quân khiêng xác Lăng Chấn đến nộp... Mã, Quách hai người trông thấy mặt Lăng Chấn, tuy là đã chết, mà sắc giận vẫn hầm hầm rất lấy làm cảm phục, bất giác buột miệng đồng thanh nói lên rằng:

– Người này mới thật là trung quân ái quốc, thật đáng là bực anh hùng. Không ngờ nơi rợ mọi mà lại có người như thế!

Nói rồi truyền quân sĩ làm lễ mai táng rất là tử tế. Sau Mã Khải lại sai dựng bia, thân đề mấy chữ vào giữa lòng bia rằng:

"Giao Châu nghĩa sĩ Vũ Lăng Chấn chi mộ" [1].

Nói về Vua Bà sau khi nghe tin Vũ Lăng Chấn bị thất bại, liền bàn định với Triệu Quốc Đạt chia quân ra làm hai đàng. Vua Bà tiến quân về phía hữu, Quốc Đạt tiến quân về phía bên tả, còn Quốc Thành và Trần Hưu thời tiếp ứng cả 2 nơi.

Đúng giờ thìn ngày hôm sau, thời cả hai tướng đều tiến quân. Ngày hôm ấy, Vua Bà đầu đội khăn xanh, mình mặc áo giáp vàng, chân dận đôi dép ngà, ngồi trên lưng con voi trắng, coi nghi vệ rất là oai nghiêm. Vào khoảng cuối giờ ngọ sang giờ mùi, thời quân ta đã sát tới trại Ngô. Vua Bà truyền lệnh đánh trống, reo hò xông vào. Trong trại quân Ngô vẫn chỉ có một mực dùng tên nỏ bắn ra như mưa. Quân ta cứ chùn cả lại không thể sao tiến được. Vua Bà nổi nóng, truyền quân sĩ phải hết thảy lấy mộc mà che tên, rồi tự bỏ voi xông vào trước. Các tướng tá và quân sĩ thấy Vua Bà đã xông đi trước, thời dù chết cũng phải cố liều vào theo. Chỉ độ giập bã trầu là quân ta đã phá tan được dãy hàng lũy của quân Ngô, rồi tiến ấp lại, thế mạnh như đê vỡ. Quân Ngô lúc đó, dù có nỏ cứng tên sắt cũng không còn làm gì được nữa, đành quăng nỏ, mà ôm đầu chạy trốn tán loạn. Giữa lúc đó, thời toán quân của Triệu Quốc Đạt vì thấy quân của Vua Bà đã xông được vào trước, nên cũng phải cùng nhau liều chết xông vào, chỉ độ thoáng mắt là đã phá tan.

Nói về bọn tướng Ngô mà Lục Dận phái ra án ngữ ở đấy là Mao Tài, Trình Bân, Hạng Liệt, Lý Sung đều là những tay chiến tướng rất giỏi, vốn đã chắc dùng cái kế mai phục bằng kính nỗ có thể hãn ngữ được quân Nam, chẳng ngờ chỉ có một lát mà bao nhiêu

---

1. Mộ của người nghĩa sĩ ở Giao Châu tên là Vũ Lăng Chấn.

doanh trại đều đã bị quân Nam phá tan, thời đều nổi giận đùng đùng. Tức thời cả bốn người, đều nhảy phắt lên ngựa, xông đi tìm tướng Nam để cự chiến. Mao Tài, Trình Bân, hai tướng vừa đi được một quãng ngắn, thời đã gặp ngay Vua Bà, cưỡi voi sồng sộc đến, Mao Tài trông thấy quát to:

– Bớ nữ tặc! Ta khen mi cũng to gan thực! Giờ ta cho mi sẽ biết tay!

Dứt nhời, một người vung hoạch kích, một người khoa trường thương, đều nhằm thẳng vào Vua Bà mà đâm lại.

Vua Bà thấy hai người đã đến gần liền trừng mắt quát:

– Ngô tặc! Chớ có coi thường; hãy xem lao của mỗ đây...

Dứt nhời, tay trái cầm siêu đao gạt bỏ ngọn thương của Mao Tài; tay phải cầm lao nhằm Trình Bân mà lao xuống. Lúc đó Trình Bân kêu rú lên một tiếng, ngã lộn nhào xuống ngựa. Bọn quân Ngô vừa toan xông lại cứu, thời nhanh như chớp, cái vòi voi của Vua Bà đã cuốn ngay lấy Trình Bân, mà tung lên cao tới một trượng, reo xuống đất mà chết. Giữa lúc voi tung Trình Bân, thời Mao Tài dùng phi tiêu nhằm thẳng vào cổ Vua Bà mà ném. Vua Bà quát lên một tiếng:

– Ngô tặc! Mi lại dám dùng ám khí à?

Vừa dứt tiếng thời chiếc phi tiêu đã vùn vụt tới ngang mặt. Vua Bà nhanh tay bắt ngay được tức thời dùng ngay phi tiêu đó nhằm thẳng vào đầu Mao Tài mà ném, Mao Tài thấy vậy, vừa toan dùng hoạch kích để gạt bỏ phi tiêu, nhưng hoạch kích chưa kịp quay, thời chiếc phi tiêu đã đâm thẳng vào mặt ngựa của Mao Tài. Ngựa bị phi tiêu lồng lên, vật lộn Mao Tài xuống đất. Giữa lúc Mao Tài từ trên lưng ngựa lộn xuống, mình chưa sa xuống đến đất, thời lưỡi siêu đao của Vua Bà đã chém phập vào gáy Mao Tài, đầu đứt ra, lăn như củ chuối. Sau khi đã giết chết Trình Bân và Mao Tài, Vua Bà vừa toan bổ voi cho xông thẳng về phía bên hữu nhác thấy bên tay trái có một tướng đầu tóc rũ rượi, phóng ngựa chạy rất gấp. Ở phía sau có 2 viên tướng Ngô đang cùng ráng sức để đuổi. Vua Bà nhận rõ viên tướng chạy ấy là Quốc Đạt, liền cất tiếng gọi to lên:

– Huynh trưởng. Đã có em đây không phải chạy nữa. Dứt nhời, dương cung nhằm thẳng vào viên tướng Ngô đi trước mà bắn.

Viên tướng đi trước ấy tức là Lý Sung, còn viên tướng đi sau là Hạng Liệt. Chính đang lúc hai người cùng trổ tài đuổi đánh Quốc

Đạt, bỗng nghe tiếng Vua Bà quát, thời đều giật nảy mình vội dừng ngựa lại, Lý Sung tinh mắt trông thấy Vua Bà dương cung, thời vội vàng quát:

– Nữ tặc! Chớ có bắn tên, hãy xem thần kiếm của bản tướng đây!

Dứt nhời, vừa múa kiếm vừa xông lại sát tận bên voi. Cả Hạng Liệt cũng đồng thời áp tới. Rồi hai người cùng họp sức lại để đánh nhau với Vua Bà. Vua Bà một mình cự chiến với hai tướng tới hơn 4, 50 hợp, sức khỏe càng ngày càng hăng. Lý, Hạng hai tướng thấy mồ hôi đã ướt đầm cả áo, cùng đều rối loạn. Hai tướng biết thế không thể địch được, liền cùng nhau cắm đầu tháo chạy. Vua Bà vì thấy mặt trời đã gác núi, liền truyền lệnh đánh chiêng thu quân, không đuổi nữa, rồi hạ trại ngay ở giữa chỗ trại quân Ngô đóng trước.

Sẩm tối ngày hôm ấy, Vua Bà bỗng gọi các tướng vào trung quân để truyền lệnh. Trước hết sai Triệu Quốc Thành đem 100 quân ra phục ở phía bên tả trại, Trần Hưu đem 100 quân ra phục ở phía bên hữu trại. Rồi tự mình cùng Triệu Quốc Đạt, tự thống đại binh ra phục ở phía sau trại. Truyền lệnh xong, Vua Bà lại dặn hễ thấy ở đại trại lửa bốc lên và tiếng reo hò, thời tức là quân Ngô đến cướp trại đó. Quân phục ở các nơi phải nhất tề đổ về giáp công thời thế nào cũng được toàn thắng.

Sau khi Quốc Thành, Trần Hưu kéo quân đi khỏi, Triệu Đạt hỏi nhỏ Vua Bà:

– Vì cớ chi mà hiền muội biết là có quân Ngô đến cướp trại?

Vua Bà nói:

– Cứ theo thói thường của người đời, thời cái xu hướng của người trên thế nào, người dưới cũng hay bắt chước mà theo một cái xu hướng ấy. Hiện giờ, tên đứng đầu quân Ngô là Lục Dận vốn là một viên tướng mưu trí, đối với việc chinh chiến, phần nhiều chỉ dùng mưu chắc các bọn tùy tướng của nó cũng bắt chước mà theo một duộc như thế. Chúng thấy trận đánh của ta lúc ban trưa, ta phải dùng cách thí thân mới phá tan được doanh lũy của nó. Chắc nó đoán là quân tướng ta đã mệt nhoài cả ra, tối đến thời ngủ thiếp đi còn nghĩ gì đến việc phòng bị nữa. Bởi thế nên chắc thế nào đêm nay nó cũng đem quân đến cướp trại.

Quốc Đạt nghe Vua Bà nói xong rất lấy làm phải rồi cáo từ lui ra lập tức đem quân ra phía sau trại để mai phục.

Vào khoảng nửa đêm hôm ấy, quả nhiên nghe thấy ở trong đại trại có tiếng hò reo, và đuốc lửa bật lên sáng như sao sa. Tất cả hai toán quân tả hữu và toán quân phục ở đằng sau trại, đều đánh ập cả lại. Một trận đánh ấy quân Ngô mười phần chết mất đến 6, 7. Lý Sung bị tên bắn chết ở trong loạn quân. Còn Hạng Liệt cũng bị Triệu Quốc Thành chém chết. Thế là chỉ đánh có hai trận mà cả 4 viên tướng Ngô đều bị chết. Ngày hôm sau Vua Bà vừa toan truyền lệnh lại cất quân kéo đi, thời Trương Tảo vào trình rằng:

– Xin Đức vua hãy lưu lại cho vài ngày, để chờ lương ở Cư Phong đưa đến đã, kẻo giờ ở trong quân chỉ còn có hơn một ngày lương, nếu lỡ đi xa, lương đến không kịp thì rầy.

Vua Bà y lời liền truyền hãy tạm đóng quân lại đó. Một mặt sai mấy tên kỵ binh về Cư Phong giục Lý Mão đem lương.

Vua Bà đóng quân ở đấy hai ngày nữa, thời mới thấy Lý Mão phái đem được hơn 50 gánh lương đến. Vua Bà truyền đòi viên quản coi việc dẫn lương ấy vào hỏi:

– Sao lại đem được có bấy nhiêu lương thời phỏng dùng được mấy ngày?

Viên quản coi lương nói:

– Lý chủ tướng tôi có dặn tôi tâu với Đức vua rằng: "Vì mấy ngày hôm nay tiết trời u ám, thóc thu được phần nhiều là ẩm ướt nên say giã không kịp, xin Đức vua hoãn cho hai ngày nữa thời mới có thể đem đến đủ được".

Vua Bà nghe nói thời có ý buồn rầu, đã toan phái người đi tống lương ở các trang trại xung quanh. Nhưng lại sợ nếu làm thế thời hại dân. Vả khắp vùng quanh đấy, bấy lâu đã bị tàn hại về quân Ngô, giờ chắc cũng chả còn gì nữa... Tuy vậy, vì việc quân không thể nào trì hoãn nên đến sáng ngày hôm sau Vua Bà cũng cứ truyền lệnh tiến quân...

Nói về bên quân Ngô, bại binh chạy về đến đại trại ở Hồng Lĩnh, đem hết tình hình thất bại trình bầy với Lục Dận. Lục Dận thất kinh mà rằng:

– Chết thật! Ta không ngờ tên nữ tặc ấy mà nó lại dũng mãnh đến thế!

Lục Dận vừa nói dứt nhời, Mã Khải, Quách Hùng, Đỗ Kiệt, cả ba người đều đứng lên nói rằng:

– Xin chủ tướng đừng vội nói thế mà ngã lòng quân của ta. Nếu mai, tặc quân có đến đây, anh em chúng tôi xin nhất tề ra trận, để đánh cho bằng được toàn thắng mới cam tâm...

Lục Dận nghe ba người nói xong, trầm ngâm một lát rồi ra vẻ trịnh trọng cất tiếng nói:

– Ba người nếu muốn đánh nhau với nó, thiết tưởng đừng nên đồng thời đến đánh một lúc, phải nên luân lưu mà đánh, chờ khi nào nó thật mỏi rồi, ta sẽ chia làm tả hữu hai bên đánh ập lại thời mới mong toàn thắng được.

Ba tướng được Lục Dận cho ra đánh thời đều hớn hở vui mừng. Rồi lui ra, để chờ bao giờ quân Nam đến thời xuất trận.

Nói về Vua Bà tiến quân, đi mất hơn một ngày mới gần tới Hồng Lĩnh.

Thời thấy quân Ngô đã đóng trại san sát cả ở bên sườn núi. Vua Bà liền truyền lệnh hạ trại, rồi tự mình đem mấy tên kiện tốt thẳng lên trên một trái đồi cao, ngắm xem cách hạ trại của quân Ngô... Chính đương lúc ngắm nghía, thời vụt thấy một con ngựa từ sườn đồi lên, Vua Bà nhận ra người ấy là Triệu Quốc Thành. Còn cách xa ước chừng 200 thước, Vua Bà đã vẫy tay gọi:

– Em, em đi đâu mà vội thế?

Không kịp trả lời, Triệu Quốc Thành phới ngựa tới gần sát Vua Bà, xuống ngựa khoanh tay nói:

– Thưa chị, vì em thấy chị đi lên đây không có ai là đại tướng đi theo, em sợ lỡ có xảy việc gì bất trắc.

Vua Bà mỉm cười mà rằng:

– Sao độ rầy em cẩn thận thế? Ừ, nhưng cũng may, em đã lên đây, chị sẽ chỉ bảo cái cách hạ trại của quân Ngô cho em xem...

Nói dứt nhời, Vua Bà dắt Quốc Thành lại bên cạnh, rồi vừa chỉ chỏ vào trại quân Ngô vừa nói:

– Kìa, em trông Đông, Tây, Nam, Bắc 4 phương đều có hạ trại, ở giữa thời đóng một đại doanh. Tiếp luôn một khu này ước chừng trong vòng 5 dặm, mà nó chia ra hạ trại một cách đều giống nhau như thế cả...

Nói đến đấy, Vua Bà chỉ vào một ngọn cờ đại ở giữa trại mà bảo Quốc Thành:

– Kìa, em trông ngọn cờ kia, rõ ràng là cờ của chủ tướng nó chứ?

Nhưng, em phải biết, thằng Lục Dận nó không đóng ở đây đâu... Ở đây xa, không trông thấy được rõ những ngọn cờ ở đằng kia, nhưng chắc ở trại nào cũng có một lá cờ có chữ "Nguyên Súy" cả... Em cứ trông đó thời biết là cách hạ trại của Lục Dận theo lối Ngũ hoa trận ở trong binh pháp, ấy cách hạ trại mà nó còn cẩn thận đến như thế, đủ biết đến lúc lâm trận nó còn cẩn thận đến nhường nào...

Vua Bà nói đến đấy, thời Quốc Thành bất giác thở dài lên một tiếng... Vua Bà mỉm cười ngoảnh hỏi Quốc Thành:

– Ô hay! Em sợ nó à?

Quốc Thành nói:

– Thưa thị, em không sợ nó, nhưng em trộm nghĩ thằng Lục Dận này đối với ta thật là một tay kình địch. Vua Bà gật đầu nói:

– Ừ, em nói cũng phải, nhưng cứ nghĩ như sức chị, thời dù đến 10 cái Ngũ hoa trận thế chị phá cũng tan, nhưng không biết lòng trời có tựa chị em mình không? Em nhỉ?

Vua Bà nói đến đấy thì bất giác cũng xúc động đến cảm tình riêng của mình, nét mặt cũng rầu rầu kém tươi. Chính đương lúc bồi hồi nghĩ ngợi, bỗng có một toán quân tới hơn 100 người vùn vụt từ dưới chân đồi đi lên, Vua Bà nhận ra là Triệu Quốc Đạt, tức thời Vua Bà vừa cười vừa nói:

– Vì có mình tôi lên đây, mà đến nỗi làm phiền cả anh lẫn em...

Triệu Quốc Đạt ngồi trên lưng ngựa ung dung nói:

– Ngày đã chiều lắm rồi, xin hiền muội trở về dinh thôi...

Dứt nhời, Vua Bà không hề từ chối. Liền cùng Quốc Đạt, Quốc Thành trở về dinh.

Mờ sáng ngày hôm sau, Vua Bà truyền lệnh, chia quân ra làm 5 đạo, nhất tề tiến đánh cả 5 trại của quân Ngô. Vua Bà tự thống trung quân, đánh thẳng vào trại giữa. Các tướng nghe lệnh đạo nào, chia đi đạo ấy.

Nói về bên quân Ngô, Lục Dận thấy cái thế lực của Vua Bà rất mạnh, nên trước kia đã toan cho Mã Khải, Quách Hùng, Đỗ Kiệt lũ lượt nhau đánh với Vua Bà, rồi đem quân ra bao vây. Nhưng sau lại nghĩ thêm ra một cách bày thành Ngũ hoa trận để đối địch, đó tức là

một cái thâm tâm của Lục Dận. Vì Lục Dận là một người rất xính cơ mưu, chỉ muốn đánh một trận ấy bắt sống được Vua Bà mới cam tâm. Nên chi mới vừa lập ra Ngũ hoa trại, lại dùng cả cái kế hoạch của bọn Đỗ Kiệt trước.

Mờ sáng ngày hôm sau, tức là trong khi quân Ngô đã xếp đặt sẵn, thời vừa gặp lúc Vua Bà đốc thúc 5 đạo quân sang đánh. Thoạt tiên, Đỗ Kiệt xông ra đón đánh nhau với Vua Bà. Chẳng ngờ không gặp Vua Bà lại gặp ngay Triệu Quốc Thành, Đỗ Kiệt đánh nhau với Triệu Quốc Thành mới được hơn 10 hợp, bỗng một mũi tên vụt từ đằng xa bắn thẳng vào cánh vai Đỗ Kiệt. Vì bị tên, Kiệt suýt nữa thời bỏ rơi mất hoạch kích... phải vội vàng quay ngựa tháo chạy... Mã Khải thấy Đỗ Kiệt bị thương, vội vung thương xông ra tiếp chiến với Quốc Thành, chưa đánh nhau được dăm hợp, thời Triệu Quốc Đạt xồng xộc tới nơi, nói to lên:

– Em Thành! Để tặc tướng đấy cho ta. Em khá mau mau đi tiếp ứng Vua Bà...

Dứt tiếng, Quốc Thành gạt ngang ngọn kích, nhằm thẳng phía trận trung ương vụt đi... Mã Khải thấy tình hình như vậy, biết là cái kế hoạch của mình không thành... lại sợ bọn Lưu Uyên, Đằng Giao giữ ở trận trung ương không vững, toan quay lại báo tin ấy với Lục Dận... Nhưng bị Quốc Đạt đánh cản lại, không thể nào thoát thân đi được. Nói cho đúng thời thương pháp của Mã Khải gấp hơn Quốc Đạt nhiều, nhưng vì lúc ấy, tự biết thế mình đã núng, nên thương pháp cũng thành ra rối loạn, chỉ mới được hơn mười hợp, thời đã không địch được, đành phải gạt thương tháo chạy...

Quốc Đạt thấy Mã Khải chạy thời vung thương vẫy ra đằng sau, toàn quân đều đuổi áp sang nhanh như nước chảy...

Giữa lúc đó, toán quân của Vua Bà đã đánh tới trại trung ương. Lưu Uyên, Đằng Giao vội vàng ra tiếp chiến. Chỉ độ giập bã trầu, Vua Bà đã dùng lao đâm chết Lưu Uyên, Đằng Giao luống cuống trốn chạy. Vua Bà bắn luôn một phát tên trúng vào giữa gáy... Quân Ngô thấy tướng đã chết thời đều ôm đầu trốn chạy tán loạn.

Quân ta thừa thắng chém giết như bổ dưa chẻ nứa... Vua Bà ngồi trên lưng voi, tay cầm cờ lệnh, phất ngang phẩy dọc, quân ta cứ theo lệnh mà ùa sang. Bọn Trương Tảo, Trần Hưu, Phí Quỳ, Uông Lân, Hoàng Lan, Lê Dương... người đao, kẻ kiếm, xông xáo tung hoành, như một đàn hổ dữ nhẩy vào giữa đàn dê. Chỉ có từ sáng đến

trưa, cả 5 nơi doanh trại đóng thành thế trận Ngũ hoa của Lục Dận đã tan tành như hoa trôi bèo dạt...

Lục Dận ở trên núi Hồng Lĩnh trông xuống thấy quân ta dũng mãnh như vậy, bất giác buột miệng nói:

– Chà giỏi! Chà giỏi! Đàn bà mà đến thế, thật bên Trung Quốc ta từ xưa cũng chưa từng có, không ngờ ở nơi rợ mọi mà lại nảy nòi ra được người như thế!

Nói rồi, tự thấy tinh thần uể oải, ruột gan nóng nẩy... lẩm bẩm nói một mình:

– Có lẽ cái oai danh của ta bị truy liệt về người con gái Giao Châu này đây!

Tối hôm ấy, Lục Dận cứ dằn dọc suốt đêm, không sao chợp được mắt.

Vào khoảng gần gà gáy, rảo bước ra ngoài trướng phòng, rồi một mình lủi thủi nó đi vòng quanh các trại. Đi đến một nơi, nghe có mấy tên quân đang thì thào nói chuyện, liền lắng tai nghe, nghe rõ một đứa nói:

– Tôi không ngờ chỉ đánh nhau có vài trận mà quân ta chết mất nhiều quá!

Tên khác nói:

– Cứ như ý tôi bọn ta nên liệu tìm đường mà trốn về nước quách đi là hơn. Chứ còn ở dốn lại ngày nào là chết ngày ấy. Chả đánh thế nào được với họ đâu...

Vì nó giỏi lắm kia...

Tên nữa nói:

– Ừ, mà nó nói giỏi quá thật! Chả biết chủ tướng ta có tìm đường mà tháo chạy, không có thời chết hết!...

Một tên nữa nói:

– Nếu vài hôm nữa mà chủ tướng không trốn thời chúng ta cũng trốn, chả tội gì ở lại để chịu chết...

Chúng nói đến đấy thời tiếng nhỏ dần đi, nghe không rõ nữa. Lục Dận nghe vậy, thời càng lo lên bội phần, liền lại lủi thủi quay gót về trướng, ngồi bên cạnh bàn, chống tay vào cằm để nghĩ... Bỗng nghĩ ra được một kế, bất giác vẻ mặt hớn hở, liền truyền lệnh đòi mấy viên mặc khách vào để bàn. Sau khi Lục Dận đã cùng với mấy viên mặc khách bàn luận kỹ càng, tức thời một mặt truyền treo "Miễn chiến bài" ở khắp các trại một mặt ủy người đi thi hành mật kế...

Nói về Vua Bà đánh một trận ngày hôm ấy, giết được quân Ngô có tới hàng vạn; bắt được áo giáp và khí giới không biết bao nhiêu mà kể. Sau khi đã đánh chiêng thu quân, Vua Bà truyền lệnh hạ trại ngay ở áp núi Hồng Lĩnh, cách trại quân Ngô chỉ độ nửa dặm, ở trại bên này có thể gọi to một tiếng, trại bên kia cũng nghe tiếng. Sáng hôm sau, vừa toan cất quân ra khiêu chiến, bỗng có tên quân vào báo rằng:

– Khắp các trại quân Ngô, trại nào cũng treo "miễn chiến bài".

Vua Bà nghe xong, chưa nói gì, Triệu Quốc Thành đã phì cười mà rằng:

– Ừ thế chứ! Xem phen này quân Ngô chúng nó có mất mật không?

Vua Bà lắc đầu mà rằng:

– Em đừng vội mừng. Ta chắc Lục Dận nó lại dùng cách hoãn binh để bầy mưu kế gì đấy thôi...

Tuy vậy, nó đã muốn miễn chiến, thời ta cũng miễn chiến mấy hôm xem sao?

Vừa nói đến đấy, bỗng thấy viên quan coi lương vào tâu: gần hết lương...

Vua Bà liền lại sai mấy tên kỵ binh đi về huyện giục Lý Mão tải lương.

Cách đó 2 ngày, chính đang lúc trong quân nao nao về lương, bỗng thấy mấy tên quân sai đi đốc lương mấy hôm trước hất hơ hất hả về báo rằng:

– Lục Dận sai người đến dụ Lý Mão đầu hàng, hiện ở Cư Phong đã cắm dát dạt toàn kỳ sí của quân Ngô. Chúng tôi đến nơi, suýt nữa bị giết chết... phải nhanh chân mới trốn thoát... Vua Bà nghe xong tái người đi thở dài mà rằng:

– Ta đã biết mà! Quân Ngô nó sở dĩ treo miễn chiến bài là cốt để thi hành mật kế đấy thôi, chứ có phải nó sợ hãi thật đâu!

Quốc Thành bấy giờ mặt đỏ bừng bừng day tay mám miệng cất tiếng lên nói:

– Xin chị cho em đem quân bản bộ quay về Cư Phong, giết chết bỏ thằng giặc phản chúa ấy đi.

Vua Bà lắc đầu nói:

– Vô ích! Vả nếu mình dẫn quân đi, Lục Dận nó lại dại gì mà không mai phục trước để yêu kích [1] hay sao?...

Nói rồi, Vua Bà cứ ngồi lặng im trầm ngâm suy nghĩ... Lương thực là tính mệnh của ba quân. Lương thực mà hết thời dù dũng mãnh cũng bằng thừa... Vậy ta biết lấy vào đâu cho được lương thực cho quân ăn bây giờ?... Càng nghĩ càng thấy khó càng lo. Bỗng viên quan coi lương vào tâu: "Lương thực chỉ còn đủ ăn bữa tối nay..." Vua Bà gật đầu cho lui ra. Bấy giờ tất cả bọn Quốc Đạt, Quốc Thành, Trần Hưu, v.v... đều tỏ ra vẻ lo lắng, nhưng ai nấy cũng đều vô kế khả thi. Cái tiếng "hết lương" bấy giờ làm náo động cả ba quân. Chỗ nào cũng có tiếng rì rầm bàn tán... Bỗng có một tin đồn từ bên trại quân Ngô truyền sang: "Lục Dận đã cho người đi điều tra quê quán các tên quân đi theo Vua Bà, rồi phái quân đi đến từng nơi để đào mả tổ tiên những tên quân khởi loạn ấy...". Tiếng đồn ấy do một người truyền sang 10, do 10 truyền sang trăm. Không bao lâu mà cả toán quân đều biết. Rồi không ai bảo ai, ai cũng lấy mồ mả tổ tiên làm trọng, đều ngấm ngầm cuốn xéo chạy trốn... Chỉ có một đêm mà số quân của Vua Bà đã sút xuống mất quá một nửa... Biết tin ấy, Vua Bà đập tay xuống bàn kêu lên rằng:

– Chà! Thằng Lục Dận độc ác thật! Độc ác thật!...

Tiếng kêu ấy vang động ra cả bên ngoài, các tướng tá đều chạy xô cả vào. Vua Bà gọi Quốc Thành, Quốc Đạt lại gần bảo rằng:

– Quân ta bấy lâu tuy vẫn được, mà cái cơ thất bại đến nơi rồi!

Huynh trưởng với hiền đệ liệu tìm lấy cách mà đào sinh [2], còn như tôi thời tấm thân này đã phó thác với non sông đành cùng với non sông cùng luân táng, quyết không còn chịu sống dằng giai làm gì nữa đâu!

Vua Bà nói đến đấy, thời nét mặt bỗng đỏ bừng lên, hai mắt phượng long lanh như muốn nảy lửa... Quốc Đạt vừa toan nói lại, thời ngoài cửa trại đã nghe tiếng trống trận vang lừng, quân Ngô kéo đến đông như kiến cỏ... Vua Bà đứng phắt ngay dậy tay cầm bảo kiếm, tay xách điêu cung, rảo bước ra sân, nhẩy phắt lên lưng voi, vừa cất tiếng nói:

– Thôi lúc này là lúc sống chết giao đầu, xin ai nấy có thân thời liệu đừng theo tôi nữa!...

---

1. *Yêu kích:* chờ ai trên đường để đánh.

2. *Đào sinh:* chạy đi mà tìm lấy con đường sống.

Dứt nhời thúc voi xông ra trước trại, nhằm thẳng đám quân Ngô mà tràn sang. Quân Ngô thấy khí thế của Vua Bà hăng quá, cứ phải rãn cả ra, không ai dám đối địch. Lục Dận truyền lệnh bắc loa gọi quân Nam: "Hễ ai hàng thời được cấp cho lương thực, cho về quê quán; ai còn ở lại tức thời phải đào mả tổ tiên đổ bỏ xuống sông...".

Tiếng loa gọi vang rầm cả lên như sấm động. Quốc Thành, Quốc Đạt bấy giờ vẫn phóng ngựa theo riết phía sau Vua Bà. Bỗng đàng trước mặt có hai viên tướng Ngô chặn đường đón đánh. Vua Bà nhận ra là Quách Hùng, Mã Khải, tức thời nóng tiết quát lên:

– Ngô tặc! Mi muốn dùng độc kế, hãy xem lao của ta đây!...

Dứt nhời, vùn vụt ném luôn 6, 7 cái lao. Mã, Quách cũng đã nhanh tay gạt luôn được 2, 3 cái, sau vì cuống quá không kịp, nên Mã Khải bị ngay một lao trúng suốt ngực, chết ngay lập tức...

Quách Hùng bị một lao trúng vào đầu ngựa, ngã lộn xuống đất, quân sĩ xô lại cứu, nhưng bị Quốc Thành nhảy xổ lại chém đứt đầu...

Vừa lúc đó, nghe có tên quân kêu: "Tướng quân Trương Tảo bị tên độc bắn chết rồi!..."

Vua Bà ngồi trên lưng voi, trông ra xung quanh, quân Ngô vây đặc cả như hàng rào sắt. Ngửa trông lên dãy Mao Sơn, thấy Lục Dận đang đứng trên đỉnh núi, cầm cờ chỉ huy quân sĩ... Máu nóng nổi lên, Vua Bà không hề trù trừ thúc voi xông thẳng lên núi.

Nói về Lục Dận được lúc chỉ huy quân sĩ, bỗng thấy Vua Bà cưỡi voi vùn vụt xông lên, thời bủn rủn cả người vừa toan tìm đường trốn chạy, thời vụt một mũi tên bắn trúng ngay vào cánh tay... Lục Dận vừa nghiêng mình ngã xuống, thời voi của Vua Bà đã áp tới, Vua Bà vừa cất siêu đao toan chém, thời đến hơn 10 viên tướng Ngô đều xông cả ra đánh chẹn, cứu thoát Lục Dận.

Vua Bà căm tức, múa tít siêu đao, đâm chém một hồi, lại chết đến 7, 8 viên tướng Ngô nữa!...

Chính đang lúc chém giết túi bụi, bỗng một hồi loa đồng thét vang, tên nỏ từ phía dưới núi bắn lên như mưa... Bất đắc dĩ Vua Bà phải thúc voi trở xuống. Khi xuống đến chân núi, ngoảnh lại trông quân theo sau chỉ còn không được một trăm, hỏi đến các tướng, thời Lê Dương, Hoàng Lân đều tử trận, còn Trần Hưu, Uông Lân thời không biết thất lạc ở đâu. Quốc Đạt cũng bị tên, mấy tên tâm phúc

cũng đi trốn, không biết là đi về nẻo nào... Trông về phía trước, thấy Quốc Thành đang một mình đánh nhau với 4, 5 viên tướng Ngô.

Vua Bà liền thúc voi xông lại trợ chiến. Còn cách ước hơn 20 thước, đã thấy Quốc Thành bị tên ngầm bắn trúng giữa cổ, lăn xuống ngựa mà chết! Vì thương em quá, Vua Bà không thể cầm lòng, kêu lên mấy tiếng:

– Trời ơi! Em tôi chết rồi! Em tôi chết rồi!...

Dứt tiếng kêu, vụt lại chỗ Quốc Thành chết, lại giết chết 3 viên tướng Ngô. Ngảnh lại đằng sau, quân Ngô đuổi theo ầm ầm như đê vỡ... Vì không muốn chết về tay quân Ngô, nên Ngài liền thúc voi nhằm thẳng về vùng Nông Cống mà chạy...

Tối hôm ấy Vua Bà về tới xã Bồ Điền, Ngài tiến thẳng lên một tòa miếu cổ trên đỉnh ngọn Phương Sơn. Rồi đến đêm khuya, Ngài "Chết theo nước" năm ấy Ngài mới 23 tuổi!...

Nhà in Nhật Nam, Hà Nội, 1936.

HAI BÀ ĐÁNH GIẶC

(Tiểu thuyết lịch sử – Trích)

Đây là truyện viết công phu hơn cả của nhà văn. Truyện gồm 20 hồi, bắt đầu từ việc Thi Sách giết tên huyện lệnh Chu Diên, rồi Hai Bà cùng các nữ tướng như Lê Chân, Ái Nương khởi nghĩa, kế đến Thi Sách bị giết, Hai Bà thắng Tô Hoàng, đuổi Tô Định. Truyện kết thúc bằng cảnh chiến đấu chống đại binh của Mã Viện và sự tuẫn tiết của Hai Bà cùng các tướng Lê Mậu, Đô Kính, Mạc Sài, Trịnh Long, Quách Hào...

Chúng tôi trích chọn các hồi II, IV, V, XIII, XVII, XVIII, XIX.

Hồi thứ hai

Trước tụng đình, dân Việt chịu thân lươn
Trên pháp luật, họ Tô dùng bẫy cọp

Nói về Huyện lệnh Kê Từ tên là Đặng Tu. Vốn là cháu gọi Tô Định là cậu. Tính nết rất là gian tham biển lận. Đến việc chính trị thời mù đặc, chẳng biết thế nào là kinh, quyền [1], tiến, thoái.

Từ khi tiếp được tờ Công điệp của Tô Định, đã liệt kê tên các quan Lang ở hạt mình đệ trình lên Bộ Thái thú. Sau lại tiếp được mật thư của Tô Định cho được tùy nghi hành sự.

Đặng Tu đem việc ấy bàn với viên huyện Thừa là Ngô Cầu, hai viên huyện lại là Lưu Mao, Mã Đồ.

Ngô Cầu hiến kế rằng:

– Bọn quan lang ở huyện ta toàn là phường nhu nhược hèn nhát. Bây giờ Minh công hãy cứ tư lệnh đi triệu lên cả ở huyện nha, bảo họ phải trả lại quyền chính và không được làm chức gì như trước nữa. Minh công cứ vừa dỗ vừa dọa, thế nào chúng cũng phải sợ mà tuân theo. Nhược bằng có viên nào còn dùng dằng, Minh công cứ giữ ngay lại ở huyện rồi phái binh biền về canh giữ nhà chúng. Chúng thấy thế tất nhiên hoảng sợ, vợ phải bảo chồng, con phải ngăn cha...

1. *Kinh quyền:* theo lẽ thường, quy luật, và theo lẽ biến, ngoại lệ.

Tuân theo mệnh lệnh của Minh công, quyết không khi nào dám kháng cự.

Đặng Tu nghe lời, liền cứ y kế ấy mà thi hành.

Lưu Mao, Mã Đồ ở huyện lui về, Lưu Mao mời Mã Đồ hãy tạt vào nhà mình nói chuyện.

Mao bảo Đồ rằng:

– Huynh ông tính cái việc này, có thể đạt được như ý định của quan ta chăng?

Đồ vuốt râu, mỉm cười mà rằng:

– Khó lắm! Khó lắm! Phàm làm những công việc cải cách lớn, tất phải nhật tiêm, nguyệt tý như tầm gửi lấn cành thì mới được. Giả thiết như một người muốn tu tiên...

Đã đành rằng tu tiên thì phải tịch cốc. Nhưng lúc bắt đầu tất phải cứ giảm dần dần, như đương ăn mặn, hãy giảm làm ăn chay, đương ăn ba bữa hãy giảm làm hai bữa. Một tháng, hai ba tháng lại cứ tuần tự mà bớt dần đi... Chứ bỗng tự nhiên mà giảm ngay, bớt nhịn hẳn, tôi chắc chỉ mấy ngày đã hóa ra ma chứ chả tiên, cú chi cả.

Mao nghe đến đấy phì cười mà rằng:

– Ừ, bác nói cũng có lẽ, nhưng cái việc này tuy là do ý định của quan lệnh, nhưng người bày mưu lại là ông huyện Thừa... Tôi nghe ông ta là người học thức lắm kia đấy, sao lại bàn cái mưu dại như vậy?

Đồ lại cười mà rằng:

– Năm bẩy đường học, có thứ học làm nên thánh hiền có thứ học thành ra con mọt sách, phân bì thế nào được. Vả cứ nói ngay như Tiêu Hà, Tào Tham đời trước, có thấy ai nói các ông ấy học tập ở trường nào, hay đỗ đạt đến bực nào đâu, mà sự nghiệp các ông ấy lừng lẫy đến như thế. Mao gạt đi mà rằng:

– Rõ thật bác hùng biện quá! Chỉ có câu chuyện thế mà lôi cả các cụ ngày xưa... Thôi giờ tôi muốn hỏi bác việc này. Cứ cái sự cơ đó, chắc khó lòng mà êm thấm được. Vậy chúng ta có nên nói với quan thay đổi chính sách đi chăng?

Đồ vênh mặt lên mà rằng:

– Tội gì! chắc đâu quan đã tin lời nói của mình bằng lời nói của ông huyện Thừa. Còn ông huyện Thừa, chắc đâu ông ấy không cho là mình ghen công mà đặt lời ly gián. Thế có phải lời nói của mình vừa vô ích với sự thực, lại vừa mua lấy điều hiềm oán ư? Huống chi càng đục nước, thời càng béo cò, mình hãy cứ biết mình, ai hay ai dở cũng mặc ai, hơi sức đâu mà đi lo giời đổ?

Hai người chuyện gẫu một hồi lâu mới ai về nhà nấy.

...

Hôm đó vào khoảng non trưa, Đặng Tu đương ngồi giữa sảnh [1] sự nghe dân tố tụng [2].

Bỗng tên quân canh cửa vào bẩm viên quan lang ở Trang hai đã lên tới nơi, xin vào hầu.

Tu truyền cho vào. Duẫn Hòa vào tới trước sảnh sự, vái một cái mà rằng:

– Bẩm quan lớn tôi tiếp được lệnh đòi, lên hầu, vậy có công việc gì, xin quan lớn truyền...

Đặng Tu nghiêm sắc mà rằng:

– Bản huyện vừa mới tiếp được công điệp của quan Thái thú. Hiện giờ triều đình muốn khai hóa cho dân Nam Việt hòng được khôn ngoan sung sướng như dân bên thượng quốc. Nên bắt đầu cải cách ngay việc cai trị. Từ nay trở đi dân sự ở huyện nào được trực tiếp ngay với quan Lệnh ở huyện ấy, không cần phải thuộc dưới quyền các quan lang nữa, để cho nhân dân rạn rỡ dần ra, khỏi mang tiếng là dân rợ mọi. Vậy bản huyện vời nhà ngươi lên, bảo cho biết cái đức ý của triều đình và cái lòng yêu dân của quan Thái thú. Nhà ngươi nên lập tức giao hết sổ sách và quyền chính lại cho bản huyện. Rồi về nhà mà yên dưỡng thân nhàn, bất tất phải khó nhọc vì việc dân như bấy lâu nữa.

Trong bụng Duẫn Hòa cũng đã chắc là thế nào cũng được nghe những lời giảng dụ ấy của quan đại lệnh. Nên chi lúc nghe Đặng Tu nói, ông vẫn cứ thản nhiên như không, tuyệt không lộ vẻ kinh ngạc... Sau khi Đặng Tu nói xong, Duẫn Hòa ung dung đáp rằng:

– Lệnh trên đã xuống, xin quan lớn cứ việc thi hành. Còn về chúng tôi, trải bao nhiêu đời nay, cha truyền con nối, ai cai trị hạt

1. *Sảnh:* nơi làm việc công của quan lại.

2. *Tố tụng:* kiện cáo về một việc gì.

nào vẫn cứ ở hạt ấy; dân cũng chỉ cứ biết là lang bảo thì phải nghe, lang cũng chỉ cứ biết là dân đói thì phải giúp. Như tự trong ý chí mà truyền ra chân tay, tự lúc lọt lòng đến khi lấp ván, cứ theo khuôn mẫu tự nhiên ấy mà ứng dụng. Thực chẳng có chi là sổ sách khoán ước cả. Giờ quan lớn bảo nộp sổ sách, tôi còn biết lấy đâu mà nộp!... điều đó xin quan lớn lượng xét.

Đặng Tu thấy Duẫn Hòa từ chối không chịu nộp sổ sách tưởng là y cố ý phản đối, liền đỏ bừng cả mặt, nói gắt lên rằng:

– Làm một chức cha truyền con nối, hàng mấy mươi đời nay, thống trị một số nhân dân có tới hơn một nghìn người mà dám nói là không có sổ sách khoán ước. Người dối ai, chứ dối được bản huyện à?

Duẫn Hòa thấy Đặng Tu gắt, biết là y giở mặt. Nhưng trong bụng vẫn cứ thản nhiên như không, ung dung mà rằng:

– Dân chúng tôi là dân rợ mọi, chúng tôi là trùm của dân rợ mọi. Chỉ có rợ mọi mới biết được rợ mọi. Bụng tôi dẫu thực đến đâu, cũng không thể làm sao cho quan lớn tin được, vậy việc đó tùy quan lớn, muốn xử sao thời xử, muốn xét sao thời xét, tôi không dám cưỡng biện...

– Vậy thế nhà ngươi có bằng lòng thôi cái chức quan lang ấy không?

– Điều đó xin quan lớn hỏi ở dân... Vì lúc chúng tôi làm cũng là do ở ý dân. Tôi có tài gì tự làm lên được đâu, mà tôi dám tự thôi...

Đặng Tu đập bàn mà rằng:

– Anh này muốn nói lý. Anh nghĩ ta không thể đuổi được anh về có phải không?

Duẫn Hòa sẽ mỉm cười mà rằng:

– Xin quan lớn bất tất phải thịnh nộ. Tôi là dân rợ mọi còn biết gì mà cãi lý. Vả quan lớn là chức quan của thượng quốc, có quyền, có thế ở trong tay, đến giết hết cả mấy vạn dân ở hạt Kê Từ này cũng còn được, nữa là mấy tên tù trưởng quèn như chúng tôi này, đáng kể vào đâu mà không đuổi được!

Đặng Tu thấy Duẫn Hòa nói toàn giọng cứng cỏi, biết không thể lấy lời lẽ mà dỗ được, liền hầm hầm nổi giận mà rằng:

– Nhà ngươi nói không có sổ sách, nếu vậy, nhà ngươi hãy cứ ở lại đây, để bản huyện sai người đi lấy được sổ sách sẽ hay...

Nói dứt lời, truyền viên Huyện úy đưa Duẫn Hòa xuống trại, giữ lại ở đấy, khi nào có lệnh cho về mới được về...

Duẫn Hòa xuống đến trại, đã có những tên vệ tốt là những kẻ thường được nhờ vả xưa nay, chúng hầu hạ một cách cực kỳ tử tế. Viên Huyện úy là Hầu Đức thấy vậy biết Duẫn Hòa là tay khá, và đối với cái việc của quan lệnh làm, y tuy không nói ra, nhưng tự bụng cũng cho là trái ngược và "quá sậu", e không khéo xảy ra rắc rối cũng nên... Bởi vậy, nên Hầu Đức cũng tỏ ý phàn nàn thay cho Duẫn Hòa, và hỏi Duẫn Hòa có cần phải báo tin về cho nhà biết hay không... thời sai người đi hộ...

Duẫn Hòa tỏ lời cám ơn mà rằng:

– Được túc hạ vì nể như thế, tôi rất cảm kích. Còn việc sai người về báo tin thời thôi, một vài ngày nữa thế nào nhà cũng biết...

Từ đó, Duẫn Hòa ở luôn trong trại, cũng không có điều gì khó chịu. Tin ấy đồn ra, các bô lão xung quanh đều lũ lượt đem nhau vào huyện để hỏi thăm. Quân canh cổng cản lại cũng không được. Ai nấy đều phàn nàn oán trách, cho là một việc tối vô lý, từ có trời đất đến giờ chưa từng thấy...

Duẫn Hòa đều lấy lời yên ủi, khuyên họ bất tất phải kêu phiền Công việc khi nào đến nơi sẽ hay, chứ kêu gào lắm cũng vô ích. Tối hôm ấy, có tên người nhà tâm phúc của Đặng Tu là Tần Oản đến, đem chuyện ấy vào nói với Đặng Tu... Đặng Tu ngạc nhiên mà rằng:

– Ai ngờ một tên tù trưởng quèn mà lại có nhiều người vì nể đến như thế?

Tần Oản nói:

– Đấy còn toàn là những dân ở hạt khác, mà chúng cũng đã kính mến họ đến như thế. Tôi e cái việc này mà đồn về đến nơi thống bạt của Duẫn Hòa, chưa biết đâu đấy nó sôi nổi đến thế nào?

Đặng Tu nói:

– Sôi nổi thời mặc nó, hồ dễ nó đã làm gì được mình?...

Tần Oản nói:

– Con ong cái kiến cũng còn có nọc độc, nữa chi là người, xin chúa công nên thận trọng...

Đặng Tu cười mà rằng:

– Đồ nhát, không biết gì. Thôi im đi, nay mai xong việc ta sẽ cho coi một hạt...

Tần Oản nói:

– Tôi đi theo chúa công, tuy là để kiếm lấy cơm ăn. Nhưng một ngày cũng nên nghĩa. Không lẽ tôi thấy việc có thể di lụy đến chúa công mà tôi lại im đi, nên tôi mới phải nói, chứ có phải tôi hám lợi mà đặt điều để yêu cầu nọ kia đâu...

Nói xong, vái một cái lui xuống bếp, lẩm bẩm nói một mình rằng:

– Nói thực mất lòng, đường ngay tưởng queo, ta cứ ở mãi nơi này, chẳng những uổng mất đời ta, mà có phen lại lây vạ...

Nói rồi, thu vén hành lý, lẩn trốn ngay đêm hôm ấy...

Vào khoảng gần trưa ngày hôm sau, Đặng Tu đang ngồi trên sảnh sự, bỗng thấy một toán 5, 60 người, đều khăn áo chỉnh tề, đi thẳng vào trước sảnh sự, cùng quì xuống một dãy sát sạt...

Một ông cụ già nhất đám người ấy, nói to lên rằng:

– Bẩm quan lớn, xin quan lớn minh xét "cái quan" chúng tôi vô tội, xin quan lớn buông thả cho về.

Đặng Tu thấy chúng kêu vậy, không biết trả lời thế nào, ngảnh bảo Ngô Cầu. Ngô Cầu đứng lên chỉ vào bọn bô lão mà quát lên rằng:

– Việc này do tự chiếu mệnh của triều đình. Chúng bay muốn cái quan nhà bay chóng được về, nên bảo phải lập tức trả lại quyền chính và sổ sách cho bản huyện đi, bản huyện sẽ cho về ngay...

Vừa dứt nhời, suốt cả bọn đều kêu nhao nhao lên rằng:

– Cái quan chúng tôi không có sổ sách gì hết. Cái quan chúng tôi chỉ có lòng thương yêu chúng tôi thôi. Xin quan lớn minh xét.

Đặng Tu thấy cả bọn đều một lời như vậy, thời căm tức vô cùng, đập bàn, đập ghế, quát tháo om sòm...

Trong bọn dân có một người nói to lên rằng:

– Chúng mình đã hết lời kêu cầu, mà quan lệnh vẫn một mực lăng áp... Thôi chúng ta hãy lui ra, rồi sẽ liệu.

Đó là lời nói của Từa... Cả bọn thấy Từa nói vậy thời đều kéo ồ cả ra, không tốn tạ gì cả. Ngay lúc đó, Hổ Lửa đã dắt ngựa đến cửa trại, nói với Duẫn Hòa rằng:

– Xin cái quan cứ lên ngựa, mọi việc đều đã có chúng tôi...

Duẫn Hòa thấy bọn chúng như vậy, sợ nếu mình còn dùng dằng, thời chúng sẽ gây nên việc lôi thôi to ngay ở huyện... Vả xét Đặng Tu cũng chả có tài cán gì, nên không hề do dự. Tức thời lên ngựa, cả Từa và Hổ Lửa đi kèm hai bên, thẳng xông ra cổng huyện...

Hầu Đức thấy vậy, hoảng hốt chạy lên báo với quan Lệnh. Đặng Tu nổi giận đùng đùng. Truyền Hầu Đức cùng với hai viên biền trưởng lập tức thống xuất 50 binh biền, 20 vệ tốt đi đuổi Duẫn Hòa...

Hồi thứ tư

Trại Trà Lâu anh hùng tụ nghĩa
Huyện Chu Diên hào kiệt ra oai

Thi Sách. Một vị thiếu niên, anh hùng ở trên lịch sử nước ta về sau kỷ nguyên chừng 40 năm.

Cha là Thi Tùng, một vị quan lang rất lão luyện và rất có thế lực ở Chu Diên. Ngoài 40 tuổi mới sinh ra Thi Sách. Thi Sách ham học từ thuở nhỏ, năm 16 tuổi, chẳng những rất tinh thông về lối chữ của bản quốc [1], lại rất thông thạo cả chữ Hán. Năm 18 tuổi, Thi Tùng đã lo cho con được thành gia thất, đến 20 tuổi thời Thi Tùng mất, Thi

1. Chữ bản quốc, xem đến đây duyệt giả chắc phải lấy làm lạ. Nhưng thực ra thời không lạ. Phàm đã là một nước, có vua, có quan, có dân, có chính trị... tất phải có một thứ dùng để ghi chép công việc, truyền đạt mệnh lệnh. Thứ đó tức là "chữ nước ta", duy một đời Hồng Bàng, có nước đã tới hơn nghìn năm, nếu không có chữ thời lấy gì mà thi hành việc cai trị giáo hóa?... Chẳng kể mấy đời sau như Thục, Triệu, là do người bên Trung Quốc sang... Vậy cứ ngụ ý thời chính ta trước cũng có chữ. Duy cái chữ của ta, không được văn vẻ hoa mĩ bằng chữ Hán, nên chi sau khi chữ Hán đã truyền sang, chữ ta mới dần dần không được đắc dụng; do không đắc dụng mà đến thành ra tiêu diệt – Đó là một cớ. Lại nước ta bị thuộc về Tàu rất lâu, đến sau tuy có tự lập, nhưng việc giao thiệp với người Tàu vẫn không thể dứt. Vì thế nên chữ Hán vẫn phải học. Chữ Hán đã có cái thế phải học, lại là một thứ chữ hay, có sẵn sách vở; người mình vì tình thế bó buộc... nên mới đổ xô nhau mà học chữ Hán, chữ Hán đã thành cái nền tảng, thang bực sự phú quý của đời người, thời còn ai buồn hỏi chi đến chữ ta là cái thứ chữ chỉ dùng để biên chép công việc nữa? Bởi thế nên chữ ta phải dần dần bị tiêu diệt. Đó là hai cớ. – Lại xem như hiện nay trên dân Mường, Thổ họ vẫn còn một thứ chữ riêng trông chẳng khác ta vẽ như khúm cỏ... Tôi thiết tưởng chính đó là lối chữ cũ của ta ngày xưa. Nếu bàn về vấn đề này, ít ra cũng phải viết riêng thành một cuốn sách mới hết được. Đây là lời "chú giải" nói bấy nhiêu đã quá phạm vi rồi. Vậy xin dừng bút.

X.G.

Sách kế lập chức quan lang của cha, lại quản trị tất cả 24 trang, 6 trại hạt Chu Diên.

Thi Sách vừa kế tập chức của cha được vài tháng, một hôm, cùng với bọn đầy tớ vào miền núi Thanh Tước để săn. Bọn đầy tớ chia nhau mỗi đứa đi mỗi ngả để xua dồn hươu nai. Thi Sách một mình một ngựa vai đeo cung, tay cầm kiếm, lững thững cứ theo ven núi mà đi, bỗng ngảnh về phía trái, thấy một ngọn núi đá cao chót vót cây cối xanh mướt như nhuộm màu chàm. Trong đám cây xanh thỉnh thoảng lại lộ ra mấy chùm hoa đỏ, trắng, tía, vàng, cảnh sắc rất là ngoạn mục. Thi Sách nghĩ bụng: mình sinh trưởng ở vùng này, mà sao lại có chỗ cảnh trí thiên nhiên như kia lại chưa từng đi đến? Âu là nhân lúc mát mẻ này ta thử đến tận nơi xem sao. Nghĩ vậy, liền rẽ cương nhằm thẳng ngọn núi ấy đi sang... Mới đi được độ năm sáu trăm thước, thấy có cái cầu bắc qua suối, cầu dùng bằng toàn thân một cây gỗ, tròn dài tới 2, 30 thước, to tới đầy một ôm. Thi Sách liền xuống ngựa, buộc cương vào nhành liễu đầu cầu rồi tự mình thủng thẳng qua cầu. Ra tới giữa cầu, cúi trông, xuống suối nước trong như lọc, trông suốt đáy ở dưới toàn một thứ đá cuội, những loài cá bống đục kéo đi từng đàn, có thể đếm được từng con. Hai bên ven bờ mọc toàn cỏ xương bồ, lá xanh mà dài, trông mướt như mái tóc mới chải. Thi Sách vừa đi vừa ngắm, tinh thần thấy khoan khoái nhẹ nhàng như người đương nóng nực mà được tắm gội... Sang tới bên kia cầu, thấy có một con đường nhỏ, quanh co khuất khúc, đi vài mươi bước tới ngay sườn núi ngửa trông lên, đá xanh như vách đứng, cao tới trăm trượng, cây cỏ đều do trong khe đá mà mọc ra. Chỗ lưng chừng cách mặt đất độ bốn năm thước, có một cái cửa hang, tuy chỉ cao rộng độ 8, 9 thước mà trông vào phía trong thời mênh mông bát ngát có đến mấy mẫu, Thi Sách liền trèo bực đá bước vào thấy bên cạnh cửa có một phiến đá nhẵn như ghế, liền ngồi xuống định nghỉ một lát rồi mới đi xem hang.

Ngồi vừa mới độ dập bã trầu, bỗng nghe bên ngoài gió thổi ù ù, tiếng hút vào trong hang dữ dội như thiên binh vạn mã. Trông ra ngoài thấy mây đen tẩn vẩn kéo đặc từng không, những luồng lửa chớp sáng bựt ngang giời xen lẫn với những tiếng sấm giật hầu như lở đất chỉ một thoáng thời mưa đổ xuống như trút.

Thi Sách ở trong hang, tuy không bị ướt nhưng bị hơi gió hơi nước đã làm cho lạnh điếng cả người, vội lẩn vào ẩn trong một

mô đá cao cho đỡ rét. Sực nhớ đến con ngựa buộc ở bên đầu cầu không khéo đã vì sợ sấm chớp mà đứt cương lồng đi mất?... Lại còn bọn đầy tớ không biết chúng có chỗ nào ẩn tụ? Chẳng biết có săn bắn được con gì, hay đi không lại về rồi?... Thi Sách cứ nghĩ vơ nghĩ vẩn, rất lấy làm sốt ruột, chỉ mong cho chóng tạnh để ra về.

Chẳng ngờ trận mưa như cố ý muốn trêu ngươi. Thi Sách càng mong chóng tạnh bao nhiêu, thời trận mưa lại càng kéo dài bấy nhiêu... Dần dần, ánh sáng bên ngoài đã không đủ sức phản chiếu vào trong hang. Trong hang tối sầm ngay lại. Thi Sách bấy giờ mới càng sốt ruột, muốn chạy liều ra để về nhưng bên ngoài mưa vẫn to, sấm sét lại rất dữ, huống lại đầu trần không nón, hiện vẫn ngồi trong hang mà đã rét như cắt da, nếu lại bị ướt thời chịu sao nổi?... Nghĩ vậy, nên đành cứ ngồi lỳ ở trong hang, bỗng nghe bên ngoài có một tiếng gầm rất to, rồi một con hổ vàng to bằng con bò ướt lướt thướt nhảy thót vào hang, vừa vào khỏi cửa hang, dừng ngay lại, hình như đã ngửi thấy hơi người, ngảnh khắp xung quanh để nhìn... Thi Sách lúc thoạt thấy hổ nhảy vào, cũng hơi có ý chột dạ, xong lại nghĩ mình hiện có thanh kiếm ở trong tay, nó có nhảy lại vồ, ta đã có kiếm này trị, có hề gì mà phải sợ... Nghĩ vậy, liền đứng lên giữ thế thủ để chờ. Quả nhiên, chỉ một thoáng, hổ đã trông thấy Thi Sách, gầm lên một tiếng, nhảy sổ lại vồ...

Thi Sách cũng quát to lên:

– Loài ác thú! Hãy xem lưỡi kiếm của ta đây!...

Dứt tiếng thét, thời hổ vừa nhảy tới nơi, Thi Sách đã nánh mình nhảy ra một bên, hổ bị một cái vồ trượt, vừa toan quay lại vồ lần thứ hai, thời mũi kiếm của Thi Sách đã đâm thẳng một nhát vào giữa sườn... Thừa thế Thi Sách nhảy áp lại, tay trái nắm chặt ngay được gáy ấn mạnh xuống, tay phải giơ kiếm nhằm thẳng cuống họng đâm vào... Giữa lúc cả hai sinh mệnh cùng ganh nhau một cách rất kịch liệt và nhanh chóng... Bỗng nghe thấy ở phía trong hang có tiếng nói:

– Nghiệt súc! Muốn tốt thời nằm im xuống! Tráng sĩ! Xin tráng sĩ hãy khoan tay.

Tiếng nói rất nhanh và rất to. Vừa dứt tiếng thời hổ nằm phục ngay xuống không hề nhúc nhích, Thi Sách cũng vội buông tay, trông xem ai...

Hồi thứ năm

Núi Thanh Tước, Thi Sách gặp Cao Nhân
Huyện My Linh, Cao Hùng thăm Nữ Kiệt

Thi Sách nghe dứt tiếng người nói thì thấy con hổ nằm phục ngay xuống thời có ý ngạc nhiên, vội buông tay, thu kiếm, đứng ngay người trông vào phía trong... Thấy một ông già, râu tóc bạc phơ, hai má tuy hơi nhăn mà đỏ hắt như người uống rượu, hai mắt sâu mà sáng, trông lóng lánh như luồng lửa điện.

Người tầm thước, không cao cũng không thấp, mình mặc chiếc áo vải nâu, chân đi đôi guốc gỗ quai mây... Tay phải vuốt râu, tay trái chống gậy, thủng thỉnh từ trong đi ra. Thi Sách biết là một bực phi thường, vội vàng cắm gươm xuống đất vái chào. Người kia mỉm cười, đi thẳng lại chỗ con hổ, lấy trong bọc ra một gói thuốc bột, đổ vào bàn tay, rồi rắc vào vết thương của hổ, vừa rắc vừa nói:

– Sung phạm quý khách mày thật đáng tội lắm! Thôi, về hang sau mà nằm nghỉ...

Dứt nhời, hổ nhổm lên vươn mình một cái, lùi lũi đi thẳng vào hang sau [1].

Bấy giờ ông già mới ngửng lên vái chào Thi Sách, mà rằng:

– Hôm nay Lang chúa đến đây thật là thiên hạnh, xin mời Lang chúa hãy vào chơi trong động này, rồi tôi sẽ nói với lang chúa một chuyện...

Thi Sách thấy bỗng dưng mà ông già đã biết được mình thời lấy làm nghi lạ, nhưng cũng không dám đường đột hỏi ngay. Liền cứ lẳng lặng đi theo ông già vào trong động.

Đi được độ 4, 5 mươi bước, thấy cũng ở trong hang ấy, có một chỗ vùng vào bằng 3 gian nhà, cao độ tám chín thước. Áp vách đá, có cánh ghế gỗ, ngoài cánh ghế, có đôi tràng kỷ làm bằng "Trúc trỉ" giữa để một chiếc bàn trè, cũng ghép bằng Trúc trỉ...

Trên bàn một cái độc bình bằng đá, cắm mấy cành sơn hoa, vàng trắng xen nhau, hương bay ngào ngạt; trên vách đá, treo một đôi cung sừng, và một chiếc nỏ; phía dưới, một cái giá gỗ, cắm các thứ

---

1. Cụ này chắc có luyện thuật thôi miên như các phường xiếc ngày nay.

binh khí như giáo, thiết lĩnh, thiết côn, siêu đao v.v... Trên hỏm đá, để rải rác hai ba chồng sách, không hiểu là những sách gì... Thi Sách vào tới trong hang, vừa ngồi xuống ghế, thời trời đã tối sập lại, ông già đốt nhựa cây thay đèn, cất tiếng gọi:

– Tùng con! Hãy ra pha nước đã!...

Dứt tiếng gọi, có tiếng "dạ" ở phía trong. Rồi một người thiếu niên từ phía trong mang nước ra. "Chè tươi" mới hái lại nấu bằng nước thạch nhũ, uống vào vừa thơm vừa mát thật chẳng khác gì quỳnh tương ngọc dịch.

Thi Sách nhận kỹ người thiếu niên, người mới độ 16, 17 tuổi; mặt trái xoan, mũi dọc dừa, hai mắt lóng lánh như sơn then, môi đỏ chót như nhuộm son, răng đen nhức như hạt huyền. Vẻ mặt rất là lanh lợi tuấn tú.

Giữa lúc Thi Sách đang đăm đăm nhìn người thiếu niên...

Ông già ung dung nói rằng:

– Từ nãy đến giờ, chắc Lang chúa cũng phải nghi không hiểu tôi là người thế nào... Tôi, họ Lã, tên là Cương, biệt hiệu là Vân Thủy đạo nhân. Cao tổ [1] tôi làm Thừa tướng họ Triệu, một thân trải thờ ba triều, công lao đối với nước không phải là nhỏ. Sau vì họ Cù gây biến, làm nên nước mất nhà tan. Tằng tổ [2] tôi lúc ấy đã 18 tuổi, gặp hồi gia biến quốc vong, đã nhiều phen muốn phất cờ phục thù tuyết sỉ... Ngặt vì một mình sức yếu, không sao chống lại được với cơ trời. Nên mới đem quyến thuộc lánh nạn vào dãy núi này. Truyền đến lão phu đây đã 3 đời, vẫn một bụng giữ theo lời thề: "quyết không ra làm quan với kẻ thù".... Lão phu năm nay đã 59 tuổi, vẫn tự nhận là ăn hang ở suối cho đoạn tháng qua ngày, không còn dám mong chi đến công nghiệp lớn... Ngẫu nhiên hôm vừa rồi nhắm xem thiên tượng, thấy trên vùng Dực, Chẩn có ánh sáng vòng quanh, chính khí hình như có chiều đã hiện... Chắc nước ta sẽ có một thời kỳ biến động rất lớn. Bấy lâu vẫn hâm mộ cái anh danh của Lang chúa, nay may sao lòng trời sui khiến, lại được Lang chúa đến chơi đây, lòng tôi thật lấy làm hân hạnh vô cùng...

Thi Sách nghe ông già nói đến đấy liền hỏi:

– Vậy chẳng hay Cao Nhân đã từng gặp tôi bao giờ mà biết?...

1, 2. *Cao tổ, tằng tổ: Cao tổ:* bố mẹ của tằng tổ; *tằng tổ:* bố mẹ của ông, bà.

Lã Cương cười mà rằng:

– Nếu đã được gặp Lang chúa thời lúc nãy tôi đã không gọi Lang chúa là tráng sĩ! Chỉ vì sau này nhận kỹ hình dung nên tôi mới dám nhận quyết chính là Lang chúa tại Chu Diên, không còn một người nào khác có cái hình dung như thế nữa...

Lã Cương nói đến đấy, mời Thi Sách uống nước, lại nói tiếp:

– Tôi xem cái võ nghệ của Lang chúa, thực cũng đã khá lắm. Nhưng đó mới là cái dũng cảm nhất thời chưa được đạt tới cái lực kiên cường bất khuất. Vậy tôi muốn vì Lang chúa mà bổ khuyết vào chỗ đó...

Nói rồi liền lấy ra một cái gói nhỏ bằng da đưa cho Thi Sách mà rằng:

– Đây là một vật bảo tang của đức Cao tổ tôi để lại nay xin đưa Lang chúa để lo toan về việc nước. Nhưng vật này xin Lang chúa nên giao hẳn cho phu nhân người xem và giữ mới được cẩn thận hơn...

Thi Sách đón lấy gói da bọc vào trong mình ngỏ lời cảm tạ rồi cất tiếng lên hỏi:

– Tiên sinh đã có lòng chiếu cố đến kẻ hậu sinh mà chu chuân [1] giáo hối như vậy, tôi thật lấy làm tạc dạ ghi lòng. Nhưng tiên sinh đã là một bực cao ẩn, ngắm thiên tượng mà biết được mệnh vận của nước nhà, chắc tiên sinh cũng biết được cái mệnh vận của từng người, vậy như tôi này, cái mệnh vận sau này ra sao, xin tiên sinh chỉ giáo cho?

Lã Cương nói:

– Người quân tử nên tin theo ở cái nghĩa vụ của mình mà không nên tin theo ở mệnh vận. Sự đó, xin Lang chúa bất tất phải hỏi. Duy có một điều: mình làm người lớn cần nhất là phải bao dung và xem xét cho kỹ bọn tiểu nhân. Từ xưa đến giờ, bao những công nghiệp của các bực chí sĩ danh nhân, đến khi đã hầu thành mà lại bị thất bại, phần nhiều là do bọn tiểu nhân ở trong phá hoại.

Ấy Lang chúa chỉ lưu tâm ở chỗ đó là được rồi.

Thi Sách nghe nói rất là cảm phục. Vừa lúc ấy thời người thiếu niên bưng cơm lên. Lã Cương chỉ bảo Thi Sách rằng:

– Thằng con tôi đây tên là Lã Tùng, cũng có biết ít nhiều võ nghệ, đến sang năm tôi sẽ cho đi theo giúp việc Lang chúa.

---

1. *Chu chuân:* giúp đỡ đến nơi đến chốn.

Nói rồi, mời Thi Sách ăn cơm uống rượu, rượu nấu bằng "men lá" vừa thơm vừa ngọt, thức ăn chỉ có mấy đĩa thịt "hươu sấy" và hai bát canh "rau sắng", tuy sơ sài thanh đạm mà có một cái chân vị rất ngon.

Bữa ăn xong, Thi Sách ngủ luôn ở đấy. Sáng hôm sau Thi Sách cáo từ xin về. Lã Cương nói rằng:

– Hôm qua, Lang chúa có buộc con ngựa ở bên kia cầu, bị con hoàng hổ của lão phu ăn mất. Nay lão phu xin tặng lại Lang chúa một con khác.

Dứt lời, gọi Lã Tùng dắt ngựa ra. Thi Sách thấy là một con ngựa trắng, vừa cao, vừa dài, suốt từ đầu đến chân trắng nuột như tuyết. Hai mắt trông lóng lánh như nẩy lửa, một tiếng "hí" vang động cả một góc rừng... Thật là một con vật thần toàn, mắt mình chưa từng thấy bao giờ.

Lã Cương chỉ con ngựa mà bảo Thi Sách:

– Con này tên là "tuyết hoa câu" nó đã thuộc tên của nó, dù mình đi đâu, gọi đến tên nó, nó cũng tìm đến được. Nó một ngày có thể đi được 8 trăm dặm, nhẩy xa được 4,5 trượng, lên núi, xuống núi cũng đi như ở mặt đất bằng. Duy nó không khi nào chịu uống nước đục, thóc ăn còn thừa lại từ bữa trước, hay là đãi dối có lẫn hơi đất nó cũng không ăn; chuồng nuôi nó, lúc nào cũng phải quét sạch như lau, nó mới chịu nằm.

Thi Sách nghe nói rất mừng rồi vái chào cha con họ Lã, lên ngựa ra về.

Khi về đến nhà, cả nhà rất là mừng rỡ, đều xô nhau để hỏi đêm qua đi đâu... Phu nhân bấy giờ đứng ở cửa, con tuyết hoa câu vẫy tai, vẫy đuôi, gật đầu, dậm chân, làm hình như một con vật lâu ngày mới lại được gặp chủ nó vậy... Phu nhân ve vuốt con ngựa một hồi, rồi vào trong nhà, nghe Thi Sách thuật chuyện... Thi Sách lại đưa cả gói da cho phu nhân và thuật lời dặn của Lã Cương...

Phu nhân đón lấy gói da, mỉm cười, nói lẩm bẩm một mình: "ai ngờ ở đời bây giờ mà cũng còn có người biết đến mình, trân trọng đến mình...!".

Rồi đem cất vào trong phòng riêng.

...

Phu nhân là ai? Từ nãy đến giờ, ký giả chưa thuật rõ. Giờ hãy nói qua về cái tiểu sử của phu nhân:

Phu nhân húy là Trắc, chính là họ "Lạc", sau đổi là họ "Trưng". Sinh quán tại My Linh, trưởng nữ quan Lạc tướng tên là Lạc Bằng.

Lạc Bằng, cũng là một vị quan lang như mọi các quan lang khác, chỉ vì thế tập chức của tiền nhân nên vẫn quen gọi là Lạc tướng.

Lạc Bằng, tại huyện My Linh, thống thuộc 16 trại, 13 trang, và 7 sách. Quyền bính rất to. Sinh hạ hai gái, trưởng nữ là Trắc, thứ nữ là Nhị, có hai lần sinh con giai, nhưng đều yểu thương cả.

Lạc Bằng rất yêu quý hai gái từ lúc bé đã dạy đủ cả hai nghề văn võ. Cả hai gái đều thông minh lỗi lạc, tuy là hàng khăn yếm mà có cái khí khái anh hùng. Lạc Bằng thường đối hai gái mà rằng:

– Bố nay tuy không có con trai, nhưng được hai con có cái chí khí như thế, thời cũng chẳng khác gì con trai.

Đời này là một đời rất khó khăn, nếu không phải là một người có chí khí và nghị lực hơn người, thực khó lòng mà sống còn được, các con nên trong thời luyện lấy can đảm chí khí, ngoài thời tập lấy võ nghệ binh thư, để tự vệ lấy mình, và giống nòi sau này.

Hai người nghe bố nói vậy thời đều tuân theo chăm chỉ luyện tập.

Đến năm Trưng Trắc 17 tuổi, kết duyên với Thi Sách tại Chu Diên. Nhưng một năm thời thường ở nhà chồng có 4 tháng, còn 8 tháng ở nhà mình để phụng dưỡng cha già. Năm 19 tuổi, Lạc Bằng mắc bệnh, lúc lâm chung, di chúc cho trưởng nữ được thế tập chức của mình. Từ đó, Trưng phu nhân rất ít thì giờ ở Chu Diên, thường thường Thi Sách lại sang My Linh để trông coi hộ vợ mọi công việc. Thành thử cả hai bên đều đi lại hình như cắt lượt thay đổi vậy.

Phu nhân chẳng những có thông minh, có tài trí nhất là đối với cái quan niệm về gia quốc, thời lại sinh sôi nẩy nở ngay từ lúc còn để "cun cút" và "trái đào". Thường khi theo cha lên huyện, thấy quan Tàu, lính Tàu, từ nói năng, quần áo đều khác hẳn với người mình, thời phu nhân hỏi ngay bố: vì sao mà khác?...

Sau khi đã biết họ là người Trung Quốc thời lại hỏi: Sao người Trung Quốc lại cai trị được ta? Vì những nỗi kích thích ấy nên thời thường phu nhân thổ lộ ra những lời nói bất bình, chỉ ước ao bao giờ người mình được bằng người Trung Quốc thời mới cam tâm.

Từ sau khi đã kết duyên cùng Thi Sách, gặp được người chồng cũng có cái chí khí hoài bão như mình, thời rất lấy làm mãn

nguyện. Đến hồi được kế tập chức của cha, thời cái ước vọng muốn thực hành chí nguyện của phu nhân lại càng bồng bột... Một hôm, hai chị em cùng ngồi phía dưới dàn hoa, bên mấy gốc hải đường, Trưng Nhị cất tiếng lên nói rằng:

– Từ hồi phụ thân tạ thế, thoắt đã hơn một năm, chị ở luôn nhà không sang chi bên Chu Diên, em nghe người ngoài nói đồn:

“Ở vùng bên ấy hơn một tháng nay có xảy ra mấy việc rắc rối, có quan hệ đến quyền thống trị của nòi giống mình... Em thiết tưởng chị nên qua sang thăm xem tình hình ra làm sao...”

Phu nhân nghe em nói, lấy làm phải, rồi một hôm, giao cho em trông coi công việc ở My Linh, cùng với mấy tên gia nô lên đường đi về Chu Diên.

Sang tới Chu Diên, mới biết được việc Thi Sách giết Lưu Vĩnh Huy, phu nhân cho là một việc làm có cái tính cách như phường thích khách ngày xưa, chứ không phải là cái cử động quang minh chính đại của bực anh hùng, liền ung dung nói:

– Cứ kể thời phàm đã là người Trung Quốc, ta đều coi là kẻ thù cả, chứ có riêng gì một tên Lưu Vĩnh Huy. Vả, việc gì cũng phải truy nguyên tới nguồn gốc: Lưu Vĩnh Huy tuy ác, nhưng thử hỏi một mình Lưu Vĩnh Huy có thể làm nên được cái ác ấy không? Hay Vĩnh Huy chỉ là một hạng người bị động, ngầm bị người ta sui khiến? Chỉ suy một lẽ đó, ta cũng có thể hãy tạm lưu cái sinh mệnh của Vĩnh Huy lại đó, mà bất tất phải giết vội. Về cớ thứ hai, hiện giờ công việc của chính mình còn đang lúc tiến hành, nền tảng chưa vững, rào dậu chưa kín, rất im hơi lặng tiếng, miễn làm sao cho vang bóng khỏi lọt ra bên ngoài, bây giờ làm như vậy, lỡ bị họ khám phá, mà dùng mãnh liệt thủ đoạn để đối phó; hoặc giả họ chưa khám phá mà đem bụng nghi ngờ, dùng hết cách nghiêm ngặt để đề phòng... như thế chẳng là tự mình làm khó cho mình sao?

Thi Sách nghe nói, rất lấy làm cảm phục.

Cách mấy ngày, kíp ngay đến việc Thi Sách nhân đi săn gặp được Lã Cương. Phu nhân trong bụng mừng thầm, sau này sẽ thêm được một người giúp sức. Ở Chu Diên ngót một tháng, Phu nhân trở về My Linh. Phu nhân đem hết các tình hình bên Chu Diên thuật lại cho em nghe. Rồi lấy gói da mở ra hai chị em cùng xem, té ra, trong là một quyển “Độn giáp thiên thư”, và một quyển “Binh thư

bí truyền" của Tôn Võ Tử. Cả hai chị em đều lấy làm vui mừng, rồi quyết chí cùng nhau nghiên cứu.

Trưa hôm sau, chính đang lúc Hai Bà cùng ngồi đàm luận trong phòng riêng, bỗng một tên trang phu chạy vào, quì xuống mà rằng:

– Chiềng Đức Mệ [1], có quan Huyện lệnh đến chơi, hiện quân tiền hô đã vào tới cổng, quan còn ở ngoài đầu trang, truyền vào chiềng với Đức Mệ trước...

Đức Mệ nghe báo, cau mày lại nói với em:

– Cao Hùng đến lỵ nhiệm My Linh đã hầu nửa năm, ta quên chưa cho đem biếu xén gì, nay bỗng dưng thân đến chơi, chừng có biệt ý gì chăng?...

Bà Nàng [2] nói:

– Mình với họ vốn không có giao thiệp, nay bỗng dưng thân đến, tất không phải là đi phiếm. Lẽ đó đã cố nhiên rồi. Vậy giờ, em thiết tưởng xin chị hãy tạm lánh mặt, để em ra thừa tiếp, có chuyện gì lạ, sẽ chiềng với chị sau.

Đức Mệ bằng lòng. Truyền người nhà mở rộng cửa trên, xếp gian giữa làm nơi tiếp khách. Đánh trống, thổi hiệu, báo cho các viên đầu trang đến để phục dịch...

Một lát, quả nhiên tiếng nhạc ngựa của Cao Hùng đã vào tới cổng. Bà Nàng đứng trên hè gian bên để chực thừa tiếp. Cao Hùng còn ở trên lưng ngựa, trông qua cổng vào phía trong, thấy một người thiếu nữ ước độ 17, 18 tuổi, đầu bịt khăn thiên thanh; mình mặc áo mầu huyền; tai buông mấm dát ngọc; cổ và tay đều đeo kiềng với xuyến bằng vàng.

Giữa ngực kết một bông hoa phù dung bằng lụa điều, hai giải buông xòe xuống hai bên, theo luồng gió bay phấp phới như đuôi phướn... Khuôn mặt trái xoan; hai má đỏ như trứng gà bóc; hai mày cong như khuôn trăng mấy ngày hôm đầu tháng; hai mắt đen nhánh mà lóng lánh như sao; miệng nhỏ mà xinh; môi đỏ như son;

---

1. Tiếng xưng hô đời bấy giờ. Trong truyện này, ký giả dùng nhiều tiếng xưng hô cũ để cho hợp với thời đại cổ, duyệt giả chú ý.

2. Từ đây trở xuống, Vua Trưng, xin cứ theo tục cổ mà xưng là Đức Mệ, còn Bà Nhì, vì chưa xuất giá, nên bấy giờ gọi là Bà Nàng. Chép như thế tuy lời nhẽ không được thanh, nhưng thiết tưởng có thế mới khỏi nhầm đem truyện cổ làm truyện kim vậy. X.G.

răng đen như hạt huyền... Tuy trong cái vẻ kiều mỵ mà có hàm cái khí sắc như sương thu nắng hạ, khiến người chỉ có thể trông xa mà không giám đến gần... Hai bên người thiếu nữ có hai đứa thị tỳ, mặt mũi đều rất tinh anh lanh lợi, tuy hãy còn để chỏm, buông trái đào rẽ cun cút, mà vẻ mặt rất nghiêm nghị. Cả ai đứa đều mặc áo xanh, thắt lưng đỏ, bận quần chàm; đều đeo kiềng, xuyến bằng bạc, một đứa tay xách cái "lẵng" hoa, để trầu cau ướp hoa sói, xung quanh bao phủ chiếc khăn điều; một đứa cầm thanh kiếm nạm vàng, khảm ngọc, dài ước hơn hai thước...

Cao Hùng nhác trông qua, bất giác bủn rủn cả người, nghĩ bụng: quái! Sao trên mặt đất Giao Châu mà lại sản xuất ra được một hạng người có cái hình dung khí sắc như vậy? Có lẽ bao nhiêu cái linh khí ở giang sơn nước Việt, đều chung đúc vào cả một người con gái này chăng? Sau khi đã xuống ngựa, đi thẳng vào gian giữa, Bà Nàng chờ Cao Hùng bước lên hè, mới vái dài một cái, cất tiếng lên nói:

– Chẳng mấy khi Minh công xa giá giáng lâm, tôi là một người con gái nơi thảo dã, không biết chào theo đại lễ bên thượng quốc, xin Minh công lượng thứ đi cho...

Cao Hùng thấy cách cử chỉ của Bà Nàng rất là đĩnh đạc, không có một chút gì e lệ như mọi người con gái thường, lại nghe tiếng nói lanh lảnh như chuông vàng, tuy không hiểu rõ tiếng bản thổ, không thấu được hết các ý nghĩa câu nói của Bà Nàng, nhưng trong lòng đã sẵn mối kinh dị ngay từ lúc mới trông thấy Bà Nàng, nên sau khi Bà Nàng vừa nói dứt lời, Cao Hùng lại càng kính phục đến mười phần. Liền ung dung nói mấy câu hàn ôn sáo ngữ, rồi ngồi ngay vào ghế, Bà Nàng cũng ngồi vào trên một chiếc chõng tay "vượn" áp vách gian bên để tiếp chuyện... Sau khi chủ khách đã ngồi yên, Bà Nàng liền cất tiếng lên hỏi:

– Chẳng hay hôm nay Minh công xa giá tới tệ xá, có việc gì quan trọng, xin Minh công chỉ giáo cho?...

Cao Hùng nghe hỏi, bất giác luống cuống, không biết trả lời thế nào... Nguyên lai, hôm ấy Cao Hùng sở dĩ đến thăm Hai Bà, thực vì có một mục đích riêng: mục đích ấy chính gây nên bởi ái tình và dục tình. Cao Hùng vốn là một trang thiếu niên đãng tử [1], nhờ cái thế lực kim tiền, nên mới được bổ đi nhậm chức tại My Linh. Đến My Linh

1. *Đãng tử:* Kẻ chơi bời phóng túng.

được vài tháng thời phu nhân là Đậu thị vì không phục thủy thổ, mắc bệnh tạ thế... Cao Hùng sai rất nhiều mối lái đi tìm người làm kế thất, nhưng người nào Cao Hùng cũng không vừa ý. Sau có người mách "muốn tìm người tuyệt sắc thời chỉ có Bà Nàng em Đức Mệ mới có thể đương được", người ấy lại tả hết cái nhan sắc, cái dáng điệu của Bà Nàng cho Cao Hùng nghe. Khiến cho Cao Hùng mê mẩn cả tâm hồn. Tuy chưa được giáp mặt Bà Nàng, mà hễ cứ nhắm mắt đi là đã hình như có một vị tuyệt sắc giai nhân hiển hiện ra trước mặt... Cao Hùng mong muốn được xong việc ngay. Nói với người mối, người mối chối đay đảy như đỉa phải vôi, lại nói thêm rằng:

– Phương ngôn có câu "ăn tùy nơi, chơi tùy chốn". Nếu ngài có muốn cho tôi mất đầu sẽ bảo tôi dò vào đấy...

Cao Hùng nói:

– Nếu vậy chịu thôi hay sao!...

– Trừ khi ngài thân hình đến. Cứ cái tướng mạo và cái quyền thế của ngài, lại thêm được cái khoa ngôn ngữ của ngài, cũng ít người bì kịp... Chắc thể nào cũng làm được siêu lòng Bà Nàng...

Cao Hùng nghe nói rất lấy làm đắc ý, liền chọn ngày, chọn giờ sắm sửa thật oai vệ, đến trang Hạ dương [1] thăm Hai Bà. Chẳng ngờ khi mới trông thấy cái vẻ nghiêm nghị oanh liệt của Bà Nàng, bao các mối dục vọng đã bị tiêu tan đi đâu hết, chỉ còn có một tấm lòng kính mến lệ... Đến lúc nghe thấy Bà Nàng cất tiếng hỏi thời luống cuống ngần ngừ mãi mới nói lên được:

– Bản... bản chức bấy lâu vẫn nghe đồn trang Hạ dương là một nơi có nhiều phong cảnh đẹp, nay nhân đi quan phong, tiện đường vào chơi ngắm, xem phong cảnh, và hỏi thăm công việc cai trị ở hạt này...

Bà Nàng thoạt trông cái khí sắc của Cao Hùng biết ngay không phải là một bực chính nhân. Sau thấy cách trả lời của y lại càng ấp úng không được trôi chảy, đoán biết không phải là lời nói thực... Nhưng vì muốn giữ cho trọn lễ tân chủ, nên Bà Nàng lại cất tiếng lên nói:

– Minh công có lòng xem xét tới việc cai trị của dân gian, thật là một hạnh phúc cho dân bản thổ. Tiếc rằng chị tôi với tôi đây đều là

---

1. Nơi tư thất của Hai Bà ở gọi là Hạ dương.

đàn bà ít học, không thể trả lời Minh công được rành mạch, xin Minh công lượng cho...

Cao Hùng nghe Bà Nàng nói đến đấy, mới sực nhớ còn một người nữa mà dân họ quen gọi là "Đức Mệ" không thấy ra tiếp, liền vội vàng hỏi:

– À, thế ra còn có lệnh tỷ nữa, vậy giờ ở đâu không thấy cùng ra nói chuyện?...

– Chị tôi se mình, phải kiêng gió, xin Minh công miễn cho...

Cao Hùng nghe Bà Nàng nói xong, nghĩ thầm trong bụng:

– Người này mới thật đáng là một vị tuyệt sắc giai nhân... Giờ mình đã được đối diện cùng ngồi nếu không làm đến ngay cái mục đích của mình, thời chẳng hóa ra đi mất công toi...

Tuy y có cái vẻ nghiêm nghị không thể phạm, nhưng dù sao cũng chỉ là một người đàn bà, mình đường đường là một vị đại lệnh của thiên triều, chẳng lẽ họ dám nuốt trót mình sao?... Nghĩ vậy thời bạo dạn thêm lên được một chút, trong ngực cũng đỡ phập phồng, hai tai cũng đỡ nóng. Rồi sẽ miệng mỉm liếc mắt cất tiếng nói:

– Tôi nghe lệnh tỷ đã từng kết duyên với vị tù trưởng ở Chu Diên. Vậy thế còn Bà Nàng... Bà Nàng...

Cao Hùng vừa mới nói đến hai tiếng Bà Nàng, bỗng 4, 5 người đầu trang khiêng lợn, cau, gạo, rượu vào lễ mừng quan Lệnh. Bà Nàng vốn từ lúc trông thấy Cao Hùng đổi sắc mặt bẽn lẽn ra bạo dạn, lại nghe cái giọng nói có hàm cái vẻ lả lơi bất chính...

Trong lòng đã căm giận vô cùng. Nhân lúc Cao Hùng đang còn nói dở câu, lại gặp ngay một tên đầu trang bưng lễ vào, đi hấp tấp, vấp ngã, vung cả gạo ra sân... Bà Nàng liền thừa thế, dựng ngược mày ngài, tròn xoe mắt phượng, chỉ vào mặt tên ấy mà quát lên rằng:

– Bay đến mừng quan Lệnh, là một vị quan phụ mẫu do tự thiên triều cử sang mà khăn áo sồi sộc, cử chỉ hấp tấp, không có một chút gì là lễ độ. Ở trước mặt ta mà bay cũng dám thế, bay tưởng lưỡi kiếm của ta không sắc phải không?

Tiếng nói sang sảng như chuông vàng, khiến cho năm, sáu tên đầu trang đều thất sắc, quỳ rạp cả xuống sân, run lên như cầy sấy... Cao Hùng thấy vậy cũng lạnh giá cả người, chưa kịp nói

thế nào, thời Bà Nàng đã một tay chỉ ra sân, trên cặp môi son nảy một nụ cười, cất tiếng lên nói với Cao Hùng:

– Minh công thử coi lũ kia thật là hèn nhát hơn con vật! Ừ, đã hèn nhát thời cũng nên tự biết cái phận của mình mới phải. Cái này, hễ hơi thả lỏng ra một chút là đã vô phép vô tắc rồi...

Nói đến đây quay lại cầm lấy thanh kiếm ở trong tay con thị tỳ, giơ lên nói với Cao Hùng:

– Vừa rồi tôi mắng bọn kia, tôi có nói đến thanh kiếm... Nhân tiện tôi có thanh kiếm này rất báu, xin cầm để Minh công xem.

Nói dứt lời, liền thẳng tay kéo tuột lưỡi kiếm ra... Cao Hùng chỉ thấy một luồng bạch quang vụt bay qua mặt, hơi lạnh làm cho nổi cả gai ốc. Chưa kịp nói sao, thời Bà Nàng đã chìa lưỡi kiếm lên trước mặt Cao Hùng, ung dung nói:

– Thanh kiếm này lưu truyền đã tới năm trăm năm, giết mãnh thú, giết cường bạo, không biết bao nhiêu mà kể thế mà đến giờ vẫn sắc như mới mài, không một chút quằn mẻ...

Nói đến đấy, Bà Nàng lui lại mấy bước, vừa hoa kiếm vừa nói:

– Để tôi xin thí nghiệm cho Minh công coi.

Vừa dứt lời, thời đánh vụt một cái, một luồng bạch quang bay qua đầu Cao Hùng, rồi nghe thấy một tiếng "phập", vội ngảnh lại xem thời lưỡi kiếm đã chém phập vào cái cột bằng gỗ "lim" ngay phía sau lưng Cao Hùng đương tựa, mà cách đầu Cao Hùng không đầy hai phân!... Lưỡi kiếm ngập sâu vào tới hai tấc, hai tên đầy tớ Cao Hùng rút mãi ra mới được... Cao Hùng bấy giờ thật chẳng khác người mắc bệnh tê liệt, cứ ngồi trơ ra, không còn chút máu mặt...

Bên kia, Bà Nàng vẫn truyện trò đon đả, thản nhiên như không. Giờ lâu, Cao Hùng mới dần dần hoàn hồn liền vội vàng cáo từ ra về. Bà Nàng tiễn ra tận cổng, rất là ân cần tử tế.

Cao Hùng về khỏi một lúc, bỗng lại có một người tráng sĩ xin vào yết kiến...

Hồi thứ mười ba

Thấy đầu lâu tham quan mất vía
Kinh ác mộng kiệt nữ đưa thư

Nói về Đức Mệ, ngay sau khi Đức ông khi khỏi, liền cùng với Bà Nàng soạn lại số danh sách các người ứng nghĩa thuộc các hạt. Rồi đạt giấy đi cho các vị quan lang và các hàng chiếng các nơi hạn định việc thao luyện binh mã, và đính ước ngày tự mình thân đến điểm duyệt. Hôm ấy vào khoảng 20 tháng tám tức là sau khi Đức ông Thi Sách khởi hành đã được 20 hôm, Đức Mệ bàn định với Bà Nàng, về giao mọi công việc ở My Linh cho Bà Nàng trông coi, tự mình cùng với Ái Nương, Lê Chân vi hành về hạt An Định để điểm duyệt binh mã. Lúc Đức Mệ đi đã toan đi bộ, sau vì nghe lời can ngăn của Bà Nàng, nên ngài dùng con tuyết hoa câu của Đức ông Thi Sách để lại, còn Ái Nương và Lê Chân mỗi người cũng cưỡi một con ngựa. Chiều tối hôm ấy đi đến một nơi toàn là rừng rậm, Đức Mệ ngồi trên mình ngựa ngoảnh bảo Ái Nương và Lê Chân rằng:

– Khu rừng này hình như hãy còn thuộc về địa hạt Chu Diên. Phải đi hết khu rừng này mới sang tới địa hạt An Định, cứ theo trong bản đồ, từ đây đến khu đất duyệt binh còn tới ngót 100 dặm nữa. Vậy mà giờ ngày đã tối, đêm nay lại khuya mới có trăng, hai con khá xuống ngựa vào trong khu rừng này, tìm xem có cái miếu hoặc cái điếm nào để thầy trò ta trọ qua một đêm, sáng mai sẽ lại đi kẻo mệt. Ái Nương và Lê Chân vâng lời, rồi xuống ngựa buộc vào gốc cây rồi đi lẩn vào trong khu rừng rậm.

Ái Nương và Lê Chân đi khỏi, Đức Mệ vẫn ngồi yên ở trên lưng ngựa, ngoảnh trông xung quanh, bầu trời man mác mặt đất bao la, muôn vật êm đềm, tấc lòng ngao ngán. Bỗng một trận gió chiều thổi qua lá cây trút xuống rào rào. Xa nghe về phía Đông, tiếng sếu kêu xào xạc, liền ngửa mặt lên trông thấy có một đàn sếu từ phía núi Ba Vì vù vù bay tới. Đức Mệ thấy vậy bỗng xúc động đến tâm tình, liền lấy cung, rút tên, chỉ thẳng lên đàn sếu miệng lẩm bẩm khẩn rằng:

– Xin trời đất quỷ thần chứng giám, tôi là Trưng Trắc, chẳng quản mình là phận gái, quyết khởi nghĩa binh để cứu nạn nước

rửa thù dân. Nếu công việc của tôi cả thành, xin cho tôi bắn trúng ngay con sếu đầu đàn kia... Dứt lời chỉ nghe thấy một tiếng tách, tức thời một con sếu từ trên không rơi vụt xuống. Giữa lúc đó thời Lê Chân, Ái Nương vừa chạy sồng sộc ra tới nơi. Thấy Đức Mệ bắn rơi được con sếu, thời đều reo lên chạy ù đi nhặt sếu. Vì xung quanh đấy là một cánh đồng hoang, cỏ đế, cỏ ranh mọc rất cao, mà sắc trời lại sâm sẩm gần tối, nên chi hai người vẫn cứ quanh quẩn mãi mà vẫn chưa tìm thấy sếu. Đức Mệ thấy trời gần tối sập lại, liền cất tiếng lên gọi:

– Thôi, đừng tìm nữa hai con, trời đã tối rồi có thấy nơi nào nghỉ tạm được không?

Hai người thấy Đức Mệ gọi thời vội vàng chạy lại, khoanh tay nói rằng:

– Bẩm tận giữa khu rừng có một cái miếu cổ, có thể nghỉ tạm được.

Hai người nói rồi liền dắt ngựa dẫn đường cho Đức Mệ đi. Khi vừa mới bước chân tới cửa miếu thời trời đã tối hẳn. Đêm hôm ấy, Đức Mệ nằm mãi tận phía trong, còn Ái Nương và Lê Chân thời phải thay đổi nhau thức để coi ngựa, đến mờ mờ sáng, cả ba người lại cùng lên ngựa ra đi. Chiều hôm ấy đã đi tới trại Miềng thuộc hạt An Định. Ở đấy Đức Mệ đã phái Lai Cần, Chiếng Lãng và Lã Tùng đến đấy để trông coi việc thu thập quân đội từ trước. Khi Đức Mệ đến nơi, ba người đều vội vàng ra đón vào giữa đại trại. Lã Tùng vào bẩm:

– Có các viên đầu mục xin vào bái yết.

Đức Mệ truyền để đến sáng hôm sau sẽ hay. Sáng hôm sau, Đức Mệ bảo bọn Lã Tùng theo hầu đi ngắm xem khắp các doanh trại cả một lượt, rồi quay về đại trướng cho các viên đầu mục vào yết kiến. Lệnh ấy truyền ra, một lát thấy một toán tới hơn 30 người, đều mặc áo vải khăn nâu, xếp hàng từ từ ngoài cửa trại đi vào. Vừa vào tới giữa sân, thời cả bọn đều quỳ rạp cả xuống. Đức Mệ vội vàng ra đứng tận trước hè, xua tay bảo bọn đứng cả lên ra hai bên, rồi cất tiếng lên nói rằng:

– Hôm nay ta đến đây, chủ ý là điểm duyệt lại binh mã cho có kỷ luật. Các người đã biết lấy việc nước làm trọng, bỏ việc vui thú trong gia đình, an nhàn khoảng chốc lát, mà ứng mộ theo ta khởi nghĩa. Các người nên biết rằng những lúc bình thường, thời ai nấy đều là anh em, đều là bình đẳng. Nhưng đến lúc đã dấn thân

vào việc quân, thời phải sống theo kỷ luật, vì có kỷ luật, thì khi tiến, lúc thoái, khi hợp, lúc tan mới có trật tự, không đến nỗi rối loạn. Vậy bây giờ các người hãy ai ở trại nào, lui về trại nấy, huấn luyện quân sĩ thêm cho tinh thục, để đến mai ta sẽ ra giáo trường điểm duyệt.

Đức Mệ nói dứt lời, cả bọn đầu mục đều đồng thanh dạ lên một tiếng thực to, rồi ai lui về trại nấy.

Sáng hôm sau, ở giữa đại trại nổi lên ba tiếng trống đồng; ở ngoài cổng trại thổi tiếp luôn ba hồi tù và. Rồi thấy một viên thiếu niên tướng quân đầu vấn khăn nhiễu điều, mình mặc áo giáp xanh, vai đeo cung sừng, tay cầm ngân giản ngồi trên con ngựa ô vân, lỏng buông tay khấu, ung dung từ trái phía Tây đi lại trước trung quân trướng cất tiếng nói to lên rằng:

– Quân sĩ đã hội tề, cúi xin Đức Mệ ra giáo trường điểm duyệt.

Viên tướng ấy tức là Lã Tùng. Lã Tùng theo lệnh bẩm xong, quay ngựa thẳng ra giáo trường, vào khoảng cuối giờ mão sang giờ thìn, bỗng nghe thấy tiếng trống khẩu, tiếng kiểng đánh điểm từng tiếng một. Trước còn xa, sau đến gần, sau dần dần đến thẳng tận giáo trường.

Bấy giờ tất cả các hàng quân sĩ và các hàng tướng tá đều ngoảnh mặt lại trông, thấy Đức Mệ đầu vấn khăn thiên thanh, mình mặc áo giáp vàng, cổ đeo kiềng vàng, tai buông mấm dát ngọc; trên khuôn mặt hồng hào lộ ra hai hàm răng đen rức như hạt huyền, tuy trông vẻ nghiêm trang diễm lệ, mà có hàm cái khí sắc trung hậu nhân từ; Đức Mệ tay phải cầm chiếc cờ lệnh, tay trái chống vào sườn, ngồi trên lưng con tuyết hoa câu, phía bên phải là Ái Nương, phía bên trái là Lê Chân.

Cả hai người đều quần chân áo chít, nai nịt rất gọn gàng và đều cưỡi trên hai con ngựa tía, một người cầm trường thương, một người cầm bảo kiếm, đều đi sát vào hai bên Đức Mệ, khi đã lên tới tướng đài, Đức Mệ gọi Lã Tùng lên tận nơi cất tiếng bảo rằng:

– Cứ theo trong sổ danh sách thời thuộc hạt này có 500 quân ky, và 2000 quân bộ, vậy đã tới đầy đủ chưa?

Lã Tùng khoanh tay nói:

– Bẩm tới đủ cả.

Lã Tùng bẩm xong, Đức Mệ liền trao cho Lã Tùng một tờ cáo thị mà bảo rằng:

– Nhà ngươi khá đọc to lên cho cả quân tướng đều nghe.

Lã Tùng vâng lệnh, đón lấy tờ cáo thị, đứng trước tướng đài, cất tiếng gọi to lên rằng:

– Bớ các đầu mục, các quân sĩ đều yên lặng để nghe lời cáo thị.

Dứt tiếng gọi, suốt cả vòng quân ngót 3000 người, đều im phăng phắc, không nghe thấy một tiếng ho. Lã Tùng bấy giờ liền cầm cao tờ cáo thị lên, đọc rất to rằng:

"Phục quốc quân, Đoài quân thống tướng Trưng... Có lời cáo thị cho ba quân đều biết rằng:

Nước Viêm bang ta gặp hồi suy bĩ, bị người Hán chiếm cứ đã lâu. Giết hại người mình, vơ vét của mình, thảm khốc không còn gì là nhân đạo. Ta nay, trên theo mệnh trời, dưới vì dân nước, dựng cờ khởi nghĩa quyết chí cứu dân.

Hàng tướng sĩ các ngươi, đã biết vì nghĩa lớn mà theo ta, nên phải dốc lòng tuân theo kỷ luật, khi ra trận lấy chiêng, trống làm hiệu lệnh. Nghe thấy tiếng trống thời tiến, nghe thấy tiếng chiêng thì lui, lệnh tiến không tiến, lệnh lui không lui, tức thời phải chém.

– Lúc hành quân xâm hại đến ruộng nương và tài sản của lương dân, đều phải chém.

– Khi dàn trận, đương ở chỗ này chạy nhằng sang chỗ khác, hoặc nghẹo đầu, ghé tai thì thào nói truyện, đều phải chém.

– Khi ban đêm kẻ điểm canh không đúng giờ, người tuần là còn bỏ sót, đều phải chém.

– Khí giới giữ gìn không cẩn thận, để đến nỗi kiếm mẻ giáo cùn, cung long, mộc vỡ, đều phải chém.

– Quân tế tác dò la không đích xác, thấy gà tưởng quốc, thấy đuốc bảo ma trơi, đều phải chém.

– Lúc đuổi giặc, chỉ mải nhặt đồ bỏ rơi, để đến nỗi sai cả trật tự, đều phải chém.

– Những kẻ lòng chim dạ cá, đem việc quân mình tiết lộ với quân ngoài, đều phải chém..."

Lã Tùng đọc xong, Đức Mệ lên ngựa tới giữa vòng quân, đi dẻo khắp xung quanh một lượt. Khắp hàng quân sĩ, trông thấy cái vẻ mặt nhân từ ôn hậu của Đức Mệ thảy đều cúi đầu tỏ lòng kính mến.

Đi dẻo qua một lượt, Đức Mệ lại quay vào giữa vòng quân, cầm cờ

lệnh phất ngang một cái, tức thời toán quân hữu dực lượn vòng sang tả dực, toán quân tả dực lượn vòng sang hữu dực. Chúng đi răm rắp rất đều, không một tên nào sa ra ngoài hàng lối. Cái quang cảnh lúc bấy giờ rất là nghiêm tĩnh, trừ những tiếng ngựa hí, và tiếng gươm, giáo va vào nhau, không còn nghe thấy một tiếng thì thào nói chuyện.

Đức Mệ vẫn đứng ở giữa vòng. Hai toán quân ấy đi xong một vòng, Đức Mệ lại cầm cờ phất dọc một cái, tức thời hậu quân tiến lên làm tiền quân, tiền quân lùi xuống làm hậu quân, rồi biến thành thế trận Ngũ hoa, chia làm Đông, Tây, Nam, Bắc, và Trung ương 5 vòng, hình như 5 đóa hoa sen, tuy mỗi đóa riêng hẳn ra một nơi, mà thế trận vẫn liên lạc nhau. Đánh Đông thời Tây ứng; đánh Nam thời Bắc ứng; đánh Trung ương thời cả Đông, Tây, Nam, Bắc đều ứng. Tướng đài ở vòng trung ương, tức là nơi phát hiệu thi lệnh ra cả bốn vòng ngoài. Sau khi trận thế đã biến xong, Đức Mệ phóng ngựa lên trên trái đồi thật cao, trông xuống, thấy năm toán quân hàng lối rất rõ ràng đều đặn, Đức Mệ ngoảnh bảo Ái Nương và Lê Chân rằng:

– Trong binh thư của Tôn Ngô không có dạy lối trận pháp này.

Ta với Bà Nàng nghiên cứu, suy xét ngót một năm nay mới nghĩ ra được. Khi mới nghĩ xong, ta họa thành bản đồ, và chua phép biến hóa rất rõ ràng, sai người mang đến hỏi Lã Cương tiên sinh, tiên sinh rất là khen ngợi, lại có bổ khuyết cho ta được hai ba chỗ rất xác đáng. Các con xem đó thời biết rằng:

Sự học vấn phải biết biến hóa nếu không biết biến hóa mà chỉ cứ trong sách nói làm sao lại theo làm vậy, thời chỉ làm con mọt sách, không đáng gọi là người biết học. Các con cứ xem ngay như con tằm nó chỉ ăn lá dâu xanh, mà rồi sau lại nhả ra sợi tơ vàng, đó tức là nó biết biến hóa. Làm người đi học mà không biết biến hóa so với con tằm thực còn kém xa...

Đức Mệ vừa nói đến đấy, bỗng trông thấy Lã Tùng, mình ngồi trên ngựa, tay múa trường thương, dong duổi đi ven quân xung quanh trận, liền chỉ tay bảo hai người rằng:

– Như Lã Tùng thực đáng là một trang thiếu niên tuấn kiệt, không hổ là con cháu ông Lã Gia...

Bấy giờ mặt trời đã đứng bóng. Đức Mệ thấy trong mình mỏi mệt, hình như muốn ngây ngấy sốt, liền truyền lệnh cho thu quân, lui về

trong trướng. Đức Mệ muốn dùng một cách làm cho lòng quân cổ vũ phấn chấn, liền nghĩ ra một bài ca, giao cho Lã Tùng đem dạy các viên đầu mục, rồi các viên đầu mục lại đem dạy tất cả ba quân.

Bảo chúng mỗi khi diễn tập, thời cứ đọc bài ca ấy làm dịp đi cho đều. Bài ca rằng:

Ta là dân nước,
Nghĩa phải tùng quân;
Cùng nhau yêu thân,
Coi như xương thịt;
Cùng nhau sống chết,
Như bóng với hình.
Vào tử ra sinh,
Chẳng hề chia rẽ,
Trước rửa quốc sỉ
Sau được dân an.
Sung sướng muôn vàn
Danh thơm sử sách.
...

Chiều hôm ấy, Đức Mệ lên một cơn sốt, mãi tới gần hết canh một mới tỉnh. Bừng mắt trông ra, thấy Lê Chân và Ái Nương hãy còn cầm kiếm đứng bên cạnh giường, Đức Mệ liền cất tiếng lên hỏi:

– Bây giờ là bao giờ?

– Bẩm gần sang canh hai.

– Lúc nãy ta sốt lắm, phải không?

– Vâng, chúng con để tay vào da, thấy nóng lắm.

– Ta khát lắm, các con thử hỏi xem đâu có nước mưa?...

Vừa dứt lời, Lê Chân dạ một tiếng, vội vàng đi ngay. Một lát xách ấm tay nước mưa vào. Đức Mệ nghiêng mình uống luôn hai chén, nghe thấy mát ruột dễ chịu, liền cất tiếng lên nói:

– Ta bây giờ đã dễ chịu lắm rồi, cho các con đi nghỉ...

Tuy Đức Mệ đã bảo, nhưng hai người vẫn không dám đi. Sau Đức Mệ bảo tới hai ba lần, hai người mới bàn nhau cắt lượt, người thức kẻ ngủ thay đổi nhau. Đức Mệ nằm một lúc lâu, vẫn chưa ngủ được, liền ngồi dậy bảo Ái Nương đốt thêm ngọn sáp, để lại gần giường rồi mở hành khíp, lấy tập Tôn Ngô binh pháp ra xem.

Mới xem được độ dăm tờ, thấy chóng mặt hoa cả mắt, liền gục đầu xuống bàn để nghỉ. Bỗng nghe có tiếng kẹt cửa một ông cụ đầu tóc bạc phơ, tay phải chống cái gậy bằng lùa khua, tay trái phe phẩy cái quạt lông cò trắng, lững thững từ ngoài bước vào, Đức Mệ nghĩ bụng:

– Ông cụ này coi thật có tiên phong đạo cốt, nhưng không biết danh hiệu là gì, để ta phải hỏi xem mới được.

Đức Mệ nghĩ vậy, liền đứng dậy vái chào, ông cụ gật đầu, cất tiếng lên nói:

– Tôi già nua, xin nữ chúa miễn lễ.

Nói rồi, đưa cho Đức Mệ một phong thư, Đức Mệ mở ra xem, chỉ thấy có 7 chữ rằng:

"Bắc quân, Đoài quân nghi hợp nhất" [1].

Đức Mệ vừa xem xong, thời không thấy ông cụ già đâu nữa. Liền rảo bước ngó ra cửa xem ông cụ ấy đi đằng nào. Nhưng lúc ra đến cửa, đã không thấy đâu nữa. Thuận chân đi thẳng ra sân ngắm xem mấy chậu hoa bày hai bên cánh bình phong. Thấy có mấy giò lan bạch ngọc mới nở, cánh trông trắng nuột như ngọc, càng ngắm càng yêu. Liền ngắt lấy một giò, cài vào mái tóc, rồi lại cứ lững thững bước đi, đi được một quãng thấy đấy là một cánh đồng rất rộng. Khắp đồng toàn cỏ xanh, không có một giống cây gì khác, dân không biết khai khẩn để cấy lúa, thật là một sự đáng tiếc. Chính đang lúc nghĩ ngợi, bỗng nghe có mấy tiếng hổ gầm rất dữ, rồi một đàn 4, 5 con hổ xám to bằng con bê, từ khu rừng bên trái chạy xô ra giữa đồng. Phía sau đàn hổ, một người thiếu niên hai tay hai kiếm, vùn vụt đuổi theo... Đức Mệ thấy vậy, rất lấy làm kinh dị, lẩm bẩm nói một mình:

– Lấy sức một người, mà địch với 4, 5 con hổ to thế kia, ở đâu mà có hạng người gan liều đến thế?

Nói chưa dứt lời, đã thấy 4, 5 con hổ to vây bọc người thiếu niên lại. Người thiếu niên một mình ở giữa, nhảy lên, nhảy xuống, chém dọc, đâm ngang, cứ vùn vụt như tên bay, như chim liệng. Mới độ dập bã trầu đã thấy hai con hổ lăn quay ra chết... Đức Mệ tấm tắc nói một mình:

---

1. Nghĩa là: quân miền Bắc, miền Tây nên hợp nhất.

– Giỏi thật! Giỏi thật! Cứ tài bộ người kia thời đến Sở Hạng Vũ ngày xưa cũng chẳng qua đến thế!

Nói vừa dứt lời, bỗng thấy người thiếu niên hình như bị sa phải đống bùn lầy, thụt cả 2 chân xuống không thể rút lên được... Đức Mệ thấy vừa buột miệng kêu lên:

– Như vậy thời người kia nguy mất rồi! Ta phải giúp người ấy một tay mới được!...

Dứt lời, toan nhảy bổ ngay đi, bỗng sực nhớ ra: trong tay không có binh khí! Thời đánh làm sao được với loài ác thú ấy... Tuy nghĩ vậy, nhưng trông thấy cái cảnh tượng người ấy sắp bị nguy hiểm đến nơi, thời lại không thể nào đứng im được. Liền cứ liều nhảy bổ tới; khi gần tới nơi, nhác thấy hai con hổ chết nằm sóng sượt trên bãi cỏ, liền nghĩ bụng: À, được rồi! Chi bằng ta dùng ngay hổ để đánh hổ... Tức thời nắm ngay lấy hai chân sau một con hổ, dùng hết sức bình sinh, quay tít vào giữa chỗ ba con hổ. Ba con hổ thấy khí thế của Đức Mệ hăng quá, đến gầm lên một tiếng, rồi nhảy vót vào trong khu rừng gần đấy. Đức Mệ thấy hổ đã chạy hết rồi, liền vứt bỏ con hổ chết xuống đất, quay lại trông, thời chả thấy người thiếu niên đâu nữa, chỉ thấy một bãi máu đỏ ngầu, giữa bãi máu có một cái đầu lâu, hai mắt vẫn còn mở, dương tròng trọc... Đức Mệ bất giác kêu lên mấy tiếng:

– Ối trời ơi! Thôi người này bị hổ cắn chết từ lúc nào rồi!

Kêu dứt lời, liền cúi xuống xem lại cái đầu lâu ấy, thì hình như một người quen: càng nhận kỹ lại càng quen, mà nghĩ mãi không hiểu là ai... Còn đang lúc do dự không quyết, bỗng nghe thấy mấy tiếng gọi giật ở phía sau:

– Phu nhân! Đi đâu mà quanh quẩn ở đây? Việc nhà, việc nước, một mình cáng đáng hộ tôi nhá!...

Đức Mệ nghe tiếng gọi, rõ là tiếng Đức ông Thi Sách vội vàng ngoảnh lại, quả nhiên thấy Thi Sách đương cùng ông cụ già lúc nãy đi thủng thẳng ở phía trước mặt... Trông vẻ mặt Thi Sách rất là tươi tỉnh vui vẻ... Đức Mệ thấy vậy, không hiểu là Thi Sách đi đâu, vội cất tiếng lên gọi:

– Đức ông! Đức ông! đi đâu bây giờ thế?

Thi Sách nghe tiếng gọi, ngoảnh lại mỉm cười, rồi lại cùng với

ông cụ già quay đầu đi. Lúc này đi vùn vụt như bay, cố hết sức mà không sao đuổi kịp! Đức Mệ bấy giờ thấy gọi không được, đuổi không kịp, thời ruột rối như canh hẹ, đứng đần người ra, không biết tính thế nào. Bỗng cơn giông kéo đến, sấm chớp ù ù, mưa xuống như trút... Đức Mệ vội gọi váng lên:

– Ái Nương! Ái Nương! Lấy nón cho ta, mau! Mau!

Gọi vừa dứt tiếng, bỗng nghe văng văng có tiếng gọi: "Đức Mệ! Dạ, bẩm Đức Mệ..." ở bên tai, rồi thấy chuyển động cả người, vội bừng mắt ra trông, chẳng thấy mưa gió gì cả, mình vẫn ngồi trên ghế; Ái Nương đứng bên cạnh, đương để tay vào vai để vỗ và gọi... Đức Mệ thấy vậy, bất giác buột miệng nói:

– Ô hay! Có lẽ ta chiêm bao!...

Ái Nương thấy Đức Mệ nói, vội cất tiếng lên hỏi:

– Bẩm Đức Mệ, Đức Mệ gọi gì con? Đức Mệ mê ngủ hay sao?

Đức Mệ nghe tiếng Ái Nương hỏi, liền ngồi ngay người lên, trông vào ngọn sáp trên bàn, cháy đã gần hết; những giọt sáp dòng dòng chảy xuống xung quanh đài sáp, hãy còn ướt, liền cất tiếng lên hỏi:

– Canh mấy rồi, con?

– Bẩm cuối canh tư, gần sang canh năm.

– Con vẫn đứng đây?

– Bẩm vâng, con thấy Đức Mệ gục đầu vào bàn ngủ, con sợ Đức Mệ mệt nên không dám gọi. Sau con thấy Đức Mệ gọi con luôn 2, 3 tiếng, con biết là Đức Mệ mơ ngủ, con sợ người mơ quá thời lại mệt thêm con mới dám gọi.

– Con thức khuya lắm! Ta chắc con mệt, thôi cho con đi nghỉ.

– Dạ, bẩm gần sáng rồi, con không mệt, xin Đức Mệ cứ yên lòng.

Bấy giờ Đức Mệ thấy ráo cổ, khát nước, liền bảo Ái Nương:

– Con đưa ấm nước cho ta.

Ái Nương vội vàng đem ấm nước lại rót vào chén hai tay đưa lên, Đức Mệ uể oải cầm lấy uống luôn mấy chén, rồi chống tay vào cằm, vẻ mặt trầm ngâm, nghĩ đến giấc mơ vừa rồi... bỗng thở dài một tiếng, hai hàng nước mắt chảy xuống dòng dòng.

Ái Nương thấy vậy, không đành lòng cất tiếng lên nói:

– Xin Đức Mệ lên giường nằm nghỉ, kẻo mệt...

Đức Mệ yên lặng không nói gì... Bỗng nghe trên giường bên cạnh có tiếng kẹt. Lê Chân thức giấc ngồi dậy, thấy Đức Mệ vẫn ngồi, chống tay vào cằm, tựa vào bàn, Ái Nương vẫn đứng ở bên cạnh, coi nét mặt có vẻ buồn rầu... Lê Chân vội xuống giường, nót lại bên cạnh Ái Nương, sẽ bấm vào tay Ái Nương, định hỏi chuyện... Ái Nương mấm môi, sẽ lấy tay chỉ vào đằng sau Đức Mệ... Lê Chân không hiểu ra thế nào, mặt nóng bừng ngay lên, toan nắm tay ái Nương lôi ra ngoài hè để hỏi ngầm nhưng lại sợ không giám kéo... đành cứ đứng đần người ra ở bên cạnh Ái Nương... Bấy giờ cây sáp ở trên đài cháy đã hết. Ái Nương vội lấy cây khác tiếp vào. Đức Mệ liếc mắt thấy có cả Lê chân, liền cất tiếng lên hỏi:

– Cả Lê Chân, con cũng dậy đấy à?

Lê Chân thấy Đức Mệ hỏi, vội chạy ra phía trước, khoanh tay nói:

– Bẩm vâng. Đức Mệ truyền gì ạ?

Đức Mệ lắc đầu thở dài, nói:

– Không, ta có hỏi gì đâu.

Nói rồi, lại im lặng một lát, bỗng quay lại hỏi:

– Cả hai con, gần lại đây ta nói cho mà nghe, vừa rồi ta có cái chiêm bao rất lạ... không khéo...

Đức Mệ nói đến đấy rồi ngừng lại không nói, trên đầu, mắt long lanh đã chứa đầy châu lệ... Lê Chân không hiểu sao, vội hỏi:

– Bẩm, chiêm bao thế nào? Không khéo thế nào ạ?

Đức Mệ thở dài một tiếng, nói tiếp:

– Không khéo... Đức ông nhà ta đến bị nguy mất!...

Ái Nương, Lê Chân vừa nghe đến đấy thời thấy lạnh điếng cả người, hai mắt đổ đồng quang, suýt nữa thời ngồi phịch xuống, phải cố trấn tĩnh lại mới đứng vững... Mãi một lát sau, Ái Nương mới sẽ sẽ cất tiếng hỏi:

– Bẩm... bẩm chiêm bao thế nào ạ? Xin Đức Mệ hãy thuật cho con biết.

Đức Mệ ung dung nói:

– Các con cứ đứng yên, ta sẽ thuật cho mà nghe. Nói rồi liền thuật hết giấc chiêm bao vừa rồi cho hai người nghe. Thuật xong, Đức

Mệ lại nói tiếp:

– Đó, hai con thử nghĩ: điềm gở đã bày dành ra như thế, phỏng Đức ông nhà còn an toàn sao được?

Đức Mệ nói đến đấy thời hai hàng nước mắt lại chảy xuống ràn rụa. Ái Nương vội lấy khăn mặt đắp nước, hai tay đưa lên cho Đức Mệ lau. Lê Chân muốn tìm lấy một câu nói để giải buồn cho Đức Mệ, nhưng nghĩ mãi vẫn không ra được một câu. Sau mãi một hồi lâu, mới nói lên rằng:

– Mộng ảo vốn là một việc hoang đường, không đáng lấy làm tin. Con lại nghe người xưa nói: "vì lo nghĩ phiền nên thành ra mộng mị", con chắc Đức Mệ cũng chỉ vì hay lo nghĩ đến Đức ông con quá, nên mới có giấc chiêm bao như vậy. Xin Đức Mệ đừng lấy làm nghĩ ngợi...

Đức Mệ nghe Lê Chân nói, cứ lẳng lặng ngồi im... Bấy giờ ở ngoài, trời thấy đã tối sập lại, gió buổi sớm lọt qua khe cửa mà vào, lạnh buốt cả người. Ngoài hiên, tiếng móc rơi, xen lẫn với tiếng lá rụng, có lúc "lộp độp", có lúc "rào rào", tình cảnh rất là quạnh hiu, buồn bã. Bỗng Đức Mệ cất tiếng bảo Lê Chân lấy giấy, bút mực. Lê Chân vội vàng lấy ra, để lên mặt bàn, Ái Nương rỏ nước vào nghiên, mài mực. Đức Mệ ngồi bên ngọn nến sáng, dầm đẫm ngòi bút, viết một bức thư rằng:

"Phu tướng Lang chúa kỷ tiền lâm chiểu: [1]

Sơn trại chia tay, hầu đầy một tháng. Vừng trăng xưa khuyết, nay đã vừa tròn. Máy tạo, việc người, hai đằng chia khác. Đêm thanh lặng nghỉ, ngao ngán nhường bao! Đêm vừa rồi, Trắc bỗng cầm một giấc chiêm bao, rất là quái gở; tuy mộng ảo vốn là sự hoang đường, nhưng thiên cơ thực cũng rất huyền bí. Lo xa, phòng trước, người quân tử chẳng dám coi thường. Vậy dám mong hãy tạm chuyên ủy việc quân cho Tư Nguyên, kíp trở về quê, cùng bàn kế khác, xin đừng cho là mê tín mà bỏ qua; cũng đừng nghĩ là tư tình mà e lệ. Tấm thân vàng ngọc, còn quan hệ đến cả quốc gia; một gánh cương thường riêng những mong cho trọn vẹn... Mấy lời trân trọng, bút viết hồn theo...".

Đức Mệ viết xong bức thư thời ngày vừa sáng rõ. Ngoài cổng trại dứt một hồi trống tan canh, Lã Tùng đã nai nịt gọn gàng đứng chực

---

1. Nghĩa là: gửi chồng làm quan Lang đạo để chồng xem.

sẵn ngoài hiên để chờ mệnh lệnh. Đức Mệ truyền ra, hãy cho tạm nghỉ việc thao luyện hôm ấy, Lã Tùng vâng lệnh lui ra. Đức Mệ truyền gọi Cả Từa đến giao cho bức thư mà bảo rằng:

– Nhà ngươi khá mang bức thư này sang thẳng hạt Bắc Đái, vào rừng thông, hỏi Tư Nguyên xem Đức ông tạm trú ở đâu, rồi đem bức thư trình với Đức ông. Nói với Đức ông: "Đức Mệ ở nhà rất là chờ mong, dù công việc có bộn bề đến đâu, cũng xin lập tức về ngay, một hai ngày rồi sẽ đi..." ở dọc đường phải nên cẩn thận tinh tế, thời buổi loạn ly này, rất hay sinh ra nhiều điều rắc rối, phải hết sức nhẫn nại mà đi cho đến nơi, về cho đến chốn...

Cả Từa liền vâng lời, cầm lấy thư lui ra, rồi sắp sửa hành lý, đi ngay ngày hôm ấy...

Hồi thứ mười bảy

Nổi lôi đình, Đức Mệ tuốt gươm thề
Nghe cáo cấp Tô Hòa bầy trận thế

– Cho vào!...

Dứt tiếng, cánh cửa phòng mở toang, Mặc Sài thất lưng bó que, hấp tấp vào thẳng gần ghế Đức Mệ, lễ phục xuống, vừa lễ vừa nói:

– Lạy chiềng Đức Mệ... Đức... Đức ông con...

Chỉ nói được đến đấy thời khóc chu lên, rồi cứ phủ phục ở dưới đất, không nhổm lên được nữa!...

Đức Mệ thấy quang cảnh như vậy, biết ngay là sự không lành, liền vội hỏi:

– Đức ông, Đức ông thế nào? Chết rồi phải không? Con...

– Dạ...

Mặc Sài chỉ dạ lên được một tiếng, bỗng hai tay đập mạnh xuống bàn, kêu "trời" lên một tiếng, vật mình xuống đất, bất tỉnh nhân sự...

Lê Chân, Ái Nương, Tiểu Mai đều hoảng hốt xúm nhau lại, kêu váng cả lên...

Bấy giờ, Bà Nàng nằm ở phòng bên kia, nghe tiếng náo động, sực thức tỉnh dậy, vội chạy sang, cùng bọn Lê Chân vực Đức

Mệ lên giường, dùng thuốc cứu chữa...

Trong khi Đức Mệ ngất đi, Mặc Sài cũng sợ hãi, vội vàng nhổm dậy, nhưng vẫn cứ đứng xun xoăn ở xó phòng... Đến lúc Bà Nàng chạy sang, Mặc Sài có chào, nhưng Bà Nàng vì mải nên không nghe tiếng.

Một hồi lâu, Bà Nàng thấy hơi thở của Đức Mệ đã đều, tay chân thân thể đều ôn hòa, không có điều gì đáng quan ngại nữa, liền quay ra, ngồi xuống chiếc ghế đẩu của Đức Mệ ngồi ban nãy... gọi người lấy nước súc miệng. Mặc Sài vội vàng rót nước bưng lại. Bấy giờ Bà Nàng mới trông thấy liền sửng sốt hỏi:

– Nhà ngươi đã về đấy à? Về từ bao giờ?

– Bẩm, con vừa mới về đến đây...

Nhanh trí, Bà Nàng vội hỏi:

– Có lẽ nhà ngươi mang tin gì của Đức ông về đấy chăng?

Dứt tiếng hỏi, hai con mắt phượng long lanh, nhìn thẳng vào mặt Mặc Sài...

– Bẩm... bẩm vâng, Đức ông con bị hại mất rồi!...

– Thật à!

Một tiếng quát, cùng theo với tiếng đập tay xuống bàn, "thình" một tiếng, bao nhiêu ấm, chén để trên mặt bàn đều "dồi" bổng lên, bắn hẳn xuống đất, cách xa bàn tới 6, 7 thước, vỡ loảng choảng... hai con mắt vẫn long lanh nhìn Mặc Sài... Bà Nàng vẫn ngồi lặng, mọi người trong phòng đều im thin thít, không dám hé... bỗng lại hỏi tiếp:

– Vì cớ gì mà bị hại? Đứa... đứa nào hại...?

– Bẩm... bẩm Tô Định...

– Thằng Tô Định!

Một tiếng quát "láy" lại, lại tiếp luôn với mấy tiếng "thình thình" đập xuống bàn...

– Dạ, chính thằng Tô Định nó đã giết mất Đức ông con...

– Thế này thời tức chết mất!

Bà Nàng đạp bỏ bàn đứng phắt dậy... Mặc Sài vội chạy lại nhặt lấy cây hoàng lạp, nhưng may vẫn còn cháy... liền kê bàn ra chỗ khác, cắm lại cây hoàng lạp... Giữa lúc ấy, Bà Nàng cứ đi

thung thăng khắp trong phòng, mỗi một bước đi, là một tiếng chân nện mạnh xuống đất "thình thịch"... sắc mặt đỏ hồng lên như say rượu, hai tròng mắt cứ lấp loáng như nẩy lửa...

Ai nấy trông thấy cái khí sắc của Bà Nàng đều sợ hãi tái mặt... bỗng vụt đi lại gần giường Đức Mệ, nhảy phắt lên, ôm choàng vào ngực Đức Mệ, nức nở khóc:

– Chị ơi! Thế này thời nó làm cho chị em ta chết mất, chị ơi!

Tiếng khóc choang choang, vang động cả trong dinh; những các người ở trong phòng bấy giờ lại đổi sắc mặt sợ hãi ra buồn rầu, mà cùng nhau giọt ngắn giọt dài, tuôn rơi tầm tã...

Vừa lúc đó thời Đức Mệ đã hồi tỉnh, ngồi nhổm ngay dậy... Bà Nàng thấy Đức Mệ đã tỉnh, thời im bặt ngay tiếng khóc, vội vàng lau ráo nước mắt, toan tìm lời an ủi Đức Mệ, bỗng Đức Mệ cất tiếng gọi giật:

– Mặc Sài...

Mặc Sài "dạ" một tiếng, tiến lại trước mặt, khoanh tay đứng... Đức Mệ trông ngắm Mặc Sài suốt từ đầu đến chân rồi cất tiếng nói:

— Con khá thuật hết công việc từ hồi Đức ông sang Liên Thụ và tình hình bị bắt, bị giết thế nào cho ta nghe...

Bấy giờ, Đức Mệ vẫn ngồi trên giường, còn Bà Nàng thời kéo cái ghế đẩu lại ngồi kề bên cạnh giường, rồi cùng chú ý nghe Mặc Sài thuật chuyện...

Mặc Sài khoanh tay đứng, thuật lại công việc của Thi Sách một cách rất là rành mạch... Bọn Lê Chân, Ái Nương, Tiểu Mai, và mấy người gia đinh tâm phúc đều đứng vòng quanh, như một bức bình phong bằng người...

Mặc Sài cứ ung dung thuật, thuật mãi đến lúc Đức ông bị xử, bọn mình cướp thây, rồi cùng nhau đưa linh thấn đã gần về tới nơi... Nói đến đoạn sau, cứ vừa nói vừa nghẹn ngào, sì sụt, cả các người xung quanh cũng đều cảm động... Duy trên mắt Đức Mệ bấy giờ lại không thấy có hơi một hạt lệ, hai má cứ đỏ bừng bừng như một đóa hoa hồng phản chiếu với ánh nắng chiều hôm. Hai mắt long lanh lấp loáng, như muốn bắn ra mấy tia lửa nóng... Đến lúc Mặc Sài thuật chuyện vừa xong, bỗng Đức Mệ đứng phắt dậy, rút ngược thanh trường kiếm cài ở đầu giường, miệng vừa quát:

– Phen này, nếu ta không giết chết được thằng Tô Định,

quyết không sống làm giống người nữa!

Vừa dứt tiếng, thời tiếp theo ngay một tiếng "chát" thanh trường kiếm đã chém đứt chiếc bàn kê gần đó ra làm đôi... Cây hoàng lạp lại một lần đổ lộn nhào xuống đất, lần này đổ thời tắt ngay. Ai nấy đều ngơ ngác, toan đi đốt cây hoàng lạp khác, nhưng ngảnh đi ngảnh lại, mọi vật bên mình đều trông thấy rõ rệt, bấy giờ mới biết là đã sáng từ lúc nào rồi!...

Tiếp luôn lúc đó, Đức Mệ lại ngảnh trông giở vào gọi Bà Nàng:

– Em Nhị! Ta nên khởi binh ngay, bất tất phải trì hoãn nữa!

Dứt lời đi vụt ra ngoài chính sảnh, Bà Nàng vội vàng đi theo, rồi cả bọn Lê, Ái, Đỗ, cũng đều hấp tấp chạy ra...

...

Dứt 3 hồi trống báo hiệu, bao các tướng tá, các quân sĩ đều đã tụ họp ở chính sảnh. Đức Mệ truyền hạn trong 2 ngày, bao quân sĩ tướng tá đều may và mặc toàn đồ tang phục sắc trắng ở giữa đại doanh, cắm hai ngọn cờ đại trắng; mỗi lá thêu 4 chữ màu đen.

Lá bên tả thêu 4 chữ: "Báo quốc, cứu dân".

Lá bên hữu thêu 4 chữ: "Phục thù, tuyết sỉ".

Còn bao các kỳ sĩ, quân trang, thảy dùng màu trắng.

Ngay chiều hôm ấy, Đức Mệ dẫn 100 thân binh cùng với Mặc Sài đem Linh Dư đi đón linh cữu Đức Ông, Đức Mệ bây giờ, chân chỉ dận trên đôi dép gai, không cưỡi ngựa, toàn thân mặc đồ trắng, trông chẳng khác gì một đóa hoa lê, đứng giữa trong vùng tuyết trắng.

Đức Mệ vừa đi khỏi, Bà Nàng sợ lỡ lúc Đức Mệ gặp linh thấn Đức Ông thời lại ngất đi chăng?... Nên Bà Nàng cũng vội vàng đem mấy con thị tỳ và bọn tâm phúc đi theo...

Đức Mệ vừa đi hết địa hạt My Linh, thời ngày vừa tối, Đức Mệ truyền đốt lên một trăm ngọn đuốc để dẫn đường. Mặc Sài thấy cách cử động của Đức Mệ như vậy, e sẽ xảy ra việc rắc rối chăng... Liền tiến đến trước, dùng lời can. Đức Mệ cau mày, mỉm cười mà rằng:

– Chỉ trong vòng mai hoặc ngày kia thời đã đánh nhau rồi, còn phải giấu diếm làm gì nữa!

Mặc Sài thấy Đức Mệ nói vậy, thời im lặng không nói gì. Quân tiến đi được một quãng, bỗng nghe phía đằng trước có tiếng người xào xạc... Đức Mệ truyền mấy tên tế tác phóng ngựa đi trước

dò thám...

– Linh thấn đã về đến đằng kia rồi!

Dứt tiếng mấy tên quân về báo, trên nét mặt Đức Mệ bỗng lộ ra vẻ tươi cười... truyền quân chấp hiệu thổi lên một hồi tù và, tiếng inh ỏi vang lừng, khiến mọi người nghe đều phải rùng mình ghê sợ. Đức Mệ thoăn thoắt đi trước. Dưới một đoàn đuốc sáng, nhấp nhô như sao sa, trông thấy rõ 8 người lực sĩ cùng xúm lại khiêng chiếc linh thấn, còn Đỗ Kình, Cả Từa, Tư Nguyên, Lý Kiệt thời đi hộ vệ sát xung quanh.

Đức Mệ!... Đức Mệ đến nơi rồi!...

Cả Từa lanh mắt, trông thấy Đức Mệ, vội báo cáo mọi người, Tư Nguyên liền truyền hãy đứng dừng cả lại.

Vùn vụt như tên bay, Đức Mệ đã rẽ đám đông người, đi sát vào tận chỗ quan tài. Mọi người đều ngơ ngác chưa kịp chào hỏi, đã thấy Đức Mệ hai tay vỗ vào quan tài, kêu to lên rằng:

– Trời ơi! Đức ông! Đức ông! Sao Đức ông đã vội nhanh chân đi trước, bỏ lại công việc dân nước cho một mình tôi!

Tiếng kêu vừa to, vừa vang, vừa cảm động, khiến mọi người đi đón thảy đều bùi ngùi lệ. Ở trên không trung bấy giờ cũng thấy mây kéo tần vần, muôn nghìn ngôi sao lúc ẩn hiện, khi tỏ, khi mờ như cùng với người dưới nhân gian, cùng chia nỗi bất bình ảo não!...

Đức Mệ còn vỗ vào quan tài kêu nói mấy câu nữa, nhưng bấy giờ tiếng người đã ồn ào khắp chung quanh, nên không còn ai nghe rõ được nói thế nào. Một lát Bà Nàng chạy lại đỡ Đức Mệ dậy, mời *ngài rẽ ra, cho bọn thân binh rước cữu lên linh dư* [1]*. Đức Mệ thấy Bà Nàng lại đỡ dậy, thời cười mà rằng:*

– Em lại sợ chị ngất đi chăng? Không, chị còn có công việc bổn phận của chị, chị bỏ cho ai được mà ngất đi nữa!

Nói rồi, gạt nước mắt đứng tránh ra một bên, trông cho bọn thân binh xúm lại rước cữu lên linh dư.

Sau khi linh cữu đã để lên linh dư, Đức Mệ liền truyền đốt thêm đuốc, cho rõ thật sáng rồi chia thành hàng lối rất thứ tự, êm đềm theo giữa con đường cái còng quèo trở về Hạ Dương. Nửa buổi ngày

---

1. *Linh dư:* xe chở linh cữu.

hôm sau thì linh cữu đã về đến nơi. Mọi công việc tế tự và chôn cất, Đức Mệ truyền làm rất là nhanh chóng, chỉ trong vòng hai ngày, là công việc đã xong hết. Trời mờ mờ sáng, giữa một bầu không khí im lặng, bỗng ở trong trại Hạ Dương, nổi lên mấy hồi trống trận rất lớn, rồi thấy lũ lượt các hàng tướng tá, quân dũng, thảy đều vận đồ tang phục, đến cả trước viên môn [1] để chờ lệnh.

Đức Mệ lên ngồi giữa quân trường, bên cạnh đặt một cái ghế dựa, trên lót da hổ, làm chỗ Bà Nàng ngồi. Phía bên hữu có một dãy ghế trường, Tư Nguyên ngồi ngay hàng đầu, còn phía dưới toàn là các hàng tướng tá.

Đức Mệ cất tiếng lên nói:

– Tư Nguyên tiên sinh, cứ theo cái kế hoạch của tiên sinh bày trước, thời có thể chỉ trong vòng 10 ngày là đã thu phục được toàn hạt Giao Chỉ. Nhưng chẳng may bây giờ công việc đã lỡ xảy ra thế này, chắc không còn theo được cái kế hoạch ấy nữa. Vậy tiên sinh nghĩ nên thi hành cách nào?

Tư Nguyên ung dung nói:

– Phàm việc ở đời, không có việc gì là chỉ có thành mà không bại. Bây giờ đã xoay ra cái cục diện thế này, tôi thiết tưởng nên đạt giấy đi cho các toán quân về vùng Bắc, nơi nào hãy cứ ở nguyên nơi ấy... Chờ khi nào quân ta tiến sang được đến Long Biên, bấy giờ các toán quân ấy sẽ khởi lên mà hưởng ứng. Còn việc thi hành trước nhất bây giờ hãy nên phát tướng đi thu phục lấy 2 huyện Chu Diên và My Linh cho khỏi quan ngại về sự hậu cố.

Sau khi đã lấy được 2 huyện ấy, xin Đức Mệ tự thống xuất binh mã, tiến đánh thẳng huyện Khúc Dương. Huyện Khúc Dương đã được thời các huyện thuộc về phía Bắc kia, ta không cần phải đánh cũng tự vỡ.

Đức Mệ nghe Tư Nguyên nói xong, lấy làm phải, liền ngay ngày hôm ấy, mật sai Mặc Sài và Lã Tùng mỗi người thống suất 100 bộ binh, đi đường tắt, bí mật lên đánh úp 2 huyện Chu Diên và My Linh. Rồi tự mình điểm duyệt binh mã chia làm ba đạo, một đạo tự mình thống xuất, một đạo trao cho Bà Nàng thống xuất, một đạo trao cho Tư Nguyên thống xuất, chỉ chờ khi nào thu phục xong hai huyện

1. *Viên môn:* chỗ cửa của một trại binh.

Chu Diên, My Linh là tiến sang đánh Khúc Dương.

Nói về Lã Tùng và Mặc Sài, hai người vâng mệnh Đức Mệ đi lấy hai huyện, vì cách hành trình của hai người rất khôn khéo bí mật, nên chỉ trong có hai ngày, mà cả hai nơi thành trì đều đã thu phục! Hai viên huyện lệnh ở hai nơi, một viên trốn thoát, một viên bị giết. Còn bao nhiêu gia quyến của hai người đều bị giết sạch, không còn sống sót một người nào.

Sau khi đã thu phục được hai thành, báo tiệp về Hạ Dương, Đức Mệ truyền kén lấy hai người đứng đắn ở trong hàng các "Chiếng" cho tạm quyền trông coi huyện vụ còn Mặc Sài và Lã Tùng thời lập tức chiều hôm tùng chinh.

Hôm ấy là ngày mồng 2 tháng 10 năm Kỷ Hợi. Trong trại Hạ Dương bỗng thấy nổ tiếp luôn hơn 10 tiếng pháo rồi lại tiếp luôn đến ba hồi trống cái.

Tức thời cửa trại mở toang ra, một toán quân ước tới 300, toàn vận đồ trắng, một nửa cưỡi ngựa, một nửa đi bộ... từ từ ở trong trại kéo ra. Đi đầu một lá cờ trắng, trên đề mấy chữ:

"Tiên phong tướng Mặc..."

Phía dưới lá cờ, một viên thiếu niên tướng quân toàn thân mặc đồ trắng, tay trái cầm cương, tay phải cầm đao, ngồi trên con ngựa bạch coi vẻ người rất là tinh anh lanh lợi. Vị thiếu niên tướng quân ấy tức là Mặc Sài.

Mặc Sài dẫn quân đi khỏi được một lát, thời trong trại lại tiếp luôn một hồi pháo đến mấy hồi trống... Một toán quân nữa, ước tới hơn một nghìn, cũng toàn mặc đồ trắng, đi trước một lá cờ, trên đề mấy chữ:

"Tiền quân, quân sư Nguyễn"

Nguyễn quân sư đầu đội khăn xanh, mình mặc áo trắng. Ngồi trên con ngựa mai hoa. Hai bên có 2 viên kiện tướng cưỡi ngựa đi kèm. Trông khí thế rất oai nghiêm.

Đạo tiền quân đi khỏi rồi, kế đến trung quân là toán quân của Đức Mệ thống xuất. Rồi đến đạo hậu quân là toán quân của Bà Nàng thống xuất. Cả hai toán quân có ước tới hơn ba nghìn, thảy đều mặc đồ tang phục, từ đằng xa trông lại, chỉ thấy một luồng trắng toát, cuồn cuộn tiến đi, vừa im lặng, vừa nghiêm trang. Khiến mọi kẻ dân quê, lúi húi ở những cánh ruộng 2 ven đường, rồi đứng ngây người ra

mà trông, trong lòng xôn xao, không biết là đáng mừng hay đáng sợ...

Khi trung quân gần đi khỏi hạt My Linh, bỗng thấy ở hai bên đường có tới bốn năm mươi người bô lão đốt hương quỳ lạy. Đức Mệ tiến ngựa đến chỗ họ đang quỳ lạy, ngài liền dừng ngựa lại, cất tiếng lên nói:

– Hỡi này các "bủ" sao các bủ lại ra đây lạy lục làm gì thế?

Một ông cụ già nhất, vái một cái, cất tiếng lên nói:

– Trăm lạy Đức Mệ, người là bực thần thánh giáng sinh, người có lòng thương đến giống nòi, đem quân đi cứu nước, rửa thù. Anh em chúng tôi già nua không làm gì được nữa. Xin ra đây lạy chào Đức Mệ, và chúc cho ngài được chóng thành công, cho chúng tôi lại được trông thấy thái bình cảnh tượng...

Ông cụ ấy nói dứt lời, thời tất cả bọn đều lạy phục xuống, Đức Mệ vội cất tiếng lên nói:

– Thôi, ta cảm tạ các bủ có lòng tốt đối với việc nghĩa cử của ta. Các bủ hãy cứ trở lại nhà, khuyên bảo con cháu, nên hết lòng vì nước, ta đây sẽ cố làm cho được thỏa lòng ao ước của các bủ...

Nói rồi, thúc quân tiến đi. Nửa chiều ngày hôm sau, đại quân đã sang tới địa hạt huyện Khúc Dương. Bỗng thấy một người cưỡi ngựa từ đàng trước phới lại, đến trước trung quân, vội vàng xuống ngựa, tiến lại trước Đức Mệ, khoanh tay nói rằng:

– Tướng tiên phong sai tôi chiềng với Đức Mệ, hiện quân ta chỉ cách Khúc Dương có 18 dặm, vậy ngài cho hãy tạm hạ trại, hay là phải đánh thành ngay?...

Đức Mệ rút một chiếc lệnh tiễn giao tên quân ấy, phi báo với Mặc Sài, hãy tìm nơi hạ trại, đến ngày mai sẽ đánh thành.

Hồi thứ mười tám

Phá Khúc Dương, nữ tướng trổ cao tài. Lấy Tây Vu anh hùng cùng hợp sức

Ngày hôm sau, Đức Mệ truyền quân dàn trận, rồi tự lên voi ra trước trận khiêu chiến. Tô Hoàng lên địch lâu trông ra, thấy thế quân ta rất lớn, liền cứ một mực cố thủ để chờ quân cứu viện, không chịu ra đánh. Luôn hai ngày, hôm nào quân Nam cũng khiêu

chiến. Tô Hoàng chỉ ngồi chồm chọe ở trên địch lâu trông ra. Đến ngày thứ ba, chính đang lúc tướng Nam khiêu chiến, Tô Hoàng bỗng trông về phía Bắc có đám bụi mù, rồi dần dần lộ ra hai toán quân đi rất gấp. Một toán do con đường Liêu Thụ đi đến, một toán do con đường Long Biên đi đến. Tô Hoàng nhận kỹ một lát, thấy quả nhiên hai toán quân ấy là quân mình. Bất giác sung sướng hớn hở, giơ tay lên trán, nói lẩm bẩm một mình:

– Thế này thật là hồng phúc cho quân ta đó. Vừa dứt nhời, thấy trong trại quân Nam hình như có vẻ xào xạc, kỳ xí kéo đi kéo lại phấp phới... Tiếp luôn tiếng tù và, tiếng trống, đồng thời nổi lên inh ỏi... Rồi thấy từ trong trại quân Nam kéo ra hai toán quân, chia làm hai đường, hấp tấp đi nghinh địch với hai toán quân từ đằng xa, sắp tới... Toán quân khiêu chiến ban nãy cũng rút đi, không còn nữa, Tô Hoàng thấy vậy thời cả mừng, nói to lên rằng:

– Ta không xuất quân lúc này, thời còn đợi lúc nào!...

Dứt nhời vội vã xuống lầu, về thẳng đại dinh, đánh trống hội họp quân tướng. Rồi chỉ lưu một mình Lục Qua cùng với 100 quân ở lại giữa thành, tự mình cùng với bọn Hồ Chùy, Cao Bằng, Ban Chừng, thống xuất toán quân ra thành... Trong bụng Tô Hoàng bấy giờ đoán chắc quân Nam dù tài giỏi đến đâu, cũng không thể đương được với 3 mặt giáp công, chỉ một trận này sẽ rửa được cái nhục mất thành Khúc Dương... Vì nghĩ vậy nên kéo quân đi rất là hăng hái. Khi quân đã ra khỏi thành, liền truyền lệnh cho quân sĩ đánh trống reo hò, kéo ập vào trại quân Nam. Quân Nam thấy quân trong thành đột nhiên kéo quân ra đánh thời đều chạy trốn tán loạn, Tô Hoàng thấy ngay đằng phía trước mặt, có 2 người nữ tướng, một người toàn mình vận đồ trắng, cưỡi trên con voi trắng, chạy miết về phía Bắc; một người đầu vấn khăn xanh, mình vận giáp vàng, cưỡi trên con voi đen, chạy miết về phía Tây... Tô Hoàng đang lúc phân vân, không biết là nên đánh đuổi người nào, bỗng thấy quân Nam, từ đằng xa, đều chạy lộn trở lại, rồi cứ cuồn cuộn kéo vòng tròn lại như vòng đèn kéo quân... Tiếng tù và, tiếng trống trận vẫn cứ inh ỏi ở bên tai. Tô Hoàng trông trước trông sau một hồi, bỗng thất kinh mà rằng: Thôi chết rồi! Ta bị quân Nam nó vây rồi!

Vừa dứt nhời, bỗng thấy ngoài vòng vây rẽ ra, một vị thiếu niên tướng quân cưỡi ngựa vung thương vùn vụt xông vào trong trận. Viên tướng ấy, còn ở xa, Tô Hoàng nhận rõ lối y phục

đích là một viên tướng Hán. Trong bụng khấp khởi mừng thầm. Đến lúc viên tướng ấy lại đã sát gần đến nơi, Tô Hoàng chưa kịp hỏi, thời viên tướng ấy đã cất tiếng thét: Tô Hoàng, mi đã trông rõ Mặc Sài chưa? Dứt tiếng thét, vung thương, đâm thẳng vào Tô Hoàng. Tô Hoàng vội vàng vung kích lên đỡ. Tô Hoàng vừa đánh nhau, vừa nhằm vào bộ y phục của Mặc Sài mà nghĩ, bỗng thất kinh buột miệng nói lên: Thôi hỏng rồi! Ta bị trúng kế của quân rợ mọi này rồi!" Tô Hoàng bấy giờ bao nhiêu hồn vía đã lên trời cả, không dám luyến chiến nữa, vội gạt ngang ngọn kích, nhằm vào phía thành mà chạy. Mặc Sài thấy Tô Hoàng chạy, cũng không đuổi, quay ngay trở ra để chỉ huy quân sĩ. Gặp ngay Cao Bằng cũng đang tìm đường trốn chạy. Mặc Sài liền dương cung nhằm thẳng vào cổ Cao Bằng mà bắn. Chỉ nghe thấy một tiếng "vút", Cao Bằng đã trúng tên, lộn nhào xuống ngựa mà chết. Tô Hoàng chạy được một quãng bỗng lại vụt thấy một viên thiếu niên tướng quân cũng mặc y phục lối Hán, phới ngựa áp đến trước mặt, chỉ siêu đao vào mặt Tô Hoàng mà quát:

– Bớ Tô Hoàng! Mi đã biết mặt Lã Tùng chưa? Thành Tây Vu quân ta đã thu phục được rồi, phen này mi có chạy lên đằng trời!... Dứt nhời, múa tít siêu đao, xông lại đánh Tô Hoàng. Tô Hoàng bấy giờ không còn hồn vía nào nữa, chỉ một mực che đỡ, để hòng tìm đường trốn chạy. Nhưng vì đao pháp của Lã Tùng lợi hại quá, nên mới có mươi hợp, mà Tô Hoàng đã bị một nhát siêu đao chém sạt mất cả một cánh vai, kêu rú lên một tiếng lộn nhào xuống ngựa mà chết. Bọn Hổ Chùy, Ban Chừng đều đâm xổ cả lại, định cướp lấy xác Tô Hoàng, nhưng cũng không thể sao chống được với Lã Tùng, chỉ một thoáng mắt, cả 2 tướng đều đã làm con quỷ không đầu! Giữa lúc đó, Bà Nàng đã đem quân khinh kỵ đánh ập vào thành. Lục Qua liệu thế không thể chống được, đành mở cổng thành xin hàng. Bà Nàng liền rước Đức Mệ vào thành tạm nghỉ rồi đánh trống thu quân, và treo bảng yên dân. Vì mấy ngày dòng dã ba quân không được nghỉ ngơi chút nào, nên ngày hôm sau Đức Mệ cho quân đóng lại ở Tây Vu nghỉ hai ngày, rồi mới bàn đến việc tiến thẳng quân sang đánh Liêu Thụ.

Hồi thứ mười chín

Rửa thù sâu, ba quân phấn phát,
Lên ngôi báu, trăm họ hoan hô

Nói về Tô Định, từ sau khi giết chết Đức ông Thi Sách, tuy có xảy ra việc cướp pháp trường, nhưng cũng tưởng có viên đầu sỏ đã giết chết rồi, còn bọn đồng đảng cũng như rắn không đầu, cũng chả làm nên trò trống gì, nên từ đó lại ung dung tự đắc, tha hồ thi hành việc áp chế dân lành. Cách đó ít lâu, bỗng tiếp được tin mất Chu Diên, mất My Linh, chỉ cách có mấy hôm đã tiếp được giấy cáo cấp ở Khúc Dương, chưa kịp nghĩ được cách cứu Khúc Dương, thời đã tiếp được tin Khúc Dương thất thủ, Tô Hoàng chạy trốn không biết đi đâu. Bao những tin ấy, chỉ dồn dập trong mấy ngày, làm cho Tô Định lo sợ quá, đến nỗi phát ốm. Cả bọn mạc khách bấy giờ cũng hình như mất cả trí khôn không còn ai dám nói thánh nói tướng gì nữa. Chỉ cứ cùng nhau khoanh tay để chờ Tô Định truyền lệnh. Chính đang lúc trên dưới loanh quanh như kiến bò trên que củi cháy, lại tiếp được tin Tây Vu thất thủ, Tô Hoàng và các tùy tướng chết sạch, v.v... Tô Định nghe dứt tin ấy, kêu lên một tiếng, thổ uặc ra một bãi máu, ngã lăn chết ngất đi. Người nhà cứu chữa mãi mới tỉnh lại, cố gượng ngồi lên, trông thấy tướng tá đứng xúm cả lại xung quanh, Định liền cất tiếng run run nói: Trước kia ta tưởng đã giết chết được Thi Sách, là có thể tan được loạn đảng rồi. Không ngờ con vợ nó mà lại có cái tài cán hơn chồng, mới có mấy ngày nay mà lấy mất 4 huyện, giết hại của ta biết bao nhiêu là quân tướng. Lại như Tô Hoàng, một bực văn võ kiêm toàn các hàng tướng tá ở đây chắc không ai bì kịp, thế mà cũng đến nỗi thiệt mạng về tay nó. Vậy bây giờ các ngươi nên kịp liệu dùng kế thế nào để đối địch với nó mới được. Chứ Tây Vu nó đã lấy rồi, thời chỉ nay mai là nó kéo quân sang tới đây đó. Tô Định nói xong, các tướng đều cứ nhìn nhau không ai nói gì. Tô Định gắt lên rằng: Các ngươi lặng im không nói gì thế là nghĩa thế nào? Sao lúc bình nhật thời ai cũng tự thánh tự thần, coi người không bằng nửa con mắt, đến lúc có việc thời đều câm miệng hến cả thế là nghĩa lý gì? Các tướng thấy Tô Định gắt, thời đều sợ run lên, bỗng mãi tận phía ngoài, có người nói to lên: Mạt tướng bất tài, xin đem quân bản bộ đi, quyết lấy đầu Trưng Trắc. Dứt tiếng nói, ai nấy đều ngảnh ra trông mới biết người ấy là Chương Bưu. Một

viên mãnh tướng, có tiếng ở vùng Bắc Tế mới sang Giao Chỉ theo Tô Định được chừng 5, 6 tháng.

Tô Định thấy Chương Bưu xin đi thời rất mừng, liền bảo giáo trường, tuyển lấy 3000 quân tinh nhuệ, và cấp thêm cho 20 viên nha tướng theo lệnh chỉ huy. Rồi lập tức ngay chiều hôm ấy, đem quân ra cách thành 10 dặm hạ trại, để chờ nghinh địch quân Nam.

Nói về Đức Mệ cho quân sĩ nghỉ lại ở Khúc Dương, để chỉnh đốn lại lương thực khí giới. Đúng sáng ngày mồng 3 thời khởi tất cả đại binh sang đánh Liêu Thụ. Khi sắp ra đi, Đức Mệ phát thệ ở trước ba quân rằng: Quân của ta đây là quân phục thù tuyết sỉ, đã cùng ta đồng tâm theo nghĩa, hễ ai còn sinh dạ cá lòng chim, thời trời chu đất diệt! Dứt tiếng nói, cả ba quân đều dạ ran lên như sấm. Ngừng lại độ dập bã trầu, Đức Mệ lại cất tiếng dõng dạc nói: Thành Liêu Thụ là nơi thủ đô quận Giao Chỉ, phá được Liêu Thụ, tức là các nơi khác cũng đều nứa trẻ ngói tan. Vậy trên dưới chúng ta nên gắng sức một phen này nữa, để đem lại sự thái bình cho muôn họ. Dứt câu ấy, ba quân lại dạ ran như sấm, rồi tiếp luôn một hồi trống trận nổi lên, Đức Mệ ngồi trên voi, phất ngang lá cờ, tức thời cả ba quân kéo đi, đều răm rắp, chỉ nghe thấy những tiếng gươm giáo va chạm vào nhau, cùng tiếng chân người reo sình sịch, tiếng vó ngựa nện lốp cốp, còn người thời không nghe thấy một tiếng thì thào... Vào khoảng giờ Tị ngày mồng 5 thời quân tới Đang Sơn, thấy có một dãy trại quân Hán, đóng chặn ngay giữa đường. Đức Mệ liền truyền dừng quân hạ trại, rồi đổi voi sang ngựa, lên thẳng trên ngọn Đang Sơn để ngắm xem thế lập trại của quân Hán thấy một dãy trại đóng thành hình chữ nhất, tựa lưng vào một khu rừng cỏ tranh, phía bên tả khu rừng tức là lối về thành Liêu Thụ, nhưng phải qua con sông Lương mới sang được bên kia... Đức Mệ đương ngắm nghía, thời thấy quân sư Tư Nguyên cũng phới ngựa lên tới nơi. Sau khi ngắm nghía một hồi lâu, Tư Nguyên chỉ vào trại quân Hán cười nói với Đức Mệ: Tướng Hán chỉ quen dùng cái bộ dạng để nạt người, thật ra cả cách hành quân lập trại cũng không hiểu. Đức Mệ nói:

– Cứ y quân sư thời coi toán quân này thế nào? Tư Nguyên ung dung nói: Nó đã muốn làm "cá nướng" thời cho nó làm "cá nướng" có hề gì. Đức Mệ mỉm cười gật đầu nói:

– Phải đó! Chính hợp ý tôi...

Tối hôm ấy, Đức Mệ lên trướng, gọi Mặc Sài, Đồ Kình đến

bảo rằng: Cho hai người, mỗi người đem 150 quân vòng qua núi Đọi, sang bến sông Lương. Ở đó có một khu đồi rậm sẽ đem quân vào mai phục. Vào khoảng gà gáy đêm nay, hễ lúc nào nghe có tiếng người ngựa đến nơi, khá lập tức đem quân phục ra mà đánh rồi cho chúng xuống sông, đừng để cho nó còn sống sót một tên nào. Mặc, Đồ hai tướng vâng lệnh lui ra, Đức Mệ lại gọi Lã Tùng, Lê Mậu đến truyền rằng: Hai người khá đem quân bản bộ đi vòng đường tắt, đến trái đồi ở đằng sau trại quân Hán, chờ lúc nào tướng Hán xuất quân đi đã xa rồi, tức thời phóng hỏa đốt khu rừng ấy lên, rồi đem quân tức tốc vòng ra bến sông Lương, hiệp sức với toán quân Mặc Sài và Đỗ Kình. Hai tướng lĩnh mệnh lui ra. Đức Mệ liền cùng Bà Nàng và tất cả các tướng tá, dẫn quân phục khắp chung quanh đại trại để phòng quân Hán đến cướp thời tập kích.

Nói về Chương Bưu vừa mới hạ trại được 2 ngày, thời thấy đại đội của quân Nam kéo đến. Bưu cứ án binh bất động để xem cách hành động của quân Nam ra sao. Sau nghe báo: "quân Nam còn hạ trại, chưa tiến binh, v.v...". Chương Bưu cười nói với các nha tướng: Bọn tướng mọi nó cậy được cứ đi tràn, không còn lo nghĩ gì đến khí lực của quân sĩ. Bây giờ đến đây, không khiêu chiến ngay, lại còn hạ trại, chắc là đi đường đã mệt, không thể đánh nhau ngay được. Âu là ta thừa lúc chúng nó còn mệt này, đem quân cướp trại, giết sạch bỏ chúng nó đi. Việc tiễu diệt càng chóng được ngày nào, tức là đỡ lo cho quân ta ngày ấy.

Bọn nha tướng nghe Chương Bưu nói cũng đều lấy làm phải. Rồi đến đêm hôm ấy, Chương Bưu chỉ lưu một tên nha tướng với 200 quân thủ trại, còn tự mình với 19 viên nha tướng thống xuất đại binh đi cướp trại.

Khi đến gần trại quân Nam, Chương Bưu chỉ huy quân sĩ đánh trống reo hò phá cửa trại xông vào. Chẳng ngờ vào đến nơi thời té ra là một trại không... Bưu thất kinh buột miệng kêu: Thôi hỏng rồi! Ta trúng kế quân địch rồi, lui mau! Lui mau! Vừa dứt tiếng kêu, 4 bề pháo nổ, quân Nam phục ở xung quanh đều đánh ập cả vào. Quân Hán bấy giờ chỉ còn có một cách là tìm đường trốn chạy, không còn dám luyến chiến nữa! Chương Bưu tay vung đại phủ đánh lộn lên như con sư tử dữ, để phá lấy vòng vây, quân Nam hễ tên nào sán gần tới nơi, phi bị mất đầu thời bị sòi ruột. Giữa lúc đó, bỗng một viên nữ tướng, đầu bịt khăn trắng, mình mặc áo xanh, cưỡi trên con ngựa

hồng, hai tay múa tít hai thanh "Thanh bình bảo kiếm" vụt tới trước mặt Chương Bưu thét to lên rằng: Bớ tặc tướng! Mi đã rõ mặt Lê Chân chưa?

Dứt tiếng thét, một thanh kiếm đâm thẳng ngay vào giữa ức Chương Bưu. Chương Bưu, đang lúc đánh giết sướng tay, bỗng thấy một viên nữ tướng vụt đến, chưa kịp ngắm nghía xem vẻ người thế nào, thời đã bị một mũi kiếm áp tới, vội giơ đại phủ lên đỡ, rồi hai tướng quay vào đánh nhau tới hơn 20 hợp vẫn chưa chia được thua. Bỗng một tên quân đi theo sau, chỉ về phía Bắc kêu to lên:

– Bẩm tướng quân, nguy to rồi! Trại của ta đang bị đốt cháy!

Bưu nghe tiếng vội ngảnh lại, quả nhiên thấy trại của mình lửa cháy lên ngất trời... Bưu không giám luyến chiến nữa, vội gạt ngang ngọn búa tháo chạy... Lê Chân vừa toan đuổi theo, bỗng nghe có tiếng gọi lanh lảnh:

– Chị Lê! Đức Mệ truyền để mặc cho tặc tướng chạy, không cần phải đuổi. Lát nữa, thế nào nó cũng chết...

Lê Chân ngảnh lại thời té ra Ái Nương. Vội quay ngựa cùng Ái Nương chạy tới chỗ Đức Mệ...

Nói về Chương Bưu chạy thoát khỏi vòng vây, biết là trại đã bị đốt, vội kéo tàn quân theo đường chính để chạy về thành. Khi tới bến sông Lương Giang, thời đã vào khoảng đầu canh năm. Chương Bưu vừa sai quân đi tìm thuyền để qua sông, bỗng nghe thấy liên thanh pháo nổ, rồi bên tả có toán quân Đỗ Kình đánh tới; bên hữu có toán quân Mạc Sài đánh lại. Hai toán sinh lực quân ấy, đều hăng hái dũng mãnh như hùm beo, quân Hán đành cứ ngửa cổ ra để chịu giết. Còn sót tên quân nào, thời đều đâm đầu cả xuống sông, chết như cá "đổ sở"... Chương Bưu bấy giờ không còn một chút gì là can đảm anh hùng, vừa nghe tiếng pháo nổ là đã vội tìm đường tháo chạy. Chẳng ngờ gặp ngay cả Đỗ Kình và Mặc Sài áp tới. Hai tướng đồng thời dơ binh khí lên đánh. Chương Bưu cố hết sức chống đỡ, được tới hơn 20 hợp, thời bỗng một mũi siêu đao của Mặc Sài đã đâm trúng thẳng vào ức Chương Bưu, tức thời Bưu từ trên lưng ngựa ngã ngửa xuống đất.

Tiếp luôn một siêu đao nữa, đầu của Chương Bưu đã cầm ở trong tay Mặc Sài... Vừa lúc đó, bỗng nghe ở đằng sau có tiếng gọi:

– Đỗ, Mặc hai bác! Đã giết được tặc tướng chưa đấy? Mặc Sài

vội quay lại trông thời là Lê Mậu và Lã Tùng. Mặc Sài liền giơ đầu Chương Bưu lên nói:

– Đầu thằng Chương Bưu đây rồi. Chẳng hay hai bác ở đâu mà đến được chóng thế? Lê, Lã liền thuật công việc đi đốt rừng gianh và đốt trại quân Hán cho hai người nghe. Rồi cùng nhau thu thập lấy khí giới của quân Hán, kéo về đại trại phục mệnh. Vừa đi được một quãng thời trời đã sáng rõ, liền dừng cả lại cho quân sĩ ăn uống; đương ăn thời đại đội binh mã của Đức Mệ đã kéo tới nơi. Mặc Sài đem đầu Chương Bưu ra nộp. Đức Mệ nói:

– Thằng Tô Định nó chỉ còn ỷ trọng vào có một tên này. Tên này chết thời Tô Định thật là hết cậy. Nhà ngươi truyền cho quân sĩ mang theo, để lát nữa đến Liêu Thụ, sẽ đem bêu lên trước thành, ta chắc chỉ nội nhật ngày nay sẽ lấy được Liêu Thụ. Nói rồi, lại cất quân đi, hạn đúng giờ ngọ ngày hôm ấy, thế nào cũng phải tới chân thành Liêu Thụ để tiến đánh. Nói về Tô Định sau khi sai Chương Bưu đi rồi, trong lòng cũng vẫn còn lo ngay ngáy, bắt bọn biệt giá, mạc khách, ở luôn trong dinh để ngày đêm trù hoạch kế sách.

Nhưng càng bàn càng nát, càng nói càng nhàm, quanh đi quẩn lại vẫn chả bàn được một kế gì hoàn thiện. Hôm ấy, cũng đang lúc bàn bạc, bỗng viên quan phòng thành hoảng hốt chạy vào bẩm: Bẩm... bẩm đại nhân... đằng... đằng phía Tây có... có đám bụi mù hình như có một toán binh mã rất đông kéo tới... Tô Định nghe xong, giật nẩy mình, vội cùng mấy viên thân tướng lên địch lâu trông ra, trông thấy một toán quân y phục, khí giới, kỳ xí, toàn dùng một sắc trắng, cuồn cuộn kéo đi, như làn nước thủy triều dâng lên buổi tối... Định thấy vậy thời cứng đờ người ra mãi một hồi lâu, mới nói lên được: Đích... đích là quân Nam rồi, thế... thế không biết toán quân của Chương Bưu thời đi đâu? Vừa dứt nhời, mấy tên thám tốt phi ngựa về tới dưới thành, Định vội truyền chúng lên hỏi, chúng liền thuật rõ toàn quân Chương Bưu chết hết cho Định nghe... Định nghe xong thời tái hẳn người đi, run lên cầm cập... Bọn liêu thuộc, mặc khách, biệt giá thấy cái tình hình chủ tướng như thế, biết là chả làm nên trò trống gì, sợ nữa cháy thành thời vạ lây, đều cứ thoái thác lẩn lút dần. Kịp đến lúc quân Nam áp tới ngoài thành, xung quanh Tô Định không còn sót người mưu sĩ nào nữa. Ngảnh đi ngảnh lại chỉ còn mấy viên tùy tướng là hạng người còn có can đảm đôi chút, khoanh tay đứng chung quanh, Định thở dài cất tiếng run run lên nói:

– Thế nào? Các ngươi còn có kế sách gì cứu thầy nữa không? Hay chỉ lúc bình thì đòi ăn lương bổng cho nhiều, đến khi hữu sự thời co cẳng trốn trước. Bọn tùy tướng đồng thanh nói: Xin chúa công chớ ngại, nếu vạn nhất thành vỡ, chúng con cũng quyết cứu thoát được chúa công đưa về bản quốc... Chính đang lúc chúa tôi bàn bạc, thời đã nghe ở nhà trong tiếng khóc như ri... Định nghe tiếng như dao cắt ruột, vừa toan chạy vào an ủi vợ con... Bỗng mấy tên quân hoảng hốt vào bẩm: Bẩm... bẩm quan lớn! Nguy to đến nơi rồi! Quân Nam vây bọc cả thành. Chúng bêu đầu ông Tô Hoàng và đầu Chương Bưu lên cả trước cửa thành... tình thế rất gấp, xin quan lớn định liệu... Tên quân ấy vừa báo dứt nhời, thời lại mấy tên quân nữa vừa chạy vừa kêu:

– Bẩm... bẩm... thành... thành vỡ rồi! Có... có... mấy viên nữ tướng, và mấy viên tướng đàn ông trẻ tuổi, đều từ mặt đất dăng tót lên mặt thành, chém giết quân ta rất nhiều... Rồi... rồi họ mở cổng thành cho quân ngoài kéo ùa vào. Có... có cả hai người con gái cưỡi hai con voi tiến vào thành, hiện đã vào tới giáo trường rồi!...

Tô Định bấy giờ đã hình như người chết, cứ đờ người ra không nói năng gì, bọn tùy tướng vội lột bỏ cả mũ áo, và khoác lên mình Định một cái chăn rách, rồi cõng sốc lên vai, chạy tốc ra cổng sau thành tìm đường trốn tránh. Lúc đó, người đi theo Định có 7 viên tùy tướng, 4 viên nha tướng, 76 tên thân binh, cùng một tên lão bộc, cộng tất cả không đầy một trăm người. Vừa chạy đến Xuối Rúc, cách thành chừng một trăm dặm, bỗng có một toán quân vùn vụt từ đằng Tây Bắc kéo đến. Đi đầu một viên thiếu niên tướng quân toàn thân giáp trắng, mắt phượng môi son; tay cầm chiếc tử kim thương, cưỡi trên con ngựa long câu. Viên tướng ấy trông thấy bọn quân Hán thời thét lớn:

– Bọn giặc Hán kia, mi định chuồn đi đằng nào? Có thằng Tô Định đấy không hử?

Mấy viên tùy tướng biết thế không thể địch được, liền lạy thụp xuống cả bên vệ đường, rồi một tên ra trước nói:

– Chúng tôi đây là bọn khách thương, chỉ biết chuyên việc buôn bán. Bấy lâu bị bắt ức làm quân, chúng tôi rất lấy làm khổ sở? Giờ gặp lúc binh lửa nổi lên, chúng tôi thừa cơ trốn tránh, định về nước tìm kế sinh nhai. Chứ thực không giám đánh chác gì... Xin tướng quân tha chết cho... Còn Tô thái thú thời chúng tôi nghe nói bị chết ở trong đám loạn quân rồi...

Giữa lúc tên tùy tướng ấy đứng lên nói, thời các tên cõng Tô Định kia đã phải dúi Tô Định xuống nằm dưới bụi cỏ bên vệ đường, chẳng may nằm phải giữa bụi gai chọc suốt cả vào mày mặt, đau buốt vào tận ruột...

Nhưng vẫn cứ phải nghiến răng không dám kêu...

Viên thiếu niên tướng quân ấy nghe xong, gật đầu mà rằng:

– Ừ, thôi chúng bay tội tình gì mà ta giết. Nhưng sau khi ta đã sinh phúc cho, nên về mà bảo nhau, từ rày đừng có tham của Giao Chỉ nhà chúng tao nữa nhé!...

Dứt nhời, giơ thương lên vẫy một cái, rồi phóng ngựa đi, cả toán quân đều răm rắp theo sau. Thế là bọn tùy tướng của Tô Định đã cứu thoát được Tô Định đem về Trung Quốc.

Vị thiếu niên tướng quân ấy tức là Mặc Sài. Vì vâng lệnh Đức Mẹ đi phòng tiệt các nơi hẻo lánh, sợ còn sót đám quân Hán nào trốn tránh vào miền dân gian để làm hại dân chăng?... Chẳng ngờ về đến đấy lại gặp Tô Định, lại để cho Tô Định trốn thoát, kể cái phúc của nhà Tô Định thật cũng còn to.

Nói về sau khi Đức Mẹ đã hạ được thành Liêu Thụ, tìm không thấy Tô Định đâu, các tướng tá chỉ bắt được bọn gia quyến nhà Tô Định, đem ra nộp, xét trong sổ danh sách thì có:

1. Lưu thị, mẹ Tô Định, 76 tuổi.

2. Mã thị, Mao thị, vợ cả và vợ lẽ Tô Định; còn bọn tỳ thiếp, a hoàn 42 người.

3. Tô Ái Liên, Tô Nhược Liễu, Tô Lệ Xuân, ba em gái Tô Định.

4. Tô Hoàng, Tô Phát, Tô Mậu, Tô Lân, Tô Trạch, 5 con trai Tô Định.

5. Các gia đình nô bộc cả thảy 57 người.

Còn của nả thời không biết bao nhiêu mà kể, Đức Mẹ truyền điệu mẹ, vợ cả, vợ lẽ, và các em, các con Tô Định về cả bên My Linh giết chết lấy đầu, tế trước mộ Đức ông Thi Sách và các tướng tử trận. Còn bọn gia đinh, a hoàn, đều tha cho về nước. Của nả thời phát ra khảo thưởng ba quân.

Sau khi đã thu phục được thành Liêu Thụ, Đức Mẹ nghe lời quân sư Nguyễn Tư Nguyên sai Mặc Sài đem quân đi lược định quận Nam Hải; sai Lê Mậu đem quân đi lược định quận Thương Ngô, sai Lã Tùng đem quân đi lược định quận Uất Lâm; sai Đô Dương đem

quân đi lược định quận Hợp Phố; sai Duẫn Thừa và Mặc Sài đi lược định quận Cửu Chân; sai Lương Hoàng và Đỗ Kình đem quân đi lược định quận Nhật Nam. Tất cả 6 đạo quân, mỗi đạo thủy lục binh mã 800. Trước khi các tướng kéo quân đi, Đức Mệ đã cậy Tư Nguyên thảo một bài hịch cho truyền niêm yết đi khắp cả 6 quận, để làm kế "tiên thanh đoạt nhân". Quả nhiên, các tướng đi đến đâu, thành công đến đấy, chỉ trong vòng 1 tháng 20 ngày mà đã thu phục được hết 6 quận cùng với quận Giao Chỉ thu phục được trước nhất là 7. Tờ báo tiệp đưa về Liêu Thụ hết ngày ấy sang ngày khác, phấp phới như bươm bướm. Thật là một cảnh tượng rất náo nhiệt, khắp từ thành quận, dưới đến thôn trang, đâu đâu cũng hiện ra một cái vẻ khoái lạc tưng bừng, già trẻ vui cười, gái trai hớn hở, ai ai cũng tự thấy là vui sướng, mà phần nhiều đều không biết là vui sướng bởi tự đâu...

Cách đó chừng hơn hai tháng, thời các đạo quân các nơi, đều đã khải hoàn về cả quận thành Liêu Thụ.

Các hàng văn võ tướng, các hàng lang, chiếng các nơi, các hàng bô lão trong nước, vì cảm cái ân đức cứu chìm vớt đắm của Đức Mệ, phục cái chí khí vì nước hy sinh của Đức Mệ, đều cùng nhau dâng biểu tôn Đức Mệ lên làm Vua.

Đức Mệ thấy lòng người như vậy, không lẽ từ chối, vả nghĩ nhà thời phải có nóc, nước thời phải có vua. Ngôi vua sở dĩ đặt ra, cốt để kén lấy một người đảm đang mọi việc khó khăn cho dân nước, lo lắng mọi đường hạnh phúc cho giống nòi. Ở trong nước bấy giờ hiện chưa có ai có thể đương được cái trọng trách ấy. Mình tuy phận gái, nhưng nhờ trời đất chở che, tổ tiên ủng hộ, đã khôi phục được non sông ở trong tay người Tầu áp chế; giờ toàn dân trong nước còn đương như người ốm mới khỏi, nếu vụng cách điều dưỡng, sao cho khỏi ngã lại đau thêm. Âu là ta hãy cứ tạm nhận ngôi vua ít lâu, hãy lo công việc trong nước cho thập phần hoàn thiện đã, bấy giờ ta sẽ tìm người hiền đức nhường cho ngôi báu, rồi trở về vui thú cảnh lâm tuyền. Như thế lòng ta cũng mới yên, mà chí ta cũng mới thỏa.

Vì nghĩ vậy, nên Đức Mệ liền chuẩn lời yêu cầu, truyền cho quân sư Tư Nguyên chọn ngày làm lễ đăng quang.

Sau khi Đức Mệ đã lên ngôi báu rồi, liền phong cho Bà Nàng làm Bình Khôi Công chúa; Tư Nguyên làm Quân sư bình chương Quân quốc trọng sự; Mặc Sài, Lã Tùng, Lê Mậu, Đỗ Kình làm Phiêu kỵ tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ, Lương Hoàng làm Hoàng môn

lang, tùy theo với quân sư để tham tán nhung vụ; Đô Dương làm Ngự tiền hộ vệ, Lê Chân, Ái Nương, Đỗ Tiểu Mai đều làm Phấn dũng phu nhân, đối hàm bằng chức thượng tướng; còn các tướng tá khác thảy đều có phong thưởng rất hậu.

Việc đăng quan và phong thưởng xong, Trưng Vương liền giáng chiếu dời đô về My Linh và định việc thiết quan phân chức, ban bố tờ chiếu "Canh tân" ra khắp toàn quốc. Khắp toàn quốc trẻ già, trai gái, vô luận là khôn ngoan hay đần độn, ai ai cũng cùng nhau nói một câu:

"Thôi thế là từ nay trở đi, nước ta lại được là nước ta, nòi giống chúng ta không phải làm trâu ngựa cho người Hán nữa!"

Nhà in Nhật Nam, Hà Nội, 1936.

PHẦN THỨ HAI

TẶNG BẠN CHÁN ĐỜI

(Câu chuyện tự tử)

TƯƠNG PHỐ [1]

Mưa sầu từng trận, gió thảm từng cơn, trường khổ não từng phen gan đứt ruột, khóc đoạn trường đã khô nước mắt, nỗi đau đớn tưởng như sức mình không tài nào chống lại được nữa. Bể trầm luân chơi vơi con sóng nổi chìm quá chán, một hai tôi những toan bài quyên sinh. Thường nghĩ rằng kiếp người nặng nợ, sống ngày nào khổ ngày ấy. Vả hữu sinh hữu tử, đã có khóc oa là có chết, thời một sự chết của con người ta, chẳng trước thì sau, kíp chầy âu cũng một lần, tài vệ sinh [2] cho lắm, hạn đến trăm năm cũng phải già! Song, sống mà biết có sinh thú, thì dẫu trăm năm rồi lại trăm năm nữa, cũng vẫn khát khao còn muốn sống. Sống mà không được vui được sướng, khổ điều này khổ điều khác, nay thở ngắn mai than dài, có tủi có nhục, đeo lo đeo nghĩ, thì chẳng những hai vai giá áo, con tỳ túi cơm [3], đã nặng nề với việc sống, mà cũng thêm vất vả tấm thân nữa. Tôi vì hay nghĩ vẩn vơ thế, rồi từ đấy cũng có cái tư tưởng chán đời, muốn tự sát, hơi có điều phiền muộn chán nản, hoặc mới đau đớn thất vọng, khổ đến thân, vất vả đến lòng là nghĩ ngay đến cái chết. Thân tôi dẫu là của tôi, nhưng không khác gì trứng để đầu đẳng, vì lòng tôi đã không thiết sống, thì cái chết nó muốn kéo tôi đi lúc nào mà chẳng được.

Một lần nhân vì thi hỏng, buồn quá. Một lớp hai mươi người văn bài xưa kia tôi vẫn đầu lớp, tuồng văn đua bút dẫu chẳng nói ra, nhưng dạ vẫn đinh ninh đã nắm chắc trong tay cái "thủ khoa".

---

1. Đỗ Thị Đàm, bút danh Tương Phố là một nhà thơ hơn là một nhà viết truyện. Tuy nhiên, trong phong trào viết truyện, bà cũng được chú ý. Trong số những truyện quen biết: *Một giấc mộng, Mối thương tâm của người bạn gái, Tặng bạn chán đời...* chúng tôi chọn chuyện sau cùng, vì trong nội dung có những lời khuyên xử thế bổ ích.

Xin xem thêm tiểu sử và thơ Tương Phố trong phần đầu của tập này.

2. *Tài vệ sinh:* tài gìn giữ sự sống, bảo vệ cuộc đời mình.

3. *Hai vai giá áo, con tỳ túi cơm:* hai vai của mình như một cái giá, một cái mắc áo để treo áo, cái dạ dày của mình như một cái túi để chứa cơm. Ý nói, sống không được việc gì có ích cho đời chỉ tốn áo, hại cơm.

Không ngờ treo bảng, bạn mười sáu người đỗ, người lẹt đẹt nhất lớp xưa ấy cũng đỗ mà tôi thì "vỏ chuối" [1]. Ôi! Thi không ăn ớt thế mà cay. Cay thật! Nhưng nào có phải là cay đâu, ruột gan của người hỏng thi không nát mà nát, không đau mà đau, chán như cơm nếp, nguội như tro tàn, tưởng trong thế gian dễ không có cái thất vọng nào to hơn cái thất vọng của người thi trượt. Tôi non nước mắt quá, từ lúc xem bảng không thấy tên mình, hai hàng nước mắt cứ như mưa rào, nỗi lòng thổn thức ngăn không được, khóc từ đấy khóc về. Chưa về đến nhà đã nghe nhôn nhao hàng phố đồn rầm: có hai người thiếu niên nam tử thi không đỗ tự tử, một người đâm đầu xuống giếng, một người uống thạch tín cùng chết cả. Tôi đương khi cũng chán sống, nghe tin ấy cho cái chết của hai người thiếu niên kia thực có vị quá. Đường trường ngẫm nghĩ thân mình, ngao ngán bao nhiêu tủi bấy nhiêu. Bước chân về đến nhà, được ngay cái nguýt yêu của bà dì ghẻ. Dì tôi xưa nay vốn không ưa tôi, cái cảnh làm con chồng của tôi thực gay gắt quá, nên tôi thường than thở mà nói ra miệng rằng: "Nếu tôi được đỗ, bổ làm cô giáo, thì sẽ xin đổi lên Vân Nam, sang Cao Miên, sang Lào cho khuất mặt". Dì tôi vẫn căm tức mấy lời nói ấy, nên thấy tôi thi trượt càng ghét ngon. Luôn ngày hôm ấy lại bị mấy trận dày vò nữa. Công danh có điều trắc trở, gia đình có nỗi bực dọc, thân mình có cái cảnh khổ, lòng mình có nỗi chán còn sống làm gì? Tôi không hiểu lúc bấy giờ lòng tôi nhạt nhẽo cảnh đời thế, không thiết gì nữa, nghĩ nếu ba vạn sáu nghìn ngày cùng thế cả thì cái sống ở chốn nhân gian này gay gắt lòng người biết mấy mươi!

Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương.

Thôi, tôi chỉ chết thôi. Bên song ngồi rũ, giọt lệ chứa chan, trông ra trời đất vô tình, càng nghĩ càng buồn, ngẫm thân mình, chán cả cuộc đời, quyết lòng rũ nợ trần ai. Bèn đem sự tình kể hết với con nữ tỳ tâm phúc là Ái nô, khóc cùng nó, than cùng nó, sai nó mua dấm thanh thuốc phiện, bắt nó phải thề không được lộ chuyện với ai.

Ái nô là đứa con gái thông minh, biết chữ quốc ngữ, khi nhàn thường chịu khó xem sách, nên văn chương võ vẽ, chuyện đời cũng biết một hai, tôi rất tin yêu, riêng coi như người bạn gái chốn khuê phòng, gió sớm trăng hôm, trong vui buồn thường lấy nó làm

---

1. *Vỏ chuối:* thi trượt, thi hỏng. Vỏ chuối dẫm phải thì trượt chân.

tri kỷ. Duy nó hơi bẻm mép hay già lý sự; tuy vậy đời tôi được có nó cũng thú vị lắm.

Hôm ấy rắp lòng chết, cửa nhà các việc về sau đều bàn tính với Ái nô xong xuôi cả. Định bụng nhịn thông cả hai bữa cơm, để thuốc phiện đêm chóng ngấm. Suốt buổi trưa chiều nằm lỳ trong phòng, còn bao nhiêu nước mắt tuôn ra hết, khóc rồi lại khóc, đến nỗi chăn gối đầm đìa châu lệ rỏ. Tâm sự như tro tàn, cảnh vật quanh mình thê lương, thảm đạm, gục đầu khóc mãi, trời đã tối mịt mà không biết. Nghe thấy kẹt cửa, ngửng trông ra, ánh đèn "măng sông" sáng chưng cả buồng, con Ái nô miệng mủm mỉm bưng vào một mâm rượu, tôi liếc trông mâm, toàn món ăn sang cả, nghĩ bụng con này giễu mình, giận quá, gắt lên bảo rằng:

– Cái bụng ta bây giờ có phải bụng cơm rượu nữa đâu, mày khéo vẽ lắm, bưng ra. Mày thấy tao sắp chết, mày hí hởn lắm đấy. Tao chết rồi, tha hồ mày cao lương mỹ vị!

Nó thấy tôi giận, đặt mâm cơm trên bàn, đứng lẩn vào bên cái màn gió nói:

– Tôi cũng biết chán đời đến như cô trong lúc này là cực điểm, đời còn chẳng thiết, thì có thiết gì đến cơm. Nhưng mâm rượu này quả là bụng thành của tôi, xin cô lượng cho. Nghĩa tình bảy tám năm trời, chốn đài trang, vui hầu gương lược, nay nhất đán cô đi, tôi ở lại, sinh ly còn não nuột thay, tử biệt [1] nữa chẳng đứt lòng ru? Tuy vậy cô đã là người khảng khái không sợ chết thì tôi dẫu tiếc cô, cũng không đành sa châu lệ ngậm ngùi tử sinh. Vả con người ta chết chẳng qua là về, quê hương người đời nào phải ở chốn nhân gian này, ai đi cứ việc mà đi, thương xót phỏng làm gì? Làng mây quán nước, kẻ trước người sau, mai đây gương lược, cũng có ngày tôi lại gặp cô, nghĩ như thế là đành lòng rồi, nên hôm nay tôi đã định thu châu lệ, bỏ hẳn thói thường tình nhi nữ, nỗi đau đớn vì cô dẫu mấy mươi nữa cũng gan không khóc, chỉ hải vị sơn hào [2] đặt bày mấy món, xin gọi là dâng cô một chén quan hà để ghi cái đêm vĩnh quyết mà thôi.

Tôi nghe lời nó, tin là nó thực tình, không giận nữa, nhưng con ma chết bấy giờ như đã lẩn quẩn bên mình, ám ảnh cả lòng, thì con tỳ vị còn chứa thế nào được cơm, không ăn bảo nó bưng đi. Trằn trọc

---

1. *Sinh ly tử biệt*: chia ly nhau lúc còn sống, biệt nhau, xa xách nhau do cái chết.
2. *Hải vị sơn hào:* thức ăn bằng cá dưới biển và thú trên rừng, thức ăn quí ngon.

thâu canh không nhắm mắt, quá khuya gọi Ái nô lấy thuốc phiện dấm thanh để hòa lẫn với nhau. Nó liền bưng cái khay đến. Trong khay: hai lưng chén hạt mít thuốc phiện, hai chén tống dấm thanh. Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Sao lại hai liều?

Nó đáp:

– Một liều của tôi.

– Mày làm sao mà chết?

– Tôi theo cô!

– Ô hay, con này rõ gàn, điên à? Mày chết theo tao thì thật vô lý quá. Tao bực cảnh gia đình, chán đời chán cái kiếp sống của tao, thì tao chết là phải, chứ như mày việc gì mà chết?

– Nếu tôi đã không nên chết, thì cô cũng không nên chết. Dẫu cô viện lẽ chán đời mà tự tử nữa, cái chết ấy cũng là vô lý, chết uổng chết dại.

Nó nói dứt lời cầm cả hai chén dấm thanh hắt toẹt xuống đất. Tôi sung tiết lên, giận quá, mắng nó:

– Bụng người ta không muốn sống nữa, thì người ta chết, sao lại gọi là chết vô lý, chết uổng, chết dại được? Mày hắt dấm đi, dễ tao không biết cách chết khác chăng. Con này hỗn hào, vô phép quá, tao đãi mày thế, mày lại hóa ra nhờn thế ư?

Nó đứng dậy xin lỗi:

– Hắt dấm đi, tôi quả thực cũng biết là tội vỗ lễ, xin cô vạn xá. Song đến như sự chết này, thì cô nên nghĩ lại. Con người ta sống đã là khó, chết lại càng khó. Có cái chết nặng như núi Thái, cũng có cái chết nhẹ như lông hồng, lẽ nào trước khi mình định một việc chết, lại không cân nhắc, mà cứ chết liều chết lĩnh. Cô muốn chết, tôi không ngăn dám, nhưng cô nghĩ chết thế nào là chết khôn, chết phải, chết đời không nói được, sẽ nên chết. Ví bằng chết dại, chết hoài, chết để miệng thế mỉa mai, thì xin khoan đừng chết vội, ngày rộng tháng dài hãy nấn ná lại cõi đời, gắng làm công kia việc nọ để có ngày được chết một cách xứng đáng thì hơn.

– Ối chao ôi! Con này hiếu danh lạ, đến cái chết mà cũng còn hòng lấy xứng đáng, dính được chút "danh" mới thôi, thời cái cách ở đời của mày ra làm sao, thế thì mày giả dối thật, rồi công việc của

mày làm bấy nay, tao khinh quá, không thể nhận một điều gì là bụng thành của mày nữa, ấy đấy, chán đời vì những lẽ ấy chứ đâu.

– Khốn nạn quá! Cô hiểu lầm hai chữ "xứng đáng" của tôi. Chủ ý tôi chỉ bảo sống ở đời làm cho hết nghĩa vụ mình, để khi nhắm mắt chết được nhẹ nhàng yên ổn. Như cô ngày nay đương độ đầu xanh, chữ hiếu chưa xong chữ tình chưa trọn, nợ đời những vay chưa trả, một tấm thân mình không ích cho mình, cũng chưa được việc cho ai, mà bỗng không mình giết mình đi, thì cô thử ngẫm xem cái chết ấy có đành lòng không?

– Thôi, thôi! Mày lý sự lắm, tao không nghe được, trăm ba mươi sáu cách chết, chẳng qua cũng một chết. Vẽ ra thì nào đành với chẳng đành. Thế nào là chết khôn, chết phải, đời không nói được, mà thế nào là chết dại chết hoài, miệng thế mỉa mai?

– Ý cô thế nào thì tôi không biết. Nhưng tôi thì tôi cho rằng: chết vì nước vì nghĩa vụ là chết phải, chết lưu danh vạn cổ là chết khôn, chết bịnh chết già là chết đời không nói được. Còn như bao nhiêu cái chết khác, như cái chết của những kẻ khinh thân: ngông nhảy xe điện, ngông phóng ô tô, ngông những cách chơi nguy hiểm để đến bị nạn mà chết, hoặc đào tường khoét ngạch, giết người lấy của, làm những sự bất lương để đến chết vì pháp luật; hoặc quyến anh rủ yến, lối tình chơi dại, bị kẻ ghen thù giết chết; cùng là uất ức điều kia khác, phẫn công danh, giận duyên tình, bực gia đình, chán đời tự tử mà chết, đều là chết dại chết liều cả. Cái chết ấy chẳng những toi mạng mình, lại thêm để cho đời mỉa mai.

– Ừ phải rồi! Bao những cái chết ngông chết dại, không đáng chết mà chết, hoặc tự mình có thể tránh được mà không biết giữ mình để đến nỗi chết, thì cái chết ấy đã đành là đáng chê. Nhưng đến cái bụng của người tự tử, vì không kham được sống nữa mới phải chết, thì mày luận cho người ta làm sao?

– Tôi khinh là hạng người nhu nhược, không có đủ cái nghị lực để toan liệu đời việc, lại không có cái can đảm sống làm người, nói tóm lại là không đủ tư cách để sống ở đời. Con người ta sinh trong vòng trời đất, lò cừ [1] nung nấu, lửa nóng than hồng, có chịu được sức lửa than ấy, thì mới nên người gang thép. Nếu hơi nóng đã rát da, hơi phỏng đã nhăn mặt, thì có làm gì những

1. *Lò cừ:* lò lớn của Tạo hóa nung nấu rèn luyện muôn loài.

con người ấy, dù có sống nữa cũng đến vô ích cho gia đình, xã hội, thêm hao nước giếng, tốn cơm trời mà thôi. Cứ như ý tôi, những hạng người đó, cho họ chết bớt đi cũng phải.

– Con này độc miệng lạ! Sao mày phũ lời thế?

– Không phải là tôi độc miệng, nhưng thật là một điều đáng giận. Cô thử nghĩ xem: cái phong trào tự sát ở nước ta trong ít lâu nay hại biết bao nhiêu nam nữ thanh niên rồi. Mà suy cái nguyên nhân những việc tự sát xảy ra hàng ngày, có gì là chính đáng? Kìa như: cậu học sinh hỏng thi tự tử trong nhà khách sạn, cô thiếu nữ hờn duyên trầm mình hồ Hoàn Kiếm, con trai ngông không được cha mẹ chiều vừa ý, con gái hư mẹ mắng quá lời, cũng phẫn thân dấm thanh thuốc phiện liều đời, vợ chồng dày vò nhau, cũng treo dây thắt cổ, đâm đầu xuống sông, lại còn biết bao nhiêu những việc tự sát xảy ra vì những cớ lặt vặt không đâu nữa. Thực là những sự nhỏ nhặt suy ra không đủ bận lòng, mà cũng đua nhau mà chết, thế thì chết để chật đất tha ma thêm một trò cười cho thiên hạ, chứ có hay gì. Tôi cho những kẻ chết ngu ấy là đáng kiếp, dẫu cốt nhục tình thâm cũng không nên thương xót.

– Mày ngoài vòng nên nói giỏi lắm, có biết đâu giăng mắc đời người nhiều khổ sở, bao những nỗi vật vã lòng, khiến người ta không kham nổi mà đến phải chết, há chẳng đáng thương ru? Kia kìa hai chàng thiếu niên thi hỏng tự sát sáng hôm nay, mày chê là hèn, nhưng mày có biết đâu đến cái nỗi thất vọng của người ta.

– Chao ôi! Chí làm trai ngang trời dọc đất, sự nghiệp nam nhi há khoa cử là giới hạn? Mà dù thi hỏng nữa, khoa này chẳng đỗ, khoa sau ngại gì, chỉ lo không có chí thôi, đã thực có chí thì dời núi lấp biển cũng là sự dễ, nữa chi là sự công danh. Cô chắc thế nào cũng nghĩ thương thay hai anh chàng vừa nói trên kia, nhưng tôi thì chê là hạng tầm thường không chí khí gì cả.

– Mày nói tức quá! Thế mày bảo việc chàng sinh viên Cao đẳng năm xưa vì tình nhân phụ bạc mà tự tử thì làm sao? Sống mà đau đớn vì tình như thế, có nên chết không?

– Vì tình uổng phí kiếp người, cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh, cô bảo không đáng chê a! Nam nhi chí khí mà đến thế ru? Tôi khinh.

– Tao cho là chung tình đấy!

– Cô bảo chung tình tôi bảo ngu! Cớ gì làm trai không lo trang trải nợ tang bồng, theo đuổi sự nghiệp của những bậc anh hùng vĩ nhân, để làm vẻ vang cho nhà cho nước, mà lại hoài thân chết vì một đứa đàn bà. Chết như thế vừa bất hiếu với cha mẹ vừa mang tội với xã hội, mà ai khen gì? Mà cũng không phải thế là chung tình, gái kia xưa nặng ước cùng mình, nay gột dạ ái ân yêu đương người khác như vậy thì con người ấy còn tình gì với ta? Anh chàng nào đó, không tỉnh bụng si, ngẫm điều phải trái, hờn tình mà chết thật là chết ngu!

– Ừ, thiên hạ ngu cả, chỉ mày là khôn. Dễ thường mày cho tất cả những người con gái bực chí trầm mình ở hồ Gươm kia, cũng là ngu cả đấy nhỉ?

– Biết đâu những cô ả ấy không bị cái nọc độc của những tiểu thuyết ngôn tình đông tây nó làm hại. Tuổi xanh hớn hở như hoa trên cành, thiết tưởng đời người con gái trong vòng mười tám đôi mươi là thời kỳ vui sướng nhất, hoa thời phong nhị, trăng đương tròn vành, lòng thơ chan chứa bao hy vọng, làm sao không biết yêu quý cái đời thanh xuân ấy, trong thâm khuê vui thú chỉ kim, dưới ngọn đèn suy câu nữ huấn, sửa dung nghi trau dồi đức hạnh, noi gương nữ kiệt, học gái anh thư [1] để vẻ vang hai tiếng thoa quần [2] có hay không? Ai bảo dại một đời lỡ một lầm hai, để đến đầu xanh chưa tội, mà đã tủi phận hờn duyên, hồ Kiếm sông Hồng, chìm châu nát ngọc, một mảnh hồn oan dìm đáy nước, thu đông lạnh lẽo, ai xót ai thương?

– Mày liến thoắng lý sự, không còn nhường lẽ phải phần ai nữa. Nhưng thôi việc người khác không nói làm gì, sống chết mặc ai. Tao chỉ hỏi mày cái việc chết của tao đêm nay, mày có biết ruột gan tao nát cả rồi không, sự sống đối với tao là cái tội, kiếp trần đeo đuổi tao chán đã lâu rồi, tao định bỏ cái đời này không đa mang gì nữa, lưỡi mày còn dẻo, múa mép nữa đi, tao hoãn một đêm chết để nghe chuyện mày!

Nó nói:

– Múa mép với ai, chứ đâu dám múa mép với cô. Nhưng cô làm sao mà đến nỗi chán đời?

– Mày còn lạ gì những điều bực dọc lòng tao: Gia đình ngán nỗi

---

1. *Anh thư:* phụ nữ anh hùng.
2. *Thoa quần:* kim gài tóc và váy, trỏ đàn bà, phụ nữ.

gia đình, tâm sự đắng niềm tâm sự, chuyện đời chuyện nước như cơm nếp nát cả; lại còn bao nhiêu những nỗi sinh ly tử biệt, gió mưa tháng ngày, đều dồn đến cả một lòng tao mà dày vò, mày nghĩ đời người thế ấy vui gì mà say, ai bảo thế vị ngọt bùi, tao cho mùi đời toàn chanh với ớt cả, bấy lâu nay chua xót lòng tao thực đã nhiều, thôi! Tao chán lắm rồi không thể nào yêu được cõi đời này đâu.

– Chết nỗi cô ơi cô nghĩ lầm. Đời chẳng qua một trường khổ não, mà con tạo hóa kia muốn mang ta đến đấy để ma lệ [1] lòng ta, cõi nhân gian nào phải là nơi cực lạc thế giới mà rằng cầu lấy toàn vui, toàn sướng. Song le bao những sự khổ sở phiền não ở đời này, tôi cho rằng con người ta có thể lấy sức nhẫn nại vượt qua được cả, hà tất phải thở ngắn than dài. Thay đắng làm ngọt, biến giọt lệ làm nụ cười... *xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều cô ạ*.

– Cứ như mày cả, thời cõi nhân gian không có tiếng thở dài, mà kiếp nhân sinh cũng không làm gì có nước mắt. Mày sướng hơn tao đấy.

– Tôi nào đã hẳn may hơn cô. Những điều người đời lấy làm đau đớn, tôi không phải là không từng trải. Nhưng chỉ coi như cái bụi dính ngoài áo, để thì bẩn, rũ đi là sạch. Mà Ái nô của cô, cũng không phải là hạng vô cảm vô sầu, câu chuyện thương tâm cũng đã từng ngậm ngùi sa lệ; hơi may hiu hắt, thu sang tâm sự cũng thê lương, lá trút cành khô, đông tới cũng tiêu điều tấc dạ, như vậy thời có phải là không biết thở dài đâu, nhưng mà ôm lấy một lòng phiền não để đến chết người được, thì tôi không bao giờ nỡ giết mình như thế.

– Mày chưa nếm cái khổ thất vọng đấy thôi.

– Thất vọng nữa thì có làm sao, hở cô? Công việc đời *người chẳng qua một cuộc đánh cờ, được thua thua được là thường*, thua ván này xóa bày ván khác, nước trước thấp, nước sau chịu nghĩ hẳn là cao, chẳng việc gì phải ngã lòng. Vả nếu thiên hạ sự cứ một lần một thành công, một đi một tới đích, thời ai có chuộng gì cái công phu, ai có khen gì đức kiên nhẫn. Ấy tôi cứ nghĩ thế nên mỗi lần thất vọng lại một phen gắng lòng, không hề nản chí bao giờ.

– Phải, được như mi còn nói gì nữa. Như mày thì những nạn sông hồ còn dun dủi được ai, con mạ tự sát cũng chẳng hòng ghẹo trêu. Song tao vốn thuộc về phái yếm thế, nên thường lấy chết làm yên ổn, cho

---

1. *Ma lệ:* mài mòn.

sống là nhọc nhằn. Mày biết vui sống thế, có lẽ không chết đấy nhỉ!

– Khốn nạn, cô đốt tôi [1] ! Sống dai đến ông Bành tổ qua tám trăm năm, cũng là người cổ, nghìn xưa cái chết nào có tha ai. Song người ta sinh ra đời, sống một lần, chết chẳng qua cũng chỉ một lần, cái sinh mệnh đã không vay được thì cái chết có khất lần được ru? Người biết yêu đời chẳng cầu sống lâu thì chớ, ai có khờ gì vời lấy cái chết. Vả cái thần chết khốc hại kia, há lại không có một ngày sẽ dò đến tìm ta hay sao, mà ta phải vội giục nó. Bảo rằng bực thân thế, ngán trần ai mà chết trước đi cho nhẹ nhàng tấm thân, thời phỏng còn có nghĩa lý gì nữa? Cô nghĩ mà xem: chẳng cứ đàn ông đàn bà, trời đất đã sinh ta, hẳn không phải là vô ý, trong có gia đình, ngoài là xã hội, phận sự không phải là nhỏ, trách nhiệm không phải là thường. Tấm thân bảy thước từ đâu lại? Trên trời rơi xuống, hốc đất lên chăng? Ai không cha mẹ? Vậy áo cơm vương víu nợ đời, có lẽ tầm xuân trốn nghiệp, ăn dâu chẳng nhả tơ đền, chữ hiếu tình kia cũng dửng dưng, hơi chút bận lòng là chết ngay cho trắng nợ đời hay sao? Cô ơi cô dẫu lấy chán đời là phải nhưng Ái nô thật không phục đâu.

Tôi nghe nó nói, câu nào cũng có lý, lòng riêng cũng chịu rằng nó phải, mà mình thì nông nổi, nghĩ không bằng nó, trong ý hối hận nhưng ngoài mặt vẫn làm già, không chịu lép, mắng át đi bảo nó rằng:

– Mày cạy võ vẽ dăm ba chữ quèn, ăn cắp sách vở được vài câu có lý sự, dễ lên giọng lòe tao đấy hẳn? Trứng khôn hơn vịt, tao khen mày.

Nó kêu:

– Trời đất ơi, oan quá! Cô đổ tội trứng khôn hơn vịt, thì oan lòng tôi lắm, cô dẫu cho ăn kẹo, cũng chẳng bao dám thế. Bấy lâu nay sớm tối hầu cô, phòng văn xếp sách, trang đài sắp gương, dẫu ngu độn cũng biết khôn ngoan, người tối tăm cũng nên sáng suốt, nữa chi là Ái nô tôi, có lẽ nào cắn vỡ hạt cơm, lại không biết suy câu nghĩa lý. Khuyên cô đừng chết quả tình không dám cậy khôn gì, song xin cô nghĩ đi nghĩ lại cho chín mà xem người ta nóng nẩy không nén được cái lòng phẫn nộ của mình chỉ vì những cớ nhỏ nhặt, bực xằng giận hão trong giây phút mà liều thân tự sát, có phải rằng uổng phí một đời người không, thành thử sống đã hỏng, chết lại hỏng nốt! Công

1. *Cô đốt tôi:* cô nói mỉa tôi, diễu tôi.

phu tháng ngày dã tràng xe cát bể Đông cả.

Tôi gắt bảo nó rằng:

– Mày cho những người tròng dây treo cổ, dìm mình đáy nước, cầm dao rạch bụng, bắn súng thái dương, tự mình đầu độc cho mình chết đi là hạng người uất ức xằng cả đấy phải không, còn thì cuộc đời không có điều gì đáng làm cho người ta phải chán chứ? kiếp người sướng lắm nhỉ!

Nó thở dài đáp:

– Không cô ạ, đêm năm canh tôi cũng nghĩ xa gần nhiều lắm, sao cuộc đời lại chẳng có điều đáng chán. Người không ưa đời, lấy đời làm buồn đã hẳn, nhưng biết đâu chính người ham đời lại chẳng có câu ngán đời. Cô ơi! Đem con mắt bi ai mà nhìn vũ trụ, đành rằng thế giới ba nghìn toàn châu lệ cả, nhưng vì giữ lạc quan ngắm cảnh nhân hoàn, bể trầm luân kia đã ai dám già đoan không đầy tràn nước mắt? Song như vậy thời làm người là một điều lầm lỡ, có thân ở đời là một sự thiệt thòi rồi, huống chi lại còn những nỗi tục vị đắng cay tê rát lưỡi, thế tình giăng mắc ngứa nghiêng lòng. Cho nên khuyên nhau đừng chán đời, bảo nhau đời không nên chán, chẳng qua cũng là những câu gượng dùng để phấn khởi lòng nhau thôi, chứ thực ra nói đến cái bụng ở đời này, ai là người đã thấu hết tim gan cuộc đời, đêm sâu thăm thẳm đã từng lặng ngồi suy nghĩ nỗi sau xưa, nhân tình dường ấy, thế sự dường kia, đưa con mắt vào khoảng mặt trái đời, rồi mà chau mày gạt lệ, lại nghĩ lan man đến tuồng ảo hóa, kiếp phù sinh, vầng trăng nọ khi mờ bóng mặt trời kia khi tắt lửa, thế giới buổi kiếp hôi [1] nhân loại hồi tiêu diệt, cùng là những nỗi đau đớn trong đời người, vui ngắn sầu dài, sống vờ, chết thật, trăm nghìn điều xa xôi kia khác nữa, thì cũng đến phải ngao ngán, ngậm ngùi mà thở dài, than to rằng: đời đáng chán. Ôi, mà nghĩ đời cũng đáng chán thật. Cho rằng vất vả gan ruột đi, liều đem thân trăm năm làm túi cơm giá áo, lầm lầy gan óc để cầu lấy điều sung sướng một đời thì cũng là tạm vời bóng rợp giữa đường để mát lòng giây phút, mượn cành hoa thơm bên triện mà ngát hương đẹp mắt đôi hồi, chứ có hẳn khuây sầu giải muộn được đâu. Cô suy rộng cho như vậy thì mới rõ cái bụng sống ở đời, nhiều người chật vật. Song thực những hạng người chán đời ấy, lại phần nhiều hữu dụng

1. *Kiếp hôi:* kiếp sống cuối cùng của nhân loại mà thế giới sẽ tan thành tro bụi.

cho đời, họ biết tìm cách để an ủi mình, hoặc bày ra công kia việc nọ, cặm cụi tháng ngày cho khuây lảng cái bụng chán đời đi, chứ họ không cầu đến cái chết vô vị của một kẻ ươn lười muốn trốn nợ đời. Tôi nói hầu cô thì nói, nhưng nghĩ bao nhiêu càng giận.

Nó nói đến đấy ngừng lại, rồi cau mày ra dáng căm tức mà rằng:

– Thật chán cho cái nông nỗi nước Nam này quá. Điều hay không thấy, chỉ mỗi ngày một thấy đốn ra, có bao giờ lại trai gái đua nhau nhao nhao tự sát như bây giờ không, hơi một tí đâm đầu, hơi một tí thắt cổ, chẳng ngày nào thời sự nhật báo không có việc tự tử. Mà chết thì toi đời chứ những con người ấy ai thương tiếc gì. Trong số những kẻ chết "phí đời" ấy hạng có tư tưởng kiến thức cũng nhiều, thế mà cũng vùi đầu, cam lòng cướp công cha mẹ, vỗ phang nợ đời được.

Tôi nghe nói cũng phật ý mình, mới bảo:

– Mày nói ngu thế mà nghe được, đến chính thân người ta, người ta còn chẳng thiết, nợ đời thì làm gì? Đem nghĩa vụ với phận sự mà bắt buộc ai ở chỗ ấy?

Nó dịu dàng mà rằng:

– Vâng, thì thôi, tôi không nói đến đời nữa; xin nói ngay thân thế con người ấy. Cô bảo rằng: trời đất bao la, ngày dài tháng rộng con người không ưa đời kia, há lại không có chốn có nơi để ký thác cái bụng chán đời của mình hay sao, việc gì mà phải chết? Chẳng thích chốn đông người thì tìm nơi hẻo lánh, người đời không hợp tính mình thì mình xa lánh họ đi, sở thích đời ta thế nào, gia đình áp chế, xã hội eo hẹp, chẳng chiều như ý thì ta tự nghĩ cách chiều lấy ta, phương này chẳng ở được ta đi phương khác, chu du thiên hạ, tìm chốn lập thân cũng được chứ có khó gì, mà như muốn cái cao thú của nhà ẩn dật, thời ba gian vách đất, một túp lều tranh, sớm bát rau sắng, chiều tìm rau lê, gió quạt trăng đèn, duyên với văn chương, tình cùng non nước, nguyện đem khoa học mà mê mẩn đời, cũng tưởng rũ tung được hết tấm lòng trần lụy, hà tất phải dùng đến cái phương khốc hại là phương tự sát kia, để bêu cái chết lại đeo tiếng nhát hèn.

Tôi ngồi nghe nó giảng giải như thế mà nhạt hẳn cái bụng chết của mình. Nhưng nghĩ mình là thầy nó mà để nó dạy khôn mình thì ra mình không bằng nó hay sao. Mà chết cũng không thể chết được nữa, trong bụng thẹn lắm. Song tôi không muốn để nó đoán được ý mình, bèn hầm hầm làm mặt tức giận, nói sẵng bảo nó rằng:

– Này thôi, tao có chết cũng không thèm chết trước mặt mày đâu, mày đừng rậm lời! Cút đi đâu thời cút. Lý sự cùn thêm bẩn tai tao.

Nó nghe tôi bảo thế sướng quá, nhảy lên vỗ tay cười nói:

– Có thế chứ! Cô mà chết, còn ra thế nào. Thôi thế thì Ái nô lại càng yêu cô quá, năm năm tháng tháng ngày ngày cứ mãi với cô! Mà thật đấy cô ạ, chết là khờ. Cho rằng đời là giấc mộng nữa song khoảng trăm năm đã chót có mình, thời chẳng chi chi cũng nghĩ góp chút duyên gì cùng cõi mộng, để ghi lại những tháng năm mình đã chiêm bao, chẳng hơn bừng con mắt dậy ngậm ngùi tay không ru! Kìa kìa thiên hạ: hằng hà sa số con người cũng sống như ta, họ biết cười khuây đời, ta dại gì mà khóc. Làm chi: *đa bệnh đa sầu tổn thiếu niên*? Thôi cô cháu ta từ đây cứ tràn quí tị, sắp bụng yêu đời, để ở với đời cô ạ. Chỉ dành riêng một góc lòng gọi là "góc lòng nên thơ" để nuôi những cái thú nên thơ đời người như là: cảm câu văn hay, luyến nơi cảnh đẹp, nhớ người bạn xa; hoặc bên bờ suối, dưới bóng trăng tình hoài cao thú mà mối sầu man mác, nỗi buồn bâng khuâng. Như vậy thời tấm lòng mình cũng không đến nỗi khô khan lắm. Ái nô vì yêu cô mà bàn thế đấy, không dám để cô quá sầu mất vui, mảng vui quên sầu, vậy cô hẳn đành lòng nhé.

Nó nói dứt lời, hai tay cầm hai chén thuốc phiện cười ngặt nghẹo bảo:

– Thôi trục xuất cảnh ngoại chị Phù Dung, mời chị về Tàu, sang Ấn Độ!

Rồi nó tiến bước đi ra, réo cho anh nghiện bên láng giềng.

Con bé thật đú đởn, tôi ngồi nghĩ mà lại yêu. Nó chẳng những tư cách cao thượng, tính tình phong nhã, ăn nói lại có duyên có nhị, chuyện trò bông lơn nhiều câu lý thú lắm, tôi chẳng mắng nó bao giờ cả, có mắng cũng toàn là mắng yêu. Thầm nghĩ áo xanh cam phận tôi đòi xưa nay, áo ấm cơm no, qua ngày là tốt, mấy người còn có nghĩ gì xa xôi. Vậy mà con Ái nô này nó lập chí cao lắm, tôi thực không ngờ đấy.

Tôi đang nghĩ về nó, thì nó bỗng đẩy cửa bước vào hí hởn khoe:

– Gớm cho hai chén thuốc phiện, anh chàng mừng rơn múa chân, múa tay, bình sinh chưa được ai tặng cho món quà quí ấy bao giờ, cô cháu nhà ta, chàng còn nhớ mãi!

Tôi mắng nó:

– Mày rõ chẳng biết ý tứ gì, ai lại con gái đương đêm sang nhà người ta, chết thật!

Nó không nói sao, hé cửa sổ ra, ngoảnh trông tôi mà cười, thì ra trời đã sáng rõ, bóng sáng đèn trong buồng, át mất cả ánh sáng bên ngoài, tôi cứ tưởng còn đêm, bấy giờ nghe trong mình mệt quá, bảo nó tắt đèn, đóng cửa lại, định là ngủ bù. Vừa đặt mình chợt nghe đùng một tiếng như tiếng súng. Con Ái nô mặt mày ngơ ngác, tất tả chạy ra, tôi cũng vội vàng dậy xem cái gì lúng túng đương tìm chiếc guốc, thì tiếng kêu thất thanh: "Trời ơi! Trời ơi! Chết con tôi rồi! Chết con tôi rồi!".

Tôi nghe rõ tiếng đàn bà, chưa đoán ra việc gì, bỗng lại nghe tiếng gào khóc to quá, bù lu, bù la "Tú ơi! Con giết mẹ rồi. Tú ơi là Tú ơi!".

Tôi hoảng cả lòng, chạy ra. Bỗng thấy con Ái nô hốt hoảng chạy về bảo tôi:

– Cô ơi! Cậu Tú Bình con bà hàn Ba bên kia bắn súng tự tử rồi.

Tôi nghe mà giật mình, hỏi dồn nó:

– Thế chết hay sống? Còn cứu được không?

Nó lắc đầu lè lưỡi nói:

– Khiếp quá cô ạ. Tôi rùng mình. Máu chảy lênh láng, không biết đạn bắn thế nào mà đầu óc tan tành, xương hàm băng đi một nơi.

– Thế chết à?

– Vâng, chết ngay, kinh quá!

Tôi nghe nói thế, vứt cả guốc dép, vội vàng chạy sang. Người kéo đến xem đông như kiến, đặc cả vòng trong vòng ngoài, không tài nào lách vào được. Đứng ngoài chỉ nghe tiếng kêu khóc, những người đứng xem họ làm huyên náo quá, tôi ngột cả hơi, chịu phép phải lánh ra ngoài hẳn. Chợt con Ái nô chạy lại bảo:

– Chết chưa! Cô ạ, vợ chồng ông Hàn đánh nhau ầm ĩ, vất cả lộc bình, giá gương, bà ấy túm xé ông ấy, đập tan cả cửa kính, đồ thờ bát hương.

Nó còn đương nói, thì đám người xem bỗng nhao nhao giạt cả ra, ông cụ hàn Ba mặt hầm hầm, chạy sấn ra giữa đàng, gào thét như người điên cuồng, quay cả bốn phía, nói với những người đứng xem:

– Các ông các bà thử nghĩ xem nhà tôi có vô phúc không. Con trai hai mươi tuổi đầu, đương độ học hành, mà say mê trai gái, đỗ được cái Tú tài Tây, nằng nặc về đòi cưới vợ ả đào ngoài ba mươi tuổi, chứ trẻ trung gì cho cam, bố khuyên ngăn, bắn súng tự tử, thì tôi là bố nó hay nó đẻ ra tôi? Những hạng con mất dạy ấy, đến chết ngay một lúc hai mươi thằng, tôi cũng không cần gì, nữa là chết một mống nó. Cái mống nó như thế sống đã ích gì cho nhà cho nước. Mẹ nó đã không hối rằng mình quá nuông con để nó hư, lại còn rày rật đay nghiến tôi rằng: bố giết con thì bố nào giết nó? Ông cả bà lớn, những bậc có tri thức, thử nghe xem có lọt tai không? Ối chao ôi là con! Con như thế đẻ cho nhiều mà nuôi!

Ông cụ đương rầm rĩ, mọi người can ngăn, thì thấy đội xếp tây, lính cảnh sát sừng sực đến đánh đuổi những người đứng xem túi bụi, ai nấy đều tản mát về. Giữa đường chỗ xúm năm, nơi tụm ba, nhao nhao bàn về chuyện ấy cả. Người bàn thế này, kẻ nói thế khác, một bà cụ thở dài rằng:

– Rõ hoài đời!

Mụ hàng nước ngồi trong hàng nói:

– Cái nhà ấy chắc người ăn ở thất đức thế nào mới báo ra thế, con nuôi đã bằng đầu bằng cổ, còn không được nhờ!

Một ông lão qua đường ra dáng người đạo mạo, nghe thấy thế nói:

– Ôi chao các bà chỉ bàn phúc đức, phải đứa con hư nó không ra gì thì nó thế, ấy thà nó chết sớm ngay đi thế lại rảnh, của ấy còn, cũng phá gia chi tử, chứ làm gì.

Anh cu li xe ở đâu, dắt cái xe không đứng ngóng chuyện một chặp chán rồi, quay đi đánh một câu:

– Dại thì ăn đất, là xong chuyện!

Lại trước cửa hiệu sách cũng hội một bọn thiếu niên, vẻ phong lưu công tử cả. Không biết bàn tán những gì, một người Âu phục bỗng giơ tay nói to lên:

– Ôi chào! Các anh bảo chán đời là phải, tôi xin phép các anh vì những khách trên đời luận chung một câu rằng: con người ta đã mang tiếng khóc ra đời là dại rồi, dại ngay từ lúc lọt lòng dại đi, dù sau này thiết đời mà ham sống nữa cũng là dại, mà chán đời chết đi nữa, cũng vẫn là dại, cái dại ấy nó là cái dại chung, đôi bên khôn dại

cùng mắc cả, nó như cái sự tay dúng chàm mất rồi, hối cũng lỡ, thế thời chi bằng đối với cái kiếp sống ở đời của mình, đánh ngay chữ liều:

Trót tay đã dúng thùng chàm
Chẳng xanh cũng dúng cả bàn cho xanh.

Mà sướng cam với sướng, khổ đánh với khổ, chơi cõi đời cho rõ đến lúc bạc tàn canh sẽ rũ áo ra về, được thua nó cũng bõ cái công của mình, việc gì mà nửa chừng phát cáu, biết khôn cũng đã dại rồi kia mà. Đấy các anh thử ngẫm nghĩ mà xem.

Con Ái nô nghe được câu ấy, cười gật đầu tấm tắc khen:

– Phải lắm, chí lý lắm, người ấy thực biết cái lẽ sống ở đời!

Về đến nhà, vừa bước chân khỏi cửa, nó vỗ tay cười cười, nói nói, bảo:

– Gớm, hả lòng quá! Thiên hạ mất một người vẫn là sự đáng thương nhưng đến cái chết của cậu tú Bình hôm nay thực hả lòng mình quá.

Tôi mắng bảo nó:

– Con này vô hạnh quá. Mày nói thế đến tai bà Hàn thì bà ấy tế cho đấy!

Nó nói:

– Nhưng mà có một gương tự tử của cậu ta, lại thiên hạ bình phẩm cho mấy câu như thế, nó mới tiêu hẳn được cái lòng tự sát của cô. Thật là một phương thuốc hay chữa bệnh chán đời.

Tôi làm thinh chẳng nói sao, đi trở vào. Ngả mình trên ghế mây, vắt tay lên trán nghĩ xa gần. Hồi tưởng đến giấm thanh thuốc phiện cái việc mình đêm qua thì thật là liều lĩnh quá. Mà thực vậy, có thấy người ta chết không ra gì như thế, mình mới tỉnh ngộ. Chưa chắc cái sống của mình có đã ra gì, nhưng sống ở trăm năm chưa toan xong việc sống mà đã bực niềm tâm sự uất ức nỗi đời, vội vàng chết ngay như vô số người thật cũng nóng nẩy quá, đến lúc nguội cơn nóng thì đã chết rồi! Có biết đâu sau cái phút chết của mình ấy, cuộc đời còn lắm chuyện đáng yêu: đứa em bé ú tim òa trong xó cửa. – Người bạn gái sắp đến rủ đi chơi. – Phong thư bạn xa vừa gửi tới. – Cái thú ngày xuân đương hò hẹn. Thế mà mình chết. Trời ơi, tiếc đời quá.

Nằm nghĩ vẩn vơ thế bất giác mà mừng, mừng rằng mình còn sống. Ôi yêu đời biết bao nhiêu. Thôi từ đây không nghĩ khờ nghĩ dại như trước nữa. Dù vui, dù buồn, cũng quyết một tấm lòng gan góc sống với đời. Thử xem cuộc đời này còn xoay mình đến thế nào... đến thế nào mình cũng gan lì!...

(Thuật theo lời bạn gái là Thanh Lưu nữ sĩ)
Nam phong, số 142, tháng 7–1929.

MỒ CÔ PHƯỢNG

(Tiểu thuyết – Trích)

LÊ ĐỨC [1]

Vương Thị Phượng là con gái một phú thương Hoa kiều, mẹ Việt Nam. Phượng rất đẹp, ngồi bán tơ lụa ở Hàng Đào. Ả Cẩu, cháu một nhà buôn giàu ở Hàng Ngang lấy Phượng, bốn năm năm sinh ba con gái, sau Ả Cẩu mê Đào Tuệ hành hạ vợ. Cả Quay, một gã say nhan sắc Phượng đánh lừa cô đến nhà săm nói là đến gặp đội con gái để bắt Đào Tuệ. Phượng bị tiếng oan, bị vợ Cả Quay sỉ vả chửi bới thậm tệ. Hoàng Hồ một trí thức, lợi dụng tình cảnh éo le của Phượng quyến rũ cô đưa đi Hải Phòng, rồi đi Sài Gòn. Hoàng Hồ sang Pháp du học để Phượng bơ vơ. Phượng về Bắc bị nhà chồng hành hạ xua đuổi. Qua mấy lần chồng, cuối cùng Phượng lấy lẽ tham Bách. Vợ cả dùng bùa ngải làm cho Phượng loạn thần kinh. Phượng vào nhà thương làm phúc Phủ Doãn, rồi chết vô thừa nhận.

Truyện mở đầu và kết thúc bằng cảnh Hoàng Hồ và Lưu Quí Thích đến khóc ở mộ Phượng.

Mồ cô Phượng dựa vào một truyện có thật xảy ra đương thời.

Truyện có năm chương. Chúng tôi chọn chương năm là chương cuối cùng.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Thị Phượng đứng trông tầu chạy xa rồi, mới trở về nhà, mấy hôm, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nghĩ đến cái bước đường tương lai, mà ngán ngẩm cho thân, không biết ông xanh xoay vần cái thân thế rồi ra làm sao? Nhưng chắc phần hay thì ít, phần dở thì nhiều, nên càng nghĩ càng đau, càng rầu cho duyên, càng thương cho

---

1 . Lê Đức, người Hà Đông (Hà Tây), sinh năm 1892, mất năm 1943, thọ 51 tuổi.

Ông là một nhà Nho, có tinh thần yêu nước, có tham gia hoạt động trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

Ông đã viết *Mồ cô Phượng* đăng trên tờ *Nông công thương báo*, in thành sách cuối năm 1931.

Có người nói tác giả *Mồ cô Phượng* là Hoàng Tích Chu.

phận, chẳng tuyệt vọng, cũng như tuyệt vọng cơ cuộc này, còn biết ngóng vào đâu?...

Thôi, ta đành cứ theo lời chàng dặn, liệu trở lại nhà, ví dầu chẳng dung nữa, sẽ bước chân ra, lúc ấy không phải lỗi ở tại ta, cho toàn thủy toàn chung, với người ở cách xa ngoài nghìn muôn dặm.

Chứ xem ngay gương khi vợ chồng mới lấy nhau, vừa bước đến cửa huyện, còn chân ráo chân ướt, cụ lớn tính khắc quá, nổi trận lôi đình, mắng như tát nước, đuổi như đuổi tà. Bây giờ về, nếu không khéo ra, cụ lớn người vốn cố chấp, sai lính vật cổ đét cho mấy chục roi, ở giữa công đường, thì nhục lắm. Không lẽ con dâu đi kiện bố chồng hay sao?... Thôi nhưng mà nói phòng xa thế, chứ cũng chẳng đến nỗi nào, ta cứ về xem sao rồi sẽ liệu.

Cách thứ năm sau, Thị Phượng định đi tầu "Ôrênốc" ra Bắc, vợ chồng Nguyễn Văn Đối, xuất tiền lưng mua tiễn một cái vé tầu, và đưa xuống gửi gấm một người làm biên hàng, tên là Ký Phong, cho sự ăn uống, khỏi phải sách đĩa đi lĩnh từng bữa như trước.

Cái chức vụ người biên hàng tầu, chỉ bận bộn lúc hàng xuống hàng lên, khi đã quay mũi chạy rồi, thì cực kỳ là thong thả. Mấy hôm nhàn hạ, lân la hỏi thăm đến chuyện gia tình, Thị Phượng không giấu giếm gì, kể hết đầu cua tai ếch.

Ký Phong nói:

– Ừ,... Bác về xem thế nào, nếu muốn vào đây buôn bán, cứ nhớ thứ năm thì tầu này chạy, tôi xin đưa bác vào không mất đồng cước tầu nào cả.

– Không dám! Bác cho ăn uống thế này, đã là quấy quả lắm rồi. Ai lại dám phiền bác thế?

– Bác đừng ngại, của hãng tầu ả, chứ tôi có mất gì. Người ta một chuyến đò còn nên nghĩa vẻ thay, nữa là chuyến tầu?

– Vậy, xin cám ơn bác! Sau này thế nào tôi cũng còn phải quấy quả bác nhiều.

– Hàng họ của các bà Bắc buôn bán vào trong Nam, phần nhiều gửi tôi đem vô cho khỏi mất tiền cước cả đấy, người cùng xứ sở ta giúp lẫn nhau, có làm quái gì điều ấy.

– Thưa, tầu này chạy một tháng mấy chuyến?

– Một tháng có hai chuyến, thứ năm này, ở Nam ra Bắc, thứ năm sau, ở Bắc vào Nam, còn giờ sớm trưa thì không nhất định...

Mấy hôm thấm thoắt, tầu đã đến Hải Phòng. Thị Phượng lên thăm chị em bạn cũ, hôm sau ra xe hỏa trở lên Hà Nội, rồi đáp luôn xe về Bình Lục, tới huyện đưa bức thơ của Hoàng Hồ trình lên cụ lớn. Mới thấy mặt, cụ mắng phủ đầu ngay mấy câu:

– Đồ mèo đàng chó điếm ở đâu?... Con ông nó đương làm chủ bút sung sướng như trời, vì mày mà nó bỏ cả công ăn việc làm, đi lêu bêu như chó mất chủ... Mày chồng có, con có, sao lại bỏ đi mà theo trai? Nếu chiếu theo luật Hoàng triều [1], thì tội mày phi voi dầy, thì bè chuối trôi sông, không thể nào toàn được.

Nói rồi bèn bỏ thơ ra xem, trong thơ nói rằng:

"Con bất hiếu là Hồ, kính dâng thơ này hầu cha rất thân yêu tôn quý.

Nay con vâng lời nghiêm huấn [2], hôm mới rồi con ở Sài Gòn đã đáp tầu sang du học bên Pháp, nhờ có hiệu ảnh Chánh Ký, là người duyệt lịch ở Tây đã lâu, giới thiệu con cho anh em bạn thân bên ấy, chắc không đến nỗi nào khỏi nhà ra thất nghiệp. Vậy xin cha yên tâm, thỉnh thoảng gửi cho con món tiền, để thêm mua sách vở. Kẻo ở bên ấy tốn kém lắm...

Sau này con cho nhà con nó cầm thơ về đây, xin cha lượng cả bao dung, cho nhà con nó ở nhà, thần hôn định tỉnh [3], thay đạo làm con, cha đừng đánh con kể tội, con thật đã biết hối... Hối lắm... Cha tha thứ cho".

Cụ Huyện xem thơ xong, bụng ngẫm nghĩ rằng:

– Con mình nó đi Tây, có được cái bằng ông Cử hay Nghè về, thiếu gì con cụ Tuần nọ, cụ Án kia, ta làm thông gia với thượng quan, chẳng thêm vững cái địa bàn, mà con ta sau này muốn xoay ra xuất chính cũng mau đằng đạt bằng mấy những cậu bạch ốc phát công khanh [4], không thầy đố mày làm nên mau được, tội gì để cho nó lấy vợ thừa người ta? Con này tuy có bóng dáng mà "nhỡn quang như thủy" không xứng ngôi mệnh phụ [5], để sau, càng thêm lụy cho ta. – Thôi, chẳng thà ta cứ đem thánh hiền ra làm bông sung "bất cáo nhi thú" quyết không công nhận. Dẫu ai có chê ta lão hủ

1. *Hoàng triều*: triều đại nhà vua đương trị vì.
2. *Nghiêm huấn*: lời dạy nghiêm khắc của người trên.
3. *Thần hôn định tỉnh*: sớm tối hầu hạ bên cha mẹ.
4. *Bạch ốc phát công khanh*: nhà nghèo mà có người làm nên to.
5. *Mệnh phụ*: vợ các vị quan to.

cũng ừ!...

Nghĩ rồi bèn ngảnh lại bảo Thị Phượng rằng:

– Con kia ! Nhà tao xưa nay vốn nhà lễ phép theo đạo thánh hiền, không phải vô liêm sỉ như chúng bay; chó điếm mèo đàng ở đâu cũng vào làm dâu con tao được! Vả tao là cha mẹ dân, trong nhà còn không ra gì ra ngoài mà trị ai được? Mày cứ về van lạy với nhà chồng cũ, người ta đánh kẻ chạy đi, ai đánh kẻ chạy lại để tao cũng nói giúp cho, từ sau đừng có giữ cái thói đứng núi nọ, trông núi kia, được voi lại đòi tiên, làm bại hoại cả nền luân lý trong nước. Chứ đừng bảo là việc cá nhân, mà không có ảnh hưởng gì đến xã hội!

Thôi, để mai chủ nhật, ta sẽ đưa về Hà Nội, nói với ông Phan Bách Vạn giúp cho...

– Thưa cha! Con về đây, là theo lời nhà con dặn. Nay cha không nhận con là dâu con trong nhà, thì họ Phan cũng vị tất đã nhận con là dâu ngày trước.

– Đừng có lo xa, mai cứ đi ra rồi sẽ liệu!

Thị Phượng dạ rồi lui vào nhà trong, tự nghĩ một mình rằng:

– Ông già này, muốn đuổi mình đi bằng một cách êm ái, âu là ta thử nghe lời theo xem cụ làm thuyết khách ra sao? Thành cũng hay, không thành rồi sẽ liệu...

Qua sáng hôm sau, xe lửa ở Nam Định chạy ra đến ga Bình Lục, một ông cụ già, ngực đeo thẻ ngà, đi trước một cô thiếu nữ, tay xách va li theo sau, bước lên vào ngồi trong hạng ba, rồi xe huýt còi chạy thẳng lên ga Hà Nội.

Tới nơi, gọi hai cái xe về phố Hàng Ngang, tới trước cửa hiệu Phan Bách Vạn, cụ Huyện đi trước cô Phượng theo sau, ông Bách Vạn mời vào nhà trong hỏi chuyện.

Cụ Huyện nói:

– Chị kia có phải là cháu dâu cụ trước không?

– Bẩm cụ lớn phải ạ... Nhưng bây giờ cô ấy là người rưng nước lã, không can thiệp gì đến nhà tôi cả. Có việc gì mà cụ lớn đem cô ấy đến đây?

– Tôi có người bà con nhà, buôn bán ở Sài Gòn, thấy chị ta thân gái một mình, lênh đênh đất khách, hỏi ra mới biết là cháu dâu cụ đây, nên đem về nuôi, để giúp đỡ việc nhà, coi nom hàng họ. Tôi với

cụ, vốn quen thuộc đi lại xưa nay, nên nhắn chị ta ra, để đưa lại giả cụ. Thôi, đánh kẻ chạy đi, ai nỡ đánh kẻ chạy lại, cụ tha thứ cho chị ấy, lần này là lần đầu. Vả trẻ nó đã hai ba con với nhau, tao khang chi thê, bất khả hạ đường [1], trong đạo gia đình, nên dẹp nỗi bất bình là hơn cả.

Cụ Phan Bách Vạn trả lời:

– Cảm ơn cụ lớn có lòng thương, muốn cho trẻ nó lại được đoàn viên như cũ. Nhưng con này nó hư quá, tự nhiên vô cớ, dám bỏ chồng bỏ con, bỏ nhà bỏ cửa ra đi, thật gan liền tướng quân, gái đâu có gái lạ đời như thế? Tôi năm nay, sáu bảy mươi tuổi, nghĩ câu các cụ xưa nói: Gái ba con chưa hết lòng chồng. Thật bây giờ mới thấy đây... Thôi, xin để chồng nó về, tôi sẽ khuyên bảo cháu, còn cái sự có nghe hay không, tôi chưa dám chắc trước.

Cụ Huyện đứng dậy cáo từ ra đi. Một lúc thì Ả Cẩu về, trông thấy Thị Phượng liền vào thẳng nhà trong hỏi người nhà:

– Con mặt mo kia ở đâu mà dẫn về đấy?

Người nhà đáp:

– Chú lên hỏi cụ thì biết.

Ả Cẩu đi thẳng lên gác, cụ Bách Vạn bảo ngồi mà rằng:

– Hồi nãy quan huyện Bình Lục vừa đưa con Phượng đến nói: Vì có người nhà buôn bán ở Sài Gòn gặp nó đưa ra, cứ kể nó đã bước chân đi khỏi nhà như thế, là người rưng nước lã, không phải dâu con họ Phan nhà ta nữa. Nhưng lý thì thế ấy, mà tình lại thế kia; nó tuy chẳng ra gì, nhưng đã hai ba con với mày, thôi, lành làm gáo, vỡ làm môi, khỏi để thiên hạ người ta chê cười, mà sau mấy đứa con mày, người ta thấy cái gương mẹ nó, chỗ tử tế ai còn thèm hỏi? Vậy chẳng thà, dung thứ cho nó một lần đầu, cho về nuôi nứng đàn trẻ, đó cũng là một việc phúc, cháu ạ!

– Thưa cụ! Việc gì chứ việc ấy, cháu không dám vâng lời, vì lần này nó đi đã vậy, lần sau nó đi thì sao? Thôi, chẳng thà cứ phóng xá cho nó đi luôn cho khỏi di cái họa về sau, là thượng sách hơn cả. Cụ thương dạy thế, cháu không dám vâng!...

Ả Cẩu nói rồi, liền quay trở xuống bảo Thị Phượng rằng:

– Đồ mặt mo!... Bước đi đâu thì bước ngay đi... Ngồi làm gì cho

---

1. *Tao khang chi thê, bất khả hạ đường*: vợ từ thuở hàn vi, không nên coi khinh.

bẩn cả nhà ông ra đấy! Quân vô liêm sỉ, chết đâu thì chết, còn vác mặt về làm chi đây?... Thằng Quít đâu! Lấy lá chuối dắt tay nó ra cho tao...

Thị Phượng thấy cả nhà không ai nói năng đỡ đần cho mình một tiếng gì cả, bèn đứng dậy xách va li thẳng tìm vào nhà một người chị em quen, cũng không dám về với mẹ và anh ở Hàng Đào.

Cách mấy hôm sau Đào Tuệ là người vợ cô đầu của Ả Cẩu nghe tin tìm đến chơi thăm Thị Phượng, kể lể từ khi Thị Phượng bước chân đi, Ả Cẩu cưới thị về, sau lại say đắm một thị khác, ruồng rẫy để bỏ Đào Tuệ, lại trở về hát ở hai mươi bốn gian. Nhưng cũng xuông tình, chỉ gặp những phường quan viên hát sỏ, nên cũng muốn bãi nghiệp, xoay vào buôn bán ở Sài Gòn, nhưng chưa tìm được ai quen giới thiệu. Thị Phượng nói:

– Cứ kể trong ấy còn dễ kiếm bằng mấy ngoài mình. Đôi guốc mua buôn có 8 xu, bán 2 hào rưỡi, thuốc lào buôn ngoài này không đầy 3 hào, bán 8 hào một bánh. Chè hạt 1 hào chỉ được một lon con, ước bằng 3, 4 xu ở ngoài Bắc. Còn những hàng khác, đại loại cũng như thế cả. Cô muốn vào nay mai cứ đi với tôi, chứ một mình không quen biết ai, ở vào khách sạn, ngày phải tốn đến 4 đồng cả ở lẫn ăn, thì buôn bán gì cho lại!

Đào Tuệ nghe nói, trong bụng mừng thầm, nghĩ cái nghề buôn thất nghiệp còn lãi quan viên như thế, thảo nào những người buôn to bán lớn, họ ra tậu nhà tậu cửa ở Hà Nội ầm ầm. Vậy mình tội gì ở xóm Bình khang [1] làm cái nghề bán thân nuôi miệng, lấy ngày làm đêm, đêm làm ngày, chỉ khác bọn lầu xanh, không phải tuần lễ hai buổi đi "lục xì". Còn ngoài ra, cũng làm vợ khắp người ta, lúc trở về già, lại vớ anh tửng từng tưng cho đến cố hỉ. Nên người ta cho cái nghề xướng ưu là nghề hèn mạt lịch triều xưa cấm không cho thi cử làm quan. Thôi, chẳng thà xếp bỏ phách, đàn, quảy một gánh giang sạn, cải nghiệp về buôn xuôi bán ngược.

Bèn mời Thị Phượng về nhà, ngày dắt dìu nhau đi mua, nào giày nào dép, nào guốc sơn, trắp giầu, nào thuốc lào, chè hạt, chỉ chờ tầu đến là xuống Hải Phòng.

Thị Phượng bụng bảo dạ rằng:

– Ta ở ngoài này, cũng không có chỗ nương thân, chẳng thà dắt cô ả này vào, trước hãy cần cho đủ lấy miếng ăn, rồi sau ta sẽ liệu...

---

1. *Xóm Bình khang*: chỉ xóm cô đầu, đào hát.

Hai người sửa soạn hành lý vừa xong, chiều thứ tư, cùng nhau xuống Hải Phòng, vào ở trọ một nhà chị em bạn; rồi ra tìm tầu "Ô rê nốc", hỏi thầy Ký Phong rằng:

– Thưa ông! Chúng tôi có 4 cái bồ hàng, muốn phiền gửi ông vào Sài Gòn tiền cước mất bao nhiêu ạ?

– Thưa được! Bà cứ cho đem xuống, để ở dưới buồng tôi, thì không mất cước. – Bà đã có vé tầu chưa? Không có để tôi xin với Cẩm tầu luôn thể. Còn bà nữa, xin cứ xuống dưới này, tầu chạy rồi lấy vé sau cũng được.

– Thưa, mai mấy giờ tầu chạy?

– Độ năm giờ sáng, đến tối bà xuống thì vừa.

Nói rồi hai người cùng trở lên, đi mua bán thêm những quà bánh lặt vặt, rồi thuê phu khiêng 4 cái bồ xuống trước, gửi gấm đâu đấy, còn người đến tối mới xuống sau.

Sáng mai tầu chạy, ra khỏi Đồ Sơn, trật tự đã đâu yên đấy, Ký Phong hỏi Thị Phượng rằng:

– Hai bà định vào buôn bán gì ở trong ấy?

– Thưa, chị em chúng tôi, mới vào còn bỡ ngỡ, đem có ít hàng vặt vào cho đỡ tiền tầu thôi, chứ dám đâu đã gọi là buôn bán như các bà giàu "sù" ở trong ấy được.

– Ấy cứ buôn thất nghiệp mà lãi quan viên đấy bà ạ. Này rồi các bà xem, mấy chị bán cháo lòng tiết canh với giò chả ở trong ấy, bất nhật họ ra tậu nhà gạch ở Bắc Kỳ cho mà xem, chứ đừng tưởng là buôn thúng bán mẹt, mà không làm giàu được đâu!

Ký Phong nói rồi, lại bảo riêng Thị Phượng rằng:

– Tôi đã xin với Cẩm tầu cho bà được cái buồng hạng ba, bà xuống đấy mà nghỉ cho khỏi say sóng.

– Thôi, cám ơn ông, để cho chị em chúng tôi ở trên này cũng được ạ!

– Ở trên này, không có vé người ta đi khám, vắng tôi sợ lôi thôi.

Thị Phượng rủ cô Tuệ cùng xuống, Tuệ dòm biết hai người có ý riêng với nhau, nên cáo từ ở trên để giữ va li, nhường cho một mình Thị Phượng xuống.

Thị Phượng một mình đi theo Ký Phong xuống từng dưới,

vào một cái buồng, hai bên hình như chồng trạn, mỗi bên ba đợt, mỗi đợt vừa một người nằm, giữa cách lối đi, có một ngọn đèn điện, một cái gương soi. Kế rồi Ký Phong lại đưa Thị Phượng ra ngoài, chỉ nói buồng kia là buồng tắm, buồng nọ là cầu tiêu, rồi lại trở vào buồng.

Thị Phượng hỏi:

– Thưa, hạng này là hạng mấy, vào tới Sài Gòn mấy chục?

– Hạng này hạng ba, mỗi người 6 chục cả ăn, đắt gấp đôi tiền đi trên boong kia.

– Thôi, đi hạng này có nhiều Tây, Tầu, tôi sợ lắm, xin cho lên với thím nó trên kia.

– Không hề gì! Buồng này vắng chẳng có ai cả, tội gì lên ở trên ấy cho bẩn thỉu.

– Ở đây nếu không có vé người ta đi khám thì làm sao?

– Bác đừng ngại, tôi đã xin với ông Cẩm, nhận bác là người nhà, ở dưới này không ai hỏi cả.

– Chuyến nào đi cũng quấy quả bác thế này, tôi lấy làm khó nghĩ quá!

– Bác đừng có quản ngại, của tầu cả, tôi có mất gì.

– Thưa, làm tầu đem ai đi cũng không mất tiền sao?

– Như hạng chúng tôi, thỉnh thoảng có cha mẹ hay vợ con đi, thì hỏi xin với Cẩm tầu một suất, họ cũng rộng cho, còn xin nhiều, hay xin luôn sao được.

À mà bác ra chuyến trước, tưởng ở nhà, sao lại còn vào đây?

Thị Phượng nghe hỏi đến chuyện tâm sự mình, nét mặt buồn rầu trả lời, nói:

– Nói ra càng thêm xấu hổ, tôi về ngoài ấy, chẳng bề nào yên được bề nào, nên lại phải trở nào, cũng là việc cực chẳng đã...

– Bác tính thế nào, chứ mấy cái bồ này, buôn bán sao cho đủ hai người ăn tiêu ở trong ấy nổi? Cứ theo như ý riêng tôi, thì bác nên xem có ai tử tế, lấy quách người ta để trông nhờ về sau, chứ thân gái một mình, linh đinh đất khách, muốn tìm vành ấm no, khó lắm bác ạ! Không lẽ đội đá ở đời, mà chờ bác trai, vả cái thói thiếu niên, hay đổi trắng thay đen, nay mai ông ấy rước một bà đầm về, bác không có giấy

hôn thú, và chưa con cái gì, dễ lên tòa mà kiện phụ tình được ư?

– Tôi cũng nghĩ thế, nhưng thấy thiên hạ, bạc tình thì nhiều, chung tình thì ít, biết cùng ai mà tính cuộc trăm năm?

– Chẳng nói dấu gì... Ý tôi cũng muốn kiếm một người để ở Sài Gòn làm ăn buôn bán, cứ một cái cước tầu không mất, là đủ lãi rồi.

Kìa! Tôi chỉ giúp cho họ, mà nên giàu có chán ra đấy, nữa là mình làm cho mình? Giá bác với tôi, gặp nhau ta nổi cơ đồ buôn chung, tưởng làm giàu cũng không mấy lúc!

Thị Phượng nghĩ thầm trong bụng, ta nay hai bàn tay trắng, chính ở ngay xứ sở nhà mình, cũng khó tìm đường nuôi sống, huống chi bơ vơ góc bể bên trời, nếu không đem thân nương tựa vào ai được, lúc mạnh đã vậy, lúc yếu sao? Thôi, chẳng thà, đã liều, cũng phải liều theo, trong vận rủi, hoặc có hồi may chưa biết.

Vả lại đi về người ta đãi mình một cách đặc biệt như thế, nể lòng không lẽ cầm lòng cho đang...

Bèn sượng sùng đánh bạo đáp rằng:

– Bác có lòng thương còn gì bằng...

– Nếu bác bằng lòng được, mỗi tháng xin đưa 3 chục để chi tiêu, còn việc buôn bán sau này sẽ tính.

Thị Phượng nửa mừng, nửa nghĩ buồn tênh; mừng là mừng được chốn ấm no, khỏi sớm lo bữa sớm, chiều lo bữa chiều. Buồn là buồn, mình người cửa gấm buồng thêu, vì quá nghe ai, đến nỗi trôi hoa dạt bèo, bên trời góc bể. Có trải mùi nhân thế, mới biết đường đời là cạm bẫy, người đời lắm xỏ xiên, cái số vô duyên, tuy có trời, mà cũng tại ta, biết yên phận can gì ra đến nỗi? Nào những lúc, cơm trắng cá gỡ, kẻ hầu người hạ, giầu cau Nghệ, chè mạn sen, cái thân đương sung sướng như tiên. Đến bây giờ đem thân bỏ nước non người, biết mặn mà với ai? Hoài người ngọc để Ngâu vầy, uổng cành Ngô cho Phượng đậu, đời người như thế, thôi còn gì nữa mà mong? Nghĩ càng riêng giận cho ai, đem người đẩy xuống giếng khơi, dắt con đi bỏ chợ, coi người cũng ra vẻ, ai ngờ đâu là tổ Sở Khanh!... Làm cho mình phải lênh đênh, thành cái đời không có tý gì giá trị.

Ký Phong thấy Thị Phượng có ý nghĩ ngợi, không vẻ tươi cười, tưởng rằng chê 3 chục bạc ít chăng? Bèn nói rằng:

– Cứ kể tháng từng ấy, ăn xài ở Sài Gòn, phải tiện tằn lắm mới

đủ. Nhưng tôi làm tháng có 40 bạc lương để lại có 10 đồng xe pháo diêm thuốc, thế cũng là hà tiện vắt ruột ra rồi, còn về phần nuôi cha mẹ tôi, không có một xu nào cả. Vậy hãy bằng lòng tiêu thế, rồi sau sẽ lại liệu dần.

Thị Phượng trả lời rằng:

– Không, tôi có phải chê ít gì đâu! Vì nghĩ cái thân thế của tôi, nó làm cho phải buồn rầu, không biết bác thương, có cho trót được không, hay lại nửa đời nửa đoạn như ai, thì cái thương nhau ấy, lại bằng mười phụ nhau?

– Người ta thế nào chẳng biết, chứ như tôi một lời nói ra, như dao chém cột, ai phụ ai xin đã có trời!

Thị Phượng nghe Ký Phong quyết đoán hẳn hoi, bụng nghĩ thầm rằng:

– Anh chàng này, người tuy ít học, không linh lợi như Hoàng Hồ, nhưng xem ý thực thà, không bố lém. Thôi hữu tài vô hạnh mà làm gì?... Bèn trở sầu làm vui, hỏi bỡn lại rằng:

– Vậy chưa có kim ốc [1], lấy gì chứa ái kiều?

Ký Phong vốn không học Nho, nghe không hiểu Thị Phượng nói gì, bèn hỏi:

– Xin thú thực, tôi thất học từ năm lên ba, bác nói chữ, tôi nghe như chú Tàu nghe kèn vậy.

– Không, tôi cũng là dốt hay nói chữ đấy thôi... Nghĩa bây giờ vợ chồng lấy nhau chưa có nhà cửa ngay, thì vào ở đâu?

– Mình định vào ở nhà ai, thì hãy nên trọ tạm một vài hôm, rồi sẽ tìm nhà mướn, hoặc Khánh Hội, hoặc Cầu Kho vừa rẻ tiền, lại vừa tầu vào đi lại cũng tiện.

Hai người đã tâm đầu ý hợp với nhau rồi, Ký Phong bèn đưa Thị Phượng ra giới thiệu với anh em làm tầu, từ đấy Thị Phượng đổi theo tên người ta gọi là "cô Ký".

Ngày vui thấm thoắt, ngắn chẳng đầy gang, quanh đi quẩn lại, tầu đã tới bến Sài Gòn, đi về lối cũ đã quen, không còn bỡ ngỡ như trước, cô Phượng với cô Tuệ, gửi cả hàng họ dưới tầu, hai người xách va li, xuống thuê xe kéo về nhà Nguyễn Văn Đối, Đất Hộ.

---

1. *Kim ốc*: nhà vàng, nhà cao đẹp.

Xe vừa đậu xuống trước cửa, vợ chồng Nguyễn Văn Đối thấy Thị Phượng lại dắt thêm một ả nào theo nữa, trong bụng đã không bằng lòng, bảo nhỏ với nhau rằng:

– Quái! Hắn đã về, sao không ở nhà, lại bò vào đây, còn dắt thêm một cái nợ nữa làm gì thế kia? Nhưng mới vào chân ráo chân ướt, không tiện nói ra, cũng chào hỏi một câu mặn mà nước ốc mà:

– Kìa, bác đã vào đấy ư?

Thị Phượng vội mừng trả lời rằng:

– Bác trai, bác gái, thế nào độ này có phát tài không? Vẫn mạnh giỏi đấy chứ?

– Vâng, cám ơn bác! Vợ chồng nhà tôi, nhờ trời đất cũng kiếm đủ bát ăn... Bác sao không ở ngoài ấy?...

– Vâng, tôi định vào xách gói bán rong, theo đòi hai bác đây, vì ở Hà Nội, miệng đói nên đầu gối phải bò.

– Bác nói nhún mình làm gì, có đời nào phượng hoàng lại đi theo đàn gà?

– Còn bà này là thế nào?

– Thưa, mợ nó cũng muốn vào, để tập đòi theo buôn bán đấy ạ!

– Bà có đem hàng gì vào không?

Thị Tuệ trả lời:

– Thưa, tôi có đem vào được ít hàng vặt, còn gửi ông Ký ở dưới tầu mai mới dỡ lên.

– Trong này đương khan lãnh Bưởi lắm, bà có không?

– Thưa bà không, chỉ có guốc với thuốc lào thôi.

Bà vợ ông Nguyễn Văn Đối nghĩ thầm:

– Buôn con khỉ gì?... Hai người dẫn xác từ Hà Nội vào, được có mấy bồ guốc... Thế mới gọi là buôn buồn...

Bèn vào bếp làm cơm nước bưng ra, mời hai người ăn uống đâu đấy, đến mai bảo Thị Phượng:

– Ở đây chật chội quá, bác tìm nhà khác buôn bán cho tiện. Thực vợ chồng nhà tôi không dám tiếc gì, xin bác cũng đừng phiền!...

Nguyễn Văn Đối cũng hỏi:

– Bác về cụ Huyện nói sao, mà lại phải trở vô?

– Thưa, tôi về, thì cụ nhất hướng đuổi đi, cực chẳng đã, nên tôi mới phải quay vào, cũng tự biết mặt dạn mày dầy, khó coi lắm. Nhưng đương lúc lỡ thân túng đất, hãy xin ở nhờ hai bác hôm nay, rồi chị em tôi sẽ dọn đi nơi khác. Mà cậu Hoàng Hồ từ hôm đi, có gửi thơ từ gì về thăm hai bác không?

– Có, khi ra đến Tân Gia Pha có gửi về một cái thơ, mới rồi ở Madagascar lại gửi về cái thơ nữa, có lẽ nay mai mới tới Tây.

– Hôm nào bác được thơ, nói đích ở đâu, bác làm ơn cho biết, để tôi gửi thăm cậu ấy cái thơ nhé!

Nguyễn Văn Đối nói xin vâng.

Chuyện trò đâu đấy, Thị Phượng đi với Thị Tuệ, vào Cầu Kho mướn được gian nhà, tháng 6 đồng, bèn về từ giã vợ chồng Nguyễn Văn Đối xách va li đi, đi sắm đồ cần dùng, rồi quay xuống tầu nói chuyện với Ký Phong, và thuê xe đem 3 cái bồ lên. Đến tối Ký Phong lên bày biện đâu đấy, cứ ngày xuống tầu làm hai buổi, rồi lại về nhà, Thị Tuệ thì dọn hàng ra bán ở Chợ Mới.

Mấy hôm tầu chạy, Thị Phượng một mình ở nhà, thầy cũng tôi, tớ cũng tôi, vất vả quá, sau cực chẳng đã, phải ngày hai bữa ra đánh cơm hàng ở ngoài tiệm, Thị Tuệ cũng vì chợ xa, đi về tốn, cũng đòi ở riêng nơi khác. Thành ra nhà chỉ có một mình Thị Phượng, sớm khuya thui thủi một mình. Ngày còn đi đây đi đó, tối về ro ró một bóng một đèn, canh dài đằng đẵng, buồn gớm buồn ghê! Nghĩ mình từ hồi cha mẹ đẻ ra, mới lần này cực khổ là lần thứ nhất.

(Người ta có thức lâu mới biết đêm dài, có qua cái cảnh khổ, mới biết hết cái sung sướng là sung sướng. Như cái thân thế cô Phượng, đương giường cao chiếu sạch, trướng phủ màn che, chỉ vì cái cả nghe, thành ra lỡ bước sa chân, thân tàn ma dại, muốn hồi đầu lại, đã thành ra người quá độ).

Một buổi tối kia, Thị Phượng đi chơi mát ngoài phố Bến Thành, thấy vợ chồng người cặp nào cặp ấy, như chim liền cánh, như hoa liền cành, coi rất có cái nhân sinh lạc thú. Ngắm lại mình, chẳng góa cũng như góa, không tu cũng như tu, bóng chiếc thân cô, một mình thui thủi. Bèn vừa đi vừa than thở lẩm bẩm nói rằng:

– Chém cha cái số, chẳng khác gì hoa mẫu đơn, chỉ có sắc không hương! Những tưởng rằng, phận đẹp duyên may, nào ngờ đâu thân tàn ma dại, không bằng mấy ả lầu xanh, trận cười suốt đêm, cuộc say

đầy tháng, sống làm vợ khắp người ta, thế mà lắm kẻ có tàn có tán, đĩ hóa ra bà, cũng nhan nhản biết bao nhiêu mà kể. Chao ôi! Chính chuyên chết cũng ra ma, đời kim tiền này, chữ "Trinh" không có giá trị! Vả lại thầy Ký nhà mình hàng tháng mới gặp mặt vài ngày, ba chục bạc ở đất Sài Gòn, chỉ có cầm hơi nước lã mới đủ sống... Thôi chẳng thà, thân ta ta phải lo âu, liệu kiếm cách làm thêm cặp vào, tội gì cứ chịu đeo mãi cái u sầu, đã quá bước còn quản gì thân nữa! Nay đã một lầm hai lỡ, con lươn bao quản lấm đầu, nào ta có phải vốn người đây đâu mà ngại.

Thị Phượng bụng tuy nghĩ thế, nhưng cành hoa không lẽ bán rao. Một hôm có một người Bắc tuổi ngoại tam tuần, mày râu nhẵn nhụi, mặc áo sa tanh, tay cắp cái cặp, nói là một nhà buôn bán ở gần Chợ Mới, vốn trong nhà chủ trương đã có chị Hằng, cùng Thị Phượng trước còn gió trăng, sau ra vàng đá, bèn mượn tiếng đi rao hàng các tỉnh, hai người lén dắt nhau đi, hết mạn Tiền Giang, qua mạn Hậu Giang, lại trở về Sài Gòn. Từ đấy về sau, nào anh đóng giầy, bác bán mũ, ong qua bướm lại; trong mấy năm giời, biết bao nhiêu tình tình nghĩa nghĩa, ái ái, ân ân, thân nghìn vàng không đáng giá một đồng điếu.

Đêm hôm vắng vẻ, lương tâm nàng tự nhiên phát hiện, nghĩ lại thương cái thân lưu lạc, cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn, thương cho phận, mà ngán cho duyên, cũng cái tiếng tóc mây răng huyền, sao người thế, mà ta thế? Ừ! Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng, mình già tuổi yếu, đá kia còn đổ mồ hôi, hồng nhan phải giống ở đời mãi ru? Nên càng nghĩ lại càng đau, bước đường tương lai càng đáng ghê đáng sợ!

Cách mấy hôm sau, có tầu Ký Phong vào, Thị Phượng bàn bảo rằng:

– Tôi muốn về Bắc nhờ mình xin cho suất tầu!

Ký Phong ưng lời, ngay chuyến tầu ấy, đưa cho Thị Phượng ra Hải Phòng, đến nơi, lên ở chơi với một người chị em, rồi hôm sau đáp xe hỏa lên Hà Nội.

Ngày qua tháng lại, chốc đã sáu bảy năm trời, bây giờ lại mới thấy đây, đi về này những lối này năm xưa! Thị Phượng xuống xe về ở nhà một người quen, hỏi thăm đến chuyện nhà mình, thì ông anh buôn thua bán lỗ, đã dời nhà dắt mẹ vào ở trong Đà Lạt. Cậu Hoàng Hồ cũng mới bên Tây về, kết duyên với một me tây già nào.

Trong lòng nghĩ chán như cơm nếp; người giầu có cũ phần nhiều nghèo hèn, nhà thế phiệt [1] xưa đều là sa sút. Có mấy năm mà cuộc đời biến đổi rất mau như thế, thực là không ai ngờ đến.

Người bạn nói rằng:

– Chuyện ấy cũng không lạ gì, phàm làm nên mới lâu, làm hư thì chóng, cái nghề phú quý hay sinh liêu, xa lỡ gặp mấy ông con, gậy vông phá nhà gạch, thì đến núi kia cũng lở, nữa là đồng tiền có hạn.

Thị Phượng nghe nói, thở dài một tiếng mà rằng:

– Thế mới biết ở đời muôn sự biến ảo không thường, đương ông hóa thằng, đương thằng hóa ông, hễ có chí làm quan, có gan làm giàu, chẳng cứ con vua rồi lại làm vua, con ông thầy chùa vẫn quét lá đa...

Cách mấy hôm sau người bạn bảo Thị Phượng rằng:

– Tôi xem bác còn đầu xanh tuổi trẻ, vả thân gái một mình trong mấy năm linh đinh nào Sài Gòn, nào Hải Cảng, mà cũng chẳng gặp người tri kỷ gửi gấm cái thân sau này, nay đã quay đầu về xứ sở, không lẽ lại còn đi nữa. Thôi chẳng thà xem nơi nào xứng đáng, ai thương yêu đến, ta làm bạn với họ, như đũa có đôi, lúc vui lúc buồn có nhau, chẳng hơn phòng không vò võ một mình khi lành mạnh đã vậy, lúc đau yếu làm sao?

– Tôi cũng có ý ấy, nhưng thiên hạ bợm sỏ thì nhiều, người hay có mấy, nên chưa biết tính làm sao.

Người bạn nói:

– Có cậu Lưu Quý Thích sang tòng chinh hồi Âu chiến mới về, làm ăn nghề cho thuê xe đám tang, rất phát đạt lắm, vốn người hào hiệp, có vẻ phong lưu, hôm qua đến chơi đây, thấy bác hỏi thăm, có nhờ tôi đánh tiếng hộ. Giá bác làm bạn với ông ấy được, thì thật là tốt đôi.

– Thế người ấy đã có vợ chưa?

– Người An Nam ta theo thói quen, mới nứt mắt đã cưới vợ, ai ngoài ba mươi tuổi, còn gọi là trai tân bao giờ? Mà họ có lấy mình, tất phải yêu cầu ăn riêng ở riêng, lớn ra phận lớn, tôi đành phận tôi, vậy có hại gì?

---

1. *Thế phiệt*: quý tộc lâu đời.

– Vậy hôm nào ông ấy đến, bác cho biết, tôi xem tư cách ông ấy ra sao, rồi mới có thể liệu được.

Đương nói chuyện, thì Lưu Quý Thích vừa đến, Thị Phượng đứng dậy vào nhà trong, chủ nhà mời Quý Thích ngồi ghé tai nói nhỏ mấy tiếng, rồi vào mời Thị Phượng ra.

Thị Phượng sượng sùng đánh bạo ra chào, Quý Thích nói rằng:

– Tôi có nghe bà chủ đây nói, cô mới ở Sài Gòn ra, muốn tìm kẻ chung tình, kết làm đôi bạn, tính cuộc vuông tròn về trăm năm. Nên tôi có ngỏ lời tự hiến, nhờ bà chủ làm băng nhân [1]. Còn không biết ý cô thế nào, đài gương soi đến dấu bèo cho chăng?

Thị Phượng ngập ngừng đáp rằng:

– Em nay như con chim bị ná, thấy cây cong mà sợ, chứ không phải rằng còn kén cá chọn canh gì. Cậu có lòng thương yêu đã đành, nhưng còn kẻ lớn trong nhà, lòng trên trông xuống biết là có thương?

Quý Thích nói:

– Ớt nào ớt chẳng cay, ghen tuông vốn tình thường nhi nữ. Trăm điều cô cứ trông vào một tôi... Tôi thuê nhà cho cô ở riêng là cùng chứ gì nữa.

– Nhưng tôi còn sợ, miệng bình khôn bịt kín, cái kim trong túi, ngày một lòi ra, dấm chua bằng mấy lửa nồng, có thương yêu đắp điếm, cũng được một vài phần mà nếu chàng Thúc bó tay, con ong cái kiến, bé mồm bé miệng, biết kêu ai bấy giờ?

– Việc gì chứ việc ấy cô không cần phải lo, rồi đây tôi sẽ về thú thực với nhà, thế nào cũng trong ấm ngoài êm. Và sự đã dĩ nhiên, mợ cả nhà tôi, không phải như thói người ta, bẻ hoa trên cành, làm cho rẽ thúy chia uyên, như mụ Hoạn đâu, mà cô phải lo ngại!

Một lời đính ước, hai mặt đàm tâm, Quý Thích sang thuê nhà ở tạm bên Gia Lâm, được ít ngày, sau vì có một viên tai mắt ở địa phương ấy, vốn có tiếng máu dê, cường gian với cả sư ni ở một cảnh chùa gần đấy. Thấy Thị Phượng người hương trời sắc nước đắm nguyệt say hoa, một mình ở túp lều tranh, hỏi ra mới biết là tiểu tình [2] của Lưu Quý Thích, có ý ngấp nghé muốn phỗng tay trên,

1. *Băng nhân*: người mối lái.

2. *Tiểu tình*: vợ bé.

Quý Thích phải dời về ở Kim Liên, cách Hà thành độ 3, 4 kilômét, vào mãi hang cùng ngõ hẻm, cho mặc quần áo nâu vải làm nghề dán hàn hộp hàng mã, để thử xem cô ta có chịu nổi khổ hạnh hay không. Cứ tuần lễ lại cho trang điểm xuống Tràng Tiền, vào chơi xem các nhà hàng Tây rồi lại về.

Quý Thích thấy Thị Phượng đã tự tỉnh, chịu an bần, bèn về ngỏ lời ướm thử ý tứ trong nhà, trước còn nói xa, sau mới thú thực.

Bà vợ cả nói rằng:

– Tài trai lấy năm lấy bảy, tôi chẳng cấm đoán gì cậu, nhưng xin hỏi cậu, đã giàu có bằng nhà ông Phan Bách Vạn chưa? Tất nhiên cậu cũng tự biết là chưa bằng được... Vả lại hai ba con với chồng, mà còn bỏ đi theo trai, lưu lạc giang hồ làm vợ khắp người ta, nay trở về đất tổ quê cha, lại bám lấy cậu, biết đâu sau này, lại chẳng bám lấy người thứ hai cậu nữa. Cái đồ đĩ ấy, ai còn dám chứa vào nhà, làm chị làm em sao được?

Quý Thích thấy việc không xong, nhưng chưa biết tính kế nào, nghĩ bỏ thì thương, mà vương thì tội...

Nghĩ đi nghĩ lại, cũng thường định dắt nhau sang Hương Cảng. Sau vì lộ chuyện, bị bà cả tóm được. Thị Phượng phải trốn xuống Hưng Yên, vô ở nhờ một cảnh chùa.

Thị Phượng nương thân trong cảnh thiền [1], nghe sư tụng kinh, tiểu niệm Phật, chuông chiều mõ sớm, hương tối đèn khuya, bao nhiêu lòng trần niệm tục, tưới theo giọt nước cành dương, tuy muối dưa chay lòng, nhưng xa bụi hồng, như gần rừng tía. Có ý tỉnh ngộ, khám phá hồng trần, biết sắc tức là không, bể ái thuyền tình, là dây oan nghiệt nghĩ kiếp xưa đã vụng đường tu kiếp này chẳng khỏi đền bù mới xuôi, đắng cay đã trải mùi đời, nghĩ đôi phen sợ rụng rời đôi phen! Nay đã ba mươi mấy tuổi đầu, còn duyên đâu nữa mà mong, đem thân gửi chốn cửa không cũng vừa.

Một hôm nàng xin với sư già, muốn thế phát [2] đi tu nương thân cảnh Phật.

Sư bà nói rằng:

– Tu là cội phúc, ở đây cửa Phật, cũng chẳng hẹp gì, nhưng số cô

---

1. *Cảnh thiền*: cảnh chùa, cảnh tu hành.
2. *Thế phát*: cắt tóc (để đi tu).

còn nặng nợ má đào, người dầu có muốn trời nào đã nghe? Vì nhân quả của cô như thế; còn phải trầm luân khổ ải, ít lâu đây sẽ giải thoát trần duyên, được tự do tự tại, chẳng tu thì cũng như tu khác gì?

Vả việc tu hành khó lắm cô ạ! Những sư mô bây giờ, phần nhiều tu hú cả đấy. Chẳng qua họ khẩu phật tâm xà [1], trốn việc quan đi ở chùa, làm ô uế cả đạo Phật, là đạo rất cao thượng siêu việt, quảng đại từ bi, không có tuệ căn, không thể chứng quả Bồ Đề được, chứ dở dang lại càng tội lắm. Ai chẳng biết cảnh đời là cảnh khổ, nên Phật tổ ngài vì chủ nghĩa cứu thế, thương kiếp nhân sinh, bị bốn khổ "Sinh, lão, bệnh, tử" bà đốc, tham "sân si" hiện thân ra thuyết pháp, cứu độ chúng sinh, cho muôn cảnh đều bởi tâm minh tự tạo ra cả. Chỉ tĩnh lấy tâm, ma trướng sẽ tuyệt. Như cô trước, đã rước lấy oan nghiệt, nó theo đuổi cho đến già, muốn gỡ cho ra cũng còn khó...

Thị Phượng nghe sư già điểm ngộ, biết thân tránh chẳng khỏi trời. Thôi, cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh!

Một bữa kia, có ông Tham Bách làm ở tòa sứ Hưng Yên, vào chơi chùa thấy Thị Phượng người mặt hoa da phấn, răng đen tóc dài, hỏi dò la mới biết là người vì trái duyên phận, bực mình đem thân nương cảnh Bồ Đề.

Bèn hỏi dò bà vãi hộ ở chùa ấy, rồi nhờ đánh tiếng với nàng.

Một hôm Thị Phượng xuống dưới trù phòng [2] bà vãi già trước còn nói xa xôi rằng:

– Ở chùa khổ hạnh lắm, như tôi hai mươi năm gần kề miệng lỗ, không con không cái, ở đây sư bà bố thí, hột rơi hột vãi, không con không cái, sống ăn gửi, chết nằm chờ, cho qua ngày thì thôi. Chứ cô tội gì, người còn trẻ măng, có tài có sắc, nỡ hoài thân thế, đem gấm vóc đổi lấy nâu sồng, thành phật chửa thấy đâu, cái thân hãy khổ đã!

Có ông Tham nọ, người phong lưu uẩn tạ [3], vả lại làm việc đầu phòng tòa sứ, danh giá nhất tỉnh Hưng Yên, có nhờ tôi bắn tin, muốn cưới cô làm tiểu thiếp. Giá cô làm bạn được với ông ấy, cái tiếng bà Tham, chẳng hơn cái tiếng bà vãi ư?

Thị Phượng trả lời rằng:

---

1. *Khẩu Phật tâm xà*: miệng nói nhân từ mà lòng độc ác.
2. *Trù phòng*: nhà bếp.
3. *Uẩn tạ:* hào hiệp, hay thương người.

– Cái cảnh chồng con, tôi đã chán như cơm nếp nát, chỉ muốn tu hành, để dành kiếp sau, họa có duyên gì, chứ kiếp này thì hẳn thôi già ạ!

Bà vãi hộ nói:

– Sự đời như bàn cờ, hỏng cuộc này ta xóa bầy cuộc khác, trăm ván thua, cũng có một ván được, không lẽ vận rủi lại chẳng gặp hồi may, thất bại là mẹ thành công, cô hãy còn trẻ trung, đừng nên chán đời vội.

Thị Phượng thở dài một tiếng rồi nói:

– Đời người không biết sống là vui, già bảo nên chán hay không nên chán? Tôi trong bảy, tám năm nay, thân phận lạc loài, cánh bèo mặt nước, lênh đênh đâu cũng là nhà, ngoài ba mươi, mà vẫn chưa nên gia thất. Nên bất đắc dĩ đem thân nương chốn cửa không, còn chi thế sự, mà mong nhân tình? Thôi, chẳng thà, lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa, mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên; đã tu, tu chót, qua thì thì thôi! Già ơi! Việc gì chứ việc ấy, ai có bảo già, thì nên mũ ni che tai đi nhé! Kẻo sư già người biết, lại khổ cả đôi...

– Ông Tham ấy, là người hách dịch nhất ở đây, và là đàn việt [1] chùa này, sư cụ ta, có việc gì phải lên tòa Sứ, thường nhờ một tay ông ấy giúp cả. Vả tôi thấy cô, người yểu điệu, bức phong lưu, chắc không thể nào chịu khổ hạnh lâu được, nên mới dám ngỏ lời, nếu không, dẫu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh, mặc ả mặc anh, lão cũng mũ ni che tai, sự ai không biết. Vả lại ở đây cửa phật, nào phải lầu hồng, mà sứ điệp tin ong, chẳng sợ đức Thanh ông, ngài phạt xuống mười tám từng địa ngục, đầy vào kiếp luân hồi cho khổ thân? Song nghĩ kinh Phật ngài có dạy rằng: “Muốn cho những kẻ hữu tình, đều thành quyến thuộc” nên tôi nghĩ việc cũng là việc phước, cứu một người phúc đẳng hà sa, nếu cô biết liệu sớm lo xa, tưởng nên vãi già này là phải!

Thị Phượng thở dài rồi đứng dậy, miệng niệm: Nam vô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát!...

Ông Tham Bách tự hôm đi chơi chùa, thấy Thị Phượng người sắc nước hương trời, không biết vì sao mà bỗng lạc loài đến đây? Có nhờ bà vãi Hộ hỏi ướm, muốn đem xích thằng đổi lấy kim thằng, rồi trở về nhà, thành như người tương tư, mặt ngơ ngẩn mặt, lòng

1. *Đàn việt*: người bỏ tiền của giúp nhà chùa.

ngáo ngan lòng. Thường ngày quên ăn, đêm quên ngủ, thoạt nằm thì thoạt chiêm bao!

Một đêm kia, tham Bách đương ngủ, mơ màng nói to tiếng rằng:

– Thế nào già cũng hộ tôi cho thành quả phúc nhé! Công đức ấy, dẫu đúc chuông tô tượng nào bằng!

Bà vợ nghe rõ đầu đuôi, biết chồng mình quả có ngoại tình, thảo nào trong ít lâu nay, ra ngẩn vào ngơ, xem ý đối với mình có điều lãnh đạm, không đằm thắm như xưa.

Tức thời máu ghen nổi lên, muốn gọi tỉnh ngay đức ông chồng dậy, tế cho một hồi, song nghĩ lại, môi hở thì răng lạnh, xấu chàng cũng chẳng ai khen gì mình. Vả ghen như thế là ghen tầm thường!... Mụ Hoạn là ai? Ta là ai? Ta há chịu thua gì mụ Hoạn, một mình nổi tiếng ghen mấy trăm năm về trước hay sao?

Nghĩ đi nghĩ lại, bụng bảo dạ rằng:

– Bất độc bất anh hùng, phải làm cho biết tay ta, cho nhìn chẳng được nhau, dầu có kết oan cừu, hiện hình lên mà đòi mạng là cùng chứ gì nữa! Thôi, ta phải dẹp cái tính hổ lửa, hãy lừa người cho mắc vào khuôn đã...

Cách mấy hôm sau, vợ chồng ngồi ung dung trò chuyện, mợ Tham bảo cậu Tham rằng:

– Này cậu ạ, cậu ngày hai buổi, mắc làm việc quan, tôi một chốn đôi quê thường phải đi về, công việc trong nhà phó thác cả cho đầy tớ, đâm toang bỏ vãi, như thế cũng không được. Hay là xem con nhà nào tử tế, chăm chỉ làm ăn, cậu cưới lấy một người về, để giúp đỡ việc nhà, trông nom đoàn trẻ, cho vui cửa vui nhà, có chị có em chẳng tiện hơn ư?

Cậu Tham thực bụng, bèn đem chuyện Thị Phượng kể với mợ Tham mà rằng:

– Có một cô ả ở trên Hà Nội, không biết vì trái duyên kiếp làm sao, trốn xuống Hưng Yên, nương thân trong một cảnh chùa, chí định muốn đi tu, nhưng sư cụ chưa chịu cho thụ giới. Người ấy, xem ra con nhà nền nếp, khác kẻ trăng hoa, vả lại cũng có tư sắc. Giá lấy thì lấy người ấy còn ngoài ra, những đồ ăn hại đái nát, lấy về cho om cửa om nhà, chẳng ích gì mợ ạ.

– Thế sao cậu không lấy ngay, để lâu ngày, lỡ người ta đã thế

phát rồi, thì còn nói gì nữa?

– Chẳng giấu gì mợ, tôi đã nhờ bà vãi Hộ, hỏi ướm xem ý cô ta thế nào, nhưng nghe còn ước ao những chuyện thành tiên thành phật, không muốn lấy chồng lấy con. Tôi vì còn sợ mợ ghen, nên cũng chưa dám cả quyết!

– Vậy đám ấy chẳng lấy, thì lấy đám nào, cậu nghĩ gò riết làm sao, chứ nhờ bà vãi Hộ, thì họ chỉ quen mô Phật, biết đâu đến nhân tình. Thôi, hôm nào cậu đưa tôi đến xem người ấy ra sao, lại muốn làm sư cô, muối dưa khổ hạnh?

– Ừ, được, chủ nhật này, tôi đưa mợ đi, nhưng mợ đừng có nổi máu ghen, thì hỏng cả việc!

– Cậu xưa nay đi chơi bời hát hỏng, có thấy tôi ghen tuông bao giờ chưa?... Tôi muốn đi với cậu, trước là ta lễ Phật, sau thăm bà vãi trẻ, chứ việc gì phải vặc với nhà sư?

Một hôm vào ngày nghỉ lễ, hai vợ chồng ông tham Bách đưa nhau đi chùa, sư cụ thấy có quí khách đến, rất hết lòng hoan nghinh, mợ Tham liếc mắt thấy Thị Phượng, người tuy nét mặt có vẻ buồn mà anh hoa phát hiện ra ngoài, rõ ràng trong ngọc trắng ngà, đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây? Không trách sao cậu Tham nhà mình lại chẳng chết mê chết mệt.

Lễ xong, mợ Tham một mình lân la hỏi thăm Thị Phượng:

– Thưa bà ở tỉnh nào mới tới đây?

– Thưa chúng tôi ở Hà Nội ạ.

– Bà cũng là bà con với sư cụ ở chùa đấy ư?

– Thưa chúng tôi cũng là khách thập phương qua đây, thấy đất lành chim đậu, chứ không phải là máu mủ ruột già gì.

Buổi mới lạ lùng, nên mợ Tham cũng không muốn hỏi cùng cành ngọn, bèn từ biệt, giã sư giã cảnh ra về.

Khi đi đường, mợ Tham bảo cậu Tham:

– Người ấy trông cũng có mẽ con người, nghĩ tài nên trọng, mà tình nên thương, cậu cứ lấy cô ta về nưng khăn sửa túi, trước hầu hạ cậu, sau đỡ đần tôi, cho trong nhà có chị có em, vườn thêm hoa, cũng là một việc vui thú trong gia đình.

Vậy cậu nó đừng có ngại rằng, thêm người càng thêm ỏm tỏi, gái này dẫu vụng chẳng hay suy, cũng chẳng đến nỗi như ai, vì

ghen tuông mà làm cho gia đình tan nát, để bia miệng thế cười. Người ta có dung kẻ dưới mới là người trên...

Cậu Tham nghe mợ Tham nói, mừng nở buồng gan, như tên tù phạm được quan tòa tha cho trắng án, chẳng ngày nghỉ nào là không dò đến chùa, như người ăn phải bùa mê; nếu không thấy được mặt Thị Phượng, thì ăn không ngon, ngủ không yên giấc.

Thị Phượng vì tục căn chưa tĩnh, không chịu nổi được khổ hạnh, thấy quan Tham bóng dáng, cũng có tình đeo đai. Bụng nghĩ: Sư cụ ngài xem nhân quả, có dạy ta rằng "kiếp còn nặng nợ má đào", nên người không chịu cho thụ giới, hay phật trời run rủi, cho gặp cậu Tham này, hoặc giả hết vận kiển đến hồi may cũng chưa biết chừng...

Một hôm ông Tham tình cờ bắt gặp Thị Phượng tưới rau ở đằng sau vườn, bèn lẳng lơ đến gần hỏi rằng:

– Tiểu đâu mà sư cô phải tưới rau?

Thị Phượng cúi đầu đáp rằng:

– Thưa ngài! Hữu thân hữu khổ là cái lẽ thường...

– Tôi vì yêu hoa, nên phải tìm hoa. Cô như khóm lan mọc ở hang sâu, chẳng uổng cái mùi hương vương giả? Tội gì mà khổ hạnh tương dưa, làm sãi vãi ở chùa cho gầy vóc ngọc, cho hư má hồng?... Đời người sống được mấy gang, sung sướng tức là phật tiên, cô chẳng thấy người ăn ngay ở hiền, cù liền bất toại chán vạn ra đấy!

– Tôi vì nhân quả dở dang, chưa nửa đời người, đã nếm trải biết bao nhiêu mùi cay đắng. Hay kiếp xưa có tội gì, xuống trần mà trả nợ đi cho rồi. Nên bực mình, đem thân nương cửa bồ đề, kiếp sau may có được thoát ly những sự éo le phiền não chăng?...

– Đạo Phật cốt tu tâm dưỡng tính, há phải cứ khổ hạnh mà thành đạo được ư? Cho nên tục ngữ ta đã có câu: "Thứ nhất thì tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa". Vậy cách tu há phải một đường, gõ mõ khua chuông, sớm kinh tối kệ, mới là tu đâu?

Chẳng thà cô muốn tu, về tu tại gia với tôi, còn được mau thành quả phúc, tội gì khổ nhục, ở chốn thuyền già [1], rồi chết cũng ra ma, vậy chẳng thiệt cái đời xuân xanh kia lắm!

Thị Phượng ứa hai hàng lệ mà rằng:

---

1. *Thuyền già*: hoặc thiền già, chỉ đạo Phật – chốn thuyền già là nhà chùa.

– Cái kiếp lấy chồng chung bất hạnh làm thân lẽ mọn có khác chi con ở chủ nhà. Chẳng qua chỉ có cái danh, xưng là "Dì thứ" mà thôi...

– Không, nhà tôi hiền lành như bụt, không phải sư tử như ai, vả đến thằng nhỏ con nhài, cũng không hề nói to tiếng, nếu cô không tin, mai tôi sẽ cho mợ nó nhà tôi đến, cô nghe câu chuyện, xem có phải thực thà như đếm không?

Thị Phượng cúi đầu nghĩ ngợi một hồi lâu, rồi đáp:

– Vâng, ngài có sở cầu, xin mời cả bà Tham đến, nếu ngoài êm trong ấm, trên thuận dưới hòa, cho dây sắn được nhờ gốc mai. Chỉ sửa cái lễ cúng chùa, tôi sẽ giã sư giã cảnh theo về sửa túi nưng khăn, lớn ra phận lớn, tôi đành phận tôi... Vì tôi đã lỡ một lầm hai, như chim sợ ná, thấy cây cong mà ghê, nay còn lại vương lấy tơ kia mấy lần.

– Tôi đây, há phải bốc rời như ai, nói rồi, rồi lại ăn lời như không đâu, có yêu nhau, trăm điều xin cứ trông vào một tôi là đủ, đừng ngại gì cả.

Nói rồi, tham Bách từ biệt lui về, và dặn lại rằng:

– Mai tôi sẽ bảo cả mợ Tham nhà tôi đến, để hai bên nói chuyện, khả phủ [1] với nhau, rồi cô xem có phải là sư tử đất đấy không?

Tham Bách về rồi, Thị Phượng một mình ngẫm nghĩ:

– Ừ! Để mai xem giọng lưỡi mợ Tham này ra sao, nếu ưng làm chị làm em, lớn ra phận lớn, năm mười hai tháng, còn có đại, tiểu, nữa người. Nhưng chỉ sợ, bề ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao, cái lòng sâu độc như thế, cũng khôn mò kim ở đáy bể được!...

Buổi chiều hôm sau, hai vợ chồng cậu Tham, cùng dắt nhau đến, trước vào bạch với sư cụ, sau mời Thị Phượng ra phòng khách.

Mợ Tham nói:

– Hôm rằm mới rồi, tôi nhân lên lễ Phật, tình cờ được tiếp cô trong chốc lát, lòng riêng riêng những kính yêu, không ngờ đâu trời Phật sui nên, trong hội ngộ, như có chuyển vần, mà quan Tham nhà tôi lại được cùng cô nối nghĩa Phan, Trần, thật là hữu duyên thiên lý

1. *Khả phủ*: nên hay không nên, phải hoặc trái.

ngộ [1]. Tôi vì việc nhà cũng đơn triết, nếu được cô giúp đỡ một tay, càng như gấm thêm hoa. Chứ tôi không phải như thói người ta, ghen tuông làm cho cửa nhà mất sự vui vẻ, vậy cô đừng ngại. Nga Hoàng, Nữ Anh xưa hai gái cũng lấy một chồng...

Thị Phượng mặt đỏ bừng bừng, ngập ngừng đáp rằng:

– Tôi lìa cửa lìa nhà, xuống đây lạ nước lạ cái, vào nhờ sư cụ, muối dưa chay lòng, chí cũng muốn nương thân trong chốn cửa không, còn tưởng chen chân vào chốn bụi hồng mà chi...

– Tu cũng có ba bảy đường tu, Phật tại tâm, ta tu tâm kiến tính, cũng có thể thành Phật được. Vậy cứ gì ở chùa mới là tu? Vả tôi nghe sư cụ đây ngài nói, số cô còn phải qua một lần dò, dầu muốn trốn tránh, trời Phật chắc cũng chẳng cho nào. Chi bằng về làm bạn với quan Tham nhà tôi, hai gái ta thờ chung một người quân tử, lỡ khi chị ngã đã có em nưng...

Thị Phượng nể lòng không lẽ cầm lòng, bèn trả lời rằng:

– Nếu bà có lòng thương đến cỏ nội hoa hèn, chút thân bèo bọt dám phiền mai sau. Vậy xin nói với sư cụ đây một tiếng, rồi sửa cái lễ Phật, thời bấy giờ tôi sẽ xin giã sư giã cảnh, về hầu hạ lầu trang, cũng không muộn.

– Việc ấy xin thế nào cũng phải có, ta nên mời sư cụ, bạch trước để ngài hay, mai được ngày hoàng đạo [2], xin dưng hương hoa ngũ cúng để đón cô về.

Một chốc sư cụ xuống, mọi người đều đứng dậy chào:

– Mô Phật!... Lạy Phật lạy tổ, lạy sư cụ ạ!...

– Chả dám!... Mời quan lớn bà lớn ngồi...

Mợ Tham nói:

– Bạch sư cụ!... Cô Phượng nhà tôi đây, nhờ được sư cụ bao dung, ở ăn mày lộc Phật, thật phúc đức quá!

Nay tôi muốn rước cô ấy về làm chị làm em, xin cụ từ bi hỉ xả thật là phúc đẳng hà sa... [3].

Sư cụ nói:

---

1. *Hữu duyên thiên lý ngộ*: có duyên với nhau thì xa nhau nghìn dặm cũng gặp được nhau.

2. *Ngày hoàng đạo*: ngày tốt.

3. *Phúc đẳng hà sa*: phúc nhiều như hạt cát trên sông.

– Mô Phật! Thiện tai, thiện tai!... Bà lớn cứ hỏi cô ấy bằng lòng, lão tăng là kẻ xuất gia, việc ấy dám đâu can thiệp!

– Bạch sư cụ! Thưa chúng tôi đã nói với cô cháu rồi, nên mới dám bạch xin cụ đấy ạ!...

Một lời đã đính tâm giao, hai vợ chồng quan Tham bèn từ biệt sư cụ và Thị Phượng, rồi cùng nhau lên xe về nhà.

Sư cụ trở vào phòng nghỉ, nằm ngẫm nghĩ:

Số kiếp chị chàng này, chỉ vì một chữ "tình", mà mình buộc lấy mình, con tằm đến chết cũng còn vương tơ. Gớm mà sao con người ăn nói ngọt ngào thế, mà trong lòng toàn những dao găm. Thế mới biết "tối độc phụ nhân tâm". Mô Phật! Cầu xin trời phật phù hộ độ trì cho Thị Phượng!...

Cách hôm sau, mợ Tham lên chùa đưa cúng hai chục bạc để mua dầu hương lễ Phật, Thị Phượng ra sụp lạy sư cụ hai lạy, rồi từ giã, cùng mợ Tham ra khỏi sơn môn, một xe trong cõi hồng trần như bay.

Tới nhà mở tiệc đoàn viên, mới đủ mặt mấy anh em thân ở bên tòa sứ. Đương lúc ngà ngà chén cúc, mợ Tham đưa Thị Phượng ra chào, nhác trông ai cũng tưởng tiên nữ hạ phàm, Hằng Nga tái thế, đều tấm tắc khen thầm quan Tham có hồng loan chiếu mệnh, lương cao hầu đẹp, cái diễm phúc đời người như thế, bạn mày râu hồ dễ mấy ai hơn!

Tiệc rồi ai nấy ra về, quan Tham bị say lướt cò bợ, hai bà vợ ngồi ngất ngưởng đánh chén với nhau, dì dì, tôi tôi, trong cảnh gia đình, rất có một thú vui nồng nàn vô hạn.

Hôm sau mợ Tham về thăm nhà, cậu Tham, cô Phượng, bấy lâu mới được một ngày, chiều đi làm về, cơm nước đoạn, cậu lân la hỏi thăm đến gia thế Thị Phượng.

Thị Phượng lấy vạt áo lau mắt mà trả lời rằng:

– Việc trăm năm cũ kể chi bây giờ? Tôi nửa đời cơ khổ, chỉ được một hồi lúc bé, lấy chồng Hàng Ngang là sung sướng ít lâu. Còn ra nay Hải cảng, mai Sài Gòn, thân thế tự hồ cánh bèo ở trên mặt nước, lênh đênh đâu cũng là nhà, nói ra càng thêm đau đớn! Sau về kết duyên với Lưu Quý Thích, cũng tưởng cá rồng gặp hội, chẳng ngờ gặp tay vợ cả phũ phàng, làm cho chia uyên rẽ thúy, nên bất đắc dĩ phải đem thân đi ở chùa. Chí cũng toan nương cửa bồ đề, mượn thuyền Bát nhã, vượt qua sông mê bể khổ. Hay đâu số còn nặng nợ, chẳng

trọn đường tu, nửa chừng lại phải hạ sơn, chẳng hay sau này đã hết tuần bĩ cực, đến ngày thái lai hay chưa, cũng không dám chắc.

Cậu Tham nói:

– Xưa nay nhân định thắng thiên, có ta đây cũng chẳng cơn cớ gì, nay đã vui chữ vu qui, vui này còn tưởng sầu kia làm gì cho thêm bận?

Nói rồi bèn nhìn mặt Thị Phượng mà hỏi đùa rằng:

– Người thế kia mà đi tu, chẳng hoài lắm! Sao trời phật không run rủi mợ ở chùa Hòa hay chùa Liên, có lẽ mau đắc đạo lắm?

– Tại làm sao thế cậu?

– Nghe mấy chùa ấy, có nhiều vị sư tu hành đắc đạo lắm chứ sao?

Thị Phượng nghĩ ra mới biết là nói diễu mình bèn đập vào vai cậu Tham, vừa cười vừa nói rằng:

– Cậu phải gió này!... không sợ sau chết sa địa ngục, quỷ đứng vả miệng, quỷ ngồi bẻ răng hay sao, mà báng bổ chẳng từ ai cả!

– Bá ngọ đứa nào nó báng bổ mợ! Tôi khi đương tòng sự trên phủ Thống sứ, nghe mấy cảnh chùa ấy, đã nổi danh ở Hà thành, nên mới hỏi đấy thôi, chứ đã lọt vào đấy, làm sao còn đến được tay tôi. Thế mới biết trời phật còn để dành riêng cho kẻ có tình đấy mợ ạ!

Một bên trai tài, một bên gái sắc, nỗi mừng còn biết lấy gì cho cân? Thấm thoắt tháng lại ngày qua, vừa được hơn một tháng, thì cậu Tham có giấy đổi lên Thượng du, Lai Châu là xứ rừng thiêng nước độc, cậu Tham bàn với mợ Tham cả rằng:

– Đường đi những thác cùng nguồn, những Thổ cùng Mán, không thuận tiện được như dưới trung châu. Hai mợ hãy về tạm trú quê nhà độ một vài tháng, tôi lên xem phong vị ra sao, có thơ về, bấy giờ sẽ đề huề một đoàn thê nhi, cùng bốc cả đại đồn lên. Vậy mợ nghĩ thế nào?

Mợ Tham cả nói:

– Cậu một mình lên chỗ rừng xanh núi đỏ, khi lành mạnh đã vậy, lúc trở nắng trái gió, lấy ai hầu hạ cơm nước thuốc thang? Chẳng thà để cho dì Tham hai nó theo lên, có người sớm khuya trò chuyện, cho đỡ cơn buồn, ở chỗ quê người đất khách, lạ nước lạ non chẳng hơn ư? Vậy nên để cho dì Tham nó đi theo với cậu,

tôi chờ có thơ về, sẽ ngược lên sau, thế là nhất cử lưỡng tiện cả.

Mợ Tham nói rồi, ngảnh lại hỏi Thị Phượng:

– Tôi thì tính thế, dì nghĩ thế nào?

Thị Phượng trả lời rằng:

– Thưa tôi phận gái chữ tòng, chị dạy sao xin vâng thế!

– Vậy ta nên dự bị sẵn đồ hành lý, chờ giấy trên phủ Thống sứ gửi xuống là phải đi ngay. Còn đồ đạc cứ mặc tôi ở đây, rồi sẽ dọn về quê nhà không muộn.

Mấy hôm sau, cậu Tham tiếp được giấy đổi, bèn xe hòm xiểng ra bến đò Tân Đệ, mợ Tham cả và anh em trong sở tiễn chân ra tận bến đò, chờ tàu Nam tới, thẳng về Hà Nội. Bữa sau đáp tầu khác lên Chợ Bờ, rồi sang thuyền độc mộc lên Lai Châu.

Đường đi hai bên thì núi, ở giữa thì sông, chim kêu vượn hót nước suối kêu quanh kẽ ngồi, líu lô mấy anh Thổ đẩy sào, tưởng mình như ông Phạm Lãi, chở nàng Tây Thi đi ngao du cái cảnh Ngũ hồ.

Thị Phượng nhìn xem phong cảnh, rất lấy làm vui mắt, cười nói với cậu Tham rằng:

– Tôi đã từng ra bể, nay lại lên rừng, một dải Đông Dương thế là đã cùng Nam cực Bắc.

– Cổ nhân nói "Đi một ngày đàng, học được sàng khôn" nếu cứ ru rú ở xó bếp như con gái cấm cung, còn biết đâu tình trạng trong xã hội, cảnh trí của giang sơn, không phải cứ đi là bỏ cửa nhà làng nước, xa thân thích anh em, mà cho là hư hoang đãng tử đâu!

– Không, nghĩa là tôi nói cái thân thế tôi, từ khi góc bể bên trời, khi rừng xanh núi đỏ, ông tạo vật trêu ngươi nghĩ thực lắm cái éo le vô hạn!

Đường đi khuất khúc ruột dê, đá mọc lô xô tai mèo, hết thác này, qua thác khác, đứng ghềnh nọ, trông ghềnh kia; nước xuôi thuyền ngược, ròng rã ngót một tháng trời, mới đến Lai Châu. Tỉnh ấy, tuy sơn lâm mà như thành thị, nào người Kinh người Keo, nào người Mường người Khách, kẻ buôn người bán, cũng là một thương trường lớn ở mạn thượng du. Quan cai trị thì quan binh coi cả việc chính và việc hình. Thổ sản nào chè mạn nào cánh kiến, sa nhân, củ nâu, mộc nhĩ, các lái thường buôn về bán dưới trung châu, mà phần nhiều cũng

tay Khách trú lũng đoạn mười phần đến tám chín.

Tới nơi, lên ở nhà công của nhà nước; rượu men lá, thịt nai rừng, phong vị sơn lâm, lạ miệng cũng lắm miếng ngon, mà cũng nhiều cảnh thú.

Cậu Tham lên đến nơi, nơi ăn sở làm, đã yên định đâu đấy bèn viết thơ về nhà cho mợ Tham cả, kể những nỗi đi đường, tả cái thú sơn lâm, rất là lâm li lời lời gấm thêu hàng hàng châu ngọc.

Trong ít lâu thì mợ Tham cả ngược lên thăm chồng, nghĩa cũ tình xưa, đường xa dặm thẳng, kể làm sao xiết muôn vàn ái ân?

Một hôm Thị Phượng đương tự dưng bỗng nghe trong mình, ruột nóng như lửa không hiểu vì duyên cớ làm sao trước còn ngồi yên trong nhà sau ra la bà ngoài phố, người thì cho là lam chướng kẻ thì cho là ma mường mà chẳng bùa nào nghiệm, chẳng thuốc nào ưa, dược sư ngán nỗi, lão quân khôn chiều.

Lúc cười cười nói nói, lúc khóc khóc than than. Có lúc trần truồng, xé toang cả quần áo, có lúc như ri ám, nói nhảm chuyện âm ty. Hết ông lang Khách, đến ông lang Tây, thôi bà nàng này, lại thầy mo khác, cũng đều thúc thủ vô sách, không biết xoay cách nào.

Sau gần miền có một thầy Mường, tinh bói toán biết thuốc men. Tham Bách cho người mời đến. Người Mường xem rồi nói rằng:

– Bệnh này bị ngải, muốn giải phải tìm người buộc, nếu quá bách nhật, thì thầy trời cũng chịu bó tay...

Cậu Tham nghĩ không biết nghi cho ai là thủ phạm đầu độc mà mợ Tham thì cho là đồng cốt quàng xiên, thầy bói nói mò, thành ra một cái nghi án.

Mợ Tham cả bảo với cậu Tham rằng:

– Xem bệnh tình dì nó ngày một nặng lên, ở đây đã khó thuốc men, lại thêm mất thể diện. Âu là cho người đưa về trung châu, họa may có gặp thầy gặp thuốc gì chăng?

Cậu Tham nghe lời, nhân có thuyền tải xuôi bèn gửi Thị Phượng đi đáp về Chợ Bè, vừa đưa cho mười lăm đồng bạc dặn vào nằm tĩnh dưỡng ở nhà thương Hà Nội.

Thị Phượng tuy mê cũng có hồi tỉnh, nghĩ cực trăm nghìn nỗi, có lúc ngất đi hồi lâu mới tỉnh lại.

Nghĩ vợ nào chẳng là vợ, mà bạc tình như ăn sổi ở thì. Ôi! Cánh hoa khi còn sắc còn hương, nưng niu chẳng quản, ấp hôn chẳng rời. Nay hoa rụng ai nhìn? Hoa tàn ai chuộng? Hoa sao hoa khéo đọa đày bấy hoa!...

Thôi biết thân này ra nông nỗi thế, trước chẳng thà cứ nương cửa Bồ đề, mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon, không phiền não, lại tự do tự tại. Đường đời là cạm bẫy, người đời rất đảo điên, ta từ lạc bước bước ra, bước tiền đầu đã bất lợi, truân chuyên theo mãi với tình, mà chẳng cái dại nào giống cái dại nào...

Thị Phượng tỉnh rồi lại mê, hết cười đến khóc, mấy người chân sào muốn đưa lên bỏ trong hang đá, cho khỏi ồm tai. May có người lái thuyền từ tâm, không nghe mắng rằng:

– Nhà chúng bay được mấy hột phúc đức, ở đây đường xa dặm thẳng, rừng rậm non cao, nỡ đem mạng người đưa dưng cho cọp, không sợ trời chu đất diệt chúng bay chết à?...

Chúng nghe bác lái nói ai nấy đều dạ dạ nghe lời vì thế Thị Phượng được ung dung về đến Chợ Bờ sang tàu thủy xuôi về Việt Trì.

Đi đường Thị phượng bụng nghĩ: Giang sơn có 15 đồng bạc, nếu vào nằm nhà thương, ở hạng 12 đồng, thì chỉ một tháng là nhẵn. Chẳng thà về Gia Lâm, có bà lang ở cùng xóm với ta xưa, chồng con mất sớm, bà chỉ nhờ về cao đan, hoàn tán mà đủ phong lưu trong lúc cảnh già.

Nghĩ rồi, bèn lên xe lửa về Gia Lâm. Tới nơi, bà lang già vội mừng mời đón vào trong, vỗn vã hỏi rằng:

– Đã gần một năm nay, không được gặp cô, tưởng cô sang ở Hà Nội cửa cao nhà rộng, chẳng còn nhớ đến lão nữa. Ai ngờ hôm nay rồng lại đến nhà tôm!... Mà sao người lại xanh như rau thế?

Thị Phượng trả lời rằng:

– Trong bấy lâu nay, tôi những bôn Nam tẩu Bắc, mặt phong trần nắng sạm màu nâu. Như cụ kiếp trước không biết tu làm sao, trở về già, lại được tiêu dao khoái lạc làm nghề thuốc, độ thế cứu dân.

Tôi cái kiếp hồng nhan, thật đa truân lắm cụ ạ! Từ khi cậu Lưu Quý Thích đem về ở Kim Liên, vì bà cả quá ghen, nên cơm chẳng lành, canh chẳng ngon, phải bỏ xuống Hưng Yên, đã đem thân nương náu cửa thiền cũng tưởng còn duyên đâu nữa mà mong, ai ngờ lại

chen chân vào chốn bụi hồng lần nữa. Người làm bạn với tôi bây giờ đây hiện làm Tham biện tại tòa sứ Hưng Yên mới rồi bổ lên Sơn La, bà vợ cả ở nhà cho tôi theo đi làm bạn. Mới chưa đầy một tháng, thì bà vợ cả lên. Cách độ hơn tuần lễ không biết vì sao trếch lệch tại đâu, tôi tự nhiên phát ra chứng điên, chẳng thuốc nào giảm, chẳng bùa nào khỏi. Đương lúc bệnh trung đem tôi xuống thuyền tải cho về Chợ Bờ đưa hơn chục bạc dặn về nằm điều trị ở nhà thương. Một mình tôi thân gái dặm trường cụ tính người thế mà ăn ở bạc tình thế đấy? Nên tôi vào đây nhờ cụ thuốc thang chữa chạy hộ cho, còn thân xin sẽ đền bù về sau...

Cậu Tham từ ngày Thị Phượng xuôi về tiu nghỉu như mèo mất tai, nằm đêm thường vắt tay lên trán thở dài mà nghĩ:

– Lạ! Con người thế ấy mà bệnh lạ thế kia?... Tiếc mình không có tài nhà trinh thám mà khám phá được ra. Hay có hiềm thù gì với ai mà người ta nhời chài? Hay là đi chạm bóng chạm vía các bà các cô?... Khốn nhưng y không ở mất lòng ai, mà cũng không đi đâu ra đến ngoài...

Nghĩ đi nghĩ lại, có ý hồ nghi cho vợ cả, hoặc vì cái ghen nham hiểm, mà bỏ bùa mê bả đột gì chăng? Nếu không thế, sao hôm y lên, cách ít lâu, Thị Phượng không ốm không đau, tự nhiên sinh ra rồ dại. Mà chị ả cứ mặc mình chữa chạy, cứ hờ hững như không... È, mà may có lẽ thực! Kìa! Thiên hạ những đứa đi dông dài, hát nghêu ngao, hỏi ra, đều là vì cái ghen tuông vô ý thức, mà bỏ bùa bỏ thuốc, cho người mất cả tri giác, đâm ra điên rồ. Ôi! Dã man thật! Nhẫn tâm thật!...

Cái tướng bà vợ mình, mặt thịt mọc ngang, da tước bì, ngoài tuy thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao. Vậy việc này vị tất đã không phải do tự tác nghiệt ra!... Âu là ta giả cách ngủ mê, lảm nhảm nói như giấc mộng, để dò la ý tứ ra sao? Đờn bà tuy thế mà phều phào, đem chuyện ma quỉ, mượn tay thần quyền, chẳng cần khảo đả, tự nhiên cũng phải thú xưng. Vậy ta nên bắt chước ông Bao Công, tra cái án này mới ra được.

Hôm sau cậu Tham giả làm cáo ốm, xin phép nghỉ mấy hôm, bỏ cơm không ăn, xoa gừng vào mắt cho đỏ hoe lên, nói quàng nói xiên, như người ma ám. Đêm nằm miệng nói lảm nhảm, như hồn Thị Phượng về bắt đền mạng nói rằng:

– Thằng lòng lang dạ thú kia! Ta với mi kiếp trước không oán,

kiếp này không thù, bó tay nỡ để cho vợ Hoạn Thư nhà mi nó giết ta. Nay ta đã xin với Đức Diêm Vương về bắt sống mi trước, rồi đến vợ mi sau để cùng xuống âm cung đối diện...

Cậu Tham nói rồi rú lên một tiếng, rồi nín hơi không thở. Bà vợ sợ hoảng hốt lạy lấy lạy để mà rằng:

– Thôi, lạy vong hồn dì, sống khôn chết thiêng... tôi vì quá ghen chót dại, nay mai xin sẽ lập đàn chay Huyết hồ, giải oan cắt đoạn, cho dì được siêu thoát...

Cậu Tham vùng dậy, làm như bộ lên đồng mà rằng:

– Sát nhân giả tử, mi muốn đem cái hình nhân đan lồng phất giấy, mà thục mệnh được à! Đầu đuôi sao, mi phải kể thực ra, may ta có thể dung thứ cho nhà mi được. Chứ lập đàn tràng tế độ, những đứa ác, cúng mà khỏi chết được sao?

Mợ Tham miệng khấn tay vái mà rằng:

– Tôi vì ham xem truyện Kiều, rất yêu nàng Hoạn Thư, tâm cơ không kém Khổng Minh Gia Cát. Một hôm cậu Tham nhà tôi nằm đêm ngô mê, nói lảm nhảm, nhờ bà vãi Hộ làm mối dì cho cậu Tham tôi. Vì thế, tôi nổi máu ghen, muốn bắt chước những mưu gian độc trong các truyện trinh thám tiểu thuyết, làm cái kế nhân bất tri, quỉ bất giác, chỉ một mình biết mà thôi.

Lại vừa gặp dịp cậu Tham bổ lên Lai Châu, ở về mạn thượng du, người Mường Mán hay có phép nhời chài, giết người không ai biết. Nên nhường dì đi trước, rồi tôi lên sau; trong khi đi đường, có rẽ vào lấy ngải của một ông thầy Mo, cũng tưởng làm cho dì hóa rồ hóa dại, cho hả cái ghen, không ngờ quá tay, mà đến chết người. Nay sự đã rồi, tôi cắn cơm cắn rác, trăm lạy nghìn lạy vong hồn dì, đánh chữ “đại xá” cho tôi người trần mắt thịt, lầm có lỗi có...

Cậu Tham nghe đoạn, máu uất nổi lên, đương ngồi, ngã gục ngay xuống, hú hồn hú vía, mãi sau mới tỉnh.

Thị Phượng tự khi về ở Gia Lâm, bà lang già tưởng bệnh ngã nước cho uống hết thuốc tán, thuốc viên đến thuốc lá, thuốc lẩu, mà bệnh vẫn mỗi ngày một tăng. Bèn đưa vào nhà thương Bảo hộ, khai là ở Lai Châu về. Bà vốn người từ thiện, đưa cả cái số tiền Thị Phượng gửi mười hai đồng, đóng cho nhà thương, hết một tháng bịnh có lúc giảm, lại có lúc tăng. Sau bà phải bỏ tiền lưng, xin cho

xuống nằm hạng 6 đồng. Rồi từ đấy, bà mắc hái thuốc phương xa, không đi lại thăm nom luôn được.

Quá một tháng không ai đóng tiền nữa, nhà thương bèn chuyển sang giao phòng làm phúc. Thị Phượng vì uất ức, nên bệnh lại càng nặng lên. Nghĩ cái thân mình không khác gì một con nhà thổ, sống làm vợ khắp người ta, hại thay chết xuống làm ma không chồng. Nào người phượng chạ loan chung, nào người tích lục tham hồng là ai?

Một hôm tự nhiên rú lên một tiếng kêu: Ôi thiếu niên!... Ôi thiếu niên!...

Mấy người khán hộ nghe tiếng chạy vào, thấy máu miệng trào ra, hai môi còn mấp máy, nghe hình như oán hận bọn thiếu niên...

Được một lúc thì tắt nghỉ, bèn đưa xuống nhà xác, lệ nhà thương, thường để 24 giờ. Qua sáng hôm sau, có Lưu Quý Thích bỗng ở đâu đến, vào nhận diện, rồi xin phép ra chôn cất ở ngoài. Một cỗ xe kéo một cái quan tài, không có ai đưa, mà cũng không có ai khóc, đi im lặng như ngậm tăm, từ trong nhà thương xuống đến Bạch Mai, ai thấy cũng ngậm ngùi thương thay cho cái thây vô chủ. Ôi! Đời người thôi thế là xong một đời!

Nhà xuất bản Chấn Hưng, Hà Nội, 1932.

MẢNH TRĂNG THU

(Tiểu thuyết – Trích)

BỬU ĐÌNH [1]

Mảnh trăng thu và *Cậu Tám Lọ* là một bộ tiểu thuyết hai tập, tập sau nối tiếp tập trước. Truyện có tính chất nghĩa hiệp và trinh thám, cốt chuyện ly kỳ, nhiều tình tiết.

Kiều Tiên và Minh Đường yêu nhau. Minh Đường sang Pháp học. Kiều Tiên ở nhà bị mẹ ép lấy chồng là Thuần Phong. Tối tân hôn, Thuần Phong bị giết, Kiều Tiên bỏ nhà ra đi lưu lạc. Minh Đường đỗ "Bác vật" về nước.

Chuyện xoay quanh việc khám phá ra kẻ giết Thuần Phong song song phát triển cùng hai mối tình giữa Minh Đường và Kiều Tiên, giữa Trần Thành Trai và Kiều Nga (Liễu Chi).

Ngoài sức hấp dẫn của cốt truyện, còn có những nhận định tinh tế về phẩm chất người nghèo cũng như về tâm địa kẻ gian ác: "Nhiều người nghèo khổ áo quần tả tơi mà nếu đứng dòm cái áo quần họ mặc thì thấy cái tấm lòng họ trong sạch lắm lắm (chương V)"; "Trời Phật nào đâu? Ai khôn hơn ta thì thắng ta, ai dại hơn ta thì thua ta. Ta chỉ dùng trí khôn và tâm cơ ta mà làm cho con ta giàu có sung sướng. Miễn là ta đạt tới mục đích, dầu có phải hại ai mà thành công ta cũng hại, ai chết kệ ai (chương VII)". Truyện có 9 chương, chúng tôi chọn trích 2 chương VII và VIII.

VII

...

Minh Đường ngồi suy nghĩ một hồi rồi nói: "Em nói phải... Anh quyết tìm cho được nàng, dầu phải trèo non lội suối, anh cũng không quản".

Lúc ấy bà Cai vừa bước vô; chàng thấy mẹ vội vàng đứng

---

1 . Bửu Đình (1898 – ?), biệt hiệu Hà Trì, và Tam Hà, là người Huế, cháu 4 đời của Minh Mạng.

Ông là người yêu nước, có hoạt động chống sự thống trị của thực dân Pháp, bị bắt và bị đày đến Lao Bảo, rồi Côn Đảo, sau vượt ngục và mất tích.

Ông đã từng là Chủ bút báo Tân thế kỷ và khi ở tù đã viết *Mảnh trăng thu* và *Cậu Tám Lọ*.

dậy chắp tay mà xin lỗi rằng: "Làm cho má phải buồn, con thiệt có lỗi lắm, song xin má thứ dung...

Từ rày con đã biết nàng còn sống, nàng còn có ngày ra mặt được thì con không dám buồn như trước nữa".

Bà dịu dàng nói rằng: "Thôi con đừng nhắc tới chuyện ấy nữa; má đây đã biết rõ nết na của nó rồi... Má cũng vái trời cho nó mau gỡ được mối oan gia thì má mới vui lòng; má có nghi nó lấy nhẫn đâu, má biết rằng chỉ có một đứa ngó thấy nhẫn của má để trong hộp, nên nó mưu sự lấy đi, để làm nhục cho con giáo và để làm cớ đuổi con giáo ra khỏi nhà này... Má định chắc như vậy nhưng vì chưa có tang chứng rõ ràng nên má chưa nói.

– Ai vậy má? Vì sao mà muốn làm nhục cho người ta?

– Con không biết sao? Ấy chỉ là vì lòng ganh ghét mà thôi. Má không muốn nói tên đứa ấy ra.

– Má không nói con cũng đã đoán ra rồi, nhưng để sau sẽ hay. Bây giờ xin má cho phép con đi Vĩnh Long ít ngày.

– Ừ, con cứ đi, để chiều má thưa lại với ba con cho. Mà con đi thì phải giữ mình cẩn thận.

Chàng mừng quá vào thay đổi y phục, từ giã mẹ và em, rồi ra lên xe hơi, tự cầm máy lấy mà đi.

Trong lúc cái xe hơi của Minh Đường giong ruổi trên con đàng gió bụi, thì Kiều Nga ngồi dựa ghế, ghé mắt ngó vào tấm tranh Nhựt Bổn treo vách, trên tay thì rờ đầu con chó Sư tử nằm bên chơn mà trí thì suy nghĩ vơ vẩn những đâu đâu.

Nàng nhớ ai, thương ai? Tự nàng nàng không dám nói ra. Nàng than thầm rằng: "Trời ôi, sao trời nỡ cột vào tôi một cái mối tình lạ lùng như thế? Tôi rán hết sức chống cự nó mà không làm sao thắng nó nổi".

Đang lúc nàng còn như ngây như dại thì bà Phán bước vào. Bà thấy vẻ mặt nàng âu sầu thì bà lấy làm lạ mà hỏi rằng: "Sao vậy con? Có sự gì thì con nói thiệt với má đừng có giấu má làm chi".

Kiều Nga gượng gạo làm bộ tự nhiên mà thưa rằng: "Thưa má, con ngồi nghĩ đến thân phận chị con và cái gia cảnh nhà ta mà hóa ra buồn; cái thân của con được an vui bao nhiêu thì con lại thương cái thân của chị con phải sầu khổ bấy nhiêu".

Nàng nói rồi thì khóc; bà Phán cũng không cầm lòng được, hai mẹ con cùng khóc cả. Kiều Nga thấy vì mình mà mẹ phải buồn thì hối hận mà nghĩ rằng: "Té ra ta là một đứa con bất hiếu; cái vết thương tâm của mẹ đã gần lành rồi, nay ta lại làm cho lở ra nữa".

Nàng liền ôm gối mẹ mà thưa: "Con làm nhọc lòng mẹ, xin mẹ tha lỗi cho con".

Bà Phán vuốt tóc con mà rằng: "Con hãy dẹp sự âu sầu của con lại. Anh con đã nói như thế thì chắc là anh con có thể tìm ra được kẻ hại chị con, mà có lẽ sẽ nhờ đó chị con cũng có ngày được trở về quê nhà. Bấy lâu má hờn giận chị con bao nhiêu thì nay má lại thương xót bấy nhiêu, vì vậy nên hễ nghe đến tên nó thì má đã muốn khóc rồi... Thôi, con nghỉ đi".

Kiều Nga dạ, đưa mẹ ra rồi trở về đóng cửa lại. Nàng ngồi ngẩn ngơ... Chữ tình thật đã lạ lùng! Một người con gái nhà có lễ giáo xưa nay vẫn cấm cung trong chốn khuê môn, thế mà tự nhiên cái ái tình bỗng tìm đến! Nàng thương ai mà đến nỗi ngơ ngẩn, ngẩn ngơ như thế? Nàng vẫn biết rằng sự trộm thương ấy là một sự tội lỗi, nhưng nàng không thể nào mà không thương được... Ôi! Lạ lùng thay cho tấm lòng của con người ta!

Từ hôm nàng thấy Thành Trai đến nay, không giờ nào phút nào là nàng không nghĩ đến cái diện mạo, cái tư cách của chàng... Ban đầu nàng chỉ thầm khen chàng là một người trai xứng đáng với cái hy vọng của cha mẹ; nàng lại mừng thầm được một người anh... nhưng mà éo le thay! Ai xui lòng nàng lại nghĩ ra một sự khác? Nàng bỗng thương chàng... Chẳng những thương mà thôi, nàng lại say mê nữa!... Nàng là em chú bác với chàng, cùng một giọt máu cùng một dòng họ! Nàng biết rằng thương anh với tấm lòng ấy thì tội lỗi muôn phần, thế mà vẫn cứ thương... Nàng nói thầm rằng: "Anh ta là một người đường đường chánh chánh, không phải kẻ tục tử phàm phu, ta quyết rằng anh ta chỉ thương ta là em, thế thì dầu ta có thương anh ta như chi chi đi nữa, ta cũng không làm sao mà hở môi ra đặng... Ai dám khai khẩu mà nói những chuyện trái luân thường cho được! Ta có tình với anh ta chỉ có trong lòng ta biết mà thôi... Kiều Nga ơi! Vì sao mà ngươi sanh lòng quái gở như vậy? Vì sao mà ngươi khác hẳn người đời? Trái hẳn với nếp nhà, cái tình thương của ngươi, phong hóa không dung được! Ngươi phải biết rằng sự thương ấy trái với luật xã hội, nghịch với lẽ cang thường; ngươi chỉ có đợi đến lúc nhắm mắt thì mới có thể nói ra được mà thôi!".

*

* *

Đúng tám giờ, Tám Lọ thắp đèn xong ngồi tréo cẳng mà ngâm Kiều... Càng ngâm càng rung đùi, càng tấm tắc khen hay!...

"Xưa sao phong gấm rủ là,
Rày sao tan tác như hoa giữa đàng".

"Ừ, cái thân nàng Kiều đến như thế cũng chỉ là vì một chữ hiếu. Khi còn phong gấm rủ là nếu mà chỉ ngồi ăn hại, không làm được sự gì đền đáp công ơn cho cha mẹ, thì sự sung sướng ấy cũng chẳng qua là sung sướng nhục mà thôi. Cái thân của ta khác với cái thân của nàng Kiều, mà ta dầu xưa không phong gấm rũ là, nhưng ta chẳng kém nàng chữ hiếu; nàng bán mình chuộc tội cho cha, ta đây cũng đã liều thân mà cứu bịnh cho mẹ...". Tám Lọ vừa nói vừa cười, và xếp quyển Kiều lại, mở hộp lấy điếu thuốc đốt hút vài ba khói rồi lại tự nói thầm rằng: "Ở đời nghèo hay giàu, sang hay hèn, khác nhau không phải tự tiền của, mà tự ở lương tâm. Tiền của làm cho người ăn ngon mặc đẹp mà lương tâm làm cho người biết theo sự phải, tránh sự quấy.

Hôm qua, thằng đội nón kết [1] biểu ta đem sự động tĩnh trong nhà chủ ta nói cho nó biết thì nó sẽ cho ta mỗi tháng mười sáu đồng. Nó tưởng ta tham tiền, nó lấy đồng tiền làm mồi nhử ta... Để chút nữa ta sẽ hỏi nó cho rành rẽ, nếu nó nói không thông, ta sẽ đánh cho nó một trận chơi...".

Đang nói lăng xăng thì nghe có tiếng xe hơi, Tám Lọ mỉm cười, lật đật đóng cửa lại rồi đi tuốt ra phố, thì thấy một cái xe hơi để dựa lề đàng... Xem rõ thì là xe của Minh Đường... Lọ mừng lắm, ngó quanh ngó quẩn... Minh Đường đang ngồi uống rượu trong nhà hàng, thấy Tám Lọ ra thì kêu: "Lọ! Lọ!".

Tám Lọ bước lại gần nói: "Cháu bà Phán đã đi Sài Gòn hồi sớm rồi... Cậu nên lên Sài Gòn ngay mà dò xem... Cậu ấy ở đàng Espagne số nhà 124".

– Em ở đây phải cho cẩn thận nghe. Thôi về đi, để rồi qua sẽ đánh giây thép cho biết tin.

---

1. *Nón kết*: mũ bấc cứng bọc vải (phiên âm chữ "casquette").

Tám Lọ từ giã đi thẳng lại chỗ ước hẹn hôm qua. Minh Đường vừa sắp xây lưng bước vào nhà hàng thì có một người thoáng ngang qua trước mặt chàng, mau như chớp... Chàng chỉ thấy người ấy mặc một cái áo mưa, đội một cái nón nỉ đen. Chàng vội trả tiền rượu rồi bỏ xe đó mà đi riết theo người ấy. Đến gần Bungalow [1] thì người ấy nhảy lên một cái xe hơi rồi quay máy chạy tuốt, chàng lật đật trở lại xả máy xe mình và đuổi theo.

*

*   *

Xe trước hiệu Fiat chạy mau như gió, xe sau đuổi theo không kịp mà lại bị bụi, nên Minh Đường phải ngừng lại, phủi áo quần rồi cho xe theo xa xa. Xe Fiat chạy đến bến Vĩnh Thuận, không có đò nên phải đứng chờ... Xe Minh Đường theo đến kịp... Mặt Minh Đường đầy cả bụi mà bị mồ hôi dầm dề nên lem luốc hết... Chàng vừa xuống xe thì đò cũng vừa ghé vô bờ... Cái xe trước xuống liền mà qua sông trước... Chàng tức mình quá, đứng ngó theo... Đò qua bên kia rồi thì có một cái đò khác đến, chàng vội vàng đem xe xuống... Qua sông rồi xe kia chạy trước, xe chàng theo sau. Chàng không kể bụi bặm là gì, cố theo cho kịp, xe ấy chạy rất mau... Khi đến gần Tân An, đàng vắng vẻ, cái xe trước liền ngừng lại đợi xe chàng. Chàng trông thấy liền cầm bánh chạy chậm lại để coi chừng... Xe chàng vừa tránh qua một bên thì người ngồi trong xe kia bắn một phát, cái bánh đằng sau của xe chàng xẹp xuống nếu chàng không kềm kịp thì đã bị lăn xuống ruộng rồi! Người trong xe kia cả cười rồi cho xe chạy... Minh Đường giận lắm, nhảy xuống lấy đồ ra thay bánh xe mới... Chàng thay bánh rồi cởi áo ngoài, lấy một cái khăn quấn quanh cổ, lên xe rượt theo. Chuyến này chàng quyết theo trị tội đứa vô lễ kia, dầu nó là ai cũng không cần biết nữa. Xe đến Sài Gòn thì đã khuya lắm mà cái xe trước kia không biết đi về ngõ nào.

Chàng mệt quá, phần thì đói bụng, phần thì nhức đầu, nên lật đật lại mướn phòng Lục tỉnh mà nghỉ. Chàng tắm rửa, thay áo quần rồi nằm ngửa trên giường. Chàng lấy làm lạ, không hiểu vì sao mà người ngồi xe kia lại muốn cho chàng không theo kịp? Có lẽ nào tự

---

1. *Bungalow* (boonggalô): nhà một tầng quanh có hiên ở Ấn Độ. Quán nhỏ hoặc điếm canh bên đường.

nhiên mà họ lại chơi cách vô lễ ấy. Chắc cũng có một cái duyên cớ làm sao đó, chàng tiếc rằng chưa thấy được mặt người bắn xe chàng, nên muốn tìm thì thật cũng khó. Chàng nghỉ một lát đã bớt mệt, bèn đi lại nhà hàng cơm dùng bữa. Lúc này các rạp hát bội, các trường hát bóng đều vãn hết cả rồi. Người lại ăn cháo trong các tiệm thì bộn rộn. Chàng ngồi một cái bàn gần bên chỗ thâu tiền, ngó ra. Dùng được vài món thì thấy có một người thiếu niên tuấn tú, áo quần rất chỉnh tề bước vào. Người thiếu niên ấy ngồi một cái bàn cách bàn chàng chừng 6 thước. Chàng ngó chăm chỉ. Người ấy dựa ngửa, ngó mông ra ngoài đàng. Chàng dùng bữa xong, trở về phòng, trong lòng sanh nghi nên mở cửa sổ dòm xuống đàng. Chàng lại thấy người thiếu niên ấy ở trong tiệm bước ra, đứng trước lề đàng một lát rồi đi thẳng lên khách lầu. Chàng lật đật ra khỏi phòng, đóng cửa lại rồi qua một cái phòng kế đó đứng rình. Chẳng bao lâu thấy người thiếu niên đã lên thang lầu, đi qua đi lại ít vòng, ngó quanh quất không thấy ai, rồi lại dòm vào lỗ chìa khóa phòng của chàng. Chàng mở cửa nhẹ nhẹ, bước ra toan để tay vào vai người ấy, thì người ấy đứng dựng dậy mà ngó chàng. Chàng hỏi: "Anh muốn tìm ai mà lại dòm vào phòng tôi? Ai cho phép anh tọc mạch như thế? Nếu anh không nói thiệt cho tôi biết anh là ai, thì anh không ra khỏi nhà này. Tôi nói trước cho anh liệu!".

Người thiếu niên ngó vào mặt Minh Đường, mỉm cười đáp rằng: "Tôi không cần ai cho phép tôi tọc mạch cả. Tôi tự cho phép tôi đó. Anh muốn tôi nói thiệt tôi là ai thì anh cũng phải nói thiệt anh là ai cho tôi biết đã. Tôi không phải kẻ gian mà chính là người lương thiện".

Minh Đường cũng mỉm cười mà rằng: "Tôi không nói anh là kẻ gian, mà tôi cũng không biết anh có phải người lương thiện hay không. Điều đó tự anh biết lấy. Tôi chỉ muốn hỏi anh vì sao mà anh lại dòm vào phòng tôi? Và anh là người gì?".

– Tôi dòm vào phòng anh vì tôi có lòng ngờ vực, còn tôi là ai thì tôi đã nói cho anh hết rồi. Tôi là người lương thiện! Hai tiếng "lương thiện" ấy không đủ sao mà anh phải gạn hỏi. Cái tên tôi hay là cái danh phận tôi, tưởng cũng không ngoại hai chữ lương thiện kia mà.

Người thiếu niên ấy vừa nói vừa cười một cách rất kêu ngạo làm cho Minh Đường nổi giận:

– Tôi nói cho anh biết, cử chỉ của anh như thế thật là mù mờ. Anh đã biết cái lỗi anh dòm vào phòng người ta chưa? Dòm ngó cách ấy hèn nhát lắm!

Người thiếu niên ấy đang cười, vùng nghiêm nét mặt lại mà rằng: "Anh cho là hèn nhát bởi vì anh chưa hiểu rõ. Hèn nhát có nhiều cách lắm, không phải là dễ nói đâu. Muốn tìm con sâu trong đống rác, tất nhiên phải tự bươi đống rác ấy lên; muốn tìm đứa gian trong chỗ mờ ám tất phải đem thân vào chỗ mờ ám; muốn thấy được trong phòng đứa đáng nghi tất phải để mắt vào phòng ấy, vậy sao gọi là hèn nhát?".

Minh Đường giận lắm, bước lại chụp người thiếu niên kia; người ấy không nhúc nhích mà miệng lại chúm chím cười nhưng rồi bỗng té xuống, tay ôm ngực và mặt đã thất sắc... máu ở ngực tuôn ra... Minh Đường giựt mình, nhìn lại thì thấy cái kéo cắt móng tay của mình đã găm vào ngực chàng thiếu niên rồi... Chàng lật đật bấm chuông kêu bồi, biểu mau mau chạy đi rước thầy thuốc... Chủ nhà ngủ liền cho báo cò... Chỉ một lát cái nhà ngủ ấy đã đầy cả người...

Thầy thuốc rút cái kéo ra, băng bó rồi thì nói: "Không sao. Chưa đụng trái tim".

Cò kêu Minh Đường hỏi đầu đuôi thế nào, chàng vừa toan nói thiệt thì người thiếu niên kêu cò Poireau lại mà rằng: "Không có sự gì lạ, ông không cần phải lấy ănkết [1] làm chi cho nhọc, chỉ vì tôi vô ý nên té sấp trên cái kéo này... Nếu tôi khỏi chết thì thôi, nhược bằng có bề gì thì xin ông làm chứng cho rằng sự rủi ro này là tự tôi làm ra".

Cò Poireau không làm ăn kết nữa, giao chàng cho quan thầy thuốc chở về nhà thương điều trị...

Minh Đường mục kích được cái can đảm của người thiếu niên ấy, lấy làm kính phục, rồi tự nghĩ rằng: "Diện mạo người này coi đã không phải là kẻ tầm thường, mà lời nói và cái gan ấy càng tỏ ra là một hạng hơn người... Trong lúc ta nóng giận, vô ý làm cho người bị thương nặng, thật đáng hối hận suốt đời. Ta phải trông nom thăm viếng người mới được".

Chàng khóa cửa lại rồi đến nhà thương hỏi thăm, quan thầy thuốc nói không hề gì, chỉ nằm tịnh dưỡng chừng một tuần thì khỏi. Chàng xin phép vào thăm thì thầy thuốc nói chưa có thể được, để ít ngày nữa đã. Chàng đành phải lui về, trong lòng bứt rứt lắm.

---

1. *Lấy ănkết*: lấy kết quả điều tra (phiên âm chữ "enquête").

*

* *

... Người thiếu niên bị thương ấy tức là người bắn xẹp bánh xe của Minh Đường, mà chính là Trần Thành Trai vậy. Khi ra khỏi nhà thím rồi, Thành Trai cũng lên xe về Sài Gòn nhưng trong lòng nghi ngại nên lên đến Mỹ Tho thì trở lại Vĩnh Long. Chàng rình chung quanh nhà không có sự gì lạ, nhơn thấy Tám Lọ đi phố thì chàng theo sau... Chàng nghe được vài tiếng của Tám Lọ biểu Minh Đường lên Sài Gòn thám dọ chàng, nên chàng muốn về mau để thám dọ Minh Đường trước; ấy là cái kế phản khách vi chủ. Chàng ngỡ Minh Đường là kẻ gian, và không biết có chàng chú ý; nào dè lại bị Minh Đường rượt theo... Chàng bèn nghĩ ra kế bắn bánh xe hơi kia cho xẹp đi là một sự vạn toàn... Về đến Chợ Lớn chàng lại tránh ở một chỗ mà chờ xe Minh Đường đến. Vì thế mà chàng biết rõ Minh Đường ở đâu và rồi mới có sự đã xảy ra...

Chàng nằm thiêm thiếp, mệt cũng không lấy gì làm mệt mà nhức cũng không lấy gì làm nhức, nhưng trong mình nghe yếu đi nhiều... Chàng như nửa thức nửa ngủ; nằm đến sáng... Lúc thầy thuốc vào rịt thuốc thì trong mình chàng đã hơi khỏe... Chàng muốn ngồi dậy nhưng thầy thuốc không cho. Chàng hỏi chuyện người trong phòng ngủ thì thầy thuốc đáp rằng: "Không có chuyện gì lạ... Hồi khuya người ấy có lại thăm nhưng tôi không cho vô... Ông nằm tĩnh dưỡng ít hôm nữa cho thiệt mạnh rồi sẽ hay, không nên ngồi dậy gấp".

Chàng vâng lời... Chàng muốn viết thơ cho Nguyệt Thanh mà chàng nghĩ bất tiện... Chàng muốn viết thơ cho Kiều Nga nhưng *lại sợ rằng tin ấy sẽ làm cho thím chàng và em chàng lo lắng sợ* hãi... Kế đó chàng phát nóng lạnh, phải nằm vùi luôn ba bốn ngày *không biết gì cả...*

... Minh Đường thường tới lui hỏi thăm, nghe nói vết thương chưa khỏi thì xốn xang trong lòng, ngồi đứng chẳng yên. Chàng lại tự trách sao không hỏi cho biết tên họ người thiếu niên ấy là gì để thông tin cho người nhà... Chàng bèn đến nhà thương vào thăm quan thầy thuốc, trước hỏi bịnh tình, sau hỏi tên họ cho biết. Quan thầy nói: "Ông ấy là ông cử nhơn luật, con nhà trâm anh, tên là Trần Thành Trai. Ông có dặn tôi mấy phen đừng cho nhà ông hay tin vì ông sợ cha mẹ ông buồn rầu".

Chàng nghe lời ấy lấy làm lạ lùng... Té ra người ấy là Trần Thành Trai! Chàng bấy lâu nay tưởng Thành Trai là một cậu công tử bột, là một kẻ phá gia nên chàng có ý khinh bỉ; nay chàng thấy rõ Thành Trai diện mạo khôi ngô, ăn nói chánh đính thì chàng lại đổi ngay ý tưởng... Chàng liền từ tạ lương y, về viết một phong thơ cho Kiều Nga... Chàng muốn xem thử nhà bà Phán có nghi ngờ gì Thành Trai không...

Trời tối đen như mực, Tám Lọ đi thẳng lại chỗ hẹn hôm trước thì thấy người đội nón kết đã đứng chực sẵn... Người ấy thấy Tám Lọ thì chào mà rằng: "Anh không sai lời, thật đáng là người làm việc lắm. Anh đã suy nghĩ chưa?".

Tám Lọ cũng chào lại rồi đáp: "Tôi đã suy nghĩ chín chắn rồi. Điều ấy không khó gì, nhưng mà ai sai anh đi việc này? Anh nói tên người ấy cho tôi biết thì tôi chịu liền, bằng anh không nói thì tôi quyết không chịu".

– Anh khờ quá, tôi đã nói rằng người sai tôi thương nghị với anh việc ấy là một người anh chưa từng biết bao giờ. Anh cứ theo lời tôi thì có lợi, sao anh lại còn nhiều chuyện?

– Anh nói lạ lắm; hễ giúp việc cho ai thì tất phải biết người ấy là người thế nào; và phải biết làm sự ấy có lợi cho ai chớ? Nếu cứ nhắm mắt mà làm càn thì là người ngu. Anh chẳng chịu nói cho tôi biết người ấy là ai thì thôi, anh về nói rằng tôi không chịu...

Người ấy tưởng Tám Lọ chê ít tiền, muốn đòi thêm nên tìm lời dụ rằng: "Anh nóng nảy quá, thủng thẳng rồi sẽ gặp, sẽ biết chớ gấp gì. Người ấy không hề tiếc tiền với thủ hạ, dầu anh muốn bao nhiêu cũng được cả, miễn là anh trung tín thì thôi. Vậy anh muốn bao nhiêu cho xứng đáng cái công anh thì anh cứ nói đi".

Tám Lọ giả bộ khờ, hỏi: "Công gì? Làm sự gì thì nói rõ cho tôi biết chớ tôi không hiểu".

– Thì hôm trước tôi đã nói với anh rồi, còn gì nữa! Anh cứ thông tin về các việc động tĩnh trong nhà chủ anh cho tôi biết thì là anh có tiền, chớ có khó lòng gì mà làm không được?

– Tôi hiểu rồi. Mà thông tin ấy cho anh làm gì?

– Làm gì mặc tôi, anh không cần phải hỏi.

– Nếu vậy thì dầu anh cho tôi một ngàn đồng tôi cũng không nói... Làm mà không biết việc làm của mình thì làm làm gì? Thôi tôi xin kiếu anh.

Người ấy giận lắm xốc lại chỉ vào mặt Tám Lọ mà rằng: "Nếu mày không chịu nói thì có ngày mày sẽ chết. Mày không biết rể chủ nhà mày sao?..." Tám Lọ nghe nói đến chuyện Thuần Phong thì mừng lắm, giả làm bộ ngơ ngáo mà rằng: "Ai dám làm gì tôi mà anh dọa... Tôi không biết việc gì hết, tôi chỉ biết rằng không ai làm gì được tôi..."

– Vậy chớ anh không biết rể chủ nhà anh bị ám sát sao?

– Không. Tôi mới đến ở mấy tháng nay, tôi không biết việc trước. Nếu anh biết thì nói nghe chơi.

– Rể của chủ nhà anh bị ám sát trong đêm hiệp cẩn; con gái của chủ nhà anh nhảy xuống sông trẫm mình. Nếu anh từ chối thì có ngày anh cũng phải chết.

– Nếu vậy thì người sai anh dụ tôi tất là người đã ám sát rể chủ nhà tôi phải không?

Người đội nón kết không nói nữa, bất thình lình nhảy lại đánh Tám Lọ một thoi vào bụng ngã lăng xuống sông rồi chạy mất.

Tám Lọ không đề phòng, bị một thoi mạnh quá, té xuống nước, may gặp chỗ không sâu lại có cừ nên lội trở lên bờ được. Tuy là khỏi chết nhưng ướt như con chuột bị lụt và ở bụng cũng thấy hơi đau đau. Lọ giận mà biết rằng tìm không ra nữa nên trở về... Thay áo quần rồi ngồi nghĩ mà tiếc thầm... Ta nóng nảy quá, nếu ta khôn ngoan một chút thì ta dụ được thằng ấy rồi... Dụ được nó thì tìm ra được vụ án mạng... Ta khờ quá nên làm cho nó đã để ý rồi, bây giờ tìm nó sao được? Uổng quá! Thôi để đợi tin cậu ta rồi sẽ viết thơ cho cậu ta hay... À té ra bà chủ ta có một người con gái nữa mà vì chồng cô bị ám sát nên cô thủ tiết trẫm mình! Nếu vậy cả nhà này đều hiền đức... Mà vì sao lại có kẻ thù oán ám sát chàng rể đi?

Hôm trước có nghe họ nói trong nhà có xảy ra một vụ án mạng mà không rõ án mạng gì, nay ta mới biết. Vậy thì thằng hồi nãy chắc cũng *là một bọn với đứa ám sát rể chủ ta... Uổng quá! Phải chi ta lanh lợi* thì ta chụp đầu nó, nó chạy đi đâu cho khỏi. Thôi, từ rày về sau hễ có sự lạ thì ta phải coi chừng kẻo đã bắt không được kẻ gian mà có ngày lại thiệt mạng... Ta thường khoe khoang sức mạnh, hôm nay bị nó đánh một thôi gần bể bụng, nghĩ giận mà mắc cỡ quá... hay là mấy tháng không làm việc nặng nề nên đã yếu đi rồi".

Nó ngó quanh quẩn không thấy vật gì nặng, liền bước qua nhà bếp thấy một cái cối đá để dựa ở vách, nặng ước chừng vài tạ... Lọ mừng lắm; xắn tay áo mà miệng nói lầm thầm rằng: "Để xách thử coi có nặng không! Chả! Sức lực này mà giở không nổi sao? Xưa kia người ta cử đảnh [1], bây giờ ta cử cối đá coi thử?"

Nói rồi ngồi xuống, hai tay bưng cối đá giở lên nhẹ bổng như dở con diều giấy. Tám Lọ đi qua đi lại coi bộ đắc chí lắm. Đi ba bốn vòng, mặt không đổi sắc; Tám Lọ để cối đá xuống nhẹ nhẹ rồi cười rằng: "Xưa Hạng Võ cử đảnh thì cũng như Lọ này dở cối đá vậy chớ gì! Vậy mà tưởng làm việc nhẹ, chắc là giảm bớt sức mạnh, té ra mạnh vẫn mạnh. Hồi nãy mà ta biết trước thì ta chụp đứa thất phu ấy, nhồi nó một hồi như trái cầu cho nó biết. Thôi cứ mỗi bữa ta tập vài ba vòng như vậy chơi... Bây giờ đi viết thơ cho cậu ta đã..."

Bà Phán ngồi dựa bên ghế đang xắp đặt tờ khế vào trong một cái hộp cẩn. Kiều Nga ngồi một bên xem cái hình Kiều Tiên lúc đi thi... Nàng trông từ nét, nhìn từ vẻ... Con Sư tử nằm trước cửa liếm lông... Trong lúc đang êm lặng, bỗng nghe có tiếng kêu ngoài ngõ: "Coi chó! Coi chó! Ai trong nhà coi giùm con chó".

Kiều Nga tay cầm tấm hình, chơn chưa kịp xỏ vào dép, chạy lại nắm con Sư tử mà rằng: "Ai đó cứ đi vô đi, không sao đâu!"

Người đem thơ ở nhà dây thép cầm một xấp thơ bước vào, lựa một cái đưa cho nàng. Nàng liền lấy một góc tư mà cho anh ta... Bà Phán hỏi: "Thơ ai đó con, đem lại đọc cho má nghe nào".

Nàng chưa biết thơ ai mà miệng thưa: "Có lẽ thư của anh Thành Trai, vì có dấu nhà dây thép Saigon".

Bà Phán mừng lắm nói: "Chắc rồi, chắc thơ nó đó. Chắc là tin mừng... Mấy bữa nay nhện cứ sa trước mặt má hoài, thiệt quả là điềm tốt".

Kiều Nga ngồi trên ghế mây, nhẹ nhàng xé cái bao thơ dường như không muốn động đến mạnh. Nàng để bao thơ trên ghế, cầm bức thơ đọc nho nhỏ cho mẹ nghe.

Saigon 24-7-20

---

1. *Cử đảnh*: dùng lực nhấc bổng đỉnh lớn bằng đồng để luyện gân cốt và cơ bắp.

"Thưa cô

(Thấy chữ Saigon thì trong bụng đã mừng... Ngó xuống hai chữ thưa cô thì lấy làm lạ... Bà Phán hỏi: "Sao con không đọc luôn cho má nghe mà lại ngừng vậy, con? Đọc cho hết coi thử chuyện gì." Nàng thở ra đọc:)

"Xin cô chớ ngạc nhiên về sự một người cô chưa từng gặp gỡ mà dám tự tiện gởi bức thư này cho cô... Người này vốn chẳng phải là kẻ mong làm gì quấy. Vì có một cái tin mọn, không ai biết mà cho cô hay nên kẻ lạ này phải viết thơ... "Xin cô chớ ngờ việc gì hết, người viết thơ này vẫn có một cái phận sự phải giúp đỡ cho nhà cô...

"Hôm trước có một người bị đâm một mũi kéo ở nhà ngủ Lục tỉnh trong lúc đêm khuya, phải chở vào dưỡng đường điều trị. Hỏi ra thì người ấy là Trần Thành Trai, con ông Phủ ở Cần Đước, mà chính là anh nhà bác cô... Hiện nay còn nằm ở nhà thương Angier, bịnh tình không đến nỗi phải lo".

Nay kính"

Nàng đọc xong, ngồi sững sờ một lúc, mặt mày tái mét. Bà Phán cũng hoảng, song phải gắng gượng an ủi nàng rằng: "Con ơi, việc tuy là dữ mặc lòng, nhưng có lẽ rồi cũng hóa ra lành... Con không nên buồn quá mà làm cho má thêm rối trí".

Bà vừa nói vừa khóc, trông thiệt là thảm thương.

Nàng khóc mà rằng: "Má ôi! Anh Thành Trai cũng vì việc nhà ta mà ngày nay đến nỗi như thế nghĩ không đau lòng sao được? Con vẫn biết anh con không chịu lui lại bước nào nên nay mới bị tai họa. Bây giờ anh con vào nhà thương, ai lo săn sóc cho, xin má cho phép con lên đặng trông nom thuốc thang cho anh con ít bữa."

Bà Phán nói rằng: "Con ơi, con nghĩ như vậy phải lắm, anh con vì nhà ta mà bị hại, con lên trông nom cho anh con cũng là lẽ tự nhiên, nhưng má lo sợ lắm. Má nhớ lời nó hăm dọa má, má còn nhớ đêm anh rể con bị giết. Má nhớ hết. Con ơi, má sợ lắm con à! Nếu vạn nhứt mà con có điều gì thì thân má sẽ ra sao? Con ôi! Con thương má với, con đừng bỏ má".

Nàng gượng gạo lau nước mắt rồi nói: "Thưa má, con không bao giờ nỡ làm sự gì cho má nhọc lòng, hôm nay là sự vạn bất đắc dĩ. Vì nghĩ đến cái can đảm của anh con và cái cảnh nhà của bác con, nên không thể nào con ngồi yên được. Xin má cho phép con đi lên

thăm anh con ít ngày, một là cho anh con biết rằng bao giờ mẹ con ta cũng thương ảnh, hai là không phụ tấm lòng tốt của ảnh. Trong lúc ảnh đau thì buồn bực, phận sự con phải đến an ủi, khuyên lơn cho ảnh khỏi chán nản".

Bà Phán cầm tay con mà rằng: "Con nói đã cạn lẽ, má không ngăn con làm điều phải được, nhưng mà để con đi một mình thì má không an lòng, thôi má sẽ đi với con. Con hãy về nằm nghỉ, mai sẽ tính".

Kiều Nga mừng lắm, trở về phòng. Bà Phán cho mời một người thân mật là Nguyễn Viết Sung đến để gởi nhà. Người này tuổi trên bốn mươi, trán lép, con mắt sâu mà sáng, mũi hơi gãy, râu mép đen, chính là người ông Phán bà Phán tin cậy thuở nay. Mỗi sự gì trong nhà cũng đều phú thác cho một tay người này tất cả. Nhà y cũng khá, một năm thâu được năm bảy ngàn giạ, vợ mất sớm, chỉ có một con trai mới được bổ ra làm trợ giáo.

Nguyễn Viết Sung là người khôn khéo, giỏi cách phù thụng nên ai cũng phải tin dùng, song thiệt ra thì chính là một người rất nham hiểm. Khi nghe bà Phán cho mời thì Viết Sung lật đật sửa soạn khăn áo chỉnh tề đến ra mắt. Bà mời ngồi rồi nói: "Ngày mai tôi đi Sài Gòn có chút việc, tôi nhờ ông coi giùm nhà cho tôi ít bữa. Bên nhà ông đông đảo chớ bên này không có người tin cậy, vậy xin ông chớ từ".

Nguyễn Viết Sung suy nghĩ rồi hỏi: "Vậy chớ cô Kiều Nga đâu?".

– Nó cũng phải đi với tôi. Tôi biết ông là người chắc chắn nên mới dám phiền đến ông.

– Bà đã cậy đến tôi thì tôi không dám từ chối, xin bà cứ an lòng, tôi sẽ hết sức cẩn thận.

Tám Lọ đứng chìu ghế nghe Nguyễn Viết Sung nói bấy nhiêu lời thì nó nghĩ thầm rằng: "Cái mặt thằng này khó thương quá. Sao mà chủ ta lại tin dùng nó. Ôi cái mặt thằng này là mặt gian hùng! Thôi để thủng thẳng rồi sẽ hay".

Khi Nguyễn Viết Sung về rồi, bà Phán kêu Tám Lọ mà dạy rằng: "Mai ta và cô ba đi Sài Gòn có việc, ở nhà phải lo làm cho tử tế, đừng nên bê trễ nghe. Ta đã cậy ông hương Sung trông nom nhà cửa thì phải nghe lời ổng, chớ đừng sanh chuyện mà ta không bằng lòng".

Tám Lọ vòng tay thưa rằng: "Thưa bà cứ an lòng, bà đừng lo gì hết, tôi chẳng bao giờ để cho ai phải nói đến đâu. Tôi sẽ hết sức lo công việc, nhưng tôi xin nói thiệt, tôi không ưa hương hào Sung chút nào".

Bà Phán nói nho nhỏ rằng: "Dầu sao cũng cứ giữ bổn phận, đừng nên mích lòng ai hết".

*

* *

Trước phòng khám bịnh ở nhà thương Angier một bà già lối năm mươi tuổi, mặt mày buồn hiu ngồi gần một bên người con gái mặt coi cũng âu sầu, lại có con chó cao lớn nằm dài dưới đất... Bà ấy là bà Phán đem con lên thăm Thành Trai... Hai mẹ con đợi hồi lâu mới có người phạm nhe (Infirmier) [1] ra đưa vào phòng Thành Trai... Thành Trai hôm nay đã lành, chỉ nằm tĩnh dưỡng nên thấy thím và em thì lật đật ngồi dậy chào. Con Sư tử mừng lắm, nhảy chồm lên giường ngoắt đuôi. Người phạm nhe ra đóng cửa rồi đứng núp lại rình nghe...

Bà Phán ngồi bên ghế nói: "Nghe tin cháu bị thương, con Kiều Nga nó buồn rầu lo sợ quá, thím phải an ủi mãi... Nó một hai đòi lên săn sóc thuốc men cho cháu ít ngày nên thím cũng đi luôn để thăm cháu... Sao? Trong mình cháu bữa nay đã khỏe chưa? Ở bên nhà anh chị có cho ai lên thăm không?"

Thành Trai thấy Kiều Nga cúi mặt, ngó con Sư tử mà có dáng mắc cỡ, chàng thưa: "Thưa thím, cháu rất đội ơn thím và em có lòng tưởng đến. Chẳng hay làm sao mà dưới nhà lại được tin cháu ở đây? Cháu không cho ai hay cả nên dưới nhà cha mẹ cháu cũng không biết. Cháu biết rằng không đến nỗi gì nên cháu không muốn làm nhọc lòng ai. Hôm nay cháu đã khỏi hẳn rồi, chỉ nằm vài ba ngày nữa thì ra nhà thương".

Bà Phán lấy thơ đưa cho chàng xem mà rằng: "Có người nào đây viết thơ cho con Kiều Nga nên thím mới biết..."

Thành Trai xem rồi thưa rằng: "Thưa thím, từ rày về sau thím đừng nên tin những thứ thơ này, nếu là thơ của kẻ gian thì chắc

---

1. *Phạm nhe*: y tá (phiên âm chữ "infirmier").

là chạy không khỏi mưu nó. Hễ khi nào thím tiếp được thơ cháu thiệt thì bấy giờ sẽ tin. Vì cháu biết đứa gian còn đang theo đuổi báo hại, nó chưa chịu thôi đâu".

Kiều Nga xây lại ngó Thành Trai rồi hỏi: "Vậy thì anh có biết đứa nào đâm anh không? Mà em chắc là lũ gian thấy anh muốn khám phá sự bí mật của chúng nó nên mới toan hại anh; em sợ trong lúc yếu ớt thì hay sanh ra ngã lòng, không được hăng hái như lúc thường nên em mới tính lên đây cho anh có bạn".

Thành Trai mỉm cười mà rằng: "Anh cám ơn em lắm, em nghĩ như thế rất phải, vì bất kỳ ai hễ gặp lúc đau yếu thì hay thối chí, phải cần có bạn khuyên giải; nhưng anh không phải như phần nhiều người, mỗi chút mỗi thối lui đâu, anh có đủ nghị lực để chống với mấy đứa ấy. Anh không bao giờ chán nản; hễ anh muốn làm gì thì anh làm cho kỳ được .. Anh bị đâm là tự anh lầm... Người đâm anh tức là người viết thơ cho em đó. Lời thơ ấy có lẽ là lời thật, vì anh đã thấy mặt người ấy, quyết không phải là hạng tầm thường... Cũng vì anh biết anh lầm nên anh đã nhơn trong lúc ăngkết, tự nhận lấy lỗi, để cho khỏi phiền lụy người ta... Thế mà người ấy cứ tới lui thăm hỏi anh mãi. Nếu người ấy là kẻ quyết hại anh thì sao lại xử với anh như thế?"

Kiều Nga ngẫm nghĩ rồi nói: "Người ấy vốn thiệt không quen với nhà em thì sao lại nói rằng có cái phận sự phải giúp đỡ cho...; em không hiểu vì sao".

Thành Trai nhơn câu nói ấy tỏ ra vẻ vui mừng mỉm cười mà rằng: "Chắc cũng có một cái duyên cớ gì nên họ mới dám nói đường đột như vậy chớ".

Kiều Nga đỏ mặt, cúi đầu nói: "Thật là em chưa hề gặp người ấy lần nào; xin anh chớ vội cười em tội nghiệp... anh không thấu tấm lòng em nên anh mới nỡ nói câu ấy".

Thành Trai biến sắc mà rằng: "Nào anh có ngờ vực gì cho em đâu, anh nói câu ấy cũng là có một cái duyên cớ mà em chưa có thể hiểu được, có lẽ anh biết người ấy. Chừng anh ra khỏi nhà thương thì anh sẽ đi tìm liền..."

Bà Phán nói: "Thôi, thím để Kiều Nga lại nói chuyện với cháu cho vui, thím về nghỉ... Lát chiều con về nghe không con!"

Kiều Nga mừng thầm, đưa mẹ ra xe. Người phạm nhe lật đật tránh qua phòng khác, thay đổi y phục rồi cũng ra xe mà về...

Người phạm nhe ấy chính là Minh Đường. Minh Đường nghe trộm bấy nhiêu lời thì nửa mừng nửa hồi hộp... Mừng là vì chàng hỏi rõ được lòng Thành Trai, mà hồi hộp là về nỗi nhà Kiều Tiên còn phải bị quân gian theo đuổi, báo hại chưa thôi. Chàng nghe Thành Trai nói rằng có lẽ biết chàng thì chàng lại nghĩ đến Kiều Tiên.

Chàng mừng rồi lo, chàng nghĩ thầm: "Nếu mà quả Kiều Tiên còn sống, nếu một ngày kia Thành Trai tìm được kẻ gian, rửa được nhục cho nàng thì ngày ta ngó mặt nàng ta há chẳng... Ta đã là bạn tri kỷ của nàng, thế mà bấy lâu nay việc nàng ta không tìm ra manh mối gì cả thì đáng hổ thẹn xiết bao! Thôi ta không nên gặp Thành Trai, ta đã thiếu chút nữa làm cho mất cứu tinh của Kiều Tiên thì ta còn gặp chàng làm gì... Ta phải ẩn mặt mà gia tâm tìm kiếm cho ra kẻ giết bạn ta thì ta mới chuộc được cái lỗi này".

Chàng suy nghĩ kỹ rồi thì trở về nhà ngủ, trả tiền phòng, đi tìm trọ tại một căn phố ở Dakao... Từ ấy đến sau bất kỳ đêm nào chàng cũng đi thám dò khắp nơi.

Kiều Nga đưa mẹ về rồi trở vào phòng ngồi một bên giường Thành Trai... Trong lòng nàng khoan khoái lạ lùng, nàng quên rằng nỗi nhà đang gặp sự oan ức, nàng quên rằng chị nàng đang gặp phải cảnh gian truân... Nàng tưởng rằng lúc bấy giờ nàng sướng hơn tất cả mọi người. Nàng ngó Thành Trai một cách chan chứa cả tình thương, đến nỗi làm cho Thành Trai cũng phải lấy làm lạ, Thành Trai hỏi rằng: "Mấy hôm anh đi rồi trong nhà có sanh ra sự gì chăng?".

– Thưa, không có sự gì cả, rồi đó hai người cùng nhau nói chuyện: hết chuyện gần tới chuyện xa, hết chuyện mới tới chuyện cũ...

Ngồi nói chuyện Kiều Nga quên về mà Thành Trai cũng quên đau... Đồng hồ gõ năm giờ, chàng giựt mình bèn thối thúc Kiều Nga về kẻo thím đợi... Kiều Nga từ giã anh, dắt con Sư tử đi ra đến cửa còn xây lại mà rằng: "Anh ráng tĩnh dưỡng cho khỏe, mai em sẽ vô sớm".

Thành Trai gật đầu: "Em về thưa với thím rằng bữa nay anh đã khá nhiều".

VIII

Ngọn đèn chiếu sáng con đàng hẻm ở Tân Định làm cho ai đi ngang đấy cũng thấy một căn nhà trên có tấm bảng đề "Chiêu Anh Quán", người vào ra tấp nập. Những hạng người đến đó

phần nhiều là các tay du côn, tự xưng là anh chị và bọn thợ Ba Son; một đôi khi cũng có mấy thầy, song ít lắm.

Hôm ấy nhằm tối thứ bảy nên "Chiêu Anh Quán" chật nứt cả người... "Chiêu Anh Quán" là một cái tiệm bán cơm, rượu, nem Thủ Đức lại có cả cải lương, và phía sau có năm bảy cái phòng, bày đồ hút đủ thứ. Ba chục cái bàn đầy cả người áo bành tô hở ngực quần lãnh đen, lưng mang giây nịt da, người nào người nấy đều vạm vỡ. Phía trong có vài ba người con gái ngồi ca, ít người đàn ông ngồi đờn... Có người đưa ngực con rồng, có người xắn tay con cọp, cười nói ngả nghiêng thật là anh chị.

Gần cửa có một người ngồi một cái bàn nhỏ, mặc áo trắng, đội nón nỉ xám, ngó chăm chỉ các anh chị. Người ấy chỉ ngồi một mình, nét mặt coi nghiêm nghị mà dáng điệu không phải là một hạng với mấy người ngồi chung quanh... Vậy mà sao lại lạc đến nơi ấy? Ta nhìn rõ lại thì không phải là người lạc vào chốn ấy mà chính là người muốn đến. Người ấy là Tạ Minh Đường. Tạ Minh Đường đem thân vào những nơi ấy cũng chẳng lạ gì, chỉ là theo như câu của Thành Trai nói hôm ở phòng ngủ: "Muốn biết được sự bí mật tất phải vào nơi hắc ám; muốn bẻ được hoa sen tất phải lội xuống hồ bùn!".

Chàng ngồi nghe từng lời, nhìn từng mặt, trông từng người.

Bên bàn gần đấy có một người cao lớn, con mắt tròn như cái vụ, lỗ mũi rộng, trên ngực xâm một cái búa, vỗ tay xuống bàn mà nói với người cũng bặm trợn, cũng ăn mặc một kiểu rằng: "Tư Lồi, em biết qua? Qua mà sợ thằng nào, qua bảnh hay không thì em út ở Tân Định này cũng biết chớ, vậy mà lính kín dám theo qua hoài. Hôm trước, qua đâm một thằng đổ ruột, qua đá một thằng bể hông, bọn nó la mã tà như mò bể... Vậy nó mới thất kinh".

Người tên là Tư Lồi tiếp nói: "Anh Bảy bảnh lắm mà! Ai lại không biết anh Bảy! Vậy mà anh đánh nó rồi nó có theo anh nữa không?". Người kia cười lớn rằng: "Bọn nó chạy hết, không còn đứa nào dám theo nữa. Em Tư, bữa nay qua muốn đi Thủ Đức chơi, em có đi thì đi".

Tư Lồi nói: "Anh Bảy đi làm gì cho mệt, Thủ Đức lóng này hết vui rồi, chi bằng ra sau này hút chơi còn thú hơn".

– Ừ được, để rồi ra sau hút chơi. Vừa nói vừa uống một ly cô nhác. Lúc tiếng ca đang thánh thót, thì một người con gái mặc

áo nhiễu trắng, tai chỉ đeo đôi bông chớ không chưng diện gì hết, trạc chừng mười bảy mười tám tuổi ở trong bọn ca nhi, nín ca, đứng dậy ghé lại bên bàn thâu tiền, nói với bà chủ quán rằng: "Bây giờ mười một giờ rồi, để tôi về kẻo khuya quá".

Người con gái ấy làm cho Minh Đường thấy mà sững sờ... Cái giọng nói ấy, cái hình dung ấy không khác nàng Kiều Tiên trong lúc chàng gặp ở dưới tàu chút nào cả. Con mắt long lanh, cái vẻ mặt hơi sầu ấy gợi cho chàng nhớ lại người xưa. Chàng nhìn chăm chỉ... chàng lấy làm lạ là một kẻ ca nhi sao mà có được cái dáng điệu như thế. Chàng đang nhìn không nháy mắt thì nghe tiếng người mà tự xưng là anh chị đó la lớn rằng: "Con đĩ kia, hãy ca ít bài nữa rồi về. Mày về làm gì mà lật đật lắm vậy? Tao biểu phải ca, không thì tao đánh bể đầu!".

Người con gái ngó người ấy một cách khinh bỉ, mà mặt thì đã xanh như tàu lá, nửa muốn bước ra nửa còn do dự... Tư Lồi cũng nạt thêm rằng: "Anh Bảy Lộng biểu mày ca mà mày còn dụ dự à? Ca mau đi không thì chết bây giờ!".

Người con gái ấy nhíu hai lông mày lại, răng cắn lấy môi, không nói gì cả, chỉ đứng sững. Tư Lồi bước lại chụp tay nàng kéo ra, toan đánh nàng thì Minh Đường đạp cái bàn về một bên, nhảy đến thoi Tư Lồi một thoi vào mặt té ngửa. Tất cả người ăn trong quán đều cười rộ lên. Tư Lồi đứng dậy ngó Minh Đường chẩm hẩm rồi xốc lại hỏi: "Mày ở đâu mà dám lại đây làm ông hoành? Mày hãy tránh đi, nếu không thì đừng trách".

Minh Đường vòng tay đứng chận trước mặt cô ca ấy, nói dằn từng tiếng với Tư Lồi rằng: "Mày du côn há? Mày du côn, mày *anh chị mà mày làm gì ai? Mày xưng hùng xưng bá để đi ăn cơm* quán không trả tiền, hiếp đàn bà con gái cô thế, chận đường giựt của người ta trong đêm tối, như vậy đó là giỏi lắm sao? Mày sức lực như vậy, vóc dạc như vậy mà dám hiếp đáp một người con gái yếu ớt như kia, mà nghĩ là anh hùng sao? Tao không phải du côn, không phải anh chị mà tao muốn mày không được hiếp đáp con gái, đàn bà. Nếu mày không chịu xin lỗi cô này đi thì tao không tha mạng mày".

Tư Lồi giận lắm, bọn nó cũng toan xốc vào tiếp, nhưng bọn thợ Ba Son nói lớn rằng: "Ai muốn đánh thì đánh xích một với người ta, nếu ỷ đông mà đánh một mình thầy này thì chúng ta không chịu. Thầy ốm yếu hơn mà".

Cũng nhờ bọn thợ ấy mà bọn của Tư Lồi không dám áp lại. Tư Lồi thấy vậy xốc đến một mình cố đánh trả thù, Minh Đường thuận tay đánh một cái bóc vào hàm xai tay trái, rồi bồi luôn một cái vào hàm xai tay mặt, làm cho Tư Lồi té nhào xuống nằm như một khúc gỗ. Chàng nhảy theo chụp tay kéo dậy bóp họng nó mà rằng: "Mày có chịu xin lỗi cô ấy không?".

Tư Lồi mặt ướm máu, bị bóp đau quá la hoảng rằng: "Ôi, đau quá, đau quá! Thôi buông ra, buông ra rồi tôi sẽ xin lỗi".

Minh Đường buông ra thì Tư Lồi muốn xẻ đất mà xuống ngặt vì không biết độn thổ như Nhứt Hổ nên cực chẳng đã phải xin lỗi cô ca rằng: "Thôi tôi vô phép, từ rầy tôi không dám động đến cô nữa!".

Bảy Lộng thấy vậy, đứng vùng dậy, cầm trong tay một cái chai rượu, nạt Tư Lồi rằng: "Anh chị gì mà xin lỗi con đĩ chó đó? Mày lui ra đi, để tao đánh thằng này cho nó biết, kẻo nó dám chưởi anh chị".

Bảy Lộng mới bước ra khỏi bàn, Minh Đường đã húc đầu vào bụng nó một cái rất mạnh và lanh như chớp, làm cho Bảy Lộng không thể đỡ được, bị té sấp xuống dập mặt, xệ hàm, dậy không muốn nổi. Bọn thợ Ba Son đều cười lớn... Bảy Lộng lồm cồm ngồi dậy. Minh Đường chụp tay bóp một cái dường như cái kẹp sắt, làm cho Bảy Lộng bủn rủn tay chơn, miệng la như quạ: "trời ôi... đau quá!".

Minh Đường cười cách khinh bỉ rằng: "mày anh chị há? Sao mày không xưng hùng xưng bá đi? Chửa gì mà đã la không ngớt miệng, vậy khi bị đâm bị chém thì sao? Mày phải biết rằng du côn hay là anh chị đều không phải tự cái bộ vúc vắc, không phải là tự cái miệng đánh phách, không phải tự con rắn con rồng nơi ngực đâu, cũng người du côn dầu cho không làm bộ tịch ấy là du côn. Thôi tao tha cho mày lần này, lần sau đừng xưng anh chị như vậy nữa mà chết không ai thương".

Chàng toan thả tay ra nhưng chàng dòm lại thì thấy ngón tay áp út của nó cụt hết... Chàng cười: "Chắc lúc trước cũng vì mày xưng anh chị mà cụt hết ngón tay này chứ gì! Nếu không chừa thì tao sẽ cắt cụt ngón nữa".

Bảy Lộng nghe nói câu ấy thì biến sắc, mặt mày lơ láo. Vừa được thả ra thì nó hoảng hốt, lách mình chạy mất. Mấy người trong quán đều vỗ tay cười ngất.

Minh Đường xây lại thấy người con gái ca sợ run thì hỏi: "Cô sợ lắm sao?".

Nàng thưa rất dịu ngọt rằng: "Em không sợ cho em chút nào, em chỉ sợ cho thầy mà thôi".

– Cô ở đâu? Tôi xin đưa cô về đến nhà.

Nàng ấy thấy có người đông quá, không tiện nói gì nên phải vâng lời, chào chủ quán rồi đi trước. Minh Đường trả tiền rồi đi theo sau, đi đến con đàng Champagne, nàng vào kêu cửa một cái nhà lá nho nhỏ.

Trong nhà còn thắp đèn, một bà già mở cửa hỏi: "Sao hôm nay con về khuya vậy? Chắc là bà chủ cầm lại phải không?".

Nàng bước vào nói nho nhỏ: "Có khách lạ, má ngồi để con xuống nấu nước".

Nàng đi tuốt xuống bếp, bà già ấy mời Minh Đường ngồi... Minh Đường toan chối từ nhưng chàng muốn rán xem thử nàng ấy là người gì mà giống như người thương của chàng, nên chàng ngồi. Cái nhà này tuy chật hẹp, nhưng sạch sẽ lắm, không có một món gì mắc tiền mà cách chưng dọn rất có thứ tự... Nàng ấy chế nước bưng lên mời chàng dùng rồi nàng thuật chuyện ở Chiêu Anh Quán cho bà già nghe. Bà già tạ ơn rằng: "Nếu không nhờ có thầy thì con già bị nhục rồi. Già không biết lấy chi mà đền ơn thầy cho xứng đáng... Vậy chớ thầy làm việc ở đâu mà sao thầy lại dám đánh bọn du côn ấy?".

Minh Đường đáp rằng: "Tôi không làm việc sở nào cả. Tôi không dung bọn du côn bao giờ. Hễ tôi thấy bọn nó hiếp ai thì tôi trị ngay, tôi không chịu để cho bọn nó ỷ chúng hiếp cô. Tôi muốn làm cho bọn nó bỏ cái tánh nết xấu xa ấy đi. Vậy thì cô đây là con bà phải không? Sao bà không kiếm công việc gì cho cô em làm, mà lại cho đi ca như vậy, rủi có sự gì thì té ra lợi không bõ hại?".

Bà già chảy nước mắt mà rằng: "Thật già không có bắt con đi ca hát, nhưng điều đó là tình cờ... Thầy thử xem già chừng bao nhiêu tuổi?".

Minh Đường nghe bà già hỏi hơi lạ thì đáp rằng: "Xem rõ thì chừng sáu mươi, mà còn muốn hơn nữa... Tôi coi cô này có vẻ đài các vậy mà sao lại đi làm nghề xướng ca? Cô lại giống hệt một người con gái mà tôi đã được gặp cách năm năm trước... Bà có thể cho tôi biết vì duyên cớ gì mà cô em lại đi ca như vậy không?".

Bà già ấy nghe chàng nói có gặp một người con gái giống hệt con bà thì bà ngó sững chàng hồi lâu rồi mới thở ra mà rằng: "Xin thầy nói rõ cho già biết thầy ở đâu; nếu may mà thầy là người có thể giúp già được thì già sẽ kể cho thầy nghe một câu chuyện rất bí mật của cái đời già. Già đợi chờ cứu tinh đã mười mấy năm nay, cũng như bà Lý Thần Phi đợi Bao Chuẩn vậy".

Minh Đường nghe bà già nói vậy và nước mắt ra ròng ròng thì càng lấy làm lạ hơn nữa... Chàng nói chậm rãi rằng: "Tôi người ở Cầu Ngang về hạt Trà Vinh, tên là Tạ Minh Đường. Cha tôi hiện đang làm Cai tổng còn tôi thì qua học bên Pháp đã đậu bác vật mới về nước được vài tháng nay. Nếu quả là bà có sự gì uất ức thì xin cứ thuật lại cho tôi biết, tôi có thể giúp được bà thì tôi rất vui lòng...".

Bà già ấy ngồi một hồi, không nói một câu gì, mắt cứ ngó Minh Đường tròng trọc. Giây lâu bà úp mặt vào tay mà khóc rồi nói với nàng con gái rằng: "Con ơi, để má thuật lại một chuyện mà má chưa từng nói với con bao giờ... Chuyện ấy rất quan hệ cho cái đời của con". Nàng ấy ngó sững bà già, Minh Đường nói: "Nếu có chuyện gì thì bà cứ nói thật cho tôi biết, tôi sẽ ráng mà giúp bà".

Bà già nói: "Ông mới nói rằng tuổi tôi hơn sáu mươi là vì ông thấy tôi đã già khúm... Nhưng thiệt thì tôi chưa đến tuổi ấy, tôi mới bốn mươi bảy tuổi mà thôi..."

Minh Đường nghe bà già nói mới bốn mươi bảy tuổi thì chàng lấy làm kinh ngạc mà càng ngó bà chăm chăm. Phải, bà già trông không phải là con người nữa, bà là một bộ xương hay là một cái xác vậy... Tóc bà đã bạc trắng, mặt bà đã nhăn nhíu, thân hình bà đã khô khan rồi... Bà khóc mà rằng: "Ông lấy làm kinh ngạc thấy tôi đã già như vậy mà chưa đến sáu mươi tuổi phải không? Xin ông đừng lấy làm lạ, và thứ tội cho tôi... Ông ngồi xuống để tôi tỏ sự thật cho ông nghe... Mười bảy mười tám năm nay, lương tâm tôi không lúc nào yên, tôi chỉ vái trời vái phật cho được có một ngày nào đem hết những sự nặng lòng ra mà thú, đặng chuộc tội lỗi lúc xưa; nay may gặp được ông, thật là lòng trời phật xui khiến đó. Tôi đau đớn khổ sở hơn mấy năm trường, thường ăn năn về cái tội lỗi... Thưa ông, ông đừng tưởng gì đứa có tội này, ông nên khinh bỉ nó... Thưa cô, cô đừng kêu đứa có tội này bằng mẹ làm chi, cô cứ kêu nó là đứa giết người!"

Người con gái biến sắc, cầm tay bà già mà rằng: "Má điên rồi sao? Má nói mê nói sảng hoài... Xin má đi nằm nghỉ... Thưa ông má tôi mấy năm nay đau bịnh ma bịnh quỷ gì không biết, thường khi cười khi khóc không chừng... Nhiều lúc thấy quỳ xuống van vái, xin trời phật tha thứ tội lỗi cho. Tôi vẫn lo lắng hết sức, nay bịnh ấy đã trở lại nữa, tôi xin ông bỏ qua những lời mê cuồng của má tôi".

Bà già lau nước mắt, khoát tay mà rằng: "Xin ông đừng tưởng là tôi điên. Tôi không điên đâu, tôi vẫn tỉnh táo như thường... Cô Kiều Nga, cô đừng kêu tôi bằng má mà tội lỗi thêm cho tôi, cô hãy kêu tôi là đứa sát nhơn..."

Minh Đường nghe kêu tên Kiều Nga thì giựt mình... Nàng *ấy khóc nức nở ôm bà già mà năn nỉ rằng: "Má ôi! Má thương yêu của con ôi! Sao má nỡ nào kêu con bằng cô, má hờn con sự gì sao? Xin má đừng nghi cho con có sự gì mà xấu hổ cho con lắm!... Quả là con nhờ ông này cứu khỏi tay bọn du côn, chớ con không dám dối* má... Má tỉnh lại đi, con có phải tên là Kiều Nga đâu? Vậy má quên rằng con Liễu Chi còn đứng trước mặt má đây sao?"

Bà già cứ lắc đầu rồi nói với Minh Đường rằng: "Xin ông nói với cô Kiều Nga rằng tôi không điên; xin cô để cho tôi nói hết sự khổ tâm của tôi cho cô biết. Nếu cô không chịu để cho tôi nói hết thì không bao giờ cô tìm được cha mẹ chị em của cô".

Minh Đường biết bà già ấy vẫn tỉnh táo nên nói với người con gái rằng: "Xin cô cứ ngồi yên, để nghe bà già nói chuyện, tôi chắc là bà không điên. Người điên thì con mắt không còn có tinh thần như vậy đâu".

Nàng thở ra rồi ngồi yên. Bà già nói: "Lúc trước tên tôi là Lý Thị Minh! Thị Minh lúc xưa là một đứa rất lẳng lơ... Câu chuyện mà tôi sắp thuật lại cho ông và cô nghe đây cách đã mười bảy, mười tám năm rồi mà tôi còn nhớ như là mới hôm qua. Tôi quê ở Tây Ninh, con mồ côi, nhà nghèo, thường đi làm mướn cho nhà giàu để nuôi thân. Đến năm tôi hai mươi chín tuổi, tôi có cặp với một người đã có vợ con rồi... Người ấy là một người rất lanh xảo, rất nham hiểm tên là Nguyễn Viết Sung. Đứa gian xảo ấy dụ dỗ tôi, tôi thiệt thà dại dột không biết gì nên mới nghe lời nó, cùng nó đi lại vụng lén, được vài tháng thì có chửa. Tôi buồn rầu lo lắng vô cùng; một là sợ vợ nó hay, hai là sợ miệng người đàm tiếu... Tôi năn nỉ khóc

lóc lắm nên nó đem tôi gởi một nơi... Chẳng bao lâu tôi sanh đặng một gái, tôi đặt tên là Liễu Chi. Con nhỏ xinh lắm... Viết Sung nói với tôi rằng có một thày phán kia rất giàu sang, cũng mới sanh một con gái đặt tên là Kiều Nga, giống hệt con tôi... Nếu đem con Liễu Chi tráo làm con nhà ấy thì sau này sẽ ngồi trên tiền của, và tôi sẽ được sung sướng muôn phần... Tôi xin thú thiệt rằng lúc ấy còn nghèo khổ lắm, tôi cũng tham giàu sang nên mới chịu theo lời nó mà giao con cho nó. Đến nửa đêm nó bồng Kiều Nga đem về cho tôi và đưa cho tôi hai chục bạc biểu phải mau mau đi xứ khác lánh mình, rồi thủng thẳng nó sẽ tính thế theo tôi. Nó đem tôi về Sài Gòn, mướn một căn phố nhỏ cho tôi ở và hứa sẽ mua nhà cho tôi... Tôi tin nó lắm, và lúc ấy tôi dường như say mê nó vậy... Nó cũng có nhiều tiền nên tôi tưởng thế nào nó cũng không bỏ tôi... Thế là cô này chính tên là Kiều Nga chớ không phải Liễu Chi là con thiệt của tôi... Cô Kiều Nga! Cô đã rõ nông nỗi ấy chưa? Xin cô chớ hờn tôi tội nghiệp, nay tôi ăn năn lắm".

Kiều Nga nghe bấy nhiêu lời thì mặt đổ mồ hôi, nàng run lập cập mà thưa rằng: "Tuy vậy mà mười mấy năm nay má nuôi con, thì con chỉ biết má chớ không biết ai nữa... Lẽ nào con lại tìm nơi giàu có mà bỏ má sao?..."

Bà Thị Minh lắc đầu mà rằng: "Cô không nên nói vậy, tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi, chính tôi là người đã làm hại cô, là người cô nên khinh bỉ, chớ không nên thương yêu. Cũng vì tôi mà cô phải đau đớn khổ sở, phải dầm mưa trải gió, lắm lúc phải nhục đến thân. Nếu tôi không đem cô đến chốn này thì hiện bây giờ cô đang sung sướng, chớ đâu có phải cực như vậy?"

Minh Đường mừng thầm: Chàng đã cầm được mối dây rồi, chàng hỏi: "Thôi, khoan nói sự ấy đã... Vậy thì từ ấy nhẩn nay bà có gặp Nguyễn Viết Sung không?"

– Không! Đồ Sở Khanh ấy chỉ lường gạt người chớ có thương tưởng gì ai... Nó đi rồi tôi đợi ngày đợi đêm mà cũng không thấy nó trở lại... Tôi buồn bực quá, trong mình lại đau yếu. Muốn đi kiếm nó song không dám, vì vừa sợ vợ lớn nó làm xấu, vừa sợ bị tội đồng lõa đánh tráo con. Tôi không biết làm sao được, cứ ôm con dại ngồi một chỗ ăn hoài thì sao cho khỏi thiếu hụt? Tôi nghĩ vậy nên lần lên đây mua cái nhà này để cho khỏi tốn tiền mướn... Lần hồi ở đây được vài năm, phải đi làm thuê làm mướn mà độ nhựt! Bấy giờ tôi ức mình

lắm, nghĩ ăn năn thì đã muộn nên chỉ cắn răng chịu cực chịu khổ nuôi cô Kiều Nga cho khôn lớn để mà chuộc tội lỗi... Tôi vái trời phật giúp tôi, đừng bắt cô Kiều Nga đau, và để cho tôi có dịp giao trả cô về cho cha mẹ cô. May phước, cô Kiều Nga cũng ít khi đau. Lúc cô đã lớn, có người thấy thông minh đĩnh ngộ, mới dạy cho cô học chữ và học ca đờn. Nhiều khi họ nài nỉ mua cô để cho tập làm đào hát cải lương mà tôi không dám vâng lời... Nay vì trong nhà túng quá nên tự cô muốn đi ca chút đỉnh để lấy tiền tiêu dùng, nhờ đó mà tôi khỏi thiếu thốn... Mỗi đêm cô đi ra thì tôi chỉ cầu khẩn cho gặp người thân thích nhìn cô, để cho cô được sung sướng, kẻo tôi là đứa vô lương mà cô ở với tôi chí hiếu, làm cho tôi càng đau đớn hối hận vô cùng... Hồi nãy tôi nghe ông nói có gặp người giống cô, vậy ông có biết người ấy hiện bây giờ ở đâu không?".

Minh Đường ngồi ngó bà Thị Minh mà động lòng, chàng nói: "Nếu vậy thì có lẽ tôi sẽ tìm ra người bạc nghĩa ấy, và tôi cũng sẽ tìm ra được cả ông thân bà thân của cô Kiều Nga đây nữa. Tôi vẫn biết chỗ ở của người mà tôi đã gặp, và tôi lại biết còn có một cô trùng tên Kiều Nga với cô đây mà người cũng tương tợ như cô đây...".

Bà Thị Minh mừng lắm nói: "Nếu vậy thì là con Liễu Chi của tôi rồi... Xin ông làm ơn cho tôi thấy mặt con tôi một chút... Xin ông làm ơn cho cô Kiều Nga được về với cha mẹ ruột thì trời phật sẽ ban nhiều hạnh phước cho ông".

Kiều Nga ngồi che mặt khóc ròng, hồi lâu mới nói thỏ thẻ rằng: "Nếu vậy thì kẻ sâu độc kia đã làm cho ly tán mẹ con em để đem con nó vào hưởng phú quý... Trời Phật nào dung nó! Thưa ông, xin ông ráng sức giúp cho em trở về thấy được cha mẹ thì em xin kết cỏ ngậm vành ngày sau. Em không dám phiền sự cực khổ bấy lâu nay, ấy là số phận em phải như vậy, nhưng thấy cái mưu độc của người đời nghĩ mà rùng mình sởn ốc... Thưa má, tuy là má đã làm sự không phải ngày xưa, nhưng bấy lâu nay má thương con như ruột thịt, vả lại má đã chịu đau đớn mười mấy năm trời rồi thì cũng đủ đền được tội lỗi. Dầu thế nào con cũng không bỏ má, má là một bà mẹ thứ hai của con, mà em Liễu Chi kia nếu vẫn còn trong sạch thì sẽ là một người em ruột của con vậy".

Thị Minh cầm tay Kiều Nga, khóc mà rằng: "Được vậy thì già này còn gì vui sướng hơn nữa! Già này được có ngày nay cũng đủ hả lòng rồi".

Minh Đường nhìn Kiều Nga một hồi rồi thở ra mà rằng: "Cô không nên đi ca hát nữa... Tôi biết cảnh nhà của cô, nhưng lúc này cô chưa nên về vội vì đang có biến cố lớn lắm. Cô phải nương náu ở đây ít lâu nữa và cứ tin rằng tôi không bao giờ nói dối ai, hễ tôi hứa một lời thì ngàn năm không sai chạy. Tôi hứa rằng tôi sẽ đem cô về nhà cô, và tôi sẽ đem cô Liễu Chi về cho bà nuôi cô... Cô đừng buồn gì hết, một ngày kia cô sẽ biết cái lẽ vì sao mà tôi rất quan tâm về việc cô. Ấy là cái bổn phận của tôi đó... Liễu Chi hiện nay vẫn chưa biết nàng là giả. Mà nàng cũng nết na tài sắc không kém gì ai."

Chàng liền lấy một trăm bạc đưa cho Thị Minh mà rằng: "Từ rày xin bà cứ dùng tiền tôi, đừng cho cô Kiều Nga đi ca nữa. Tôi xin chịu hết các món tiền tiêu xài trong nhà này từ nay cho tới khi cô Kiều Nga được đoàn viên. Nhứt là xin chớ nói việc này cho ai hay vì sợ trở ngại cho công việc của tôi đang mưu tính. Nguyễn Viết Sung còn sống thì nó không để yên cho bà đâu. Bây giờ tôi phải tìm nó đã... Thôi xin cho tôi kiếu".

Thị Minh cầm trăm bạc, muốn trả lại mà sợ mích lòng, bà còn dụ dự thì Kiều Nga nói: "Vô cớ mà nhận tiền của ông giúp thì em không an lòng được. Xin ông đừng giúp số tiền ấy thì em mới khỏi lo ngại... Ông đã cứu em, ông đã cho em hay rằng em sẽ tìm được cha mẹ là đủ rồi..."

Nàng nói chưa dứt lời thì Minh Đường liền tiếp lấy mà rằng: "Cô đừng ngại gì hết, tôi muốn cho cô đừng đi ca hát nữa, thì cô phải lấy tiền này mà dùng... Tôi từng giúp nhiều người rồi, mà hễ đã giúp thì bất kỳ sự gì, cũng là giúp cả. Một ngày kia cô tìm được cha mẹ rồi, cô sẽ trả lại cho tôi cũng được, không sao đâu..."

Chàng vừa nói vừa từ giã ra về... Bà Thị Minh và Kiều Nga đều cảm động cái cử chỉ của chàng, mà tiễn chàng ra cửa...

Trong lòng Minh Đường mừng lắm; tìm được em của Kiều Tiên lại biết được câu chuyện rất bí mật trong nhà Kiều Tiên thì chắc sẽ khám phá được cái án mạng rồi. Chàng muốn đến thăm Thành Trai mà tỏ thiệt sự gặp gỡ tình cờ ấy, nhưng đêm đã khuya nên chàng phải trở về, tính để đến bữa khác.

Đêm khuya canh tàn, lòng chàng thao thức, phần thì lo về sự khám phá vụ án mạng, phần thì thương nhớ Kiều Tiên, trăm mối tơ vò nằm không an giấc. Chàng nghĩ rằng: "Té ra Kiều Nga là nàng

này, người giống nhau mà cử chỉ cũng không khác gì nhau bao nhiêu... Cuộc đời nhiều nỗi éo le thiệt! Mưu kế của đứa gian sâu độc thiệt! Nó đã toan giựt cái phần gia tài này cho con nó thì nó còn thương gì danh giá Kiều Tiên mà không giết Thuần Phong để đổ tội cho Kiều Tiên?... Kiều Tiên em ơi! Dầu em còn hay mất, em cũng chứng cho tấm lòng anh, anh chẳng bao giờ quên em mà chẳng bao giờ anh để cho danh giá em phải nhơ nhớp. Anh quyết thế nào cũng tìm cho ra kẻ gian anh mới nghe".

Trong lúc Minh Đường vào "Chiêu Anh Quán" thì Thành Trai đã ra khỏi nhà thương, đưa thím và em xuống tàu... Kiều Nga tay dắt con Sư tử, mắt thì trộm liếc Thành Trai, miệng thì nói nho nhỏ rằng: "Bất kỳ có sự gì, xin anh cũng cứ cho em biết, kẻo vắng tin anh, em không an lòng được... Nhứt là có sự gì xảy ra thì anh đừng giấu em, tội nghiệp".

Bà Phán cũng tiếp nói: "cháu đừng lo gì về phần thím hết, cháu cứ gởi tin tức cho thường kẻo thím trông đợi lắm... Cháu cũng nên phải cẩn thận kẻo rủi ro thì khó lòng".

Thành Trai thưa: "Xin thím cứ an lòng, cháu sẽ vâng lời thím...". Bà Phán và cô Kiều Nga xuống tàu rồi thì chàng mướn xe lên Bá Lạc Viên... Xe chạy qua đàng Norodom, quẹo qua Paul Blanchy... Chàng nhìn thấy ngọn đèn điện, mấy dãy nhà lầu, mấy người qua lại mà trong lòng man mác... Đến Bá Lạc Viên chàng bước vào thì thấy hai bên người ngồi ăn uống rất đông, đủ cả các hạng... Chàng lựa một chỗ sạch sẽ mà ngồi, rồi biểu pha cà phê... Trông thấy một người con gái tươi cười, tiếp đãi khách rất lanh lẹ lễ phép, thì chàng định chắc là con Liễu lúc xưa rồi. Chàng bước lại gần hỏi: "Cô có biết anh Tư Lực hiện giờ ở đâu không?".

Chủ tiệm ngó chàng rồi chúm chím cười mà rằng: "Tư Lực đang nằm hút ở đàng sau, nếu thầy muốn gặp thì tôi sẽ cho đứa dắt thầy vô".

Chàng gật đầu mà rằng: "Cám ơn cô lắm, tôi có chút việc riêng muốn hỏi va".

Chủ tiệm liền kêu một đứa nhỏ biểu dắt Thành Trai vô phòng hút. Đi qua ba bốn cái phòng mới đến một cái phòng nhỏ thì đứa trẻ ấy lấy tay chỉ mà nói với Thành Trai rằng: "Thầy cứ xô cửa mà vào, có đủ đồ rồi".

Chàng bước lại xô cửa thì thấy trên bộ ván gỗ có một người vạm vỡ đang nằm hút... Nghe tiếng xô cửa, người ấy giựt mình ngó ra mà hỏi: "Đi đâu? muốn hút phải không?".

Chàng đóng cửa, bỏ chìa khóa vào túi quần, đứng ngó vào cặp con mắt của người ấy một lát, làm cho người ấy khiếp sợ rồi hỏi: "Anh có phải là Tự Lực không?".

Người ấy nghe hỏi trúng tên thì ngồi dậy đáp rằng: "Phải, thầy muốn hỏi tôi có việc gì chăng? Cớ sao thầy lại đóng cửa phòng lại?".

Thành Trai đứng dựa lưng vào vách, hỏi một cách nghiêm nghị rằng: "Anh có biết ai ám sát rể bà Phán Trần ở Vĩnh Long cách năm năm nay không?".

Câu hỏi ấy rất thình lình làm cho Tư Lực biến sắc, ngó chăm chỉ Thành Trai mà nói: "Thầy có phải lính kín không mà hỏi những chuyện ấy? Tôi không biết gì về vụ ám sát ấy cả".

Thành Trai nghiêm nét mặt nói từng tiếng rằng: "Tôi không phải là lính kín mà tôi lại có quyền hỏi anh hơn lính kín. Anh phải nói thật đi thì tôi sẽ châm chế cho, bằng không thì tôi giao anh cho ty mật thám, anh chết".

Ban đầu Tư Lực ngỡ lính kín thì sợ nhưng sau nghe không phải lính kín thì có ý khinh nên giả cười mà rằng: "Thầy nói vậy cũng phải, song tôi đâu có biết ai ám sát rể bà Phán đâu. Tôi ở nhà bà rất tử tế, ba bốn năm chẳng hề bị rầy la một nửa tiếng, đến khi tôi không ở nữa thì tôi đi cũng minh bạch lắm, tôi có làm sự gì lỗi mà thầy đòi giao tôi cho sở mật thám?".

– Anh có làm sự gì hay không thì anh tự biết lấy, tôi không cần phải cãi với anh, nhưng tôi chỉ muốn anh nói thiệt với tôi thì tôi tha cho anh, nếu anh không chịu nói thiệt thì anh đừng trách tôi. Tôi biết anh vốn không chủ ý gì, nhưng anh chỉ tham tiền mà giúp cho kẻ gian. Sau anh thấy xảy ra vụ án mạng thì anh hết hồn tìm chỗ ẩn mình mà thôi. Tôi biết rõ anh lấy chìa khóa, dắt người vào phòng nữa. Tôi có đủ chứng cớ buộc tội anh, nhưng vì anh vẫn là người lầm nghe họ dụ dỗ nên tôi không nỡ hại anh, sao anh lại còn giấu giếm tôi?

Tư Lực mặt xanh như chàm, mồ hôi tháo ra ướt cả mình, tay cầm cái tiêm thuốc mà rớt hồi nào không hay... Tư Lực dòm chừng cái cửa, nhưng đã đóng rồi nên biết là không thể ra khỏi,

anh vùng đứng dậy, xốc lại trợn mắt nói với Thành Trai rằng: "Tôi không biết mà thầy cứ nói tôi biết thì lạ quá. Thầy có mở cửa cho tôi ra không thì nói?".

Thành Trai mỉm cười đáp rằng: "Tôi nói là anh biết, chẳng những biết mà thôi đâu, anh lại còn giúp bọn ấy giết Thuần Phong nữa. Tôi không mở cửa, anh muốn ra thì mở lấy mà ra".

– Thầy cất chìa khóa rồi mà tôi mở sao được! Thầy có chịu đưa chìa khóa cho tôi không?

– Anh có thể lấy được thì cứ lấy... Nếu anh không chịu nói thiệt cho tôi biết thì anh không ra khỏi được chỗ này, vì anh sẽ phải đi xuống sở mật thám với tôi.

– Thầy liệu đấy, nếu thầy còn nói lôi thôi nữa thì thầy đừng trách. Thầy có mở cửa cho tôi ra không?

– Không!

Tư Lực giận lắm chụp cái ghế đánh vào đầu Thành Trai... Thành Trai gạt ngang ra rồi thuận tay đánh vào hàm xai Tư Lực một thoi mạnh quá làm cho Tư Lực xểu mểu, đứng không vững, té xuống đất nằm dài... Thành Trai nói: "Anh hãy dậy anh phải nói cho tôi biết sự giết Thuần Phong... Hiện nay anh đã biết rằng anh không làm gì tôi được mà tôi thì có thể làm hại anh dễ như trở bàn tay vậy. Anh nói thiệt thì tôi tha anh, tôi không sá gì anh đâu".

Tư Lực lồm cồm ngồi dậy, mặt mày bầm tím, biết thế cự không lại nên giả đò nói: "Chính là tôi không biết chuyện gì cả, nhưng hôm đám cưới tôi có nghi cho một người, nếu thầy để tôi đi dò thì tôi sẽ cho thầy biết tin mà bắt nó. Hiện nó đang ở Saigon".

Thành Trai gật đầu nói: "Anh đừng sợ gì hết, nếu anh dò bắt được nó thì tôi không bỏ anh đâu".

– Thầy ở đâu và tên gì nói cho tôi biết để rồi tôi thông tin.

– Tôi là Thành Trai ở đàng Espagne số nhà 124.

Tư Lực lẩm bẩm cái tên và cái số nhà ấy mấy lần rồi nói: "Thật tôi không biết rõ sự ấy, nhưng có lẽ rồi cũng tìm ra được".

– Ừ, anh cứ rắng sức tìm đi.

Tư Lực bước ra rồi, chàng đứng lại ngó theo mà miệng chúm chiếm cười: "Mày muốn gạt tao nhưng mà nếu mày có nhúng vào trong vụ này thì tao đố mày thoát khỏi tay tao...".

Tư Lực đi tuốt ra ngoài trong lòng mừng lắm nghĩ thầm rằng: "Thằng này đã lầm ta rồi, thôi để ta tin cho bọn ta biết mà đề phòng... Đố mày làm gì mà bắt ta được".

Thị Liễu thấy Tư Lực mặt bầm tím thì vội vàng hỏi: "Sao vậy anh? Có chuyện gì không? Sao mặt anh bầm tím vậy?".

Tư Lực mắc cỡ, không trả lời bỏ đi luôn. Thị Liễu đoán chắc là có chuyện gì, đang đứng suy nghĩ thì có một người bước vào, mặt tươi như hoa, cười mà rằng: "Cô sáu, chắc cô thấy mặt anh Tư Lực như vậy nên cô tức cười phải không? Tôi cũng hỏi ảnh vì sao; mà ảnh không thèm trả lời; bữa nay coi bộ ảnh có giận hờn gì ai". Thị Liễu mỉm cười rằng: "Cô nói phải đó, vì có một thầy nho nhỏ lại kiếm ảnh nói chuyện gì đó không biết mà ảnh bị bầm mặt rồi bỏ đi".

– Thầy ấy ở đâu bây giờ?

Cô hỏi chưa dứt lời thì Thành Trai đã bước ra... Cô mừng rỡ chào: "Chào ông, ông lại chơi. Xin mời ông ghé lên phòng em".

Thị Liễu nói nhỏ nhỏ rằng: "Thầy này đó". Cô ấy ngó Thành Trai mà cười, cười một cách rất dễ thương, rất có duyên... Thành Trai nhìn cô rồi nói: "Té ra cô ở đây sao cô Tám? Cô có biết Tư Lực đó không?".

Cô Tám gật đầu, nói nhỏ nhẹ rằng: "Thưa biết, té ra ông lên nói chuyện với Tư Lực há! Vậy mà em không hay. Mấy lâu nay em trông hoài mà không thấy ông đến, em buồn lạ lùng. Xin mời ông lên phòng em chơi".

Thành Trai muốn hỏi chuyện Tư Lực nên theo cô Tám lên lầu, Thị Liễu đứng ngó với theo mà nói thầm rằng: "Người sao xinh đẹp quá! Đàn ông mà con gái cũng không bì kịp... Coi sao lại hơi giống cô Kiều Tiên... Tội nghiệp cô quá!...".

... Vào đến phòng Thành Trai hỏi: "Tư Lực có phải ở đây không?".

– Không... Vài ba đêm mới đến một lần. Mời ông ngồi trên nệm này cho êm...

– Cám ơn cô. Cô thấy va hay chơi bời với ai không?

– Thường thường em thấy ảnh hay ăn uống với một người anh chị bên Tân Định, tên là Bảy Lộng.

– Người ấy ra sao?

– Người ấy vạm vỡ trên trán có xâm một cái búa.

– Cô có thấy dấu gì khác ở hai bàn tay người ấy không?

– Em không chú ý.

– Tôi nhờ cô một việc, từ rày về sau nếu cô có gặp người nào mà ngón tay áp út cụt hết thì cô cho tôi hay, tôi rất cám ơn cô.

Cô Tám cười miếng chi mà rằng: "Miễn ông biết rằng em hết lòng với ông thì đủ rồi, em không dám mong sự cám ơn đâu. Nếu ông cần dùng đến em thì dầu bước vào trong đám lửa đỏ, em cũng chẳng dám từ chối".

Thành Trai mỉm cười cầm tay cô mà rằng: "Nếu cô thiệt lòng với tôi như vậy thì tôi cám ơn cô lắm. Cô giúp tôi được việc này thì cũng như là cô cứu tôi sống lại một lần nữa vậy, mà xin cô đừng cho Tư Lực biết".

Cô Tám không giựt tay ra, ngồi xích lại gần Thành Trai mà nói nhỏ nhẹ rằng: "Xin ông cứ tin vào em, em tuy là một đứa con gái giang hồ mặc dầu nhưng em biết người lắm. Em không bao giờ dám đem sự lả lơi dối trá mà đãi ông, em biết ông. Em chỉ xin ông một điều này mà thôi...

– Cô muốn điều gì thì cô cứ nói, sao lại nín đi?

Cô Tám kê miệng gần một bên tai Thành Trai mà rằng: "Em muốn ông đừng khinh bỉ em, mà thương em một chút..."

Câu nói ấy làm cho chàng sững sờ, song chàng ráng làm bộ tự nhiên, ngó cô một cách hữu tình, cười chúm chiếm mà rằng: "Nếu chỉ có bấy nhiêu đó thì dễ lắm, cô không cần phải xin..."

Cô Tám nghiêng đầu qua một bên mà nói: "Thôi mà ông cứ dối em hoài. Em biết rằng bất kỳ món gì ông cũng cho em được, nhưng mà món thương thì khó lắm. Ông chỉ nhạo em hoài, thiệt là tội nghiệp em lắm".

Thành Trai lấy tay đánh vào má cô một cái nhẹ nhẹ mà rằng: "Nhiều chuyện quá, tại sao mà cô lại nói câu ấy?"

Cô Tám làm bộ ngậm miệng cười lại; nhíu lông mày ngó chàng mà nói: "Ông đã chán biết rồi, còn hỏi làm gì nữa. Cái miệng ông cười nửa mép đó tức là cái khóe ông khinh bỉ chớ gì. Ông khinh bỉ em là gái giang hồ, là bọn đi chơi bời, nhưng vì ông còn thương hại nên không nỡ nói ra mà thôi. Em biết, em biết cái đời của em là

cái đời bỏ đi, nhưng may một đôi khi được gần người như ông thì lấy làm vui lòng lắm. Ông biết vậy cho em, em cũng hả lòng rồi."

Thành Trai nghe câu nói ấy thì cũng động lòng thương, mà an ủi rằng: "Tuy cô nói như vậy là phải nhưng tự tôi thì tôi tưởng rằng trong các cô đi giang hồ, có nhiều người vì sự cực chẳng đã mà phải nhắm mắt đưa chưn. Vậy chớ cô vì sao mà phải đi như vầy?"

– Thưa, em cũng như phần nhiều người con gái khác, là có tánh đua đòi. Em vốn con nhà nghèo mà lại mơ ước những gác tía lầu son; những áo hàng quần lãnh; những hột xoàn bông vàng... Em thấy cô nào, chị nào mặc cái áo gì đẹp, đeo món gì quí thì em muốn lắm. Mà làm sao có được những món ấy? Nhà em nghèo, em thấy họ xuống ngựa lên xe, thì em thèm thuồng, khát khao lắm... Chỉ vì vậy mà em trốn cha mẹ em ra đi chơi bời làm vợ khắp người ta... Em được người này kêu bằng cô, người kia kêu bằng chị, khi thì ăn uống, lúc rượu trà, ai ai cũng ngọt ngào o bế; lúc nào cũng có người mời người rước, bao giờ trong lưng cũng có đồng tiền muốn tiêu gì thì tiêu, muốn xài gì thì xài; không tốn mồ hôi nước mắt mà được như thế, há chẳng phải là sướng lắm sao! Em ra đời đã bảy năm nay, thật không còn một thứ gì là không nếm qua. Nhưng càng ngày, em càng thấy cái mặt trái đời nó nhơ nhuốc xấu xa không biết sao mà nói. Em gặp phần nhiều chỉ là bọn tục tử, chớ đời bây giờ chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa? Em đi giang hồ đây thiệt là vì lầm tưởng cái thân gái giang hồ là thân sung sướng.

Thành Trai cười mà nói rằng: "Té ra cái bịnh ham sung sướng đã làm hại không biết bao nhiêu người. Ôi! Sung sướng như cách cô nói đó thật không phải là sung sướng. Ở nhà lầu, đi xe hơi, ăn miếng ngon, mặc áo tốt mà thường phải giựt mình tủi hổ với lương tâm," thì đâu có phải là sung sướng? Theo ý tôi, người biết ở phải lo làm hết bổn phận thì mới là người sung sướng.

Như cô đây chỉ vì hiểu lầm, cho những cái khoái lạc về vật chất là sung sướng, nỡ cướp công cha mẹ, làm thiệt đời xuân xanh, thì nghĩ thật đáng tội nghiệp! Nếu cô còn chút lương tâm thì chắc cô phải ngẫm nghĩ câu:

Sống làm vợ khắp người ta,
Một mai thác xuống làm ma không chồng.

mà tỉnh ngộ. Vả lại người con gái, xuân xanh chỉ có một lúc, khi hoa đã tàn, nhụy đã rữa, ong bướm chán chường rồi thì mới tính làm sao?"

Cô Tám nghe Thành Trai nói một hồi thì sa nước mắt mà rằng: "Ông dạy bấy nhiêu lời đã đủ cho em tỉnh ngộ lại rồi. Em tự biết sự ham sung sướng ấy là lỗi lầm lắm, nên em vẫn tính kiếm một nơi nương thân đặng ăn năn chừa lỗi, nhưng chưa gặp được nơi nào... Khổ cho em lúc này, chỉ là một cái hoa tàn, trôi giữa dòng sông không bờ không bến!..."

Thành Trai gật đầu an ủi rằng: "Nếu cô đã biết ăn năn thì chắc cũng sẽ có người ra tay tế độ... nhưng phải thật ăn năn mới được.

Thôi bây giờ đã khuya quá, cô có chịu để cho tôi về không?"

– Thôi mà ông, em nào mà dám không để nhưng nếu ông thương em một chút thì xin ông ở lại đây một bữa chơi, cho em được hầu chuyện thì em mừng lắm.

Thành Trai cũng thương tình nên nán lại ăn uống và chuyện trò với cô.

*

* *

Trời vừa hừng sáng Minh Đường đã thay đổi y phục thẳng đến nhà Thành Trai. Chàng chắc gặp được Thành Trai để tỏ bày tâm sự cho Thành Trai biết rồi hiệp sức nhau mà tìm cho ra Kiều Tiên. Trong lòng chan chứa cả hy vọng... Đến nơi gõ cửa thì tên bồi chạy ra thưa rằng Thành Trai đi đâu từ hồi hôm chưa về. Chàng không biết làm sao, phải quay xe trở bánh... Xe chàng vừa chạy thì thấy Tám Lọ đi thơ thẩn trên lề đàng, chàng lấy làm lạ, ngừng lại kêu hỏi: "Sao em không ở dưới ấy mà lại lên đây làm gì?"

Tám Lọ chạy đến hỏi: "Cậu ở đâu? Cậu hãy đem tôi về nhà rồi tôi sẽ nói vì sao mà tôi lên đây cho cậu nghe."

Chàng cho Tám Lọ lên xe rồi chạy thẳng về nhà... Vừa mới bước xuống chàng đã hỏi: "Sao có chuyện gì cần kíp không?"

Tám Lọ lắc đầu mà rằng: "Không có chuyện gì cần kíp lắm nhưng bây giờ tôi không thể ở với bà Phán được nữa. Bà tin dùng một đứa tôi không ưa mà nó lại có ý hãm hại tôi... Thiếu chút nữa thì bữa nay tôi ngồi tù rồi".

– Sao vậy?

– Nguyên bà Phán mượn nó trông nom nhà cửa trong lúc bà vắng mặt, nó nhơn dịp ấy tìm cớ bắt khoan bắt nhặt tôi đến điều; nó

lại muốn vu cho tôi ăn trộm đồ trong nhà mà đem tôi ra tòa. Tôi biết thế nên bỏ nhà lên đây tìm cậu. Tôi không ở thì coi bộ nó bằng lòng lắm vì nó ghét tôi. Cậu tính sao?

Minh Đường ngồi nghĩ giây lâu rồi hỏi: "Người ấy là người gì mà xấu như vậy?"

– Nó làm hương hào ở làng Thiền Đức mà chính là người tin dùng trong nhà bà Phán.

– Nó tên gì?

– Nguyễn Viết Sung.

Minh Đường nghe cái tên ấy thì nhớ lại câu chuyện bà Thị Minh, chàng mừng lắm..

– Thôi, chính là nó rồi! Nó đổi con, nó giết Thuần Phong để giựt cái gia tài cho con nó... nay nó đuổi Tám Lọ để cho nó bỏ thủ hạ của nó vào nhà bà Phán. Đã biết là nó rồi nhưng phải tìm cho đủ bằng cớ thì bắt nó mới được. Ta phải đi dò một lần coi thử thằng Nguyễn Viết Sung ra thế nào. Chàng liền thuật chuyện đâm lầm Thành Trai cho Tám Lọ nghe rồi nói: "Em viết bức thơ trước làm cho qua nghi ngờ Thành Trai; nay mới biết Thành Trai là người giỏi lắm. Chàng cũng như qua vậy, chàng quyết lòng trông nom cho nhà bà Phán..."

Tám Lọ cười lớn rằng: "Té ra vậy mà tôi không biết nên thấy sự bí mật lại sanh nghi... Còn một chuyện này nữa, theo ý tôi thì lạ lắm."

– Chuyện gì?

– Nhà bà Phán trước có một người rể bị ám sát và một người con gái chết mất hay là trốn biệt...

– Chuyện ấy qua biết đã lâu rồi mà cũng vì chuyện ấy nên qua mới cho em đến ở nhà ấy để mà trông nom giùm cho qua.

– Lại còn một việc này nữa, là có một người biểu tôi nếu chịu thông tin những sự xảy ra ở trong nhà bà Phán cho nó biết thì nó sẽ thưởng tôi mỗi tháng mười sáu đồng; nhược bằng không chịu thì nó sẽ giết tôi như đã giết rể bà Phán vậy. Tôi không chịu mà không kịp đề phòng nên bị nó đánh té xuống sông, chút nữa bỏ mạng.

– Em có biết đứa ấy hình dạng thế nào không?

– Biết nhưng chắc cũng khó tìm được. Mà có duyên cớ gì nên cậu mới trông nom cho bà ấy vậy chớ?

– Để qua nói cho em biết, chắc là em sẽ rán giúp qua đặng khám phá cho mau vụ này... Người con gái trốn đi biệt tích đó là bạn yêu của qua nên qua phải làm cho hết bổn phận để một là rửa nhục cho nàng hai là họa may còn gặp mặt nàng được.

– Vậy mà tôi không biết chớ... Vậy mà tôi nghĩ bậy bạ hoài... Thiệt tôi u mê quá! Vậy cậu chưa tìm ra múi mớ gì sao?

– Cũng có tìm ra được ít nhiều rồi nhưng qua còn phải thương lượng với Thành Trai đã. Hôm nay đến tìm thì chàng đi đâu chưa về; thôi để chiều hay mai gì rồi sẽ hay. Em cứ ở đây qua sẽ liệu sau.

Tám Lọ ngồi một lát rồi vùng nói lớn rằng: "Cậu nghĩ tôi có đáng giận không? Nhiều khi tôi muốn vặn họng những đứa ngang tàng mà tôi cứ sợ ở tù, tức mình quá. Vì hễ đánh ai thì chắc là họ chết liền. Sợ họ chết mà không dám động tới họ thì họ lại cứ làm phách."

Minh Đường mỉm cười mà rằng: "Nhẫn được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, có chuyện gì mà tức mình. Nếu có đứa nào khinh khi bỉ báng mình thì liệu cách làm cho nó phải kính sợ, chớ không nên đánh nó làm gì".

– Làm sao cho nó kính sợ được. Tất phải đánh đau thì nó mới kính sợ chớ!

– Không đánh mà nó cũng phải kính sợ vậy... để qua thử em một chút thì em biết.

Chàng nói vừa dứt lời thì chụp tay Tám Lọ bóp chơi một cái làm cho Tám Lọ bủn rủn cả người... Chàng buông tay ra, Tám Lọ cười ngất nga ngất nghèo rằng: "Phép ấy hay lắm! Phép ấy hay lắm! Cái tay cậu nhỏ xíu mà sao cứng hơn sắt vậy? Cậu bóp một cái mà tôi tưởng đâu xương trong mình tôi đã gãy... Tôi mạnh lắm cậu à, mà tôi có bóp được như cậu đâu, cậu dạy tôi với".

Minh Đường cười rằng: "Muốn được như vậy thì tập lâu lắm chớ phải một ngày một bữa đâu. Em nói em mạnh, mạnh cách nào làm thử coi".

– Tôi mạnh thiệt mà. Tôi không nói láo đâu. Giả tỉ như tôi muốn cầm hai chơn cậu mà dở nổi cái mình cậu lên thì tôi cũng dở lên được như là tôi cầm cái hộp quẹt vậy.

– Nếu vậy thì mạnh lắm... để qua đứng cho em dở thử nghe.

Tám Lọ liền xắn tay áo ngồi xuống, hai tay cầm hai chơn Minh Đường dở lên nhẹ nhẹ, đưa cao quá đầu, mà đi qua đi lại như

chơi, Minh Đường cười rằng: "Tám Lọ mạnh quá, thiệt là mạnh, thôi để xuống". Tám Lọ để xuống nhẹ nhẹ rồi cười mà rằng: "Cậu coi tôi mạnh như vậy mà nếu tôi đánh ai một thoi thì còn gì tính mạng họ? Vì vậy mà tôi không hề dám động đến ai hết".

Em tưởng mạnh vậy là đánh được người ta sao? Sức mạnh mà không lanh lẹ thì cũng không làm gì ai nổi. Em mạnh nhưng mà cần phải tập để cho lanh lẹ nữa mới được. Nếu em đánh với ai mà đánh không trúng họ, chụp không được họ thì làm sao?

– Cậu nói lạ quá, hễ đánh thì trúng chớ sao lại không trúng?

Minh Đường cởi áo ngoài ra, đứng dậy nói: "Thôi em giả đánh thử qua coi có trúng không".

– Không, tôi không dám... Mà đánh không mạnh tay được... Rủi trúng một cái thì làm sao?

– Cứ thử coi rồi biết.

Tám Lọ bất đắc dĩ phải nhảy đến đánh vào ngực Minh Đường nhưng chàng né mình qua một bên mau quá làm cho Tám Lọ đánh hụt. Tám Lọ lại đánh một cái nữa, chàng vừa tránh khỏi rồi lộn ra sau lưng, đá Tám Lọ nhẹ nhẹ mà gần muốn té sấp xuống... Tám Lọ đánh luôn mấy cái mà không trúng cái nào, mắc cỡ đỏ mặt, chu hú cái miệng lại mà rằng: "Thôi mệt quá! Đánh không trúng được cậu mà. Vậy mà tôi tưởng hễ đánh là trúng liền. Cậu biết nghề thì tôi đánh sao trúng được?".

Minh Đường cười mà rằng: "Biết nghề hay không cũng chỉ cốt ở sự lanh lẹ mà thôi. Để qua dạy cho em một vài cách đỡ gạt, và cách đánh lanh lẹ, phòng khi em gặp những đứa muốn gây ăn thua với em".

Chàng chỉ sơ cho Tám Lọ một hồi, Tám Lọ biết được cách đánh đỡ thì mừng lắm mà nói: "Cậu lanh lẹ thiệt, mà sao cậu biết được nhiều vậy?".

– Em không biết chớ qua luyện tập lâu lắm, bất kỳ là nghề gì, thấy là hữu dụng thì qua đều học cả. Những cách đánh đỡ này cần nên biết để giữ mình trong lúc nguy hiểm cũng hay.

– Hay lắm chớ, thưa cậu.

– Nếu em cứ luyện tập như cách qua chỉ cho thì chí ít lúc em sẽ lanh lẹ mà sẵn có cái sức mạnh ấy nữa thì càng tốt lắm.

Chiều hôm ấy Minh Đường và Tám Lọ lại nhà Thành Trai thì tên bồi hơ hải nói rằng có lính đến xét nhà lấy mấy tấm hình treo, cái máy đánh chữ và bắt Thành Trai vào khám lớn rồi, không hiểu vì chuyện gì cả. Minh Đường lấy làm lạ đi tuốt đến tòa án, đưa danh thiếp xin vào ra mắt quan bồi thẩm. Quan bồi thẩm cho mời vào; chàng ngồi rồi hỏi: "Tôi không rõ vì cớ gì mà người bạn tôi tên là Trần Thành Trai lại bị bắt giam vào khám, vậy xin quan lớn làm ơn cho tôi biết".

Quan bồi thẩm nói một cách rất đề đạm rằng: "Chính tôi đây cũng chưa biết rõ, chỉ mới biết rằng người ấy bị họ tố cáo là có giao thông với đảng cách mạng bên Tàu để mưu sự phản nghịch... Việc đâu còn đó, tôi sẽ hết sức tra xét cho rõ sự thiệt".

– Thưa ngài, chẳng hay chứng cớ ra thế nào mà người ấy lại bị tống giam ngay vào khám vậy?

– Điều ấy còn cần phải xét lại đã. Hiện bây giờ tôi chưa có câu trả lời. Ông cứ yên tâm, tôi nói rằng sẽ tra xét tức là cố tìm cho ra sự thiệt; nếu quả người ấy bị cáo mà không có làm chuyện gì tôi sẽ thả ra ngay.

– Vậy thì xin ngài cho phép tôi vào thăm và đem đồ ăn cho người ấy.

Quan bồi thẩm ngồi suy nghĩ rồi nói một cách bất đắc dĩ rằng: "Tôi chưa có thể làm vui lòng ông được... xin ráng đợi vài hôm nữa".

Minh Đường không biết làm sao, phải từ giã quan bồi thẩm... Ra tới cửa lại gặp các nhà viết báo là Tuyết Sĩ, Cao Hãi Tâm đến hỏi về sự bắt Trần Thành Trai... Chàng chào mỗi người rồi bước ra ngoài. Tám Lọ thấy mặt chàng buồn xo thì lật đật hỏi: "Có tin gì không cậu?".

Minh Đường lắc đầu mà rằng: "Có cũng như không... Xin vô thăm không được, xin đem đồ ăn vô cũng không được... Thôi để qua đi hỏi thầy kiện coi thế nào".

Tám Lọ nghe nói cũng buồn rồi theo Minh Đường thẳng lại nhà Trạng sư Ronin. Ông Trạng sư này ở Pháp mới qua, có tài hùng biện lắm. Ông người dong dỏng cao, mặt xương thỏn, con mắt lớn mà sâu... Trạng sư đang ngồi xem một tập giấy tờ cao ngất, thấy Minh Đường tới thì lật đật mời vào. Minh Đường thuật câu chuyện vừa nói với quan bồi thẩm cho trạng sư nghe rồi nói: "Ông nghĩ thế nào? Nhờ ông vào thăm người bị cáo mà hỏi cho rõ ràng mới được".

Trạng sư Ronin cười rằng: "Tôi thường gặp những sự thình lình như thế này... Hễ ai đã bị nghi là cách mạng thì hay bị chuyện lôi thôi. Tôi đã thấy nhiều vụ như vậy. Thường chỉ một cái thơ nặc danh cũng đủ làm hại được người lương thiện. Để tôi coi dossier (giấy tờ) ra sao rồi mới có thể tính được".

– Vâng, điều ấy xin nhờ ông, chớ tôi không được phép vào ngục... Xin ông vào hỏi cho rõ ràng; tôi định chắc là có người mưu hại, vì bạn tôi vốn là một người tánh ngay thẳng, hay nói thiệt, tất có lắm kẻ tiểu nhơn thù hiềm.

– Tôi cũng biết như thế... Tôi chẳng những sẽ vì trách nhiệm trạng sư mà tôi lại còn vì nhơn đạo, nhứt là muốn làm cho rõ cái thiệt tình của một người Pháp chơn chánh đối với người Annam.

Trạng sư Ronin vừa nói vừa biểu người giúp việc ghi tên họ Trần Thành Trai rồi đứng dậy nói: "Ông ngồi đợi tôi một lát, tôi đi coi dossier ngay bây giờ".

– Vâng.

Trạng sư Ronin đi rồi, Minh Đường ra đứng nói chuyện với Tám Lọ. Tám Lọ hỏi: "Bây giờ chỉ trông cậy vào thầy kiện mà thôi sao cậu?".

– Chớ biết sao được?... Phải chi có thể vào thăm mà hỏi cho rõ chuyện thì dễ cứu lắm, nhưng ngặt tòa đang nghi nan nên chưa biết tính lẽ nào... Đợi một lát ông trạng sư về coi sao.

– Nếu vậy thì hễ ai bị oan cũng cứ phải vô khám sao?

– Thì vậy chứ sao, vì quan tòa còn phải xét coi có oan thiệt hay không.

Tám Lọ ngồi gục đầu trên xe suy nghĩ... Trạng sư Ronin về, vừa bước xuống xe thì đã nói: "Quả là bị người ta rơi thơ. Gớm ghê quá! Đứa tiểu nhơn rơi thơ ấy chắc là kẻ thù oán của Thành Trai. Quan biện lý có đưa cái thơ cho tôi xem... Tôi có vào khám thăm nhưng Thành Trai cũng như ông, không biết gì hết. Phải để thủng thẳng rồi tính".

Minh Đường buồn bực quá, phần thì việc Kiều Tiên chưa tìm ra, nay lại thêm một vụ này nữa, trăm mối tơ vò gỡ làm sao xong!... Cực chẳng đã phải từ giã ông Ronin mà về.

Tám Lọ cũng bực bội lắm, ngồi nghĩ rằng: "Mới rồi cậu ta nói vào khám thăm cậu Thành Trai thì mới biết được rõ ràng công việc, vậy

thì ta phải tính làm sao chớ, không lẽ ngồi khoanh tay mà chịu. Họ cấm vào thăm! Ừ, họ cấm mà mình lại không làm sao vào thăm được à? Ta cứ lại cò bót, nói rằng ta muốn ở tù ít bữa thì được chớ gì!".

Tám Lọ nghĩ được kế ấy thì mừng lắm, lén trốn Minh Đường chạy thẳng lại bót quận nhì; vào trong thấy người ngồi chung quanh đông lắm, liền ghé ngồi theo họ. Một hồi thấy họ bị đòi vào hết chỉ còn một mình nó không ai kêu đến tên, nó bước lại kêu thầy đội bót mà rằng: "Tôi muốn nói với ông cò một chuyện cần kíp, thầy làm ơn dắt tôi vào".

Thầy Đội hỏi: "Mày có giấy đòi không?".

– Không, nhưng mà tôi có việc cần kíp lắm.

Thầy Đội nghe có việc cần kíp thì lật đật vào báo cho ông cò hay, ông liền cho đòi Tám Lọ vào. Lọ thấy hàm râu cá chối, con mắt tròng đồng, mặt mày đỏ như lửa của ông cò thì đã rụt rè, sau nghe ông nạt rầm lên thì muốn nhảy qua cửa sổ mà về, nhưng vì muốn vào khám nên nán lại.

Ông cò hỏi: "Có chuyện gì sao không làm đơn thưa mà lại bổn thân đến, vậy thì nói mau đi".

Tám Lọ vòng tay nói: "Tôi xin ông mau mau bỏ tôi vào khám lớn kẻo tôi sắp làm một việc dữ tợn".

– Làm việc gì mà gọi là dữ tợn?

– Giết người, đốt nhà, ăn trộm ăn cướp, bất kỳ việc gì cũng là làm được!... Ông phải lấy một cớ gì mà đem tôi vào khám ngay bây giờ.

Ông cò lấy làm lạ, ngó sững Tám Lọ rồi nói: "Mày điên phải không! Nếu mày điên thì tao sẽ đem lên nhà thương Biên Hòa điều trị".

Tám Lọ la lớn rằng: "Không, không, tôi có điên đâu mà biểu đem tôi bỏ vào nhà thương Biên Hòa. Tôi muốn vào khám lớn kia mà."

Ông cò cười rằng: "Mày không có tội gì hết thì làm sao mà bỏ vào khám lớn cho được?"

– Vậy sao tôi nghe người ta nói không có tội gì cũng bỏ tù được?

– Không bắt được tại trận nhưng có người khai và đủ chứng cớ thì bỏ tù được.

– Vậy thì tôi cũng vậy, ông cứ buộc tội tôi đi rồi bỏ ngay tôi vào khám lớn.

– Mày làm gì mà bỏ vào khám lớn? Có ai khai gì cho mày đâu mà làm tội mày được?

– Ủa sao vậy cà? Người khác khai tôi thì ông tin mà tôi tự khai cho tôi thì sao ông lại không tin?

Ông cò lắc đầu đấm bàn, la lớn: "Đuổi nó ra, nó điên mà đem nó vào đây làm gì? Mau mau đuổi nó ra ngoài!"

Thầy Đội kéo ra, Tám Lọ giận hỏi rằng: "Tôi nghe nói ở tù dễ lắm, sao mà tôi xin ở tù lại không cho vậy?"

Thầy Đội ngó Tám Lọ cười mà rằng: "Mày nói lạ quá, ai có tội gì thì mới ở tù, chớ mày khi không mà đi ở tù là nghĩa gì?"

Tám Lọ bứt tóc gãi tai mà rằng: "Té ra mình không làm sự gì bậy thì ở tù không được à... Vậy thì khó chớ dễ gì... mà thôi, thầy làm ơn bày vẽ cho tôi biết cách gì để vào khám lớn được".

– Khó gì mà vào không được?

– Đó, thầy lại còn nói "khó gì". Nếu không khó gì thì tôi vào đã từ hồi nào rồi... Không khó sao mà tôi xin không được?

– Không khó gì nghĩa là chỉ có một cái duyên cớ chút đỉnh cũng đủ ở tù... Như là đánh lộn, móc túi...

– Thôi được, cám ơn thầy.

Tám Lọ chạy một mạch ra khỏi cửa, trong trí nghĩ thầm rằng: "Móc túi thì khó lắm vì mình không rành nghề, mà lại gớm ghiếc nữa; chi bằng đánh lộn thì tiện hơn..." Nó ra tới ngoài đàng, ngó trước ngó sau quyết gặp ai thì đánh nấy... Vừa thấy một đứa cu li xe kéo đứng bên lề đàng, Lọ liền chạy đến đánh một tát tai... Tên cu li bững lững bơ lơ, hỏi: "Sao anh đánh tôi?"

Tám Lọ nói: "Vào thưa lại với ông cò đi... Tao đánh mày đó!"

Người cu li nói: "Thôi, anh lầm, tôi không thưa làm gì cho mệt." Nói rồi kéo xe đi... Tám Lọ kéo xe lại mà rằng: "Tôi không lầm, anh hãy vào thưa tôi đi. Tôi đánh anh đó."

Tên cu li xe kéo ngỡ là thằng điên, giựt xe chạy như bay, làm cho Tám Lọ đứng ngơ ngáo một mình: "Lạ quá! Mình đánh nó mà nó không thưa... Sao vậy kia? Hay là nó sợ?"

Đang ngơ ngáo vừa thấy một tên bồi xách con vịt đi ngang qua, Lọ mừng quá chạy lại tát tai một cái mà rằng: "Thử lần này có vào bót không cho biết."

Tên bồi giận quá hỏi: "Sao mày dám nghinh ngang vậy mày? Chuyện gì mày đánh tao?'

– Ừ, tao đánh cho mày đi thưa đó! Thưa đi!

Tên bồi giận đỏ mặt, kéo Tám Lọ: "Mày vào đây với tao, để tao thưa mày cho mày coi!"

Tám Lọ chắc lần này làm sao cũng xong việc, mừng rỡ lắm nói: "Cứ thưa đi! Tao cần cho mày đi thưa lắm chớ!"

Thầy Đội thấy tên bồi kéo Tám Lọ vô thì hỏi: "Sao đó?"

Tên bồi nói: "Tôi ở bồi cho bà đầm Malala sau trường kia, đi về ngang đây không biết cớ gì thằng này đánh tôi một tát tai đau quá, rồi nó lại thách tôi đi thưa".

Tám Lọ nói: "Phải, tôi đánh nó đó, nhờ thầy nói với ông cò bỏ tôi vào khám lớn đi."

Thầy Đội vào trong giây phút ra kêu cả hai vào phòng giấy ông cò. Ông cò hỏi: "Sao hồi nãy đuổi mày ra mà mày còn trở lại đây làm gì?"

– Tôi đánh thằng này nên bị nó kéo về đây.

Tên bồi nói: "Thưa ông, tôi không làm gì nó mà tự nhiên nó lại đánh tôi, xin ông xét."

– Nó đánh mày nhiều không?

– Thưa nó đánh tôi một tát tai.

Ông cò xây lại hỏi Tám Lọ: "Sao mày lại đánh nó?"

– Tôi muốn đánh nó vậy đó.

Ông cò kêu thầy Đội biểu phạt Tám Lọ bốn cắc, còn tên bồi thì tha về.

Tám Lọ la lớn rằng: "Tôi đánh người ta sao không bỏ tôi vào khám lớn lại phạt 4 cắc mà thôi?"

Thầy Đội nói: "Đóng tiền phạt đi mà về, đánh lộn lặt vặt thì phạt tiền chớ bỏ vào khám lớn sao được!"

– Vậy nếu tôi không đóng tiền phạt thì sao?

– Thì bỏ vào bót giam, bắt đi làm cỏ ít ngày.

– Bỏ vào khám lớn phải không?

– Không, bỏ vào bót này!

– Thôi, để tôi đóng tiền.

Nói rồi lấy bốn cắc bạc đóng tiền phạt rồi ra về, mặt buồn xo.

Đi về đến nửa đàng bỗng gặp một người đàn bà mặt đầy cả máu, đang kêu xe kéo... Tám Lọ mừng lắm chạy lại nói: "Cô, cô làm ơn đi với tôi lại cò một chút."

Cô nọ đang khóc, ngước mặt ngó Tám Lọ rồi hỏi: "Lại cò làm gì?"

– Cô lại cò nói tôi đánh cô đổ máu để cho cò bỏ tôi vào khám lớn, tôi muốn vào khám lắm.

Cô nọ lấy làm lạ nói: "Không, tôi đứng dậy, sơ ý chạm vào nhánh cây chớ không có ai đánh hết mà khai cho anh làm sao được?"

– Không mà, cô cứ khai cho tôi, nghĩa là cô làm ơn cho tôi đó, vì tôi muốn vào khám lớn giúp đỡ tay chơn cho cậu tôi.

– Vậy thì cậu anh có phải là Trần Thành Trai không?

– Phải! Phải đó, sao cô biết? Thôi cô làm ơn cho tôi đi.

– Anh vô thăm cậu anh làm gì?

– Để hỏi cho rõ ràng vì sao cậu tôi bị bắt và có cách gì cứu ra được thì tôi trở ra mà lo tính.

Báo *Phụ nữ tân văn* từ số 40
(tháng 2–1930) đến số 83 (tháng 5–1931),
Sài Gòn, 1930 – 1931.

QUẢ DƯA ĐỎ
(Tiểu thuyết - Trích)

NGUYỄN TRỌNG THUẬT [1]

Quả dưa đỏ còn có ghi thêm ngoài bìa: "phiêu lưu tiểu thuyết", và đã được đương thời tặng phần thưởng văn chương của Hội Khai trí tiến đức năm 1925. Truyện có 28 chương. Chương đầu là *Tội tình*, chương cuối là *Triệu hồi*.

An Tiêm, con nuôi vua Hùng XVII bị Thi Lạc hầu dèm pha nên bị đầy ra đảo Nam Hải cùng vợ và hai con nhỏ. Ở đảo, An Tiêm đã tìm được hang động để ở, tìm được giếng nước, lấy cây bồng cây cói làm vó kéo tôm cá, dùng rau muống bể để ăn. Sau làm được nhà, dùng đất sét nung chum vại, dùng vỏ sò vỏ ốc ghi ngày tháng. Ba năm sau, tình cờ tìm được giống dưa đỏ, trồng nhiều dần, thả dưa cho nước đưa vào đất liền. Có Trần Tử Nguyên, một nhà buôn lớn nước Tề đến giao thiệp. Lại có Thạch Tử Chương cùng con cái chiêu dân đến đảo làm ăn.

Đảo nhanh chóng đổi mới, phồn vinh. An Tiêm giao cho họ Thạch cai quản đảo chuẩn bị về triều. Cùng lúc, tội của Thi Lạc hầu bị phát giác. Vua biết An Tiêm bị oan, cho ba chiếc hải hạm ra Nam Hải đón về.

Chúng tôi chọn bốn chương: chương I, II, III, và XX và chọn *Bài tựa* của tác giả.

BÀI TỰA

Truyện "Quả dưa đỏ" này nhân ở một bài trong mười bài sử ký đời Hùng triều còn để lại. Nước ta từ khi thuộc về nước Tàu bị một cái văn minh độc tôn tràn lấp đi, mà bao nhiêu điển cố của tổ

---

1. Nguyễn Trọng Thuật biệt hiệu Đồ Nam tử, người Hải Dương, sinh năm 1883, mất năm 1940, thọ 57 tuổi

Ông tinh thông Nho học, trước dạy học, sau giữ việc biên tập cho tạp chí *Nam phong* và báo *Đuốc tuệ*.

Công trình sáng tác biên soạn chính của ông có: *Quả dưa đỏ, Ngụ ngôn thi, Danh nhân Hải Dương*. Khảo về sách *Xuân thu tả truyện*. Một tập *Du ký của cụ Lãn Ông*, cùng nhiều bài nghị luận, khảo cứu, dịch thuật như: *Điều đình cái án quốc học, Thượng kinh ký sự, v.v...*

tiên đề tạo [1] hoặc đã có văn tự riêng ghi chép, hoặc còn truyền bằng bia miệng đều quên nhãng đi mất cả. Đến lúc Hán học đã phổ cập rồi, quốc dân chỉ còn nhớ truyền khẩu với nhau được mươi truyện, kẻ có lòng hoài cổ mới đem chữ Hán mà chép lại, – tương truyền là ông Trần Thế Pháp – nhưng thấy truyện nào cũng có cái nghĩa thần dị, bèn hợp với những truyện thần kỳ đời sau mà tổng danh *là Lĩnh Nam chích quái*. Nhưng cũng nhờ có sách ấy mà quốc dân ta mới còn mơ màng được đôi chút công đức triệu bồi [2] của tổ tiên. Mãi đến đời Hồng Đức nhà Lê, ông Vũ Quỳnh mới chia ra làm hai quyển, để riêng mười bài về đời Hùng lên quyển thứ nhất, rồi làm bài tựa mà biểu dương lên. Ông nói rằng: "Việc cổ sơ ta quên mất nhiều, may còn nhớ được câu nào là dân gian truyền khẩu lại cả". Lại nói rằng: "Sách liệt truyện này là truyện ký mà thực là sử ký đó". Từ đấy người hiếu cổ mới biết trọng đến. Nay đem mà đối chứng với di tích còn rõ ràng, thì những truyện ấy là sự thực cả chứ không phải là lời ngụ ngôn, mà cũng không phải là bài tiểu thuyết, mới biết lời ông Vũ Quỳnh đã có suy xét kỹ lắm. Duy đời thượng cổ về thần quyền thời đại, dân tộc nước ta cũng phải theo cái trình độ tiến hóa của loài người trong thế giới, nên các truyện ấy cũng như những truyện Tam hoàng Ngũ đế của Trung Quốc, truyện vua Thần Vũ của Nhật Bản, truyện người Phạm giáng hạ của Ấn Độ, truyện xây tháp ở Tiểu á tế á và truyện ông Ma tây đi tìm đất của Âu châu, đều là những bài sử học về gốc tích của từng dân tộc một, mà truyện nào cũng có cái nghĩa thần bí ở trong, nhà khảo cổ phải biết mà phân tích ra cho cái chân lý nghĩa xưa không phải mờ ám vào trong chỗ hoang vu mãi mãi mới được.

Nước ta về thượng cổ hơn hai nghìn năm là cái thời đại của văn minh thế giới mới phát sinh, như văn minh Trung Quốc, văn minh Ấn Độ, văn minh Ai Cập và văn minh Hy Lạp, đều xuất thế về thời ấy. Nước ta lúc đó, biết chiếm một khu vũ [3] giàu thịnh, có vũ công, văn trị, có thông hiếu, khai cương [4] việc còn truyền ở sử Trung Quốc và các di tích trong nước, thì há lại không có một cái văn minh đáng truyền hay sao? Nay xem mười bài truyện cổ còn lại, tuy giản ước mà sâu xa, thần bí mà chứng thực [5], nào chính trị, phong

1. *Đề tạo*: ghi chép lại.
2. *Triệu bồi*: thành lập nên, xây đắp nên cái nền tảng.
3. *Khu vũ*: địa bàn sinh sống.
4. *Khai cương*: mở mang bờ cõi biên giới.
5. *Chứng thực*: đúng với thực tế của cuộc sống, của lịch sử.

tục, ái tình, tình nghĩa, thần tiên, thông thường, mạo hiểm, bao nhiêu tư tưởng điển cố khác hẳn cả với cái khuyên sáo của văn minh Trung Quốc mà phảng phất với văn minh thế giới. Vì cái văn minh Hồng lạc mới phôi thai ấy không bị hỗn hóa vào trong một cái văn minh bàng đại [1] của Chi na, thì lịch sử văn minh Đông Á gần đây có văn minh Trung Quốc, văn minh Ấn Độ, biết đâu không có cả văn minh Bách Việt nữa, thực là một cái di hận cho văn minh sử của dân tộc ta sau này!

Nay tác giả nhân một truyện phiêu liêu trong mười bài truyện cổ ấy cùng những lời truyền ngôn của cố lão mà viết ra quyển tràng thiên tiểu thuyết này, tuy là tiểu thuyết mới mà thực là bài diễn nghĩa về cái đầu bài của cổ nhân đã kết cấu sẵn mà thôi. Xin y nguyên văn bài cổ truyện dịch ra sau này:

"Đời Hùng vương có một người bày tôi *mới* lên *bảy tám tuổi* vua mua được của một người lái thuyền buôn đem về nuôi làm đầy tớ, sau lớn lên, diện mạo đoan chính, hiểu biết các sự vật, vua đặt tên cho là Mai Yển, hiệu An Tiêm, lấy cho một người vợ sinh được con trai con gái. Vua yêu dùng cho làm quan, lễ lót đầy nhà, không thiếu thức gì, An Tiêm bèn sinh ra kiêu ngạo, thường nói với người ta rằng: "Cái gì cũng là vật của tiền thân tôi cả" không nghĩ gì đến ơn vua. Vua nghe thấy giận lắm mà rằng: "Mi là kẻ thần tử, tự sinh kiêu mạn, không nhớ đến ơn vua, cái gì cũng bảo là của tiền thân mình cả, bây giờ bảo mi ra một chỗ vô nhân ngoài bể, thì mi còn có của tiền thân nữa không?". Ngài bèn sai phóng An Tiêm ra một cái bãi cát, tứ bề không có nhân tích [2] ở về ngoài cửa bể Nga Sơn, bắt ở lại đó, chỉ để cho có bốn năm tháng lương, định cho ăn hết rồi chết đói. Vợ An Tiêm thấy thế khóc lóc, An Tiêm cười mà rằng: "Trời sinh ra ta, trời tự nuôi ta, tử sinh ở trời ta có lo gì". An Tiêm ở đó được bốn tháng, tự nhiên có đàn chim ở phương Tây bay đến đỗ ở góc núi, kêu lên ba bốn tiếng rồi đánh rơi năm sáu hột quả xuống bãi cát, ít lâu những hạt ấy nẩy ra cây xanh tốt rồi kết quả. An Tiêm mừng lắm mà rằng: "Cái này không phải là quái vật, chính là trời cho để nuôi ta đó". Nói rồi bổ ra ăn thì khí vị ngọt mà mát. Cứ mỗi năm lại trồng nhiều thêm ra, ăn không hết, sau gặp được thuyền buôn đến, mới đem đổi cho người ta lấy thóc gạo nuôi vợ con, mà đặt tên

1. *Bàng đại*: rộng lớn.
2. *Nhân tích*: dấu vết người ở.

dưa ấy là "Tây qua" vì giống dưa ấy bởi chim đem ở phương Tây lại. Sau những người thuyền chài khách thương đều thích thứ của ngon ấy mà đến mua, làng mạc xa gần thì lấy giống về trồng. Lâu rồi vua nhớ đến An Tiêm, cho người ra chỗ bị đầy hỏi xem có còn sống không. Sứ giả về tâu vua. Vua than rằng: "Thế ra cái gì cũng là vật tiền thân cả, không sai". Ngài bèn triệu An Tiêm về, hoàn phục cho cả quan chức nô tì, và đặt tên cho chỗ ấy là An Tiêm châu, cái xóm ấy là Mai thôn. Sau người ta gọi vợ chồng An Tiêm là "Tây qua phụ mẫu, Tây qua tổ tỉ" [1] mà làm bài ký chỗ ở ấy. Bây giờ là An Tiêm châu thuộc huyện Nga Sơn, Thanh Hóa".

Xét sách *Hoàng Việt địa dư* cũng có một chỗ gọi là châu Huyền Tiêm nay hãy còn thuộc về huyện Nga Sơn, Thanh Hóa và một xứ địa phương về Hà Nội đến đời nhà Trần nhà Lê còn gọi là An Tiêm lộ thì biết ông An Tiêm là người danh nhân bất hủ mà truyện này là việc có thực, còn những chỗ thần dị là người đời phụ hội vào, vì cổ nhân cho biết việc không thế thì không hay và không đủ truyền, lẽ ấy thường thấy không có lạ gì, vậy ta không nên vội cho là quái đản bất kính mà bài xích đi, ta chỉ nên đem cái đầu bài ước lược ấy mà đính ngoa [2] lại, diễn giải ra thì cái chân lý tự hiển hiện lên mà cổ nhân không đến mai một.

Cái nghĩa cốt tử làm trụ cho bài truyện cổ này là ở câu: "Cái gì cũng là vật của tiền thân". Đó là theo về nghĩa thần dị, cho nên về sau việc gì cũng phải hợp với cái nghĩa cốt trụ ấy. Nhưng thực ra thì trong vũ trụ này có cái lẽ vô kê [3] như thế bao giờ. An Tiêm đã là người hiểu biết sự vật, tức là người bác học đó, có lẽ nào lại tin cái lời hoang đản [4] mà nói ra ý vong ơn bội nghĩa như vậy. Song câu ấy cũng không phải là không có hẳn, câu ấy chắc là về cái thuyết "thiên với mệnh, thiện với ác" của nhà Nho Trung Quốc, hay là về cái thuyết "tam thế nhân duyên" [5] của nhà Phật Ấn Độ, mà những xứ ấy

---

1. *Tổ tỉ*: *tổ* là ông tổ, *tỉ* là bà mẹ, bà tổ. *Tây qua tổ tỉ:* vợ chồng An Tiêm được coi là người đàn ông, đàn bà đầu tiên tìm và trồng giống dưa đỏ.

2. *Đính ngoa*: xét, tra cứu để sửa lại chỗ sai, chỗ nói quá.

3. *Vô kê*: *kê* là xem xét, nghiên cứu. *Cái lẽ vô kê*: Cái lẽ mơ hồ không có căn cứ đáng tin cậy.

4. *Hoang đản*: *hoang* là nói dối, *đản* là nói ngoa nói khoe.

5. *Tam thế nhân duyên*: quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả tồn tại trong ba kiếp của con người. Một sự việc xảy ra là có nguyên nhân từ kiếp trước và còn để hậu quả đến kiếp sau.

cũng mới đề xướng lên, lại cũng mới truyền bá vào nước ta, cho nên người ta lấy làm lạ. An Tiêm vốn hèn mà đắc sủng thì người ta đố kỵ, nay thấy bỗng tin một cái tư tưởng mới ở ngoài đem vào cũng như những thuyết tự do thiên diễn ở đời bây giờ nên họ thêu dệt vào mà vu hãm cho thành tội. Song An Tiêm sở dĩ không chết mà lại thành công là vì An Tiêm là người can đảm kiên nhẫn, mà nhất nữa là người thành tín, vì thành tín nên mới yên lòng vững dạ thắng đoạt được tai nạn mà đi tới chốn kỳ đảo của mình. Xét như thế thì cốt trụ trong truyện đổi ngay phương diện thần dị ra làm phương diện triết lý, mà thức phá [1] được cái chốn An Tiêm sở dĩ thành công tức là hiểu được một nghĩa triết học rất cao có lý thú vô cùng vậy. Cái nghĩa trụ cốt trong truyện đã đổi ra phương diện triết lý thì những tình những cảnh, những sự hành vi về sau, đều không phải là việc thần dị nữa, cổ ý vẫn còn [2] mà có ích cho sự thực.

Nước ta mà sẽ có được một nhà mạo hiểm như ông An Tiêm thì nhà sử ký tóm lấy cái đại sự, nhà khảo cổ tìm lấy cái di tích, còn nhà *thi nhân tả ra thi ca, nhà văn sĩ biên làm truyện ký, nhà hội họa vẽ ra tranh ảnh và nhà diễn kịch bày ra trò vè, nào tình nào cảnh nét* vẽ câu văn hiển dương phô diễn thế nào cho như cổ nhân sống lại mà có bổ ích cho nhân tâm, thì cũng là hay chứ có hại gì.

Kìa xem mấy ông hiển thánh của nhà tiểu thuyết Trung Quốc mà quốc dân ta tôn sùng, chiếm cứ cả những cảnh tuyệt thắng, chốn danh đô, đến đức Hưng Đạo ta cũng không được quốc dân ta kính úy như thế, người ngoại quốc đã nhiều kẻ phải lấy làm lạ cho ta, mới biết người mình xưa nay chỉ tội vì "bụt chùa nhà không thiêng, đi cầu Thích ca chùa người" mà cầu người lại thám hoặc [3] bằng mấy trăm phần người, không còn mong có ngày tỉnh ngộ nữa, không nghĩ rằng bụt chùa nhà cũng đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, không kém ư gì bụt chùa người, chỉ tại mình không cầu đến mà để hương lạnh khói tàn đó mà thôi.

TÁC GIẢ CẨN CHÍ [4]

---

1. *Thức phá*: hiểu biết sâu vào cốt lõi của sự vật, của vấn đề.
2. *Cổ ý vẫn còn*: vẫn còn giữ được ý nghĩa cũ của truyện.
3. *Thám hoặc*: tự tạo nhầm lẫn cho mình.
4. *Cẩn chí*: viết để tặng người khác một cách tôn kính.

I. TỘI TÌNH

Trước triều đường đức Hùng Vương XVII, ngày hôm ấy trên ngai vàng vòi vọi một đấng chí tôn, tóc bạc da mồi, mới làm lễ thánh thọ thất tuần [1] vừa xong, ngài đương nổi cơn lôi đình giận dữ, nét mặt hầm hầm, trước bệ ngọc một quan Lạc hầu [2] đứng tâu việc, tuổi cũng đã chừng ngoại tuần "kỳ" [3], râu thì rậm mà mới nửa đen nửa trắng, hai con mắt quắm quắm mà sâu, người thì béo, màu da bung bủng, nét mặt tẻ ngắt mà có oai, đang lom khom chắp tay chăm chắm cúi gầm trông xuống, làm ra ý kinh sợ lắm. Ngoài sân đan trì thì một vị thiếu niên [4] tướng quân, đầu không mũ, chân không giầy, mình mặc một cái áo thường phục mà dong mạo rất kỳ dị, mắt sáng như điện, môi đỏ như son, mặt trái xoan đầy đặn mà da đỏ hồng hồng, thoạt trông ai cũng đoán ngay ra là một người trung thực mà thông tuệ. Chàng lạy rồi phủ phục dập đầu xuống sân để đợi mệnh, hai bên cạnh chàng có hai người võ sĩ, đeo gươm đứng kèm, trên chỗ chàng đương phủ phục thì có một quan tư đồ [5] đứng đương giơ tờ cáo mệnh ra sắp tuyên đọc. Còn về hai dãy hiên hành lang thì các quan văn võ đứng im phăng phắc trông ra ai nấy đều có ý sợ hãi ngơ ngác, đưa mắt trông nhau, hình như chưa hiểu rõ việc gì, bởi vì vị thiếu niên tướng quân ấy chính là An Tiêm, con nuôi đức Hùng Vương XVII, ngài đang sủng quyến [6], nay nhất đán [7] vì cớ gì mà phải phủ phục đợi tội ở đấy thì ai cũng phải lấy làm nghĩ rằng: "Đương cái buổi nước nhà đa cố [8] trong thì phủ khố không hư [9], dân tình điêu háo [10], ngoài thì rợ Thục càng ngày càng xâm lăng, chính là lúc kẻ thần tử phải phơi gan nát óc báo đáp quân quốc thì mới phải, ai ngờ

---

1. *Thánh thọ thất tuần*: lễ thọ 70 tuổi của nhà vua.
2. *Lạc hầu*: đời Hùng Vương, quan văn gọi lạc hầu, quan võ là lạc tướng.
3. *Tuần kỳ*: tuần 60 tuổi.
4. *Đan trì*: thềm đỏ, tức thềm nhà vua. *Thiếu niên:* người còn trẻ tuổi.
5. *Quan tư đồ*: quan coi việc lễ giáo, giáo dục.
6. *Sủng quyến*: được nhà vua quyến luyến yêu dấu.
7. *Nhất đán*: một ngày, bỗng dưng.
8. *Đa cố*: nhiều chuyện, nhiều sự việc xảy ra
9. *Phủ khố không hư*: kho lương thực nhà nước rỗng không.
10. *Điêu háo*: sống mỗi ngày một bần cùng khốn khổ.

An Tiêm là một người thiếu niên anh nhuệ [1], có cái tài thao lược, có cái học phú cường, trên được Thiên tử sủng nhiệm [2] như con đẻ, dưới thì triều dã [3] đang khen lao, thực là người sắp sửa có địa vị cho nước nhà ỷ trọng [4], thế mà chàng bỗng kiêu hoạch [5] làm sao cho đến nỗi này, lạ quá!". Số là An Tiêm thuở nhỏ cô đơn lưu lạc, không biết quê quán ở đâu, có người lái buôn ở Dương Tuyền đưa lên kẻ chợ Phong Châu, đức Hùng Vương XVII bấy giờ đi vi hành [6] bắt được, ngài thấy nhỏ mà ngộ nghĩnh, nên thương yêu, nuôi làm con nuôi, đặt tên cho là Mai Yển, hiệu An Tiêm, cho ăn học, lớn lên thành người học rộng tài cao, vua cho quản giữ kho nội thảng [7]. Chàng làm việc công liêm cần cán [8], các quan lang không được tiêu xài tự tiện mà sinh ra ghen ghét, vua lại càng tin yêu. Năm 18 tuổi hộ giá đi thân chinh rợ Thục, hai lần xung đột rước Thiên tử ra khỏi trùng vi, khi về được phong làm Nội đình thân vệ Lạc tướng. Năm 20 tuổi chàng trông thấy cái việc dân sinh quốc kế đang lúc gian nan, bèn dâng thư xin cho thiên hạ khẩn hoang để trừ binh túc quốc [9]. Thiên tử đều khen là phải mà giao cho quan Lạc hầu họ Thi tức là ông Hầu già đương tâu việc trên nọ, đem tờ thư ấy yết lên tượng nguỵ cho trong từ họ ý thân vương thất, ngoài đến thiên hạ thần dân đều được lĩnh đất khai hoang mà cho thế tập tương thừa [10], nạp cống phú để cung quốc dụng [11], ở vương kỳ [12] thì Thiên tử truyền cho Lạc hầu lập ra một sở Lạc điền đại tư nông mà Hầu phải kiêm quản để cổ lệ việc nông chính toàn quốc. An Tiêm cũng xin ra lĩnh một khu đất hoang về vùng sông Bờ chiêu dân vỡ ruộng. Chàng có một người vợ là Cao thị hiệu Nàng Ba, con gái cụ cố Cao Lạc hầu. Nàng Ba có nhan sắc, biết văn thi, lại có tài nội trợ, chồng thì thân đi coi gặt thăm cày, vợ

1. *Anh nhuệ*: rạng rỡ, sắc sảo, đầy nhiệt tình.
2. *Sủng nhiệm*: yêu mến và tin dùng.
3. *Triều dã*: trong triều và ở nơi thôn dã,
4. *Ỷ trọng*: dựa vào, tin cậy.
5. *Kiêu hoạch*: kiêu ngạo một cách bỉ ổi.
6. *Vi hành*: đi tìm hiểu tình hình dân chúng một cách bí mật (thường dùng cho vua chúa).
7. *Nội thảng*: kho thóc gạo công để trong hoàng thành.
8. *Cần cán*: chăm chỉ và được việc.
9. *Trừ binh túc quốc*: làm cho binh lính có lương ăn, cho nước nhà no đủ.
10. *Thế tập tương thừa*: con cháu thừa hưởng công lao của cha mẹ ông bà.
11. *Quốc dụng*: những thứ cần dùng của quốc gia.
12. *Vương kỳ*: khu vực quanh kinh đô do nhà vua trực tiếp quản trị.

thì ra tay hái dâu nuôi tằm, hai vợ chồng hết sức đôn đốc cho dân, trong tám năm trời mở ra được hơn trăm chốn làng Kinh, trại Thổ, gà gáy chó sủa râm ran, hơn mười vạn khoảng ruộng lúa nương cày, chị cấy anh cày dóng dả, tiền dư thóc đụn, như núi như non, ngựa thả bò giong, đầy đường đầy đồng, khiến cho một hạt sông Bờ, ngày nào còn hoang rậm mà nay nên một nơi trù thịnh phong hanh [1]. Đến khi vừa được tám năm, cuối năm đức Hùng Vương XVII làm lễ đại thọ 70 theo quốc triều điển lệ [2], từ các vị quan lang, mị nương [3], họ ý thân đến các quan Lạc hầu, Lạc tướng và mười lăm bộ, mỗi chức mỗi xứ đến ngày chúc hỗ [4] phải dâng một lễ để tế thọ, rồi thi với nhau, cỗ nào nhất thì được thưởng, lệ đó từ đời ông Lang Liêu chế ra bánh dầy, bánh chưng được Thiên tử ban khen, rồi lệ thi cỗ từ đó thành ra một cái thịnh điển [5], các đời vua triều Hùng, đời nào cũng cử hành. Nay vua Hùng Vương thứ XVII cũng tuân theo, An Tiêm cũng được dâng một cỗ đến ngày tế thọ thi cỗ, các cỗ kia ngoài các thứ trâu bò bánh trái ra, nào gấm nào vóc, nào châu báu bạc vàng mà cỗ An Tiêm không có thức gì trân kỳ [6], chỉ có trâu bò, bánh trái, gạo rượu, thuần là những sản vật ở trong Tân ấp, mà thứ nào cũng đều to béo cam mĩ [7] lạ thường, lại có vải trắng như tuyết, lụa nhũn như tàu chuối non là của Nàng Ba với các con gái trong Tân ấp dệt ra. Tế xong triều đình tuân lệ cử bốn ông huân nghiệp [8] lão thần đã quy điền [9] đi chấm xem cỗ nào nhất. Bốn ông bèn cho cỗ An Tiêm được giải nhất mà tâu vua rằng: "Gấm vóc là của ngoại bang, châu bảo là của thiên nhiên; duy có lễ của An Tiêm mới là chân thành, lấy tài lực mình mà kính dâng quân thượng, thật là có cái triệu phong thịnh của bang gia". Vua Hùng Vương XVII đang lưu ý việc phú cường, bèn bằng lòng mà ban thưởng cho cả hai vợ chồng An Tiêm và tỏ ý sẽ cất lên ngôi tể phụ [10]. An Tiêm nhân dịp cũng dự cáo cái thành tích việc khẩn hoang, xin sang năm thì dâng Tân ấp để về chầu chực nơi cung

---

1. *Trù thịnh phong hanh*: đông đúc thịnh vượng đầy đủ phát đạt.
2. *Điển lệ*: những điều đã được qui định thành luật lệ.
3. *Mị nương*: đời vua Hùng, con giai vua gọi là quan lang, con gái vua là mị nương.
4. *Chúc hỗ*: chúc may mắn hạnh phúc.
5. *Thịnh điển*: điều qui định đã trở nên thịnh hành phổ biến.
6. *Trân kỳ*: quí và lạ, quí báu hiếm có.
7. *Cam mĩ*: ngon ngọt đẹp đẽ.
8. *Huân nghiệp*: có nhiều thành tích rạng rỡ.
9. *Quy điền*: nghỉ việc nhà nước về nghỉ nơi đồng ruộng.
10. *Ngôi tể phụ*: vị trí cao hơn cả về chính quyền, như Tể tướng.

cấm. Cái giải nhất ấy có hai ông quan Lang với Thi Lạc hầu đều không bằng lòng, nhất là Thi Lạc hầu vốn già yếu ngại việc, chỉ khéo phùng nghênh [1] để che cái vụng của mình, nên lại lấy làm lo sợ rằng cái sở Lạc điền đại tư nông mà từ khi Thiên tử ủy cho mình tới nay phí của nước hết nhiều mà chửa đâu thành việc gì, thế mà An Tiêm khéo mãi lộng tài danh, nay mai dâng trại hồi triều, Thiên tử tất nhân đó mà xét đến cái sở tư nông của mình thì làm thế nào? Thôi An Tiêm tất thay chân mình mà làm Lạc hầu chứ không sai! Nghĩ như thế bèn lập tâm để triệt An Tiêm trước đi là xong. Hầu nghe biết An Tiêm có tin về cái thuyết "tiền thân", chàng cho rằng người ta làm sự gì cũng có đức Thượng đế xét soi, đời này là thừa thụ ở tiền thân đời trước, người ta cứ lấy cái tao ngộ [2] của mình đời nay hanh truân [3] thế nào thì biết cái công quá [4] cái họa phúc của tiền thân đời trước tổng kết lại thế ấy đó, không sai một hào ly nào [5] cho nên chàng thường nói với người ta rằng nay tôi đã được hưởng thụ cái túc phúc [6] của tiền thân thế này, thì tôi lại càng phải lập công tu phúc để kế tiếp về sau. Hầu biết đích An Tiêm hay trì luận [7] cái lý thuyết ấy, Hầu bèn chức thuyết [8] thêm ra rồi cho phao ngôn ra ngoài để thiên hạ huyên truyền đi độ trong tuần nhật [9], từ kẻ chợ đến nhà quê đâu đâu cũng xì xào bàn luận, kẻ thì nói An Tiêm bây giờ đắc thế lộng quyền, phụ ơn Thiên tử, nói: "phú quí là của tiền thân mình"; người thì nói An Tiêm là một bậc dị nhân, nhớ được cả tiền thân, nói cái gì cũng là của tiền thân mình, nói bao giờ sẽ có chức tước gì, bao giờ được ăn hưởng thức gì, thì đến bấy giờ quả có chức tước ấy, quả được thức vật ấy, không sai một tí nào; lại người thì nói An Tiêm cổ hoặc [10] nhân tâm, ý định hi đồ [11] thế kia thế khác. Khi

---

1. *Phùng nghênh*: đến trước mà nghênh đón, dua nịnh.
2. *Tao ngộ*: gặp gỡ ngẫu nhiên, đến với mình một cách ngẫu nhiên.
3. *Hanh truân*: *hanh* là thông suốt, *truân* là mắc mớ, *khúc khuỷu hanh truân* là những sự thành công và thất bại.
4. *Công quá*: *công* là điều làm đúng làm phải, *quá* là điều sai lầm, điều quá đáng.
5. *Hào ly*: những đơn vị đo lường hết sức nhỏ bé. *Không sai một hào ly nào:* không sai một tí nào.
6. *Túc phúc*: hạnh phúc đầy đủ, dồi dào.
7. *Trì luận*: biện luận bàn bạc một cách bền bỉ kiên trì.
8. *Chức thuyết*: nói thêu dệt thêm lên.
9. *Trong tuần nhật*: trong thời gian một tuần.
10. *Cổ hoặc*: làm cho bị mê hoặc.
11. *Hi đồ*: mưu đồ mưu toan làm to làm lớn.

ấy Hầu bèn đem vàng ngọc vào lễ hai ông quan Lang rồi đem những lời thiên hạ chỉ nghị [1] ấy mách cho hai ông biết mà nói rằng: "Người ấy không vừa, xin hai ngài phải nên tảo đồ [2] mới được".

Nguyên hai ông quan Lang con vua Hùng Vương XVII, ông cả là Lang Tiến, ông thứ hai là lang Phùng, hai ông đều hoang chơi, thấy phụ vương sủng hạnh An Tiêm thì vẫn ghen ghét, nhất là hôm tế thọ, cỗ An Tiêm được giải nhất, vinh diệu ở chốn miếu đường, mà cỗ mình thì thua, lại càng thêm tức lắm, nay thấy Thi hầu nói đến cái việc An Tiêm cuồng vọng như thế thì lập tức vào cung tố với phụ vương. Vua Hùng Vương XVII bèn sai người thân tín ra ngoài thám thính, thì quả nhiên thiên hạ đương náo nức kẻ khen người chê An Tiêm như thế thực, rồi đồn cả vào trong cung. Vua giận lắm lập tức sai ra sông Bờ, bắt An Tiêm về. Chàng đứng ở trong trại thấy vương mệnh cần cấp, không biết việc gì, vào đến sân rồng, Thiên tử hỏi rằng:

– Cái nghĩa tiền thân có không?

An Tiêm cứ ngay giọng tâu rằng:

– Muôn tâu Thiên tử, nghĩa ấy quả không sai.

Thiên tử cả giận thét mắng lên rằng đã bởi tiền thân thì còn phải nhờ ai.

Rồi không cho kêu câu nào nữa.

Triệu Thi Lạc hầu đến mà phán rằng:

– An Tiêm vốn là một kẻ truân thành [3], nay bỗng sinh ra mê hoặc, Hầu tìm lấy một cách trừng phạt cho nó biết hối về sau.

Lạc hầu nghĩ thầm trong bụng rằng: "An Tiêm là một thằng thiếu niên dũng lược, nếu có ngày khai phục lại được mà biết chuyện này thì y tất không cam tâm với ta, y lại có một con vợ là con gái nhà họ Cao vốn một nhà có thần thế, nàng lại có trí tuệ, nếu để nàng vô sự tất tìm đàng mà báo thù". Nghĩ như thế rồi tìm ngay được một kế mà tâu rằng:

– Tôi xét trong sách *Việt điện vũ cống* nói về gần mé bể Cửu Chân có một cái đảo rộng, dân ở lơ thơ, gọi là đảo Nam Hải, nay Mai

---

1. *Chỉ nghị*: bình phẩm chê trách.
2. *Tảo đồ*: sớm giết đi, trừ đi.
3. *Truân thành*: thành đạt từ nơi tối tăm trắc trở.

Lạc tướng vốn tự có tài khẩn hoang, và cái gì cũng cho là tiền thân, xin cho chàng và gia quyến ra khai thác đảo ấy mà không trợ cấp cho vật gì để xem cái của tiền thân của chàng thế nào, tất khi đó chàng phải nghĩ đến hồng ân [1] của Thiên tử mà tỏ lòng biết hối, thì Thiên tử sẽ tha tội cho về, còn lân ấp sông Bờ thì cứ lời chàng xin mà biên vào vương phủ.

Vua Hùng Vương XVII nghe Lạc hầu tâu ngài nghĩ một cái đảo ngoài bể mà dân cư còn ít thì cũng đã tiều tụy lắm rồi, bèn nói:

– Hầu nói có lẽ, vậy Hầu thảo một tờ sắc mệnh, tuyên cái tội trạng cho Mai Yển nó nghe, rồi đem giam nó và vợ con nó vào linh ngữ, ba bữa nữa cho đưa nó ra hải đảo.

Khi Lạc hầu vâng mệnh thảo tờ cáo mệnh rồi sai quan Tư đồ tuyên trước sân rồng cho An Tiêm nghe, An Tiêm sợ hãi rụng rời, cứ lẳng lặng gục xuống gạch lát ở sân mà nghe. Quan Tư đồ tuyên rằng:

"Đại Văn Lang quốc Thiên vương chế viết [2]:

Nội đình thân vệ Lạc tướng, Mai Yển hiệu An Tiêm, tuổi nhỏ cô đơn, đội ơn thiên quyến, nay cả dám phụ bạc nói "phú quí là của tự tiền thân mình cả" công nhiên cổ hoặc sĩ thứ, cứ trong kinh điển "yêu ngôn hoặc chúng" [3] tru lục đã nên, nhưng vì Thiên tử tiếc công cúc dục [4], vậy lưu Mai Yển và vợ con ra đảo Nam Hải, để giáo hóa kẻ thổ dân mà khai thác đảo ấy, lúc ra chỉ cấp cho ba tháng lương, còn thì phải liệu lý lấy để xem cái của tiền thân thế nào. Khi nào thành công, sẽ đặc ân triệu hồi long thưởng.

Khâm tai! [5]"

An Tiêm nghe xong nghĩ ngay ra rằng: Mưu này chính ở bọn gian thần đố kỵ, phi lão già hiểm độc là họ Thi kia thì không ai thêu dệt nên được cái oan ngục này, không biết họ gièm pha tự bao giờ, để Thiên tử thâm hận mình đến thế, có oan khốc cho mình không! Liền dập đầu xuống toan kêu to lên mà biện luận cái lý thuyết ấy cho rõ ràng ra thì trên đền nổi hiệu bãi triều, hai người vũ sĩ đưa ngay An

---

1. *Hồng ân*: ân huệ lớn lao.

2. *Chế viết*: những lời từ nhà vua nói rằng...

3. *Yêu ngôn hoặc chúng*: lời nói ma quỷ mơ hồ để lừa dối dân chúng.

4. *Cúc dục*: cho bú mớm nuôi dưỡng.

5. *Khâm tai*: công thức kết thúc một chỉ thị của nhà vua, yêu cầu phải thi hành kính cẩn.

Tiêm ra nhà linh ngữ.

Thi hầu thì sai người ra sông Bờ bắt vợ con An Tiêm về phó giam và đòi Trần thủy sư vào tư đệ dặn dò công việc áp giải An Tiêm và gia quyến ra đảo Nam Hải.

II. VẤN KẾ CỤ HOÀNG CẨU

Trời đã xế chiều, mé chân núi Tam Đảo có ba người vừa đàn ông đàn bà cưỡi hai con ngựa cứ vừa trông lên mặt trời lại vừa trông ngớp lên con đường đi lên trước mắt, rồi giật cương giục ngựa đi mau, có ý cần cấp, sợ tối và sợ lạc đường, đi một cung nữa, đến chỗ ngã ba đường thấy có một cái quán bán giầu nước, ba người xuống ngựa vào quán nghỉ ngơi nói chuyện, nhà hàng mới biết là một vị phu nhân tuổi đã cao mà phong độ tôn nghiêm cưỡi con ngựa đi trước, là chính thất [1] cụ cố Cao Lạc hầu; một người con trai thiếu niên tuấn tú cưỡi con ngựa đi sau là Cao công tử, con bà thứ cụ Cao hầu; người đàn ông lưng đeo đồ vật cưỡi con ngựa đi sau nữa là tên gia bộc. Nguyên Cao phu nhân hiếm hoi chỉ được một Nàng Ba, từ khi con theo chồng ra sông Bờ ít được gần gủi, bà vẫn nhớ mong, nay bỗng nghe thấy nói vợ chồng An Tiêm đã tống giam sắp đem đầy ra hải đảo, bà mê mẩn, sợ hãi, chạy đi hỏi dò tin tức, mới biết là An Tiêm phạm tội phụ ơn Thiên tử, tạo lời yêu ngôn. Nhưng nhà cụ Cao hầu trước tuy làm đến Tể thần mà gia phong vốn thanh bạch, cụ bình sinh trung trực đảng vũ [2] cũng ít. Bà thương con chỉ thở ngắn than dài, mà không biết làm thế nào được. Trong nhà có Cao công tử là con bà thứ nhất, thấy mẹ già phiền não về việc nhà chị gái, liền thưa rằng:

– Việc này chỉ có một cách là mẹ phải tìm lên hỏi cụ Hoàng Cẩu, họa có phương kế gì cứu cho anh chị con và các cháu chăng.

Cao phu nhân hỏi:

– Cụ Hoàng Cẩu là ai?

– Cụ Hoàng Cẩu là một cụ đại lão trong thiên hạ, tuổi tác già quá, tóc râu đã vàng ra như sợi tơ chưa giã, mà học sâu biết xa, đạo cao đức trọng hơn cả một đời, khi nước nhà có việc lớn thường phải đến cố vấn,

1. *Chính thất*: vợ cả, vợ đầu được lễ nghi, luật pháp chính thức công nhận.

2. *Đảng vũ*: người cùng một đảng một phái.

người ta gọi là bậc "Tiên tri" hay là "Thiên dân tiên giác"; cụ Hoàng Cẩu đời này là Cao Sơn tiên sinh, thấy đời hỗn loạn [1] không ra làm quan vẫn kết lư [2] ở núi Tam Đảo, vừa dạy học vừa hái thuốc, tiên quan con lúc sinh thời vẫn thờ cụ làm thầy, việc lớn việc nhỏ cũng đến hỏi.

– Vậy thì con kíp đưa mẹ lên đến chốn hạnh đùn, nhờ cao nhân cứu mệnh cho toàn gia chị con.

Công tử bèn sắp đồ chí kiến [3], hai mẹ con với tên gia bộc lên ngựa ra đi, đi từ nhà ở Phong Châu lên đến đấy nghỉ ngơi rồi hỏi thăm lối vào vân am [4] của cụ Cao Sơn tiên sinh, thì ra đấy đã tới gần nhà tiên sinh rồi. Ba bà con phóng ngựa đi qua một cái ngàn thông cây cao bóng mát, hàng mấy trăm cây, cây nào cũng thẳng như chiếc đũa, dưới gốc lác đác có những hòn đá cuội to và nhẵn để làm thạch bàn [5], thoạt trông cảnh trí thiên nhiên, đã ra ngay cái thú du quan của đấng hiền triết, cuối ngàn thông gần cửa sài môn [6] có một cái vườn thuốc, trong đủ các thứ Lĩnh Nam dược phẩm, chia ra hàng, ngũ, đường lối phong quang, hương đưa ngào ngạt, trong vườn có mấy chú tiểu đồng đang hái thuốc, công tử bèn nhờ một chú tiểu đồng đưa vào trước học đường; mẹ con bái yết Cao Sơn tiên sinh, rồi Cao phu nhân đem việc An Tiêm là con rể từ thủa ở trong vương cung đến khi hiến sách ra khẩn hoang, vốn một dạ trung thành, thờ vua giúp nước, nay bỗng nói ra cái thuyết tiền thân để bề trên bắt tội, ngày kia thì toàn gia phải đầy ra Nam Hải phù châu [7]. Kể hết ngành ngọn để tiên sinh tìm cho một chước thoát khỏi nạn này.

Cao Sơn tiên sinh ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Người khác thì không về nữa nhưng An Tiêm thì rồi về, vì An Tiêm có biết tin, ta muốn giúp cho An Tiêm được chóng nên công, lão phu nhân nhớ lấy lời ta mà kíp về làm việc này cho cẩn mật.

Nói rồi tiên sinh dặn nhỏ cho mẹ con phu nhân nghe mà giục về ngay.

Cao phu nhân nghĩ cụ Hoàng Cẩu cũng là một thầy đạo sĩ liền hỏi:

---

1. *Hỗn loạn*: tối tăm, loạn lạc.
2. *Kết lư*: làm nhà gianh để ở ẩn.
3. *Chí kiến*: tặng vật đem đến ai để làm lễ ra mắt người ấy.
4. *Vân am*: am mây, nhà nhỏ của người ở ẩn trên núi cao lẩn trong mây.
5. *Thạch bàn*: tảng đá to mặt nhẵn, phẳng.
6. *Sài môn*: cửa cổng bằng củi gỗ, cửa cổng của người ẩn dật.
7. *Phù châu*: châu nổi, đất nổi trên sông, trên biển.

– Thế có phù chú gì nữa không, thưa cụ?

– Thế là phù chú ở cả đấy rồi.

Tiên sinh dạy thế, mẹ con phu nhân mừng lắm, vội vàng tạ ơn ra về.

III. TRONG NHÀ LINH NGỮ

Lại nói An Tiêm vào nhà Linh ngữ, ngồi ở một cái chõng trong một cái buồng kín, không phải gông cùm gì, nhưng tối đến đèn dầu không có, tối như mực, nền nhà thì ẩm thấp, gió lọt lạnh lùng, nghe tứ bề lá tre xào xạc, tiếng dế nỉ non, lúc khoan, lúc nhặt, văng vẳng như tiếng hồn oan quỷ khốc, ghê rợn cả người. An Tiêm nghĩ một mình rằng: "Mới ngày hôm qua màn che trướng phủ, chú vệ cô hầu, bọn dân quê ra vào luồn cúi, kính sợ như cha mẹ quỷ thần, nghiễm nhiên một ông chúa tể nho nhỏ, tác oai tác phúc cho một phương dân, phú quí là dường nào mà bỗng tối hôm nay, một mình vò võ làm một thằng sở tù, giam trong âm thất [1] thê thảm, tiều tụy đến thế này, mới biết cái cảnh mộng ảo của nhân thế biến ảo vô đoan [2] chóng quá, càng tỏ ra rằng phú quý thật không phải tự mình đời này có được, nếu đời này mình tự có được thì chả đến nỗi thế, nhưng mình được một điều, là mình tuy ở trong cuộc phú quý mà mình vẫn không lấy làm hệ lụy cho lắm, trước là nhờ duyên mà gặp, sau là vì nghĩa mà làm, thì nay nhất đán tay không mình cũng không lấy làm thiết tha thương tiếc chi cả, bởi vì mình đã tin có cái tiền thân, thì đắc táng vinh khô [3], há không bởi ở tiền định, mình cứ vui lòng mà vâng lệnh thượng đế, theo ý thần minh, chứ có oán hận chi ai, dù kẻ siểm du [4] có vì tư tâm mà thêu dệt ra với Thiên tử để hãm hại mình chăng nữa, cũng là bởi số phận xui nên, mình có trách gì". Rồi gật gù lại nói: "Ôi! người đời lắm kẻ nghĩ cũng u ám khờ dại, đáng thương hại thay, phú quý đã do phận định, mà còn cam tâm làm những sự bất nhân, bất nghĩa để môi cầu làm gì, đã không môi cầu được mà lại để cái ô danh trên nhân thế, thêm tội ác cho hậu lai,

1. *Âm thất*: nhà tối tăm, nhà giam, nhà tù.
2. *Vô đoan*: không có lý do.
3. *Vinh khô*: vinh quang và tàn lụi.
4. *Siểm du*: nịnh hót để xui giục làm điều ác.

thế thì hai chữ phú quý chỉ là cái bả độc cho kẻ dung ngu [1] là gì. Xét ngay cái phú quí của ta này, lúc thiếu thời cô khổ [2] bần tiện, còn ai dám chắc rằng không, thế thì sau khi không này biết đâu rồi lại không có, dù không dù có cũng là tự trời, nhưng đương khi không, hay trong lúc có, ta cũng không chịu để cho cái ngoại vật nó làm ám muội mất cái thiên chân của ta đi, ta vẫn một niềm khăn khắn hết bổn phận mà bao bổ cao dấy, để vun trồng cái phúc duyên về ngày khác, bởi vì người ta sống ở đời, vốn bẩm tự mệnh trời, nhưng một mình không thể sống được, phải sống bằng mối thân ái, sống bằng dây ân tình vì thế mới có thân gia bang quốc, trượng phu sinh thế mang ơn có lẽ không đến, mà đền ơn chung tức là trả ơn riêng, mưu cuộc sống chung tức là lo sự sống riêng đó, phương chi đức Thiên tử với mình, khác nào như cóc với trời, vì đâu mà được ngài coi mình như con, mình được coi ngài như cha mẹ, thân ái biết bao, ân tình biết bao, nếu không phải phúc duyên tự trước lưu lại đến đời này thì sao có thể được. Ấy mình sở dĩ muốn thuyết minh cái áo lý [3] ra với Thiên tử là thế mà ngờ đâu ngài vội tin lời gièm pha, không xét cho mình, thực là oan uổng thay cho Mai Yển này! Nhưng mà thôi, ý Thượng đế thần minh còn muốn thử ta, thì đạo làm tôi con, Bắc Nam duy mệnh, xa gần có mà chi, sông Bờ là đất nhà thì Hải Nam cũng là cõi nước mà việc đâu cũng là việc của nước của vua". Nói đến đấy An Tiêm ngồi ngẩn ra một lát, rồi giật mình lên một cái mà nói: "À mà ta còn ngợ một điều là lúc quan Tư đồ đọc cáo mệnh đem đầy ta, cứ ý mấy câu sau thì có lẽ đem cả vợ chồng con cái nhà ta mà vứt lên một cái hoang đảo cô tuyệt nào không có dấu vết nhân loại gì nữa, chứ không phải là chỗ có dân đâu. Dù thế nào chăng nữa, ta cũng thuận thụ mệnh trời, mắt ta còn thấy sáng, tai ta còn nghe tiếng, ta còn sống ở đời một ngày, một giờ, một khắc nào ta cũng vui lòng mà làm việc nghĩa vụ. Tuy thế nhưng một mình ta đã vậy, còn mẹ con Cao thị thì sao, dễ đến nỗi rón vào với nhau một chỗ mà chết, oan nghiệt biết dường nào! Ta biết làm sao bây giờ, ta biết tìm cách gì mà xin cho mẹ con Cao thị được ở lại chốn vương kỳ này mà nhờ ơn mưa móc muôn đời! Còn ta thì... Song khốn nạn thay, thời hạn thì kíp, chỉ còn một ngày nữa mà ta đã bị giam ở đây, âm tín đoạn tuyệt, còn

1. *Dung ngu*: ngu đần đê tiện.
2. *Cô khổ*: đua khổ một mình không ai đỡ đầu, thương xót đến.
3. *Áo lý*: điều bí hiểm khó hiểu.

biết nhờ ai cứu vớt cho mẹ con Cao thị bây giờ!". Nói rồi thổn thức lên mà lăn vật xuống đất; thở dài một cái, bỗng có tiếng động cửa An Tiêm trông ra thì trời đã sáng, thấy lực sĩ đưa vợ với hai con mình vào. An Tiêm vội vàng ra đón lấy. Đứa con gái bé mới lên ba tuổi gọi là Quế Nương mà Nàng Ba đương ẵm, còn một đứa con trai lớn lên năm tuổi gọi là Mai Lâm đi đất thì Nàng Ba mếch vào. Nàng Ba trông thấy chồng ở trong ngục ra đón vợ con, thì nàng vừa mừng vừa thương sụt sùi nói rằng:

– Sự đâu sóng gió bất kỳ mà nên nỗi này!

An Tiêm làm tươi nét mặt lên nói một cách ôn tồn rằng:

– Không hề gì, phu nhân hãy ngồi xuống với con cho định thần đã, kẻo đi sương gió lạnh lẽo.

Vợ con ngồi yên rồi, An Tiêm nói:

– Chỉ vì bọn gian thần ghen công, đem cái thuyết tiền thân đặt nên tội vong ân gièm pha với Thiên tử bao giờ không biết, đến lúc ngài hỏi đến, tôi ngay lòng cứ sở kiến mà thưa, chưa hết lời thì ngài giận mà bắt cả toàn gia nhà ta ra khai tích chốn hải đảo, khi nào thành công, xá tội cho về. Thôi trăm đường tránh chả khỏi số, thì bốn phương đâu cũng là nhà. Song ta thương nàng liễu bồ chấy yếu, con bé thơ ngây, kham sao cho nổi cái công việc lầm than chốn bãi bể, mà nàng còn chút huyên đường răng long đầu bạc, dựa cửa mong chờ, thì đạo làm con bỏ đi sao nỡ? Tôi định ngày mai lúc giải đi, tôi tìm phương kêu cầu cho mẹ con nàng được ở lại mà nuôi già dạy trẻ, để tôi đi cho yên bụng, cái phúc tiền thân ta còn, âu rồi ta lại gặp, trọn tấm lòng đối với cao thâm; mặt tuy cách lòng vẫn gần, chẳng bao lâu có ngày tương kiến.

Nàng Ba khóc nức nở mà rằng:

– Con theo cha, vợ theo chồng, là nghĩa thông kim cổ, còn thanh nhàn vất vả có kể làm chi. Xưa nay thiếp vẫn nói rằng: "phú quí có nhau thì hàn vi cũng có nhau, số phận chung thì chí khí cũng phải chung". Nay chàng đã dâng mình việc nước để báo ơn vua, chẳng may gặp cơn vận hạn, có đâu thiếp dám quên lẽ gian nan mà quên lời vàng đá, còn mẹ già thiếp, tuy có một mình thiếp, nhưng gốc cù dây cát, đã có kẻ kế thừa thiếp vẹn nghĩa với chồng tức là trọn hiếu với mẹ. Vả mẹ thiếp cũng là người có biết, xin chàng chớ nghĩ cho bận lòng.

– Thôi đừng chấp nệ để lỡ việc trượng phu.

– Con có cha như nhà có nóc, gái có chồng như rồng có vây, dẫu bên trời gió bể, rừng thẳm non cao cũng phải tìm cho thấy. Chàng đừng lấy cái lòng ăn xổi ở thì mà khinh miệt thiếp.

An Tiêm thấy vợ nói quả quyết lắm bất đắc dĩ phải nói thực rằng:

– Tôi thấy lời cáo mệnh đọc cho tôi nghe ở trước sân rồng tuy có nói đầy ra đó để giáo hóa thổ dân, nhưng lại nói chỉ cấp cho ba tháng lương và nói để xem cái phú quý của tiền thân thế nào, thì tôi đoán có lẽ đem vợ chồng con cái nhà ta mà bỏ lên cái gò bể, không có người nào đấy; một mình tôi đã vậy, còn mẹ con nàng sẽ tương như chi hà [1], dữ kỳ [2] ngồi mà đợi chết thì hạt nhược [3] liệu trước mà tránh nàn. Nay tôi đã phụ phàng với non sông đất nước này thì nàng phải vì tôi mà trân trọng lấy đôi giọt máu đào của đôi ta này lại, để sau họa có ngày đền bồi với non sông đất nước cho đôi ta chút đỉnh, còn tôi thì xin cam tâm mà đón mệnh trời, dù suối vàng khuất mặt cũng được thỏa lòng mà quẩn quanh phảng phất ở bên mình mẹ con nàng nơi tôn quốc, để phù hộ cho vợ góa con côi, chả hơn là nàng lấy cái nghĩa nhỏ ép tôi, bắt tôi phải bó tay ngồi nhìn thấy cái thảm hại của bốn mạng thịt xương trước khi nhắm mắt ư? Ngày mai khi giải ra khỏi cửa thành, tôi kịp nhờ người đưa tin cho bà để bà tìm phương van vỉ cho mẹ con nàng được ở lại, nàng không nên cưỡng lời tôi nữa.

– Nếu chàng đi việc nước như mọi khi, thì mẹ con thiếp không dám theo chân cho bận dạ, nhưng việc đi này đã cầm chắc có cái chết, thì lẽ nào thiếp lại tham sinh úy tử, tìm kế thoát thân cho đành. Thôi, con là cố huyết của cha, vợ là tình ái của chồng, chết một đống hơn sống một người; nếu chàng quyết không cho mẹ con thiếp trọn nghĩa theo chàng trong lúc hiểm nghèo, sống thác có nhau, thì khi chàng đi khỏi, tuyệt hẳn tăm hơi rồi, thiếp cũng phải phiền muộn mà chết, thiếp chết thì con chàng là giống nghiệt chủng, ai dám đoái hoài, có sống sót cũng chả nên người, thế thì tránh nạn, mà đến chết phiền chết não, sống nhục sống nhơ, thì chi cho bằng chết hiếu, chết nghĩa, cùng nhau kết làm một khối oan

1. *Sẽ tương như chi hà*: sẽ ra sao đây.

2. *Dữ kỳ ngồi mà đợi chết*: thay vì ngồi mà đợi chết.

3. *Thì hạt nhược liệu trước mà tránh nàn*: thì chi bằng liệu trước mà tránh tai nạn.

hồn ở nơi bãi bể, khi đêm thanh cảnh vắng, vo vo giữa trời mà cầu nguyện thượng đế thần minh cho dân an quốc thái có hơn không? Phương chi vương mệnh đã bắt cả mẹ con thiếp phải đi với chàng, oai trời lẫm liệt, ai dám sai ly thù mà nài kêu cho mẹ con thiếp được. Vả lời cáo mệnh đâu lại là lời nói sai, xin chàng đừng vội quá lo mà mềm lòng sắt đá.

An Tiêm thấy vợ nói khăng khăng một mực lại nghĩ bụng rằng: Thương hại thay cho tấm lòng trinh liệt của vợ mình, nhưng đàn bà nhẹ dạ, có biết đâu đến những cái mưu quỷ chước gian của kẻ thâm độc. Nay đã sẵn có cáo mệnh, mà nàng nhất định không chịu ở lại, thì dẫu có cách kêu cầu được, không chắc nàng có nghe cho, vợ mình thật có nghĩa thiết với mình, mà không nghĩ đến cái kế tự tục của mình, thương nhau mà hóa bằng mười phụ nhau, biết làm sao đây! – Ngồi yên một tí rồi lại nghĩ: Tuy vậy, còn đoán thế mà thôi, dù sự không đến thế thì không phải nói, nhưng dù việc quả nhiên như thế thực thì phú quý đã là bởi trời, tử sinh há không phải tại mệnh, một người còn có mệnh, nữa là bốn người trong một nhà. Nếu cái mệnh một nhà ta mà tới ngày từ giã cõi nhân thế, thì dẫu chui vào trong ống cũng không thoát, mà nếu cái mệnh một nhà ta còn nhiều duyên phận với nước non, thì dẫu vứt vào tuyệt xứ rồi cũng gặp cơ sinh lộ mà như con cóc bôi vôi lại về. Một cây làm chả nên non, ba cây chấp lại nên hòn núi cao: nhà ta đã có bốn người rồi thì hễ chỗ nào đã có đất có nước có thể kiếm được thức ăn mà sống như những cách sinh nhai của con cầm con thú, thì cái câu thành công sẽ được về mà Thiên tử đã hẹn cho ta, biết đâu lại không phải là câu nói thực. Vậy thì vợ con ta là tử sinh cốt nhục với ta, là cái vườn xuân vui thú của ta, mà lại là nhân dân giúp việc cho ta nữa. Vợ ta không phải là nhẹ dạ, vợ ta thực là chí cao, ta cũng cam tâm cho mẹ con nàng đi mà xem Thượng đế bảo thế nào ta sẽ hay thế. Tuy nhiên đàn bà lấy đâu làm dũng cảm và kiên nhẫn lâu dài được, bây giờ đương lúc thương tiếc chồng con thì nồng nàn như thế, e tới lúc lâm nguy lý hiểm, trông thấy những cái tai nạn gớm ghê nó làm cho kinh hồn sởn tóc, không vững dạ được, phải sinh ra tối trí, lại càng khốn thay, như thế thì trước khi đi, ta phải yên ủi cho nàng biết tin cậy ở đức thượng đế cho đủ sức chống cự với cái họa hoạn nó đến chiến đấu với chúng ta...

XX
GẶP CÔ VIỆT NGA

Lại nói về An Tiêm từ khi tìm được cái bãi mới, vợ chồng mừng lắm, đặt tên là vườn Lạc viên, theo chữ Lạc điền của quốc tục, vài ba ngày chàng lại sang một lần, lúc thì lấy mộc nhĩ, nhựa thông, lúc thì kiếm củi, cắt cỏ, lâu lâu lại cho vợ con sang chơi một buổi.

Rầy tối mai qua, đã đến mùa xuân thứ ba rồi, An Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

– Thượng đế ban cho ta cái vườn Lạc viên ấy để bảo trợ thêm tài liệu vào cái sự nghiệp của ta bên này, ích lợi thực vô cùng, nhưng tôi xem cái chỗ linh tú khác thường như thế, tôi chắc ở trong còn có một cái trân tàng [1] mà thượng đế sẽ đặc thưởng cho ta nữa, chứ không những vật đã thấy đấy mà thôi đâu, bởi thế tôi chịu khó xem xét lắm, hễ thấy một cái quả, một cái lá, một dòng nước, một hòn đất lạ con mắt thì tôi khai nghiệm kỹ càng xem có dùng làm việc gì được không. Tuy vậy hôm nào sang cũng chỉ ở được có nửa buổi lại về, nay đã tới xuân rồi, khí trời ấm áp, bóng thiều quang soi khắp càn khôn, các giống cỏ cây được khí dương xuân đều nảy nở, vậy ta nên sắp đồ đạc cho cả nhà sang chơi, trọ lại vài ba ngày, vừa thưởng cái cảnh vườn xuân cỏ hoa xinh đẹp, vừa tìm kỹ xem có được cái gì lạ không.

Nàng Ba nói:

– Lang quân định hôm nào đi?

– Hễ hôm nào sắp đủ lương thực thì sang.

– Thế thì mai lang quân sửa sang giùm lấy một cái vòm để tôi ở nhà đi hái rau cho nhiều, ngày kia thì sang.

– Phải đấy.

Sáng mai hai vợ chồng chia nhau mỗi người đi làm một việc. Cách một ngày đến ngày thứ ba, vợ chồng An Tiêm đưa con và gồng gánh lếch xếch sang chơi Lạc viên, đến nơi An Tiêm đem gánh để vào bên vòm, Nàng Ba giải chiếu vào ổ trong vòm cho hai con ngồi chơi, vợ chồng đưa nhau đi tiêu dao khắp mọi chỗ, hết mưỡu nọ tới rừng kia, hết trong bụi lại ra ngoài bãi. Nàng Ba nói:

---

1. *Một cái trân tàng*: một cái của quý báu ẩn náu ở trong.

– Một vùng cỏ hoa cây cối thế này mà trừ một thứ quạ bể ra, không thấy có một loài chim nào khác, và một con ong bướm nào?

An Tiêm nói:

– Ý giả chỗ này bé nhỏ chon von giữa bể, xa cách cõi lục địa, nên những giống ấy cũng không ra được.

Hai vợ chồng cùng đi vẩn vơ trên bãi cỏ, An Tiêm ngâm lên rằng:

Xanh xanh một áng cỏ xuân
Nước non chẳng chút bụi trần vẩn vương.

Nàng Ba cũng ngâm lên rằng:

Đưa nhau lên đến vườn trời
Trời đi đâu vắng bốn người ngẩn ngơ.

Vợ chồng càng thấy cái cảnh vật giống với cái cảnh vật chốn quê nhà, thì lại càng lưu luyến đến hơn hai ngày, lần mò mọi chỗ, chẳng thấy có gì lạ, An Tiêm nói:

– Phàm của quý, tạo vật hay cất kín, ta chịu khó tìm mãi rồi cũng thấy.

– Hết lương rồi, ta hãy cho con về, khi nào thư thì lại sang.

Hai vợ chồng bèn trở lại vòm, An Tiêm chợt trông thấy con gái bé tay cầm mấy cái cây con mà chơi, chàng vội cầm lấy một cây mà xem, thì nó giống như cây bí mới nở, chàng bảo con gái bé đưa cả cho chàng xem, thấy mỗi cái mầm ấy có một cái rễ cái đâm xuống đất hai cái lá tròn mà dầy, bởi hai mảnh hột nở ra, một cái nõn mới nhú lên. An Tiêm hỏi Mai Lâm rằng:

– Những cây này ở đâu thế con?

Mai Lâm vừa nói vừa trỏ ra bãi trước cửa vòm mà rằng:

– Em khóc, con dứt những cây ấy ở chỗ kia cho em chơi đấy.

An Tiêm vội chạy ra xem, và gọi Nàng Ba cùng ra, đến chỗ con trỏ thì thấy những cái mầm ấy mới nở đều một lượt nhiều lắm, lẫn cả vào với cỏ. Chàng lại nhặt lấy những cái mảnh vỏ ở ngoài hột mà nó mới nở ra chắp lại thì to hơn cái hột bí mà mập và đen, hai vợ chồng lại xét kỹ, thì những cái vỏ ấy rơi ra còn nhiều, cái nào cũng đen như thế cả, An Tiêm đoán rằng:

– Những cây này nó cũng về loài bầu bí hay loài dưa gì đó thôi, chỉ lạ có hột đen thì không biết quả nó ra kiểu gì, ta thử đi vùng ra cả chung quanh đây xem có còn không.

Hai vợ chồng lại đi ra khắp cả một khu gần đấy, thì thấy lác đác mỗi chỗ có năm ba cây, chỉ có chỗ xem trước tiên là nhiều hơn mà quang sạch hơn, hai vợ chồng lại trở lại, Nàng Ba nói:

– Sao không có cây lớn nào mà lại có giống cây con?

– Có lẽ thứ cây này có từng mùa, hết mùa thì cây chết, quả bỏ lại rồi cũng thối nát đi, còn ít hột dính xuống đất đến mùa lại nảy lên cứ tự sinh tự diệt như thế mãi, nhưng cũng là một thứ sản vật mới thấy ở đây, chứ ta không thấy bầu bí dưa nào đen hột như hột na *thế này bao giờ, ta hãy cứ nhặt cỏ và chăm chút cho nó để sau ra quả* xem sao. Cái lẽ tạo vật hữu chư trung tất hình chư ngoại [1], một cái kho tàng tráng lệ ở trong đất có nhiều đồ quí, một cái non sông gấm vóc khí hậu trong lành ở trong đất có nhiều nhân tài lỗi lạc, cho nên ta thấy cái bãi nho nhỏ giữa bể giữa trời này, mà cỏ cây hớn hở, cảnh trí phong quang khiến cho khách tầm phương [2] phải lưu luyến không dứt tình ra được, nay trong chỗ cây rừng cỏ nội này mà lại có cái cây giống như những cây ngon lành, mới nảy ra trông đã có cái vẻ kỳ tú bất phàm thế này thực cũng khả nghi, biết đâu đó không phải là cái sở ước của ta là đây rồi ư. Vả ta đã nói những thứ ăn dùng ở trong đời cũ là cổ nhân phải tìm nghiệm dần dần, còn từ nay về sau còn phải tìm nghiệm nữa, chứ như thế đã biết hết được cái kho vô tận của ông tạo đâu, ta ở đây là cái đời mới, cái gì cũng thiếu, cũng cần, mà cái gì cũng phải tìm ra mới có được, bây giờ thấy cái này khác con mắt, ta cứ trân trọng mà giữ lấy chẳng được quả mà ăn cũng được cảnh mà chơi có hại gì.

Hai vợ chồng cùng ngồi xuống nhổ cỏ, rồi vào miễu chặt cành đem ra rào chung quanh, lại đánh mấy cây con về trồng trước cửa nhà để trông nom cho tiện.

Từ hôm ấy trở đi, công việc trong nhà An Tiêm, trừ đi hái rau kiếm cá đủ bữa ăn rồi, thì lúc nào hai vợ chồng cũng lúi húi bên Lạc viên trồng trọt những cây con mới tìm được ấy, kẻ gươm, người dao,

---

1. *Tất hình chư ngoại*: tất lộ ra thành hình bên ngoài.

2. *Khách tầm phương:* khách tìm hương thơm, khách tri âm đồng điệu.

cắt cỏ xới đất, rồi bổ hốc, trồng ra mỗi hốc một cây con, mỗi cây cách nhau năm sáu thước. Đến khi đã đủ lá thành cây lớn xem đích là cây dưa, nhưng không biết là dưa gì, vợ chồng mừng lắm, càng chăm bẵm thêm, nắng quá thì chặt cành cây cắm mà che, mưa lắm thì khơi rãnh cho khỏi úng thủy, bữa ăn vội vã, đêm ngủ mơ màng, chỉ tơ tơ tưởng tưởng cho dưa chóng có quả, mà quả ra làm sao, thôi thì nâng giấc nom dòm từng li từng tí, hơn là mong con lớn, mong cho có lá, lá xanh tốt thì mới mừng. Lại mong cho có nụ, nụ nở hoa thì mới mừng, giữ từng cái lá cho khỏi muội, giữ từng cái hoa cho khỏi thui, nhưng An Tiêm không phải là tham nhiều, cũng có biết tỉa bớt hoa, cấm bớt ngọn cho quả to, không biết những cây dưa ấy kết quả ra sao, để đền cái công khó nhọc, cái ơn tri ngộ của hai ông bà An Tiêm ở nơi vắng vẻ này, mà dưa đã từng vinh khô bao đời không ai biết tới, nhưng vợ chồng An Tiêm cũng đã nhờ có những cây dưa ấy mà được cái thú tiêu khiển rất vui trong hai ba tháng trời. Đứng giữa vườn dưa mà trông lên tứ bề: núi đá lô xô, ngàn thông xào xạc, cây um tùm chẳng tiếng chim kêu hoa rập rờn vắng con bướm liệng, chung quanh vắng ngắt như tờ, non sông khuất nẻo càng ngơ ngẩn người. Thế mà đứng trước cửa vòm mà trông xuống vườn dưa: hàng kia luống nọ, đen biếc như mây, trước gió lá rung, lá như đón ta mà múa, quanh người hoa nở, hoa như mừng ta mà cười, gọi là mượn thú điền viên, chẳng ăn hoa lợi cũng yên ủi lòng. Đến khi hoa tàn quả kết, vợ chồng lại càng nắc nỏm, mong đêm mong ngày, mong cho chóng đến kỳ quả lớn đầy mà thử xem ruột gan dưa thế nào. Một ngày kia Nàng Ba vì dãi nắng ở ngoài ruộng quá, bốc hỏa lên thành bệnh dức đầu phải nghỉ, An Tiêm loanh quanh ở nhà mất hai ngày để tìm đồ chữa cho vợ mà chưa khỏi. An Tiêm phần thì nóng ruột về công việc ở bên đồng dưa, nửa buổi hôm sau bỗng nghe thấy tiếng quạ kêu ở bên Lạc viên nhiều lắm. An Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

– Xưa nay quạ kêu không ở mươu ban ngày bao giờ, sáng hôm nay nó kêu như vỡ tổ làm vậy, hiền thê hãy ở nhà với con. Tôi sang một tí xem sao rồi lại về ngay.

Nói rồi lội bãi đi sang, tới nơi thấy đàn quạ đỗ đen sì cả ở dưới vườn dưa. An Tiêm vội chạy vào thì quạ bay tản mác cả đi, chàng bèn đi lần lượt từng gốc dưa xem quạ xuống làm gì, thì thấy có mấy quả dưa to quạ đã mổ thủng ra mà sơi mất ruột rồi, chàng trông thấy cái ruột dưa đỏ tươi đồng đọc mừng lắm, vội chẩy lấy năm quả mà quạ

đã mổ thủng, ngồi ngay xuống chỗ bên luống dưa, hai tay nâng từng quả lên mà ngắm nghía, gang thử một quả xem chu vi chiều dài được độ hơn sáu gang, chiều ngang một nửa quả hơn hai gang, hình tròn da đen như quả trám. Chàng lấy gươm cắt ngang một quả ra làm đôi, thì có hai vành bốn sắc khác nhau, vành ngoài là vỏ xanh và cùi trắng trong như ngà, vành trong là ruột thì đỏ đặc như tiết vân lộn lên, hột thì đen lóng lánh hình như cái răng cô mĩ nhân nước Việt. Chàng nghĩ một mình rằng:

– Trước kia mà ta chưa đến đây thì cái giống dưa này chỉ để cung cho đàn quạ bể ở đây thôi, quạ nó đã thích ăn thì chắc cũng vô độc, ta thử nếm một tí xem sao.

Nói rồi cắt lấy một khoanh, gọt vỏ ngoài đi rồi cắt lấy một miếng ruột nếm một tí thấy ngọt, nuốt đi thấy mát cổ, bèn ăn cả miếng thấy khí vị thanh hương êm ái, ngẫm nghĩ một lát không thấy xôn xao ruột gan gì lại ăn hết cả khoanh thấy đang lúc trời oi khí nực mình bồ hôi tầm tã thấm cả ra ngoài áo bì, vừa mệt vừa khát mà bỗng mát ngay ruột, tỉnh ngay người ra, khoan khoái dễ chịu.

An Tiêm bất giác lấy làm thích lắm mà rằng:

– Ta định đem nhân lực mà tranh với cuộc thiên hoang ở đây, nay thượng đế lại đặc ân mà giúp cho thứ quý vật này thời cái công nghiệp của ta ở đây chóng thành tựu được.

Bấy giờ mới cắt bỏ chỗ quạ ăn đi mà ăn hết cả quả dưa ấy, ăn xong chàng tưởng như cái khí thanh hương thấm thía ra khắp cả người, không những các thứ dưa đã ăn qua trong nội địa không thứ nào ngon bằng, mà đến lê năm mùi của Tàu, nhãn lồng vải tiến của đất Việt là những thứ trân cam [1] có danh trong thiên hạ cũng không thấm vào đâu. Chàng bèn đặt tên là "Tây qua", là vì tìm được dưa ấy ở mé Tây vườn Lạc viên, lại gọi là "dưa đỏ" là vì ruột nó đỏ, xem xét kỹ rồi đứng lên cầm gươm đi vào trong mưỡu, vừa đi vừa có ý vui mừng, thích ý lắm, đến mưỡu cắt dây làm hai cái quai con, chặt một cái cây làm cái gậy, lại đi ném đuổi những con quạ bể còn đậu ở trên cây đi, rồi mới ra gánh dưa đưa về. Nàng Ba ở trong nhà đang dức đầu như bổ, miệng thì khô mà ráo, người thì nóng mà buồn bực, Mai Lâm ngồi bóp đầu cho mẹ nó ở nhà ngoài, nghe tiếng bố về đến đầu nhà, cười nói mừng rỡ, nó chạy ra đón,

1. *Trân cam*: quý giá ngon ngọt.

thấy bố quảy mỗi bên hai quả dưa to, nó cũng reo lên mà mừng. An Tiêm bèn đem dưa vào để bên bệ cho vợ con xem. Nàng Ba cũng ngồi nhỏm dậy, mẹ con mỗi người bê một quả dưa mà xem. An Tiêm hỏi:

– Hiền thê đã khỏi dức đầu chưa?

– Lại càng tăng bệnh lên.

– Đã có thuốc đây rồi, rồi đem cái sự quạ ăn dưa cùng những tính chất cam mĩ của dưa mà chàng đã thí nghiệm nói cho vợ nghe, tức thì bổ ra một quả cho vợ con ăn, chàng ăn một miếng trước, cho vợ con bắt chước. Nàng Ba thấy chồng ăn một cách rất ngon lành, cũng cầm lấy ăn và cho hai con ăn. Nàng ăn xong thì đầu thấy nhẹ đi, bao nhiêu bệnh bỗng đi đâu mất cả, nàng ngợi khen cái khí vị của giống dưa quý báu ấy mãi mà rằng:

– Nếu không có lang quân tiên kiến, thì suýt nữa ta phụ mất bao nhiêu hồng ân [1] của thượng đế.

Nàng lại thú thực với chồng rằng nàng đã thấy khác mình. An Tiêm mừng lắm nói rằng:

– Ta thêm được đất, ta thêm được giống dưa quý hóa này, nay mai ta lại thêm được người, thế là thượng đế lo liệu cho ta đủ cái kế tràng viễn [2] ở đây rồi.

Hôm sau An Tiêm lại sang cắt một gánh dưa về làm lễ trí cáo thượng đế, thần thánh và gia tiên [3], rồi từ hôm ấy trở đi, hôm nào cả nhà cũng sang vườn dưa từ sáng sớm đến tối mới về để coi quạ. Một buổi đang trưa, trời nắng như đốt, vợ chồng con cái bổ một quả dưa ăn, An Tiêm vừa ăn vừa đọc lên bài thơ để ký sự quả dưa đỏ rằng:

Gặp em ngoài cõi bể Đông,
Yêu em vì một tấm lòng thắm tươi.
Răng đen nhoẻn miệng em cười,
Dẫu trời nắng nực cũng nguôi cơn nồng.
Yêu em anh bế anh bồng,
Nước non ghi nghĩa tương phùng từ đây.

Nàng Ba nghe chồng đọc mấy câu thơ dưa mà tỉ dưa với một người mĩ nhân để ngụ cái cuộc nhân duyên gặp gỡ tình ái não nùng, nàng bất giác cũng đỏ mặt lên, hai người cùng cười phì cả dưa đương ăn ra. Nàng cũng thừa hứng mà đọc:

---

1. *Hồng ân*: ơn to lớn.
2. *Kế tràng viễn*: kế lâu dài về sau.
3. *Gia tiên*: tổ tiên trong gia đình.

Nhờ duyên cái phận em tròn,
Bõ công giữ phấn gìn son những ngày.
Tương phùng nghĩa cả là đây,
Nắng mưa che chở nước mây đèo bồng.
Chàng về chốn cũ non sông,
Thì chàng cho thiếp về cùng với nhe.

Hai người lại cười ồ lên. An Tiêm nói:

– Cho về lắm chứ!

Hai vợ chồng lại bàn đặt một tên nữa cho dưa là "Việt nga qua". An Tiêm nói:

– Cứ câu kết bài thơ của hiền thê thì thế nào rồi ta cũng kịp đem cô con gái má hồng răng đen ở Nam Hải này về nơi quê cha đất tổ, mà chính là câu thơ sấm của thần minh ứng khẩu ra.

Thấm thoát lá vàng dây héo, dưa chẩy về hết, vợ chồng chọn ra được mấy quả da mùi đạm lục [1], bày chỗ ngồi phơi mấy quả già để làm giống, còn thì cất cả vào trong hang để ăn dần. An Tiêm chọn ra mười quả, khấn nguyện thượng đế rồi cầm gai vạch mỗi quả hai bài thơ vào hai má, rồi đem thả ra bốn mặt bể, chung quanh đảo mà rằng:

– Của quý của tạo vật, không có lẽ trầm mai [2], năm năm, mười năm, đôi ba mươi năm cho đến mãi mãi, tất có ngày tao ngộ.

Vợ chồng lại bàn nhau đến mùa thu sau sẽ thả số dưa tăng lên để thông tin cho thiên hạ biết. Cuối năm ấy Nàng Ba sinh hạ được một thằng con trai nữa. An Tiêm đặt tên là Mai Hải. Đảo Nam Hải từ nay đã thêm một người nữa là năm người rồi. Cái cảnh gia đình của vợ chồng An Tiêm càng thêm vui vẻ, mà công việc càng thêm phấn chấn.

Quanh quẩn đã đến năm thứ tư, mùa dưa năm nay được nhiều hơn năm ngoái, là vì năm ngoái chưa biết là cây gì, còn trồng thử, năm nay mới vỡ cỏ trồng mà trồng nhiều hơn lên, mùa này An Tiêm lại chọn lấy hai chục quả, cũng khấn nguyện thượng đế để rồi viết thơ như mùa trước, rồi đem thả ra bể mà nói rằng:

– Của quý của tạo vật, không có lẽ trầm mai, năm năm, mười năm, đôi ba mươi năm cho đến mãi mãi, tất có ngày tao ngộ.

Văn hóa thư cục, Hà Nội, 1926.

---

1. *Đạm lục*: xanh nhạt.
2. *Trầm mai*: chìm đắm và chôn vùi.

CẬU BÉ NHÀ QUÊ

(Tiểu thuyết – Trích)

NGUYỄN LÂN [1]

Cậu bé nhà quê là tập tiểu thuyết đầu tay của Nguyễn Lân, viết năm ông 19 tuổi để giáo dục trẻ nhỏ (và cũng để cho người Pháp thời bấy giờ học tiếng Việt).

Nội dung truyện: Vện, sau đổi tên là Kim, con một gia đình nông dân, vì gặp gia biến, nhưng lại được ông nghè Nhân cưu mang. Vện trong học tập, cũng như sau này trong làm ăn đều luôn tỏ ra ngoan ngoãn, đứng đắn, có đạo đức. Vện lấy vợ, và vợ lại chính là cô Ngọc, bạn học, con gái ông nghè Nhân. Hai người sống với nhau rất có hạnh phúc.

Tập truyện này, khi in không chia thành chương, chúng tôi bỏ đoạn đầu, đoạn cuối, trích lấy đoạn giữa.

...

Cụ nghè Nhân vốn nhà thi lễ, theo Nho học từ lúc lên mười. Đến năm hai mươi ba đã đỗ Tiến sĩ. Nhưng cụ có ý khác đời, nhất định không ra làm quan để màng danh lợi, cụ chỉ lấy thú an nhàn làm tự lạc [2].

Cụ tự nghĩ: Người ta ở đời có cần gì quyền cao chức trọng, lắm bạc nhiều tiền, chẳng qua chỉ là những đám phù vân. Như ý cụ thì miễn sao túc thực túc y [3], lại thêm học lực uyên bác, kim cổ lầu thông ấy là đủ, vả lại bể hoạn [4] lắm sóng hiểm nghèo, bước chân vào khó lòng giữ được hoàn toàn chân giá [5].

---

1 . Nguyễn Lân, tự là Từ Ngọc, sinh năm 1906, quê ở Hải Hưng, vừa dạy học vừa viết văn. Cụ có nhiều công trình về tâm lý và về giáo dục (trong số đó có cuốn sách nổi tiếng *Muốn đúng chính tả*). Về truyện cụ có: *Cậu bé nhà quê*, tiểu thuyết (1925), *Khói hương*, tiểu thuyết (1935), *Ngược dòng*, tiểu thuyết (1936), *Hai ngả*, tiểu thuyết (1938). Cụ có viết một số truyện ngắn và tập *Những trang sử vẻ vang* (1944) một tập truyện ngắn lịch sử Việt Nam.

2. *Tự lạc*: tự mình vui với mình.

3. *Túc thực, túc y*: đủ ăn, đủ mặc.

4. *Bể hoạn:* bể mênh mông đầy những sóng gió hiểm nguy của người đi vào con đường làm quan.

5. *Chân giá*: giá trị chân chính của mình.

Cụ chỉ muốn vui thú điền viên, bạn cùng cây cỏ, để trước là duy trì lấy nền nho học ở chốn thôn quê, sau là treo gương đạo đức cho bọn đàn em biết đường bắt chước.

Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi, đầu tóc bạc phơ như cước, nhưng mặt mũi vẫn hồng hào khỏe mạnh. Cụ bà năm nay mới hơn năm mươi, nhưng chỉ phiền muộn vì hiếm đường tử tức [1] mà trông đã già bằng cụ ông. Hai cụ làm bạn với nhau trong hơn hai mươi năm giời không sinh đẻ gì cả, thôi thì cầu tự đền này, nằm mộng chùa kia, mà cũng không thấy kết quả gì. Mãi năm cụ bà ngoài bốn mươi, giời mới thí bỏ cho mụn con gái, nay cô đã lên mười.

Hai cụ muộn mằn, gái coi cũng như trai, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, đặt tên cho cô là Ngọc. Cô Ngọc càng lớn lên càng xinh đẹp. Da dẻ trắng trẻo, mặt mũi khôi ngô, lại thêm bộ tóc đen nhánh, cặp mắt tinh thần, ăn nói dịu dàng, nói năng phải phép.

Tuy hai cụ nuông chiều, nhưng cô không biết làm nũng, không hỗn, không vòi, gọi dạ bảo vâng, đi thưa về gửi, rõ ràng con nhà thi lễ, hai cụ lại bội phần thương yêu.

Cậu Vện từ hôm sang ở nhà cụ kể cũng khuây được nỗi sầu, nỗi khổ, một là có bạn nô đùa, hai là cụ Nghè coi như con đẻ. Nhưng cụ Nghè không muốn cho cậu nhơn nhởn chơi bời, nên ngay hôm sau cụ đã bắt học.

Ngày thường cụ vẫn cố dạy hơn ba chục trẻ trong làng, vì cụ bảo Hán tự bây giờ tuy không còn đắc dụng, nhưng rất có ích cho nền luân lý, rất cần thiết cho nền Quốc văn.

Cụ đóng sách cho cậu Vện rồi cho cùng học với cô Ngọc. Giá như đứa trẻ khác, chắc thấy học là kinh hồn, nhưng cậu Vện được cái yêu sự học lắm.

Và cậu lại được cùng cô Ngọc học một bài thì không còn sướng gì cho bằng, vì ngay hôm đầu hai cô cậu đã ra vẻ mến nhau như anh em ruột: không bao giờ muốn xa nhau, bao giờ cũng cùng một ý, việc gì người này làm người kia cho là phải, điều gì người kia bảo người này cũng nghe theo.

Cái tình non nớt thực thà của hai cô cậu làm cho hai cụ rất vui lòng.

---

1. *Tử tức*: con, dâu. *Hiếm đường tử tức:* đường con cái hiếm hoi.

Một hôm, ngoài đình vào đám, hai cụ cho phép cô cậu dắt nhau ra xem. Năm ấy vì phong đăng hòa cốc [1], nên đình đám to, đủ các trò vui như cờ người, đánh vật, chọi gà, leo đu...

Cô cậu đứng xem tế, xong ra xem cờ người rồi đến chỗ leo đu. Cậu Vện mải trông một người con giai đang rún đu cao tít, chợt cô Ngọc kéo tay mà bảo: "Cái gì đằng kia đông quá anh ạ, ta lại xem đi".

Liền dắt nhau lại, thành ra đám đánh vật: hai ông đô chụi lực lưỡng cởi trần trùng trục, quấn cái khố bao, đương ghì chặt lấy nhau. Lũ trẻ con reo ầm lên.

Cô Ngọc vừa ngó vào thấy thế, quay ngay mặt đi rồi kéo cậu Vện ra mà bảo rằng:

– Em ghét trò này lắm anh ạ. Ai lại người nhớn như thế mà chẳng quần áo gì, đem nhau ra chỗ đông người mà thi sức, trông thô tục quá.

Cậu Vện gật đầu cho là phải. Mấy ông cụ già đứng đấy chỉ trỏ hỏi con cái nhà ai, rồi tấm tắc khen ngợi.

Hai cô cậu lại dắt nhau đến sân trước đình cũng thấy người đương xúm đông xúm đỏ.

Cậu Vện nghếch mắt nhìn vào, thấy hai con gà sống cao nhớn, cổ đùi trơ thịt, đương hăng hái đá nhau, con thì rời mào, con thì sẻ cánh, mà vẫn cứ tìm miếng hiểm để chọi nhau. Cậu Vện quay lại bảo cô Ngọc:

– Gớm giống gà ngu quá. Cùng loài với nhau mà không biết thương nhau, còn tìm cách hại nhau.

Rồi hai người đi ra. Cô Ngọc sẽ bảo cậu Vện:

– Em cho những người xem trò này cũng chẳng ra gì anh ạ, thấy nó định giết lẫn nhau mà lấy làm sướng là cái nghĩa gì.

Cô cậu đã chán xem hội mới rủ nhau về.

Mới ra khỏi đình được mấy bước, chợt giời đổ một trận mưa bóng mây. Người đi xem chạy ầm ầm, như ong vỡ tổ. Cô Ngọc bảo: "Chết mưa to rồi anh ơi". Cậu Vện bước ngay xuống cầu bờ ao gần đấy, cúi mình, thò tay với một lá sen to, cô Ngọc sợ cậu ngã đứng trên nắm lấy áo.

Hái được rồi, bước lên, lấy cái lá làm cái nón đội chung, vừa đi vừa cười khúc khích. Đến nhà, đầu tóc không ướt một tí nào, ai nấy đều khen ngợi.

...

Nhà in Thanh niên, Hà Nội, 1933.

---

1. *Phong đăng hòa cốc*: được mùa, lúa má nhiều.

AI KHỐN NẠN?

(Truyện ngắn)

TỪ NGỌC [1]

Ông ấm Thê [2] ngồi xuống vệ đường, dưới bóng mát cây phượng, nhăn nhó bóp chân... Từ sáng sớm đến giờ, ông đi đã được hơn hai mươi cây số. Nhưng trời nắng gay gắt, những ánh nắng xuyên qua cái ô rách, chiếu xuống đầu ông, chiếu xuống lưng ông, làm cho mồ hôi chảy nhễ nhại và dán vào mình cái áo the vá năm bảy mảnh nhiều chỗ màu thâm đã đổi ra màu hung hung. Ông chưa từng đi bộ xa thế bao giờ nên đầu gối rức lắm mà hai ống chân thì mỏi như dần.

Giá ông có tiền, ông đã đi ô tô hàng rồi, chứ chẳng chịu đi bộ. Mà nếu có tiền thì cũng chẳng tội gì ông phải mò từ chợ Đường Cái ra Hà Nội, để tìm thằng cháu, con người anh, mà ông vẫn ghét cay ghét đắng.

Ông giận người cháu ông vì ông cho rằng anh ta làm ô danh gia đình ông.

Nhà ông nào có phải là một nhà tầm thường! Ông cha mấy đời làm tổng đốc, án sát, cả đến cụ thân sinh ra ông cũng còn làm tri phủ. Lúc nhỏ ông sống trong cảnh phú quý nên cũng chẳng thiết học hành. Học mà làm gì chứ! Sẵn cái gia tài kếch sù của ông cha để lại, ông cứ ngồi mà hưởng cũng đủ chán.

Khi ông Phủ thất lộc đi, ông ấm quả nhiên hưởng cả ruộng nương, tiền của. Ông có một người cháu gọi ông bằng chú ruột, bồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, nhưng ông cũng chẳng chia cho hắn một phần nào. Ông thường nói: "Cho nó để nó phá ấy à?".

Nhưng có ngờ đâu người phá cái gia tài ấy lại chính là ông. Ỷ vào gia thế ông thường hống hách trong dân làng và nạt nộ bọn cùng đinh để dễ hà lạm. Chịu chẳng nổi bọn đàn em rủ nhau kiện ông. Ông phải theo kiện nhưng khốn nỗi ông lại là người ngu dốt nên

---

1. Bút tự của Nguyễn Lân.

2. *Ấm:* con quan.

chỉ đem tiền ra giấy mà thua vẫn hoàn thua. Đã thế trong cảnh phong lưu, lại quen thói rượu chè, cờ bạc, nên chẳng mấy nỗi những đồng bạc hoa xòe của ông cha ký cóp để lại không cánh mà cứ bay dần. Tiền hết phải cầm nhà, cầm ruộng. Mà từ chỗ cầm đến chỗ bán cũng chỉ cách nhau có một bước ngắn. Trước còn bán ruộng, sau đến bán nhà, sau nữa bán đến nhà thờ và các đồ gia bảo [1]. Cơn túng mà đến, thì đôi lọ Giang Tây chỉ bán có dăm đồng, đôi câu đối khảm vài đồng cũng được, cái bát sứ quý giá có khi chỉ để lại được độ bảy tám hào. Miễn là có tiền chứ chẳng lẽ ngồi nhịn đói mà nhìn những của quý ấy ư?

Đến nay ông thực là xơ xác. Nhưng giấy rách phải giữ lấy lề, ông vẫn không chịu xuất thân đi làm những công việc nặng nhọc mà ông cho là hèn hạ, không xứng với địa vị con một ông phủ, cháu một ông thượng [2]. Chẳng thế mà có người dại dột rủ ông đi làm mỏ Tràng Đà bị ông mắng cho như tát nước vào mặt. Một người khác thực thà khuyên ông nên theo người mộ phu vào làm cai trong vùng đất đỏ Nam Kỳ, ông vênh mặt lên và quắc mắt nói:

– Thế còn mồ mả các cụ lớn nhà tôi, anh bảo để cho ai?

Nhưng không làm gì thì tất nhiên phải túng. Mà đã túng thì hay sinh gian: con gà bên hàng xóm có sang bới cái xó bếp ông còn giữ lại để ở, thì chỉ một nháy mắt đã bị nhốt ở lồng bu của ông rồi. Những bụi tre trong làng ít khi có cái măng nào mới mọc mà ông không biết đến. Kể ra nhiều lúc người ta cũng có chửi cạnh chửi khóe, người ta cũng có riếc móc rằng đời cha ăn mặn, đời con khát nước, nhưng ông ấm không chấp, người quân tử không thèm để ý đến cái vặt!

Dạo ấy là mùa thuế. Lão lý trưởng hàng ngày đến thúc ông ấm. Hắn lại nói:

– Khi xưa lúc sinh thời, ông Phủ thường treo tóc người nào không đóng thuế lên xà nhà, ngày nay hắn cũng sẽ phải bắt chước ông Phủ mới được!

Cực chẳng đã ông phải liều ra nhờ thằng Mẫn, cháu ông.

Mẫn, từ ngày trong nhà sa sút đã bỏ làng ra Hà Nội tìm việc. Trong mấy năm trời, ông ấm có thèm nhìn nhận gì cái thằng

1. *Gia bảo*: của quý trong gia đình.
2. *Ông thượng*: ông Tổng đốc, quan đầu tỉnh của Nam triều.

cháu bỏ đi nữa đâu. Nhưng gần đây, có người làng về nói Mẫn làm ăn cũng đủ tiêu, ông liền hỏi chỗ ở của cháu, định ra kiếm ít đồng về lấy thẻ...

Ngồi nghỉ ở gốc cây một ít lâu, lúc ông ấm đã hơi đỡ mệt nhưng vì từ sáng chưa ăn gì nên thấy đói như cào ruột. Ông lại phải cố đứng dậy đi. Qua phố Gia Lâm rồi qua sông Cái, đến gậm cầu, vừa mệt vừa đói, ông ấm lả cả người. Ông phải ngồi rũ trên một tảng đá. Bỗng có tiếng gọi:

– Kìa chú ấm, chú ra đây làm gì thế?

Ông ấm ngửng mặt lên, thấy một người phu xe mặc bộ quần áo màu chàm đương vịn tay xe đon đả hỏi han. Ông nhận ngay ra là Mẫn.

– Thằng Mẫn đấy phải không?

– Vâng, cháu đây! Thế chú ra đây làm gì thế ạ?

– Tao ra xem mày làm nghề ngỗng gì? Tao cứ tưởng mày ra Hà Nội để mày làm vương tướng gì kia chứ có ngờ đâu mày làm cái nghề khốn nạn này!

Rồi ông thở dài, chép miệng nói thêm:

– Thực là làm nhơ nhuốc cả họ hàng, nhục nhã cả ông cha!

Mẫn như cảm động, đặt càng xe xuống, rồi nói như van lơn:

– Chú tha cho, vì con không biết làm nghề gì nữa con mới phải đi kéo xe. "Mấy lại" con thiết nghĩ nghề nào chẳng là nghề, miễn là con không đi ăn cắp ăn trộm của người ta.

Thấy ông ấm lặng thinh, Mẫn nói tiếp:

– Trông chú có vẻ mệt lắm, mời chú ngồi lên xe con kéo về nhà con.

Ông ấm lẳng lặng bước lên xe, đặt mình trên cái nệm trắng tinh. Mẫn gò lưng chạy một mạch về phía Yên Phụ.

– Mời chú xuống. Nhà con ở bãi bên kia đê.

Gửi xe một bà lão quen ngồi bán dưa đỏ, Mẫn đưa chú qua con đường đất, vào một đám nhà ẩm thấp, tối tăm.

– Nhà con ở chỗ kia. Tuy chật hẹp, nhưng mà là nhà của con cất lấy, chỉ thuê đất thôi.

Ông ấm chẳng nói chẳng rằng, chỉ việc bước thấp bước cao theo Mẫn.

Vợ Mẫn đương ẵm con cho bú, thấy chồng về tỏ vẻ vui mừng.

– Hôm nay bố đĩ về sớm thế? Tôi bán xong nồi cháo và rá xôi, phải vội vàng về cho con bú.

– Ấy chú ấm ra chơi, tôi mời chú về đây.

Rồi Mẫn quay lại giới thiệu với ông ấm:

– Thưa chú đây là con mẹ đĩ nhà con.

Vợ Mẫn tuy lần đầu gặp ông ấm nhưng cũng nhanh nhảu đặt con xuống chõng rồi đứng dậy chắp tay vái:

– Lạy chú ạ.

– Thưa chú con lấy nhà con đã ba năm, mới được một cháu gái đấy. Được cái mẹ đĩ nó cũng chịu thương chịu khó, nên vợ chồng con cũng đủ ăn.

Mẫn giục vợ làm cơm cho ông ấm xơi. Hai vợ chồng thì thầm với nhau, chị Mẫn chạy quàng ra chợ xép gần đấy, rồi về làm cơm. Nửa giờ sau chị đã bưng ra một cái mâm gỗ trên có một đĩa giá xào, một đĩa đậu rán và một đĩa thịt luộc bày xung quanh một chén nước mắm, lại kèm một cút rượu ty.

– Mời chú xơi rượu, vợ chồng con đã có phép trước rồi ạ.

Bữa ấy ông ấm ăn uống ngon lành lắm. Khi ăn đã gần sạch ba đĩa đồ ăn, ông mới dõng dạc hỏi Mẫn:

– Anh định bao giờ quay về làng?

– Thưa chú, về làm gì ạ?

– Về làm gì? Thế anh định cứ giữ mãi cái nghề khốn nạn ấy ư? Anh không nghĩ gì đến gia phong ư?

– Thưa chú về quê mà không có một tấc đất thì chúng con đến chết đói. Chẳng thà ở ngoài này, chồng đi kéo xe, vợ đi bán cháo mà lại có cái nuôi nhau.

– Ấy tôi cứ nghĩ đến cái phong thể nhà ta, nên mới khuyên anh. Còn anh không nghe cũng mặc.

Ông ấm ngồi nghỉ một lúc rồi nói tiếp:

– Về phần tôi thì tôi phải giữ thể thống, tôi không thể bỏ làng mạc, bỏ tổ tiên được. Vì thế tôi mới ra nói với anh... cấp cho chú vài đồng bạc thuế kẻo lý trưởng nó ỷ eo nói đến ông cha mình bất tiện.

Mẫn thở dài, thưa:

– Chúng con làm lụng thế này "vặt mũi cũng chỉ đủ đút

miệng" nhưng chú đã bảo thì cũng phải vâng lời.

Anh quay sang hỏi vợ:

– Mẹ đĩ nhỉ, cái ống tiền để dành cho con được độ bao nhiêu rồi?

– Mỗi ngày, bố nó bỏ một xu, tôi bỏ một xu, bắt đầu từ tháng giêng, bây giờ được sáu tháng rồi, bố nó thử tính xem được bao nhiêu.

– Thế thì mỗi tháng sáu hào, sáu tháng là đi ba đồng sáu. Thôi mình đem chẻ ra để biếu chú về đóng sưu.

Nét mặt rầu rầu, chị Mẫn lấy ống tiền ra chẻ. Những đồng xu tung tóe ra như nhắc lại cho chị những giọt mồ hôi hai vợ chồng chị đã phải đổ ra đầm đìa, mới dành dụm được số tiền ấy.

Anh Mẫn lấy sợi lạt xâu lại thành một chuỗi dài rồi đưa cho ông chú. Ông ấm sung sướng giắt chuỗi tiền vào thắt lưng rồi cầm ô đi ra. Đến khỏi cửa ông còn quay lại nói với Mẫn:

– Chạy xe hôm nay có thừa, đưa cho chú ba hào về ôtô chú đi bộ mỏi lắm.

Mẫn nghĩ thầm: "Thế mà cứ bảo nghề kéo xe là khốn nạn".

Phổ thông bán nguyệt san, tháng 2–1938.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 20

Trang

PHẦN I

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN II

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung
TẬP 20

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN ĐỨC DIỆU
Biên tập :
BAN BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
Biên tập kỹ thuật :
NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG
Sửa bản in :
NGUYỄN ĐỨC BÌNH - PHẠM VĂN TÌNH
Trình bày bìa :
ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

